ALEXANĐRÔ MANZÔNI

NHỮNG KẺ ĐÍNH HÔN

DUY LẬP dịch

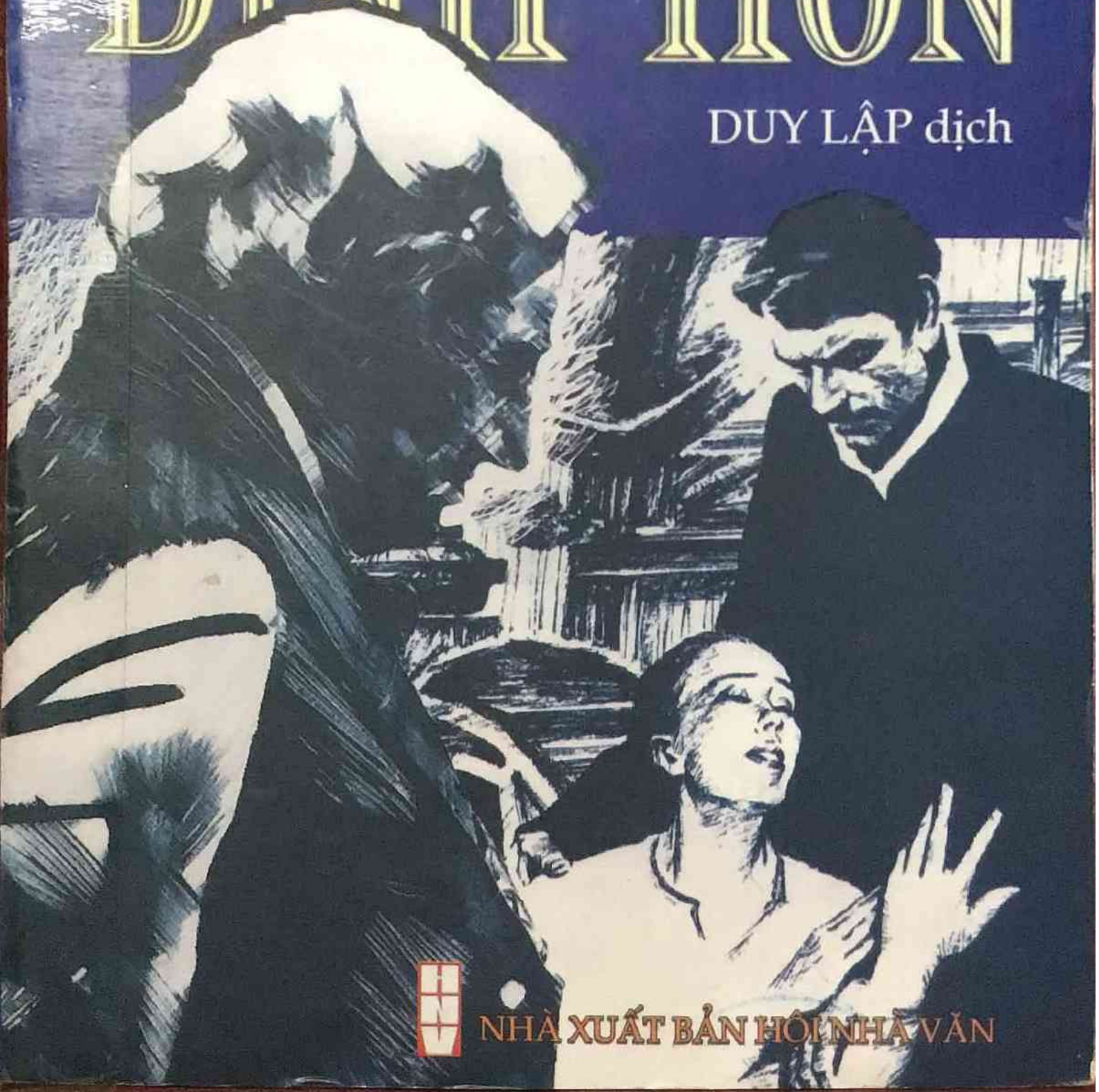

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

NHỮNG KẺ ĐÍNH HÔN

Alexandrô Manzôni

(ITALIA)

NHỮNG KẺ ĐÍNH HÔN

NGUYỄN DUY LẬP *dịch và giới thiệu*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

LỜI GIỚI THIỆU

Alexandrô Manzôni (Alesssandro Manzoni) (1785 - 1873) là nhà văn Ý lớn nhất thế kỷ XIX, và trong nền văn học Ý nói chung, thường được xem là nhà văn Ý lớn nhất sau Đăngtơ. Cuộc đời Manzôni nằm trong thời kỳ đấu tranh sôi nổi của nhân dân Ý để lật đổ ách thống trị của đế quốc Áo, giành độc lập và thống nhất đất nước, mà lịch sử gọi là thời kỳ *Rixoocgimento*[1].

Manzôni sinh năm 1785 ở Milăng, thủ phủ xứ Lômbacđi ở Bắc Ý, trong một gia đình quý tộc, con một bá tước. Mẹ Manzôni Giulia Bêcaria, là một phụ nữ thông minh, hiểu biết hơn người chồng bảo thủ. Khi Manzôni bảy tuổi thì bố mẹ ly dị. Manzôri ở lại với bố, vào trường trung học. Nhưng Manzôni sớm chịu ảnh hưởng của tư tưởng các nhà Ánh sáng ở Milăng, trong đó có ông ngoại của Manzôni, nhà luật gia nổi tiếng Xêdare Bêcaria[1]. Cuốn sách "Khảo luận về những tội phạm và hình phạt" (1764) của Bêcaria chống sự độc đoán của tòa án giáo hội, đòi quyền bình đẳng cho mọi công dân trước pháp luật, là một tác phẩm nổi tiếng ở Châu Âu. Từ chối không nhận tước vị bá tước được

---

[1] *Risorgimento* (gốc của từ Pháp *Resurgir* nghĩa là lại nảy lên, phục hồi) là thời kỳ đấu tranh nhiều năm để thành lập Nhà nước dân tộc Ý độc lập, thống nhất trong những thập kỷ từ cuối thế kỷ XVIII đến những năm 70 thế kỷ XIX.

[1] *César de Beccaria* (1738 - 1794): nhà triết học và luật học Ý, sinh ở Milăng, tác giả cuốn sách nổi tiếng "Khảo luận về những tội phạm và hình phạt" mà những nguyên lý trong đó đã góp phần đổi mới luật hình sự.

thừa hưởng của cha, để đoạn tuyệt với môi trường quý tộc, trong nhiều năm Manzôni ký biệt hiệu "Manzôni - Bêcaria", để nói lên sự gần gũi của mình với ông ngoại không chỉ về dòng họ, mà chủ yếu về tư tưởng.

Trong làn sóng đấu tranh của các nhà Ánh sáng, và hào hứng với chiến thắng của Napôlêông Bônapactơ đánh bại quân đội Áo đáng căm ghét, Manzôni viết tác phẩm đầu tiên, bản trường ca *Thắng lợi của tự do* (1801) tràn đầy cảm hứng tư tưởng của Cộng hòa và chống giáo hội, do chịu ảnh hưởng của Cách mạng Pháp 1789 - 1793. Bản trường ca sử dụng những hình tượng ước lệ: Tự do và các đồng minh của Tự do như Hòa bình, Công lý, Lòng yêu nước, Chiến tranh (chiến tranh giải phóng dân tộc) đã chiến thắng "Con đại bàng hung ác" (biểu hiện của nền quân chủ Áo) đuổi nó ra khỏi biên giới nước Ý, làm run sợ những tên bạo chúa và cùng với chúng cả Hồng y giáo chủ Ruphô, kẻ tổ chức những toán quân phản cách mạng đã dìm nền cộng hòa Naplơ trẻ tuổi trong bể máu, mà nhà thơ gọi là "Con quỷ bận áo choàng đỏ". Năm 1806, nhân ngày giỗ đầu Caclô Imbônati, con người mà Manzôni rất khâm phục và xem như bố nuôi của mình, Manzôni viết bài tụng ca *Cái chết của Caclô Imbônati*, trong đó ông tuyên bố một câu nổi tiếng: "Đừng bao giờ phản bội sự thật thần thánh".

Năm 1810, Manzôni trở về Milăng, sống giữa phong trào giải phóng dân tộc trong nước, và ở đây đến 1827. Đây là giai đoạn sáng tác phong phú, sung sức với hầu hết những tác phẩm giá trị nhất, những bài thơ yêu nước, những vở bi kịch lịch sử, và tiểu thuyết *Những kẻ đính hôn*. Từ năm 1827 trở đi, hầu như Manzôni chỉ viết sách lý luận và khảo cứu về văn học, ngôn ngữ: *Về tiểu thuyết lịch sử* (1845), *Chủ nghĩa lãng mạn Ý* (1846), *Về sự thống nhất ngôn ngữ và các phương tiện để phổ cập nó* (1868)...

Để có thể phản ánh rộng rãi cuộc sống của nhân dân, Manzôni hướng về thể loại tiểu thuyết lịch sử. Năm 1821 ông bắt tay vào viết *Những kẻ đính hôn* và hoàn thành nó trong hai năm. Những năm 1825 - 1827 cuốn tiểu thuyết ra đời, xuất bản lần thứ nhất. Sau đó ông vẫn tiếp tục suy nghĩ về cuốn tiểu thuyết. Manzôni gia công sửa

lại cuốn tiểu thuyết *Những kẻ đính hôn* xuất bản lần thứ hai (1840 - 1842), về tư tưởng có sự phê phán sắc sảo và mạnh mẽ hơn trước nhiều, và riêng về ngôn ngữ thì nó đã trở thành mẫu mực của ngôn ngữ văn học Ý. Nhắc lại quá trình lao động nghệ thuật của Manzôni về tác phẩm này, Ácmăng Mônggiô viết: "Hai mươi năm từ trang bản thảo đầu tiên cuốn tiểu thuyết của Manzôni (24/4/1321) đến lần ấn hành cuối cùng (Milăng 1840 - 1842). Hai mươi năm trời khảo chứng và tìm tòi, phác thảo, sửa chữa, ba lần viết lại liên tiếp, những năm tháng gọt rũa văn phong, xem xét lại tỉ mỉ về ngôn ngữ: Cũng như *Hài kịch thần tiên, Những kẻ đính hôn* là sự nghiệp một đời người. Xa cách công trình thi ca của Đăngtơ năm thế kỷ, một công trình đánh dấu sự kết thúc thời Trung cổ, tóm tắt một nền văn minh, sáng tạo ra ngôn ngữ Ý, kiệt tác của Manzôni đánh dấu một giai đoạn cũng quan trọng như thế của văn học Ý hiện đại. Cũng là một thiên tài, nhà tiểu thuyết thế kỷ XIX đem lại cùng một lúc một "tổng số" những truyền thống dân tộc, cố định ngôn ngữ cho một thế kỷ, đổi mới sâu sắc sự cảm thụ văn học, đặt nền móng cho tiểu thuyết hiện đại"[1].

Những kẻ đính hôn là một tiểu thuyết lịch sử tái hiện gần như toàn cảnh cuộc sống vùng Lômbacđi vào nửa đầu thế kỷ XVII. Một cuốn tiểu thuyết lịch sử mà nhân vật chính lại không phải như những tiểu thuyết lịch sử thông thường thời ấy, là những ông hoàng bà chúa hoặc những nhân vật danh tiếng lẫy lừng, mà là đôi thanh niên nam nữ nông dân ở một làng nhỏ vùng Lômbacđi. Đó là một cách tân lớn trong phong cách tiểu thuyết lịch sử của Manzôni, đồng thời đó là tính nhân dân, tính hiện thực sâu sắc của tác phẩm.

Trong cuốn tiểu thuyết lịch sử này, Manzôni miêu tả một thời đại trước ông hai thế kỷ, nhưng thời kỳ lịch sử ấy cũng đặt ra những vấn đề nóng bỏng của thời đại ông đang sống. Nếu nước Ý thời Manzôni sục sôi cuộc đấu tranh giành độc lập chống lại nền thống trị Áo, thì nước Ý thế

---

[1] Trích lời giới thiệu của Armand Morrjo. *Les Fiuncés, Les* Editeurs Francais Réunis Pari 1967, tr. 9.

kỷ XVII trong tiểu thuyết này nằm dưới ách thống trị Tây Ban Nhà, ách thống trị ấy đã có từ thế kỷ XVI. Thời gian câu chuyện được xác định cụ thể trong lịch sử: từ ngày 7 tháng 11 năm 1628 đến mùa thu năm 1630. Manzôni đã chọn một thời điểm lịch sử hết sức tiểu biểu và tập trung đầy mâu thuẫn: Chế độ phong kiến hà khắc cùng ách đô hộ ngoại bang đè nặng lên cuộc sống nhân dân; một nạn đói; một cuộc bạo động quần chúng ngay giữa thành phố Milăng; một cuộc chiến tranh ba năm (1628 - 1631) do sự tranh giành lãnh địa Măngtu giữa các tập đoàn phong kiến Tây Ban Nha, Pháp, Áo biến miền Lômbacđi thành bãi chiến trường; và từ đó một nạn dịch hạch khủng khiếp trong lịch sử làm chết dần thành phố Milăng từ 25 vạn người còn 6 vạn. Tất cả những sự kiện ấy trong một thời điểm lịch sử vài ba năm nêu bật tính chất gay gắt của mâu thuẫn giữa nhân dân với bọn thống trị trong và ngoài nước. Bằng tất cả tiến trình các sự kiện tác phẩm cho thấy yêu cầu cấp bách phải giành độc lập và thống nhất đất nước, và do đó nó kích động những tình cảm yêu nước của nhân dân Ý. Nhà văn và nhà sử học Trêdare trong một bài viết năm 1832 vạch ra ý nghĩa yêu nước của tiểu thuyết *Những kẻ đính hôn* liền bị nhà cầm quyền Áo bỏ ngục.

Trong cuốn tiểu thuyết sử thi này ta có thể thấy rõ ràng hai bình diện, hoặc hai tuyến tự sự cơ bản: bình diện lịch sử, như trên đã nói; và bình diện những số phận cá nhân, chủ yếu nói về cuộc đời đôi thanh niên nam nữ thường dân đã đính hôn với nhau sắp đến ngày cưới thì bị một lãnh chúa hãm hại phải ly tán mỗi người một phương trải qua bao gian khổ cuối cùng mới được đoàn tụ. Hai bình diện gắn bó chặt chẽ với nhau, và bình diện lịch sử không chỉ là bối cảnh mà thâm nhập hẳn vào các số phận nhân vật, tác động vào diễn biến các số phận, vào diễn biến cốt truyện.

Tác phẩm hoàn toàn xứng đáng và cần được xem là một tiểu thuyết lịch sử, tuy tác giả đã hư cấu câu chuyện cuộc đời chìm nổi của đôi thanh niên nam nữ.

Cuộc tình duyên trắc trở này cũng không phải có tính chất cá nhân và ngẫu nhiên, mà mang ý nghĩa xã hội sâu sắc. Bởi vì những

trở lực phá hoại hạnh phúc của "Những kẻ đính hôn" chính là nằm trong bản chất, trong quy luật của xã hội nước Ý thế kỷ XVII. Đôn Rôđrigô là điển hình một tên lãnh chúa đầy quyền thế, sa đọa, độc đoán đến mức trắng trợn, vô sỉ. Hắn đeo đuổi Luxia và không từ thủ đoạn nào để chiếm đoạt nàng bằng được; đe dọa linh mục không cho làm lễ cưới, cho tay sai phá nhà, cướp người v.v... Những tên tay sai lưu manh này được các lãnh chúa nuôi trong nhà đã gây bao tai họa cho dân chúng mà không hề bị trừng phạt. Bởi vì, mặc dầu trước những tiếng kêu ca của dân chúng, bọn cầm quyền Tây Ban Nha đã phải ban ra hết pháp lệnh này đến pháp lệnh khác để trừng trị bọn chúng, nhưng khi chúng chạy vào các tu viện hoặc dinh cơ một lãnh chúa thì cảnh sát không có quyền truy nã. Giới cầm quyền Tây Ban Nha dựa vào các lãnh chúa địa phương để thống trị nhân dân tất nhiên dung túng những lãnh chúa ấy. Còn các quan chức, các luật gia đại diện cho "công lý" thì sao? Ông thị trưởng hạt Leccô, cái người đáng lẽ phải xét xử vụ phạm pháp của Đôn Rôđrigô lại tiệc tùng chè chén trong lâu đài của hắn. Nhà luật gia được nhân dân tặng biệt hiệu là "Adecca Gacbugli" (nghĩa là "kẻ gây rối") chuyên đi cãi cho những tên phạm pháp để xóa bỏ tội cho chúng. Khi Rendô mới tới, ông ta biểu lộ tất cả sự ân cần săn đón. Nhưng khi biết Rendô chính là nạn nhân của tên lãnh chúa cường bạo Đôn Rôđrigô hắn trở mặt tống ngay anh ra khỏi cửa. Sau này khi ta gặp lại hắn với tất cả thái độ xun xoe nịnh nọt trong bữa tiệc ở lâu đài Đôn Rôđrigô, thì cái mặt nạ giả dối của người đại diện "công lý" quả đã bị lột trần. Những quan chức cao cấp Tây Ban Nha hoặc Ý nắm vận mệnh quốc gia, như viên thống đốc Milăng Gôndalô Phecnande đơ Coocđôva, Đại pháp quan Fere, ngài bá tước già ủy viên Hội đồng Cơ mật bác của Đôn Rôđrigô, chỉ lo trước hết cho chức vị và hư danh của mình. Khi nạn dịch hạnh đã đe dọa nghiêm trọng và người ta phải cử người đến tận hành dinh trận mạc báo cáo, thì tướng công thống đốc Milăng vẫn chẳng hề lo nghĩ đến số phận nhân dân, chỉ dồn hết tâm sức cho cuộc chiến tranh phi nghĩa, vì "vinh quang của chiến thắng cần hơn"!

Đồng lõa với những kẻ áp bức còn có cả linh mục Đôn Apbôndiô. Manzôni vạch rõ tâm hồn nghèo nàn, tư tưởng ích kỷ cơ hội của Đôn Apbôndiô đã thành một triết học một chính sách, một đường lối "thích nghi" đứng trung lập trong mọi xung đột, và nếu bắt buộc phải quyết định thì bao giờ cũng đi với kẻ mạnh hơn. Cái ghê tởm ở con người này là chỉ lo bảo vệ cho mình đến mức sẵn sàng chà đạp lên chức nghiệp thiêng liêng, bỏ mặc số phận của chính những người mà ông ta có nhiệm vụ chăn dắt.

Sự lên án Manzôni đối với giai cấp quý tộc và chế độ phong kiến thối nát còn thể hiện rất rõ ở hình tượng Giectơruyt, con gái một nhà đại quý tộc. Manzôni miêu tả, với những nét tâm lý thật tinh vi và sâu sắc, quá trình phức tạp của một cô gái ham lạc thú trần thế bị ông bố quý tộc tàn nhẫn, giả dối, vì hư danh dòng họ muốn giữ toàn bộ gia sản cho người con cả nối nghiệp đã hướng cô và mọi người con khác vào cuộc đời tu sĩ. Cô càng giãy giụa muốn thoát ra thì lại càng bị kẹp chặt hơn. Mặt khác, Giectơruyt vừa cố chống lại môi trường quý tộc vừa là con đẻ của môi trường ấy, vừa là nạn nhân vừa là tội nhân. Nhiễm những thói kiêu ngạo, ích kỷ của giai cấp mình, Giectơruyt khi cần cũng sẵn sàng tàn nhẫn và đã giao Luxia vào tay bọn lang sói.

Đối lập với những đại biểu ấy của giai cấp quý tộc và chính quyền phong kiến thối nát, Manzôni nêu bật phẩm chất cao quý, trong sáng của những người lao động, những người dân thường bị áp bức. Rendô là điển hình bản chất của người lao động hiền lành, chất phác, mà vẫn sẵn tinh thần phản kháng chống áp bức, bất công. Một thợ kéo sợi lành nghề, và cũng làm cả nghề nông trên mảnh vườn nhỏ bé của mình, quen lao động đến mức "ngồi không còn mệt hơn làm việc". Một chàng trai yêu say đắm và chung thủy, qua bao khó khăn trắc trở vẫn bền lòng bảo vệ mối tình chân chính của mình. Một tính cách ngay thẳng, trung hậu, sôi nổi, ghê tởm việc giết người nhưng không sợ cường quyền, nhiều lần sôi sục căm thù muốn tự mình trừng trị ngay tên lãnh chúa Đôn Rôđrigô. Thật ra Rendô chẳng có ý thức chính trị gì, ở anh chỉ có lòng căm thù và lẽ phải tự

nhiên của những người bị áp bức chống lại kẻ áp bức. Trong khi dành tất cả cảm tình cho Rendô, nhà văn vẫn có chút châm biếm nhẹ nhàng sự thất học, sự cả tin, ngây thơ về chính trị của anh, và những "bài học" khá thiển cận khi anh tổng kết cuộc đời mình.

Nhìn chung khi viết tác phẩm này, trong những nguyên tắc điển hình hóa tính cách, trong sự miêu tả cuộc sống. Manzôni về cơ bản đã là một nhà văn theo chủ nghĩa hiện thực. Ông đặc biệt chú ý phương pháp lịch sử và phương pháp tâm lý. Sự phát triển những biến cố, những tình tiết, những tính cách được quy định chủ yếu bởi những quan hệ xã hội đã hình thành trong một thời kỳ lịch sử nhất định. Nhà văn có tinh thần phân tích cao, luôn luôn quan tâm tìm tòi những nguyên nhân lịch sử, xã hội cũng như nguyên nhân tâm lý quy định sự phát triển tính cách và hành vi các nhân vật. Do đó mà cuốn tiểu thuyết đồ sộ, trong khi đi vào những số phận cá nhân, đã phản ánh cả một thời đại và một xã hội, với các giai cấp, các lớp người khác nhau và những vấn đề bức thiết đặt ra trong đó.

Thông thường khi đưa ra một nhân vật khá quan trọng nào tham gia hành động tiểu thuyết, nhà văn thường để nhiều trang kể lại tiểu sử cuộc đời nhân vật, phân tích tính cách nhân vật trên nhiều bình diện, nhiều sự kiện khác nhau trong quá khứ và hiện tại. Chẳng hạn câu chuyện về cuộc đời Giectơruyt từ gia đình vào tu viện gần như thành một truyện riêng, có vẻ tách xa tuyến cốt truyện cơ bản. Nhưng chính những trang "tung hoành" như thế cùng với những bức tranh sử thi về cuộc sống nhân dân, đã cung cấp cho ta không ít những hiểu biết thú vị về cuộc sống xã hội, phong tục, tâm lý con người thời ấy và mở rộng dung lượng cuốn tiểu thuyết lên nhiều. Và sự "tạt ngang tạt ngửa" này chính là một đặc trưng của tư duy tiểu thuyết hiện đại, vì tiểu thuyết là một loại hình luôn luôn mở ra để bắt lấy dòng đời đang cuồn cuộn chảy, đang vận động, đan hình thành. Mặt khác, nó chủ yếu đẻ ra từ yêu cầu lý giải tính các trong những quan hệ lịch sử - xã hội, để hiểu tính cách trong tất cả quá trình hình thành với bề sâu, bề rộng của nó. Ở đây Manzôni đa

có đóng góp lớn vào sự cách tân thể loại tiểu thuyết, và "đặt nền móng cho tiểu thuyết hiện đại" ở nước Ý, như Acmăng Môngiô nói.

Một phương diện cách tân mới nữa của Manzôni là ngôn ngữ tiểu thuyết. Văn Manzôni đa dạng và giàu sức biểu hiện, nhiều màu sắc và hình ảnh, phong phú về từ vựng, linh hoạt về ngữ điệu, có cả phong cách biên niên sử, phong cách tư liệu, cả sự châm biếm hài hước, rất tự nhiên khi đối thoại, và rõ ràng chính xác như một nhà giải phẫu khi phân tích tâm lý. Đó là thứ ngôn ngữ tinh luyện mà đầy sức sống, khắc họa sự vật hiển hiện như một hình khắc nổi, với những chi tiết sắc cạnh nổi bật lên. Phối hợp cách miêu tả bao quát và cận cảnh, trong một cảnh tượng chung Manzôni biết nhìn thấy những hình ảnh cá biệt, những chi tiết độc đáo làm cảnh tượng sống động lên, khắc sâu ấn tượng trong lòng người đọc: "Một bàn tay từ bi vừa mới đưa tới gần bàn tay một người khốn khổ thì lập tức khắp chung quanh xảy ra một cuộc tranh chấp giữa những người khốn khổ khác; những kẻ còn có sức hơn cả tiến lên để van xin khẩn thiết hơn, trong khi những người kiệt sức nhất, ông bà già và trẻ em, chìa những bàn tay xương xẩu ra, và những bà mẹ giơ lên cho thấy từ xa những đứa con đang khóc, bọc qua quýt trong những cái tã rách nát và xỉu đi vì kiệt sức trong bàn tay mẹ". Manzôni đã đưa từ vựng hội thoại hàng ngày vào ngôn ngữ văn học, sử dụng nhiều cách diễn đạt của nhân dân, ngay cả khi miêu tả một nhân vật quý tộc: Đôn Gônzalô "ngẩng mặt lên và lúc lắc đầu, như một con tằm tìm lá". Với thành tựu xuất sắc của ngôn ngữ trong *Những kẻ đính hôn* Manzôni đã trở thành nhà sáng lập văn xuôi Ý hiện đại. Trong văn học Ý, *Những kẻ đính hôn* có một vị trí tương tự như Truyện Kiều trong văn học Việt Nam. Mặc dầu những hạn chế, chủ yếu về tư tưởng tôn giáo, *Những kẻ đính hôn* vẫn là một đỉnh cao chói lọi của văn học Ý. Uôntơ Xcôt, Gơt, Puskin, những người sáng lập và lãnh đạo Đảng Cộng sản Ý Gramxi, Tôgliati đều đánh giá rất cao tác phẩm này. *Những kẻ đính hôn* không mất sức âm vang trong lòng bạn đọc ngày nay khi thế giới vẫn còn những sự cường bạo, bất công, và tai họa chiến tranh.

DUY LẬP

Chương một

Nhánh hồ Côm vươn về phía nam giữa hai rặng núi trùng điệp chỉ là một dải vịnh lớn vịnh nhỏ uốn theo sườn núi nhấp nhô. Bỗng nhiên nó thắt lại, mang hình dáng một con sông chảy giữa một mũi đất cao bên phải và một bờ sông rộng phía bên kia. Chiếc cầu nối liền hai bờ ở nơi này dường như càng làm cho sự biến đổi ấy được thấy rõ và đánh dấu nơi tận cùng hồ và lại bắt đầu sông Ađa; nhưng con sông được gọi là hồ khi hai bờ của nói lại tách ra để dòng nước trải rộng và chập lại thành những vịnh mới và vũng mới. Dải bờ, tạo nên bởi đất bồi của ba dòng thác lớn, tựa vào sườn dốc của hai quả núi kề nhau, một quả tên là Xanh Mactanh, quả kia gọi bằng một tên Lômbacđi, *Rêxêgôn*[1] do nó có nhiều đỉnh liên tiếp thẳng hàng khiến nói giống như một cái cưa thật, đến nỗi chỉ cần lần đầu nhìn nó trước mặt, chẳng hạn từ trên đỉnh tường thành bắc Milăng, là đã có thể, nhờ hình dáng đặc sắc của nó, nhận ra nó ngay trong cả dãy trùng điệp những ngọn núi khác ít được biết đến hơn và có hình dáng thường hơn.

Trên một đoạn khá dài, bờ sông cao dần thành đường dốc

---

[1] Cái cưa lớn.

thoai thoải và dốc mãi, rồi cắt ra thành những quả đồi, những thung lũng nhỏ, những vách dựng đứng và những bãi phẳng tùy theo cấu trúc của hai quả núi và sự xói mòn của đất nước. Ven bờ sông, nơi những dòng thác đổ ra, hầu như chỉ là đá sỏi và đá cuội, nơi khác là những cánh đồng và những ruộng nho với những nhà cửa, thị trấn, xóm làng rải rác, và đây đó, những cánh rừng trải dài đến tận núi cao.

Thị trấn Leccô, quan trọng nhất trong các thị trấn ấy khiến cả vùng được gọi bằng tên nó, ở không xa cầu, ngay bên bờ hồ, và thậm chí vào kỳ nước lớn có khi một phần của nó bị ngập trong hồ. Hiện nay đó là một làng lớn chẳng mấy chốc có thể thành một đô thị. Vào thời xảy ra những sự kiện mà chúng tôi sắp kể lại đây, thị trấn này, đã khá quan trọng, còn là một địa điểm có thành lũy bảo vệ. Với tư cách ấy, nó có vinh dự được làm nơi ở của một viên chỉ huy và được quyền có một đồn binh thường trú với những lính Tây Ban Nha chuyên đi dạy tính cả thẹn cho đàn bà con gái trong vùng và thỉnh thoảng lại vuốt ve cái lưng của một ông chồng hoặc một người cha nào đó. Vào cuối mùa hạ chúng không bao giờ bỏ lỡ cơ hội tản vào các ruộng nho để tỉa những chùm nho thưa bớt đi, giảm nhẹ cho người nông dân những nỗi nhọc mệt của việc hái nho.

Giữa các xóm làng ấy, từ những điểm cao xuống đến ven hồ và từ đồi này sang đồi khác xưa nay vẫn có những con đường và những lối mòn dốc nhiều hay dốc ít hoặc thậm chí bằng phẳng: chỗ này những con đường ấy ăn sâu giữa hai vách đá như nằm trong hố và từ đây ngước nhìn lên bạn chỉ thấy một góc trời và một đỉnh núi nào đó; chỗ kia chúng leo lên một cao nguyên quang đãng từ đó tầm mắt phóng đến những khoảng không gian ít nhiều rộng lớn mà vẻ đa dạng

luôn luôn bày ra một cái gì mới, tùy theo những chỗ nhìn khác nhau bao quát được nhiều hay ít quang cảnh rộng lớn chung quanh và tùy theo cảnh này hay cảnh kia được mở rộng hay thu hẹp, nổi lên hay biến đi. Chỗ này bạn chỉ nhìn thấy một mảnh gương hồ, chỗ kia bạn trông thấy mặt nước mênh mông trong tất cả vẻ đa dạng của nó; phía này là cái hồ một đầu khép lại hoặc nói đúng hơn là biến vào trong khối núi hỗn độn rồi trải rộng hơn nữa giữa những ngọn núi khác chúng lần lượt phơi ra trước mắt bạn và soi mình dưới nước, đầu lộn xuống dưới, cùng với những làng nhỏ ven hồ; phía kia là một nhánh sông, rồi cái hồ, rồi lại con sông như một con rắn mình lấp lánh trườn vào giữa những quả núi đi hộ tống nó thấp dần xuống rồi cả chúng nữa cũng dường như hòa lẫn với chân trời. Và ngay cái nơi bạn đứng ngắm cảnh sắc đa dạng này cũng phô bày với bạn từ mọi phía cảnh sắc của chính nó: quả núi mà bạn đang dạo bước ven sườn trải ra chỗ bạn xem, trên đầu bạn, chung quanh bạn, trông thật rõ nét và nổi bật những đỉnh núi và vách núi dựng đứng với dáng vẻ luôn thay đổi hầu như ở mỗi bước chân đi: thoạt đầu bạn tưởng chỉ có một ngọn núi, thế mà kìa, nó dăng ra thành một dãy núi uốn khúc quanh co, cái vật mới trước đó bạn tưởng nhìn thấy ở lưng núi thì bỗng hiện ra trên đỉnh núi. Quang cảnh tươi tắn và thân thuộc của những dốc núi đầu tiên ấy làm cho vẻ hoang dại của những cảnh sắc khác dịu đi và tô điểm thêm cho vẻ lộng lẫy của bức tranh toàn cảnh.

Chính là trên một trong những con đường mòn ấy mà buổi chiều ngày mồng 7 tháng mười một năm 1628, Đôn Aphôndiô, vị linh mục của một trong những làng nói trên, ung dung trở về nhà sau một cuộc dạo chơi (tên làng này, cũng như tên họ nhân vật, không thấy ở bất cứ chỗ nào trong bản thảo). Ông

lẩm nhẩm đọc kinh. Thỉnh thoảng, giữa hai bài thánh thi, ông lại khép cuốn sách khinh, đặt vào đó ngón trỏ của bàn tay phải để đánh dấu trang, rồi hai tay chắp sau lưng, ông lại đi tiếp: mắt nhìn xuống đất, lấy chân đá những hòn sỏi vướng lối đi bắn vào tường. Rồi ông ngẩng đầu, đưa mắt uể oải nhìn chung quanh, và chăm chú nhìn một chỗ trên núi, nơi mà ánh hoàng hôn lướt qua hẻm núi trước mặt hắt những dải đỏ tía rộng và không đều lên những mảng núi nhô ra chỗ này chỗ nọ. Sau khi lại mở cuốn sách kinh và đọc vài đoạn kinh khác, ông đi đến một đường ngoặt. Tại đây, theo thói quen, ông ngước mắt rời khỏi trang sách và nhìn về đằng trước: lần này ông cũng lại làm như thế.

Sau chỗ ngoặt này, con đường chạy thẳng tắp chừng sáu mươi bước rồi tách ra thành hai nhánh nhỏ theo hình chữ Y: đường nhỏ bên phải leo lên núi và dẫn đến nhà linh mục, đường kia đi xuống thung lũng cho đến tận một dòng thác; ở dưới ấy, bức tường chỉ thấp ngang háng người đi dạo chơi. Những bức tường bên trong của hai con đường nhỏ không khép góc mà lại cùng chụp vào một nhà thờ nhỏ trên đó vẽ những hình dài ngoằn ngoèo và nhọn phía trên, mà trong ý đồ nhà họa sĩ và dưới con mắt dân làng thì đó là những ngọn lửa. Giữa các ngọn lửa ấy có những hình thù khác không thể miêu tả được, dường như biểu hiện những linh hồn trong Ngục luyện[1]. Những linh hồn và những ngọn lửa, tất cả đều màu gạch trên nền xam xám của bức tường mà vôi vữa đã tróc lở từng mảng.

Vị linh mục, sau khi qua khúc đường ngoặt và ngước mắt

---

[1] Theo Thiên chúa giáo, Ngục luyện là nơi các linh hồn của những người chính trực nhưng chưa hoàn thiện rửa nốt tội lỗi trước khi lên thiên đường (Purgatolre).

về phía nhà thờ nhỏ như thường lệ, bỗng trông thấy một điều thật bất ngờ với ông và chắc ông không muốn thấy chút nào: hai người đàn ông trong tư thế đối diện nhau ở chỗ hợp lưu của hai con đường nhỏ, nếu có thể nói như vậy; một người ngồi xoạc cẳng trên bức tường thấp, một chân đung đưa phía ngoài, chân kia đặt trên mặt đất; còn người kia thì đứng tựa vào tường, hai tay khoanh trước ngực. Áo quần họ, điệu bộ họ và tất cả những gì vị linh mục có thể nhận ra được qua diện mạo họ cho thấy không chút nghi ngờ về địa vị của họ. Đầu họ trùm một cái lưới xanh bọc mớ tóc dày xệ xuống vai trái và để lòa xòa trên trán một chỏm tóc lớn. Hàng ria dài vểnh lên; hai khẩu súng lục móc vào chiếc thắt lưng da bóng loáng; một cái sừng nhỏ đựng đầy thuốc súng lủng lẳng trước ngực như chiếc vòng đeo cổ; cán dao găm thòi ra ngoài một bên túi quần rộng thùng thình, một thanh trường kiếm có chuôi cầm rộng bằng đồng đánh bóng lộn chạm trổ những hình quấn lấy nhau như những ký hiệu khó hiểu... Thoạt nhìn ta thấy ngay là đang đứng trước những tên lâu la[1] chính cống.

Loại người đó, ngày nay đã hoàn toàn mất hẳn, vào thời ấy nhan nhản ở Lômbacđi, và hơn nữa đã có từ rất lâu rồi. Với những ai chưa biết gì về chuyện này, đây là mấy tài liệu chính thức có thể cho ta một khái niệm đầy đủ về những đặc tính chủ yếu của chúng, về những cố gắng để trừ diệt chúng, và về sức sống dai dẳng của chúng.

Ngay từ ngày 8 tháng 4 năm 1583, vị Lãnh chúa Đôn Caclô Đaragông, Hoàng thân ở Caxtenvetơranô, Công tước ở Teranuôve, Hầu tước ở Avôla, Bá tước ở Buagiêtô, đại Đô đốc

---

[1] Dịch chữ *Bravơ* (tiếng Ý) số nhiều là *Brari* có nghĩa là "người gan dạ", tên gọi những tên kẻ cướp đánh thuê ở Ý vào thế kỷ XVII. Là tay chân của một nhân vật có thế lực, những tên *bravi* giữ vai trò vệ sĩ và công cụ khủng bố.

và đại Nguyên súy đảo Xixin[1], Thống đốc Milăng[2] và Tổng khâm sai của Đức Giáo hoàng tại Ý, *hoàn toàn biết rõ tình trạng khốn khổ quá xá trong đó thành phố Milăng này đã sống và đang sống do bọn lâu la và bọn du đãng,* đã ban bố một sắc lệnh trục xuất những tên đó. *Nay tuyên bố và quy định rằng nằm trong hiệu lực của sắc lệnh này và bị xem là lâu la và du đãng... tất cả những kẻ, từ nơi khác đến cũng như tại địa phương, không có công ăn việc làm hoặc đã có việc mà không làm... và chúng dù được trả lương hay không, sống bám vào một hiệp sĩ hay một nhà quý tộc nào, một viên chức hay một nhà buôn nào... để làm tay chân cho họ, hoặc như ta hoàn toàn có quyền phỏng đoán để âm mưu làm hại người khác...* Tất cả những kẻ ấy được lệnh phải rời khỏi xứ này trong vòng sáu ngày, những kẻ ngoan cố chống lại sẽ bị tù khổ sai và tất cả các nhà chức trách tư pháp được giao những quyền hành đặc biệt rộng rãi và vô hạn để thực hiện mệnh lệnh này.

Nhưng ngày 12 tháng 4 năm sau cũng vẫn bị lãnh chúa ấy nhận thấy rằng *thành phố này vẫn đầy dẫy những tên lâu la đó... chúng lại trở về sống ở đây như cũ, không mảy may thay đổi thói quen của chúng, và số lượng chúng cũng chẳng giảm bớt chút nào,* bèn công bố một sắc lệnh mới, nghiêm ngặt và quan trọng hơn nữa, trong đó cùng với các biện pháp khác có quy định rằng:

Bất cứ kẻ nào là dân thành phố này hay từ nơi khác đến, mà có hai người làm chứng khai ra hắn là một tên lâu la, đã nổi danh như thế và mọi người đều gọi hắn bằng tên ấy, thì

---

[1] Hòn đảo lớn của Ý ở Địa Trung Hải.

[2] Thành phố thủ phủ của Lômbacđi.

cho dù chưa xác minh được tội phạm nào của hắn, hắn vẫn có thể, chỉ do cái tiếng là lâu la và không cần tang chứng nào khác, bị treo cổ và tra khảo để thẩm vấn, bởi chính mỗi một hoặc tất cả các quan tòa ấy... và ngay cả khi hắn không thú nhận một tội phạm nào, hắn vẫn có thể bị đi tù khổ sai trong một thời hạn là ba năm, hoàn toàn chỉ do cái tiếng và cái tên của hắn là lâu la mà thôi, như đã nói trên. Tất cả những điều đó; cùng những biện pháp khác mà chúng tôi xin miễn kể ra đây, bởi vì *Đạt nhân ngài đã nhất quyết làm cho mọi người phải phục tùng mình.*

Cứ nghe từ miệng một nhân vật đầy quyền lực phát ra những lời mạnh mẽ và quả quyết đến thế, lại kèm theo những mệnh lệnh như vậy, người ta muốn tin ngay rằng chỉ cần những lời ấy vang lên là bọn *lâu la* phải biến bằng hết. Nhưng bằng chứng của một đức ông khác không kém quyền thế và không ít chức tước hơn buộc ta phải tin ở điều hoàn toàn ngược lại. Đức ông đó là vị Lãnh chúa đại nhân Gioăng Phecmanđe đơ Vêlaxcô, Nguyên súy ở Caxti[1], quan Thị tùng thứ nhất của Đức Giáo hàng, Công tước Thành phố Fria, Bá tước ở Harô và ở Caxtenmôvô. Lãnh chúa của Dòng họ Vêlaxcô và Dòng họ bảy Vương hầu ở Lara, Thống đốc Quốc gia Milăng, v.v... Ngày 5 tháng 6 năm 1593, cả ngài nữa cũng hoàn toàn biết rõ về *sự thiệt hại nghiêm trọng và những sự tàn phá... do bọn lâu la và bọn du đãng gây ra, và những tác hại của lũ người này đối với lợi ích xã hội, chúng không thèm đếm xỉa gì đến công lý,* ngài bèn ra một lệnh mới buộc chúng phải rời bỏ xứ sở này trong vòng sáu ngày, cũng nhắc lại những điều quy định và những lời đe dọa gần giống như của vị

---

[1] Một tỉnh ở Tây Ban Nha.

lãnh chúa đã nhận chức trước ngài. Ngày 23 tháng năm 1598, *rất không hài lòng được biết rằng con số những phần tử ấy (lâu la và du đãng) ngày càng tăng trong Thành phố này và trong Quốc gia, và ngày cũng như đêm người ta chỉ toàn nghe nói đến những chuyện đâm chém, giết người, cướp của, và đủ mọi thứ tội ác khác, mà thủ phạm là những tên lâu la hết sức lộng hành vì chúng đã tin chắc được sự che chở của các ông chủ và bọn đồng lõa của chúng...* ngài bèn chỉ thị lại một lần nữa vẫn những phương sách ấy và tăng liều lượng lên, như người ta tăng liều thuốc với những loại bệnh dai dẳng. *Vậy đừng có kẻ nào dại dột,* ngài kết luận, *vi phạm bất cứ điểm nào trong sắc lệnh này, bởi vì kẻ đó sẽ không được hưởng sự khoan hồng của đại nhân mà chỉ chuốc lấy cơn giận dữ lôi đình của ngài... đại nhân ngài đã dứt khoát xem đây là lời cảnh cáo cuối cùng và kiên quyết của mình.*

Tuy vậy, đấy vẫn chưa phải là ý kiến của vị Lãnh chúa Đôn Pietơrô Enrike đơ Axêđôvơ, Bá tước ở Phuentô, Tướng lĩnh và Thống đốc Quốc gia Milăng: như vậy là có lý do chính đáng cả. *Hoàn toàn biết rõ tình trạng thảm hại của Thành phố này và của Quốc gia do những tên lâu la đầy dẫy người vô cùng nguy hại,* ngài ban bố ngày 5 tháng chạp 1600 một sắc lệnh mới cũng lại đầy những biện pháp đe dọa nghiêm khắc hơn nữa, *với ý đồ kiên quyết là những biện pháp này phải được tất cả mọi người chấp hành một cách nghiêm chỉnh nhất và đừng hòng được tha thứ.*

Tuy vậy ta vẫn phải cho rằng vị lãnh chúa ấy không bắt tay vào thực thi những biện pháp này với tất cả nhiệt tâm như ông đã từng biểu lộ trong việc tổ chức những âm mưu và kích động những đối thủ chống lại kẻ thù ghê gớm của ông là Hăngri IV; bởi vì, trong việc này, lịch sử xác nhận ông đã làm

thế nào để vũ trang được Công tước Xavon chống lại ông vua ấy, tước phải mất hơn một thành phố, và ông đã làm thế nào đẩy Công tước Birông đến vụ mưu phản, khiến công tước phải mất đầu; nhưng còn cái lũ *lâu la* vô cùng nguy hại thì chắc chắn là chúng vẫn tiếp tục sinh sôi nảy nở cho đến ngày 22 tháng chín 1612. Ngày hôm đó, vị Lãnh chúa Đôn Giôvani đơ Mendôda, Hầu tước ở Hinôgiôxa, Đại quý tộc v.v... Thống đốc, v.v... đã suy nghĩ nghiêm chỉnh để làm sao tiệt diệt bọn chúng. Với ý định ấy, ngài gửi đến cho Panđôliô và Maccô Tuliô Malataxti, thợ in của Ngân khố Hoàng gia, bản sắc lệnh thường lệ đã sửa lại và bổ sung thêm, để họ in nhằm mục đích tiêu diệt bọn *lâu la*. Nhưng những tên *lâu la* này vẫn cứ sống khá dai dẳng để đến ngày 24 tháng chạp 1618 lại làm đối tượng cho những biện pháp gắt gao như thế, và còn nghiêm khắc hơn thế nữa, của vị lãnh chúa lừng danh Đôn Gome Xuare đơ Phi gheroa, công tước ở Pheria, vv. Thống đốc, vv. Tuy vậy, vì những biện pháp này vẫn chưa đè bẹp được chúng, cho nên vị Lãnh chúa đại nhân Giôndalô Phecmande đơ Coocđôva (mà dưới quyền cai trị của ngài đã diễn ra cuộc dạo chơi của Đôn Apbôndiô) buộc phải sửa lại một lần nữa và lại ban bố bản sắc lệnh thường lệ chống bọn *lâu la,* ngày 5 tháng mười 1627, nghĩa là một năm, một tháng và hai ngày trước sự kiện đáng ghi nhớ này.

Và việc ban bố này chưa phải là lần cuối; nhưng chúng tôi thiết nghĩ chẳng cần phải kể ra đây những sắc lệnh tiếp theo vì thời gian của chúng ra ngoài phạm vi câu chuyện của chúng tôi. Chúng tôi chỉ xin lưu ý bản sắc lệnh ngày 13 tháng hai 1632, trong đó vị lãnh chúa anh minh *en Đuke đơ Pheria,* thống đốc lần thứ hai, cho ta biết *những tội ác khủng khiếp nhất là do những kẻ gọi là lâu la gây ra.* Thế là đủ để chúng

ta biết chắc rằng vào thời ta nói đây bọn *lâu la* vẫn luôn luôn tồn tại.

Sự việc đã quá hiển nhiên là hai nhân vật miêu tả trên kia đang ở đây để đợi một người nào đó. Nhưng cái điều làm Đôn Apbôndiô khó chịu hơn hết là ông buộc phải thừa nhận, qua một vài cử chỉ nào đó của họ, rằng con người được chờ đợi chính là ông. Thật vậy, vừa thấy ông chúng đã ngẩng đầu lên nhìn nhau, và điệu bộ của chúng cho thấy rõ là chúng đồng thời bảo nhau: "Ông ta đấy". Cái thằng đang ngồi xoạc cẳng liền rụt chân về đứng lên mặt đường, còn thằng kia thì rời khỏi bức tường, và cả hai cùng tiến đến gặp ông.

Đôn Apbôndiô, vẫn cầm trong tay quyển sách kinh mở trước mặt cứ như là đang đọc, liếc nhìn dò xét cử chỉ của chúng, và khi thấy chúng đi thẳng đến mình thì trong đầu ông suy nghĩ rất lung. Ông liền tự hỏi giữa những tên *lâu la* và ông có con đường tạt ngang nào sang phải hoặc sang trái không; và ông nhớ ngay là không. Ông vội vàng soát lại: phải chăng ông đã xúc phạm một ông lớn nào, một con người hay trả thù nào? Thế nhưng, mặc dầu đang bối rối, sự làm chứng đáng mừng của lương tâm cũng khiến ông vững dạ được phần nào.

Tuy vậy, những tên *lâu la* vẫn cứ tiến lại, nhìn ông chằm chằm.

Ông đặt ngón trỏ và ngón giữa của bàn tay trái lên cổ áo, như để sửa lại cho ngay ngắn; rồi vừa luồn hai ngón tay quanh cổ, ông vừa quay đầu lại đằng sau, miệng méo xệch và liếc nhìn thật xa bằng đuôi con mắt để xem có người nào đi đến không. Nhưng ông chẳng thấy ai cả.

Ông phóng tầm mắt nhìn qua bức tường thấp về phía cánh đồng: không có ai; ông lại nhìn nữa, rụt rè hơn, trên đường

trước mặt ông: không có ai ngoài bọn *lâu la*. Làm thế nào? Quay lại ư? Muộn rồi. Vắt chân lên cổ mà chạy? Có khác gì nói: "Đuổi theo tôi đi". Hoặc còn tệ hơn. Không thể lẩn tránh được tai họa, ông lao lên đón lấy nó, bởi vì những giây phút mơ hồ ấy đối với ông lúc đó thật nặng nề đến nỗi ông chỉ còn một ước muốn: rút ngắn nó lại. Ông rảo bước, đọc to hơn nữa một câu kinh, cố tạo cho mình một vẻ mặt thật bình tĩnh và thật tươi tỉnh, đem hết cố gắng để chuẩn bị một nụ cười, và khi ông đã đến trước hai con người lương thiện ấy, ông tự nhủ: "Bắt đầu rồi", và đứng sững lại.

- Thưa ông linh mục, - một trong hai người nhìn thẳng vào mặt ông nói.

- Các người có việc gì? - Đôn Apbôndiô đáp ngay, ngước mắt khỏi cuốn sách kinh vẫn mở rộng trên tay ông như đặt trên giá.

- Ông có ý định, - tên kia lại nói, với vẻ hăm dọa và tức giận của một người bắt chộp được kẻ dưới của mình đang sắp làm một việc xấu xa, - ông có ý định ngày mai làm lễ cưới cho Rendô Tơramaglinô và Luxia Môndenla!

- Thế nghĩa là..., - Đôn Apbôndiô giọng run run đáp. - Thế nghĩa là... Các ông lớn ấy là người của xã hội thượng lưu và họ thừa biết những việc ấy phải tiến hành như thế nào. Cái anh linh mục khốn khổ thì có nghĩa lý gì trong chuyện này. Họ mưu tính công việc của họ với nhau và rồi... rồi họ đến gặp chúng tôi như họ đến nhà băng để lĩnh tiền vậy. Còn chúng tôi... việc của chúng tôi là phục vụ mọi người.

- Thế thì, - tên *lâu la* ghé vào tai ông nói nhưng với giọng trịnh trọng ra lệnh, - đám cưới ấy không được tổ chức nữa, dù ngày mai hay bất cứ bao giờ!

- Nhưng, thưa quý ông, - Đôn Apbôndiô đáp lại với giọng

dịu dàng và dễ thương của một người muốn thuyết phục một kẻ nóng nảy. - Nhưng, thưa quý ông, xin các vị hãy thử đặt mình vào địa vị tôi xem. Nếu công việc tùy thuộc ở tôi... mà các vị cũng thừa biết là tôi chẳng được lợi lộc gì ở đây cả...

- Thôi đi! - Tên *lâu la* ngắt lời. - Nếu công việc phải giải quyết bằng những lời lẽ hay ho thì ông đã xỏ mũi chúng tôi rồi. Chúng tôi không biết gì hết, và không muốn biết gì hơn nữa. Một người khôn ngoan... ông hiểu ý chúng tôi chứ!

- Nhưng các ông lớn ấy vốn rất công minh, rất có tình có lý mà...

- Thế nhưng... - ngắt lời ông lần này là tên kia, từ nãy vẫn chưa nói gì. - Thế nhưng lễ cưới vẫn sẽ không tiến hành, hoặc (đến đây một câu chửi thật văn vẻ) hoặc kẻ nào cứ tiến hành sẽ không kịp hối tiếc về việc ấy đâu vì không còn thời gian mà hối tiếc, và... (lại một câu chửi nữa).

- Thôi, mày im đi, - nhà hùng biện thứ nhất nói chen vào. - Ngài linh mục đây là một người biết phép xử thế; còn về phía chúng tôi thì chúng tôi là những con người tử tế có muốn làm hại ngài đâu, miễn là ngài biết điều cho. Thưa ngài linh mục, ông chủ của chúng tôi vị Lãnh chúa tối vinh hiển Đôn Rôđrigô xin gửi lời thân ái chào ngài.

Cái tên ấy vào trong đầu Đôn Apbôndiô như một tia chớp giữa đêm dông bão, nó hắt lên mọi vật một ánh sáng mờ ảo vụt qua và càng làm tăng thêm nỗi khủng khiếp. Như theo bản năng, ông cúi rạp xuống chào và nói:

- Giá như quý ông có thể mách bảo giúp tôi...

- Ồ, mách bảo cho ông, cho ông là người biết tiếng La tinh! - *tên lâu la* ngắt lời với một chuỗi cười rộ lên trơ tráo và dữ tợn, - đó là việc của ông. Và nhất là, đừng có bép xép phun ra cái điều chúng tôi đã nói với ông vì lợi ích của ông, nếu không

thì... hừm!... cũng chẳng khác gì ông đã tổ chức lễ cưới vậy. Nào, ông muốn chúng tôi bẩm lại với vị Lãnh chúa vinh hiển Đôn Rôđrigô những gì nào?

- Những lời chào cung kính của tôi...

- Ông nói rõ hơn!

- ... Sẵn sàng... luôn luôn sẵn sàng tuân lệnh. - Và khi nói những lời ấy, chính ông cũng không biết đây là một lời hứa hay một câu xã giao bình thường. Bọn *lâu la* hoặc thật lòng, hoặc làm ra bộ coi đó là những lời nghiêm chỉnh nhất.

- Rất tốt, và xin chúc ông ngon giấc, một tên nói, khi cất bước đi cùng với bạn hắn.

Đôn Apbôndiô, mới ít phút trước đây còn muốn làm cái việc không thể làm được là lẩn tránh, thì bây giờ lại muốn kéo dài cuộc nói chuyện và thương lượng.

- Thưa quý ông..., - Ông gấp sách lại bằng cả hai tay và khai mào. Nhưng hai tên kia, chẳng thèm nghe ông, cứ bước đi theo con đường ông vừa đến và chúng đi xa dần, miệng nghêu ngao một bài hát tục tĩu mà chúng tôi không muốn chép lời ra đây.

Cái ông Đôn Apbôndiô tội nghiệp đứng há hốc mồm ra một lúc như bị ma làm; rồi ông đi theo con đường nhỏ dẫn ông về nhà, đôi chân như tê dại bước lên một cách khó nhọc.

Còn về tâm trạng ông thì bạn đọc sẽ hiểu rõ hơn khi chúng tôi nói đến tính cách ông và thời đại ông sống.

Đôn Apbôndiô (như bạn đọc đã thấy) sinh ra không có gan sư tử. Nhưng ngay từ bé ông đã phải hiểu rằng cái địa vị tồi tệ nhất, vào thời ông, là địa vị của một con vật không nanh không vuốt, mà tuy vậy vẫn tự cảm thấy chẳng hề mảy may muốn bị ăn thịt. Sức mạnh của luật pháp không hề che chở con người hiền lành, vô tội, không có cách nào làm người khác

phải sợ. Không phải vì người ta thiếu những đạo luật và những phương tiện để trừng trị những hành động bạo ngược của cá nhân. Những đạo luật thậm chí dội như mưa xuống khắp nơi; các tội phạm được liệt kê và chi tiết hóa với những lời lẽ rườm rà tỉ mẩn, các hình phạt thì quá đỗi nặng nề và khi cần có thể được tăng lên nữa, hầu như ở mỗi trường hợp, tùy theo ý muốn của bản thân nhà làm luật và hàng trăm quan chức thừa hành; các thủ tục tố tụng chỉ được đặt ra nhằm giúp quan tòa gạt bỏ tất cả những gì có thể ngăn trở ông tuyên án: những đoạn trích các sắc lệnh chống bọn lâu la là một kiểu mẫu nhỏ bé nhưng trung thực của tình hình ấy.

Dẫu vậy, và thậm chí phần lớn chính vì thế, những sắc lệnh ấy được công bố đi công bố lại và nhấn mạnh hơn với mỗi vị thống đốc mới, chỉ càng chứng tỏ trong rất nhiều lời lẽ công thức rỗng tuếch sự bất lực của các tác giả của chúng; hoặc, nếu chúng gây được một tác dụng trực tiếp nào đó, thì trước hết là tăng thêm nhiều chuyện áp chế của bọn nhũng nhiễu mà những con người hiền lành và yếu đuối vốn đã phải chịu đựng nhiều, và tăng thêm sự bạo ngược và quỷ quyệt của bọn chúng. Chúng không bị trừng phạt bởi vì chúng được che chở có tổ chức và dựa vào những cơ sở mà các sắc lệnh không đụng tới được, hoặc không thể phá hủy được. Chẳng hạn những chống dung thân, và cả những đặc quyền của một số giai cấp nào đấy, những cái đó, phần được pháp luật thừa nhận, phần được lờ đi với một sự im lặng hằn học, hoặc chỉ bị công kích bởi những lời kháng nghị hão huyền, trên thực tế đã được duy trì và bảo vệ bởi chính những giai cấp cố khư khư bênh vực quyền lợi của họ như một vấn đề danh dự.

Thế nhưng, tình trạng không bị trừng phạt này, bị những sắc lệnh đe dọa và tấn công chứ không bị tiêu diệt, lẽ tự nhiên

là đứng trước mỗi sự đe dọa và mỗi cuộc công kích nó phải huy động những cố gắng mới và không ngừng nghĩ ra kế này kế nọ để tự bảo vệ mình. Tình hình quả thật đã diễn ra như vậy: khi xuất hiện các sắc lệnh nhằm chế ngự những tên cường bạo, bọn chúng lại dựa vào thực lực của chúng tìm ra những phương pháp mới thích hợp nhất để tiếp tục làm những điều mà các sắc lệnh ấy đã ngăn cấm chúng. Ngược lại, những sắc lệnh này lại rất có thể cản trở và gây đủ phiền phức cho những người hiền lành đã yếu đuối lại không người bênh vực; thật vậy, để nắm chắc từng cá nhân nhằm phòng ngừa và trừng trị mọi tội phạm, các sắc lệnh ấy buộc mỗi hành động trong đời tư phải lệ thuộc vào sự độc đoán của tất cả các nhà chức trách. Nhưng đối với những kẻ nào đó thì trước khi phạm tội, chúng chỉ cần tính kế kịp thời ẩn náu trong một tu viện, một lâu đài tại đây lính cảnh sát không bao giờ dám đặt chân tới; những tên khác, chẳng thèm thận trọng gì hơn, chỉ việc khoác lên mình một bộ đồng phục đầy tớ nhà quan là bảo đảm được che chở bởi thói hám danh hoặc quyền lợi của một dòng họ có thế lực, của cả một giai cấp: thế là chúng được tự do hành động và có thể nhạo báng tất cả cái đống sắc lệnh ầm ĩ ấy.

Trong đám người chịu trách nhiệm trong nom đến việc thi hành những sắc lệnh này, có người, theo dòng họ, thuộc đẳng cấp có đặc quyền, có người phụ thuộc vào đẳng cấp ấy như những khách hàng; tất cả những người này và người nọ do giáo dục, do quyền lợi, do tập quán, do bắt chước, đều tuân thủ những quy tắc sống của đẳng cấp ấy, và hết sức tránh không vi phạm những quy tắc đó vì một mẩu giấy niêm yết ở góc phố. Còn những người có nhiệm vụ trực tiếp thi hành những sắc lệnh ấy thì cho dù họ có dũng cảm như những anh hùng, vâng

lời những thầy tu và sẵn sàng hy sinh như những kẻ tử vì đạo, họ cũng chẳng thể làm nên trò trống gì, vì họ ít hơn nhiều so với những kẻ mà họ phải chế ngự, và vì họ rất có nguy cơ bị bỏ rơi bởi những người đã ban ra, một cách trừu tượng và có thể nói là một cách lý thuyết mệnh lệnh bắt họ hành động. Hơn nữa, những nhân viên ấy được tuyển trong những tên vô lại tồi tệ nhất thời đó, cái nghề của họ bị khinh miệt bởi những kẻ đáng lẽ phải sợ họ, và chỉ cái tên của họ đã là một sự lăng mạ. Vậy điều hết sức tự nhiên là đáng lẽ mạo hiểm hoặc thậm chí hy sinh tính mạng trong một công cuộc vô hy sinh, thì họ bán mình cho các ông lớn bằng sự không can thiệp hoặc thậm chí sự đồng lõa của họ, và họ để dành việc thi thố cái quyền hành bỉ ổi và sức mạnh của họ cho những cơ hội không nguy hiểm gì: nghĩa là làm tình làm tội những người hiền lành và không được che chở.

Con người đã muốn xúc phạm người khác hoặc từng giờ từng phút cũng sợ chính mình bị xúc phạm thế tất phải đi tìm đồng minh hoặc bè bạn. Cho nên các cá nhân thời ấy có khuynh hướng cao độ muốn liên kết với nhau thành những tập đoàn, tổ chức ra những tập đoàn mới, và mỗi người lại tìm cách làm sao cho tập đoàn mình ngày càng mạnh hơn. Giới tăng lữ chăm lo duy trì và mở rộng những quyền bất khả xâm phạm của họ, giới quý tộc những đặc quyền, đặc lợi của họ, giới nhà binh những khoản miễn trừ của họ. Nhà buôn và thợ thủ công thì gia nhập những phường và hội ái hữu, các luật gia hợp thành một liên đoàn, cả các thầy thuốc cũng thành một nghiệp đoàn. Mỗi một nhà nước độc tài nho nhỏ ấy có sức mạnh riêng của nó; trong đó mỗi cá nhân, tùy theo quyền hành và sự khôn khéo của mình, tìm ra lợi thế sử dụng cho mình những sức mạnh tổng hợp của số đông người. Những

người trung thực nhất chỉ dựa vào lợi thế ấy để tự vệ; những tên quỷ quyệt và những tên hung ác thì lợi dụng nó để mưu đồ những trò gian giảo mà chỉ riêng phương tiện cá nhân của chúng thì không đủ, và để bảo đảm cho mình không bị trừng phạt. Tuy vậy thế lực của những tập đoàn khác ấy rất không đều; nhất là ở nông thôn, nơi mà kẻ quý tộc giàu có và hung bạo nắm trong tay một bầy *lâu la* và sống giữa những người nông dân do gia phong, do quyền lợi hoặc do thế yếu đã quen tự xem mình hầu như là thuộc hạ và binh lính của ông chủ của họ, thì kẻ quý tộc ấy có một quyền lực mà bất cứ một bộ phận tập đoàn nào khác cũng khó mà chống cự nổi.

Vị linh mục của chúng ta đã không phải quý tộc cũng không giàu có, lại càng không can đảm, cho nên ngay từ trước khi đến tuổi trưởng thành đã tự thấy mình ở trong xã hội này chỉ như một cái nồi đất bắt buộc phải làm bạn đồng hành với nhiều cái nồi gang. Vậy là cậu rất sẵn lòng nghe lời cha mẹ muốn cậu thành linh mục. Nói cho đúng, cậu không suy nghĩ gì lắm đến những nhiệm vụ và mục đích cao cả của cái công việc mà cậu dấn thân vào: kiếm được cuộc sống khá giả một chút và gia nhập một đẳng cấp có thế lực và được kính nể, đối với cậu đó là hai lý do quá đủ cho một sự lựa chọn như vậy. Nhưng bất cứ đẳng cấp nào cũng chỉ bênh vực cho cá nhân và bảo đảm an toàn cho anh ta đến một mức nhất định mà thôi: không đẳng cấp nào lại miễn cho anh sự cần thiết phải tự rèn lấy cách sống riêng của mình. Đôn Apbôndiô, luôn luôn bị ám ảnh bởi mối lo làm sao cho bản thân mình được yên ổn, ít quan tâm tìm kiếm những món lợi mà người ta chỉ đạt được bằng một hoạt động rất tích cực hoặc với ít nhiều mạo hiểm. Cách sống của ông chủ yếu là né tránh tất cả mọi xung đột và nếu không thể tránh được thì

nhường nhịn: đó là chính sách trung lập không vũ trang trước tất cả mọi cuộc chiến tranh nổ ra xung quanh ông, kể từ những vụ tranh chấp rất thường xảy ra thời ấy giữa giới tăng lữ và chính quyền thế tục, giữa giới quân sự và dân sự, giữa quý tộc với nhau, cho đến những cuộc cãi lộn trong nông dân nảy sinh từ một lời nói và giải quyết bằng những quả đấm hoặc những nhát dao. Nếu ông bị bắt buộc không tránh khỏi phải quyết định giữa hai đối thủ, thì ông đi với kẻ mạnh hơn, mà vẫn luôn luôn giữ thế phòng thân, cố gắng cho bên kia thấy ông không hề mong muốn là kẻ thù của họ. Dường như ông muốn nói với họ: "Thế tại sao chính anh không biết làm kẻ mạnh hơn? Lẽ ra tôi đã đứng về phía anh rồi". Do cứ giữ mình tránh xa những kẻ quyền thế, nhắm mắt làm ngơ trước những hành vi bạo ngược nảy ra từ ý thích thất thường của họ, biết uốn mình tuân theo những hành động chuyên quyền nghiêm trọng hơn và có mưu tính kỹ hơn, do cứ chịu khó luồn cúi và ân cần thăm hỏi khiến cho ngay những kẻ tàn bạo nhất và khinh khỉnh nhất cũng phải nở nụ cười khi gặp ông ngoài phố, con người tội nghiệp ấy đã sống được quá tuổi sáu mươi mà cuộc đời vẫn sóng yên biển lặng.

Không phải chính ông cũng không có đôi điều chua xót; và cái thói quen nhẫn nại, hay phải nhịn người khác như thế, những nỗi tủi nhục nhiều không kể xiết mà ông cứ phải âm thầm ngậm đắng nuốt cay đã làm tăng thêm nỗi chua xót ấy đến mức nếu thỉnh thoảng không có dịp nào khuây khỏa thì sức khỏe ông chắc chắn sẽ vì thế mà sa sút. Nhưng rốt cuộc, bởi vì trên đời này, và ngay sát nách ông, có nhiều người mà ông biết rất rõ là không có khả năng làm hại người khác, cho nên ông có thể trút lên họ nỗi buồn bực trong người đã lâu, và cả ông nữa cũng tự cho phép mình ngông cuồng một chút, và

la hét vô căn cứ. Vả lại ông là người phê phán nghiêm khắc những kẻ không theo quy tắc sống như ông, ít ra là sự phê phán có thể tiến hành mà không sợ một chút nguy hiểm nào dù xa xôi. Dưới con mắt ông, một người đã bị đánh thì ít ra cũng là một kẻ khinh suất, một người đã bị giết bao giờ cũng là một tên ám muội. Nếu có người nào vì muốn bảo vệ quyền lợi mình chống lại một ông lớn mà bị đánh vỡ đầu, Đôn Apbôndiô bao giờ cũng biết tìm thấy một lỗi lầm nào đó của anh ta, việc ấy không khó, bởi vì phải trái không bao giờ tách biệt dứt khoát đến mức một bên nào đó có thể hoàn toàn phải hoặc hoàn toàn trái. Và ông đặc biệt công kích những bạn đồng nghiệp nào của ông đã dám liều mạng đứng về phía một kẻ yếu bị áp bức chống lại một tên bạo chúa đầy quyền lực. Ông gọi đó là bỗng dưng chuốc vạ vào thân và muốn làm trắng án cho một tên mọi đen; và ông cũng lên giọng nghiêm nghị nói rằng đó là dính vào những việc trần tục làm tổn hại đến phẩm giá chức nghiệp thần thánh của mình. Nếu ông thóa mạ gay gắt những bạn đồng nghiệp này thì bao giờ cũng chỉ là giữa hai người với nhau hoặc trong một nhóm rất hẹp, và nếu ông càng biết rõ sự bất lực của những người đối thoại không thể nổi giận với ông vì những sự xúc phạm đến bản thân họ thì ông càng công kích họ kịch liệt. Ông cũng có một châm ngôn ưa thích để kết thúc những cuộc tranh cãi trên vấn đề đó: một người lương thiện chỉ lo cho bản thân mình và chỉ chăm nom công việc mình thì không phải mang vạ.

Các bạn đọc ít ỏi của tôi bây giờ đã có thể hình dung ra cái ấn tượng để lại trong đầu con người tội nghiệp do cuộc gặp gỡ mà chúng ta đã nói. Nỗi khủng khiếp do những bộ mặt kinh tởm và những lời nói ác độc ấy, sự đe dọa của một lãnh chúa vốn khét tiếng là không bao giờ đe dọa hão huyền, một cuộc

sống yên tĩnh mà ông phải mất bao nhiêu năm ròng vun đắp mới có được, bây giờ tất cả bị đảo lộn trong phút chốc, còn bản thân ông thì lâm vào một tình thế không biết làm thế nào ra thoát; những ý nghĩ ấy quay cuồng hỗn độn trong cái đầu gục xuống của Đôn Apbôndiô. "Nếu ta có thể đuổi nhẹ cái thằng Rendô ấy về với một lời khước từ khôn khéo, thì còn tạm được; nhưng nó sẽ hỏi lý do, và, vì lòng kính Chúa, ta biết trả lời nó thế nào? Chà, chà, chà, cái thằng quỷ ấy, nó cũng là một cái đầu biết nghĩ đây; một con cừu non nếu không ai động đến nó, nhưng cứ thử có kẻ nào muốn làm trái ý nó xem... chao ôi! Đã thế... đã thế, nó lại say chết mê chết mệt cái con bé Luxia ấy, nó yêu cứ như là... như là cái lũ nhãi ranh không còn biết làm gì mới sinh chuyện yêu đương, muốn cưới nhau và chẳng còn nghĩ đến cái gì khác nữa, chẳng thèm bận tâm đến những đau khổ chúng bắt một người lương thiện đáng thương phải chịu. Ối, sao mà tôi khốn khổ đến thế này! Thử xem nào, hai cái mặt hãm tài ấy việc gì cứ phải hiện ra đúng trên đường tôi đi để gây sự với tôi! Tôi có liên quan gì đến chuyện này? Hay là chính tôi muốn cưới vợ chăng? Tại sao chúng không đi mà nói với... Xem kìa: cái số tôi đã chán chưa? Bao giờ cũng cứ xong việc rồi cái đầu mới sáng ra. Giá như tôi biết gợi ý cho chúng đi mà xử lấy có hơn không..." Nhưng đến đây ông tự thấy mình thật quá tồi tệ vì đã hối hận không mách nước và cộng tác với cái việc làm xấu xa ấy; và ông chĩa tất cả mọi ý nghĩ giận hờn lên kẻ đã đến cướp đi như thế sự yên tĩnh của ông. Ông chỉ biết Đôn Rôđrigô do được nhìn thấy và nghe tiếng mà chưa bao giờ có việc gì giao thiệp với hắn, nếu không phải chỉ để cúi đầu cho cằm chạm ngực và ngả mũ sát đất trong đôi lần hiếm hoi gặp hắn trên đường. Đã nhiều lần ông có dịp bảo vệ danh tiếng cho vị lãnh chúa ấy chống lại những kẻ xì xào, họ

vừa thở dài vừa ngước mắt lên trời nguyền rủa một việc làm nào đó của ông ta: có đến trăm lần ông đã nói rằng đó là một nhà quý tộc đáng kính. Nhưng lúc này đây, trong thâm tâm ông thóa mạ hắn bằng tất cả mọi tính từ mà ông không bao giờ nghe người khác mở miệng nói mà không ngắt lời bằng một tiếng kêu phẫn nộ "Thôi nào!"

Bị những ý nghĩ xao xuyến ấy giày vò, ông bước chân về đến cổng nhà ở đầu làng. Ông cắm mạnh vào ổ khóa cái chìa khóa đã cầm sẵn trong tay, mở cửa, bước vào, đóng lại cẩn thận; rồi nóng ruột muốn được có bên mình một người tâm phúc nào đấy, ông gọi ngay: "Pecpêchuya! Pecpêchuya!" vừa gọi vừa tiến thẳng đến phòng khách ở đây chắc hẳn mụ đang dọn bữa ăn tối - Pecpêchuya, như ta chẳng khó gì mà không thấy, là người đầy tớ gái của Đôn Apbôndiô: một người hầu thân thiết và trung thành, biết phục tùng và sai khiến, tùy theo trường hợp, biết bỏ qua khi cần thiết cho những lời càu nhàu và việc làm trái tính trái nết của ông chủ, và bắt ông chủ nếu có dịp cũng bỏ qua cho những cái đó của mình, chúng càng ngày càng nhiều từ khi mụ quá cái tuổi bốn mươi theo tôn quy[1] mà vẫn ở vậy, vì đã từ chối tất cả các đám cầu hôn với mụ - theo mụ nói, - hoặc vì chẳng bao giờ tìm thấy một thằng vô lại nào muốn lấy mụ - như các bạn mụ nói.

- Con đây, - mụ đáp, vừa nói vừa đặt lên bàn, vào chỗ thường lệ, ve rượu ưa thích của Đôn Apbôndiô, rồi thong thả đi ra. Nhưng mụ chưa kịp bước khỏi ngưỡng cửa phòng khách thì ông đã thất thểu đi vào, với cái nhìn ảm đạm, bộ mặt hoảng hốt đến nỗi chẳng cần có con mắt tinh tường của

---

[1] Theo quy tắc của giáo hội, do quyết định của Hội đồng thành giáo Nhà thờ Toriđen (1545 - 1563): Cấm các linh mục dùng đầy tớ gái dưới tuổi bốn mươi. Tuổi bốn mươi được gọi là "tuổi theo tôn quy" (âge canonique).

Pecpêchuya cũng phát hiện ngay là ông đang có chuyện gì rất khác thường.

- Lạy Chúa từ bi! Thưa cha, có chuyện gì vậy?

- Không có gì, không có gì, - Đôn Apbôndiô đáp và thở hổn hển, buông mình xuống chiếc ghế bành.

- Không có gì là thế nào? Với con mà cha cũng nói vậy hay sao? Nhìn mặt cha kìa! Hẳn có chuyện gì nghiêm trọng đây.

- Ôi, lạy Chúa, khi tôi đã nói với bà là không có gì thì không có gì, hoặc đó là một cái gì mà tôi không thể nói ra được.

- Cha lại không nói được cả với con nữa ư? Thế ai sẽ chăm nom sức khỏe của cha? Ai sẽ có lời khuyên nhủ cha?

- Chao ôi! Xin bà im đi, và đừng dọn gì lên bàn ăn nữa. Cho tôi một cốc, cái thứ rượu của tôi ấy.

- Vậy mà cha còn muốn quả quyết với con rằng cha không có chuyện gì! - Pecpêchuya vừa nói vừa rót đầy cốc rượu, và cứ giữ nó trong tay, dường như mụ chỉ muốn đưa ra đánh đổi lấy điều bí mật mà mụ chờ đợi mãi.

- Đưa đây, đưa đây nào, - Đôn Apbôndiô nói, đỡ lấy cốc rượu bằng một bàn tay lẩy bẩy và nhanh chóng nốc cạn như uống thuốc.

- Vậy cha muốn con phải chạy ngược chạy xuôi để hỏi xem cái gì đã có thể xảy ra với ông chủ của con ư? - Pecpêchuya đứng trước mặt ông nói, tay chống nạnh, khuỷu tay khuỳnh ra đằng trước, nhìn ông chằm chằm như muốn giật từ trong mắt ông ra cái điều bí mật kia.

- Lạy Chúa! Bà đừng có rêu rao, cũng đừng làm ầm lên: cái chuyện này... mất mạng như chơi đấy!

- Mất mạng!

- Phải, mất mạng!

- Nhưng cha cũng thừa biết rằng mỗi lần cha tâm sự một điều gì với con, thì con không bao giờ...

- Úi chà! Như cái hôm ấy nhỉ...

Pecpêchuya biết mình đã chọn nhầm đường liền đổi ngay giọng:

- Đức cha của con, - mụ nói bằng một giọng xúc động và muốn làm người nghe cảm động, - xưa nay con bao giờ cũng tận tụy với cha, và nếu bây giờ con muốn biết thì cũng vì lợi ích của cha, bởi vì con muốn có thể giúp cha, góp với cha một lời khuyên có ích, an ủi cha...

Sự thực là Đôn Apbôndiô có lẽ cũng muốn trút ra cái điều bí mật đau đớn của mình chẳng kém gì Pecpêchuya muốn biết nó. Cho nên, sau khi đã đẩy lùi, mỗi lúc một yếu ớt, những đợt tấn công mới và kịch liệt hơn của mụ hầu, sau khi đã bắt mụ thề đi thề lại rằng mụ sẽ không hở môi ra nói với ai, cuối cùng, sau nhiều lần ngập ngừng than thở, ông đã kể lại với mụ cái chuyện rủi ro đáng buồn của ông. Khi ông sắp kể đến cái tên khủng khiếp của kẻ đã sai bọn *lâu la* đi gặp ông, Pecpêchuya lại phải thốt ra một lời thề nữa long trọng hơn; và cái tên ấy vừa nói ra được thì Đôn Apbôndiô cũng vật mình xuống ghế thở phào một cái, hai tay giơ lên trong một cử chỉ vừa ra lệnh vừa van xin, và nói: "Lạy Chúa!"

- Thật ngông cuồng hết nước! - Pecpêchuya kêu lên. - Ôi, tên hung ác! Ôi, kẻ bạo ngược! Ôi, cái con người không còn biết sợ Chúa nữa!

- Bà có im đi không? Hay bà muốn cho tôi chết luôn đấy?

- Ồ, chỉ có mình ta ở đây thôi, ai nghe được. Nhưng thưa Đức cha đáng thương của con, người định làm gì bây giờ?

- Hay chưa kìa. - Đôn Apbôndiô nổi khùng lên, - hãy xem

cái lời khuyên bảo hay ho của bà ấy ban cho tôi! Bà ấy hỏi tôi sẽ làm gì, tôi sẽ làm gì; cứ như là chính bà ấy đang bối rối, còn tôi lại phải giúp bà thoát nạn!

- Đây ạ! Con cũng có thể có một ý kiến nhỏ góp với cha; nhưng sau đó...

- Nhưng sau đó thì ta sẽ liệu.

- Ý kiến của còn là: bởi vì tất cả mọi người đều nói rằng đức tổng giám mục của ta là một bậc thánh nhân, và một người có thế lực, và không ai có thể làm ngài sợ, và mỗi lần có thể dạy cho một trong những tên bạo ngược ấy biết lẽ phải để bảo vệ một vị linh mục thì ngài rất sẵn lòng, cho nên con muốn nói, và con xin nói với cha rằng cha nên viết cho ngài một bức thư cặn kẽ, để ngài biết rõ đầu đuôi câu chuyện...

- Bà có im đi không? Bà có im đi không? Phải chăng đó là lời khuyên cho một con người khốn khổ? Giả dụ như, Cầu Chúa che chở cho con, tôi nhận một phát đạn vào lưng, thì có lẽ đức tổng giám mục ngài sẽ gắp viên đạn ấy ra cho tôi chắc?

- Ồ, những viên đạn đâu có phân phát như những cái kẹo thế; quả thật là tai hại nếu những con chó ấy cứ mỗi lần sủa là phải cắn! Về phía con, bao giờ con cũng thấy rằng người nào vừa biết giơ nanh vuốt ra vừa biết để người ta yêu quý mình, thì người ấy sẽ được kính nể. Và chính vì cha không bao giờ muốn khẳng định quyền hạn mình cho nên chúng ta mới bị dồn đến nước để người ta tự cho phép muốn làm gì thì làm...

- Bà im đi không?

- Con im ngay đây, nhưng dẫu sao cái điều chắc chắn là nếu người ta cứ thấy một người luôn luôn và trong tất cả mọi trường hợp sẵn sàng hạ mình xuống...

. . .

- Bà im đi không? Bây giờ đâu phải là lúc nói ra những điều nhảm nhí như vậy?

- Thôi được: để đêm nay cha suy nghĩ; nhưng trong khi chờ đợi xin cha đừng tự dằn vặt mình và hủy hoại sức khỏe. Cha ăn một miếng đi nào.

- Tự tôi sẽ lo toan lấy việc này, - Đôn Apbôndiô làu bàu đáp. - Tất nhiên. Tôi sẽ nghĩ đến nó, tôi có nhiều lý do để phải nghĩ đến nó. - Và ông đứng lên, nói tiếp: - Tôi không muốn ăn gì hết; không ăn gì hết; tôi có nhiều thứ khác trong đầu rồi. Tôi cũng thừa biết là chính tôi phải nghĩ đến việc ấy. Chứ sao! Thì cái việc ấy đổ lên đúng đầu tôi mà!

- Ít ra thì cha cũng uống thêm một ngụm rượu này đã nào, Pecpêchuya nói rót rượu cho ông uống. - Cha cũng biết là cái thứ này kích thích tì vị tốt lắm.

- Ồ, thật quả là tôi cần cái khác kia, cái khác kia, phải, cái khác kia!

Nói vậy rồi ông cầm cây đèn, và vừa đi lên buồng vừa luôn miệng làu bàu đủ mọi lời than phiền: "Chuyện không đâu vào đâu! Với một người tử tế như ta! Rồi ngày mai sẽ thế nào đây?" Tới ngưỡng cửa buồng mình, ông quay đầu lại nhìn Pecpêchuya, đặt một ngón tay lên miệng và chậm rãi, long trọng nói: "Vì lòng yêu kính Chúa!" rồi khuất vào trong buồng.

Chương hai

Người ta kể rằng Hoàng thân Côngđê đã ngủ một giấc say sưa trong cái đêm trước trận đánh Rôcroa[1]; nhưng thứ nhất, ông đã rất mệt; thứ hai, ông đã bố trí sẵn sàng tất cả và đã định trước tất cả những gì sẽ phải làm sáng hôm sau. Còn Đôn Apbôndiô, trái lại, vẫn chưa biết gì ngoài cái điều ngày mai sẽ là ngày giao chiến; bởi vậy phần lớn đêm ấy ông đã trằn trọc trong những suy nghĩ và lo sợ. Không đếm xỉa gì đến mệnh lệnh và những lời đe dọa của bọn vô lại mà cứ làm lễ cưới, đó là cái giải pháp mà thậm chí ông không muốn đem ra xem xét. Thổ lộ với Rendô mọi chuyện đã xảy ra để cùng anh tìm một lối thoát nào đó... Lạy chúa tha cho! "Đừng có mà bép xép... nếu không... hừm!" một tên *lâu la* đã nói vậy; và cứ nghe cái *hừm!* ấy vang lên trong đầu Đôn Apbôndiô chẳng những không dám nghĩ đến việc vi phạm điều nghiêm cấm ấy mà thậm chí còn hối hận vì đã đem nó ra trò chuyện với

---

[1] *Rôcroa:* một thành phố Pháp, nơi Lui đơ Buôcbông Côngđê (1621 - 1686), còn gọi là *Đại Côngđê (Le Grand Condé)*, thống lĩnh quân đội Pháp, đã chiến thắng quân Tây Ban Nha ngày 19-5-1643. Đây là chiến thắng lớn đầu tiên mở đầu cho nhiều chiến thắng lớn tiếp theo đi đến hòa ước Vexphan có lợi cho Pháp, chấm dứt cuộc Chiến tranh ba mươi năm (1618 - 1648).

Pecpêchuya. Hay là trốn đi? Đi đâu? Và rồi sau đó! Biết bao trắc trở, và biết bao món nợ phải thanh toán! Mỗi lần bác bỏ một dự định nào, con người khốn khổ lại trăn trở trên giường. Dù thế nào đi nữa thì cái giải pháp đối với ông có vẻ hay hơn cả, hoặc đỡ nguy hiểm hơn cả, là tranh thủ thời gian, bằng cách trì hoãn công việc của Rendô. Nhân đó ông nhớ là chỉ còn vài ngày nữa thì đến tuần chay cấm các việc cưới xin. "Nếu ta cố ghìm được anh chàng này trong vài ngày, thì sau đó ta có hai tháng để thở, và trong hai tháng, biết bao chuyện có thể xảy ra". Ông suy đi tính lại những cớ thoái thác có thể đưa ra; mặc dầu chúng có vẻ hơi ít trọng lượng, ông vẫn yên lòng khi nghĩ rằng uy tín của ông có thể cho chúng một sức nặng chính đáng và kinh nghiệm già đời của ông sẽ tạo cho ông một ưu thế lớn đối với anh chàng trẻ tuổi dốt nát. "Xem nào, - ông tự nhủ, - hắn nghĩ đến người đẹp của hắn, còn ta, ta nghĩ đến cái mạng của ta: kẻ sốt sắng hơn là ta, chưa kể ta lại khôn ngoan hơn. Con yêu quý của cha, nếu tình yêu có đốt cháy tâm can con, cha cũng chẳng làm gì được; nhưng cha không muốn vì con mà phải gánh chịu hậu quả". Định được một giải pháp như thế rồi, cuối cùng ông đã có thể nhắm mắt. Nhưng giấc ngủ mới lạ làm sao! Những cơn mộng mị mới gớm làm sao! Những tên *lâu la*, Đôn Apbôndiô, Rendô, những con đường mòn, những vách đá, những cuốc trốn chạy, những cảnh săn đuổi, những tiếng kêu, những phát súng...

Phút đầu tiên thức dậy, sau một tai họa hoặc khi người ta đang cơn khốn quẫn, quả thật là cay đắng. Đầu óc vừa hồi tỉnh liền quay về với những tư tưởng quen thuộc của cuộc sống trước đây; nhưng ý nghĩ về tình thế mới lập tức hiện ra một cách tàn nhẫn, và sự so sánh thoảng qua ấy chỉ càng làm cho nỗi chua xót thêm sâu sắc. Giây phút đau xót ấy đã qua, Đôn

Apbôndiô tức thì ôn lại những dự định của ông đêm hôm trước, càng thêm quyết tâm, sắp xếp chúng lại trật tự hơn, rồi ông đứng dậy và bắt đầu đợi Rendô với một nỗi sợ hãi lẫn nóng ruột.

Lôrendo, hoặc Rendô, như mọi người vẫn gọi anh, không để phải chờ lâu. Vừa đến lúc theo anh, có thể trình diện ở nhà vị linh mục mà không sợ phạm phép lịch sự, anh đi đến ngay với vẻ hăm hở vui mừng của một chàng trai hai mươi tuổi ngày hôm ấy sẽ được cưới cô gái mình yêu. Mồ côi từ thuở thiếu niên, anh theo nghề thợ kéo sợi, một nghề cha truyền con nối, có thể nói như vậy, trong gia đình anh; cái nghề ngày xưa kiếm ra tiền, vào thời ấy đã sa sút, nhưng dẫu sao vẫn chưa đến mức để một người thợ khéo không thể kiếm sống lương thiện. Công việc ngày một ít đi nhưng do sự di cư không ngừng của những người thợ bị thu hút vào các xứ lân bang bởi những lời hứa hẹn, những đặc quyền và những khoản tiền công lớn, cho nên công việc vẫn còn đủ cho những người ở lại. Ngoài ra Rendô có một mảnh đất nhỏ anh thuê người làm, và bản thân anh cũng tự làm lấy khi xưởng kéo sợi hết việc phải lĩnh lại; cho nên, ở vào địa vị anh, anh đã có thể tự cho là khá giả. Và mặc dầu năm ấy có đói kém hơn các năm trước, và nạn đói thật sự đã bắt đầu báo hiệu, chàng trẻ tuổi của chúng ta, từ khi để mắt đến Luxia, đã trở nên tần tiện, cuộc sống của anh khá dư dật và không phải chống chọi với nạn đói.

Anh ra mắt Đôn Apbôndiô trong bộ cánh ngày hội, mũ cắm lông sặc sỡ, trong túi quần dắt con dao găm chuôi rất đẹp, với vẻ trịnh trọng và hiên ngang nào đó khá thông thường thời ấy ngay với những người hiền lành nhất. Cách đón tiếp lúng túng và khó hiểu của Đôn Apbôndiô tương phản hết sức lạ lùng với thái độ vui vẻ và quả quyết của chàng trẻ tuổi.

"Chắc hẳn đầu óc cha đang mải việc gì?", Rendô nghĩ vậy, rồi anh nói:

- Thưa Đức linh mục, con đến để hỏi xem vào giờ nào thuận tiện cho cha chúng con có mặt ở nhà thờ.

- Con muốn nói cái ngày gì thế?

- Sao, còn ngày gì nữa? Thế cha không nhớ hôm nay là ngày đã định à?

- Hôm nay? - Đôn Apbôndiô đáp lại dường như ông mới nghe nói đến lần đầu. - Hôm nay, hôm nay... con chịu khó đợi vậy, hôm nay cha không thể.

- Hôm nay cha không thể? Có chuyện gì thế?

- Con không thấy à, trước hết, hôm nay cha khó ở.

- Con thật đau lòng; nhưng cái việc cha làm có tốn thời gian đâu, và có khó nhọc gì đâu...

- Lại còn, lại còn, lại còn...

- Lại còn gì nữa?

- Lại còn những khó khăn.

- Những khó khăn? Có thể có khó khăn gì vậy?

- Phải ở vào địa vị chúng tôi mới biết được bao nhiêu khó khăn người ta có thể gặp trong những chuyện này. Về phần tôi, tôi tốt bụng quá, tôi chỉ nghĩ một điều: làm sao gạt bỏ các trở ngại, đơn giản đi tất cả, làm mọi việc để vừa lòng người khác, và tôi sao nhãng bổn phận của mình; và thế là tôi đón lấy những lời quở trách, và còn tệ hơn nữa.

- Nhưng lạy Chúa, xin cha đừng làm tình làm tội con như thế, cha cứ nói rõ ràng, rành mạch ra xem là chuyện gì.

- Thế liệu con có biết để một đám cưới được tổ chức đúng phép tắc thì có thể phải thực hiện bao nhiêu thủ tục không?

- Chà, con lại còn phải biết cái gì nữa. - Rendô nói, bắt đầu

đổi sắc mặt, - bởi vì mấy ngày qua cha đã làm con khá đau đầu vì những thủ tục ấy rồi. Nhưng bây giờ chẳng lẽ tất cả vẫn còn chưa ổn hay sao? Chẳng lẽ ta vẫn chưa làm tất cả mọi điều phải làm hay sao?

- Tất cả, tất cả, đó là con tưởng thế; để cha nói con rõ: chính là cha ngu như lợn, cha không làm tròn phận sự mình để khỏi làm phiền lòng người khác. Nhưng bây giờ... tóm lại, cha biết cha nói gì. Chúng tôi đây những linh mục khốn khổ, chúng tôi ở trên đe dưới búa: anh thì nóng lòng sốt ruột (và tôi ái ngại cho anh, chàng trẻ tuổi tội nghiệp); còn các đấng bề trên của tôi thì... thôi đủ rồi, không thể nói ra hết được. Và bao giờ cũng là chúng tôi phải giơ đầu chịu báng.

- Nhưng xin cha giải thích cho con rõ dù chỉ một lần cái thủ tục khác nữa còn phải thực hiện ấy như cha nói, là cái gì, và con xin làm ngay.

- Con có biết có bao nhiêu điều ngăn trở cuộc hôn nhân thành vô hiệu không?

- Con biết sao được những điều ngăn trở ấy?

- *Error, conditio, votum, cognatio, crimen, Cultus disparilas, vis, ordo, ligamen, honestas, Si sis aftinis...*[1] - Đôn Apbôndiô bắt đầu, vừa kể vừa đếm trên đầu ngón tay.

- Cha giễu con đấy ư? - Chàng trẻ tuổi ngắt lời. - Cha muốn con làm gì với cái tiếng La tinh ấy của cha?

- Vậy thì, nếu con đã không biết gì về việc đó thì con phải kiên nhẫn và tin cậy ở những người hiểu biết.

- Thôi đi!

---

[1] Tiếng La tinh trong nguyên bản, liệt kê những điều cản trở cuộc hôn nhân: sự lầm lẫn, địa vị lệ thuộc, sự phạm tội, sự khác nhau về tôn giáo, sự ép buộc v.v...

- Nào nào, Rendô thân yêu của cha, đừng nổi nóng lên, bởi vì cha sẵn sàng làm... tất cả những gì trong phạm vi quyền hạn của cha, cha đây, cha chỉ muốn được thấy con vui lòng; cha yêu thương con lắm. Chà... chỉ cứ nghĩ rằng con đã được sung sướng đến thế; con còn thiếu gì nữa? Tự nhiên lại giở chứng đòi cưới vợ.

- Ông muốn nói gì vậy, thưa ông? - Rendô thốt lên, với một vẻ mặt vừa ngạc nhiên, vừa giận dữ.

- Đó là cha nói thế thôi, con cứ bình tĩnh, đó là cha nói thế thôi, cha chỉ muốn con được vui lòng.

- Nói tóm lại...

- Nói tóm lại, con yêu quý của cha ạ, cha chẳng làm gì được trong việc này; có phải cha đặt ra luật đâu. Trước khi cho kết hôn, chúng tôi thật sự bắt buộc phải tiến hành hàng loạt công việc tìm hiểu để chắc chắn rằng không có điều gì trở ngại.

- Nhưng rốt cuộc thì cha phải nói cho con biết dù chỉ một lần cái trở ngại nào mới nảy ra chứ?

- Hãy yên tâm một chút, đây không phải những điều có thể bỗng nhiên giải thích ngay được. Sẽ chẳng có gì đâu, ít nhất cha cũng hy vọng như vậy: nhưng dẫu sao thì những việc tìm hiểu ấy, chúng tôi phải làm. Văn bản đã định rất rành rành: *antequam matrimonium denunciet...*[1]

- Con đã nói với cha rằng con không cần đến tiếng La tinh.

- Nhưng mà cha phải giải thích cho con...

- Nhưng cha chẳng đã tiến hành những việc tìm hiểu ấy rồi đó sao?

---

[1] Trước khi tuyên bố kết hôn (tiếng La tinh trong nguyên bản).

- Cha chưa làm hết như chả cần phải làm, cha đã nói với con thế mà.

- Thế tại sao cha không làm kịp thời? Tại sao nói với con rằng mọi việc xong hết rồi? Tại sao còn phải đợi...

- Đó! Con trách cha đã quá tốt bụng. Cha đã đơn giản đi tất cả mọi điều để giúp con và tiến hành công việc nhanh hơn, nhưng... nhưng thế là xảy đến với cha... thôi, cha tự hiểu mình.

- Vậy cha muốn con phải làm gì?

- Muốn con chịu khó đợi vài ngày. Con yêu quý của cha, rốt cuộc thì vài ngày, đó không phải là mãi mãi: con hãy yên tâm.

- Đợi bao lâu?

"Ổn rồi", Đôn Apbôndiô nghĩ thầm và cố làm ra vẻ quan trọng hơn bao giờ hết, ông tuyên bố:

- Nào, trong mười lăm ngày nữa cha sẽ tìm cách... cha sẽ cố sức...

- Mười lăm ngày! Chuyện lạ thật! Người ta đã làm tất cả mọi điều ông muốn; ngày cưới ấn định rồi; cái ngày ấy đến và bây giờ ông bảo tôi đợi mười lăm ngày! Mười lăm... - anh nhắc lại bằng một giọng to hơn và gay gắt hơn, vung cánh tay lên giơ quả đấm vào không khí. Và ai biết anh sẽ giở trò quái quỷ gì nữa tiếp theo sau con số ấy nếu Đôn Apbôndiô không ngăn anh lại bằng cách nắm lấy tay kia, với một vẻ âu yếm rụt dè và vồn vã:

- Nào, nào, đừng có nổi nóng, vì lòng kính Chúa. Để xem, cha sẽ tìm cách, nếu có thể, trong một tuần...

- Còn với Luxia, con phải nói gì với cô ấy bây giờ?

- Rằng đó là điều sơ suất của cha.

- Còn mọi người sẽ bàn tán ra sao?

- Con cũng đi nói với tất cả mọi người rằng đó là cha lầm lẫn, bởi vì cha muốn giải quyết công việc nhanh quá, bởi vì cha tốt bụng quá: con cứ trút hết mọi tội lỗi lên đầu cha. Cha có thể nói gì hơn nữa với con? Thôi nào, một tuần thôi mà.

- Và sau đó, không còn trở ngại gì nữa chứ?

- Một khi cha đã nói với con...

- Thôi được, con sẽ cố đợi một tuần; nhưng xin cha nhớ cho điều này: Khi cái tuần ấy qua đi, con sẽ không bằng lòng với những lời đường mật nữa đâu. Trong khi chờ đợi, xin chào cha. - Nói xong, anh đi ra, chào Đôn Apbôndiô nhưng không cúi thấp như mọi ngày, và liếc nhìn ông với một con mắt mang nhiều ý tứ hơn là kính trọng.

Khi đã ra ngoài và lần đầu tiên miễn cưỡng đi đến nhà người vợ chưa cưới của mình, giữa cơn giận dữ, anh nghĩ lại cuộc nói chuyện vừa qua và càng thấy nó kỳ lạ. Lối tiếp đón lạnh nhạt và lúng túng của Đôn Apbôndiô, cái cách nói vừa khó nhọc vừa bồn chồn ấy, đôi mắt xám trong khi nói cứ không ngừng đảo đi đảo lại như sợ gặp phải những lời từ miệng anh thốt ra, cái cách xem gần như là mới cuộc hôn nhân đã được chuẩn bị ráo riết đến thế, và nhất là sự thường xuyên ám chỉ đến một điều gì quan trọng mà không bao giờ nói rõ là cái gì, tất cả những sự tình ấy cộng lại khiến Rendô phải nghĩ rằng bên trong có điều gì bí ẩn, khác với cái điều mà Đôn Apbôndiô muốn làm cho anh tin. Có lúc chàng trẻ tuổi ngập ngừng muốn quay trở lại để dồn ép ông linh mục và bắt ông nói rõ ràng hơn: nhưng khi ngước mắt lên, anh trông thấy Pecpêchuya đang đi trước mặt và bước vào một khu vườn nhỏ cách nhà vài bước. Anh gọi bà lại đúng lúc bà mở cửa, bước rảo lên đuổi kịp bà, giữ bà lại trên ngưỡng cửa, và với ý định khám phá một điều gì xác thực hơn, anh đứng lại khai mào câu chuyện.

- Chào bác Pecpêchuya. Cháu đã hy vọng hôm nay bác cháu mình được vui liên hoan với nhau.

- Biết làm sao được, tất cả là do ý Chúa, cháu Rendô tội nghiệp của bác ạ!

- Bác làm ơn giúp cháu: cái ông linh mục kỳ cục ấy đã làm cháu rối lên vì một mớ lý lẽ mà cháu chẳng hiểu gì cả; bác giải thích cho cháu rõ hơn tại sao ông ấy không thể, hoặc không muốn, làm lễ cưới cho chúng cháu hôm nay.

- Ồ, cháu tưởng bác biết được những bí mật của Đức cha thầy của bác đấy ư?

"Ta đã biết mà, có một bí mật gì ở đây", Rendô nghĩ; và, để làm sáng tỏ bí mật ấy, anh tiếp tục:

- Thôi nào, bác Pecpêchuya, bác cháu mình là chỗ thân tình; bác cứ nói những gì bác biết, xin bác cứu giúp một thằng bé khốn khổ.

- Sinh ra nghèo khổ thật là một điều tệ hại, cháu Rendô yêu quý của bác ạ.

- Vâng, quả thế, - Rendô lại nói, ngày càng tin chắc ở những nghi ngờ của mình và để cố đi sát vấn đề hơn, anh nói tiếp:

- Quả thế, nhưng chẳng lẽ công việc của các linh mục là ngược đãi những người nghèo hay sao?

- Cháu Rendô, hãy nghe bác; bác không thể nói gì được đâu, bởi vì... bác chẳng biết gì cả; nhưng bác có thể đoán chắc với cháu điều này: Đức cha thầy của bác không muốn làm hại cháu cũng như bất cứ ai khác và đó không phải là lỗi của Đức cha.

- Thế thì lỗi của ai? - Rendô hỏi với vẻ hờ hững nhưng trống ngực đập thình lình và tai căng ra nghe.

- Khi bác nó với cháu rằng bác không biết gì cả... Nhưng

để bảo vệ Đức cha thầy của bác, bác có thể nói, bởi vì bác rất khổ tâm phải nghe người ta đổ tội cho Đức cha là đã muốn làm phiền lòng kẻ khác! Một người thật đáng thương! Cái tội duy nhất của người là đã quá tốt bụng. Trên đời này không thiếu gì bọn vô lại, bọn bạo ngược, bọn không sợ Chúa...

"Bọn bạo ngược, bọn vô lại", Rendô nghĩ, "té ra không phải là các đấng bề trên".

- Thôi nào, - anh nói, khó khăn lắm mới che giấu được nỗi xúc động ngày càng tăng của mình. - Thôi nào, bác cho cháu biết đó là ai vậy!

- Chà, cháu muốn bác phải nói ra hả! Còn bác, bác không thể nói được bởi vì... bác chẳng biết gì cả; và khi bác chẳng biết gì, thì cũng dường như bác đã thề không nói. Cháu có thể đem bác ra tra khảo cũng không moi được cái gì ở miệng bác đâu. Thôi nhé, tạm biệt, cả hai ta cùng mất thời giờ rồi.

Nói vậy rồi mụ hấp tấp đi vào vườn và đóng cổng lại. Rendô chào rồi đi trở lui rất chậm, để mụ không nhận thấy được hướng anh đi. Nhưng khi đã ra ngoài tầm tai của người đàn bà hiền lành thì anh rảo bước. Trong chốc lát anh đã đến nhà Đôn Apbôndiô, bước vào, tiến thẳng đến phòng khách nơi anh đã chia tay cùng vị linh mục, thấy ông ở đó và đâm bổ đến ông với một vẻ táo tợn và cặp mắt điên dại.

- Ủa kìa! Có chuyện gì thế? - Đôn Apbôndiô nói.

- Tên bạo ngược ấy là ai, - Rendô nói với giọng của một người nhất quyết phải nhận được câu trả lời rõ ràng, - cái tên bạo ngược không muốn tôi cưới Luxia ấy là ai?

- Sao? Sao? Sao? - Con người khốn khổ bị chợt bất ngờ ấp úng, bộ mặt ông trong giây lát bỗng trắng bệch và mềm nhũn như một miếng giẻ mới lấy ở chậu giặt ra. Và vừa lầm bầm

ông vừa nhảy khỏi ghế bành để lao ra cửa. Nhưng Rendô, hẳn đã đoán trước hành động ấy và cảnh giác, liền nhảy đến đó trước ông, khóa trái cửa lại rồi bỏ chìa khóa vào túi.

- Chà, chà! Bây giờ thì ông nói chứ, ông linh mục? Tất cả mọi người ai cũng biết chuyện tôi, trừ có tôi. Cả tôi nữa, tôi cũng muốn biết chứ, mẹ kiếp! Tên nó là gì?

- Rendô! Rendô! vì Chúa, hãy coi chừng việc con làm; hãy nghĩ đến linh hồn con.

- Cái điều tôi nghĩ là muốn biết tên bạo ngược ấy ngay lập tức, ngay bây giờ đây. - Nói xong, anh đặt tay, có lẽ tự mình cũng không nhận thấy, nên chuôi dao găm thò ra ngoài túi.

- Đại xá cho cha! - Đôn Apbôndiô kêu lên với giọng yếu ớt.

- Tôi muốn biết nó!

- Ai đã nói với con thế?

- Thôi thôi! Đừng dài dòng. Ông cứ nói trắng ra và nói ngay đi.

- Con muốn cha phải chết ư?

- Tôi muốn biết cái điều tôi có quyền được biết.

- Nhưng nếu cha nói thì cha phải chết. Chẳng lẽ cha lại không thiết tha với cuộc sống của chính mình hay sao?

- Thế thì nói đi!

- Cái tiếng "thế thì" ấy được thốt ra một cách cương quyết, vộ mặt Rendô đầy vẻ hăm dọa đến mức Đôn Apbôndiô thậm chí không còn dám nghĩ đến chuyện cưỡng lại nữa.

- Con hãy hứa với Cha, con hãy thề đi, - ông nói, - là không cho ai biết, không bao giờ nói...

- Tôi hứa với ông là tôi sẽ làm bậy nếu ông không nói ngay tên con người ấy ra.

Trước bức tối hậu thư ấy, Đôn Apbôndiô, với bộ mặt và cái

nhìn của một người đã bị tọng chiếc kìm nhổ rằng vào miệng, thốt lên: "Đôn..."

- Đôn? - Rendô nhắc lại, như để giúp cho con bệnh khạc ra phần còn lại; và anh cúi xuống, tai ghé vào miệng ông linh mục, hai tay duỗi ra đằng sau và bàn tay nắm lại.

- Đôn Rôđrigô! - con bệnh vội vã nói liền đi mấy âm tiết ấy và lướt qua các phụ âm, phần vì luống cuống, phần vì trong khi còn được ít tâm trí để dàn xếp giữa hai nỗi sợ, dường như ông muốn lấp liếm tiếng ấy đi đúng vào lúc ông buộc phải nói ra.

- A, thằng chó má! - Rendô thét lên. - Vậy nó đã làm thế nào? Nó đã nói gì với ông để...?

- Làm thế nào, hử, làm thế nào? - Đôn Apbôndiô đáp với giọng gần như khinh khỉnh, dường như sau một sự hy sinh lớn đến thế, ông cảm thấy có phần nào trở thành người chủ nợ. - Làm thế nào hả? Tôi những muốn là chuyện ấy đến với anh như nó đã đến với tôi, với tôi là người chẳng có tội gì ở đây; và khi ấy chắc chắn trong đầu anh cũng chẳng còn ngông cuồng như thế nữa đâu.

Và thế là ông bắt đầu tả lại dưới những màu sắc khủng khiếp cuộc gặp gỡ tai hại và càng nói ông càng ý thức rõ hơn cơn giận dữ ghê gớm trong lòng, cơn giận cho đến nay vẫn giấu kín như thể bị che đậy trong nỗi sợ của ông; rồi, đồng thời cũng nhận thấy Rendô bối rối giữa cơn giận và sự ngượng ngùng đứng đờ ra, đầu gục xuống, ông tươi tỉnh nói tiếp:

- Con đã làm một việc hay ho thật đấy! Con đã khéo giúp đỡ cha quá! Chơi một vố như vậy với một người lương thiện, với linh mục của con! Ở ngay trong nhà người! Ở một nơi thiêng liêng! Chà, cái chiến công hiển hách quá đấy! Để lôi bằng được từ miệng cha ra cái tai họa của cha! Cái tai họa của

con! Cái điều mà cha đã giấu con vì khôn ngoan, vì lợi ích của con! Và bây giờ thì con biết rồi chứ? Thử xem con làm gì cha nào... Lạy Chúa! Đây không phải trò đùa. Không có chuyện trái hay phải ở đây: chỉ có sức mạnh. Và khi mà sáng nay cha giúp con một lời khuyên sáng suốt... hừ! Con nổi ngay cơn điên lên. Cha xử sự khôn ngoan như vậy cũng là vì cha và vì con. Nhưng rồi sao đây? Ít nhất con cũng mở cửa ra chứ. Đưa chìa khóa đây cho cha nào.

- Có thể con đã làm bậy, - Rendô đáp lại Đôn Apbôndiô với giọng dịu đi, nhưng trong đó còn sôi lên lòng căm giận kẻ thù mới phát hiện. - Có thể con đã làm bậy; nhưng cha hãy thử đặt tay lên ngực và nghĩ xem, nếu ở vào địa vị...

Nói đến đó, anh rút chìa khóa trong túi ra và đi mở cửa. Đôn Apbôndiô đi theo và trong khi Rendô xoay chìa khóa trong ổ, ông đến bên anh với bộ mặt nghiêm trang và lo lắng, và giơ lên trước mắt Rendô ba ngón đầu của bàn tay phải, dường như bây giờ đến lượt ông phải giúp anh, ông nói với anh:

- Ít ra con cũng thề đi...

- Có thể con đã làm bậy; cha thứ lỗi cho con, Rendô mở cửa đáp và định đi ra.

- Con thề đi..., - Đôn Apbôndiô lại nói và bàn tay run run nắm lấy cánh tay anh.

- Con có thể đã làm bậy, - Rendô nhắc lại và gỡ tay ra; rồi anh vội vã bước đi, cắt đứt ngay vấn đề, nó như một cuộc tranh luận về văn học, về triết học hoặc về một cái gì khác có thể kéo dài hàng thế kỷ trong khi mỗi bên chỉ cứ nhai đi nhai lại mãi một một luận điệu của mình.

- Pecpêchuya! Pecpêchuya! - Đôn Apbôndiô kêu to, sau khi đã cố gọi anh chàng đang bỏ chạy kia quay lại mà không được.

Pecpêchuya không đáp: Đôn Apbôndiô chẳng còn hiểu cái gì đã xảy ra với ông nữa.

Có những nhân vật còn quan trọng hơn Đôn Apbôndiô nhiều mà cũng lắm phen lâm vào tình thế nguy kịch vô cùng khốn khổ và vào tâm trạng không biết đường nào giải quyết, đến nỗi cái cách tốt nhất đối với họ để thoát ra khỏi tình trạng ấy là vào giường và lên cơn sốt. Phương kế này Đôn Apbôndiô khỏi phải mất công tìm kiếm, vì nó đã tự đến. Nỗi khiếp sợ của ông hôm trước, mối ưu phiền đêm qua, sự kinh hãi ông vừa phải chịu, nỗi lo lắng cho tương lai, tất cả đã cùng tạo nên hiệu quả. U uất, mụ mẫm, ông lại ngồi vào ghế bành, bắt đầu cảm thấy ớn lạnh khắp người, thở dài ngắm móng tay mình và chốc chốc lại gọi bằng một giọng run run và tức giận: "Pecpêchuya! Pecpêchuya!" Cuối cùng mụ cũng đến, cắp dưới nách một cái bắp cải to tướng, dáng bộ thung dung như không có chuyện gì. Tôi xin miễn cho bạn đọc khỏi phải nghe những câu "Sao mà tôi khốn khổ thế này!", "Tội nghiệp cha quá", những lời kết tội, những lời bào chữa, những "Chỉ có bà mới có thể nói ra" và những "Con có nói gì đâu!", tóm lại tất cả cái cuộc đối thoại rối tinh rối mù này. Chúng ta chỉ cần nói rằng Đôn Apbôndiô ra lệnh cho Pecpêchuya cài then thật chặt, không mở cửa vì bất cứ lý do nào, và nếu ai gõ cửa thì trả lời qua cửa sổ rằng Đức linh mục bị sốt đã đi nằm. Rồi ông thong thả lên cầu thang, cứ ba bậc lại nói: "Thật là cái số ăn mày"; và ông quả thật đã lên giường, còn chúng ta cứ để ông nằm tại đó.

Trong khi ấy thì Rendô ruột gan nóng như lửa đốt rảo bước về nhà, chưa quyết định được mình phải làm gì, nhưng cảm thấy cuồng lên như muốn thực hiện một việc gì đó phi thường và khủng khiếp. Những tên khiêu khích, những bọn

áp bức, tất cả những kẻ dù bằng cách nào làm hại người khác chẳng những có tội vì điều ác chúng phạm phải, mà còn vì sự biến chất chúng gây ra trong tâm hồn những người bị chúng lăng nhục. Rendô vốn là một thanh niên hiền lành, ghê tởm sự đổ máu, một thanh niên trung thực, kẻ thù của mọi sự xảo trá, nhưng lúc này đây lòng anh khát máu và đầu óc anh chỉ cần mơ tưởng đến việc làm hại. Anh những muốn chạy ngay đến nhà Đôn Apbôndiô, túm lấy cổ hắn và... nhưng anh chợt nhớ rằng nhà hắn như một pháo đài, trong ngoài đầy dãy bọn *lâu la* canh gác, chỉ những bè bạn thân thiết và người hầu hạ quen thuộc mới được tự do ra vào mà không bị lục soát khắp người: còn một anh thợ thủ công hèn mọn vô danh không thể vào đó mà không bị khám, huống hồ anh... chắc hẳn ở đấy chúng biết anh quá đi rồi. Thế là anh tưởng tượng ra mình cầm cây súng hỏa mai nấp sau một hàng rào, rình đợi Đôn Apbôndiô một mình qua đó: và, đắm chìm trong sự mơ tưởng ấy với một khoái cảm dữ tợn, anh đã tưởng nghe thấy một tiếng chân đi, tiếng chân *hắn;* anh từ từ ngẩng đầu lên, nhận ra thằng hung ác liền đưa súng lên vai, ngắm, bắn, trông thấy hắn ngã ra và thở hơi cuối cùng, anh ném vào mặt hắn một lời nguyền rủa, rồi chạy theo con đường biên giới tìm nơi ẩn náu. Thế còn Luxia? Cái tên ấy chỉ vừa vụt qua những giấc mơ hung dữ của anh là những ý nghĩ trở lại ùn ùn. Anh nhớ lại những lời chối trăng của cha mẹ, anh nhớ đến Chúa, đến Đức Mẹ đồng trinh và các thánh, anh nghĩ đến cảm giác hài lòng anh thường có vì thấy mình chẳng bao giờ phạm tội ác, đến sự kinh tởm anh thường cảm thấy khi nghe kể một câu chuyện giết người, và anh bừng tỉnh khỏi giấc mộng đẫm máu ấy, lòng đầy kinh hãi, hối hận và đồng thời cũng tràn ngập một niềm vui nào đó vì mình mới chỉ mơ tưởng mà thôi. Nhưng khi nhớ

đến Luxia là trong đầu anh lại kéo theo biết bao suy nghĩ! Bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu hứa hẹn, một tương lai hằng khao khát, tưởng như đã nắm chắc trong tay, và cái ngày bồn chồn chờ đợi! Thế mà người ta đã báo cho anh một tin như vậy, với những lời lẽ mới lạ làm sao? Và sau đó, anh biết quyết định thế nào? Làm sao để Luxia vẫn là của anh, bất chấp sức mạnh của tên bạo chúa vô liêm sỉ ấy? Và, xen vào tất cả những điều đó, không hẳn một sự ngờ vực đích xác, mà một cái bóng ám ảnh giày vò anh: sự hành hạ ấy của Đôn Apbôndiô chỉ có thể nảy ra từ một ham muốn thú vật đối với Luxia? Còn như cô ta có tạo cho con người ấy một chút duyên cớ nào nhỏ nhất, một chút hy vọng nào mong manh nhất không, cái ý nghĩ ấy chẳng bao giờ có thể nảy ra trong tâm trí Rendô được. Nhưng cô ta đã biết chuyện này chưa? Liệu tên bạo chúa có thể ủ ấp cái dục vọng đê tiện ấy mà cô không nhận thấy? Liệu hắn có thể dấn sâu vào sự việc đến thế mà không trước hết thử quyến rũ cô bằng cách nào đó? Còn Luxia thì chẳng hề hở môi nói với anh một lời nào! Với anh, người chồng chưa cưới của cô!

Lòng nặng trĩu những ý nghĩ ấy, anh đi qua nhà mình ở giữa làng, và cứ thế hướng thẳng đến nhà Luxia ở cuối làng, hơi ở ngoài rìa làng một chút. Đó là một ngôi nhà nhỏ, đằng trước mặt có sân hẹp ngăn cách với đường làng, một bức tường không cao lắm bao bọc quanh sân. Rendô bước vào sân và nghe thấy tiếng nói rì rầm không ngớt từ một phòng trên gác. Anh đoán hẳn là các bà các cô bạn bè và hàng xóm đến để cùng đi với Luxia và anh không muốn xuất hiện giữa đám người huyên náo ấy với bộ mặt có thể để họ đoán biết cái tin này. Một em bé gái đứng ở sân chạy đến kêu lên: "Chú rể! Chú rể!".

- Suỵt, Bettina, im đi nào! - Rendô nói. - Lại đây, em lên gặp chị Luxia, gọi chị ra một chỗ và khẽ nói với chị... nhưng

dừng để ai nghe được, đừng để ai nghi ngờ gì hết, nhá?... Em nói là anh có việc cần gặp chị, anh đợi chị ở phòng dưới nhà, và chị phải xuống ngay đấy!

Con bé chạy lên thang gác, vui vẻ và hãnh diện vì được giao cho làm một công việc bí mật.

Vừa lúc ấy Luxia bước ra, đã được bàn tay mẹ trang điểm cho từ đầu đến chân. Các cô bạn giành nhau cô dâu và đòi xem mặt. Luxia chống cự với vẻ bẽn lẽn hơi thô kệch của các cô gái nông dân, lấy khuỷu tay che mặt như một cái mộc, đầu cúi xuống ngực, hàng lông mày đen và dài chen lại trong khi đôi môi nở nụ cười. Mái tóc con gái đen nhánh của cô, xẻ một đường ngôi trắng và thẳng trên đỉnh đầu, tụ lại sau gáy tết thành nhiều vòng nhỏ cài những chiếc trâm bạc dài tỉa ra những tia sáng của một vầng hào quang, cái kiểu tết tóc của những cô gái nông dân vùng Milăng ngày nay vẫn còn. Cổ cô đeo một chuỗi hạt ngọc thạch lựu pha hạt cườm vàng, một áo nịt rất xinh bằng vải gấm hoa, ống tay áo xẻ ra và buộc lại bằng những dải băng đẹp; một váy ngắn bằng lụa sồi gấp nhiều nếp nhỏ và mau, đôi tất đỏ tươi dưới chân và đôi giày, cũng bằng lụa, có hình thêu trang trí. Ngoài những đồ trang điểm cổ truyền ngày cưới, Luxia còn mang đồ trang sức hàng ngày của cô, đó là một vẻ giản dị bữa nay được tôn lên và làm cho tươi thắm thêm bởi những tình cảm khác nhau biểu lộ trên khuôn mặt cô; một niềm vui hòa với chút xao xuyến trong lòng, vẻ dịu dàng e lệ thường lộ ra trên nét mặt những cô dâu trẻ không làm giảm sắc đẹp đi mà chỉ càng làm cho nó đặc biệt hơn.

Con bé Bettina lách vào trong đám người đến bên Luxia, khéo léo ra hiệu cho cô biết là em có điều muốn nói, và ghé vào tai cô nói lại câu nói ngắn gọn của em.

- Tôi ra một lát và trở lại ngay - Luxia nói với đám phụ nữ; và cô vội vàng đi xuống. Trông thấy bộ mặt khác thường và vẻ lo lắng của Rendô, cô hỏi anh với một linh cảm hãi hùng:

- Có chuyện gì thế?

- Luxia - Rendô đáp, - hôm nay mọi việc phải đình lại hết, và có trời biết bao giờ chúng mình mới thành vợ thành chồng được.

- Sao vậy? - Luxia luống cuống hỏi.

Rendô kể lại vắn tắt câu chuyện ban sáng. Cô lắng nghe, đầy vẻ lo âu; khi nghe đến tên Đôn Apbôndiô, cô đỏ mặt và run run kêu lên:

- Trời! Nó lại đi đến nước ấy nữa!

- Thế ra em đã biết...? - Rendô nói.

- Chao ôi, em biết chứ! - Luxia đáp. - Nhưng lại đến nước ấy nữa!

- Em đã biết những gì?

- Đừng bắt em nói bây giờ, đừng bắt em phải khóc. Để em chạy đi gọi mẹ, và mời mọi người về đã: chúng mình phải ngồi riêng với nhau.

Khi cô bước đi, Rendô khẽ nói qua hơi thở:

- Thế mà em chẳng nói gì với anh cả.

- Trời ơi, anh Rendô! - Luxia ngoái đầu đáp không đứng lại. Rendô hiểu rất rõ rằng tên anh được Luxia thốt lên lúc ấy và với giọng ấy có nghĩa là: chẳng lẽ anh có thể ngờ rằng em im lặng không phải vì những lý do chính đáng và trong sáng hay sao?

Trong khi ấy thì câu nói thì thầm bên tai, rồi sự biến đi của cô con gái đã kích động mối nghi ngờ và trí tò mò của bà Anhedơ hiền lành (tên bà mẹ của Luxia), và bà đi xuống để

xem có chuyện gì mới xảy ra. Cô con gái để bà ở lại với Rendô, quay lên nói với mọi người cố giữ cho vẻ mặt và giọng nói của mình thật bình tĩnh:

- Đức linh mục ốm, hôm nay không làm gì được.

Rồi cô vội vã chào tất cả mọi người và lại đi xuống.

Đám phụ nữ giải tán và đi khắp nơi kể lại chuyện này. Hai ba bà đến tận cổng nhà Đức linh mục để kiểm tra xem Đôn Apbôndiô có ốm thật không.

- Sốt mê man. Pecpêchuya đáp lại qua cửa sổ, và cái lời phiền muộn ấy, thuật lại cho các bà khác, chặn đứng ngay mọi điều phỏng đoán đã bắt đầu ùn lên trong óc họ và đã bí mật truyền đi từng mẩu trong những câu chuyện của họ.

Chương ba

Khi Luxia bước vào căn buồng dưới nhà thì Rendô giọng kinh hoàng đang kể lại mọi việc vừa qua với Anhedơ, và bà lắng nghe cũng không kém phần kinh hoàng. Cả hai cũng quay lại phía con người biết chuyện này hơn họ, và chờ đợi ở cô sự giải thích chỉ có thể là đau lòng thôi: giữa nỗi đau khổ và đồng thời tình thương yêu của họ mỗi người một khác đối với Luxia, cả hai đều để lộ ra một điều gì đấy, và một điều rất đỗi quan trọng. Mặc dầu nôn nóng muốn nghe chuyện con gái, bà Anhedơ không thể nén được một lời trách móc:

- Một việc như thế mà con cũng không nói gì cho mẹ hay!

- Con sẽ nói hết với mẹ đây, - Luxia đáp, lấy vai áo chùi nước mắt.

- Thế thì nói đi! Nói đi! Nói đi nào! - Cả bà mẹ và chàng rể đồng thanh thúc giục.

- Lạy Đức mẹ đồng trinh vô cùng sáng láng! - Luxia kêu lên, ai ngờ lại đến nông nỗi này!

Và, giọng nức nở, cô kể lại mấy ngày trước, khi cô ở xưởng kéo sợi về sau các bạn, Đôn Rôđrigô cùng một nhà quý tộc khác đi qua trước mặt cô: Đôn Rôđrigô cố giữ cô lại bằng những câu chuyện cô cho là không được đứng đắn lắm, nhưng

cô không để ý những chuyện ấy vội rảo bước và đuổi theo các bạn: trong khi ấy cô nghe thấy nhà quý tộc kia cười ha hả và Đôn Rôđrigô nói: "Cuộc nào". Ngày hôm sau, chúng lại đứng trên đường đi của cô: nhưng Luxia đi giữa các bạn, mặt cúi gằm: nhà quý tộc kia cười chế nhạo và Đôn Rôđrigô nói: "Rồi xem, rồi xem". "Nhờ trời, - Luxia nói tiếp, - đó là ngày làm việc cuối cùng ở xưởng kéo sợi. Con đã kể ngay tất cả với..."

- Con kể với ai? - Bà Anhedơ hỏi, không phải không có chút bực tức muốn biết ngay tên cái người thân tín được ưa chuộng hơn bà.

- Với cha Crixtôfôrô, khi xưng tội, mẹ ạ, - Luxia đáp, giọng dịu dàng phân trần. - Con đã kể hết với cha trong buổi mới đây mẹ con mình cùng đi lễ nhà thờ tu viện ấy mà: và, nếu mẹ còn nhớ, buổi sáng hôm ấy con cứ loanh quanh việc này việc nọ để kéo dài thời gian, đợi người làng đi qua rồi cùng đi với họ; bởi vì, sau những lần gặp bọn chúng, con rất sợ đi đường đến nỗi...

Nghe đến tên cha Crixtôfôrô đáng kính, nỗi hờn giận của bà Anhedơ dịu ngay xuống.

- Con làm thế là phải - bà nói, - nhưng sao con không kể cho mẹ biết nữa?

Luxia làm như vậy vì hai lý do chính đáng: một là không muốn để bà mẹ hiền lành phải phiền lòng và kinh hãi; hai là để tránh nguy cơ lan truyền từ miệng này qua miệng khác một câu chuyện mà cô muốn chôn vùi đi; hơn nữa Luxia còn hy vọng cuộc hôn nhân của cô sẽ chặn đứng, ngay từ đầu, cái chuyện theo đuổi bỉ ổi này. Tuy vậy trong hai lý do ấy cô chỉ đưa ra lý do thứ nhất.

- Còn với anh, - cô quay lại Rendô, nói với giọng muốn làm cho một người bạn nhận thấy là anh có lỗi, - chẳng lẽ em lại

phải nói chuyện ấy với anh hay sao? Chao ôi, bây giờ thì anh biết rõ quá đi rồi.

- Vậy Đức cha đã nói gì với con? - Bà Anhedơ hỏi.

- Đức cha bảo con làm sao tổ chức lễ cưới càng sớm càng tốt và trong khi chờ đợi thì con đừng ra khỏi nhà? Con hãy đem lòng thành cầu Chúa: và Đức cha hy vọng rằng cái người ấy không trông thấy con thì cũng không bận tâm về con nữa. Và thế là em cố sức, - Cô lại quay sang nói tiếp với Rendô, không ngước mắt lên và mặt đỏ bừng, - thế là em đành phải trâng tráo van xin anh cố chuẩn bị cho nhanh, và kết hôn trước ngày đã định. Ai biết được anh sẽ nghĩ về em thế nào? Nhưng em làm như vậy là với ý định tốt, người ta đã khuyên em như thế, và em tin chắc thế. Mà sáng nay, em đâu có tưởng rằng... Đến đây những tiếng khóc nấc lên làm cô nghẹn lời.

- Chà, thằng vô lại! Chà, thằng khốn kiếp, đứa giết người! Rendô kêu lên, chạy tới chạy lui trong phòng, chốc chốc lại nắm chặt chuôi dao.

- Trời ơi, tình cảnh ghê gớm quá! - Bà Anhedơ kêu lên.

Chàng trẻ tuổi bỗng đứng sững trước mặt Luxia đang khóc; anh nhìn cô với một vẻ trìu mến, buồn rầu, và cả giận dữ nữa, và nói:

- Đây là trò độc ác cuối cùng của tên giết người ấy.

- Không đâu! Anh Rendô, vì lòng yêu kính Chúa! - Luxia kêu lên. - Không, vì lòng yêu kính Chúa! - Chúa vẫn còn đó để giúp người nghèo: vậy anh muốn Chúa giúp ta thế nào, nếu ta làm điều sai trái?

- Không, không con ạ, vì lòng yêu kính Chúa! - bà Anhedơ nhắc lại.

- Anh Rendô, - Luxia nói với một vẻ hy vọng và quả quyết bình tĩnh hơn, - anh có nghề, và em cũng biết làm việc: ta sẽ đi thật xa để con người ấy không còn nghe nói đến ta nữa.

- Chà, Luxia! Rồi sau đó thì sao? Chúng mình vẫn chưa phải là vợ chồng! Liệu ông linh mục có chịu cấp cho mình giấy chứng nhận rằng chúng mình được tự do cưới nhau không? Một người như ông ta? Giả sử chúng mình đã kết hôn rồi, ôi, khi đó thì...

Luxia lại khóc, và cả ba cùng im lặng, chìm đắm trong một nỗi u sầu tương phản một cách đau buồn với bộ áo quần ngày hội lộng lẫy của họ.

- Các con này, các con hãy nghe mẹ, - bà Anhedơ một lúc sau nói. - Mẹ sinh ra trước các con, và mẹ cũng biết việc đời đôi chút. Cũng không nên sợ quá đến thế: con quỷ không ghê gớm đến mức người ta tưởng đâu. Với chúng ta, những người nghèo khổ, những việc rắc rối có vẻ rối hơn bởi vì chúng ta không biết tìm ra đầu mối mà gỡ: nhưng đôi khi chỉ cần một lời khuyên, một câu nói ngắn ngủi của một người nào đó có học... chà, mẹ biết rõ mẹ nói gì. Con cứ làm theo ý mẹ, Rendô ạ, con đến Leccô, tìm vị tiến sĩ Adecca Gacbugli[1] và kể lại với ngài... Nhưng, lạy Chúa, con đừng gọi ngài như vậy: đó là biệt hiệu. Phải nói là ngài tiến sĩ... Chà, không biết bây giờ tên ngài là gì nhỉ? Này! Mẹ không biết tên thật của ngài: tất cả mọi người đều gọi ngài như thế. Nói tóm lại, con đi tìm vị tiến sĩ ấy, ông người cao, gầy đét, hói đầu, mũi đỏ và có một nốt ruồi đỏ thẫm trên má.

- Được, con cứ nhìn là nhận ra, - Rendô nói.

---

[1] Tiếng Ý *Tzzecccagarbugli* nghĩa đen là "gây rối đi!" Đây chỉ một luật gia được nhân dân tặng cho biệt hiệu này vì chuyên làm rắc rối công việc để phục vụ những tên phạm tội.

- Tốt, - bà Anhedơ nói tiếp, - Đó thật là một người hiểu biết! Chính mẹ đây, mẹ đã từng thấy những người lúng túng như gà mắc tóc, đầu óc rối tinh lên, vậy mà chỉ ngồi một tiếng đồng hồ với ngài tiến sĩ Adecca Gacbugli (con nhớ đừng có gọi ngài như thế đấy!), chà, mà mẹ thấy người ấy giễu cợt cái điều đã làm mình lúng túng, đúng thế đấy con ạ. Con lấy bốn con gà sống thiến này đi, những con vật tội nghiệp mà mẹ đã chuẩn bị để làm thịt cho bữa tiệc ngày chủ nhật, và mang nó đến gặp ngài; bởi vì không bao giờ được đến nhà các vị ấy với hai tay không. Con kể với ngài mọi việc đã xảy ra: và con sẽ thấy là ngài nói ngay với con những điều không bao giờ nảy ra được trong đầu óc ta, dù ta có ngẫm nghĩ suốt cả năm trời.

Rendô rất vui lòng theo lời khuyên ấy; Luxia cũng tán thành, và bà Anhedơ, hãnh diện vì đã khuyên như vậy, lôi những con vật khốn khổ từ trong lồng ra từng con một, buộc cả tám chân lại bằng một sợi dây như bà bó một bó hoa, rồi đưa cho Rendô. Sau khi đã nghe những lời chúc tụng thành công của mẹ và người vợ sắp cưới, anh ra khỏi nhà lối sau vườn để bọn trẻ con không trông thấy, bọn này mà biết thế nào cũng chạy theo sau anh kêu toáng lên: "Chú rể! Chú rể!" Anh đi như thế, theo những đường men băng qua các cánh đồng, hoặc như người ta nói ở đây là qua các "vùng", lòng xao xuyến luôn nghĩ đến tai họa của mình và nghiền ngẫm những điều sẽ nói với tiến sĩ Adecca Gacbugli. Bây giờ tôi xin nhường bạn đọc tưởng tượng xem trong cuộc lữ hành này tình trạng các con vật khốn khổ kia như thế nào. Chúng bị trói chân và xách ngược lên, đầu chúc xuống, trong tay một người bị kích động bởi bao tình cảm và luôn làm điệu bộ kèm theo tất cả những ý nghĩ diễu qua hỗn độn trong đầu óc anh. Khi thì anh dang tay ra giận dữ, khi thì anh giơ tay lên tuyệt vọng, khi thì

tự nhiên vung tay trong không khí như để đe dọa; bằng cách nào thì anh cũng bắt chúng phải chịu những cú giật khủng khiếp bốn cái đầu lủng lẳng ấy phải nảy lên, những cái đầu này đã thế, trong thời gian ấy, còn tìm cách lấy mỏ mổ vào nhau, như rất thường hay xảy ra giữa những người bạn đồng hành cùng gặp cảnh không may.

Tới thị trấn, anh hỏi thăm nhà vị tiến sĩ, người ta chỉ cho anh và anh đến nó. Ngay từ cổng vào, anh đã cảm thấy nhút nhát như những người nghèo khổ thất học thường cảm thấy khi tiếp xúc với một ông lớn hoặc một bậc học giả, và anh quên phắt tất cả mọi lời lẽ đã chuẩn bị: nhưng anh liếc nhìn lũ gà sống thiến và lấy lại can đảm. Vào đến bếp, anh hỏi mụ người ở để xin phép nói chuyện với ngài tiến sĩ. Mụ liếc nhìn lũ gà và, dường như đã quen nhận những món quà biếu như thế, mụ giơ tay ra cầm lấy chúng, mặc dầu Rendô kéo lại về phía mình, bởi vì anh muốn ngài tiến sĩ trông thấy và biết là anh có mang đến một cái gì. Vị tiến sĩ đến đúng vào lúc mụ người ở nói: "Thì anh đưa đây nào, và vào đi". - Rendô cúi rạp đầu chào; vị tiến sĩ niềm nở nói với anh: "- Vào đây, con!" và ông dẫn anh vào phòng làm việc của ông.

Đó là một gian phòng lớn; ba bức tường treo những chân dung của mười hai đức hoàng đế Xê-da[1]; bức tường thứ tư được phủ kín bởi một tủ sách lớn đầy những sách cũ bụi bậm, giữa phòng là một cái bàn ngổn ngang những trát đòi, đơn xin ân xá, đơn khiếu nại, pháp lệnh, với ba bốn cái ghế chung

---

[1] Chỉ những người cầm quyền ở Đế quốc La Mã được kể lại trong cuốn "Sự tích mười hai đức Xêda" của nhà sử học Xuêtôni (60 - 141 sau công nguyên), kể từ Juyn Xêda (100 - 44 trước công nguyên) đến Đômixian (81 - 96 sau công nguyên). Tên "Xêda", thoạt đầu thuộc về một dòng họ, trở thành một bộ phận của tước hiệu các hoàng đế La Mã.

quanh, ở một bên bàn, một cái ghế bành có tay tựa, lưng ghế cao và vuông, hai góc lưng ghế có hình trang trí uốn lên như hai cái sừng, ghế bọc da bò đóng đinh mũi to mạ vàng mà một số đã long ra từ lâu, để lại những góc da bọc quăn queo chỗ này chỗ nọ. Vị tiến sĩ bận áo thụng mặc nhà, nghĩa là mặc một áo "tô-gơ"[1] cũ đã sờn mà ông đã dùng nhiều năm để cãi trong những dịp lớn, khi ông đi Milăng vì một vụ kiện quan trọng nào đó. Ông khéo cánh cửa và nói mấy lời khích lệ chàng trẻ tuổi:

- Nào con, kể ta nghe việc của con.

- Con muốn nói riêng với ngài một việc.

- Ta sẵn lòng vì con, con nói đi, - vị tiến sĩ đáp và ngồi vào ghế bành của ông.

Rendô đứng trước bàn, một tay thọc vào trong mũ, còn tay kia xoay xoay cái mũ, nói tiếp:

- Con muốn hỏi ngài, là người học rộng biết nhiều...

- Cứ nói cho ta biết sự việc đúng như xảy ra. - Vị tiến sĩ ngắt lời.

- Ngài thứ lỗi cho con: chúng con người nghèo hèn không biết ăn nói. Tức là con muốn biết...

- Trời ơi, những con người ngốc nghếch! Các anh là thế cả: đáng lẽ kể lại sự việc, thì các anh lại muốn đặt những câu hỏi, bởi vì các anh đã có dự định trong đầu cả rồi.

- Xin ngài tiến sĩ thứ lỗi cho con. Con muốn biết là nếu đe dọa một vị linh mục không cho ông làm lễ cưới thì có pháp luật trừng trị hay không?

"Ta hiểu rồi", vị tiến sĩ nghĩ bụng, mà thật ra ông đã hiểu gì đâu. "Ta hiểu rồi", và ông làm ngay ra vẻ nghiêm trọng;

---

[1] *Tô-gơ:* một kiểu áo dài đen của luật sư mặc khi tiếp khách và cái trước tòa.

nhưng một vẻ nghiêm trọng pha lẫn lòng thương hại và sự ân cần; ông bậm chặt môi, làm bật ra một âm thanh không rõ ràng, nó báo trước một tình cảm mà về sau ông diễn đạt rành mạch hơn trong những lời nói đầu tiên của mình:

- Một trường hợp nghiêm trọng đây, con ạ; một trường hợp đã được luật pháp dự kiến. Con đã tìm đến ta là phải lắm. Đó là một trường hợp được dự kiến rõ ràng trong hàng trăm pháp lệnh và... đúng trong một pháp lệnh năm ngoái của ngài đương kim thống đốc. Ta sẽ đưa con xem pháp lệnh ấy để con được nhìn tận mắt hai năm rõ mười.

Nói xong, ông đứng lên khỏi ghế bành và thọc tay vào đống giấy tờ hỗn độn, xáo lộn tất cả, bê lên từng tập cứ như ông đổ thóc vào đấu.

- Nó đâu rồi? Sắp thấy rồi đây, sắp thấy rồi đây. Cái việc cứ phải có một đống giấy tờ thế đấy! Nhưng chắc chắn nó phải ở chỗ này, vì đây là một sắc lệnh quan trọng mà. A! nó đây rồi, nó đây rồi! - Ông cầm tờ giấy lên, mở ra, nhìn ngày tháng và, vẻ mặt càng nghiêm trọng hơn, ông kêu lên: - Ngày 15 tháng 10 năm 1627! Đúng rồi, sắc lệnh năm ngoái. Một sắc lệnh mới tinh, trong số những sắc lệnh làm người ta phải kinh hồn. Con biết đọc chứ?

- Dạ, thưa ngài tiến sĩ, biết ít thôi ạ.

- Được. Con nhìn theo đây, rồi con sẽ thấy.

Và, giơ cao tờ sắc lệnh dăng ra, ông bắt đầu đọc, lẩm bẩm lướt qua một số đoạn và nhấn mạnh rành rọt với rất nhiều diễn cảm một số đoạn khác, tùy theo sự cần thiết:

"Mặc dầu, căn cứ vào sắc lệnh ban bố ngày 14 tháng chạp năm 1620 theo lệnh của đức công tước Phêria và đã được ngài lãnh chúa Đại đại nhân Gôndalô Phecnande dơ Coocđôva xác nhận, vân vân..., Nhiều biện pháp đặc biệt và nghiêm ngặt đã

được ban hành để ngăn ngừa những sự áp chế, ăn hối lộ và những hành động bạo ngược mà một số người dám phạm phải chống những bề tôi trung thành của Hoàng thượng, mặc dầu vậy, những việc làm ngang ngược và thói tà tâm vân vân..., vẫn không ngừng tăng lên đến mức buộc đại nhân phải, vân vân... Bởi vậy, theo ý kiến của Viện Nguyên lão và của một Hội đồng, vân vân, ngài đã quyết định ban bố sắc lệnh này.

Về những hành động bạo ngược, kinh nghiệm chừng tỏ rằng có nhiều kẻ, trong các thành phố cũng như các vùng nông thôn... con nghe rõ không? *của Quốc gia này đã dùng cường quyền để ăn hối lộ và áp bức những người yếu đuối hơn bằng nhiều cách khác nhau, hoặc dùng vũ lực cưỡng đoạt những văn tự mua bàn, thuê mướn, vân vân...* con theo dõi đến đâu rồi? Chà, dây này. Con nghe nhé: *Cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân.* Thế nào?

- Đúng là trường hợp của con, - Rendô nói.

- Nghe đây, nghe đây, còn nhiều điều khác nữa, rồi sau ta sẽ xem hình phạt thế nào:

- *"Cưỡng ép người ta phải làm chứng hoặc không được làm chứng; cưỡng ép một người nào đó phải bỏ nơi mình ở,... vân vân; cưỡng ép người này phải trả nợ; cưỡng ép người kia không được đòi nợ mình; cưỡng ép kẻ khác phải đến xay bột cho mình...*: tất cả những điều này không dính líu gì hết đến ta. A! Đây rồi: *cưỡng ép một linh mục không được làm cái việc mà chức nghiệp ông phải làm, hoặc cưỡng ep ông phải làm những điều không thuộc phận sự ông.* Thế nào?

- Cứ như là người ta chủ tâm ban hành sắc lệnh này cho con ấy.

- Hả? Đúng thế phải không? Nghe đây, nghe đây:... *và những hành động bạo ngược khác tương tự, nó là việc làm của*

những lãnh chúa, những nhà quý tộc, những kẻ thị dân, những tên vô lại hoặc những người dân thường. Không ai thoát được, tất cả đều nằm trong này hết; cứ như là thung lũng Giôxapha[1] vậy. Bây giờ con nghe đến hình phạt: *Mặc dầu tất cả những hành động xấu xa ấy và những hành động khác tương tự đã bị ngăn cấm, nhưng vẫn thấy cần phải áp dụng những biện pháp nghiêm khắc hơn nữa, cho nên đại nhân, bằng sắc lệnh này, không hủy bỏ những sắc lệnh trước... vân vân... quy định và hạ lệnh cho tất cả những quan tòa hiện có của Quốc gia này phải truy tố những kẻ vi phạm một điều nào đó trong những điều khoản đã kể trên, hoặc những điều khác tương tự, bằng những hình phạt về tài chính và những nhục hình, kể cả án đi đầy hoặc khổ sai, cho đến án tử hình...* chuyện vặt! *theo sự xử lý của đại nhân, hoặc của Viện Nguyên lão, và tùy theo tính chất từng sự việc, từng con người và từng hoàn cảnh phạm tội. Và đó là sự xử lý không - thương - hại và nghiêm khắc nhất...* vân vân... Gớm đấy chứ, hả? Và còn xem đây, tên các vị ký sắc lệnh: *Gôndalô Phecnande Coocvidit Phere:* Chẳng còn thiếu ai cả.

Trong khi vị tiến sĩ đọc, Rendô đưa mắt chậm chạp theo dõi ông, cố hiểu rõ những ý tứ liên lạc với nhau và chiêm ngưỡng những lời lẽ chí thánh ấy mà anh cho rằng hẳn phải chứa đựng những gì có thể giúp được anh. Vị tiến sĩ, thấy ông khách mới của mình biểu lộ sự chăm chú hơn là sợ hãi, lấy làm kinh ngạc. "Thằng cha này hẳn là một tên vô lại bất trị?", ông nghĩ. Rồi ông nói:

- Chà chà! Dẫu sao thì anh cũng đã cắt chỏm tóc rồi kia

---

[1] Một thung lũng ở Giudê (tên cũ của Palextin), nơi sẽ phải diễn ra sự phán xử cuối cùng.

mà. Anh không ngoan đấy: nhưng nếu anh muốn phó thác công việc cho ta thì điều đó không cần thiết. Sự việc nghiêm trọng thật; nhưng anh chưa biết tất cả những gì ta có thể làm được khi lâm sự đâu.

Để hiểu những lời trách móc ấy của vị tiến sĩ, ta cần phải biết, hoặc nhớ lại rằng vào thời ấy, những tên *lâu la* chuyên nghiệp và những kẻ bất lương đủ loại thường có thói quen để một chỏm tóc dài, mà chúng xõa ra trên mặt như một vành mũ khi đi đánh ai, trong trường hợp chúng thấy cần phải cải trang, và trong những trận đòn đòi hỏi cả sức khỏe và sự khôn ngoan. Các sắc lệnh đã không bỏ qua cái kiểu thời trang ấy. *Đại nhân* (hầu tước Hinôgiôxa) *hạ lệnh rằng kẻ nào để tóc dài tới mức phủ kín trán đến tận lông mày, hoặc tết bím tóc phía trước hoặc phía sau tai, kẻ đó sẽ phải phạt ba trăm êquy*[1]*; và, trong trường hợp không có tiền nộp phạt thì phải chịu ba năm khổ sai nếu phạm tội lần thứ nhất, và nếu tái phạm thì ngoài hình phạt trên còn phải chịu một hình phạt khác nặng hơn nữa, phạt tiền và nhục hình tùy theo sự xử lý của đại nhân.*

"Tuy vậy đại nhân vẫn cho phép những người hói đầu hoặc có nguyên nhân chính đáng khác như sẹo hoặc vết thương, vì phẩm giá và sức khỏe của họ, được để tóc dài theo sự cần thiết để che kín những khuyết tật ấy; đồng thời cảnh cáo họ không được đi quá giới hạn chính đáng và tối cần thiết, để khỏi phải chịu hình phạt như những kẻ vi phạm khác.

"Và cũng như vậy đại nhân hạ lệnh cho những thợ cắt tóc, nếu họ không muốn chịu phạt một trăm êquy hoặc ba lần treo dây bêu trước công chúng, và thậm chí một nhục hình nặng hơn nữa, theo quyền xử lý như đã nói trên, thì họ không được

---

[1] Đồng tiền vàng hoặc bạc có hình quốc huy lưu hành ở Ý ngày xưa.

để lại cho những người họ cạo đầu bất cứ kiểu bím tóc, chỏm tóc, búp tóc nào như đã nói, hoặc mái tóc dài hơn bình thường, ở trên trán cũng như hai bên thái dương và phía sau tai, mà phải để tóc đều nhau như đã quy định trên kia, trừ những người hói đầu hoặc có khuyết tật khác như đã nói.

Như thế, cái chỏm tóc đã gần như là một vật vũ trang và một dấu hiệu đặc trưng của bọn phá phách và bọn phóng đãng; do đó bọn này về sau được gọi là những tên *"xiuphô"*[1]. Cái tiếng ấy được giữ lại và ngày nay vẫn còn, với một nghĩa nhẹ hơn trong thổ ngữ: có lẽ không có bạn đọc nào ở Milăng không nhớ lại vào thời thơ ấu mình đã nghe cha mẹ, thầy giáo, hoặc một người bạn của gia đình, hoặc một người hầu nào đó nói về mình. "Thật là một thằng *xiuphô"*, thật là một thằng *"xiuphetô"*[2].

- Nói thật tình, với địa vị của con là một kẻ nghèo hèn, - Rendô đáp, - suốt đời con chưa bao giờ để chỏm tóc cả.

- Chúng ta sẽ chẳng đi đến đâu, - vị tiến sĩ lắc đầu đáp, với một nụ cười vừa tinh quái vừa sốt ruột. - Nếu con không tin cậy ở ta, chúng ta sẽ chẳng đi đến đâu. Cái anh chàng nói dối ngài tiến sĩ, con thấy không chính là một thằng ngu ngốc rồi sẽ đi nói thật với quan tòa. Với trạng sư của mình phải kể lại mọi điều thật rõ ràng. Còn việc của chúng tôi là sau đó sẽ làm nó rối lên. Nếu con muốn ta giúp thì phải nói hết với ta từ đầu đến cuối, với tấm lòng cởi mở, như đứng trước Đức cha rửa tội. Con phải nói với ta tên của người đã giao nhiệm vụ cho con hành động: tất nhiên, đó hẳn là một con người đáng được trọng vọng và trong trường hợp đó, ta sẽ đến nhà ông tỏ bày

---

[1] Tiếng Ý *Ciuffo:* chỏm tóc.

[2] *Ciuffetto:* tiếng giảm nghĩa của *ciuffo*, có nghĩa là một chỏm tóc. Đây nghĩa là "một thằng nhãi *xiuphô"*, "một thằng nhãi ma cà bông".

kính lễ. Tất nhiên ta sẽ không nói với ông rằng ta được biết từ miệng con là chính ông đã giao nhiệm vụ cho con; con cứ tin ở ta. Ta sẽ nói với ông rằng ta đến cầu xin ông che chở cho một chàng trai tội nghiệp bị vu khống. Ta sẽ cùng phối hợp với ông những biện pháp cần thiết để chấm dứt có lợi câu chuyện này. Con thừa hiểu rằng khi tự cứu mình ông cũng sẽ cứu con. Và cho dù cái việc liều lĩnh ấy chỉ hoàn toàn do con tự làm thôi, ta cũng không lùi bước: ta đã từng cứu những kẻ khác khỏi những khó khăn rắc rối hơn nhiều... Miễn là con đừng xúc phạm đến một nhân vật quan trọng nào, tất nhiên ta cam đoan sẽ cứu thoát con, dĩ nhiên với ít nhiều chi phí nào đó. Con phải cho ta biết, như người ta thường nói, kẻ bị xúc phạm là ai; và tùy theo địa vị, danh vọng và tính khí anh bạn của chúng ta, ta sẽ xem nên dọa dẫm hắn bằng uy thế những người che chở cho ta, hay tìm cách nào đó để chính ta lại tấn công hắn trước tòa và làm hắn mất ăn mất ngủ; bởi vì, con thấy không, với người nào biết vận dụng các sắc lệnh thì không ai là có tội, và không ai là vô tội. Về lão linh mục kia, nếu hắn là một đứa biết điều, hắn sẽ không nói gì; nếu hắn cứng đầu cứng cổ, cũng sẽ có cách trị những loại người ấy. Tình thế nào cũng xoay xở được; nhưng muốn vậy phải là người khôn ngoan: và trường hợp của con nghiêm trọng đây; nghiêm trọng, ta nhắc lại, rất nghiêm trọng; sắc lệnh đã công bố rõ ràng rành; và nếu sự việc phải được phán xử giữa tòa án và con, như thế này, giữa hai người đối diện nhau, thì con sẽ khốn to. Ta đây, ta nói với con trên tình bè bạn: đã giở trò nghịch ngợm thì phải trả giá: nếu con muốn ra thoát không sầy da xước vẩy, thì phải có tiền và phải thành tâm, tin cậy ở người đã mong muốn điều tốt lành cho con, biết vâng lời, làm tất cả những gì ta sẽ bảo con làm.

Trong khi vị tiến sĩ thao thao bất tuyệt tất cả những lời lẽ ấy, Rendô nhìn ông với vẻ chăm chú gần như thán phục của một anh chàng ngờ nghệch đứng trên quảng trường ngắm người làm trò ảo thuật, ông ta, sau khi đã tọng vào mồm hàng đống hàng đống sơ gai, rút ra hết cuộn băng này đến cuộn băng khác tưởng chừng không bao giờ cạn. Tuy vậy, sau khi hiểu rõ vị tiến sĩ muốn nói gì và ông đã lầm lẫn như thế nào, anh cắt đứt ngay cuộn băng trong mồm ông và nói:

- Ồ! thưa ngài tiến sĩ, ngài đã hiểu câu chuyện này thế nào? - Thật ra hoàn toàn ngược lại. Tôi đây, tôi chẳng đe dọa ai cả; tôi không làm những trò ấy; ngài cứ đi hỏi khắp làng tôi, người ta sẽ cho ngài biết tôi chẳng bao giờ có chuyện gì phải ra tòa. Cái việc đê tiện ấy, chính là người ta gây ra cho tôi; và nếu tôi đến gặp ngài, đó là để biết tôi phải làm thế nào có được công lý; và tôi rất hài lòng được thấy cái sắc lệnh này.

- Quái quỷ! - Vị tiến sĩ trợn tròn mắt kêu lên. - Anh nói những chuyện nhảm nhí gì đấy? À, đúng thế; các anh là thế cả; chẳng lẽ các anh không biết ăn nói cho rõ ràng hay sao?

- Nhưng, xin ngài thứ lỗi; ngài có để tôi kịp nói đâu. Xin ngài biết cho rằng ngày hôm nay tôi phải cưới - đến đây giọng Rendô nghẹn lên vì xúc động, - ngày hôm nay tôi phải cưới một cô gái mà tôi đã tìm hiểu từ mùa hạ năm nay; và hôm nay, như tôi nói đó, là ngày đã được ông linh mục ấn định, và tất cả đã chuẩn bị xong xuôi. Ấy thế mà ông linh mục bổng viện cớ này cớ nọ để thoái thác... tóm lại, tôi xin nói ngay để khỏi nhàm tai ngài, tôi đã bắt ông ta phải nói trắng ra tất cả, theo đúng lẽ phải; và ông đã thú nhận với tôi là người ta đã ngăn cấm ông, nếu không muốn mất mạng thì đừng làm lễ cưới. Cái tên bạo chúa Đôn Rôđrigô ấy...

- Chà chà! - Vị tiến sĩ vội ngắt lời, chau mày, hếch mũi, và

mồm quai lên chao chát. - Thôi đi! anh mang những chuyện tầm phào ở đâu đến đây làm tôi nhức đầu lên thế? Hãy để cái giọng ấy mà nói giữa các anh với nhau, là những kẻ không biết giữ mồm giữ miệng; và đừng có mang những lời lẽ ấy đến nói với một người tử tế vốn đã biết chúng có giá trị thế nào. Cút ngay, cút ngay; chính anh cũng không biết anh nói cái gì; còn ta, ta không muốn dính vào những trò trẻ con như thế, ta không muốn nghe những chuyện nhảm nhí ấy, những chuyện vu vơ.

- Nhưng tôi xin thề với ngài...

- Cút đi, ta đã bảo anh cút đi cơ mà: thử hỏi ta cần gì những lời thề thốt của anh? Cái chuyện đó không liên quan đến ta: ta không có trách nhiệm gì với nó. - Và ông xoa tay như đang rũ sạch trách nhiệm thật. - Anh phải biết liệu đường ăn nói; đừng có đến bắt chộp như thế một người tử tế.

- Nhưng xin ngài nghe cho, xin ngài nghe cho, - Rendô lải nhải vô ích; vị tiến sĩ vẫn luôn miệng kêu la, lấy tay xô anh ra cửa; và khi đã dồn được anh ra đến đó, ông mở cửa, gọi mụ người ở và nói:

- Trả ngay cho anh này tất cả những gì anh ta mang lại: ta không muốn gì hết, ta không muốn gì hết.

Mụ người ở, từ bao nhiêu năm hầu hạ trong nhà chưa ba giờ phải thi hành một mệnh lệnh như thế: nhưng mệnh lệnh ấy đã ban ra bằng một giọng cương quyết đến nỗi mụ không dám chần chừ. Mụ xách bốn con vật khốn khổ đưa cho Rendô với một cái nhìn thương hại khinh bỉ, như muốn nói: "Hẳn anh chàng phải làm điều gì quá quắt lắm!" Rendô muốn khách sáo để gà lại, nhưng ý ông tiến sĩ không thể lay chuyển, và chàng trẻ tuổi, choáng váng và tức giận hơn bao giờ hết đành phải lấy lại những lễ vật bị khước từ và trở về làng, để

thuật lại với mẹ con bà Anhedơ kết quả rực rỡ của chuyến đi công cán của mình.

Trong thời gian anh đi vắng, hai người phụ nữ, sau đã buồn rầu thay bộ lễ phục bằng bộ áo quần làm việc hàng ngày, lại ngồi bàn bạc với nhau. Luxia nức nở, bà Anhedơ thở dài. Khi bà khoe khoang những kết quả kỳ diệu mà ta có thể hy vọng ở những lời khuyên của vị tiến sĩ, Luxia nói rằng phải tìm lối thoát bằng tất cả mọi cách; rằng cha Crixtôfôrô là một người không những chỉ biết khuyên bảo, mà bản thân mình cũng tích cực can thiệp khi cần cứu giúp những người nghèo khổ; và nếu ta có thể cho cha biết tất cả những gì đã xảy ra thì rất tốt. "Đúng đấy", bà Anhedơ nói, và họ bắt đầu tìm cách xem nên làm thế nào, vì họ cảm thấy ngày hôm ấy không đủ can đảm tự mình đi đến tu viện, chỉ cách đó chừng hai dặm; và chắc chắn không một người khôn ngoan nào lại khuyên họ đi như thế.

Nhưng trong khi họ đang cân nhắc xem nên quyết định lường nào thì có tiếng gõ cửa nhè nhẹ, và đồng thời có tiếng nói *Des gratias*[1] khẽ mà rành rọt. Luxia cố đoán không biết là i, chạy ra mở cửa; từ cửa bước vào, vừa đi vừa khẽ cúi chào thân mật, một thầy dòng quyên giáo, một tu sĩ dòng đạo hành khất[2], cái đẫy đeo bên vai trái, hai tay giữ miệng đẫy xoắn lại ép vào ngực.

- Kìa, thầy Gandinô! - Cả hai người đàn bà cùng nói.

- Cầu Chúa ở bên các người, - thầy dòng nói - Tôi đi quyên trái hồ đào đây.

---

[1] Đội ơn chúa (tiếng La tinh trong nguyên bản).

[2] *Capucin:* tu sĩ thiên chúa giáo thuộc dòng họ đi hành khất của Thánh Frăngxoa, thường mặc áo thụng có đính mũ trùm đầu (*capuchon;* tiếng Ý là *cappuccio).* Do đó mà có tên của dòng đạo.

- Vâng, xin thầy mang hồ đào về dây cho các cha, - bà Anhedơ nói.

Luxia đứng dậy đi sang phòng bên, nhưng trước khi vào phòng, cô đứng lại sau lưng thầy Gandinô, thầy vẫn đứng trong tư thế như trước; cô đặt một ngón tay lên miệng, liếc nhìn mẹ một cái để yêu cầu giữ bí mật, với vẻ van xin âu yếm, nhưng không phải không cương quyết.

Thầy quyên giáo vẫn đứng từ xa như thế nhìn bà Anhedơ hỏi:

- Còn đám cưới thế nào? Lẽ ra phải tổ chức hôm nay đấy nhỉ: tôi thấy trong làng xôn xao thế nào ấy, như có gì mới xảy ra. Có chuyện gì vậy?

- Ông linh mục bị mệt, phải hoãn lễ cưới - bà Anhedơ hấp tấp đáp lại. Giả sử Luxia không ra hiệu cho bà từ trước câu trả lời chắc sẽ khác. - Còn việc quyên giáo của thầy thế nào? - Bà nói thêm để lái câu chuyện sang hướng khác.

- Không khá lắm đâu, bà bạn tốt bụng của tôi ạ! không khá lắm đâu. Tất cả có đây thôi. - Và thầy nhấc đẫy ra khỏi vai, hai tay tung nó lên. - Tất cả có đây thôi; và để thu nhặt được mớ quý hóa này, tôi đã phải đi gõ cửa đến mười nhà.

- Biết làm sao! Mấy năm nay trời làm đói kém, thầy Gandinô ạ; và khi người ta đã phải đo từng mẩu bánh, thì người ta cũng chẳng có của dâu mà hào phóng.

- Vậy có cách gì để thời sung sướng trở lại hở bà bạn tốt bụng của tôi? Phải giầu lòng bố thí. Bà đã nghe chuyện phép màu về những trái hồ đào xảy ra đã lâu trong tu viện của chúng tôi ở Rômanhơ chưa?

- Quả thật chưa ạ! Xin thầy cho nghe một chút.

- Ồ! Vậy thì các bà phải biết rằng trong tu viện ấy, năm

xưa đã từng sống một vị tu sĩ của chúng tôi, một bậc thánh thật sự, tên là cha Macariô. Một ngày mùa đông, khi đi qua cánh đồng của một vị tín chủ của chúng tôi, ông này cũng là một nhà hảo tâm, cha Macariô trông thấy ông đứng bên một cây hồ đào đại thụ, và bốn người làng đang vung cuốc bắt đầu cuốc gốc cây để đánh rễ. "Ông làm gì cái cây tội nghiệp này thế?" - Cha Macariô hỏi. "Ồ, thưa cha, đã hết năm này qua năm khác nó không ra quả nữa; con chặt làm củi đây". - "Thế thì cứ để yên nó đấy, - Đức cha nói; - Con nên biết rằng năm nay nó sẽ ra nhiều quả hơn lá". - Vị tín chủ, vốn đã biết con người nói những lời ấy, liền ra lệnh cho người làm lại vun đất vào rễ; rồi ông gọi với theo Đức cha đang đi tiếp: "Thưa cha Macariô, - ông nói, - một nửa vụ thu hoạch sẽ là của tu viện". Tiếng đồn về lời tiên tri truyền đi, và tất cả mọi người đổ xô đến xem cây hồ đào. Quả thật, về mùa xuân cây nở cơ man nào là hoa, và đến vụ thu hoạch thì cơ man nào là quả. Vị tín chủ hảo tâm không còn được hưởng nỗi mừng chọc quả, vì ông đã về với Chúa, từ trước vụ thu hoạch để nhận phần thưởng cho lòng từ thiện của ông. Nhưng phép màu còn vĩ đại hơn nữa, rồi các bà xem. Con người hiền lành ấy đã để lại một đứa con trai khác hẳn cha. Vậy là, tới kỳ thu hoạch, thầy quyên giáo đến nhận một nửa số hồ đào dành cho tu viện; nhưng anh con trai này làm ra vẻ không biết gì và liều lĩnh đến mức đáp lại rằng hắn chưa bao giờ nghe nói những thầy tu dòng đạo hành khất lại làm được ra những quả hồ đào. Thế các bà có biết điều gì đã xảy ra không? Một hôm (nghe cho rõ này) tên phóng đãng ấy mời mấy đứa bạn bè cùng một giuộc với nhau, và vừa ăn uống phè phỡn hắn vừa kể cho lũ bạn câu chuyện cây hồ đào, và nhạo báng các thầy dòng. Những thằng vô lại ấy ngỏ ý muốn đi xem cái đống hồ đào khổng lồ, và tên

chủ nhà dẫn chúng đến vựa lúa. Nhưng, các bà nghe đây này: hắn mở cửa, tiến đến cái xó chất đầy một đống tướng và nói: "Các bạn xem đây", hắn cũng tự mình nhìn xem và... hắn thấy gì? Một đống kếch sù những lá hồ đào khô. Tấm gương tầy liếp đấy chứ, hả? Và tu viện, đáng lẽ bị thua thiệt, lại thành ra được lợi; bởi vì, sau một sự kiện lớn lao đến thế, việc quyên hồ đào cứ thu về ùn ùn đến nỗi mỗi vị tín chủ, động lòng thương thầy quyên giáo khốn khổ, liền cúng tu viện một con lừa để giúp thầy chở hồ đào về. Và người ta ép ra bao nhiêu dầu đến nỗi mỗi người nghèo đều có thể đến lấy tùy theo nhu cầu của mình; bởi vì chúng tôi như cái biển nhận nước từ khắp nơi rồi đến lượt mình lại phân phát nước cho tất cả mọi dòng sông".

Lúc ấy Luxia bước ra, tạp dề chất đầy hồ đào đến nỗi cô phải khó khăn lắm mới giữ được nó bằng hai cánh tay dang thẳng nâng hai đầu tạp dề lên. Trong lúc thầy Ganđinô lại nhấc đẩy ra, đặt xuống đất và cởi miệng đẩy để cho đống của bố thí hào phóng vào, bà Anhedơ ngạc nhiên và nghiêm nghị nhìn Luxia, vì sự hoang phí của cô; nhưng Luxia liếc nhìn bà một cái như muốn bảo: "Rồi con sẽ nói mẹ hay". Thầy Ganđinô hết lời ca ngợi, chúc tụng, hứa hẹn, cám ơn, và lại khoác đẩy lên lưng định bước đi. Nhưng Luxia gọi thầy lại và nói:

- Con muốn nhờ thầy một việc; nhờ thầy bẩm hộ với Đức cha Crixtôfôrô là con rất muốn thưa chuyện với cha, và cha làm ơn cất bước đến nhà chúng con, những người đàn bà khốn khổ, ngay bây giờ, vì chúng con không thể tự mình đi đến nhà thờ được.

- Có thế thôi ư? Chưa đầy một giờ nữa, cha Crixtôfôrô sẽ biết được ước nguyện của con.

- Con hoàn toàn trông cậy ở thầy.

- Con cứ yên tâm! - Nói xong thầy bước đi, lưng còng xuống thấp hơn một chút và hài lòng hơn khi mới đến.

Khi thấy một cô gái nghèo khổ biểu lộ tất cả lòng tin cậy nhờ tìm cha Crixtôfôrô, và thầy quyên giáo nhận việc ủy thác ấy chẳng hề ngạc nhiên và chẳng tỏ ra khó khăn gì, xin đừng ai nghĩ rằng cha Crixtôfôrô ấy chỉ là một tu sĩ như ta thấy hàng đống, một nhân vật không quan trọng. Trái lại đó là một con người có uy tín lớn đối với bạn bè thân thích và trong khắp vùng này. Nhưng địa vị của những thầy tu dòng đạo hành khất là ở chỗ không có gì đối với họ có vẻ thấp hoặc cao quá. Phục vụ những người hèn mọn nhất và lại được những kẻ quyền thế giúp đỡ, bước vào những lâu đài và những túp lều tranh cũng với vẻ khúm núm và tự tin như nhau, có khi ngay trong một nhà vừa là đối tượng để đùa cợt lại là một nhân vật mà thiếu ông thì không thể quyết định được điều gì, đi xin của bố thí khắp nơi và bố thí cho tất cả mọi người đến hỏi xin tu viện: một thầy tu dòng đạo hành khất vốn quen làm tất cả. Trên đường đi, ông rất có thể gặp một hoàng thân cúi hôn đầu sợi dây buộc áo của ông để tỏ lòng kính trọng, cũng như một tốp vô lại giả vờ đánh nhau để làm bắn bùn lên râu ông. Cái tiếng "thầy dòng" vào thời ấy được nói lên với tất cả niềm kính nể hoặc với vẻ khinh miệt tồi tệ nhất; và những thầy tu dòng đạo hành khất, có lẽ hơn tất cả những tu sĩ các dòng đạo khác, là đối tượng của cả hai tình cảm đối lập nhau ấy, và trải qua cả hai số phận ngược nhau; bởi vì họ chẳng có gì cả, họ mặc bộ áo quần khác với y phục bình thường một cách kỳ dị hơn, truyền giáo sự nhẫn nhục công khai hơn, cho nên họ dễ được kính nể hơn và cũng dễ bị miệt thị hơn, tùy theo những tính khí và những quan niệm khác nhau của mọi người.

Thầy Gandinô vừa đi khỏi, bà Anhedơ kêu lên:

- Sao mày cho lắm hồ đào thế! Lại đúng vào cái năm như năm nay!

- Mẹ thứ lỗi cho con, - Luxia đáp. - Nhưng nếu ta chỉ bố thí như mọi người, thì thầy Gandinô sẽ phải tiếp tục cuộc đi quyên có mà trời biết đến bao giờ mới đầy được cái đẫy của thầy; có trời biết đến khi nào thầy mới về tu viện, và với tất cả những câu chuyện dông dài thầy nói và nghe dọc đường, thì có trời biết trong đầu thầy còn nhớ được cái gì...

- Con nói phải; vả lại đây là một công việc từ thiện bao giờ cũng để phúc về sau, - bà Anhedơ nói; mặc dầu những thiếu xót nhỏ bà vẫn là một người đàn bà rất tốt, sẵn sàng, như người ta nói, nhảy vào lửa vì cô con gái độc nhất mình bà hết lòng yêu quý.

Vừa lúc ấy Rendô về. Bước vào nhà với một vẻ vừa tức giận vừa sượng sùng, anh ném những con gà sống thiến lên bàn; và đó là nỗi bất hạnh cuối cùng của những con vật khốn khổ này trong ngày hôm ấy.

- Ý kiến của mẹ giúp con hay quá! - Anh nói với bà Anhedơ. - Mẹ đã phái con đến nhà một người tử tế quá, ông ta giúp đỡ những người nghèo khổ chân tình thật! - Và anh kể lại cuộc nói chuyện với vị tiến sĩ. Bà Anhedơ sửng sốt trước một kết quả đáng buồn đến thế, đã toan bày tỏ cho anh thấy là lời khuyên của bà tuy vậy vẫn đúng, và chắc hẳn Rendô đã không biết đường ăn nói; nhưng Luxia cắt ngay cuộc tranh cãi ấy báo tin là cô hy vọng đã tìm được một nơi giúp đỡ tốt hơn Rendô, như tất cả mọi người trong cơn khốn đốn cũng vui mừng đón nhận niềm hy vọng ấy. "Nhưng, - anh nói, - nếu Đức cha không tìm được cách nào giúp ta thoát nạn, thì tôi sẽ tìm ra một cách, của tôi hoặc thế này hay thế khác".

Hai người phụ nữ khuyên anh nên ôn hòa, kiên nhẫn, thận

trọng. "Ngày mai, - Luxia nói. - Cha Crixtôfôrô thế nào cũng đến, mẹ với anh sẽ thấy cha tìm ra một cách mà những người nghèo hèn chúng ta thậm chí không thể nào nghĩ tới được".

- Tôi hy vọng, - Rendô nói, - nhưng bất kể thế nào tôi cũng sẽ biết đường rửa hận, hoặc tự mình, hoặc nhờ người khác. Dẫu sao cũng vẫn có một công lý trên đời!

Cả một ngày qua đi với những cuộc trò chuyện đau buồn ấy, với những cảnh chạy ngược chạy xuôi mà chúng tôi đã kể trên. Màn đêm bắt đầu buông xuống.

- Chúc anh ngon giấc, - Luxia buồn rầu nói với Rendô, nhưng anh không thể đành lòng cất bước ra về.

- Chúc em ngon giấc, - Rendô đáp lại càng buồn rầu hơn nữa.

- Sẽ có thánh nhân phù hộ chúng ta, - Luxia nói, - anh hãy thận trọng, và nhẫn nhục.

Bà mẹ góp thêm mấy lời khuyên tương tự; và người chồng chưa cưới ra về với cơn giông tố trong lòng, luôn miệng nhắc đi nhắc lại những lời nói lạ lùng này: "Dẫu sao cũng vẫn có một công lý trên đời!" Quả thật khi một người nặng trĩu đau buồn thì không còn biết mình nói gì nữa.

Chương bốn

Vầng dương còn chưa ló khỏi chân trời, cha Crixtôfôrô đã từ tu viện Pexcarênicô bước ra để đi lên ngôi nhà nhỏ ở đó người ta đang đợi cha. Pexcarênicô là một xóm nhỏ trên tả ngạn sông Ada, hoặc đúng hơn trên tả ngạn hồ, ở gần cầu: một khóm nhà, phần lớn của ngư dân, với những tấm lưới phơi dăng ra đây đó. Tu viện ở bên ngoài xóm (và ngôi nhà ấy ngày nay cũng vẫn còn), đối diện với cổng xóm, cách nhau bởi con đường từ Leccô đi Becgam. Bầu trời trong vắt: mặt trời lên cao dần sau núi, và ánh sáng từ các đỉnh núi đối diện nhanh chóng tràn xuống dọc theo các sườn núi vào trong thung lũng. Một làn gió nhẹ mùa thu bứt những lá dâu héo trên cành rơi xuống cách gốc cây vài bước. Bên phải và bên trái, trong các ruộng nho, những chiếc lá nhiều sắc đỏ khác nhau lấp lánh trên những dây nho; và đất nâu mới cày lên nổi bật trên những cánh đồng phủ rạ trắng nhờ nhờ và lóng lánh hạt sương. Cảnh tượng thật tươi tắn; nhưng mỗi bóng người hiện ra ở đây lại khiến mắt nhìn và ý nghĩ thêm buồn. Chốc chốc ta lại gặp những người ăn mày rách rưới, gầy hốc hác, đã già đời trong nghề hành khất hoặc lúc này mới bị đẩy tới cảnh ngửa tay đi ăn xin. Họ đi qua không nói gì bên cạnh cha Crixtôfôrô,

nhìn cha bằng con mắt thật đáng thương và mặc dầu họ chẳng hy vọng gì ở cha, vì một thầy tu dòng đạo hành khất không bao giờ có tiền, họ vẫn cúi chào kính cẩn cám ơn cha, vì họ đã nhận được của bố thí hoặc sẽ đến xin ở tu viện. Cảnh tượng những người đi làm rải rác trên các cánh đồng còn có một cái gì đau đớn hơn nữa. Người này bước lên gieo những hạt giống ít ỏi một cách dè sẻn, miễn cưỡng, những người phải đánh liều bỏ đi một vật mà mình rất quý; người kia hình như phải vất vả lắm mới thúc được lưỡi xẻng và chán ngán lật hòn đất lên. Một cô gái gầy gò, tay cầm sợi dây chăn một con bò cái tơ gầy giơ xương, cô nhìn trước nhìn sau cúi nhanh xuống lấy trộm của nó ít cỏ về làm thức ăn cho gia đình: thứ cỏ mà cơn đói đã dạy cho cô biết là cũng có thể nuôi sống con người. Những cảnh tượng như thế chỉ làm vị tu sĩ càng bước đi càng thêm buồn, khi trong lòng ông vốn đã tràn đầy một linh cảm nặng nề là sắp phải biết đến một nỗi bất hạnh nào đây.

Nhưng tại sao ông lại lo lắng cho lịch sử đến thế? Và tại sao mới nghe nhắn ông đã vội vã lên đường, cứ như là được Đức cha đầu tỉnh triệu đến vậy? Và cha Crixtôfôrô đó là ai? Tất cả những câu hỏi ấy cần được giải đáp.

Cha Crixtôfôrô ở là một người xấp xỉ tuổi sáu mươi. Cái đầu cạo trọc để lại một vành tóc bao quanh theo quy pháp thầy tu dòng đạo hành khất thỉnh thoảng ngẩng đầu lên, với một cử chỉ để lộ một vẻ gì ngạo nghễ và lo âu; và lập tức nó lại cúi xuống do một phản xạ nhẫn nhục. Chòm râu dài bạc trắng che phủ hai má và cằm càng làm nổi bật lên những nét khắc khổ của phần trên khuôn mặt mà một chế độ trai giới đã thành tập quán lâu ngày chỉ càng tăng thêm vẻ trang nghiêm chứ không làm mất đi sự tinh anh. Đôi mắt sâu, thường cúi nhìn xuống đất, thỉnh thoảng phát ra những tia sáng với một

sức sống bất ngờ, như hai con ngựa nhút nhát được điều khiển bởi bàn tay một người xà ích mà chúng biết, theo kinh nghiệm, là không thể nào thắng được ông nhưng vẫn thỉnh thoảng nhảy cỡn lên, để rồi ngay lập tức bị trừng phạt một cái giật sái hàm.

Cha Crixtôfôrô không phải bao giờ cũng thế, và không phải bao giờ cũng được gọi là Crixtôfôrô: tên đặt lúc làm lễ rửa tội của ông là Lôđôvicô. Ông là một thương nhân, ông bố về cuối đời tự thấy đã khá giàu có và chỉ được một người con trai này nên đã từ bỏ việc thương mại và sống như một nhà quý tộc.

Trong cảnh nhàn rỗi mới, ông cảm thấy vô cùng hổ thẹn vì tất cả quãng thời gian đã dành cho công việc làm ăn của ông trên đời này. Bị ám ảnh bởi ý nghĩ ấy, ông cố gắng bằng mọi cách để mọi người quên cái quá khứ thương nhân của ông, và bản thân ông cũng muốn quên nó đi. Nhưng hình ảnh những kho hàng, kiện hàng, sổ kế toán, thước đo cứ luôn luôn hiện ra trong ký ức ông, như cái bóng của Bancô[1] đối với Macbet[2], ngay cả giữa những bữa tiệc sang trọng và những nụ cười nịnh bợ của những kẻ ăn bám ông. Không sao kể xiết tất cả sự thận trọng của những kẻ khốn khổ ấy để tránh bất cứ lời nào có thể có vẻ như ám chỉ đến địa vị cũ của người thiết tiệc họ. Một hôm, chỉ xin kể một thí dụ, vào cuối bữa ăn, khi bầu không khí đã hết sức thắng thắn và vui vẻ hơn bao giờ hết (ta không thể nói được ai vui hơn ai, các ông bạn sắp vỗ bụng

---

[1], [2] Trong kịch *Macbet* của Sêchxpia, Bancô cận thần của vua Đuncan và bạn của Macbet, là người chứng kiến việc Macbet giết vua để cướp ngôi. Về sau Macbet giết Bancô. Nhưng trong một bữa tiệc chiêu đãi triều thần, bóng Bancô hiện lên trên mà chỉ riêng cho Macbet nhìn thấy và khiếp sợ, mọi người ăn tiệc thì tưởng nhà vua mất trí. Cái bóng của Bancô là biểu tượng của lòng hối hận giày vò lương tâm con người.

đứng lên hay ông chủ đãi tiệc), ông trêu chọc với một giọng kẻ cả thân tình một vị khách, cái ông khách ăn uống thật thà nhất trên đời. Ông này, để cũng đùa cợt lại, và không hề có chút ý nghĩ châm chọc, hoàn toàn ngây thơ như một đứa bé con, đáp lại: "Ồ! Tớ cứ phớt tỉnh như một thằng cha lái buôn ấy mà!" Và chính ông lập tức sửng sốt về âm thanh của cái tiếng vừa ra khỏi miệng ông; ông lo lắng nhìn mặt ông chủ sa sầm xuống; cả hai đều muốn lấy lại vẻ mặt cũ, nhưng không thể được. Các vị khách khác, mỗi người về phía mình đều nghĩ xem có cách gì để giập tắt cái vụ bất hòa nho nhỏ này đi và lái câu chuyện sang hướng khác; nhưng càng nghĩ họ càng im lặng, và trong cảnh im lặng ấy, mối bất hòa chỉ càng nổi lên. Họ tránh con mắt nhìn của nhau; ai ai cũng cảm thấy rằng mọi người đều bị ám ảnh bởi cái ý nghĩ mà tất cả đều muốn che giấu. Ngày hôm ấy thật là ngán ngẩm; và anh chàng dại dột, hoặc nói đúng hơn anh chàng đen đủi ấy không còn được mời dự tiệc nữa.

Như thế, ông bố của Lôđôvicô đã sống những năm cuối cùng của mình trong nỗi lo lắng triền miên, luôn luôn sợ bị chế giễu, không bao giờ nghĩ được rằng bán chẳng có gì đáng chê cười hơn mua, và cái nghề mà ngày nay ông lấy làm hổ thẹn thì ông đã sống với nó trong rất nhiều năm, trước mắt mọi người, và chẳng có gì phải ân hận. Ông nuôi dạy con ông như một nhà quý tộc, theo thói tục đương thời và trong chừng mực mà luật pháp và tập quán cho phép; ông đón thầy giáo về dạy cậu văn chương chữ nghĩa và những bài luyện tập dành riêng cho một hiệp sĩ; rồi ông mất đi, để lại cậu con trai giàu có và còn rất trẻ. Lôđôvicô đã nhiễm những tập quán quý tộc; anh lớn lên giữa những kẻ xu nịnh, và chúng đã làm anh quen được hưởng mọi sự trọng vọng. Nhưng khi anh muốn đi lại với

những nhân vật quan trọng nhất trong thành phố thì anh thấy một thái độ khác hẳn với thái độ mà anh vẫn quen được đối xử: và anh thấy rằng nếu anh muốn nhập vào xã hội của họ như anh mong ước thì phải vỡ lòng học lấy tính nhẫn nhục và sự phục tùng, luôn luôn chịu ở hàng cuối, và từng giờ từng phút phải nuốt tủi ngậm hờn. Cách sống ấy không thích hợp với nền giáo dục cũng như với bản tính của Lôđôvicô. Anh bực mình lánh xa họ. Nhưng khi đã ở xa họ rồi thì anh lại nuối tiếc, vì anh tưởng chừng họ đáng lẽ phải thật sự là bè bạn của anh; chẳng qua là anh chỉ muốn họ dễ chịu hơn thôi. Trong tâm trạng lẫn lộn vừa ham muốn vừa hiềm thù ấy, không thể giao du thân mật với họ mà vẫn muốn duy trì một vài quan hệ với họ, anh bắt đầu ganh đua với họ bằng cách phô trương cảnh sống xa hoa của mình, do đó chỉ chuốc lấy những sự thù oán ghen ghét và nhạo báng. Bản tính thẳng thắn và đồng thời mạnh mẽ của anh đã nhanh chóng lôi cuốn anh vào những cuộc ganh đua khác nghiêm trọng hơn nữa. Anh cảm thấy một nỗi ghê tởm tự nhiên và chân thành đối với những thói ức hiếp và lộng hành; nỗi ghê tởm ấy càng mãnh liệt hơn khi anh thấy những con người phạm những thói ác ấy mỗi ngày một nhiều lại là những kẻ quyền cao chức trọng; và đó chính là những kẻ mà anh cảm thấy thù ghét nhất. Để dẹp yên, hoặc cũng là để thỏa mãn, tất cả những dục vọng ấy cùng một lúc, anh sẵn lòng đứng về phía một người yếu đuối bị áp bức, anh hãnh diện phản đối một kẻ bạo ngược, tham gia vào vụ xô xát này, gây ra vụ xô xát khác; đến mức dần dần anh trở thành người bảo vệ cho những kẻ bị áp bức và người trả thù cho những điều oan trái. Nhiệm vụ thật nặng nề; và chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu anh chàng Lôđôvicô đáng thương có những kẻ thù, những trách nhiệm và những nỗi lo âu. Ngoài

cuộc chiến tranh với bên ngoài ấy, anh còn thường xuyên bị giày vò bởi những cuộc đấu tranh nội tâm; bởi vì, muốn thắng trong một vụ xung đột (chưa nói gì đến những vụ anh bị kém thế), chính anh cũng phải giở những thủ đoạn và hành vi bạo ngược mà sau đó lương tâm anh không thể tán thành. Anh luôn luôn phải tụ tập quanh mình một lũ *lâu la*; và vì an toàn của bản thân cũng như để được sự giúp đỡ đắc lực hơn, anh phải tuyển chúng trong số những tên liều lĩnh nhất, nghĩa là những tên hung ác nhất, và phải sống với những tên côn đồ, vì lòng yêu công lý. Rồi nhiều lần, chán nản sau một thất bại, hoặc lo lắng trước một mối nguy cấp bách, buồn phiền vì cứ luôn luôn phải giữ miếng, ghê tởm lũ bè bạn chung quanh, sợ sệt trước tương lai, trước tình trạng những của cải cứ mỗi ngày một cạn dần vì những việc thiện và những vụ thua thiệt, anh liền nảy ra ý định cắt tóc đi tu; vào thời ấy, đó là phương sách thông thường nhất để thoát khỏi tình trạng bế tắc lúng túng. Nhưng cái điều có lẽ suốt đời anh chỉ là ý thích thất thường đã trở thành một quyết định do một biến cố, cái biến cố nghiêm trọng nhất, đã xảy đến với anh.

Một hôm anh đi trong thành phố, có hai *lâu la* bảo vệ, và cùng đi với anh có cả một ông Crixtôfôrô nào đó, trước kia là nhân viên chào hàng cho cửa hiệu anh, và khi cửa hiệu này thôi không mở nữa thì làm quản gia cho nhà anh. Đó là một người trạc năm mươi tuổi, từ thời trẻ đã rất quý mến Lôđôvicô mà ông ta biết từ thuở lọt lòng; hiện nay, về tiền lương cũng như quà cáp, Lôđôvicô không những chỉ cấp cho ông đủ sống, mà còn nuôi được cả một gia đình đông đúc. Lôđôvicô trông thấy từ xa một nhà quý tộc nào đó, nổi tiếng về thói ngạo mạn và bạo ngược, với hắn anh suốt đời không thèm trò chuyện, hắn thù ghét anh thậm tệ, và Lôđôvicô cũng thù ghét lại

không kém: bởi vì đó cũng là một cái lợi trên đời này nếu có thể thù ghét và bị thù ghét mà không quen thuộc gì nhau cả. Con người ấy, theo sau có bốn tên lâu la, tiến thẳng lên với dáng đi hãnh diện, đầu ngẩng cao, khẽ nhếch mép biểu lộ sự ngạo mạn và khinh miệt. Cả hai cùng đi sát tường; nhưng Lôđôvicô (các bạn chú ý cho) đi sát tường phía bên phải, điều đó, theo tục lệ, cho phép anh có quyền (ở đâu mà cái quyền ấy chẳng can thiệp vào!) không phải rời ra khỏi cái tường ấy để nhường bước cho bất kỳ ai: đó cũng là một lợi thế mà thời ấy người ta rất coi trọng. Anh chàng kia, trái lại, tự cho mình có quyền ấy, với tư cách là quý tộc, và chính là Lôđôvicô phải đi ra giữa đường; và điều này cũng là căn cứ vào một tục lệ khác. Bởi vì trong trường hợp này, cũng như trong nhiều sự việc khác, hai tục lệ trái ngược nhau cùng có hiệu lực, mà người ta không quyết định được tục lệ nào tốt hơn; điều đó tạo cơ hội gây ra chiến tranh, mỗi khi một anh chàng cứng đầu này đụng phải một anh khác cũng cứng đầu như thế. Hai người đi ngược chiều nhau sát tường, như hai nhân vật chuyển động trong một hình nổi. Khi họ đã giáp mặt nhau, tên quý tộc kia ngắm nhìn Lôđôvicô, mặt vênh lên và lông mày cau lại hách dịch, nói với anh bằng một giọng với vẻ mặt hắn:

- Tránh ra!

- Chính anh tránh ra! - Lôđôvicô đáp - Bên phải thuộc về tôi.

- Với những loại người như anh, bên phải bao giờ cũng của ta.

- Phải, nếu như thói càn rỡ của bè lũ các anh là luật lệ cho những người như tôi.

Những tên lâu la của hai người đứng im, tên nào đứng sau chủ nấy, lườm nguýt nhau, bàn tay đặt vào đốc kiếm, sẵn sàng xung trận. Những người từ hai phía đi đến đứng cách xa để

ngắm nhìn cảnh tượng này: và sự có mặt của các khán giả chỉ càng kích thích tinh thần danh dự của hai đối thủ.

- Đi ra giữa, đồ tôi đòi hèn hạ, nếu không ta sẽ dạy cho anh một bài học ra trò để biết cách cư xử với một nhà quý tộc phải như thế nào!

- Anh nói láo, ta không phải là kẻ hèn hạ!

- Còn anh, anh bảo ta nói láo thì anh nói nói láo! (Đó là câu trả lời đúng phép) và ví thử anh là một hiệp sĩ như ta - tên quý tộc nói tiếp, - ta sẽ chứng minh bằng lưỡi kiếm cho anh thấy đứa nói láo chính là anh.

- Một cớ khá tiện lợi để lảng tránh khỏi phải bảo vệ những lời nói láo xược của anh bằng hành động.

- Quẳng thằng vô lại này vào đống bùn cho ta! - Tên quý tộc quay lại nói với lũ tay chân của hắn.

- Đợi đấy! - Lôđôvicô nói, ngay lập tức lùi một bước và đặt tay lên đốc kiếm.

- Quân liều mạng! - Tên kia kêu lên, rút kiếm ra khỏi vỏ. - Tao sẽ bẻ gãy kiếm này khi nó đã nhuốm thứ máu bẩn thỉu của mày.

Họ nhảy xổ vào nhau như thế, và những kẻ tôi tớ của hai bên lao vào bảo vệ chủ họ. Cuộc chiến đấu thật không cân sức, về số người, và cũng vì Lôđôvicô cố tránh đòn và cố tước vũ khí kẻ thù hơn giết hắn. Nhưng tên này lại muốn anh phải chết bằng bất cứ giá nào. Lôđôvicô đã bị một tên lâu la đệm một nhát dao găm vào cánh tay trái, má cũng bị xước nhẹ, mà kẻ thù chính thì cứ xông vào để kết liễu đời anh. Khi ấy Crixtôfôrô, thấy chủ mình trong cơn nguy tột cùng, liền vung dao găm lên lăn xả vào tên quý tộc. Tên này, chuyển tất cả cơn giận dữ của hắn sang Crixtôfôrô, quay lưỡi kiếm xuyên thủng ông. Trước cảnh tượng ấy, Lôđôvicô như điên như dại

thọc kiếm vào bụng tện sát nhân, hắn ngã lăn ra chỉ còn thoi thóp thở, gần như cùng một lúc với với ông Crixtôfôrô đáng thương. Lũ lâu la của tên quý tộc, thấy chuyện đã xong, liền bỏ chạy thục mang; bọn lâu la của Lôđôvicô cũng mình đầy thương tích, và vì không còn ai để đánh nhau nữa, lại không muốn bị mắc kẹt trong đám đông đã từ bốn phía kéo đến, cho nên cũng kiếm đường chuồn thẳng, còn Lôđôvicô trơ trọi một mình, cùng với hai kẻ bất hạnh nằm dưới chân anh, ở giữa đám đông.

- Đầu đuôi câu chuyện thế nào? Một người chết, - không, hai người chết: - Anh ấy đã đâm nó thủng ruột kìa. Ai bị giết? - A, tên bạo chúa. - Ôi, lạy Đức mẹ đồng trinh, khủng khiếp quá! - Gieo gió thì gặt bão. - Chỉ một đòn cũng đủ cho nó đền hết tội. - Nó mà cũng toi mạng rồi. Đòn đánh hay quá! - Chuyện nghiêm trọng đây. - Còn kẻ bất hạnh nào kia! - Tội nghiệp! Trông mới thương làm sao! - Cứu anh ấy, cứu anh ấy! - Anh ấy cũng sung sướng gì đâu. - Xem anh ấy bị đánh kìa! Khắp mình máu me đầm đìa! - Trốn đi anh, trốn đi anh! Đừng để chúng bắt.

Đó là những lời người ta có thể nghe thấy, át cả tiếng ồn ào hỗn độn của đám đông, và biểu thị tình cảm chung của tất cả mọi người; và tiếp theo lời khuyên là sự giúp đỡ. Sự việc đã xảy ra ở gần một nhà thờ dòng đạo hành khất, một chốn nương náu như mọi người biết, vào thời ấy những lính cảnh sát, tất cả cái tổ chức người và việc mà ta gọi là bộ máy tư pháp đều không có quyền xâm nhập. Chính tại đây, kẻ sát nhân bị trọng thương được đám quần chúng dẫn đến, hoặc nói đúng hơn khiêng đến, hầu như bất tỉnh nhân sự; và các thầy tu đón nhận anh từ bàn tay của nhân dân gửi gắm anh với họ và nói: "Đây là một người lương thiện đã hạ thủ một tên súc

sinh vô cùng ngang ngược: anh đã làm như vậy để tự vệ, anh đã bắt buộc phải làm như vậy".

Từ xưa đến nay, bàn tay Lôđôvicô chưa bao giờ vấy máu. Việc giết người vào thời ấy là chuyện thường hay xảy ra đến nỗi ai ai cũng được nghe kể đến và tự mắt mình nhìn thấy; nhưng cảm xúc của anh trước cảnh tượng một người chết vì mình, và một người bị mình giết, thật mới mẻ và khôn tả xiết: đó là sự phát hiện ra những tình cảm anh chưa hề biết đến. Trông thấy kẻ thù mình ngã xuống, trông thấy cái bộ mặt ấy biến đổi, trong khoảnh khắc, từ sự đe dọa và giận dữ sang nỗi đau đớn và vẻ yên lặng trang nghiêm của cái chết, đó là một cảnh tượng thay đổi ngay trong phút chốc tâm hồn kẻ giết người. Được mang vào tu viện, anh hầu như không còn biết mình ở đâu, mình đang làm gì; khi hồi tỉnh, anh thấy mình nằm trên giường nhà thương, trong tay một thầy tu phẫu thuật (những thầy tu dòng đạo hành khất thường vẫn có một thầy thuốc phẫu thuật ở mỗi tu viện), ông đang đặt bông băng lên hai vết thương của anh. Một tu sĩ, vốn có nhiệm vụ đặc biệt tiễn đưa linh hồn những kẻ hấp hối, và thường được gọi đi làm công việc ấy trên đường phố, được mời đến nơi xảy ra trận đánh nhau. Ông trở về sau vài phút, vào trạm xá, và đến bên giường Lôđôvicô: "Con cứ an lòng. - Ông nói với anh, - ít ra thì ông ta cũng chết như một tín đồ của chúa và đã nhờ cha xin con thứ lỗi, và chuyển đến cho con sự tha thứ của ông". Những lời ấy làm chàng Lôđôvicô đáng thương hồi tỉnh hẳn và làm trỗi dậy, mãnh liệt và rõ ràng hơn những tình cảm mơ hồ chứa chất trong tâm hồn anh; nỗi đau thương mất bạn, sự kinh hãi và hối hận vì tay mình đã nhúng máu người, và đồng thời cả lòng thương hại con người bị anh giết chết.

- Còn người kia? - Anh lo lắng hỏi vị tu sĩ.

- Người kia đã tắt thở khi cha vừa đến.

Trong khi ấy, trên những đường dẫn tới tu viện và xung quanh tu viện, những người hiếu kỳ tụ tập đông như kiến; lính cảnh sát đến, giải tán đám đông, và đứng phục cánh cổng tu viện một quãng, nhưng cũng khá gần để không ai đi ra mà không bị trông thấy. Một người anh của kẻ đã chết, hai người anh em họ và một ông bác già cũng đến, vũ trang từ đầu đến chân, với một lũ *lâu la* đi theo hộ vệ; và chúng bắt đầu tuần tiễu khắp chung quanh, liếc nhìn hăm dọa và biểu lộ những cử chỉ tức tối với tất cả đám người hiếu kỳ kia, những người này không dám nói ra: "Đáng đời nó lắm", nhưng vẻ mặt họ nói lên rõ ràng điều đó.

Ngay khi Lôđôvicô đã có thể tập trung suy nghĩ, anh cho mời một giáo sĩ rửa tội đến, nhờ ông đi tìm hộ bà vợ góa của Crixtôfôrô chuyển lời xin lỗi bà vì anh đã là nguyên nhân, mặc dầu hoàn toàn vô ý thức, của nỗi đau thương của bà, và đồng thời cam kết sẽ gánh vác gia đình bà. Sau đó, nghĩ đến tình cảnh của chính mình, anh lại thấy trỗi dậy trong anh mãnh liệt và nghiêm chỉnh hơn bao giờ hết, ý định đi tu, cái ý định xưa kia đã có lần đến với anh: anh thấy hình như chính thượng đế đã đặt anh trên con đường đó, và Người đã cho thấy một dấu hiệu về ý muốn của người kia để anh rơi vào một tu viện, trong những hoàn cảnh như vậy. Và thế là anh quyết định. Anh xin mời đức cha tu viện trưởng đến và bày tỏ ước nguyện của mình. Đức cha trả lời là anh phải đề phòng những quyết định vội vã, nhưng nếu anh cứ kiên trì thì người ta cũng không từ chối. Thế là anh cho gọi một người chưởng khế đến, đọc cho ông một chứng thư biếu tất cả những gì anh còn lại (cái đó vẫn là một gia sản lớn) cho gia đình Crixtôfôrô: một số tiền cho bà quả phụ, coi như của thừa tự của người

chồng chết để lại cho vợ, và số còn lại thì cho tám người con của Crixtôfôrô.

Quyết định của Lôđôvicô đến rất hợp thời với các tu sĩ đã dung nạp anh, họ đang vì anh mà lâm vào một tình thế vô cùng khó xử. Đuổi anh ra khỏi tu viện, và do đó phó mặc anh trước tòa án, nghĩa là trước sự trả thù của những kẻ địch của anh, đó là một điều thậm chí không ai nghĩ đến. Bởi vì, đối với họ, như thế là từ bỏ những đặc quyền của bản thân họ, làm mất tín nhiệm của tu viện trước nhân dân, chuốc lấy sự khiển trách của tất cả các thầy tu dòng đạo hành khất trên thế giới vì đã để xâm phạm vào quyền lợi chung của dòng đạo, và đối địch với tất cả các bậc giữ chức quyền trong giáo hội vẫn tự xem mình là người bảo vệ quyền lợi đó. Mặt khác, gia đình tên quý tộc bị giết bản thân nó đã rất có thế lực lại có nhiều vây cánh, nhất quyết sẽ trả thù và tuyên bố bất cứ ai định cản trở việc này đều là kẻ thù của nó. Cuốn truyện không kể bọn chúng có đau lòng lắm vì người đã chết hay không, và thậm chí có nhỏ một giọt nước mắt nào cho hắn hay không; cuốn truyện chỉ kể là tất cả bọn này đều có một ham muốn điên cuồng được nắm giữ kẻ giết người dù sống hay chết trong tay để vuốt chúng. Thế nhưng, người này, khi khoác bộ áo thầy tu dòng đạo hành khất lên mình, đã dàn xếp tất cả. Như thế cũng chẳng khác gì anh công khai tạ tội, tự định cho mình một hình phạt, tuyên bố một cách ám thị là mình có tội, và từ bỏ tất cả mọi đấu tranh; tóm lại, đó là một kẻ thù đã hạ vũ khí. Những họ hàng của kẻ đã chết cũng có thể, nếu họ thích thế, cho rằng (và vênh vang rằng) anh đã phải đi tù vì sợ cơn giận dữ của họ. Dù thế nào đi nữa, dồn một người đến chỗ phải tước bỏ tất cả tài sản của mình, phải gọt trọc đầu, phải đi chân đất, phải ngủ ổ rơm, phải sống bằng của bố thí, như vậy

đối với kẻ bị xúc phạm kiêu ngạo nhất đã có thể xem như một vụ trừng phạt đầy đủ.

Đức cha tu viện trưởng với vẻ khiêm nhường mà vẫn thung dung, đến gặp người anh của kẻ đã chết. Sau khi đã nghìn lần bày tỏ lòng kính trọng của mình đối với gia đình rất vinh hiển này, và ước muốn làm vừa lòng họ bằng tất cả sức mình, ông nói đến sự ăn năn hối hận của Lôđôvicô và quyết định của anh, khéo léo gợi ý rằng gia đình họ có thể tự thấy hài lòng về điều đó, rồi hết sức mềm mỏng, và còn khéo léo hơn nữa, ông lựa lời nói cho họ hiểu rằng cách giải quyết đó là không tránh khỏi, dù họ muốn hay không muốn. Người anh đùng đùng nổi giận, và vị tu sĩ dòng đạo hành khất cứ để hắn tự nguôi dần, chỉ thỉnh thoảng nói: "Nỗi đau thương của ngài hết sức chính đáng". Hắn cho biết là trong bất kể trường hợp nào gia đình hắn cũng phải được rửa hờn: và vị tu sĩ, dù trong lòng ông nghĩ thế nào không biết, cũng không phản đối. Cuối cùng, hắn đòi hỏi, hắn đặt điều kiện là kẻ đã giết em hắn phải rời bỏ ngay thành phố. Đức cha tu viện trưởng, tự mình cũng đã quyết định như vậy, nói với hắn là tất nhiên phải thế, khéo léo làm cho hắn tưởng, nếu như điều đó vừa ý hắn, là như vậy chỉ vì ông nghe theo hắn thôi. Mọi việc thế là xong. Gia đình kẻ thiệt mạng hài lòng, vì họ rút ra khỏi chuyện này mà vẫn bảo toàn danh dự; các tu sĩ cũng hài lòng, vì khi cứu một người họ cứu luôn cả những đặc quyền của họ mà không phải gây thù chuốc oán những kẻ say mê tinh thần hiệp sĩ hài lòng, vì được thấy sự việc kết thúc trong danh dự; nhân dân cũng hài lòng, vì thấy con người mình yêu mến đã tai qua nạn khỏi, và đồng thời họ cảm phục sự hối cải của anh; cuối cùng, người được hài lòng hơn hết mặc dầu hết sức đau đớn là Lôđôvicô của chúng ta, anh bắt đầu một cuộc sống sám hối và hy sinh nó có thể nếu

không sửa lại được thì ít nhất cũng chuộc lại điều ác đã làm, và xoa dịu nỗi cắn dứt không sao chịu nổi của lương tâm. Có lúc anh cũng buồn vì bị người ta nghi ngờ quyết định này của anh là do sợ hãi, nhưng rồi anh tự an ủi ngay khi nghĩ rằng bản thân lời xét đoan không đúng ấy cũng là một sự trừng phạt và một cách chuộc tội đối với anh. Vậy là vào năm ba mươi tuổi anh khoác áo thầy tu; và bởi vì, theo thường lệ, anh phải từ bỏ tên mình để mang một tên khác, anh chọn cái tên có thể thường xuyên nhắc mình nhớ đến tội lỗi phải chuộc, và anh lấy tên là thầy tu Crixtôfôrô.

Lễ khoác áo tu sĩ vừa xong, đức cha tu viện trưởng ra lệnh cho anh đi tập sự cách đó sáu mươi dặm. Thầy tu mới cúi rạp mình xuống chào và xin một ân huệ: "Xin cha cho phép, - anh nói, - trước khi rời khỏi thành phố này, nơi tôi đã làm đổ máu một con người, nơi tôi để lại một gia đình bị xúc phạm một cách tàn nhẫn, ít ra tôi cũng được rửa sạch điều sỉ nhục mà tôi đã gây ra cho ông ta, và ít ra tôi cũng được bày tỏ rõ niềm ân hận không thể sửa lại lỗi lầm của mình, bằng cách xin lỗi người anh của kẻ đã bị tôi giết chết và, nếu Chúa ban phước cho ý định của tôi, thì tôi sẽ xua tan mối hận thù trong lòng ông". Đức cha tu viện trưởng nghĩ rằng một việc làm như vậy tự nó đã là tốt đẹp, hơn nữa còn có thể góp phần hòa giải gia đình vị quý tộc với tu viện; cha đi tìm ngay nhà quý tộc, anh của người đã chết, để nói cho ông hay yêu cầu của thầy tu Crixtôfôrô. Trước lời đề nghị quá đỗi bất ngờ, ông này vừa ngạc nhiên vừa cảm thấy cơn giận lại bùng dậy trong lòng, nhưng không phải do đó không có phần thỏa mãn. Sau một lúc suy nghĩ ông nói: "Bảo anh anh ta ngày mai đến đây", - và ông ấn định giờ, đức cha tu viện trưởng về nó lại với thầy tu mới lời chấp thuận mà anh mong ước.

Nhà quý tộc nghĩ ngay rằng buổi tạ tội ấy càng trọng thể và gây chấn động thì nó càng làm tăng uy tín ông trước tất cả họ hàng và xã hội; và đó sẽ là (để diễn đạt một cách văn vẻ và hiện đại) một trang đẹp đẽ trong lịch sử gia đình ông. Ông vội báo tin cho tất cả họ hàng biết là buổi trưa hôm sau mời họ hạ cố (thời ấy người ta nói như vậy) quá bộ đến nhà ông, để ông đón nhận một sự rửa tội hồn cho tất cả mọi người. Buổi trưa, tòa lâu đài chật ních những nhà quý tộc cả nam và nữ đủ mọi lứa tuổi: chỉ thấy những áo choàng rộng và những chùm lông dài quay cuồng và gặp nhau ở khắp nơi, những thanh trường kiếm đeo lủng lẳng, những cổ áo hồ cứng và gấp nếp diễu qua diễu lại, những áo dài hoa quét đất và quấn vướng chân đi. Ở các phòng đợi, ở ngoài sân và ngoài phố đầy những người hầu, những thị đồng, những tên *lâu la* và những kẻ hiếu kỳ. Thầy tu Crixtôfôrô trông thấy tất cả sự long trọng ấy, đã đoán ra lý do và hơi bối rối; nhưng một lát sau, ông tự nhủ: "Đó là lẽ công bằng: ta đã giết hắn trước công chúng, trước mặt nhiều kẻ thù của hắn: ta đã bêu riếu hắn, đây là lúc họ rửa nhục". Như thế, anh bước vào cổng nhà quý tộc, đi qua sân, giữa một đám đông chằm chằm nhìn anh với một vẻ tò mò không được lịch sự cho lắm; anh lên thang gác, một đám đông khác sang trọng vây quanh anh và giãn thành hàng rào khi anh đi tới, trước hàng trăm con mắt nhìn theo anh đi thẳng đến vị chủ nhà. Ông này đứng giữa phòng, với những người bà con họ hàng gần gũi nhất đứng chung quanh mắt nhìn xuống đất, cằm hất lên, tay trái giữ dốc kiếm và tay phải ép chặt cổ áo choàng trên ngực.

Có khi trên nét mặt và trong dáng điệu của một con người có sự biểu thị tình cảm hết sức hồn nhiên, có thể nói là tuôn trào tự đáy lòng, khiến đám đông người xem cùng có một nhận xét về tâm hồn đó. Vẻ mặt và tư thế của thầy tu Crixtôfôrô nói

cho mọi người có mặt thấy rõ không phải do một nỗi sợ thuộc bản tính con người mà anh đi tu và đến chịu sỉ nhục này: và điều đó đã bắt đầu hòa giải anh với tất cả mọi người. Khi trông thấy kẻ bị lăng nhục, anh rảo bước đến quỳ dưới chân ông, khoanh tay trước ngực và, cúi đầu đã cạo trọc, anh nói: "Tôi đây là kẻ đã giết em ngài. Chúa hiểu lòng tôi mong muốn biết chừng nào trả lại cho ngài người em ấy bằng cái giá của máu mình; nhưng vì không thể làm gì khác những lời xin lỗi vô hiệu và chậm trễ, tôi cầu xin ngài nhận lấy chúng vì lòng kính chúa". Tất cả mọi con mắt đều nhìn chằm chằm vào thầy tu mới và vào con người đang tiếp nhận lời nói của anh; tất cả mọi cái tai đều căng ra. Khi thầy Crixtôfôrô im bặt, trong khắp gian phòng nổi lên một tiếng rầm rì thương hại và kính trọng. Nhà quý tộc, trong một thái độ khoan dung miễn cưỡng và một cơn giận dữ nén lại, bị bối rối trước những lời nói ấy và, cúi xuống con người đang quỳ dưới chân mình, ông nói bằng một giọng đã lạc đi:

- Thầy đứng lên... Vụ lăng nhục.... thật ra, sự thật là... nhưng bộ áo thầy đang mặc... không chỉ thế, mà cả vì bản thân thầy nữa... Nào, thầy đứng lên... Em tôi... tôi không thể chối cãi... là một hiệp sĩ... là một con người... hơi nóng nảy... ıơi sôi nổi. Nhưng tất cả mọi việc đã xảy ra đều do ý Chúa. Ta lừng nói đến nữa... Mà kìa, cha, sao cha lại cứ giữ mãi tư thế này. - Và, đỡ lấy hai cánh tay anh, ông nâng anh dậy.

Thầy Crixtôfôrô đứng lên, nhưng đầu vẫn cúi, đáp lại:

- Vậy là tôi có thể hy vọng ngài ban cho tôi sự tha thứ của ngài! Và nếu như tôi đã được ngài tha thứ thì còn sự tha thứ của ai mà tôi chẳng hy vọng được nhận; Ôi! Giá như tôi có thể được nghe từ miệng ngài cái lời tha thứ ấy!

- Lời tha thứ ư? - Nhà quý tộc nói. - Cha chẳng cần đến nó

làm gì nữa. Nhưng tuy vậy, vì cha đã muốn, tất nhiên, tất nhiên, tôi xin tha thứ cho cha bằng tất cả tấm lòng mình, và tất cả chúng tôi đây...

- Tất cả! Tất cả! - Tất cả những người có mặt cùng kêu lên một tiếng. Khuôn mặt của thầy tu ngời lên một niềm vui biết ơn, nhưng dưới niềm vui ấy vẫn còn hé ra một nỗi đau xót khiêm nhường và sâu sắc do điều ác mà sự tha thứ của con người không thể sửa lại được. Nhà quý tộc, bị chinh phục bởi thái độ ấy, và phấn khích trước nỗi xúc động chung, ôm chầm lấy Crixtôfôrô, và hôn anh.

Những tiếng reo "Hay lắm! Tuyệt diệu!" vang lên từ mọi phía trong gian phòng; tất cả mọi người chen nhau vây lấy thầy tu, trong khi những người hầu mang đến rất nhiều đồ ăn thức uống. Nhà quý tộc đến bên thầy Crixtôfôrô của chúng ta lúc này đang có vẻ muốn rút lui, và nói với anh:

- Xin cha nhận cho một cái gì đó; cha ban cho tôi cái bằng chứng ấy của tình hữu nghị.

Và ông mời anh ăn trước bất cứ người nào khác; nhưng vị thầy tu lùi lại, biểu lộ một vẻ cưỡng lại thân ái:

- Những thứ này, - anh nói, - không phải để cho tôi nữa; nhưng như vậy không phải là tôi từ chối những quà tặng của ngài. Tôi sắp lên đường đi xa; xin ngài hãy ban cho tôi một cái bánh mì để tôi có thể nói rằng tôi đã được hưởng lòng từ thiện của ngài, tôi đã ăn bánh mì của ngài và đã nhận được một dấu hiệu của sự tha thứ của ngài.

Ngài quý tộc cảm động ra lệnh thi hành việc đó, và lập tức một người hầu bận trang phục đại lễ mang đến một cái bánh mì đặt trên khay bạc và dâng lên vị tu sĩ. Anh cầm lấy, hết lời cảm tạ, và cho nó vào trong tay nải. Rồi anh xin phép được rút lui; sau khi lại ôm ghì lấy vị chủ nhà và tất cả những người ở

gần anh nhất có thể đến sát anh trong giây lát, anh cố gỡ ra một cách khó khăn: trong các phòng ngoài, anh phải giằng ra khỏi tay những người hầu và cả những tên *lâu la* xúm hôn tà áo dài, sợi dây buộc áo và mũ trùm đầu của anh; rồi anh ra ngoài đường, được đám đông dân chúng kiệu lên hoan hô và theo tiễn anh đến tận cổng thành, từ đó anh bước ra, bắt đầu cuộc hành trình đi bộ đến nơi tập sự của mình.

Người anh của kẻ thiệt mạng và tất cả họ hàng ông vẫn chờ đợi đến ngày hôm ấy sẽ được hưởng niềm vui cay đắng của lòng kiêu hãnh, trái lại tâm hồn họ tràn ngập niềm vui trong sáng của sự tha thứ và lòng nhân đức. Cử tọa còn kéo dài một thời gian nữa bầu không khí giản dị và thân mật mới lạ với họ, trao đổi với nhau những câu chuyện mà khi bước chân vào nhà này không ai nghĩ là mình sẽ nói. Đáng lẽ bàn tán về những điều mình đã được thỏa mãn, về những nỗi nhục được trả thù, những nghĩa vụ đã làm tròn, đề tài câu chuyện lại là ca ngợi thầy tu mới, là sự hòa giải, lòng nhân ái. Và vị quý tộc kia đáng lẽ kể lại, đến lần thứ năm mươi câu chuyện bá tước Audiô, thân sinh của ông, trong một vụ xung đột nổi tiếng đã biết làm thế nào mở mắt cho hầu tước Xtanixlao, cái anh chàng anh hùng rơm mà ai cũng biết ấy, thì bây giờ lại nói đến những sự khổ hạnh và lòng kiên nhẫn đáng phục của một thầy tu Ximôn chết cách đây đã lâu. Khi mọi người ra về, vị chủ nhà vẫn còn bàng hoàng xúc động, ngạc nhiên ôn lại những gì mình đã nghe và bản thân mình đã nói; và ông lẩm bẩm qua kẽ răng: "Cái thằng thầy tu quái quỷ! (ở đây cần phải chép ra thật chính xác những lời nói dích thực của ông). Cái thằng thầy tu quái quỷ; giả sử hắn còn quỳ ở dấy một lúc nữa, một chút nữa thôi, thì có lẽ chính ta sẽ phải xin lỗi hắn đã giết chết em ta". Truyện của chúng tôi ghi chép rõ rằng từ ngày

hôm ấy, vị quý tộc này có bớt hung dữ hơn và nhã nhặn hơn một chút.

Thầy tu Crixtôfôrô bước đi trong tâm trạng hài lòng mà anh không bao giờ được thấy từ sau ngày khủng khiếp mà toàn bộ cuộc đời anh chính là để chuộc lại. Anh chấp hành sự im lặng quy định cho các thầy tu tập sự mà không để ý, chìm đắm trong suy nghĩ về những nỗi khó nhọc, thiếu thốn và nhẫn nhục mà anh sẽ phải chịu để chuộc tội. Đến bữa ăn, anh dừng chân ở nhà một vị tín chủ nào đó, và anh ăn chiếc bánh mì xà tới với một khoái cảm đặc biệt. Nhưng anh vẫn để lại một mẩu, mà anh bỏ vào trong tay nải giữ như một kỷ niệm muôn đời.

Chúng tôi không có ý định để lại ở đây câu chuyện cuộc đời tu hành của anh: chúng tôi sẽ chỉ nói rằng thầy tu Crixtôfôrô luôn luôn sốt sắng thực hiện chu đáo tất cả các nhiệm vụ thường vẫn giao cho anh: việc giảng đạo và việc an ủi những người hấp hối, và anh không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để thực hiện hai nhiệm vụ khác mà anh tự quy định cho mình: dàn xếp những vụ xung đột và che chở những người bị áp bức. Trong xu hướng này có tham gia một phần, mà anh không tự thấy cái thói quen cũ của anh, và một chút tàn dư của tinh thần hiếu chiến, mà những sự nhẫn nhục cũng như những sự hành xác không thể giập tắt hết được. Cách nói của anh thường khiêm nhường và từ tốn, nhưng khi cần bảo vệ công lý và lẽ phải chống lại những kẻ chà đạp lên nó, con người này bỗng sôi lên một bầu nhiệt huyết cũ, nhiệt tình ấy, được tôn lên và điều hòa bởi giọng nói uy nghiêm do thói giảng đạo tạo ra, đem lại cho lời nói của anh một vẻ đặc biệt. Tất cả trong phong thái cũng như trong dung mạo anh nói lên cuộc đấu tranh lâu dài giữa một tính khí sôi nổi, nóng nảy và cái ý chí

đối lập với nó, ý chí này thường chiến thắng, luôn luôn cảnh giác, và được điều khiển bởi những lý lẽ và động cơ cao hơn. Một đồng sự và là bạn anh, vốn biết rõ anh, có lần đã so sánh anh giống như những lời nói quá mạnh mẽ trong hình thức tự nhiên của nó mà một số người, cả những người có giáo dục, đã nói ra khi nhiệt tình họ bốc lên mãnh liệt, có cắt xén bớt đi và thay đổi vài chữ mà dẫu vậy, dưới dạng ngụy trang ấy, nó vẫn còn gợi nhớ đến sức mạnh nguyên thủy của nó.

Nếu một cô gái đáng thương không quen biết nào đó ở cảnh ngộ đau buồn như Luxia mà nhờ cha Crixtôfôrô giúp đỡ, ông cũng chạy đến ngay. Nhưng đây là Luxia, ông lại càng vội đến, vì ông đã biết và yêu mến tâm hồn trong trắng của cô gái, vì ông lo ngại những tai họa đang đe dọa cô, vì ông cảm thấy công phẫn trước sự truy bức đê tiện mà cô phải chịu. Hơn nữa, vì ông đã khuyên cô chỉ xem đây là một điều không may nhỏ nhặt, cho nên đừng nói gì với ai và cứ bình tĩnh, bây giờ ông lại sợ lời khuyên ấy có thể đem lại hậu quả tai hại nào đó; và cùng với nỗi lo lắng của lòng từ thiện dường như bẩm sinh ở ông, trong trường hợp này lại thêm những áy náy vì cẩn thận vẫn thường giày vò những con người nhân hậu.

Nhưng trong khi chúng ta còn đang kể chuyện cha Crixtôfôrô thì ông đã đến và hiện ra trước cửa; hai mẹ con, buông cái guồng sợi đang quay cót két trong tay, cùng đứng lên và nói: "Kìa, cha Crixtôfôrô! Cầu Chúa ban phước cho cha!"

Chương năm

Cha Crixtôfôrô dừng lại trên bậc cửa. Chỉ mới thoáng nhìn hai người phụ nữ ông đã thấy rõ những linh cảm của mình quả là có căn cứ. Thế rồi, tay nâng chòm râu và khẽ hất đầu về phía sau, ông hỏi với giọng như đón trước một câu trả lời đáng buồn: "Thế nào?" Luxia đáp lại bằng những tiếng nức nở. Bà mẹ bắt đầu xin lỗi là đã dám mạo muội... nhưng vị tu sĩ tiến đến, ngồi lên chiếc ghế đẩu ba chân, ông cắt đứt những lời thăm hỏi và nói với Luxia:

- Con nín đi, con gái đáng thương của ta. Còn bà, - ông nói với bà Anhedơ, - kể tôi nghe câu chuyện thế nào!

Trong khi người đàn bà khốn khổ cố kể lại thật rõ ràng câu chuyện đau thương của mình, vị tu sĩ thay đổi sắc mặt liên tiếp, khi thì ngước mắt nhìn trời, khi thì giậm chân xuống đất. Câu chuyện kể xong, ông đưa hai tay bưng mặt kêu lên:

- Lạy Chúa từ bi! Còn đến bao giờ nữa... - Nhưng chưa hết câu, ông đã lại quay sang nói với hai người phụ nữ: - Những con người khốn khổ! Chúa đã đến thăm các người. Tội nghiệp Luxia!

- Cha không bỏ chúng con chứ thưa cha? - Cô nức nở.

- Bỏ các con! - Ông đáp. - Vậy với mặt mũi nào ta có thể

hỏi xin Chúa điều gì đó cho ta, nếu ta bỏ các con, bỏ các con trong tình cảnh hiện nay! Chúa đã giao các con cho ta! Đừng nản lòng: Chúa sẽ giúp đỡ các con. Chúa nhìn thấy hết. Chúa có thể dùng đến cả một người không ra gì như ta, để làm bẽ mặt một kẻ... Nhưng xem nào, hãy thử nghĩ xem ta có thể làm gì được.

Nói vậy rồi ông tì khuỷu tay trái lên đầu gối, lòng bàn tay đỡ lấy vầng trán cúi xuống, còn bàn tay phải nắm chặt chòm râu cằm, như để cố định lại và tập trung tất cả trí lực của mình. Nhưng càng xem xét kỹ ông chỉ càng thấy rõ sự việc này thật cấp bách và rắc rối, và những giải pháp ít ỏi cũng thật bấp bênh và nguy hiểm biết chừng nào. "Làm cho Đôn Apbôndiô phải hổ thẹn một chút, để hắn cảm thấy hắn đã không làm tròn bổn phận? Nhưng sự hổ thẹn và bổn phận có nghĩa lý gì với hắn. Làm cho hắn sợ? Vậy ta có cách gì, ta đây, làm hắn phải sợ hơn là sợ một phát đạn? Kể hết câu chuyện với Đức Hồng y giáo chủ Tổng giám mục, và cầu cứu đến uy quyền của ngài? Cái đó phải có thời gian: còn trong khi chờ đợi? Và sau đó? Cho dù cô gái trong trắng đáng thương này đã kết hôn, liệu con người ấy đã chịu thôi chưa? Ai biết hắn còn có thể đi đến đâu nữa?... Vậy chống lại hắn? Bằng cách nào? Chà, nếu ta có thể, - Vị tu sĩ đáng thương nghĩ, - nếu ta có thể lôi kéo các bạn ta ở đây? Ở Milăng, đi với ta. Nhưng liệu có được không? Đây không phải chuyện thường, họ sẽ bỏ rơi ta mất. Tên này vẫn tự xem là người bạn của tu viện, là người ủng hộ các thầy tu dòng đạo hành khất; và bọn *lâu la* của nó chẳng đã nhiều lần đến ẩn náu ở chỗ ta đó sao? Ta sẽ trơ trọi một mình; thậm chí ta còn có nguy cơ bị coi là một người quá lo lắng, một kẻ vu cáo, một tên nhiễu sự, v.v..., và điều nghiêm trọng hơn nữa là ta có thể do một cố gắng không

đúng chỗ, làm cho tình thế của cô gái đáng thương này xấu hơn đi". Sau khi đã cân nhắc kỹ điều hơn lẽ thiệt của giải pháp này hay giải pháp khác, ông thấy giải pháp tốt nhất có lẽ là đối đầu trực tiếp với Đôn Rôđrigô, cố khuyên can hắn từ bỏ ý định xấu xa của hắn, bằng những lời cầu xin, bằng những lời đe dọa, về những hình phạt ở thế giới bên kia và nếu có thể, ở cả thế giới này nữa. Tệ nhất đi nữa thì ít ra ông cũng có thể, bằng con đường này biết được rõ hơn con người ấy ngoan cố trong âm mưu bẩn thỉu của hắn, để dọ đó mà hành động cho thích hợp.

Trong khi vị tu sĩ suy nghĩ như thế, Rendô không thể xa nhà này được do hàng loạt lý do mà ai cũng có thể đoán ra, xuất hiện trên ngưỡng cửa; nhưng trông thấy Đức cha mải nghĩ, và hai người phụ nữ ra hiệu cho anh đừng quấy rầy cha, anh im lặng dừng lại trên bậc cửa. Khi vị tu sĩ ngẩng đầu để nói cho hai mẹ con biết dự định của mình, ông trong thấy Rendô và chào anh như thường lệ, nhưng với vẻ âu yếm càng thêm đằm thắm vì tình thương xót.

- Thưa cha, người ta đã thưa với cha...? - Rendô hỏi, giọng run run cảm động.

- Chao ôi, nói rồi: chính vì thế mà ta ở đây.

- Cha nói thế nào về cái tên hung ác ấy...?

- Thế con muốn ta nói thế nào về hắn? Hắn có ở đây mà nghe ta nói đâu: những lời nói của ta được việc gì? Nhưng với con, Rendô yêu quý của ta, ta nói với con rằng con phải có lòng tin ở Chúa, và Chúa sẽ không bỏ con đâu.

- Cầu Chúa ban phước cho những lời nói của cha! - Chàng trẻ tuổi kêu lên. - Cha không như những kẻ chỉ biết đổ tội cho người nghèo khổ. Như cái ông linh mục ấy, và cả ông thầy cãi những vụ thua kiện nữa...

- Đừng bới lên những chuyện chỉ làm con lo âu vô ích. Cha đây, cha chỉ là một thầy tu bình thường; nhưng cha nhắc lại với con cái điều cha đã nói với những người đàn bà này: dù cha yếu đuối đến đâu, cha cũng không bỏ rơi các con.

- Ôi, cha không như cái lũ bè bạn trên đời này! Cái mồm họ nói thì hay lắm, đúng thế! Nếu con tin ở tất cả những lời thề thốt của bọn ấy nói với con vào thời con khá giả! Chà! Chà! Chúng sẵn sàng đổ máu vì con; chúng sẽ bảo vệ con chống lại cả ma quỷ. Giả sử con có một kẻ thù?... Chỉ cần con cho hắn nghe những lời ấy có lẽ hắn phải chết ngay được. Và bây giờ, giá như cha trông thấy chúng đánh bài chuồn như thế nào... - Nói đến đây, anh ngước mắt nhìn Đức cha và thấy mặt cha sầm xuống, anh hiểu là anh đã nói cái điều không nên nói. Nhưng muốn gỡ lại, anh càng lúng túng và rối thêm: - Con muốn nói... con không có ý định nói... hoặc đúng hơn con muốn nói là...

- Con muốn nói gì? Chà, sao? Vậy là con đã bắt đầu làm hỏng việc của ta ngay từ khi ta chưa bắt tay vào! May cho con là con đã tỉnh ngộ kịp thời. Sao! Con đi tìm bè bạn... và những bè bạn nào!... Những bè bạn không thể giúp con cho dù họ có muốn giúp! Và chỉ suýt nữa thì con để mất người bạn duy nhất có thể giúp con, và muốn giúp con! Chẳng lẽ con không biết kẻ yếu mà giở nanh vuốt ra thì không được gì hết hay sao? Và cho dù... - Ông bèn nắm chặt cánh tay Rendô: bộ mặt ông vẫn nguyên vẻ uy nghi, biểu lộ một nỗi ân hận trang nghiêm, mắt ông nhìn xuống, giọng từ tốn và như từ dưới đất vọng lên. - Cho dù kẻ yếu ấy có thắng... Cuộc chiến thắng khủng khiếp! Rendô! Con có muốn tin cậy ở ta không?... Ta nói sao nhỉ, tin cậy ở ta, một con người nhỏ bé yếu đuối, một anh thầy tu khốn khổ? Con có muốn tin cậy ở Chúa không?

- Ôi, con muốn lắm! - Rendô đáp. - Chúa chính là vị chúa tể thực sự.

- Nếu vậy thì con hãy hứa với ta là con sẽ không đối đầu với ai cả, con không khiêu khích ai cả, con để ta đưa đường chỉ lối.

- Con xin hứa.

Luxia thở phào như vừa được cất đi một gánh nặng: còn bà Anhedơ nói:

- Tốt lắm, con ạ.

- Các con nghe đây, - Cha Crixtôfôrô lại nói. - Hôm nay ta sẽ đến nói chuyện với con người ấy. Nếu Chúa làm hắn cảm động và ban sức mạnh cho lời nói của ta thì tốt; bằng không, Chúa cũng giúp ta tìm ra một phương sách gì khác. Trong khi chờ đợi, các con hãy giữ thật bình tĩnh, lánh xa mọi người, tránh những chuyện dông dài, và đừng ló mặt cho ai thấy. Chiều nay, hoặc sáng mai là chậm nhất, các con sẽ lại gặp ta.

Nói xong, ông cắt ngay những lời cảm ơn và chúc tụng rồi đi ra. Ông về tu viện, còn kịp dự buổi cầu kinh buổi trưa, rồi lên đường đi ngay đến hang ổ của con thú mà ông muốn thử làm mềm lòng.

Lâu đài của Đôn Rôđrigô đứng sừng sững, trơ trọi như một pháo đài, trên đỉnh đồi trong số những quả đồi nâng dốc bờ sông cao lên ở chỗ này chỗ khác. Để chỉ dẫn thêm, vị tác giả vô danh còn nói là lâu đài ấy (kể ra ông cứ cho biết ngay cái tên của nó thì hơn) ở cao hơn làng của đôi vợ chồng chưa cưới, cách đó khoảng ba dặm và cách tu viện bốn dặm. Dưới chân đồi, về phía nam, hướng mặt ra hồ một đám nhà tranh không đông lắm là nơi ở của những nông dân của Đôn Rôđrigô; đó cũng tựa hồ như một thủ đô nhỏ trong cái vương quốc nhỏ của ông ta. Chỉ cần đi qua đây là có thể biết rõ lối sống và những

tập quán của cái giang sơn này. Liếc mắt nhìn vào những gian phòng tầng dưới qua một vài cánh cửa mở, ta thấy treo la liệt trên tường những súng dài, súng ngắn, những cái xẻng, mũ rơm, lưới tóc, bao thuốc súng. Những người ta gặp ở đây là những đàn ông cao lớn vạm vỡ, vẻ mặt quầu quạu, có một chỏm tóc dài vén lên trên đầu và bọc trong lưới tóc; những cụ già móm răng có vẻ sẵn sàng nghiến lợi nếu ta khẽ chọc tức họ; những đàn bà có bộ mặt đàn ông và những bắp tay gân guốc có thể tiếp viện cho lưỡi họ, nếu lưỡi này còn chưa đủ; ngay cả trong nét mặt và cử chỉ của bọn trẻ con chơi ngoài đường, người ta cũng thấy có cái gì ngỗ ngược và khiêu khích.

Cha Crixtôfôrô băng qua làng, trèo lên đồi theo một con đường mòn ngoằn ngoèo uốn khúc rồi tới một bãi đất nhỏ trước lâu đài. Cổng đóng, đó là dấu hiệu cho thấy ông chủ tang ăn và không muốn bị quấy rầy. Những cửa sổ hẹp và hưa thớt trông ra đường đóng lại bằng những cánh chớp cũ nát đã long mộng, tuy vậy được những chấn song sắt to bảo vệ và những cửa sổ tầng dưới thì cao đến nỗi một người trèo lên vai người khác cũng khó mà với tới. Không khí im lặng bao trùm nơi này; một người dạo chơi qua đây có thể cho là ngôi nhà không có người ở, nếu không có bốn sinh vật, hai sống và hai chết, đặt đối xứng nhau ở bên ngoài, là dấu hiệu cho thấy có thể có người ở bên trong. Hai con chim ưng lớn dang cánh, đầu lủng lẳng, một con lông đã trụi hết và bị thời gian tàn phá đến một nửa, con kia còn nguyên vẹn và phủ kín lông, mỗi con đóng đinh vào một bên cánh cổng; và hai tên *lâu la*, nằm dài trên hai ghế băng đặt bên phải và bên trái, vừa gác cổng vừa chờ được gọi vào tận dụng đồ thừa trên bàn ăn của lãnh chúa. Vị tu sĩ đứng lại, như một người sẵn sàng đợi được mời vào nhà; nhưng một tên *lâu la* đứng dậy và nói với ông: "Kìa cha,

cha tiến lên đi chứ! ở đây người ta không bắt các thầy tu dòng đạo hành khất phải chờ đợi: chúng con là bạn bè của tu viện, và riêng phần con, con đã đôi lần được ở đó khi bầu không khí bên ngoài không tốt lắm cho sức khỏe của con; và nếu cánh cửa tu viện đóng lại không để con vào, thì thật rầy ra cho con? Nói vậy rồi hắn lấy búa gõ hai cái vào cánh cổng. Đáp lại tiếng động ấy, bên trong lập tức vang lên tiếng rống, tiếng sủa của lũ chó lớn, chó nhỏ và ít phút sau, một người đầy tớ già càu nhàu đi ra; nhưng trông thấy vị tu sĩ, bác cúi rạp xuống chào, vừa dịu giọng gọi đàn chó vừa lấy tay vỗ về chúng, đưa vị khách vào một phòng khách và nhìn ông với vẻ vừa có phần ngạc nhiên, vừa có phần kính nể, bác nói:

- Cha có phải là... cha Crixtôfôrô ở Pexcarênicô không ạ?

- Chính ông ta đấy.

- Cha đến đây?

- Như cụ thấy đấy, cụ già hiền lành ạ.

- Chắc hẳn để làm việc thiện. Việc thiện, - bác nói tiếp, lầm bầm trong miệng và lại đi, - việc thiện thì người ta có thể làm ở khắp nơi.

Sau khi đã đi qua hai ba phòng khách tối om, họ đến cửa phòng ăn. Từ đây vẳng ra tiếng ồn ào hỗn độn của những dĩa, dao, cốc, đĩa, và trùm lên tất cả là những tiếng nói không ăn nhịp với nhau. Vị tu sĩ muốn rút lui, và đang bàn với người đầy tớ để bác tạm xếp ông vào một góc nhà nào đó chờ họ ăn xong, thì cánh cửa mở ra. Một vị bá tước Attiliô nào đó, ngồi đối diện với cửa ra vào (đó là người em họ của vị chủ nhà mà ta đã nói thế nhưng chưa kể tên) trông thấy một cái đầu trọc, một áo thấy tu, và thái độ rụt rè của ông tu sĩ hiền lành, liền kêu lên: "Chà chà! Cha định trốn đi đâu, cha đáng kính! Mời cha vào đây, vào đây". Đôn Rôđrigô không thể đoán biết chính

xác mục đích cuộc viếng thăm này, hẳn đã muốn lờ đi. Nhưng vì anh chàng Attiliô nhẹ dạ ấy đã kêu lên ầm ĩ, nên hắn không thể đừng được nữa và nói: "Vào đây, cha, vào đây". Vị tu sĩ tiến lên, cúi chào ông chủ nhà, và hai tay làm hiệu đáp lại những lời chào của các khách ăn tiệc.

Khi một người lương thiện đứng trước kẻ ác, thông thường (tôi không nói tất cả mọi người như vậy) người ta thích hình dung ông ta đầu ngẩng cao, cái nhìn đầy tự tin, ngực ưỡn thẳng, nói năng hùng hồn. Nhưng thật ra, để có được thái độ ấy cần đến những hoàn cảnh nhiều vô kể đến nỗi khó mà tập trung được hết. Cho nên các bạn đừng ngạc nhiên nếu cha Crixtôfôrô, với tất cả lương tâm thanh thản và lòng tự tin sắt đá rằng sự việc mình bảo vệ là chính đáng, với cảm giác lẫn lộn vừa kinh tởm vừa thương hại của ông đối với Đôn Rôđrigô, vẫn giữ một vẻ rụt rè và cung kính trước mặt chính tên Đôn Rôđrigô ấy, hắn ngồi kia, ở đầu bàn, trong nhà hắn, trong vương quốc của hắn, vây quanh hắn là lũ bạn bè, là những lời nịnh nọt, là biết bao dấu hiệu của quyền lực hắn, với một bộ mặt làm tắt ngay mọi lời cầu xin trên miệng bất cứ ai, còn nói gì đến những lời khuyên, lời răn, lời quở trách. Ngồi bên phải hắn là tên bá tước Attiliô ấy, em họ hắn, và có lẽ chẳng cần phải nói đó là đồng bọn phóng đãng và bạo ngược của hắn, từ Milăng đến nghỉ mát vùng quê ít ngày với hắn. Bên phải hắn, phía bên kia bàn là ngài Thị trưởng, ông ta biểu bộ tất cả sự kính cẩn mà vẫn giữ vẻ tự phụ và tự mãn nào đó, chính ông này về lý thuyết đáng lẽ phải trả lại công lý cho Rendô Tôramaghinô, và trừng trị Đôn Rôđrigô, như trên kia ta đã thấy. Ngồi trước mặt ngài thị trưởng, với điệu bộ khúm núm xun xoe, là vị tiến sĩ Adecca Gacbugli của chúng ta, bận áo choàng đen, cái mũi đỏ gay hơn mọi ngày; đối diện với hai anh

em ông chủ là hai người khách không tên tuổi, theo cuốn truyện của chúng ta kể thì hai người này chỉ biết cắm đầu vào ăn, chốc chốc lại gật gà gật gù, mỉm cười và tán thưởng tất cả những gì mỗi vị khách nói ra mà không ai phản đối.

- Mang ghế lại đây cho Đức cha! - Đôn Rôđrigô nói.

Một người hầu đưa ghế đến, cha Crixtôfôrô ngồi xuống, xin lỗi vị lãnh chúa vì đã đến không đúng lúc.

- Tôi rất muốn được nói chuyện riêng với ngài, nếu ngài cho phép, về một việc quan trọng, - ông nói thêm, hạ thấp giọng xuống ghé vào tai Đôn Rôđrigô.

- Được, được, ta sẽ nói chuyện, - ông này đáp lại, - nhưng, trong khi chờ đợi, hãy mang rượu mời cha uống đã.

Vị tu sĩ muốn cưỡng lại, nhưng Đôn Rôđrigô cất cao giọng, giữa tiếng ồn ào đã lại nổi lên, nói to:

- Không, chết nỗi, xin cha đừng sỉ nhục tôi như thế; không bao giờ có chuyện một vị thầy tu dòng đạo hành khất có thể ra khỏi nhà này mà chưa nếm rượu của tôi, cũng như không một thằng chủ nợ láo xược nào ra khỏi đây mà không ăn thử mấy gậy gỗ tươi của rừng tôi!

Những lời ấy gây ra một trận cười rộ lên khắp phòng, làm ngừng lại trong giây lát cuộc tranh cãi sôi nổi đang diễn ra giữa các vị khách. Một người hầu mang đến cái khay trên đặt một bình rượu và một cái cốc cao có hình đài hoa, dâng lên Đức cha; không muốn cưỡng lại sự mời mọc ân cần đến thế của con người mà ông rất muốn tranh thủ, vị tu sĩ không ngập ngừng rót rượu ngay vào cốc và bắt đầu nhấp từng hớp một.

- Uy tín nhà thơ Taxô[1] không bảo vệ luận điểm của ngài

---

[1] Torquato Tasso (1544 - 1595), nhà thơ Ý nổi tiếng, tác giả bản trường ca hiệp sĩ "Giêrudalem được giải phóng".

đâu, ngài thị trưởng rất đáng kính ạ; thậm chí nó chống lại ngài đấy, - bá tước Attiliô lại bắt đầu nói như hét lên, - bởi vì con người uyên bác ấy, con người vĩ đại ấy, vốn tinh thông tất cả những phép tắc của tinh thần hiệp sĩ, đã muốn rằng người phái viên của Acgăngtơ, trước khi buông lời thách thức các hiệp sĩ Gia-tô giáo, phải xin phép công tước ngoan đạo Buiông đã...[1]

- Nhưng, - ông thị trưởng cũng hét to không kém và cãi lại, - đó là một cái gì thêm thắt không hơn không kém, một sự tô vẽ nghệ thuật, bởi vì người sứ giả về bản chất, theo luật quốc tế, *jure gentium*, là bất khả xâm phạm, và chẳng cần tìm đâu xa, ngay tục ngữ cũng nói: "Sứ thần không chịu tội". Và tục ngữ, thưa ngài bá tước, là trí khôn của loài người. Vả chăng vị sứ giả cũng chưa nói gì nhân danh cá nhân mình, ông mới chỉ đưa ra lời thách thức bằng văn bản thôi...

- Nhưng đến bao giờ ngài mới hiểu được rằng ông sứ giả ấy là một con lừa, một thằng liều lĩnh, không biết đến cả những điều sơ đẳng nhất...

- Nếu được các vị ở đây cho phép, - Đôn Rôđrigô ngắt lời, không muốn cuộc tranh cãi đi quá xa, chúng ta hãy nhờ cậy Đức cha Crixtôfôrô, và ta hãy nghe theo lời xét đoán của cha.

- Hay, hay lắm, - bá tước Attiliô nói, ông thấy cái việc để một thầy tu dòng đạo hành khất quyết định một vấn đề về anh thần hiệp sĩ có vẻ rất thú vị, còn ông thị trưởng, cay cú với chuyện này hơn, im đi một cách khó khăn, với vẻ như muốn nói: "Thật là trò trẻ con!"

---

[1] Đây nói về một tình tiết trong bản trường ca "Giêrudalem được giải phóng" của Taxô (khúc ca VI) kể về cuộc viễn chinh thập tự lần thứ nhất. Acgăngtơ là một tướng Hồi giáo, Công tước Buiông là người chỉ huy những lính Thập -tự-quân.

- Nhưng, theo những điều tôi cho là mình đã hiểu được ở đây - vị tu sĩ nói, - thì tôi chẳng có hiểu biết bao nhiêu trong những vấn đề này.

- Đó là những lời thoái thác quen thuộc của cha, của các vị tu sĩ các người - Đôn Rôđrigô nói, - nhưng cha không thoát khỏi tay tôi đâu! Cha nói với ai khác kia! Còn chúng tôi đã thừa biết cha không phải sinh ra với cái mũ trùm trên đầu, và cha hiểu đời lắm chứ. Thôi nào, nào: vấn đề thế này đây.

- Sự việc như sau. - Bá tước Attiliô bắt đầu thét lên.

- Thôi đi em, để anh là người đứng giữa trình bày sự việc, - Đôn Rôđrigô lại nói. - Câu chuyện thế này. Một hiệp sĩ Tây Ban Nha thách thức một hiệp sĩ Milăng quyết đấu: người đưa thư đến nhà người được thách thức nhưng không gặp, bèn chuyển giao bức thư thách đấu cho em vị hiệp sĩ, ông này đọc bức thư thách thức và, để đáp lại, đập cho người chuyển thư mấy gậy. Vấn đề đặt ra là...

- Những đòn nện rất đích đáng, phết rất trúng, - Bá tước Attiliô kêu lên. - Ông ta quả đã có một cảm hứng chân chính.

- Phải, cảm hứng của ma quỷ, - Ngài thị trưởng tiếp lời. - Đánh một sứ giả! Một con người thiêng liêng! Ngay cả cha đây, thưa cha, cha thử xem đó có phải là một hành động xứng đáng với một hiệp sĩ hay không.

- Xứng đáng chứ, thưa ngài, - ông bá tước kêu lên. - Và cho phép tôi nói điều đó, vì tôi chính là người phải am hiểu các phép tắc của giới hiệp sĩ. Ồ, nếu là những cú đấm thì lại là chuyện khác, nhưng cái gậy thì không bao giờ làm bẩn tay ai cả. Cái điều tôi không thể hiểu nổi là tại sao ngài lại coi trọng cái vai của một tên khốn kiếp đến thế.

- Có ai nói với ngài về cái vai đâu, thưa ngài bá tước? Ngài

gán cho tôi những điều ngu xuẩn mà tôi chưa bao giờ nghĩ tới. Tôi đây, tôi nói đến tính cách con người chứ không nói đến cái vai tôi nói chủ yếu đến luật quốc tế. Xin ngài làm ơn cho biết những viên "Phêxian"[1] mà người La Mã cổ đại phái đi mang thư tuyên chiến với các dân tộc khác có xin phép trước khi trình bày công việc họ được ủy thác hay không, và xin ngài tìm cho tôi dù chỉ một nhà văn nào đó thôi đã ghi lại chuyện một viên "Phêxian" bị đánh gậy.

- Chúng ta cần gì đến những người La Mã cổ xưa ấy, những người không băn khoăn gì đến kiểu cách sống, và về mặt này thì họ lạc hậu, rất lạc hậu? Nhưng, theo luật lệ của tinh thần hiệp sĩ hiện đại, và đây mới là tinh thần hiệp sĩ chân chính, tôi tuyên bố và tôi kiên quyết cho rằng một tên sứ giả đã dám cả gan trao thư thách đấu vào tay một hiệp sĩ mà không xin phép ông ta trước thì đó là một thằng táo tợn, và loại người như thế không hoàn toàn là bất khả xâm phạm, mà còn đáng đánh đòn, hoàn toàn đáng đánh đòn...

- Vậy người ta có thể trả lời phép tam đoạn luận này như thế nào?

- Không trả lời gì hết, hoàn toàn không cần trả lời gì hết.

- Nhưng xin ngài nghe đây, xin ngài nghe đây, nghe đây. Đánh một người không có vũ khí là một hành động phản trắc *atqui* vị sứ giả, *dequo* không vũ khí; *ergo*...[2]

- Khoan đã nào, khoan đã nào. Thưa ngài thị trưởng.

- Sao, khoan là thế nào?

- Khoan đã nào, tôi xin thưa với ngài: ngài nói chuyện gì với

---

[1] *"Phêxian"*: ở La Mã cổ đại, những thành viên của một hội đồng giáo sĩ tham dự vào những cuộc tuyên chiến và những hiệp ước hòa bình.

[2] *Nhưng mà đây là (atqui)* vị sứ giả, *trường hợp đang nói đến là (de quo)* không vũ khí, do đó *(ergo)*... (tiếng La tinh).

tôi đấy? Một hành động phản trắc, đó là đâm ai bằng lưỡi kiếm của mình từ phía sau, hoặc bắn người ta một phát súng vào lưng: và ngay cả như vậy cũng vẫn có thể có một số trường hợp nào đó... nhưng thôi, hãy bó hẹp trong vấn đề của chúng ta. Tôi đồng ý rằng thông thường người ta có thể gọi đó là một hành động phản trắc: nhưng nện cho một thằng xấc láo bốn gậy! Thật hay ho, nếu người ta buộc phải nói với hắn: "Cẩn thận, tao sẽ nện mày đấy", cũng như người ta nói với một nhà quý phái: "Xin ngài hãy phòng thân!" Còn ngài, thưa ngài tiến sĩ rất đáng kính, thay vì cái việc ban cho tôi những nụ cười láu lỉnh để ra hiệu cho tôi hiểu rằng ngài đồng ý với tôi, tại sao ngài không ủng hộ những lý lẽ của tôi bằng cái lưỡi vốn rất linh lợi của ngài, để giúp tôi thuyết phục ông đây có hơn không?

- Tôi... - vị tiến sĩ hơi lúng túng đáp, - tôi thưởng thức cuộc tranh luận bác học này, và tôi cám ơn sự tình cờ may mắn đã tạo cơ hội cho một cuộc đấu trí tao nhã đến thế. Vả chăng, không phải việc của tôi hạ lời phán quyết: vị Lãnh chúa tối vinh hiển đã cử ra một quan tòa rồi... là Đức cha đây...

- Đúng đấy, - Đôn Rôđrigô nói; nhưng các ngài muốn quan tòa nói thế nào, khi hai bên tranh kiện không chịu im đi?

- Tôi xin câm miệng, - bá tước Atiiliô nói.

Ngài thị trưởng bặm môi và giơ tay lên làm hiệu là cả ngài cũng xin chịu không nói nữa.

- A, đội ơn Chúa! Bây giờ là phần cha, - Đôn Rôđrigô nửa nghiêm trang nửa giễu cợt nói.

- Tôi đã xin được miễn thứ rồi, tôi đã nói là tôi không am hiểu vấn đề này mà, - cha Crixtôfôrô trả lại cốc cho người hầu, đáp.

- Những lời xin lỗi yếu ớt lắm, - hai người anh em họ cùng kêu lên. - Chúng tôi muốn sự xét đoán của cha.

- Nếu đã vậy, - vị tu sĩ lại nói, - ý kiến thô thiển của tôi là đáng ra không nên có cả những sự thách đấu lẫn những người đưa thư và những đòn đánh gậy.

Các vị khách nhìn nhau sửng sốt.

- Ồ, thật là quá quắt! - Bá tước Attiliô nói. - Xin cha thứ lỗi cho, thưa cha, nhưng như thế thì hơi quá quắt đấy. Rõ ràng cha chẳng hiểu gì về cuộc đời này cả.

- Đức cha ấy ư? - Đôn Rôđrigô nói. - Em cứ muốn anh phải nhắc lại với em điều này: Đức cha rất hiểu đời, cậu em họ của anh ạ, không kém gì em đâu; phải thế không, thưa cha? Thế nào, cha nói đi, cha cũng đã từng nếm mùi đời đấy chứ.

Đáng lẽ đáp lại câu hỏi âu yếm ấy, vị tu sĩ tự nhủ thầm một điều kín đáo với riêng mình: "Cái đó là để cho nhà ngươi; nhưng, hỡi giáo sĩ, ngươi hãy nhớ rằng ngươi đến đây không phải vì mình, và tất cả những gì chỉ liên quan đến một mình ngươi thôi đều không đáng kể".

- Có thể như vậy, - người em họ nói. - Nhưng thưa cha... Đức cha tên gì ạ?

- Cha Crixtôfôrô, - nhiều tiếng cùng đáp lại.

- Nhưng, thưa cha Crixtôfôrô, người thầy rất đáng kính của tôi, với những châm ngôn như thế cha sẽ làm cuộc đời này đảo điên lên mất. Không thách đấu! Không đánh đòn! Vĩnh biệt vấn đề danh dự này; đó là sự không trừng phạt dành cho tất cả mọi tên vô lại. May mà cái giả thiết ấy không thể có được.

- Thế nào, vị tiến sĩ, - Đôn Rôđrigô lại đột nhiên nói, ông ngày càng muốn kéo hai người khơi chuyện đầu tiên ra khỏi cuộc tranh luận, - mạnh dạn lên nào, ngài vốn là người có khả năng biện bạch cho tất cả mọi người. Ta hãy thử xem

trong trường hợp này ngài làm thế nào để biện bạch cho Đức cha Crixtôfôrô.

- Thật ra, - vị tiến sĩ vung dĩa, và quay mặt về phía Đức cha đáp, - thật ra tôi không thể hiểu làm thế nào mà cha Crixtôfôrô, vừa là một nhà tu hành hoàn hảo vừa là một người của xã hội thượng lưu, lại không nghĩ rằng điều xét đoán của mình vốn là tốt, tuyệt diệu, và đúng đắn trên bục giảng đạo, lại không có giá trị gì, xin nói với tất cả sự kính trọng của tôi đối với Đức cha, trong một cuộc tranh luận về tinh thần hiệp sĩ. Nhưng Đức cha biết rõ hơn tôi là mỗi vật chỉ có giá trị ở chỗ của nó, và tôi cho rằng lần này cha đã muốn bằng một câu đùa bỡn thoát khỏi sự lúng túng phải hạ lời phán xét. Trả lời thế nào với một lập luận sinh ra từ một sự khôn ngoan hết sức cổ xưa mà vẫn luôn luôn mới? Không trả lời gì cả: Đó, vị tu sĩ của chúng ta đã làm như vậy.

Nhưng Đôn Rôđrigô muốn chấm dứt cuộc tranh cãi này, đã khơi lên một cuộc khác.

- Nhân đây, - ông nói, - tôi nghe nói ở Milăng có những tin đồn về cuộc hòa giải.

Bạn đọc cần biết rằng năm ấy người ta đang đánh nhau để tranh giành quyền kế thừa lãnh địa Măngtu[1], lãnh địa này, sau khi Vanhxang đơ Gôngdagơ mất đi không có người nối dõi hợp pháp, đã thuộc về một họ hàng gần nhất của ông là công tước Nêve. Lui XIII, hoặc nói đúng hơn Hồng y giáo chủ Risơliơ, ủng hộ vị hoàng thân này mà ngài rất yêu quý và đã nhập quốc tịch Pháp; mặt khác Philip IV, hoặc nói đúng hơn bá tước

---

[1] Cái gọi là cuộc chiến tranh Măngtu (1628 - 1631) một sự kiện của cuộc chiến tranh ba mươi năm. Măngtu là một tỉnh ở vùng Lombacđi (một vùng ở bắc Ý, thủ đô: Milăng).

Ôliva, thường được gọi là bá tước - công tước, không muốn thấy ông ta ở đó cũng vì chính những lý do trên bèn gây chiến tranh với ông[1]. Hơn nữa, vì lãnh địa ấy là một thái ấp của đế quốc, cả hai phe cùng cố sử dụng mọi mưu mô, mọi sự van nài và đe dọa đối với hoàng đế Phecđinăng II, phe thứ nhất để ngài phong thái - ấp cho vị công tước mới, phe thứ hai để ngài từ chối điều đó, và thậm chí còn giúp họ đuổi ông ta ra khỏi quốc gia ấy.

- Tôi vẫn muốn tin rằng, - Bá tước Attiliô nói, - mọi sự đều có thể dàn xếp được. Tôi thấy một vài triệu chứng...

- Đừng tin gì hết, thưa ngài bá tước, xin ngài đừng tin gì hết - ông thị trưởng ngắt lời. - Tôi đây, trong cái xó của tôi, tôi có thể biết mọi chuyện xảy ra; bởi vì quan giám cung[2] Tây Ban Nha có lòng tốt dành cho tôi chút cảm tình, và bởi vì ngài là con trai của một đại nhân được Đức bá tước - công tước che chở, cho nên ngài biết hết mọi chuyện...

- Tôi xin thưa với ngài rằng tôi đây, ngày nào tôi cũng có dịp được hầu chuyện ở Milăng với nhiều nhân vật khác; và tôi có nguồn tin chắc chắn để biết là đức giáo hoàng vốn rất quan tâm đến hòa bình, đã có những kiến nghị...[3]

- Tất nhiên phải thế: đó là theo phép tắc; đấng chí-tôn làm bổn phận của mình; một Đức giáo hoàng bao giờ cũng phải tìm

---

[1] *Acmang Plexi đơ Risơlind* (1585 - 1642): Hồng y giáo chủ, chính khách, giữ vai trò lớn trong việc củng cố nền quân chủ tuyệt đối Pháp. Từ 1624 đến 1642 là người cầm quyền thực sự ở Pháp.
Gaxparô đơ Guxman, bá tước Oliva, công tước Xan Luca (1587 - 1645): sủng thần có quyền hành vô hạn của tên vua chuyên chế bất tài Philip IV, điều khiển tất cả mọi việc của nền quân chủ Tây Ban Nha cho đến trước 1643.

[2] Ông quan phụ trách cung vua ở Milăng.

[3] Giáo hoàng lúc này là Uôcban VIII (1623 - 1644) thật ra không hề muốn hòa bình: trong khi ủng hộ những đòi hỏi của công tước Nêve và Risơliơ, ông vẫn bí mật cung cấp vũ khí cho những đối thủ của họ.

sự hòa hiếu giữa các hoàng thân Giatô giáo; nhưng Đức bá tước - công tước có chính sách của ngài, và...

- Và, và, và; thưa quý ngài, ngài có biết lúc này hoàng đế đang nghĩ gì không? Ngài tưởng trên đời này chỉ có lãnh địa Măngtu thôi chăng? Thưa ngài, còn biết bao điều hoàng đế phải nghĩ đến. Chẳng hạn, ngài có biết hoàng đế có thể tin cậy đến mức nào vào vị hoàng thân của mình Đơ Vanđixtanô, hoặc Đơ Vanlixtai, hoặc cái gì nữa tôi không biết và nếu...

- Tên chính thức của hoàng thân bằng tiếng Đức, - ông thị trưởng lại ngắt lời, - là Vanlenxten[1], như tôi đã được nghe quam giám cung Tây Ban Nha của chúng ta nói đến nhiều lần. Nhưng xin ngài cứ tin chắc rằng...

- Có lẽ ngài muốn dậy cho tôi...? - Vị bá tước lại nói, nhưng Đôn Rôđrigô đã đưa mắt ra hiệu cho ông hiểu rằng nếu ông muốn làm vui lòng người anh họ thì đừng cãi nữa. V bá tước nín lặng, và ông thị trưởng, như một con tàu vượt ra khỏi bãi cát, lại tiếp tục giương hết buồm phóng trên con đường hùng biện của mình. - Vanlenxten không làm tôi lo ngại mấy tí; bởi vì Đức bá tước - công tước có tai mắt ở khắp nơi và trên mọi việc; và nếu Vanlenxten lại muốn giở chứng thì ngài sẽ biết cách dắt ông ta vào con đường phải, dù ông ta muốn hay không muốn. Đức bá tước - công tước có tai mắt khắp nơi, tôi nhắc lại, và có cánh tay dài; và nếu ngài đã quyết định, và quyết định đúng, với tư cách là một chính khách lớn, rằng công tước Nêve sẽ không cắm rễ ở Măngtu,

---

[1] Vanđixtanô, VAnlixtai, Vanlenxten: đọc chệch theo lối Ý tên của một tướng lĩnh đế quốc Đức Anbrêch Vanlensten (1583 - 1634) đã tổ chức trong thời kỳ cuộc Chiến tranh ba mươi năm một đội quân đánh thuê lớn để đàn áp các phong trào giải phóng chống phong kiến. Năm 1634 Vanlesten bị kết tội phản bội và bị giết chết.

thì công tước Nêve sẽ không cắm rễ ở đó, và cái ông Hồng y giáo chủ Risơliơ sẽ chỉ làm con dã tràng xe cát mà thôi. Nói thật tình, ông ta làm tôi tức cười, cái ông Hồng y giáo chủ quý báu ấy, khi ông muốn đụng vào một vị bá tước - công tước, đụng vào một Ôliva. Không nói khoác đâu, tôi những muốn hai trăm năm sau được sống lại để nghe con cháu chúng ta nói thế nào về cái tham vọng đẹp đẽ ấy. Có lòng thèm muốn chưa đủ, phải có cái đầu nữa; và những cái đầu như đầu của bá tước - công tước thì chỉ có một trên đời. Thưa các ngài, Đức bá tước - công tước, - ông thị trưởng tiếp tục, vẫn luôn luôn thuận buồm xuôi gió, và chính ông cũng hơi ngạc nhiên vì không gặp một chút đá ngầm nào, - Đức bá tước - công tước là một con cáo già, tôi xin nói vậy với tất cả lòng kính trọng phải có đối với ngài, có thể đánh lạc hướng con chó săn thính nhất; và khi ngài phác ra một động tác về bên phải, các bạn có thể chắc chắn là ngài sắp đánh về bên trái; cho nên không ai có thể bao giờ dám khoe khoang là biết được ý đồ của ngài, và những người phải thực hiện ý đồ ấy, ngay cả những người thảo công văn, cũng không hiểu gì ở đó cả. Tôi đây, tôi có thể nói với tư cách là người biết sự việc; bởi vì quan giám cung tốt bụng ấy đã hạ cố trò chuyện với tôi và biểu lộ với tôi một chút lòng tin cậy. Đức bá tước - công tước, trái lại, biết rất rõ những mưu mô gì đang ngấm ngầm chuẩn bị ở các triều đình khác: và tất cả những nhà chính khách lớn ấy (ta không thể chối cãi là số những chính khách như vậy khá nhiều) chỉ vừa mới nghĩ được một kế hoạch gì là Đức bá tước - công tước đã đoán ngay ra nó, bằng cái đầu ấy của ngài, bằng những con đường bí mật của ngài, bằng tất cả những đường dây liên lạc mà ngài đã dăng khắp nơi. Cái ông Hồng y giáo chủ Risơliơ khốn khổ kia thử chỗ này, đánh hơi

chỗ nọ, toát mồ hôi, vắt óc ra: Rồi sao? Khi ông ta đào lỗ chôn được một quả mìn, ông thấy ngay quả mìn phản kích đã đặt ngay ngắn đúng chỗ do bàn tay của bá tước - công tước...

Có mà trời biết đến khi nào ông thị trưởng mới chịu đặt chân vào đất liền; nhưng Đôn Rôđrigô, cũng bị cả những bộ dạng nhăn nhó của người em họ thúc đẩy bỗng quay lại một người hầu, như do một cảm hứng đột ngột, và ra hiệu cho bác ta mang đến một chai rượu đặc biệt.

- Thưa ngài thị trưởng, thưa các ngài! - Tiếp đó ông nói: - chúng ta hãy nâng cốc chúc sức khỏe Đức bá tước - công tước; rồi các ngài sẽ cho tôi biết thứ rượu này có xứng đáng với con người ấy hay không.

Ông thị trưởng nghiêng mình đáp lễ, tỏ ra hết sức biết ơn; bởi vì tất cả những gì được nói hoặc làm để chúc mừng Đức bá tước - công tước đều được ngài xem là có phần dành cho ngài.

- Muôn năm Đôn Gaxparô Guxman, bá tước Ôliva, công tước Xan Luca, vì "privatô" vĩ đại của Hoàng thượng Đôn Philip II Đại đế vị chúa của chúng ta! - Ông nâng cốc nói to.

Với những người chưa biết, chúng tôi xin nói "privatô" là một tiếng thường dùng thời đó để chỉ viên sủng thần của một nhà vua.

- Muôn năm! - Tất cả mọi người cùng đáp lại.

- Rót rượu cho Đức cha, - Đôn Rôđrigô nói.

- Thứ lỗi cho tôi, - vị tu sĩ đáp, - nhưng tôi đã có điều lầm lạc, và tôi không thể...

- Sao kia! - Đôn Rôđrigô nói. - Đây là ta nâng cốc chúc sức khỏe Đức bá tước - công tước kia mà. Vậy cha muốn để chúng tôi tưởng cha là một kẻ ủng hộ những tên Navaranh hay sao?

Thời ấy người ta gọi một cách giễu cợt những người Pháp

như thế, do những vua chúa miền Nava[1] đã bắt đầu trị vì ở Pháp để từ Hăngri IV.

Trước một lời mời khẩn khoản như vậy, tất nhiên là phải uống. Tất cả các vị khách cùng reo lên ca ngợi thứ rượu; riêng vị tiến sĩ chỉ ngẩng đầu mắt nhìn đăm đăm, môi mím chặt, và như thế diễn đạt rõ hơn nhiều so với bất cứ lời nào ông có thể nói ra.

- Ngài thấy thế nào, hả, ngài tiến sĩ? - Đôn Rôđrigô hỏi.

Vị tiến sĩ ló cái mũi đỏ thắm và lấp lánh hơn cả rượu vang ra khỏi cốc, và ông đáp lại, trịnh trọng nói dằn từng âm tiết:

- Tôi nói, tôi thú nhận, và tôi quyết định rằng cái rượu này là Ôliva của các rượu: *censui, ei in eam ivi sententiam*[2] rằng người ta không thể tìm thấy một đồ uống nào như thế trong tất cả hai mươi vương quốc của đức vua chúa tể của chúng ta (cầu Chúa che chở cho ông!); tôi tuyên bố dứt khoát rằng những bữa ăn của vị Lãnh chúa tối vinh hiển Đôn Rôđrigô còn hơn cả những bữa tiệc của Hêliôgaban[3]; và nạn đói đã bị trục xuất và tống đi vĩnh viễn khỏi tòa lâu đài này, nơi ngự trị sự xa hoa tráng lệ.

- Nói khá lắm! phán đúng quá! - Các vị khách cùng đồng thanh kêu lên. Nhưng cái tiếng "nạn đói" do vị tiến sĩ tình cờ ném ra ấy đã hướng ngay tất cả mọi đầu óc vào cái đề tài đáng buồn này; và tất cả mọi người bắt đầu nói đến nạn đói. Trên vấn đề này, tất cả đều nhất trí với nhau ít nhất về căn bản; nhưng nếu như họ không cùng một ý kiến thì có lẽ lại đỡ ồn ào hơn. Tất cả cùng nói nhao nhao lên một lúc.

---

[1] *Navarre:* một vương quốc xưa ở vùng núi Pirênê.
[2] Tôi đã nếm thử và đã đi đến ý kiến (tiếng La tinh).
[3] *Hêliôgaban:* Hoàng đế La Mã (218 - 222) nổi tiếng là chuyên chế và trụy lạc.

- Không có nạn đói, - Một người nói, - đó là do bọn đầu cơ tích trữ...

- Và bọn chủ hiệu bánh mì cất giấu lúa mì, - một người khác nói. - Treo cổ chúng lên!

- Rất đúng; treo cổ chúng lên, không thương hại.

- Kiện cho chúng chết đi! - Ông thị trưởng kêu lên.

- Sao, kiện à? - Bá tước Attiliô càng nói to hơn. - Thẳng tay trừng trị. Tóm cổ ba hoặc bốn hoặc năm, hoặc sáu, trong số những thằng mà ai cũng biết là giàu nhất và chó má nhất, và treo cổ chúng lên!

- Răn đe! Phải răn đe! Không răn đe không làm gì được hết!

- Treo cổ chúng lên! Treo cổ chúng lên! Rồi lúa mì sẽ từ khắp mọi phía chui ra!

Nếu bạn có dịp đi qua một hội chợ và thưởng thức sự hòa âm của một dàn nhạc đường phố, khi giữa hai bài nhạc mỗi người lên dây nhạc cụ của mình cố làm cho nó kêu càng to càng tốt để nghe nó thật rõ giữa những tiếng của nhiều nhạc cụ khác, thì bạn có thể hình dung thế nào là sự hòa âm, nếu ta vẫn có thể nói như vậy, của những lời trò chuyện này. Trong thời gian ấy, người ta không ngừng rót thứ rượu nổi tiếng ra uống, và những lời ca ngợi chen lẫn, như tất nhiên phải thế, với những câu phán quyết về pháp chế kinh tế; đến nỗi những lời vang to hơn hết và trở đi trở lại nhiều nhất là: *"rượu thánh"* và *"treo cổ chúng lên!"*

Trong khi ấy, Đôn Rôđrigô vẫn liếc nhìn về phía con người duy nhất im lặng; và ông thấy vị tu sĩ vẫn ngồi im tại đó, không biểu lộ một dấu hiệu nhỏ nào tỏ ra nóng ruột hay vội vàng, không làm một cử chỉ gì để nhắc vị chủ nhà rằng ông đang đợi, nhưng với vẻ không muốn rút đi khi chưa được người ta nghe mình nói. Đôn Rôđrigô hẳn rất sẵn lòng tống

khứ ông đi và lẩn tránh cuộc nói chuyện này; nhưng đuổi một thầy tu dòng đạo hành khất mà không tiếp kiến, cái đó ngược với chính sách của ông. Vì không thể tránh khỏi điều khó chịu này, ông quyết định đương đầu ngay với nó, để sớm rũ nó đi; ông đứng lên khỏi bàn tiệc, và cùng với ông tất cả đám người mặt mũi đỏ gay cũng đứng lên theo, mà vẫn không ngừng tiếng ồn ào. Sau khi đã cáo từ các khách ăn tiệc, với vẻ đĩnh đạc ông đến bên vị tu sĩ lúc này cũng đã đứng lên ngay từ đầu cùng với mọi người khác, và ông nói với cha: "Tôi đây, xin theo lệnh cha". Rồi ông dẫn vị tu sĩ sang một phòng khác.

Chương sáu

- Tôi có thể giúp gì cho cha? - Đôn Rôđrigô nói, đứng sững giữa phòng. Lời lẽ ông ta như vậy, nhưng giọng điệu thì rõ ràng muốn nói trắng ra rằng: "Đừng quên anh đang đứng trước mặt ai, liệu mà giữ mồm giữ miệng, và nói mau lên".

Muốn làm cho cha Crixtôfôrô của chúng ta hăng lên không cách gì chắc chắn hơn và nhanh hơn là đem một giọng ngạo mạn ra nói với ông. Ông đang ngập ngừng đang lựa lời và đưa ngón tay lần tràng hạt đeo ở thắt lưng, như để hy vọng tìm thấy ở một hạt nào đó trong chuỗi hạt lời mào đầu cho câu chuyện, thì trước thái độ của Đôn Rôđrigô ông lập tức cảm thấy lời lẽ muốn tuôn trào ra trên miệng quá mức cần thiết. Nhưng, nghĩ đến cái điều hết sức quan trọng là không được làm hỏng việc mình, và điều quan trọng hơn nữa là không được làm hỏng việc người khác, ông sửa lại và làm dịu bớt những câu nói đã đến trong đầu, và ông nói với một vẻ nhún nhường hết sức thận trọng:

- Tôi đến đề nghị với ngài một việc công lý, van xin ngài một việc làm từ thiện. Một số kẻ xấu đã lợi dụng tên vị Lãnh chúa tối vinh hiển để dọa nạt một linh mục khốn khổ, ngăn cản ông làm nhiệm vụ và ức hiếp hai người vô tội.

Ngài có thể chỉ nói một lời thôi mà làm cho những kẻ đó phải bẽ mặt, trả lại sức mạnh cho pháp luật, cứu giúp những nạn nhân của một hành vi rất đỗi bạo ngược tàn ác. Ngài có thể làm điều đó, và khi làm như vậy thì... lương tâm ngài, danh dự ngài...

- Bao giờ tôi đến xưng tội với cha, thì cha hãy nói với tôi về lương tâm tôi. Còn về danh dự của tôi, thì cha biết cho rằng chính tôi, và chỉ mình tôi thôi, là người phải gìn giữ nó; và tôi xem bất cứ kẻ nào dám cả gan chia sẻ mối lo lắng ấy với tôi là một kẻ táo tợn đã xúc phạm tôi.

Bị cảnh cáo bởi đòn phủ đầu của Đôn Rôđrigô cố tìm cách lái lời nói của mình theo một nghĩa xấu nhất để chuyển cuộc nói chuyện thành sự cãi vã và do đó không cho mình dồn hắn đến chân tường, cha Crixtôfôrô chỉ càng cố chịu đựng hết thảy và nhất quyết chịu nhịn mặc cho kẻ kia muốn nói gì thì nói, và cha đáp lại ngay bằng một giọng nhẫn nhục:

- Nếu tôi đã nói điều gì phật lòng ngài, thì chắc chắn đó là trái với ý muốn của tôi. Vậy ngài cứ việc sửa chữa cho, cứ việc quở mắng cho, nếu tôi không biết đường ăn nói tử tế, nhưng xin ngài hãy chịu khó nghe tôi. Vì lòng kính yêu Chúa, vì Chúa và tất cả chúng ta, rồi sẽ phải trình diện trước Người... - khi nói vậy, ông cầm lấy cái đầu lâu nhỏ bằng gỗ đính ở tràng hạt và đưa nó ra trước mắt vị thính giả sa sầm mặt, - Xin ngài đừng khăng khăng từ chối một việc công lý quá dễ dàng mà những đứa trẻ tội nghiệp kia rất đáng được hưởng. Ngài hãy nghĩ rằng Chúa luôn luôn để mắt đến họ, và những tiếng than khóc, tiếng rên rỉ của họ đều được ở trên kia nghe thấy. Lòng ngay thật có sức mạnh của nó...

- Thôi đi cha! - Đôn Rôđrigô đột nhiên ngắt lời. - Lòng kính trọng của tôi đối với bộ áo của cha thật lớn, nhưng nếu có cái

gì có thể làm tôi quên bộ áo ấy đi, thì đó là vì tôi nhìn thấy nó trên lưng một kẻ dám đến tận nhà tôi do thám.

Cái tiếng ấy làm khuôn mặt vị tu sĩ đỏ lên; tuy nhiên ông nói tiếp, với vẻ một con bệnh cố nuốt một liều thuốc rất đắng:

- Chính bản thân ngài cũng không tin là tôi xứng đáng với danh hiệu. Trong thâm tâm ngài cũng cảm thấy cái việc tôi cầu xin trong lúc này tại đây không có gì là xấu xa và đáng khinh bỉ. Thưa vị lãnh chúa Đôn Rôđrigô, xin ngài hãy nghe tôi, vì ông trời đã muốn không có cái ngày ngài phải hối hận vì đã không nghe tôi. Xin đừng đặt vinh quang của ngài... và một vinh quang lừng lẫy biết bao, thưa lãnh chúa Đôn Rôđrigô! Một vinh quang lừng lẫy trước những con người! Còn trước Chúa thì sao? Ngài có thể làm nhiều chuyện ở dưới trần này, nhưng...

- Cha nên biết rằng, - Đôn Rôđrigô tức giận ngắt lời ông, nhưng không phải không có chút run sợ, - cha nên biết rằng, khi tôi hứng lên muốn nghe thuyết giáo, tôi cũng thừa biết đi đến nhà thờ như mọi người khác chứ? Nhưng còn trong nhà tôi! Ồ! - Và hắn nói tiếp, với một nụ cười gượng giễu cợt. - Cha đánh giá tôi quá cao đấy. Một nhà truyền giáo tại gia! Chỉ những bậc vương giả mới có mà thôi.

- Chúa đòi các bậc vương giả phải trả lời câu nói người phán truyền với họ ngay trong cung điện họ; giờ đây người lấy lòng từ tâm mà đối xử với ngài bằng cách phái một người thừa hành của người đến gặp ngài, cho dù người đó có khốn cùng và hèn mọn thì cũng vẫn là người thừa hành của Chúa, để cầu xin ngài vì một cô gái vô tội...

- Tóm lại, thưa cha, - Đôn Rôđrigô nói, làm bộ như muốn đi, - tôi không biết cha muốn nói gì: tất cả những gì tôi hiểu được, đó là ở đây chắc phải có một cô gái nào thân thiết với

cha lắm. Thôi, cha đi mà tâm sự với người nào cha muốn, và đừng tự cho mình cái quyền quấy rầy một nhà quý tộc lâu hơn nữa.

Trước cử chỉ của Đôn Rôđrigô muốn bước đi, vị tu sĩ của chúng ta đừng chặn trước mặt hắn, nhưng với tất cả vẻ kính cẩn; và giơ hai tay lên, như để van xin đồng thời giữ hắn lại, ông đáp:

- Vâng, đúng là tôi rất thiết tha với cô ấy, và cả với ngài cũng thiết tha không kém; đây là hai linh hồn, và đối với linh hồn này cũng như linh hồn kia tôi đều quý hơn cả máu mình. Ngài Đôn Rôđrigô! Tôi không thể làm gì hơn là cầu chúa giúp ngài, nhưng tôi sẽ làm điều đó với tất cả lòng thành. Ngài đừng từ chối tôi, xin ngài đừng giam hãm một cô gái vô tội đáng thương trong nỗi lo lắng và khiếp sợ. Chỉ một lời nói của ngài là xong hết...

- Thôi được, Đôn Rôđrigô nói, - vì cha đã cho rằng tôi có thể giúp được nhiều cho người ấy, vì người ấy đã được cha thương yêu biết bao...

- Thì sao? - Cha Crixtôfôrô lo lắng hỏi, vẻ mặt và thái độ Đôn Rôđrigô không bao giờ cho phép cha hoàn toàn buông thả theo niềm hy vọng mà những lời nói ấy dường như báo trước.

- Thì cha hãy khuyên cô ấy đến đây núp dưới bóng tôi. Cô ấy sẽ không thiếu gì cả, và sẽ không kẻ nào dám quấy rầy cô, nếu không tôi không phải là một hiệp sĩ.

Trước một lời đề nghị như thế, lòng phẫn nộ của vị tu sĩ cho đến nay vẫn phải nén xuống rất khó khăn đã nổ bùng ra. Tất cả những dự định tốt đẹp về sự thận trọng và lòng kiên nhẫn đều tiêu tan: con người cũ trong ông đã hòa vào với con người mới; và trong những trường hợp như thế cha Crixtôfôrô thật sự bằng hai.

- Sự che chở của ông! - Cha kêu lên, lùi lại hai bước, đứng vững một cách kiêu hãnh trên chân phải, bàn tay phải đặt lên háng, bàn tay trái giơ lên, ngón trỏ chĩa thẳng về phía Đôn Rôđrigô, và đôi mắt nảy lửa của cha nhìn chăm chăm vào mắt hắn. - Sự che chở của ông! Ông đã dám nói như thế, đã dám buông ra một lời đề nghị như thế với tôi đây, thế mà lại hay đấy. Ông đã vượt tất cả mọi giới hạn, tôi không sợ gì ông nữa.

- Anh nói gì đấy, anh tu sĩ?...

- Tôi nói như người ta nói với một người đã bị Chúa từ bỏ và không thể làm người ta sợ. Sự che chở của ông! Tôi biết rõ là cô gái vô tội này được Chúa che chở, nhưng ông, bây giờ ông khiến tôi cảm thấy điều ấy chắc chắn đến nỗi tôi không cần phải giữ ý tứ gì để nói với ông điều đó nữa. Tôi nói ông rõ nhé, đó là Luxia: ông xem tôi đọc cái tên ấy đầu ngẩng cao và mắt nhìn thẳng biết chừng nào.

- Thế nào ngay trong nhà này...!

- Tôi thương hại cái nhà này: sự nguyền rủa đã bao trùm lên nó. Ông sẽ thấy lẽ công bằng của Chúa có phải chùn bước trước bốn bức tường đá hay không, và có sợ sệt mấy tên kẻ cướp hay không! Ông tưởng rằng Chúa đã tạo ra một sinh linh theo hình của Chúa là để ông thỏa thích hành hạ người ta hay sao! Ông tưởng rằng Chúa không thể bảo vệ được con người ấy ư! Ông đã khinh thường lời cảnh cáo của Chúa! Ông đã bị phán xử, Trái tim của Pharaông cũng sắt đá như trái tim ông, mà Chúa đã biết làm cho tan vỡ. Ông không thể chiếm đoạt được Luxia đâu: tôi, một tu sĩ nghèo hèn, tôi nói với ông như vậy; còn về phần ông, hãy nghe cho rõ cái điều tôi báo trước với ông đây. Rồi một ngày kia...

Cho đến lúc này Đôn Rôđrigô vẫn bị chi phối giữa sự giận dữ và kinh ngạc, hắn sững sờ không nói nên lời. Nhưng khi

hắn nghe thấy bắt đầu một lời dự ngôn, thì một nỗi sợ xa xôi và huyền bí làm tăng thêm cơn giận dữ.

Hắn vội nắm lấy bàn tay đang giơ lên đe dọa, và cất cao giọng ngắt lời nhà tiên tri của tai họa, hắn kêu lên:

- Cút ngay khuất mắt tao, tên quê mùa táo tợn, thằng ăn bám khoác áo thầy tu!

Những lời nói thật là rành rọt trong phút chốc làm cha Crixtôfôrô dịu ngay xuống. Những sự bạc đãi và chửi bới cục cằn đã từ lâu hình thành trong tâm trí ông tư tưởng nhẫn nhục và im lặng thành thâm căn cố đế, đến nỗi trước cái lời lẽ lịch sự ấy, tất cả cơn giận dữ và hăng hái của ông tan biến hết, và ông chỉ còn một quyết định là bình tĩnh nghe tất cả những gì Đôn Rôđrigô tùy thích nói thêm. Cho nên, khẽ rút bàn tay ra khỏi những móng vuốt của nhà quý tộc, ông cúi đầu và đứng im như một cái cây vừa bị rung chuyển trong trận cuồng phong lại đưa cành cây trở về vị trí tự nhiên của nó ngay khi vừa im gió, đón nhận cơn mưa đá từ trên trời giáng xuống.

- Tên quê mùa học làm sang! - Đôn Rôđrigô nói tiếp. - Mi hành động như cả bè lũ chúng nữa. Nhưng hãy cảm tạ cái áo thầy tu phủ trên đôi vai vô lại của mi nó đã cứu mi khỏi những cái tát mà người ta thường tặng cho những tên đồng loại của mi để dạy chúng biết đường ăn nói. Lần này thì cút đi ngay với đôi giò còn đấy của mi, rồi sau ta sẽ xét.

Nói vậy rồi bằng một cử chỉ ra lệnh đầy vẻ khinh miệt, hắn chỉ tay về phía cánh cửa đối diện với cửa họ vừa vào. Cha Crixtôfôrô cúi đầu đi ra, để lại Đôn Rôđrigô đo bãi chiến trường bằng những bước chân giận dữ.

Khi vị tu sĩ vừa khép cánh cửa lại đằng sau ông, ông trông thấy ở căn buồng ông mới bước vào một người đang lặng lẽ rút

đi, bước sát tường như để không bị trông thấy từ gian phòng vừa diễn ra cuộc nói chuyện; và ông nhận ra người đầy tớ già đã ra đón ông ở cổng vào. Con người ấy đã ở trong nhà này có thể từ bốn mươi năm nay, nghĩa là từ khi Đôn Rôđrigô chưa đẻ. Bác đã vào đây hầu hạ cha hắn vốn là một người khác hẳn. Sau khi bố chết, ông chủ mới đuổi hết người hầu cũ để thay vào những người hoàn toàn mới, nhưng hắn đã giữ lại người đầy tớ già này, vì tuổi tác của bác và cũng vì, mặc dầu đạo lý và cách sống của bác ngược hẳn với hắn, bác lại có hai đức tính bù vào thiếu sót ấy: lòng tôn kính của bác đối với phẩm tước gia đình này và sự am hiểu tường tận về nghi thức, mà bác biết hơn ai hết đến từng tập tục cổ nhất và từng chi tiết nhỏ nhất. Trước mặt vị lãnh chúa, ông già tội nghiệp không bao giờ dám liều, tôi chưa nói phát biểu ra, mà ngay cả nói bóng gió để cho biết là bác không tán thành những gì bác trông thấy hàng ngày: thảng hoặc lắm mới thấy bác lầm bầm trong họng với các người hầu khác một lời than thở hoặc một lời oán trách nào đó; những người này chế giễu thái độ ấy của bác, và thậm chí đôi khi còn trêu chọc bác để mua vui bằng chuyện ấy để kích cho bác nói nhiều hơn bác muốn và để nghe bác nhắc lại những lời ca ngợi cách sống trước kia trong nhà này. Những lời chê bai của bác chỉ đến tai ông chủ kém theo câu chuyện mọi người giễu cợt những lời chê bai ấy; đến nỗi đối với cả Rôđrigô chúng cũng trở thành một đề tài giễu cợt chẳng hề làm hắn tức giận. Nhưng đến những ngày tiếp khách thì ông già ấy lại trở thành một nhân vật trang nghiêm và quan trọng.

Cha Crixtôfôrô đi qua liếc nhìn bác, chào bác, và lại tiếp tục con đường đi của mình; nhưng ông già đến gần vị tu sĩ với một vẻ bí mật, đặt một ngón tay lên miệng, rồi cùng với ngón

tay ấy ra hiệu để ông đi cùng với bác vào một hành làng tối om. Tại đây, bác khẽ nói với ông:

- Thưa cha, tôi đã nghe hết, và tôi cần nói với cha.

- Nói nhanh lên, ông già tốt bụng.

- Không phải ở đây: coi chừng kẻo ông chủ trông thấy... Nhưng tôi biết nhiều điều và tôi sẽ cố gắng sáng mai đến tu viện.

- Họ có kế hoạch gì chăng?

- Nhất định họ đang mưu mô một chuyện gì đó: tôi đã để ý thấy rồi, nhưng bây giờ tôi sẽ rình và hy vọng khám phá ra hết, cha để mặc tôi. Chà, tôi cứ phải nhìn và phải nghe những chuyện như thế...! Những chuyện dưới địa ngục! Tôi ở trong cái nhà ghê gớm thật...! nhưng tôi muốn cứu vớt linh hồn tôi.

- Cầu Chúa ban phước cho già! - Và vừa khẽ nói những lời ấy, vị tu sĩ vừa đặt bàn tay lên đầu người đầy tớ mặc dầu nhiều tuổi hơn cha vẫn đứng cúi đầu trước cha trong dáng điệu một đứa bé con. - Chúa sẽ ban thưởng cho già, - vị tu sĩ nói tiếp, - ngày mai già nhớ đến.

- Tôi sẽ đến, - Người đầy tớ đáp, nhưng còn cha, cha đi ngay đi và, lạy trời... cha đừng nói lộ tên tôi ra đấy. - Khi nói vậy, bác nhìn quanh mình. Rồi bác đi hết hành lang, vào một phòng khách trông ra sân; nhìn trước nhìn sau không thấy ai, bác đưa vị tu sĩ nhân đức ra ngoài, nét mặt ông đáp lại những lời nói cuối cùng của bác rõ hơn bất cứ một lời cam kết nào có thể nói lên. Người đầy tớ chỉ cho ông lối ra, và vị tu sĩ đi thẳng, không nói gì thêm.

Cái người đã đứng nghe ở cửa ông chủ mình làm như vậy có đúng không? Và cha Crixtôfôrô khen ngợi bác về việc này có đúng không? Theo những phép tắc thông thường nhất và khó chối cãi nhất, thì đó là một việc làm rất xấu; nhưng chẳng lẽ ta không thể xem trường hợp này là một ngoại lệ sao? Nhưng

có ngoại lệ cho những phép tắc thông thường nhất và khó chối cãi nhất không? Những vấn đề quan trọng đấy, nhưng xin để bạn đọc tự mình giải quyết, nếu bạn muốn. Còn chúng tôi, chúng tôi không muốn xướng lên những lời phán xét: chúng tôi chỉ cần sự kiện để kể lại.

Khi đã ra ngoài, quay lưng lại ngôi nhà đáng buồn này, thầy Crixtôfôrô được hít thở không khí tự do hơn và bước nhanh xuống đồi, mặt nóng bừng, xúc động, bàng hoàng, như mỗi người chúng ta có thể hình dung, bởi những gì ông đã nghe và bởi những gì ông đã nói. Nhưng món quà thật bất ngờ mà ông già vừa tặng ông đã làm một niềm an ủi lớn đối với ông: ông thấy hình như trời đã cho ông một dấu hiệu rõ ràng về sự phù hộ của Người. "Đây là một mối liên lạc, - ông nghĩ, - một mối liên lạc mà ý trời đã đặt vào tay ta. Và đặt ngay trong nhà này! Và cũng chẳng cần ta phải mơ tưởng đi tìm nó!" Nghĩ vậy, ông ngước mắt về phương tây, trông thấy mặt trời đang xuống thấp gần sát đỉnh núi, và ông biết là đêm sắp đến rồi. Thế là, mặc dầu ông cảm thấy cơ thể mỏi nhừ và kiệt sức vì nhiều thử thách khác nhau trong ngày hôm ấy, ông vẫn rảo bước để có thể đem lại một ý kiến bất kể như thế nào cho những kẻ được ông che chở, và kịp về đến tu viện trước đêm tối: bởi vì đó là một trong những luật lệ rõ ràng nhất và được tuân thủ nghiêm ngặt nhất trong nội quy của những thầy tu dòng đạo hành khất.

Trong thời gian ấy, tại căn nhà nhỏ bé của Luxia, người ta đã nêu lên và bàn cãi những kế hoạch mà chúng tôi thấy cũng nên để bạn đọc biết. Sau khi vị tu sĩ đi, ba nhân vật của chúng ta nín lặng một thời gian. Luxia buồn bã nấu bữa ăn trưa; Rendô cứ mỗi phút lại tấp tểnh muốn đi để khỏi phải nhìn thấy cô gái quá đỗi buồn phiền, nhưng anh không thể

rời khỏi cô được; bà Anhedơ bề ngoài có vẻ để hết tâm trí vào việc quay sợi, nhưng thật ra một dự định đang chín muồi trong đầu bà; khi bà cảm thấy rõ rồi, bà cất lời phá tan sự yên lặng:

- Các con, hãy nghe mẹ! Nếu các con có đủ can đảm và khôn khéo, nếu các con tin cậy ở mẹ của các con (cái tiếng *của các con* ấy khiến trái tim Luxia đập rộn ràng) thì mẹ cam kết sẽ giúp các con thoát khỏi tình thế khó xử này một cách có lẽ tốt hơn, và nhanh hơn cả cha Crixtôfôrô, mặc dầu cha là một người như các con biết đấy.

Luxia lặng đi nhìn mẹ với bộ mặt biểu lộ sự ngạc nhiên hơn là lòng tin tưởng vào một lời hứa hẹn tuyệt đẹp; còn Rendô thì nói ngay:

- Can đảm ư? Khôn khéo ư? Vậy mẹ nói xem ta có thể làm gì nào?

- Chẳng phải đúng là, - bằng Anhedơ nói tiếp, - giả sử các con cưới nhau rồi, thì việc của ta đã tiến sâu hơn, và ta cũng tìm thấy dễ dàng hơn cách giải quyết tất cả phần còn lại?

- Nhất định là thế, - Rendô nói. - Khi đã cưới nhau rồi... tất cả mọi chốn đối với chúng ta đều ở được; và cách đây hai bước, ở hạt Becgam người ta đang mở rộng cánh tay đón những thợ dệt lụa. Mẹ cũng biết là đã bao lần ông anh họ của con là Booctôlô rủ con đến đấy sống với anh, anh nói là con sẽ làm giàu, như anh ấy đã làm. Nếu con chưa bao giờ nghe anh ấy, đó là vì... mà giấu làm gì? Đó là vì trái tim con đã ở đây. Khi đã cưới nhau rồi, chúng con sẽ cùng nhau đến đấy, chúng con dựng một ngôi nhà và sống yên ổn ở đó, xa mọi nanh vuốt của tên khốn kiếp này, và xa cả mọi mưu mô làm bậy nữa. Phải thế không, Luxia?

- Phải, - Luxia nói, - nhưng làm thế nào...?

- Làm như mẹ đã nói, - bà mẹ đáp, - can đảm và khôn khéo, và việc cũng dễ thôi.

- Dễ thôi! - Cả hai người trẻ tuổi cùng đồng thanh nói, cái việc này đối với họ đã trở nên khó khăn một cách lạ lùng và đau đớn.

- Dễ thôi, nếu ta biết xử trí, - bà Anhedơ lại nói. - Các con chú ý nghe đây, mẹ sẽ cố nói cho các con hiểu. Mẹ đã nghe những người từng trải nói lại, và chính mẹ cũng tự mắt mình thấy một trường hợp mà để tổ chức lễ cưới tất nhiên phải có ông linh mục, nhưng ông ta có muốn tổ chức hay không điều đó không cần thiết, mà chỉ cần ông có mặt tại đó là được.

- Việc ấy có thể tiến hành thế nào ạ? - Rendô hỏi.

- Nghe đây, rồi con sẽ hiểu. Phải có hai người làm chứng, thật tinh khôn và thật đồng lòng. Tất cả đến nhà ông linh mục: điều chủ yếu là phải bất ngờ chộp lấy ông ta, để ông không kịp lẩn trốn. Người đàn ông nói: "Thưa Đức linh mục, cô này là vợ con"; người phụ nữ nói: "Thưa Đức linh mục, anh này là chồng con". Phải làm sao cho ông linh mục nghe thấy, những người làm chứng nghe thấy, và lễ cưới thế là xong, hoàn toàn hợp pháp, hết sức thiêng liêng, chẳng khác gì chính đức giáo hoàng làm lễ cưới vậy. Khi những lời ấy đã nói ra, ông linh mục có thể gào thét, nạt nộ, đập phá om sòm: vô ích, các con đã là vợ chồng rồi.

- Có thể thế được ư? - Luxia kêu lên.

- Chứ sao! - Bà Anhedơ nói. - Vậy ra các con tưởng trong ba mươi năm ròng mẹ đã sống trước khi các con ra đời, mẹ không học được điều gì chăng? Đúng như mẹ nói với các con vậy: chứng cớ là một cô bạn gái của mẹ muốn lấy một anh con trai không được gia đình đồng ý đã làm theo cách ấy và đã đạt được mục đích của mình. Ông linh mục có phần nghi ngờ đã

để ý đề phòng; nhưng hai đứa quỷ sứ khéo làm ăn đến nỗi chúng đến thật đúng lúc, nói những lời ấy và thành vợ thành chồng; mặc dầu cô gái tội nghiệp ba ngày sau cũng hối hận về việc này.

Bà Anhedơ đã nói đúng sự thật, cả về khả năng thành công cũng như về nguy cơ thất bại: thật vậy, vì chỉ có những người đã gặp một trở ngại hoặc một sự từ chối nào đó trong những cách thức thông thường mới phải giở đến ngón này, cho nên những ông linh mục đều cố tránh cái việc hợp tác cưỡng bức ấy. Và khi một ông linh mục nào đó tuy vậy vẫn rơi vào bẫy của một cặp như thế với hai người làm chứng kèm theo, ông ta cố hết sức lẩn tránh, hệt như Prôtê[1] tìm cách trốn những người muốn đến ép ngài phải đưa ra lời tiên đoán.

- Nếu có thể như vậy thật thì sao, Luxia! - Rendô nói, nhìn cô với một vẻ van xin và chờ đợi.

- Thế nào! Nếu có thể như vậy thật! - bà Anhedơ nói. - Cả anh nữa, anh cũng cho rằng tôi nói những chuyện nhảm nhí đấy hả? Tôi vất vả vì anh chị mà người ta không tin tôi: thôi được, được! Anh chị tự tìm lấy cách thoát thân, còn tôi, tôi rũ sạch trách nhiệm.

- Không, không, mẹ đừng bỏ chúng con! - Rendô nói. - Nếu con nói như vậy, đó là vì điều ấy đối với con có vẻ đẹp đẽ quá. Con hoàn toàn tin cậy ở mẹ, con coi mẹ như mẹ đẻ của con vậy.

Những lời ấy đánh tan ngay cơn giận ngắn ngủi của bà Anhedơ, khiến bà từ bỏ một quyết định thật ra không có gì nghiêm chỉnh.

---

[1] *Prôtê* (thần thoại Hi Lạp): một vị thần biển được gọi là *Ông già biển cả*, có tài thay hình đổi dạng theo ý muốn và tiên đoán tương lai, việc sau ông chỉ làm người ta ép được ông làm.

- Nhưng thưa mẹ, thế tại sao, - Luxia nói, với vẻ nhu mì vốn có của cô, - tại sao cha Crixtôfôrô không nghĩ ra cách giải quyết này?

- Không nghĩ ra? - Bà Anhedơ nói. - Con tưởng cha không nghĩ ra cách ấy ư? Chẳng qua là cha không muốn nói đấy thôi.

- Tại sao vậy? - Cả hai người trẻ tuổi cùng đồng thanh hỏi.

- Tại vì... tại vì, nếu các con đã muốn biết, tại vì các nhà tu hành cho rằng việc này thật ra không hay lắm.

- Làm thế nào mà việc không hay, nhưng khi làm rồi thì đám cưới lại được coi là hợp lệ? - Rendô nói.

- Biết nói với các con thế nào bây giờ? - Bà Anhedơ đáp. - Luật lệ là do họ đặt ra theo ý thích của họ, còn chúng ta, những người nghèo hèn, chúng ta không thể hiểu hết được. Vả lại có biết bao điều... Thế này: cũng chẳng khác gì con đấm cho một giáo dân một cái. Việc ấy không tốt, nhưng khi con đã cho hắn quả đấm rồi, thì ngay cả Đức giáo hoàng cũng không thể thu hồi được nữa.

- Nếu đã là việc không tốt, - Luxia nói, - thì ta không nên làm.

- Sao! - bà Anhedơ nói. - Mày tưởng tao muốn khuyên mày một điều ngược lại với lòng e sợ Chúa hay sao? Nếu như đó là trái ý cha mẹ mày, để lấy một quân vô lại thì còn đi một nhẽ... đằng này được sự đồng ý của tao, và để lấy cậu con trai này; và gây ra tất cả những khó khăn ấy lại là một thằng kẻ cướp, và cái ông mục...

- Thế là rõ rồi, và bất cứ ai cũng có thể thấy như vậy, Rendô nói.

- Trước khi làm việc này không được nói với cha Crixtôfôrô, - bà Anhedơ nói tiếp, nhưng khi việc đã xong và trót lọt, con cho rằng Đức cha sẽ nói với con thế nào đây?

"Chà, con gái của ta! Con làm liều thật đấy, con đã chơi xỏ ta một vố". Các nhà tu hành phải nói vậy. Nhưng con cứ tin chắc rằng trong thâm tâm ông cũng rất bằng lòng.

Luxia, không thể tìm ra điều gì cãi lại những lý lẽ ấy, vẫn chưa có vẻ chịu nghe theo. Nhưng Rendô hết sức hào hứng nói:

- Nếu vậy thì ổn rồi.

- Khoan đã, - bà Anhedơ nói. - Thế còn những người làm chứng? Phải tìm ra hai người làm việc này, và trong khi chờ đợi, họ biết kín miệng! Lại còn cách bắt chộp ông linh mục, đã hai ngày nay ông cứ đóng chặt cửa buồng không đi đâu cả? Và làm sao giữ được chân ông lại? Bởi vì, mặc dầu ông ta bản chất là nặng nề, mẹ có thể cam đoan với các con rằng khi vừa trông thấy các con hiện ra trong cái kiểu ấy, lập tức ông sẽ nhanh hơn con thỏ, và sẽ chạy trốn như một con quỷ trốn nước thánh vậy.

- Con tìm ra cách làm rồi, tìm ra rồi, - Rendô nói, đấm mạnh nắm tay xuống bàn, làm bát đĩa đã dọn trên bàn ăn nảy lên. Và anh tiếp tục trình bày những suy nghĩ của mình, được bà Anhedơ tán thành trên tất cả mọi điểm.

- Đó là những điều mờ ám, - Luxia nói, - không phải chuyện ngay thẳng. Cho đến nay ta đã xử sự thẳng thắn, vậy ta cứ tiếp tục như thế với lòng tin cậy, và Chúa sẽ giúp đỡ ta: cha Crixtôfôrô đã nói vậy mà. Ta nên nghe lời khuyên bảo của cha.

- Con nên nghe theo những người hiểu biết hơn con, - bà Anhedơ nghiêm trang nói. - Cần gì cứ phải hỏi xin ý kiến này họ? Chúa đã nói với ta: "Hãy tự giúp mình rồi trời sẽ giúp cho". Bao giờ xong việc, ta sẽ kể hết với cha.

- Luxia, - Rendô nói, - chính em bây giờ lại muốn lẩn tránh chăng? Chúng ta chẳng đã làm tất cả mọi điều như một giáo

dân ngoan đạo ư? Chẳng phải chúng ta đáng lẽ là vợ chồng rồi sao? Ông linh mục chẳng đã chính mình ấn định ngày giờ cho chúng ta đó sao? Vậy thì lỗi ở ai, nếu bây giờ ta phải tự cứu lấy mình bằng một chút khôn khéo? Không, em không lẩn tránh được. Anh đi và đem câu trả lời về ngay đây. - Rồi, chào Luxia bằng một cử chỉ van xin và chào bà Anhedơ với một vẻ thông cảm, anh vội vã ra đi.

Đau khổ làm đầu óc thêm minh mẫn: trên con đường đời bằng phẳng mà anh đã trải qua cho đến nay, Rendô chưa bao giờ có dịp phải mài sắc trí tuệ mình, nhưng trong trường hợp này anh đã tìm ra một điều có thể đem lại vinh dự cho một luật gia. Anh xăm xăm đi thẳng, như đã dự kiến, đến ngôi nhà nhỏ gần đấy của một anh Tôniô nào đó: và anh bắt gặp anh ta trong bếp, một đầu gối tì trên bậc lò bếp, một tay giữ miệng chảo đựt trên tro nóng, tay kia cầm cái xẻng cong cổ truyền quấy một ít Pôlenta lúa mạch đặc xám[1]. Bà mẹ một người em trai, và vợ của Tôniô đã ngồi vào bàn; ba bốn đứa con nhỏ đứng cạnh bố, mắt nhìn chòng chọc vào cái chảo, đợi đến lúc cháo nhừ múc ra. Nhưng người ta không nhận thấy niềm vui mà bữa ăn vẫn thường đem lại cho những người xứng đáng hưởng nó bằng công lao khó nhọc của mình. Cháo nhiều hay ít tùy theo năm được mùa hay mất mùa chứ không theo số lượng và ước muốn của những người ăn: và mỗi người ăn, liếc nhìn chằm chằm bằng con mắt thèm muốn và bực bội vào món ăn chung, dường như đang nghĩ trước đến cái phần của mình còn chưa được thỏa mãn. Trong khi Rendô chào hỏi cả gia đình và cả gia đình chào lại. Tôniô đổ cháo đặc lên một cái mâm gỗ dẻ gai đã chuẩn bị trước để đựng cháo: người ta tưởng như một

---

[1] *Polenta:* một thứ cháo đặc nấu bằng bột ngô hoặc bốt lúa mạch.

vầng trăng nhỏ giữa đám hơi dày đặc. Tuy vậy các bà phụ nữ vẫn ân cần nói với Rendô: "Mời anh ngồi ăn với chúng tôi". Đó là phép lịch sự mà người nông dân vùng Lômbacđi (và ai biết của bao vùng khác nữa!) không bao giờ quên bày tỏ với một người đến chơi vào lúc mình đang ăn, chọ dù người kia là một tay sành ăn giàu có vừa ở bàn ăn ra và cho dù bản thân mình cũng đang ăn đến miếng cuối cùng.

- Cám ơn các bác, - Rendô đáp, - tôi chỉ đến nói mấy câu với anh Tôniô thôi; anh Tôniô này, nếu anh bằng lòng, để khỏi làm phiền các bà phụ nữ, chúng ta có thể đi ăn với nhau ở quán rồi nói chuyện ở đấy được không.

Lời đề nghị bất ngờ càng khiến Tôniô vui thích: còn các bà, và ngay cả những đứa trẻ (bởi vì về mặt này chúng bắt đầu biết suy luận sớm) cũng không hề phiền lòng khi thấy bớt đi một người ăn cháo, lại là người đáng sợ nhất. Kẻ được mời không hỏi han gì thêm đi ngay với Rendô.

Đến quán ăn trong làng, họ được hoàn toàn tự do tìm chỗ ngồi, bởi vì ngoài họ ra trong quán không còn ai cả: thật vậy, nạn nghèo đói đã xua đuổi tất cả những người thường lui tới chốn cực lạc này. Sau khi đã gọi chút đồ ăn gì mà ở đây có được và uống cạn một bình rượu, Rendô nói với Tôniô với vẻ bí mật.

- Nếu anh muốn giúp tôi một việc nhỏ, tôi sẽ giúp lại anh một việc lớn.

- Nói đi, nói đi: tớ ở dưới quyền cậu, - Tôniô rót rượu uống, đáp. - Ngày hôm nay tớ sẵn sàng nhảy vào lửa vì cậu.

- Anh còn nợ ông linh mục hai mươi lăm lia[1] tiền thuê thửa ruộng anh làm năm ngoái phải không?

---

[1] *Lia* (lire): đồng tiền Ý.

- Cha, Arendô, Rendô! Cậu làm hỏng mất ân huệ của cậu rồi. Cậu nói chuyện gì với tớ đấy? Thế là nỗi vui của tớ đi đời.

- Nếu tôi nói với anh về món nợ ấy, - Rendô đáp, - đó là vì nếu anh muốn, tôi định giúp anh cách trả nợ.

- Thật không?

- Rất thật. Thế nào? Anh vui lòng chứ?

- Vui lòng? Mẹ kiếp, sao tớ lại không vui lòng được! Khi cái đó chỉ để khỏi phải nhìn thấy bộ mặt nhăn nhó và những cái gật đầu ra hiệu của ông linh mục mỗi khi tớ gặp ông ấy. Rồi bao giờ cũng là cái câu: "Tôniô, nhớ chứ, Tôniô, lúc nào ta lại gặp nhau về việc này đây?" Đến nỗi khi ông giảng đạo và nhìn chằm chằm vào tớ, tớ đã run lên đến mức gần như sợ ông đến nói với tớ, ngay tại đó, trước mặt mọi người: "Thế hăm lăm lia đâu?" Thật đáng nguyền rủa cái hăm lăm lia ấy! Rồi thì ông ta phải trả tớ cái kiềng vàng của vợ tớ chứ, để tớ đổi lấy bao nhiêu là cháo mạch. Nhưng...

- Nhưng, nhưng, nếu anh muốn giúp tôi một việc nhỏ, thì hai mươi lăm lia ấy có ngay.

- Nói đi.

- Nhưng...! - Rendô nói, đặt một ngón tay lên miệng.

- Cậu tưởng cần phải dặn dò cẩn thẩn đến thế cơ à? Cậu biết tớ rồi mà.

- Ông linh mục cố tìm những lý do không chính đáng để trì hoãn cuộc hôn nhân của tôi; còn tôi, trái lại, tôi muốn làm mau lên. Người ta nói với tôi một cách chắc chắn rằng nếu đôi vợ chồng chưa cưới trình diện trước ông cùng với hai người làm chứng, và nếu tôi đây, tôi nói: "Cô này là vợ tôi", còn Luxia nói: "Anh đây là chồng tôi", thì cuộc hôn nhân thế là xong. Anh hiểu chứ?

- Cậu muốn tớ là người làm chứng?

- Đúng thế.

- Và cậu trả công tớ hai mươi lăm lia?

- Đúng ý tôi như vậy.

- Có ngu như lợn mới không nhận lời!

- Nhưng còn phải tìm một người làm chứng nữa.

- Có rồi. Thằng em Giecvaxô của tớ, một chàng trai chất phác, tớ bảo làm gì nó cũng làm. Cậu thết nó một chầu rượu chứ?

- Cả nhậu nhẹt nữa, - Rendô đáp, - Ta sẽ đưa anh ấy đến đây cùng say sưa với chúng ta. Nhưng liệu anh ấy có biết làm không?

- Tớ sẽ chỉ bảo nó: cậu biết đấy, cái phần trí khôn nó không có là do chuyển sang cho tớ cả rồi.

- Vậy là ngày mai...

- Được.

- Vào buổi chiều...

- Rất tốt.

- Nhưng!... Rendô nói, lại đặt một ngón tay lên miệng.

- Ồ!... - Tôniô đáp, ngoẹo đầu sang vai phải và giơ bàn tay trái lên, với một vẻ mặt muốn nói: "Cậu xúc phạm tớ".

- Nhưng, nếu vợ anh hỏi anh..., và thế nào chị ấy chẳng hỏi anh...

- Về khoản nói dối, thì chính tớ đang mắc nợ vợ tớ và tớ nợ vợ tớ như chúa chổm đến mức không biết ngày nào mới thanh toán được. Tớ sẽ kiếm ra một câu chuyện ba hoa nào đó cho mụ ấy yên lòng.

- Sáng mai, - Rendô nói, - ta sẽ tha hồ bàn bạc, để cùng thống nhất với nhau tất cả mọi điều.

Đến đó họ ra khỏi quán ăn; Tôniô đi về, vừa đi vừa nghĩ một câu chuyện gì đó để kể lại với vợ, còn Rendô thì về báo cáo lại những biện pháp đã thỏa thuận.

Trong thời gian ấy, bà Anhedơ cố sức thuyết phục cô con gái mà không xong. Đối với mọi lý lẽ của bà, cô chỉ đáp lại bằng một song đề: hoặc đó là không tốt, thì không nên làm; hoặc đó là tốt, thì tại sao không nói điều ấy với cha Crixtôfôrô?

Rendô trở về hân hoan đắc thắng, báo cáo lại và kết thúc bằng một câu *thế nào?* có nghĩa rằng: "Tôi cũng khá đấy chứ? Làm sao có thể tìm ra cái gì hơn thế? Các ngươi liệu có nghĩ được như thế không?" Và trăm điều tương tự.

Luxia chán nản lắc đầu; nhưng hai người kia, hết sức hào hứng, chẳng để ý mấy đến cô, như đứng trước một đứa bé mà người ta thất vọng vì không sao nói cho hiểu được nghĩa lý một điều gì đó, nhưng rồi sau này người ta sẽ dùng những lời van xin và uy quyền để nó phải nghe theo.

- Được đấy, - bà Anhedơ nói, - được đấy nhưng... con chưa nghĩ hết mọi điều.

- Vậy còn thiếu điều gì nữa? Rendô hỏi.

- Còn Pecpêchuya? Con đã quên mất mụ Pecpêchuya. Tôniô và cậu em, mụ để cho vào. Nhưng còn các con! Cả hai con, thử nghĩ xem! Hẳn mụ đã được lệnh phải giữ các con ở xa nhà ông linh mục hơn cả giữ một đứa bé xa cây lê trĩu quả.

- Làm sao bây giờ? - Rendô nói, có phần hơi bối rối.

- Thế này: mẹ đây, mẹ đã nghĩ đến điều đó. Mẹ sẽ đi với các con: và mẹ có một bí quyết để lôi cuốn mụ, để làm cho mụ mê mẩn, để mụ không để ý đến các con và các con có thể vào được. Chính mẹ sẽ gọi mụ ra và sẽ đánh vào một điểm yếu của mụ... rồi các con xem.

- Biết lấy gì cảm ơn mẹ! - Rendô kêu lên, - Bao giờ con cũng nói rằng mẹ là chỗ dựa của chúng con trong mọi việc.

- Nhưng tất cả những cái đó sẽ chẳng được việc gì, - bà

Anhedơ nói, - nếu ta không thuyết phục được cái con bướng bỉnh này nó cứ khăng khăng nói rằng đó là một tội lỗi.

Cả Rendô cũng trổ hết tài hùng biện của mình ra, nhưng vẫn không làm sao lay chuyển được Luxia.

- Em không biết trả lời thế nào tất cả những lý lẽ của anh, - cô nói, - nhưng em thấy để làm được một cái gì như anh nói, thì phải giở trò lừa đảo, dối trá, giả mạo. Chà, anh Rendô!... có phải chúng ta đã bắt đầu như thế đâu. Em, em muốn làm vợ anh, - và cô không thể nói lên cái tiếng ấy, và bày tỏ ý định ấy, mà không đỏ mặt, - em muốn làm vợ anh, nhưng bằng con đường chính trực, với lòng kính Chúa, trước bàn thờ Chúa. Hãy để quyền Chúa ở trên cao. Chẳng lẽ anh không tin là Chúa sẽ biết tìm ra cách cứu giúp chúng ta, tốt hơn những gì ta có thể làm được với tất cả những trò lừa dối ấy hay sao? Và tại sao ta cứ phải giấu cha Crixtôfôrô?

Cuộc tranh cãi còn kéo dài chưa có vẻ gì sắp kết thúc, thì tiếng chân dép vội vã và tiếng áo thầy tu loạt soạt, giống như tiếng một cánh buồm rũ xuống bị gió táp vào liên tục, báo tin cha Crixtôfôrô đã tới. Mọi người im bặt, và bà Anhedơ chỉ còn chút thời giờ thì thầm vào tai Luxia: "Liệu giữ mồm đấy, nhớ nhé, đừng nói gì với cha!".

Chương bảy

Cha Crixtôfôrô đến, giống như vị tướng tài đã thua một trận quan trọng mà không phải do lỗi mình ông buồn rầu mà không chán nản, trầm ngâm suy nghĩ mà không ủ rũ, vội vã mà không phải là chạy trốn, ông đến nơi nào cần sự có mặt của ông, để củng cố những vị trí bị núng thế, tập hợp quân đội và ban những lệnh mới.

- Cầu cho các con được yên lành, - Ông vừa bước vào nhà vừa nói. - Không thể trông mong gì được ở con người này: chúng ta càng phải tin cậy ở Chúa, và ta đã có một đảm bảo nào đó về sự che chở của Người rồi.

Không một ai trong ba người đặt nhiều hy vọng vào mưu đồ của cha Crixtôfôrô, bởi vì cái cảnh một kẻ quyền thế chịu lùi bước giữa lúc đang giở thói cường bạo mà không hề bị bắt buộc, chỉ để chiều lòng những lời cầu xin hiền lành và yếu đuối, là một điều không những hiếm có, mà thật ra chưa bao giờ nghe thấy nghe thấy. Tuy vậy sự thật đau buồn ấy vẫn là một đòn nặng giáng vào tất cả mọi người. Các phụ nữ gục đầu xuống. Nhưng ở Rendô, cơn giận dữ át nỗi u sầu. Tin này đến giữa lúc anh đã vô cùng cay đắng vì bao nhiêu bất ngờ đau đớn, bao nhiêu cố gắng vô hiệu, bao nhiêu hy vọng tan

vỡ, và hơn nữa, đúng lúc này anh đang điên tiết lên vì sự từ chối của Luxia.

- Tôi muốn biết, - anh kêu lên, nghiến răng ken két và cất cao giọng nói to, xưa nay anh chưa bao giờ tự cho phép mình như thế trước mặt cha Crixtôfôrô, - tôi muốn biết cái thằng chó má ấy đã đưa ra những lý do gì để khăng khăng rằng... vợ tôi không được là vợ tôi!

- Rendô tội nghiệp! - vị tu sĩ đáp, giọng nghiêm nghị và thương xót, và với một cái nhìn âu yếm áp đặt sự yên lặng, - nếu kẻ quyền thế muốn làm một điều bất công mà bao giờ cũng phải cho biết lý do, thì sự việc đã chẳng nên nông nỗi này.

- Vậy thời phải chăng cái thằng chó ấy, nó đã nói rằng nếu nó không muốn, thì đó là vì nó không muốn?

- Ông ta thậm chí cũng không nói như vậy, Rendô đáng thương của cha ạ! Như thế còn là một thắng lợi, nếu những loại người ấy khi phạm một điều bất công vẫn phải công khai thú nhận nó.

- Nhưng rốt cuộc thì nó cũng phải nói cái gì chứ: nó đã nói i, cái thằng quỷ sứ ấy?

- Những lời nói của ông, ta đã nghe thấy, nhưng ta không biết nhắc lại với con thế nào. Những lời nói của con người bất công và có quyền thế vào tai chúng ta tan đi ngay. Ông ta có thể nổi giận vì bị ta nghi ngờ và đồng thời lại khiến ta hiểu rằng cái điều ta nghi ngờ là xác đáng; ông ta có thể chửi rủa rồi cho rằng chính mình là người bị lăng nhục, giễu cợt người ta rồi đòi trừng trị người ta để rửa hờn, làm ta sợ rồi than thở, ngạo ngược rồi tự cho là mình không có gì đáng chê trách. Con đừng hỏi ta điều ấy nữa. Con người ấy đã không nói đến tên cô gái vô tội này, cũng không nói đến tên con, ông ta thậm chí không tỏ vẻ gì là biết con, ông không biểu lộ một

tham vọng nào; nhưng... than ôi, ta đã phải thấy rõ rằng đó là một người không thể lay chuyển. Mặc dầu vậy, chúng ta vẫn phải đặt lòng tin ở Chúa. Các con, những phụ nữ đáng thương, các con đừng nản lòng; còn con, Rendô... Ôi! Con cứ tin chắc rằng ta biết đặt mình vào địa vị của con, ta cảm thấy nhịp đập trong trái tim con, nhưng... kiên nhẫn! Thật là một tiếng khốn khổ, một tiếng cay đắng cho kẻ nào không có lòng tin, nhưng con!... Lẽ nào con không muốn dành cho Chúa một ngày, hai ngày, thời gian Chúa cần để làm cho công lý chiến thắng? Thời gian là của Chúa, và Chúa đã bao lần cho ta thấy sức mạnh của Người! Con cứ để Chúa làm. Rendô ạ, và con hãy biết... tất cả các con hãy biết rằng ta đã nắm trong tay một đầu mối để giúp đỡ các con. Lúc này ta không thể nói gì hơn với các con. Ngày mai ta sẽ không lên đây với các con; ta phải ở lại tu viện suốt ngày vì các con. Con, Rendô, con hãy cố đến đó; nếu vì một hoàn cảnh bất trắc nào mà con không đến được, thì con cử một người thân tín đến, một cậu bé thông minh để ta có thể nhớ nói lại cho các con biết những điều cần thiết. Tối rồi, ta phải về ngay tu viện. Hãy tin tưởng và bền chí. Tạm biệt!

Nói xong, ông vội vã đi ra và chạy xuống dốc, gần như nhảy từng bước theo con đường đá nhỏ quanh co, để khỏi về tu viện quá muộn và có nguy cơ bị quở trách hoặc, cái điều còn đau đớn hơn nữa với ông, bị một hình phạt khiến ngày mai ông không thể sẵn sàng làm những việc do lợi ích của những người được ông che chở đòi hỏi.

- Mẹ và anh có nghe cha nói đến một cái gì đó... một đầu mối cha nắm được để giúp đỡ chúng ta không? - Luxia nói. - Phải tin cậy ở cha; con người ấy, khi ông hứa mười...

- Nếu như chỉ có thế...! - Bà Anhedơ ngắt lời. - Thì đáng lẽ

cha đã phải nói rõ hơn hoặc gọi tao ra một chỗ và nói cho tao biết đó là cái gì chứ...

- Những lời lẽ rỗng tuếch! Tôi, tôi sẽ tự giải quyết; tôi giải quyết ngay! - Đến lượt Rendô ngắt lời, vừa nói vừa đi đi lại lại trong phòng, với giọng nói và vẻ mặt không còn cho phép nghi ngờ gì về ý nghĩa những lời nói của anh.

- Ôi, anh Rendô! - Luxia thốt lên.

- Con muốn nói gì đấy? - Bà Anhedơ cũng thốt lên.

- Cần gì phải nói điều gì? Tôi sẽ kết liễu nó. Dù trong tâm hồn nó có trăm nghìn con quỷ, thì cuối cùng cả nó nữa cũng chỉ bằng xương bằng thịt...

- Không, không, vì lòng kính Chúa... - Luxia vừa cất tiếng, nước mắt đã trào ra làm giọng cô nghẹn lại.

- Những điều như vậy không nên nói, dù là nói đùa, - bà Anhedơ nói.

- Nói đùa? - Rendô kêu lên, đứng sững trước mặt bà Anhedơ đang ngồi, và nhìn bà chằm chặp bằng những con mắt trợn trừng. - Nói đùa! Rồi mẹ xem có phải là nói đùa không.

- Ôi, anh Rendô! - Luxia nghẹn ngào nói trong tiếng khóc nức nở, - em chưa bao giờ thấy anh như vậy.

- Vì lòng kính Chúa, con đừng nói những điều như thế, - bà Anhedơ hạ thấp giọng vội nói lại. - Con không nhớ là con người ấy có bao nhiêu tay chân dưới trướng nó ư? Và cho dù... Cầu Chúa che chở chúng con... chống lại những người nghèo, bao giờ họ cũng có cách trừng trị.

- Cái việc trừng trị ấy, chính con sẽ làm, phải, chính con sẽ làm. Đã đến lúc rồi. Việc không dễ, con cũng biết chứ. Cái con chó khát máu ấy, nó phòng vệ cẩn mật lắm, nó cũng biết là đang có chuyện gì. Nhưng không sao. Phải quyết tâm và bền chí... rồi thời cơ sẽ đến. Phải, chính con sẽ tự mình làm

cái việc trừng trị ấy... con đây, con sẽ giải thoát cho cả vùng này: biết bao người sẽ cầu phúc cho con...! rồi thì, ba bước nhảy là xong...

Nỗi kinh hãi của Luxia trước những lời nói rành rọt ấy đã khiến cô thôi không khóc nữa và lại cho cô sức mạnh để nói. Buông hai tay ra khỏi khuôn mặt đẫm lệ, cô nói với Rendô, giọng buồn phiền nhưng quả quyết:

- Vậy anh không muốn lấy tôi làm vợ nữa ư? Tôi đã hứa hôn với một chàng trai biết kính Chúa, nhưng với cái người mà... cho dù anh ta có tránh được mọi sự trừng phạt và trả thù, cho dù anh ta có là hoàng tử con vua đi nữa...

- Thôi được! - Rendô kêu lên, trong lòng xáo động hơn bao giờ hết. - Tôi không lấy được cô, nhưng mà không có cô, còn nó thì xuống âm phủ...

- Trời ơi, không! lạy Chúa, anh đừng nói như thế, anh đừng nhìn bằng những con mắt ấy; không, em không thể trông thấy anh trong tình trạng như thế này đâu, - Luxia kêu lên, khóc lóc, van xin, chắp tay lại, còn bà Anhedơ thì gọi chàng trẻ tuổi nhiều lần bằng tên anh nắm lấy vai anh, tay anh để vỗ về anh yên đi. Anh đứng lặng một lúc để suy nghĩ, ngắm nhìn khuôn mặt van lơn của Luxia; rồi bỗng nhiên anh nhìn cô với một vẻ dữ tợn, lùi lại, dang tay chỉ vào cổ và kêu lên:

- Chính nó muốn chiếm đoạt nàng. Nó phải chết!

- Còn em thì em đã làm hại gì anh đâu, mà anh bắt em phải chết? - Luxia nói và quỳ xuống trước mặt anh.

- Cô ấy à! - Anh đáp, giọng biểu lộ một cơn giận khác hẳn, nhưng vẫn là cơn giận. - Cô ấy à? Cô yêu gì tôi? Bằng chứng đâu? Tôi chẳng đã van xin cô và van xin đến trăm lần còn cô thì cứ: không! không.

- Vâng, vâng, - Luxia bồng bột đáp, - em sẽ đến nhà ông linh mục, ngày mai, ngay bây giờ nếu anh muốn, em sẽ đến. Anh trở lại như anh trước đi; em sẽ đến.

- Cô hứa với tôi không? - Rendô nói, giọng nói và vẻ mặt bỗng nhiên dịu ngay xuống.

- Em xin hứa với anh.

- Cô đã hứa với tôi rồi đấy.

- Lạy Chúa, con xin cám ơn Người! - Bà Anhedơ kêu lên, hài lòng gấp bội.

Giữa cơn thịnh nộ, Rendô có nghĩ là anh có thể rút ra được cái lợi gì từ sự hãi hùng của Luxia không? Và anh có dùng một chút thủ đoạn nào để tăng thêm nỗi sợ ấy của cô và lợi dụng nó hay không? Vị tác giả của chúng ta tuyên bố không biết gì về điều đó, còn về phần tôi, tôi cho rằng bản thân Rendô cũng không biết rõ điều ấy. Trên thực tế, anh căm giận Đôn Rôđrigô thật và anh khao khát được sự đồng ý của Luxia, và khi hai dục vọng mãnh liệt cùng đồng thời sôi sục trong lòng một con người thì không ai, ngay cả bản thân người ấy, có thể luôn luôn phân biệt rành rọt tiếng nói này với tiếng nói kia, và nói chắc rằng tiếng nói nào chiếm ưu thế.

- Em đã hứa với anh rồi, - Luxia đáp với giọng trách móc e thẹn và âu yếm nhưng cả anh nữa anh cũng đã hứa không làm gì náo động, và tin cậy ở cha...

- Lại còn gì nữa! Anh đã nổi giận, vì tình yêu của ai? Bây giờ em lại muốn lùi bước chăng? Và muốn bắt anh phải làm bậy chăng?

- Không, không, - Luxia nói, lại bắt đầu kinh hãi. - Em đã hứa, và em không nuốt lời đâu. Nhưng anh thử xem anh đã dùng cái cách như thế nào để bắt em phải hứa. Chỉ mong sao đừng...

- Tại sao em chỉ cứ thấy điềm gở thôi hả Luxia? Chúa biết chúng ta không làm hại ai kia mà.

- Ít ra anh cũng hứa với em đây là lần cuối.

- Anh xin lấy danh dự một thanh niên nghèo khổ hứa với em.

- Nhưng lần này thì phải giữ lời hứa, - bà Anhedơ nói.

Đến đây tác giả thú nhận ông không biết có phải Luxia hoàn toàn không bằng lòng thật vì bị ép buộc phải nhượng bộ hay không. Cũng như ông, chúng ta để vấn đề tồn nghi lại.

Rendô hẳn muốn kéo dài cuộc nói chuyện và ấn định tỉ mỉ từng việc phải làm ngày hôm sau; nhưng lúc này khuya quá rồi, và hai mẹ con bà Anhedơ chúc anh về ngủ ngon, vì họ thấy anh cứ nấn ná mãi vào giờ này thật bất tiện.

Tuy vậy đối với cả ba người, đêm nay cũng có thể coi là một đêm yên giấc sau một ngày đầy lo âu vất vả, thiếu một việc làm trọng đại mà kết quả còn mơ hồ. Rendô có mặt từ sáng sớm, bàn bạc với hai người phụ nữ hoặc đúng hơn với bà Anhedơ về công việc đại sự sẽ tiến hành buổi tối: mỗi người đưa ra một đề nghị, bàn cách khắc phục một khó khăn, dự đoán những trắc trở, và người nọ nói tiếp người kia, họ bắt đầu miêu tả sự việc cứ như kể lại một câu chuyện đã xảy ra rồi. Luxia ngồi nghe, và mặc dầu không nói ra lời tán thành những gì trong thâm tâm cô không thể tán thành, cô vẫn hứa làm hết sức mình.

- Con có định xuống tu viện gặp cha Crixtôfôrô, như cha đã nói với con chiều qua không? - Bà Anhedơ hỏi Rendô.

- Xuống sao được ạ! - anh đá. - Mẹ cũng biết là cha có những con mắt kỳ quái như thế nào: ông đọc trên mặt con như đọc trong cuốn sách và biết ngay chuyện gì sắp xảy ra; và nếu ông lại bắt đầu đưa ra những câu hỏi, thì con chẳng thể nào

trả lời được. Hơn nữa con còn phải ở lại đây, để thu xếp công việc. Mẹ cử người khác đi thì hơn.

- Mẹ cho thằng Mênicô đi.

- Được đấy, - Rendô đáp; và anh đi thu xếp công việc, như anh đã nói. .

Bà Anhedơ sang hàng xóm tìm Mênicô, một cậu bé trạc mười hai tuổi, khá tinh khôi, và theo họ hàng dây mơ rễ má thì cũng là một cháu họ xa của bà. Bà hỏi xin cha mẹ cậu "cho bà mượn cậu", như bà nói, trong cả ngày, để giúp bà một việc. Bà đưa cậu vào bếp, cho cậu ăn sáng, và dặn cậu đến Pexcarenicô gặp cha Crixtôfôrô, rồi sau đó cha sẽ nhờ cậu mang thư trả lời về khi cần thiết.

- Cháu biết cha Crixtôfôrô chứ, cụ già quắc thước có chòm râu bạc, mà mọi người vẫn gọi là ông thánh ấy.

- Cháu hiểu rồi, - Mênicô nói, - cụ già vẫn hay vuốt ve bọn trẻ con chúng cháu và thỉnh thoảng lại cho chúng cháu ảnh thánh chứ gì.

- Đúng đấy, cháu Mênicô ạ; và nếu cụ bảo cháu đợi một tí, ở bên cạnh tu viện, thì cháu đừng đi đâu xa: cháu đừng ra hồ với các bạn xem đánh cá, nghịch những tấm lưới phơi trên tường, hoặc chơi cái trò trẻ con xưa nay của cháu...

Ta cần biết là Mênicô đánh thia lia rất giỏi; và ai cũng biết rằng lớn hay nhỏ, chúng ta đều thích làm những việc gì chứng tỏ sự khéo léo của mình; tôi không nói là ngoài cái đó ra chúng ta không làm gì khác nữa.

- Hừ! Bác ơi, cháu có còn là trẻ con nữa đâu!

- Tốt, cháu cứ ngoan ngoãn, rồi bao giờ cháu mang thư trả lời về thì đây: hai đồng *pacpegliôn*[1] mới tinh này là của cháu.

---

[1] *Pacptgliôn:* đồng tiền Ý lưu hành vào thế kỷ XV - XVII.

- Bác cứ đưa luôn cho cháu, đằng nào chẳng thế.

- Không, không được, cháu mang đi đánh bạc mất. Thôi đi đi, nhớ làm tốt công việc bác dặn rồi cháu còn được nhiều tiền hơn nữa cơ.

Về cuối buổi sáng dài đằng đẵng ấy, một vài hiện tượng mới đã gợi lên những mối nghi ngờ trong đầu óc vốn đã rối bời của hai người đàn bà. Một gã ăn mày, không mệt nhọc cũng không rách rưới như đồng loại của hắn, và có vẻ gì đó lầm lì và hung ác, bước vào nhà để ăn xin, nhìn ngang nhìn ngửa như dò xét. Người ta cho hắn một mẩu bánh mì, hắn cầm lấy và cất đi với vẻ thờ ơ lộ liễu. Sau đó hắn cứ lần lữa nán lại với một vẻ trơ tráo và đồng thời ngập ngừng, đặt ra nhiều câu hỏi mà bà Anhedơ vội đáp bằng cách nói ngược lại sự thật hết. Lúc ra về hắn giả vờ nhầm cửa, đi sang cửa dẫn đến cầu thang, và ở đó hắn cố liếc nhìn một cái thật nhanh. Khi người ta gọi theo hắn: "Này, này, bác đi đâu đấy, con người hiền lành kia? Lối này cơ! Lối này cơ!" Thì hắn quay lại đi ra theo phía người ta chỉ, xin lỗi và cố làm ra bộ nhu mì và khúm núm không hợp với những nét mặt thô cứng của hắn. Sau hắn, chốc chốc lại thấy xuất hiện những bộ mặt lạ lùng khác. Thật khó nói đó là hạng người gì; nhưng người ta cũng không thể tin là những khách qua đường lương thiện như họ muốn làm ra vẻ ấy. Một người vào nhà lấy cớ hỏi thăm đường, những người khác khi đi qua trước nhà chậm bước lại và nhìn trộm qua sân vào trong buồng, như một kẻ muốn nhìn mà không để ai nghi ngờ. Cuối cùng, đến trưa thì cuộc diễu hành chán ngấy ấy chấm dứt. Bà Anhedơ chốc chốc đứng lên, đi qua sân, đứng trên bậc cửa, nhìn sang phải sang trái và trở về nói: "Không có ai", cái tiếng ấy bà vui thích nói lên và Luxia cũng khoan khoái nghe, mà cả người này người nọ đều không hiểu vì sao.

Nhưng tình hình ấy để lại cho hai người đàn bà một nỗi lo lắng mơ hồ khiến họ, nhất là cô gái, mất đi phần lớn lòng hăng hái mà họ đã chuẩn bị sẵn cho buổi tối.

Tuy nhiên bạn đọc cũng cần biết một điều gì rõ ràng hợp về những kẻ rình mò bí hiểm ấy: để bạn đọc biết rõ đầu đuôi, chúng tôi phải trở lại một chút về trước và tìm gặp Đôn Rôđrigô mà hôm qua chúng tôi đã để lại một mình trong phòng ở lâu đài ông ta, sau khi cha Crixtôfôrô đã ra đi.

Đôn Rôđrigô, như chúng ta đã nói, đi đi lại lại những bước dài trong căn phòng với bốn bức tường treo những chân dung dòng họ của nhiều thế hệ: khi ông đến sát sạt một bức tường và quay lại, ông trông thấy thẳng trước mặt mình một trong những cụ tổ là quân nhân, nỗi khủng khiếp của những kẻ thù là của cả những binh lính của ngài: một cái nhìn dữ tợn, bộ tóc ngắn và dựng đứng, hai hàng ria mép nhọn dài quá má, cái cằm lẹm. Vị anh hùng ấy được miêu tả toàn thân trong tư thế đứng, với các bộ phận binh giáp bọc chân, bọc đùi, áo giáp, tay áo giáp, găng tay, tất cả đều bằng sắt; bàn tay phải chống vào háng, bàn tay trái đặt lên đốc kiếm. Đôn Rôđrigô nhìn ngài; khi đi đến bên dưới ngài, ông quay lại, thấy mình đứng trước một cụ tổ khác là một quan tòa, nỗi khủng khiếp của những kẻ tranh kiện và những thầy cãi, ngài ngồi trong một ghế bành lớn bọc nhung đỏ, khoác áo choàng đen rộng lùng thùng; ngài mặc toàn đồ đen, trừ cái cổ áo trắng với hai ve rộng và lần lót lông chồn bạc lộn ra ngoài (đó là dấu hiệu đặc trưng của các bậc nguyên lão nghị viện chỉ mang vào mùa đông, cho nên không bao giờ người ta thấy chân dung một nguyên lão nghị viện trong y phục mùa hạ); người gầy đét, lông mày cau lại, ngài cầm trong tay một đơn thỉnh cầu và dường như nói: "Để ta xét". Chỗ này là một bà lớn, nỗi khủng khiếp của các

chị hầu phòng; chỗ kia là một tu viện trưởng, nỗi khủng khiếp của các tu sĩ; nói tóm lại, đó là tất cả những người khiến ta phải sợ hãi và trên tranh vẽ còn khiến người ta hãi hùng hơn nữa. Đứng trước những kỷ niệm như thế, Đôn Rôđrigô càng cảm thấy tức tối và nhục nhã, và càng không thể nguôi giận khi nghĩ rằng một tên tu sĩ dám công kích mình với cái giọng tiên tri của Natan[1]. Ông dự định trả thù một trận rồi lại gạt đi, cố tìm cách thỏa mãn cả dục vọng của mình và cả cái mà ông gọi là danh dự. Đôi khi (các bạn thử nghĩ xem!) còn nghe văng vẳng bên tai cái lời tiên tri mới mào đầu ấy, ông lại cảm thấy như người ta nói, sởn gai ốc, và ông đã toan từ bỏ cả hai điều muốn được thỏa mãn. Cuối cùng, để làm một việc gì đó, ông gọi một người hầu và ra lệnh chuyển lời xin lỗi của ông với các bạn bè; nói rằng ông đang mắc việc khẩn cấp. Khi người hầu trở lại nói là các ngài ấy đã ra về và tỏ lời kính thăm ông, Đôn Rôđrigô vẫn đi đi lại lại hỏi:

- Thế còn Bá tước Attiliô?

- Thưa đại nhân, ông ta đã đi cùng với các ngài ấy rồi.

- Được: sáu người hộ tống cho ta dạo chơi, mau lên. Mang kiếm, áo choàng, mũ ra đây, mau lên.

Người hầu cúi chào đi ra; một lát sau bác quay lại, mang đến thanh gươm lộng lẫy ông chủ đeo vào thắt lưng; cái áo choàng ông khoác lên vai, cái mũ có chòm lông dài mà ông kiểu hãnh chụp mạnh lên đầu: dấu hiệu một cơn dông tố. Ông đi ra và thấy ở cửa sáu tên côn đồ vũ trang từ đầu đến chân, chúng đứng thành hàng khi ông đi qua, cúi chào và đi theo ông. Cau có, kiêu ngạo, hung dữ hơn bao giờ hết, ông dạo chơi

---

[1] Nathan: nhà tiên tri Do Thái có gan oán trách vua Đavit (thế kỷ X trước C.N) về tội ác của vua đã cưới Betxabê sau khi giết chồng nàng.

về phía Leccô. Trông thấy ông tới, những người nông dân và thợ thủ công đứng nép vào tường, ngả mũ và cúi rạp xuống chào, nhưng ông không thèm đáp lại. Và cả những kẻ mà đám dẫn này gọi là ông lớn cũng cúi chào những bề dưới, bởi vì trong vòng trăm dặm khắp vùng này không ai có thể đọ với ông về dòng dõi, tiền của, bạn bè quen thuộc, và khát vọng sử dụng tất cả những cái đó để thống trị mọi người khác. Với những người ấy, ông đáp lại bằng một vẻ ân cần kẻ cả. Ngày hôm ấy ông không gặp viên tư lệnh Tây Ban Nha, nhưng trong mọi lần gặp cả hai cùng rạp mình xuống chào cung kính như nhau, như hai vị lãnh chúa đầy quyền thế không có liên quan gì với nhau nhưng vì phép lịch sự nên cùng tỏ lòng tôn kính địa vị của nhau. Để nguôi bớt cơn giận và để đem những hình ảnh khác hẳn ra đối lập với hình ảnh viên tu sĩ cứ ám ảnh ông, ngày hôm ấy Đôn Rôđrigô vào một nhà hay có người lui tới; ở đây người ta tiếp ông với vẻ thân mật ân cần và trọng vọng dành riêng cho những con người được người ta vô cùng yêu mến hoặc vô cùng khiếp sợ; tối mịt ông mới về lâu đài. Bá tước Attiliô cũng về đúng lúc này. Trong bữa ăn tối, Đôn Rôđrigô vẫn tư lự và ít nói.

- Thế nào anh, bao giờ anh trả cho em tiền thua cuộc đấy? - Bá tước Attiliô nói với vẻ ranh mãnh và giễu cợt, ngay sau khi những người hầu thu dọn xong bàn ăn và đi khỏi.

- Ngày lễ Thánh Mactanh[1] đã qua đâu.

- Thì anh cứ trả ngay đi cũng vậy thôi, vì tất cả các thánh trong lịch sử sẽ qua hết trước khi mà...

- Cái đó còn xem đã.

---

[1] Ngày lễ Gia-tô-giáo vào tháng 11. Trong ngày này thường giải quyết một số việc như thanh toán, ký kết các hợp đồng, v.v...

- Thôi anh ơi, anh muốn giở trò láu cá, nhưng em hiểu rồi và em chắc ăn đến nỗi em sẵn sàng đánh cuộc ngay một vụ khác.

- Cuộc cái gì.

- Em cuộc rằng ông cha... ông cha... ông cha gì không biết, tóm lại, cái ông thầy tu đã cải tà quy chính cho anh rồi.

- Chú mình nói hay thật.

- Cải tà quy chính rồi, anh ơi, cải tà quy chính rồi, dứt khoát là thế. Về phần em, em cũng thích thú với việc này. Anh biết không, thật là một cảnh tượng đẹp đẽ được nhìn thấy anh cúi đầu ăn năn hối lỗi! Và cả một vinh quang cho lão thầy tu ấy! Nó về tu viện chắc phải vênh váo lắm! Không phải ngày nào, và với bất cứ thứ lưới nào, người ta cũng vớ được mẻ cá xộp như thế. Anh cứ tin chắc rằng nó sẽ nêu gương anh cho mọi người; và khi đi giảng đạo ở đâu xa một chút, nó lại kể chuyện anh. Em đã tưởng được nghe nó nói, - đến đây, lấy giọng mũi và cố vung tay làm điệu bộ, ông ta nói tiếp với cái vẻ một nhà truyền giáo: - "Ở một nơi trên thế gian này, mà vì giữ ý ta không tiện kể tên ra, và đã sống, hỡi các con rất yêu quý của ta, vì vẫn đang sống một nhà quý tộc phóng đãng, bạn của các cô gái hơn là của những người đức hạnh, cứ thấy người con gái nào là lửa dục bốc lên, ông ta đã để mắt đến..."

- Thôi, thôi, - Đôn Rôđrigô ngắt lời, vừa buồn cười vừa căm tức, - nếu em muốn đặt tiền cuộc gấp đôi, anh sẵn sàng.

- Quái quỷ! Chẳng lẽ chính anh đã biến cải ông cha ấy hay sao!

- Đừng nói với ta về cái người ấy; còn về vụ đánh cuộc, đến ngày lễ thánh Mactanh mới ngã ngũ được.

Trí tò mò của bá tước bị kích thích; ông hỏi hết điều này

điều nọ, nhưng Đôn Rôđrigô đều biết lẩn tránh tất cả, luôn luôn hẹn đợi đến ngày định đoạt và không muốn thông báo cho đối phương biết những kế hoạch còn chưa thực hiện, và thậm chí chưa thật dứt khoát quyết định.

Sáng hôm sau, khi thức dậy Đôn Rôđrigô lại trở lại là Đôn Rôđrigô. Nỗi lo sợ do cái câu "rồi một ngày kia" ấy làm nảy ra trong ông đã hoàn toàn tiêu tan cùng với những giấc mộng ban đêm; ở ông chỉ còn lại cơn giận càng nhân gấp bội do nỗi nhục về sự yếu đuối nhất thời của mình. Những hình ảnh nóng hổi của cuộc dạo chơi long trọng, những lời chào kính cẩn, sự đón tiếp dành cho ông, và những lời giễu cợt của cậu em họ đã góp phần không nhỏ làm ông trở lại trạng thái tinh thần cũ. Vừa thức dậy, ông cho gọi ngay Gridô đến[1]. "Đại sự đấy", người hầu nhận được lệnh đó nghĩ thầm như vậy; bởi vì cái người được người ta tặng cho biệt hiệu ấy không phải ai khác mà chính là tên trùm *lâu la,* chuyên đảm nhiệm những vụ mạo hiểm nhất và ghê gớm nhất, con chó trung thành mù quáng của ông chủ, hết lòng hết dạ phục vụ ông, vì ơn huệ và vì lợi lộc. Sau khi giết chết một người giữa ban ngày trên quảng trường, hắn đã đến cầu xin sự che chở của Đôn Rôđrigô và ông này, cho hắn khoác bộ áo gia nhân nhà mình, đã bảo hộ hắn thoát khỏi tất cả mọi cuộc truy nã của cảnh sát. Như thế, khi thực hiện tất cả những tội ác mà người ta giao cho hắn, hắn cũng chắc chắn khỏi bị trừng phạt về tội giết người đầu tiên của hắn. Đối với Đôn Rôđrigô, kiếm được một người như vậy cũng rất quan trọng; bởi vì Gridô không những là tên đầy tớ lợi hại nhất có một không hai của ông, mà hắn còn là một bằng chứng sống cho thấy ông chủ hắn có thể đương đầu

---

[1] *Gridô:* Tiếng Ý có nghĩa là "xám" (*Griso*). Đây là biệt hiệu của tên đứng đầu bọn lâu la tay chân của Đôn Rôđrigô.

thắng lợi với pháp luật; điều đó càng làm tăng thêm thế lực thực sự và danh tiếng của ông.

- Gridô! - Đôn Rôđrigô nói, đây là một trường hợp người sắp phải chứng tỏ bản lĩnh của ngươi. Từ giờ đến mai, con Luxia ấy phải ở trong lâu đài này.

- Không bao giờ có kẻ nào dám nói là Gridô từ chối thi hành mệnh lệnh của vị chúa tối vinh hiển của mình.

- Cần bao nhiêu người lấy bấy nhiêu, hãy ra lệnh và sắp đặt theo cách nào ngươi thấy tốt nhất. Điều chủ yếu là công việc hoàn thành thắng lợi. Nhưng trước hết, chú ý: đừng làm cô bé đau đớn một chút nào.

- Thưa ông chủ, cũng phải có một chút sợ hãi, để cô ta đừng làm ầm lên quá, việc ấy có lẽ không tránh được.

- Sợ à... ta hiểu lắm, điều đó không tránh khỏi. Nhưng đừng có đụng đến một sợi tóc của cô và nhất là phải tôn trọng cô ấy trên tất cả mọi phương diện. Hiểu chưa?

- Thưa ông chủ, người ta khó mà bứt một bông hoa khỏi cành và đem dâng ngài mà không đụng đến nó. Nhưng chúng con sẽ chỉ làm điều tối cần thiết thôi.

- Tất cả do ngươi chịu hoàn toàn trách nhiệm. Vậy... ngươi sẽ làm thế nào?

- Thưa ông chủ, chính là con đang nghĩ đây. May cho ta là nhà nó ở đầu làng. Chúng ta cần một nơi mai phục, thì vừa đúng gần đó có một căn nhà đổ nát bỏ hoang và trơ trọi giữa đồng, cái nhà ấy... nhưng đức ông chẳng biết gì về những chuyện ấy đâu, một cái nhà đã cháy cách đây mấy năm và vì người ta không có tiền chữa nên bỏ hoang, và bây giờ thì chỉ có những mụ phù thủy mới mò đến đó. Nhưng hôm nay không phải ngày thứ bảy nên con bất cần. Những bọn nhà quê mê tín những chuyện ma quỷ ấy cố các vàng cũng chẳng dám đến đó

ban đêm vào bất cứ ngày nào trong tuần; cho nên ta có thể đến phục ở đó và yên trí không bị kẻ nào đến quấy rầy.

- Được! Rồi sau đó?

Thế là Gridô bắt đầu trình bày những dự kiến của mình, Đôn Rôđrigô bàn thêm vào, cho đến khi chúng cùng nhất trí với nhau về cách tiến hành công việc thật tốt mà không để lại dấu vết gì của thủ phạm. Chúng cũng bàn định cả cách đánh lạc hướng bằng những vết tích giả, cách ép buộc bà Anhedơ đáng thương phải câm miệng, và cách làm cho Rendô phải sợ đến mức quên đi nỗi đau đớn của mình, từ bỏ mọi ý định cầu cứu công lý và thậm chí mọi ý muốn kiện cáo; và chúng cũng bàn tất cả những cách lừa đảo vụn vặt khác cần thiết cho thành công của vụ lừa đảo lớn. Chúng tôi không đi vào chi tiết những sự bố trí ấy, bởi vì, như bạn đọc sẽ thấy, chúng không cần thiết để hiểu câu chuyện; và bản thân chúng tôi cũng sung sướng vì không bắt bạn đọc phải nghe lâu hơn nữa cuộc bàn bạc của hai tên côn đồ kinh tởm này. Chỉ cần nói khi tên Gridô bước đi để lo toan công việc của hắn, thì Đôn Rôđrigô gọi hắn lại nói:

- Nghe đây: nếu tình cờ cái thằng nhà quê táo tợn ấy rơi vào tay chúng mày tối nay, ta không thấy có gì bất tiện cứ cho hắn nhận trước một kỷ niệm thấm thía vào vai. Bằng cách ấy, đến mai mệnh lệnh buộc hắn phải câm miệng sẽ có hiệu lực chắc chắn hơn. Nhưng đừng mất công đi tìm hắn, để khỏi làm hỏng việc lớn: ngươi hiểu chưa?

- Xin cứ mặc con lo liệu, - Gridô khúm núm và huênh hoang đáp, cúi chào rồi đi ra.

Hắn để buổi sáng thăm dò thực địa. Tên ăn mày giả mạo đã bước vào ngôi nhà nhỏ bé nghèo nàn, như ta nói, không phải ai khác mà chính là Gridô đến để tự mắt mình ghi lại sơ

dồ ngôi nhà ấy; những khách đi đường giả mạo là bọn côn đồ của hắn, bọn này đều hành động dưới quyền hắn chỉ cần một sự hiểu biết sơ lược về địa điểm. Thám thính xong rồi, chúng không ló mặt ra nữa để khỏi gợi lên quá nhiều nghi ngờ.

Khi tất cả bọn chúng đã trở về lâu đài, Gridô báo cáo lại và quyết định dứt khoát kế hoạch đánh, phân công, ra chỉ thị. Tất cả những điều đó không thể lọt khỏi tai mắt tỉnh táo của người đầy tớ già, bác nhận thấy người ta đang mưu mô một việc gì đó trọng đại. Cứ nghe ngóng và hỏi han mãi, nhặt nhanh một mẩu tin chỗ này, một mẩu tin chỗ khác, tự bình luận lấy một lời nói tối nghĩa, giải thích một dáng đi bí hiểm, cuối cùng bác cũng vỡ ra cái việc người ta phải thực hiện đêm nay, nhưng khi bác hiểu ra điều đó thì đêm chẳng còn xa nữa và một đội tiền tiêu nhỏ của bọn *lâu la* đã đến phục trong căn nhà tranh đổ nát. Ông già tội nghiệp, mặc dầu biết là đang chơi với lửa, và cũng ngại rằng sự giúp đỡ của mình quá muộn, vẫn không muốn sai lời: bác ra khỏi nhà, mượn cớ đi hóng mát một lúc, rồi vội vã đến tu viện để báo cha Crixtôfôrô biết cái điều bác đã hứa với cha. Một lát sau, những tên *lâu la* khác lên đường, đi xuống từng tốp nhỏ để không có vẻ gì là một đội quân có tổ chức; Gridô đi sau; và cuối cùng chỉ còn một cái kiệu phải đưa đến căn nhà đổ nát muộn hơn vào buổi tối; việc ấy cũng làm xong. Khi bọn chúng đã tụ tập đầy đủ tại đây, Gridô phái ba tên đến quán ăn trong làng: một tên đứng ngoài cửa quan sát những gì xảy ra trong phố và đợi cho đến lúc tất cả dân làng đã về nhà hết; hai tên khác ngồi trong quán như những khách hàng, chơi bời ăn uống, và theo dõi tất cả những gì có thể xảy ra. Còn chính Gridô thì ở lại; cùng với đại bộ phận, nấp rình và đợi giờ khởi sự.

Bác đầy tớ già đáng thương còn đang cắm cổ đi, ba tên *lâu*

la trinh sát đã vào vị trí của chúng, và mặt trời đang lặn, thì Rendô bước vào nhà gặp hai người đàn bà và nói: " - Tôniô và Giecvaxô đợi con ở ngoài đường: con đi với họ đến quán kiếm chút gì đó ăn tạm; khi nào chuông gióng giờ kinh buổi tối, chúng con sẽ đến tìm mẹ và em. Nào, can đảm lên, Luxia! Tất cả quyết định ở giây phút này". Luxia thở dài và nhắc lại: "Vâng, thì can đảm" nhưng giọng nói của cô lại phủ nhận chính lời nói của cô.

Khi Rendô và hai bạn anh đến quán ăn, họ thấy một người lạ mặt đứng gác tại đó, chiếm một nửa khung cửa ra vào, lưng tựa vào một bên trụ cửa, tay khoanh trước ngực; con mắt hắn không ngừng đảo ngang đảo dọc, và người ta thấy lòng đen và lòng trắng của đôi mắt cú vọ ấy lần lượt ánh lên. Cái mũ nồi bẹt bằng nhung đỏ thẫm đội lệch che một nửa chỏm tóc, chỏm tóc này rẽ làm hai bên cái trán đen sạm, vắt sang hai bên thái dương; rủ xuống dưới tai và tết thành đôi ·im giữ lại bằng một cái lược gài sau gáy. Hắn vung vẩy trong tay một cái gậy tầy; vũ khí chính cống thì hắn không lộ ra cho thấy, nhưng chỉ cần nhìn hắn, ngay cả một đứa bé con cũng có thể đoán ra là hắn mang theo tất cả những vũ khí mà người ta có thể giấu được trong mình. Khi Rendô đi đầu sắp bước vào nhà, cái người ấy cứ đứng ỳ ra nhìn chằm chặp vào giữa mặt anh. Nhưng chàng trẻ tuổi, cố tránh mọi sự cãi lộn như tâm lý chung của mọi người khi đang mắc việc khó khăn, làm ra vẻ không để ý thấy, thậm chí cũng không bảo hắn xê ra một chút, và đi sát vào trụ cửa bên kia, anh nghiêng mình lách qua khoảng trống do cái tượng cột ấy để chừa lại. Hai bạn anh cũng phải làm những động tác như vậy để có thể bước vào. Khi vào nhà, họ trông thấy hai tên *lâu la* nữa mà họ đã nghe thấy tiếng nói từ ngoài đường, nghĩa là hai anh

bạn huênh hoang của chúng ta ngồi ở một góc bàn đang chơi *mora*[1], cả hai cùng hét lên một lúc (ở đây là do trò chơi đòi hỏi như vậy), và lần lượt rót rượu cho nhau uống ở một bình rượu lớn đặt giữa chúng. Cả chúng nữa cũng nhìn chằm chặp vào những người mới đến; và đặc biệt có một tên, một tay giơ lên trời với ba ngón xòe ra, và cái miệng còn mở to vì vừa hét một tiếng "sáu", ngắm Rendô từ đầu đến chân; và hắn liếc nhìn tên bạn một cái, rồi lại liếc sang tên đứng ngoài cửa, tên này đáp lại bằng một cái gật đầu. Rendô cảm thấy nghi ngại, lo lắng nhìn hai người khách ăn hàng ấy, dường như anh muốn tìm thấy trên mặt họ một điều gì có thể giải thích cho tất cả những dấu hiệu kia: nhưng anh chỉ thấy họ ăn uống rất ngon lành. Bác chủ quán bây giờ nhìn anh, đợi anh gọi món ăn: Rendô đưa bác sang buồng bên và đặt bữa ăn tối.

- Những người lạ kia là ai thế? - Anh khẽ hỏi bác, khi bác quay lại, một khăn bàn vải thô cắp nách và một cái bình trong tay.

- Tôi không biết họ, - Bác chủ quán trải khăn bàn đáp.

- Sao? Không biết một người nào cả hay sao?

- Anh cũng đã rõ, - Bác chủ quán đáp, hai tay vuốt khăn bàn cho phẳng, - quy tắc thứ nhất của nghề chúng tôi là không tò mò đến công việc người khác; đến nỗi ngay cả các bà vợ của chúng tôi cũng không tò mò. Chúng tôi biết gì được về tất cả những con người đến và đi, như trong một hải cảng ấy. Ít ra là vào những năm không đói kém quá, nhưng ta phải vui lên chứ, rồi thời buổi tốt đẹp sẽ trở lại. Chúng tôi, chỉ không

---

[1] Một trò chơi quần chúng ở Ý, chơi với những ngón tay, rất nhanh và náo nhiệt. Một trong những người chơi vung mạnh hai bàn tay ra đằng trước, đồng thời gập lại một số ngón tay, những người khác hét lên một con số dưới mười. Ai nói đúng số ngón tay gập lại là thắng cuộc.

phải là ai, điều đó không quan trọng. Và bây giờ thì để tôi dọn cho anh một món chả rán mà anh chưa từng được nếm thử bao giờ.

- Làm thế nào mà bác có thể biết...? - Rendô lại nói; nhưng bác chủ quán đã đi vào trong bếp. Tại đây, trong khi bác lấy cái chảo đựng những miếng chả thượng hạng, tên *lâu la* đã nhìn thẳng vào mặt Rendô nhẹ bước đến bên bác và khẽ hỏi:

- Những thằng cha nào đấy?

- Những người dân tử tế trong làng, - bác chủ quán trút chả rán ra đĩa đáp.

- Được, nhưng chúng tên là gì? Chúng là ai? - Tên kia hỏi gặng bằng một giọng hơi thô lỗ.

- Một người tên là Rendô, - bác chủ quán vẫn thấp giọng đáp, - một thanh niên hiền lành, tử tế, thợ kéo sợi lành nghề. Người kia là một nông dân tên là Tôniô: một anh bạn tốt bụng và vui tính. Điều tai hại là anh ta ít tiền, nếu không anh chàng sẽ nướng hết ở đây; người nữa là một tên thộn, nhưng nếu có ai mời thì hắn cũng sẵn sàng đánh chén. Xin phép ngài...

Rồi, khẽ nhún chân xoay người một cái, bác đi qua giữa lò bếp và ông khách hỏi chuyện để mang món ăn lên cho khách hàng.

- Làm thế nào mà bác có thể biết, - Rendô lại hỏi khi bác vừa hiện ra, - đó là những người tử tế, nếu bác không quen biết họ?

- Qua kiểu cách con người, anh bạn quý ạ; người ta nhận ra con người qua kiểu cách của họ. Những người uống rượu mà không chê bai thứ rượu, trả tiền ăn không keo cú, không cãi lộn với khách hàng khác, và nếu cần cho ai nhát dao thì đợi họ ngoài đường và khá xa quán ăn để thằng chủ quán

khốn khổ khỏi bị liên lụy: những người như thế là người tử tế. Tuy vậy, nếu có thể biết rõ con người, như cả bốn chúng ta đây đã biết nhau, thì vẫn hơn. Nhưng quái quỷ cái anh này muốn biết lắm chuyện như thế để làm gì, khi anh sắp cưới và đáng lẽ phải có những chuyện khác hẳn trong đầu? Và khi anh đang có trước mặt những miếng chả rán thơm ngon đến nỗi một cái thây chết cũng phải nhổm dậy? - Nói vậy rồi ông lại quay xuống bếp.

Vị tác giả của chúng ta khi quan sát cái cách khác nhau của ông chủ quán trả lời các câu hỏi, nói rằng đó là một người vốn dĩ sinh ra như vậy: trong tất cả mọi lời trò chuyện của mình, ông ta khoe là bạn thân của những người tử tế nói chung, nhưng trên thực tế ông có thái độ ân cần hơn nhiều đối với những kẻ đã lừng danh hoặc có dáng điệu là những tên cướp. Đó chẳng phải là một tính cách thật kỳ quặc hay sao?

Bữa ăn không lấy gì làm vui cho lắm. Hai người được mời hẳn muốn tận hưởng tất cả các món ăn cho thỏa thích, nhưng người thiết đãi họ lại bận về tất cả những điều mà bạn đọc đã biết, anh bị chọc tức và thậm chí hơi lo ngại trước thái độ kỳ quặc của hai tên lạ mặt và chỉ còn một ước muốn: ra đi. Vì bọn lạ mặt kia mà họ phải nói chuyện thầm thì, buông ra những lời nhát gừng và uể oải.

- Kể cũng lạ thật, - Giecvaxô bỗng nhiên buột mồm nói, Anh Rendô muốn cưới vợ mà lại còn phải...

Rendô nhìn anh ta với vẻ phiền lòng.

- Mày có câm ngay không, đồ ngu xuẩn? - Tôniô nói với cậu em, kèm theo lời rủa ấy là một cái huých vào mạng sườn.

Và câu chuyện càng thêm lạnh nhạt kéo dài cho đến hết. Rendô ăn ít và uống cũng ít, vẫn chú ý rót rượu mời hai người làm chứng của mình, nhưng có chừng mực: anh muốn họ bốc

lên một chút hơi men, nhưng không đến nỗi choáng đầu. Khi bàn ăn đã thu dọn, và tiền ăn được trả bởi người thờ ơ nhất với bữa ăn, cả ba người lại phải đi qua trước mặt những tên kỳ quặc ấy, chúng quay người tất cả về phía Rendô như khi anh mới bước vào. Ra khỏi quán ăn được vài bước, Rendô quay lại và trông thấy hai người lúc anh đi còn ngồi lại trong bếp bây giờ đã theo sau anh: anh bèn đứng lại với các bạn, như để nói: thử xem mấy thằng cha ngổ ngáo kia muốn làm gì ta nào. Nhưng hai tên *lâu la* nhận thấy người ta đang theo dõi chúng bèn cũng đứng lại, thì thầm cái gì với nhau, và trở gót quay lại.

Nếu Rendô đứng khá gần đó để nghe được những lời chúng nói, anh hẳn thấy câu chuyện của chúng thật lạ lùng.

- Kể cũng oai lắm chứ, chưa tính khoản tiền thưởng, - một trong hai tên côn đồ nói, - nếu khi về lâu đài ta có thể kể lại là ta đã đánh giập xương sườn nó, như thế này, tự ta, không đợi ông Gridô phải có mặt ra lệnh.

- Và làm hỏng việc lớn! - Tên kia đáp. - Này, nó đã đánh hơi thấy cái gì rồi đấy, nó đứng lại nhìn chúng mình. Chà! Giá mà khuya một chút nhỉ! Thôi quay lại đi, để nó khỏi nghi. Mày xem, người ở đâu ra lắm thế: cứ để họ kéo hết về các chuồng cu của họ đã.

Quả là lúc này thật náo nhiệt, cái tiếng ồn ào mà người ta nghe thấy trong làng vào chập tối, trước giờ phút yên tĩnh trọng thể của ban đêm một chút. Những người đàn bà ở đồng về, vừa ẵm con nhỏ vừa dắt trong tay những đứa lớn hơn và bảo chúng đọc kinh buổi tối. Những người đàn ông trở về, xẻng cuốc trên vai. Khi những cánh cửa mở ra, người ta thấy đây có bập bùng nhóm lên ngọn lửa nấu ăn bữa tối nghèo nàn. Ngoài đường vang lên những lời chào hỏi, vài câu bàn bạc về mùa

màng thất bát và cảnh nghèo đói năm nay; những hồi chuông gióng giả ngân vang át mọi lời nói, báo hiệu ngày đã hết. Khi Rendô thấy hai tên sỗ sàng kia đã rút lui, anh tiếp tục con đường của mình trong bóng tối ngày càng dày đặc, khẽ nhắc lại với hai bạn những việc họ phải làm. Khi họ tới căn nhà nhỏ của Luxia thì trời đã tối mịt.

Giữa ý nghĩ đầu tiên của một âm mưu khủng khiếp và việc thực hiện nó (như một kẻ man rợ[1] không thiếu tài năng đã nói) chỉ là khoảnh khắc một giấc mơ đầy những bóng ma và sợ hãi. Luxia đã sống hàng giờ trong nỗi lo sợ của một giấc mơ như thế, và bà Anhedơ, chính bà Anhedơ, tác giả của ý đồ này, cũng lo lắng đến nỗi phải khó khăn lắm mới tìm được mấy lời động viên cô con gái. Nhưng đến lúc ra khỏi giấc mơ, nghĩa là đến lúc bắt tay vào việc, tâm hồn ta lại thay đổi hẳn. Theo sau nỗi khiếp sợ và lòng can đảm vẫn giằng xé trong ta tiếp đến một nỗi khiếp sợ khác, lòng can đảm khác: âm mưu ấy hiện ra dưới một vẻ mới: cái điều thoạt đầu làm chúng ta sợ nhất bỗng có vẻ dễ dàng, và cái điều trước kia chỉ để ý sơ qua lại thành trở lực lớn; trí tưởng tượng ngừng hoạt động, bị nỗi sợ hãi làm tê liệt; tay chân dường như không chịu theo ta, và lòng không muốn giữ những lời hứa đinh ninh trước. Nghe tiếng gõ cửa nhè nhẹ của Rendô, Luxia bỗng khiếp sợ đến nỗi ngay lúc ấy cô nhất quyết chịu đựng hết mãi mãi sống xa anh còn hơn là thực hiện kế hoạch này. Nhưng khi Rendô hiện ra và nói: "Anh đây, ta đi thôi!", khi tất cả mọi người tỏ ra sẵn sàng lên đường không do dự, thì Luxia chẳng còn thời gian cũng chẳng còn sức lực để làm mình làm mẩy, và như mặc

---

[1] Chỉ Sêchxpia (viết trong bi kịch "Juyn Xêda" hồi II, cảnh I) bị Vonte xem là "tên man rợ". Mandôni có ý chế giễu cách đánh giá này của Vonte đối với nhà viết kịch Anh vĩ đại.

cho người ta kéo mình đi, cô run rẩy nắm lấy tay mẹ và tay người chồng chưa cưới và lên đường cùng tốp người ít ỏi đi vào cuộc phiêu lưu.

Không một tiếng động nhỏ, âm thầm trong đêm tối, họ ra khỏi nhà thong thả bước, theo con đường xa dần các nhà trong xóm. Lẽ ra xuyên qua làng là con đường ngắn nhất, thẳng nhất để đến nhà Đôn Rôđrigô; nhưng họ chọn đường kia để không bị trông thấy. Theo những con đường mòn qua các khu vườn và cánh đồng, họ tới gần ngôi nhà này, và ở đây, họ tách ra. Đôi vợ chồng chưa cưới núp sau góc nhà, bà Anhedơ đứng với họ, nhưng trước một chút, để chạy ra kịp thời ngăn Pecpêchuya lại và giữ mụ ta nói chuyện; Tôniô, cùng với cái anh chàng Giecvaxô ngốc nghếch tự mình không biết làm gì nhưng không có anh thì người ta cũng chẳng thể làm gì, hùng dũng tiến lên gõ cửa.

- Ai đến vào giờ này thế? - Một tiếng người kêu lên và cửa sổ cùng lúc mở ra: đó là tiếng mụ Pecpêchuya. - Tôi biết trong làng có ai ốm đau gì đâu. Hay có tai họa gì mới xảy ra?

- Tôi đây, - Tôniô đáp, tôi với em tôi, chúng tôi cần nói chuyện với ông linh mục.

- Đây là giờ Đức cha tiếp giáo dân đấy à? - Pecpêchuya cục cằn nói. - Vô ý tứ thật! Mai đến.

- Bác nghe tôi nói này: không biết tôi có quay lại nữa không: tôi mới được ít tiền, và tôi đến thanh toán món nợ nhỏ như bác biết đấy. Tôi đã mang đến đây hai mươi lăm đồng *beclingơ*[1] mới, nhưng nếu không trả được thì thôi; tôi cũng biết đường tiêu nó, và tôi sẽ trở lại khi nào kiếm được đủ số tiền như thế.

---

[1] *Beclingơ:* đồng tiền bạc phát hành năm 1625 ở Milăng.

- Đợi đấy, đợi đấy: tôi ra ngay bây giờ. Nhưng sao lại đến vào giờ này?

- Thì chính tôi cũng vừa mới lĩnh xong; và như tôi nói với bác đấy, tôi sợ nếu số tiền này ngủ lại với tôi, thì đến sáng mai không biết tôi lại muốn làm gì nói nữa. Nhưng nếu giờ này bác thấy không tiện, thì tùy bác: tôi đã tới đây, còn bác nếu bác không muốn gặp tôi thì tôi đi.

- Không, không, anh đợi cho một lát: tôi trả lời ngay đây.

Nói thế rồi mụ lại đóng cửa sổ. Bà Anhedơ bèn đến bên đôi vợ chồng chưa cưới nói khẽ với Luxia: " - Mạnh dạn lên con, chỉ chốc lát là xong; cũng như người ta nhổ cái răng thôi mà", rồi bà nhập bọn với hai anh em đứng trước cửa và bắt đầu trò chuyện với Tôniô, để khi ra mở cửa Pecpêchuya tưởng bà vừa mới tình cờ gặp Tôniô và anh đã giữ bà lại một lúc.

Chương tám

"Cacnêat![1] Ông này là ai đây nhỉ?" - Đôn Rôđrigô ngồi trong ghế bành ở một buồng trên gác, một cuốn sách nhỏ mở cửa trước mặt, đang tự hỏi thì Pecpêchuya vào báo có người đến thăm. " Cacnêat! không biết ta đã đọc, hoặc đã nghe đến cái tên này ở đâu rồi: đây hẳn là một nhà thông thái nào đó, một đại văn hào nào đó thời cổ đại. Đúng, đó là một nhân vật đại loại như thế; nhưng cái ông quái quỷ ấy là ai vậy?" Con người tội nghiệp này còn lâu mới có thể thấy trước được cơn dông tố đang tích tụ trên đầu ông!

Cũng cần biết rằng Đôn Rôđrigô thích đọc mỗi ngày một trang sách; và một linh mục ở địa phận láng giềng có tủ sách nhỏ vẫn cho ông mượn hết cuốn này đến cuốn khác, trong bất cứ cuốn nào vớ được; cuốn sách lúc này Đôn Rôđrigô đang nghiền ngẫm - ông vừa bình phục sau cơn sốt do nỗi sợ gây nên, và thậm chí còn bình phục hơn ông tưởng (ít ra là về cơn sốt chứ không phải về nỗi sợ) - là một bài tụng từ ca ngợi thánh Saclơ, đã được đọc rất hùng hồn và nghe rất say mê tại

---

[1] *Cacnêat:* nhà triết học cổ đại Hi Lạp (khoảng 214 - 129 trước C.N), kẻ thù của chủ nghĩa khắc kỷ và chủ nghĩa khoái lạc, trong nhận thức luận và những vấn đề đạo đức là người theo chủ nghĩa nghi ông hòa.

nhà thờ Milăng hai năm trước. Do lòng yêu khoa học, đức thánh ở đây được so sánh với Acsimet. Cho đến lúc này, Đôn Rôđrigô chưa gặp khó khăn nào; Acsimet[1] đã làm nên bao sự kỳ lạ, khiến người ta phải nói nhiều về ông đến mức để biết đôi điều về ông, chẳng cần một học vấn uyên bác gì cho lắm. Nhưng, sau Acsimet, nhà hùng biện bắt đầu so sánh đức thánh với cả Cacnêat: và ở đây người đọc bị sa lầy. Đúng lúc này Pecpêchuya vào báo có Tôniô đến thăm.

- Vào giờ này ư? - Đôn Apbôndiô đến lượt mình cũng ngạc nhiên nói với mụ, và ngạc nhiên là phải.

- Biết làm sao được, thưa cha? Nó chẳng có ý tứ gì cả, nhưng nếu cha không tóm ngay lấy nó...

- Phải: nếu ta không tóm lấy nó bây giờ, biết bao giờ mới lại tóm được nó! Cho nó vào đây... Nhưng này! Bà có thật chắc là nó không đấy?

- Trời ơi! - Pecpêchuya đáp và đi xuống.

Mụ mở cửa và gọi: - Anh ở đâu đấy?

Tôniô ló mặt ra; đồng thời cả bà Anhedơ cũng bước lên và chào mụ Pecpêchuya.

- Chào bà Anhedơ, - Pecpêchuya nói, - bà đi đâu về vào cái giờ khuya khoắt thế này?

- Tôi ở... - và bà kể tên một làng bên... - và giá như bác biết rằng... - bà nói tiếp, - tôi phải nán lại ở đó chính là vì bác đấy.

- Sao lại thế? - Pecpêchuya hỏi; và quay lại hai anh em, mụ nói. - Các anh vào đi, tôi cũng vào với các anh bây giờ đây.

- Thế này, - bà Anhedơ đáp, - trong số những mụ đàn bà ngu ngốc mà lại lắm mồm có một mụ... - bác có tin được không? Cứ khăng khăng nói rằng bác không kết hôn với thằng

---

[1] *Acsimet* (287 - 212 trước C.N) nhà khoa học nổi tiếng thời cổ đại.

Beppe Xuôlaveckia, và cả thằng Anxenmô Lunghinha, bởi vì chúng nó không muốn lấy bác. Nhưng tôi, thì tôi nhất định rằng chính là bác đã từ chối cả hai tên đó...

- Tất nhiên rồi, ôi con mụ nói láo! Con mụ nói láo khốn nạn! Nhưng nó là ai thế?

- Bác đừng hỏi tôi điều đó, tôi không muốn gieo mối bất hòa.

- Bà nói tôi biết đi, bà phải nói tôi biết. Ôi con mụ nói láo!

- Được, để đấy... nhưng bác không thể tưởng tượng là tôi tức đến mức nào vì không biết rõ câu chuyện để làm con mụ ấy bẽ mặt.

- Bà xem! Nó đặt điều đến như vậy! - Pecpêchuya lại kêu lên; rồi mụ nói ngay: - về Beppe thì ai mà chẳng biết và đã có thể thấy... Này, anh Tôniô, đẩy cửa và lên gác đi, tôi đến ngay bây giờ. - Tôniô đứng bên trong đáp vâng, và mụ Pecpêchuya lại tiếp tục câu chuyện say mê của mình.

Trước cửa nhà Đôn Apbôndiô, giữa hai túp nhà tranh có ột con đường nhỏ lượn vòng đằng sau các nhà ấy ra cánh ồng. Chính là bà Anhedơ đã đi theo lối này, làm ra vẻ muốn ành ra một chút để nói chuyện tự do hơn; và Pecpêchuya vội a theo bà. Khi họ đã qua quãng ngoặt và đứng ở một chỗ mà ừ đây người ta không thể nhìn thấy những gì xảy ra trước nhà Đôn Apbôndiô, bà Anhedơ ho mạnh lên một tiếng. Đó là mật hiệu. Rendô nghe thấy, nắm chặt cánh tay Luxia khích lệ cô, và cả hai nhón chân theo sát tường tiến lên không một tiếng động. Đi đến cổng, họ nhẹ nhàng khép cửa, và cả bốn người cùng lên thang gác, cứ êm như thể chỉ có một người đi. Từ đầu cầu thang, hai anh em tiến đến cửa buồng ở bên cạnh cầu thang; đôi vợ chồng chưa cưới nép vào tường.

- *Deo gratias!*[1] - Tôniô nói, tiếng anh rõ rành rành.

---

[1] Đội ơn chúa (tiếng La tinh).

- Tôniô đấy hả? Vào đi, - tiếng ông linh mục đáp lại từ trong buồng.

Tôniô mở cửa, vừa đủ để hai anh em lần lượt bước vào. Luồng ánh sáng lọt qua cửa thình lình hắt ra ngoài bệ cầu thang tối om làm Luxia giật nảy người, tưởng như mình đã bị lộ. Khi hai anh em đã vào buồng, Tôniô khép cánh cửa lại sau anh; đôi vợ chồng chưa cưới đứng im trong bóng tối, tai vểnh lên, nín thở; tiếng động lớn nhất là tiếng đập thình thịch của trái tim đáng thương của Luxia.

Đôn Apbôndiô, như ta đã nói, ngồi trong chiếc ghế bành cũ, quên mình trong chiếc áo thầy tu cũ, đội chiếc mũ chỏm cũ đóng khung lấy khuôn mặt ông, dưới ánh sáng lù mù của một ngọn đèn nhỏ. Hai túm tóc dày thòi ra dưới mũ, đôi lông mày rậm, hai hàng ria mép rậm, một chòm râu cằm bù xù, tất cả đều trắng và lưa thưa trên khuôn mặt màu nâu răn reo ấy khiến ta có cảm giác như những bụi rậm phủ tuyết chồi ra trên một bờ dốc đương đứng dưới ánh trăng.

- Chà! Chà! - đó là câu chào của ông, vừa nói vừa bỏ kính ra đặt trên trang sách nhỏ.

- Đức linh mục có lẽ cho rằng con đến muộn, - Tôniô cúi chào nói, và Giecnaxô vụng về bắt chước anh.

- Hắn đi rồi, muộn, muộn về tất cả mọi phương diện. Anh cũng biết là ta đang ốm chứ?

- Ôi! Con thật ân hận.

- Anh hẳn đã nghe mọi người nói ta ốm; ta ốm, và không biết đến bao giờ mới ra mắt mọi người được... Nhưng tại sao anh lại kéo theo cái... anh chàng này?

- Dạ thưa cha, đó là, để đi cho có bạn ạ.

- Thôi được, xem nào.

- Đây là hai mươi lăm đồng beclingơ mới, có hình thánh

Ambroadơ cưỡi ngựa[1], - Tôniô vừa nói vừa rút trong túi ra một gói nhỏ.

- Xem nào, - Đôn Apbôndiô nhắc lại, và cầm lấy cái gói, lại đeo kính vào, mở gói, lấy tiền ra đếm tiền, lật đi lật lại những đồng tiền và thấy chúng thật hoàn hảo.

- Thưa Đức linh mục, bây giờ ngài đưa lại cho con cái kiềng của một Têcla nhà con chứ.

- Đúng thế, - Đôn Apbôndiô đáp.

Rồi ông đến bên tủ, lấy chìa khóa trong túi ra nhìn quanh như để giữ những kẻ nhòm ngó phải đứng xa, ông mở một cánh tủ, lấy thân mình che kín chỗ hở, thò đầu vào nhìn, và thọc tay vào lấy chiếc kiềng ra. Đóng tủ xong, ông giao đồ nữ trang cho Tôniô và nói: - vừa ý rồi chứ?

- Bây giờ, - Tôniô nói, - cha làm ơn viết cho con một chút ất cả cái này trên giấy trắng mực đen.

- Lại còn thế nữa! - Đôn Apbôndiô nói. - Họ thật sành sỏi! hà, con người ngày nay sinh ra đa nghi tợn! Anh không tin tôi à?

- Sao lại thế được, thưa Đức linh mục, sao lại không tin cha. Cha xúc phạm con đấy. Nhưng, bởi vì tên con đã được ghi trong cuốn sổ cái của cha bên những khoản nợ... Vậy thời, vì cha đã chịu mất công viết nó một lần, cho nên... rồi đây biết ai sống ai chết.

- Thôi được, được, - Đôn Apbôndiô ngắt lời, và vừa làu bàu ông vừa rút ngăn kéo lấy giấy bút và lọ mực ra và bắt đầu viết, cao giọng nhắc lại những tiếng dần dần đến dưới ngòi bút ông. Trong thời gian ấy Tôniô, và cả Gecnaxô làm theo hiệu

---

[1] Đồng beclingơ lưu hành ở Milăng khi ấy có hình Thánh Ambroadơ là ông thánh đỡ đầu cho thành phố.

của anh, đứng chắn trước bàn, sao cho ông linh mục không nhìn thấy cửa ra vào; rồi như để giết thời giờ, họ bắt đầu khua chân xuống bàn lệt sệt, để ra hiệu những người ở ngoài bước vào, và đồng thời để át tiếng bước chân của họ. Đôn Apbôndiô mải mê viết không để ý đến gì nữa. Nghe tiếng khua chân, Rendô nắm cánh tay Luxia, siết chặt để truyền can đảm cho cô và tiến lên kéo cô run rẩy theo sau, bởi vì để tự mình cô thì có lẽ cô không thể đi được. Họ bước vào hết sức nhẹ nhàng, nhón chân đi nín thở và nấp sau hai anh em Tôniô.

Trong khi ấy thì Đôn Apbôndiô đã viết xong, chăm chú đọc lại, không ngước mắt khỏi trang giấy; ông gấp nó lại làm bốn và nói: "Bây giờ thì anh hẳn hài lòng?" - và, một tay nhấc kính đang đeo trên mắt ra tay kia chìa cái biên lai cho Tôniô, ông ngẩng đầu lên.

Tôniô dang tay để nhận lấy biên lai, và lùi ra một bên, Giecvaxô, theo hiệu lệnh của anh, né sang bên kia; ở giữa, như đằng sau một tấm màn sân khấu vừa mở, hiện ra Rendô và Luxia.

Đôn Apbôndiô nhìn thấy họ lờ mờ, rồi rõ ràng, ông kinh hãi, sửng sốt, giận dữ, suy nghĩ, và quyết định: tất cả cái đó diễn ra trong khi Rendô nói những lời sau: "Thưa Đức linh mục, trước mặt những người làm chứng đây, cô này là vợ con". Anh còn chưa kịp ngậm miệng thì Đôn Apbôndiô buông tờ giấy ra, đã cầm lấy và nâng cái đèn lên bằng tay trái, còn tay phải thì túm lấy tấm khăn giải bàn kéo giật về mình, hất đổ xuống đất tất cả sách, giấy lọ mực và bột thấm mực, rồi nhảy chồm lên giữa ghế bành và bàn đến bên cạnh Luxia. Cô gái đáng thương bằng giọng nói dịu dàng và run rẩy chỉ vừa kịp nói: "Còn anh này..." thì Đôn Apbôndiô đã phũ phàng quật tấm khăn lên đầu cô, để ngăn không cho cô nói hết cái công

thức trọn vẹn. Và lập tức, quẳng cái đèn cầm trong tay kia, ông dùng cả hai tay trùm kín cô gái trong tấm khăn, gần như làm cô nghẹt thở; đồng thời ông lấy sức gào lên: "Pecpêchuya! Pecpêchuya! Có kẻ làm phản! Cứu tôi!" Ngọn đèn đang lụi trên sàn hắt một ánh sáng lù mù và chập chờn lên Luxia, cô hoàn toàn mất trí đến mức không cố gỡ tấm khăn ra nữa, hệt như một pho tượng đất sét mới nặn được nhà nghệ sĩ phủ lên một tấm vải ẩm.

Ánh sáng đã tắt ngấm, Đôn Apbôndiô bỏ mặc cô gái đáng thương và bắt đầu sờ soạng tìm cửa vào một buồng trong, tìm thấy rồi, ông bước vào nhốt mình trong đó, luôn miệng gào lên: "Pecpêchuya! Có kẻ làm phản! Cứu tôi! Chúng mày cút khỏi nhà này đi! Chúng mày cút khỏi nhà này đi!" Trong buồng bên kia là cả một sự hỗn độn. Rendô cố giữ ông linh mục lại và huơ tay như chơi bịt mặt bắt dê, đi đến cửa và đập cửa kêu lên: "Mở ra, mở ra; cha đừng làm ầm lên thế". Luxia gọi Rendô bằng một giọng tắc nghẹn, và van lơn anh: "Ta đi thôi, lạy Chúa, ta đi thôi". Tôniô bò lổm ngổm, hai tay quét khắp sàn để cố tìm lại mảnh biên lai. Giecvaxô kinh hoàng thét tướng lên và nhảy chồm lên, cố tìm cửa ra cầu thang để chạy trốn.

Giữa cảnh hỗn loạn này, chúng tôi không thể không dừng lại đôi chút để có một nhận xét. Rendô làm náo động đêm khuya trong nhà người khác sau khi đã lén lút đột nhập, và vây hãm chủ nhà trong một căn buồng, hoàn toàn có vẻ như một kẻ bị áp bức. Đôn Apbôndiô bị tấn công bất ngờ, phải chạy trốn, khiếp hãi, trong khi đang làm công việc của ông một cách hiền lành, có vẻ như là nạn nhân; vậy mà, trên thực tế, chính ông lại là kẻ áp bức. Sự đời là như vậy... tôi muốn nói, tình hình diễn ra ở thế kỷ XVII là như thế.

Kẻ bị bao vây nhận thấy quân địch không thể có vẻ gì muốn rút lui bèn mở một cửa sổ trông ra quảng trường nhà thờ và bắt đầu kêu lên: "Cứu tôi với! Cứu tôi với!"

Đó lả một đêm trăng vằng vặc. Bóng nhà thờ, và xa hơn nữa cái bóng dài và nhọn của tháp chuông, in hình đen sẫm và nổi bật trên bãi cỏ ngập ánh trăng của quảng trường. Người ta có thể nhận rõ mỗi vật, gần như giữa ban ngày. Tuy nhiên tầm mắt có thể phóng xa đến chừng nào cũng không nhìn thấy dấu vết một sinh vật. Nhưng giáp bức tường bên cửa sổ nhà thờ, và đứng về phía nhà linh mục, có một túp nhà nhỏ, một thứ buồng xép là chỗ ngủ của người giữ kho đồ thành. Giật mình choàng dậy bởi những tiến kêu khác thường, bác nhảy vội ra khỏi giường, mở một cánh cửa sổ nhỏ thò đầu ra ngoài, mắt còn kèm nhèm nói:

- Chuyện gì đây?

- Mau lên, Ambrôđiô! Cứu tôi với! Có người vào nhà tôi! - Đôn Apbôndiô kêu lên gọi bác.

- Con đến ngay đây, - bác đáp; bác lại thụt đầu vào, khép cửa sổ lại, và mặc dầu còn ngái ngủ và sợ hết hồn, bác vẫn tìm ra ngay một phương sách cứu viện đắc lực hơn người ta đòi hỏi mà không phải tự mình vào cuộc ẩu đả, dù nó như thế nào. Bác vớ một cái quần vắt đầu giường, cặp nó dưới nách như một chiếc mũ đi dự hội, nhảy bổ xuống chiếc thang gỗ nhỏ, chạy đến gác chuông, nắm lấy sợi dây của cái chuông to nhất trong hai cái chuông và gióng hồi chuông báo động.

Boong, boong, boong, boong: các bác nông dân choàng tỉnh dậy ngồi trên giường, các anh người làm trẻ tuổi ngủ trong nhà chứa cỏ khô lắng tai nghe, rồi nhỏm dậy. "Cái gì thế? Cái gì thế? Chuông báo động! Cháy nhà ư? Kẻ trộm ư? Kẻ cướp ư?" Nhiều bà vợ khuyên chồng, van xin chồng đừng đi đâu, mặc

người khác chạy đến. Một số người thức dậy đến bên cửa sổ. Những kẻ nhát gan, làm ra vẻ chiều theo lời van xin của vợ, quay lên giường trùm chăn. Những kẻ hiếu kỳ hơn và can đảm hơn thì đi lấy chàng nạng và súng chạy đến nơi có tiếng động. Những người khác ở lại nhà để xem.

Nhưng, trước khi họ sẵn sàng có mặt, và ngay cả trước khi họ thật tỉnh giấc, thì tiếng động đã đến tai những người khác đang thức ở gần đó, họ đang đứng và ăn bận đàng hoàng: đó là bọn *lâu la* ở phía này, bà Anhedơ và mụ Pecpêchuya ở phía kia. Trước hết chúng ta hãy nói vắn tắt những gì bọn *lâu la* đã làm từ khi ta bỏ mặc chúng hoặc trong túp nhà đổ nát, hoặc trong quán ăn. Ba tên *lâu la* này, ngay khi vừa thấy các cửa nhà đã đóng và đường phố đã vắng tanh bèn vội vã đi ra, dường như nhận thấy đêm đã khuya rồi, nói rằng chúng phải về nhà ngay lập tức; chúng đi một vòng trong làng, để chắc chắn rằng tất cả mọi người đã về nhà hết; quả thật chúng không gặp một bóng người và không nghe thấy một tiếng động nhỏ. Chúng cũng đi qua, rất nhẹ chân, trước ngôi nhà nhỏ bé khốn khổ của chúng ta: đó là ngôi nhà yên lặng nhất, bởi vì không còn ai cả. Chúng bèn tiến thẳng đến túp nhà đổ nát và báo cáo với Gridô. Tên này lập tức chụp chiếc mũ cũ lên đầu, khoác lên vai một áo choàng của người hành hương bằng vải sợi có gắn những vỏ trai trang sức, cầm trong tay cái gậy hành hương và nói: "Ta đi thôi, mạnh dạn lên! Im lặng, và chú ý nghe lệnh!". Rồi hắn bước lên đầu tiên, những tên khác theo sau. Trong chốc lát chúng đã đến ngôi nhà nhỏ, theo con đường ngược chiều với con đường mà từ đây đội quân bé nhỏ của chúng ta cũng ra đi tiến hành cuộc chinh phạt của mình. Còn cách vài bước, Gridô ngăn đồng bọn lại, một mình tiến lên dò xét, và khi đã thấy tất cả phía bên ngoài đều vắng lặng và

yên tĩnh, hắn gọi hai tên trong bọn côn đồ đến, ra lệnh cho hai tên này lặng lẽ trèo qua bức tường bao quanh sân nhỏ, và khi đã sang phía bên kia rồi thì đến nấp ở một xó đằng sau cây sung rậm rạp mà hắn đã để ý từ ban sáng. Sau đó, hắn khẽ gõ cửa, với ý định giả vờ làm một hành hương lạc đường nhờ trú chân đến sáng. Không ai đáp lại. Hắn gõ mạnh hơn; lặng ngắt như tờ. Hắn bèn gọi một tên côn đồ thứ ba, ra lệnh cho hắn trèo vào sân như hai tên trước và nhẹ nhàng tháo then cửa, để làm sao lối vào và lối rút được thông. Tất cả những việc ấy đã diễn ra tuyệt diệu. Hắn đi gọi những tên khác, đưa chúng vào sân cùng với hắn, phái chúng đến nấp gần những tên đầu tiên, đẩy thật nhẹ cánh cửa mở ra đường, đặt tại đây hai tên đứng gác phía bên trong; rồi hắn đi thẳng đến cửa ở tầng dưới, cũng lại gõ cửa và đợi (cho hắn tha hồ đợi!). Hắn cũng lại tháo then cửa, rất nhẹ nhàng. Bên trong không ai hỏi: "Ai đấy?" không nghe thấy ai nói gì. Tình hình diễn ra không thể tốt đẹp hơn. Vậy thời tiến lên thôi. "Xuyt!" hắn gọi những tên nấp ở cây sung lại, cùng với chúng bước vào căn buồng tầng dưới, nơi ban sáng hắn đã quỷ quyệt ăn xin mẩu bánh mì. Hắn lấy ra bùi nhùi, đã lửa, bật lửa và diêm, thắp cái đèn bão nhỏ, bước vào căn phòng khác, tận cuối cùng, để thật chắc chắn là không có ai cả: không có ai thật. Hắn quay trở lại, đến bên cầu thang, nghe ngóng: vắng tanh và im lặng như tờ. Hắn để lại hai tên đứng gác bên dưới, lấy Grinhapôcô cùng đi với mình, đó là một tên *lâu la* người hạt Becgam có nhiệm vụ chỉ việc đe dọa, dỗ dành, ra lệnh, nói tóm lại đúng ra ăn nói thế nào để bà Anhedơ tưởng rằng cuộc tấn công này là từ Becgan đến. Cùng với tên ấy bên mình và những tên khác đằng sau, Gridô rón rén lên thang gác, rủa thầm mỗi lần bậc thang kêu răng rắc hoặc bước chân đồng bọn gây tiếng động. Cuối cùng hắn đã ở

tầng trên. Chính đây là cái ổ của con thỏ. Hắn khẽ đẩy cửa vào phòng đầu tiên, cánh cửa nhượng bộ, hé mở: hắn liếc mắt vào nhìn vào, tối om; hắn vểnh tai nghe xem có ai ngáy, thở, cựa mình trong đó: chẳng có gì cả. Vậy thời, tiến lên! Hắn đưa cây đèn ra trước mặt chiếu sáng phía trước, để nhìn được còn mình vẫn trong bóng tối, mở toang cửa ra, trông thấy một cái giường, chồm lên; cái giường đã xếp gọn, chăn gấp ngay ngắn đặt lên gối. Hắn nhún vai, quay về phía đồng bọn, ra hiệu cho chúng là hắn đi xem phòng khác và tất cả hãy đi theo hắn rất nhẹ bước; hắn bước vào, lại làm tất cả những thủ tục ấy lại vẫn thấy thế. Lạ quá nhỉ...? - Hắn kêu lên. - Hay là một thằng chó phản bội nào đã dò xét được công việc của ta?" Tất cả bọn chúng, ít thận trọng hơn, lại bắt đầu sục sạo khắp mọi xó xỉnh, bới lộn lên tất cả.

Trong khi bọn chúng làm như thế, hai tên *lâu la* đứng gác ở cổng ra đường nghe có tiếng bước chân gấp gáp đến gần; chúng cho rằng người đi đường sẽ đi qua; chúng đứng im lặng thủ thế, đề phòng mọi bất trắc. Nhưng này, bước chân dừng lại đúng trước cổng. Đó là Mênicô chạy đến, do cha Crixtôfôrô phái về báo cho hai người đàn bà, lạy trời phù hộ, trốn đi ngay khỏi nhà họ và đến ẩn trong tu viện, bởi vì... bạn đọc đã biết tại sao rồi, Mênicô nắm lấy cái tay cầm then cửa, toan gõ cửa, thì bỗng cảm thấy cái then cửa lúc lắc trong tay mình và long ra. "Cái gì thế này?", em nghĩ; em sợ hãi đẩy cổng, cổng mở ra. Em rất lo sợ bước vào, bỗng cảm thấy có ai túm lấy hai cánh tay mình, và em nghe hai tiếng nói khẽ đầy vẻ hăm dọa ở bên phải và bên trái: "Im ngay! Không tao giết chết!", nhưng em lại kêu thét lên một tiếng: một trong hai tên cướp giơ tay bịt miệng em, tên kia chìa dao ra dọa em. Cậu bé run như cầy sấy và không còn tưởng đến chuyện kêu la nữa;

nhưng bỗng nhiên, thay cho tiếng kêu của cậu, và với giọng khác hẳn, là tiếng chuông báo động đầu tiên gióng giả, tiếp đến một hồi chuông dồn dập. Có tật giật mình, một tục ngữ vùng Milăng nói vậy: cả hai tên cướp đều tưởng như nghe thấy những tiếng boong, boong, boong gióng tên họ và biệt hiệu mình lên: chúng liền buông cánh tay Mênicô ra, hấp tấp rút tay chúng về, dang tay há hốc mồm nhìn nhau, và chạy vào nhà nơi tập trung đại bộ phận bọn chúng. Mênicô vắt chân lên cổ chạy ra ngoài đường, thẳng đến gác chuông, nơi em chắc chắn sẽ gặp được một người nào đấy. Còn với những tên cướp đang sục sạo khắp cũng gây cho chúng cái cảm tưởng như vậy; chúng bối rối, cuống cuồng, ra sức xô đẩy nhau, mỗi tên đều cố tìm con đường ngắn nhất để ra cổng. Thế mà tất cả bọn chúng đều là những tên dầy dạn đã quen đương đầu với nguy hiểm: nhưng chúng không thể táo gan trước một cơn nguy hiểm: nhưng chúng không thể táo gan trước một cơn nguy biến chưa định rõ, nó sẽ đổ ập xuống đầu chúng lúc nào không biết. Gridô phải có uy thế lớn lắm mới giữ vững được đội quân của mình, và làm cho cuộc rút lui của chúng không có vẻ một cuộc tháo chạy. Như một con chó áp giải một đàn lợn, chạy chỗ này chỗ kia sau những con lạc đàn, cắn tai con này lôi về hàng, lấy mõm hích con khác, sủa theo một con ra khỏi hàng đúng ngay lúc ấy: cũng vậy, vị khách hành hương của chúng ta nắm lấy chỏm tóc một tên đã ra đến cổng và ném nó về phía sau, vung gậy bắt hai tên đang lao về hướng đó phải lùi lại, thét những tên khác đang chạy tứ tung mà không biết chạy đi đâu, và cứ thế cuối cùng đã có thể tập hợp tất cả trong cái sân nhỏ.

- Mau lên, mau lên! Súng cầm tay, dao sẵn sàng, tất cả tập trung lại; rồi chúng ta cùng đi: dấy, phải đi như thế. Đồ

ngu, thử hỏi đứa nào dám đụng đến ta nếu chúng ta vào đội ngũ với nhau? Nhưng nếu ta cứ để bị tỉa từng người một, thì ngay cả bọn nhà quê cũng nện được chúng ta. Nhục nhã chưa! Theo ta, tất cả nhất tề đi lên!

Sau lời hô hào ngắn ngủi ấy, y dẫn đầu cả bọn và đi ra trước tiên. Như ta đã nói, ngôi nhà này ở đầu làng. Gridô đi theo con đường xa làng dần và tất cả trong đội ngũ chỉnh tề bước theo sau y.

Chúng ta hãy để mặc chúng đi và quay lại một chút để tìm bà Anhedơ và mụ Pecpêchuya mà ta đã bỏ lại ở một con đường nhỏ. Bà Anhedơ cố dẫn mụ hầu càng xa ngôi nhà của Đôn Apbôndiô càng tốt, và điều ấy đã thành công cho đến một lúc nào đó. Nhưng bỗng nhiên mụ hầu chợt nhớ đến cái cổng còn đang để mở và muốn quay lại. Việc này có gì phải bàn nữa; để khỏi gợi lên những nghi ngờ, bà Anhedơ đã phải quay lại với mụ, và vừa đi theo vừa cố giữ mụ lại mỗi lần bà thấy mụ bừng bừng với câu chuyện những cuộc tình duyên lỡ làng của mụ. Bà làm ra vẻ hết sức chăm chú nghe và thỉnh thoảng, để tỏ ra bà vẫn nghe rõ hoặc để kích thêm thói ba hoa của một, bà nói: "Hẳn thế, bây giờ thì tôi hiểu. Đúng lắm. Thật rõ rồi. Rồi sao nữa? Còn ông ta thì sao? Còn bác?", nhưng đồng thời chính là bà đang tự nói với mình một câu chuyện khác hẳn: "Vào giờ này họ đã ra chưa? Hay đang còn ở trong đó? Thật cả ba người chúng ta đều ngu không hẹn nhau một ám hiệu nào để báo ta biết công việc có trót lọt không! Quả là vụng dại đến quá quẩn! Nhưng bây giờ thì chẳng còn làm gì được nữa: ta chỉ còn việc đùa bỡn mụ Pecpêchuya càng lâu càng tốt; chẳng qua chỉ là bỏ phí một chút thời giờ thôi". Như thế, cứ vừa đi vừa đứng lại, họ đã tới gần ngôi nhà của Đôn Apbôndiô tuy vậy vẫn còn bị góc phố che khuất. Pecpêchuya, đang kể đến đoạn quan

trọng trong câu chuyện của mụ, đã để bà Anhedơ giữ lại không kháng cự, thậm chí không để ý; thì bỗng nhiên, từ trên cao vẳng xuống tiếng kêu hoảng loạn đầu tiên của Đôn Apbôndiô: "Cứu tôi với! Cứu tôi với!" rung lên trong không gian im lặng và âm vang trong đêm tối tĩnh mịch bao la.

- Lạy Chúa từ bi! Có chuyện gì thế? - Pecpêchuya kêu lên, và mụ đã toan chạy.

- Cái gì vậy? Cái gì vậy? - Bà Anhedơ nắm lấy váy mụ nói.

- Lạy Chúa từ bi! Bà không nghe thấy gì ư? - Mụ giằng ra đáp.

- Cái gì vậy? Cái gì vậy? - Bà Anhedơ nhắc lại, túm lấy cánh tay mụ.

- Cái bà quái quỷ này! - Mụ Pecpêchuya kêu lên đẩy bà Anhedơ để gỡ ra; và mụ bắt đầu chạy. Đúng vào lúc ấy người ta nghe thấy tiếng thét của Minicô xa hơn, chói tai hơn và đột ngột hơn.

- Lạy Chúa từ bi! - Đến lượt bà Anhedơ cũng kêu lên, và bà chạy bổ theo sau Pecpêchuya. Gót chân họ vừa nhấc khỏi mặt đất thì tiếng chuông đầu tiên vang lên: một tiếng, rồi hai, rồi ba, liên hồi, thúc giục; nhưng họ chẳng cần ai thúc giục. Pecpêchuya đến trước bà Anhedơ một lát; mụ toan đẩy cổng mụ trông thấy Tôniô, Giecvaxô, Rendô và Luxia, những người này sau khi đã mò mẫm tìm thấy cầu thang liền đâm bổ xuống, rồi sau nghe thấy hồi chuông báo động khủng khiếp liền cuống cuồng chạy trốn.

- Cái gì thế? Cái gì thế? - Pecpêchuya thở hổn hển hỏi hai anh em Tôniô, nhưng thay cho câu trả lời, họ phũ phàng đẩy mụ ra và biến mất. - Thế còn anh chị! Thế nào! Các anh chị làm gì ở đây? - Tiếp đó mụ hỏi người này cũng chạy ra không trả lời. Để đến thật nhanh tới nơi khẩn cấp nhất, Pecpêchuya

không hỏi gì thêm: mụ bước vội vào hành lang và chạy nhanh đến cầu thang với tất cả khả năng của mụ thấy được đường trong bóng tối.

Đôi vợ chồng chưa cưới, cũng vẫn chỉ là đôi vợ chồng chưa cưới, giáp mặt bà Anhedơ vừa thở hổn hển chạy tới.

- A, các con ở đây! Bà nói với họ, khó khăn lắm mới thốt nên lời. - Việc thế nào? Tiếng chuông gì thế? Mẹ tưởng như đã nghe thấy.

- Về nhà, về nhà ngay mẹ ơi, - Rendô nói, - về ngay trước khi mọi người kéo đến.

Họ đi về, vừa lúc Mênicô chạy đến, nhận ra họ, ngăn họ lại, và hãy còn run lật bật, nói với họ bằng một giọng gần như tắc nghẹn:

- Mọi người đi đâu? Quay lại, quay lại, lối này, về tu viện!

- Có phải cháu đã...? - Bà Anhedơ cất tiếng bắt chuyện.

- Lại còn gì nữa thế? - Rendô hỏi. Luxia, mụ mẫm cả người, đứng im lặng, người run lên.

- Có con quỷ ở nhà bác, - Mênicô lại nói, thở hổn hển. - Chính mắt cháu đã trông thấy. Chúng nó muốn giết cháu. Cha Crixtôfôrô đã nói vậy mà. Cha dặn cả anh nữa, anh Rendô, anh đến ngay... Và thế là cháu đã tận mắt trông thấy chúng: may quá lại tìm được mọi người đầy đủ! Cháu sẽ kể lại cho bác và anh chị biết sau, khi nào đi xa khỏi nơi này đã.

Rendô bình tĩnh hơn cả, cho rằng dù đi đâu thì cũng phải đi ngay, trước khi mọi người kéo đến; và chắc chắn nhất là làm theo lời khuyên, hoặc đúng hơn, mệnh lệnh của Mênicô, mà vì sợ hãi nên cậu lại càng nói lên một cách quyết liệt. Đi dọc đường, và khi đã ra khỏi nơi nguy hiểm, ta sẽ có thể hỏi cậu bé những điều giải thích rõ ràng hơn. "Em đi trước đi, - anh nói với Mênicô. - Ta theo cậu bé thôi, - anh nói với hai

người phụ nữ". Họ quay trở lại, vội vã đi về phía nhà thờ, qua quảng trường ở đó, nhờ trời, vẫn chưa có ai, tiến vào con đường nhỏ nằm giữa nhà thờ và ngôi nhà của Đôn Apbôndiô. Thấy có một lỗ ở hàng rào, họ liền chui qua rồi đâm thẳng ra cánh đồng.

Họ đi được khoảng năm mươi bước thì dân chúng bắt đầu đổ xô đến quảng trường, mỗi lúc một đông. Người ta nhìn nhau: mỗi người đều có một câu hỏi trong đầu mà không ai có thể giải đáp được. Những người có mặt đầu tiên chạy đến cổng nhà thờ: Cổng đóng. Họ chạy đến gác chuông, và một người ghé miệng vào cái cửa sổ nhỏ, một thứ lỗ châu mai, hỏi vọng vào bên trong: "Chuyện quái quỷ gì thế?" Khi Ambrôgiô nghe thấy một giọng nói quen thuộc, bác buông sợ dây, và do tiếng ồn ào của đám đông biết chắc là đã có nhiều người, bác đáp: "Tôi mở cửa đây". Bác xỏ vội vào cái quần cắp nách mang theo, và ra mở cổng nhà thờ.

- Cái gì mà ầm ĩ lên thế? Có chuyện gì? Nó đâu rồi? Đứa nào?

- Sao, còn hỏi đứa nào nữa à? - Ambrôgiô nói, một tay giữ cánh cổng, còn tay kia giữ cái quần trứ danh mà bác đã xỏ vội vàng. - Thế nào! Các ông không biết gì ư? Kẻ cướp vào nhà Đức linh mục. Dũng cảm lên, anh em, đến cứu mau!

Họ quay lại tất cả về nhà linh mục, rầm rầm rộ rộ, nhìn lên gác, lắng tai nghe: im lặng như tờ. Một số người khác chạy ra phía cổng: cổng đóng, và không có vẻ đã bị bàn tay nào dụng đến. Cả những người này cũng lại nhìn lên gác: không có cửa sổ nào mở, không một tiếng động nhỏ.

- Có ai trong đó không? - Này, này! - Ông linh mục! - Ông linh mục!

Đôn Apbôndiô, ngay khi vừa nhận thấy những tên dột nhập nhà ông đã bỏ chạy, liền rời khỏi cửa sổ đóng lại, và giờ

đây ông đang thì thầm trách mụ Pecpêchuya đã bỏ mặc ông một mình trong tình cảnh bối rối này. Khi nghe dân chúng gọi, ông lại phải ra cửa sổ lần nữa, và thấy người đổ xô tới cứu đông ùn ùn, ông lại hối tiếc đã gọi họ.

- Có chuyện gì thế? Họ đã làm gì cha? Những người ấy là ai? Chúng nó đâu rồi? - Bao nhiêu tiếng nhao nhao lên hỏi cùng một lúc.

- Không còn ai cả đâu: ta cám ơn các con, các con có thể về đi.

- Nhưng chúng nó là ai? Chúng đi đâu rồi? Chuyện gì đã xảy ra.

- Những kẻ xấu, những bọn đi rình mò ban đêm, nhưng chúng đã bỏ chạy rồi. Các con về đi, không còn gì nữa. Hỡi các con, một lần nữa, ta cám ơn lòng tốt của các con. - Nói vậy, ông quay vào và đóng cửa sổ lại.

Thế là một người bắt đầu làu bàu, một số khác đùa cợt hoặc nguyền rủa. Có người nhún vai bước đi. Khi ấy bỗng có một người chạy tới, gần đứt hơi đến nỗi khó lắm mới nói nên lời. Nhà ông ta gần như ở trước mặt nhà bà Anhedơ. Nghe tiếng ồn ào, ông ra đứng cửa sổ và đã trông thấy trong cái sân nhỏ tất cả cố gắng tập hợp chúng lại. Khi đã lấy lại hơi sức, ông kêu lên:

- Các bạn trẻ, các anh ở đây làm gì? Con quỷ có phải ở đây đâu, nó ở cuối đường đằng kia, ở nhà bà Anhedơ Môndenla: những thằng có vũ khí, chúng đã vào nhà, hình như chúng muốn giết chết một khách hành hương... ai biết có thể có chuyện gì!

- Cái gì? Cái gì? Cái gì? - người ta bắt đầu xôn xao bàn tán. - Phải đến đấy ngay. Phải xem chúng có bao nhiêu người. Còn chúng ta bao nhiêu người? Ai đấy? Ông xã trưởng đâu! Ông xã trưởng!

- Tôi đây, - ông xã trưởng đứng giữa đám đông đáp lại. Tôi đây, nhưng các ông phải giúp tôi và nghe lệnh. Mau lên: bác giữ kho đồ thánh đâu? Giống chuông lên! Giống chuông lên! Mau lên: một người chạy đến Leccô xin cứu viện. Còn tất cả đến đấy...

Kẻ này chạy lại, người kia lẩn đi rúc vào giữa đám đông. Đám người càng xôn xao khi có người tới, nói là đã trông thấy bọn *lâu la* kéo đi vội vã. Ông ta hét: "Chạy nhanh lên, anh em: bọn kẻ trộm hoặc kẻ cướp đang bỏ trốn, dẫn theo một khách hành hương, chúng đã ra khỏi làng rồi: mau lên! Tóm cổ chúng lại!"

Nghe tin ấy, không đợi lệnh chỉ huy, đám đông rùng rùng chuyển động xô lên một cách hỗn loạn. Đội quân càng tiến lên thì một số người trên hàng đầu chậm bước lại để người khác vượt qua rồi lẫn vào giữa đám đông, trong những người đi sau chen lên phía trước. Bầy người hỗn độn cuối cùng đến nơi đã chỉ. Dấu vết cuộc cướp phá còn mới tinh và rõ rành rành: cổng mở toang, then sắt bị tháo rời. Nhưng bọn kẻ cướp đã biến mất. Mọi người vào sân, đến cửa buồng tầng dưới. Cửa này cũng mở và bị nậy then. Người ta gọi: "Bà Anhedơ! Cô Luxia! Ông khách hành hương! Ông khách hành hương đâu rồi? Bác Xtêphanô có lẽ nằm mơ thấy ông khách hành hương của bác ấy chắc? Không phải đâu, không phải: cả bác Caclandrêa cũng trông thấy ông ta cơ mà. Này, ông khách hành hương! - Bà Anhedơ ơi! Cô Luxia ơi!". Không ai đáp lại. "Họ đã bị chúng cướp đi rồi! Họ đã bị chúng cướp đi rồi!"

Thế là có người lên tiếng đòi đuổi theo bọn đạo tặc: quả là một vụ cướp đoạt đê tiện, và nhục biết bao cho cái làng này, nếu bất cứ tên kẻ cướp nào cũng có thể đến cướp đàn bà con gái như diều hâu cướp gà con trong một cái dân vắng mà

không bị trừng phạt. Cuộc bàn luận mới còn náo nhiệt hơn trước. Nhưng một người nào đó (mà rồi người ta không biết đích xác là ai) tung ra giữa đám đông cái tin đồn là bà Anhedơ và cô Luxia đã ẩn nấu an toàn trong một ngôi nhà. Tin đồn lan đi nhanh chóng, người ta tin và không ai nói đến việc đuổi theo bọn chạy trốn nữa: đám đông giải tán, ai về nhà nấy. Khắp nơi chỉ còn những lời rì rầm hoặc bàn tán xôn xao, những tiếng gõ cửa, những cánh cửa mở ra, những cái đèn thấp thoáng ẩn hiện, những người đàn bà đứng cửa sổ hỏi, những người đàn ông ở dưới đường đáp lại. Và khi ngoài đường đã trở lại vắng tanh và lặng ngắt như tờ, những câu chuyện còn tiếp tục bên trong các căn nhà, rồi tắt dần trong những cái ngáp để lại tái diễn sôi nổi sáng hôm sau.

Còn về những biến cố thì chẳng có gì khác ngoài sự việc này: ngay sáng hôm sau, ông xã trưởng đang làm ngoài đồng, bàn tay chống cằm, khuỷu tay tì lên chiếc xẻng cắm ngập nửa ưỡi, một chân đặt trên lưỡi xẻng; giữa lúc ông đang đứng đó, ôi nhắc lại, ngẫm nghĩ về những sự bí hiểm đêm trước và tìm một cách dàn xếp thỏa đáng giữa yêu cầu trách nhiệm phải àm và cách làm thế nào cho hợp với hoàn cảnh, thì ông thấy tiến lại phía mình hai người đàn ông to lớn bệ vệ, tóc dài như hai đức vua Frăng triều đại đầu tiên[1], những người này giống lạ lùng hai tên *lâu la* đã giáp mặt Đôn Apbôndiô năm ngày trước, nếu không phải vẫn chính là những tên ấy. Còn ít khách sáo hơn, chúng truyền lệnh cho ông xã trưởng không được báo cáo gì lên ngài thị trưởng về mọi việc xảy ra, không được nói sự thật trong trường hợp người ta hỏi đến ông về việc này, không được bép xép và không được khuyến khích dân

[1] Chỉ các nhà vua triều đại Mêrôvanhgiêng (thế kỷ V - VII), để tóc dài, xe là một dấu hiệu của vương tước.

làng bàn tán, nếu ít ra ông còn nuôi hy vọng được chết yên ổn trên giường bệnh của mình.

Những người tị nạn của chúng ta rảo bước hồi lâu chẳng nói chẳng rằng, thỉnh thoảng lại quay đầu lại xem có ai đuổi theo không, tất cả mệt nhoài vì cuộc chạy trốn, vì bao xúc động trong lòng, vì cảnh lo âu đã trải qua, vì nỗi đau buồn của thất bại, vì sự sợ hãi mơ hồ trước một mối nguy hiểm mới và bí hiểm. Và nỗi lo sợ của họ càng tăng do những tiếng chuông ngừng thúc gót, họ càng rời xa thì những tiếng chuông càng yếu đi và ít âm vang hơn, nhưng do đó càng có vẻ thê thảm và hung dữ hơn. Cuối cùng tiếng chuông báo động tắt hẳn. Những kẻ đi trốn lúc này ở giữa cánh đồng vắng ngắt và không nghe thấy một tiếng động nhỏ quanh họ, liền chậm bước lại. Bà Anhedơ đã lấy lại hơi sức, là người đầu tiên phá tan im lặng, bà hỏi Rendô sự việc đã xảy ra thế nào, và hỏi Mênicô cái con quỷ đã vào nhà bà đó là ai. Rendô kể lại vắn tắt câu chuyện đáng buồn của anh, rồi cả ba cùng quay lại cậu bé, cậu truyền lại rõ ràng hơn ý cha Crixtôfôrô và thuật lại những gì chính cậu đã trông thấy, nỗi nguy hiểm, cậu đã trải qua, và điều đó, than ôi, chỉ càng xác nhận thêm ý kiến của cha. Những người nghe cậu hiểu ra nhiều điều hơn những gì Mênicô có thể nói được, và sự khám phá ấy khiến họ rùng mình. Cả ba người cùng đứng lại nhìn nhau kinh hãi: lập tức, không ai bảo, họ đặt bàn tay lên đầu hoặc lên vai cậu bé, và cử chỉ vuốt ve ấy thầm cám ơn cậu đã là đấng thiên thần hộ mệnh của họ, biểu thị lòng thông cảm của họ với nỗi lo sợ của cậu, với mối nguy hiểm cậu đã trải qua để cứu họ, và dường như cũng là để ngỏ lời xin lỗi cậu. "Bây giờ cháu về đi, để bố mẹ khỏi phải lo lắng thêm về cháu", - bà Anhedơ nói với cậu; nhớ đến hai đồng bạc đã hứa, bà lấy trong túi ra bốn đồng đưa

cho cậu và nói thêm: "Tốt lắm, cháu hãy cầu Chúa để chúng ta lại sớm gặp nhau, và khi ấy... " Rendô cũng cho cậu một đồng bạc mới tinh và dặn đi dặn lại cậu đừng nói gì về công việc mà Đức cha đã ủy thác cho cậu. Luxia lại vuốt ve cậu lần nữa, chào cậu bằng một giọng rất đỗi buồn rầu. Cậu bé cảm động chào tất cả mọi người và quay về.

Những người kia lại lên đường, chìm đắm trong suy tư, hai phụ nữ đi trước và Rendô đi sau để bảo vệ họ. Luxia nắm chặt cánh tay mẹ và nhẹ nhàng khéo léo gạt đi sự giúp đỡ của chàng trẻ tuổi muốn dành cho cô ở những quãng khó khăn trong cuộc hành trình qua các cánh đồng này. Mặc dầu trong cơn bối rối, cô vẫn cảm thấy sượng sùng thế nào ấy khi đứng quá lâu một mình với anh và quá thân mật, vậy mà cô đã hy vọng chỉ một chốc lát thành vợ anh. Bây giờ khi mà giấc mộng ấy tan vỡ thật đau đớn, cô lại hối hận vì đã sợ, giờ đây cô lại thêm một lý do run sợ nữa là vì hổ thẹn, không phải sự hổ thẹn sinh ra từ nỗi buồn biết mình đã làm việc xấu, mà sự hổ thẹn vô ý thức nó giống như nỗi sợ của một đứa bé run lên trong bóng tối mà không biết vì sao.

- Còn ngôi nhà? - Bà Anhedơ bỗng nói. Nhưng dù vấn đề này có quan trọng đến mấy cũng không ai trả lời bà, vì không ai có thể đưa ra một câu trả lời thỏa đáng. Họ lặng lẽ đi tiếp và chẳng mấy chốc họ cũng đến quảng trường nhỏ trước nhà thờ tu viện.

Rendô đến gần cổng và khẽ đẩy cổng: cổng mở, và qua ô cổng, mặt trăng chiếu rọi khuôn mặt xanh xao và chòm râu bạc của cha Crixtôfôrô đang đứng đó chờ họ. Trông thấy đầy đủ cả, ông nói: "Nhờ ơn Chúa!" và ra hiệu cho họ vào. Đứng bên ông là một thầy tu khác. Đó là thầy tu phục vụ trong nhà thờ mà ông đã phải van nài và dưa ra bao nhiêu lý lẽ mới

thuyết phục được cùng thức với ông, để cánh cổng khép hờ, và đứng gác ở đây để đón những con người khốn khổ đang mắc cạn; và cha Crixtôfôrô phải có uy tín lớn và nổi tiếng là con người trong sáng lắm mới có thể được thầy phục vụ chiều theo cái việc làm vất vả, nguy hiểm, và trái quy tắc. Cha Crixtôfôrô từ từ khép cánh cổng sau khi họ đã vào nhà. Thế là thầy phục vụ không thể nén mình nữa, gọi cha ra một nơi và thì thầm bên tai cha: "Nhưng mà, thưa cha, thưa cha, đêm hôm... trong nhà thờ... với phụ nữ... đóng cửa lại... quy tắc... nhưng mà, thưa cha!" - và thầy lắc đầu.

Trong khi thầy ấp úng một cách khó nhọc những lời ấy, cha Crixtôfôrô suy nghĩ: "Xem nào, nếu phải một tên cướp bị truy nã, thầy Fadiô sẽ cho nó vào chẳng khó khăn gì. Vậy mà với một cô gái vô tội đáng thương vừa thoát khỏi nanh vuốt chó sói..." - *Omnia munda mundis*"[1], cha bèn nói, đột nhiên quay lại thầy Fadiô, quên bẵng là thầy không hiểu tiếng La tinh. Nhưng chính do sự lãng quên ấy mà những lời này phát huy được hiệu lực. Nếu cha lại bắt đầu chất vấn và lý sự, thầy Fadiô cũng sẽ không hiểu gì lý lẽ và đối lại, và có trời biết đến khi nào và như thế nào cuộc tranh cãi mới kết thúc. Nhưng, chỉ mới nghe những lời nói ngang đấy ý nghĩa bí hiểm, và tuyên bố với một giọng rất quả quyết, thầy cho rằng chúng hẳn phải chứa đựng lời giải đáp cho tất cả mọi nghi ngờ của thầy. Thầy yên lòng và nói:

- Thôi được! Về việc này cha hiểu biết hơn tôi.

- Thầy cứ tin cậy ở tôi, - cha Crixtôfôrô đáp và, dưới ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn trước bàn thờ, ông đến bên những người tị nạn đang bồn chồn chờ đợi, và nói với họ: - Các con!

---

[1] "Tất cả đều trong sáng với những người trong sáng" (Thánh Pôn, "Thư gửi Titô", I, 15) (tiếng La tinh).

Các con hãy cảm tạ Chúa đã cứu các con thoát khỏi một tai nạn tầy đình. Có thể ngay giữa lúc này đây...! - Và thế là ông bắt đầu giải thích những gì ông đã truyền đạt qua cậu bé đưa tin: bởi vì không thể ngờ rằng về việc này họ lại biết nhiều hơn ông, ông cho rằng Mênicô đã gặp họ yên ổn trong nhà trước khi bọn cướp đến. Không ai cải chính sự hiểu lầm của cha, ngay cả Luxia cũng vậy, nhưng cô thầm tự trách mình đã giấu giếm một chuyện như thế với một người như vậy. Nhưng đêm này chẳng phải là cái đêm của những vụ lộn xộn và những mưu mô lừa đảo đó hay sao?

- Sau sự kiện này, - cha nói tiếp, - các con ạ, các con đã thấy rõ đất này không còn an toàn cho các con nữa. Đây là quê hương của các con, các con đã sinh ra ở đây, các con không làm hại ai, nhưng Chúa đã muốn vậy. Đó là một thử thách, các con ạ, mà các con phải bền gan chịu đựng, với lòng tin, không thù oán, và các con hãy tin chắc rằng sẽ có ngày các con hài lòng về những gì xảy ra hôm nay. Về phần ta, ta đã nghĩ đến việc tìm cho các con một nơi ẩn náu, tạm thời trong lúc này. Chẳng bao lâu, ta hy vọng, các con sẽ có thể yên ổn trở về nhà mình; tù thế nào đi nữa Chúa cũng chăm lo cho các con và giải quyết tốt đẹp mọi lợi ích của các con; còn ta, các con hãy tin chắc rằng ta sẽ cố gắng không để phụ ơn Chúa, khi Chúa đã ban ơn ấy cho ta bằng cách chọn ta làm người thừa hành của Chúa, bằng cách giao cho ta việc giúp đỡ các con, những kẻ bị đầy đọa đáng thương và yêu quý của ta. Các con ạ, - ông hướng về hai phụ nữ nó tiếp, - các con có thể đến ở tạm +++. Tại đó các con sẽ có thể tránh được mọi nguy hiểm, và đồng thời cũng không xa nhà các con quá. Các con hãy đi hỏi tu viện ở đâu, nhờ gọi đức cha tu viện trưởng ra và đưa cha bức thư nay; Đức cha sẽ là một cha Crixtôfôrô khác của các con.

Cả con nữa, Rendô yêu quý của ta, trong lúc này con cũng phải lẩn tránh cơn giận dữ của những kẻ khác và cả cơn giận dữ của con. con hãy mang lá thư này đến gặp cha Bônavăngtuya đơ Lôđi, tại tu viện ở Cửa đông tháp Milăng. Ông sẽ là một người cha của con, sẽ chỉ bảo con, sẽ tìm việc cho con làm cho đến khi con có thể trở về sống yên ổn ở đây. Các con hãy men theo bờ hồ đến gần cửa sông Bion. (Đó là một dòng thác chảy cách Pexcarênicô vài bước). Tại đây các con sẽ thấy một chiếc thuyền đang đậu. Các con gọi: "Thuyền!"; người ta sẽ hỏi các con gọi thuyền cho ai. Các con đáp: "Cho Thánh Frăngxoa". Người trên thuyền sẽ chở các con sang bờ bên kia, tại đây các con thấy một xe ngựa sẽ đưa các con thẳng đến +++.

Còn nếu ta muốn hỏi cha Crixtôfôrô làm thế nào có thể bố trí những phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ này nhanh như vậy, thì đó là ta không hiểu gì về quyền lực một thầy tu dòng đạo hành khất vốn được quý trọng như một ông thánh.

Còn lại vấn đề trông coi nhà cửa. Các chìa khóa được giao cho Đức cha, để sẽ chuyển đến những người mà Rendô và bà Anhedơ nhờ cậy. Bà Anhedơ lấy chìa khóa trong túi ra, thở dài sườn sượt khi nghĩ rằng nhà mình lúc này đang bị mở toang, lũ người ma quỷ đã sục sạo trong đó, và ai biết có còn gì để mà trông coi nữa!

- Trước khi các con đi, - Đức cha nói, - tất cả chúng ta hãy cùng cầu Chúa, để chúa ở bên các con trong cuộc hành trình này và mãi mãi; và nhất là để Chúa ban cho các con sức mạnh, ban cho các con lòng mong muốn những điều Chúa đã mong muốn.

Nói xong, ông quỳ xuống giữa nhà thờ và tất cả cùng quỳ

theo. Sau khi đã cầu nguyện một lúc trong im lặng, Đức cha, bằng một giọng khẽ nhưng rành rọt, nói những lời sau: - chúng con cũng cầu nguyện cho cả con người vô phước đã đẩy chúng con vào tình cảnh này. Chúng con sẽ không xứng đáng với lòng nhân từ của Chúa, nếu chúng con không hết lòng cầu xin Chúa ban cho người kia lòng nhân từ cần cho ông ta biết bao! Chúng con, trong cảnh bất hạnh của mình, chúng con có niềm an ủi được đi trên con đường Chúa đã chỉ ra: chúng con có thể kính dâng Chúa những nỗi đau khổ của chúng con, và những nỗi khổ ấy liền được đến bù. Nhưng còn ông ta!... Ông ta là kẻ thù của Chúa. Con người vô phước! Dám đọ sức với Chúa! Lạy Chúa, xin chúa rủ lòng thương ông ta, làm cho ông phải động lòng, cải hóa ông thành người biết kính Chúa, xin Chúa ban cho ông tất cả mọi phước lành mà chúng con có thể mong ước cho chính bản thân chúng con.

Rồi ông đứng bật dậy và nói: - Đi thôi, các con, không còn thời gian để chùng chình nữa: cầu Chúa bảo vệ các con, và đấng thiên thần của Chúa là bạn đường của các con. Đi đi.

Và khi họ sắp sửa lên đường, cha Crixtôfôrô với niềm xúc động không sao tả xiết, nói thêm bằng một giọng đã lạc hẳn đi:

- Tấm lòng của cha mách bảo cha rằng chẳng bao lâu chúng ta sẽ lại gặp nhau.

Tất nhiên, tấm lòng, với người nào lắng nghe nó, bao giờ cũng có cái gì để nói về những sự việc sẽ tới. Nhưng tấm lòng thì biết được gì? Nó chỉ hơi biết được một phần nhỏ những điều đã xảy ra thôi.

Không chờ đáp lại, cha Crixtôfôrô đi về nhà kho đồ thánh. Các khách lữ hành của chúng ta rời khỏi nhà thờ và thầy Fadiô ra đóng cửa, cả thầy nữa cũng chào tiễn biệt họ bằng một giọng thật cảm động. Họ lặng lẽ đi đến nơi đã dặn bên bờ

hồ, thấy chiếc thuyền đã sẵn sàng: và, sau khi trao đổi mật khẩu, họ trèo lên thuyền. Bác lái đò thúc mũi chèo vào bờ đẩy thuyền ra rồi cầm lấy mái chèo kia và chèo bằng cả hai tay đưa thuyền ra giữa hồ hướng về bờ đối diện. Gió lặng như tờ. Mặt hồ trải rộng phẳng như một tấm gương; nó dường như bất động nếu không có ánh trăng phản chiếu từ trời cao khẽ run rẩy và rập rờn trên mặt nước. Người ta chỉ nghe thấy tiếng sóng nhè nhẹ uể oải vỗ lên bờ sỏi, tiếng nước róc rách xa xa va vào các trụ cầu, và tiếng oàm oạp đều đều của hai mái chèo khua mặt hồ xanh, cùng nhịp nhàng nhô ra khỏi mặt nước, ướt ròng ròng, để rồi lại chìm xuống. Làn nước rẽ ra trước mũi thuyền rồi nhập lại sau thuyền thành một dải lăn tăn mỗi lúc một xa bờ. Hành khách im lặng, quay đầu lại phía sau, ngắm nhìn những ngọn núi và cả vùng quê ngập trong ánh trăng nhưng vẫn còn đây những khoảng tối sẫm. Họ nhận ra các làng xóm, các ngôi nhà, các túp lều tranh: tòa lâu đài của Đôn Rôđrigô, với cái tháp dẹt của nó nổi lên sừng sững trên những căn nhà nhỏ chen chúc dưới chân ngọn đồi nhô ra bên hồ, có vẻ như một tên cướp hung dữ trong bóng tối, thức giữa đồng bọn ngủ say, và nghiền ngẫm một tội cá nào đó. Luxia nhìn tòa lâu đài ấy và rùng mình. Mắt cô lướt theo sườn dốc xuống tận làng, chăm chú nhìn những ngôi nhà ở cuối làng, tìm thấy nhà mình, thấy vòm lá rậm rạp của cây sung, cao vượt bức tường sân, nhìn thấy cửa sổ buồng cô. Thế là, cứ ngồi như thế ở cuối thuyền, chống khuỷu tay lên mạn thuyền, đầu gục trên bàn tay như để ngủ, cô nức nở khóc thầm.

Tạm biệt, những quả núi từ mặt nước nhô ra và vươn cao lên trời, những ngọn núi nhấp nhô vô cùng quen thuộc với con người lớn lên giữa các bạn, và khắc sâu trong tâm khảm con người ấy như nét mặt những bà con thân thiết nhất của anh;

những dòng suối chảy xiết mà anh nhận ra được tiếng róc rách chẳng khác gì âm thanh những giọng nói quen thuộc; những ngôi nhà, các vệt trắng trên sườn dốc, như những đàn cừu đang gặm cỏ... tạm biệt! Buồn thay bước chân con người đã lớn lên giữa các bạn và bây giờ phải xa lìa các bạn! Ngay cả với người tự nguyện ra đi, được quyến rũ bởi hy vọng làm giàu ở nơi khác, thì vào giờ phút chia tay này những giấc mộng giàu sang cũng mất hết vẻ đẹp mê hồn của nó; anh ngạc nhiên tại sao mình đã có thể quyết định một điều như thế, và hẳn sẽ quay lại nếu anh không nghĩ là sẽ có ngày trở về giàu có. Bước chân anh càng đi càng xuống đồng bằng thì con mắt anh càng quay đi, chán chường và mệt mỏi, không muốn nhìn cái khoảng không bao la đơn điệu ấy; khí trời đối với anh có lẽ ngột ngạt và thiếu sự sống; anh buồn rầu và lơ đãng đi vào những thành phố ồn ào: nhà nọ tiếp nhà kia, phố này liền phố khác dường như làm anh nghẹt thở; và trước những dinh thự mà khách lạ phải trầm trồ thán phục, anh tưởng nhớ, với một nỗi thèm muốn bồn chồn, đến cánh đồng nhỏ ở quê anh, đến ngôi nhà giản dị mà anh đã để ý từ lâu và sẽ mua khi anh giàu có trở về với miền núi của mình.

Nhưng biết nói thế nào về một cô gái chẳng bao giờ thoáng có ước muốn đi ra ngoài khoảng núi non kia, đã gửi gắm ở đây tất cả dự định tương lai của mình, và đã bị đuổi ra khỏi nơi này bởi một thế lực bạo tàn! Một cô gái cùng một lúc thấy những thói quen thân thiết nhất của mình bị cướp đi, những hy vọng quý báu nhất của mình bị tan vỡ, và và phải lìa bỏ vùng núi quê hương để đi đến với những người xa lạ mà cô chẳng hề muốn làm quen, còn ngày về thì mờ mịt không biết đến bao giờ!

Tạm biệt, mái nhà thân thích, tại đây ngồi với những ý

nghĩ thầm kín của mình, cô đã học phân biệt, giữa tiếng chân mọi người khác, tiếng chân của con người cô hằng chờ đợi với một nỗi e sợ khó hiểu. Tạm biệt, ngôi nhà lúc này còn là của người khác, nhưng cô đã bao lần đi qua liếc trộm vào, má ửng lên; ngôi nhà trong đó cô đã tưởng tượng ra cuộc sống êm đềm lâu dài của một người vợ. Tạm biệt, ngôi nhà thờ tại đây tâm hồn cô đã bao lần tìm thấy lại sự trong sáng khi hát những bài tụng ca dâng Chúa; tại dây một nghi lễ đã được hứa hẹn, được chuẩn bị cho cô; tại hơi thơi thở thầm kín của trái tim cô đáng lẽ đã được ban phước một cách trọng thể, tình yêu đã trở thành hợp pháp và thiêng liêng: tạm biệt! Người đã ban cho bạn bao niềm vui trong sáng chính là có mặt khắp nơi, và nếu có lúc nào Người làm vẩn đục niềm vui của những đứa con của Người, thì cũng chỉ để chuẩn bị cho chúng một niềm vui bền vững hơn và to lớn hơn.

Những ý nghĩ ấy hoặc đại loại như thế đã xáo động tâm hồn Luxia; và ý nghĩ của hai người bị đày ải kia cũng không khác bao nhiêu, trong khi con thuyền đưa họ tiến gần đến hữu ngạn sông Ađa.

Chương chín

Con thuyền va vào bờ làm Luxia giật mình, cô lén chùi nước mắt, rồi ngẩng đầu, như sực tỉnh giấc. Rendô lên bờ đầu tiên, rồi đưa tay đón bà Anhedơ, bà lại đưa tay cho con gái; và cả ba cùng buồn rầu cảm tạ bác lái đò. "Có gì đâu? - Bác đáp. - Chúng ta ở cõi trần này là để giúp đỡ lẫn nhau", và bác giật tay lại gần như ghê tởm, tưởng như người ta đã đề nghị bác đi ăn cắp, khi Rendô cố dúi vào bàn tay ấy một phần số tiền anh có trong người và buổi tối hôm ấy anh đã mang theo với ý định đền bù hậu hĩnh cho Đôn Apbôndiô vì công việc ông đã giúp anh, mặc dầu hoàn toàn bất đắc dĩ. Chiếc xe ngựa đã ở đó sẵn sàng: bác đánh xe đang đợi họ, chào họ và mời họ lên xe. Một tiếng "hù!" thét ngựa, roi vung lên quất ngựa, và họ lên đường.

Vị tác giả của chúng ta không miêu tả cuộc hành trình ban đêm này và không kể tên địa phương nơi cha Crixtôfôrô đã gửi hai người đàn bà đến, và thậm chí ông tuyên bố rõ ràng là ông không muốn nói điều đó. Lý do của sự làm thinh này, rồi chúng ta sẽ thấy ở những phần sau đây của cuốn truyện. Những sự rủi ro đến với lịch sử trong thời gian trú ngụ ở đây liên quan chằng chịt với những âm mưu bí mật của một người

hình như thuộc một gia đình rất có thế lực vào thời kỳ tác giả viết truyện.

Để giải thích cách cư xử kỳ lạ của người ấy trong trường hợp này, vị tác giả của chúng ta cũng đã phải kể lại vắn tắt cuộc đời trước kia trong đó gia đình giữ một vai trò mà rồi những ai muốn đọc câu chuyện về người ấy sẽ đánh giá. Những cái điều mà vị tác giả tội nghiệp này vì thận trọng muốn giấu chúng tôi, thì chúng tôi đã xoay xở tìm thấy được ở chỗ khác.

Một nhà sử học Milăng[1], khi buộc phải nhắc đến chính con người này, quả thật không kể tên người ra, cũng không nói tên địa điểm; nhưng ông cho biết đó là một thị trấn lâu đời và danh giá, chỉ còn thiếu cái tên gọi là thành phố thôi; ở một chỗ khác ông nói là con sông Lambrô chảy qua đây, ở chỗ khác nữa ông lại nói ở đây có một vị tổng tư tế. Đối chiếu những tài liệu ấy, chúng tôi rút ra kết luận chỉ có thể là Mônda. Trong kho tàng rộng lớn của những giả thiết bác học, tất nhiên người ta có thể tìm thấy những giả thiết tinh tế hơn, những vững chắc hơn thì vị tất. Chúng tôi cũng có thể, dựa trên những ức đoán cơ sở vững chắc, nói tên của dòng họ này, nhưng, mặc dầu nó đã tuyệt diệt từ lâu, chúng tôi vẫn muốn giữ kín tên nó để tránh khỏi phải xúc phạm thậm chí cả những người đã khuất, và để dành cho các nhà thông thái một đề tài nghiên cứu.

Vậy là tảng sáng được một lúc thì các khách lữ hành của chúng ta đã đến Mônda. Bác đánh xe bước vào một quán trọ, tại đây với tư cách là người vẫn qua lại trong vùng và quen

---

[1] Josephi Ripamontii, "Historiae Fatriaef" ("Lịch sử của Tổ quốc"), Decadis V, quyển VI, chương II, trang 358 và những trang tiếp. *(chú thích của tác giả)*

biết ông chủ quán, bác đặt cho họ một căn buồng và đưa họ đến đó. Rendô hết lời cảm ơn bác và cố ép bác nhận một ít tiền. Nhưng cũng như bác lái đò kia, bác đánh xe ngựa muốn có một phần thưởng khác, xa xôi hơn mà hậu hĩnh hơn: cả bác nữa cũng giật tay lại, và vội vã chạy đi trông nom con ngựa của mình.

Sau một buổi tối như chúng tôi đã miêu tả và một đêm mà ai cũng có thể hình dung ra được, qua đi trong những ý nghĩ rối bời, luôn luôn sợ một cuộc chạm trán khó chịu, dưới làn gió lạnh mùa thu, với những cái xóc liên tiếp của chiếc xe ngựa kém tiện nghi cứ nhè lúc họ vừa chợp mắt đã khua dậy một cách tàn nhẫn, thì giờ đây cả ba người cùng cảm thấy lạ lùng được ngồi trên một chiếc ghế dài vững chãi, bên trong một căn buồng, dù hết sức xuềnh xoàng. Họ ăn sáng, ít nhất cũng với khả năng mà thời buổi khó khăn cho phép, với số tiền ít ỏi lại còn phải lo tằn tiện cho những nhu cầu của một tương lai mờ mịt, và với cái vẻ uể oải ăn không ngon miệng. Cả ba người đều nghĩ đến bữa tiệc đáng lẽ họ đã phải tổ chức hai ngày trước đây, và mỗi người lại thở dài sườn sượt.

Rendô muốn nán lại Mônda ít nhất cả ngày, để xem hai người đàn bà ăn ở thế nào và giúp họ những việc đầu tiên để Rendô đi ngay. Họ bèn viện đến mệnh lệnh ấy, và hàng trăm lý do khác nữa: như vậy sẽ khiến mọi người bàn tán xôn xao... cuộc chia tay càng kéo dài thì càng đau khổ... và chẳng bao lâu anh có thể cho biết tin anh cũng sẽ biết được tin họ...; vì thế cho nên chàng trẻ tuổi quyết định ra đi. Họ cùng ước hẹn cố gắng gặp lại nhau càng sớm càng tốt. Luxia không che giấu những giọt lệ của mình, Rendô khó khăn mới kìm được nước mắt, anh nắm chặt bàn tay bà Anhedơ nghẹn ngào nói: "Tạm biệt" - rồi ra đi.

Hai người đàn bà hẳn sẽ hết sức lúng túng nếu không có bác đánh xe ngựa tốt bụng đã được lệnh dưa họ đến tu viện dòng đạo hành khất và giúp đỡ họ tất cả mọi điều cần thiết. Vậy là họ cùng đi với bác đến tu viện ấy, như người ta biết, chỉ cách Mônda vài bước chân. Tới cổng tu viện, bác đánh xe kéo chuông, xin gặp đức cha tu viện trưởng và trình thư với Đức cha ngay tại ngưỡng cửa.

- A! Thầy Crixtôfôrô! - Đức cha tu viện trưởng nói, nhận ra nét chữ. Giọng nói và vẻ mặt ông cho thấy rõ ông đã thốt lên tên một người bạn hết sức thân thiết. Cũng cần phải nói rằng trong thư cha Crixtôfôrô nhân hậu của chúng ta đã giới thiệu rất nồng nhiệt hai người đàn bà, và kể lại câu chuyện họ thật cảm động, bởi vì đức cha tu viện trưởng chốc chốc lại biểu lộ những cử chỉ ngạc nhiên và phẫn nộ; và, rời mắt khỏi bức thư, ông nhìn hai người đàn bà với một vẻ quan tâm và thương xót. Đọc thư xong, ông nghĩ một lúc, rồi nói: "Phải có bà *Xinhora* mới xong: nếu bà *Xinhora* chịu nhận cho việc này...".

Ông bèn gọi riêng bà Anhedơ ra một chỗ, trên quảng trường tu viện, hỏi bà vài câu và được giải đáp rõ ràng, rồi quay lại phía Luxia, ông nói với cả hai người: "Các bạn thân mến, tôi sẽ cố gắng xem; và tôi hy vọng có thể tìm cho các bạn một nơi ẩn náu rất chắc chắn, rất danh giá, cho đến khi nào Chúa tìm cho các bạn một nơi khác tốt hơn. Các bạn có muốn cùng đi với tôi không?"

Hai người phụ nữ cung kính tỏ vẻ ưng thuận. Vị tu sĩ lại nói:

- Tốt, tôi sẽ dẫn các bạn đến ngay tu viện của bà *Xinhora*, nhưng các bạn hãy đi cách tôi vài bước bởi vì miệng lưỡi thế gian độc ác lắm, và có trời biết họ sẽ thêu dệt những chuyện gì nếu họ trông thấy đức cha tu viện trưởng đi ngoài đường với một cô gái trẻ và đẹp... tôi muốn nói là đi với phụ nữ nói chung.

Nói vậy rồi ông tiến lên trước. Luxia đỏ mặt, bác đánh xe cười tủm tỉm và nhìn bà Anhedơ, bà cũng không thể nín được cười; và cả ba cùng đi theo vị tu sĩ, sau ông mười bước. Lúc này các người phụ nữ mới hỏi bác đánh xe cái điều họ đã không dám hỏi đức cha tu viện trưởng: - Bà Xinhora là ai thế?

- Bà Xinhora, - bác đánh xe đáp, - là một nữ tu sĩ, nhưng không như mọi người. Không phải vì bà là tu viện trưởng hoặc một bà nhất: trái lại, theo người ta nói, đó là một trong những nữ tu sĩ trẻ nhất. Nhưng bà là con dòng cháu giống: tổ tiên bà xưa kia là những người có địa vị cao sang, từ Tây Ban Nha đến, nơi gốc tích của những người cầm quyền; chính vì thế người ta gọi bà là Xinhora[1], ý nói đây là một bà lớn; và khắp vùng gọi bà như thế vì người ta nói rằng trong tu viện này họ chưa bao giờ có được người nào như bà; và bố mẹ bà, đang sống kia ở Milăng, là những người quyền thế, những người bao giờ cũng có lẽ phải, nhất là ở Mônda này, vì ông thân sinh ra bà mặc dầu không sống ở đây vẫn là người thế lực nhất trong vùng. Do đó bà có thể làm mưa làm gió trong tu viện, và ngay cả những người bên ngoài đối với bà cũng có sự kính nể đặc biệt, và khi bà đã định làm cái gì thì bao giờ bà cũng đạt được ý muốn: cho nên, nếu đức cha tốt bụng kia gửi gắm được bà và cô cho bà *Xinhora,* và nếu bà nhận lời, thì tôi có thể nói bà và cô ở đây cũng chắc chắn chẳng kém gì ở trên bàn thờ Chúa.

Đi đến gần cổng thị trấn, vào thời ấy được bảo vệ phía bên bởi một tháp canh cổ giờ đây đã đổ nát một nửa và một thành lũy pháo đài cũng đã đổ nát, (một số ít bạn đọc của tôi có lẽ có thể nhớ lại đã từng được trông thấy chúng nguyên lành), đức cha tu viện trưởng dừng chân và quay lại nhìn xem những

---

[1] *Sinhora:* tiếng Ý, có nghĩa là nữ lãnh chúa, nữ quý tộc, bà lớn.

người kia đã tới chưa; rồi ông qua cổng và đi đến tu viện, trước cổng tu viện cũng lại dừng chân lần nữa đợi nhóm người đi sau. Ông dặn bác đánh xe dừng một hai giờ nữa trở lại lấy thư trả lời: bác thưa vâng và từ biệt hai người dàn bà, họ hết lòng cảm tạ bác và nhờ bác chuyển biết bao lời gửi gắm của họ với cha Crixtôfôrô.

Đức cha tu viện trưởng dẫn bà mẹ và cô gái bước vào sân ngoài của tu viện, đưa họ vào buồng bác gác cổng, rồi tự mình đi hỏi han công việc. Một lúc sau ông quay lại, vẻ mặt tươi tỉnh, bảo họ đi theo ông; ông đến thật đúng lúc, vì hai mẹ con đang không biết làm thế nào gỡ ra khỏi những câu hỏi lục vấn của bà gác cổng. Khi đi qua cái sân thứ hai, ông dặn dò họ vài điều về cách cư xử đối với bà *Xinhora*.

- Bà rất có thiện cảm với các bạn, - ông nói, - và có thể ban cho các bạn đủ mọi điều tốt lành mà bà muốn. Các bạn hãy khiêm nhường và cung kính, hãy thật thà trả lời các câu hỏi bà thích đạt ra, còn nếu như không hỏi thì các bạn cứ mặc tôi.

Họ bước vào một căn buồng ở tầng dưới để từ đây đi sang phòng tiếp khách. Trước khi bước vào phòng tiếp khách, đức cha tu viện trưởng chỉ vào cái cửa và khẽ thì thào với hai người đàn bà: "Ở đó", như để nhắc nhở họ tất cả những điều ông đã dặn.

Luxia, vốn chưa bao giờ vào một tu viện, nhìn khắp quanh mình trong phòng tiếp khách tìm xem bà *Xinhora* ở đâu để chào bà, và rất ngạc nhiên vì chẳng thấy ai cả; khi trông thấy Đức cha và mẹ Anhedơ tiến đến một góc phòng, cô nhìn theo phía đó và thấy một cửa sổ hình thù lạ lùng, với hai chấn song sắt to và thưa cách nhau một bàn tay, và đằng sau những chấn song sắt ấy là một nữ tu sĩ đang đứng. Bà trạc hai mươi lăm tuổi, và thoạt trông ta có cảm giác là một phụ nữ đẹp,

nhưng một sắc đẹp dã tàn tạ, khô héo, có thể nói hầu như đang trên đà hủy hoại. Một tấm voan che mặt màu đen trùm trên đầu, kéo căng ra và rủ xuống hai bên, cách khuôn mặt khá xa; dưới tấm voan ấy, một dải bịt đầu bằng vải gai trắng khác nhưng không kém chói lọi; một khăn bịt đầu khác gấp nếp đóng khung lấy khuôn mặt và thắt lại dưới cằm, thành một khăn trùm thả xuống một chút trên ngực, che phủ cổ áo của một áo dài tu sĩ màu đen. Nhưng vầng trán ấy thường hay nhăn lại như bởi một cơn co bóp đau đớn, và khi ấy hai hàng lông mày đen châu lại vào nhau thật nhanh. Đôi mắt, cũng rất đen, thỉnh thoảng nhìn chòng chọc vào mắt mọi người với một vẻ xoi mói ngạo mạn; đôi khi chúng lại vội vã cụp xuống như muốn ẩn trốn đi; có lúc nào đó một nhà quan sát chăm chú có thể cho rằng chúng cầu xin sự âu yếm, mối đồng cảm, lòng thương hại. Vào những lúc khác, nhà quan sát ấy lại tưởng như bắt được trong đôi mắt này biểu hiện thoáng qua của mối hằn học lâu đời bị kìm hãm một cái gì đó có vẻ hăm dọa và dữ tợn; khi đôi mắt ấy nhìn trừng trừng vào chốn xa xăm, một số người tưởng như đọc được trong đó một vẻ thờ ơ kiêu hãnh, trong khi những người khác lại có thể cho rằng, chúng đang bị giày vò bởi một ý nghĩ kín đáo, một mối ưu tư quen thuộc tác động lên tâm hồn này còn mạnh hơn cả mọi vật xung quanh. Khuôn mặt xanh xao trông thanh nhã và duyên dáng, nhưng bị biến đổi, gày mòn do một sự suy nhược ngấm ngầm. Đôi môi, mặc dầu sắc hồng đã phai nhạt, vẫn nổi bật giữa làn da xanh xao ấy: những cử động của chúng, cũng như những cử động của đôi mắt, nhanh và linh hoạt, ý vị và bí hiểm. Thân hình bà cao và cân đối không được nhận thấy rõ do một sự chểnh mảng nào đó trong tư thế, hoặc bị méo mó vì những động tác đột ngột, thất thường và quá dứt khoát đối với

một phụ nữ, nhất là đối với một nữ tu sĩ. Ngay trong trang phục của bà, chỗ này chỗ kia có một cái gì đó hoặc là kiểu cách hoặc là sao nhãng cho thấy một nữ tu sĩ kỳ dị: áo nịt người của bà được trau chuốt với một vẻ đỏm dáng không phải của nhà tu hành, và chiếc khăn bịt đầu của bà để rủ ra bên thái dương một mớ tóc đen, nó chứng tỏ hoặc sự lãng quên, hoặc sự khinh thường phép tắc đã quy định phải để tóc ngắn kể từ sau buổi lễ long trọng nhận khăn trùm tu sĩ.

Tất cả những điều đó chẳng hề làm hai người đàn bà này ngạc nhiên, vì họ nào có quen phân biệt một nữ tu sĩ với một người khác; và đức cha tu viện trưởng, không phải mới nhìn thấy bà *Xinhora* lần đầu, cũng như bao người khác đã quen với những điều kỳ lạ toát ra từ con người và phong cách của bà.

Như chúng tôi đã nói, lúc này bà đang đứng bên song sắt, một bàn tay uể oải tì lên chấn song, những ngón tay trắng muốt nắm lấy thanh sắt, và bà nhìn chằm chằm vào Luxia đang ngập ngừng tiến lại.

- Thưa mẹ đáng kính, - đức cha tu viện trưởng cúi đầu nói, bàn tay đặt lên ngực, - đây là cô gái đáng thương mà mẹ đã hứa che chở trong vòng tay đầy quyền lực của mẹ; và đây là mẹ cô ta.

Hai người đàn bà được giới thiệu như thế cúi rạp mình xuống chào: nhưng bà *Xinhora* lấy tay ra hiệu ngăn họ lại, và quay về Đức cha nói:

- Tôi rất sung sướng nếu có thể giúp được gì cho những người bạn tốt của chúng tôi, các Đức cha dòng đạo hành khất. Tuy nhiên, - bà nói tiếp, - các người hãy kể tỉ mỉ hơn một chút câu chuyện cô gái này để tôi thấy rõ hơn tôi có thể làm gì giúp cô ta.

Luxia đỏ mặt cúi đầu.

- Thưa đức mẹ đáng kính, xin người biết cho rằng..., - bà Anhedơ vừa mở miệng nói, thì đức cha tu viện trưởng dưa mắt cắt ngang lời bà và đáp:

- Thưa lệnh bà *Xinhora* rất vinh hiển, cô gái này, như tôi đã nói với lệnh bà, là do một bạn đồng sự của tôi gửi gắm cho tôi. Cô ta đã phải lén lút rời bỏ quê hương để tránh những tai họa ghê gớm; và cô cần nơi ẩn náu trong một thời gian để có thể sống tại đó không ai biết, và không ai dám đến quấy rầy cô ngay cả khi...

- Tai họa nào? - Bà Xinhora ngắt lời. - Thưa cha tu viện trưởng, xin cha làm ơn đừng kể lại với tôi bằng những lời lẽ mập mờ như thế. Chắc cha cũng biết là các nữ tu sĩ chúng tôi thích nghe kể chuyện rõ ràng tỉ mỉ.

- Đó là những tai họa, - đức cha tu viện trưởng đáp, - mà với đôi tai thanh khiết của đức mẹ đáng kính, người ta chỉ được phép nói bóng gió xa xôi thôi...

- Ồ, tất nhiên, - bà *Xinhora* vội vã nói, mặt hơi đỏ lên một chút. Đấy có phải là sự thẹn thùng không? Nếu ta nhận thấy nỗi bực tức thoáng lộ ra cùng với sắc mặt đỏ lên này, thì hẳn ta có thể nghi ngờ sự thẹn thùng ấy, nhất là nếu ta so sánh nó với sắc đỏ thỉnh thoảng ửng trên đôi má của Luxia.

- Chỉ cần nói rằng, - đức cha tu viện trưởng lại nói, - một nhà quý tộc lợi dụng quyền thế... không phải tất cả những ông lớn trên đời này đều biết dùng những tặng phẩm của Chúa đem lại vinh quang cho Người và lợi ích cho đồng loại, như lệnh bà tối vinh hiển đây; vậy là một nhà quý tộc bạo ngược, sau một thời gian quấy rầy cô gái này bằng những thủ đoạn quyến rũ xấu xa không được kết quả gì, đã dám cả gan công khai hành hạ cô bằng bạo lực khiến cô gái khốn khổ phải bỏ nhà trốn đi.

- Lại gần đây, cô thiếu nữ, - bà *Xinhonra* nói với Luxia, lấy ngón tay ra hiệu cho cô tiến lại. - Ta biết, từ miệng đức cha tu viện trưởng nói ra chính là sự thật, nhưng không ai có thể biết rõ chuyện này hơn em. Chính là em phải nói ta hay cái nhà quý tộc ấy có đúng là một tên bạo ngược đáng ghê tởm thật không.

Bảo tiến lại, thì Luxia vâng theo ngay. Nhưng trả lời lại là việc khác. Một câu hỏi về một vấn đề như thế, ngay như do một người thân thích đặt ra, cũng đã làm cô lúng túng không ít. Huống chi lại từ miệng bà lớn này, và đặt ra với một vẻ châm chọc ngờ vực nào đó, khiến Luxia không còn tinh thần đâu mà trả lời nữa.

- Thưa lệnh bà *Xinhora*... thưa mẹ... đáng kính... - cô lúng búng, và hình như đó là tất cả những gì cô có thể nói được. Thế là bà Anhedơ, chắc chắn phải là người biết rõ chuyện này nhất sau Luxia, tự thấy mình được quyền đến giúp đỡ cô.

- Thưa lệnh bà *Xinhora* rất vinh hiển - bà nói, - tôi có thể chứng thực rằng con gái tôi đây thù ghét ông quý tộc ấy chẳng khác gì con quỷ thù ghét nước thánh: tôi muốn nói con quỷ chính là ông ta: nhưng xin lệnh bà tha thứ cho tôi nếu tôi ăn nói vụng về, vì chúng tôi là những người chất phác. Sự thật là con bé khốn khổ này đã hứa hôn với một chàng trai cùng tầng lớp chúng tôi, anh ta biết sợ Chúa và có thể hy vọng có một địa vị tốt đẹp; và nếu như cái ông linh mục ấy là một người khá hơn chút nữa theo như tôi hiểu... tôi biết là tôi nói đến một nhà tu hành, nhưng Đức cha Crixtôfôrô, bạn của đức cha tu viện trưởng đây, cũng là một nhà tu hành như ông ta vậy mà Đức cha là một người giàu lòng từ thiện, và nếu như cha có mặt ở đây thì người hẳn có thể chứng thực...

- Chưa ai hỏi đến mà bà đã khéo nhanh mồm nhanh

miệng vậy. - bà *Xinhora* ngắt lời với một vẻ kiêu ngạo và tức giận làm bà xấu hẳn đi. - Bà im ngay: tôi thừa biết là các bậc cha mẹ bao giờ cũng có một cách trả lời thay cho con cái mình!

- Bà Anhedơ bị sỉ nhục, liếc nhìn Luxia một cái như muốn nói: "Mày đã thấy mẹ mày khổ chưa, chỉ vì mày không chịu mở mồm ra!. Và cả đức cha tu viện trưởng cũng nhìn cô và hất đầu ra hiệu là đã đến lúc phải mạnh dạn lên và đừng để bà mẹ đáng thương lâm vào tình cảnh khó khăn ấy.

- Thưa lệnh bà *Xinhora* đáng kính, - Luxia nói, - tất cả những gì mẹ con đã nói đều là sự thật trăm phần trăm. Chàng trai đã ngỏ lời với con, - đến đây mặt cô đỏ bừng lên, - con đã nhận lời chàng bằng tất cả tấm lòng mình. Xin lệnh bà tha lỗi cho con nếu con nói năng quá tự do, nhưng đó là để lệnh bà đừng hiểu lầm về mẹ con. Còn đối với nhà quý tộc kia (cầu Chúa tha tội cho ông!), con thà chết còn hơn là rơi vào tay ông. Và nếu lệnh bà làm phúc che chở cho chúng con được sống yên ổn, vì chúng con đã bị đẩy đến nông nỗi đáng buồn phải đi ở nhờ và quấy rầy những người tốt bụng, nhưng biết làm sao khi ý Chúa đã muốn như vậy! Thì thừa lệnh bà *Xinhora,* lệnh bà cứ tin chắc rằng không ai có thể cầu nguyện cho lệnh bà thành tâm hơn là những người đàn bà khốn khổ chúng con.

- Ta tin lời em, - bà *Xinhora* nói, bằng một giọng đã dịu đi. - Nhưng ta vẫn muốn được nghe em thổ lộ chuyện này với riêng ta. Không phải vì ta cần những lời giải thích khác, hoặc những lý do khác rồi mới thỏa mãn những điều khẩn cầu của đức cha tu viện trưởng, - bà quay về phía ông nói ngay, với một vẻ lịch sự giả tạo. - Tôi đã nghĩ đến điều ấy rồi; và đây là những việc, theo tôi, có thể làm vào lúc này là tốt nhất. Bà gác cổng của tu viện mới cho cô gái út đi lấy chồng được mấy ngày nay. Những người đàn bà này có thể đến ở căn buồng bỏ trống

của cô gái ấy và thay cô ta trong những việc vặt cô vẫn làm xưa nay. Thật ra... - đến đây bà ra hiệu cho đức cha tu viện trưởng lại gần chấn song và hạ thấp giọng nói tiếp: - thật ra, với cảnh đói kém mấy năm nay, người ta không muốn tuyển người thay cô gái ấy, nhưng tôi sẽ đích thân nói với đức mẹ tu viện trưởng, và một lời nói của tôi... lại có sự khẩn cầu của đức cha tu viện trưởng... tóm lại tôi coi như công việc thế là xong.

Đức cha tu viện trưởng vừa cất lời cảm tạ, bà *Xinhora* ngắt lời ngay:

- Khách sáo làm gì: cả tôi nữa, khi cần tôi cũng sẽ biết nhờ cậy sự giúp đỡ của các Đức cha dòng đạo hành khất. Xét cho cùng, - bà nói tiếp với một nụ cười như thoáng đượm vẻ mỉa mai chua chát, - xét cho cùng thì chúng ta chẳng phải là anh em đó sao?

Nói xong, bà gọi một bà xơ hầu (trong số các bà xơ hầu hạ có hai người được dành riêng để phục vụ cá nhân do một chế độ ưu đãi đặc biệt), và ra lệnh cho bà xơ hầu đi báo trước cho đức bà tu viện trưởng biết mọi chuyện này, rồi sau đó đi thu xếp công việc với bà gác cổng và bà Anhedơ. Bà cho bà Anhedơ về, cáo từ đức cha tu viện trưởng, và giữ Luxia ở lại.

Đức cha tu viện trưởng cùng đi với bà Anhedơ ra đến cổng, tiện thể căn dặn thêm những điều cần biết và tự mình viết một bức thư cho cha Crixtôfôrô để báo ông biết tất cả mọi điều. "Cái bà *Xinhora* này quả là kỳ quặc! - trên đường về ông nghĩ. - Bà ta thật hiếu kỳ! Nhưng nếu ta biết đánh vào tấm lòng tốt của bà, thì ta vẫn có thể khiến bà ta làm tất cả mọi điều ta muốn. Ông bạn Crixtôfôrô chắc hẳn đâu có ngờ mình đã làm người mới tốt làm sao! Không thể khác được: bao giờ ông ấy cũng phải dính vào một chuyện gì đó; nhưng ông làm thế cũng chỉ vì việc thiện. May mà lần này ông đã tìm một

người bạn giúp ông thu xếp công việc thật chóng vánh mà êm thấm, không có gì rắc rối. Ông bạn Crixtôfôrô tốt bụng ấy hẳn sẽ hài lòng, và ông sẽ thấy chúng tôi ở đây, chúng tôi cũng được việc đấy chứ".

Trước mặt một thầy tu dòng đạo hành khất bình thường, bà *Xinhora* đã cân nhắc mọi cử chỉ và lời nói của mình. Nhưng khi chỉ còn một mình với cô gái nông thôn trẻ người non dạ, bà chẳng cần tự kiềm chế nữa; và những câu chuyện của bà mỗi lúc một kỳ lạ đến nỗi đáng lẽ thuật lại ở đây, chúng tôi cho rằng nên kể lại vắn tắt lai lịch bà tu sĩ bất hạnh này thì hơn, vì điều đó cần thiết để giải thích những gì khác thường và bí ẩn mà ta đã thấy ở bà, và cũng để hiểu được những lý do về thái độ bà sau này.

Bà là con gái út của hoàng thân +++, một nhà đại quý tộc ở Milăng, có thể liệt vào hàng những người giàu có nhất trong thành phố. Nhưng vì tự đánh giá quá cao phẩm tước của mình nên ông cho rằng tài sản của ông chỉ tạm đủ, và thậm chí còn nghèo nàn, để duy trì danh giá dòng họ ông; và mối quan tâm duy nhất của ông là cứ giữ tài sản ấy mãi không bao giờ chia ra, chừng nào điều đó còn do ông quyết định. Cuốn truyện không nói rõ ông có bao nhiêu con, mà chỉ cho ta hiểu rằng ông đã hướng tất cả các con thứ, nam và nữ, theo cuộc đời tu hành, để giữ nguyên vẹn gia tài cho con trai cả có nhiệm vụ nối dõi tông đường, nghĩa là sinh con đẻ cái để rồi lại tự làm khổ mình cũng theo cách ấy. Ngay từ khi còn trong bụng mẹ, số phận cô bé bất hạnh của chúng ta đã được ấn định không sao tránh khỏi. Chỉ còn việc quyết định xem đó sẽ là một thầy tu hay một nữ tu sĩ; để có quyết định này người ta không cần đến sự ưng thuận của đứa bé, mà chỉ cần sự có mặt của nó.

Khi cô bé ra đời, hoàng thân cha cô, muốn cho cô một cái

tên gợi ngay đến cuộc đời tu hành, và là tên một nữ thánh dòng dõi cao quý, gọi cô là Giectơruyt. Những con búp bê trong trang phục nữ tu sĩ là những đồ chơi đầu tiên người ta đặt vào tay cô; rồi đến những tranh tượng nữ tu sĩ; khi tặng những quà ấy, bao giờ người ta cũng căn dặn cô bé phải giữ gìn chúng như những vật báu, và người ta dùng lối hỏi để khẳng định: "Đẹp thật, em nhỉ?" Khi hoàng thân, hoàng thân phu nhân hoặc công tử - cậu con trai duy nhất được nuôi dạy trong nhà - muốn khen bộ mặt tươi như hoa của cô bé, thì dường như họ không có cách diễn đạt nào khác là reo lên: "Thật là một đức bà tu viện trưởng!" Tuy vậy không ai nói thẳng ra với cô bé: "Em phải thành nữ tu sĩ". Đó là một ý hiểu ngầm, khi người ta nói đến tương lai cô. Nếu Giectơruyt đôi khi buông thả mình theo một hành động ngỗ ngược và hung hăng nào đó (và bản tính cô dễ thiên về cái đó), người ta lại nói với cô: "Em là một bé gái, và những thái độ ấy không hợp với em; bao giờ em làm bà tu viện trưởng, em sẽ chỉ huy tất cả, và tha hồ muốn làm gì thì làm". Đôi lần khác, khi vị hoàng thân quở mắng cô bé về một vài cử chỉ quá tự do và phóng túng do cô tự buông thả mình cũng dễ dàng như thế, ông nói với cô: "Chà chà! Đấy không phải những thái độ của một người ở địa vị như con: nếu con muốn sau này được người ta kính trọng một cách xứng đáng, thì ngay từ bây giờ con phải biết giữ mình: đừng quên con phải là người đứng đầu tu viện về mọi mặt, bởi vì đi đâu người ta cũng vẫn mang theo dòng máu của mình".

Tất cả những lời lẽ ấy đã khắc sâu trong tâm trí cô bé cái ý nghĩ hiển nhiên cô phải là nữ tu sĩ, nhưng những lời của cha cô có hiệu lực với cô hơn tất cả những lời khác cộng lại. Thái độ của hoàng thân thông thường là thái độ của một ông chủ khắc nghiệt; nhưng khi nói đến địa vị tương lai của con cái,

thì bộ mặt và mỗi lời nói của ông biểu lộ một sự quả quyết không gì lay chuyển nổi, một uy quyền đa nghi và ghen ghét nó cho ta cảm giác đó là một điều tất yếu không tránh khỏi.

Lên sáu tuổi, để được giáo dục, và hơn nữa để được hướng theo con đường đã định cho mình, Giectơruyt được đưa vào tu viện nơi ta đã gặp cô; và sự lựa chọn địa điểm này cũng không phải là không có ý định. Vị tu sĩ tốt bụng dẫn hai người đàn bà đến đây đã nói rằng ông thân sinh bà *Xinhora* là người quyền thế nhất ở Mônda: nếu ta đối chiếu chứng cứ này, - nó có giá trị của nói, - với một số chứng cứ khác mà vị tác giả vô danh của chúng ta đã vô ý để lộ ra chỗ này chỗ khác, thì ta thậm chí còn có thể khẳng định đó là vị chúa phong kiến của miền này. Dù thế nào đi nữa, ông cũng có uy thế rất lớn ở đây: cho nên ông cho rằng ở đây, hơn bất cứ ở nơi nào khác, con gái ông sẽ được hưởng nhiều sự ưu đãi và chiều chuộng và điều đó sẽ khuyến khích cô chọn tu viện này làm nơi ở vĩnh viễn của ông. Ông không lầm: bà tu viện trưởng và một vài nữ tu sĩ quý quyệt khác là những nhân vật, như người ta nói, đầu sỏ của tu viện rất đỗi vui mừng khi thấy người ta dâng mình cái vật bảo đảm của một sự bảo trợ hết sức có lợi trong mọi trường hợp và vào thời nào cũng vô cùng vinh dự. Họ nhận lời dề nghị và bày tỏ lòng biết ơn nồng nhiệt mà không hề cường điệu; họ thỏa mãn đầy đủ mọi ý định của hoàng thân đã hé ra muốn sắp đặt cho con gái mình một chỗ ở vĩnh viễn tại nơi này: những ý định ấy thật hợp với ý định của bản thân họ.

Vừa bước chân vào tu viện, Giectơruyt đã được gọi theo phép hoán xưng[1] là cô *Xinhora;* cô bé có chỗ dành riêng cho mình ở bàn ăn và phòng ngủ; hạnh kiểm cô được xem là mẫu

[1] Phép tu từ dùng danh từ chung thay cho danh từ riêng hoặc ngược lại (antonamase).

mực cho kẻ khác; cô bé luôn nhận được quà bánh và cử chỉ âu yếm kèm thêm một vẻ thân mật có phần kính nể khiến trẻ em rất thích khi chúng thấy vẻ thân mật này lại ở ngay những người thường đối xử kẻ cả với những trẻ em khác.

Tất nhiên, không phải tất cả mọi nữ tu sĩ cùng mưu mô như cô bé đáng thương vào bẫy. Nhiều người là những tâm hồn chất phác, xa lạ với mọi âm mưu, và chỉ riêng ý nghĩ hy sinh một cô gái cho những mục dích vụ lợi đã làm họ ghê tởm; nhưng vì ngập trong những công việc riêng của họ, có người không nhận thấy tất cả những thủ đoạn ấy, một số không nhận rõ tất cả những gì tai hại trong đó, những người khác thì không muốn xem xét vấn đề đến nơi đến chốn, hoặc lặng thinh để khỏi gây chuyện om sòm mà chẳng được việc gì. Cũng có vài người nhớ lại mình đã từng bị lôi cuốn bởi những thủ đoạn tương tự để làm những việc rồi sau này phải hối hận, cảm thấy thương hại cô bé thơ ngây tội nghiệp, và tự an ủi bằng cách dành cho cô những cử chỉ vuốt ve âu yếm và sầu muộn mà Giectơruyt không thể ngờ là có ẩn trong đó một điều bí mật. Và công việc cứ thế chạy đều. Có lẽ nó sẽ tới đích nếu Giectơruyt là cô thiếu nữ duy nhất trong tu viện này; nhưng trong số những bạn gái cùng học với cô, một số biết mình sẽ lấy chồng. Cô bé Giectơruyt, được nhồi nhét cái tư tưởng bề trên, hãnh diện đến số phận tương lai bà tu viện trưởng, bà chúa của tu viện, và cứ nhất định mình phải là đối tượng thèm muốn của người khác; nhưng cô ngạc nhiên và tức giận thấy một số bạn gái chẳng có chút nào thèm muốn số phận cô. Đối lập với những bức tranh tôn nghiêm, nhưng chật hẹp và lạnh lẽo, do ý nghĩ được làm một bà nhất của tu viện của tu viện có thể gợi lên những cô bạn ấy thường đưa ra những hình ảnh đa dạng và rực rỡ của những lễ cưới, những bữa ăn gia

đình, những cuộc trò chuyện, những bữa tiệc, những ngày nghỉ ở nông thôn, những áo quần đẹp đẽ, những đoàn tùy tùng ngựa xe. Và những câu chuyện ấy làm Giectơruyt xao xuyến, rạo rực cũng chẳng khác gì tác động của một lẵng hoa lớn đầy hoa tươi mới hái đặt trước một tổ ong. Cha mẹ cô và các bà giáo của cô đã ra sức vun trồng phát triển thói hiếu danh tự nhiên của cô, để làm cô ưa thích cuộc đời tu hành; nhưng khi dục vọng kia được kích thích bởi những quan niệm phù hợp hơn với bản tính cô, thì cô lao theo những quan niệm ấy với một nhiệt tình sôi nổi và hồn nhiên hơn nhiều. Để không chịu thua kém các bạn và đồng thời để thỏa mãn xu hướng mới của mình, cô trả lời rằng rốt cuộc không ai có thể bắt cô đi tu nếu cô không ưng thuận, rằng cô cũng có thể lấy chồng, ở một tòa lâu đài, và hưởng những khoái lạc trên đời hơn tất cả các bạn khác; rằng cô chỉ cần muốn là được, rằng cô sẽ muốn, cô đã muốn; và quả thật là cô đã muốn.

Ý nghĩ về sự cần thiết phải có sự ưng thuận của mình, cái ý nghĩ cho đến nay dường như không nhận thấy và ẩn náu ở một góc kín nào trong tâm trí cô, giờ đây phát triển và lộ ra với tất cả tầm quan trọng của nó. Từng giờ từng phút cô lại cầu cứu đến nó, để được yên tâm hơn mà tận hưởng những hình ảnh của một tương lai tươi đẹp. Nhưng ý nghĩ ấy tất yếu gợi lên một ý nghĩ khác: làm sao từ chối sự ưng thuận này với hoàng thân của cô, vốn đã xem hoặc làm ra vẻ xem như đó là việc đã rồi. Và cứ nghĩ đến điều ấy, tâm trí cô thiếu nữ lại thiếu hẳn sự tin tưởng mà cô vẫn nói ra mồm. Thế là cô so sánh mình với những bạn có sự vững tin khác hẳn ở tương lai họ, và cô đau đớn cảm thấy mình ganh tị với họ, thế mà thoạt tiên cô tưởng đã khiến họ phải ganh tị với mình, ganh tị với họ, cô cũng thù ghét họ: có khi sự hằn thù ấy trút ra thành

những hành động giận dữ, những cử chỉ xúc phạm, những lời nói châm chọc; có khi sự hợp nhau về những ham mê và hy vọng làm dịu bớt hằn thù của cô, tạo ra giữa cô và họ một vẻ thân mật bề ngoài và nhất thời. Khi thì, do muốn hưởng ngay không phải chờ đợi một khoái cảm thực tế và hiện tại nào đó, cô thỏa mãn với những đặc quyền dành cho mình ấy; khi thì, không thể sống cô độc với những lo sợ và những ham muốn của mình, cô đối xử thật dịu dàng để kết thân với các bạn, dường như để cầu xin ở họ mối thiện cảm, lời khuyên nhủ, sự khích lệ.

Chính giữa cuộc đấu tranh đáng thương hại ấy với bản thân mình và với người khác, cô đã qua tuổi ấu thơ và bước vào cái tuổi khủng hoảng khi tâm hồn dường như được thâm nhập một sức mạnh huyền bí nó nâng cao, tô đẹp và củng cố mọi ham thích, mọi ý nghĩ, và đôi khi biến đổi chúng và cho chúng một hướng đi bất ngờ. Cái mà Giectơruyt cho đến nay vẫn hình dung rõ ràng nhất và ôm ấp trong những giấc mộng tương lai của mình, đó là sự rực rỡ bề ngoài, là vẻ choáng lộn: bây giờ, một cái gì đó ngọt ngào và âu yếm, thoạt đầu chỉ như một làn sương mỏng lờ mờ trong những mơ ước của cô, đã bắt đầu phát triển và chiếm vị trí hàng đầu trong những mơ ước ấy. Cô đã tự tạo trong phần sâu kín nhất của tâm hồn mình có thể nói một nơi ẩn náu tráng lệ: chính tại đây cô ẩn mình để trốn tránh thực tế trước mắt, chính tại đây cô tiếp đón những nhân vật kỳ lạ tạo ra từ những kỷ niệm mơ hồ thời nhỏ, từ đôi điều cô thấy được ở thế giới bên ngoài, từ những gì cô đã biết qua các câu chuyện của bạn bè; và cô trò chuyện với các nhân vật ấy, bằng cách nói với họ rồi lại trả lời thay cho họ; chính tại đây cô ban ra những mệnh lệnh và đón nhận đủ mọi lời chúc tụng.

Thỉnh thoảng, những tư tưởng tôn giáo lại đến quấy rối những cuộc hoan lạc tưng bừng và mệt nhọc ấy. Nhưng cái tôn giáo này đúng như người ta đã dạy dỗ cho cô bé đáng thương của chúng ta, và đúng như cô đã hiểu, không loại bỏ tính kiêu ngạo, mà thậm chí còn thần thánh hóa nó và xin nó như một phương tiện để đạt tới hạnh phúc trần thế. Tôn giáo đã bị tước đi bản chất của nó như vậy thì không còn là tôn giáo nữa, mà là một ảo tưởng như mọi ảo tưởng khác. Khi cái ảo tưởng ấy chiếm vị trí hàng đầu và bao trùm trí tưởng tượng của Giectơruyt thì cô bé khốn khổ, bị xâm chiếm bởi những nỗi sợ hãi lờ mờ và một ý thức mơ hồ về bổn phận, nghĩ rằng việc ghê tởm cuộc đời tu hành và kháng cự lại những điều gợi ý của cha mẹ trong việc lựa chọn số phận mình là một tội lỗi; và cô tự hứa với mình sẽ chuộc tội bằng cách tự nguyện đi tu.

Luật lệ đã quy định rằng một cô gái không được phép đi tu khi chưa được sát hạch bởi một giáo sĩ gọi là thầy trợ tế của các nữ tu sĩ, hoặc bởi một giáo sẽ nào khác được chỉ định làm việc này, để bảo đảm rằng cô làm việc ấy hoàn toàn tự nguyện; và cuộc sát hạch này chỉ được tiến hành một năm sau khi cô đã trình bày ước nguyện ấy với thầy trợ tế trong một lá đơn viết tay. Khi nhận cái nhiệm vụ đáng buồn là dụ dỗ Giectơruyt dấn mình vĩnh viễn vào cuộc đời tu hành mà vẫn không ý thức được mấy về việc mình làm, các bà tu sĩ đã lợi dụng một trong những giờ phút mà ta đã vừa nói để làm cho cô chép và ký lá đơn ấy. Và để lôi kéo cô dễ hơn, họ không quên nói đi nói lại rằng rốt cuộc đây chỉ là một thủ tục bình thường nó chỉ có giá trị (và đúng vậy) sau nhiều việc làm khác phụ thuộc vào ý muốn của cô. Tuy vậy, cái đơn có lẽ còn chưa tới nơi nhận thì Giectơruyt đã hối hận vì mình đã ký. Rồi cô lại hối hận vì đã hối hận, cứ thế cô sống ngày này tháng khác

trong cảnh thường xuyên có những tình cảm trái ngược lần lượt diễn ra.

Trong thời gian dài - Giectơruyt giấu kín việc này với các bạn, khi thì sợ quyết định tốt đẹp của mình đưa ra sẽ bị phản đối, khi thì bởi vì cô xấu hổ không muốn để người ta thấy mình đã làm một điều ngu ngốc. Cuối cùng, chính là lòng khao khát thổ lộ tâm sự, cầu xin những lời khuyên nhủ và động viên đã thắng thế. Một luật lệ khác quy định rằng cô gái chỉ được nhận vào cuộc sát hạch hướng nghiệp ấy sau khi đã sống ít nhất một tháng ở ngoài tu viện, tại đó cô đã được dạy dỗ. Một năm qua đi kể từ ngày gửi đơn, Giectơruyt được báo cho biết chẳng bao lâu cô sẽ rời tu viện và được đưa về nhà cha cô, sống ở đó trong tháng này và làm tất cả những việc cần thiết để hoàn thành sự nghiệp mà trên thực tế cô đã bắt đầu. Vị hoàng thân và những người khác trong gia đình coi tất cả chuyện này là chắc chắn cũng như thể công việc đã xong xuôi rồi; nhưng trong đầu óc cô gái lại chứa đựng những điều khác hẳn: đáng lẽ tiến hành những bước khác, cô tìm cách quay trở lại bước đầu tiên. Với tâm trạng ưu phiền ấy, cô nhất quyết giãi bầy tâm sự với một cô bạn gái của mình, cô bạn thẳng thắn nhất, luôn sẵn sàng góp những lời khuyên quyết định. Cô bạn gợi ý với Giectơruyt nên viết thư báo ông thân sinh biết quyết tâm mới của mình, vì cô không đủ can đảm nói thẳng trước mặt ông một câu nói cương quyết: "Con không muốn". Và vì trên đời này chẳng mấy người chịu cho không những lời khuyên nhủ, cô bạn bắt Giectơruyt phải trả giá cho lời khuyên ấy bằng cách ra sức giễu cợt thói nhát gan của cô. Bức thư được thảo luận giữa ba bốn cô bạn thân tình nhất, viết giấu giếm, và gửi đi bằng những mưu mẹo tính toán thật kỹ càng. Giectơruyt chờ đợi, trong tâm trạng vô cùng lo lắng,

một lời đáp không bao giờ đến. Nhưng vài ngày sau, bà tu viện trưởng cho gọi cô đến buồng riêng của mình, và, với một vẻ bí mật và thương xót, bà nói bóng gió đến một cơn giận lôi đình của đức hoàng thân, đến một lỗi lầm nào đó chắc là cô đã phạm phải, đồng thời bà gợi ý cho cô hiểu rằng nếu cô biết đường ăn ở thì có thể hy vọng được tha thứ hết. Cô thiếu nữ hiểu và không dám hỏi gì thêm nữa.

Cuối cùng cái ngày thật đáng sợ và cũng là ngày cô hằng khao khát đã tới. Mặc dầu Giectơruyt biết rằng cô đang đi vào trận chiến đấu, nhưng được ra ngoài tu viện, rời khỏi những bức tường đã nhốt cô tám năm ròng, ngồi trên xe ngựa lăn bánh qua cánh đồng quê bao la, được nhìn lại thành phố, ngôi nhà mình, tất cả những cảm giác ấy làm tâm hồn cô tràn ngập một niềm vui rộn rã. Còn về trận đấu thì cô bé tội nghiệp, dưới sự chỉ đạo của các bạn bè thân tín, đã chuẩn bị sẵn sàng mọi cách đối phó và, như ta nói ngày nay, đã thảo ra kế hoạch hành động. "Hoặc là họ muốn ép buộc ta, - cô nghĩ, - và ta sẽ giữ vững, ta sẽ khiêm nhường, kín cẩn, nhưng ta không ưng thuận: tất cả vấn đề là ở chỗ không nói lên một tiếng "vâng" thứ hai nữa, và ta sẽ không nói. Hoặc là họ ngọt ngào thuyết phục và ta sẽ ngọt ngào hơn họ, ta sẽ khóc lóc, van nài, ta sẽ làm họ phải mủi lòng, bởi vì rốt cuộc tất cả những gì ta muốn chỉ là không bị hy sinh mà thôi!"

Thế nhưng, như ta thường thấy trong những dự kiến tương tự, không một trường hợp nào trong hai trường hợp đã dự tính lại xảy ra. Ngày này qua ngày khác không thấy cha cô hoặc bất cứ ai nói đến lá đơn của cô hoặc việc xin rút lá đơn ấy, không thấy ai đề nghị một điều gì với cô, không thấy những sự âu yếm, không thấy những lời dọa dẫm. Cha mẹ cô có một thái độ nghiêm nghị, buồn rầu, gắt gỏng đối với cô mà

không bao giờ nói lại sao. Người ta chỉ thấy hai ông bà nhìn cô như một kẻ có tội, một đứa con gái tồi tàn. Một sự bài xích bí mật dường như đè nặng lên cô và ngăn cách cô với gia đình, chỉ để lại cho cô những mối liên hệ nào khiến cô cảm thấy sự phụ thuộc của mình mà thôi. Rất ít khi và chỉ vào những giờ nhất định, cô mới được gặp gỡ cha mẹ và người anh cả. Giữa ba người này có một tình thân đặc biệt càng làm cho Giectơruyt cảm thấy rõ rệt và đau đớn tình trạng bị bỏ rơi của mình. Không ai nói gì với cô; và khi chính cô dánh bạo đưa ra vài lời, không thật hoàn toàn cần thiết, thì cũng chẳng ai để ý đến hoặc nghiêm nghị. Và nếu như, vì không thể chịu đựng mãi sự ghét bỏ cay đắng và nhục nhã đến thế, cô cố gắng bằng mọi cách nhích gần lại với những người thân, nếu như cô cầu xin một chút tình thương, thì lập tức cô được nghe một lời bóng gió gián tiếp nhưng rõ ràng về việc lựa chọn chí hướng của mình, và người ta nói úp mở cho cô hiểu rằng có một cách để lấy lại tình thương yêu của gia đình. Thế là Giectơruyt, vốn không ưng chịu điều kiện đó, buộc phải lùi bước, có thể nói là phải khước từ những dấu hiệu thiện cảm đầu tiên ấy mà cô hằng ao ước, phải trở về địa vị một kẻ bị rút phép thông công; và, đã thế, chính cô lại có vẻ là người có lỗi.

Những ấn tượng từ thực tế trước mắt ấy tương phản một cách đau xót với những hình ảnh tươi đẹp từng chi phối Giectơruyt và vẫn luôn luôn ngự trị tận đáy lòng cô. Cô đã hy vọng rằng, trong ngôi nhà tráng lệ của cha mẹ biết bao người lui tới, cô có thể được hưởng ít ra là một chút thực tế nào đó của tất cả những gì cô hằng tưởng tượng; nhưng cô thấy mình bị thất vọng về mọi mặt. Cô cũng bị giam cầm ngặt nghèo và triệt để như ở tu viện. Ngay cả một cuộc dạo chơi nào đó cũng không đặt ra; và một hành lang nhỏ nối liền nhà cô với một

nhà thờ kề bên thậm chí đã loại trừ khả năng duy nhất của cô để đi ra khỏi nhà.

Bạn bè của cô bây giờ buồn tẻ, ít ỏi và đơn điệu hơn ở tu viện. Mỗi lần có tin báo khách đến thăm, Giectơruyt phải leo lên tầng gác cuối để giam mình với mấy bà hầu hạ già cả; và cũng chính ở đây cô ăn uống khi gia đình mở tiệc thết khách. Trong mọi cách cư xử và ăn nói, những người hầu noi gương và làm theo ý định chủ họ. Theo bản tính của mình, Giectơruyt vẫn muốn đối đãi thân mật và cao thượng với họ, và trong tình cảnh hiện nay lẽ ra cô đã nhận được của họ vài biểu hiện của tình thương yêu giữa những người bình đẳng với nhau mà cô xem như một ân huệ, và thậm chí cô đã phải hạ mình cầu xin tình thương yêu ấy: nhưng mỗi cố gắng của cô ·i khiến cô bị sỉ nhục và càng tủi cực hơn vì thấy người ta chỉ ap lại bằng một sự lạnh nhạt rõ ràng, mặc dầu có kèm theo một chút tôn trọng giả tạo.

Tuy vậy cô không thể không nhận thấy một chàng thị đồng[1] khác hẳn những người kia, biểu lộ với cô một lòng kính trọng và một mối đồng cảm đặc biệt. Hình dạng chàng thiếu niên này có gì rất giống những con người lý tưởng mà Giectơruyt hằng mơ ước rất giống tất cả cái xã hội mà cô thường ngắm nhìn trong trí tưởng tượng của mình. Dần dần người ta nhận thấy có gì mới trong phong thái cô thiếu nữ: một cách bình thản, một cách lo âu khác trước, dáng vẻ của một người đã tìm thấy cái gì đó mà mình yêu quý chốc chốc lại muốn ngắm nhìn nó mà không để ai nhận thấy. Người ta càng canh giữ cô ngặt nghèo hơn bao giờ hết. Rồi đột nhiên,

---

[1] *Thị đồng* (page): một thiếu niên quý tộc được đi theo một bậc vương giả, lãnh chúa... để học nghề cung kiếm và làm tùy tùng, giúp việc cho ông ta.

một buổi sáng đẹp trời, một bà trong số những bà hầu phòng của cô bắt được cô đang lén lút gấp một mảnh giấy, mà đáng lẽ cô không nên viết gì cả trên đó thì hơn. Sau một hồi giằng co chóng vánh, mảnh giấy nằm trong tay mụ hầu phòng, và từ đó chuyển đến tay vị hoàng thân.

Khi Giectơruyt nghe tiếng bước chân cha cô, nỗi khủng khiếp ấy không thể nào tả xiết, cũng không thể hình dung được: chính là người cha ấy mà ta đã biết, ông đang nổi trận lôi đình, còn cô thì cảm thấy mình có lỗi. Nhưng khi cô trông thấy ông hiện ra trong cơn thịnh nộ, mảnh giấy cầm tay, thì không phải là cô muốn về tu viện nữa, mà muốn chui ngay xuống đất. Ông không nói nhiều lời, nhưng những lời thật khung khiếp; hình phạt được ban bố ngay chỉ có thể là giam chặt cô trong buồng dưới sự canh giữ của bà hầu phòng đã khám phá ra vụ này; nhưng đây chỉ mới là bước đầu, một biện pháp tạm thời; người ta hẹn với cô, người ta để cô lờ mờ cảm thấy một hình phạt khác bí hiểm không xác định, và do đó chỉ càng thêm khủng khiếp hơn.

Tất nhiên, cậu thị đồng lập tức bị ra khỏi cửa; anh chàng cũng bị đe dọa một hình phạt gì ghê gớm lắm, nếu anh bép xép về những chuyện đã xảy ra. Khi truyền lệnh đó với anh, vị hoàng thân giáng cho anh hai cái tát nên thân, để gắn vào câu chuyện rủi ro này một kỷ niệm khiến tên vô lại hết đường khoe khoang. Kiếm một cớ gì để giải thích việc đuổi một thị đồng không khó; còn về cô tiểu thư của hoàng thân, người ta nói rằng cô bị ốm.

Vậy là cô lại sống với nguồn cơn bối rối của mình, với sự si nhục, sự hối hận, nỗi lo sợ cho tương lai, không có bầu bạn nào khác ngoài người đàn bà mà cô thù ghét vì là nhân chứng về lỗi lầm và nguyên nhân nỗi khổ cực của cô. Bà này về phía

mình cũng thù ghét Giectơruyt, vì bà thấy chính vì cô mà mình bị đẩy vào cuộc đời cai ngục buồn tẻ không biết đến bao giờ mới thôi, hơn nữa bà lại suốt đời trở thành người cất giữ một bí mật nguy hiểm.

Sự xáo động tình cảm ban đầu của cô cuối cùng cũng dịu đi, nhưng rồi những tình cảm ấy lần lượt trở lại trong lòng cô, nảy nở lên trong đó và bám chặt lấy để càng ra sức làm tình làm tội cô hơn. Cái hình phạt mà người ta đe dọa cô một cách bí hiểm ấy có thể là cái gì? Nhiều hình phạt kỳ lạ khác được vẽ ra trong trí tưởng tượng sôi nổi mà thơ ngây của Giectơruyt. Khả năng lớn nhất, theo cô nghĩ, là lại bị đưa về tu viện Mônda, lại xuất hiện tại đây không phải là tiểu thư *Xinhora* nữa, mà như một con bé phạm tội, và bị giam cầm không biết đến bao giờ! Và không biết sẽ bị đối xử thế nào! Trong cái tương lai đau khổ mà cô tưởng tượng ra ấy, chính nỗi sợ bị sỉ nhục làm cô đau đớn nhất. Những câu, những lời, và cả đến những dấu phẩy của cái mảnh giấy khốn khổ trở đi trở lại trong ký ức cô: cô thấy chúng bị xét nét, bị cân nhắc bởi một người đọc thật bất ngờ và quá khác xa với con người gửi. Cô nghĩ bụng, chúng cũng có thể lọt vào mắt mẹ hoặc anh cô hoặc một người nào khác nữa ai mà biết được, và với ý nghĩ ấy tất cả mọi cái khác đối với cô dường như đều vô nghĩa.

Hình ảnh con người vốn là nguyên nhân ban đầu của tất cả vụ ô nhục cũng thường đến hành hạ cô gái bị giam cầm tội nghiệp này; và ta có thể hình dung cái bóng dáng ấy hiện lên kỳ quặc biết bao giữa các bóng dáng khác chẳng có chút nào giống nó trong vẻ đạo mạo, lạnh lùng, hăm dọa. Nhưng chính vì cô không thể tách rời cái bóng dáng này khỏi những bóng dáng kia, cũng không thể quay về trong chốc lát với những lạc thú ngắn ngủi mà không thấy hiện ngay trước mắt những đau

khổ hiện tại chính là hậu quả của những lạc thú ấy, cho nên cô dần dần ít gợi lại những lạc thú đó, cô xua đuổi những kỷ niệm về chúng, cô quên dần chúng đi. Cô không dừng lại lâu như trước, cũng không thích thú như trước nữa với những mơ ước vui tươi và rực rỡ ngày xưa: chúng đối lập quá gay gắt với hoàn cảnh thực tế và mọi hứa hẹn về tương lai. Tòa lâu đài duy nhất mà Giectơruyt hình dung có thể là một chốn nương náu êm đềm và danh giá, mà không phải là ảo tưởng, đó là tu viện, nếu cô quyết tâm vào ở đó suốt đời. Một quyết định như thế (cô không hề nghi ngờ điều này) sẽ thu xếp tất cả, sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ nần của cô, và sẽ thay đổi tình thế trong chớp mắt. Quả thật, một dự định như vậy ngược lại với những mộng tưởng của cả một đời cô: nhưng thời thế đã thay đổi, và trong cái vực thẳm Giectơruyt đã rơi vào, nếu so sánh với những điều cô có thể sợ hãi trong những lúc nào đó, thì địa vị một nữ tu sĩ được ưu đãi, kính nể, phục tùng đối với cô vẫn có vẻ dễ chịu thực sự. Hai thứ tình cảm khác hẳn nhau thỉnh thoảng cũng góp phần làm giảm bớt lòng thù ghét của cô đối với một tu viện: có khi là sự hối hận về lỗi lầm của mình và một lòng sùng đạo thiết tha; có khi là lòng kiêu hãnh bị châm chọc và nổi khùng lên vì thái độ mụ cai ngục, mụ này (nói cho đúng, thường bị cô khiêu khích đi đến thái độ ấy), để trả thù lại, hoặc đem hình phạt ra đe dọa cho cô sợ, hoặc làm cô phải xấu hổ về tội lỗi của mình. Rồi sau đó khi mụ muốn tỏ ra ân cần tử tế thì mụ lên giọng kẻ cả, còn đáng ghét hơn cả lời nhục mạ. Trong tất cả những trường hợp ấy, lòng mong muốn của Giectơruyt được thoát khỏi tay người đàn bà này và đối xử với mụ trong một tư thế có thể đặt cô đứng trên cả sự tức giận và lòng thương hại của một, lòng mong muốn vẫn thường có ấy lúc này trở nên mãnh liệt và thôi thúc đến nỗi

tất cả những gì có thể đưa đến sự thỏa mãn nó đối với cô đều có vẻ đáng yêu cả.

Sau bốn năm ngày đằng đẵng bị giam cầm, vào một buổi sáng, ghê tởm và tức tối đến cực độ bởi một việc làm ác độc của người coi giữ cô, Giectơruyt lui về một góc buồng và cô ngồi đây một lúc, tay ôm mặt cố nén cơn giận dữ của mình. Thế là cô cảm thấy một nhu cầu cấp bách được trông thấy những khuôn mặt khác, được nghe những lời nói khác, được đối xử một cách khác. Cô nghĩ đến cha, đến gia đình: dầu óc kinh hãi của cô vội từ bỏ ý nghĩ ấy. Nhưng khi nghĩ rằng chính là do cô quyết định những người này cô trở thành bạn mình hay không, cô bỗng cảm thấy một niềm vui đột ngột, tiếp theo là một tâm trạng vô cùng bối rối, một sự ăn năn cắn rứt khác thường về tội lỗi của mình, và một khát vọng chuộc tội cũng mãnh liệt như thế. Tất nhiên, quyết định ấy của cô chưa phải là đã dứt khoát, nhưng chưa bao giờ cô hăm hở nghĩ đến nó như vậy. Cô đứng lên, đi đến bàn, lại cầm lấy cây bút tai hại ấy và viết cho cha cô một bức thư vừa phấn khởi vừa chán chường, vừa phiền muộn lại vừa tràn trề hy vọng, van xin ông tha thứ, và, không cần nói cụ thể gì hơn, tỏ ra sẵn sàng làm tất cả những gì có thể làm vừa lòng con người đã phải tha thứ cho cô.

Chương mười

Tâm hồn người ta có những lúc, nhất là ở những người trẻ tuổi, ở trong một trạng thái mà chỉ cần một lời khẩn khoản nhẹ nhàng cũng có thể nhận được của họ tất cả những gì có vẻ như một việc thiện và một sự hy sinh: nó cũng tựa như một bông hoa vừa hé nở, khẽ đung đưa trên cành hoa mảnh dẻ, sẵn sàng tỏa hương thơm cho ngọn gió đầu tiên thoảng đến. Những giây phút ấy, đáng lẽ phải được mọi người cảm phục và tôn trọng với tất cả tấm lòng tế nhị, lại chính là những lúc mà thói xảo trá hám lợi chăm chú rình mò và chộp lấy để lung lạc một tâm hồn yếu đuối.

Khi đọc bức thư này, vị hoàng thân +++ thấy ngay cánh cửa đã mở để đi đến cái đích mà ông hằng lăm le đạt tới bấy lâu nay. Ông cho gọi Giectơruyt đến gặp ông; và, trong lúc chờ đợi, ông chuẩn bị để rèn thỏi sắt khi nó còn đang nóng. Giectơruyt trình diện trước mặt cha, và không dám ngước nhìn ông, cô quỳ xuống dưới chân ông, khó khăn lắm mới nói được: "Xin cha tha lỗi!" Ông ra hiệu cho cô đứng dậy, nhưng, với một giọng không phải để khích lệ, ông đáp rằng chỉ mong muốn hoặc cầu xin sự tha thứ ấy là chưa đủ, rằng điều đó quá dễ dàng và quá tự nhiên khi người ta đã phạm lỗi và sợ bị

trừng phạt, và nói tóm lại, người ta phải cư xử sao cho xứng đáng với sự tha thứ ấy. Giectơruyt run rẩy, và bằng một giọng yếu ớt, hỏi xem cô phải làm gì. Vị hoàng thân (lúc này đây chúng tôi không đủ can đảm tặng ông danh hiệu một người cha) không trả lời thẳng, mà bắt đầu nói dài dòng về tội lỗi của Giectơruyt: và những lời nói của ông đốt cháy tâm hồn thiếu nữ khốn khổ, như một bàn tay sù sì xát vào một vết thương. Ông nói thêm rằng, cho dù... nếu có khi nào... trước kia ông đã có ý định gây dựng cho cô trong cuộc đời thế tục, thì bây giờ chính cô đã tự dựng lên một trở ngại không thể vượt qua, bởi vì một nhà quý tộc, một con người danh giá như ông sẽ không bao giờ dám gả cho một người tử tế, một tiểu thư đã phơi bày cái phẩm giá của mình tốt đẹp đến thế. Nghe ông nói, cô bé đáng thương không còn hồn vía nào nữa: thế là vị hoàng thân dần dần dịu giọng xuống và lựa lời tiếp tục nói rằng đối với bất cứ tội lỗi nào cũng có cách chuộc tội và có sự khoan hồng; rằng về tội của cô cách chuộc tội đã có sẵn hết sức rõ ràng; rằng cô phải xem cái tai biến đáng buồn này như một sự cảnh cáo là cuộc đời thế tục đầy dãy chông gai đối với cô...

- Dạ vâng! - Giectơruyt kêu lên, hoảng hốt vì sợ hãi, bối rối vì xấu hổ, và lúc này bỗng nhiên thấy tràn ngập tình âu yếm trong lòng.

- A! Thế là con cũng đã hiểu điều ấy rồi, - vị hoàng thân lập tức bắt ngay lấy. - Thôi được, ta không nói chuyện cũ nữa: mọi sự đều xí xóa. Con đã chọn con đường danh giá và đúng đắn duy nhất còn lại cho con; nhưng vì con đã tự nguyện và vui lòng đi theo nó, bây giờ chính là cha phải làm cho con đường ấy thật dễ chịu đối với con về mọi mặt: chính cha phải làm sao trả lại cho con tất cả mọi đặc quyền đặc lợi cho con đáng được hưởng. Cha sẽ đảm nhận việc đó.

Nói vậy rồi ông lắc cái chuông trên bàn, và nói với người hầu khi bác bước vào: - Mời ngay phu nhân và công tử đến đây, - rồi ông tiếp tục nói với Giectơruyt:

- Cha muốn ngay tức khắc cho mẹ con và anh con cũng chia sẻ với cha niềm vui này, cha muốn tất cả mọi người ngay từ bây giờ đã phải bắt đầu đối xử với con một cách xứng đáng. Con đã được thể nghiệm một phần tính nghiêm khắc của cha con; từ nay trở đi con sẽ biết tình thương yêu đầy đủ của người.

Nghe những lời ấy, Giectơruyt cảm thấy có phần choáng váng. Khi thì cô tự hỏi làm sao mà cái tiếng "vâng" cô buột miệng nói ra ấy lại có thể nhiều ý nghĩa đến thế, khi thì cô tìm cách rút nó về, thu hẹp nghĩa của nó. Nhưng vị hoàng thân tỏ ra hoàn toàn tin tưởng, niềm vui của ông lên đến cực điểm, và lòng tốt của ông chính là gắn liền với những điều kiện như thế khiến cho Giectơruyt không dám hé môi nói một lời nào có thể khuấy đảo tình thế, dù chỉ là chút ít.

Một lát sau, hoàng thân phu nhân cùng công tử đến, và trông thấy Giectơruyt ở đó, họ ngập ngừng và ngạc nhiên chăm chú nhìn cô. Nhưng hoàng thân đã nói ngay, với một vẻ vui tươi và âu yếm thúc giục họ noi theo ông:

- Đây, con cừu non lạc lối của chúng ta: mong sao đó là lời cuối cùng nhắc lại những kỷ niệm đáng buồn. Và đây là niềm an ủi của gia đình ta. Giectơruyt không cần đến lời khuyên nhủ nữa: những gì chúng ta mong ước cho lợi ích của em, thì tự nó cũng đã mong muốn. Em nó đã quyết tâm, em nó đã nói với tôi rằng nó đã quyết tâm... - đến đây cô gái ngước nhìn cha với đôi mắt nửa kinh hãi nửa van lơn, như để xin ông đừng nói nữa, nhưng ông vẫn mạnh mẽ nói tiếp: - rằng nó đã quyết tâm theo cuộc đời tu hành.

- Hay lắm! Tuyệt vời! - Cả bà mẹ và cậu con trai đồng thanh reo lên, và lần lượt ôm chầm lấy Giectơruyt. Cô đón nhận những cử chỉ âu yếm ấy với đôi mắt đẫm lệ mà người ta cho là những giọt lệ vui mừng. Thế là vị hoàng thân bắt đầu giải thích cặn kẽ những gì ông sẽ làm để số phận cô con gái được hạnh phúc và rạng rỡ. Ông nói đến những vinh dự cô sẽ được hưởng trong tu viện và trong cả vùng này: rằng ở đó cô sẽ như một bà hoàng, như người đại diện của dòng họ; rằng khi nào lớn lên cô sẽ được nâng tới chức vị cao nhất, và trong khi chờ đợi, địa vị cô chỉ thấp về danh nghĩa mà thôi. Hoàng thân phu nhân và công tử luôn miệng nhắc đi nhắc lại những lời khen ngợi và tán thưởng. Giectơruyt như đang ở giữa giấc chiêm bao.

Bây giờ ta phải ấn định ngày nào sẽ đến Mônda đệ đơn với bà tu viện trưởng, - hoàng thân nói. - Bà sẽ hài lòng biết bao! Tôi cam đoan với cả nhà rằng toàn thể tu viện sẽ biết đánh giá niềm vinh dự mà Giectơruyt đem lại cho họ và ngay cả... à mà tại sao ta không đi ngay hôm nay nhỉ? Giectơruyt chắc hẳn cũng vui lòng đi dạo mát một chút chứ.

- Phải đấy, đi đi, - hoàng thân phu nhân nói.

- Để con bảo họ chuẩn bị, - công tử tiếp lời.

- Nhưng mà... - Giectơruyt lí nhí thốt lên.

- Khoan đã, khoan đã, - hoàng thân vội nói, - để em nó tự quyết định lấy, có lẽ hôm nay em hơi mệt, có lẽ em nó muốn để đến mai. Thế nào, con nói đi: con muốn chúng ta đi hôm nay hay ngày mai?

- Ngày mai, - Giectơruyt khẽ đáp, cô có cảm giác mình vẫn còn một quyền tự do hành động nào đó khi tranh thủ cái chút thời gian ngắn ngủi này.

- Ngày mai, - hoàng thân trịnh trọng nói. - Em nói đã

quyết định ngày mai. Trong khi chờ đợi, tôi sẽ đến gặp thầy trợ tế của các nữ tu sĩ, để ấn định ngày sát hạch.

Nói là làm, vị hoàng thân ra ngay khỏi nhà, tự mình đích thân (một sự hạ cố lớn về phía ông!) đến gặp thầy trợ tế ấy; họ hẹn với nhau hai ngày sau thầy trợ tế sẽ lại.

Trong suốt thời gian còn lại của ngày hôm ấy, Giectơruyt không có lấy một phút yên tĩnh. Cô cũng muốn nghỉ ngơi sau bao nhiêu xúc động, để cho, nếu có thể nói được như vậy, tư tưởng cô sáng suốt ra, để ý thức rõ ràng hơn những gì cô đã làm, những gì còn phải làm, biết được những ước muốn của mình, và hãm lại trong một lúc cái guồng máy chỉ vừa mới khởi động đã chạy nhanh vùn vụt; nhưng cô không có cách nào cả. Công việc nối tiếp nhau không dứt việc nọ đến việc kia. Hoàng thân vừa đi khỏi, người ta dẫn cô vào ngay khuê phòng của hoàng thân phu nhân để được ăn mặc và trang điểm, dưới sự hướng dẫn của phu nhân do chính bàn tay bà hầu phòng hầu hạ phu nhân. Việc ấy còn chưa xong người ta đã vào mời họ ra ăn trữa. Giectơruyt đi giữa những người hầu rạp mình xuống chào chúc mừng cô đã khỏe, và cô gặp mấy người bà con thân thích mới được vội vã mời đến để bày tỏ niềm hãnh diện về cô và cùng cô ăn mừng hai sự kiện tốt đẹp, sức khỏe cô đã bình phục và chí hướng cô đã lựa chọn.

Cô *Xpôxina*[1] (người ta gọi những cô gái trẻ chuẩn bị làm tu sĩ như vậy, và Giectơruyt vừa ló mặt ra đã được tất cả mọi người chào hỏi bằng cái tên ấy), cô *xpôxina* cứ phải luôn miệng đáp lại những lời chúc tụng giội đến như mưa từ bốn phía. Cô thấy rõ rằng mỗi lời đáp lễ của cô cũng như là một sự chấp nhận và khẳng định, nhưng làm sao có thể trả lời khác được?

---

[1] Người vợ trẻ.

Bữa trưa vừa xong thì đến giờ lên xe đi dạo chơi. Giectơruyt ngồi lên chiếc xe ngựa bốn bánh cùng với mẹ và hai người cậu đã được mời đến ăn trưa. Cuộc đi dạo thường lệ kết thúc tại Xtơrada Marina ở địa điểm ngày nay là công viên, và khi ấy là nơi các nhà quý tộc đi xe đến nghỉ ngơi sau những mệt nhọc ban ngày. Các ông cậu cũng trò chuyện với Giectơruyt theo thể thức hợp pháp với ngày hôm ấy: và một trong hai ông cậu, người có vẻ biết rõ hơn cả từng nhân vật, từng cỗ xe, từng kiểu đồng phục đầy tớ nhà quan, và lúc nào cũng có chuyện để nói về một nhà quý tộc này hoặc một phu nhân nọ, bỗng quay lại nói với cô:

- Chà, cô bé ranh mãnh! Cô gạt phăng tất cả mọi trò ngu xuẩn ngốc này; cô láu cá thật, cô bé ạ; cô để chúng tôi đứng đây chưng hửng với tất cả những nỗi buồn phiền của mình, những kẻ trầu tục khốn khổ chúng tôi, để cô rút về sống một cuộc đời cực lạc và ngồi xe ngựa lên thiên đường!

Chập tối họ mới về đến nhà. Những người hầu tay cầm đuốc vội vã chạy tới báo là có nhiều khách đang đợi họ. Tiếng đồn đã truyền đi, và họ hàng bè bạn kéo tới làm bổn phận của mình. Mọi người vào phòng khách. Cô *xpôxina* trở thành thần tượng, thành đồ chơi, thành nạn nhân của họ. Người nào cũng muốn giành cô về mình: người ta bắt cô phải nhận lời khao một chầu bánh, người ta hẹn sẽ đến thăm cô, người ta nói đến bà tu sĩ này là người trong họ, bà tu sĩ kia là bạn bè quen biết, người ta khoe khí hậu Mônda, người ta miêu tả dưới những màu sắc rực rỡ nhất vai trò quan trọng của cô tại đó. Những người còn chưa lại gần được Giectơruyt bị bao vây tứ phía như thế thì cố tìm dịp len đến bên cô, và tự trách mình còn chưa chào hỏi cô tử tế. Dần dần đám người thưa đi; mọi người ra về thỏa mãn, và Giectơruyt còn lại một mình với cha mẹ.

- Rốt cuộc, - vị hoàng thân nói, - ta có niềm an ủi thấy con gái ta được mọi người đối đãi xứng đáng với địa vị của nó. Tuy vậy, cũng phải nhận rằng nó đã cư xử rất chừng chạc, và đã tỏ ra là, để giữ vai trò bậc nhất ở tu viện và để bảo toàn danh dự của dòng họ, nó sẽ chẳng có gì phải lúng túng.

Họ ăn tối vội vàng, để lui về phòng mình ngay và để có thể sẵn sàng cho sáng sớm hôm sau.

Giectơruyt buồn rầu, bực bội, và đồng thời cũng có chút hãnh diện về tất cả những lời chúc tụng ấy, lúc này chợt nhớ lại nỗi khổ cực mà mụ cai ngục của cô đã bắt cô phải chịu; và, nhận thấy cha mình đang rất sẵn sàng chiều theo tất cả mọi ước muốn của mình, chỉ trừ một ước muốn, cô định nhân lúc thuận lợi này thỏa mãn ít nhất một trong những ham muốn đang giày vò cô. Cô tỏ ra hết sức ghê tởm phải ở với người đàn bà ấy, và rất phàn nàn về thái độ của mụ.

- Thế nào! - Hoàng thân nó. - Nó đã thiếu tôn trọng con ư! Ngày mai, ngày mai ta sẽ chỉnh cho nó một trận nên thân. Cứ mặc ta, ta sẽ cho nó biết là ai, và con là ai. Dẫu sao thì một người con mà ta đã vừa ý cũng không được thấy có bên mình một kẻ khó chịu như thế.

Nói xong, ông cho gọi một bà hầu phòng khác, và ra lệnh cho bà đến hầu hạ tiểu thư Giectơruyt: còn cô tiểu thư, ngẫm nghĩ lại và cố tận hưởng sự thỏa mãn của mình, ngạc nhiên thấy mình cũng chẳng vui thích bao nhiêu so với cái khát vọng trả thù đã có. Mặc dầu cô không muốn, cái cảm giác nổi nhất trong cô vẫn là thấy rằng ngày hôm nay mình đã đi một bước dài trên con đường đến tu viện, rằng để từ bỏ con đường ấy thì bây giờ có phải có nhiều sức mạnh và nghị lực hơn mấy ngày trước đây, thế mà cô lại cảm thấy mình không có được sức mạnh đó.

Người đàn bà đi theo cô về phòng là một bà già hầu hạ trong nhà, xưa kia đã là nhũ mẫu của công tử, đã chăm sóc cậu từ khi mới lọt lòng, đã nuôi nấng cậu cho đến tuổi thiếu niên, và đã hết lòng chiều chuộng cậu, xem cậu là niềm hy vọng và tất cả vinh dự của mình. Bà rất hài lòng về quyết định ngày hôm ấy, coi đó là hồng phúc của mình; còn Giectơruyt thì phải chịu đựng những lời chúc tụng, ca ngợi, khuyên nhủ của bà già mà cô thấy như một trò giải trí cuối cùng, và nghe kể lể về những bà cô bà dì nào đó rất vui lòng làm nữ tu sĩ, bởi vì, xuất thân từ dòng dõi cao quý này, họ luôn luôn nhận được những niềm vinh dự lớn, họ luôn luôn biết giữ lấy một phần tự do nào đó, và từ trong phòng tiếp khách của họ, họ đã đạt được nhiều điều mà những bà lớn có thế lực nhất cũng không đạt được trong phòng khách của mình. Bà lại nói đến những cuộc thăm viếng mà cô sẽ tiếp đón: và rồi, một ngày kia, hoàng thân công tử xẽ cùng đến với vợ mình chắc phải là một bà lớn có thế lực lắm; và thế là, không chỉ tu viện, mà khắp cả vùng này sẽ náo động lên. Bà già vừa nói vừa cởi áo ngoài cho Giectơruyt, bà tiếp tục nói khi cô gái lên giường nằm, và bà vẫn nói mãi khi Giectơruyt đã ngủ: tuổi trẻ và sự mệt mỏi mạnh hơn những nỗi ưu tư. Giấc ngủ của cô nặng nề, xáo động, đầy những cơn ác mộng, vậy mà nó chỉ bị gián đoạn bởi tiếng kêu the thé của bà già đến đánh thức cô dậy và nói với cô chuẩn bị lên đường đi Mônda.

- Dậy thôi, dậy thôi, tiểu thư *xpôxina*: trời sáng bạch rồi, và chờ cho đến khi tiểu thư ăn bận, trang điểm xong ít nhất cũng phải một tiếng đồng hồ nữa. Hoàng thân phu nhân cũng đang ăn mặc rồi, người ta đã đánh thức phu nhân dậy sớm hơn thường lệ bốn tiếng đồng hồ. Công tử đã xuống chuồng ngựa rồi trở lên, và công tử đã sẵn sàng đi ngay khi nào ta

muốn. Cái cậu ranh ấy, nhanh như con thỏ! Chà, vâng! Cậu ta bao giờ cũng thế, từ khi còn bé tí cơ; tôi có thể nói như vậy vì tôi là người đã bế ẵm cậu trên tay. Nhưng khi cậu đã sẵn sàng thì đừng để cậu phải đợi, bởi vì mặc dầu cậu là con người tốt nhất trần đời, câu vẫn sốt ruột và quát ầm lên. Cậu bé tội nghiệp! Không nên giận cậu làm gì: cái tính cậu như vậy; hơn nữa, lần nay không phải cậu vô cớ nổi nóng, bởi vì cậu vất vả chính là cho tiểu thư đấy. Liệu hồn người nào đụng đến cậu vào lúc này! Cậu không kiêng nể ai hết, chỉ trừ có Đức hoàng thân. Nhưng rồi một ngày kia, chính cậu sẽ là Đức hoàng thân; tuy vậy, mong sao cho ngày ấy đến càng muộn càng tốt. Dậy mau lên, dậy mau lên, tiểu thư! Kìa, tại sao tiểu thư lại nhìn tôi sững sờ như thế? Vào giờ này, đáng lẽ tiểu thư đã ra khỏi giường rồi mới phải.

Khi nghĩ đến hoàng thân công tử đang nóng ruột, tất cả mọi ý tưởng khác quay cuồng trong đầu Giectơruyt vừa tỉnh giấc lập tức tan biến như một đàn chim sẻ vụt bay đi trước sự xuất hiện của con diều hâu. Cô nghe lời, mặc vội áo quần, ngồi cho bà vú già chải đầu, và bước vào phòng khách tại đây cha mẹ và anh cô đã tề tựu đây đủ. Người ta đặt cô ngồi trong một ghế bành to và đưa đến cho cô một tách sô-cô-la, điều đó vào thời ấy cũng có nghĩa như nghi lễ nhận áo thụng nam giới ở những người La Mã xưa kia[1].

Khi người ta đến báo là ngựa và xe đã sẵn sàng, hoàng thân gọi con gái ra một bên và nói với cô:

- Mạnh dạn lên nào, Giectơruyt, hôm qua con đã làm vẻ vang cho con; hôm nay con phải tự vươn lên. Đây là lễ nhập

---

[1] Nghĩa là sự thừa nhận đã đến tuổi thanh niên. Ở La Mã cổ đại, người con trai khi đã đến tuổi thành niên được quyền mặc áo thụng (một thứ áo choàng dài rộng của người La Mã cổ đại).

môn long trọng vào tu viện và đến cái nơi con đã được chỉ định sẽ giữ địa vị thứ nhất. Người ta đang chờ đợi con... - Khỏi phải nói là hoàng thân đã cho người đến báo bà tu viện trưởng từ hôm trước. - Người ta đang chờ đợi con, và tất cả mọi con mắt sẽ đổ dồn vào con. Hãy giữ thái độ đàng hoàng và tự nhiên. Bà tu viện trưởng sẽ hỏi con muốn gì: đó là một thủ tục. Con có thể trả lời rằng con xin được nhận vào cuộc đời tu hành ở tu viện này, nơi con đã được nuôi dạy với biết bao ân tình và người ta đã hết lòng săn sóc con; mà đó hoàn toàn là sự thật. Con hãy nói lên mấy câu ấy thật thoải mái; để người ta không thể nói là có ai đá mớm lời cho con, và con không biết tự mình nói lấy. Các bà tu sĩ hiền lành ấy không biết gì về mọi điều đã xảy ra đâu: đó là một bí mật phải chôn vùi trong gia đình ta; cho nên con đừng mang bộ mặt rầu rĩ lo âu, khiến người ta có thể nghi ngờ. Con hãy cho họ thấy con thuộc một dòng dõi như thế nào; con hãy nhã nhặn, khiêm tốn; nhưng phải nhớ rằng ở nơi này ngoài gia đình con ra thì không còn kẻ nào đứng trên con được nữa.

Không đợi trả lời, hoàng thân đứng lên, theo sau ông là Giectơruyt, hoàng thân phu nhân và công tử; họ xuống cầu thang và bước lên xe. Đề tài câu chuyện dọc đường là những nỗi lo lắng và phiền muộn của trần thế, hạnh phúc của cuộc đời tu hành, nhất là với những cô gái trẻ dòng dõi cao sang. Vào cuối hành trình, hoàng thân nhắc lại với con gái những huấn thị của ông, dặn đi dặn lại công thức trả lời. Khi xe vào đến Mônda, Giectơruyt cảm thấy trái tim mình thắt lại; nhưng sự chú ý của cô lại tập trung trong chốc lát vào những nhân vật quan trọng nào đó ra ngăn xe lại và đọc lên những lời chúc mừng này nọ. Người ta lại lên đường, con ngựa hầu như đi bước một cho đến tận tu viện, giữa con mắt tò mò của những kẻ từ khắp các ngả đường chạy tới.

Khi xe dừng lại, trước những bức tường *ấy*, trước cánh cổng *ấy*, Giectơruyt lại càng thấy đau lòng hơn nữa. Họ bước xuống xe giữa hai hàng rào dân chúng, mà các người hầu phải ngăn giữ đứng xa ra. Tất cả những con mắt ấy nhìn chằm chằm vào cô gái đáng thương khiến cô phải thường xuyên kiểm soát tư thế của mình; nhưng còn đáng sợ hơn tất cả những cái nhìn này là đôi mắt của cha cô và mặc dầu đôi mắt ấy khiến cô sợ hết hồn, cô vẫn không thể ngăn mình chốc chốc lại đưa mắt nhìn sang chúng. Và chúng đã điều khiển mọi cử động và vẻ mặt của cô, như thể bằng những dây cương vô hình vậy.

Đi qua cái sân đầu tiên, họ bước vào một sân khác, và tại đây họ có thể trong thấy lối vào ngôi nhà trong của tu viện với cánh cửa mở toang, chật ních những nữ tu sĩ. Ở hàng đầu là tu viện trưởng đứng giữa các bà tu sĩ cao tuổi; sau đó là những nữ tu sĩ khác đứng lộn xộn, có người kiễng cả chân lên; ở hàng cuối là các bà sơ cần cù, đứng trên hàng ghế dài. Người ta cũng thấy đây đó lấp lánh những đôi mắt nhỏ ở lưng chừng giữa đám người, vài ba khuôn mặt thiếu nữ xinh xắn nổi bật giữa những chiếc áo dài đen: đó là những cô bé nhanh nhẹn và bạo dạn nhất trong đám nữ sinh nội trú đã cố luồn lách qua các bà tu sĩ và giành được một khe hở để nhìn thấy ít nhiều quang cảnh đó. Từ đám đông vang lên những tiếng hoan hô và vô vàn cánh tay vẫy vẫy, bày tỏ nỗi vui mừng chào đón. Họ đi đến cửa, và Giectơruyt đứng trước mặt bà tu viện trưởng. Sau những lời chúc mừng đầu tiên, bà tu viện trưởng bằng một giọng vừa vui vẻ vừa long trọng, hỏi Giectơruyt xem có muốn gì ở nơi này, một nơi mà không ai có thể từ chối cô điều gì cả.

- Con đến đây... - Giectơruyt bắt đầu. Nhưng vào lúc sắp nói lên những lời sẽ phải giải quyết gần như dứt khoát số

phận cô, thì cô lại ngập ngừng một lúc và nhìn chằm chằm vào đám đông trước mặt. Thế là cô trông thấy một trong những cô bạn mà chúng ta đã biết, cô nàng nhìn cô với một vẻ vừa thương hại vừa ranh mãnh dường như muốn nói với cô: "Chà! Con bé tinh quái thế mà cũng bị cột cổ lại rồi! Và cái nhìn ấy, đánh thức dậy trong cô tất cả những tình cảm cũ, cũng trả lại cho cô một chút lòng can đảm yếu ớt trước kia; và cô đã tìm ra câu trả lời khác với câu trả lời người ta dặn cô, nhưng khi ngước mắt lên nhìn vào mặt cha, như để thử sức mạnh, cô thấy ở đó một nỗi lo lắng căng thẳng, một vẻ nóng ruột đầy hăm dọa, khiến cô hoảng hồn vội vã quyết định ngay như để chạy trốn trước một vật khủng khiếp, và cô nói tiếp:

- Con đến cầu xin được khoác áo tu hành, tại tu viện này nơi con đã được nuôi dạy với biết bao ân tình.

Bà tu viện trưởng đáp ngay rằng bà rất tiếc là trong trường hợp này quy tắc không cho phép bà trả lời, câu trả lời chỉ có thể được ban ra từ sự đồng tình của tất cả các bà sơ sau khi đã được các đấng bề trên cho phép; rằng tuy vậy Giectơruyt đã biết quá rõ tình cảm của mọi người ở đây đối với cô để đoán được chắc chắn câu trả lời sẽ là thế nào; và trong khi chờ đợi, không một quy tắc nào ngăn cản bà, cũng như các bà sơ khác, bày tỏ niềm vui mà lời cầu xin ấy đem lại cho họ.

Thế là những lời chúc mừng và hoan hô vang lên ồn ào hỗn độn. Người ta lập tức đem đến những cái khay lớn đầy kẹo mứt trước hết để mời cô *xpôxina*, rồi sau đến cha mẹ cô. Trong khi mấy bà tu sĩ tranh nhau hỏi han cô thiếu nữ, bà tu viện trưởng cho mời hoàng thân quá bộ đến chấn song phòng tiếp khách và bà đợi ông ở đó. Hai bà tu sĩ cao tuổi cùng đi với bà. Thấy ông đến, bà nói:

- Thưa hoàng thân, để tuân theo quy tắc... để chấp hành

một thủ tục cần thiết... mặc dầu, trong trường hợp này... tôi vẫn phải nói với ngài... là mỗi lần một cô gái xin được khoác áo tu hành... thì tu viện trưởng, là tôi đây, mặc dầu tôi không xứng đáng... có trách nhiệm phải báo trước cho cha mẹ cô biết... là, nếu vì vô tình... mà họ cưỡng ép con gái mình... thì họ sẽ bị rút phép thông công. Xin ngài thứ lỗi cho tôi...

- Phải lắm, phải lắm, thưa đức mẹ đáng kính. Tôi hoàn toàn tán thành tinh thần tuân thủ phép tắc của đức mẹ: không còn gì đúng hơn thế nữa... Nhưng đức mẹ không thể nghi ngờ...

- Ồ, có gì đâu, thưa hoàng thân... tôi đã nói điều ấy hoàn toàn chỉ vì trách nhiệm... vả lại...

- Tất nhiên, tất nhiên, thưa đức mẹ tu viện trưởng.

Sau khi trao đổi đôi lời ấy, hai bên cúi chào nhau và chia tay, dường như cuộc gặp gỡ riêng này nặng nề đối với cả hai người; mỗi người, lại tìm đến nhóm của mình, kẻ ở bên ngoài, người ở bên trong tu viện.

- Thôi nào, - hoàng thân nói, - rồi chẳng bao lâu Giectơruyt tha hồ hưởng cuộc sống bên các bà tu sĩ tốt bụng này. Bây giờ thì ta quấy quả họ khá nhiều rồi.

Nói xong, ông cúi chào; cả gia đình chuẩn bị đi theo ông, đôi bên trao đổi nhau những lời chúc tụng một lần nữa, rồi họ ra đi.

Trên đường về, Giectơruyt chẳng buồn nói năng gì. Kinh hãi vì cái bước mình vừa qua, nhục nhã vì thói nhát gan của mình, tức giận với mọi người và với bản thân mình, cô buồn rầu kiểm điểm những khả năng còn lại để có thể nói "không", và cô tự hứa với một một cách yếu ớt và mơ hồ là sẽ khôn khéo và mạnh mẽ hơn trong trường hợp này hay trường hợp nọ. Tuy vậy, trong khi nghĩ ngợi như thế cô vẫn còn chưa hoàn hồn về

nỗi khiếp sợ trước cái chau mày của cha cô; nhưng, sau khi lén lút liếc nhìn khuôn mặt hoàng thân, cô đã có thể thấy trên khuôn mặt ấy không còn chút dấu vết gì của cơn giận dữ, và thậm chí ông còn tỏ ra hết sức hài lòng về cô, điều này thật ngoài ước vọng của cô, thì cô lại thấy hởi lòng hởi dạ.

Vừa bước chân về nhà họ đã phải ăn mặc chải chuốt; rồi bữa trưa, rồi vài cuộc thăm viếng, rồi cuộc dạo chơi xe ngựa, cuộc trò chuyện ở phòng khách, rồi bữa tối. Về cuối bữa ăn, hoàng thân nêu một vấn đề khác ra bàn bạc: việc lựa chọn bà mẹ đỡ đầu. Đây là một bà, theo yêu cầu của cha mẹ cô gái, sẽ là người trông nom kèm cặp cô gái trẻ muốn đi tu trong suốt thời gian từ khi nộp đơn đến khi vào tu viện; thời gian ấy dùng để đi thăm các nhà thờ, cung điện, phòng khách, biệt thự, đền đài (tóm lại những cảnh vật nổi tiếng nhất của thành phố và vùng ngoại vi), để các cô gái, trước khi nói lên một lời ước nguyện dứt khoát có thể thấy rõ những gì các cô từ bỏ.

- Cần phải nghĩ đến việc tìm một bà mẹ đỡ đầu, - hoàng thân nói, - bởi vì ngày mai thầy trợ tế của các nữ tu sĩ đã phải đến tiến hành thủ tục sát hạch, và ngay sau đó, Giectơruyt sẽ đưa ra xét ở hội đồng tăng lữ để được các bà tu sĩ chấp nhận.

Khi nói những lời ấy, ông quay mặt về phía hoàng thân phu nhân, và phu nhân, tưởng ông muốn mình đề xuất ai đó, liền khơi mào:

- Có thể là...

Nhưng hoàng thân đã ngắt lời:

- Không, không, phu nhân ạ: bà mẹ đỡ đầu trước hết phải vừa ý cô *xpôxina*. Theo lệ thường thì việc lựa chọn này là quyền của cha mẹ, nhưng Giectơruyt khôn ngoan, sáng suốt có thừa để hoàn toàn xứng đáng người ta dành cho nó một ngoại lệ. - Rồi quay lại Giectơruyt, ra vẻ báo cho cô biết một

đặc ân, ông nói tiếp: - Bất cứ bà nào trong những bà đã có mặt ở buổi trò chuyện chiều nay đều có đủ điều kiện làm bà mẹ đỡ đầu cho con; và cha sẵn lòng tin rằng không ai không thấy mình vinh dự được kén chọn vào việc này: con tự chọn lấy đi.

Giectơruyt thấy rõ rằng việc lựa chọn này cũng có nghĩa là sự đồng tình một lần nữa: nhưng lời đề nghị được đưa ra một cách long trọng đến nỗi một sự từ chối, cho dù hết sức rụt rè, cũng có thể có vẻ như một sự khinh miệt hoặc ít ra là một thói đỏng đảnh hoặc làm bộ. Thế là cô tiến thêm một bước mới này, và nói tên cái bà trong buổi chiều nay cô thấy hợp ý mình hơn cả, nghĩa là cái bà đã âu yếm, ca ngợi nhiều nhất, đã đối xử với cô với vẻ thân mật và ân cần khiến ta có cảm giác, ngay từ buổi sơ kiến, đây là một tình bạn lâu đời.

- Chọn giỏi quá, - hoàng thân nói, ông vẫn cầu mong và chờ đợi chính sự chọn này. Vô tình hay hữu ý? Điều đó đã xảy ra cũng như khi người làm trò ảo thuật đưa nhanh qua trước mắt bạn một cỗ bài, bảo bạn nghĩ đến một quân bài để ông đoán; nhưng ông đã chìa những quân bài ra theo cách nào đó để bạn chỉ nhìn thấy một quân thôi. Phu nhân này đã quấn quýt bên Giectơruyt suốt cả buổi chiều và đã khiến cô chú ý tới mình đến nỗi cô gái trẻ phải cố gắng lắm mới nghĩ đến được một bà khác. Hơn nữa bao nhiêu sự vồn vã ấy không phải là không có lý do. Phu nhân ấy đã từ lâu để ý đến chàng công tử trẻ tuổi để nhắm làm con rể mình: cho nên bà xem công việc nhà này như công việc của chính mình, và lẽ tự nhiên bà biểu lộ lòng quan tâm đến cô Giectơruyt thân yêu không kém gì những họ hàng thân thích nhất của bà.

Ngày hôm sau, Giectơruyt thức dậy, nghĩ đến thầy trợ tế

hôm nay sẽ đến sát hạch. Trong khi cô tự hỏi liệu có thể nắm lấy cơ hội quyết định này để quay trở lại hay không, và cô sẽ tiến hành việc ấy như thế nào, thì hoàng thân cho gọi cô đến.

- Nào, mạnh dạn lên, con gái ta, - ông nói với cô. - Cho đến nay con đã cư xử thật đáng khen; hôm nay là lúc con hoàn thành tốt đẹp sự nghiệp của mình. Tất cả những gì người ta đã làm từ trước đến nay đều được làm với sự ưng thuận của con. Nếu trong thời gian ấy có lúc nào con nảy ra một ý phân vân, một chút hối tiếc, một thói ngông cuồng của tuổi trẻ, thì đáng lẽ con phải giãi bày rồi; nhưng đến bước này thì không phải là lúc giở trò trẻ con ra nữa. Con người đáng kính phải đến sáng nay sẽ đặt ra với con hàng trăm câu hỏi về chí hướng của con: con muốn đi tu có phải thật lòng tự nguyện không, và tại sao, và như thế nào, và những gì gì nữa ai mà biết được? Nếu con trả lời ngập ngừng, ông ta sẽ gặng hỏi con không biết đến bao giờ mới thôi. Đó sẽ là một điều phiền muộn, một cực hình đối với con; nhưng từ đó còn có thể sinh ra một nỗi phiền muộn nghiêm trọng hơn nữa. Sau tất cả những bằng chứng công khai đã trình bày với mọi người, một chút ngập ngừng về phía con sẽ làm tổn thương danh dự của cha, có thể làm người ta tưởng rằng cha đã coi là một quyết định chắc chắn cái điều thật ra ở con chỉ là sự nông nổi, cha đã thúc ép con, cha đã... ôi, họ còn có thể thêu dệt những điều gì nữa? Trong trường hợp ấy, cha buộc phải lựa chọn giữa hai quyết định đau lòng: hoặc là để mặc cho miệng lưỡi thiên hạ phao đồn dư luận đáng buồn về hạnh kiểm của cha, cái điều mà nghĩa vụ của cha đối với bản thân mình hoàn toàn không thể chấp nhận được. Hoặc là vạch trần nguyên cớ thực sự của quyết định của con, và... - Nhưng đến đây, thấy Giectơruyt mặt đã đỏ nhừ, hai mắt mọng lên và khuôn mặt nhăn nhúm như những cánh hoa của

một bông hoa bị trận gió nóng trước cơn giông bão táp vào, ông ngừng bặt, rồi lại ôn tồn nói tiếp: - Thôi nào, thôi nào, tất cả tùy thuộc ở con, ở lương tri của con. Cha biết con không thiếu lương tri, và con không phải là đứa con gái đến phút cuối cùng còn để hỏng công việc đã được bắt đầu tốt đẹp đến thế; nhưng cha vẫn phải dự tính tất cả mọi trường hợp. Thôi, không nói chuyện ấy nữa, và ta hãy thỏa thuận với nhau rằng con sẽ trả lời thẳng thắn, làm sao không để nảy ra một chút nghi ngờ trong đầu óc con người hiền hậu kia. Bằng cách ấy, chính con cũng chóng vượt qua thủ tục này.

Và, sau khi đã gợi cho cô cách trả lời mấy câu hỏi có khả năng đặt ra nhất, ông lại say sưa với bài diễn văn quen thuộc của ông về những nỗi vui thú đang chờ đón Giectơruyt ở tu viện, ông nói mãi như thế cho tới khi một người hầu vào báo là thầy trợ tế đã đến. Hoàng thân nhắc lại vội vàng những lời dặn dò quan trọng nhất rồi để mặc con gái một mình với vị tu sĩ theo quy tắc đã định.

Con người đáng kính khi đến đây hầu như đã sẵn sàng tin rằng Giectơruyt rất có chí hướng theo cuộc đời tu hành: đó quả thật là điều hoàng thân đã nói với ông, khi ngài đến mời ông. Thật ra, vị tu sĩ đức hạnh, cũng biết tính hoài nghi là một trong những đức tính cần thiết nhất của chức trách ông, vẫn theo một tuyên bố như thế, và, phải đề phòng mọi định kiến có sẵn; nhưng rất ít khi những lời khẳng định chắc chắn của một người có quyền thế, dù trong bất cứ lĩnh vực nào, lại không có ảnh hưởng đến đầu óc người nghe họ.

Sau những lời chúc tụng đầu tiên, ông nói:

- Thưa tiểu thư, tôi đến đây đóng vai trò của con quỷ: tôi đến đặt thành nghi vấn cái điều tiểu thư đã tuyên bố là chắc chắn trong lá đơn của tiểu thư, tôi đến để vạch trần những

khó khăn và để tin chắc rằng tiểu thư xem xét kỹ những khó khăn ấy. Cho phép tôi đặt với tiểu thư vài câu hỏi.

- Thầy cứ nói đi, - Giectơruyt đáp.

Vị tu sĩ hiền hậu bèn bắt đầu hỏi cô theo thể thức mà phép tắc đã quy định:

- Thật lòng mình tiểu thư có cảm thấy rằng cái việc tiểu thư muốn thành nữ tu sĩ là một quyết định tự do, tự ý mình hay không? Người ta có dùng uy quyền gì để đưa tiểu thư đến quyết định ấy hay không? Tiểu thư hãy nói thẳng thắn, không e dè, với một người có bổn phận phải biết ý muốn thực của tiểu thư, để ngăn không cho người ta cưỡng bức tiểu thư bằng bất cứ cách nào.

Lời đáp thật sự cho một câu hỏi như thế hiện ngay ra trong đầu Giectơruyt, rõ ràng rành một cách khủng khiếp. Nhưng đưa ra lời đáp ấy thì lại phải giải thích, phải nói rằng cô đã bị đe dọa, phải kể lại cả một câu chuyện... cô bé khốn khổ kinh hãi bỏ ý nghĩ ấy. Cô vội tìm câu trả lời khác, và chỉ thấy một câu trả lời có thể giải thoát cô nhanh chóng và chắc chắn khỏi cái cực hình này, và đó là câu trả trái với sự thật nhất.

- Tôi xin đi tu, - cô nói, cố che giấu sự bối rối của mình, - tôi xin đi tu là do sở thích, do tự ý mình không ai ép buộc.

- Cái ý nghĩ ấy đến với tiểu thư từ bao giờ? - vị tu sĩ hiền hậu lại hỏi nữa.

- Lúc nào tôi cũng nuôi ý nghĩ ấy, - Giectơruyt đáp, đã qua được bước đầu tiên càng mạnh dạn tự dối mình hơn.

- Nhưng cái lý do chính đã đẩy tiểu thư tới ý muốn đi tu là lý do gì?

Vị tu sĩ hiền hậu không thể ngờ ông đã đụng vào chỗ đau xót đến như thế nào trong tâm hồn cô gái: và Giectơruyt phải

cố gắng trấn tĩnh lắm mới không thể để lộ ra tác động của những lời nói ấy trong tâm trí cô.

- Lý do, - cô nói, - là để phụng thờ Chúa và để tránh những cám dỗ của cõi trần này.

- Nhỡ ra lý do ấy có thể là một điều buồn bực gì chăng? Là... xin tiểu thư thứ lỗi... một ý thích thất thường nào đó chăng? Đôi khi một nguyên nhân nhất thời có thể gây cảm giác dường như lâu bền mãi mãi, rồi khi nguyên nhân ấy mất đi, và khi tâm trạng đổi khác, thế là...

- Không, không, - Giectơruyt vội vã đáp, - nguyên nhân đúng là cái điều tôi đã nói với thầy.

Thầy trợ tế gặng hỏi, do áy náy vì bổn phận phải làm tròn hơn là vì thấy việc hỏi này cần thiết; nhưng Giectơruyt đã nhất quyết lừa dối thầy. Cứ nghĩ việc thổ lộ nỗi yếu đuối của mình với vị tu sĩ hiền hậu và đáng kính này, vốn chẳng có vẻ nghi ngờ một điều gì như thế ở cô ả, Giectơruyt lại thấy ghê tởm, hơn nữa cô gái đáng thương cũng nghĩ rằng thầy rất có thể ngăn cản không cho cô đi tu nhưng quyền lực thầy đối với cô và sự che chở của thầy cũng chỉ đến đó là hết. Một khi thầy đi rồi, sẽ chỉ còn mình cô ở lại với hoàng thân. Và tất cả những gì rồi cô có thể phải chịu đựng trong cái nhà này, vị tu sĩ tốt bụng sẽ không biết gì hết, hoặc nếu biết, thì cho dù có thiện ý đến mấy cũng chẳng thể làm gì hơn là tỏ lòng thương hại cô, với một tình thương lặng lẽ và ôn hòa mình người ta thường ban cho, dường như vì phép lịch sự, những người đã tạo lý do hoặc duyên cớ để phải chuốc lấy tai họa về mình. Người sát hạch đặt câu hỏi còn chóng mệt hơn là cô gái khốn khổ đáp lại bằng những lời nói dối; và vì ông thấy những lời đáp lại của cô vẫn luôn luôn nhất trí và không có lý do gì để nghi ngờ sự thành thực của cô, cuối cùng ông đổi giọng. Ông khen ngợi cô,

và xin lỗi về việc thi hành bổn phận như thế kể cũng kéo dài. Ông nói thêm những gì ông thấy cần thiết nhất để củng cố quyết tâm tốt đẹp của cô rồi cáo từ ra về.

Khi qua những phòng khách để ra ngoài, ông gặp hoàng thân dường như tình cơ đi qua đó, và ông cũng chúc mừng hoàng thân về những chí hướng tốt đẹp của cô con gái. Cho đến nay, hoàng thân vẫn mang một mối lo âu đè nặng lên người. Được tin này, ông thở phào và, quên cả vẻ bệ vệ thường có, ông đi gần như chạy đến gặp Giectơruyt, rối rít ngợi khen, âu yếm và hứa hẹn, với một niềm vui thân tình, một vẻ trìu mến phần lớn là chân thành; cái mớ hỗn độn không thể nào miêu tả được mà người ta gọi là lòng người chính là được tạo thành như thế đó.

Chúng tôi sẽ không đi theo Giectơruyt trong cơn lốc triền miên những cảnh tượng và những trò giải trí của cô, mà chúng tôi cũng sẽ không miêu tả tỉ mỉ và lần lượt những cảm xúc của cô trong suốt thời gian ấy: đó sẽ chỉ là câu chuyện đầy đau khổ và dao động quá đơn điệu và quá giống câu chuyện chúng tôi đã kể. Những vẻ đẹp thiên nhiên, những cảnh sắc đa dạng quanh mình, cái khoái lạc mà dẫu sao cô cũng được hưởng khi dạo chơi đây đó ngoài trời quang đãng càng khiến cô thêm ghê tởm khi nghĩ đến cái nơi mà rốt cuộc cô sẽ dừng chân lần cuối và ở lại mãi mãi. Đôi khi những cuộc trò chuyện và những buổi hội hè làm cô thêm đau lòng hơn nữa. Cứ nhìn thấy những cô dâu trẻ, được mang tên gọi ấy với cái nghĩa tự nhiên và thông thường nhất, cô lại thấy dấy lên lòng ghen ghét, nỗi day dứt trong tâm can không sao chịu nổi. Đôi khi, nhìn dáng vẻ một người nào đó, cô cảm thấy dường như được gọi bằng cái tên cô dâu ấy thì là tuyệt đỉnh của hạnh phúc. Có khi những lâu đài tráng lệ, những đồ trang sức lộng lẫy,

những cảnh hội hè nhộn nhịp và ồn ào vui vẻ đem lại cho cô một niềm say sưa hoan lạc, một nỗi khát khao cuộc sống vui tươi đến nỗi cô tự hứa với mình sẽ cải chính những lời nói cũ, sẽ chịu đựng tất cả còn hơn lại tự dìm mình trong bóng tối âm u lạnh lẽo của tu viện. Nhưng tất cả những quyết định của cô tan đi khi cô bình tĩnh xem xét mọi khó khăn hoặc khi cô liếc nhìn khuôn mặt hoàng thân. Cũng có khi ý nghĩ phải mãi mãi từ bỏ niềm hoan lạc khiến cô thấy cuộc thử nghiệm thoáng qua này càng thêm cay đắng và đau đớn; cô như một con bệnh khát nước ngắm nhìn giận dữ, và hầu như bực bội hất bỏ cái thìa nước nhỏ bé mà người thầy thuốc khó khăn lắm mới cho phép anh ta uống.

Trong thời gian ấy thầy trợ tế của các nữ tu sĩ đã trao bản chứng nhận cần thiết và đã đến lúc hội đồng tăng lữ được phép họ để thu nhận Giectơruyt. Hội đồng tăng lữ họp, và như ta đã dự tính, hội đồng ưng thuận với hai phần ba số phiếu kín theo đúng điều lệ quy định. Thế là Giectơruyt được thu nhận. Mệt mỏi vì nỗi đau khổ kéo dài ấy, cô liền xin vào tu viện càng sớm càng tốt; và tất nhiên không ai muốn ngăn trở một sự sốt sắng như thế. Vậy là người ta làm theo ý cô: cô được đưa đến tu viện với tất cả nghi lễ long trọng và khoác áo nữ tu sĩ. Sau mười hai tháng tập sự đầy dẫy những hối hận liên miên, giờ phút "tuyên hệ"[1] đã đến, trong đó cô phải hoặc là nói đến một tiếng "không" bây giờ nghe lại càng kỳ lạ hơn trước, hoặc là nhắc lại cái tiếng "có" mà cô đã nói không biết bao nhiêu lần. Cô nhắc lại nó, và trở thành nữ tu sĩ cho đến trọn đời.

Một trong những ưu thế đặc biệt là không thể truyền lại

---

[1] Hành động của người tu sĩ tuyên hệ về niềm tin tôn giáo của mình, sau thời gian tập sự.

được của đạo Thiên chúa là ở chỗ nó có thể chỉ dẫn và an ủi bất cứ người nào nhờ cậy đến nó, trong bất cứ hoàn cảnh nào và để theo đuổi bất cứ mục đích gì. Nếu có một phương thuốc bổ cứu cho những sự việc đã qua chỉ đạo ấy sẽ kê ra, cung cấp nó cho ta, ban cho ta trí sáng suốt và nghị lực cần thiết để sử dụng nó bất cứ giá nào. Nếu phương thuốc như thế không có, đạo Thiên chúa cho ta khả năng thực hiện thật sự, có hiệu lực cái điều như câu tục ngữ nói là "cái khó ló cái khôn". Nó dạy ta tiếp tục với ý thức hoàn toàn tự giác cái việc ta đã làm vì nhẹ dạ; nó uốn nắn tâm hồn để ta làm vì hứng thú cái điều mà ta bị bạo lực ép buộc phải làm, và đối với một sự lựa chọn xốc nổi nhưng không thể thay đổi lại được nó ban cho tất cả tính chất thiêng liêng, tất cả sự anh minh và, ta cứ nói thẳng ra, tất cả những niềm vui của một thiên chức. Đó là con đường mà dù từ một mê cung nào, từ một vực thẳm nào tới đây và mới chỉ đi được một bước, ta cũng có thể từ nay vững dạ và vui lòng bước tiếp, và cuối cùng đạt tới đích hạnh phúc. Đi theo con đường ấy, Giectơruyt đáng lẽ đã có thể là một nữ tu sĩ thành tín và mãn nguyện, dù cô trở thành tu sĩ bằng cách nào đi nữa. Nhưng trái lại, cô gái khốn khổ, quằn quại dưới một cái ách, và như thế càng cảm thấy thấm thía hơn sức nặng và những đòn chà xát của nó. Lòng nuối tiếc không ngừng tự do đã mất, nỗi ghê tởm tình cảnh mình hiện nay, sự theo đuổi nhọc nhằn những ước muốn sẽ không bao giờ được thỏa mãn: đó là những gì ám ảnh tâm hồn cô lúc này. Cô nghiền ngẫm quá khứ cay đắng của mình, ôn lại trong ký ức tất cả những hoàn cảnh đã dẫn mình đến đây; hàng nghìn lần cô cố hủy đi một cách vô hiệu trong suy nghĩ những gì cô đã làm trong hành động; cô tự kết tội mình yếu đuối, cô kết tội những người khác là tàn bạo và gian giảo; và cô đau khổ. Cô tôn thờ sắc đẹp

mình và đồng thời cô khóc nó, cô than vãn cho tuổi trẻ của mình mai một dần trong một cực hình ngấm ngầm, và có những lúc cô ghen tị với bất cứ người đàn bà nào dù địa vị họ và lương tâm họ ra sao, nhưng họ vẫn có thể tự do hưởng thụ tất cả những tặng vật trời cho ấy trên cõi trần này. Nhìn mặt những bà tu sĩ đã từng chìa tay ra dụ dẫn cô vào đây, cô thấy kinh tởm. Cô nhớ lại những mánh khóe và những thủ đoạn của họ, và cô trả đũa lại bằng đủ mọi sự xúc phạm độc ác, và cả những lời trách móc kín đáo. Những bà này thường phải ngậm hờn nuốt tủi, bởi vì hoàng thân sẵn sàng hành hạ con gái mình trong chừng mực cần thiết để đẩy cô vào tu viện, nhưng khi mục đích ông đạt rồi, ông hẳn không dễ dàng để người khác xúc phạm đến dòng máu của ông. Hơn nữa một chút tai tiếng gây nên có thể khiến họ mất sự bảo trợ cao quý của ông hoặc thậm chí biến người bảo trợ thành kẻ thù. Dường như đáng lẽ Giectoruyt phải có thiện cảm với những nữ tu sĩ khác không tham dự vào âm mưu này và, chẳng hề cầu xin tình bạn của cô, họ chỉ yêu quý cô như một cô bạn gái thế thôi; sùng đạo, hoạt bát và vui vẻ, bằng tấm gương của mình họ cho cô thấy không những người ta cũng có thể sống trong tu viện này, mà còn sống sung sướng nữa. Nhưng cả những người ấy có cũng thấy họ ghê tởm, vì một lý do khác.

Cái vẻ ngoan đạo và thỏa mãn của họ dường như trách móc nỗi lo âu và cách cư xử kỳ dị của cô; cho nên cô không bỏ lỡ cơ hội nào để chế giễu vấng mặt lòng cuồng tín hoặc phỉ báng thói đạo đức giả của họ. Cô hẳn sẽ bớt giận họ hơn nếu như cô biết hoặc đoán ra là một số viên đen[1] trong hòm phiếu quyết định việc thu nhận cô chính là do họ bỏ.

---

[1] Viên đen là phiếu phản đối, viên trắng là phiếu tán thành, viên đỏ là trung lập (phiếu trắng).

Đôi khi dường như cô cũng tìm thấy một niềm an ủi nào đó khi được truyền lệnh, được trọng vọng trong tu viện, được tiếp đón những cuộc thăm viếng xã giao từ ngoài vào, được thấy một số việc do cô đảm nhiệm thành công, được che chở cho một người nào đó, được nghe gọi là bà *Xinhora;* nhưng những niềm an ủi mới chán ngán làm sao! Tâm hồn cô, rất ít được thỏa mãn trong những niềm an ủi ấy, cũng muốn thỉnh thoảng được hưởng thêm vào đó những niềm an ủi của tôn giáo; nhưng đây lại là những niềm an ủi chỉ đến với người nào thờ ơ trước mọi niềm an ủi khác: cũng như một người bị tai nạn đắm tầu, nếu anh muốn bám vào mảnh ván có thể đưa anh lên bờ bình yên vô sự, thì anh bắt buộc phải xòe tay ra vứt đi những rong biển mà thoạt đầu anh đã nắm lấy do bản năng.

Ít lâu sau lễ tuyên thệ, Giectơruyt được bổ nhiệm làm cô giáo dạy học sinh nội trú trong tu viện. Các bạn có thể tưởng tượng dưới một kỷ luật như thế thì các em bé gái ấy phải sống như thế nào. Bạn bè thân tín trước của cô đã rời khỏi tu viện nết rồi; nhưng cô vẫn giữ nguyên những dục vọng của thời kỳ ấy và bằng cách này hay cách khác, học trò của cô phải chịu đựng gánh nặng của những dục vọng đó. Khi nghĩ rằng một số lớn học trò này sẽ được sống trong cái thế giới từ nay vĩnh viễn đóng cửa đối với cô, cô cảm thấy một nỗi oán hận nào đó, như là một khát vọng trả thù, đối với những đứa bé đáng thương ấy: cô sỉ nhục chúng, hành hạ chúng, bắt chúng phải trả giá từ bây giờ những khoái lạc mà chúng sẽ được hưởng sau này. Nếu trong những lúc ấy có người nào nghe thấy cô quở mắng chúng với một giọng tức giận và oai nghiêm chỉ vì một chút lỗi nhỏ thì người ấy hẳn phải cho rằng cô là một phụ nữ sùng đạo đến cuồng nhiệt và mù quáng. Vào những lúc

khác, chính là lòng ghê tởm của cô đối với tu viện, đối với tôn pháp, đối với sự quy phục làm nổ ra những hành động mang tính khí trái ngược hẳn. Thế là không những cô chịu đựng những trò vui ầm ĩ của bọn học trò, cô còn khuyến khích chúng; cô cũng tham dự vào những trò chơi ấy và làm cho chúng mất trật tự hơn; cô cùng trò chuyện với học trò và thúc đẩy chúng nói quá cả những điều thoạt đầu chúng định nói. Nếu một em học sinh nào đả động đến thói hay nói lải nhải của bà tu viện trưởng, cô giáo liền nhại lại bà thật lâu và từ đó làm thành cả một màn hài kịch; cô bắt chước vẻ mặt của một nữ tu sĩ này, dáng đi của một nữ tu sĩ khác. Thế là cô cười phá lên, nhưng đó là những tiếng cười không làm cô vui vẻ gì hơn trước. Cô đã sống như thế nhiều năm, chẳng có cách nào, cơ hội nào để làm gì hơn thế, thì một chuyện xảy đến thật tai hại cho cô.

Trong tất cả những đặc cách và đặc quyền ban cho cô để đền bù vào chỗ cô chưa thể làm bà tu viện trưởng, có cả đặc quyền được ở một nơi riêng biệt. Cái chái nhà tu viện ấy tiếp giáp với ngôi nhà của một chàng trai trẻ tuổi, một tên lưu manh chuyên nghiệp, một trong số những người rất đông vào thời ấy chúng có thể, đến mức độ nào đó, với sự giúp đỡ của những tên cướp đánh thuê và cùng bè cánh với những tên lưu manh khác, nhạo báng chính quyền và pháp luật. Cuốn truyện viết tay của chúng ta gọi hắn là Egiđiô mà không cho biết họ. Qua một cửa sổ trên cao trông thẳng xuống cái sân nhỏ của khu nhà này của tu viện, anh chàng trẻ tuổi ấy thỉnh thoảng nhìn thấy Giectơruyt đi qua sân hoặc dạo chơi ở đó khi nhàn rỗi. Bị quyến rũ hơn là bị khiếp sợ bởi những nguy hiểm và tính chất phóng đãng của sự việc, một hôm anh ta dám bắt chuyện với cô. Cô gái bất hạnh đã đáp lại.

Trong những ngày đầu cô có một cảm giác thỏa mãn, tất nhiên không phải hoàn toàn thanh thản, nhưng sôi nổi. Khoảng trống âm u của tâm hồn cô bây giờ tràn ngập một tình cảm mạnh mẽ và liên tục, như một sức sống mãnh liệt; nhưng sự thỏa mãn ấy cũng giống như thứ nước uống tăng lực mà những người thời cổ, với sáng kiến độc ác của họ, rót cho tên tội phạm để hắn có sức chịu đựng những đòn tra khảo. Đồng thời người ta có thể thấy nhiều thay đổi lớn trong tính nết cô: cô bỗng trở nên ý tứ hơn, điềm đạm hơn, cô thôi không giễu cợt và cau có nữa, thậm chí cô còn tỏ ra âu yếm và đáng yêu. Cho nên các bà sơ vui mừng với nhau về sự thay đổi tốt lành ấy, bởi họ hoàn toàn không thể đoán ra được nguyên nhân thật của sự thay đổi này, và không thể hiểu được rằng đức hạnh mới này không phải cái gì khác mà chính là thói đạo đức giả cộng với những tính xấu trước của cô.

Tuy vậy cái vẻ bề ngoài ấy, cái thứ nước sơn ấy không giữ được lâu, ít ra là không giữ được liên tục như thế, đều đặn như thế; chẳng bao lâu người ta lại thấy tái diễn những sự bực tức và nhạo báng của cô đối với cái nhà tù tu viện, đôi khi phát biểu thành những lời thật khác thường ở một nơi như thế này, và do một người như thế nói ra. Tuy vậy, sau mỗi cơn nóng nảy bậy bạ ấy, cô lại hối hận và hết sức cố gắng để mọi người quên nó đi bằng đủ mọi sự ve vãn và những lời tốt đẹp. Các bà sơ cố sức chịu đựng tất cả những cuộc thăng trầm ấy, cho đó là do cái tính khí kỳ quặc và bốc đồng của cô *Xinhora*.

Trong một thời gian, không một nữ tu sĩ nào tỏ ra nghi ngờ có điều gì khác ở đây. Nhưng một hôm cô *Xinhora* cãi nhau với một bà sơ không biết vì câu chuyện ngồi lê đôi mách gì, đã đi đến ngược đãi bà không còn mức độ nào nữa và mãi

không thôi; bà sơ cắn răng chịu đựng tất cả nhưng cuối cùng không giữ nổi kiên nhẫn và hé lộ ra là bà biết một điều gì đó và bà sẽ nó lên điều ấy và khi nào bà thấy cần. Từ đó cô *Xinhora* không còn yên tâm được nữa. Nhưng ít lâu sau, một buổi sáng người ta đợi hoài không thấy bà sơ cần vụ đi làm những công việc thường ngày của bà: người ta đi tìm trong buồng bà, và không thấy bà ở đó; người ta gọi bà khắp nơi, từ hầm nhà đến gác xép: chẳng thấy bà đâu. Và ai biết người ta có thể đặt ra những điều phỏng đoán gì, nếu trong những cuộc tìm kiếm như thế người ta không phát hiện ra một lỗ thủng ở bức tường của vườn rau, khiến tất cả mọi người đều cho rằng bà đã trốn đi bằng lối ấy. Người ta lại ra sức tìm kiếm ở Mônda và khắp vùng ngoại vi, và nhất là ở Mêda, quê hương của bà. Người ta viết thư đi khắp nơi, nhưng chẳng bao giờ nhận về một tin nhỏ. Có lẽ người ta có thể biết được nhiều hơn, nếu đáng lẽ đi tìm tận đâu đâu người ta cứ việc đào lên ngay gần nhà. Sau khi đã ngạc nhiên mãi, bởi vì không ai có thể nghĩ đến chuyện này, và sau khi đã bàn đi tính lại đủ điều, người ta kết luận rằng chắc hẳn bà đã đi xa, rất xa. Và vì có một bà sơ buột miệng nói: "Nhất định bà ta trốn đi Hà Lan rồi", thế là mọi người cũng nói theo ngay và cứ thế, trong tu viện cũng như ở ngoài tu viện, người ta tin là bà đã trốn đi Hà Lan thật.

Thế nhưng hình như cô *Xinhora* không tin theo ý kiến ấy, không phải cô tỏ ra như thế, hoặc cô lên tiếng chống lại niềm tin chung của mọi người bằng những lý lẽ riêng: nếu cô có những lý lẽ ấy, thì quả thật không ai biết giữ kín lý lẽ của mình đến thế, và không có gì cô sẵn lòng né tránh hơn là việc khuấy động câu chuyện này, không có gì cô ít quan tâm hơn là việc đào sâu vào cái bí mật này. Nhưng cô càng ít nói đến thì

cô lại càng nghĩ nhiều đến nó. Mỗi ngày biết bao lần hình ảnh người đàn bà ấy đột nhiên hiện lên trong trí cô và cứ đứng sững mãi không muốn nhúc nhích! Biết bao lần cô những muốn được thấy người đàn bà ấy bằng xương bằng thịt trước mặt mình, còn hơn là cứ luôn luôn mang hình ảnh bà ta khắc sâu trong trí, hơn là cứ phải đêm ngày đánh bạn với cái bóng ma khủng khiếp, lì lợm ấy! Biết bao lần cô những muốn được nghe tiếng nói thật của bà ta, dù để đe dọa cô đến thế nào đi nữa, còn hơn là cứ luôn luôn có trong lỗ tai mình cái tiếng nói rì rầm quái gở ấy, những lời nhắc đi nhắc lại với một vẻ dai dẳng và khẩn thiết không mệt mỏi mà không một người sống nào có được.

Chừng một năm qua từ sau sự kiện ấy thì Luxia đến trình diện với bà *Xinhora* và có cuộc nói chuyện với bà, và câu chuyện của chúng tôi chính là đang dừng lại ở chỗ này.

Bà *Xinhora* hỏi hết điều này điều nọ về cuộc theo đuổi của Đôn Rôđrigô và bà mạnh bạo đi vào một số chi tiết đến nỗi thái độ ấy có vẻ, và hẳn là phải có vẻ, bất ngờ một cách kỳ lạ đối với Luxia, vốn chưa bao giờ nghĩ rằng đầu óc tò mò của những tu sĩ lại có thể được kích thích trên những đề tài như thế. Cả những lời phán xét của bà xen vào giữa các câu hỏi hoặc vô tình để lộ ra cũng không kém kỳ lạ. Nỗi ghê tởm khôn nguôi của lịch sử đối với tên lãnh chúa ấy hình như bà lại thấy hơi ngồ ngộ. Bà hỏi cô ông ta có phải là con quỷ không mà để cô sợ đến thế, và hình như bà sẵn sàng cho rằng sự kháng cự của cô gái là phi lý và ngu xuẩn, nếu như nó không có lý do là vì cô thích Rendô hơn. Ngay cả về bản thân Rendô bà cũng đặt ra những câu hỏi làm cô gái phải sửng sốt và đỏ mặt. Rồi chợt nhận thấy mình đã buông thả lời nói đi quá xa theo đầu óc đầy kích động của mình, bà tìm cách chữa

lại và giải thích việc nói nhiều ấy theo nghĩa tốt; nhưng bà vẫn không thể làm mất đi ở Luxia nỗi kinh ngạc nặng nề, và như là một sự sợ hãi mơ hồ.

Cho nên, ngay khi cô có thể ngồi một mình với mẹ, cô đã thổ lộ tất cả. Nhưng bà Anhedơ, một người đàn bà lịch lãm hơn, nói mấy lời đánh tan ngay mọi nỗi nghi ngờ của cô, giải thích với cô tất cả sự bí mật. "Con đứng ngạc nhiên làm gì, - bà nói, - khi con đã hiểu rõ cuộc đời như mẹ, con sẽ thấy đó là những chuyện chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Tất cả các ông lớn đều ít nhiều có chút gàn dở nào đó, về mặt này hay mặt khác. Cứ phải để họ nói, nhất là khi ta cần đến họ, và phải giả vờ chăm chú nghe, dường như họ nói đúng cả. Con đã nghe thấy bà ta quở mắng mẹ gay gắt như thế nào chưa, cứ như là mẹ đã nói ra điều gì rồ dại lắm? Còn mẹ đây, mẹ bất cần. Họ thế cả. Thế nhưng ta vẫn phải cám ơn Chúa nếu bà quý phái ấy có vẻ tốt với con và nếu bà thật lòng muốn che chở chúng ta. Vả lại, nếu Trời còn cho con sống, con gái của mẹ ạ, và nếu con còn có việc dính líu đến các nhà quý tộc, thì con sẽ được nghe, chà chà, con sẽ được nghe khối chuyện hay!".

Lòng mong muốn giúp đức cha tu viện trưởng, nỗi vui thích được che chở, ý nghĩ về dư luận tốt đối với một sự bảo trợ được tiến hành vì lòng kính Chúa, một chút cảm tình với lịch sử, và cả một sự khuây khỏa nào đó khi được đem lại điều tốt lành cho một người vô tội, được cứu giúp và an ủi những kẻ bị áp bức, tất cả những cái đó đã thật sự thúc đẩy bà *Xinhora* quan tâm đến số phận hai kẻ tị nạn đáng thương này. Theo yêu cầu của bà, và do người ta kính nể bà, hai mẹ con Luxia được ở trong căn nhà của bà gác cổng giáp liền với tu viện, và được xem như người làm trong tu viện. Cả bà mẹ

và cô con gái cùng vui mừng vì đã tìm thấy rất nhanh một chốn nương thân chắc chắn và được kính nể. Họ hẳn cũng rất sung sướng nếu được sống ở đây hoàn toàn không ai biết đến: nhưng điều đó không dễ dàng gì trong một tu viện, nhất là lại có kẻ muốn biết tin tức một người trong số họ, và trong tâm trí kẻ này, cùng với dục vọng và tinh thần danh dự ban đầu lại có cả nỗi tức giận vì đã bị lừa và bị hớt tay trên. Còn chúng ta, hãy để lại hai người đàn bà tại nơi ẩn dật của họ, trở lại tòa lâu đài của nhân vật này, vào lúc ông ta đang chờ đợi kết quả cuộc chinh phạt tội lỗi của ông ta.

Chương mười một

Giống như một bầy chó săn, sau khi đã uổng công rượt theo một con thỏ, ủ rũ trở về với chủ, cái đầu cúi gằm và cái đuôi cụp giữa hai chân, bọn *lâu la* trong cái đêm đầy hỗn loạn ấy quay về tòa lâu đài của Đôn Rôđrigô. Hắn ta đang đi bách bộ trong bóng tối một căn phòng không người ở trên tầng lầu cao nhất nhìn xuống sân trước lâu đài. Thỉnh thoảng hắn dừng chân nghe ngóng, nhìn qua các khe cửa chớp đã mọt, ruột gan như lửa đốt và không phải không lo âu, phần vì không tin chắc ở thành công, phần vì e ngại những hậu quả có thể xảy ra: quả thật đây là sự việc lớn nhất, và mạo hiểm nhất, mà nhân vật to gan lớn mật của chúng ta đã làm từ trước đến nay. Tuy vậy hắn lại vững lòng khi nghĩ đến mọi phương sách phòng bị để thủ tiêu các dấu vết, nếu không phải các mối nghi ngờ. "Về những nghi ngờ ư, - hắn nghĩ, - ta bất cần. Ta rất muốn biết thằng cha nào khá điên rồi để đến đây kiểm tra xem có hay không có một đứa con gái. Nó cứ đến đi, thằng quê mùa ấy cứ đến đi, và nó sẽ được tiếp đón ra trò! Thằng thầy tu ấy cứ đến đi, cứ đến đi! Còn con mụ già? Cứ cho nó đi Becgam, cái con mụ ấy. Công lý ư? Trời ơi, công lý! Ông thị trưởng không phải đứa con nít cũng không phải một thằng

điên. Còn ở Milăng? Ai hỏi han đến cái lũ ấy ở Milăng? Ai nghe chúng? Thậm chí có ai biết đến sự tồn tại của chúng không? Chúng như mất tăm mất tích trên trái đất, đến cả một ông chủ, chúng cũng không có: chúng chẳng phải là người của ai cả. Chà, chà, có gì mà phải sợ. Sáng mai cậu em Attiliô định lên mặt thế nào với ai đây? Cậu sẽ thấy, cậu sẽ thấy ta là thằng ba hoa hay con người hành động. Nhưng rồi... nếu nhỡ xảy ra trắc trở gì... ai biết được? Một kẻ thù nào đó muốn đục nước béo cò... Chính Attiliô cũng đã biết đường dặn ta: vấn đề này đụng đến danh dự của tất cả dòng họ chúng mình đấy".

Những ý nghĩ ám ảnh hắn hơn cả, bởi vì nó vừa có thể làm nguôi những điều nghi hoặc lại đồng thời hun đúc dục vọng lớn của hắn, đó là ý nghĩ về những lời tán tỉnh và hứa hẹn mà hắn sẽ đưa ra để làm yên lòng Luxia. Nàng hẳn sợ chết khiếp khi chỉ có một mình ở đây, giữa những tên *lâu la* của ta, giữa những bộ mặt ấy... mẹ kiếp, bộ mặt nhân từ nhất ở đây lại chính là ta... đến nỗi nàng bắt buộc phải cần cứu đến ta, phải van xin ta; và nếu nàng cầu khẩn...

Trong khi đang trù tính những việc hay ho ấy thì nghe nấy tiếng chân người, hắn vội đi ra cửa sổ, hé một cánh cửa a ló mặt ra ngoài: chúng nó đây rồi. "Nhưng cái kiệu đâu? Mẹ iếp! Cái kiệu đâu! Ba, năm, tám; chúng nó đủ cả; cả thằng Gridô nữa, nhưng cái kiệu thì không có. Mẹ kiếp! Mẹ kiếp! Thằng Gridô sẽ phải trả lời ta về chuyện này".

Khi cả bọn đã vào trong lâu đài, Gridô đặt cái gậy, cái mũ cũ kỹ và cái áo choàng hành hương của y vào một xó buồng ở tầng dưới, rồi, như chức vụ y đòi hỏi (lúc này chẳng ai thèm muốn cái chức vụ ấy của y). Y lên gác để, như Đôn Rôđrigô vừa nói, trả lời ông chủ. Ông đang đợi y ở trên cùng cầu thang. Khi vừa thấy y hiện ra với cái vẻ vụng về và bối rối của một

thằng vô lại bị thất thế, Đôn Rôđrigô nói hoặc đúng hơn là quát lên với y:

- Thế nào, thế nào, ông anh hùng rơm, ông thủ lĩnh, ông cứ *mặc con lo liệu?*

- Thật khổ tâm, - Gridô đứng lại đáp, một bàn chân đã đặt lên bậc thang trên cùng, - thật khổ tâm phải nhận những lời quở trách khi người ta đã trung thành phục vụ, khi người ta đã cố sức làm tròn bổn phận và thậm chí đã liều cả mạng mình.

- Thế thì chuyện gì xảy ra? Xem nào, xem nào, - Đôn Rôđrigô vừa nói vừa đi về buồng mình, Gridô đi theo, và tường trình ngay tất cả những gì y đã tổ chức, đã làm, đã trông thấy, đã không trông thấy, đã nghe được, đã sợ hãi, đã thu xếp; và câu chuyện y kể lại cũng vừa mạch lạc vừa hỗn độn, đầy dãy những sự hồ nghi và bối rối đang bề bộn trong đầu óc y lúc này.

- Ngươi không có lỗi, và ngươi đã xử sự đúng, - Đôn Rôđrigô nói, - ngươi đã làm tất cả những gì có thể làm được, nhưng... nhưng, chẳng lẽ có một tên mật thám trong nhà ta hay sao! Nếu có, và nếu ta tìm ra, mà nếu có thì thế nào ta cũng tìm ra, thì chính ta sẽ sửa cho nó một trận. Gridô này, ngươi có thể tin chắc là ta sẽ sửa cho nó một trận ra trò đấy.

- Cả con nữa, thưa ngài, con cũng nghi như thế, - Gridô nói, - và nếu đúng như vậy, nếu tìm ra được cái thằng xỏ lá ấy, thì Đức lãnh chúa ngài phải giao nó cho con. Thằng cha nào dám đùa bắt con phải qua một đêm như đêm nay! Chính là phần con phải thanh toán với hắn. Tuy vậy, theo một vài dấu hiệu, con thấy hình như có thể có âm mưu nào khác ở đây, mà hiện giờ ta chưa thể hiểu được. Ngày mai, thưa ngài, ngày mai ta sẽ xem lại vấn đề này rõ hơn.

- Ít ra ngươi cũng không bị người ta nhận mặt chứ?

Gridô đáp y hy vọng là không, và câu chuyện thế là kết thúc, Đôn Rôđrigô liền ra lệnh cho y hôm sau làm ba việc mà tự y cũng phải biết nghĩ ra. Phái hai người sáng sớm đến gặp lão xã trưởng để cấm lão không được bép xép, việc này làm rồi, như ta đã thấy; hai người khác cảnh giới quanh ngôi nhà đổ nát, để không cho một kẻ đi đường nào lảng vảng tới đó và không ai nhìn thấy cái kiệu, cho đến đêm sẽ cử người đến lấy nó đi; bởi vì lúc này không được làm bất cứ hành động gì có thể gợi lên những nghi ngờ. Rồi bản thân Gridô, và cả một số tên khác, chọn trong những tên tháo vát nhất và tinh khôn nhất, phải đi trà trộn vào dân làng, và cố khám phá ra một điều gì đó về cái chuyện lộn xộn đêm trước. Hạ lệnh xong, Đôn Rôđrigô đi ngủ và cho Gridô về, tiễn y bằng đủ mọi lời khen ngợi rõ ràng với ý định muốn đền bù lại những lời trách mắng quá vội vàng khi tiếp y.

Vậy thời mi hãy ngủ đi, hỡi Gridô khốn khổ, mi hẳn đang buồn ngủ lắm. Gridô khốn khổ lắm! Quần quật suốt ngày, quần quật đến nửa đêm, chẳng kể gì nỗi nguy rơi vào tay dân làng, hoặc có thể mất đầu vì tội *"cướp đàn bà lương thiện"*, thêm vào đó là bao nhiêu án truy nã khác vốn đã chất lên đầu mi; và rồi được đón tiếp như thế! Rốt cuộc, con người ta thường được trả công như vậy đấy! Tuy nhiên, trong trường hợp này, mi đã có thể thấy rằng đôi khi nếu công lý không đến ngay thì sớm muộn nó cũng đến, ngay cả trong cuộc đời này. Bây giờ thì ngủ đi, bởi vì có thể rồi có ngày mi sẽ cho chúng ta một bằng chứng nữa về điều đó, còn quan trọng hơn cả bằng chứng đêm nay.

Sáng hôm sau, khi Đôn Rôđrigô thức dậy thì Gridô đã đi giải quyết công việc. Hắn lập tức đi tìm bá tước Attiliô, bá tước vừa gặp ông liền nhìn ông với vẻ chế nhạo và kêu lên:

- Ngày lễ Thánh Mactanh rồi đấy!

- Anh không có gì phải nói lại, - Đôn Rôđrigô đáp, tiến đến bên cậu em, - anh sẽ trả liền thua cuộc. Nhưng không phải cái đó làm anh tức giận hơn cả. Anh đã không nói gì với em, bởi vì, thú thực, anh muốn dành cho em một sự ngạc nhiên lớn sáng nay. Nhưng mà... tóm lại, rồi anh sẽ kể hết với em.

- Có bàn tay lão thầy tu nhúng vào đây, - cậu em họ nói, sau khi đã nghe tất cả với vẻ nghiêm trang hơn là người ta có thể chờ đợi ở một cái đầu điên rồ như thế. - Cái lão thầy tu ấy, - ông ta nói tiếp, - với những vẻ giả nhân giả nghĩa của nó, và cái cách nó đề nghị những điều ngốc nghếch, em cho là một lão cáo già, và một thằng cha lắm mưu nhiều kế. Còn anh, anh đã không tin em, anh không bao giờ nói rõ với em hôm trước nó đến dỗ ngon dỗ ngọt anh những điều giả dối gì.

Đôn Rôđrigô thuật lại với cậu em cuộc đối thoại.

- Thế mà anh chịu được tất cả những cái đó? - Bá tước Attiliô kêu lên. - Và anh đã để nói ra đi điềm nhiên như nó đã đến?

- Em muốn anh phải làm gì mới được? Muốn anh gây thù chuốc oán với tất cả thầy tu dòng đạo hành khất nước Ý này ư?

- Em không biết, - bá tước Attiliô nói, - liệu lúc ấy em có nhớ được là trên đời còn có những thầy tu dòng đạo hành khất khác ngoài cái thằng vô lại láo xược này không. Nhưng, xem nào, cho dù không vi phạm những phép tắc thận trọng, chẳng lẽ không có cách nào trừng trị ngay cả một tên thầy tu dòng đạo hành khất cho hả dạ hay sao? Khi cần thì ta phải biết ăn ở thật tử thế với cả tập đoàn, và thế là ta có thể đàng hoàng nện một trận ra trò cho một trong những thành viên của tập đoàn ấy. Rốt cuộc thì thằng thầy tu đã lẩn thoát cái đòn trừng

phạt xứng đáng nhất với nó, nhưng em đây, em xin nhận dạy dỗ nó, và em rất muốn chỉ bảo cho nó biết cách ăn nói với những người như anh em mình đây phải thế nào.

- Em đừng làm hỏng việc của anh nữa đi.

- Anh cứ tin cậy ở em lần này, em sẽ giúp đỡ anh với tình anh em và bè bạn.

- Thế em định làm gì?

- Hiện giờ em chưa biết được; nhưng nhất định cái lão thầy tu ấy sẽ biết tay em. Em sẽ lo liệu việc này, và... ngài bá tước bác em là ủy viên Hội đồng Cơ mật, con người sẽ phải giúp đỡ em đó. Ông bác yêu quý! Khoái biết bao mỗi lần em có thể khiến ông ấy, một chính khách tầm cỡ như thế, làm việc cho em! Ngày kia em ở Milăng và bằng cách này hay cách khác lão thầy tu cũng sẽ biết tay em.

Bữa ăn sáng không làm gián đoạn cuộc bàn bạc về một công việc quan trọng đến thế. Bá tước Attiliô góp ý kiến khá sôi nổi: tất nhiên, ông ta quan tâm đến việc này vì tình bạn với ông anh và vì danh dự chung của dòng họ, theo cách ông ta hiểu về tình bạn và về danh dự, nhưng thỉnh thoảng ông cũng không thể nén được nụ cười thầm trước một thành công quá ư rực rỡ. Còn Đôn Rôđrigô, là người liên quan trực tiếp đến sự việc, và đã tưởng sẽ lặng lẽ đánh một đòn trời giáng thì té ra lại đánh hụt rất là ầm ĩ, trong lòng càng sôi lên những dục vọng mãnh liệt hơn và những ý nghĩ nặng nề hơn.

- Chà, bọn nhà quê ấy lại sắp phao đồn lắm chuyện hay ho trong khắp cả vùng này. Nhưng mặc xác chúng. Ra tòa ư? Anh bất cần: chứng cớ đâu, và ngay cả khi có chứng cớ anh cũng bất cần. Để đề phòng mọi bất trắc, sáng nay anh đã cho người đi cảnh cáo tên xã trưởng để nó đừng có đệ trình lời cung khai về những sự việc đã xảy ra. Bọn chúng chẳng làm gì được,

nhưng những lời rêu rao kéo dài mãi cũng làm anh khó chịu. Bị vố đau như vậy đủ lắm rồi.

- Anh làm thế là phải lắm, - bá tước Attiliô đáp. - Lão thị trưởng của anh... sao lại có thằng ngoan cố đến thế, cái lão thị trưởng ấy, một cái đầu bò, một thằng cha chán ngấy lên được!... Tuy vậy hắn cũng là người tử tế, một người hiểu biết bổn phận của mình; và chính là khi có việc với những người như thế, ta càng phải lưu ý đừng dồn họ vào thế bí. Nếu một tên xã trưởng lếu láo nào đó đệ trình một lời khai, thì ông thị trưởng, cho dù rất có thiện ý đi chăng nữa, cũng vẫn phải...

- Còn em, - Đôn Rôđrigô hơi bực tức ngắt lời, - em làm hỏng việc của anh với cái thói cứ thích nói ngược ông ta về bất cứ điều gì, thích ngắt lời ông, và thậm chí có dịp là giễu cợt ông. Mẹ kiếp, tại sao một tên thị trưởng lại không được phép làm một đứa ngu ngốc và bướng bỉnh, nếu xét về mặt khác hắn là một người tử tế.

- Anh biết không, anh ơi, - bá tước Attiliô nói, nhìn ông anh với vẻ ngạc nhiên, - anh có biết là em bắt đầu cho rằng anh hơi sợ rồi đấy? Đó, bây giờ anh phải trọng thị đến cả một thằng cha thị trưởng.

- Thôi, thôi, chẳng phải chính em đã nói là phải coi trọng ông ta đấy ư?

- Em có nói thế; và khi đã vào việc nghiêm chỉnh, em sẽ cho anh thấy em không phải là thằng nhãi nhép. Anh có biết em có thể làm gì giúp anh không? Em có thể đích thân đến thăm ông thị trưởng. Thế nào! Liệu ông ta có vừa lòng về cái vinh dự ấy chăng? Và em có thể để ông ta nói suốt nửa giờ về ngài bá tước - công tước, và về vị tư lệnh người Tây Ban Nha của chúng ta, và cái gì ông nói em cũng cho là phải tuốt, ngay cả khi ông phun ra những điều ngu xuẩn nhất trên đời. Thế là

em sẽ gài vào trong câu chuyện đôi lời nho nhỏ về đức bá tước, ông bác em, ở Hội đồng Cơ mật: anh thừa hiểu những lời nho nhỏ ấy có tiếng vang như thế nào trong lỗ tai ông thị trưởng. Rốt cuộc thì ông ấy cần sự che chở của chúng ta - hơn là anh cần đến lòng khoan dung của ông ấy. Nói thật đấy, em sẽ đến, và rồi anh sẽ thấy ông ta có thiện cảm với anh hơn bao giờ hết.

Sau khi đã nói một hồi như thế, bá tước Attiliô ra khỏi nhà đi săn, còn Đôn Rôđrigô thì ngồi lại đó, lo lắng đợi Gridô về. Cuối cùng, vào giờ ăn trưa, hắn cũng về báo cáo với ông chủ.

Vụ lộn xộn đêm trước đã gây ra biết bao lời bàn tán, việc mất tích ba người trong một làng nhỏ là sự kiện thật kỳ lạ, đến nỗi do lòng quan tâm vốn có với những người này cũng như do cả chí tò mò, những cuộc tìm kiếm tất nhiên phải được tiến hành hết sức hăng hái và bền bỉ. Mặt khác, có quá nhiều người cũng đã biết đôi điều gì đó khiến họ cùng đồng tình không nói gì cả. Mụ Pecpêchuya cứ vừa xuất hiện ở ngưỡng cửa là lập tức có người này người khác đến quấy rầy, khiến mụ phải nói với họ kẻ nào đã đến làm ông chủ của mụ sợ mất hồn, và Pecpêchuya, nhớ lại tất cả tình hình đêm ấy, cuối cùng hiểu ra rằng mụ đã bị bà Anhedơ lừa, mụ đau đớn về sự phản bội ấy đến nỗi thật sự thấy cần được thổ lộ một chút. Ồ, tất nhiên, mụ không đi than phiền với người này người nọ về cái cách họ đã dùng để lừa gạt mụ: về chuyện ấy, mụ không hé răng. Nhưng, mụ không thể hoàn toàn lờ đi cái chuyện họ đã chơi khăm ông chủ đáng thương của mụ, nhất là một trò quỷ quyệt như vậy lại được mưu mô bởi một chàng trai thật đứng đắn, một bà góa hiền từ, và một cô gái đến là thơ ngây trong trắng. Đôn Apbôndiô rất có thể nghiêm khắc hạ lệnh hoặc thân tình cầu xin mụ nín lặng cho; mụ rất có thể nói đi nói lại với ông rằng mụ không cần người ta phải nhắc nhở mụ một

điều quá rõ ràng và quá hiển nhiên đến thế; nhưng sự thật rành rành là một bí mật lớn như vậy nằm trong lòng người đàn bà tội nghiệp nặng như một thứ rượu mới, đang lên men, ùng ục và sủi bọt trong cái thùng cũ đóng đai không chặt: nếu nó không làm bật cái nút thùng, thì nó cũng ứa ra khắp chung quanh, bọt nó sủi ra ngoài, nó rỉ ra giữa các ván thùng và chảy ra từng giọt ở chỗ này chỗ nọ, đến nỗi người ta có thể nếm nó, và đánh giá không sai lắm về chất lượng của rượu.

Còn Giecvaxô, rất khoái vì được một phen biết nhiều hơn người khác, khá hãnh diện vì đã trải qua một mẻ sợ hết hồn, và vì được tham dự vào một cái gì rất giống như một âm mưu phạm tội nên anh chàng tưởng đã trở thành một con người như mọi người khác, và anh rất thèm đem chuyện ra khoe mẽ với mọi người. Và mặc dầu Tôniô, suy nghĩ nghiêm chỉnh đến những cuộc tra xét và những vụ kiện co thể có và những trách nhiệm anh phải chịu, đã gí nắm tay vào tận mắt cậu em và ra lệnh cho cậu không được bép xép một điều gì với bất cứ ai, mặc dầu vậy anh vẫn không có cách nào khóa miệng cậu ta lại. Hơn nữa ngay cả Tiniô, sau khi đi vắng nhà đêm ấy vào một giờ khác thường, sau khi đã trở về với một dáng đi và vẻ mặt cũng hết sức khác thường, trong một tâm trạng xúc động khiến anh dễ dàng thổ lộ, anh cũng không thể giấu việc này với vợ anh; và chị ta không phải là một người câm.

Cái người nói ít nhất là Mênicô, bởi vì, khi cậu bé vừa kể lại với bố mẹ câu chuyện và lý do cuộc xông pha mạo hiểm của cậu, thì bố mẹ cậu thấy cái việc đứa con mình đã có thể góp phần làm thất bại âm mưu của Đôn Rôđrigô là một việc khủng khiếp quá đến nỗi ông bà không để cho cậu kịp kể hết câu chuyện của mình nữa. Ông bà lập tức, bằng những lời đe dọa ghê gớm nhất, cấm cậu không được hé ra một lời bóng gió

nào về tất cả chuyện này; và để chắc chắn hơn, ông bà quyết định sáng hôm sau nhốt cậu ở nhà, trong ngày hôm ấy và nhiều ngày sau nữa. Nhưng sao? Bản thân họ sau đó lại đi khảo chuyện với dân làng, và dù không muốn tỏ vẻ biết hơn người khác, khi câu chuyện đến cái đoạn mờ mịt là cuộc chạy trốn của ba người khốn khổ, và chạy như thế nào và tại sao, và theo hướng nào, thì bản thân họ lại nói thêm, như một điều đã biết rõ, là những người ấy chạy đến Pexcarênicô. Và thế là chi tiết ấy được nói đến trong câu chuyện của mọi người.

Bằng cách thu nhặt tất cả những mẩu tin ấy và ghép chúng lại với nhau như người ta thường làm, và không thể không có ít nhiều thêu dệt, người ta có thể dựng lên một câu chuyện khá chắc chắn và khá rõ ràng đủ để thỏa mãn cả một đầu óc xét nét nhất. Nhưng cuộc tập kích của bọn *lâu la*, cái sự kiện quá nghiêm trọng và quá chấn động để không thể bỏ qua được, mà người ta lại không biết được gì thật xác thực về nó, cái sự kiện ấy đã làm rối lên tất cả câu chuyện. Người ta xì xào cái tên Đôn Rôđrigô: về điểm này tất cả mọi người đều nhất trí với nhau, nhưng còn gì nữa thì vẫn chỉ là mù mịt và những sự đoàn già đoán non. Người ta nói nhiều đến hai tên *lâu la* mà người ta đã trông thấy trên đường phố lúc chập tối, và một tên nữa đứng ở quán ăn, nhưng sự việc cụt thun lủn như thế thì soi sáng được cái gì? Người ta vặn hỏi ông chủ quán những người nào đã vào quán tối hôm trước, nhưng ông này, nếu tin lời ông nói, thậm chí không còn nhớ có thấy ai tối hôm ấy không; ông chỉ nhắc đi nhắc lại rằng quán hàng của ông cũng như một hải cảng vậy.

Cái điều làm mọi người lúng túng hơn cả, làm cho những sự phỏng đoán cứ rối lên, đó là ông khách hành hương mà Xtêfanô và Caclandrêa đã trông thấy, ông khách hành hương

mà những tên cướp muốn giết và đã cùng đi với chúng, hoặc đã bị chúng bắt mang đi. Ông đến đây làm gì? Đó là một linh hồn trong ngục luyện hiện lên để giúp hai người đàn bà. Hay đó là một linh hồn bị đầy dưới địa ngục, linh hồn một kẻ hành hương hung ác và lừa đảo đêm đêm vẫn hiện lên nhập bọn với những kẻ chuyên làm những trò gian ác mà thuở sinh thời bản thân hắn đã làm. Hay đó là một người sống, một khách hành hương thật mà những tên kia muốn thủ tiêu vì sợ ông kêu lên làm cả làng thức dậy. Hay đó là (thử xem người ta còn tưởng tượng những gì nữa nào!) một tên trong chính những tên cướp ấy cải trang làm khách hành hương. Đó là cái này, đó là cái nọ, đó là đủ mọi điều mà sự sáng suốt và lịch lãm của Gridô có lẽ cũng không đủ để hắn tìm ra được là ai, ví thử Gridô phải khôi phục lại phần này của câu chuyện theo những lời nói của người khác. Nhưng như bạn đọc đã biết, cái điều làm câu chuyện rối lên đối với mọi người lại chính là điều rõ ràng nhất đối với hắn; và bằng cách sử dụng điều đó như cái chìa khóa để giải thích những tin tức khác do hắn trực tiếp thu nhặt hoặc do sự điều tra của bọn tay sai, hắn có thể từ toàn bộ tình hình lập nên một bản báo cáo khá mạch lạc cho Đôn Rôđrigô.

Hắn lập tức đến gặp Đôn Rôđrigô trong phòng đóng kín và báo cho chủ biết mưu đồ của đôi vợ chồng chưa cưới, điều đó đương nhiên giải thích tại sao người ta thấy ngôi nhà bỏ trống và tại sao nổi chuông báo động, mà không cần giả định trong nhà có kẻ phản bội, như hai con người lương thiện ấy đã nói. Rồi Gridô báo tin về cuộc chạy trốn; ở điểm này cũng dễ thấy lý do: sự sợ hãi của đôi thanh niên đã bị bắt quả tang khi đang phạm tội, hoặc tin báo về cuộc tập kích vào nhà họ khi cuộc tập kích đã bị lộ và cả làng đã nháo nhào lên. Cuối cùng hắn nói là họ đã chạy trốn đến Pexcarênicô: Đến đây

hắn không biết gì hơn nữa. Đôn Rôđrigô vui thích vì yên tâm không có kẻ phản bội, và vì thấy việc làm của mình không để lại dấu vết gì; nhưng đó chỉ là một sự hài lòng ngắn ngủi và yếu ớt. "Chúng đã cùng nhau cao chạy xa bay rồi! - Hắn kêu lên. - Cùng nhau! Lại còn thằng thầy tu ấy! - Những lời nói bật ra khàn khàn từ trong cổ họng hắn, rít lên giữa hai hàm răng cắn chặt một ngón tay: bộ mặt hắn cũng ghê tởm như những dục vọng của hắn! - Lão thầy tu ấy phải đền tội và ta. Gridô! Ta sẽ mang tiếng trong việc này... nhưng ta muốn biết, ta muốn tìm thấy... Ngay chiều nay, ta muốn biết chúng ở đâu. Chưa biết điều ấy ta đứng ngồi không yên! Hãy đi Pexcarênicô, ngay tức khắc, để biết tin, để nhìn thấy, để tìm ra... bốn đồng êquy thưởng ngay cho mi đây, và sự bảo trợ của ta mãi mãi. Ngay chiều nay ta muốn biết. Lại còn tên vô lại ấy...! Lão thầy tu ấy...!"

Thế là Gridô lại lên đường; và ngay chiều hôm ấy hắn đã có thể báo cáo với ông chủ xứng đáng của hắn cái tin muốn biết. Sự thể như sau.

Một trong những niềm an ủi lớn nhất của cuộc đời này là tình bạn; và một trong những niềm an ủi của tình bạn là có một người nào đó đáng tin cậy để ta có thể thổ lộ một điều bí mật. Thế nhưng bạn bè không đi với nhau từng đôi như những cặp vợ chồng: mỗi người thường có hoặc ít hoặc nhiều bạn, cứ thế tạo thành một sợi dây chuyền mà không ai có thể tìm thấy chỗ tận cùng. Vậy thời khi một người bạn tự tìm cho mình niềm an ủi được thổ lộ một điều bí mật với một người bạn khác, anh ta gây cho bạn lòng thèm muốn cũng lại tìm cho mình niềm an ủi như thế. Quả thật anh có yêu cầu bạn đừng nói gì với ai cả. Một điều kiện như vậy, giả sử người ta tuân thủ nó một cách tuyệt đối nghiêm ngặt, thì sẽ phá vỡ ngay lập

tức sợi dây chuyền của những niềm an ủi. Nhưng trên thực tế thường chúng ta chỉ lộ bí mật với một người bạn cũng đáng tin cậy như mình, lại đồng thời dặn dò bạn cũng phải tuân theo điều kiện đó. Cứ thế, từ người bạn đáng tin cậy này đến người bạn đáng tin cậy khác, điều bí mật quay vòng theo sợi dây chuyền mênh mông ấy, đến nỗi nó đến cả tai cái người hoặc những người mà người nói ban đầu đã chủ tâm không bao giờ muốn cho biết. Tuy vậy, điều bí mật ấy có lẽ có thể nằm lâu trên đường nếu mỗi người chỉ có hai người bạn thôi, một người lộ điều bí mật với mình và một người được mình nói lại cho biết cái điều không được nói ra. Nhưng có những người ưu việt mà bạn bè tính đến hàng trăm. Và khi điều bí mật rơi vào một trong những con người như thế, thì những vòng quay trở nên nhanh chóng lạ thường và nhân lên vùn vụt đến nỗi ta không còn có thể theo dõi dấu vết của chúng nữa. Vị tác giả của chúng ta không thể xác định được cái điều bí mật mà Gridô được lệnh phải khám phá đã đi qua, bao nhiêu miệng: sự thể là con người tốt bụng đã cùng đi với hai người đàn bà đến Mônda, khi trở về Pexcarênicô lúc đêm khuya với chiếc xe ngựa của mình, trước khi về tới nhà đã gặp một người bạn thân tín, bác kể lại thật kín đáo với bạn việc thiện mình đã làm, và tất cả mọi chuyện khác. Và sự thật là hai giờ sau, Gridô đã có thể chạy về lâu đài báo cáo với Đôn Rôđrigô là Luxia và mẹ cô ẩn náu trong một tu viện ở Mônda, còn Rendô thì đã tiếp tục con đường của anh đến tận Milăng.

Đôn Rôđrigô cảm thấy một nỗi vui độc địa trước cuộc chia ly ấy, và lại thấy nhen nhúm trong lòng niềm hy vọng tội lỗi đạt được mục đích của mình. Hắn đã trằn trọc suốt đêm nghĩ kế, và dậy sớm với hai dự định, một đã dứt khoát, và một mới phác qua. Dự định thứ nhất là phái ngay không chậm trễ Gridô đi

Mônda, để có những tin tức chính xác hơn về Luxia, và để xem có thể giở trò gì được không. Vậy là hắn cho gọi ngay tên đầy tớ trung thành tới, đặt vào tay y bốn đồng êquy đã hứa, khen ngợi y lần nữa về tài khôn khéo nhờ đó hắn kiếm được bốn đồng êquy này, và truyền cho hắn cái lệnh mà ông đã nghiền ngẫm.

- Thưa ngài... - Gridô ngập ngừng nói.

- Cái gì? Ta nói chưa rõ chăng?

- Giá như ngài có thể phái một người nào khác...

- Sao vậy?

- Thưa ngài lãnh chúa của tối vinh hiển, con sẵn sàng xả thân vì ông chủ của con: đó là bổn phận của con; nhưng con cũng biết là đại nhân ngài không muốn bỏ liều tính mạng những bầy tôi của ngài.

- Thế thì saoi?

- Đại nhân ngài thừa biết rằng cái đầu của con đã được đặt giá mấy lần rồi, và... Tại đây con được sự bảo trợ của ngài; chúng con là cả một đội; ông thị trưởng là bạn của nhà ta; bọn cảnh sát vì nể con, và về phía con... một điều không vinh dự gì cho lắm, nhưng để sống yên ổng... cũng đối xử với chúng như bè bạn. Ở Milăng, còn ai không biết bộ đồng phục của những kẻ hầu hạ trong nhà đại nhân, nhưng ở Mônda ngược lại, chính là con đã bị họ nhẵn mặt. Và đại nhân thử nghĩ xem, không phải con nói mẽ đâu, cái đứa nào nộp con cho nhà chức trách, hoặc mang đầu con đến đấy sẽ kiếm được món bở. Một trăm đồng êquy đếm ngay tại chỗ, và quyền được thả hai kẻ can án.

- Quái thật! - Đôn Rôđrigô nói. - Ta thấy ngươi hoàn toàn có vẻ như một con chó cậy gần nhà chỉ có vừa đủ can đảm để cắn sau lưng những người đi qua trước cửa, vừa cắn vừa nhìn lại đằng sau xem có người nhà ra giúp không, và không dám tiến xa hơn nữa!

- Thưa ông chủ, con tưởng con đã từng tỏ ra là...

- Thế thì bây giờ?

- Thế thì, - Gridô bị chạm nọc lại bốc lên. - Thế thì, xin đại nhân cứ xem như con không nói gì cả: gan con là gan sư tử, chân con là chân thỏ, con sẵn sàng đi ngay.

- Nhưng ta có nói là ngươi đi một mình đâu. Hãy mang theo hai thằng khá nhất... thằng Sẹo và thằng Bắn thẳng, mạnh dạn đi đi, và hãy tỏ ra đúng là Gridô thật. Mẹ kiếp! Ba trang hảo hán như các ngươi mà vào việc, thì thử hỏi có kẻ nào dám ngăn bước các ngươi vào việc, thì thử hỏi có kẻ nào dám ngăn bước các ngươi không? Bọn cảnh sát ở Mônda phải chán đời lắm mới dại dột đem sinh mạng của chúng ra đùa bỡn trong một trò chơi nguy hiểm như thế để đổi lấy một trăm êquy. Và rồi, và rồi, ta không tin là ở đó ta ít được biết đến nỗi người ta không coi những tôi tớ của ta ra gì cả.

Sau khi đã làm nhục Gridô một chút như vậy, hắn cho y những chỉ thị đầy đủ hơn và chi tiết hơn. Gridô lấy hai tên đồng bọn và ra đi, điệu bộ vui vẻ và quả quyết, nhưng trong bụng thì rủa thầm Mônda, những bản án, những mụ đàn bà và những thói trái tính trái nết của ông chủ, y đi như một con chó sói gầy đét, xương sườn nhô ra đếm được, bị cơn đói thôi thúc phải rời bỏ những quả núi tuyết phủ trắng xóa, tiến lên một cách e ngại giữa cánh đồng, thỉnh thoảng đứng lại, khẽ nhấc một chân lên, và ve vẩy cái đuôi lông xơ xác.

Leva il muso odorando il ventio infido[1]

(Nó hếch mũi lên, đánh hơi ngọn gió đáng ngờ) để tìm

---

[1] Câu thơ tiếng La tinh của nhà thơ Tômaxô Grôxi (Tomaso Grossi) (1791 - 1853), người bạn thân thiết của Mandôni, trích trong bản trường ca lịch sử *"I Lombardi alla prima crociata"* (X, 16) (Những người Lombacđi ở cuộc thập tự chinh lần thứ nhất). ômã

xem ngọn gió ấy có đưa đến một mùi người hoặc mùi sắt thép nào không: nó vểnh đôi tai nhọn, và đảo những con mắt ngầu màu chứng tỏ cả sự thèm mồi lẫn nỗi sợ bị săn đuổi. Tiện đây xin nói, câu thơ hay tuyệt này, nếu có người nào muốn biết nó từ đâu ra, chính là rút trong một trường ca lịch sử về những cuộc thập tự chinh của những người dân Lômbacđi, trường ca này không lâu nữa sẽ được in ra và sẽ có tiếng vang; và tôi đã mượn câu thơ ấy vì nó đến với tôi vừa đúng lúc; tôi nói xuất xứ câu thơ để khỏi làm con cáo đội lông công: và xin mọi người chớ nghĩ đây là một thủ đoạn ranh mãnh của tôi để phô trương rằng tác giả bản trường ca với tôi thân như hai anh em và tôi có thể tùy thích lục lọi trong những bản thảo của ông.

Một điều khác mà Đôn Rôđrigô rất quan tâm, là tìm ra một cách nào đó để Rendô không còn có thể quay lại với Luxia, cũng không thể trở về quê hương được nữa. Với mục đích ấy, hắn dự định cho phao lên tin đồn về những hiểm họa và những âm mưu quỷ quyệt đang chờ đợi Rendô, để khi chàng trẻ tuổi nghe được, qua một người bạn nào đó, sẽ không còn muốn trở về vùng này nữa. Nhưng hắn cho rằng cái cách chắc chắn nhất là làm sao có thể trục xuất anh ra khỏi xứ này; và muốn làm được việc ấy, hắn thấy ngành tư pháp có thể giúp hắn tốt hơn là thế lực. Chẳng hạn nếu như hắn có thể thổi phồng cái vụ đã xảy ra trong ngôi nhà linh mục, miêu tả nó như một cuộc tấn công, như một hành động bạo loạn, và, qua sự môi giới của vị tiến sĩ, gợi ý với ngài thị trưởng rằng trường hợp này cần ban bố một lệnh bắt Rendô. Nhưng hắn tự thấy mình không phải loại người để đi khuấy động cái chuyện bẩn thỉu này; và, chẳng cần bới óc lâu la gì, hắn quyết định thổ lộ việc này với tiến sĩ Adecca Gacbugli,

trong chừng mực hắn thấy cần thiết để tiến sĩ hiểu được ý muốn của hắn. "Pháp lệnh thì thiếu gì! - Hắn nghĩ. - Và vị tiến sĩ không phải thằng ngốc: ông ta sẽ biết tìm ra một cái gì để vặn cổ cái thằng nhà quê ấy: nếu không hắn đã chẳng xứng đáng với biệt hiệu của họ".

Thế nhưng, (chuyện đời có khi biến hóa khôn lường như thế đấy!) trong khi hắn nghĩ đến vị tiến sĩ như một con người tài ba nhất có thể giúp hắn trong việc này, thì một người khác, cái người có lẽ không ai nghĩ đến - xin nói thẳng, đó chính là Rendô - đang ra sức hoạt động để giúp hắn, bằng một cách chắc chắn và nhanh chóng hơn tất cả những cách mà vị tiến sĩ có lẽ không bao giờ có thể nghĩ ra được.

Tôi đã nhiều lần được thấy một đứa trẻ xinh xắn, quả thật hơi hiếu động quá mức bình thường, nhưng nó cho ta tất cả những dấu hiệu hứa hẹn trở thành một người tử tế; tôi nói lại, tôi đã nhiều lần được thấy một đứa trẻ như thế lúc buổi chiều ra sức lùa về chuồng một bầy chuột bạch mà cậu đã thả cho chạy tự do suốt ngày trong khu vườn nhỏ. Cậu muốn lùa cả bầy về chuồng một lúc; nhưng đó chỉ là công cốc: một con sổng sang phải, và trong khi cậu mục đồng nhỏ bé chạy đi xua nó về đàn, thì một con nữa, rồi hai con, ba con tán loạn sang trái. Đến nỗi sau khi đã hơi nản lòng, cậu phải chiều theo thói đỏng đảnh của chúng, trước hết đẩy vào chuồng những con ở gần cửa nhất, rồi đi lùa những con khác, một, hai, ba con cùng một lúc theo sức cậu có thể lùa được. Chính là chúng tôi phải xử lý các nhân vật của chúng tôi theo một cách tương tự: đưa Luxia vào nơi ẩn náu rồi, chúng tôi vội đến với Đôn Rôdrigô; và bây giờ thì chúng tôi phải bỏ ông ta để đi theo Rendô đã bị mất hút.

Sau cuộc chia ly não lòng mà chúng tôi đã kể, Rendô đi từ

Mônda về phía Milăng trong một tâm trạng mà ai cũng có thể dễ dàng hình dung được. Rời bỏ ngôi nhà mình, vứt bỏ nghề nghiệp mình, và đau lòng hơn hết là phải xa cách Luxia, để lang thang trên con đường vô định; và tất cả chỉ vì cái thằng vô lại ấy! Khi tâm trí anh dừng lại ở một ý nghĩ nào trong những ý nghĩa ấy, anh lại thấy trong người sôi lên vì căm giận và ý muốn trả thù. Nhưng anh lại nhớ đến lời cầu nguyện chính anh đã đọc cùng vị tu sĩ nhân từ trong nhà thờ Pexcarênicô, và anh tỉnh ngộ. Rồi cơn giận của anh lại trỗi dậy, nhưng nhìn thấy một ảnh thánh trên tường, anh ngả mũ, đứng lại một lúc để cầu nguyện lần nữa; cứ thế đến nỗi suốt cuộc hành trình này, trong ý nghĩ anh đã giết chết Đôn Rôđrigô và cho hắn sống lại ít nhất đến hai mươi lần.

Con đường bấy giờ sâu giữa hai bờ dốc, mặt đường lầy bùn, đầy đá, nhiều vết bánh xe hằn sâu thành những rãnh sau cơn mưa; ở một số quãng thấp hơn nó bị ngập hoàn toàn và người ta có thể đi thuyền trên đó. Ở những quãng này, một con đường mòn dựng đứng leo từng bậc lên bờ cao, chứng tỏ những khách bộ hành đã vạch lấy đường xuyên qua cánh đồng. Rendô leo lên một trong những con đường ấy tới điểm cao nhất, nhìn thấy ngôi nhà thờ đồ sộ trơ trọi giữa cánh đồng, dường như nó được dựng lên không phải trong một thành phố, mà giữa sa mạc; và anh đứng sững lại, quên hết mọi đau khổ của mình, để chiêm ngưỡng, dù là từ xa, cái kỳ quan thứ tám ấy của thế giới, mà từ thuở ấu thơ anh đã nghe nói đến bao lần. Nhưng một lúc sau, quay mình lại, anh nhìn thấy ở chân trời những đỉnh núi hình răng cưa trong đó ngọn *Rêxêgôn* của anh nổi bật lên, cao và rõ nét; bồi hồi xao xuyến, anh đứng một lúc ngây người, đôi mắt buồn rầu đăm đắm nhìn về phía ấy, rồi anh ủ rũ quay đi tiếp tục con đường của mình. Chẳng

mấy chốc, anh dần dần nhận ra những gác chuông, những ngọn tháp, những nóc tròn, những mái nhà. Anh bước xuống mặt đường, còn đi một lúc nữa, và khi thấy đã sắp vào thành phố, anh đến bên một người qua đường, chào ông, và nói với ông bằng một giọng hết sức nhã nhặn.

- Thưa ngài, xin ngài làm ơn.

- Anh muốn gì, anh chàng trẻ tuổi?

- Xin ngài làm ơn chỉ cho đường ngắn nhất đến tu viện dòng đạo hành khất ở đó có cha Bônaventuya.

Người được Rendô hỏi là một người dân khá giả ở vùng ngoại ô Milăng, sáng hôm ấy vào thành phố có việc và trở về chẳng được việc gì, đang rất vội và nóng ruột về nhà: ông hẳn rất khó chịu vì bị giữ lại hỏi đường. Thế nhưng, không hề biểu lộ một chút dấu hiệu gì sốt ruột, ông đáp lại rất lịch sự.

- Anh bạn quý này, tu viện ở đây không thiếu: anh phải nói rõ hơn anh muốn tìm tu viện nào.

Rendô lấy trong túi áo bức thư của cha Crixtôfôrô đưa cho ông, ông đọc "Cửa đông", rồi trả lại thư cho anh và nói:

- Anh gặp may đấy, anh bạn trẻ ạ, cái tu viện anh tìm ở không xa đây lắm. Anh hãy theo con đường nhỏ này bên trái: đó là đường tắt. Qua vài phút anh sẽ đến góc một tòa nhà dài và thấp, đó là trại phòng dịch; đi dọc theo cái hào bao bọc trại phòng dịch, anh sẽ tới Cửa Đông. Anh qua cửa, và nhìn thấy cách đó chừng ba bốn trăm bước một quảng trường nhỏ với những cây du đẹp mắt; tu viện ở đó. Anh không nhầm được đâu. Cầu Chúa phù hộ anh, anh bạn trẻ.

Và đưa tay làm một cử chỉ duyên dáng kèm theo những lời cuối cùng này, ông đi khỏi. Rendô đứng sững sờ vì kinh ngạc và cảm động trước cách cư xử tốt đẹp của những người thành

phố đối với người quê mùa. Anh không biết đây là một ngày khác thường, và trong ngày này những áo choàng cũng cúi chào những áo cộc[1]

Anh đi theo con đường được chỉ dẫn và tới Cửa đông. Tuy vậy, khi nghe cái tên này, xin bạn đọc chớ để ý nghĩ của mình hướng theo những hình ảnh mà cái tên ấy ngày nay gợi lên. Khi Rendô đi vào cổng thành này, con đường đằng sau cổng chỉ chạy thẳng dọc theo suốt chiều dài của trại phòng dịch; sau đó nó lượn ngoằn ngoèo giữa hai hàng rào. Cổng thành gồm hai trụ đỡ một mái hiên che cánh cổng, cạnh đó là một túp nhà nhỏ của nhân viên thuế quan. Những tường thành dốc xuống với độ dốc không đều, và mặt đất gồ ghề lồi lõm rải đầy gạch vụn. Con đường mở ra trước mắt một người đi vào cổng thành này có lẽ cũng gần giống còn đường ta thấy ngày nay khi đi vào cửa Tôda. Một rãnh nước chảy giữa đường gần đến tận cổng thành chia con đường ấy thành hai đường nhỏ ngoằn ngoèo đầy bụi hoặc bùn tùy theo mùa. Ở nơi mà hồi ấy và cả ngày nay là phố nhỏ Boocghettô, cái rãnh chảy vào một cống thoát nước. Ở đây có một cái cột trên dựng cây thập ác, gọi là cột Xanh Đôni. Bên phải và bên trái dài những vườn rau có rào giậu và từng quãng lại hiện lên vài ngôi nhà nhỏ phần lớn là của những người thợ giặt.

Rendô đi qua cổng thành mà không một người lính thuế quan nào để ý đến anh: anh thấy điều này thật kỳ lạ, bởi vì một số ít người làng có thể khoe khoang đã đến Milăng vẫn kể với anh hàng đống chuyện về những sự khám xét và tra hỏi đối với những người ở nhà quê ra thành phố. Con đường vắng tanh: nếu anh không nghe thấy cái gì như một tiếng ầm ầm ở

---

[1] Nghĩa là: Những nhà quý tộc cúi chào những kẻ thường dân.

xa báo hiệu một cuộc náo động, thì anh hẳn đã tưởng mình đang tiến vào một thành phố không người ở.

Anh đi tiếp, trong lòng vẫn còn phân vân, thì lại trông thấy trên mặt đất những vệt trắng, xốp như tuyết: nhưng vô lý, tuyết không rơi thành vệt, và thông thường cũng không rơi vào mùa này. Anh cúi xuống một vệt, nhìn, sờ, nhận ra là bột mì. "Sao mà lắm bột mì thế, - anh nghĩ, - ở Milăng hẳn là sẵn bột mì, vì người ta phung phí của cải của Chúa như vậy. Ấy thế mà họ cứ làm cho ta tưởng ở đâu cũng có nạn đói! Thì ra họ xoay xở như thế để trấn an những người dân quê".

Nhưng, đi thêm vài bước, anh tới bên cột và trông thấy ở chân cột một cái gì còn kỳ lạ hơn nữa: anh thấy trên những bậc của bệ cột những vật gì rải rác chắc chắn không phải là những hòn sỏi, và nếu đặt trên quầy hàng một cửa hiệu bánh mì thì người ta hẳn không chút ngập ngừng gọi ngay là những cái bánh mì. Nhưng Rendô không dám vội tin ở mắt mình: quái lạ, đây có phải là chỗ để bánh mì đâu! "Thử xem cái trò gì nào", anh lại tự nhủ. Anh tiến đến bên cột, cúi xuống, nhặt lên một cái đó: đó quả thật là một cái bánh mì tròn trĩnh, một cái bánh mì rất trắng, như Rendô thường chỉ ăn vào những ngày lễ lớn. "Thật đúng là bánh mì! - Anh nói to, rất đỗi ngạc nhiên. - Vậy mà ở cái xứ này họ rắc ra như thế? Vào cái năm như năm nay? Và thậm chí họ cũng chẳng thèm bận tâm nhặt lên khi nó rơi ra? Thế thì đây là chốn bồng lai tiên cảnh chăng?

Sau khi đã đi mười dặm đường trong bầu không khí mát mẻ buổi sớm mai, cái bánh mì này kích thích cả sự ngạc nhiên lẫn cơn đói của anh. "Lấy không? - anh tự hỏi. - Ồ, họ quẳng cái này cho chó, thế thì một con chiên của Chúa sao lại không được lấy dùng? Rốt cuộc, nếu người chủ ra đây, ta sẽ trả tiền cho ông ta". Biện luận như thế rồi, anh tống cái bánh mì đang

cầm trong tay vào túi, lấy một cái thứ hai và tống nó vào túi bên kia, rồi lấy một cái thứ ba và bắt đầu ăn; anh lại lên đường, càng phân vân hơn và càng muốn hiểu hơn trước ý nghĩa của những sự việc trên.

Anh mới đi được vài bước thì thấy xuất hiện những người từ bên trong thành phố đi ra; anh chăm chú nhìn những người đầu tiên đi đến. Đó là một người đàn ông, một người đàn bà, và cách đó vài bước, một cậu bé con. Cả ba đều vác một gánh nặng dường như quá sức họ và cả ba đều có một vẻ kỳ lạ: quần áo họ, hoặc những mảnh vải rách che thân họ, trắng xóa những bột; và cả bộ mặt họ cũng bê bết những bột, đã thế lại bừng bừng kích động vì cái gì đó; họ bước đi, còng lưng xuống không chỉ vì gánh nặng, mà còn vì cái vẻ đau đớn cứ như là họ bị gãy xương.

Người đàn ông khó nhọc vác trên vai một bao bột to tướng thủng lỗ chỗ để bột rơi ra ngoài mỗi khi ông vấp chân hoặc mất thăng bằng. Nhưng hình dạng người đàn bà còn gớm ghiếc hơn. Một cái bụng trương phình, được hai cánh tay khuỳnh ra cố đỡ một cách khó nhọc một thứ vại có hai quai. Dưới cái bụng to tướng ấy thò ra hai cẳng chân trần đến đầu gối lảo đảo bước đi. Rendô nhìn kỹ hơn, và thấy tấm thân vĩ đại ấy chính là cái váy mà người đàn bà túm lấy ở vạt để đựng bột mì đầy hết cả, và thậm chí hơi quá mức, đến nỗi cứ mỗi bước đi gió lại cuốn một đám bột như đám mây. Cậu bé đội trên đầu một cái sọt đựng bánh mì ngập đến miệng sọt và với hai tay lên để giữ; nhưng vì chân ngắn hơn bố mẹ, cậu bao giờ cũng tụt lại sau một chút: thỉnh thoảng cậu rảo bước lên để kịp bố mẹ thì cái sọt bị mất thăng bằng và mấy cái bánh rơi ra.

- Mày vứt nữa đi, thằng ranh con ăn hại! - Bà mẹ nói, nghiến răng nhìn cậu bé.

- Có phải con vứt đâu, tự nó rơi ra đấy chứ. Con làm thế nào được? - Cậu bé đáp.

- Chà! Phúc cho mày hai tay tao đang mắc bận... - Người đàn bà lại nói, rung rung hai nắm tay dường như bà đang lắc mạnh cậu bé khốn khổ; và cứ chỉ ấy làm bay đi nhiều bột hơn cả số bột để làm hai cái bánh cậu bé vừa đánh rơi.

- Thôi, thôi, - Người đàn ông nói, - rồi ta sẽ quay lại nhặt, hoặc sẽ có người nào đó nhặt. Khổ lâu rồi... bây giờ dư dật một chút thì cố mà vui vẻ hưởng với nhau.

Trong khi ấy, có những người khác đi từ cổng thành đến. Một người lại gần người đàn bà hỏi:

- Lấy bánh mì ở đâu bác?

- Cứ đi nữa, - bà đáp; và khi họ đã đi xa chừng chục bước, bà làu bàu nói thêm: - Cái bọn nhà quê ăn hại này sắp đến quét sạch tất cả các cửa hàng bánh mì và các kho bánh, và ta sẽ chẳng còn gì nữa cho mà xem.

- Thôi thì mỗi người một ít, cái bà này đến là nhiễu sự, ông chồng nói, - nhiều lắm... nhiều lắm mà...

Cảnh tượng ấy, và nhiều cảnh tượng khác nữa đại loại như thế, và tất cả những gì Rendô nghe được, cuối cùng khiến anh hiểu rằng anh đã tới một thành phố nổi loạn, và đây là một ngày chinh phục, nghĩa là mỗi người cứ việc lấy theo ý muốn và sức lực của mình, chỉ phải trả giá bằng những quả đấm. Dù chúng tôi có muốn trình bày anh bạn miền núi đáng thương của chúng tôi dưới một vẻ tốt đẹp nào đi nữa, sự thật lịch sử vẫn buộc chúng tôi phải nói rằng cảm giác đầu tiên của anh là sự hài lòng. Anh có quá ít điều để vui mừng về cuộc sống hàng ngày khiến anh có khuynh hướng tán thành những gì có thể thay đổi nó bằng bất cứ cách nào. Hơn nữa, vốn không phải là một người đứng cao hơn thời đại mình, anh

cũng đồng tình với dư luận hoặc thiên kiến chung và cho rằng nếu người ta thiếu bánh mì thì đó là do những kẻ đầu cơ tích trữ và những chủ hiệu bánh mì, và anh sẵn sàng cho là đúng bất cứ cách nào giật được từ tay họ cái lương thực ấy mà họ, cũng theo dư luận đó, đã từ chối một cách tàn ác đối với cả một dân tộc đang bị đói. Tuy vậy, anh định đứng ngoài cuộc hỗn loạn và vui mừng vì được gửi đến một vị thầy tu dòng đạo hành khất sẽ cho anh một chốn nương thân và sẽ là một người cha của anh. Vừa nghĩ miên man như thế vừa ngắm nhìn những kẻ chiến thắng mới với chiến lợi phẩm chất nặng trên người, anh đi tiếp con đường ngắn ngủi còn lại để tới tu viện.

Ở nơi này bây giờ nổi lên tòa lâu đài tráng lệ với một hành lang cao rộng, vào thời ấy, và mấy năm trước đây cũng vẫn còn, có một quảng trường nhỏ và ở cuối quảng trường là nhà thờ và tu viện dòng đạo hành khất với bốn cây du đại thụ trước mạt. Chúng tôi chúc mừng không phải không có chút ghen tị, những bạn đọc nào của chúng tôi đã không nhìn thấy cảnh tượng ấy, bởi vì điều đó có nghĩa là họ rất trẻ, và họ chưa có thời giờ làm nhiều chuyện bậy bạ.

Rendô đi thẳng đến cổng, giúi vào trong ngực áo nửa cái bánh mì còn lại, lấy lá thư ra cầm sẵn trong tay, rồi anh kéo chuông. Một cửa nhỏ có song sắt mở ra và khuôn mặt thầy ở góc cổng hiện lên hỏi ai đó.

- Tôi ở nhà quê lên, mang đến cho cha Bônaventuya một lá thư khẩn cấp của cha Crixtôfôrô.

- Anh đưa đây, - thầy gác cổng nói, một tay đặt lên song sắt.

- Không, không, - Rendô nói, - tôi phải đưa tận tay cha Bônaventuya.

- Cha không có nhà.

- Thế thì cho tôi vào, tôi sẽ đợi cha.

- Anh hãy nghe tôi, - ông thầy tu đáp, - anh ra đợi cha ở nhà thờ, và trong thời gian ấy anh có thể cầu nguyện một chút được. Trong lúc này không cho ai vào tu viện.

Nói xong ông đóng sập cửa nhỏ.

Rendô đứng đờ ra với lá thư trong tay. Theo lời khuyên của thầy gác cổng, anh đi vài bước về phía cổng nhà thờ, nhưng anh chợt nảy ra ý nghĩ trước hết hãy đi ngó thử cuộc nổi loạn một chút đã. Anh đi qua quảng trường, đến bên hè đường và đứng lại, khoanh tay trước ngực, nhìn sang trái về phía trung tâm thành phố, nơi đó tiếng ồn ào nghe to và náo động hơn cả. Cơn lốc ấy lôi cuốn vị khán giả. "Nào thì đi xem", anh tự nhủ. Anh lấy nửa cái bánh mì ra, và vừa nhấm nháp vừa đi về phía đó.

Trong khi anh đi, chúng tôi xin cố gắng kể lại hết sức vắn tắt những nguyên nhân sinh ra cuộc hỗn loạn này.

Chương mười hai

Đó là năm thứ hai bị mất mùa. Năm trước, phần lương thực dự trữ còn lại của những năm trước nữa chỉ tạm đủ để bù vào sự thiếu hụt. Dân chúng bữa no bữa đói, nhưng chắc chắn không còn chút gì dự trữ, cố sống cho đến vụ gặt năm 1628, là năm xảy ra câu chuyện của chúng ta. Vậy mà cái vụ gặt xiết bao chờ đợi ấy hóa ra còn thảm hại hơn cả vụ gặt trước, một phần vì thời tiết xấu kéo dài hơn (và tình hình ấy không chỉ trong vùng Milăng, mà cả ở nhiều vùng chung quanh), một phần do lỗi của con người. Những sự tàn phá và phung phí của chiến tranh, cái cuộc chiến tranh hay ho ấy mà chúng tôi đã nói đến trên kia, nặng nề đến mức mà ở những vùng gần chiến sự nhất của Công quốc có nhiều mảnh đất phải bỏ hoang hơn thường lệ: những người nông dân đáng lẽ dùng lao động của mình cung cấp bánh mì cho bản thân họ và cho những người khác, thì lại bắt buộc phải đi ăn xin bánh mì. Tôi nói: hơn thường lệ; bởi vì những thuế má nặng nề không chịu nổi, bổ vào dân và một lòng tham và điên rồi vô bờ bến, thái độ thông thường ngay giữa thời bình của quân đội đóng trong các làng xóm, cái thái độ mà những tài liệu đau xót thời ấy đã phải so sánh với một quân thù xâm lược, và những nguyên

nhân khác nữa không cần nói ra đây, tất cả những cái đó dần tạo nên từ ít lâu nay cái hậu quả đáng buồn này trong toàn hạt Milăng. Cho nên những hoàn cảnh đặc biệt mà chúng tôi nói tới bây giờ chỉ là cơn bột phát trầm trọng và một căn bệnh kinh niên. Và trong khi vụ mùa mới này, vốn đã xơ xác đến thế, vẫn còn chưa gặt hết thì những đợt tiếp tế lương thực cho quân đội và sự lãng phí luôn luôn kèm theo đã làm hao tổn vụ mùa ấy đến mức người ta cảm ngay thấy nạn khan hiếm, và cùng với nạn khan hiếm là hậu quả của nó đau đớn, nhưng không tránh khỏi và dẫu sao cũng còn có gì để nuôi sống con người: nạn đắt đỏ.

Nhưng khi nạn đắt đỏ này lên tới mức nào đó, thì bao giờ người ta cũng thấy nảy ra (hoặc ít nhất điều đó vẫn tiếp tục sau khi biết bao con người đáng kính đã viết về vấn đề này, thì bạn thử nghĩ xem tình hình thời ấy phải như thế nào!) người ta thấy nản và truyền bá cái quan niệm cho rằng không phải sự khan hiếm là nguyên nhân của nạn đắt đỏ. Người ta quên rằng về sự khan hiếm này người ta đã lo sợ nó, đã dự tính nó, người ta bỗng phỏng đoán rằng lúa mì có đủ, và tai họa chỉ do nó không được bán ra đủ cho sự tiêu dùng: những phỏng đoán xằng bậy, nhưng chúng cũng ve vãn được cả cơn giận lẫn niềm hy vọng. Những kẻ đầu cơ tích trữ lúa mì, thật sự hay tưởng tượng, những điền chủ không chịu bán tất cả lúa mì của họ trong một ngày, những chủ hiệu bánh mì mua lúa mì về, tóm lại tất cả những người có lúa mì ít hay nhiều, hoặc được cho là có lúa mì, chính những người ấy bị coi là thủ phạm của nạn khan hiếm và nạn đắt dỏ, chính họ đã trở thành mục tiêu của những sự than phiền, phải giơ đầu chịu những lời nguyền rủa của quần chúng, của cả người sang trọng và người nghèo khổ. Người ta chỉ ra một cách chắc chắn

ở đâu có những kho, những vựa lúa mì, chất lên tận ngọn, đầy ứ lúa mì, đến mức phải chống đỡ cho khỏi đổ; người ta định rõ số lượng những bao lúa mì, cái số lượng lớn đến mức khó tin; người ta nói, như một sự thật rành rành, về số ngũ cốc nhiều vô kể được bí mật gửi sang những vùng khác (tại đây chắc hẳn người ta cũng kêu lên, với sự quả quyết như thế và với lòng phẫn nộ như thế, rằng lúa mì vùng này đã chở đi Milăng). Người ta yêu cầu các nhà chức trách định ra những biện pháp mà đối với quần chúng bao giờ cũng có vẻ, hoặc ít ra từ xưa đến nay vẫn có vẻ là những biện pháp hết sức đúng đắn, hết sức giản dị, rất có hiệu lực để đưa ra ánh sáng cái lúa mì đã bị cất giấu, bị tàng trữ trong những bức tường xây, bị chôn vùi nữa như người ta nói, và để đưa tình trạng sung túc trở lại. Các nhà chức trách quả thật cũng đã làm một cái gì: chẳng hạn như định giá tối đa cho một số hàng thực phẩm, dọa phạt những người không chịu bán theo giá ấy, và những pháp lệnh khác đại loại như thế. Nhưng vì tất cả mọi biện pháp trên đời, dù nghiêm khắc đến mấy, cũng không có khả năng làm giảm bớt nhu cầu về thực phẩm, cũng không thể khiến các sản phẩm mọc lên ngoài thời vụ; và nhất là những biện pháp ấy chắc chắn không có hiệu lực thu hút được lương thực từ những vùng có thừa thãi về đây, cho nên tai họa vẫn kéo dài và ngày càng tệ hại. Quần chúng đổ tại biện pháp ít ỏi và nhu nhược, và càng lớn tiếng đòi hỏi những biện pháp mạnh mẽ hơn và kiên quyết hơn. Tai hại cho họ, họ đã tìm được cái người vừa ý họ.

Khi vắng ngài thống đốc Đôn Gôndalô Phecnande đơ Coocđôva, đang phải chỉ huy cuộc vây hãm thành Cadan tại Môngfera, người thay ngài là đại pháp quan Antôniô Fere, cũng người Tây Ban Nha. Ông này thấy rằng (và ai mà chẳng

thấy thế?) một giá bánh mì đúng đắn tự nó là điều rất đáng mong muốn. Và ông cho rằng (đó chính là sai lầm của ông) chỉ cần một mệnh lệnh là có thể xác lập cái giá đó. Ông ấn định cái *meta* (ở đây người ta gọi như thế cái giá quy định cho các hàng thực phẩm), ông ấn định cái *meta* của bánh mì theo một giá sẽ là đúng nếu lúa mì bán như bình thường ba mươi lia[1] một thùng[2]: thế nhưng lúa mì lại bán đến tám mươi lia. Ông hành động giống như một người đàn bà đã quá thì muốn mình trẻ lại bằng cách làm giả giấy khai sinh.

Những lệnh đỡ vô lý hơn và đỡ bất công hơn cũng đã nhiều lần nằm chết trên giấy do chính sự cưỡng lại của tình thế; nhưng lần này thì dân chúng lại chăm lo đến sự thực thi những lệnh ấy, bởi vì, rốt cuộc được thấy điều mong muốn của mình đã trở thành pháp luật, tất nhiên họ không chịu để những lệnh ấy biến thành trò cười. Họ lập tức chạy đến các cửa hiệu bánh mì hỏi mua bánh mì theo giá quy định; và họ đòi bánh mì với vẻ cương quyết và dọa nạt do cả nhiệt tình, sức mạnh và luật pháp hợp lại. Chẳng phải nói ta cũng biết những chủ hiệu bánh mì kêu gào như thế nào. Nhào bột, quấy bột, bỏ lò và ra lò luôn tay (bởi vì dân chúng mơ hồ cảm thấy đây là chuyện cưỡng bức, không ngừng bao vây các cửa hiệu bánh mì để tận hưởng cái của giời cho ấy chừng nào nó vẫn còn), đổ mồ hôi sôi nước mắt, vất vả hơn mọi khi mà chỉ để chịu thiệt thòi: thật sung sướng cho những ông chủ hiệu bánh mì! Nhưng những người ấy bị kẹp giữa một bên là các nhà chức trách sẵn sàng bắt phạt và bên kia là đám dân chúng muốn được phục vụ, chỉ hơi chậm thỏa mãn là họ thúc bách, to

---

[1] Một loại tiền Ý.

[2] Dịch tạm chữ *boisseau*: đơn vị ngày xưa đo lường dung lượng những chất thô, tương đương với 13 lít.

tiếng mắng chửi và đe dọa trừng phạt theo cách của họ, là cái cách tệ hại nhất trên đời. Không con đường nào khác: cứ phải nhào bột, bỏ lò, ra lò và bán.

Tuy vậy, để những chủ hiệu bánh mì có thể tiếp tục như thế, cả những lệnh đã ban bố lẫn nỗi sợ của họ đều không đủ. Còn phải làm sao cho họ có thể tiếp tục được, thế nhưng tình hình này mà kéo dài một chút nữa thôi họ cũng chẳng còn sức đâu chịu nổi. Họ trình bày với các nhà chức trách tính chất bất công và quá quắt của gánh nặng đè lên đầu họ, họ nói rằng họ chỉ còn cách ném xẻng vào lò và đóng cửa hàng lại; nhưng tạm thời lúc này họ vẫn tiếp tục với chút khả năng cho phép, hy vọng một ngày kia ngài tể tướng vĩ đại sẽ nghe ra lẽ phải. Nhưng Antiniô Fere vốn là một người mà nhưng nay có lẽ ta sẽ gọi là cương nghị, đáp lại rằng các ông chủ hiệu bánh mì trong thời gian qua đã thu về biết bao nhiêu và bao nhiêu lời lãi, rằng sau này họ sẽ còn kiếm ra bạc vạn khi thời buổi sung túc trở lại; và rồi người ta sẽ xét, có thể người ta sẽ nghĩ cách cho họ một khoản phụ cấp nào đó; nhưng trong khi chờ đợi thì họ cứ phải tiếp tục như thế. Phải chăng chính ông cũng thật lòng tin vào những lý lẽ ông đưa ra và mọi người, hay là trong khi thừa biết trên thực tế không thể duy trì được pháp lệnh của mình, ông muốn trút cho người khác cái việc đáng ghét bãi bỏ pháp lệnh ấy? Bởi vì giờ đây ai mà biết được đầu óc Antôniô Fere nghĩ cái gì? Sự thật là ông cứ cố thủ những điều ông đã quyết định. Cuối cùng các *đêcuriông* (các quan chức thành phố tuyển trong những nhà quý tộc, tồn tại đến tận năm 96 của thế kỷ trước)[1] viết thư báo cho ngài

---

[1] Tức là đến năm 1796, năm quân đội Napôlêông tiến vào những Ý, thúc đẩy sự hình thành các nước cộng hòa Ý và thực hiện hàng loạt cải cách tư sản làm lung lay chế độ phong kiến tuyệt đối.

thống đốc biết tình hình, đề nghị ngài tìm ra cách nào để chấn chỉnh lại.

Đôn Gôndalô, ngập lút đầu vào trong cuộc chiến tranh, đã làm các việc mà bạn đọc hẳn đoán ra ngay: ông bổ nhiệm một *hội đồng*[1] mà ông giao cho toàn quyền ấn định một giá bánh mì thích hợp, để làm sao thỏa mãn cả bên này lẫn bên kia. Các ủy viên hội đồng họp hoặc, như người ta nói ở đây theo biệt ngữ hành chính Tây Ban Nha thời ấy, họ *họp bàn*[3]; và sau hàng nghìn sự cung kính, lời chúc tụng, lời phi lộ, những cái thở dài, những cuộc gián đoạn, những mệnh đề trống rỗng, những lời nói quanh co, tất cả đều thấy mình bị đẩy tới một quyết định mà ai cũng thấy cần thiết, trong khi thừa biết là đang đánh liều một nước bài tuyệt vọng, nhưng vẫn phải nhận là chẳng còn đường nào khác: họ quyết định tăng giá bánh mì. Các ông chủ hiệu bánh mì thở phào, nhưng nhân dân thì nổi giận.

Buổi tối trước hôm Rendô đến Milăng, các phố xá và quảng trường đông nghịt những người cùng bừng bừng một cơn giận dữ, cùng sôi sục một ý nghĩ như nhau; người quen kẻ lạ, họ tụ tập từng nhóm; không hẹn mà nên, như vô tình đến đây, chẳng khác gì những giọt nước cùng chảy theo một đường dốc. Mỗi bài diễn thuyết cùng củng cố quyết tâm và thôi thúc nhiệt tình của người nghe cũng như người nói. Tuy vậy, giữa đám quần chúng bừng bừng ấy, một số kẻ bình tĩnh hơn, rất khoái trí nhận thấy nước cứ đục mãi lên; và chúng tìm cách làm nó đục thêm với những thứ lý lẽ và những chuyện nhảm nhí mà những thằng bịp bợm luôn sẵn sàng bịa ra và những

---

[1] Trong bản tiếng Pháp là *gunte* được chú nghĩa là một Hội đồng ủy ban.

[3] Trong bản tiếng Pháp là động từ *Junter* (có nghĩa là họp bàn), do dịch giả "Pháp hóa" một từ Tây Ban Nha.

đầu óc bốc đồng luôn sẵn sàng tin theo; và chúng định chừng nào chưa bắt được thì còn chưa cho nước lắng xuống. Hàng nghìn con người đi ngủ với cảm giác mơ hồ phải làm một cái gì, và sẽ có một cái gì đó xảy ra.

Trời chưa sáng đã lại có nhiều đám tụ tập trong các phố; trẻ con, đàn bà, đàn ông, cụ già thợ thuyền người nghèo khổ, bạ đâu tụ đấy: ở đây là tiếng rì rầm không rõ ràng của nhiều giọng nói; đằng kia một người đứng lên hô hào trước đám đông, và được họ hoan hô; một người hỏi người đứng gần mình nhất cũng câu hỏi người ta vừa hỏi anh; một người khác nhắc lại tiếng reo hò anh vừa nghe vang lên ở bên tai; khắp nơi người ta phàn nàn, hăm dọa thốt lên những tiếng kêu kinh ngạc, và tất cả những cuộc trò chuyện ấy chỉ cần rất ít lời.

Chỉ còn thiếu một cơ hội, một sức đẩy, một bước đầu nào đó để các lời nói chuyển thành hành động. Và cái đó có ngay thôi. Buổi sáng sớm, những phụ lò bánh mì từ các hiệu bánh mì ra, lưng đeo sọt chất đầy bánh, đi giao bánh cho các khách hàng quen. Khi người đầu tiên trong số những phu lò bánh mì đáng thương ấy vừa xuất hiện bên một đám người tụ tập, việc đó cũng chẳng khác gì một cái pháo đang cháy rơi vào một kho thuốc nổ.

- Xem kìa đã lắm bánh mì chưa! - Hàng trăm tiếng cùng nhao nhao kêu lên.

- Phải, bánh mì cho lũ bạo chúa, cho đám giàu sang phè phỡn, cho những kẻ muốn làm chúng ta chết đói, - một người nói và tiến lại gần anh thợ trẻ, vung tay nắm lấy miệng sọt, lắc lắc cái sọt và nói: - Xem nào.

Anh thợ trẻ đỏ mặt, rồi tái mặt run rẩy; có lẽ anh muốn nói: "Để tôi đi"; nhưng lời anh tắc lại trong miệng, anh dang

tay cố tháo thật nhanh các đai da đeo sọt. "Hạ sọt xuống!" mọi người quát. Nhiều bàn tay cùng một lúc nắm lấy cái sọt đặt xuống đất; người ta bèn vứt tấm vải phủ miệng sọt đi: một mùi thơm âm ấm tỏa khắp chung quanh. "Chúng ta cũng là những con chiên của Chúa, chúng ta cũng cần ăn bánh mì", người gây chuyện đầu tiên nói. Anh ta cầm lấy một cái bánh tròn, giơ lên cho cả đám đông trông thấy, cắn vào bánh: cái sọt bị tấn công, những chiếc bánh bay đi? ngoảnh đi ngoảnh lại chỉ còn sọt không. Những người không được gì nhìn kẻ khác cướp được mà tức tối, lại hăng lên vì thấy việc làm ăn khá dễ dàng, bèn kéo từng đàn đi tìm những sọt khác: thấy cái nào, họ cướp sạch cái ấy. Và thậm chí cũng chẳng cần tấn công những người đeo sọt: những anh chàng ấy, không may đang đi trên đường, cảm thấy có chuyện chẳng lành liền tự nguyện đặt gánh nặng của mình xuống đất và ba chân bốn cẳng chạy trốn. Mặc dầu vậy, những kẻ phải treo miệng vẫn nhiều hơn cả; bản thân những kẻ đã cướp được cũng không hài lòng vì một chiến lợi phẩm nghèo nàn đến thế. Rồi, lẫn trong đám người đó có những kẻ muốn mưu đồ làm loạn. Thế là người ta bắt đầu thét lên: "Đến hiệu bánh mì! Đến hiệu bánh mì!"

Ở cái phố tên là *Coocxia đơ Xecvi* trước kia và bây giờ vẫn có một hiệu bánh mì giữ mãi một tên gọi, theo thổ ngữ Tôxcan[1] có nghĩa là "Lò bánh mì chống nạng", còn theo thổ ngữ Milăng thì gồm những từ hết sức phức tạp, kỳ lạ và man rợ đến nỗi bảng chữ cái của ngôn ngữ chúng ta không có ký hiệu nào để biểu thị được âm của nó[2]. Chính là theo hướng

---

[1] Thổ ngữ Tôxcan (đúng hơn, thổ ngữ Plorăngxơ) là cơ sở của ngôn ngữ dân tộc Ý.

[2] *"El prestin di scanse* (chú thích của Mandôni).

này đám đông ùa tới. Những người trong cửa hiệu đang tra hỏi một anh phu bánh mì trở về không có sọt, và anh ta, bơ phờ kinh hãi, ấp úng kể lại câu chuyện thiểu não của mình. Lúc ấy người ta nghe thấy tiếng chân rầm rập và những tiếng thét ồn ào; những tiếng ấy to dần và tiến lại gần, và những đội tiên phong của đám quần chúng xuất hiện.

- Đóng cửa lại, đóng cửa lại! Mau lên, mau lên!

Một người chạy đi cầu cứu ông đội trưởng cảnh sát những người khác vội vã đóng cửa hàng và chẹn các cánh cửa. Phía ngoài đám đông ùn ùn kéo đến và thét lên:

- Bánh mì! Bánh mì! Mở cửa! Mở cửa!

Một lát sau thầy đội trưởng cảnh sát đến với một đội lính cầm kích.

- Tránh ra, tránh ra, anh em: giải tán về nhà, về đi; tránh ra cho thầy đội trưởng cảnh sát đi nào, ông đội trưởng cảnh sát đi nào, - ông đội trưởng cảnh sát cùng đội lính cầm kích của ông kêu lên.

Đám người còn chưa đến nỗi chật ních, giãn ra một chút ıhường lối, khiến họ có thể đi tới và tập hợp đông đủ, mặc dầu ĸhông được chỉnh tề cho lắm, trước cửa hiệu.

- Thế nào, anh em, - ông đội trưởng đứng đó hô hào, - anh em làm gì ở đây thế? Thôi, hãy biết điều một chút! Lạ chưa, anh em định làm gì ở đây mà đứng chen chúc thế kia? Chẳng hay ho gì đâu, cho linh hồn cũng như cho thể xác anh em. Về nhà đi, về nhà đi!

Nhưng những người có thể nhìn thấy bộ mặt diễn giả và nghe được lời nói của ông, dù họ có muốn tuân lệnh ông đi nữa, thì, các bạn thử cho biết, họ làm thế nào thực hiện được điều đó, khi họ bị đẩy và bị ép như vậy bởi những người đằng sau, bản thân những người này lại bị người khác thúc lên, như

những đợt sóng dồn dập, cho đến tận hàng cuối cùng của đám người mỗi lúc một ùn lên. Còn thầy đội trưởng thì bắt đầu thở hổn hển.

- Đẩy họ lùi xuống, cho ta lấy lại hơi sức cái đã, - ông nói với những người lính cầm kích, - nhưng đừng làm ai đau. Làm sao bọn ta vào được trong cửa hàng, gõ cửa đi, đẩy họ lùi xuống.

- Lùi mau! Lùi mau! - Những người lính cầm kích thét lên, tất cả cùng lăn xả vào những người đứng trên cùng, lấy cán kích xô đổ họ. Những người này kêu la tru tréo, huých lưng vào ngực người đứng sau, thúc khuỷu tay vào bụng họ, gót chân đè giận lên ngón chân họ: một cuộc chen chúc, xô đẩy loạn xạ đến nỗi những người bị kẹt ở giữa hẳn phải no đòn mới ra được chỗ khác.

Trong khi ấy thì ở trước cửa đã tạo được một khoảng trống nho nhỏ: thầy đội trưởng đập cửa thình thình, hét lên đòi mở cửa: những người bên trong nhìn thấy ông qua cửa sổ vội chạy xuống mở. Thầy đội trưởng bước vào, gọi quân lính của mình, và họ cũng lẻn vào nhà, người nọ tiếp người kia, những người cuối cùng lấy kích ngăn đám đông lại. Khi họ đã vào hết, người ta lại ra sức chốt cửa, chèn cửa thật chặt. Thầy đội trưởng chạy lên gác, ló đầu ra cửa sổ. Úi cha người đông như kiến!

- Các anh em, - ông nói to, người người ngẩng đầu lên; - các anh em, giải tán về nhà đi. Đại xá cho tất cả những ai về nhà ngay tức khắc.

- Bánh mì! Bánh mì! Mở cửa! Mở cửa! - Đó là những lời nghe rõ được trong tiếng gào thét khủng khiếp của đám đông đáp lại.

- Lẽ phải đâu, anh em! Liệu đấy! Bây giờ chưa muộn. Thôi

nào, đi đi, về nhà đi. Bánh mì ư, rồi anh em sẽ có, nhưng không phải bằng cách này. Chà!... Chà! Anh em là gì dưới kia thế thế! Này! Ở cái cửa kia kìa! Ấy không, không được thế, một việc làm nhục nhã! Một tội phạm nghiêm trọng đấy. Liệu hồn, ta xuống ngay đây... Này! Này! Bỏ các dụng cụ ấy ra, không được đụng vào cái cửa ấy. Thật là nhục nhã! những người Milăng các anh, vẫn nổi tiếng khắp thiên hạ là người tốt lắm kia mà! Nghe đây, nghe đây: anh em xưa nay bao giờ cũng vẫn là những chàng trai tử... Ái chà, đồ chó đểu!

Sự thay đổi giọng điệu nhanh chóng ấy là do một hòn đá phóng ra từ bàn tay của một trong những chàng trai tử tế nọ, nó đập đúng trán thầy đội trưởng ở ngay cái bướu bên trái của sự thâm thúy siêu hình của ông. "Đồ chó đểu! Đồ chó đểu!" Ông vừa tiếp tục gào lên vừa đóng cửa sổ thật nhanh và quay đi. Nhưng tha hồ cho ông kêu gào đến vỡ họng, những lời nói của ông, nhã nhặn hay thô tục, đều tan biến đi trong không khí giữa những tiếng gào thét từ dưới vang lên như sấm. Còn về những gì, ông nói là đã trông thấy thì đó là những động tác mãnh liệt của những hòn đá và những khí cụ (bất cứ thứ gì họ có thể vớ được trên đường) đang phá vỡ ra và nạy các chấn song cửa sổ; và công việc ấy đã tiến triển mạnh.

Trong khi ấy, những người chủ và người làm công của cửa hiệu, đứng ở các cửa sổ những tầng gác trên, thủ những hòn đá (chắc hẳn họ đã nạy ở sân lên), la thét và làm ra vẻ hăm dọa những người bên dưới để thoi đi; họ giơ những hòn đá lên, ra hiệu sắp ném xuống. Rồi, thấy mất thời giờ vô ích, họ bắt đầu ném đã xuống thật. Không một hòn nào trật đích. Người đông chật ních đến nỗi như người ta nói, một hạt mưa không lọt.

- Chà, quán ăn cướp! Chà, đồ súc sinh đốn mạt! Đây là bánh mì chúng mày ban cho người nghèo đấy hả? Ái chà! Ối! Úi! Đợi đấy, đợi đấy! - Người ta rống lên ở bên dưới. Nhiều người đã vỡ mày vỡ mặt; hai đứa bé nằm chết trên mặt đường. Cơn giận dữ làm sức mạnh của đám đông tăng lên gấp bội: cửa ra vào bị phá, các chấn song cửa sổ bị nạy bật ra, và cái thác người ùa qua tất cả các lỗ hổng. Những người trong nhà thấy chuyện chẳng lành liền trốn lên gác thượng; thầy đội trưởng, các lính cầm kích và một vài người của cửa hiệu co rúm lại trong các xó nhà; một số người khác chui qua các cửa tò vò leo lên mãi nhà như những con mèo.

Trông thấy chiến lợi phẩm, những kẻ chiến thắng quên cả ý định những cuộc trả thù đẫm máu. Họ lao vào các thùng bánh và cướp bánh. Một người chồm đến quầy hàng, phá khóa, lôi ra những chậu gỗ đựng tiền, thò tay vào khoắng từng nạm, nhét đầy các túi và đi ra khệ nệ một đống tiền, rồi trở lại lần nữa lấy bánh mì nếu còn. Đám người tản vào các nhà kho. Họ túm lấy những bao bột mì lôi đi xềnh xệch, lật đổ chúng ra: một người kẹp một bao bột giữa hai chân, cởi miệng bao và đổ bớt bột đi, để trong bao còn vừa một gánh nặng anh ta có thể mang được; những kẻ khác vội kêu lên: "Khoan đã, khoan đã!" Và cúi xuống chìa ra một cái tạp dề, một khăn quàng cổ, một cái mũ để hứng lấy cái của giời cho ấy; một người chạy đến thùng nhào bột nắm lấy một thỏi bột đã nhào, nó duỗi dài ra và chuội đi tứ phía khỏi tay anh ta; một người khác vớ cái rây bột giương cao lên trời... Kẻ đi ngược lại, đàn ông, đàn bà, trẻ em, người ta xô đẩy nhau, người ta la thét, và một làn bụi trắng bốc lên, dây vào tất cả, bay khắp nơi, che mờ tất cả như một làn mây. Ở bên ngoài là một cảnh hỗn độn của hai dòng người ngược chiều va vào nhau rồi lài hòa lẫn với nhau: những

người đi ra với của cướp được, và những người muốn vào để cướp của.

Trong khi cửa hiệu bánh mì này bị phá tan hoang như thế, không một cửa hiệu nào khác trong thành phố được yên ổn và an toàn. Nhưng không nơi nào đám người kéo đến thật đông để có thể muốn làm gì thì làm; ở chỗ này, những người chủ hiệu đã tập hợp được lực lượng quá ít, họ phải xoay ra như thể điều đình: họ phân phát bánh mì, cho những người đã tụ tập trước cửa hàng, với điều kiện là những người này phải rút đi. Và họ rút đi thật, không phải vì họ đã thỏa mãn, nhưng trước hết chính là vì những đội lính cầm kích và đội cảnh sát, dù phải lánh xa cái "Lò bánh mì chống nạng" khủng khiếp, vẫn tỏ ra có sức mạnh ở nơi khác để bắt những kẻ bướng bỉnh phải e sợ khi những kẻ này chưa tập hợp đông. Thành ra sự hỗn loạn cứ tăng lên mãi ở cái cửa hiệu bánh mì khốn khổ này, vì những kẻ ngứa ngáy tay muốn kiếm bẫm cứ chạy đến nơi nào họ có bè cánh mạnh hơn cả và họ được bảo đảm không bị trừng phạt.

Tình hình đang diễn ra như vậy khi Rendô, lúc này đã gặm xong chiếc bánh mì, bước đi trong khu ngoại ô Cửa đông, và đang tiến thẳng vào giữa cuộc hỗn loạn mà không biết. Anh đi lúc nhanh, lúc chậm vì bị đám đông cản trở; và vừa đi anh vừa để ý quan sát và lắng nghe, để rút ra những lời trò chuyện ồn ào hỗn độn ấy một tin tức gì chính xác hơn về tình hình. Và đây là đại khái những lời anh có thể thu nhặt được dọc đường.

- Thế là, - một người kêu lên, - cái trò bịp bợm đê tiện của bọn đểu cáng ấy đã bị lật tẩy. Chúng cứ nói là không có bánh mì, không có bột mì, không có lúa mì. Bây giờ thì rõ như ban ngày; và bọn chúng đừng hòng ba hoa lếu láo nữa. No ấm muôn năm.

- Còn tớ, tớ xin nói với cậu rằng tất cả những trò này chẳng đi đến đâu hết, - một người khác nói, công dã tràng thôi; và thậm chí tình hình càng tệ hại hơn nếu không trừng trị bọn chúng cho đích đáng. Bánh mì sẽ bán rẻ, nhưng chúng sẽ bỏ thuốc độc vào cho người nghèo chết như ruồi. Bọn chúng đã nói là chúng ta quá nhiều người: chúng nói như vậy ở hội đồng; tớ nói thế, vì tớ biết chắc như thế, chính tai tớ đã được nghe từ miệng một bà quen biết, bà là bạn một người bà con của một gã làm bếp tại một trong những ông lớn ấy.

Một người khác, miệng sùi bọt mép, tay giữ một mảng khăn quàng ép vào mớ tóc bù sù và bết máu, nói những lời không tiện nhắc lại. Và một kẻ nào đó, đứng bên anh, nhắc lại những lời anh vừa nói, như để an ủi anh ta.

- Tránh ra, tránh ra, các ông làm ơn tránh ra hộ; xin các ông nhường đường cho một người cha khốn khổ phải mang thức ăn về nuôi năm đứa bé, - một người nói như vậy, lảo đảo bước dưới gánh nặng của một bao bột to tướng, và mọi người đều cố đứng dẹp sang bên để nhường lối cho ông đi.

- Tao ấy à? - Một người khác nói gần như thì thào với bạn, - tao thì tao chuồn. Tao đã trải đời và tao biết những chuyện này rồi ra sao. Các ông tướng ba hoa ấy bây giờ thì làm ầm lên thế, mai mốt sẽ nằm bẹp ở nhà, sợ run lên cầm cập. Tao đã trông thấy mặt mũi những thằng có vẻ con người lương thiện lượn đi lượn về với dáng bộ ngay thật, nhưng kì thực chúng để ý xem ai ở đó và ai không ở đó: rồi khi mọi sự xong xuôi chúng mới tính sổ, và mỗi người phải thanh toán khoản nợ của mình.

- Cái người bảo trợ cho những chủ hiệu bánh mì, - một giọng nói oang oang làm Rendô phải chú ý, - đó là quan tổng lý lương thiện.

- Tất cả bọn chúng đều là những thằng đểu hết, - Một người đứng bên nói.

- Tất nhiên, nhưng tên đầu sỏ chính là lão ta, - Người nói đầu tiên cãi lại.

Quan tổng lý lương thiện, được ngài thống đốc tuyển chọn mỗi năm một lần trong số sáu nhà quý tộc do hội đồng các *đêcuriông* để nghị, là chủ tịch của hội đồng đó và của tòa án lương thực; hội đồng này gồm mười hai ủy viên, cũng là những nhà quý tộc, cùng với những nhiệm vụ khác có nhiệm vụ chủ yếu là phụ trách vấn đề lương thực. Người nào giữ một chức vụ như thế tất nhiên trong thời buổi đói kém và ngu muội này phải bị xem là thủ phạm của tất cả mọi tai họa, trừ phi ông làm cái việc mà Fere làm; cái việc nằm trong quyền hạn của ông, cho dù ông có nghĩ ra nó đi chăng nữa.

- Bọn gian ác! - Một người khác kêu lên, - có thể tồi tệ hơn thế được không? Bọn chúng dám cả gan nói ngài đại phát quan là một ông già lẫn cẫn, để phá hoại uy tín ngài và để chúng độc quyền chỉ huy. Có lẽ phải làm một cái lồng to nhốt chúng vào, cho chúng ăn dâu tằm và cỏ dại như chúng vẫn muốn bắt ta ăn.

- Bánh mì hử? - Một người vội đi còn đứng lại nói. Những hòn đá nặng, và to như thế này! Và nó giáng xuống như mưa đá ấy. Và họ còn đánh giập xương sườn anh nữa! Chà, tôi phải vội về đây.

Đi giữa tất cả những câu chuyện có lẽ chỉ càng làm anh thêm bối rối hơn là hiểu ra được điều gì, và bị xô đẩy từ phía, cuối cùng Rendô đến trước cửa hiệu bánh mì nọ. Vì đám người đã thưa đi nhiều, anh có thể ngắm cái cảnh tượng không đẹp gì cho lắm của cuộc biến loạn vừa qua. Những bức tường bị

tróc lở và lỗ chỗ vết gạch đá ném vào, những cửa sổ bị tháo rời, cửa ra vào bị phá đổ.

"Cái trò này chẳng hay ho gì cả, - Rendô nghĩ bụng, - nếu họ phá phách các cửa hiệu bánh mì như thế, thì họ định làm bánh mì ở đâu? Trong những cái giếng chăng?"

Thỉnh thoảng, một người từ trong cửa hiệu đi ra vác theo một mảnh ván hòm, mảnh thùng nhào bột hoặc mảnh rây bột, một cái đòn nhào bột, cái ghế dài, cái sọt, cuốn sổ kế toán, tóm lại một vài tàn tích của cửa hiệu bánh mì khốn khổ này; và họ đi vào giữa đám đông kêu lên: "Tránh ra, tránh ra!" tất cả cùng đi về một phía và, như người ta có thể thấy, đi về một nơi quy định.

"Còn cái trò gì nữa thế?", Rendô lại nghĩ. Và anh bước theo một người, người này sau khi đã bó những miếng ván gẫy và mẩu gỗ lại thành một bó liền vác nó lên vai và, cũng như những người khác, đi theo cái phố mang tên gọi do những bậc trên đường phố, những bậc này gần đây không còn nữa. Lòng ham muốn quan sát các sự kiện không thể ngăn cản anh chàng miền núi của chúng ta, khi đứng trước ngôi nhà thờ đồ sộ, phải dừng chân lại và ngước nhìn lên mồm há hốc.

Rồi anh lại rảo bước để kịp gặp cái người anh đã coi là người dẫn đường; anh rẽ ở góc phố, cũng lại nhìn lên mặt trước của nhà thờ (vào thời ấy, mặt này phần lớn chưa sửa sang gì mấy, và hoàn toàn chưa thể xem là đã làm xong) và tiếp tục đi theo người ấy về phía trung tâm quảng trường. Họ càng tiến lên, đám đông càng dày đặc, nhưng người ta nhường lối cho người vác gỗ ; ông rẽ làn sóng người, và Rendô, luôn luôn bám sát ông, đi cùng với ông đến tận giữa đám đông. Tại đây có một khoảng trống, và ở giữa là một đống than hồng: đó là tất cả những gì còn lại của những đồ đạc và dụng cụ của cửa hiệu

bánh mì mà chúng tôi đã nói trên kia. Khắp chung quanh là những tiếng vỗ tay và giậm chân, là cảnh huyên náo của hàng nghìn tiếng hò reo chiến thắng và những lời nguyền rủa.

Người kia ném bó gỗ lên đống than hồng; một người khác, tay cầm cái xẻng vỡ đã cháy xém, khơi lửa lên: khói bốc dày đặc, ngọn lửa bùng cháy; và cùng với ngọn lửa, những tiếng hét càng gào to hơn: "No ấm muôn năm! Lũ người để dân đói hãy chết đi! Tiêu diệt nạn đói! Đã đảo Bộ Lương thực! Đả đảo hội đồng định giá! Bánh mì muôn năm!".

Nói đúng thế, việc phá hủy những cái rây bột và những thùng nhào bột, việc tàn phá những cửa bánh mì và làm phá sản các chủ hiệu không phải là những cách nhanh nhất để làm ra bánh mì; nhưng đó là một trong những điều tinh tế siêu hình mà đám đông không hiểu nổi. Tuy vậy, dù không phải là một nhà siêu hình học lớn, một người nào đó có khi ngay lập tức cũng đã hiểu ra điều ấy chừng nào anh ta còn mới mẻ trong vấn đề này; và chỉ do anh nói đến nó nhiều, và nghe nói đến nói nhiều, mà anh bắt đầu không hiểu gì nữa. Quả thật Rendô đã có ý nghĩ ấy ngay từ đầu và, như ta thấy, lúc nào anh cũng trở lại với ý nghĩ ấy. Thế nhưng anh chỉ giữ ý nghĩ ấy cho riêng mình, bởi vì trong ngần ấy bộ mặt không bộ mặt nào có vẻ muốn nói: "Anh bạn, nếu tôi lầm, anh sửa chữa cho, xin cám ơn anh".

Ngọn lửa lại tắt rồi; không thấy ai mang đến chất đốt nữa, và mọi người đã bắt đầu chán thì có tin dồn là ở quảng trường *Coocđuxiô* (một quảng trường nhỏ và là một ngã tư gần đó) người ta đang bao vây một cửa hiệu bánh mì. Nhiều khi, trong những trường hợp như thế này, chỉ cần loan tin về một sự việc là sự việc ấy xảy ra thật. Đồng thời với tin đồn, trong đám đông cũng lan truyền lòng háo hức chạy đến nơi ấy. "Tớ đi.

Còn cậu, cậu đi không? Tôi đi. Ta đi thôi" đâu đâu người ta cũng nghe thấy những lời như vậy; và cuộc tụ tập giải tán, biến thành cuộc tuần hành.

Rendô đứng lại phía sau, hầu như không cử động, nhưng để mặc làn sóng người cuốn mình đi, đồng thời tự hỏi có nên rút ra khỏi cảnh hỗn độn này và trở về tu viện tìm cha Bônaventuya hay là cứ đi xem. Một lần nữa lòng hiếu kỳ lại thắng. Tuy vậy anh quyết định không chen vào giữa đám đông để khỏi gãy xương hoặc có thể còn nguy hơn nữa, mà đứng cách ra một quãng để quan sát. Và, khi thấy mình đã đứng hơi xa một chút, anh lấy trong túi ra cái bánh mì thứ hai, và vừa gặm anh vừa đi đằng sau đội quân náo nhiệt này.

Từ quảng trường, đội quân ấy đi vào phố *Pekêria Veckia* ngắn và hẹp, và, đi qua cổng tò vò lệch, nó tới quảng trường *Meccăngti*. Và tại đây, khi diễu qua cái hốc tường ở chính giữa hành lang của tòa nhà khi ấy gọi là Hội các nhà Bác họ, hầu hết mọi người đều liếc nhìn pho tượng lớn dựng tại đó, nhìn bộ mặt quàu quạu, cau có đó là những lời nhẹ nhất người ta có thể nói, của Đôn Philip II[1]; mặc dầu tượng bằng cẩm thạch, ông ta vẫn có vẻ gì bắt người ta phải kính sợ và, dang cánh tay ra, ông dường như muốn nói: "Liệu hồn, ta xuống ngay đây, đồ nhãi nhép!"

Do một sự kỳ lạ, pho tượng ấy ngày nay không còn ở đó nữa Chừng một trăm bảy mươi năm sau sự kiện mà chúng tôi đang kể đây[2], một hôm người ta thay đầu cho nó, người ta lấy cây

---

[1] Nhà vua Tây Ban Nha Philip II (1556 - 1598) cực kỳ hung ác và cuồng tín; dùng tòa án giáo hội là công cụ chủ yếu của chính sách đối nội của mình.

[2] Tức là năm 1793, trong thời kỳ ngắn ngủi của Nền cộng hòa Xidanpin. (Xidanpin là miền Bắc Ý ngày xưa, nền Cộng hfa Xidanpin là một nhà nước do Bônapactơ lập năm 1797).

vương trượng nó cầm tay để đặt vào đó một con dao găm, và người ta cho pho tượng cái tên là Macquyt Bruytuyxơ[1]. Nó được yên ổn như thế vài ba năm. Nhưng, một buổi sáng kia, một số người không có cảm tình Macquyt Bruytuyxơ và thậm chí chắc là có mối thù ngấm ngầm với ông đã quấn dây thừng quanh pho tượng, lật đổ xuống, và làm tình làm tội nói; nó bị què quặt đến mức chỉ còn là một khúc thân cục dị hình dị dạng, họ vừa kéo lê nó đi các phố vừa lôi lưỡi nó thè ra và lăn những con mắt đã gần lòi ra ngoài hốc mắt của nó, và khi đã mệt nhoài vì kéo lê nó, họ quẳng nó đi đâu không biết. Ai mà nói trước được tình cảnh này với Andrê Bipphi khi ông tạc pho tượng!

Từ quảng trường *Meccanti,* "lũ nhãi nhép" đi qua một cổng tò vò khác, dồn lại ở phố *Euxtanhai,* và từ đó tản ra trên quảng trường *Coocđuxiô.* Khi đến đây, tất cả nhìn ngay về phía hiệu bánh mì mà họ đã được nghe nói đến. Nhưng đáng lẽ là vô vàn bè bạn mà họ dự tính đang hoạt động ở đây, thì họ chỉ thấy vài người đứng đó, như do dự, ở xa cửa hiệu một khoảng cách nhất định. Cửa hiệu đóng chặt và các cửa sổ đều bố trí những người có vũ trang tỏ ra sẵn sàng tự vệ. Thấy vậy, mọi người ngạc nhiên, chửi rủa, hoặc cười phá lên; kẻ này quay về để báo tin cho những người cứ ùn ùn kéo đến, kẻ kia đứng lại, hoặc muốn quay ngược đường, còn một số khác thì nói: "Tiến lên, tiến lên!" Người ta thúc lên và người ta ngăn lại, trong đám đông như có một sự ngưng trệ, một sự do dự, một tiếng rì rầm không rõ ràng của những người không nhất trí với nhau và đang cùng nhau bàn bạc.

---

[1] Nhà cộng hòa Cổ La Mã Marcus Brutus (85 - 42 trước công nguyên) đã thiết lập nền cộng hòa, tham gia cuộc ám sát Yuyn Xêda (44 trước công nguyên) vì Xêda đã lập chính quyền độc tài ở La Mã.

Chính vào lúc ấy từ giữa đám đông vang lên một tiếng nói khốn kiếp: "Nhà lão tổng lý lương thực gần ngay đây, đến trừng trị và cướp phá nhà lão đi". Và thế là dường như tất cả mọi người chợt nhớ ra một điều đã ước hẹn, chứ không phải chấp nhận một đề nghị mới. "Đến nhà lão tổng lý! Đến nhà lão tổng lý!" Đó là tiếng thét duy nhất người ta có thể nghe được lúc này. Và đám đông rùng rùng chuyển động, tiến đến cái phố có ngôi nhà chẳng may vừa được gọi lên.

Chương mười ba

Ông tổng lý đáng thương lúc này đang tiêu hóa một cách khó nhọc, với cái dạ dày ợ đầy hơi chua, một bữa trưa nuốt không ngon miệng, và không có bánh mì mới. Trong khi chờ đợi với tâm trạng đầy lo âu không biết làm thế nào để chấm dứt cơn bão tố này, ông hoàn toàn không thể tưởng tượng là nó sắp nổ ra trên đầu ông khủng khiếp đến thế. Một người tốt bụng chạy trước đám đông, để báo ông biết mối nguy đang đe dọa. Những người hầu của ông nghe tiếng động chạy ra cửa, kinh hãi nhìn đoạn đường phố từ đó vang lên tiếng ồn ào mỗi lúc một gần. Trong khi họ nghe người kia nói với họ, họ trông thấy tốp đi đầu đã xuất hiện: họ vội đi báo ông chủ, và trong khi ông định trốn đi và tự hỏi chạy trốn bằng cách nào, thì một người khác đến nói là ông không còn thời giờ để làm việc ấy nữa. Những người hầu cũng chẳng còn được bao nhiêu thời gian để đóng cửa. Họ cài then, chẹn cửa, chạy đi đóng các cửa sổ, như trước một bầu trời tối sầm báo hiệu cơn mưa đã đang ập tới. Tiếng gào thét ngày càng lớn vọng tới từ trên cao và cũng như tiếng sấm nó vang dộng trong cái sân trống trải và gầm lên qua tất cả các khe hở; và giữa tiếng ồn ào hỗn độn đang rền vang, người ta nghe tiếng những hòn đá nện cửa, mạnh và dồn dập.

- Tên tổng lý! Tên bạo chúa! Tên thủ phạm nạn đói! Lôi nó ra đây! Dù sống hay đã chết!

Con người khốn khổ chạy từ buồng nọ sang buồng kia, mặt tái mét, thở hổn hển, vật mình vật mẩy, cầu trời phù hộ, và van nài những người hầu của mình cố thủ cho vững và tìm cho ông một lối thoát thân. Nhưng tẩu thoát bằng cách nào, và theo lối nào? Ông trèo lên gác xép và, qua một cửa sổ nhỏ, kinh hãi nhìn xuống đường phố thấy nhung nhúc những con người dữ tợn; ông nghe thấy những tiếng thét đòi mạng mình và, càng khiếp đảm hơn bao giờ hết, ông lui ra đi tìm một chỗ ẩn nấp chắc chắn nhất và kín đáo nhất. Thu mình tại đây, ông vểnh tai lắng nghe xem may ra cái tiếng ồn ào khủng khiếp ấy có dịu đi và cuộc hỗn loạn có yên được chút nào chăng; nhưng ngược lại ông chỉ nghe thấy tiếng gầm thét to mãi lên dữ tợn hơn và huyên náo hơn, và tiếng đập cửa dồn dập hơn, ông lại rùng mình sợ hãi vội vàng bịt tai lại. Rồi, như phát cuồng lên, răng nghiến trèo trẹo, mặt mày nhăn nhó, ông dang hai tay, vung những nắm tay ra đằng trước như để chống đỡ cái cửa... Vả lại, người ta không thể biết thật chính xác ông làm gì, bởi vì ông chỉ có một mình; và truyện kể buộc phải đoán ra. May thay, truyện kể vẫn thường quen đoán như vậy.

Lần này Rendô ở vào chính giữa cuộc đại náo: không phải anh bị làn sóng người xô đến đó, mà chính anh đã chủ động lao đến. Thoạt nghe những lời kêu gọi đổ máu, anh đã thấy rụng rời: về việc cướp phá, có lẽ anh không thể nói trong trường hợp này là tốt hay xấu; nhưng cứ nghĩ đến sự giết người là anh đã cảm thấy nay một nỗi kinh tởm sâu sắc. Với thói cả tin tai hại của những đầu óc hăng say sẵn sàng nghe theo những lời quả quyết sôi nổi của số đông, anh hoàn toàn tin chắc rằng ông tổng lý là nguyên nhân chủ yếu của nạn đói,

là kẻ thù của những người nghèo khổ; thế nhưng, ngay từ những hành động đầu tiên của đám đông anh đã tình cờ nghe được vài lời tiết lộ ý muốn cứu ông ta bằng mọi cách, anh đã quyết định ngay là cả anh nữa cũng sẽ giúp vào việc cứu ông; và chính với ý định ấy anh đã len đến tận gần cái cửa mà người ta bắt đầu tấn công bằng đủ mọi cách. Kẻ này lấy sỏi đập những đinh khóa để nạy khóa ra; kẻ kia dùng choòng, đục, búa tìm cách phá có phương pháp hơn, trong khi ấy thì một số khác, với những hòn đá, những con dao mẻ, những cái đinh, những cái gậy và không có gì hơn thì dùng móng tay, để làm tróc lở vữa tường, cố nậy mấy hòn gạch mở một đột phá khẩu. Những người không có sức giúp họ thì cổ vũ bằng những tiếng hò la; nhưng đồng thời, với cách cứ đứng đó thúc đẩy, những người ấy chỉ càng cản trở thêm một công việc vốn đã khó khăn vì sự vội vàng hỗn độn của những người làm việc; bởi vì, nhờ trời, đôi khi cả trong việc ác cũng xảy ra cái điều rất thường hay xảy ra trong việc thiện, tức là những kẻ hoạt động hăng hái nhất lại thành một trở ngại.

Các nhà chức trách đầu tiên biết chuyện vội phái ngay người đến cầu cứu vị tư lệnh pháo đài khi ấy gọi là pháo đài *Poota Giôvia*. Vị tư lệnh cử đi vài người lính. Nhưng thời gian để báo tin, để ra lệnh, để tập hợp, để lên đường và để đi đường đủ để khi họ đến, một vòng vây trùng điệp đã dăng xung quanh nhà; họ dừng lại khá xa ngôi nhà, trước những hàng cuối của đám đông. Viên sĩ quan chỉ huy không biết nên quyết định thế nào. Ở đây chỉ có, nếu có thể nói như vậy, một đống người đủ cả già trẻ trai gái, họ đứng nhìn thôi. Trước những sự thúc bách đòi giải tán và tránh ra, họ đáp lại bằng một tiếng rì rầm kéo dài và nghe không rõ, và không ai nhúc nhích. Nổ súng vào đám ấy đối với viên sĩ quan có vẻ như là

một điều không những độc ác mà còn nguy hiểm: bởi vì, khi đánh vào những người hiền lành, người ta có nguy cơ chọc tức những kẻ hung dữ nhất; vả lại ông không nhận được chỉ thị như thế. Mở một đường vào trong đám đông này, gạt họ sang phải và sang trái, và xông lên để tiến hành chiến tranh với những kẻ gây chiến tranh, đó chắc hẳn là giải pháp tốt nhất; nhưng tất cả vấn đề là việc ấy có thành không. Liệu quân lính có thể cùng tiến lên đồng loạt trong đội ngũ chỉnh tề không? Bởi vì, nếu không phá vỡ được đám đông mà bản thân mình lại bị tan tác trong đó, thì họ sẽ làm mồi cho cơn giận dữ của đám đông sau khi đã khiêu khích nó.

Thái độ ngập ngừng của viên chỉ huy và sự án binh bất động của quân lính bị hiểu lầm, hoặc hiểu đúng, là sợ hãi. Những người đứng gần họ lấy làm thỏa mãn được nhìn tận mắt họ với cái vẻ, như người ta nói, "tớ cóc cần". những người ở xa hơn một chút tha hồ mà khiêu khích họ, bằng những điệu bộ nhăn nhó và tiếng la hét chế nhạo; xa hơn nữa ít người biết đến hoặc quan tâm đến việc có quân lính ở đó: những kẻ phá hoại tiếp tục phá tường, chỉ lo làm sao chóng xong, còn những người xem thì luôn mồm hò hét cổ vũ.

Trong những người xem ấy, người ta chú ý đến một ông già xấu tính, và chỉ riêng ông là cả một cảnh tượng: ông giương những con mắt sâu hoắm và đỏ ngầu lên, bộ mặt răn reo co quắp trong một nụ cười gằn khoái trá của ma quỷ, hai tay giơ trên mái đầu bạc không xứng đáng, ông vung lên trời một cái búa, một sợi dây thừng và bốn cái đinh to tướng, những vật này, theo ông nói, sẽ dùng để đóng chặt tên tổng lý vào cánh cửa nhà ông sau khi tên này bị người ta giết chết.

- Cụ nói gì đấy? Thật là nhục nhã! - Rendô không thể nén mình kêu lên, ghê tởm trước những lời ấy, và trông thấy bao

nhiêu bộ mặt tỏ ra tán thưởng ông già, nhưng anh cũng được khích lệ khi cảm thấy có những bộ mặt khác, mặc dầu im lặng, vẫn hé ra một nỗi ghê tởm chẳng khác gì anh. Thật là nhục nhã! Phải chăng việc chúng ta là làm tranh cái nghề của tên đao phủ? Giết một người công giáo? Chúa cho ta bánh mì sao được, nếu ta làm những điều hung bạo như thế? Chúa sẽ chỉ giáng sấm sét xuống đầu ta chứ không phải bánh mì!

- Ái chà, thằng chó! Chà, quân phản quốc! - Một bộ mặt hung tợn, một kẻ đã nghe được những lời nói thần thánh ấy giữa cảnh hỗn loạn, quay lại phía Rendô kêu lên. - Đợi đấy, đợi đấy! Đây là một thằng hầu của tên tổng lý cải trang làm nông dân, một tên mật thám: anh em hãy nện cho nó một trận! - Hàng trăm tiếng nhao nhao lên từ phía: - Cái gì? Nó đâu? Đứa nào đấy? Một thằng hầu của tên tổng lý à. Một thằng mật thám à. Chính tên tổng lý cải trang làm nông dân để chạy trốn à. Nó đâu? Nó đâu? Đánh nhừ tử nó đi! Đánh nhừ tử nó đi!

Rendô nín lặng, co rúm người lại, muốn chui xuống đất; một vài người gần anh vội đứng quây lấy anh và thét toáng lên những tiếng kêu khác để át những tiếng nói hằn thù và sát hại ấy. Nhưng cái điều giúp anh nhiều hơn cả là một tiếng thét vang lên ngay gần đó: "Tránh ra, tránh ra!" "Tránh ra, tiếp viện đây: nào, tránh ra!"

Gì đấy? Đó là cái thang dài mà một số người mang đến để dựng vào ngôi nhà và trèo vào qua cửa sổ. Nhưng may thay, cái phương tiện ấy, có lẽ giúp cho việc vào nhà được dễ hơn, bản thân nó lại không dễ gì thực hiện. Những người vác hai đầu và hai bên thang bị đám đông xô vào, đánh ngả nghiêng, đẩy rời ra và cái thang cứ nhấp nhô như thế tiến lên: một

người trong số đó, đầu chui vào giữa hai dóng thang và vai đội những thành thang, gào rống lên như bị đè bẹp dưới một cái ách trên cổ; một người khác bị đẩy bật khỏi gánh nặng của mình và cái thang bị buông ra đập lên vai, lên tay, lên mạng sườn những người chung quanh; và các bạn có thể tưởng tượng những người này hẳn phải nói những lời thế nào. Một số người khác lấy tay nhấc cái gánh nặng đang nằm chết gí ấy lên, luồn mình xuống dưới, đội nó lên lưng và thét: "Mạnh dạn lên! Đi thôi!"

Cái khí cụ tại hại ngoằn ngoèo tiến lên bằng những cái giật, cái lắc, đến vừa đúng để làm những kẻ thù của Rendô xao lãng và rối loạn, anh bèn lợi dụng sự hỗn độn ấy nảy ra từ giữa bản thân sự hỗn độn; thoạt đầu rất nhẹ nhàng, sau đó ra sức huých khuỷu tay, anh lánh xa cái nơi không tốt đẹp gì cho anh, và thậm chí anh còn muốn ra khỏi cảnh hỗn loạn càng nhanh càng tốt để thực sự đi tìm hoặc về đợi cha Bônaventuya.

Bỗng nhiên, một chuyển động khác thường từ cuối đám đông lan đi. Một tin đồn phát ra, truyền từ miệng này qua miệng khác: "Fere! Fere! Ngạc nhiên, vui mừng, giận dữ, yêu mến, ghê tởm, bấy nhiêu tình cảm bừng lên ở khắp nơi nào cái tên ấy được gọi tới; người thì hô to cái tên ấy, kẻ thì muốn đập tắt nó đi; người thì ủng hộ, kẻ thì phản đối, người cầu phúc cho nó, kẻ nguyền rủa nó. "Fere ở đây! - Không đúng, không đúng! - Đúng, đúng đấy. Fere muôn năm! Chính ngài đã cho hạ giá bánh mì. - Không, không! - Ngài đấy, ngài ngồi xe ngựa đấy. - Thì ta được cái gì? Ông ấy có việc gì mà đến đấy? Chúng ta không cần ai cả! Fere! Fere! muôn năm! Người bạn của dân nghèo! Ngài đến để bỏ tù tên tổng lý. - Không, không! Chúng ta muốn tự mình trừng trị lấy. Quay lại đi, quay lại đi! Đúng, đúng! Fere đấy! Hoan hô Fere đến! Bỏ tù tên tổng lý!

Và tất cả kiễng chân lên quay về phía mà người ta báo là có cuộc đến thăm bất ngờ này. Vì tất cả cùng kiễng chân lên, họ vẫn chẳng nhìn thấy gì hơn khi họ đứng gót chân chạm đất; mặc, họ vẫn cứ kiễng chân lên tất cả.

Quả thật, ở đằng cuối đám đông, phía đối diện với phía có quân lính, Antôniô Fere vừa đi xe ngựa tới, vị đại pháp quan chắc hẳn tự trách mình, do những sai lầm và do sự ngoan cố của mình, đã là nguyên nhân hoặc ít ra là cái cớ cho cuộc bạo loạn này, bây giờ ông đến dẹp nó và ít nhất ngăn ngừa những hậu quả đáng sợ nhất và khó khắc phục nhất của nó: ông đến sử dụng có hiệu quả mối cảm tình của dân chúng mà ông đã giành được một cách không chính đáng.

Trong những cuộc nổi dậy của quần chúng, bao giờ cũng có một số người, do nhiệt tình quá trớn, do lòng cuồng tín, với một ý định ác hại, hoặc do một hứng thú ghê tởm thích phá hoại, đã làm tất cả những gì họ có thể làm được để đẩy tình hình đến chỗ thật tệ hại; họ đưa ra hoặc ủng hộ những lời khuyên độc ác nhất, thổi ngọn lửa lên mỗi khi nó bắt đầu yếu đi: không có gì là quá với những người ấy, họ chỉ muốn cuộc nổi loạn không có chừng mực, không bao giờ kết thúc. Nhưng đối lập với họ, bao giờ cũng có một số người khác, cũng với nhiệt tình và sự bền bỉ như thế hướng về một hiệu quả ngược lại: người này do tình bạn hoặc do thiện cảm với những kẻ bị đe dọa; người kia chỉ do lòng ghê tởm tự nhiên và trong sáng đối với việc đổ máu và những hành động hung bạo. Cầu trời phù hộ họ. Ở mỗi phe trong hai phe đối lập ấy, ngay cả khi không có phối hợp trước, sự thống nhất ý chí cũng tạo nên một sự phối hợp tức thời trong hành động. Sau đó cái tạo thành đám đông và dường như là công cụ của cuộc nổi loạn là sự hỗn hợp ngẫu nhiên những người, với những sắc thái vô tận, ít nhiều thuộc

về cực này hay cực kia; họ có một chút nhiệt tình và một ác ý, họ yêu chuộng một lẽ công bằng nào đó, ít ra là sự công bằng theo như họ hiểu, và có chút ham muốn được tham dự vào một đại sự, họ sẵn sàng hung ác hay nhân từ, ghét bỏ hay yêu dấu, tùy theo cơ hội xảy đến khiến họ cảm thấy dào dạt tình cảm này hay tình cảm khác; lúc nào họ cũng thèm muốn được hiểu biết, được tin tưởng ở một cái gì phi thường, họ có nhu cầu phải hét lên, phải hoan nghênh một người nào hoặc la ó ông ta. "'Muôn năm!" và "Đả đảo!" là những tiếng thét ưa thích của họ; và người nào đã thuyết phục được họ rằng một kẻ không đáng phải phanh thây, thì người ấy cũng không cần tốn nhiều lời hơn để làm họ tin rằng kẻ đó xứng đáng được kiệu lên hoan hô: họ là diễn viên, là khán giả, là công cụ, là trở lực tùy theo tình thế? Họ cũng sẵn sàng nín lặng, sẵn sàng thôi đi, khi thiếu kẻ xúi giục, sẵn sàng giải tán khi nhiều tiếng cùng nói lên mà không ai phản đối: "Đi thôi", và sẵn sàng quay về nhà, người nọ hỏi người kia: "Chuyện gì xảy ra thế nhỉ?".

Nhưng vì đám đông ấy vốn là sức mạnh lớn nhất, có thể ban sức mạnh này cho kẻ nào đó ưa thích, cho nên mỗi phe tích cực đều cố tìm mọi cách để kéo nó về phía mình, để chiếm lấy nó: cũng như hai linh hồn thù địch tranh nhau nhập vào cơ thể khổng lồ ấy để làm cho nó hoạt động. Vấn đề ở chỗ kẻ nào biết tung ra những tin đồn có khả năng khích động nhiệt tình hơn cả có khả năng hướng các hành động phục vụ cho mục đích này hay mục đích khác; kẻ nào biết, vào thời cơ thích hợp nhất, tạo ra những tin tức có hiệu lực nhất để dấy lên hay làm dịu đi lòng phẫn nộ, để thức tỉnh niềm hy vọng hay nói khiếp sợ; kẻ nào biết tìm ra cái tiếng hô được nhiều người hưởng ứng nhất và hét theo to nhất nó biểu thị, xác nhận và đồng thời tạo ra nguyện vọng của đa số về phe này hay phe khác.

Tất cả những lời dông dài ấy là để nói rằng trong cuộc chiến dấu giữa hai phe để tranh chấp sự ủng hộ của khối quần chúng tụ tập trước nhà ông tổng lý, sự xuất hiện của Antôniô Fere đem lại hầu như ngay tức khắc một lợi thế lớn cho phe những người nhân đạo cho đến lúc đó bị yếu thế rõ rệt, và nếu sự chi viện này chậm một chút thì có lẽ họ không còn sức lực, cũng không còn lý do gì để chiến đấu nữa. Con người này được lòng quần chúng vì cái giá bánh mì của ông đặt ra rất có lợi cho người mua, và vì ông đã chống lại rất anh hùng tất cả mọi luận điệu đối lập. Những người vốn đã có cảm tình với ông lại càng cảm động trước lòng tin táo bạo của ông già này đã dám đến đây, không cần bảo vệ, đương đầu với một đám đông giận dữ và sôi sục. Rồi cái điều tạo nên một hiệu quả đặc biệt, là tin đồn rằng ông đến để bỏ tù viên tổng lý: như thế cơn giận dữ đối với viên quan này có lẽ đã nổ ra một cách tệ hại nhất nếu có kẻ nào định đi ngược lại nó và không chịu nhượng bộ, thì nay trước lời hứa rửa hờn, trước miếng xương người ta ném ra cho nó gặm, cơn giận ấy dịu đi một chút và nhường chỗ cho những tình cảm ngược lại thể hiện trong khá nhiều người.

Những người thuộc phe hòa bình, đã lấy lại nhuệ khí, ểm hộ Fere bằng mọi cách; những người đứng gần ông thì uôn luôn kích thích hơn nữa sự ủng hộ của quần chúng bằng hững tiếng thét hoan hô, và đồng thời cố xua mọi người giãn a để mở đường cho xe đi; những người khác vỗ tay hoan hô, hắc lại và truyền đi những lời tốt đẹp nhất, theo ý họ, mà ông có thể nói, ngắt lời những kẻ điên khùng ngoan cố và chĩa về phía chúng bầu nhiệt huyết mới của đám đông dễ thay đổi;
- Đứa nào không muốn người ta hô "Fere muôn năm" đấy? Nói đi xem nào, vậy ra mi không muốn bánh mì bán rẻ à?

Những kẻ không muốn lẽ công bằng của người công giáo là những tên vô lại; và ở đây có những kẻ la to lớn hơn người khác chì cốt để tên tổng lý chạy thoát. Bỏ tù tên tổng lý! Fere muôn năm! Tránh ra cho Fere đi!

Số người nói như thế mỗi lúc tăng lên, thì sự hăng hái của phe đối lập cũng mỗi lúc một giảm dần, đến nỗi những người trên kia, chuyển từ thuyết phục sang hành động, đập cả tay vào những kẻ cứ tiếp tục phá nhà, đẩy chúng lùi về sau, giật lấy các dụng cụ khỏi nanh vuốt chúng. Những người này giận run lên, hầm hầm đe dọa, cố giành lại lợi thế; nhưng phe giết người đã thua rồi. Một tiếng thét át tất cả: "Bỏ tù, đưa nó ra tòa, hoan hô Fere!" Sau một cuộc giằng co ngắn ngủi phe giết người bị đẩy lui và những người kia chiếm lấy cửa ra vào, vừa để bảo vệ nó chống lại những đợt tấn công mới vừa để chuẩn bị lối vào nhà cho Fere. Rồi một người trong số họ thét gọi những người trong nhà (những khe hở không thiếu gì), báo cho họ biết là cứu viện đã tới và tên tổng lý phải sẵn sàng "đi ngay... vào ngục: hừm, các anh hiểu chưa?"

- Có phải chính ông Fere ấy đã giúp vào việc thảo ra những pháp lệnh? - Rendô hỏi một người đứng bên, anh nhớ lại cái tiếng *Vidit Fere*[1] mà vị tiến sĩ đã thét vào tai anh khi ông chìa cho anh xem cái cữ ký ở dưới bản pháp lệnh trứ danh.

- Ông ấy đấy: ngài đại pháp quan đấy mà, - Người ta đáp lại anh.

- Ông ấy là người nhân đức có phải không?

- Còn phải nói, tất nhiên là người nhân đức! Chính ngài đã cho bán rẻ bánh mì, còn những kẻ khác thì không muốn, và

---

[1] Nghĩa là: Fere phê chuẩn (tiếng La tinh).

bây giờ ngài đến bỏ tù lão tổng lý vì lão không làm cái việc phải làm.

Khỏi phải nói là Rendô đứng nguyên về phía Fere. Thậm chí anh còn muốn đến sát bên ngài, điều đó không dễ gì; nhưng vốn là dân miền núi khỏe mạnh, anh chen đẩy và đánh cùi tay, cuối cùng lách lên tận hàng đầu, ngay bên cái xe ngựa.

Cái xe này đã dấn được một chút vào trong đám đông; khi ấy nó phải dừng lại, do một trong những trở lực không tránh khỏi và thường xảy ra trong một cuộc đi như thế. Ông già Fere khi thì ló ra cửa này khi thì ló ra ở cửa khác một bộ mặt hết sức khiêm nhường, hết sức tươi cười, hết sức dễ thương, một bộ mặt mà ông vẫn luôn luôn để dành đến ngày trình diện với Đôn Philip IV, nhưng ông bắt buộc phải dùng đến nó cả trong trường hợp này. Ông cũng nói, nhưng bị tiếng ầm ầm của biết bao giọng nói và cả những tiếng hoan hô của người ta chào đón ông át đi, khiến cho người ta nghe được rất ít lời của ông và cũng rất ít nghe được. Thế là ông phải dùng điệu bộ: khi thì ông đưa đầu ngón tay lên môi, để đặt vào đó một cái hôn mà bàn tay ông mở ra ngay, phân phát sang phải và sang trái để cảm tạ mối thiện cảm của tất cả mọi người; khi thì ông dang tay ra và khẽ lắc lư nó bên ngoài cửa xe để xin một chút đường đi, khi thì ông hạ bàn tay xuống bằng một cử chỉ duyên dáng để xin một chút yên lặng. Khi đã có được yên lặng ấy rồi, những người đứng gần nhất nghe thấy và nhắc lại những lời nói của ông: "Bánh mì, no ấm; ta đến để thực hiện công lý; các ông làm ơn tránh ra một chút". Rồi, mệt nhoài và dường như bị ngạt thở vì bao nhiêu tiếng nói huyên náo, bao nhiêu bộ mặt xít vào nhau, bao nhiêu con mắt nhìn ông chằm chằm, ông lùi lại phía sau một lát, phồng má lên, thở dài, và lẩm bẩm một mình:

- *Por mi vida, que de gente*[1]!

- Fere muôn năm! Ngài đừng sợ! Ngài là người nhân đức. Bánh mì, bánh mì!

- Phải, bánh mì, bánh mì, - Fere đáp, - no ấm; chính ta đây xin hứa điều ấy với các ông, - và ông đặt tay lên ngực.

- Tránh ra một chút nào, - ông nói tiếp ngay, - ta đến để bỏ tù hắn, để bắt hắn phải chịu hình phạt đích đáng, - và ông khẽ nói thêm *"si es culpable"*[2]. Rồi nghiêng người về đằng trước, phía bác đánh xe ngựa, ông nói nhanh với bác: *"Adelanie, Pedro, si puedes"*[3].

Bác đánh xe ngựa cũng mỉm cười và đám đông, với vẻ duyên dáng thân tình, hệt như một nhân vật quan trọng; và, với một vẻ trang nhã khôn tả, bác đưa chiếc roi ngựa sang phải và sang trái hết sức nhẹ nhàng, để yêu cầu những người cản đường bác dồn lại và lùi một chút.

- Các ông làm ơn, - cả bác cũng nói, - tránh ra một chút, một chút thôi, vừa đủ để xe qua được.

Trong khi ấy thì những người tích cực nhất của phe có thiện ý cố sức thông con đường đã được yêu cầu một cách rất nhã nhặn. Một số người đi dẹp những người đứng trước mũi ngựa, với những lời lẽ thật mềm mỏng, đặt tay lên ngực họ đẩy nhẹ: "Thế, thế, thưa các vị, nào, xin các vị tránh ra cho một chút", một số người khác cũng làm như vậy ở hai bên xe ngựa để xe có thể đi qua mà không nghiến phải chân, đụng phải đầu ai; bởi vì điều đó, ngoài nỗi đau gây cho mọi người, chắc chắn sẽ còn làm tổn hại tính cách bình dân của Antôniô Fere.

---

[1] Tiếng Tây Ban Nha: "Trời ơi, cơ man là người!".

[2] Nếu hắn có tội (tiếng TBN).

[3] Tiến lên, Pêđrô, nếu người có thể tiến được (tiếng TNB).

Rendô, sau một lúc say sưa đứng ngắm ông già cao cả ấy hơi bối rối vì lo lắng, uể oải vì mệt nhọc, nhưng tươi tỉnh vì lòng ân cần, và có thể nói được tô đẹp lên vì niềm hy vọng giải thoát một người khỏi cái chết đang đe dọa, Rendô, tôi nói lại, gạt bỏ mọi ý định ra đi, quyết tâm giúp đỡ Fere và không bỏ rơi ông chừng nào ông chưa đạt được mục đích của mình. Nói là làm: anh nhập bọn với những người dẹp đường, và chắc chắn không phải là một trong những người tồi nhất. Cuối cùng đường đã mở. "Tiến lên đi", một số người nói với bác đánh xe ngựa, và họ né sang bên hoặc tiến lên để mở đường xa hơn chút nữa. "*Adelante, presto, con juicio*"[1], ông chủ xe cũng nói với bác, và cái xe ngựa chuyển động. Trong khi ban phát rộng rãi những lời chào hỏi công chúng, Fere vẫn dành những lời đặc biệt, cùng những nụ cười thông cảm, để cảm ơn những người ông thấy đã làm việc cho ông: và nhiều nụ cười như thế đã dành cho Rendô, anh thật xứng đáng được hưởng, và ngày hôm đó anh đã phục vụ ngài đại pháp quan tận tâm hơn cả người thư ký ưu tú nhất của ngài. Anh chàng miền núi trẻ tuổi, sung sướng vì được hưởng ân huệ ấy, đã tưởng gần như trở thành người bạn của Antôniô Fere.

Cái xe ngựa, sau khi đã chuyển bánh, tiến lên ít nhiều chậm chạp và không phải không có vài chỗ phải dừng lại một chút. Đoạn đường không dài hơn một tầm súng bao nhiêu, nhưng thời gian đi thì tưởng chừng như một cuộc viễn du thật sự ngay cả với những người nào không phải vội vã vì một công việc cao cả như Fere.

Đám đông nhấp nhô ở đằng trước và đằng sau, bên phải và bên trái xe ngựa, như những đợt sóng cả chung quanh một

---

[1] Tiến lên, nhanh, nhưng thận trọng (tiếng TBN).

con tầu giữa cơn giông tố. Và tiếng ồn ào còn chói tai hơn, hỗn độn hơn, ầm ĩ hơn cả tiếng gầm rú của cơn bão. Fere nhìn ra tứ phía, lấy lại tư thế và đồng thời làm điệu bộ, cố nghe hiểu trong tiếng ồn ào đôi điều gì đó để liệu chiều trả lời những yêu cầu của quần chúng. Ông muốn nói qua loa vài lời với đám người bè bạn nhưng thật khó, có lẽ đó là điều khó nhất ông gặp phải trong bao nhiêu năm trời làm đại pháp quan. Tuy vậy, thỉnh thoảng, một vài lời, thậm chí một vài câu, do một nhóm người nào đó nhắc lại khi xe ông đi qua, cũng đến tai ông, như một quả pháo sáng mạnh hơn nổ tung giữa tiếng lép biép bao la của một cuộc đốt pháo hoa. Và ông luôn mồm nói suốt dọc đường, khi thì tìm cách trả lời sao cho vừa lòng những tiếng hò hét ấy, khi thì họ nói hú họa mấy lời mà ông biết phải là những lời ngọt ngào nhất hoặc những lời dường như do một nhu cầu cấp bách nào đó đòi hỏi. "Vâng, thưa các ông; phải có bánh mì, no ấm. Đích thân ta sẽ điệu hắn vào tù, hắn sẽ bị trừng phạt,... *si es culpable*[1]. Phải, phải, chính ta sẽ ra lệnh: bánh mì giá rẻ. *Asi es...*[2] chính thế, ta muốn nói: nhà vua vị chúa tể của chúng ta không muốn những bầy tôi rất trung thành của mình phải đói. *Ox! Ox! Guardaos*[3]; khéo không các ông bị đau đấy, kìa. *Pedro, adelante con juicio*[4]. Cuộc sống no đủ, vâng, cuộc sống no đủ. Các ông làm ơn tránh ra cho một chút. Phải có bánh mì, phải có bánh mì. Bỏ ngục, bỏ ngục. Cái gì thế?", - ông hỏi một người vừa thò hẳn nửa mình vào cửa xe để gào lên với ông một điều gì, có thể là một lời khuyên, một yêu cầu, hay một lời tán thưởng. Nhưng người

---

[1] Nếu hắn có tội (tiếng TBN).
[2] Chính thế (tiếng TBN)
[3] Này! Này! Cẩn thận đấy! (tiếng TBN).
[4] Pêđrô, thận trọng tiến lên (tiếng TBN).

này, thậm chí chưa nghe kịp tiến "cái gì thế" ấy, đã bị một người nào đó kéo lại khi thấy ông ta chỉ còn cách hai ngón tay là bị bánh xe đè nghiến. Giữa những lời nói đi và đáp lại ấy, giữa những tiếng tung hô không ngớt ấy, và đây đó một vài lời phản đối lẻ tẻ nhưng bị giập đi ngay, cuối cùng Fere đã tới trước ngôi nhà bị bao vây, chủ yếu nhờ những người giúp việc đắc lực của mình.

Những người khác, như ta đã nói, đã tới đây cũng với thiện ý như thế, cố xoay xở để dẹp lấy một chỗ nhỏ. Bằng rất nhiều lời van xin, khích lệ, đe dọa, bằng cách ra sức đẩy, dồn, ép chỗ này chỗ kia, với lòng hăng hái gấp bội và với nguồn sinh lực mới được động viên bởi cái đích mong muốn đã tới gần, cuối cùng họ đã có thể rẽ đôi đám đông ra rồi bắt cả hai bên lùi lại; đến mức mà giữa cổng và xe ngựa đỗ trước cổng còn được một khoảng trống nhỏ. Rendô khi là người hướng đạo, khi là người hộ tống đã tới cùng với xe ngựa; anh có thể đứng vào một trong hai hàng những người hộ vệ tình nguyện, họ vừa tạo thành hàng rào danh dự cho cỗ xe, vừa làm cái đê ngăn những làn sóng người luôn ép lại. Và, trong khi góp phần chặn lại một trong những làn sóng người như thế bằng đôi vai vạm vỡ của mình, anh được đứng ở một chỗ tuyệt diệu để nhìn ngắm.

Fere thở phào một cái khi trông thấy khoảng trống nho nhỏ ấy và cái cổng hãy còn đóng. Đóng, tức là chưa bị phá toang; bởi vì những bản lề cửa đã hầu như bị nạy bật ra, những cánh cửa bị băm vằm, chọc thủng, và rời ra ở giữa, để nhìn thấy qua khe hở rộng một mẩu then cửa cong queo, lỏng lẻo và gần như long ra mặc dầu, nếu có thể nói như vậy, nó vẫn còn cố giữ được hai cánh cửa nối liền nhau. Một người có lòng tốt đến trước cổng gọi người ra mở cổng. Một người khác

vội mở cửa xe ngựa, ông già ló đầu ra, đứng lên và bàn tay phải nắm lấy cánh tay người ấy, ra khỏi cửa và bước xuống bậc xe.

Từ mọi phía, đám đông kiễng chân lên tất cả để nhìn: một nhìn bộ mặt, một nhìn chòm râu vểnh lên trời. Trí tò mò và sự chăm chú của mọi người tạo nên một phút im lặng bao trùm lên tất cả. Dừng lại một lát trên bậc xe, Fere liếc nhìn chung quanh, cúi chào đám đông, như từ trên diễn đàn trông xuống, và đưa một tay trái lên ngực và hô: "Bánh mì và công lý!". Rồi, với thái độ thung dung, dáng đi thẳng, mình khoác áo thụng, ông từ bậc xe bước xuống giữa tiếng hoan hô vang trời dậy đất.

Trong thời gian ấy, những người trong nhà đã mở hoặc đúng hơn, đã hoàn thành việc mở cửa, bằng cách tháo then cửa với những vòng giữ then đã đứt đến một nửa, và khẽ hé cửa vừa đủ để vị khách được khao khát mong chờ có thể lọt qua. "Mau lên, mau lên, - vị khách nói, - mở hẳn cửa ra cho ta vào; và các ông, các ông hãy để ý ngăn mọi người lại, đừng cho họ đến gần ta... vì lòng kính Chúa! Các ông hãy để chừa một chút khoảng trống để lát nữa còn ra... Này, này! Các ông, chờ ta một lát, rồi ông nói với những người bên trong: - Khẽ mở cánh cửa này ra, cho ta vào. Ối! xương sườn ta, nương nhẹ xương sườn ta với chứ. Bây giờ thì đóng đi. Không. Ối chà! Áo thụng của ta! Áo thụng của ta!" Cái áo thụng quả thật có th. bị kẹp giữa hai cánh cửa nếu Fere không hết sức nhanh nhẹn kéo dài đuôi áo ra, nó biến đi như cái đuôi một con rắn bị đuôi chui tọt và trong lỗ.

Cánh cửa đóng lại, người ta lại ra sức chống đỡ nó từ bên trong. Phía ngoài, những người tạo thành đội thị vệ của Fere dùng vai, cánh tay và lời nói để cố giữ một khoảng trống, trong bụng khấn thầm Chúa phù hộ cho công việc chóng xong.

- Mau lên, mau lên, - Khi đã vào nhà, ở hành lang ngoài. Fere cũng nói vậy với những người hầu xúm quanh ông, họ thở hổn hển và reo lên: "A, đại nhân, cầu Chúa phù hộ ngài! Trời ơi, đại nhân! A, đại nhân!"

- Mau lên, mau lên, - Fere nhắc lại, - cái ông tổng lý trứ danh ấy đâu?

Ông tổng lý từ thang gác xuống, được những người hầu khác vừa lôi vừa khiêng đi, mặt cắt không còn hột máu. Khi trông thấy vị cứu tinh của mình, ông thở phào nhẹ nhõm, mạch lại bắt đầu đập, hai chân lấy lại một chút sinh lực, sắc mặt lại hồi phục. Ông lấy hết sức chạy đến chỗ Fere và nói: "Tôi bây giờ ở trong tay Chúa và đại nhân. Nhưng làm sao ra khỏi đây? Chỗ nào cũng có người muốn giết tôi".

Hãy đi với tôi, thưa Ông[1], và can đảm lên: ở ngoài kia tôi có xe, mau lên, mau lên. - Fere nắm tay viên tổng lý, vừa dắt ra cửa vừa động viên ông ta. Nhưng đồng thời ông nghĩ bụng: *"Cái khó chính là ở chỗ này đây; cầu Chúa phù hộ chúng ta!"*

Cổng mở, Fere ra đầu tiên, và ông tổng lý theo sau, rúm người lại, bám chắc vào cái áo thụng cứu nạn như một đứa bé bám vào váy mẹ. Những người đã giữ được khoảng trống bèn giơ hết cả tay và mũ lên, tạo thành như một tấm lưới, như một đám mây, để che khuất viên tổng lý khỏi những con mắt nguy hiểm của đám đông. Viên tổng lý lên xe ngựa đầu tiên và thu mình trong một xó. Fere lên theo; cửa xe đóng lại. Đám đông lờ mờ nhìn thấy, nghe nói, đoán chừng những gì đã xảy ra, và hò hét ầm ĩ với những tiếng hoan hô và những lời nguyền rủa.

Con đường còn lại có thể là khó nhất và nguy hiểm nhất.

---

[1] Trong nguyên bản là tiếng Tây Ban Nha, tất cả những câu khác in nghiêng sau này cũng vậy.

Nhưng nguyện vọng chung của mọi người muốn bỏ tù viên tổng lý đã biểu lộ khá rõ. Và trong khi xe đậu trước cổng, những người từng mở đường cho Fere vào đã tích cực hoạt động để giữ một lối đi giữa đám đông, thành ra lần này xe có thể đi nhanh hơn một chút và không phải dừng lại. Xe tiến đến đâu, hai đám đông bị nén ở hai bên lại đổ xô vào hòa lẫn với nhau đằng sau xe.

Vừa ngồi vào xe, Fere đã cúi xuống viên tổng lý báo cho ông ta biết phải thu mình thật nhỏ ở tít trong cùng hòm xe và, lạy Chúa, đừng để người ta trông thấy; nhưng lời cảnh cáo thật là thừa. Trái lại, ông phải ló mặt ra, để thu hút tất cả sự chú ý của công chúng về mình. Và trong suốt cuộc hành trình này, cũng như cuộc hành trình đầu tiên, ông nói với cử tọa dễ thay đổi của mình bài diễn văn liên tục nhất về thời gian nhưng rời rạc nhất về ý nghĩa mà người ta có thể thấy được, chốc chốc lại ngắt quãng để chen vào mấy tiếng Tây Ban Nha mà ông thì thào thật nhanh bên tai người bạn đồng hành co rúm trong chiếc xe.

- Vâng, thưa các ông; bánh mì và công lý. Đưa về lâu đài, tống vào ngục, dưới sự giám sát của tôi. Cám ơn, cám ơn, cám ơn rất nhiều. Không, không: hắn không thoát được! *(Đây là để lấy lòng bọn chúng thôi!)*. Đúng quá rồi; chúng tôi sẽ nghiên cứu, chúng tôi sẽ xem xét. - Chính tôi cũng mong muốn lợi ích của các ông. Một sự trừng phạt nghiêm khắc *(Tôi nói điều này vì lợi ích của ông bạn đấy)*. Một giá quy định đúng đắn, một giá quy định ngay thật, và trừng phạt những tên thủ phạm nạn đói. Các ông làm ơn tránh ra hộ. Phải, phải: tôi là một người thẳng thắn, một người bạn của dân chúng. Hắn sẽ bị trừng phạt: đúng thế, hắn là một thằng kẻ cướp, một kẻ gian ác *(Xin lỗi ông)*. Hắn sẽ khốn đốn, phải, hắn sẽ khốn đốn (...

nếu hắn có tội). Phải, phải, những tên chủ hiệu bánh mì ấy, chúng tôi sẽ bắt chúng phải làm ăn cho tử tế. Hoàng thượng muôn năm, và những người dân Milăng hiền hậu bầy tôi rất trung thành của Người muôn năm! Chà, hắn sẽ ốm đòn, hắn sẽ ốm đòn. *(Cứ vững tâm, ta sắp qua khỏi rồi!)*

Quả thật họ đã qua được quãng dày đặc nhất của đám đông, và họ sắp ra khỏi đó, đến nơi hoàn toàn quang đãng. Fere, đã bắt đầu cho mồm nghỉ ngơi một chút, lúc này trông thấy đội lính Tây Ban Nha cứu viện đến chậm nhưng rốt cuộc cũng không phải hoàn toàn vô ích, bởi vì, được vài người dân ủng hộ và hướng dẫn, họ đã góp phần giải tán một ít người, và giữ một lối trống cho xe đi. Khi chiếc xe đến, họ đứng thành hàng rào và bồng súng chào vị đại pháp quan, còn ông, ở đây cũng thế, cúi chào bên phải rồi bên trái; rồi với viên sĩ quan tiến lại chào ông, ông vừa nói vừa làm một cử chỉ ý nhị của bàn tay phải kèm theo lời nói: *Beso a usted las manos*[1], những lời này viên sĩ quan đã hiểu theo cái nghĩa thật mà chúng muốn nói, nghĩa là: Ông đã thật sự giúp đỡ ta rất nhiều! " Để đáp lại, viên sĩ quan chào một lần nữa, và khẽ nhún vai. Đó quả thật là trường hợp để nói: *Genant arma togae*[2]; nhưng Fere lúc này không còn đầu óc đâu mà nghĩ đến những lời trích dẫn; vả lại có trích dẫn câu ấy cũng là thừa, vì viên sĩ quan không biết tiếng La tinh.

Còn về bác đánh xe ngựa Pêđrô, khi đi giữa hai hàng lính Tây Ban Nha ấy, giữa những cây súng hỏa mai bồng lên chào kính cẩn đến thế, bác lại trở về với lòng gan dạ trước kia. Hoàn toàn trấn tĩnh sau cơn choáng váng, bác nhớ lại bác là ai và đang đánh xe cho ai; bác thét lên và không chút khách sáo:

---

[1] Ta hôn tay ông (tiếng TBN).

[2] Vũ khí hãy nhường chỗ cho tấm áo thụng (tiếng La tinh).

"Ê! ê!" với những người từ nay đã khá thưa thớt để có thể đối xử được như thế, và quất mạnh roi, bác thúc cho ngựa phi nhanh về lâu đài.

- *Đứng lên đi, đứng lên; chúng ta thoát rồi:* - Fere nói với viên tổng lý; ông này, yên lòng vì những tiếng gào thét đã hết, vì tốc độ phóng nhanh của chiếc xe ngựa, và vì những lời nói ấy, quay mình lại, ruỗi chân tay, thẳng người dậy, và đã đôi chút hoàn hồn, ông bắt đầu rối rít cảm tạ vị cứu tinh. Fere, sau khi ngỏ lời chia buồn với viên tổng lý vì nỗi nguy hiểm ông vừa trải qua và bày tỏ niềm vui mừng thấy ông đã thoát nạn, bỗng vỗ tay lên cái đầu hói của mình kêu lên: - *Tướng công ngài sẽ nói thế nào về việc này đây,* ngài vốn đã đau đầu vì cái thành Cadan khốn kiếp ấy không chịu đầu hàng? *Đức bá tước - công tước sẽ nói thế nào,* khi ngài phải lo ngại vì một chiếc lá cũng gây nhiều tiếng động hơn bình thường? *Đức Hoàng thượng vị Chúa tể của chúng ta sẽ nói thế nào,* rốt cuộc rồi Hoàng thượng cũng sẽ biết một điều gì đó về cái cuộc hỗn loạn ấy? Và rồi, thế đã xong chưa? *Có mà trời biết.*

- Chà! Về phần tôi, tôi không muốn dính vào chuyện ấy nữa, - Viên tổng lý nói, - tôi xin bỏ cuộc, tôi trả lại chức vụ của tôi cho đại nhân, và tôi sẽ về sống trong một cái hang, một quả núi nào đó, như một ẩn sĩ, ở xa, rất xa cái lũ người chó má này

- *Tôn ông* phải làm cái việc thích hợp nhất với ông *để phục vụ Đức hoàng thượng,* - ngài đại pháp quan nghiêm trang đáp.

- Đức hoàng thượng chắc chắn không muốn tôi phải chết, - viên tổng lý cãi lại. - Vào hang thôi, vào hang mà ở thôi; xa hẳn lũ người này.

Cái ý định ấy rồi sẽ ra sao, vị tác giả của chúng ta không nói: sau khi đã đưa con người khốn khổ ấy về lâu đài, tác giả không nhắc gì đến ông ta nữa.

Chương mười bốn

Đám đông còn lại đằng sau bắt đầu giải tán, tản ra phía bên phải và bên trái về các phố khác nhau. Người này về nhà để làm (tại sao không?) mọi việc của mình, người kia dạo chơi để hít thở không khí khoáng đạt một chút, sau khi bị kẹt quá lâu trong cái đám đông ồn ào ấy, những người khác thì đi tìm bè bạn để chuyện trò về những sự kiện lớn trong ngày. Ở đầu phố đằng kia đám đông cũng đang giải tán, và người còn lại khá thưa thớt khiến đơn vị lính Tây Ban Nha có thể tiến lên không gặp sức kháng cự và đến đóng trước ngôi nhà ông tổng lý. Chính gần ngôi nhà này hãy còn tụ tập cái cặn bã, nếu có thể nói như vậy, của cuộc nổi loạn: một tốp vô lại đứng làu bàu, bất mãn vì cái kết thúc quá nhạt nhẽo và không kết quả sau bao nhiêu công phu chuẩn bị như vậy; chúng chửi rủa hoặc bàn bạc với nhau xem có thể tiến hành một vụ nào khác nữa không; và để thở, chúng xúm vào đập và xô đẩy cái cửa khốn khổ đã tạm thời được chống đỡ lại bên trong.

Khi đội lính đến, tất cả những người ấy hoặc chuồn thẳng hoặc đi dề dà, như còn luyến tiếc, về phía ngược lại, bỏ trống vị trí cho đội lính đến chiếm lĩnh và đóng tại đây để canh giữ ngôi nhà và đường phố. Nhưng tất cả các phố lân cận vẫn còn

rải rác những nhóm người: ở đâu đó có hai ba người đứng lại thì ba bốn người, hàng chục người khác cũng đứng lại cùng với họ; chỗ này vài người đứng tách khỏi các nhóm; chỗ kia là cả một tốp người di động, như những đám mây đôi khi còn rớt lại rải rác và trôi lững lờ trên bầu trời xanh sau cơn bão, khiến những người nhìn lên phải nói: "Tiết trời này vẫn còn chưa chắc chắn lắm đâu". Còn về những cuộc trò chuyện, các bạn thử tưởng tượng nó bát nháo biết chừng nào. Kẻ này tường thuật rất huênh hoang về những sự kiện đặc biệt mà họ đã trông thấy; kẻ kia kể lại những việc bản thân họ đã làm; người này vui mừng vì sự việc kết thúc tốt đẹp, ca ngợi Fere, và dự đoán những tai họa trầm trọng cho ông tổng lý, người lại cười châm chọc: "Anh bạn cứ yên tâm, họ không giết ông ta đâu, chó sói không ăn thịt lẫn nhau"; cuối cùng có những người, với giọng giận dữ hơn, cằn nhằn về việc làm ăn không ra gì, rằng đây là một trò lừa bịp, và thật là rồ dại đi gây ra bao chuyện ồn ào để rồi bị đánh lừa như vậy.

Trong khi ấy thì mặt trời đã lặn, tất cả mọi vật cùng mang một màu sắc như nhau; và nhiều người, mệt mỏi với bao chuyện trong ngày và chẳng thiết gì nói trong bóng tối, trở về nhà họ. Anh chàng trẻ tuổi của chúng ta, sau khi đã giúp sức mở đường cho xe ngựa đi chừng nào việc ấy còn cần thiết, sau khi cả anh nữa cũng đi theo sau xe với vẻ đắc thắng giữa hai hàng lính, anh vui mừng thấy cái xe phóng tự do ngoài vòng nguy hiểm. Anh đi một lúc trong đám đông, và đến góc phố đầu tiên thì tách ra, để bản thân anh cũng được thở hít một chút khí trời thoáng rộng.

Sau khi đã đi vài bước tách ra, hãy còn bàng hoàng xúc động vì biết bao tình cảm, biết bao hình ảnh mới mẻ và hỗn độn, anh cảm thấy một nhu cầu lớn cần được ăn và được nghỉ,

và anh bắt đầu nhìn sang hai bên đường để tìm tấm biển một tiệm bánh ăn; bởi vì nếu đi đến tu viện dong đạo hành khất thì muộn quá rồi. Cứ nghênh mặt mà đi như thế, anh gặp một người, và anh đứng lại, nghe thấy họ bàn bạc về những dự đoán và những kế hoạch. Anh đứng nghe một lúc, rồi không thể nín được cũng nói lên ý kiến của mình, anh nghĩ rằng khi một người đã làm bao nhiêu việc như anh trong ngày hôm ấy, thì anh ta có thể đàng hoàng cho phép mình đề nghị một điều gì đó mà không hổ thẹn. Và tất cả những điều mắt thấy tai nghe hôm ấy khiến anh tin rằng từ nay, để thực hiện một ý định gì, chỉ cần làm cho nó được kẻ đi rong ngoài phố chấp nhận, anh bèn kêu lên với giọng trịnh trọng mở đầu một bài diễn văn:

- Thưa các vị! Cho phép tôi cũng được nói lên với các vị ý kiến khiêm tốn của tôi. Ý kiến khiêm tốn của tôi là: không phải chỉ trong chuyện bánh mì người ta mới giở những trò khốn nạn ra; như hôm nay chúng ta đã thấy rõ, nếu ta làm cho tiếng nói của mình được nghe thấu, thì ta sẽ có công lý. Vậy thời phải tiếp tục như thế chừng nào ta còn chưa trừ diệt được tất cả mọi tội ác khác, chừng nào mọi người còn chưa sống như những con chiên của Chúa. Có đúng vậy không, thưa các vị, chính là một dúm thằng bạo ngược chuyên làm trái hẳn với mười điều giới luật, và tìm cách hành hạ những người dân lương thiện không liên quan gì với chúng, để gây cho họ đủ điều khổ cực, mà rồi bao giờ chúng cũng có lý do? Và thậm chí chúng làm việc gì tàn bạo hơn bình thường, chúng còn vênh vang lên mặt, cứ như người ta còn phải mắc nợ chúng nữa? Phải, ngay ở Milăng cũng không thiếu gì những bọn ấy đâu.

- Chỉ có quá nhiều thôi, - ai đó nói lên.

- Chính là tôi muốn nói như thế đấy, - Rendô nói tiếp, - ở chỗ chúng tôi người ta cũng kể những chuyện ấy. Và sự việc tự nó nói lên chứ. Chẳng hạn, một tên trong số những tên tôi muốn nói, khi thì sống ở nhà quê khi thì sống ở Milăng: nếu hắn là con quỷ ở đằng kia, thì cũng chẳng là thiên thần ở nơi đây, theo tôi nghĩ. Vậy các vị thử nói xem nào, thưa các vị, đã bao giờ các vị trông thấy một trong những thằng cha ấy vào tù chưa? Và điều tệ hại hơn nữa (cái điều này, tôi có thể đoán chắc với các vị), là vẫn có những pháp lệnh, in ấn đàng hoàng, để trừng phạt bọn chúng: và không phải những pháp lệnh lời lẽ lăng nhăng đâu; những pháp lệnh thảo rất hay, có thể nói không chê vào đâu được; những trò khốn nạn được nêu lên trong đó rõ ràng, hoàn toàn như chúng thực sự diễn ra, và đối với mỗi trò khốn nạn ấy lại có hình phạt thích đáng dành cho nó. Và người ta nói là cái đó áp dụng với bất kỳ ai, những người nhà quê và những người dân thường, và gì gì đi nữa tôi làm sao biết được. Thế nhưng các vị thử đến kêu với những ngài tiễn sĩ - những tên cạo giấy và đạo đức giả ấy - để chúng giúp các vị đạt được công lý theo những điều nói trong pháp lệnh: chúng sẽ nghe các vị hệt như Đức giáo hoàng nghe những tên bợm: quả thật bất cứ một người lương thiện nào cũng phải điên đầu. Như vậy rõ ràng rằng nhà vua, và tất cả những người điều khiển công việc nhà nước, đều muốn những tên kẻ cướp phải bị trừng phạt; nhưng người ta chẳng làm nên trò trống gì, bởi vì chúng kết với nhau thành cả bầy đàn. Vậy thời phải đập tan cái bầy đàn ấy đi; sáng mai phải đến gặp Fere, vì ngài là một người đoan chính, một nhà quý tộc mà ta có thể nói chuyện được; đó, hôm nay ta đã có thể thấy ngài rất vừa ý được tiếp xúc với những người nghèo khổ, ngài đã cố lắng nghe những lý lẽ người ta trình bày với ngài, và ngài đã

vui lòng đáp lại. Phải đến gặp Fere và nói cho ngài rõ mọi sự tình; riêng về phần tôi, tôi cũng có thể kể với ngài khối chuyện; chính tôi đã được trông thấy, bằng chính mắt mình, một pháp lệnh với đủ thứ huy chương trên cùng, và được thảo ra bởi ba người trong số những người cầm quyền, chẳng những thế mỗi người còn có tên mình in rõ rành rành dưới bản pháp lệnh và một trong những tên ấy là Fere, phải, bản thân tôi đã trông thấy, bằng chính mắt tôi: mà bản pháp lệnh này nói đúng cái điều tôi cần; và một ngài tiến sĩ mà tôi đã yêu cầu can thiệp để người ta phải đối xử công bằng với tôi, đúng như ý muốn của ba vị quý tộc ấy, trong đó có Fere, ngài tiến sĩ ấy, vâng, chính cái người đã đưa tôi xem bản pháp lệnh (cái trò bỉ ổi nhất là chỗ này đây!) chà, chà, lại làm ra vẻ dường như tôi kể những chuyện nhảm nhí với ông ta. Tôi dám chắc rằng khi vị lão trượng đáng kính ấy nghe được tất cả những trò đểu giả này (bởi vì ngài không thể biết hết những chuyện ấy, nhất là những chuyện ở thôn quê), thì ngài sẽ không muốn những trò đểu giả ấy cứ tiếp tục như thế mãi, và ngài sẽ chấm dứt chúng ngay. Hơn nữa, những vị ấy đã làm ra pháp lệnh, chắc hẳn họ phải rất vui lòng nếu họ được phục tùng: bởi vì đó là sự khinh miệt, sự nhạo báng thật sự nếu người ta trương tên những vị ấy ra chỉ để làm vì. Và nếu những tên bạo chúa không muốn cúi đầu, nếu chúng cứ ngang ngược, thì có chúng ta đây, chúng ta sẽ giúp ngài như ta đã làm hôm nay. Tôi không muốn nói ngài phải tự mình đi xe ngựa đến tóm cổ tất cả những thằng vô lại, những bọn áp bức, và những tên bạo chúa: tất nhiên, như thế thì ngài phải có cả một cái tàu của ông Nôê[1]. Chỉ cần ngải

---

[1] *Arche de Noê:* tàu khổng lồ của ông Nôê đóng theo lệnh Chúa để thoát nạn hồng thủy.

lệnh cho tất cả những người có trách nhiệm về vấn đề này, không chỉ ở Milăng, mà khắp nơi, để họ làm đúng theo các pháp lệnh; và để họ đưa ra tòa xử thật nghiêm khắc tất cả những kẻ đã có những hành vi đốn mạt ấy; và chỗ nào là bỏ tù, thì tống chúng vào tù, chỗ nào nói là khổ sai, thì bắt chúng lao động khổ sai; và để họ bắt những ông thị trưởng phải làm việc cho nghiêm nếu không thì tống cổ các ông ấy đi và thay bằng người khác tốt hơn: vả lại, như tôi nói, đã có chúng ta đây giúp vào một tay. Và rồi hạ lệnh cho các ông tiến sĩ để họ chịu nghe những người nghèo khổ một chút và bảo vệ lẽ phải. Tôi nói như vậy có đúng không, thưa các vị?

Rendô đã nói sôi nổi đến mức mà ngay từ đầu bài diễn văn của anh, một phần lớn những người tụ tập ở đây đã ngừng mọi câu chuyện và quay về phía anh; và đến lúc nào đó thì tất cả mọi người đều trở thành thính giả của anh. Những tiếng hoan hô nổi lên hỗn độn: "Hay lắm! Nhất định rồi! Anh ta nói phải! Đúng quá đi! dường như là lời đáp lại của cử tọa. Tuy vậy, những lời chỉ trích cũng không thiếu. "Úi chà chà, - một người nói, - đi mà nghe bọn miền núi... chúng cứ như thánh phán cả", và ông ta đi thẳng. "Thời buổi này, - một người khác lầm bầm, - mỗi thằng khố rách áo ôm đều muốn lên giọng dạy đời; cái gì cũng muốn được ngay tất cả thì rồi đến bánh mì rẻ cũng không có mà mua, thế mà đây mới là cái đích chúng ta cố đạt được". Nhưng Rendô chỉ ngạc nhiên thấy những lời chúc tụng. Người nắm tay này, kẻ nắm tay kia của anh. "Tạm biệt, mai nhé. Ở đâu? - Ở quảng trường Nhà thờ lớn. - Được. - Được. - Và ta sẽ làm một cái gì. - Phải, ta sẽ làm một cái gì".

- Có ai trong số các ngài có lòng tốt làm ơn chỉ cho tôi một quán ăn để một anh chàng khốn khổ như tôi có thể ăn một

miếng gì và ngủ một chút không? - Rendô hỏi.

- Chính tôi sẽ giúp anh việc ấy, chàng trai tốt bụng ạ, - một người nói, ông vẫn chăm chú nghe bài diễn văn của Rendô nhưng từ nãy chưa nói gì cả. - Tôi biết một quán ăn đáp ứng đúng yêu cầu của anh: và tôi sẽ giới thiệu anh với ông chủ quán, ông ta là bạn tôi và là một người lương thiện.

- Ở gần đây không? - Rendô hỏi.

- Không xa lắm. - Người kia đáp.

Cuộc tụ tập bắt đầu giải tán; và Rendô, sau khi bắt tay thật chặt những bạn bè không quen biết, ra đi với người lạ mặt, không ngớt lời cám ơn sự lịch thiệp của ông.

- Có gì mà ơn với huệ? - Người kia nói. - Tay nọ rửa tay kia, và hai tay cùng rửa mặt cả thôi mà. Lẽ nào chúng ta không có bổn phận giúp đỡ đồng loại của chúng ta? - Và vừa đi ông ta vừa hỏi Rendô, với cái vẻ như trò chuyện, hết câu hỏi này đến câu hỏi khác. - Không phải tôi tò mò muốn biết công việc của anh đâu, nhưng tôi thấy anh có vẻ mệt lắm: anh từ đâu đến thế?

- Tôi ở Leccô đến, - Rendô đáp.

- Ở Leccô à? Anh là người Leccô?

- Phải, người Leccô... nghĩa là người ở trong vùng ấy.

- Chàng trai tội nghiệp! Theo những điều tôi hiểu được qua bài diễn thuyết của anh, thì hẳn anh đã bị người ta xúc phạm ghê lắm.

- Chà! Ông bạn tốt bụng yêu quý của tôi! Tôi đã phải nói quanh co một chút để không kể những việc riêng của tôi ra trước công chúng; nhưng mà... thôi được, rồi có ngày mọi việc sẽ đâu vào đấy, và rồi, và rồi... nhưng kìa, ở đây có tấm biển một tiệm ăn, và xin thú thực, tôi không muốn đi xa hơn nữa đâu.

- Không, không; anh cứ đến chỗ tôi đã nói với anh, ta đến ngay đây, - người dẫn đường nói, - ở đây anh không được thoải mái lắm đâu.

- Thoải mái quá đi chứ, - chàng trẻ tuổi đáp, - tôi không phải một ông hoàng được nuôi trong nhung lụa; một mẩu gì đó để nhai, và một đệm rơm, với tôi thế là đủ lắm rồi: cái điều tôi muốn trước hết, là nhanh chóng tìm thấy cả cái này và cái kia. Lạy Chúa! - và anh bước vào qua một cái cửa lớn có vẻ xuềnh xoàng, trên cửa treo tấm biển có vẽ hình ông trăng tròn.

- Được, anh đã thích thế thì tôi dẫn anh vào đây, - người lạ mặt đáp, và đi theo anh.

- Ông không phải bận tâm thêm nữa làm gì, - Rendô đáp. Tuy vậy, - anh nói tiếp, - tôi rất vui mừng nếu được. Ông cùng uống một cốc rượu với tôi.

- Tôi xin nhận lời mời lịch thiệp của anh, - ông ta đáp, và vì quen thuộc thông thổ địa phương hơn, ông tiến lên trước Rendô, đi qua cái sân nhỏ, đến bên cửa vào nhà bếp, nhấc then lên, mở cửa và bước vào với anh bạn của mình. Hai chiếc đèn xách tay, treo ở đầu hai cái sào buộc chặt vào một xà ngang trên trần, hắt ra một ánh sáng lờ mờ. Nhiều người mải mê ăn uống chuyện trò ngồi trên những ghế băng đặt hai bên một cái bàn hẹp và dài chiếm gần hết nửa căn phòng: chỗ này chỗ kia, những khăn trải bàn với những đĩa thức ăn, những quân bài đặt xấp và lật ngửa, những con súc sắc gieo xuống và thu về; chỗ nào cũng thấy chai với cốc. Người ta cũng thấy cả các đồng beclingơ, đồng rêan và đồng Pacpagliôn[1] chuyền từ tay nọ qua tay kia, những đồng tiền nếu chúng biết nói hẳn đã nói rằng: "Sáng nay chúng ta nằm trong chậu gỗ của một chủ

---

[1] Những đồng tiền thời bấy giờ.

hiệu bánh mì hoặc trong túi áo một vị khán giả nào đó của cuộc bạo loạn, ông này mải xem diễn biến những việc công đến quên cả trông nom việc tư nhỏ bé của mình".

Căn phòng thật ồn ào. Một anh bồi bàn ra sức chạy đi chạy lại khắp phòng, để cùng một lúc phục vụ cả những người ăn uống và người đánh bạc. Ông chủ quán ngồi trên chiếc ghế dài nhỏ, dưới mái lò bếp, bề ngoài có vẻ như đang mải vẽ bằng cái cặp lửa những hình trong đống tro rồi lại xóa đi; nhưng kỳ thực ông để ý đến tất cả những gì xảy ra quanh ông. Nghe tiếng nhấc then cửa, ông đứng dậy và ra đón khách mới đến. Vừa nhận ra người dẫn đường của Rendô, ông nghĩ bụng: Thằng khốn kiếp, tại sao mày cứ phải luôn luôn đến ám ta trong khi ta chẳng muốn nhìn mặt mày chút nào!" Rồi, liếc nhanh nhìn Rendô, ông lại tự nhủ: "Con anh bạn, tôi không quen biết anh; nhưng đã đến với một tên thợ săn như thế thì anh phải là con chó hoặc con thỏ: chỉ cần anh mở miệng ra, ta sẽ biết ngay anh là ai". Tuy vậy cả những suy nghĩ ấy không chút nào lộ ra trên khuôn mặt ông chủ quán vẫn im lìm như một bức chân dung: một bộ mặt béo tròn và bóng nhẫy, với một chòm râu cằm rậm, hung hung đỏ, và đôi mắt bé sắc sảo.

- Các ngài muốn gì ạ? - Ông ta nói to.

- Trước hết một bình rượu ngon, - Rendô nói, - và sau đó là một cái gì ăn được.

Nói xong anh ngồi phịch xuống chiếc ghế dài ở gần đầu bàn, thốt lên một tiến "Chà!" khoan khoái dường như muốn nói: ngồi một chút cũng hay, sau khi đã đứng mãi và làm bao nhiêu việc. Nhưng lập tức anh nhớ ngay đến cái ghế dài và cái bàn nơi anh đã ngồi lần cuối với Luxia và bà Anhedơ, và anh thở dài. Rồi anh lắc đầu, như để xua ý nghĩ ấy đi, và anh

trông thấy ông chủ mang rượu đến. Ông bạn dẫn đường ngồi trước mặt, Rendô rót rượu ngay mời ông uống và nói:

- Ta nhấp giọng một chút nào.

Rồi anh rót đầy cốc kia và nốc cạn một hơi.

- Ông cho tôi ăn gì đây? - Anh hỏi ông chủ quán.

- Có thịt bò hầm, ngài muốn dùng không ạ? - Ông ta nói.

- Được đấy, tuyệt diệu! thịt bò hầm.

- Có ngay đây ạ, - ông chủ quán nói với Rendô; rồi nói với người bồi bàn: - Dọn cho ông khách lạ này ăn. - Và ông ta đi đến bên bếp lò. - Nhưng... - ông lại quay về phía Rendô nói tiếp: - bánh mì thì tôi không có, vào cái ngày như hôm nay.

- Bánh mì à, - Rendô cười nói to, - cái khoản ấy thì Thượng đế đã lo cho ta rồi. - Và, sau khi lấy ra cái bánh mì thứ ba và cuối cùng trong những bánh mì nhặt được ở bệ cây thập tự Xanh Đơni, anh giơ nó lên và kêu to: - Đây là bánh mì của Thượng đế!

Nghe tiếng reo ấy, nhiều người quay lại; và trông thấy cái chiến lợi phẩm giương cao, một người kêu lên: - Bánh mì bán rẻ muôn năm!

- Bán rẻ à? - Rendô nói, - *gratis pro deo*[1].

- Càng tốt, tốt lắm.

- Nhưng, - Rendô nói tiếp ngay, - tôi không muốn các vị có ý nghĩ xấu về tôi. Không phải là tôi đã xoáy nó ở đâu, như người ta nói. Tôi đã nhặt nó trên mặt đất, và giả sử như tôi có thể tìm thấy ông chủ nó, tôi sẵn sàng trả tiền ngay cho ông ta.

- Khá lắm! Khá lắm! - Các bạn cùng bàn của anh càng cười hô hố to hơn, và không ai nghĩ là anh có thể nói thật.

---

[1] Không mất tiền và ổn thỏa (tiếng La tinh)

- Họ tưởng tôi đùa, nhưng đúng thật như thế, - Rendô nói với ông bạn dẫn đường của anh; và xoay xoay cái bánh mì trong tay, anh nói tiếp: - ông xem, họ làm nó đến nông nỗi này, dẹt như một cái bánh đa; nhưng biết cơ man nào là người! Anh chàng nào xương mềm một chút hẳn đã nhừ tử rồi! - Và, nhai nghiến ngấu ba bốn miếng bánh, anh nốc luôn một cốc rượu thứ hai và nói tiếp: - Cái bánh mì này một mình nuốt không trôi được, chưa bao giờ cổ họng tôi khô đến thế. Phải la hét nhiều quá!

- Hãy dọn giường nằm chu đáo cho chàng trai hiền lành này, - người dẫn đường nói, - anh ấy định ngủ lại đây.

- Ngài muốn ngủ ư? - Viên chủ quán lại gần bàn hỏi Rendô.

- Tất nhiên, - Rendô đáp. - Một cái giường rất xuềnh xoàng thôi: chỉ cần vải trải giường cho sạch; tôi là một anh chàng nghèo khổ thật, nhưng quen ăn ở sạch sẽ rồi.

- Ồ, cái đó ngài khỏi phải lo! - Viên chủ quán nói. Ông ta đến bên quầy hàng ở góc nhà bếp vếp và trở lại mang theo một lọ mực và mảnh giấy trắng trong tay này, một cái bút trong tay kia.

- Cái trò gì thế? - Rendô kêu lên, nuốt một miếng thịt hầm mà người bồi bàn đã đặt trước mặt anh, rồi tủm tỉm cười với vẻ ngạc nhiên, anh nói tiếp: - Tấm vải trải giường sạch sẽ ông mang đến cho tôi đấy ư?

Viên chủ quán không đáp, đặt lọ mực và mảnh giấy lên bàn, rồi chống cánh tay trái và tì khuỷu tay phải lên bàn, cây bút chổng ngược và mặt ngước nhìn Rendô, ông ta nói với anh:

- Xin ngài làm ơn cho tôi biết tên, họ, và quê quán.

- Cái gì thế? - Rendô nói. - Những trò này có liên quan gì đến cái giường của tôi.

- Tôi thi hành bổn phận của mình, - viên chủ quán nói,

nhìn thẳng vào mặt người dẫn đường, - chúng tôi bắt buộc phải báo cáo về tất cả những người đến trọ ở đây: "*tên và họ ôn ta, nguyên quán ông ta ở đâu, ông đến đây có việc gì, ông có mang theo vũ khí không... ông định ở lại trong thành phố này bao lâu...*": đó là những lời trong bản pháp lệnh.

Trước khi đáp lại, Rendô nốc cạn một cốc rượu nữa (đây là cốc thứ ba, và từ đây trở đi, tôi e rằng chúng ta không thể đếm nổi những cốc rượu của anh nữa) rồi anh nói:

- Ái chà! Ông cũng có pháp lệnh đấy! Còn tôi, cứ xem như tôi là một nhà tiến sĩ đi: thế thì tôi thừa biết những pháp lệnh ấy vẫn được người ta coi trọng đến mức nào.

- Tôi nói thật mà, - viên chủ quán nói, vẫn luôn luôn nhìn người bạn đường câm lặng của Rendô; ông quay lại quầy hàng, lấy trong ngăn kéo ra một tờ giấy lớn, bản pháp lệnh ông có; và ông đến mở bản pháp lệnh ra trước mắt Rendô.

- Ái chà! Nó đây! - Anh chàng kêu lên, một tay giơ cao cốc rượu lại mới rót đầy và nốc cạn một hơi đánh ực, rồi tay kia vung lên chỉ ngón tay vào bản pháp lệnh: - Nó đây, cái mảnh giấy kinh bổn đẹp đẽ này. Tôi rất vui mừng lại được thấy mặt nó. Tôi đã quen thuộc với cái huy chương này; tôi biết cái đầu tiên là giáo với sợi dây tròng cổ này có nghĩa lý gì (vào thời ấy, ở đầu các pháp lệnh có in huy hiệu viên thống đốc; và trong huy hiệu của Đôn Gôndalô Phecnande dơ Coocđôva nổi lên hình một ông vua người Mo bị xích ở cổ)[1]. Cái đầu ấy muốn nói rằng: anh nào chỉ huy được thì cứ chỉ huy, còn anh nào muốn phục tùng. Khi nào cái đầu này có thể tống đi lao động

---

[1] Gôndalô Phecnande dơ Coocđôva thuộc dòng dõi một viên tướng Tây Ban Nha nổi tiếng vì trận đánh chiếm Granda (1402) của người Mo (Maures), vì bởi vì những trận chiến thắng quân Pháp ở nước Ý. (Mo là thổ dân vung Môritani - Mauritanie - một vùng xưa ở Bắc Phi).

khổ sai tên lãnh chúa đôn... thôi được, tôi tự hiểu, như cái đầu ấy đã nói trong một mảnh giấy kinh bổn khác cũng giống như mảnh giấy này; khi nào cái đầu ấy có thể làm cho một chàng trai lương thiện cưới được một cô gái lương thiện rất sung sướng vì được cưới anh, thì khi đó tôi sẽ nói tên tôi với cái đầu ấy; và chẳng những thế tôi còn ôm hôn nó nữa. Tôi có thể có nhiều lý do chính đáng để không nói tên tôi ra. Chà chà! Nếu một tên tướng cướp có dưới quyền nó một bầy kẻ cướp khác: bởi vì nếu nó chỉ có một mình thì... - đến đây anh phác một cử chỉ ý nhị chấm dứt câu nói, - nếu một tên tướng cướp muốn biết tôi ở đâu để chơi tôi một số, thì tôi thử hỏi ông cái đầu này có động đậy chút nào để cứu giúp tôi không? Tôi lại phải kể lể công việc của tôi nữa à! Cái này nữa, chuyện lạ đấy! Giả dụ rằng tôi đến Milăng để xưng tội; nhưng tôi muốn xưng tội với Đức cha dòng đạo hành khất, chẳng hạn, chứ không phải với một ông chủ quán.

- Viên chủ quán nín lặng và tiếp tục nhìn người dẫn đường, người này vẫn giữ vẻ mặt hết sức thản nhiên. Rendô (chúng tôi lấy làm tiếc phải nói điều này) nốc một cốc rượu nữa và nói tiếp:

- Ông chủ quán yêu quý của tôi ơi, tôi xin nói với ông một lý do hùng hồn này nó sẽ thuyết phục được ông. Nếu những pháp lệnh tử tế, những pháp lệnh bảo vệ những con chiên hiền lành của Chúa, còn chẳng được coi ra gì, thì những pháp lệnh lếu láo càng phải bị coi rẻ hơn nữa. Vậy thời xin ông cất đi hộ tôi tất cả những trò rắc rối này, và thay vào đó một bình rượu khác, bởi vì cái bình này bị rạn rồi. - Nói thế rồi anh cong ngón tay khẽ gõ lên cái bình, và nói tiếp: - Nghe đây, nghe đây, ông chủ quán, ông có thấy cái tiếng nó rè rè đấy không!

Lần này nữa, Rendô lại dần dần thu hút sự chú ý của tất

cả mọi người chung quanh, và lần này nữa anh lại được cử tọa hoan nghênh nhiệt liệt.

- Tôi phải làm thế nào bây giờ? - Viên chủ quán nhìn người lạ mặt nói, người này đối với ông thật ra không phải là người lạ.

- Thôi đi, thôi đi, - nhiều khách ăn có mặt cùng kêu lên - anh chàng trẻ tuổi này có lý, tất cả cái đó chỉ là những sự xúc phạm, những cái bẫy và những trò phiền toái: hôm nay là luật mới, luật mới.

Giữa tất cả những tiếng la hét ấy, người lạ mặt liếc nhìn viên chủ quán một cái nhìn trách cứ về cuộc tra hỏi mà ông ta đã tiến hành quá lộ liễu và nói:

- Thế thì ông cứ để anh ta làm theo ý thích của anh, đừng gây chuyện om sòm.

- Tôi đã làm tròn bổn phận của tôi, - viên chủ quán nói to, rồi nghĩ bụng: "Bây giờ thì ta yên trí rồi". Và ông lấy lại tờ giấy, cái bút, lọ mực, bản pháp lệnh, và cái bình rỗng để đưa cái bình cho người bồi bàn.

- Cứ thứ rượu ấy đưa ra đây, - Rendô nói, - tôi thấy nó ngay thật, và ta sẽ cho nó đi nằm như bình rượu trước mà không cần hỏi tên tuổi, quê quán, và công việc nó đến đây làm gì, và nó sẽ ở lại bao lâu trong thành phố này.

- Vẫn thứ rượu ấy, viên chủ quán nói đưa cái bình cho người bồi bàn; rồi ông quay lại ngồi dưới mái lò bếp. "Chà, một chú thỏ non quái gở, - ông nghĩ, và lại bắt đầu vạch những hình vẽ lên đống tro. - Đã thế lại rơi đúng vào nanh vuốt thằng cha này. Đồ con lừa! Nếu mày muốn tự tử, thì cứ chết đi, nhưng ông chủ "Quán trăng rằm" không việc gì phải chịu tiền phí tổn cho những trò ngu xuẩn của mày".

Rendô cám ơn ông bạn dẫn đường và tất cả những người đã ủng hộ anh.

- Các bạn thân mến! - Anh nói. - Bây giờ thì tôi thấy rõ là những con người lương thiện vẫn tiếp tay cho nhau và ủng hộ nhau. - Rồi, giương cao tay phải lên trên mặt bàn và lại lấy dáng điệu một nhà truyền giáo, anh kêu lên: - Tuy vậy, cũng thật kỳ quặc là tất cả những kẻ điều khiển công việc trên đờinày cứ muốn chõ những giấy, bút và mực của họ vào khắp mọi nơi! Bao giờ cũng cái bút cầm tay! Những ông ấy có cái thói si mê kỳ lạ bao giờ cũng phải dùng đến bút!

- Này, anh bạn nhà quê hiền lành! Anh có muốn biết lý do tại sao như vậy không? - Một trong những con bạc vừa được bạc cười cợt nói với anh.

- Nói thử nghe nào, - Rendô đáp.

- Lý do, - người kia nói, - là vì các ông ấy ăn thịt ngỗng, thành ra họ có cơ man là lông ngỗng đến nỗi họ phải dùng chúng vào việc gì chứ!

Tất cả cười ran lên, trừ anh chàng đánh bạc bị thua.

- Ái chà, - Rendô nói, - một nhà thi sĩ đây. Ngay cả ở đây cũng có những nhà thi sĩ. Vả chăng ở chỗ nào mà chẳng nảy sinh ra những nhà thi sĩ. Cả tôi nữa, tôi cũng có một chút thi nứng và có khi tội cũng nói những lời ngộ nghĩnh... nhưng khi nào công việc chạy cơ.

Để hiểu sự ngu đần đó của anh chàng Rendô đáng thương, cần phải biết rằng đối với dân chúng vùng Milăng, và đối với người dân quê càng như vậy, thi sĩ không có nghĩa, như tất cả những người có học quan niệm, là một tài năng thiêng liêng, một cư dân của núi Panhdơ, một môn đồ của các Nữ thần nghệ thuật[1]? một thi sĩ, đó là một đầu óc kỳ quặc và hơi gàn,

---

[1] Panhđơ (Pinde): dãy núi ở Hi Lạp, theo thần thoại là nơi ở của các Nữ thần nghệ thuật (Muses) do thần Apôlông, là thần mặt trời và thần của các nghệ thuật, cầm đầu.

mà những lời nói và hành động biểu lộ sự hóm hỉnh và sự khác người hơn là lẽ phải. Cái thứ thi sĩ quèn ấy tha hồ dùng chữ nghĩa bừa bãi, bắt chữ nghĩa nói những điều hết sức xa cách với cái nghĩa đích thực của chúng! bởi vì, tôi xin hỏi các bạn một chút, có thể có biết bao điều chung giữa một nhà thơ và một cái đầu gàn dở?

- Nhưng lý do thật sự, tôi đây, tôi xin thưa với các bạn, - Rendô nói tiếp. - Là vì chính bọn họ giữ cây bút trong tay: thành ra những lời họ nói thì bay đi và biến mất, còn những lời một anh chàng nghèo khổ nói ra thì họ lắng tai nghe và lập tức, lập tức họ tóm lấy những lời ấy bằng cây bút này và ghi chắc nó trên giấy để sử dụng ở nơi nào và lúc nào họ cần đến. Họ lại còn có cái trò ma mãnh này nữa: khi họ muốn làm rối trí một anh chàng nghèo khổ, không được học hành, nhưng cũng có một chút... Chà, các bạn hiểu tôi muốn nói gì rồi.... - và để làm cho mọi người hiểu mình, anh lấy đầu ngón tay trỏ gõ gõ lên trán, - thế đấy, khi họ thấy anh ta bắt đầu hiểu ra cái trò lộn xộn, thì hấp! Họ tung vào giữa những câu nói của họ vài tiếng La tinh để làm anh mất phương hướng và đầu óc anh rối tinh lên. Xin đủ, đã đến lúc phải bỏ đi nhiều thói quen, như cái thói dùng tiếng La tinh ấy! Còn hiện giờ thì tất cả mọi việc đều được giải quyết bằng những tiếng thường dùng hàng ngày, mà không cần đến giấy, đến bút, đến nghiên mực; và sau này, nếu mọi người biết đường cư xử, ta sẽ còn làm tốt hơn nữa: mà không đụng đến sợ lông chân một người; tất cả đều theo lẽ công bằng.

Trong khi ấy, một số trong đám khách hàng đã lại xoay ra đánh bạc, một số khác ăn uống, nhiều người la hét; kẻ đi người đến, và viên chủ quán săn sóc đến người này người nọ: nhưng tất cả những cái đó không liên quan gì đến câu chuyện

của chúng ta. Bản thân người dẫn đường lạ mặt cũng có nóng ruột muốn đi; ông có vẻ như không có việc gì làm ở chốn này; tuy vậy ông không muốn ra đi trước khi nói chuyện riêng một chút nữa với Rendô. Ông quay lại phía anh và lại khơi mào câu chuyện bánh mì; và sau vài câu nói thuộc loại những câu cửa miệng của mọi người ít lâu nay, ông trình bày một đề nghị của mình.

- Này, nếu phải tay tôi chỉ huy ấy à, - ông nói, - tôi sẽ tìm ra đôi mắt sáng lấp lánh và cái miệng hơi méo đi, như để tập trung chú ý hơn.

- Tôi làm thế nào à? - người kia nói. - Tôi muốn có bánh mì cho tất cả mọi người; cho cả người nghèo cũng như người giầu.

- A! Ý kiến hay đấy, - Rendô nói.

- Đây, tôi sẽ làm thế này. Một giá quy định phải chăng, hợp với túi tiền của tất cả mọi người. Rồi phân phối bánh mì theo khẩu phần: bởi vì có những thằng tham lam, những thằng vô giáo dục cứ muốn vơ lấy tất cả về mình, chúng khoắng sạch tất cả những gì chúng có thể khoắng được, bằng bất cứ giá nào, và thế là không còn bánh mì cho những người nghèo khổ; cho nên phải phân phối bánh mì. Vậy làm thế nào? Thế này: cho mỗi giường một tấm phiếu ghi rõ số miệng ăn để đi mua bánh mì ở cửa hiệu bánh mì. Tôi chẳng hạn, họ sẽ phải giao cho tôi một tấm phiếu như thế này: Ambrôgiô Fudenla, làm nghề lau chùi binh khí, một vợ và bốn con, tất cả ở tuổi ăn bánh mì (anh nhớ rõ cho điều này): người ta phải đưa cho ông ta chừng này bánh mì, và ông ta phải trả chừng này tiền. Nhưng mọi việc phải tiến hành cho công bằng, bao giờ cũng theo đúng số miệng ăn. Anh, chẳng hạn, người ta sẽ phải làm cho anh một tấm phiếu, cho ông... tên anh là gì nhỉ?

- Lôrendoo Tơramaghinô, - chàng trẻ tuổi đáp, say mê với

kế hoạch ấy, không để ý rằng cái kế hoạch này trước hết dựa vào giấy, bút và mực, và để thực hiện nó thì việc đầu tiên phải làm là ghi tên mọi người.

- Hay lắm, - người lạ mặt nói, - nhưng anh có vợ con đấy chứ?

- Tôi lẽ ra đã... con thì không... còn sớm quá... nhưng vợ thì... giá như cuộc đời cứ diễn ra như đáng lẽ nó phải diễn ra.

- À, anh còn độc thân! Thế thì anh đành phải nhận một khẩu phần nhỏ hơn.

- Thế là đúng; nhưng nếu nay mai, như tôi hy vọng, nhờ ơn Chúa... tóm lại, nếu sau này tôi cũng có vợ thì sao?

- Thì người ta sẽ đổi phiếu cho anh, và người ta tăng khẩu phần lên. Như tôi đã nói với anh, bao giờ căn cứ vào số miệng ăn, - người lạ mặt đứng dậy nói.

- Đúng đấy, hay lắm, - Rendô kêu lên; và đấm nắm tay xuống bàn, anh hét to: - Vậy cớ sao họ không ban hành cái đạo luật ấy đi?

- Ai mà biết được với họ? Trong khi chờ đợi, chúc anh ngủ ngon, tôi về; vì vợ con tôi chắc hẳn đang nóng ruột chờ tôi ở nhà từ lâu rồi.

- Một ngụm nữa đã, một ngụm nữa đã nào, - Rendô kêu lên, vội vàng rót đầy cốc người kia; và anh cũng đứng dậy ngay, nắm lấy vạt áo ông ta kéo mạnh để ép ông phải ngồi xuống. - Một ngụm nữa đã: ông đừng sỉ nhục tôi như thế.

Nhưng ông bạn đã giật mạnh vạt áo gỡ ra, và để mặc Rendô ấp úng trong một mớ hỗn độn những lời vật nài và trách móc, ông lại nói với anh: "Chúc ngủ ngon", và ra đi. Ông đã ra đến ngoài đường mà Rendô còn nói mãi với ông để cố van nài ông; rồi anh nặng nề ngồi phịch xuống cái ghế dài. Anh nhìn chằm chằm vào cốc rượu mà anh đã rót đầy; và, trông thấy người hầu bàn đi qua, anh ra hiệu cho anh ta đứng

lại, như có điều gì muốn nói với anh ta; rồi anh chỉ cho anh ta thấy cốc rượu và bằng một giọng chậm rãi, long trọng, dằn từng tiếng với một vẻ đặc biệt, anh nói:

- Đây này, tôi đã rót ra cho con người tốt bụng ấy: anh xem, đầy tràn nhé, như cho một bạn thân; nhưng ông ta đã không muốn. Con người ta đôi khi có những ý nghĩ thật kỳ quặc. Còn tôi, tôi chẳng làm gì nên nỗi: tôi chỉ bầy tỏ tấm lòng chân thành của tôi thôi. Bây giờ nó đã rót rồi thì không thể bỏ phí. - Nói xong, anh cầm lấy cốc rượu nốc cạn một hơi.

- Tôi hiểu, - người hầu bàn nói và bước đi.

- A! Cả anh nữa anh cũng đã hiểu, - Rendô tiếp lời, - vậy là đúng như thế. Nói phải củ cải cũng nghe mà... !

Ở đây về phần chúng tôi có tất cả lòng yêu sự thật mới có thể tiếp tục kể lại trung thực một sự kiện không lấy gì làm vinh dự cho một nhân vật quan trọng đến thế, và thậm chí là nhân vật chính, của thiên truyện của chúng tôi. Nhưng cũng chính sự không thiên lệch ấy buộc chúng tôi phải đồng thời lưu ý rằng đây là lần đầu tiên một điều như vậy đã đến với Rendô: và chính việc không quen chè chén lu bù ấy phần lớn là nguyên nhân khiến cuộc say sưa quá chén đầu tiên mà anh lao vào trở nên vô cùng nguy hại cho anh. Mấy cốc rượu anh nốc một hơi ngay từ đầu, cốc nọ tiếp cốc kia, trái với thói quen của anh, một phần do cơn khát cháy bỏng, một phần do chút thác loạn tinh thần nào đó khiến anh mất cả điều độ, mấy cốc rượu ấy đã bốc ngay hơi men lên đầu anh: đối với một người uống rượu ít nhiều thành thạo, mấy cốc rượu ấy có lẽ chỉ có tác dụng làm dịu cơn khát thôi. Đến đây, vị tác giả vô danh của chúng ta có một nhận xét mà chúng tôi nhắc lại vì nó đáng được chú ý. Những thói quen ôn hòa và ngay thẳng, ông nói, còn có cái lợi nữa là khi chúng càng bắt rễ

sau vào một người nào thì người ấy càng dễ nhận ra một chút vi phạm những thói quen ấy; cho nên sau đó anh ta lại càng ghi lòng tạc dạ, và ngay cả lỗi lầm của anh cũng là bài học cho anh.

Dù sao đi nữa, khi những hơi men đầu tiên đã bốc lên trong đầu Rendô thì cả rượu và lời nói cứ thế mà tuôn vào tuôn ra, rượu thì chảy xuống, và lời nói thì bốc lên không còn chừng mực và phép tắc nào cả: và, vào lúc chúng ta bỏ mặc anh đấy, thì anh đã không còn làm chủ được mình nữa. Anh cảm thấy một nỗi thèm khát muốn nói: các thính giả, hoặc ít ra những người có mặt mà anh có thể xem như là thính giả, không thiếu gì: có một lúc những lời nói không cầu mà đến, nói cho trọn câu cũng bắt đầu trở thành một việc khó khăn ghê gớm với anh. Cái tư tưởng hiện ra trong óc anh sôi nổi và rõ nét bỗng chìm trong màn sương và biến mất; và cái lời nói phát ra, chỉ đến sau khi đã bắt đầu phải đợi một lúc lâu, lại không phải là lời cần nói. Giữa những nỗi ưu phiền ấy, do một trong những bản năng lầm lạc đã làm hại người ta trong biết bao trường hợp, anh cầu cứu đến cái bình rượu khoái lạc của anh. Nhưng lúc này thì bình rượu còn có thể giúp gì cho anh được nữa? Xin để những người hiểu biết nói hộ điều này.

Chúng tôi chỉ xin thuật lại vài lời trong vô vàn những lời anh đã nói lên trong buổi tối bất hạnh ấy: những lời chúng tôi bỏ qua, còn nhiều hơn nữa, nếu đưa ra đây thì thật khiếm nhã: bởi vì không những chúng không có nghĩa, mà thậm chí chúng cũng không có vẻ gì là có nghĩa, thế mà đó lại là điều kiện cần thiết cho một cuốn sách in.

- Này, ông chủ quán! Ông chủ quán! - Rendô nói, đưa mắt nhìn theo ông đang đi quanh bàn hoặc đến ngồi dưới mái lò bếp, có khi nhìn ông chằm chằm ở nơi không có ông, và không

ngừng nói lải nhải giữa tiếng ồn ào của mọi người trong căn phòng. - Ông là chủ quán hả! Tôi không thể chịu nổi... cái trò hỏi tên, họ và công việc ấy. Với một chàng trai như tôi...! Ông đã cư xử không tốt. Vui vẻ gì, lợi lộc gì, sung sướng gì... cái việc ghi một anh chàng nghèo khổ lên mặt giấy. Tôi nói đúng không các ngài? Những ông chủ quán bao giờ cũng phải đứng về phía những chàng trai hiền lành mới đúng... Nghe đây, nghe đây, ông chủ quán; tôi muốn so sánh cho ông thấy... nói có lẽ phải... Sao kia! các ngài cười à? Phải, phải, tôi hơi nhộn một chút... nhưng lý lẽ của tôi thì đúng. Ông thử nói tôi nghe: ai nuôi sống cửa hàng ông? Những bạn nghèo phải không nào? Hay là tôi nói không đúng? Ông thử xem những ông lớn chuyên bôi bác ra các pháp lệnh có bao giờ đến uống một ly rượu nhỏ ở cửa hàng ông không.

- Tất cả bọn họ đều là dân uống nước cả đấy, - một người ngồi cạnh Rendô nói.

- Họ muốn giữ cái đầu tỉnh táo, một người khác tiếp lời, - để dễ ăn gian nói dối hơn.

- A! - Rendô kêu lên. - Lần này là nhà thi sĩ lên tiếng đấy. Nghĩa là cả các bạn, các bạn cũng hiểu những lý lẽ của tôi. Vậy thời hãy trả lời đi, ông chủ quán: ngay cả Fere, con người tốt hơn hết mọi người, có bao giờ ngài đến đây uống rượu và chi ra một đồng xu nhỏ không? Và cái thằng chó, cái tên giết người đôn...? Tôi im đi thôi, vì tôi hơi tin vào lẽ phải quá đấy, Fere, cũng như Đức cha... tôi rất hiểu, đều là những con người chính trực, nhưng những người chính trực không có bao nhiêu. Bọn già tệ hơn bọn trẻ; và bọn trẻ... còn tồi tệ hơn cả bọn già. Tuy vậy, tốt rất hài lòng vì đã không có đổ máu: chà không, những hành vi hung bạo như thế là để cho tên đao phủ. Chúng ta cần bánh mì, đúng... Tôi đã phải nhận những

cú đấm đá, nhưng... tôi cũng đã đấm đá lại. Tránh ra! Cuộc sống no đủ! Muôn năm!... Và tuy vậy, ngay cả Fere... vài tiếng La tinh nho nhỏ... *Sies baracs trapolorum...*[1] Chà, cái thói tệ khốn kiếp! Công lý! Bánh mì! Đó, những lời chân chính!... Chính ở nơi đó cần đến họ, những con người tốt bụng ấy... khi vang lên cái tiếng chuông khốn kiếp boong, boong, boong và rồi lại boong, boong, boong. Chà, nếu thế thì ta đã chẳng phải chạy trốn làm gì. A! Giữ ông ta lại, cái ông linh mục ấy... Tôi biết rõ tôi đang nghĩ đến ai!

Nói đến đây anh gục đầu xuống và một thời gian như chìm đắm trong một ý nghĩ gì, rồi anh thở dài đánh thượt và ngẩng đầu lên, đôi mắt ướt long lanh, vẻ mặt thiểu não, rũ rượi, với một dáng điệu buông tuồng khiến kẻ nào là nguyên nhân nỗi buồn ấy mà trông thấy anh lúc này hẳn phải khiếp sợ. Nhưng những con người lỗ mãng đã từng đùa bỡn với cái tài hùng biện say sưa và rối rắm của Rendô thì bây giờ càng đùa bỡn hơn với vẻ đau buồn của anh. Những người ngồi gần anh nhất nói với người khác: "Xem kìa!" và tất cả đều quay lại phía anh; đến nỗi anh trở thành trò chơi của tất cả mọi người. Không phải bọn họ đều có lẽ phải cả hoặc ít ra ở trong tình trạng bình thường để có lẽ phải; nhưng nói đúng, cũng không ai mất lẽ phải đến như anh chàng Rendô đáng thương và hơn nữa, anh lại là dân quê. Hết người này đến người kia, họ tranh nhau chọc ghẹo anh bằng những câu hỏi ngu xuẩn và thô tục, chế nhạo anh bằng những bộ điệu xã giao trịnh trọng. Rendô khi thì có vẻ phật ý khi thì xoay thành trò đùa, hoặc là, không để ý đến những sự trêu chọc ấy, anh nói sang

---

[1] Lời nói hỗn độn vô nghĩa do Rendô sực nhớ lại vài tiếng Tây Ban Nha anh đã nghe Fere nói và tưởng là tiếng La tinh.

những chuyện khác hẳn, hỏi cái gì đó rồi lại tự trả lời, toàn là đầu Ngô mình Sở. May mắn thay, giữa cơn thác loạn ấy, anh vẫn còn lại chút thận trọng bản năng có ngăn anh không nói lên các tên người, khiến anh không nói lên ngay cả cái tên chắc hẳn khắc sâu trong tâm trí anh hơn hết. Quả thật chúng ta sẽ rất khổ tâm nếu cái tên này, mà cả chúng ta cũng có phần nào yêu mến và kính trọng, lại bị chuyền qua chuyền lại trong những cái miệng kinh tởm ấy, và trở thành trò chơi của những cái lưỡi ác độc ấy.

Chương mười lăm

Viên chủ quán nhận thấy trò đùa đã kéo dài, liền đến bên Rendô; ông ôn tồn đề nghị mọi người để anh yên, rồi lay cánh tay anh, cố làm cho anh hiểu là đã đến giờ đi ngủ. Nhưng dư âm cứ luôn luôn trở lại với những tên và họ, với những pháp lệnh và những chàng trai tốt bụng của anh. Tuy vậy những tiếng *giường* và *đi ngủ* ấy nhắc đi nhắc lại bên tai cuối cùng cũng lọt vào trong đầu anh; chúng làm cho anh cảm thấy rõ ràng hơn một chút cái nhu cầu của sự việc mà chúng gợi ra, và tạo nên một giấy phút bừng sáng trong đầu.

Cái chút trí khôn đã trở lại với anh khiến anh phần nào hiểu được rằng ngoài cái chút ấy ra trí khôn anh đã mất hết: cũng gần như trong một phòng thắp sáng, cây nến cuối cùng còn cháy cho thấy là những cây nến khác đã tắt hết rồi. Anh trấn tĩnh lại, duỗi hai tay chống lên bàn; hai lần anh cố đứng dậy, thở hổn hển, lảo đảo, và đến lần thứ ba, được viên chủ quán dìu, anh đứng lên được. Viên chủ quán vừa đỡ người anh, vừa đưa anh lách giữa cái bàn và cái ghế dài; rồi một tay cầm đèn, còn tay kia ông vừa dắt vừa lôi anh một cách chật vật đến cửa cầu thang. Tại đây, để đáp lại những lời chào tạm biệt của mọi người gào lên đằng sau anh, Rendô quay phắt lại,

và nếu người đang dìu anh không khá lanh lẹn giữ lấy một cánh tay anh thì động tác quay mình ấy có lẽ đã biến thành một cú ngã lộn nhào; vậy là anh quay mình lại, và, thay cho lời chào, với cánh tay còn được tự do anh vẽ lên không khí những ký hiệu như thắt một cái nút của Xalômông[1].

- Thôi đi ngủ, đi ngủ - viên chủ quán vừa kéo lê anh vừa nói; ông đẩy anh bước qua cánh cửa và càng khó nhọc hơn nữa lôi anh lên cầu thang, rồi vào căn buồng dành sẵn cho anh. Trông thấy cái giường đang sẵn sàng đợi mình, Rendô tươi tỉnh lên; anh âu yếm nhìn viên chủ quán bằng đôi mắt khi thì sáng lên hơn bao giờ hết, khi tắt ngấm như hai con đom đóm; anh cố đứng vững trên hai chân mình; và anh dang tay về phía khuôn mặt viên chủ quán để beo má ông tỏ tình thân thiện và cám ơn, nhưng anh không với tới.

- Ông chủ quán yêu quý! - Tuy vậy anh cũng nói được với ông. - Bây giờ thì tôi thấy ông là người tốt đấy: cho một chàng trai hiền lành một cái giường nằm, đó thật là một nghĩa cử; nhưng còn cái trò hề ông đã chơi tôi, về những tên và họ, chà, cái đó không phải của một người tử tế. May mà tôi đây, tôi cũng không đến nỗi ngù ngờ...

Viên chủ quán, vốn không ngờ rằng anh chàng kia lại còn có thể tập trung tư tưởng được, và do kinh nghiệm nhiều năm ông biết là những người trong trạng thái này thường dễ thay đổi ý kiến hơn bình thường, bèn nảy ra ý định muốn lợi dụng giây phút minh mẫn ấy để cố thử một lần nữa.

- Anh bạn yêu quý, - ông nói với anh bằng giọng nói và thái độ hết sức ân cần, - tôi không muốn làm phiền anh, hoặc dò xét công việc của anh đâu. Biết làm thế nào? Đó là pháp

---

[1] Cái nút rắc rối và khó gỡ.

luật: cả chúng tôi, chúng tôi cũng phải tuân theo, nếu không chúng tôi sẽ là những người đầu tiên bị trừng phạt. Tốt hơn hết là cứ chiều lòng họ và... rốt cuộc thì đó là cái gì? Nói ra hai chữ, ghê gớm nhỉ! Không phải vì họ đâu, mà để chiều lòng tôi một chút thôi mà: nào, ở đây giữa chúng ta, có hai với nhau thôi, ta thu xếp công việc của ta: anh nói cho tôi biết tên anh và... và rồi anh yên tâm đi ngủ.

- À thằng xỏ lá! - Rendô kêu lên. - Thằng bịp bợm! Mày lại giở cái trò bỉ ổi những tên, họ và công việc ra đấy hả!

- Im đi, tên thộn, lên giường mà ngủ, - viên chủ quán nói.

Nhưng Rendô tiếp tục gào to hơn:

- Tao rõ rồi: mày chẳng qua cũng cùng một duộc. Đợi đấy, đợi đấy, tao sẽ cho mày một trận.

Và quay lại phía cầu thang, anh bắt đầu hét to hơn nữa:

- Anh em này! Tên chủ quán cũng là trong bọn...

- Tôi nói đùa đấy, - viên chủ quán thét lên vào giữa mặt Rendô và đẩy anh đến giường, - tôi nói đùa, chẳng lẽ anh không hiểu là tôi nói đùa hay sao?

- À, nói đùa; bây giờ thì ông ăn nói tử tế rồi. Nếu ông đã nói là nói đùa... thì đó là nói đùa thật. - Và anh ngã xấp xuống giường.

- Nào, anh cởi quần áo ra, mau lên, - viên chủ quán nói, và tiếp theo lời khuyên, ông đưa tay giúp đỡ luôn; và điều đó thật cần thiết. Khi Rendô đã lột bỏ cái áo chẽn ngắn của anh ra (và đó không phải việc dễ gì), viên chủ quán túm ngay lấy cái áo và thọc tay vào túi xem có tiền không. Ông tìm thấy tiền, và nghĩ rằng hôm sau vị khách của ông chắc hẳn phải thanh toán với một kẻ nào khác hẳn ông, và số tiền này hẳn sẽ rơi vào những bàn tay mà từ đó ông không thể lấy lại được, ông bèn quyết định thử thu xếp ít ra là cái việc này.

- Anh là một chàng trai hiền lành, một con người tử tế,

phải không nào? - Ông nói với anh.

- Phải, chàng trai hiền lành, con người tử tế, - Rendô đáp, các ngón tay đang rờ rẫm những cúc áo quần mà anh vẫn còn chưa cởi ra được.

- Vâng, - viên chủ quán lại nói. - vậy bây giờ xin anh thanh toán cho cái khoản tiền nhỏ nhỏ của anh, vì ngày mai tôi phải đi có chút việc...

- Phải đấy, - Rendô nói. - Ông tinh khôn thật, nhưng là con người tử tế... Nhưng tiền đâu rồi? Để tiền chỗ nào mà tìm không thấy!

- Tiền đây, - viên chủ quan nói, và huy động tất cả kinh nghiệm, tất cả lòng kiên nhẫn và tất cả sự khôn khéo của mình, cuối cùng ông đã có thể thanh toán mọi khoản với Rendô và được Rendô trả tiền đầy đủ.

- Ông chủ quán, giúp tôi một tay nào, để tôi có thể cởi xong quần áo, - Rendô nói. - Chà, chính tôi cũng thấy rõ là tôi đang buồn ngủ muốn gục xuống đây này.

Viên chủ quán giúp đỡ anh như anh yêu cầu: ông còn đắp chăn cho anh và sẵn giọng nói: "Chúc ngủ ngon", nhưng anh chàng đã ngáy rồi. Sau đó, do một sức hấp dẫn có khi lôi cuốn chúng ta ngắn nghía cái vật đã làm ta bực tức cũng như yêu quý, và có lẽ đó cũng chỉ là ý muốn được biết cái gì đã tác động mạnh mẽ đến tâm trí chúng ta, ông đứng lại một lúc để ngắm nghía vị khách đã gây cho ông bao nỗi buồn phiền: ông giơ cây đèn lên trước mặt Rendô, cánh tay dang ra để ánh sáng chiếu thẳng xuống mặt anh, gần như trong dáng điệu mà người ta thường vẽ Pxisê ngắm trộm hình dạng người chồng bí ẩn của mình[1].

---

[1] Pxisê (Psyché): một cô gái trong thần thoại Hy Lạp. Chồng của Pxisê là thần tình yêu Erot (Amua), nhưng điều đó cô không được phép biết. Do sự xúi giục của những người chị ghen ghét, Pxisê không tuân theo lệnh cấm và nhìn chồng mình dưới anh sáng do đó cô bị mất tình yêu của Amua.

- Đồ ngu như bò! - Ông nói thầm trong bụng với chàng trẻ tuổi đang ngủ, - Mi tự dấn thân vào miệng cọp. Rồi đến mai mi sẽ nói với ta xem mi thấy mùi vị cái miệng cọp ấy thế nào. Các anh toàn là một lũ ngu ngốc cả, các anh muốn ngao du thiên hạ mà không biết mặt trời mọc hướng nào, để đến nỗi bị sa lầy như thế, lại còn làm người khác sa lầy theo".

Nói, hoặc nghĩ, như thế rồi, ông thu cây đèn về, ra khỏi buồng và khóa trái cửa lại. Trên bậc cầu thang, ông gọi vợ đến, dặn bà gửi lũ con lại cho một chị hầu gái trông nom và xuống nhà bếp thay ông.

- Tôi phải đi đây, - ông nói tiếp, - do một tên lạ mặt không biết làm thế nào mà lại rơi vào nhà ta để gieo tai gieo họa. - Và ông kể tóm tắt với bà sự việc bực mình ấy. Rồi ông nói thêm: - Bà phải để mắt đến tất cả; nhất là phải cẩn thận trong cái ngày khốn kiếp này... Dưới nhà ta có cả một bầy vô lại, bọn chúng vốn là loại người ăn nói lỗ mãng, lại nốc rượu vào nói năng chẳng thiếu điều gì. Tóm lại, ngộ nhỡ có một tên liều lĩnh...

- Ồ! Tôi có còn là trẻ con nữa đâu, và tôi cũng biết tôi phải làm gì chứ. Cho đến nay, theo tôi thì vẫn chưa thể nói là...

- Thôi được, được, và bà phải để ý chúng phải trả tiền đầy đủ; và tất cả những lời lẽ ba hoa của chúng về quan tổng lý lương thực, về thống đốc, về ngài Fere, về các ngài Đêca Đêcariông, về các nhà quý tộc, về nước Tây Ban Nha và nước Pháp, mọi điều nhảm nhí khác tương tự, bà cứ tảng lờ như không nghe thấy; bởi vì, nếu ta phản đối chúng, có thể sinh tai vạ ngay tức khắc, vả lại, cả bà cũng thừa biết là có khi chính những thằng kêu nhiều nhất... Thôi được, khi nghe thấy những câu như thế, bà cứ quay đi và nói: "Có tôi", làm như có ai đang gọi bà ở một phía khác. Tôi sẽ cố trở về càng sớm càng tốt.

Nói xong, ông đi với bà xuống bếp, liếc nhìn chung quanh xem có gì mới không; ông lấy mũ và áo choàng treo trên móc, cầm cái gậy ở xó nhà, liếc nhìn vợ một lần nữa như để ông lại những lời ông đã dặn bà rồi đi ra. Nhưng vừa làm những việc ấy ông vừa đọc thầm bài thuyết giáo mà ông đã mở đầu từ bên giường Rendô; và ông vẫn tiếp tục đọc nó dọc đường.

"Thằng cha miền núi cứng đầu cứng cổ! - Bởi vì, mặc dầu Rendô vẫn muốn giấu kín tung tích của mình, cái chất địa phương ấy cứ tự lộ ra, trong lời lẽ, trong giọng nói, trong điệu bộ và cử chỉ của anh. - Trong một ngày như hôm nay, ta phải khéo xoay xở, phải khôn ngoan lắm mới thoát được mọi tai nạn; vậy mà đã hết ngày rồi mi còn dẫn xác đến phá thối. Chẳng lẽ ở Milăng thiếu hàng quán đến thế kia ư, để mi phải rơi đúng vào quán của ta? Giá như ít ra mi đến một mình, thì tối nay ta nhắm mắt bỏ qua, rồi ngày mai ta sẽ giảng giải cho mi hiểu ra lẽ phải. Nhưng không, thưa ông: ông lại đi có bạn, và đánh bạn với một thằng trùm mật thám, để có chỗ dựa chắc chắn mà!"

Mỗi bước đi, viên chủ quán lại gặp những người dạo chơi lẻ loi hoặc từng cấp, hoặc những tốp người lượn đi lượn lại xì xào bàn tán. Đến cái điểm sôi nổi trong bài diễn văn thầm lặng của mình, ông trông thấy một đội lính tuần tra đi tới; né người cho họ đi qua, ông ghé nhìn theo họ và tiếp tục nhủ thầm trong bụng: "Họ đấy, bọn phá đám. Còn mi, đồ con lừa, mới thấy vài tên lượn phố và làm ầm lên, mi đã tưởng thế giới này thay đổi đến nơi rồi. Và dựa trên cái ý tưởng hay ho ấy, mi đã tự hại mình và còn muốn hại luôn cả ta, đồ ngu xuẩn, chỉ thiếu chút nữa mi làm quán ăn của ta nhào nhào lên hết. Bây giờ thì mi tự kiếm cách thoát thân; còn về phần ta, ta tự lo liệu lấy. Cứ làm như ta muốn biết tên mi là vì thói tọc

mạch không bằng? Dù cho mi có tên là Tatđêô hay Bactôlômêô thì cái đó có quan hệ gì với ta? Cứ tưởng ta cầm cây bút trong tay là sung sướng lắm đấy! Nhưng các người cũng không phải những kẻ duy nhất muốn sự đời diễn ra theo ý thích của các người. Cả ta đây, ta cũng biết có những pháp lệnh không ra gì hết: chà, chuyện mới mẻ quá nhỉ, phải để một tên miền núi đến đây dạy bảo chúng tôi mới biết được! Nhưng mi không biết là những pháp lệnh chống các chủ quán thì lại rất có giá trị. Thế mà cũng đòi đi ngao du thiên hạ và lên giọng dạy đời, nhưng lại không biết là nếu người ta muốn làm mọi việc theo ý mình và bất cần các pháp lệnh, thì đầu tiên là phải nói đến các pháp lệnh ấy với tất cả sự thận trọng. Và nếu một ông chủ quán đáng thương nào cũng nghĩ như mi và không hỏi tên cái người đã hạ cố đến trọ ở quán hàng ông, thì hỡi thằng ngu ngốc kia, mi có biết chuyện hay ho gì có thể đến với ông? Phạt ba trăm *đồng êquy bất cứ chủ quán ăn, chủ tiệm rượu v.v... nào như đã nói trên:* phải, ba trăm êquy, của đâu mà sẵn thế; và để chi vào một việc hay ho như vậy! *Trích hai phần ba số tiền này nộp ngân khố hoàng gia, còn lại để cho người cáo phát hoặc người tố giác:* lâu thật! Và *trong trường hợp không có tiền trả, thì phải chịu năm năm khổ sai và một khoản tiền nộp phạt hoặc nhục hình nặng nề hơn, tùy theo quyết định của đại nhân.* Xin nghìn lần đội ơn tất cả những cử chỉ nhân đức ấy!"

Nói đến đây, viên chủ quán bước tới ngưỡng cửa ty cảnh sát.

Tại đây, cũng như trong tất cả các công sở khác, công việc đang hết sức khẩn trương; chỗ nào người ta cũng bận rộn ban bố các mệnh lệnh có vẻ thích đáng nhất để chuẩn bị cho ngày hôm sau, để triệt bỏ mọi duyên cớ và mọi sự liều lĩnh của những kẻ muốn xúi giục những cuộc nổi loạn mới, để củng cố

quyền lực trong những bàn tay có trách nhiệm. Người ta tăng số quân lính gác trước nhà viên tổng lý lương thực: hai đầu phố được chắn lại bằng những cây gỗ và lấy xe bò xe ngựa ra dựng chiến lũy phòng ngự. Người ta hạ lệnh cho tất cả các chủ hiệu bánh mì phải ra bánh không ngơi tay; người ta phái những người chạy hỏa bài đến các vùng quê xung quanh với lệnh phải gửi ngay lúa mì lên thành phố; người ta đặc phái những nhà thân sĩ đến từng cửa hiệu bánh mì từ sáng sớm để trông nom việc việc phân phối bánh và bằng sự có mặt đầy uy tín và những lời nói khéo của mình làm yên lòng những kẻ lo sợ. Nhưng, như người ta nói, để đóng chắc đai thùng, và làm cho những lời răn bảo có hiệu lực hơn bằng một chút đe nẹt, người ta cũng nghĩ cả đến việc tóm cổ vài tên phiến loạn; và đó trước hết là nhiệm vụ của ngài trưởng ty cảnh sát; và chúng ta có thể dễ dàng hình dung những tình cảm của ông ta đối với cuộc nổi loạn và những người nổi loạn và những người nổi loạn như thế nào, khi ông ta đã phải đắp một miếng băng tẩm nước lịu đau lên một trong những cơ quan của sự thâm thúy siêu hình của ông. Những nhân viên cảnh sát của ông đã được tung vào chiến dịch ngay từ đầu cuộc náo động: và cái người tự xưng là Ambrôgiô Fudenla ấy chính là, như viên chủ quán đã nói, một tên mật thám trá hình, được phái thẳng vào các phố để bắt quả tang một kẻ nào đó mà người ta có thể nhận dạng được, có thể dò xét được, và sau đó có thể tóm cổ vào lúc đêm khuya yên tĩnh hoặc vào ngày hôm sau. Sau khi đã nghe vài lời trong bài thuyết giáo của Rendô, tên mật thám lập tức hạ quyết định lựa chọn anh: theo hắn thì đây là một tên tội phạm non trẻ, hoàn toàn đúng là con người hắn cần. Sau đó, nhận thấy anh không thông thuộc vùng này, hắn đã thử đánh một đòn cao tay dẫn anh vào thẳng nhà giam, như một quán ăn

tin cậy nhất của thành phố. Nhưng cái đòn đánh trật, như các bạn đã thấy. Tuy vậy, hắn vẫn có thể báo cáo những tài liệu chắc chắn về tên, họ và quê quán anh, không kể đủ thứ tài liệu phỏng đoán khác, đến nỗi khi viên chủ quán đến tố giác những điều ông biết về Rendô, thì người ta đã biết người hơn ông ta.

Ông bước vào căn phòng quen thuộc để khai báo: một kẻ lạ mặt đã đến trọ nhà ông và tuyệt nhiên không muốn nói tên mình ra như thế nào.

- Ông đã làm tròn bổn phận của mình khi đi báo sở cảnh sát, - một viên cảnh sát trưởng đặt cây bút xuống nói, - nhưng chúng tôi đã biết chuyện này rồi.

"Bí mới chả mật! - Ông chủ quán nghĩ. - Sao mà họ tinh ma thế!"

- Và chúng tôi còn biết, - viên cảnh sát trưởng nói tiếp, - cả cái tên đang kính của hắn ta nữa.

"Quái lạ! Đến cả cái tên, họ làm thế nào mà cũng moi ra được?", lần này thì viên chủ quán phải suy nghĩ.

- Nhưng còn ông, - người kia lại lên mặt quan trọng nói, ông không nói thật tất cả mọi điều.

- Vậy ngài muốn tôi còn phải nói gì thêm với ngài nữa?

- Chà! Chà! Chúng tôi biết rất rõ là thằng cha kia đ mang vào quán ăn của ông một số bánh mì ăn cắp, và ăn cắp có dùng bạo lực bằng con đường cướp bóc và nổi loạn.

- Một người đến với cái bánh mì trong túi: tôi làm sao biết được hắn đã lấy cái bánh mì ấy ở đâu, bởi vì tôi có thể quả quyết, chẳng khác gì tôi nói lúc lâm chung, rằng tôi chỉ trông thấy hắn có một cái bánh mì thôi.

- Phải, bao giờ ông cũng tìm cách phân trần, bào chữa. Cứ nghe các ông nói, thì bọn chúng đều là những người tử tế cả.

Ông làm thế nào có thể chứng minh rằng cái bánh mì ấy có được bằng con đường lương thiện?

- Tôi việc gì phải chứng minh? Tôi chẳng dính dáng gì đến chuyện này: tôi chỉ làm anh chủ quán thôi.

- Thế nhưng chắc ông không thể chối cãi rằng cái người ấy, vị khách hàng của ông, đã cả gan phát ra những lời chửi rủa chống lại các pháp lệnh và thái độ hiểm độc và láo xược đối với huy hiệu của tướng công?

- Bẩm quan thứ lỗi: anh ta làm thế nào mà lại là khách hàng của tôi được, nếu tôi mới trông thấy anh ấy lần đầu? Xin ngài quan bỏ quá cho, đó là ma quỷ dẫn anh ta đến hàng tôi: và nếu tôi đã quen biết hắn thì quan cũng thấy đấy, tôi còn cần hỏi tên hắn làm gì nữa.

- Tuy vậy trong quán hàng ông, và trước mặt ông, người ta đã nói với nhau những chuyện kích động: những lời táo tợn, những câu xúi giục, những giọng phàn nàn, những tiếng kêu gào, hò hét.

- Bẩm quan, tôi làm thế nào có thể để ý đến tất cả những điều nhảm nhí mà cái lũ to mồm ấy có thể nói ra khi chúng cứ nhao nhao lên tất cả với nhau. Tôi còn phải trông nom đến hàng họ của tôi chứ, vì tôi là một người nghèo khổ. Vả lại chắc quan cũng thừa biết là những kẻ đã nhanh mồm nhanh miệng thì thường là tay chân cũng nhanh nhẹn, nhất là khi chúng đã có cả đàn với nhau, và...

- Phải, phải; cứ mặc chúng làm, cứ mặc chúng nói, rồi ngày mai, ngày mai ông sẽ thấy chúng vênh váo như thế nào. Ông nghĩ sao?

- Tôi ấy à, tôi chẳng nghĩ gì hết.

- Ông có cho rằng lũ súc sinh ấy sẽ trở thành chủ nhân của thành phố Milăng không?

- Ấy chết, quan cứ đùa!

- Rồi ông sẽ thấy, ông sẽ thấy.

- Tôi hiểu rõ lắm chứ: nhà vua thì bao giờ cũng là nhà vua; còn kẻ nào ăn đòn thì vẫn cứ ăn đòn: và tất nhên một người chủ gia đình khốn khổ như tôi chẳng muốn ăn đòn tí nào. Các quan có quyền lực, đó là việc của các quan.

- Ở quán hàng ông bây giờ còn nhiều người không?

- Vô thiên lủng.

- Còn vị khách hàng trứ danh của ông, hắn đang làm gì? Hắn vẫn tiếp tục làm om sòm, xúi giục mọi người, chuẩn bị cho những cuộc phiến loạn ngày mai chứ?

- Bẩm quan muốn nói cái thằng lạ mặt ấy ạ; nó đi ngủ rồi.

- Vậy là quán hàng ông có nhiều người... Được: ông hãy để ý đừng để nó sổng mất.

"Việc của ta có phải là làm lính cảnh sát đâu?", viên chủ quán nghĩ. Nhưng ông không nói gì cả.

- Bây giờ thì ông về đi, và cẩn thận đấy, viên cảnh sát trưởng lại nói.

- Xưa nay tôi vẫn cẩn thận. Bẩm quan ngài có thể cho biết đã bao giờ tôi gây chút phiền lòng gì cho nhà chức trách chưa.

- Và ông đừng cho là nhà chức trách đã mất hết quyền lực rồi.

- Tôi ấy ư, bẩm quan? Tôi chẳng cho mình là cái gì cả: tôi vẫn chỉ lo đến cái nghề chủ quán của tôi thôi.

- Vẫn cái điệu cũ rích ấy: ông không có gì khác để nói nữa à.

- Bẩm quan muốn tôi nói gì nữa? Chân lý chỉ có một.

- Thôi được. Hiện giờ chúng tôi hãy tạm ghi nhận lời khai báo của ông; sau này nếu có dịp, ông hãy cho nhà chức trách biết tỉ mỉ hơn về những gì người ta có thể hỏi ông.

- Tôi còn có tin gì nữa mà báo? Tôi chẳng biết gì hết! Tôi cũng chẳng đủ tâm trí để chăm lo công việc của tôi nữa là.

- Cẩn thận đấy: đừng để hắn đi khỏi.

- Tôi hy vọng rằng ngài Trưởng ty cảnh sát Vô cùng Vinh hiển cũng biết là tôi đã đến làm bổn phận mình không chậm trễ. Cho tôi được cúi hôn bàn tay quan lớn.

Tờ mờ sáng, trong khi Rendô đã ngáy được đến bảy tiếng đồng hồ và chàng trai tội nghiệp vẫn còn đương nồng nàn giấc điệp, thì bỗng có ai lắc mạnh hai cánh tay anh và một tiếng gọi to ở chân giường làm anh choàng dậy: "Lôrendô Tơramaglinô!" Anh hồi tỉnh lại, vươn vai, mở đôi mắt cay xè và trông thấy một người bận đồ đen đứng ở chân giường và hai người cầm vũ khí đứng hai bên đầu giường. Bị bất ngờ, và còn đang ngái ngủ, đầu óc nặng trĩu vì bữa rượu mà ta đã biết, anh ngây người sửng sốt một lúc; và tưởng mình đang mê ngủ, nhưng thấy giấc mơ không thú vị gì, anh bắt đầu ựa quậy như để tỉnh giấc hẳn.

- À, lần này anh nghe thấy rồi hả, Lôrendô Tơramaglinô? - người bận áo choàng đen nói, đó chính là viên cảnh sát trưởng hiều hôm trước. - Thôi nào, đứng dậy và đi theo chúng tôi.

- Lôrendô Tơramaglinô! - Rendô Tơramaglinô nói. - Chuyện gì thế? Các ông cần gì ở tôi? Ai đã nói tên tôi cho các ông biết?

- Không nhiều lời nữa và nhanh lên, - một tên lính cảnh sát đứng bên anh và nói, và lại nắm lấy cánh tay anh.

- Ủa! Những hành động vũ lực này thế nào? - Rendô giật tay lại kêu lên. - Ông chủ quán đâu! Này, ông chủ quán!

- Ta cứ để hắn mặc áo cánh mà lôi đi hay sao? - Tên lính cảnh sát quay lại hỏi viên cảnh sát trưởng.

- Anh nghe thấy chưa? - Viên cảnh sát trưởng nói với

Rendô. - Chúng tôi sẽ làm như vậy, nếu anh không đứng lên ngay đi với chúng tôi.

- Vì sao thế? - Rendô hỏi.

- Vì sao à, ngài Trưởng ty Cảnh sát sẽ nói với anh.

- Nói với tôi? Tôi là một người lương thiện, tôi không làm gì cả, và tôi kinh ngạc...

- Thế thì càng hay cho anh, càng hay cho anh; như thế người ta chỉ hỏi anh một câu là thả ngay, và anh có thể trở về làm công việc của anh.

- Cứ để mặc tôi đi làm công việc của tôi bây giờ, - Rendô nói, - tôi chẳng có việc gì phải đến sở cảnh sát cả.

- Thôi đi được rồi đấy! - Một tên lính cảnh sát nói.

- Ta lôi hắn đi thật chứ? - Tên kia nói.

- Lôrendô Tơramaglinô! - Viên cảnh sát trưởng nói.

- Bẩm quan, ngài làm thế nào mà biết tên tôi?

- Các anh làm nhiệm vụ đi, - Viên cảnh sát trưởng nói với những tên lính cảnh sát, họ nắm ngay lấy tay lôi anh ra khỏi giường.

- Này! Đừng có đụng vào một người lương thiện nếu không...! Tôi cũng biết tự mặc lấy áo quần.

- Thế thì anh mặc quần áo ngay đi, - Viên cảnh sát trưởng nói.

- Tôi mặc ngay đây, - Rendô đáp; quả thật, anh nhặt nhanh chỗ này chỗ kia những áo quần vung vãi trên giường, như những mảnh vụn của một con tàu đắm dạt trên bờ biển. Và vừa bắt đầu khoác áo quần vào người anh vừa nói tiếp: - Nhưng tôi, tôi không muốn đến gặp ngài Trưởng ty Cảnh sát. Tôi không có việc gì phải gặp ông ấy cả. Vì người ta đã làm nhục tôi một cách bất công như thế, tôi muốn đó

là một người chính trực; và ngài cũng còn chịu ơn tôi chút đỉnh nữa cơ.

- Phải, phải, chàng trẻ tuổi, anh sẽ được dẫn đến ngài Fere, - viên cảnh sát trưởng đáp. Trong hoàn cảnh khác, ông hẳn sẵn lòng chế giễu một yêu cầu như thế, nhưng bây giờ không phải lúc cười. Dọc đường đến đây, ông đã trông thấy cảnh náo động ở các phố mà người ta không thể nói chắc là tàn dư của cuộc bạo loạn còn chưa hoàn toàn dẹp xong hay là màn giáo đầu của một cuộc bạo loạn mới: chỗ nào cũng thấy những người đổ ra ngoài đường, tụ tập với nhau, kéo đi hàng đàn, đứng thành từng đám. Và lúc này, dù mặt không tỏ vẻ gì hoặc ít ra làm như thế, ông vẫn lắng tai nghe và hình như thấy tiếng ồn ào ngày càng tăng. Cho nên ông muốn chóng xong việc: nhưng ông lại cũng muốn dẫn Rendô hoàn toàn tự nguyện đi theo ông; bởi vì nếu gây chiến công khai với anh, thì khi đã ra ngoài đường, ông không dám chắc bọn các ông đưa mắt nháy những tên lính cảnh sát để họ chịu khó kiên trì và không chọc tức chàng trẻ tuổi; về phần ông, ông cố dụ dỗ anh bằng những lời ngon ngọt.

Trong khi ấy chàng trẻ tuổi mặc quần áo thật chậm, rất chậm, cố nhớ lại những sự kiện ngày hôm trước, và anh đã có thể đoán không sai lắm là những pháp lệnh và những họ tên chắc phải là nguyên nhân của tất cả sự tình này; nhưng quái quỷ, cái người này làm thế nào mà biết được tên anh? Và trò quái quỷ gì đã xảy ra đêm nay, để sở cảnh sát trở nên càn rỡ, đến mức nhất định bắt một trong những chàng trai ngay thẳng đã phát biểu hùng hồn đến thế trong ngày hôm trước? Thế nhưng những chàng trai ấy chắc hẳn chưa đi ngủ hết, bởi vì cả Rendô cũng nghe thấy tiếng ồn ào đang tăng dần lên ở ngoài phố. Rồi, nhìn vào mặt viên cảnh sát trưởng, anh cũng

thấy ở đó một chút do dự mà ông cố che dấu không được. Cho nên, để làm sáng tỏ những phỏng đoán của mình và dò xét sâu xa hơn, cũng như để tranh thủ thời gian và thậm chí còn thử liều một cú xem sao, anh nói:

- Tôi đã thấy rõ tất cả sự thể này nguyên nhân từ đâu, chính là do cái chuyện tên họ ấy. Tối qua, quả thật tôi hơi ngà ngà say: cái ông chủ quán đôi khi có những thứ rượu phản phúc như thế đó và đôi khi, như người ta nói, rượu vào thì lời ra. Nhưng nếu chỉ là vấn đề như vậy thì bây giờ tôi sẵn sàng làm hết mọi điều để ngài vừa lòng, vả chăng ngài cũng đã biết tên tôi rồi. Đứa quái quỷ nào đã nói với ngài như thế không biết?

- Được lắm, chàng trai của ta, được lắm! - viên cảnh sát trưởng hết sức ân cần đáp lại. - Ta thấy anh cũng là người biết điều; và anh cứ tin ta, ta là người trong nghề, ta biết, anh còn khôn hơn khối kẻ khác. Đó là cách tốt nhất để anh được thả về nhanh chóng và may mắn: trong tâm trạng vui vẻ như anh bây giờ chỉ hai câu là việc anh giải quyết xong và anh được tự do. Còn về phần ta, anh cũng thấy đấy, chàng trai của ta, ta bị trói buộc vào nhiệm vụ, và không thể thả anh ở đây như ta muốn. Thôi nào, mau lên và đi với ta đừng sợ gì cả: khi họ thấy anh là... vả lại ta cũng sẽ nói với họ... tóm lại, cứ mặc ta làm, và mau lên nào, chàng trai của ta.

- Chà! Ngài không thể: tôi hiểu, - Rendô nói; và anh tiếp tục mặc quần áo, lấy tay hất bàn tay của những tên lính cảnh sát muốn đặt lên người anh để thúc giục anh đi nhanh.

- Ta đi lối quảng trường Nhà thờ lớn chứ? - Sau đó anh hỏi viên cảnh sát trưởng.

- Đi lối nào anh muốn; đi con đường ngắn nhất, để càng sớm trả tự do cho anh, - viên cảnh sát trưởng nói, trong thâm

tâm giận sôi lên vì không thể khai thác câu hỏi bí hiểm này của Rendô nó có thể trở thành đề tài của hàng trăm cuộc thẩm vấn. "Cái số đen đủi thế đó! - Ông nghĩ. - Thế là ta tóm được một thằng xem chừng chỉ muốn ba hoa; và chỉ cần một chút thời gian nữa thôi là ta đã có thể, như thế này, *extra forman* hoàn toàn bằng lời lẽ, dưới hình thức trò chuyện thân tình, không cần đến đòn tra khảo, khiến hắn phun ra tất cả những gì ta muốn; một thằng mà khi dẫn vào nhà giam đã có thể được thẩm vấn cặn kẽ từ trước rồi mà chính hắn cũng không nhận thấy: và một thằng như thế lại rơi vào tay ta đúng cái lúc đáng lo ngại như thế này. Chà! Nguy rồi, - ông lại nghĩ tiếp, lắng tai nghe và ngả đầu về đằng sau. - Chẳng còn làm gì khác được nữa; và hôm nay có thể còn tệ hơn cả hôm qua".

Ông nghĩ như thế là do một tiếng ồn ào khác thường ở ngoài phố vọng vào; và ông không thể ghìm được ý muốn đến mở cửa sổ nhìn ra ngoài. Ông thấy một tốp người bị một đội lính tuần tra ra lệnh giải tán, thoạt đầu họ đáp lại bằng những lời chửi rủa, rồi cuối cùng cũng phải tản đi mà vẫn tiếp tục làu bàu; và cái dấu hiệu cực kỳ nguy hiểm, theo viên cảnh sát trưởng, là những người lính lại tỏ ra hết sức lễ độ. Ông đóng cửa sổ lại và trong giây tự hỏi không biết có nên tiến hành công việc của mình đến cùng hay là giao Rendô cho hai tên cảnh sát canh các và chạy đến ngài Trưởng ty Cảnh sát, để báo cáo với ngài tất cả những gì đang xảy ra. "Nhưng mà - ông nghĩ lại ngay, - ông ta sẽ nói là ta chẳng được việc gì, ta là một thằng nhát gan, và ta phải chấp hành mệnh lệnh. Chúng ta đã ngồi lên lưng hổ rồi, cứ phải cưỡi thôi. Cái cuộc phiến loạn khốn kiếp, cái nghề khốn kiếp!"

Rendô đứng giữa, hai lính hộ vệ đứng hai bên. Viên cảnh

sát trưởng ra hiệu cho họ đừng thôi thúc anh quá và nói với chàng trẻ tuổi:

- Nào, chàng trai của ta, đi thôi, mau lên.

Về phần anh, Rendô cũng nghe thấy, trông thấy và ngẫm nghĩ. Bây giờ thì anh đã mặc quần áo đàng hoàng, trừ cái áo chẽn ngắn anh cầm trong tay mà còn tay kia lục túi.

- Ơ này! - Anh vừa nói vừa nhìn viên cảnh sát trưởng với vẻ ý nhị. - Trong túi này có tiền và một bức thư của tôi đâu rồi, thưa ngài!

- Người ta sẽ hoàn lại anh đầy đủ tất cả, - viên cảnh sát trưởng nói, - khi anh làm xong một vài thủ tục nhỏ. Thôi nào, đi đi.

- Không, không, không..., - Rendô, lắc đầu nói, - tôi không đồng ý: cứ trả tôi những thứ gì của tôi, thưa ngài. Tôi sẽ báo cáo mọi việc tôi làm, nhưng tôi muốn người ta trả tôi những gì của tôi.

- Ta muốn chứng tỏ cho anh thấy là ta tin cậy ở anh: cầm lấy, và mau lên, - viên cảnh sát trưởng nói, rút trong túi ra những vật đã tịch thu và thở dài đưa cho Rendô. Anh chàng cất những vật đó vào chỗ cũ và lầm bầm trong miệng:

- Tránh ra một chút! Các anh tiếp xúc quá nhiều với những tên ăn cắp đến nỗi đã hơi học được cái nghề của chúng rồi đấy.

Những người lính cảnh sát đã rất bực mình cứ nhấp nhổm không yên; nhưng viên cảnh sát trưởng đưa mắt ghìm họ, trong bụng nghĩ thầm: "Chỉ cần mày bước vào cửa nhà giam là mày phải trả nợ ta cả vốn lẫn lãi, mày sẽ phải trả nợ ta!".

Trong khi Rendô khoác áo chẽn vào người và cầm lấy mũ, viên cảnh sát trưởng ra hiệu cho một tên lính cảnh sát tiến đến gần thang gác; rồi ông cho người bị bắt đi theo sau, rồi

đến người lính cảnh sát kia, còn chính ông đi sau cùng. Khi họ xuống đến nhà bếp, và trong khi Rendô nói: "Cái lão chủ quán khốn kiếp chui rúc vào xó xỉnh nào rồi?", viên cảnh sát trưởng lại ra một hiệu khác cho những người lính cảnh sát để họ nắm lấy tay chàng trẻ tuổi mỗi người một bên và lập tức, lập tức họ trói nghiến hai cổ tay anh lại bằng những dụng cụ mà theo cái phép tu từ đạo đức giả là phép chuyển ngữ thì người ta gọi là những *tay áo giả*. Những tay áo giả (chúng tôi thật phiền lòng phải hạ mình xuống những chi tiết không xứng đáng với tính chất trang trọng lịch sự, nhưng điều đó cần thiết để cho câu chuyện được rõ ràng), nhưng tay áo giả này làm bằng một sợi dây thừng nhỏ dài hơn vòng cổ tay bình thường một chút, ở hai đầu buộc hai mẩu gỗ như hai cái chốt nỏ. Sợi dây quấn quanh cổ tay người bị bắt; những cái chốt gỗ đưa qua khe ngón giữa và ngon tay đeo nhẫn của người lính áp giải, nằm gọn trong bàn tay nắm lại, thành thử anh ta chỉ khẽ quay chúng là tha hồ siết chặt sợi dây, và như thế chẳng những giữ chắc được tù nhân của mà mình có thể hành hạ kẻ nào bướng bỉnh: với mục đích này, sợi dây thắt đầy những nút.

Rendô vùng vẫy kêu lên:

- Sự phản phúc gì thế này? Đối với một người lương thiện mà cũng thế ư?...

Nhưng viên cảnh sát trưởng, trước mỗi sự việc không vừa ý vẫn luôn sẵn có những lời ngon ngọt, nói:

- Anh chịu khó một chút, họ thi hành nhiệm vụ của họ. Biết làm sao được? Đây lại là một thủ tục; chúng tôi có thể đối xử với mọi người theo ý muốn của chúng tôi được đâu. Nếu chúng tôi không chấp hành những điều người ta ra lệnh cho chúng tôi, thì cả chúng tôi cũng sẽ bị ăn đòn, còn nặng hơn anh. Thôi, chịu khó một chút.

Trong khi ông ta nói, hai người lính áp giải, có nhiệm vụ làm cho những lời nói ấy được hiệu nghiệm, xoắn một vòng chốt. Rendô yên ngay, như một con ngựa bất kham, cảm thấy cái hàm thiếc xiết chặt lấy mõm, và kêu lên:

- Thì chịu khó!

- Chàng trai khá lắm, - viên cảnh sát trưởng nói, - đó là cách tốt nhất để anh chóng thoát nợ. Biết làm sao được? Thật khó chịu; cả ta đây, ta cũng thấy thế; nhưng nếu anh có thái độ tử tế thì chỉ một lúc là xong việc thôi. Và vì thấy anh cũng biết điều và muốn giúp anh, cho nên ta muốn khuyên anh một điều này nữa vì lợi ích của anh. Anh cứ tin ta, ta là người đã quen với những việc này: anh cứ đi thật thẳng người, không nhìn ngang nhìn ngửa, không làm gì để mọi người chú ý: như thế không ai để ý đến anh, không ai nhận thấy chuyện gì, và anh bảo toàn được danh dự. Một giờ nữa là anh được tự do: họ có bao nhiêu việc phải làm đến nỗi họ cũng vội vàng muốn tống khứ anh đi, vả lại ta cũng sẽ nói thêm vào... Anh lại làm công việc của anh, và chẳng ai biết đã phải vào sở cảnh sát. Còn các anh, - ông quay về phía những người lính cảnh sát nói tiếp với vẻ nghiêm khắc, - các anh đừng có làm đau người này, vì người ta là người bảo trợ của anh ta: các anh phải làm nhiệm vụ của mình; nhưng nên nhớ đây là một người lương thiện, một chàng trai tử tế, sẽ được thả ra ngay, và anh ấy phải bảo vệ danh dự của mình. Các anh đi làm sao để không ai nhận thấy điều gì hết: cứ như tất cả các anh là ba người tử tế đi dạo chơi với nhau. - Và bằng một giọng mệnh lệnh, cau mày đe dọa, ông kết luận: - Các anh hiểu chứ? - Rồi quay sang Rendô, lông mày dãn ra và bộ mặt bỗng trở nên tươi tỉnh dường như muốn nói: "Ồ, hai ta là bạn với nhau mà!" Ông lại thì thầm với anh: - Cẩn thận đấy; làm theo ta; hãy tin cậy vào

con người chỉ mong muốn điều tốt lành cho anh; đi nào. - Thế là cả tốp lên đường.

Tuy vậy, trong bấy nhiêu lời ngon ngọt Rendô không tin lấy một lời, anh không tin, là viên cảnh sát trưởng yêu thương gì anh hơn những tên lính cảnh sát của ông ta, không tin là ông lại bận tâm đến danh giá của anh đến thế, cũng không tin là ông có ý định giúp đỡ anh: anh thừa hiểu là con người thật thà này, e sợ trên đường đi có thể xuất hiện một cơ hội thuận lợi nào để người tù sổng thoát, đã đưa ra những lời lẽ ngon ngọt ấy để anh khỏi rình mò cơ hội. Thành ra tất cả những lời khuyên nhủ ấy chỉ càng củng cố thêm dự định sẵn có trong đầu anh, tức là làm ngược lại hết.

Xin đừng ai từ đó kết luận rằng viên cảnh sát trưởng này chưa thạo nghề và thiếu kinh nghiệm trong nghệ thuật đường phố; nghĩ như vậy là lầm. Theo nhà chép sử của chúng ta, hình như cũng là bạn của viên cảnh sát trưởng ấy, thì đây là một tay gian hùng loại một nhưng vào lúc này, đầu óc ông ta hết sức rối loạn. Giả sử vào lúc khác bình tĩnh, tôi xin cam đoan với các bạn rằng ông ra sức giễu cợt cái người nào, để rồi kéo người khác làm một việc bản thân nó thật khả nghi, lại đi gợi ý và dặn dò việc ấy một cách nồng nhiệt, với cái cớ thảm hại là giúp cho người kia một lời khuyên vô tư, trên danh nghĩa bạn bè. Nhưng khi con người đang bối rối và lo lắng, lại thấy một kẻ khác có thể làm gì đó giúp mình thoát khỏi lúng túng, thì xu hướng chung của họ là ra sức vật nài với đủ mọi cớ để kẻ kia làm việc ấy; và những tên ranh mãnh, khi chúng đã ở trong tình trạng như thế, thì cũng rơi vào quy luật chung này. Do đó mà trong những trường hợp tương tự, chúng cũng thường hóa ra những kẻ hết sức tầm thường. Những mưu trí tài tình, những thủ đoạn tinh ma thường giúp chúng chiến

thắng và đã gần như trở thành một bản chất thứ hai của chúng, khi những cái đó được dùng đúng lúc và tiến hành với sự bình tĩnh cần thiết, thì nó thành công một cách tốt đẹp và kín đáo đến nỗi sau thành công ấy, cho dù có bị lộ ra nó vẫn cứ được mọi người thán phục. Cũng những thủ đoạn ấy, trong tay những kẻ khốn khổ bị hoàn cảnh thúc bách, thì được sử dụng hấp tấp, thiếu suy xét, chẳng có chút nào tinh tế và tài hoa. Thành thử cứ xem họ xoay xở và chầy chật, ta chỉ thấy họ đáng thương và buồn cười, và cái người họ định cho vào bẫy, mặc dầu không khôn ngoan bằng họ, vẫn phát hiện rành rành tất cả mưu mô của họ, và dùng ngay bài học rút ra từ những mưu kế của họ để đập lại họ. Cho nên đối với những tên bịp bợm chuyên nghiệp có khuyên mấy cũng không thừa để chúng luôn luôn giữ được bình tĩnh, hoặc điều này thì càng chắc ăn hơn, luôn luôn là những kẻ mạnh nhất.

Vậy là vừa ra đến ngoài đường, Rendô đã bắt đầu nhìn khắp chung quanh, nghiêng người sang phải và sang trái, lắng tai nghe ngóng. Tuy vậy vẫn không có một đám đông nào đặc biệt. Tất nhiên người ta có thể dễ dàng nhận thấy trên khuôn mặt nhiều người đi đường như có cái gì phản loạn, nhưng dẫu sao người nào cũng cứ thẳng đường mình đi và cuộc phản loạn thực sự thì không có.

- Chú ý, cẩn thận đấy! - Viên cảnh sát trưởng thì thầm sau lưng anh. - Danh dự của anh! Vấn đề danh dự, chàng trai ạ!

Nhưng khi Rendô chăm chú quan sát ba người đi tới với khuôn mặt bừng bừng, nghe họ nói đến một cửa hiệu bánh mì, đến bột mì cất giấu, đến công lý, anh cũng bắt đầu ra hiệu cho họ bằng vẻ mặt, và nổi một cơn ho sặc sụa biểu lộ cái gì đó khác hẳn bệnh cảm mạo. Ba người này nhìn tốp người chăm chú hơn và đứng lại. Cùng với họ, nhiều người mới đến cũng

đứng lại theo; những người khác đi đằng trước nghe thấy tiếng ồn ào liền quay lại và đứng tiếp vào.

- Coi chừng; cẩn thận đấy, chàng trai của ta; xem kìa, thật tai hại cho anh; danh dự của anh, tiếng tăm của anh! - Viên cảnh sát trưởng vẫn tiếp tục thì thầm với anh. Rendô lại càng ra hiệu và ho to hơn. Những tên lính cảnh sát đưa mắt cho nhau và tưởng làm thế là phải (con người ta ai cũng có thể mắc sai lầm) xoắn một vòng siết chặt các tay áo giả.

- Ái!... - người bị bắt kêu lên: nghe tiếng kêu mọi người xúm lại quanh anh; từ bốn phía người ta chạy tới: tốp người áp giải đang phải đứng lại.

- Đây là một tên lưu manh, - viên cảnh sát trưởng nói nhỏ với những người đứng gần nhất, - một thằng kẻ trộm bị bắt quả tang. Các ông tránh ra cho nhà chức trách đi.

Nhưng Rendô nhận thấy thời cơ thuận lợi và những tên lính cảnh sát mặt đã trắng bệch hoặc ít ra là tái nhợt, nghĩ bụng: "Nếu bây giờ ta không tự giúp mình, thì thật đáng tiếc cho ta". Anh bèn hét lên:

- Anh em ơi! Họ đưa tôi vào tù bởi vì tôi đã la hét đòi bánh mì và công lý. Tôi không làm gì cả; tôi là một người lương thiện: hãy giúp tôi, đừng bỏ tôi, anh em ơi!

Đáp lại anh, một tiếng rì rầm ủng hộ, và những tiếng hô rõ ràng hơn cất lên để bảo vệ anh: những người lính cảnh sát thoạt đầu ra lệnh, rồi đề nghị, rồi van xin những người đứng gần nhất tránh ra nhường đường cho họ đi: nhưng đám đông càng ngày càng chen chúc và ép chặt họ lại. Thấy chuyện chẳng lành, những tên lính cảnh sát vội buông các tay áo giả ra, và chẳng còn mối lo nào khác là lẩn vào đám đông để chuồn đi không ai biết. Viên cảnh sát trưởng hẳn cũng rất muốn làm như vậy, nhưng khó làm vì vướng cái áo choàng

đen. Con người khốn khổ, mặt tái nhợt vì khiếp sợ, cố thu mình lại thật nhỏ, và loanh quanh luẩn quẩn để luồn lách ra khỏi đám đông. Nhưng hễ ngước mắt lên là ông thấy hàng chục đôi mắt nhìn chằm chằm vào mình. Ông cố làm ra vẻ một khách lạ tình cờ qua đó bị kẹt vào trong đám đông, như một sợi rơm mắc trong nước đóng băng; và khi chạm trán phải một người nhìn ông chằm chằm, với vẻ cau có hơn người khác, ông gượng cười làm ra vẻ ngây ngô hỏi: - Chuyện gì thế?

- Úi già! Con quạ bẩn thỉu! - Người kia đáp.

Những tiếng hét nhao nhao lên khắp xung quanh: "Con quạ bẩn thỉu! Con quạ bẩn thỉu! Kèm theo tiếng hét là những cú đấm cú đã, đến nỗi chẳng mấy chốc, một phần nhờ chính đôi cẳng của mình, một phần nhờ những cùi tay người khác, ông đạt được cái điều ông mong ước nhất là lúc bấy giờ: thoát ra khỏi cái cảnh chen chúc này.

Chương mười sáu

- Trốn đi anh, trốn đi anh, con người hiền lành: đằng này có một tu viện, đằng kia một nhà thờ; lại đấy, ra kia - người ta gọi Rendô từ mọi phía. Về việc chạy trốn, anh khỏi cần đến lời khuyên! Ngay từ phút đầu thoáng thấy vài tia hy vọng thoát khỏi nanh vuốt bọn cảnh sát, anh đã bắt đầu đặt kế hoạch và đã quyết định nếu thành công sẽ đi miết không nghỉ, cho đến khi ra khỏi không những thành phố mà cả Công quốc Milăng. "Bởi vì", - anh nghĩ bụng, - "bằng cách nào đó thì chúng cũng đã ghi tên ta trong cuốn sổ cái của chúng rồi; và đã sẵn họ tên như thế, chúng có thể đến tóm cổ ta khi nào chúng muốn". Còn nói về một nơi trú chân quanh đây, thì anh chỉ đến náu mà tại đó trong trường hợp bị bọn cảnh sát đuổi sát đít mà thôi. "Bởi vì, - anh cũng lại nghĩ, - nếu ta có thể làm chim rừng, thì tội gì làm con chim trong lồng". Cho nên anh quyết định chốn nương thân của mình là cái làng trong địa hạt Becgam, nơi có người anh họ Booctôlô, nếu các bạn còn nhớ, đã nhiều lần mời anh đến đó.

Nhưng vấn đề nan giải nhất là làm sao tìm thấy đường. Bị quẳng vào một khu phố xa lạ của một thành phố gần như không quen biết với anh, Rendô thậm chí không biết muốn đi

Becgam thì phải ra cổng thành nào; và cho dù có biết chăng nữa thì anh cũng không biết đến cổng thành ấy bằng lối nào. Rendô đã toan hỏi đường ở một người trong số những người vừa giải thoát cho anh; nhưng trong chút thời gian anh có để ngẫm nghĩ về những chuyện rủi ro của mình, anh chợt nhớ tới cái ông thợ lau chùi binh khí hết sức sốt sắng ấy, người cha của bốn đứa con; cho nên để chắc chắn hơn, anh không muốn thổ lộ ý định của mình với một tốp đông người, trong đó có thể có tên nào đó cùng một ruộc như thế, và lập tức anh quyết định đi xa khỏi nơi này càng nhanh càng tốt: về đường xá thì anh sẽ hỏi sau, ở một nơi không ai biết anh là ai, cũng không biết anh hỏi đường để làm gì. Anh nói với những người vừa giải thoát cho anh: "Cám ơn các bạn, cầu trời phù hộ các bạn", và ra khỏi đám đông theo cái lối người ta rãn ra ngay tức khắc cho anh, anh rảo bước và chuồn thẳng, đi vào ngõ này, ngoẹo qua ngõ khác, và chạy miết không biết đến đâu.

Khi thấy mình đi đã khá xa, anh bèn chậm bước để khỏi gây sự nghi ngờ: và anh bắt đầu nhìn quanh để tìm xem có bộ mặt nào đáng tin cậy có thể hỏi đường. Nhưng ở đây cũng có chuyện rắc rối. Câu hỏi tự nó đã đáng nghi ngờ; thời gian thì gấp rút, bọn cảnh sát vừa thoát khỏi chút cản trở nhỏ ấy chắc hẳn phải đuổi theo dấu vết người chạy trốn; tin đồn có tù xổng có thể đã truyền tới đây rồi. Mặc dầu rất vội, Rendô cũng phải xét đoán đến mười bộ mặt rồi mới tìm thấy một bộ mặt có vẻ thích hợp. Cái lão to béo kia, đứng trên ngưỡng cửa ngôi hàng của lão ta, dạng chân, chắp tay sau lưng, ưỡn bụng về đằng trước, giương cổ đỡ cái cằm béo núc ních hằn ngấn xệ xuống, và vì không có việc gì làm nên cứ lần lượt kiễng lên rồi lại buông phịch xuống khối thịt núng nính của lão, lão ta có vẻ một tay bẻm mép hiếu kỳ đáng lẽ trả lời thì chắc hẳn sẽ hỏi lại

anh. Còn cái ông kia đang đi tới, mắt nhìn đăm đắm, môi trễ ra, xem chừng không thể chỉ đường mau chóng và chính xác cho người khác, vì ông ta có vẻ lơ mơ ngay cả chính đường mình. Cậu bé này quả thật vẻ mặt rất linh lợi, nhưng cái vẻ quỷ quái còn nhiều hơn, và chưa biết chừng cậu ta có thể có một thích thú điên rồ được tống cổ một người nông dân đáng thương đi ngược lại con đường anh ta muốn đi. Thật đúng khi một người đang trong cảnh khó khăn thì hầu như tất cả đều là nỗi băn khoăn mới đối với anh ta!

Cuối cùng thấy một người vội vàng đi đến, anh cho rằng người này có việc gấp chắc hẳn sẽ trả lời anh ngay không tán chuyện gì thêm; và nghe ông ta lẩm bẩm điều gì đó một mình, anh đoán đây hẳn là một người ngay thật. Anh lại gần ông và nói:

- Thưa ngài, xin ngài làm ơn cho biết đường đi Becgam lối nào ạ?

- Đi Becgam à? Ra Cửa đông.

- Cám ơn ngài lắm? Vậy muốn tới Cửa đông?

- Đi theo phố bên trái kia, anh sẽ tới quảng trường Nhà thờ lớn rồi...

- Dạ thưa được rồi ạ; đến đó thì tôi đã biết đường. Cầu húa phù hộ ngài.

Và anh tiến thẳng về phía người ta vừa chỉ cho anh. Người kia nhìn theo anh một lúc và đối chiếu cái dáng đi hấp tấp của anh với câu hỏi anh đặt ra, ông nghĩ bụng: "Hoặc đây là một người đã chơi xỏ người khác, hoặc có người nào đã muốn chơi xỏ anh ta".

Rendô tới quảng trường Nhà thờ Lớn, đi qua quảng trường, bên một đống tro tàn, và nhận ra những vết tích của ngọn lửa vui anh đã tham dự tối hôm trước; anh đi dọc con

đường bậc thang của nhà thờ, thấy lại "Cửa hiệu bánh mì chống nạng" đã đổ nát đến một nửa và có lính gác; anh đi nhanh vào cái phố từ đó anh đã đến cùng với đám đông, tới tu viện dòng đạo hành khất, liếc nhìn quảng trường và cổng nhà thờ và thở dài nghĩ bụng: "Vị tu sĩ ấy hôm qua dẫu sao cũng đã cho ta một lời khuyên tốt đẹp: cứ ngồi đợi trong nhà thờ và đọc mấy lời cầu nguyện".

Sau khi đứng lại một lúc chăm chú nhìn cái cổng mà đáng lẽ anh phải bước vào, và sau khi đã thấy từ xa nhiều lính gác, và vì trí tưởng tượng của anh hơi bị kích động (phải thông cảm với anh, vì cũng có chuyện khiến anh như vậy), anh cảm thấy có phần ghê tởm phải đi vào cái cổng ấy. Anh đang có trong tay một chốn nương thân, với bức thư của cha Crixtôfôrô anh hẳn sẽ được tiếp đón tử tế, và anh rất muốn bước vào đó. Nhưng anh hồi tỉnh lại ngay và nghĩ: "Làm con chim rừng, chừng nào còn có thể được. Có ai biết ta đâu? Thật ra lính cảnh sát cũng không nhiều vô tận để đợi ta ở tất cả các cửa". Anh quay mình lại để xem nhỡ ra chúng nó đến theo phía này không: anh không thấy lính cảnh sát, cũng không thấy người nào có vẻ để ý đến anh. Thế là anh lại bước đi, cố ghìm đôi cẳng chân quái quỷ của mình chúng cứ muốn chạy lên, trong khi chỉ được đi bước một thôi; và rất ung dung, miệng khẽ huýt sáo, anh đi tới cổng thành.

Ngay tại lối qua cổng thành có một tốp lính thuế quan, được tiếp viện thêm vài tên lính Tây Ban Nha; nhưng bọn chúng tập trung tất cả sự chú ý vào phía ngoài, để ngăn những người nghe tin có bạo loạn chạy tới, như những con quạ trên một bãi chiến trường vừa diễn ra trận đánh; thành thử Rendô, với vẻ thản nhiên, mặt nhìn xuống đất, với dáng dấp nửa như khách lữ hành nửa như người dạo chơi tha thẩn, đi

qua cổng thành mà không ai nói gì với anh cả; nhưng tim anh đập đến lạ trong lồng ngực. Trông thấy bên phải có con đường nhỏ, anh rẽ vào đó để tránh đường cái quan; và anh đi thật lâu rồi mới dám quay đầu nhìn lại.

Anh cứ đi, đi mãi; thấy những trang trại, xóm làng, anh cứ đi qua mà không hỏi tên chúng. Anh tin chắc mình đã cách xa Milăng rồi, và hy vọng đang đi về hướng Becgam: đó là tất cả những gì anh cần trong lúc này. Thỉnh thoảng anh nhìn lại đằng sau; chốc chốc anh cũng ngắm nhìn và xoa xoa cổ tay này rồi cổ tay kia, chúng vẫn còn hơi đau nhức và hằn lên một vòng đỏ vì sợi dây trói. Ý nghĩ của anh, như ta có thể hình dung, là một mớ hỗn tạp những hối hận, lo âu, giận dữ, yêu thương; anh cố tập trung tâm trí nhớ lại tất cả những gì anh đã nói và làm tối hôm trước, cố khám phá ra cái phần bí ẩn trong câu chuyện đau đớn của mình, và nhất là lý do làm thế nào mà họ biết được tên anh. Mối nghi ngờ của anh tất nhiên hướng về tên thợ lau chùi binh khí, anh nhớ là anh đã khai tuồn tuột tất cả họ tên với hắn. Và nhớ lại cách hắn đã dùng để moi được tên anh từ miệng anh, nhớ lại điệu bộ hắn, và tất cả những sự chào mời giúp đỡ luôn luôn có mục đích dò la tin tức, thì mối nghi ngờ của anh gần như trở thành sự chắc chắn. Tuy vậy, anh cũng lờ mờ nhớ lại là sau khi tên thợ lau chùi binh khí đi khỏi, anh vẫn còn tiếp tục nói huyên thuyên; nói với ai, ai có thể biết anh? Và nói về cái gì? Anh tha hồ tra hỏi trí nhớ của mình, nó cũng chẳng biết nói gì với anh được; nó chỉ nói được một điều là trong suốt thời gian ấy nó đi vắng. Chàng trai khốn khổ lạc lõng trong sự tìm tòi ấy; anh như một người đã ký nhiều giấy khống chỉ và giao chúng cho một kẻ mà ông tưởng là con người ngay thẳng đáng quý nhất, sau phát hiện ra đó là một tên bịp bợm, ông muốn biết tình hình

công việc của mình; nhưng còn biết cái gì nữa? Một mớ hỗn tạp. Đầu óc anh còn căng thẳng vì một công việc khó khăn khác nữa, là phác ra một kế hoạch tương lai có thể vừa ý mình: thế nhưng tất cả những triển vọng thực tế đều thật là thê thảm.

Nhưng chẳng bao lâu cái việc khó khăn vất vả nhất lại là tìm thấy đường đi. Sau khi đã đi thật lâu, có thể nói là hú họa, anh thấy nếu chỉ có một mình thì không thể tìm ra đường. Anh cảm thấy phần nào chán ngán khi phải nói lên cái tên Becgam, dường như cái tên ấy có gì khả nghi, quá lộ liễu, nhưng anh không thể làm khác được. Vậy là anh quyết định, như đã làm ở Milăng, hỏi người khách đi đường đầu tiên có bộ mặt anh ưa thích; và anh làm như vậy.

- Anh lạc đường rồi, - người này đáp; và, suy nghĩ một lát, ông chỉ cho anh, vừa bằng cử chỉ, vừa bằng lời nói, lối vòng trở lại con đường cái. Rendô cám ơn ông, làm ra vẻ theo lời ông dặn, và quả thật anh cũng đi về hướng đó, với ý định lại gần con đường cái ghê gớm ấy, bám sát nó, cố sức men theo chiều dọc của nó, nhưng không đặt chân lên. Kế hoạch ấy đặt ra dễ hơn là thực hiện. Kết quả là cứ đi như thế sang phải và sang trái, ngoằn ngoèo chữ chi, khi thì dựa vào những lời chỉ dẫn khác nữa mà anh đánh liều hỏi được chỗ này chỗ nọ, khi thì sửa lại những lời chỉ dẫn ấy theo suy xét của bản thân mình để làm cho chúng phù hợp với mục tiêu đặt ra, khi thì phó mặc con đường đã bước vào muốn dẫn đến đâu thì đến, anh chàng tị nạn của chúng ta có lẽ đã đi đến mười hai dặm mà chưa ra khỏi Milăng được hơn sáu dặm; còn với Becgam, nếu như anh không rời xa thêm là khá lắm rồi.

Anh bắt đầu tin rằng theo cách này cũng không đạt được điều gì tốt đẹp, và anh nghĩ phải đi tìm cách khác. Anh nảy ra

một cách là làm sao khéo léo dò biết được tên một làng gần biên giới có thể tới được theo những đường liên xã: hỏi thăm đến làng đó tức là biết được con đường của anh, mà không phải reo rắc khắp nơi cái câu hỏi về Becgam, cái tên đất mà anh thấy hình như bốc lên cái mùi nồng nặc của sự chạy trốn, sự trục xuất và tội phạm.

Trong khi tìm cách để có được tất cả những tin tức ấy mà không bị nghi ngờ, anh trông thấy một cành cây xanh treo trên cửa một ngôi nhà nhỏ lẻ loi bên rìa làng. Từ lâu Rendô đã cảm thấy nhu cầu cấp thiết lấy lại hơi sức; anh cho rằng đây có lẽ là nơi anh có thể giải quyết cả hai việc cùng một lúc, bèn bước vào. Trong nhà chỉ có một bà cụ già đang ngồi quay sợi, búp sợi để một bên và cái guồng sợi trong tay. Anh xin được ăn một chút gì đó, và bà mời anh ăn một ít phó mát với rượu ngon: anh nhận phó mát và từ chối rượu (nó đã khiến anh kinh tởm do cái vụ say sưa khốn khổ tối hôm trước); anh ngồi vào bàn, và đề nghị bà cho ăn ngay. Trong chốc lát bà dọn ra cho anh ăn, và lập tức bắt đầu lục vấn ông khách đủ mọi câu hỏi về bản thân anh và về những sự kiện lớn ở Milăng mà tin đồn đã lan đến tận đây. Rendô không chỉ biết lẩn tránh những câu hỏi ấy khá dễ dàng, mà còn khai thác thuận lợi ngay trong khó khăn, khéo lái trí tò mò của bà cụ phục vụ cho ý đồ của mình, khi cụ hỏi anh đi về hướng nào.

- Cháu phải đến nhiều nơi, - anh đáp, - và nếu còn chút thời gian, cháu cũng muốn rẽ vào cái làng kha khá lớn trên đường đi Becgam ấy mà, gần biên giới, nhưng vẫn còn trong địa hạt Milăng... Làng gì ấy cụ nhỉ? - "Thế nào mà chẳng có một làng nào đó", anh nghĩ bụng.

- Anh muốn nói làng Gorgôndôla chứ gì, - bà cụ đáp.

- Vâng, Gorgôndôla! - Rendô nhắc lại, như để khắc sâu thêm tiếng ấy vào trong trí. - Có xa đây không ạ? - Anh lại nói.

- Già không biết thật đúng đâu: cũng phải đến mười, mười hai dặm. Nếu có một trong những thằng con của già ở đây, nó sẽ nói anh rõ ngay.

- Vậy cụ thấy ta có thể đến đó theo những con đường nhỏ và đẹp ấy được không ạ, mà không phải đi đường cái? Chao ôi, đường cái sao mà lắm bụi! Đã lâu quá rồi không mưa!

- Già thấy được đấy: theo hướng bên phải đến cái làng đầu tiên anh gặp, anh có thể hỏi thăm, - và cụ nói với anh tên làng ấy.

- Tốt lắm. - Rendô nói. Anh đứng dậy, cầm lấy mẩu bánh mì còn lại của bữa sáng đạm bạc, một cái bánh mì khác hẳn cái bánh mì anh đã nhặt được hôm trước ở bệ cây thập tự Xanh Đơni; anh trả tiền, đi ra và rẽ về bên phải. Và để khỏi phải kéo dài vô ích câu chuyện của chúng tôi, chúng tôi sẽ chỉ nói rằng đi từ làng này sang làng khác, với cái tên Gorgôndôla ở cửa miệng, cuối cùng anh đã đến đó vào khoảng một giờ trước khi trời tối.

Ngay trên đường đi, anh đã dự định sẽ tạm nghỉ chân ở đó, để kiếm một bữa ăn kha khá hơn một chút. Cơ thể anh hẳn cũng sẵn sàng ưng thuận cả giường nằm nữa; nhưng Rendô thà ngã khuỵu vì kiệt sức trên đường còn hơn là thỏa mãn ước muốn ấy. Anh định đến quán ăn sẽ hỏi xem từ đó tới sông Ada bao xa, khéo léo dò biết được con đường tắt đến bờ sông, và ăn xong là đi ngay về phía đó. Sinh ra và lớn lên bên cái nguồn thứ hai, nếu có thể nói như vậy, của con sông này, anh vẫn thường nghe nói là ở một địa điểm nào đó, và trên một chiều dài nào đó, con sông được dùng làm biên giới giữa lãnh địa Milăng và lãnh địa Vơnidơ: ở địa điểm nào, và trên

chiều dài bao nhiêu, thì anh không biết đích xác; nhưng lúc này việc cấp bách nhất là vượt qua sông, ở bất cứ chỗ nào. Nếu không đến kịp bờ sông hôm nay, anh quyết chí cứ đi mãi chừng nào thời gian và sức lực anh cho phép; sau đó anh sẽ nằm chờ đến sáng hôm sau ở một cánh đồng, thậm chí ở một bãi hoang vắng, ở bất cứ nơi nào Chúa ban cho anh, miễn là không phải trong một quán trọ.

Đi được vài bước trong làng Gorgôndôla, anh trông thấy một tấm biển cửa hàng ăn bèn vào; ông chủ quán ra đón, anh nói ông dọn cho một chút thức ăn và nửa lít rượu: những dặm đường anh phải đi thêm và thời gian đã muộn khiến anh bỏ qua mối căm thù ghê gớm đối với rượu. "Xin ông mau lên cho, - anh nói tiếp, - vì tôi lại phải đi ngay". Anh nói vậy không những vì đúng thật như thế, mà còn vì sợ ông chủ quán tưởng anh muốn ngủ lại sẽ hỏi anh nào họ tên, nào quê quán, nào công việc... Không, xin đủ!

Ông chủ quán đáp là người ta dọn lên ngay bây giờ, và anh đến ngồi ở đầu bàn, gần cửa ra vào: chỗ của những dân nghèo hay e thẹn.

Trong gian phòng có vài người vô công rồi nghề, sau khi đã bàn tán và bình luận về những tin tức quan trọng ở Milăng ngày hôm trước, nóng lòng muốn biết một chút tình hình hôm nay đã diễn ra như thế nào, nhất là những tin tức hôm qua chỉ càng kích thích hơn là thỏa mãn tính hiếu kỳ: một cuộc nổi dậy không bị dẹp cũng không thắng lợi, do trời tối phải ngừng, nhưng cũng chưa kết thúc; một cái gì đó dở dang, hết một màn chứ không phải là hết một vở kịch. Một người trong số đó chạy đến bên ông khách mới và hỏi có phải anh từ Milăng tới không.

- Tôi ấy à? - Rendô luống cuống hỏi lại, để có thời gian trả lời.

- Vâng, chính anh, nếu anh thấy không có gì thóc mách.

Rendô, đầu lắc lư, bậm môi và phát ra một tiếng không rành rọt, rồi nói:

- Milăng, theo chỗ tôi được nghe nói lại... không phải là một nơi nên tới vào lúc này, trừ phi có việc gì rất cần.

- Vậy hôm nay vẫn còn náo loạn ư? - anh chàng tò mò khẩn khoản hỏi:

- Phải ở đấy mới biết được, - Rendô nói.

- Vậy ra anh không phải từ Milăng tới?

- Tôi ở làng Lixcatơ, - chàng trẻ tuổi mau mắn đáp lại, trong khi đợi người ta hỏi, anh đã suy nghĩ cách trả lời. Quả đúng là anh cũng từ đó tới thật, vì anh đã đi qua đó; và trên đường đi anh biết được địa danh ấy do một khách qua đường nói với anh rằng đây là làng đầu tiên anh phải qua để tới được Gorgôndôla.

- Ồ! - ông bạn nói, dường như muốn bảo: giá như anh ở Milăng tới thì hơn. Nhưng ông ta đã chịu thôi ngay cho đâu. - Thế ở Lixcatơ, - ông nói tiếp, - người ta không biết gì về Milăng à?

- Rất có thể ở đó người ta cũng biết đôi điều gì đấy, - anh chàng miền núi đáp, - nhưng còn tôi, tôi chẳng nghe nói gì cả.

Anh thốt lên những lời này với một giọng đặc biệt; như để nói: xong rồi. Ông bạn tò mò trở về chỗ ngồi, một lát sau, ông chủ quán đến bày bàn cho anh ăn.

- Từ đây đến sông Ada bao xa nhỉ? - Rendô nói với ông, lí nhí trong miệng, với một vẻ ngái ngủ như những lần khác ta đã thấy ở anh.

- Đến sông Ada, để qua sông ư? - viên chủ quán hỏi.

- Nghĩa là... vâng... đến sông Ada.

- Anh muốn qua cầu Caxanô hay qua đò Canônica?

- Qua chỗ nào cũng được... tôi hỏi ông như thế vì tò mò thôi.

- Ồ, tôi muốn nói vậy vì đó là nơi qua lại của người lương thiện, những người không phải che giấu việc làm của mình.

- Được, vậy đến đó bao xa?

- Đến nơi này hoặc nơi kia cũng không hơn kém nhau bao nhiêu, dễ chừng phải sáu dặm.

- Sáu dặm! Tôi tưởng gần hơn cơ. - Rendô nói. -Vậy chắc hẳn, - anh nói tiếp, làm ra vẻ thờ ơ đến mức thiếu tự nhiên. - Vậy chắc hẳn, với người nào cần đi đường tắt thì cũng có những chỗ khác để qua sông chứ?

- Tất nhiên là có, - viên chủ quán đáp, nhìn anh chòng chọc với những con mắt ánh lên một vẻ tò mò tinh quái. Điều đó đủ làm tắt ngấm trong miệng chàng trẻ tuổi những câu hỏi khác mà anh đã sẵn sàng. Anh kéo đĩa thức ăn lại trước mặt mình, và nhìn chai rượu nửa lít mà viên chủ quán cũng đã đặt lên bàn, anh hỏi: - Rượu vang nguyên chất chứ?

- Nguyên chất như vang vậy, - viên chủ quán đáp, - thì anh cứ hỏi tất cả mọi người trong làng và khắp vùng quanh đây đã uống quen: vả lại, anh có thể tự mình xét đoán lấy, - nói vậy rồi ông quay lại với đám khách kia.

"Cái lũ chủ quán đáng nguyền rủa! - Rendô kêu thầm trong bụng. - Càng biết chúng, ta càng thấy chúng tồi tệ", Tuy vậy anh cũng bắt đầu ăn thật ngon miệng, vừa ăn vừa kín đáo lắng tai nghe, để cố thăm dò tình hình và xem ở đây người ta nghĩ thế nào về sự kiện lớn mà anh đã tham gia một phần không nhỏ, và để đặc biệt quan sát xem trong đám người đang trò chuyện kia có người nào tử tế có thể tin cậy để hỏi đường, mà không sợ bị lục vấn và buộc phải kể công việc mình ra.

- Rốt cuộc! - một người nói, - lần này hình như cánh

Milăng muốn ra tay thật. Nhưng chậm nhất ngày mai ta cũng biết được đôi điều gì đấy.

- Đáng tiếc là tôi đã không đi Milăng sáng nay, - một người khác nói.

- Nếu ngày mai cậu đi Milăng, cả tớ cũng đi, người thứ ba nói; rồi một người khác, rồi một người khác nữa.

- Cái điều tôi muốn biết, - người thứ nhất lại nói, - là các ngài ở Milăng có nghĩ đến cả dân nghèo ở nhà quê không, hay họ chỉ ban bố một đạo luật tốt đẹp cho họ thôi. Chà, các bác có biết họ thế nào không? Những dân thành thị hết sức ngạo mạn, thu vét tất cả cho mình: còn những người khác thì dường như không có trên đời.

- Chúng mình cũng có cái mồm của mình chứ, cái mồm để ăn cũng như để nói lên những lý lẽ của chúng mình, - một người khác nói, câu nói của anh càng táo bạo thì giọng anh lại càng nhẹ nhàng, - và một khi công việc đang tiến hành... - nhưng anh thấy không nên nói hết câu làm gì.

- Không phải chỉ ở Milăng mới có lúa mì cất giấu, - một người khác khơi mào với vẻ bí hiểm và ranh mãnh; nhưng vừa lúc ấy người ta nghe tiếng vó ngựa đến gần. Họ đổ xô tất cả ra cửa và, nhận ra người khách vừa đến, họ chạy ra đón ông.

Đó là một người lái buôn ở Milăng mỗi năm có nhiều chuyến đi Becgam buôn bán và thường ngủ đêm ở quán trọ này; và vì hầu như lần nào ông cũng gặp tốp người này ở đây, cho nên ông quen biết tất cả. Họ xúm xít quanh ông: người này nắm dây cương, người kia giữ bàn đạp cho ông.

- Chào bác, chào bác!

- Rất mừng được gặp các bạn.

- Bác đi đường mạnh khỏe chứ?

- Rất khỏe; còn các bạn thế nào?

- Khỏe, khỏe ạ. Bác đem những tin tức gì từ Milăng đến cho chúng tôi đấy?

- Chà! đó, đó, những kẻ nghiện tin, - người lái buôn vừa nói vừa xuống ngựa và giao cho một người hầu. - Rồi, hơn nữa, - ông vừa nói tiếp vừa bước vào nhà với tốp người nói trên, - vào giờ này, có lẽ các bạn còn biết lắm tin hơn tôi ấy chứ.

- Thật tình chúng tôi chẳng biết gì cả, - nhiều người cùng nói, đặt tay lên ngực.

- Lẽ nào như vậy? - Người lái buôn nói. - Thôi được, các bạn sẽ được nghe lắm chuyện hay... hoặc chuyện không hay. Này, ông chủ, cái giường mọi khi của tôi có ai nằm không? Tốt: một cốc rượu vang, và bữa ăn tối của tôi như thường lệ, mau lên; bởi vì tôi muốn đi ngủ sớm để sáng sớm mai lên đường và đến Becgam ăn trưa. Còn các bạn, - ông nói tiếp, ngồi lên cái ghế dài trước mặt Rendô lúc này vẫn im lặng và chăm chú nghe, các bạn không biết gì về tất cả những chuyện quái gở hôm qua ư?

- Chuyện hôm qua thì biết.

- Thấy chưa, - người lái buôn lại nói, - các bạn vẫn biết mọi in tức đấy chứ. Tôi xin thưa với các bạn là các bạn cứ việc ıgồi đây thôi mà moi tin người qua đường...

- Nhưng còn hôm này, tình hình hôm nay thế nào?

- Chà, hôm nay. Vậy ra các bạn không biết gì về hôm nay?

- Không biết gì hết: chẳng có ma nào qua đây cả.

- Thế thì để tôi nhấp giọng một chút rồi sẽ kể với các bạr những gì xảy ra hôm nay. Các bạn sẽ thấy. - Ông rót đầy cốc rượu, một tay nâng cốc, còn tay kia lấy hai ngón tay xoắr hàng ria mép vểnh lên, vuốt bộ râu cằm, tợp một hợp rồi lại nói tiếp. - Ngày hôm nay, các bạn thân mến ạ, thiếu chút nữa lại thành một ngày cũng ghê gớm như hôm qua hoặc còn tệ

hại hơn. Và tôi đã tưởng không còn đến đây tán chuyện với các bạn nữa; vì tôi đã bỏ hết mọi ý định đi xa để ngồi nhà giữ cái cửa hiệu khốn khổ của tôi.

- Vậy ra có chuyện quái quỷ gì thế? - Một trong những người nghe chuyện nói chen vào.

- Đúng là chuyện quái quỷ thật: rồi các bạn sẽ thấy. - Và thái miếng thịt mới dọn ra, ông vừa ăn vừa tiếp tục kể câu chuyện của mà. Những người khác, đứng hai bên bàn, há hốc mồm ra nghe. Rendô ngồi nguyên chỗ, không có vẻ gì quan tâm đến câu chuyện ấy nhưng có lẽ chăm chú hơn tất cả bọn họ, và chậm rãi nhai nốt những miếng cuối cùng của mình.

- Vậy là sáng nay, những tên vô lại đã gây nên vụ lộn xộn khủng khiếp ngày hôm qua lại có mặt ở những địa điểm hẹn trước (bởi vì bọn chúng đã thông đồng với nhau, và tất cả đã được chuẩn bị). Chúng tụ tập và lại bắt đầu diễn qua diễn lại từ phố này sang phố khác, vừa đi vừa hò hét để lôi kéo những tên khác. Các bạn còn lạ gì nữa, nói các bạn bỏ quá, nó cũng như khi ta quét nhà: chổi khua đến đâu rác ùn lên đến đấy. Khi chúng tự cho là đã khá đông, chúng tiến đến nhà quan tổng lý lương thực: dường như tất cả những hành động cường bạo chúng đã gây ra hôm qua đối với ngài, với một nhà quý tộc như ngài, vẫn còn chưa đủ! Ôi, những tên vô lại! Và chúng không tiếc lời nguyền rủa ngài. Toàn là lời bịa đặt: vì ngài vốn là một nhà quý tộc đứng đắn, mặc thước, tôi có thể nói với các bạn như vậy vì tôi biết rõ nhà này và vẫn cung cấp dạ may đồng phục cho tôi tớ trong nhà. Vậy là bọn chúng tiến đến ngôi nhà này: phải nhìn xem lũ súc sinh ấy, những cái mặt mo ấy: thế nào bạn thử hình dung bọn chúng đi qua trước cửa hàng tôi, những cái mặt như... những tên Do thái trên con đường. Thập tự chinh cũng không nghĩa lý gì so với bọn

chúng. Và từ những cái mồm tuôn ra những lời lẽ mới tởm chứ! Chỉ còn cách bịt tai lại, nếu không sợ làm thế bị bọn chúng để ý. Vậy là bọn chúng bước đi, với ý định rõ rệt là cướp phá ngôi nhà, nhưng... - đến đây người lái buôn giơ bàn tay trái lên, ngón tay xòe ra, đầu ngón tay cái đặt lên chót mũi.

- Nhưng sao? - Hầu hết mọi người nghe nhao nhao lên hỏi.

- Nhưng, - người lái buôn tiếp, - chúng thấy con đường đã bị những cây gỗ và những xe bò chặn lại, và đằng sau chiến lũy ấy là một hàng lính Tây Ban Nha chỉnh tề, với những cây súng hỏa mai chĩa về phía chúng để sẵn sàng đón chúng một cách xứng đáng. Khi chúng đã trông thấy cuộc dàn cảnh hay ho ấy... Nếu phải các bạn thì các bạn làm gì nào?

- Chúng tôi quay lại.

- Tất nhiên; đó là việc chúng đã làm. Nhưng, các bạn thử xem có phải ma quỷ đã nhập vào người chúng không? Chúng đi tới quảng trường Coocđuxiô và trông thấy cửa hiệu bánh mì mà từ hôm qua chúng đã muốn cướp phá; và người ta đang làm gì trong cửa hiệu ấy? Người ta đang phân phối bánh mì cho khách hàng. Có những vị thân sĩ, tinh hoa của các nhà quý tộc, đứng ra trông nom cho công việc chạy đều; ấy thế mà cái bọn ấy (tôi đã nói với các bạn là chúng có quỷ ám trong người mà, đã thế lại có những kẻ nào đó kích động chúng) lao vào cả trong cửa hiệu như những thằng điên, và mạnh thằng nào thằng nấy cướp: trong nháy mắt, tất cả những nhà quý phái, chủ hiệu bánh mì, khách hàng, bánh mì, quầy hàng, ghế dài, thùng nhào bột hòm, bao, rây bột, cám, bột mì, bột đã nhào, tất cả đều lộn tung lên hết.

- Thế quân lính Tây Ban Nha đâu?

- Quân lính ấy à, họ còn phải canh gác nhà quan tổng lý: người ta không thể vừa hát trong đội đồng ca lại vừa dâng cây

thánh giá được. Tôi đã nói với các bạn là tất cả những chuyện ấy diễn ra trong nháy mắt; và manh tên nào tên nấy cướp: tất cả những vật có thể dùng được vào việc gì đó bị cướp hết. Và rồi chúng lại tái diễn cái sáng kiến hay ho ngày hôm qua, mang tất cả những gì còn lại ra quảng trường đốt đống lửa ăn mừng thắng lợi. Bọn côn đồ ấy đã bắt đầu đưa tất cả mọi đồ đạc ra ngoài thì một tên trong bọn chúng, côn đồ hơn tất cả, có lời đề nghị đến hay, các bạn thử đoán xem là cái gì nào?

- Đề nghị gì?

- Đánh đống tất cả mọi thứ ấy ngay trong cửa hiệu, và châm lửa đốt cái đống ấy và đốt nhà luôn. Nói là làm...

- Và chúng đã châm lửa đốt nhà?

- Khoan. Một người láng giềng nhân đức đã nảy ra một ý định cao cả. Ông ta lên buồng trên gác, tìm một cây thánh giá có hình Chú đóng đinh câu rút, treo ở cửa sổ lấy ở đầu giường hai cây nến thánh, đốt lên và đặt trên cửa sổ ở hai bên cây thánh giá. Mọi người ngước nhìn lên. Trong một thành phố như Milăng, phải nói là người ta hãy còn sợ Chúa; thế là tất cả mọi người tỉnh ngộ. Tôi muốn nói phần lớn mọi người; tất nhiên cũng có những con quỷ để cướp phá, chúng sẵn sàng đốt cả thiên đường; nhưng thấy mọi người không đồng tình, chúng phải từ bỏ tội ác của chúng và đứng yên. Bây giờ các bạn thử đoán xem việc gì bỗng nhiên xảy ra? Tất cả các Đức cha trong nhà thờ tập hợp thành đám rước, tay giơ cao thánh giá, bận y phục đồng ca; và Đức tổng tư tế Madenta bắt đầu thuyết giáo ở nơi này, và Đức cha giải tội Xettala thuyết giảo ở nơi kia, và tất cả các Đức cha khác cũng vậy: "Thế nào, những con người hiền lành! Các con muốn làm gì đấy? Chẳng lẽ tấm gương của các con để lại cho con cháu là như vậy? Thôi nào, các con về nhà đi, thế các con không biết là bánh mì đã

bán rẻ hơn trước ư? Vậy các con, hãy đi mà xem, yết thị dán ở các góc phố kia kìa!

- Có thật thế không?

- Mẹ kiếp! Vậy các bạn cho là các Đức cha trong nhà thờ đã đến với bộ áo choàng long trọng để nói những chuyện bông phèng hay sao?

- Thế những người kia, họ làm gì?

- Họ giải tán dần; họ chạy đến các góc phố và những người biết đọc đã nhìn thấy rõ giá quy định. Các bạn thử đoán xem: một xu một cái bánh mì gần hai lạng rưỡi!

- Bở thật!

- Phải, bở quá đi chứ, miễn là cứ giữ được mãi. Các bạn có biết chúng đã làm mất đi bao nhiêu bột mì trong ngày hôm qua và sáng nay không? Đủ để nuôi cả Công quốc trong hai tháng.

- Này, thế ở các nơi ngoài thành phố Milăng người ta có ra một đạo luật tốt đẹp nào nữa không?

- Những gì người ta đã làm cho Milăng là hoàn toàn do thành phố đài thọ. Tôi không biết nói thế nào với các bạn: đó là ý Chúa. Bây giờ thì vụ lộn xộn đã qua rồi. Nhưng tôi chưa nói hết với các bạn; còn một chuyện thú vị nhất nữa kia.

- Chuyện gì nữa?

- Chuyện thế này, tối qua hoặc sáng nay, cái đó không quan trọng, nhiều tên đầu sỏ sẽ bị treo cổ. Khi tin ấy bắt đầu truyền đi, mọi người ai về nhà nấy theo con đường ngắn nhất để khỏi rơi vào trong số đó. Khi tôi ra khỏi Milăng thì thành phố giống như một nhà tù vậy.

- Thế người ta treo cổ chúng thật à?

- Chứ sao! Và treo ngay không chậm trễ, - bác lái buôn đáp.

- Còn đám dân đen, họ sẽ làm gì? - cái người đã đặt câu hỏi vừa rồi lại hỏi nữa.

- Đám dân đen à? Đi mà nhìn, - bác lái buôn nói, - chúng thèm khát được nhìn thấy một con chiên của Chúa thì phải chết giữa trời, đến mức, cái bọn đốn mạt ấy, chúng muốn giết hại cả. Quan tổng lý lương thực. Thay vào chỗ ngài, người ta sẽ tặng chúng bốn tên vô lại với đầy đủ thủ tục, có các thầy tu dòng đạo hành khất và các tu sĩ giải tội cho người chết đi kèm; mấy thằng ấy chết đáng kiếp. Mệnh trời đấy, các bạn thấy không, đó là điều cần thiết. Bọn chúng đã bắt đầu nhiễm cái thói xấu xông vào các cửa hiệu, tự tiện lấy hàng mà không chịu dốc tiền túi ra; nếu cứ để mặc chúng, (thì lấy xong bánh mì chúng sẽ sờ đến rượu và cứ thế được đằng chân lân đằng đầu... Các bạn thử nghĩ xem, loại người ấy có chịu vui lòng từ bỏ một thói quen tiện lợi như thế không. Và tôi đây, tôi có thể nói thẳng với các bạn rằng đối với một người lương thiện mở cửa hàng, đó là một ý nghĩ không phấn khởi gì cho lắm).

- Đúng đấy, - một người trong số những người nghe lên tiếng. - Đúng đấy, - những người khác cùng nói theo.

- Và tất cả mọi chuyện này, - bác lái buôn lấy khăn chùi bộ râu cằm nói tiếp, - đã được chuẩn bị từ lâu, chúng có cả một hội, các bạn biết không?

- Cả một hội cơ à?

- Phải, cả một hội. Đó chẳng qua là những âm mưu của bọn Navaranh, của cái ông Hồng y giáo chủ của nước Pháp, đó, các bạn cũng biết tôi muốn nói ai rồi, cái người còn có cái tên gọi lơ lớ như cái tên Thổ Nhĩ Kì, và cứ mỗi ngày lại nghĩ ra một âm mưu mới để phá l. ại ngai vàng Tây Ban Nha. Nhưng trước hết chính là tại Milăng ông ta cố chơi vài vố hiểm, bởi vì, cái tay gian hùng ấy, hắn biết rõ lực lượng chủ yếu của nhà vua nằm ở đây.

- Tất nhiên.

- Các bạn muốn biết chứng cớ không? Những kẻ làm ầm ĩ nhất là những tên ở nơi khác đến; người ta thấy lượn ngoài phố những bộ mặt chưa bao giờ thấy ở Milăng. Chà suýt nữa thì quên không kể với các bạn một chứng cớ chắc chắn mà người ta đã cho tôi biết. Sở cảnh sát đã bắt một người trong quán ăn... - Rendô từ nãy vẫn không bỏ sót một lời nào của câu chuyện, nghe đến đây bỗng cảm thấy lạnh toát và anh rùng mình trước khi kịp nghĩ là phải nén mình lại. Nhưng chẳng ai nhận thấy điều đó; và người kể chuyện, không để câu chuyện bị đứt đoạn, nói tiếp: - một người không biết từ đâu tới, cũng không biết do ai phái đến, cũng không biết là loại người gì, nhưng chắc chắn là một trong những tên đầu sỏ. Hôm qua, ngay ở giữa cơn hỗn loạn, hắn đã làm náo động cả lên; thế còn chưa vừa lòng, hắn lại giở trò thuyết giáo và đề nghị, thật khéo chưa, giết hết các ông lớn. Chà, tên kẻ cướp! Nếu giết hết các ông lớn thì những người nghèo dựa vào ai mà sống? Sở cảnh sát vẫn theo dõi hắn, tóm cổ ngay thằng cha này; người ta khám thấy trong người hắn một tập thư; và người ta điệu hắn về nhà giam, nhưng các bạn có biết chuyện gì không? Lũ bạn bè hắn đứng gác quanh quán ăn đã kéo đến hàng đàn và giải thoát cho hắn, cái thằng tướng cướp ấy.

- Rồi hắn ra sao?

- Không ai biết; chắc là hắn đã trốn đi, hoặc giả vẫn còn quanh quẩn ở Milăng, đó là loại người không nhà không cửa mà đi đâu cũng kiếm được chỗ ở và chỗ ẩn núp; nhưng dù ma quỷ có thể và muốn che chở cho chúng đến bao giờ thì cuối cùng chúng cũng sa lưới đúng vào lúc chúng không ngờ nhất, bởi vì khi quả táo đã chín thì nó phải rụng. Hiện nay người ta biết chắc rằng các bức thư đã nằm trong tay sở cảnh sát và

toàn bộ âm mưu phơi bày trong đó, và người ta nói là không ít tên sẽ bị xử tội. Kệ thây chúng: chúng đã phá tơi bời cả một nửa thành phố Milăng và còn định gây nhiều tai hại nữa. Chúng nói rằng các chủ hiệu bánh mì là những quân ăn cướp. Điều đó tôi cũng thừa biết đi rồi, nhưng phải treo cổ họ lên bằng con đường pháp luật chứ. Ai chẳng biết là có lúa mì cất giấu? Nhưng đó là việc của các nhà cầm quyền nắm trong tay những thám tử lành nghề họ sẽ đào lúa mì ấy lên, và luôn thể treo lủng lẳng những tên đầu cơ tích trữ, cùng với lũ chủ hiệu bánh mì. Và nếu các nhà cầm quyền không làm gì cả, thì dân thành phố sẽ thỉnh cầu nữa, bởi vì cứ thỉnh cầu mãi thì người ta cũng đạt được cái gì; và không được để thành cái thói quen tội lỗi cứ xông vào các cửa hiệu và các nhà kho lấy hàng đi mà không bị trừng phạt.

Về phần Rendô, anh mới ăn một chút vào mồm mà nó đắng như thuốc độc. Anh muốn ra ngoài ngay và đi thật xa khỏi quán ăn này và cái làng này. Đã hơn mười lần anh tự nhủ: "Đi thôi, đi thôi". Nhưng lần nào anh cũng bị giữ chịt lại như đóng đinh vào ghế bởi nỗi sợ gợi lên những nghi ngờ, lúc này quá mạnh đến mức át tất cả mọi ý nghĩ khác. Trong tình thế bốt rối như tơ vò ấy, anh nghĩ rằng thằng cha ba hoa này tuy vậy rồi cũng phải thôi nói về anh, và anh đinh bụng sẽ đứng lên ngay khi câu chuyện bắt đầu chuyển sang một đề tài khác.

- Ấy chính vì thế, - một người trong bọn nói, - vì tôi biết những trò ấy diễn ra như thế nào, và người tử tế không nên có mặt trong những vụ phiến loạn, cho nên tôi không chạy theo thói hiếu kì, và tôi nằm bẹp ở nhà.

- Còn tớ, tớ đi đâu không nào? - Một người khác nói.

- Tôi thì sao? - Một người thứ ba nói tiếp. - Nếu chẳng may

tôi ở Milăng lúc ấy, tôi sẽ vứt hết mọi việc định làm để chuồn về. Tôi có vợ con, vả lại, nói thật tình, tôi không thích những chuyệm om sòm.

Lúc này viên chủ quán, từ nãy cũng mải mê nghe, đi lại đầu bàn kia để xem ông khách lạ làm gì. Rendô nắm lấy cơ hội, ra hiệu gọi ông lại, bảo ông tính tiền, trả ngay không cò kè, mặc dầu túi tiền anh chẳng còn bao nhiêu; và không nói gì thêm, anh đi thẳng ra cửa, bước qua ngưỡng cửa, và cũng liều nhắm mắt đưa chân, anh tiến thẳng về hướng ngược lại với hướng anh đã đến.

Chương mười bảy

Thường khi chỉ cần một ước muốn đủ khiến cho một người ăn không ngon ngủ không yên; vậy các bạn thử tưởng tượng khi người ta có hai ước muốn cùng một lúc, và cái nọ xung đột với cái kia, thì sẽ ra sao. Từ bao nhiêu tiếng đồng hồ nay, như các bạn biết, Rendô có hai ước muốn trong lòng: muốn chạy đi và muốn ẩn nấp: những lời nói gở của lão lái buôn đã làm tăng lên đến cực điểm cả hai ước muốn cùng với nhau. Vậy là sự việc rủi ro của anh đã gây nên tiếng đồn đại lan truyền khắp nơi và họ muốn tóm cổ anh bằng bất cứ giá nào. Ai biết được có bao nhiêu lính cảnh sát được tung ra để truy lùng anh! Ai biết những lệnh nào đã được truyền đi để sục sạo trong các làng xóm, các quán ăn, trên các ngả đường! Tuy vậy anh nghĩ rằng rốt cuộc cũng chỉ có hai tên cảnh sát biết anh, và tên anh cũng không khắc trên trán; nhưng anh nhớ lại vài câu chuyện anh đã được nghe kể về những kẻ chạy trốn bị bắt và bị lộ trong những trường hợp thật kì lạ, bị nhận ra do dáng đi của họ, do vẻ khả nghi của họ, và những dấu hiệu khác mà người ta không nghĩ tới. Cho nên tất cả đều khiến anh e sợ. Khi anh ra khỏi làng Gorgondôla thì chuông nhà thờ vừa điểm mười

bốn tiếng[1], và màn đêm đang xuống cùng một lúc một giảm bớt nguy hiểm cho anh; mặc dầu vậy, cực chẳng đã anh mới đi trên đường cái, và dự định rẽ ngay vào con đường nhỏ đầu tiên mà anh thấy như có thể dẫn đến nơi anh mơ ước.

Lúc đầu anh gặp vài người qua đường, nhưng với trí tưởng tượng đầy lo sợ hãi hùng, anh không dám đến bên một người nào để hỏi thăm đường. "Lão chủ quán đã nói là sáu dặm, - anh nghĩ. Nếu để tránh đường mà phải đi đến tám hoặc mười dặm, thì đôi chân ta đã từng qua biết mấy dặm đường cũng sẵn sàng đi nốt những đoạn này. Chắc chắn ta không đi về hướng Milăng rồi; vậy ta đang đi về hướng sông Ada. Cứ đi mãi rồi sớm muộn cũng đến. Tiếng sông Ada chảy nghe rất rõ. Bao giờ đến gần sông, ta chẳng cần ai chỉ đường nữa. Có đò qua sông, thì ta qua ngay, nếu không ta sẽ nằm lại đến sáng, trong cánh đồng hoặc trên cây như con chim sẻ: cái cây, dẫu sao cũng còn hơn một nhà tù".

Chẳng bao lâu anh trông thấy một con đường nhỏ bên trái và rẽ vào đó. Vào giờ này, nếu gặp người nào anh hẳn sẽ hỏi đường ngay không khách sáo, nhưng khắp chung quanh chẳng có ma nào cả. Vậy là anh mặc cho con đường muốn dẫn mình đến đâu thì đến, và anh ngẫm nghĩ: "Tôi đây, mà lại làm loạn! Tôi đây, mà lại giết hết các ông lớn! Một tập thư trong người tôi! Và các bạn bè của tôi đứng gác! Chà, ta sẽ trả giá đắt để được giáp mặt cái tên lái buôn ấy ở bên kia sông Ada (trời, ta mà qua được con sông ghê gớm này) và giữ hắn lại,

---

[1] Trong nhiều vùng nước Ý xưa kia, người ta đếm hai mươi bốn giờ của một ngày theo mặt trời, thành ra giờ thứ hai mươi bốn được ấn định tùy theo mùa trong năm, vào lúc mặt trời lặn. Vì câu chuyên của chúng ta xảy ra vào giữa tháng mười một, cho nên hai mươi bốn giờ do chuông nhà thờ Gorgondôla điểm ở đây là lúc hơn năm giờ chiều một chút theo hệ thống giờ của chúng ta hiện tại.

vặn hỏi đến cùng xem hắn đã nhặt nhạnh tất cả những tin tức hay ho này ở đâu ra. Bây giờ thì thưa ông bạn yêu quý của tôi, xin ông biết cho rằng sự việc đã xảy ra như thế này, và cái việc náo động tôi đã làm, đó để giúp đỡ ngài Fere như giúp một người anh em của tôi vậy; xin ông biết cho rằng những tên vô lại mà ông nói là bạn bè của tôi ấy đã muốn chơi tôi một vố đểu giả vì có lúc tôi đã nói như một con chiên hiền lành của Chúa; xin ông biết cho rằng trong khi ông rúc ở xó nhà để giữ cửa hiệu của ông, thì tôi đây, tôi đã phải giập xương sườn để cứu quan tổng lý lương thực của ông mà tôi chưa bao giờ thấy mặt hoặc quen biết. Bây giờ thì đợi đấy đừng hòng tôi chịu khó một lần nữa để giúp các ông lớn. Kể ra cũng phải làm việc này để cứu vớt linh hồn ta, vì dẫu sao cả họ nữa, họ cũng là đồng loại của ta. Và cái chồng thư dày cộp trong đó có tất cả vụ âm mưu và hiện giờ đang nằm trong tay sở cảnh sát ấy, như ông khẳng định là một nguồn tin chắc chắn, tôi xin đánh cuộc với ông là tôi sẽ cho nó hiện ra ngay bây giờ đấy, không cần sự giúp đỡ của ma quỷ. Các ông háo hức muốn xem tập thư ấy lắm hả? Thế thì đây... Một lá thư duy nhất thôi à?... Phải thưa ông, một lá thư duy nhất; và lá thư ấy, nếu ông muốn biết, đã được viết bởi một tu sĩ có thể giảng giáo lý cho ông khi nào ông muốn; một bậc tu sĩ mà nói thế này thì không phải, chỉ một sợi râu của người cũng đáng giá hơn tất cả chòm râu của ông; và cái thư ấy đã được viết, như ông thấy đấy, cho một bậc tu sĩ khác, cũng là một người... Bây giờ thì ông đã thấy những tên vô lại mà tôi đánh bạn là ai rồi. Và lần sau thì ông hãy học cách ăn nói cho tử tế, nhất là khi nói về đồng loại của ông".

Nhưng một lúc sau, tất cả mọi ý nghĩ như thế biến khỏi đầu óc anh; hoàn cảnh hiện tại xâm chiếm toàn bộ tâm trí

người khách lãng du khốn khổ. Nỗi sợ bị săn đuổi hoặc bị lộ, đã làm cuộc hành trình giữa ban ngày của anh khổ sở đến thế, thì nay không hành hạ anh nữa; nhưng giờ đây biết bao điều khiến cho cuộc hành trình này lại còn thê thảm hơn! Bóng tối, nỗi cô đơn, sự mỏi mệt ngày càng tăng và bây giờ hết sức nặng nề; một ngọn gió bấc nhẹ thổi, lặng lẽ, đều đều, lạnh buốt, chắc hẳn không dễ chịu gì đối với một người vẫn đang mặc bộ quần áo mà anh đã mặc để đi làm lễ cưới ở một nơi không xa, và trở về nhà ngay trong niềm hân hoan thắng lợi; và cái điều khiến mọi nỗi khổ cực trên lại càng khốn khổ thêm là anh cứ phải đi liều và có thể nói là mò mẫm như thế, để tìm một một chốn nghỉ ngơi yên ổn.

Khi qua một ngồi nhà nào đó, anh bước đi hết sức nhẹ nhàng, vừa đi vừa nhìn xem còn cánh cửa nào mở không; nhưng đâu đâu anh cũng không thấy chút dấu hiệu nào chứng tỏ có người thức, trừ vài ánh đèn leo lét qua một vài cửa sổ che giấy dầu mờ đục. Thỉnh thoảng anh lại dừng chân trên đường, ở nơi xa nhà cửa, lắng tai nghe xem có thấy tiếng chảy sung sướng của dòng Ada không: nhưng vô ích. Không có gì khác ngoài tiếng chó rống, vẳng đến từ một trang trại lẻ loi nào đó và kéo dài trong không trung, thê thảm và dữ tợn. Khi anh đến gần một trong những trang trại ấy, những tiếng chó rống chuyển thành tiếng sủa liên hồi và giận dữ; đi qua trước cổng, anh nghe thấy và gần như trông thấy cả con vật to lớn, cái mõm áp vào khe cửa rống lên ầm ĩ; và thế là anh mất hết mọi ý muốn gõ cửa xin nghỉ nhờ. Và có lẽ, cho dù không có lũ chó, anh cũng không dám làm việc ấy. "Ai đấy? - Anh nghĩ. - Anh muốn gì vào giờ này? Anh làm thế nào mà đến đây? Xin cho biết anh là ai. Vậy không có hàng quán nào để anh ngủ trọ à? Đó, trường hợp tốt nhất là như vậy, họ sẽ nói với ta như thế

nếu ta gõ cửa: nhưng nếu là một thằng nhát gan nào ngủ trong đó thì chắc hẳn nó sẽ kêu tướng lên: "Cứu tôi với! Kẻ cướp!" Thế là phải có ngay một câu trả lời rõ ràng; còn ta, ta biết trả lời thế nào? Khi người ta nghe thấy một tiếng động trong đêm tối, người ta chỉ nghĩ đến những tên cướp, những con người xấu, những cạm bẫy có thể có; chẳng ai nghĩ rằng một người lương thiện lại có thể đi đêm trên đường, trừ phi đó là một lãnh chúa ngồi trong xe ngựa của mình". Cho nên anh quyết định chỉ trong trường hợp cùng quẫn lắm mới phải giở đến cách ấy, và anh lại đi tiếp, với hi vọng nếu không phải là qua được trong đêm nay thì ít nhất cũng tìm thấy sông Ada, để khỏi phải tìm nó giữa ban ngày.

Và cứ đi, đi mãi, anh tới chỗ tận cùng những cánh đồng trồng trọt và bắt đầu một dải đất hoang mọc rải rác những cây dương xỉ. Đối với anh, điều đó nếu không phải là dấu hiệu của con sông đã tới gần, thì ít ra cũng là lí do để có thể phỏng đoán như vậy, và anh đi vào con đường xuyên qua bãi đất hoang. Sau vài bước anh đứng lại nghe ngóng, nhưng vẫn chẳng thấy gì. Cuộc hành trình buồn tẻ lại càng buồn tẻ hơn giữa nơi hoang dã, khi người ta không còn nhìn thấy đến cả một cây dâu, hoặc một gốc nho, hoặc một dấu hiệu nhỏ nhất của sự trồng trọt trước kia có thể nói vẫn là bạn đường của anh. Mặc dầu vậy, anh vẫn tiến bước; và vì trong đầu anh bắt đầu hiện lên ít nhiều hình ảnh ma quái mà những truyền thuyết từ thuở ấu thơ đã để lại trong ký ức, để xua đuổi và dẹp yên chúng, anh vừa đi vừa tụng những bài kinh cầu hồn.

Dần dần anh thấy mình ở giữa những bụi rậm cao hơn, những khóm cây gai, những cây sồi thấp bé cằn cỗi, những cây mận dại. Cứ thế đi tiếp, và rảo bước vì nóng ruột hơn là vì hăng hái, anh bắt đầu nhận thấy giữa các bụi cây nhỏ một vài

cây cao lẻ tẻ; và cứ tiến lên mãi, vẫn theo con đường mòn ấy, anh thấy mình đi vào một cánh rừng. Anh cảm thấy có phần kinh tởm khi vào cánh rừng ấy; cố trấn tĩnh, anh miễn cưỡng đi tiếp. Nhưng càng dấn sâu thì nỗi kinh tởm càng tăng lên, mọi vật càng trở nên ghê sợ đối với anh. Những cái cây từ xa trông như những hình thù quái dị, méo mó, khủng khiếp; bóng những ngọn cây khẽ lay động, rung rinh trên con đường mòn lấp loáng ánh trăng, làm anh lo sợ. Ngay cả tiếng sột soạt của những chiếc lá khô anh giẫm lên hoặc đá trải dưới chân cũng có gì ghê sợ. Đôi chân anh cuồng lên muốn chạy tưởng không sao giữ được, nhưng đồng thời chúng cũng dường như không đỡ nổi chân anh. Anh cảm thấy ngọn gió lạnh ban đêm quất mạnh hơn và rát hơn lên trán và má; anh thấy nó luồn dưới áo quần vào đến da thịt rúm ró của anh, và xuyên thấu vào ống xương vốn đã nhừ ra vì mệt nhọc, để giập tắt đi ở đó chút sức tàn còn lại. Có một lúc sự buồn chán ấy, nỗi khủng khiếp khó tả ấy mà anh đã phải chống đỡ bấy lâu nay tưởng chừng đánh gục anh xuống ngay tức khắc.

Đầu óc anh sắp hoảng loạn lên, nhưng rồi sợ hãi trước hết chính sự khiếp nhược của mình, anh nhớ lại lòng can đảm trước kia và tự nhủ không được ngả lòng. Trấn tĩnh được một lúc, anh đột nhiên đứng lại để suy tính; anh định ra ngay khỏi khu rừng này theo con đường anh vừa tới và đi thẳng đến cái làng cuối cùng, quay trở lại giữa những con người và đi tìm một nơi trú ẩn, cho dù trong một quán trọ. Nhưng trong lúc anh đứng yên như thế, tiếng xào xạc của lá dưới chân đã bặt đi, và chung quanh lặng ngắt như tờ, anh bắt đầu nghe thấy một tiếng động, một tiếng rì rầm, tiếng rì rầm của nước chảy. Anh lắng tai nghe; không nghi ngờ gì nữa, anh reo lên: "Sông Ada!",- và dường như anh thấy lại một người bạn, một người

anh, một cứu tinh. Nỗi mệt nhọc của anh hầu như không còn nữa, nhịp tim anh lại đập đều và dòng máu tự do và ấm áp lại chảy trong huyết quản, niềm tin lại tràm ngập trong lòng, và tình thế không còn có vẻ bế tắc và nặng nề như trước nữa; và anh không do dự dấn sâu thêm mãi vào trong rừng, hướng theo tiếng rì rầm ấy như tiếng nói của một người bạn.

Chẳng bao lâu anh đi hết dải đất bằng, đứng trên một bờ sông cao; và nhìn xuống dưới, giữa những bụi rậm phủ kín bờ dốc, anh thấy dòng nước lấp lánh chảy. Rồi ngước mắt lên, anh trông thấy ở bờ bên kia một dải đồng bằng bao la rải rác xóm làng, rồi tiếp đó là những ngọn đồi, và trên một trong những ngọn đồi ấy anh thấy một vệt trắng lớn tựa như một thành phố, đúng là thành phố Becgam rồi. Anh đi xuống dốc một chút, lấy tay rẽ đám gai rậm rạp để nhìn xuống lắng nghe xem có tiếng bơi chèo nào không, nhưng anh chẳng trông thấy và nghe thấy gì cả. Nếu đây không phải là con sông Ada, thì chắc hẳn Rendô đã xuống ngay để thử lội qua; nhưng anh biết rõ Ada là một con sông mà người ta không thử tự cho phép mình bơn cợt như thế được.

Cho nên anh bắt đầu đắn đo suy nghĩ xem nên làm gì. Trèo lên một cái cây, và nằm trên đó đợi trời sáng, cũng phải sáu tiếng đồng hồ nữa mới tới, với ngọn gió bấc này, với cái sương lạnh này, với bộ quần áo phong phanh anh đang mặc này, như thế cũng thừa đủ để chết cóng. Đi đi lại lại trong suốt thời gian đó không những là một biện pháp ít hiệu quả để chống đỡ với sương đêm lạnh buốt, mà đó còn là đòi hỏi quá đáng đối với đôi chân khốn khổ của anh vốn đã làm quá nhiệm vụ của nó rồi. Anh chợt nhớ đã trông thấy, ở cánh đồng gần bãi hoang, một túp lều lợp rơm làm bằng những thân cây và cành cây trát đất, mà những người nông dân vùng Milăng

dùng để chứa lúa mì thu hoạch mùa hạ, và ban đêm thì ngủ lại đây giữ lúa; vào mùa khác, những túp lều ấy bỏ không. Anh quyết định ngay dùng nó làm quán trọ của mình: anh quay lại con đường mòn, lại xuyên qua cánh rừng, những bụi rậm, bãi hoang và tiến đến túp lều. Một cánh cửa cũ nát đã mọt và nứt toác ra khép hờ không khóa; Rendô đẩy cửa bước vào: anh trông thấy một tấm phên treo lơ lửng bằng những sợi dây rừng, kiểu như một cái võng; nhưng anh chẳng thèm trèo lên đó. Dưới đất anh trông thấy một ít rơm rạ, và cho rằng đánh ngay một giấc ở đây cũng thú vị.

Nhưng trước khi nằm dài trên cái giường mà Thượng đế đã chuẩn bị cho anh, anh quỳ xuống để cảm tạ Thượng đế về ơn huệ đó và về tất cả sự giúp đỡ anh đã nhận được của Người trong cái ngày khủng khiếp này. Rồi anh cầu kinh nhật tụng, và hơn nữa, còn xin Chúa thứ lỗi vì đã không cầu kinh tối hôm trước, đã thế lại còn, để nói bằng chính những lời lẽ của anh, đi ngủ như một con chó, hoặc còn tệ hơn thế nữa "Và chính vì thế - anh nằm dài ra trên ổ rơm, trong bụng nghĩ tiếp, - chính vì thế mà sáng nay ta khua dậy đến hay". Rồi anh thu nhặt tất cả rơm rạ chung quanh, đắp lên mình cố tạo thành một thứ chăn, để làm dịu bớt cái lạnh khá ác nghiệt ngay cả bên trong túp lều này; và anh nằm co tròn dưới đống rơm ấy, định dụng làm một giấc ngủ say sưa, mà anh cho là đã có được bằng một giá quá đắt.

Nhưng anh vừa nhắm mắt thì trong ký ức, hoặc trong trí tưởng tượng của anh, thật khó nói chính xác là chỗ nào, bắt đầu hiện lên những con người đi đi lại lại, rất đông, liên tiếp không ngừng, đến nỗi anh không tài nào ngủ được! Lão lái buôn, viên cảnh sát trưởng những tên lính cảnh sát, tên thợ lau chùi binh khí, viên chủ quán, ngài Fere, viên tổng lương

thực, tất cả tốp người ở quán ăn, tất cả đám đông trên đường phố, rồi Đôn Apbôndiô rồi Đôn Rôđrigô tất cả những người có liên quan với Rendô.

Chỉ có ba hình ảnh hiện lên trước mắt anh là trong trắng không vương chút kỉ niệm cay đắng nào, không gợi lên chút nghi ngờ nào, hoàn toàn xứng đáng được yêu mến; và đặc biệt có hai hình ảnh trong đó, quả thật rất khác nhau nhưng gắn bó khăng khít với nhau trong lòng chàng trẻ tuổi: một bím tóc đen và một chòm râu bạc. Nhưng ngay cả nỗi vui sướng của anh khi gợi lại những hình ảnh ấy cũng không được trọn vẹn và yên tĩnh. Khi nghĩ tới vị tu sĩ nhân đức, anh lại càng cảm thấy sâu sắc nỗi xấu hổ vì việc làm dại dột của mình, vì tính nóng nảy của mình, vì thái độ coi thường những lời khuyên như cha khuyên con của ông. Và khi anh ngắm nhìn hình ảnh Luxia trước mắt! Chúng tôi sẽ không có diễn tả những cảm xúc của anh; xin để bạn đọc, cũng đã trải qua mọi tình cảnh, tự tưởng tượng lấy. Còn bà Anhedơ tội nghiệp, anh làm sao có thể quên được bà? Bà Anhedơ đã lựa chọn anh đã coi anh như một với cô con gái duy nhất của bà, và ngay từ trước khi anh có thể gọi bà là mẹ, bà đã đối xử với anh bằng những lời nói và tấm lòng của một bà mẹ thật sự, và trên việc làm luôn biểu lộ sự săn sóc ân cần đối với anh. Nhưng anh lại có thêm một nỗi đau nữa, không kém nhức nhối, khi nghĩ rằng chính vì tấm lòng nhân đức và tình thương yêu của bà đối với anh mà người đàn bà đáng thương bây giờ bị đuổi ra khỏi nhà mình như một kẻ lang thang không nhà không cửa, với một tương lai mờ mịt, và chỉ nhận được những tai họa và đau buồn do chính những gì đáng lẽ đem lại sự yên tĩnh và niềm vui tuổi già cho bà.

Ôi cái đêm lạ lùng thay, Rendô tội nghiệp! Cái đêm đáng

lẽ là đêm thứ năm của tuần trăng mật. Cái buồng gì thế này! Giường cưới gì thế này! Và sau một ngày gì thế! Và để sẽ tới một ngày mai như thế nào, một chuỗi ngày tiếp theo như thế nào! "Thôi thì tùy theo ý Chúa, - anh đáp lại những ý nghĩ đã gây cho anh biết bao phiền muộn. - Tùy theo ý Chúa. Chúa biết phải làm gì, Chúa vẫn ở với chúng con. Tất cả những chuyện này xin cứ tính vào phần tội lỗi của con. Luxia tốt quá, và Chúa sẽ không muốn để nàng phải chịu khổ lâu, không nàng sẽ không phải phải khổ quá lâu!"

Mải mê theo những ý nghĩ ấy, Rendô không còn hi vọng gì ngủ được, và vì đêm mỗi lúc một lạnh đến nỗi nhiều lúc anh rét run lên, hai hàm răng đánh lập cập, cho nên anh khao khát chờ mong trời sáng, và nóng ruột đo thời gian đang trôi đi chậm chạp, tôi nói đo, bởi vì cứ mỗi nửa giờ anh lại nghe vang lên trong khoảng không bao la tĩnh mịch những tiếng chuông điểm gì của một chiếc đồng hồ: tôi cho rằng có lẽ đó là đồng hồ ở Tơredô. Lần đầu tiên tiếng chuông đồng hồ ấy đập vào tai anh, hết sức bất ngờ, trong khi anh không có chút khái niệm gì về cái nơi phát ra nó, anh bỗng có một cảm giác huyền bí và trang nghiêm, như đó là lời cảnh cáo phát ra từ một người tàng hình có giọng nói xa lạ.

Cuối cùng, khi đồng hồ điểm mười một tiếng[1], giờ mà Rendô đã tự định cho mình phải thức dậy, anh ngồi lên rét cóng, quỳ xuống đọc kinh buổi sáng với lòng nhiệt thành khác thường, rồi anh đứng dậy, vươn vai, vặn mình như để tập trung tất cả chân tay lại chúng có vẻ rời ra một cái đi một đằng, hà hơi vào bàn tay này rồi bàn tay kia, xoa tay, mở cửa

---

[1] Tức là vào khoảng năm giờ sáng.

lều, và trước hết nhìn chung quanh từ phía xem có ai không. Không thấy gì đáng ngại, anh đưa mắt tìm con đường mòn đêm trước, nhận ra nó ngay, và đi vào con đường ấy.

Bầu trời hứa hẹn một ngày nắng đẹp: mặt trăng phía bên này, nhợt nhạt và mờ đục, tuy vậy vẫn nổi bật trên nền trời bao la một màu xám xanh càng về phương đông càng phơn phớt một màu vàng hồng. Thấp hơn nữa ngay sát chân trời, vài đám mây tim tím trôi lơ lửng thành những vạt dài không đều đặn, núp dưới viền một đường lửa mỗi lúc một sáng rực lên và rõ nét hơn. Về phương nam những đám mây khác tụm lại, nhẹ và xốp, sáng lên hàng nghìn màu sắc không tên gọi: đó là bầu trời Lômbacđi, đẹp biết bao trong buổi đẹp trời, lộng lẫy biết bao, thanh bình biết bao. Nếu Rendô đang đi dạo chơi ở đây, chắc chắn anh sẽ ngước nhìn lên và ngắm buổi bình minh này, rất khác với buổi bình minh anh thường thấy ở miền núi của anh; nhưng anh chỉ nghĩ đến con đường mình đi, và rảo bước cho người nóng lên và mau tới.

Anh qua cánh đồng, qua bãi hoang, đi vào những bụi rậm xuyên qua cánh rừng, vừa đi vừa nhìn ngang nhìn ngửa và mỉm cười ngượng nghịu về nỗi sợ hãi của mình mấy giờ trước đây; anh đứng trên mỏm cao nhất của bờ dốc, anh nhìn xuống dưới và qua những cành cây anh trông thấy một con thuyền đánh cá nhỏ đang chậm chạp bơi ngược dòng luôn luôn bám sát bờ. Anh xuống ngay theo con đường ngắn nhất, xuyên qua những bụi gai; anh đứng trên bờ sông, khẽ gọi bác thuyền chài, định làm ra bộ như muốn nhờ bác giúp cho một việc không quan trọng, nhưng anh không nhận thấy là anh đã ra hiệu gọi bác cặp bến với một vẻ gần như cầu khẩn. Bác thuyền chài để ý ngắm suốt dọc bờ sông, nhìn trước nhìn sau, rồi cuối cùng mới lái mũi thuyền về phía Rendô và cập bến. Rendô

đứng ngay bên bờ sông, một chân gần như lội trong nước; anh nắm mũi thuyền, nhảy vào thuyền và nói:

- Bác làm ơn đưa giúp tôi sang bờ bên kia, tôi xin trả tiền đò.

Bác thuyền chài đã đoán ra việc gì, và đã quay thuyền về phía bờ bên kia. Rendô trông thấy trong khoang thuyền một bơi chèo nữa liền cúi xuống cầm lấy.

- Nhẹ chứ nào, nhẹ chứ nào, - ông chủ thuyền nói: nhưng sau đó thấy chàng trẻ tuổi cầm bơi chèo và chuẩn bị chèo với động tác khá thành thạo, bác nói tiếp, - chà, chà, anh cũng trong nghề đấy à?

- Một chút thôi, - Rendô đáp, và anh bắt đầu chèo với một sức mạnh và một kĩ năng chứng tỏ một cái gì cao hơn là trình độ nghiệp dư. Không hề giảm tốc độ, anh chốc chốc lại liếc nhìn lo ngại về phía bờ sông từ đó họ bơi ra, rồi nóng ruột nhìn sang bờ họ đang tới, và anh bồn chồn vì không thể sang thẳng được; bởi vì nước chỗ này chảy xiết không thể cắt ngang dòng, và chiếc thuyền, phần thì cưỡng lại dòng nước, phần thì bị cuốn theo nó, phải qua sông theo đường chéo.

Như vẫn thường xảy ra trong mọi việc hơi phức tạp những khó khăn thoạt đầu hiện ra trong đại thể để rồi khi thực hiện mới bộc lộ chi tiết. Giờ đây khi mà sông Ada có thể nói là đã qua được rồi, Rendô lại lo sợ không biết chắc chắn con sông ở chỗ này có phải là biên giới không, hay là sau khi đã vượt qua trở ngại này anh lại phải vượt qua trở ngại khác. Cho nên anh gọi bác thuyền chài, và hất hàm chỉ cái vệt trắng nhờ nhờ anh đã trông thấy đêm trước và bây giờ hiện ra trước mắt anh rõ mồn một, anh nói:

- Chỗ kia có phải là Becgam không bác?

- Thành phố Becgam đấy, - bác thuyền chài đáp.

- Còn bờ sông bên kia là đất Becgam à?

- Đất của Thánh Mác[1]

- Thánh Mác muôn năm! - Rendô kêu lên. Bác thuyền chài không nói gì cả.

Cuối cùng họ tới bờ, Rendô nhảy lên bờ, thầm cảm tạ Chúa, rồi ngỏ lời cám ơn bác lái thuyền, thọc tay vào túi lấy ra một đồng beclinga trong hoàn cảnh này đối với anh có giá trị không nhỏ, và đưa con người tốt bụng; bác ta, sau khi liếc nhìn một lần nữa lên bờ Milăng và lên dòng sông phía trên và phía dưới, chìa tay đón nhận món tiền thù lao, bỏ vào túi, rồi bác mím môi, đặt một ngón tay trỏ lện môi, và gửi một cái nhìn ý nhị kèm theo cử chỉ ấy, cuối cùng nói: "Chúc anh lên đường may mắn!". Rồi quay thuyền đi.

Để bạn đọc khỏi quá ngạc nhiên về sự giúp đỡ mau mắn và thận trọng đến thế của bác thuyền chài đối với một người xa lạ, chúng tôi cần nói để bạn đọc biết rằng bác ta vẫn thường được những kẻ buôn lậu và những tên cướp yêu cầu giúp đỡ như thế và bác đã quen với việc này rồi; không phải chỉ vì món tiền nhỏ bé và bấp bênh có thể thu được, mà cái chính là khỏi gây thù chuốc oán trong đám người này. Bác làm việc ấy mỗi khi bác có thể chắc chắn là những tên lính thuê quen, lính cảnh sát và những tên mật thám không thể trông thấy bác được. Cho nên chẳng thân thiện gì hơn với những kẻ này hay những người kia, bác cố chiều lòng tất cả, với sự không thiên lệch thường thấy ở những người bắt buộc phải có quan hệ với người này và đồng thời lại phải báo cá với người khác.

Rendô đứng lại một lúc trên bờ sông, để ngắm bờ bên kia, cái mảnh đất mới đây thôi còn nóng bỏng dưới chân anh.

---

[1] Becgam thuộc nước cộng hòa Vơnidơ, mà người bảo trợ là Thánh Mác.

"Chà! Cuối cùng ta cũng đã đi thoát!" đó là ý nghĩ đầu tiên của anh. "Hãy ở lại đó mãi mãi, hỡi cái xứ sở đáng nguyền rủa kia" đó là ý nghĩ thứ hai, lời từ biệt quê hương anh. Nhưng ý nghĩ tiếp theo lại hướng về những người anh đã để lại phía bên kia. Thế là anh khoanh tay trước ngực, thở dài cúi nhìn dòng nước đang chảy dưới chân anh và nghĩ: "Nó đang chảy qua cầu". Đó là cách gọi quen thuộc của vùng anh, theo phép hoán xưng[1] để chỉ cầu Leccô. "Ôi cái thế giới bẩn thỉu! Thế là xong! Bây giờ thì tùy lượng Chúa".

Anh quay lưng lại với cảnh tượng đau buồn ấy, và lại lên đường hướng theo vệt trắng nhờ nhờ trên sườn núi, trong khi chưa có người nào chỉ đường cho anh. Cho đến khi gặp những người đi đường anh hỏi thăm hết sức tự nhiên, và chẳng phải loanh quanh gì gọi thẳng cái tên làng có người anh họ của anh ở. Người đầu tiên được hỏi cho anh biết là còn chín dặm nữa.

Cuộc hành trình này không vui vẻ chút nào. Chưa nói những phiền muộn Rendô mang nặng trong lòng, cứ mỗi bước chân con mắt anh lại đụng phải những cảnh tượng đau buồn cho thấy rõ ràng trong cái xứ sở này anh đang đến cũng đang hoành hành nạn đói kém mà anh đã bỏ lại ở xứ sở anh. Trên suốt dọc đường, nhất là ở các làng mạc và thị trấn, đâu đâu anh cũng gặp những người ăn xin vốn không phải chuyên nghề hành khất, mà sự cùng khổ hiện rõ trên khuôn mặt hơn là quần áo; những nông dân, những người dân miền núi, những thợ thủ công, những gia đình trọn vẹn; và từ tất cả những con người ấy cất lên một tiếng rì rầm hỗn độn những lời van xin, than thở, rền rĩ. Ngoài lòng thương xót và nỗi u

---

[1] Phép hoán xưng (antonomase): phép tu từ dùng anh từ chung thay cho danh từ riêng hoặc ngược lại.

buồn do cảnh tượng ấy gây ra, nó còn khiến anh lo lắng cho chính số phận mình.

"Ai mà biết được, - anh tự nhủ, - rồi đây ta có sống được không? Ai biết được có còn việc làm như những năm trước không? Nhưng chẳng sao, anh Booctôlô thương ta lắm, anh là người tốt, anh kiếm ra tiền, anh đã mời ta biết bao lần; anh sẽ không bỏ rơi ta. Chẳng cho đến lúc này Thượng đế đã giúp ta, thì sau này Người cũng sẽ giúp ta".

Trong lúc ấy thì cơn đói đã khơi dậy trong anh được một lúc, vẫn không ngừng tăng lên sau mỗi dặm đường: khi anh bắt đầu nhận ra nó, Rendô cảm thấy anh vẫn có thể nhịn đói đi nốt hai ba dặm còn lại mà không mệt mỏi gì cho lắm. Nhưng anh cũng nghĩ quả không tiện tí nào nếu đến trình diện trước ông anh họ như một thằng ăn mày, và hay cho lời chúc mừng thì lại nói: "Cho tôi ăn với". Anh dốc tất cả của cải trong túi ra lòng bàn tay và đếm. Không phải một con tính đòi hỏi những kiến thức cao siêu gì về số học, nhưng dẫu vậy anh cũng có thừa đủ số tiền cho một bữa ăn nhỏ. Anh bước vào một quán ăn để ăn cho lại sức, và quả thật, trả tiền xong anh vẫn còn lại được vài xu.

Khi bước ra anh trông thấy, ở sát cửa đến nỗi suýt nữa thì vấp phải hai người đàn bà nằm ra đất đúng hơn là ngồi, một người đã có tuổi, và người kia trẻ hơn ôm một đứa bé trong lòng, đứa bé sau khi đã nhay hết vú này đến vú kia không được một giọt sữa cứ khóc ra rả; cả ba đều có bộ mặt bợt ra như thây người chết; đứng gần họ, một người đàn ông hãy còn biểu lộ trên khuôn mặt và trong thân hình những dấu hiệu của một vẻ cường tráng cũ, nhưng vẻ cường tráng ấy giờ đây đã hao mòn và gần như kiệt quệ do những thiếu thốn kéo dài. Cả ba cùng chìa tay về phía con người đang bước ra với một

dáng điệu thung dung và một vẻ no nê; không ai nói gì: còn có lời van xin nào nói được nhiều hơn thế?

"Ý muốn của Thượng đế đây!" - Rendô nghĩ, và anh lập tức thò tay vào túi, lấy nốt vài đồng xu còn lại, đặt vào bàn tay gần nhất và lại lên đường.

Bữa ăn của anh và hành động cao thượng của anh (bởi vì chúng được tạo thành từ một tâm hồn và một cơ thể) đã khiến anh khỏe khoắn và thư thái. Khi đã tiêu hết số tiền cuối cùng của mình như thế, anh càng thấy tin tưởng ở tương lai hơn là nếu như anh bắt được một số tiền lớn gấp mười lần. Bởi vì, nếu Thượng đế, để nâng đỡ trong ngày hôm ấy những kẻ nghèo khổ đang quỵ xuống trên đường phố, đã để dành lại chính những đồng xu cuối cùng của một người ở nơi xa đến, một kẻ tị nạn bản thân mình cũng không biết sẽ sống thế nào, hì sau đó không lí gì Người bỏ mặc trong cái khốn khó cái người đã được Người sử dụng vào việc làm này và được Người ban cho một tình cảm vô cùng nồng nhiệt, tích cực, và quyết tâm của chính bản thân Người? Đó là đại khái những ý nghĩ chàng trẻ tuổi; có điều là ý nghĩ của anh không được rành mạch như chúng tôi đã có thể diễn đạt.

Trên quãng đường còn lại, anh suy nghĩ về tình cảm mình, và thấy tất cả đều thuận lợi. Nạn đói rồi cũng phải chấm dứt; năm nào mùa màng cũng có thu hoạch; trong khi chờ đợi, anh có ông anh họ Booctôlô và đôi bàn tay khéo léo của chính mình. Hơn nữa, ở nhà anh cũng còn ít tiền mà anh sẽ nhắn gửi đến ngay. Với số tiền ấy, tệ nhất đi nữa anh cũng có thể sống qua ngày đoạn tháng cho đến khi thời buổi dễ dàng trở lại. "Thế là rốt cuộc rồi thời buổi dễ dàng cũng trở lại, - anh lại nghĩ tiếp, - khắp nơi lại có công ăn việc làm các ông chủ tranh nhau mướn thợ Milăng, vì đó là những tay thợ lành nghề; thợ

Milăng tha hồ lên mặt: ai muốn thợ khéo thì cứ việc trả công cho họ. Tiền kiếm được có thể nuôi nhiều người, ta có thể có chút ít để dành và ta sẽ viết thư nhắn mẹ và cô ấy đến... Thế nhưng việc gì phải đợi lâu thế? Chẳng phải với chút tiền để dành đã có chúng ta đáng lẽ có thể sống ở đằng ấy qua mùa đông này đấy thôi? Thế thì ta cũng sống ở đây được chứ sao. Các vị linh mục ở đâu mà chẳng có. Hai người đàn bà yêu quý ấy đến, ta sẽ thu xếp nhà cửa. Sung sướng biết bao nếu được cùng dạo bước tất cả với nhau trên chính con đường này, rồi xe ngựa đến tận sông Ada, đến quá trưa ăn ngay trên bãi cỏ bên bờ sông ấy, và chỉ cho mẹ và nàng thấy cái nơi ta đã xuống thuyền, cái bụi rậm ta đã lách qua để xuống sông, cái chỗ ta đứng nhìn xem có thuyền không!"

Anh đến làng người anh họ: ngay từ trước khi vào làng, anh đã để ý đến một ngôi nhà rất cao, có nhiều dãy cửa sổ to, và anh nhận ra là một xưởng kéo sợi; anh bước vào, và giữa tiếng nước đổ và tiếng bánh xe quay ầm ầm, anh cất cao giọng hỏi xem ở đây có ai tên là Booctôlô Caxtanheri không.

- Ông Booctôlô hả? Ông ấy kia kìa.

"Ông cơ đấy! Dấu hiệu tốt". Rendô nghĩ; vừa trông thấy người anh họ, anh chạy ngay đến gặp ông. Người anh quay lại, nhận ra chàng trẻ tuổi đang nói với mình: "Em đây". Một tiếng ồ! Kinh ngạc, những cánh tay giơ lên ông choàng lấy nhau. Sau sự tiếp đón ban đầu ấy Booctôlô dẫn chàng trẻ tuổi vào một căn phòng khác, xa tiếng máy chạy rầm rầm và những con mắt tò mò, và nói với anh:

- Anh rất mừng được gặp chú, nhưng chú cũng là một anh chàng kì quặc thật; anh đã mời chú biết bao lần, chú chẳng bao giờ thèm đến, thế mà bây giờ chú lại đến vào một thời điểm hơi gay đấy.

- Em phải nói thật với anh là không phải tự em muốn đi đâu, - Rendô nói; và nghẹn ngào xúc động, với vài lời vắn tắt anh kể lại câu chuyện đau buồn của mình.

- Đó là một việc khác hẳn, - Booctôlô nói, - ôi chú Rendô đáng thương của anh! Nhưng chú đã trông cậy vào anh, thì anh không bỏ chú. Quả thật hiện giờ người ta không cần lấy thêm thợ và thậm chí mỗi người cố giữ thợ cũ của mình cũng khó khăn, chỉ để không mất họ và khỏi rối loạn công việc ; nhưng ông chủ ở đây quý anh, ông lại có nhiều tiền của. Và, để nói hết với em, không phải nói kheo đâu, chính là ông ấy phải chịu ơn anh: ông cung cấp vốn còn anh thì có chút tài khéo léo của mình. Chú biết không, anh là thợ cả của ông ấy đấy. Hơn nữa, nói cho đúng, anh còn là quản đốc của ông. Cô bé Luxia Môndela tội nghiệp! Anh còn nhớ như mới ngày hôm qua: một cô gái thật ngoan! Bao giờ ở nhà thờ cũng là cô gái đứng đắn hơn cả, và khi người ta đi qua ngôi nhà nhỏ bé của cô ấy... giờ đây anh tưởng như đang trông thấy ngôi nhà nhỏ bé đó, ở ngay rìa làng với một cây sung cao vượt quá tường...

- Không, không, anh đừng nói chuyện ấy.

- Anh chỉ muốn nói rằng khi người ta đi qua một ngôi nhà nhỏ bé đó, bao giờ người ta cũng nghe thấy cái guồng sợi của cô ấy quay vo vo, vo vo, vo vo. Còn thằng Đôn Rôđrigô! Ngay từ hồi anh ở nhà, nó đã có cái thói ấy rồi; nhưng bây giờ, như anh thấy, thì nó thật là quá lắm; nó còn thế mãi chừng nào Chúa chưa đóng cương vào cổ nó. Vậy là, như anh đã nói với chú, ở đây người ta cũng hơi phải đói một chút... Tiện thể anh hỏi, chú đã thấy đói bụng chưa?

- Em cũng mới ăn không lâu, ở dọc đường.

- Còn tiền nong của chú thì sao?

Rendô chìa một bàn tay, đưa lên gần miệng khẽ thổi đánh phù.

- Không sao, - Booctôlô nói. - Anh có tiền: chú đừng ngại, rồi chẳng bao lâu, ơn chúa, tình thế sẽ thay đổi, chú sẽ trả lại tiền cho anh và chú vẫn còn tiền để dành nữa.

- Em còn một món tiền nhỏ ở nhà, em sẽ nhắn người gửi lên.

- Càng tốt, trong khi chờ đợi chú cứ trông cậy ở anh. Chúa đã ban phước cho anh là để anh làm việc thiện; và nếu anh không giúp đỡ họ hàng bè bạn thì còn giúp ai!

- Em đã nói ngay mà, vẫn có Trời chứ! - Rendô kêu lên, âu yếm siết chặt bàn tay anh họ tốt bụng.

- Ra thế, - ông anh lại nói, - ở Milăng, họ làm ầm ĩ quá. Anh thấy những người ấy cũng hơi rồ. Phải, tiếng đồn đã vang đến tận đây; nhưng anh muốn rồi chú sẽ kể lại tất cả tỉ mỉ hơn với anh. Chà! Chúng ta không thiếu gì chuyện để nói với nhau. Còn ở đây, chú thấy đấy, tình hình êm ả hơn và mọi việc tiến hành có phần hợp lí hơn. Thành phố đã mua hai nghìn bao lúa mì của một thương nhân ở Vơnidơ: lúa mì chở từ Thổ Nhĩ Kì về; đối với vấn đề ăn thì không thể thiển cận được. Vậy chú hãy chịu khó nghe câu chuyện xảy ra như sau: các ông thống đốc ở Vêrôn[1] đóng cửa quan lại và nói: lúa mì không được qua đây. Những người dân Becgam làm sao bây giờ? Họ tức tốc phái ngay đến Vơnidơ ngài Lôrendô Tôrô, một

---

[1] Vêrôn (Vérone): thành phố thuộc Vênêxi (Vénétie) ở Đông Bắc Ý, miền đất của nước Cộng hòa Vơnidơ mà thủ đô là Vơnidơ. Brexia (Brescia): thành phố ở phía đông Milăng thuộc xứ Lômbacdi ở Bắc Ý (mà thủ đô là Milăng). Becgam (Bergame): Thành phố thuộc Lômbacđi, ở phía bác Milăng và cách Milăng 40km. Hai thành phố Vêrôn và Brexia ở trên đường từ Vơnidơ đi Becgam. Nước cộng hòa Vơnidơ lúc này ngoài bản thân miền đất của mình, còn mở rộng quyền lực sang một phần đất Lômbacdi và nhiều nơi khác nữa.

nhà thông thái mà nhà thông thái mới giỏi làm sao! Ngài vội vã lên đường, xin yết kiến đức Thống lĩnh nước cộng hòa Vinidơ và nói: "Các vị thống đốc ấy có chủ trương gì mà quái lạ quá?" Và ngài đọc cả một bài diễn văn! Chà, một bài diễn văn theo người ta nói thì đáng đem in ngay! Đó, là thế nào có được một người biết ăn biết nói! Lập tức có lệnh cho lúa mì đi qua; và các ông thống đốc không những phải để nó qua mà còn phải hộ tống nó nữa; bây giờ nó đang trên đường đi. Người ta còn lo cho nông thôn nữa. Giôvanbatixta Biava, người Becgam, khâm sai của Đức giáo hoàng ở Vơnidơ (cả ngài cũng là một con người ghê gớm!) đã trình bày được cho Viện Nguyên Lão hiểu là cả ở nông thôn người ta cũng đói, và viện nguyên lão đã đồng ý cấp cho bốn nghìn thùng kê cái đó cũng được độn thêm vào để làm bánh mì. Vả lại, chú biết chứ, nếu không có bánh mì thì ta sẽ ăn cái khác. Chúa đã ban phước cho anh, như anh đã nói với chú. Anh sẽ dẫn chú đến gặp ông chủ của anh, anh đã nhiều lần nói chuyện về chú với ông, và ông sẽ nhiệt tình đón tiếp chú. Đó là một người Becgam tốt bụng, sống quen nền nếp cũ một con người rộng rãi. Nói thật tình, ông không cho đợi chú đến hôm nay đâu nhưng khi ông đã nghe chuyện chú... Hơn nữa, ông biết quý trọng những người thợ, bởi vì nạn đói rồi qua đi, nhưng công việc làm ăn thì còn mãi mãi. Nhưng trước hết anh phải báo trước với chú một điều. Chú có biết ở đây người ta gọi chúng ta, những người ở Công quốc Milăng đến như thế nào không?

- Em không biết, họ gọi chúng ta thế nào?

- Họ gọi ta là những thằng thộn.

- Cái tên không đẹp tí nào.

- Thế đấy: cái anh sinh ra là người Milăng mà lại muốn sống ở Becgam thì đành phải chịu cái tiếng ấy. Đối với dân ở

đây, gọi một người Milăng là *thằng thộn* cũng chẳng khác gì gọi một nhà quý tộc là đức ngài tối vinh hiển.

- Nhưng em cho rằng họ chỉ nói như vậy với người nào chịu để cho họ nói.

- Cậu em ơi, nếu chú không sẵn sàng đến mỗi bữa ăn nuốt cho được cái biệt hiệu *thằng thộn* ấy, thì chú đừng hòng sống ở đây. Nếu vậy chú sẽ phải luôn luôn có con dao trong tay: cứ cho là chú đâm chết ba bốn thằng thì rồi một thằng thứ năm sẽ đến giết chú: sung sướng gì cái cảnh bị gọi ra trước tòa án của Chúa với ba bốn mạng người trên lương tâm mình!

- Thế còn đối với một người Milăng có chút... - và Rendô lấy ngón tay gõ trán, như anh đã làm lúc ở quán Trăng Rằm. - Em muốn nói là một người thạo nghề.

- Cũng vậy thôi. Ở đây, cả anh ta cũng là một *thằng thộn*. Chú có biết ông chủ nói anh như thế nào về anh với bạn bè của ông ấy không? "Tên *thộn* này là bàn tay của Chúa giúp cho việc kinh doanh của tôi đấy; nếu không có tên *thộn* này thì tôi lúng túng chết mất". Cái tục lệ ở đây nó như vậy.

- Cái tục lệ ngu xuẩn. Họ đã thấy chúng ta cũng biết làm ăn, (vì rốt cuộc ai đã du nhập công nghệ ấy vào đây, và ai đã làm cho nó phát đạt, nếu không phải chúng ta?) thế thì tại sao họ không chịu sửa đổi cái tục lệ ấy đi.

- Cho đến nay thì chưa. Với thời gian điều đó có thể; với bọn trẻ sau này lớn lên thì được, còn với người lớn đã thành nếp thì không có cách gì đâu: họ đã quá quen với thói xấu ấy rồi và không bỏ được. Nhưng rốt cuộc, cái đó có nghĩa lí gì? Thế còn tất cả sự ân cần của những bạn đồng hương yêu quý của chúng ta đã biểu lộ với chú, và còn muốn biểu lộ với chú sau này nữa, đó mới là chuyện khác hẳn!

- Trên thực tế, anh có lí: nếu tất cả tai họa chỉ có thế...

- Bây giờ chú đã hiểu rõ điều đó, tất cả sẽ tốt đẹp. Nào hãy đi gặp ông chủ của anh, và cứ vững tâm.

Quả thật tất cả đều tốt đẹp, và tất cả đều chứng minh những lời hứa hẹn của Booctôlô là đúng biết bao, đến nỗi chúng tôi thấy không cần phải kể tỉ mỉ ra đây làm gì. Và quả thật đó là Trời phù hộ, bởi vì, về những tài sản và tiền của mà Rendô còn để lại nhà, chúng ta sẽ thấy ngay anh làm sao mà có thể trông cậy vào đó được.

Chương mười tám

Cũng ngày hôm ấy, mười ba tháng mười một, một người chạy thư hỏa tốc đến gặp Ông thị trưởng hạt Leccô và trình ngài một công văn khẩn của Ngài Trưởng ty cảnh sát trong đó có lệnh ra sức tiến hành tất cả những cuộc tìm kiếm cần thiết để phát giác xem một tên trẻ tuổi nào đó gọi Lôrendô Tơramaglinô, thợ kéo sợi, đã chạy thoát khỏi quyền lực *praedicti egregii domini capitanei*[1] có trở về *palam vel clam*[2] trong làng của hắn không, làng này không được biết thật chính xác, verum in territerio Leuci[3]: *quod si comperium fuerit sic esse*[4] thì ông thị trưởng đã nói sẽ cố gắng *quanta maxima diligentia gieri poterit*[5] để bắt giữ hắn lại; và hắn phải được trói hẳn hoi, nghĩa là bằng những cùm tay chắc chắn, bởi vì theo kinh nghiệm thì những *tay áo giả* không đủ đối diện với tên tội phạm nói trên, rồi đưa vào nhà tù, có canh phòng cảnh mật, để sau này dù giao cho những người được

---

(1) Của Ngài Trưởng ty vinh hiển đã nói trên (tiếng La tinh). (Những chữ được chú thích sau đây cũng đều là tiếng La tinh).

(2) Công khai hoặc bí mật.

(3) Nhưng chắc chắn ở trong hạt Leccô.

(4) Và nếu phát hiện ra quả thật là như vậy.

(5) Với tất cả tinh thần mẫn cán cao nhất có thể có.

phái đi nhận hắn; và dù hắn có trở về làng hay không, *accedates ad domum praedicti Laurentii Tramaliini et, facta debita diligentia, quidquid ad rem repertum fuerit auferatis; et eigormationes de illins prava quelilate, vita, et complicibus sumatis*[1]; và tất cả những gì đã được nói và làm, thấy và không thấy, lấy đi và để lại, ông hãy báo cáo cho tường tận.

Ông thị trưởng, sau khi đã cho tìm kiếm bằng đủ mọi cách và chắc chắn là tên tội phạm không trở về làng, bèn cho gọi viên xã trưởng lên và lệnh cho ông ta dẫn mình đến ngôi nhà đã định cùng cả một đoàn hộ tống linh đình những công chứng viên và lính cảnh sát. Ngôi nhà đóng cửa: người giữ chìa khóa không có đấy hoặc trốn đi rồi. Người ta phá cửa mà vào: người ta tìm kiếm *với tất cả sự thận trọng thích đáng,* nghĩa là người ta xử sự như vào một thành phố bị chiếm lĩnh trong một trận tập kích. Tin đồn về cuộc bắt bớ này lập tức truyền đi khắp vùng, đến tai cha Crixôfôrô. Hết sức kinh ngạc, và không kém phần phiền muộn, ông đi hỏi người này người nọ để cố tìm hút tia sáng về nguyên nhân của sự việc bất ngờ đến thế; nhưng ông chỉ thu nhận được những lời phỏng đoán mơ hồ, và ông vội viết thư cho cha Bônaventuya với hi vọng có thể nhận được ở cha một tin tức gì chính xác hơn. Trong khi ấy thì họ hàng và bè bạn của Rendô được gọi đến để khai những gì họ có thể biết về *hạnh kiểm xấu xa* của anh; mang tên Tơramglinô là một tai họa, một sự ô nhục, một trọng tội; cả vùng như bị đảo lộn lên. Dần dần, người ta biết là Rendô đã thoát khỏi bàn tay sở cảnh sát ở ngay giữa Milăng và biến đâu mất; tin đồn

---

[1] Ông hãy vào nhà Rendô Tơramaglinô; và với tất cả sự thận trọng thích đáng, ông hãy tịch thu tất cả những gì ông thấy có liên quan đến vụ này; và ông hãy điều tra về hạnh kiểm xấu xa của hắn, về cuộc đời hắn và về bọn đồng lõa của hắn.

nói rằng có lẽ anh đã làm một việc gì hệ trọng lắm, nhưng người ta không thể nói rõ là việc gì, hoặc người ta thuật lại nó hàng trăm cách khác nhau. Sự việc càng nặng thì người ta càng ít tin, vì ở vùng này Rendô vốn được biết là một chàng trai ngay thẳng: phần đông phỏng đoán và xì xào từ tai này qua tai khác, rằng đây là một âm mưu của tên bạo chúa Rôđrigô dựng lên để làm hại kẻ tình địch khốn khổ của hắn. Quả thật nếu chỉ xét đoán theo suy diễn, không có sự hiểu biết cần thiết về các sự kiện, thì có khi người ta làm hại ngay cả những tên vô lại.

Nhưng chúng ta, như người ta nói là đã nắm được sự kiện trong tay, chúng ta có thể khẳng định rằng Đôn Riđrigô rất vui mừng về việc này như chính đây là sự nghiệp của hắn thật, và hắn dương dương tự đắc với bạn bè nhất là với bá tước Attiliô. Vị bá tước này cứ theo dự định ban đầu thì đáng lẽ vào giờ này đã ở Milăng rồi; nhưng, trước những tin tức đầu tiên về cuộc bạo loạn và về đám tiện dân đi diễu phố với cái vẻ không hề muốn ăn đòn, ông thấy nên nán lại ở nhà quê cho đến khi tình hình yên ổn trở lại. Hơn nữa, vì đã xúc phạm rất nhiều người, ông cũng có lý do nào đó để sợ rằng một số người, bấy lâu phải nín lặng chỉ vì bất lực, nay được hoàn cảnh xúi giục sẽ cho rằng thời cơ đã đến để họ nhân thể trả thù cho tất cả. Sự nén lại đó cũng không phải kéo dài; lệnh truy nã Rendô từ Milăng đến là dấu hiệu cho thấy tình hình đã trở lại bình thường; và gần như cùng lúc, người ta đã xác nhận tình hình như vậy.

Bá tước Attiliô lên đường ngay, khích lệ ông anh họ kiên trì trong mưu đồ đã định và tiến hành nó đến cùng, và về phía mình cũng hứa hẹn bắt tay ngay vào việc giúp ông gạt bỏ lão tu sĩ; và cái biến cố đã may mắn giáng vào đầu kẻ tình địch

hèn mọn của ông anh hắn phải làm cho công việc dễ đi nhiều. Attiliô vừa đi khỏi gì Gridô từ Mônda bình an vô sự trở về, báo cáo với chủ mọi tình hình hắn đã thu nhặt được: Luxia ẩn náu trong tu viện nào, dưới sự che chở của bà lớn nào; và cô ta vẫn luôn giấu mình, như thể chính cô cũng là tu sĩ vậy; không bao giờ bước chân ra ngoài tu viện, và dự các phiên lễ của nhà thờ qua một cửa sổ nhỏ có chấn song; điều đó khiến lắm kẻ bực mình vì họ đã được nghe xì xào đôi điều về cảnh ngộ éo le và về sắc đẹp mê hồn của cô, họ muốn được tận mắt nhìn một chút xem cô như thế nào.

Cái báo cáo ấy dường như đem theo con quỷ vào trong người Đôn Rôđrigô hoặc nói đúng hơn đã khiến cho con quỷ vốn nằm sẵn trong người hắn phát cuồng lên. Biết bao hoàn cảnh thuận lợi cho kế hoạch của hắn càng nung nấu thêm dục vọng hắn, nghĩa là cái mớ hỗn độn những tinh thần danh dự, cơn cuồng nộ và thói ngang ngược đê tiện tạo thành dục vọng ắn. Rendô vắng mặt bị trục xuất, bị đuổi đi biệt xứ, khiến ho mọi sự chống lại anh đều được phép, và ngay người vợ chưa cưới của anh, xét về mặt nào đó, cũng có thể coi là một vật thuộc về một tên phiến loạn; và con người duy nhất trên đời này đã có ý muốn và quyền lực để bênh vực cô ta, và để gây nên tiếng tăm đồn đại có thể vang xa đến cả những nhân vật cao cấp, cái tên thầy tu điên rồ ấy, có lẽ chẳng bao lâu nữa cũng mất hết khả năng làm hại. Thế mà bỗng nhiên một trở lực mới, không những cân bằng với tất cả những lợi thế ấy, mà thậm chí còn làm cho chúng trở nên vô dụng.

Một tu viện ở Mônda, cho dù không có một bà chúa ở đó, đã là một cái xương khó gặm đối với răng của Đôn Rôđrigô; và tha hồ cho trí tưởng tượng của hắn lượn quanh thành quách ấy, hắn vẫn không tìm được cách gì có thể đột nhập vào đó,

hoặc bằng vũ lực, hoặc bằng mưu mẹo. Hắn đã gần như muốn từ bỏ mưu đồ của mình, và đã toan quyết định đi Milăng, thậm chí đi theo đường vòng để tránh qua Mônda; một khi ở Milăng, hắn sẽ đắm mình trong khoái lạc giữa bạn bè, để những ý nghĩ hoàn toàn vui vẻ xua đuổi cái ý nghĩ bây giờ đã trở thành nỗi đau khổ của hắn. Nhưng mà, nhưng mà, các bạn bè... hãy coi chừng các ông bạn ấy! Đáng lẽ được giải phiền, hắn có thể chỉ tìm thấy trong sự giao du với họ những điều buồn bực mới: bởi vì chắc chắn Attiliô đã loan báo om sòm câu chuyện này, và tất cả bọn họ đang nóng lòng chờ đợi. Họ sẽ xúm vào hỏi thăm hắn về cô nàng sơn dã; và hắn phải trả lời sao đây. Rằng hắn đã muốn, rằng hắn đã thử; thế thì để được cái gì? Hắn cũng đã giao tranh; quả thật, một cuộc giao tranh hơi đê tiện, biết làm sao, người ta không thể đoán luôn luôn kiềm chế những ý thích thất thường của mình: điều chủ yếu là thỏa mãn được chúng; và kết quả cuộc giao tranh như thế nào? Chịu thua một tên thầy tu! Úi già! Và giữa lúc một may mắn bất ngờ đã gạt bỏ được một địch thủ chẳng cần hắn, cái anh chàng vô tích sự, phải mất vào chút công sức nào và một người bạn thân tín gạt bỏ giúp hắn tên địch thủ thứ hai, thì cái thằng vô tích sự là hắn lại không biết lợi dụng hoàn cảnh ấy và hèn nhát nửa chừng bỏ cuộc. Thật quá đủ để chẳng bao giờ còn dám ngẩng đầu lên trong xã hội thượng lưu, hoặc bất cứ lúc nào cũng phải sẵn sàng cây kiếm trong tay. Và rồi trở về thế nào, và ở lại thế nào trong tòa lâu đài ở nông thôn, ở cái xứ sở mà ngoài những kỉ niệm dai dẳng và nhức nhối về dục vọng của mình, hắn phải mang nỗi nhục của một mưu đồ thất bại. Ở cái xứ sở tại đó mối căm thù chung của mọi người đối với hắn tăng lên, đồng thời sự kính nể của họ đối với quyền uy của hắn giảm xuống? Tại đó, trên bộ mặt của mỗi kẻ quê mùa,

ngay cả giữa cung kính cúi chào, người ta vẫn có thể đọc được một câu châm chọc: "Thế nào, ông đã nuốt trôi con bé ấy chưa, và ông có thấy tôi rất khoái về việc ấy không?" Con đường của những kẻ bất công, đến đây bản thảo của chúng ta nhận xét, thật là rộng rãi, nhưng điều đó không có nghĩa là nó dễ dàng thuận tiện; nó không thiếu trở lực, không thiếu những khúc gập ghềnh; nó cũng có cái phần buồn phiền và mệt nhọc của nó, mặc dầu nó xuôi xuống dốc.

Đôn Rôđrigô vốn không muốn bỏ cuộc, không muốn lùi, cũng không muốn dừng lại, nhưng lại không thể một mình tiến lên, liền nghĩ ra một cách: đó là cầu xin sự giúp đỡ của một người mà bàn tay thường vươn tới cả những nơi người khác không nhìn thấy: một người hoặc một con quỷ, mà khó khăn của một công việc lại thường là chất kích thích thúc đẩy hắn gánh vác lấy công việc ấy. Nhưng giải pháp này cũng có những điều bất tiện và nguy hiểm chúng càng nghiêm trọng vì người ta không thể lường trước được: bởi vì không có ai có thể biết trước mình sẽ đi đến đâu khi đã có chuyện dính dáng với người này, chắc chắn là một người giúp việc rất đắc lực, nhưng cũng là một thủ lĩnh không kém độc đoán và nguy hiểm.

Những ý nghĩ ấy khiến Rôđrigô lưỡng lự trong nhiều ngày giữa hai quyết định cùng đau khổ như nhau: tiếp tục hay bỏ cuộc. Trong khi ấy thì một bức thư của người em họ tới, nói rằng công việc đã tiến triển tốt. Sau tia chớp ít lâu là tiếng sét nổ ra: một buổi sáng kia, người ta được tin cha Crixtôfôrô đã rời khỏi tu viện Pexcarênicô. Một thắng lợi nhanh chóng và hoàn hảo đến thế, và bức thư của Attiliô khiến hắn phấn khởi hẳn lên nhưng đồng thời cũng đe dọa hắn biết bao lời chế giễu, tất cả đã thúc đẩy Đôn Rôđrigô nghiêng về quyết định mạo hiểm. Cái điều khiến hắn dứt khoát hẳn, đó là tin bất ngờ bà

Anhedơ đã về nhà: thế là bớt đi một trở lực trên con đường đến với Luxia. Chúng tôi xin trình bày hai sự kiện ấy, bắt đầu từ sự kiện cuối cùng.

Hai người đàn bà khốn khổ vừa yên vị ở nơi ẩn náu của họ chưa được bao lâu thì ở Mônda và do đó cả trong tu viện lan truyền cái tên về vụ bạo loạn ghê gớm ở Milăng; và đằng sau cái tin lớn ấy là cả một loạt chi tiết cứ không ngừng chồng chất mãi lên và mỗi lúc một thay đổi. Bà gác cổng, ở nhà bà có thể có một tai ngoài phố và một tai trong tu viện, đi thu nhặt tin tức chỗ này chỗ kia và nói lại với các vị khách của mình. "Người ta đã bỏ tù hai, sáu, tám, bốn, bảy người; người ta sẽ treo cổ họ, người này trước Cửa hàng bánh mì chống nạng, người kia ở đầu phố trước cửa nhà quan tổng lý lương thực... và, và, bà nói với cô nghe rõ này. Có một người trốn thoát và là người ở Leccô hoặc người vùng đó. Tôi không rõ tên anh ta nhưng một người sắp phải đến đây có thể nói cho tôi biết: để rồi xem bà với cô có biết anh ta không".

Cái tin ấy, gắn với việc Rendô đến Milăng đúng vào cái ngày bất hạnh, làm cho hai người đàn bà, nhất là Luxia lo lắng; nhưng các bạn thử tưởng tượng xem họ như thế nào khi bà gác cổng đến nói với họ: "Cái anh chàng đã cao chạy xa bay để khỏi bị treo cổ ấy mà, anh ta đúng là người làng của bà và cô; đó là người thợ kéo sợi tên gọi Tơramaglinô; bà và cô có biết anh ta không?"

Luxia đang ngồi thêu làm tuột cả đồ thêu khỏi tay; mặt cô tái nhợt, biến sắc đến nỗi nếu bà gác cổng đứng gần hơn, chắc chắn bà sẽ nhận ra. Nhưng bà đang đứng ngoài cửa với bà Anhedơ; bà Anhedơ cũng xúc động nhưng chưa đến mức như thế, có thể trấn tĩnh được và để đáp lại đôi điều gì đó, bà nói rằng trong một làng nhỏ tất cả mọi người đều biết nhau và bà

cũng biết anh ta; nhưng bà khó tin một chuyện như thế lại có thể đến với anh, bởi vì đó là một chàng trai đứng đắn lắm. Rồi bà hỏi có chắc anh ta đã trốn thoát không, và trốn đi đâu.

- Anh ta trốn đi rồi, mọi người đều nói thế cả, nhưng trốn đi đâu thì không ai biết, có thể rồi người ta lại bắt được anh, và cũng có thể anh trốn được, nhưng nếu anh lại rơi vào nanh vuốt của họ, thì chàng trai đứng đắn của bà...

May thay đến đây có người gọi bà gác cổng và bà đi ra. Các bạn thử tưởng tượng bà mẹ và cô con gái ở trong tình trạng như thế nào. Suốt mấy ngày trời người đàn bà khốn khổ và cô gái sầu thảm cứ phải bán tín bán nghi, đầu óc quay cuồng với những phỏng đoán về những chuyện "như thế nào", "tại sao" và về hậu quả của sự kiện đau đớn này, mỗi người tự giải thích thầm trong bụng, hoặc khi có dịp thì họ thầm thì bàn tán với nhau về cái tin khủng khiếp ấy.

Cuối cùng, vào một hôm thứ năm, một người đến tu viện hỏi bà Anhedơ. Đó là một bác đánh cá ở Pexcarênicô vẫn thường đi Milăng bán hàng; và cha Crixtôfôrô tốt bụng đã nhờ bác khi đi qua Mônda chịu khó rẽ vào tận tu viện, để gửi lời chào của cha tới những người đàn bà, kể với họ những điều mà người ta đã rõ về câu chuyện đau buồn của Rendô, dặn dò họ hãy bền gan và giữ vững lòng tin ở Chúa; còn về phần cha chắc chắn cha không quên họ và sẽ tìm cơ hội giúp đỡ họ; và trong khi chờ cơ hội ấy cha sợ không quên hàng tuần báo tin cho họ, qua người đưa thư này hoặc bằng một cách khác. Còn về Rendô, người đưa tin không biết gì mới và chắc chắn ngoài cuộc khám nhà và những cuộc lùng bắt anh; nhưng bác lại nói thêm là tất cả những sự truy lùng ấy đều vô hiệu và theo một nguồn tin chắc chắn thì Rendô hiện đang yên ổn trên đất Becgam. Một tin chắc chắn như thế, khỏi phải nói, là niềm an

ủi lớn cho Luxia: từ đây những giọt nước mắt của cô chảy nhẹ nhõm hơn và dễ chịu hơn; cô cảm thấy bớt khổ cực hơn khi được thổ lộ bầu tâm sự với mẹ; và trong tất cả những buổi cầu kinh, cô đều không quên cám ơn Chúa.

Giectơtuyt thường gọi cô đến phòng tiếp khách riêng của mình và có khi trò chuyện lâu với cô, bà vui thích được thấy vẻ thơ ngây và dịu dàng của cô gái, và được nghe cô luôn miệng cám ơn bà và cầu phước cho bà. Trong bầu tâm sự dạt dào thậm chí bà còn kể với cô một phần (cái phần trong trắng) của câu chuyện của bà, những đau khổ bà đã phải chịu, để rồi đến tu viện này vẫn còn phải chịu nữa: thế là nỗi kinh ngạc ban đầu của Luxia, pha lẫn sự e ngại, dần dần biến thành lòng thương xót. Cô thấy trong chuyện này thừa đủ lý do để giải thích cái vẻ hơi kì lạ trong thái độ bà ân nhân của mình, và những lí thuyết của bà Anhedơ về đầu óc các ông lớn lại càng củng cố thêm điều đó. Tuy vậy, mặc dầu cô rất muốn đền đáp bà Giectơruyt về lòng tin cậy mà bà đã biểu lộ đối với cô, cô thậm chí không hề nghĩ tới thổ lộ với bà những nỗi lo mới, cái tai họa mới của mình, hoặc nói với bà anh thợ kéo sợi đang trốn chạy kia là ai, để khỏi có nguy cơ loan truyền một tiếng đồn đau đớn và nhục nhã đến thế. Cô cũng cố sức lảng tránh những câu hỏi thóc mách của mà Giectơruyt về những chuyện trước khi đính hôn; nhưng ở đây sự lảng tránh không phải do thận trọng, mà bởi vì câu chuyện ấy đối với cô gái ngây thơ đáng thương này còn có vẻ hiểm hóc hơn, khó kể hơn tất cả những câu chuyện mà cô đã được nghe và cô sẽ được nghe bằng Xinhora kể. Trong những chuyện của bà có sự áp chế, những thủ đoạn, những đau khổ, những điều xấu xa và cay đắng, nhưng tất cả những cái đó người ta có thể gọi tên được. Trong câu chuyện của cô, hòa vào tất cả mọi điều, có một tình

cảm, một tiếng mà cô thấy dường như không thể nói lên được khi kể về bản thân mình; một tiếng mà không bao giờ có thể thay bằng một cách giải thích quanh co nào khác mà không thấy nó có vẻ trơ tráo đối với cô: tình yêu!

Đôi khi Giectơruyt gần như nổi khùng vì thấy cô cứ thủ thế như vậy; nhưng cô thiếu nữ lại biểu lộ biết bao tình quyến luyến, biết bao lòng tôn kính, biết bao lòng biết ơn và cả biết bao niềm tin cậy! Có lẽ đôi khi cái tính thẹn thò rất tế nhị và hay e sợ ấy còn làm bà khó chịu vì một lí do khác nữa; nhưng điều đó tan biến ngay trước cái ý nghĩ ngọt ngào luôn luôn trở lại mỗi khi bà nhìn thấy Luxia: "Ta đã làm việc thiện giúp em". Và thật vậy, bởi vì, không kể chốn nương thân bà ban cho cô, những cuộc trò chuyện, những cử chỉ âu yếm thân tình ấy là một niềm an ủi lớn đối với Luxia. Cô còn tìm thấy một nguồn an ủi nữa trong việc làng chăm chỉ và cô luôn hỏi xin một việc gì đó để làm: ngay cả ở phòng tiếp khách, cô luôn mang theo việc không để tay nhàn rỗi. Nhưng những ý nghĩ đau đớn thì chỗ nào mà chẳng luồn lách vào được! Cô khâu, rồi lại khâu, đó là một nghề gần như mới đối với cô, nhưng việc khâu vá ấy luôn luôn nhắc cô nhớ lại cái guồng kéo sợi; và đằng sau cái guồng sợi là bao nhiêu chuyện.

Thứ năm sau người ta thấy bác đánh cá ấy trở lại, hoặc nếu không thì có một người đưa tin khác, đem tới lời thăm hỏi ân cần của cha Crixôfôrô, và xác nhận cuộc chạy trốn may mắn của Rendô. Nhưng vẫn không có tin tức gì rõ ràng hơn về câu chuyện rủi ro của anh; bởi vì, như chúng tôi đã nói với bạn đọc, vị tu sĩ dòng đạo hành khất đã hi vọng nhận được tin ấy từ người bạn đồng sự của ông ở Milăng, người mà ông đã viết thư gửi gắm Rendô; và người bạn này trả lời rằng ông không thấy ở chàng trai lẫn bức thư, rằng quả thật có một người ở

nông thôn đến hỏi ông, nhưng vì không gặp ông, anh ta đã đi và không trở lại.

Thứ năm sau nữa, người ta không thấy ai đến cả; và những người đàn bà đáng thương không những chỉ mất một niềm an ủi khao khát và mong đợi, mà họ còn lo lắng đặt ra hàng nghìn điều phỏng đoán không vui như vẫn thường xảy ra do một chuyện nhỏ nhặt nhất, khi người ta đau khổ và bối rối. Từ trước, bà Anhedơ vốn đã nghĩ đến việc về thăm nhà; khi không thấy người đưa tin đã hẹn, bà quyết định hẳn. Đối với Luxia, phải rời váy mẹ là một điều trọng đại; nhưng do nóng lòng muốn biết tin tức, và vững tâm về nơn ẩn náu thiêng liêng và cẩn mật này, cô vượt qua được mọi e sợ. Họ quyết định với nhau là hôm sau bà Anhedơ sẽ ra đường cái đứng đợi bác đánh cá từ Milăng về, thế nào cũng phải qua đó; và bà sẽ đi nhờ bác một chỗ trên xe ngựa về miền núi quê hương bà. Bà quả có thấy bác thật, hỏi bác xem cha Crixôfôrô có nhờ bác đến gặp bà không; nhưng bác đi đánh cá suốt ngày hôm trước và không biết gì về vị tu sĩ cả. Bà Anhedơ không phải van nài để được bác giúp điều mà bà mong muốn; bà cáo từ bà Xinhora và cô con gái với hai hàng nước mắt, hẹn sẽ nhắn tin về ngay và trở về sớm, rồi bà ra đi.

Cuộc hành trình không xảy ra chuyện gì đặc biệt. Như thường lệ, họ ngủ đêm trong một quán trọ; họ lại lên đường từ lúc trời chưa sáng và sáng sớm đã tới Pexcarênicô. Bà Anhedơ xuống xe tại quảng trường nhỏ trước tu viện, chia tay với bác đánh xe và không ngớt lời cảm tạ bác: "Cầu Chúa ban phước cho bác". Và vì bà đang ở ngay đây, cho nên bà muốn, trước khi về nhà, đến thăm vị tu sĩ ân nhân của bà. Bà kéo chuông; một tu sĩ ra mở cửa: đó là thầy Gandinô, người đi quyên hồ đào.

- Ôi! Bà già hiền hậu của tôi, ngọn gió tốt lành nào đưa bà đến đây thế?

- Tôi đến thăm cha Crixôfôrô.

- Cha Crixôfôrô à? Ông không có nhà.

- Trời! Thế liệu cha có về sớm không?

- Quả thật... - vị thầy tu nói, nhún vai và rụt đầu trọc vào trong mũ trùm đầu..

- Cha đi đâu vậy?

- Đi Rimini.

- Đi...?

- Đi Rimini.

- Cái nơi ấy ở đâu?

- Chà... chà! - Vị thầy tu đáp, vung tay thẳng đứng lên trời, như để chỉ một nơi xa lắm.

- Ôi, thật khốn khổ cho tôi! Nhưng tại sao cha lại ra đi đột ngột như vậy?

- Tại vì Đức cha hàng tỉnh muốn thế.

- Thế tại sao lại phái cha đi xa thế? Cha đang làm được bao nhiêu điều tốt lành ở đây. Ôi, lạy Chúa.

- Nếu các đấng bề trên phải báo cáo về những lệnh họ ban ra, thì còn đâu là sự phục tùng nữa, hở bà già hiền lành của tôi?

- Vâng, đúng vậy; nhưng thật tai hại cho tôi.

- Bà có chuyện gì đây không? Chắc hẳn ở Rimini người ta cần một nhà truyền giáo giỏi (các nhà truyền giáo ở đâu chẳng có; nhưng có khi cần đến một người dường như sinh ra để làm việc ấy) Đức cha hàng tỉnh đẳng ấy chắc hẳn viết thư cho Đức cha hàng tỉnh ở đây để xin một người như thế này như thế nọ: và Đức cha hàng tỉnh đã nói: cái người họ cần

đúng là cha Crixôfôrô. Bà thấy không, câu chuyện chắc hẳn xảy ra như vậy.

- Ôi, khốn khổ cho chúng tôi! Vậy cha đi từ bao giờ?

- Hôm kia.

- Đấy! Giá như tôi cứ theo cái linh tính của tôi mà đi từ mấy hôm trước! Vậy người ta có biết khi nào cha có thể về không! Ấy đại khái thôi mà!

- Chà bà già hiền lành của tôi! Chỉ có Đức cha hàng tỉnh biết điều đó; vả chăng... Khi một trong những Đức cha giảng đạo của chúng tôi đã cất cánh bay, thì người ta không thể biết trước ông sẽ đậu trên cành nào. Người ta yêu cầu ông đến chỗ này; người ta yêu cầu ông đến chỗ nọ; và tu viện của chúng tôi thì ở khắp bốn phương trời. Giả dụ ở Rimini cha Crixôfôrô giảng đạo về tuần chay làm sôi nổi dư luận: bởi vì không phải bao giờ ông cũng ứng khẩu, như ông đã làm ở đây với những người đánh cá và những nông dân; tại những giảng đàn ở thành phố, ông có những bài giảng đạo viết sẵn tuyệt diệu, và những bài hay nhất. Ở đằng ấy truyền đi tin đồn là ở đây chúng tôi có một thầy giảng đạo vĩ đại: và người ta có thể yêu cầu ông đến... đến những đâu đâu ai mà biết được? Thế là phải cử ông đi thôi; bởi vì chúng tôi sống nhờ lòng từ thiện của tất cả mọi người và chúng tôi phải phục vụ tất cả mọi người là đúng.

- Ôi, lạy Chúa! Lạy Chúa! - Bà Anhedơ lại kêu lên nước mắt lưng tròng. - Không có con người ấy, tôi biết làm sao bây giờ? Ông chẳng khác gì người cha của chúng tôi! Thật tai hại cho chúng tôi.

- Bà chị thân mến này, hãy nghe tôi: cha Crixôfôrô quả là một con người chân chính thật, nhưng chúng tôi còn những người khác nữa, bà biết chứ? Những người đầy lòng nhân đức và tài năng; biết cách cư xử với cả những ông lớn cũng như

với những người nghèo khổ. Hãy xem, chẳng hạn, cha Atanaxiô nhé? hay là bà muốn cha Girôlamô? Hay là cha Dacaria? Bà thấy không cha Dacaria thật là một người có bản lĩnh. Và bà đừng hòng để ý, như một số kẻ ngu dốt khác, rằng ông còm nhom đến thế, ông có giọng nói khẽ và rụt rè, và bộ râu cằm ông chỉ thưa thớt vài sợi; tôi không nói việc giảng đạo, bởi vì mỗi người có năng khiếu riêng của mình, nhưng để ban cho một lời khuyên giải, thì đó là một người giỏi giang đấy, bà biết không.

- Ồ, không, lạy Chúa! - Bà Anhedơ thốt lên, với lòng biết ơn và sự sốt ruột mà người ta cảm thấy trước một đề nghị chứng tỏ rất nhiều thiện ý nhưng lại không hợp với mình. - Tôi thì cần gì đến Đức cha này hay Đức cha nọ, khi người tội nghiệp không có ở đây mới là người biết rõ công việc của chúng tôi và đã chuẩn bị tất cả để giúp đỡ chúng tôi.

- Nếu thế thì phải kiên tâm chờ đợi thôi.

- Điều đó thì tôi biết, - bà Anhedơ đáp, - xin lỗi đã làm phiền thầy.

- Có gì đâu bà chị thân mến của tôi? Tôi thật ái ngại cho bà. Và nếu bà định hỏi đến một trong những Đức cha nào của chúng tôi, thì tu viện vẫn đây, không chuyển đi đâu cả. À này, chẳng bao lâu nữa tôi lại đến quyên dầu đấy.

- Chúc thầy mạnh khỏe, - bà Anhedơ nói; và bà đi về làng, phiền muộn, bối rối, quẫn trí, như một người mù đáng thương đã đánh mất chiếc gậy của mình.

Có phần am hiểu hơn thần Gandinô một chút, chúng ta có thể nói lại sự việc thật sự đã diễn ra như thế nào. Vừa tới Milăng, Attilinô như đã hứa với Đôn Rôđrigô, đến thăm ông bác chung của hai người, ủy viên Hội đồng cơ mật (đó là một hội đồng khi ấy gồm mười ba ủy viên dân sự và quân sự, để

làm cố vấn cho ngài thống đốc, và khi ngài thống đốc chết đi hoặc bị thay thế, thì hội đồng này tạm thời giữ quyền cai trị đất nước). Ông bác ấy, một người dân sự, và một trong những ủy viên kì cựu của Hội đồng, có một thế lực nhất định ở đây: và về mặt lợi dụng thế lực ấy và đề cao mình trước mọi người thì không ai bằng ông. Ông có cách nói mập mờ và cách im lặng đầy ý nghĩa, những câu nói luôn luôn bỏ lửng, những cái nháy mắt có nghĩa là: "Tôi không thể nói được", ông có cái tài ve vãn mà không hứa hẹn, hoặc hăm dọa trong những hình thức rất lịch thiệp; tất cả những cái đó ở ông đều hướng về một đích, tất cả đều nhằm bằng cách này hay cách khác phục vụ ông. Đến mức mà thậm chí khi ông nói: "Tôi không thể làm gì được trong việc này", và có khi là sự thật hiển nhiên, ông cũng nói câu ấy bằng cách nào để người ta không tin ông và để điều đó chỉ càng làm tăng uy tín ông trước mọi người và do đó làm tăng quyền lực thực tế của ông: như những cái hộp mà người ta còn thấy ở một số cửa hàng dược phẩm với vài chữ Ả Rập bí hiểm viết bên trên, ở trong không đựng gì cả, nhưng chúng dùng để giữ tiếng cho cửa hàng.

Thế lực ông bác này, đã từ lâu không ngừng tăng lên từng chút một, gần đây bỗng nhảy vọt một bước dài, do một cơ hội đặc biệt, một chuyến đi công cán tại triều đình ở Madrit; về sự đón tiếp người ta đã dành cho ông tại đó như thế nào, phải được nghe chính miệng ông kể lại. Chỉ cần nói rằng ngài bá tước - công tước đối đãi với ông đặc biệt ân cần, xem ông như người thân thiết đến mức có lần, trước mặt đến một nửa triều đình, ngài hỏi ông là Madrit có vừa ý ông không, và một lần khác, chỉ có hai người cùng đứng với nhau bên cửa sổ ngài nói với ông rằng nhà thờ Milăng là nhà thờ lớn nhất trong các lãnh địa của Nhà vua.

Sau khi đã ngỏ lời chúc mừng ông bác bá tước và chuyển tới ông lời chúc mừng của anh họ mình. Attiliô nói với vẻ nghiêm trang mà anh chàng biết tạo ra trong những trường hợp cần thiết:

- Cháu cho rằng cháu đã làm bổn phận mình, đồng thời cháu không phụ lòng tin cậy của Rôđrigô khi trình với bác một việc mà nếu bác không can thiệp vào thì có thể trở nên nghiêm trọng và dẫn đến những hậu quả...

- Nếu ta không nhầm, thì lại một trò quỷ quái của nó đây.

- Nói cho công bằng, thì lỗi không phải ở ông anh họ cháu. Nhưng anh ấy bị kích động lắm, và như cháu đã nói, chỉ có bác là có thể...

- Xem nào, xem nào...

- Ở đằng ấy một tên thầy tu dòng đạo hành khất có điều gì tức giận với Rôđrigô; và sự việc đã đến mức mà...

- Biết bao lần ta đã nói với các anh, với cả hai anh, là cứ phải để mặc bọn thầy tu với công việc của nọ! Cái bọn thầy tu ấy cũng đã gây đủ điều khổ tâm cho những người bắt buộc phải... cho những người có trách nhiệm phải... - đến đây ông thở hổn hển. - Nhưng các anh thì có thể tránh họ ra...

- Thưa bác, trong chuyện này, bổn phận của cháu phải thưa với bác rằng nếu Rôđrigô tránh được hắn thì anh đã tránh rồi. Chính là tên thầy tu ấy và tìm đủ mọi cách gây sự với anh...

- Nhưng cái tên thầy tu ấy gây sự với cháu ta để làm quái gì kia chứ?

- Trước hết, đó là một con người gai ngạnh, vốn nổi tiếng như vậy, và hắn tự phụ đã dám sinh sự với các nhà quý phái. Hắn che chở, hẳn chỉ bảo, hắn... hắn làm gì nữa cháu biết sao được Một đứa con gái nông dân ở đằng ấy; và đối với con bé

này hắn có một tình thương, một tình thương... cháu không nói là vụ lợi, nhưng một tình thương rất mơn trớn, rất đa nghi, rất cố chấp.

- Ta hiểu - bá tước nói; và trên bộ mặt vốn in dấu một bản chất ngu độn nào đó, nhưng về sau được che đậy và phủ lên nhiều lớp sơn chính trị, thoáng hiện ra một nét tinh ma tạo cho bộ mặt ấy một vẻ gì kì lạ.

- Thế mà từ ít lâu nay, - Attiliô nói tiếp, - tên thầy tu ấy cứ khăng khăng cho rằng Rôđrigô có ý gì đó với đứa con gái ấy...

- Cứ khăng khăng cho rằng... cứ khăng khăng cho rằng... chà, cả ta đây, ta cũng biết cái ông Đôn Rôđrigô ấy rồi; và phải có một người thầy tu cãi khác anh thì mới biện bạch được cho ông ta trên phương diện này.

- Thưa bác, nếu Rôđrigô đùa bỡn với cô bé ấy một chút khi gặp nó giữa đường, thì cháu cũng sẵn lòng tin ngay: anh ấy còn trẻ, và rốt cuộc anh ấy cũng không phải là thầy tu dòng đạo hành khất; nhưng đó là những chuyện vặt vãnh mà cháu nghĩ không cần nói với bác làm gì; cái điều nghiêm trọng là tên thầy tu dám nói về Rôđrigô như về một thằng thô bỉ, và hắn đã kích động cả vùng ấy chống lại anh...

- Thế còn những tu sĩ khác?

- Họ không dính vào chuyện này, vì họ biết hắn là một người nóng tính, và họ rất kính trọng Rôđrigô; nhưng mặt khác, tên thầy tu ấy cũng có uy tín lớn đối với lũ dân quê, vì hắn cũng biết làm ra vẻ đạo mạo lắm và...

- Ta cho rằng hắn không biết Rôđrigô là cháu ta.

- Hắn biết quá đi chứ! Và thậm chí đó chính là điến khiến hắn càng ngang ngược.

- Thế nào? Thế nào?

- Bởi vì, điều này chính hắn nói ra, hắn càng khoái trá khi

đương đầu với Rôđrigô chính vì anh có một người bác bảo trợ có thế lực tột đỉnh như đại nhân đây; và hắn nói thêm là hắn coi thường các ông lớn và các chính khách, và sợi dây của Thánh Frăngxoa có thể trói cả những thanh kiếm và...

- Ôi cái thằng táo tợn! Thế tên nó là gì?

- Thầy Crixtôfôrô, - Attiliô nói; và bá tước lấy trong ngăn kéo bà một quyển sổ ghi và thở hổn hển viết cái tên bất hạnh vào đó. Trong khi ấy Attiliô vẫn nói tiếp: - Con người này xưa nay vẫn có tính ấy; cuộc đời hắn ai cũng rõ. Đó là một tên tiện dân, cậy mình có ít tiền của, muốn ganh đua với các nhà quý tộc trong vùng, và tức giận vì không thể thắng được tất cả, hắn đã giết chết một nhà quý tộc trong số đó; về sau để tránh tội treo cổ, hắn đã xin khoác áo thầy tu.

- Chà gớm thật! Khá lắm! Để đấy, để đấy, - bá tước vẫn tiếp tục thở hổn hển nói.

- Bây giờ, - Attiliô nói tiếp, - hắn điên khùng hơn bao giờ hết vì hắn thấy cái kế hoạch mà hắn đã ấp ủ trong lòng đã hoàn toàn bị phá sản: và chỉ qua việc này bác cũng thấy hắn là con người như thế nào. Hắn muốn gả chồng cho con bé của hắn: hoặc để cứu thoát nó khỏi những cám dỗ trên đời, bác hiểu cháu muốn nói gì chứ ạ, hoặc vì lí do nào khác, nhưng hắn nhất định gả chồng cho con bé ấy; và hắn đã tìm thấy... cái người của hắn: một con người hoàn toàn hợp với hắn, một thằng cha mà có lẽ và thậm chí chắc chắn bác cũng biết tên, bởi vì cháu cho rằng nhất định Hội đồng Cơ mật cũng đã phải để ý đến nhân vật đáng kính này rồi.

- Cái người nào thế?

- Một tên thợ kéo sợ, Lôrendô Tơramaglinô, chính cái thằng đã...

- Lôrendô Tơramaglinô! - Bá tước kêu lên, - Hay lắm! Hay

tuyệt đấy, thưa Đức cha ạ! Chắc hẳn là... mà quả thật... hắn ta có một bức thư gửi cho một... Thật đáng tiếc rằng...nhưng không sao; tất cả sẽ đâu vào đấy. Thế tại sao Rôđrigô không nói gì với ta về tất cả những chuyện này? Tại sao anh ta để sự việc đi xa đến thế, mà không hỏi gì đến cái người có thể và sẵn lòng chỉ bảo và giúp đỡ anh ta?

- Cháu cũng sẽ nói tất cả sự thật về việc này với bác, - Attiliô nói tiếp. - Một mặt anh biết là bác đã có biết bao điều lo nghĩ và bao nhiêu công việc hệ trọng trong đầu... - (ông bác thở hổn hển đặt tay lên đầu, như để nói rằng ông phải chứa đựng tất cả những công việc ấy trong đầu khó nhọc biết chừng nào) - cho nên anh e ngại không muốn gây cho bác thêm một mối bận tâm nào nữa. Và rồi, cháu sẽ nói hết với bác: theo như những gì cháu có thể hiểu, thì anh vô cùng tức giận, phát điên lên, căm ghét những trò hèn hạ của tên thầy tu ấy, đến mức muốn tự mình trừng trị hắn một cách đơn giản, hơn là đợi sự trừng trị theo pháp luật, nhờ sự giúp đỡ khôn ngoan của bác. Còn cháu, cháu đã cố nói cho anh ấy nguôi đi, nhưng nhận thấy tình hình xoay sang chiều hướng xấu, cháu tự thấy có nhiệm vụ phải đến báo cho bác biết tất cả, vì rốt cuộc thì bác vẫn là người đứng đầu và là cột trụ của dòng họ nhà ta...

- Đáng lẽ anh phải nói với ta sớm hơn một chút nữa.

- Đúng thế ạ, nhưng cháu cứ hi vọng câu chuyện tự nó thu xếp xong, hoặc là tên thầy tu cuối cùng sẽ tỉnh ngộ, hoặc là hắn sẽ đi khỏi tu viện, như vẫn thường xảy ra với những tu sĩ khi ở chỗ này khi ở chỗ nọ, và nếu là mọi sự yên hết. Thế nhưng...

- Bây giờ thì phải đến tay ta giải quyết việc này chứ gì?

- Dạ cháu cũng nghĩ thế. Cháu tự nhủ: ông bác của chúng ta, với sự sáng suốt của người, với quyền thế của người, sẽ

thừa biết cách làm thế nào để ngăn ngừa một vụ om sòm, và đồng thời để cứu vãn danh dự của Rôđrigô rốt cuộc cũng chính là danh dự của bản thân bác. Tên thầy tu ấy, cháu nghĩ bụng, lúc nào cũng giở cái sợi dây Thánh Frăngxoa của hắn ra, nhưng nếu dùng cho đúng chỗ, cái sợi dây của Thánh Frăngxoa ấy, thì không nhất thiết, cứ phải đeo nó quanh bụng[1]. Bác có biết có trong tay hàng trăm cách mà cháu không rõ: cháu biết là Đức cha hàng tỉnh rất nể bác, thì tất nhiên phải như vậy; và nếu bác cho rằng trong trường hợp này cách tốt nhất là thay đổi không khí cho lão thầy tu ấy, thì bác có thể chỉ nói vài lời...

- Ai có việc cứ để người ấy lo, - bá tước nói hơi cộc lốc.

- Vâng, đúng thế! - Attiliô khẽ lắc đầu kêu lên, và nhếch mép cười cái ngại cho bản thân mình. - Cháu có tư cách gì mà dám ban những lời khuyên bảo cho ông bác của cháu được! Nhưng đây là do quá lo lắng cho danh tiếng của dòng họ nhà ta nên cháu nói. Và cháu cũng sợ nhỡ ra phạm phải một sai lầm khác, - ông nói thêm với vẻ lo ngại, - cháu sợ đã làm hại Rôđrigô nếu cháu để bác phải nghĩ rằng anh Rôđrigô dưới con mắt của bác. Cháu sẽ phiền muộn khôn nguôn nếu cháu để bác phải nghĩ rằng anh Rôđrigô đối với bác không có tất cả lòng tin cậy, tất cả sự phục tùng mà anh phải có. Thưa bác, xin bác cứ tin rằng trong trường hợp này, quả thật là...

- Thôi, thôi đi: các anh thì có bao giờ làm hại nhau được? Các anh bao giờ chẳng là đôi bạn chí thiết với nhau, chừng nào, một trong hai anh còn chưa biết tu tỉnh lại một chút. Các

---

[1] Những tu sĩ Frăngxixcanh và những tu sĩ dòng đạo hành khất, theo gương người sáng lập dòng đạo Frăngxixcanh là Thánh Frăngxoa, thường đeo một sợi dây quanh bụng.

anh là những thằng lêu lổng, những thằng lêu lổng luôn luôn gây hết chuyện này đến chuyện nọ; rồi lại để ta phải lo toan dàn xếp; bởi vì... chà, các anh khiến ta phải nói ra một lời bậy bạ mất, cả hai anh, các anh gây cho ta nhiều nỗi ưu phiền hơn là, - và đến đây các bạn thử tưởng tượng ông ta thở hồng hộc đến thế nào, - hơn là tất cả những công việc quốc gia đại sự khốn kiếp ấy.

Attiliô còn nói vài lời xin lỗi, vài lời hứa hẹn, vài lời chúc tụng; rồi ông ta cáo từ, khi ra về còn được nhắn theo: "Liệu mà ăn ở cho tử thế! - đó là công thức của vị bá tước để tống tiễn những đứa cháu của mình.

Chương mười chín

Nếu có người nào trông thấy một cây cỏ dại trong một cánh đồng đã cày cấy, chẳng hạn một cây chút chít khá đẹp, mà muốn biết thật chính xác có phải cây ấy sinh ra từ một hạt giống tự nó chín ngay trong cánh đồng, hay từ một hạt giống lược gió đưa tới, hoặc do một con chim đánh rơi xuống, thì người ấy tha hồ suy nghĩ về vấn đề này cũng không bao giờ có thể giải đáp được. Cũng vậy chúng ta cũng không thể nói là do tự mình nghĩ ra, hay do sự gợi ý của Attiliô, mà vị bá tước đã quyết định sử dụng Đức cha hàng tỉnh để giải quyết nhanh chóng cái việc rắc rối này một cách tốt đẹp nhất. Tất nhiên, không phải Attiliô vô tình buông ra những lời ấy. Anh hẳn phải chờ đợi rằng trước một sự gợi ý khá lộ liễu như thế vị bá tước kiêu ngạo và đa nghi sẽ khó chịu, nhưng anh cũng rất muốn gợi cho vị bá tước thấy biện pháp này hướng ông vào con đường anh muốn ông đi theo. Mặt khác, cái cách ấy rất hợp với tính cách bá tước, và được hoàn cảnh của bất cứ ai, ta có thể dám chắc là tự bản thân bá tước cũng sẽ tìm ra nó. Vấn đề là làm sao để trong một cuộc đụng độ quá công khai, cái người trong dòng họ ông một thằng cháu ông, không bị lép vế: điều đó hoàn toàn cần thiết cho danh tiếng một người có thế lực

như ông, cái danh tiếng mà ông vô cùng coi trọng. Sự rửa hờn mà thằng cháu ông có thể tự mình đạt lấy sẽ là một liều thuốc còn tệ hơn cả bản thân căn bệnh, gây ra biết bao nỗi ưu phiền cần phải ngăn chặn bằng mọi cách và không chậm chễ. Ra lệnh cho nó rời khỏi lâu đài vào lúc này ư? Chắc hẳn nó không chịu; và cho dù nó vâng lời, thì cũng là một cuộc tháo chạy khỏi bãi chiến trường, một sự rút lui của dòng họ trước tu viện. Những mệnh lệnh, quyền lực của pháp luật, những thứ ngáo ộp loại ấy chẳng có giá trị gì đối với địch thủ thuộc tầng lớp này: giới tăng lữ chính quy và toàn thế tục được hoàn toàn miễn đưa ra xét xử ở mọi tòa án phi tôn giáo; và như vậy không những đối với những thành viên của nó mà cả đối với những nơi nó ở; điều đó thì ngay cả những người chưa từng đọc một truyện nào ngoài truyện này cũng phải biết; và những người như thế thật đáng ái ngại. Tất cả những gì người ta có thể làm để chống lại một địch thủ như vậy là tìm cách đẩy hắn đi xa, và công cụ để thực hiện điều ấy chính là Đức cha hàng tỉnh, người có quyền để hắn ở lại hoặc bắt hắn phải đi.

Vậy mà Đức cha hàng tỉnh với bá tước lại là đôi bạn cố tri: họ ít gặp nhau, nhưng lần nào gặp cũng biểu lộ với nhau những tình cảm thật nồng nàn và sẵn lòng giúp nhau mọi việc. Đôi khi ta có quan hệ với một người nào đó đứng trên số đông người vẫn hơn là chỉ có quan hệ với một người trong số đông đó, vì người sau này chỉ nhìn thấy một công việc của anh ta, chỉ theo đuổi một dục vọng của anh ta, chỉ quan tâm đến những gì có liên quan tới anh ta; trong khi mà người kia cùng một lúc nhìn thấy hàng trăm mối quan hệ, hàng trăm hậu quả, hàng trăm lợi ích, hàng trăm điều cần tránh, hàng trăm điều phải bảo vệ, do đó mà có thể đến với công việc từ trăm phía.

Sau khi đã cân nhắc kĩ lưỡng, một hôm bá tước mở tiệc mời Đức cha hàng tỉnh, tại bữa tiệc có mặt những khách được chọn lọc hết sức tinh tế. Trước hết một vài người thân thích quyền quý nhất. Thuộc những người mà chỉ riêng cái tên dòng họ đã là một tước vị lớn và chỉ do phong thái của mình, do lòng tự tin bẩm sinh của mình, do thái độ khinh khỉnh của các ông lớn và do cách nói những điều quan trọng bằng lời lẽ suồng sã, mà đã có thể, thậm chí không có chút nào cố ý, luôn gợi ra và nhắc nhở cho mọi người thấy chức vị cao sang và quyền lực của họ; rồi đến vài người khách gắn bó với gia đình bằng một sự phụ thuộc cha truyền con nối và gắn bó với bản thân bá tước bằng một sự quy phục suốt đời. Ngay từ lúc ăn xúp họ đã bắt đầu phụ họa bằng mồm, bằng mắt, bằng tai, bằng cả cái đầu, bằng cả toàn thân, bằng cả tâm hồn cho đến lúc ăn tráng miệng thì họ khiến cho bất cứ người nào cũng không còn nhớ được người ta đã có thể không" như thế nào nữa.

Ngồi vào bàn, vị bá tước chủ nhà nhanh chóng lái câu chuyện về Mađrit. Tất cả mọi con đường dẫn người ta đến La Mã; nhưng với ông, tất cả mọi con đường đều dẫn ông đến Mađrit. Ông nói đến cung đình, đến ngài bá tước - công tước, đến các vị thượng thư, đến gia quyến ngài thống đốc, đến những cuộc đấu bò mộng mà ông có thể tả lại rất hay, vì ông đã được xem chúng từ một chỗ ngồi danh dự ở Excurian[1] và ngay cả về Excurian ông cũng có thể báo cáo lại với đầy đủ mọi chi tiết, bởi vì một người thân cận của ngai bá tước - công tước đã dẫn ông đi xem tới từng xó xỉnh của cung điện. Trong một thời gian, những người dự tiệc, chẳng khác gì một cử tọa,

---

[1] Excuria: một cung điện lớn ở gần Mađrit, xây vào nửa sau thế kỉ XVI dưới triều Philip II.

chỉ nghe ông chủ nói chuyện, sau đó họ nói với nhau những chuyện riêng tư; còn ông thì vẫn tiếp tục kể những câu chuyện thú vị tương tự như để tâm sự riêng Đức cha hàng tỉnh ngồi bên ông và Đức cha cũng cứ để ông nói mãi, nói mãi.

Nhưng đến một lúc nào đó, Đức cha lái câu chuyện đi một chút đưa ông ra khỏi Mađrit, và từ triều đình này sang triều đình khác, từ chức vụ nọ đến chức vụ kia dẫn ông tới Hồng y giáo chủ Bacbêrini, một giáo sĩ dòng đạo hành khất và là em của Đức giáo hoàng thời đó - Uốc banh VIII, không hơn không kém. Bá tước cũng lại phải để Đức cha nói một chút, nghe Đức cha, và chợt nhớ ra rằng rốt cuộc trên đời này, không phải chỉ có những người hợp với mình. Khi mọi người đã đứng lên khỏi bàn, một lát sau ông mời Đức cha hàng tỉnh đi với ông sang một phòng khác.

Hai bậc quyền uy, hai mái đầu bạc, hai con người già đời lịch lãm đối mặt với nhau. Vì lãnh chúa vẻ vang mời Đức cha rất đáng kính an tọa, tự mình cũng ngồi và bắt đầu câu chuyện:

- Vì tình bạn đã gắn bó chúng ta, tôi thấy cần phải nói đôi lời với Đức cha đáng kính về một việc liên quan đến cả hai ta, mà ta cần phải giải quyết riêng với nhau, không dùng đến biện pháp nào khác, nó có thể... Cho nên tôi xin hết sức chân thành và cởi mở nói với cha đó là chuyện gì: và tôi tin chắc chỉ trong vài lời chúng ta sẽ đồng ý với nhau. Xin cha cho biết, trong tu viện Pexcarênicô của ngài có một cha Crixtôfôrô nào đó ở không?

Đức cha hàng tỉnh gật đầu.

- Xin Đức cha đáng kính cho tôi biết một chút, thật thẳng thắn, trên tình bạn... cái con người ấy... ông cha ấy... tôi không tự mình biết ông ta, tuy vậy tôi biết không thiếu gì những cha dòng đạo hành khất, những con người quý như vàng, hăng

hái, khôn ngoan, khiêm tốn, tôi đã là bạn của dòng đạo ấy từ khi còn nhỏ tuổi... Nhưng trong tất cả mọi gia đình đông con.. bao giờ cũng có một cá nhân nào đó, một cái đầu điên dại nào đó... và cha Crixtôfôrô ấy, tôi biết theo vài nguồn tin đó là một người... một người cũng hơi thích những chuyện cãi cọ... một người không có được tất cả sự khôn ngoan, sự chín chắn... Tôi dám chắc ông ta đã nhiều lần khiến Đức cha đáng kính phải lo phiền.

"Chắc ông ta lại dúng tay vào chuyện gì đây, - trong khi ấy Đức cha hàng tỉnh nghĩ, - đó là lỗi của ta! Ta vốn đã biết ông Crixtôfôrô đầy diễm phúc ấy là một người phải đưa từ tòa giảng này đến tòa giảng khác và không nên để một yên vị một chỗ nào trong sáu tháng, nhất là ở một tu viện nông thôn".

- Ồ! - Đức cha bèn nói, - tôi quả thật rất lấy làm tiếc phải nghe đại nhân có một ý kiến như vậy về cha Crixtôfôrô; bởi vì, theo như tôi được biết, thì trái lại, đó là một tu sĩ... gương mẫu trong tu viện và cũng rất được bên ngoài quý trọng.

- Tôi rất hiểu. Đức cha đáng kính... tuy vậy, tuy vậy trên tình bạn chân thành, tôi muốn báo cho cha một điều mà nếu cha biết được cũng rất có ích cho ngài và cho dù cha biết điều này rồi, tôi cũng có thể, không làm trái bổn phận của mình, trình cha xét một vài hậu quả có thể đưa lại: tôi không dám nói gì hơn thế. Cha Crixtôfôrô ấy, chúng tôi biết ông ta che chở cho một người ở vùng đó, một người... thì Đức cha đáng kính chắc cũng nghe nói đến rồi; cái anh chàng đã có hành động hết sức xấu xa trốn khỏi bàn tay sở cảnh sát sau khi đã gây ra, trong ngày Thánh Máctanh khủng khiếp ấy, những chuyện... những... tóm lại, đó là Lôrendô Tơramaglinô.

"Chà, chà!" Đức cha hàng tỉnh nghĩ; và ông nói:

- Điều này thì tôi không được biết; nhưng chắc đại nhân

cũng biết rõ một trong những bổn phận của chúng tôi chính là đi tìm những kẻ lầm đường lạc lối để đưa họ trở về...

- Đúng thế ạ; nhưng bảo vệ những kẻ lầm đường nào kia... Còn đây là những chuyện nguy hiểm, những việc phức tạp... - và đến đây, đáng lẽ phồng má và thở hổn hển, ông bậm môi và hít vào cũng với tất cả hơi sức như ông có thói quen thở hổn hển. Rồi ông nói tiếp: - Tôi thấy cần nhắc khẽ với cha về trường hợp, đó vì nếu như mà tướng công ngài... Hình như người ta đã tiến hành vài biện pháp gì đó ở La Mã... tôi không biết gì đâu... và từ La Mã có thể đến với Đức cha...

- Tôi rất đội ơn đại nhân về lời mách bảo này; tuy vậy tôi dám chắc rằng, nếu người ta đi điều tra việc ấy, người ta sẽ thấy cha Crixtôfôrô chỉ giao thiệp với người mà ngài nói nhằm mục đích duy nhất để anh ta hối hận về lỗi lầm của mình thôi. Về cha Crixtôfôrô thì tôi biết ông ấy lắm.

- Tất nhiên, cha biết rõ hơn tôi, ông ta là người như thế nào khi sống trong thế tục, và vài chuyện nhỏ ông ta đã làm thời trẻ tuổi.

- Chính là vinh của bộ áo chúng tôi đó, thưa bá tước, nếu một người đã từng gây tai tiếng trong thế tục lại trở nên một con người khác hẳn khi khoác bộ áo ấy. Và từ khi cha Crixtôfôrô khoác bộ áo ấy...

- Tôi không muốn gì hơn là tin vào điều đó, xin nói với cha bằng tất cả tấm lòng thành thực, tôi rất muốn tin vào điều đó; nhưng cũng có khi, như tục ngữ nói... Cái áo không làm nên ông thầy tu.

Câu tục ngữ ấy không diễn đạt thật đúng tư tưởng ông; nhưng bá tước đã buột nói ra thay cho một câu khác còn đang ngập ngừng ở cửa miệng: Con sói thay lông, chứ không thay tính.

- Tôi có những dấu hiệu, - ông nói tiếp, - tôi có những chứng cớ...

- Nếu ngài biết chắc, - Đức cha đầu tỉnh nói, - là ông tu sĩ này đã phạm một lỗi lầm gì (chúng ta cũng có thể phạm lỗi lầm), thì xin ngài làm ơn cho biết. Tôi là bề trên thật, không xứng đáng đấy, nhưng tôi là bề trên chính là để chỉnh đốn, để sửa chữa...

- Vậy tôi xin thưa với cha: cùng với sự việc đáng phàn nàn của ông ấy công khai bảo vệ cái người mà tôi đã nói với cha, lại thêm một việc khó chịu khác nữa nó có thể... Nhưng chúng ta sẽ thu xếp tất cả những chuyện ấy cùng một lúc, giữa ta với nhau. Sự việc là chính cha Crixtôfôrô ấy đã làm tình làm tội thằng cháu Đôn Rôđrigô của tôi.

- Ôi! Tôi thật phiền lòng, hết sức phiền lòng, tôi cam đoan với ngài như vậy.

- Cháu tôi còn trẻ, nóng nảy, nó tự biết nó là ai, nó không quen để người ta khiêu khích...

- Bổn phận của tôi là phải tìm hiểu thật nghiêm chỉnh về một sự việc như thế này. Như tôi đã nói với đại nhân, và chính là tôi nói với một người vừa lịch lãm lại không thiếu sự công minh, tất cả chúng ta đều là con người bằng xương bằng thịt, có thể lầm lỡ... về mặt này mặt khác. Và nếu cha Crixtôfôrô đã vi phạm...

- Xin Đức cha đáng kính xem lại việc này; đây là những chuyện, như tôi đã nói, phải giải quyết giữa ta với nhau, phải chôn vùi ở đây, bởi vì nếu khuấy động lên... thì nó chẳng được việc gì cả. Cha chẳng lạ gì cái chuyện thường xảy ra như thế nào. Những va chạm xích mích ấy có khi bắt đầu từ một sự vặt vãnh không đâu, mà rồi nó đi xa, rất xa... Nếu ta muốn truy tới cùng để tìm ra thực chất sự việc, hoặc là ta không đạt

tới kết quả nào, hoặc là ta sẽ thấy hiện lên hàng trăm sự rắc rối khác. Phải giập tắt, phải cắt đứt, thưa cha đáng kính, giập tắt, cắt đứt! Thằng cháu tôi còn trẻ; vị tu sĩ, theo như tôi được nghe nói, vẫn còn tất cả tinh thần và những ham muốn của một người trẻ; trách nhiệm ở chúng ta, là những người đã có tuổi... than ôi, có phải như vậy không, thưa Đức cha rất đáng kính của tôi?...

Lúc ấy, đối với người nào chứng kiến cảnh tượng này, sự việc xảy ra chẳng khác gì khi ở giữa một vở ca kịch nghiêm trang, vì nhầm lẫn người ta kéo màn trước giờ quy định, và ta trông thấy một ca sĩ, không hề nghĩ là có công chúng bên dưới, đang tranh cãi rất tự nhiên với một người bạn đồng nghiệp của mình. Vẻ mặt, điệu bộ, giọng nói của bá tước khi nói đến cái tiếng *than ôi*! Ấy hết sức tự nhiên: ở đây chẳng cần xã giao gì nữa, ông thật sự buồn phiền vì cái tuổi của mình. Chẳng phải ông tiếc những trò vui chơi, sức mạnh và sắc đẹp của tuổi trẻ: tất cả những cái đó chỉ là những sự phù phiếm, ngu ngốc, khốn khổ! Nguyên nhân nỗi phiền muộn của ông vững vàng và quan trọng hơn nhiều: ông đang nhắm nhe một chức vụ nào đó cao hơn, khi chức vụ này rồi sẽ khuyết; và ông sợ không tới kịp. Một khi ông đã được giao chức vụ ấy, người ta có thể chắc chắn là không còn lo lắng về tuổi tác của ông nữa, ông không còn mong muốn điều gì khác nữa, và ông sẽ yên lòng từ giã cõi đời, như tất cả những người khao khát một điều gì vẫn đoán chắc là họ sẽ làm như vậy khi nào họ đạt được điều mong muốn.

Nhưng ta hãy để ông nói .

- Trách nhiệm chúng ta, - ông nói tiếp, - là phải có lương tri giúp cho bạn trẻ, phải chữa lại những gì họ làm hỏng. May mà chúng ta còn đến kịp; câu chuyện chưa có tai tiếng gì: và

đây vẫn đương là trường hợp thuận tiện để *principiis obsa.* Cần phải để lửa xa rơm ra. Đôi khi một người ở nơi này không làm nên trò trống gì hoặc có thể gây phiền nhiễu lại lập nên kì công ở nơi khác. Đức cha đáng kính thừa biết tìm ra chỗ nào thích hợp với ông tu sĩ ấy. Quả thật cũng có điều này nữa là ông ta có thể gợi lên những nghi vấn của những kẻ... có lẽ cũng mong muốn chuyển ông ấy đi... và, khi cử ông ấy đến nơi nào hơi xa một chút chúng ta làm một việc nhất cử lưỡng tiện; tất cả sẽ tự nó thu xếp đâu vào đấy, hoặc nói cho đúng hơn, không có gì đổ vỡ cả.

Cái kết luận này, Đức cha hàng tỉnh đã chờ đợi ngay từ đầu câu chuyện. "Thế đấy! - Ông nghĩ. - Ta thấy anh muốn đi đâu rồi, bao giờ cũng vẫn lại cái trò ấy; khi các anh, hoặc một người trong bọn các anh không ưa một tu sĩ khốn khổ nào, hoặc hơi có chút nghi ngại ông ta, thì lập tức đấng bề trên của ông, không cần tìm biết ông có lỗi hay không có lỗi, cứ phải chuyển ông ấy đi".

Khi bá tước đã nói xong, và thở phào một cái có nghĩa như một dấu chấm hết câu, Đức cha hàng tỉnh nói:

- Tôi rất hiểu ngài bá tước muốn nói gì; nhưng trước khi tiến hành một biện pháp...

- Cái này có gì đáng gọi là biện pháp, thưa Đức cha rất đáng kính: đó là một việc tự nhiên, một việc bình thường; và nếu ta không quyết định việc ấy, và quyết định ngay tức khắc, thì tôi nhìn trước không biết bao nhiêu sự rắc rối và tai họa sẽ tới. Còn cái chuyện làm bậy thì... tôi không tin là thằng cháu tôi... vả chăng tôi ở đây chính là vì chuyện ấy... nhưng sự việc đã đến nước này rồi, nếu ta không cắt nó đi, chính chúng ta cắt, không chậm chễ, một nhát đứt phăng, thì không có cách nào để nó chấm dứt, để nó giữ kín mãi được... vả khi ấy thì

không chỉ là một mình thằng cháu tôi nữa... Đó là cả một tổ ong vò vẽ bị khuấy động lên, thưa Đức cha rất đáng kính. Cha biết đấy, chúng tôi là một gia tộc, chúng tôi có những họ hàng thân thích...

- Danh giá.

- Cha đã hiểu tôi: tất cả các vị ấy đều có bầu máu nóng trong huyết quản và đều có vị trí nhất định trên đời này. Ở đây có vấn đề danh dự, cái đó trở thành công việc và thế là... ngay cả một người vốn ưa sự hòa hiếu... Quả là một nỗi khổ tâm cho tôi, nếu tôi phải... nếu tôi ở trong tình trạng... tôi xưa nay bao giờ cũng rất có thiện cảm với các Đức cha dòng đạo hành khất...! Còn các Đức cha, thưa cha, để làm việc thiện, như các Đức cha vẫn làm trong việc giáo huấn mọi người, các Đức cha cũng cần sự bình an, không có chuyện xích mích, sống hòa thuận với những người mà... Vả chăng, các Đức cha còn có họ hàng trong cuộc đời thế tục... và những chuyện không hay đấy về vấn đề danh dự. chừng nào nó còn dây dưa, thì nó còn mở rộng mãi ra, lôi vào cuộc... cả một đống người. Còn tôi, tôi sung sướng được gánh vác một chức vụ nó buộc tôi phải giữ gìn một phẩm giá nào đó... Đức tướng công... các ông bạn đồng liêu của tôi... tất cả đều trở thành công việc của tập thể... nhất là với cái trường hợp khác thường này... Cha cũng biết những việc ấy rồi đi đến đâu.

- Quả thật cha Crixôfôrô là một người giảng đạo, - Đức cha hàng tỉnh nói, - và tôi đã có ý định nào đó... Vừa đúng dịp người ta đang đề nghị với tôi... Nhưng vào lúc này, trong những trường hợp này, điều đó có thể có vẻ như một hình phạt; và một hình phạt khi chưa hiểu rõ đầu đuôi sự việc...

- Không có hình phạt nào cả, không đây chỉ là một phương sách thận trọng, một biện pháp tiện lợi đôi đường, để ngăn

ngừa những tai họa có thể... tôi đã trình bày rõ ràng với cha rồi mà.

- Giữa ngài bá tước với tôi, vấn đề đúng là được hiểu như vậy; tôi đồng ý. Nhưng nếu sự việc quả thật như người ta đã báo cáo với đại nhân, thì theo tôi, không thể nào trong vùng ấy lại không có tiếng xì xào bàn tán. Khắp nơi đều có những kẻ chuyên kích động, chuyên reo rắc những mối bất hòa, hoặc ít ra những kẻ tò mò ác ý không thích thú gì hơn là được thấy các nhà quý tộc và các tu sĩ gây chuyện với nhau; và chúng đánh hơi, chúng bình luận, chúng bàn tán... Mỗi người đều có phẩm giá của mình, phải giữ gìn; về phần tôi, với tư cách là Đấng bề trên (dù không xứng đáng), tôi có bổn phận nghiêm ngặt... Danh dự của bộ áo... nó không thuộc về tôi, mà là của chung dòng đạo mà.. Vị cháu của ngài, vốn đang tức giận như thế, như chính đại nhân đã nói, có thể xem việc này như một sự rửa hồn cho ông ta và... tôi không nói là ông ta sẽ khoe khoang, lên mặt, nhưng...

- Sao cha lại nghĩ thế, thưa Đức cha rất đáng kính? Thằng cháu tôi là một nhà quý tộc được kính nể trong xã hội... theo địa vị nó và quyền lợi nó đáng được hưởng: nhưng trước mặt tôi nó là một đứa bé: và nó sẽ chỉ làm đúng răm rắp những gì chính tôi ra lệnh cho nó thôi. Tôi xin nói thêm với cha: thằng cháu tôi sẽ không biết gì hết về chuyện này. Chúng ta cần gì phải báo cáo với ai? Đây là những việc mà ta làm giữa chúng ta với nhau, trên tình bè bạn, và chỉ ta biết với nhau mà thôi. Về điều này xin cha đừng băn khoăn gì hết. Với tôi, tôi đã quen im lặng, - và ông thở hổn hển, - còn những đứa lắm mồm, - ông nói tiếp, - thì theo cha, chúng có thể nói gì được? Một tu sĩ đi giảng đạo nơi khác, thật là chuyện quá bình thường! Và cuối cùng, chúng ta là người nhìn thấy, là người

đoán trước... Vai trò của chúng ta là... chúng ta không việc gì phải lo lắng về những lời thêu dệt.

- Tuy vậy, để ngăn ngừa những lời thêu dệt ấy, trong trường hợp này vị cháu của ngài kể ra cũng nên cho thấy một biểu lộ gì, một dấu hiệu công khai gì của tình bạn, của sự kính nể... không phải đối với chúng tôi, mà đối với bộ áo...

- Tất nhiên, tất nhiên, đúng thế... Nhưng việc ấy không cần thiết; tôi biết là các tu sĩ dòng đạo hành khất bao giờ cũng được đón tiếp một cách xứng đáng ở nhà thằng cháu tôi. Nó làm việc ấy vì bản tính tự nhiên: đó là một thói quen của dòng họ chúng tôi: và nó cũng biết chiều ý tôi. Vả lại, trong trường hợp này... một cái gì ra ngoài sự bình thường... vâng, điều ấy rất đúng. Cha cứ mặc tôi làm thưa Đức cha rất đáng kính; tôi sẽ ra lệnh cho thằng cháu tôi... Nghĩa là, phải nói sao cho nó hiểu điều ấy một cách gián tiếp và thận trọng, để nó khỏi nghi ngờ về những chuyện đã xảy ra giữa chúng ta, bởi vì có lẽ ta cũng chẳng nên đi đắp thuốc lên chỗ không có vết thương. Và về những gì đã thỏa thuận giữa chúng ta, nếu làm sớm được thì tốt nhất. Và nếu ta có thể chuyển ông ấy đến nơi nào xa xôi một chút... để thật sự loại trừ mọi cơ hội...

- Vừa vặn ở Rimini người ta đang xin tôi một thầy giảng đạo; và có lẽ; chẳng vì duyên cớ nào khác, tôi cũng có thể lưu ý đến...

- Tuyệt diệu, tuyệt diệu. Vậy thì sao...?

- Vì sự việc đằng nào cũng phải làm, cho nên nó sẽ được làm sớm.

- Làm sớm, đúng đấy, làm sớm, thưa Đức cha rất đáng kính: việc hôm nay chớ để ngày mai. Thế còn ông đứng lên nói tiếp, - chúng tôi có thể giúp gì được cá nhân tôi cũng như dòng họ tôi, cho các tu sĩ dòng đạo hành khất yêu quý của chúng tôi không...

- Qua kinh nghiệm, chúng tôi cũng biết những cử nhân đức của dòng họ ngài rồi, - Đức cha đầu tỉnh nói, và đến lượt ông cũng đứng dậy và đi ra cửa, theo sau kẻ đã chiến thắng mình.

- Chúng ta đã giập tắt một tia lửa, - ông này đúng lại một lát nói, - một tia lửa, thưa Đức cha rất đáng kính, nó có thể gây nên một đám cháy lớn. Giữa bạn bè thân thiết với nhau, chỉ cần vài lời ta có thể thu xếp bao nhiêu chuyện.

Đi tới cửa, ông mở rộng cánh cửa và nhất định mời Đức cha đầu tỉnh qua trước; họ bước vào phòng bên và hòa với đám người còn lại.

Khi cần thu xếp một công việc, con người quyền cao chức trọng ấy đã biết bỏ ra bao công sức, bao nhiêu tài nghệ và bao nhiêu lời lẽ; nhưng ông cũng đã nhận được những kết quả tương xứng. Thật vậy, do được đối thoại mà chúng tôi đã thuật lại trên kia, ông đã khiến cha Crixôfôrô phải đi bộ từ Pexcarênicô đến Rimini một cuộc dạo chơi chẳng nhẹ nhàng chút nào.

Một buổi chiều, một thầy tu dòng đạo hành khất từ Milăng đến Pexcarênicô, mang theo một phong thư gửi đức cha tu viện trưởng. Phong thư ấy đựng bức lệnh cho cha Crixôfôrô phải đi Rimini giảng đạo trong suốt tuần chay. Lá thư gửi đức cha tu viện trưởng chỉ thị là phải thận trọng báo cho thầy tu này để ông gác bỏ mọi công việc ông có thể đang làm dở ông phải rời bỏ và sẽ không có thư từ liên lạc gì về đây nữa: thầy tu mang lá thư này phải là người bạn đồng hành của ông.

Đức cha tu viện trưởng không nói gì chiều hôm ấy, sáng hôm sau, cha cho gọi thầy Crixôfôrô đến, cho ông xem bức lệnh, bảo ông đi lấy bị, gậy, thắt lưng và lên đường ngay với thầy tu mà cha giới thiệu với ông.

Các bạn thử tưởng tượng cái đòn trời giáng xuống đầu vị tu sĩ của chúng ta như thế nào. Rendô, Luxia bà Anhedơ hiện ngay lên trong trí; và ông kêu thầm trong bụng, nếu có thể nói như vậy: "Ôi! lạy Chúa! Những kẻ khốn khổ ấy sẽ làm thế nào khi tôi không còn ở đây nữa!" Nhưng ông ngước mắt lên trời, và tự trách mình đã thiếu lòng tin, đã tưởng mình là cái gì cần thiết lắm. Ông khoanh tay trước ngực tỏ ý phục tùng cúi đầu trước đức cha tu viện trưởng. Đức cha gọi riêng ra một nơi và dặn dò ông một điều khác nữa, dưới hình thức một lời khuyên, nhưng thực chất là một mệnh lệnh. Thầy Crixôfôrô đi vào phòng trai của mình, lấy cái bị, đặt vào đó quyển sách kinh, quyển sưu tập những bài giảng đạo trong tuần chay. Và cái bánh xá tội, ông nịt áo dài bằng chiếc thắt lưng da, chia tay với các bạn tu sĩ đang có mặt ở tu viện, cuối cùng đến nhận lời cầu phước của đức cha tu viện trưởng, và cùng với người bạn đồng hành lên đường đi đến nơi đã định.

Chúng tôi đã nói rằng Đôn Rôđrigô, hơn bao giờ hết nhất quyết tiến hành bằng được mưu đồ đen tối của mình, đã quyết định cầu cứu một con người ghê gớm. Chúng tôi không thể cho biết họ, tên, chức tước người này và ngay cả đôi chút phỏng đoán về tất cả những điều đó: kỳ lạ hơn nữa là nhân vật này được nhắc đến trong nhiều cuốn sách thời ấy (tôi xin nói đó là những cuốn sách in). Sự giống nhau của các sự kiện cho thấy, không còn nghi ngờ gì nữa, đây vẫn chính là một con người; nhưng ở đâu người ta cũng cẩn thận tránh nói tên ông, dường như cái tên ấy sẽ đốt cháy ngòi bút và ngón tay người viết. Frăngxecô Rivôla, khi phải nói đến con người này trong cuốn tiểu sử đức Hồng y giáo chủ Fêđêrigô Bôrômêô, gọi ông là "một lãnh chúa vừa có quyền lực do của cải của mình vừa cao quý về dòng dõi" và không nói gì hơn nữa. Giuxep Ripamôngti

trong tập năm của phần năm cuốn *Storia patria*[1] nói đến ông nhiều hơn gọi ông là một người nào đó, ông này, ông ấy, con người này, nhân vật này. "Tôi xin kể lại, - ông nói trong thứ tiếng La tinh tuyệt vời của ông mà chúng tôi cố dịch với hết sức mình, - trường hợp một con người, vốn là một trong những người có thế lực nhất của thành phố, và đã xây dựng cơ ngơi của mình ở một vùng nông thôn gần biên giới: tại đây, ông củng cố địa vị mình bằng rất nhiều trọng tội, bấp chấp mọi bản án, mọi quan tòa, mọi quan chức chính quyền cũng như cả quyền lực nhà vua; ông sống một cuộc đời hoàn toàn độc lập, chứa chấp những kẻ bị trục xuất và bản thân ông cũng đã có thời kì bị trục xuất rồi lại trở về như không có chuyện gì xảy ra cả...". Chúng tôi sẽ mượn ở nhà văn này những đoạn trích khác khi cần đến để xác nhận hoặc để soi sáng câu chuyện con người vô danh ấy; và bây giờ chúng tôi cùng với ông tiếp tục thiên truyện của chúng tôi.

Làm những gì bị pháp luật ngăn cấm hoặc một thế lực nào cản trở, làm trọng tài, làm người chủ trong những công việc của người khác, chỉ đơn thuần do ý thích điều khiển; làm cho tất cả mọi người khiếp sợ đứng trên những kẻ vốn có thói quen đứng trên người khác: đó luôn luôn là những ham muốn chủ yếu của con người này. Ngay từ buổi thiếu thời, trước cảnh tượng và trước dư luận về biết bao sự lạm quyền, biết bao sự cạnh tranh, được nhìn thấy biết bao tên bạo chúa, cậu thanh niên ấy có một cảm giác lẫn lộn vừa công phẫn vừa thèm khát khôn nguôi. Trẻ tuổi và sống ở thành phố, anh không bỏ qua một cơ hội nào, và thậm chí còn tạo ra thời cơ, để gây sự với những kẻ nổi tiếng nhất trong cái nghề gây sự

---

[1] "Lịch sử nước nhà" (tiếng La tinh).

này, để thọc gậy bánh xe, để đọ sức với họ, và để cho họ một bài học hoặc bắt họ phải tìm cách kết bạn với mình. Vì anh trội hơn phần lớn bọn họ về của cải và về đám thuộc hạ, và có lẽ trội hơn tất cả về sự táo bạo và kiên trì, cho nên anh buộc nhiều kẻ phải từ bỏ mọi cạnh tranh với anh, anh làm cho không ít người phải điêu đứng và biến nhiều kẻ thành bạn của mình: không phải thành bạn bè ngang hàng của anh, và cũng chỉ vì thế mà họ mới có thể vừa ý anh, mà thành người bạn lệ thuộc, tự nhận là bộ hạ của anh, và đứng ở bên trái anh. Tuy vậy, trên thực tế, cũng có khi anh lại là tay chân, là công cụ của tất cả những người ấy: trong những mưu đồ của họ, họ không bỏ lỡ cơ hội yêu cầu sự giúp đỡ của một trợ thủ như thế; đối với anh, từ chối có nghĩa là tiêu ma danh tiếng, là không làm tròn nghĩa vụ của mình. Thành thử vì lợi của bản thân và anh cũng như của người khác, anh đã gây nên khiến cho ngay cả tên tuổi anh, họ hàng anh, bè bạn anh và sự táo bạo của anh cũng không đủ để bảo vệ anh chống lại những sự bài xích của công chúng và những mối hiềm thù dữ dội, đến nỗi anh đã phải núng thế và bỏ xứ mà đi. Tôi cho rằng sự việc đáng chú ý đã được Ripamôngti kể lại chính là nói đến trường hợp này: "Khi phải rời bỏ quê hương xứ sở, ông biểu lộ một thái độ ý tứ, kính cẩn, e sợ như thế này đây: ông cưỡi ngựa nghễu nghện xuyên qua thành phố, với một đàn chó chạy theo sau, giữa tiếng kèn đồng; và khi đi qua trước cung điện nhà vua ông giao cho đội thị vệ một bức thư đầy lời lẽ láo xược gửi ngài thống đốc".

Trong thời gian vắng mặt, ông không thay đổi chút nào những hành động của mình, và giữ nguyên quan hệ với các bè bạn, họ vẫn gắn bó với ông và cùng ông tạo thành để trích dẫn thật đúng nguyên văn của Ripamôngti, "một hội kín để tiến

hành những âm mưu tàn bạo và những việc làm thảm khốc". Thậm chí hình như khi ấy ông còn có những giao du mới và đáng sợ với những nhân vật cao cấp, về những giao du này nhà viết sử mà chúng tôi dẫn trên kia chỉ nói đến một cách vắn tắt bí hiểm. "Thậm chí một số vương hầu nước ngoài, - ông nói, - đã nhiều lần mượn tay ông trong một vụ giết người quan trọng nào đó, và thường từ xa tiếp viện đến cho ông những người để phục vụ dưới quyền ông".

Cuối cùng (không biết bao lâu) hoặc vì sắc lệnh phát vãng đã được bãi bỏ do sự can thiệp của một người có thế lực nào đó, hoặc vì sự táo bạo của con người này đã khiến ông trở thành bất khả xâm phạm, ông quyết định trở về nhà, và thật sự đã trở về, tuy vậy không phải về Milăng, mà về ở một tòa lâu đài gần biên giới vùng Becgam lúc này là một đại hạt của quốc gia Vơnidơ như mọi người biết. "Tòa lâu đài ấy (tôi lại dẫn lời Ripamôngti) cũng như một hang ổ để tổ chức những mưu đồ đẫm máu: những tôi tớ mà cái đầu đã bị treo giải thưởng và nghề của họ cũng là nghề đi chặt đầu; không một đầu bếp hoặc bếp phụ nào chưa qua việc giết người: cả đến bàn tay lũ trẻ nhỏ cũng đẫm máu". Ngoài đám tôi tớ ghê gớm ấy, còn một đám khác, như chính nhà sử học này khẳng định, gồm những kẻ cùng một giuộc ở rải rác như đóng đồn trên nhiều điểm khác nhau của cả hai quốc gia mà biên giới là nơi ông sống và những người này luôn luôn sẵn sàng thực hiện mọi mệnh lệnh của ông.

Tất cả những bạo chúa khác, trong một khu vực khá rộng quanh vùng, đều đã có dịp này dịp khác phải lựa chọn tình bạn hay mối thù của tên bạo chúa phi thường ấy. Nhưng những kẻ đầu tiên đã mưu mô chống lại ông đều bị khốn đốn đến nỗi không còn ai trong số họ dám lại có mưu đồ đó nữa. Và

ngay cả khi chỉ chăm lo công việc mình, với thái độ thật hiền lành, họ cũng không thể sống hoàn toàn độc lập đối với ông. Một trong những sứ giả của ông tới để ra lệnh phải từ bỏ một mưu đồ gì, phải thôi không được quấy rầy một con nợ nào, hoặc một lệnh khác tương tự; phải trả lời hoặc đồng ý hoặc không đồng ý. Khi một bên tranh chấp đã chịu thuần phục ông đến trình ông xét xử một sự việc nào đó, thì bên kia phải đứng trước một sự lựa chọn gay go, hoặc chấp nhận quyết định của ông hoặc tuyên bố là kẻ thù của ông; điều đó cũng chẳng khác gì, như người ta nói xưa kia, bị lao phổi đến thời kì thứ ba. Nhiều kẻ, vốn là trái, đã cầu cứu ông để trên thực tế thành ra phải; nhiều người, vốn là phải cũng tìm đến ông để tranh thủ một sự bảo trợ thật là hùng mạnh, và để ngăn không cho địch thủ có được sự bảo trợ đó: cuối cùng cả hai bên đều bị lệ thuộc vào ông.

Cũng có khi một kẻ yếu bị một tên cường bạo ức hiếp, hành hạ liền tìm đến ông; và ông đứng về phía kẻ yếu buộc tên cường bạo phải thôi ngay; phải đền bù lại tội ác hắn đã làm; phải xin lỗi; hoặc, nếu hắn cố tình ngoan cố, ông khai chiến với hắn quyết liệt đến nỗi buộc hắn phải rời bỏ những nơi hắn đã chuyên quyền ngang ngược, hoặc ông bắt hắn phải đền tội còn nhanh chóng và khủng khiếp hơn thế nữa. Và trong những trường hợp ấy, cái tên tuổi bị khiếp sợ và ghét cay ghét đắng lại một thời gian được quý chuộng; bởi vì vào thời ấy người ta không thể trông đợi ở một thế lực tư nhân hoặc xã hội nào tôi chưa nói cái công lý ấy, mà mới chỉ nói sự sửa chữa ấy, sự đền bù ấy. Thường xuyên hơn, và thậm chí thông thường, sức mạnh của ông đã được và vẫn đang được dùng để thỏa mãn những ý muốn bất công, những cuộc trả hờn hung bạo, những thói ngông cuồng kiêu ngạo.

Nhưng những cách sử dụng rất khác nhau của sức mạnh ấy bao giờ cũng tạo ra cùng một hiệu quả: để lại trong đầu óc mọi người một ấn tượng sâu sắc về tất cả những gì ông có thể muốn làm và làm không kể đó là chính nghĩa hay phi nghĩa, hai trở lực lớn đối với ý chí con người khiến họ thường phải chùn bước. Tiếng tăm những bạo chúa loại bình thường nói chung bị hạn chế trong cái địa hạt khá chật hẹp tại đó họ là những kẻ giàu sang nhất và có thế lực nhất: mỗi địa phương có những bạo chúa của nó, và họ giống nhau đến nỗi chẳng có lí do gì để người ta quan tâm đến những bạo chúa không trực tiếp đè đầu cưỡi cổ người ta. Nhưng danh tiếng con người này thì đã từ lâu vang lừng khắp công quốc Milăng, trong dân gian đâu đâu cũng truyền tụng những câu chuyện về cuộc đời ông; tên tuổi ông gắn liền với ý niệm về một sức mạnh không chống lại nổi, kì dị và siêu phàm. Nỗi e sợ, mà ở đâu đâu người ta cũng cảm thấy, đối với những bè cánh và những tên giết người thuê của ông càng khiến người ta phải luôn luôn cảnh giác với ông. Cái đó chẳng qua là những sự nghi ngờ, bởi vì ai lại công khai thú nhận một sự lệ thuộc như thế? Nhưng mỗi bạo chúa đều có thể là bè cánh của ông, mỗi tên cướp đều có thể là thuộc hạ của ông; và chính sự mơ hồ lại càng cho ý kiến thêm chắc chắn và nỗi sợ thêm sâu sắc. Và mỗi lần ở nơi nào xuất hiện những bộ mặt *lâu la* không quen biết và quá bỉ ổi, mỗi khi xảy ra một sự kiện khủng khiếp mà người ta không thể ngay lập tức chỉ ra hoặc đoán ra thủ phạm, thì người ta thốt lên, người ta xì xào cái tên của con người mà chúng tôi, do thói thận trọng kì lạ (để khỏi nói quá hơn nữa) của những tác giả của chúng tôi, buộc phải gọi là *Người Vô Danh*.

Từ tòa lâu đài to lớn của con người này đến lâu đài của

Đôn Rôđrigô không quá bảy dặm: và Rôđrigô nay khi trở thành ông chủ và bạo chúa; đã phải thấy rõ rằng, ở cách một con người như thế một quãng đường thật ngắn ngủi, hắn không thể làm nghề này mà không xung đột hòa thuận với ông ta. Vậy là hắn đến làm quen với *Người Vô Danh* và trở thành bạn của ông ta, nghĩa là cũng theo khuôn mẫu chung của mọi người, hắn đã giúp ông ta nhiều việc (về điều này bản thảo không cho biết gì hơn); và mỗi lần như vậy hắn nhận được những lời hứa hẹn được giúp đỡ lại trong bất cứ dịp nào. Tuy vậy hắn cũng phải mất nhiều công sức che giấu một tình bạn như thế, hoặc ít ra cũng không để người ta thấy nó mật thiết đến mức nào, vì tính chất nó là gì. Đôn Riđrigô rất thích làm bạo chúa, nhưng không phải theo kiểu ngoài vòng pháp luật: cái nghề này đối với hắn là một phương tiện, không phải một mục đích: hắn muốn được tự do ở thành phố, được hưởng những tiện nghi, những khoái lạc, những công danh chức tước của cuộc sống văn minh, và để được như vậy hắn cần phải giữ gìn chút ít, phải coi trọng họ hàng, phải giao du với những người quyền cao chức trọng, phải đặt bàn tay lên cán cân công lý, để khi cần sẽ làm nó nghiêng về phía hắn hoặc hoàn toàn loại bỏ nó, hoặc tiện dịp thì dùng ngay nó đập vào đầu những kẻ mà người ta có thể trừng trị bằng cách ấy dễ hơn bằng vũ lực của bản thân mình. Thế nhưng tình bạn thân thiết, hoặc hơn thế nữa sự kết bè kết đảng với một con người loại này một kẻ thù công khai của các nhà cầm quyền chắc chắn không có lợi gì cho hắn, nhất là dưới con mắt của ông bác bá tước. Tuy vậy một quan hệ bạn bè nhất định mà hắn không thể che giấu cũng có thể được xem là sự giao du cần phải có với một người mà việc gây thù chuốc oán sẽ vô cùng nguy hiểm, và do đó có thể được miễn thứ vì cần thiết: bởi vì

cái người có nhiệm vụ trông nom đến những người khác mà không có được thiện ý ấy, hoặc không có cách gì để làm việc ấy, thì cuối cùng cũng phải bằng lòng để cho những người kia tự đảm nhiệm lấy công việc của họ đến một mực nào đó; và nếu ông ta không tỏ thái độ ưng thuận rõ ràng thì ít ra cũng nhắm mắt bỏ qua.

Một buổi sáng Đôn Riđrigô, trong bộ đồ đi săn, lên ngựa ra khỏi nhà cùng một đám tùy tùng nỏ những tên *lâu la* đi bộ; Gridô đi bên cạnh ngựa của hắn và bốn tên *lâu la* khác đi sau. Và hắn tiến thẳng đến lâu đài của *Người Vô Danh*.

Chương hai mươi

Lâu đài của *Người Vô Danh* nhô lên trên một thung lũng hẹp và âm u, chiếm một đỉnh cao trước mặt một dãy núi hiểm trở, và thật khó nói đỉnh cao ấy nối liền với dãy núi hay tách rời khỏi nó bởi những tảng đá và khối đất lở chất đồng cùng những hang động và khe vực chi chít kéo dài cả trên hai sườn của cao điểm. Cái sườn duy nhất có thể đi lên được là ở phía thung lũng: dốc ở đây khá dựng đứng, nhưng đều đặn, phía trên phủ những thảm cỏ và phía dưới là những cánh đồng trồng trọt với những túp nhà nhỏ rải rác đó đây. Đáy thung lũng là một lòng suối với những hòn cuội lớn, đó là dòng chảy của một con suối nhỏ hay một dòng thác lớn tùy theo từng mùa trong năm; vào thời kỳ ấy nó dùng làm biên giới giữa hai quốc gia. Những ngọn núi đối diện, dường như tạo thành một vách núi khác của thung lũng, cũng có vài cánh đồng trồng trọt ở bên dưới sườn dốc; còn lại chỉ là những sông núi, những tảng đá và những bờ dốc dựng đứng không có đường đi và trơ trụi không cây cối ngoài một vài bụi rậm trong các hẻm núi và trên các đỉnh núi.

Từ trên cao điểm của tòa lâu đài đầy sát khí ấy, như con đại bàng trong hang ổ đẫm máu của mình, vị lãnh chúa dữ tợn

chế ngự tất cả khoảng không gian xung quanh như bàn chân con người có thể đặt tới và ông không bao giờ thấy ai trên đầu mình. Bằng một cái liếc mắt, ông có thể bao quát tất cả khung cảnh chung quanh, những sườn dốc, lòng thung lũng, những con đường qua lại ở đây. Con đường quanh co uốn khúc đi lên cái nơi ở khủng khiếp này phơi ra dưới mắt người từ trên cao nhìn. xuống như một dải băng ngoằn ngoèo. Từ các cửa sổ, các lỗ châu mai, vị lãnh chúa có thể tha hồ đếm những bước chân của người đi tới, và chĩa súng vào anh hàng trăm lần. Và cho dù đó là một đội quân hùng hậu, ông vẫn có thể, với đồn trại có những tên *lâu la* trấn giữ từ trên cao, đánh ngã trên đường hoặc hất xuống vực sâu nhiều kẻ tấn công mà không để một tên nào có thể bò lên tới đỉnh. Hơn nữa không chỉ ở trên cao, mà ngay trong thung lũng và dù chỉ là đi qua đó thôi, cũng không ai dám đặt chân tới nếu không tin chắc là đã được cảm tình của ông chủ lâu đài. Còn như một người lính cảnh sát nào xuất hiện ở đây, anh ta sẽ bị coi như một tên do thám thù địch bị bắt trong doanh trại. Người ta kể nhiều câu chuyện bi thảm về những người lính cảnh sát đã muốn thử vào đây; nhưng đó là chuyện cũ, và không một người trẻ tuổi nào trong vùng còn nhớ đã trông thấy trong thung lũng một người vào loại ấy sống hay chết.

Vị tác giả vô danh của chúng ta đã miêu tả nơi này như thế, còn về tên địa điểm, ông không nói gì cả; và thậm chí, để chúng ta không theo dõi được đường đi, ông không nói gì về cuộc hành trình của Đôn Rôđrigô mà đưa hắn thẳng đến giữa thung lũng, dưới chân cao điểm, ngay đầu con đường dốc dựng đứng và quanh co. Tại đây có một quán rượu, mà ta cũng rất có thể gọi là một trạm gác. Một tấm biển cũ treo trên cửa có vẽ hình mặt trời chói lọi ở cả hai mặt; nhưng dư luận nhân dân,

có khi nhắc lại các tên gọi đúng như họ được biết và cũng có khi sửa lại các tên gọi theo cách của họ, chỉ gọi quan rượu này là quán *Đêm bất hạnh*.

Nghe tiếng ngựa đến gần, một anh chàng khỏe mạnh vũ trang như một tên Hồi giáo hiện ra trên ngưỡng cửa. Anh ta liếc nhìn một cái và vào báo với ba tên cướp đang mải chơi những quân bài bẩn thỉu và gấp lại theo hình viên ngói. Một tên có vẻ tốp trưởng đứng dậy đi ra cửa, và nhận ra bạn ông chủ mình, kính cẩn chào khách, Đôn Rôđrigô chào lại rất lịch sự và hỏi thăm vị lãnh chúa có ở lâu đài không; tên tốp trưởng trả lời hình như có, Riđrigô bèn xuống ngựa và ném dây cương cho Tiradrittô một trong những tên tùy tùng. Hắn cởi súng trao cho Môngtanarilô, như để trút bỏ một gánh nặng vô ích và đi lên nhanh hơn; nhưng thật ra bởi vì hắn biết rõ là không được phép trèo lên cái dốc này với khẩu súng trên người. Rồi hắn lấy trong túi vài đồng *beclingơ* đưa cho Tanabuxô, và nói: "Các anh ở lại đây đợi tôi; và trong thời gian ấy hãy vui chơi một chút với các anh bạn tốt bụng này". Cuối cùng hắn lấy ra mấy đồng êquy vàng đặt vào tay tên tốp trưởng một nửa cho tên này và một nửa để chia cho đồng bọn. Rồi cùng với Gridô, tên này cũng để súng lại, hắn bắt đầu trèo bộ lên dốc. Trong thời gian ấy, ba tên *lâu la* kể trên và tên thứ tư Xcanhtecnôttô (các bạn thử xem những cái tên đẹp đẽ mà vị tác giả vô danh đã giữ lại cho chúng ta cẩn thận đến thế!)[1] ở lại với ba tên kia cùng với cả tốp trưởng đáng treo cổ chơi bài, uống rượu, và kể lại với nhau những chiến công oanh liệt của chúng.

---

[1] Quả thật những biệt hiệu này do Mendôni lấy từ những tập kí sự thời ấy và đã sửa lại, một số dường như là tiếng vang của những con quỷ dưới địa ngục của Đăngtơ, đại khái có nghĩa là: Đâm thăng (Tiradritto). Người dân sơn cước (Montanarolo). Sào huyệt tối tăm (Tanabuso) và tên thợ vụng (Squinternotto).

Một tên *lâu la* khác của *Người Vô Danh* cùng đi lên chẳng mấy chốc đã bắt kịp Đôn Rôđrigô; hắn nhìn và cùng đi, nhờ thế miễn được cho Đôn Rôđrigô cái việc chán ngắt phải xưng danh rồi lại phải nói hắn là ai với tất cả những tên khác có thể gặp và không biết hắn. Lên tới lâu đài hắn được dẫn vào (nhưng phải để Gridô ngoài cổng), theo một đường quanh co những hành lang tối om và đi qua một dãy phòng trên tường treo những cây súng hỏa mai, những thanh kiếm những cái kích, và trong mỗi phòng đều có vài tên lâu la đứng gác. Cuối cùng, sau khi đã đợi một lúc, hắn được đưa vào một phòng trong đó có *Người Vô Danh*.

Ông này đi ra gặp hắn, đáp lễ, và đồng thời nhìn vào tay và mặt hắn, như ông ta vẫn thường làm gần như vô ý thức với tất cả những người đến gặp ông ta, cho dù đó là những bạn bè cũ nhất và tin cẩn nhất. Ông ta to lớn, hói đầu; đôi sợi tóc thưa thớt còn lại đều đã bạc; khuôn mặt răn reo; thoạt nhìn, người ta phải đoán ông già hơn cái tuổi sáu mươi của ông, nhưng phong thái ông, những động tác của ông, nét mặt đanh thép, anh mắt hung dữ mà linh lợi của ông, biểu lộ lên một sức mạnh về thể lực và tinh thần hiếm thấy ngay cả ở một người trẻ tuổi.

Đôn Rôđrigô nói là hắn đến hỏi xin những lời khuyên nhủ à sự giúp đỡ của ông ta, và hắn đang mắc vào một công việc hó khăn mà vì danh dự nên không thể rút lui, cho nên hắn nhớ đến những lời hứa của một người rất dè sẻn lời hứa nhưng không bao giờ hứa hão; và hắn bắt đầu trình bày âm mưu tội lỗi của mình. *Người Vô Danh*, cũng đã biết đôi điều về việc này nhưng chưa thật rõ, chăm chú lắng nghe, vì thói hiếu kì muốn biết những chuyện như thế, và cũng bởi vì trong chuyện ấy có dính đến tên một người mà ông biết rõ và ghét cay ghét

đắng: linh mục Crixôfôrô, kẻ thù công khai của những tên bạo chúa, không chỉ trên lời nói, mà khi khả năng cho phép, cả trên hành động.

Đôn Rôđrigô, biết mình đang nói với ai, liền phóng đại những khó khăn của công việc: khoảng cách giữa hai nơi, một tu viện, bà Xinhora!... Đến đây *Người Vô Danh,* dường như có con quỷ nấp trong người ra lệnh, đột ngột ngắt lời người nói chuyện, nói là ông sẽ đảm nhiệm việc này. Ông ghi tên cô Luxia khốn khổ của chúng ta, cho Đôn Rôđrigô về, và nói: "Ít hôm nữa, tôi sẽ cho anh biết những việc anh phải làm".

Nếu bạn đọc còn nhớ anh chàng Egiđiô ở gần tu viện Luxia ẩn náu, thì bây giờ xin bạn đọc biết cho đó là một trong những tên đồng lõa thân cận nhất và trung thành nhất trong những vụ phạm tội của *Người Vô Danh*: chính vì thế ông mới hứa nhanh chóng và dứt khoát đến thế. Nhưng vừa ngồi lại một mình ông đã cảm thấy, tôi không nói hối hận, mà là ghê rợn vì đã hứa như thế. Đã từ ít lâu nay ông bắt đầu cảm thấy, nếu không phải là lương tâm cắn rứt, thì ít ra cũng là một tâm trạng chán chường về những tội ác của mình. Những tội ác chồng chất trong ký ức ông, nếu không phải trong lương tâm ông, cứ mỗi lần phạm một tội ác mới lại được khơi dậy, và hiện lên trong trí ông với tất cả vẻ kinh tởm và khối lượng khổng lồ của chúng; nó như một gánh nặng đã khó chịu lắm rồi mà cứ không ngừng tăng mãi. Cái cảm giác ghê tởm mà ông cảm thấy khi phạm những tội ác đầu tiên nhưng rồi sau đã được khắc phục và hầu như mất hẳn, thì bây giờ lại bắt đầu thấy hiện lên. Nhưng nếu trong những thuở ban đầu, hình ảnh một tương lai lâu dài, vô định về cảm giác về một sức sống mãnh liệt trong người đã khiến tâm trí ông tràn ngập một niềm tin vô tư, thì bây giờ ngược lại, những ý nghĩ về tương lai lại càng

làm cho quá khứ thêm đau buồn. "Tuổi già! Cái chết! Và rồi sao nữa?"

Và, điều kì lạ, hình ảnh cái chết, mà mỗi lần đứng trước một mối hiểm nguy, đối diện với một kẻ thì thường làm cho nghị lực con người nầy tăng lên gấp bội, làm nảy sinh trong ông một cơn giận dữ đầy dũng khí, thì cũng hình ảnh ấy hiện ra trước mắt ông trong đêm khuya tĩnh mịch, trong tòa lâu đài kiên cố lại khiến tâm hồn ông tràn ngập một mối kinh hoàng đột ngột. Không phải cái chết bị đe dọa bởi một kẻ địch bản thân hắn cũng có thể chết. Đây là cái chết mà người ta không thể đánh lui bằng những vũ khí sắc bén hơn, bằng một cánh tay lanh lẹ hơn; cái chết này đến một mình, nó hiện lên từ bên trong; có lẽ còn xa nhưng mỗi lúc một tới gần; và trong khi tâm trí ông đau đớn vật vã để xua đuổi ý nghĩ ấy, thì nó cứ tới gần. Trong thời gian đầu những tấm gương rất thường thấy và cái cảnh tượng có thể nó là liên miên của những chuyện bạo ngược, trả thù, giết người đã thôi thúc ông lao vào một cuộc đua tranh hung tợn, và thậm chí đã trở thành như một cái mốc vững chắc để chống lại lương tâm ông; bây giờ đây trong tâm trí ông thỉnh thoảng lại nảy ra ý niệm mơ hồ nhưng khủng khiếp về một sự phán xử của cá nhân, về một lẽ phải độc lập đối với mọi tấm gương; giờ đây khi mà ông đã trội lên trên cái đám tội phạm tầm thường và đã vượt qua tất cả bọn chúng, thì điều đó lại gây cho ông một cảm giác cô đơn đáng sợ.

Chúa trời mà ông đã từng nghe nói đến, lâu nay chẳng bận tâm chối cãi hay thừa nhận vì ông chỉ biết một điều là sống như không hề có Chúa, thế mà giờ đây vào đôi lúc buồn vô cớ, sợ hãi không đâu, dường như ông nghe thấy Chúa kêu lên ở bên trong người ông: "Ta vẫn tồn tại đấy chứ!". Trong

những cơn dục vọng sôi sục trước kia, cái luật lệ, mà ít ra ông cũng nghe nói là được tuyên bố nhân danh Chúa, đối với ông chỉ có vẻ đáng ghét: bây giờ khi nó bất thần trở lại trong trí ông, thì tâm trí ông bất đắc dĩ phải quan niệm luật ấy như một điều có thể thực hiện. Nhưng ông chẳng hề thổ lộ nỗi lo âu mới này với bất cứ ai, thậm chí ông còn vùi sâu nó xuống đáy lòng, che đậy nó dưới hình thức bên ngoài rầu rĩ và dữ tợn hơn; và bằng cách ấy, ông cũng cố che giấu nó ngay với bản thân mình và giập tắt nó đi. Vô cùng thèm khát cái thời kì (bởi vì ông không thể xóa bỏ nó, cũng không thể quên nó) mà ông có thể phạm tội không bị lương tâm cắn dứt không có mối lo nào khác cái lo chiến thắng, ông cố sức để kéo dài thời kì ấy trở lại, để giữ gìn hoặc lấy lại cái ý chí cũ hết sức sôi động, kiêu hãnh, kiên cường của ông, để tự thuyết phục rằng mình vẫn luôn luôn là một con người như trước, nhưng tất cả những cố gắng ấy đều vô hiệu.

Chính là trong tình thế ấy, ông vội trao ngay lời cam kết của mình cho Đôn Rôđrigô, để tự ngăn mình không được trù nữa. Nhưng Rôđrigô vừa đi khỏi, ông đã cảm thấy nao núng không còn đầy đủ quyết tâm giữ lời hứa như trước, ông cảm thấy dần dần lộ ra những tư tưởng cám dỗ ông làm sai lời hứa, chúng có thể làm ông xấu mặt trước một người bạn, trước một tên a tòng tầm thường. Cho nên, để cắt đứt ngay lập tức sự trù trừ đau khổ ấy, ông gọi tên Hibiô[1] đến, một trong những tên tay sai khôn khéo nhất và gan dạ nhất chuyên thực hiện những tội lỗi tày trời của ông, mà ông thường sử dụng để liên lạc vơi Egidiô. Với vẻ quả quyết, ông ra lệnh cho hắn lên ngựa ngay tức khắc, đến thẳng Mônda,

---

[1] Lại một biệt hiệu "đẹp đẽ" nữa của bọn lâu la có nghĩa "con diều hâu".

báo cho Egiđiô biết lời cam kết của ông và nhờ hắn giúp đỡ để thực hiện lời cam kết đó.

Tên liên lạc hung ác trở về sớm hơn ông chủ chờ đợi, mang theo lời phúc đáp của Egiđiô việc này dễ và chắc ăn, chỉ cần gửi nay đến cho hắn một xe ngựa với vài ba tên *lâu la* cải trang thật khéo, còn hắn đảm nhiệm tất cả phần còn lại và sẽ điều khiển công việc. Được tin ấy, dù trong thâm tâm ông cảm thấy thế nào đi nữa, *Người Vô Danh* hạ lệnh ngay cho chính Nibiô chuẩn bị tất cả như Egiđiô đã dặn, và lên đường làm việc này với hai người khác nữa do ông chỉ định.

Nếu như để thực hiện, cái việc khủng khiếp người ta nhờ hắn giúp đỡ mà Egiđiô chỉ trông cậy vào những thủ đoạn thông thường, thì chắc chắn hắn đã không thể hứa hẹn nhanh chóng và dứt khoát đến thế. Nhưng ở ngay cái nơi ẩn náu này mà dường như tất cả đến là trở ngại, anh chàng trẻ tuổi tàn nhẫn ấy nắm trong tay một phương tiện mà chỉ riêng mình hắn biết; và cái mà đối với người khác có lẽ là khó khăn lớn nhất thì đối với hắn lại chính là công cụ của thắng lợi. Chúng tôi đã kể câu chuyện bà Xinhora bất hạnh có lần dỏng tai nghe những chuyện của hắn như thế nào và bạn đọc chắc cũng hiểu cái lần ấy không phải lần chót, mà chỉ là bước đầu trên con đường ghê tởm và đẫm máu. Cũng cái tiếng nói ấy, đã từng có sức mạnh đối với bà và có thể nói là có uy quyền bắt bà phạm tội ác, thì giờ đây nó buộc bà phải hi sinh cô gái thơ ngây đang được bà che chở.

Lời đề nghị thật khủng khiếp đối với Giectơruyt. Giá sử bị mất Luxia trong một hoàn cảnh bất ngờ, mà không phải do lỗi của mình, thì đã là một tai họa, một hình phạt đau xót đối với Giectơruyt: ấy thế mà người ta hạ lệnh cho bà phải mất cô bằng một việc làm gian giảo tội lỗi, và phải biến một hình

phạt đền tội thành một sự cắn dứt lương tâm mới. Con người khốn khổ cố tìm mọi cách để lẩn tránh cái lệnh khủng khiếp ấy, tất cả mọi cách, trừ cái cách chắc chắn duy nhất luôn bày ra trước mắt bà. Tội ác là một ông chủ khắc nghiệt và không lay chuyển được, mà chỉ kẻ nào dám công khai chống lại nó có thể mạnh hơn nó. Giectơruyt không muốn quyết tâm như thế, và bà khuất phục.

Cái ngày ấn định đã tới, giờ ước hẹn đến gần. Giectơruyt lánh mình với Luxia trong phòng khách riêng của bà, bộc lộ với cô những cử chỉ thân tình hơn thường ngày, Luxia đón nhận và đáp lại bằng một vẻ âu yếm mỗi lúc thêm đằm thắm: cô như con cừu non, run rẩy không sợ sệt dưới bàn tay người chăn cừu nắm lấy nó và khẽ lôi nó đi, nó còn quay đầu lại liếm bàn tay chủ, không biết rằng ở bên ngoài chuồng cừu anh hàng thịt đang đợi vì người chăn cừu vừa mới bán nó cho anh ta.

- Ta có một việc quan trọng cần được giúp đỡ, và chỉ có em mới có thể làm việc đó. Ta không thiếu gì người dưới quyền, nhưng không có ai tin cậy được, không có ai cả. Vì một việc quan trọng mà ta sẽ kể với em sau, ta cần nói chuyện ngay không chậm trễ với đức cha tu viện trưởng dòng đạo hành khất, cái người đã dẫn em đến đây với ta đấy, em Luxia đáng thương của ta ạ; nhưng cũng phải làm sao để không ai biết là chính ta đã phái người đi tìm ông. Ta chỉ còn em để thực hiện nhiệm vụ này một cách kín đáo.

Luxia ngạc nhiên và kinh hãi trước một yêu cầu như thế, và với tính nhút nhát thường ngày, nhưng cũng chẳng giấu giếm nỗi kinh hoàng của mình cô đưa ra ngay để xin được miễn nhiệm vụ này, những lí do mà bà Xinhora hẳn là phải hiểu và đã nhìn thấy trước; không có mẹ, không có ai cùng đi,

trên con đường vắng vẻ, ở một miền xa lạ. Nhưng Giectơruyt, đã qua trường học của quỷ xứ, về phía mình tỏ ra hết sức ngạc nhiên và phiền lòng vì gặp phải một sự kháng cự như thế ở con người mà bà tưởng là có thể tin cậy được hơn cả, và bà có vẻ như thấy những lời thoái thác của cô thật hão huyền! Giữa ban ngày, cách đây hai bước chân, trên con đường mà Luxia mới đi mấy ngày trước, và cho dù cô không biết đường đi thì chỉ cần chỉ đường cho cô là cũng không thể lạc được!... Bà nói thế nào cô gái đang thương thành ra đồng cảm và đồng thời hơi tự ái buột miệng hỏi:

- Thôi được, con phải làm gì bây giờ?

- Em hãy đến tu viện dòng đạo hành khất, - và bà vạch đường cho cô. - Em hãy nhờ gọi đức cha tu viện trưởng ra và, chỉ có hai người với nhau thôi, em nhắn ông đến gặp ta ngay; nhưng dặn ông đừng nói với ai là chính ta đã cho mời ông đến.

- Nhưng con sẽ nói với bà gác cổng thế nào, bà chưa bao giờ thấy con ra ngoài và sẽ hỏi con đi đâu?

- Hãy cố qua cổng đừng để bà thấy; và nếu không qua lọt, em nói với bà là em đến nhà thờ nọ vì đã hẹn cầu kinh ở đó.

Lại một khó khăn mới đối với cô gái: phải nói dối; nhưng bà Xinhora lại tỏ ra hết sức phiền muộn vì những sự ngập ngừng của cô, bà nói cho cô hiểu rằng đặt một điều lo ngại hão huyền lên trên lòng biết ơn như vậy là rất xấu, khiến cho Luxia choáng váng vì những lời của bà hơn là được thuyết phục và nhất là mủi lòng hơn bao giờ hết, đáp lại:

- Thôi được, con đi. Cầu Chúa phù hộ cho con! - Và cô ra đi.

Khi Giectơruyt vẫn nhìn theo cô từ sau chấn song bằng đôi mắt chăm chú và ảm đạm trông thấy cô đặt chân lên ngưỡng cửa, thì như dưới sự thôi thúc của một tình cảm không cưỡng lại được, bà buột miệng nói với cô:

- Luxia, em nghe đây!

Cô gái quay lại và đến bên chấn song. Nhưng một ý nghĩ khác, một ý nghĩ vẫn thường là ý nghĩ mạnh nhất, đã lại át đi tất cả trong tâm trí bà Giectơruyt khốn khổ. Làm như chưa hài lòng về những lời dặn dò của mình, bà lại bắt đầu chỉ dẫn cho Luxia rõ con đường cô phải theo, rồi cho cô đi và nói:

- Hãy làm tất cả như ta đã nói với em, và trở về cho sớm.

Luxia ra đi.

Cô qua cổng tu viện mà không ai để ý rồi ra ngoài đường, đầu cúi gằm và đi sát vào tường. Nhờ những lời chỉ dẫn và cả trí nhớ của bản thân mình cô tìm thấy cổng thị trấn, qua cổng và đi trên đường cái, đăm chiêu và hơi run sợ, chẳng mấy chốc đã tới con đường dẫn đến tu viện: cô nhận ra ngay con đường ấy.

Trước kia và ngày nay vẫn thế, con đường này thụt sâu như một lòng sông giữa hai bờ cao với những bụi cây mọc hai bên tạo thành một thứ vòm cuốn bên trên. Luxia đi vào đó và thấy con đường vắng tanh vắng ngắt, cô càng cảm thấy kinh sợ vội rảo bước; nhưng một lát sau cô đã hơi vững dạ một chút khi trông thấy một xe ngựa đỗ bên đường và cạnh đó, trước cánh cửa xe mở toang, hai người hành khách đứng nhìn quanh quẩn như phân vân không biết đi lối nào. Cô bước tiếp và nghe thấy một trong hai người kia nói. - Kìa, có một cô gái tốt bụng có thể chỉ đường cho ta đấy.

Thật vậy, khi cô đi ngang qua cái xe thì chính người ấy, với một vẻ lịch thiệp dễ thương hơn dung mạo ông ta, quay lại phía cô và nói:

- Này, cô gái, cô có thể làm ơn chỉ cho chúng tôi đường đi Mônda được không.

- Nếu các ông đến đó thì ngược đường rồi, - cô bé đáng

thương đáp, - Mônda ở phía này... - và cô quay lại mình để giơ ngón tay chỉ, thì đúng lúc ấy tên thứ hai (chính là Nibiô) bất thình lình nắm lấy ngang lưng cô nhấc lên một cái; tên cướp dùng vũ lực quẳng cô vào trong xe; một người ngồi đằng trước giữ lấy cô, và mặc cho cô gái cố giãy giụa, la hét hắn ấn cô ngồi xuống ngay trước mặt hắn. Một tên khác nhét chiếc khăn tay vào mồm cô, khiến cổ cô tắc nghẹn không kêu được. Trong khi ấy, cả Nibiô cũng chui vào trong xe rất nhanh, đóng cánh cửa xe, và chiếc xe phóng đi vun vút.

Cái người đã hỏi cô câu hỏi phản phúc còn dừng lại trên đường, liếc nhìn tứ phía, để xem ai nghe thấy tiếng kêu của Luxia mà chạy đến không: không có ai cả. Hắn bèn bám lấy một cây trong bụi rậm nhảy lên bờ dốc và biến mất. Người ấy là một trong những tên cướp của Egiđiô, hắn đã đứng phục sẵn, với cái vẻ thản nhiên như không, ở cửa nhà ông chủ hắn để nhìn Luxia ra khỏi tu viện. Hắn đã quan sát cô thật kĩ để có thể nhận dạng sau này, và theo đường tắt chạy đến đợi cô ở nơi quy định.

Giờ đây ngọn bút nào có thể tả được nỗi kinh hoàng lo sợ của Luxia và diễn đạt được những gì đang diễn ra trong tâm hồn cô? Cô mở to đôi mắt kinh hãi, lo lắng nhận ra tình thế khủng hoảng của mình, và lại nhắm mắt ngay vì khiếp sợ trước những bộ mặt kinh tởm ấy; cô vặn mình cố giãy ra, nhưng bị giữ chặt lại từ bốn phía. Cô lấy hết sức xô đẩy thật mạnh để lao ra cánh cửa nhưng hai cánh tay lực lưỡng giữ cô lại như bị chôn chân vào phía trong cùng xe và bốn bàn tay hộ pháp khác giữ chịt cô ở đó. Mỗi lần cô há miệng muốn kêu, thì cái khăn tay bịt miệng lại làm cô nghẹn cổ. Trong khi ấy thì ba cái mồm quỷ sứ, cố hết sức lấy giọng người, không ngừng vỗ về: "Im, im nào, đừng sợ, chúng tôi không muốn làm hại cô đâu".

Sau một hồi vật vã đau đớn như vậy, cô có vẻ nguôi đi, cô buông hai tay, ngoặt đầu về phía sau, khó nhọc giương đôi mắt đờ đẫn, và những bộ mặt kinh tởm lù lù trước mắt cô dường như lẫn vào nhau và quay cuồn trong một mớ hỗn độn khủng khiếp. Mặt cắt không còn hột máu và ướt đẫm mồ hôi lạnh, cô xỉu người, và ngất đi.

- Nào, nào, đừng sợ, - Nibiô nói.

- Đừng sợ, đừng sợ, - hai tên cướp kia nhắc lại.

Nhưng tình trạng hôn mê hoàn toàn đã khiến Luxia lúc ấy không còn phải nghe lời khích lệ của những tiếng nói kinh tởm ấy.

- Mẹ kiếp! - Có lẽ nó chết rồi! - Một tên nói, - Và nhỡ nó chết thật thì sao?

- Ồ, chết thế nào! - Tên kia nói. - Chỉ là một cơn ngất thường thấy ở đàn bà. Về phần tao, tao biết là khi tao muốn đưa một đứa nào sang bên kia thế giới dù đàn ông hay đàn bàn, thì còn phải có nhiều chuyện ghê gớm nữa cơ.

- Thôi đi! - Nibiô nói. - Hãy làm phận sự của chúng mày đi, đừng có lôi thôi. Lôi súng ở thùng xe ra và sẵn sàng chiến đấu, bởi vì trong khu rừng ta sắp vào vẫn luôn có bọn cướp ẩn nấp. Không phải cầm tay như thế, mẹ kiếp! Để súng sau lưng ấy, đặt nằm xuống: chúng mày không thấy đứa con gái này như con gà non ướt sũng chỉ một chút gì đó cũng đủ chết ngất đi hay sao? Nếu nó trông thấy súng ống, nó có thể chết thật lắm. Và bao giờ nó hồi tỉnh, chúng mày cẩn thận đừng có làm nó sợ; đừng đụng đến nó trừ phi tao ra hiệu cho chúng mày. Mình tao cũng thừa đủ giữ nó rồi. Và câm mồm đi để tao nói.

Trong khi ấy thì cái xe, vẫn phóng nước đại, lao vào trong rừng.

Một lúc sau, cô gái Luxia đáng thương bắt đầu hồi tỉnh,

như vừa ra khỏi một giấc mộng triền miên, nặng nhọc, và mở mắt ra. Cô không dễ gì phân biệt được ngay những con người ghê gớm ngồi vây quanh cô, và không dễ gì tập hợp được những suy nghĩ của mình lại: cuối cùng cô lại hiểu ra cái tình thế khủng khiếp ấy là thế nào. Việc đầu tiên của cô là tập trung chút sứ tàn mới hồi phục nhảy xổ ra cánh cửa xe một lần nữa để lao ra ngoài; nhưng cô bị giữ lại, và chỉ có thể thoáng nhìn thấy cảnh vắng vẻ hoang đã của nơi cô đi qua. Cô lại kêu lên một tiếng Nibiô, giơ bàn tay hộ pháp với chiếc khăn tay của hắn lên, lấy hết giọng dịu dàng với cô:

- Thôi nào, đừng nói gì cả, như thế tốt hơn cho cô; chúng tôi không muốn làm hại cô đâu; nhưng nếu cô không im đi, thì chính chúng tôi sẽ bắt cô phải im.

- Thả tôi ra! Các ông là ai? Các ông đưa tôi đi đâu? Tại sao các ông cướp tôi đi? Thả tôi ra, thả tôi ra!

- Tôi đã nói với cô là đừng sợ; cô không phải trẻ con, và cô phải hiểu là chúng tôi không muốn làm hại cô. Cô không thấy à nếu chúng tôi có ác ý, thì chúng tôi đã có thể giết cô hàng răm lần rồi hay sao? Vậy thời cô cứ ngồi im đấy.

- Không, không cứ mặc tôi đi con đường của tôi: tôi không uen biết các ông.

- Nhưng chúng tôi, chúng tôi lại biết cô.

- Ôi, lạy Đức mẹ Đồng trinh! Các ông làm sao biết tôi được? Các ông làm phúc thả tôi ra. Các ông là ai? Tại sao các ông cướp tôi đi?

- Bởi vì người ta đã ra lệnh cho chúng tôi.

- Ai? Ai? Ai có thể ra lệnh cho các ông làm việc này?

- Im nào! - Nibiô nói với vẻ mặt nghiêm nghị. - Với chúng tôi người ta không hỏi lục vấn như thế.

Luxia định thử một lần nữa bất ngờ lao ra cánh cửa xe,

nhưng thấy việc làm ấy vô ích, cô lại quay sang van xin họ. Đầu cúi xuống, đôi má đẫm lệ, giọng nức nở, hai tay chắp trước miệng như cầu kinh, cô nói:

- Ôi! Vì lòng kính yêu Chúa và Đức mẹ chí thánh, các ông hãy thả tôi ra! Tôi có làm gì hại các ông đâu nào? Tôi là một đứa con gái khốn khổ chẳng làm gì các ông cả. Còn những gì các ông đã làm với tôi, tôi sẵn lòng tha thứ cho các ông và tôi sẽ cầu Chúa cho các ông; nếu các ông cũng có một người con gái, một người vợ, một người mẹ, các ông thử nghĩ xem họ đau khổ như thế nào nếu họ ở trong tình trạng như tôi hiện nay. Các ông hãy nhớ rằng tất cả chúng ta đều phải chết, và rồi sẽ có ngày các ông cầu mong Thượng đế rủ lòng thương xót các ông. Thả tôi ra, thả tôi ra ở đây: Thượng đế sẽ chỉ cho tôi thấy đường về.

- Chúng tôi không thể thả cô được.

- Các ông không thể? Ôi, lạy Chúa! Tại sao không? Các ông muốn đưa tôi đi đâu? Tại sao?...

- Chúng tôi không thể thả cô được, có thế thôi. Cô đừng sợ, vì chúng tôi không muốn làm hại cô: cô cứ ngồi im và sẽ không ai đụng đến cô cả.

Mỗi lúc thêm thất vọng, hốt hoảng kinh hãi, vì thấy lời nói của mình không có tác dụng gì. Luxia quay về với Người nắm trong tay trái tim của mọi người và có thể, khi Người muốn, làm mềm cả những trái tim sắt đá nhất. Cô cố sức thu mình lại trong góc xe, khoanh tay trước ngực, và khấn thầm một lúc trong im lặng; rồi cô rút tràng hạt ra và bắt đầu lần tràng hạt đọc kinh, với lòng tin nhiệt thành hơn bao giờ hết trong đời cô.

Thỉng thoảng với niềm hi vọng nhận được ân huệ mà cô cầu khẩn, Luxia quay lại van nài những người lạ mặt một lần

nữa: nhưng vẫn vô ích; rồi cô lại ngất đi, rồi lại hồi tỉnh để lại sống những nỗi lo âu mới.

Nhưng chúng tôi không còn lòng dạ nào để miêu tả dài hơn nữa: một tình thương, một nỗi đau sâu sắc thôi thúc chúng tôi tới ngay lúc kết thúc cuộc hành trình hơn bốn tiếng đồng hồ này; và sau những giờ ấy, chúng ta sẽ còn những giờ khác cũng đầy lo âu như thế phải trải qua. Ta hãy tới tòa lâu đài nơi người ta đang đợi cô gái đáng thương.

Người vô danh đang đợi cô, với một vẻ bồn chồn, lo ngại khác thường. Thật kì lạ! Con người này, đã từng thản nhiên quyết định tính mạng bao người khác, trong cả việc làm của mình thường không đếm xỉa gì đến những nỗi đau ông gây ra, hoặc có để ý đến đôi lần cũng để tận hưởng cái khoái cảm man rợ của sự trả thù, thì bây giờ, khi cướp đoạt cô gái không quen biết này, cô nông dân đáng thương này, lại cảm thấy như là một sự ghê tởm, tôi có thể nói gần như một sự sợ hãi.

Từ một cửa sổ cao trên lâu đài, ông đã đứng nhìn một lúc lâu xuống đầu đường thung lũng; và kìa, ông thấy hiện ra chiếc xe ngựa đang chầm chậm tiến lên, bởi vì cái nước đại ban đầu đã làm cho những con ngựa hết hung hăng vì kiệt sức. Và mặc dầu từ nơi ông nhìn cái xe có vẻ không to gì hơn một đồ chơi trẻ con, ông vẫn nhận ra nó ngay và cảm thấy trống trực mình càng đập mạnh hơn.

"Liệu cô ta có trong đó không? - Ông nghĩ ngay; và ông tự nhủ tiếp. - Cô gái này gây cho ta biết bao phiền muộn! Ta rũ nó đi cho sạch nợ!"

Và ông đã toan gọi một tên cướp, phái ngay nó đi đón cái xe để ra lệnh cho Nibiô quay lại và đưa cô gái ấy đến lâu đài của Rôđrigô. Nhưng một *không* dõng dạc vang lên trong người ông và đánh tan ý định ấy. Tuy vậy vẫn bứt rứt bởi

nhu cầu ban ra một lệnh nào đó, và không chịu nổi tình trạng cứ đứng đó không làm gì, để đợi cái xe đang tiến lên bước một ì ạch như một sự phản phúc hoặc, ai mà biết được? Như một sự trừng phạt, ông cho gọi một trong những bà hầu già của ông tới.

Là con gái một người gác lâu đài trước kia, bà sinh ra ngay trong lâu đài và đã sống suốt đời ở đây. Những điều bà trông thấy và nghe thấy từ thuở ấu thơ đã in sâu trong tâm trí bà một ý niệm oai nghiêm và khủng khiếp về quyền thế các ông chủ; và phương châm chủ yếu của bà đã rút ra từ những lời dặn bảo và những tấm gương được thấy là phải phục tùng tất cả mọi ý muốn của họ, bởi vì họ có thể gây nên nhiều tai họa, và cũng có thể ban cho nhiều ân huệ. Ý thức trách nhiệm, vốn có mầm mống trong lòng tất cả mọi người, phát triển trong tâm hồn bà đồng thời với một niềm tôn kính, sợ hãi, trung thành mù quáng, nó kết hợp và thích ứng với những tình cảm ấy. Khi *Người Vô Danh* đã trở thành ông chủ bắt đầu sử dụng quyền lực của mình một cách hết sức khủng khiếp, bà thoạt đầu cảm thấy có phần kinh tởm, đồng thời cũng mang một tinh thần phục tùng sâu sắc hơn. Dần dần bà đã quen với những điều mắt thấy tai nghe hàng ngày; ý muốn mãnh liệt và không gì kiềm chế được của một lãnh chúa có thế lực đối với bà cũng giống như một sự phán quyết không thể tránh khỏi.

Lúc đã đứng tuổi, bà lấy một người hầu trong nhà, và ít lâu sau, khi tham gia một cuộc xuất kích nguy hiểm, chồng bà đã bỏ xương bên đường và để lại cho người vợ góa trong lâu đài. Sự trả thù ngay sau đó của vị lãnh chúa là niềm an ủi cho nỗi đau hung ác của bà và khiến bà càng kiêu hãnh được đặt mình dưới một sự bảo trợ như thế. Từ đó, bà rất ít khi ra

ngoài lâu đài; và dần dần những khái niệm của bà về cuộc sống chỉ còn là những khái niệm và thu nhận được ở nơi này. Bà không được giao hẳn một việc gì, nhưng trong cái đám kẻ cướp ấy bao giờ cũng có tên đưa cho bà một việc gì đó để làm; và điều đó khiến bà tức tối. Khi thì vá áo quần, khi thì hấp tấp dọn thức ăn cho những tên đi đánh về, khi thì săn sóc những tên bị thương. Đã thế những mệnh lệnh, những lời trách móc, những câu cám ơn của bọn người ấy bao giờ cũng có chen vào những lời chế giễu và chửi bới; họ thường gọi bà là *mụ già*; và những hình dung từ mà tên này hay tên khác luôn luôn thêm vào thì thay đổi tùy theo hoàn cảnh và tâm tính người nói. Còn bà, bị bực mình vì chỉ muốn nhàn thân và bị khiêu khích khi đang tức giận, bởi vì đó là hai thói xấu chủ yếu của bà, đôi khi cũng đối đáp lại bằng những lời lẽ trong đó Xatăng nhận ra tài năng mình có lẽ còn rõ hơn cả trong những lời lẽ của bọn người trêu chọc bà.

- Bà có nhìn thấy chiếc xe đằng kia không? - Vị lãnh chúa nói với bà.

- Dạ thấy, - bà già đáp, chìa cái cằm nhọn ra đằng trước, và giương đôi mắt sâu hoắm trợn trừng lên, tưởng như những con mắt muốn bật ra ngoài hốc mắt.

- Bà cho sửa soạn ngay một cái kiệu, bà ngồi vào đó và báo chúng kiệu bà đến quán *Đêm bất hạnh*. Đi ngay, để tới đó trước cái xe; vả chăng cái xe ấy cũng tiến chậm như rùa. Trong xe có... chắc phải có một cô gái. Nếu có cô gái trong đó, bà chuyển lời tôi nói với Nibiô để hắn đặt cô gái ngồi lên kiệu, còn hắn thì đến gặp tôi ngay. Còn bà, bà ở lại trong kiệu với... cái cô gái ấy, và khi cả hai đã về đây, bà dẫn cô ấy về phòng bà. Nếu cô ta hỏi bà dẫn cô đi đâu, lâu đài này của ai, thì bà liệu giữ mồm giữ miệng đừng có...

- Ồ, thưa ông chủ! - bà già nói.

- Nhưng. - *Người Vo Danh* nói tiếp, - bà hãy cố làm cho cô ấy yên lòng.

- Vậy con phải nói gì với cô ta?

- Bà phải nói gì à? Làm cho cô ấy yên lòng, tôi đã bảo bà như vậy mà. Bà đã sống đến tuổi này không phải là không biết làm thế nào khích lệ một người khi cần thiết! Bà không bao giờ đau lòng ư? Bà không bao giờ sợ hãi ư? Chẳng lẽ bà không biết những lời nào có thể an ủi người ta vào những lúc ấy? Bà hãy nói với cô ta những lời ấy: tìm ra những lời ấy mà nói; quỷ tha ma bắt bà đi. Mau lên!

Khi bà già đã đi khỏi, ông đứng lại một lúc bên cửa sổ, mắt vẫn chằm chằm nhìn cái xe đã có vẻ to lên nhiều. Rồi ông ngước nhìn mặt trời lúc này đang khuất sau rặng núi, rồi ông lại nhìn lên những đám mây màu nâu tản mác bên trên trong phút chốc đã trở thành gần như màu lửa. Ông lui về, đóng cửa sổ, và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, với bước đi của một khách lữ hành vội vã.

Chương hai mươi mốt

Bà già vội vàng tuân lệnh, và điều khiển với quyền uy và cái tên ấy truyền cho bất cứ người nào nhân danh nó, và nó làm cho tất cả mọi người phải cuống quýt lên, bởi vì không ai lại nghĩ rằng có kẻ nào dám táo gan mạo nhận cái tên ấy. Quả thật bà đến quán *Đêm bất hạnh* trước cái xe một chút; vừa thấy xe tới, bà ra khỏi kiệu, làm hiệu cho bác đánh xe dừng lại và đến bên cánh cửa xe; Nibiô thò đầu ra, bà thì thầm thuật lại với hắn những lệnh của ông chủ.

Khi xe đỗ lại, Luxia rùng mình, và bừng tỉnh như vừa ra khỏi một cơn mê. Cô lại run sợ, há miệng, và mở to mắt nhìn. Nibiô đã lùi về phía sau, và bà già, cái cằm kề bên cánh cửa xe, nhìn Luxia nói:

- Ra ngoài này, cô gái, ra ngoài này, cô bé tội nghiệp, ra đây với già, vì già được lệnh săn sóc em và an ủi em.

Nghe tiếng đàn bà, cô bé đáng thương có một phút yên lòng và bạo dạn hơn, nhưng rồi lại rơi ngay vào một nỗi khiếp sợ lạnh người.

- Cụ là ai? - Cô run run nói, đôi mắt kinh ngạc nhìn chằm chằm vào khuôn mặt bà già.

- Lại đây, lại đây, cô bé tội nghiệp của già, - bà già nhắc

lại. Nibiô và hai tên đồng bọn, nghe những lời lẽ và giọng nói dịu dàng một cách khác thường của bà già, đoán ý chủ chúng và cố nhẹ nhàng thuyết phục nạn nhân của chúng nghe lời. Nhưng cô vẫn chỉ nhìn ra ngoài và mặc dầu cảnh hoang dã của nơi xa lạ này và vẻ vững dạ của những tên canh giữ không hé cho cô thấy một chút hi vọng có thể trông chờ người đến cứu, cô vẫn há miệng toan kêu lên. Nhưng trông thấy Nibiô trợn tròn mắt cầm chiếc khăn tay dọa, cô nén tiếng kêu lại, run rẩy, quay đi, để chúng đặt vào trong kiệu. Bà già cũng lên kiệu sau cô; Nibiô dặn hai tên cướp kia đi đằng sau, còn tự mình trèo nhanh lên núi để chạy đến nhận lệnh ông chủ.

- Bà là ai? - Luxia lo ngại hỏi người đàn bà xa lạ và xấu xí này. - Tại sao tôi ở đây với bà? Tôi đang ở đâu đây? Bà đưa tôi đi đâu?

- Đến nhà một người mong muốn điều hay cho em, - bà già đáp, - đến nhà một đại... sung sướng thay cho kẻ nào được ông gia ơn cho. Em thật may mắn đấy, phải rất may ắn. Em đừng sợ, cứ vui lên, vì người ta đã ra lệnh cho già phải làm em yên lòng. Em sẽ nói với ông ấy, đúng không nào, là già đã làm em yên lòng rồi nhé?

- Ông ấy là ai? Tại sao lại có chuyện này? Ông ấy muốn gì ở tôi? Tôi có thuộc quyền ông ấy đâu? Bà cho tôi biết tôi đang ở đâu: thả tôi ra; hãy nói với những người kia thả tôi ra, đưa tôi vào một nhà thờ nào đó. Ôi! Bà cũng là một phụ nữ mà, lạy Đức Mẹ đồng trinh...!

Cái tên hiền từ và thiêng liêng ấy, mà thời con gái xưa kia bà đã bao lần sùng kính thốt lên, và đã từ lâu lắm bà không cầu đến nữa và có lẽ cũng không ai nghe nhắc đến, lúc này đây gây ra trong tâm trí bà lão khốn khổ một cảm giác mơ hồ,

kì lạ, từ từ lan tỏa, như kỉ niệm về ánh sáng ở một ông già bị mù từ nhỏ.

Trong khi ấy *Người Vô Danh* đứng ở cổng lâu đài nhìn xuống; ông trông thấy cái kiệu tiến lên từ từ như cái xe lúc nãy, và đằng trước đó, mỗi lúc một cách xa thêm, tên Nibiô đang chạy lên dốc. Khi hắn đã lên tới trên cao, vị lãnh chúa ra hiệu cho hắn theo ông, và đi với hắn vào một căn phòng của lâu đài.

- Thế nào? - Ông đứng lại hỏi hắn.

- Tất cả đã được thực hiện đúng răm rắp. - Nibiô nghiêng mình đáp, - tin báo về kịp thời, cô gái đến đúng lúc, địa điểm vắng tanh, chỉ một tiếng kêu, chúng quanh không một bóng người, lão đánh xe lanh lẹn, ngựa phi như bay, không một trở ngại dọc đường. Nhưng...

- Nhưng sao?

- Nhưng... nói thật lòng, con muốn được lệnh cho nó một hát súng vào lưng, còn hơn phải nghe nó nói, phải nhìn tận mặt nó.

- Sao? Sao kia? Mi muốn nói gì?

- Con muốn nói là trong suốt thời gian ấy, suốt thời gian ấy... Con bé làm con thương hại quá.

- Thương hại à? Mi biết gì về thương hại? Thương hại cái gì?

- Con chưa bao giờ biết rõ điều đó như lần này: thương hại, đó là một cái gì gần như sợ hãi; nếu ta để nó xâm chiếm lòng mình, ta không còn là đàn ông nữa.

- Nào, vậy nó làm gì mà khiến mi phải thương hại?

- Ôi vị lãnh chúa quang vinh! Trong suốt thời gian dài cô ta chỉ... chỉ khóc, chỉ van xin, và đưa mắt cầu khẩn, và mặt

mày trắng bệch ra như đã chết, rồi lại nức nở van xin, và nói lên những lời...

"Ta không muốn đứa con gái này ở lâu đài ta, - trong khi ấy *Người Vô Danh* nghĩ. - Ta thật ngu xuẩn đâm đầu vào việc này; nhưng ta đã hứa ta đã hứa. Bao giờ tống cổ nó đi...". Rồi ông ngẩng đầu, và bằng một giọng ra lệnh nói với Nibiô:

- Bây giờ thì mi hãy xếp cái lòng thương hại của mi lại: hãy lên ngựa, lấy thêm một thằng, hoặc hai nếu mi muốn, và phóng ngay đến nhà ông Đôn Rôđrigô ấy mà mi đã biết. Nói với ông phái ngay... không được chậm chễ một giây, nếu không thì...

Nhưng một tiếng *không* khác trong lòng mạnh hơn ngăn không cho ông nói hết.

- Không, - ông nói bằng một giọng quả quyết, như để tự tuyên bố với mình mệnh lệnh của tiếng nói thầm kín ấy, - Không; mi đi nghỉ đi, và sáng mai... mi sẽ làm cái việc ta sẽ dặn mi.

"Đứa con gái này hẳn phải có con quỷ nào giúp nó, - sau đó ông nghĩ, khi đã đứng một mình, khoanh tay trước ngực, đôi mắt đờ đẫn nhìn góc sàn nhà tại đây ánh trăng lọt qua cửa sổ trên cao in một hình vuông sáng mờ mờ mà bóng những chấn song lớn cắt thành hình bàn cờ và bóng những ô kính chia thành những hình vuông nhỏ hơn nữa. - Một con quỷ nào, hoặc... một thiên thần nào phù hộ nó... Làm cho thằng Nibiô cũng phải thương hại!... Sáng mai, sáng sớm mai, tống cổ nó khỏi nơi đây; cho nó đi theo số phận của nó, và ta không nói gì đến nó nữa, và ông tiếp tục tự nhủ với cái giọng người ta ra lệnh cho một đứa bé ngỗ ngược mặc dầu biết là nó sẽ không nghe lời, - và ta không nghĩ đến nó nữa, và cái thằng chó Đôn Rôđrigô ấy cũng đừng đến làm đau đầu ta với những lời cám

ơn của hắn bởi vì... ta không muốn nghe nói đến đứa con gái ấy nữa. Ta đã giúp hắn việc này.. vì ta đã hứa: và ta đã hứa bởi vì... số phận ta là như vậy. Nhưng ta muốn rằng vì cái việc giúp đỡ này, hắn sẽ phải trả giá đắt cho ta! Xem nào..."

Và ông muốn nghĩ ra một việc gì thật nguy hiểm mà ông có thể yêu cầu Đôn Rôđrigô coi như sự đền bù, và gần như một sự trừng phạt; nhưng một lần nữa trong đầu ông lại vang lên những tiếng: làm cho thằng Nibiô cũng phải thương hại!

"Nó đã làm thế nào mà được như vậy? - Ông tiếp tục tự nhủ, bị ám ảnh bởi ý nghĩ ấy của mình. - Ta muốn được nhìn thấy nó... Chà! Không... Phải, ta muốn được nhìn thấy nó".

Và, đi từ phòng này sang phòng nọ, ông đến một cầu thang nhỏ, mò mẫm lên thang gác, đến buồng bà già và lấy chân đá cánh cửa.

- Ai đấy?

- Mở cửa.

Nghe giọng nói ấy, bà già vội chạy nhanh tới, và lập tức người ta nghe tiếng then cửa kêu lạch cạch, và cánh cửa mở ra. Đứng ở ngưỡng cửa, *Người Vô Danh* liếc nhìn quanh phòng, và dưới ánh sáng lờ mờ của một ngọn đèn trên bàn, ông trông thấy Luxia ngồi bó gối dưới đất trong cái xó xa cánh cửa nhất.

- Con mụ khốn kiếp, ai bảo mụ ném cô ta vào đó như một cái bị giẻ rách vậy? - ông tức giận nói với bà già.

- Cô ta muốn ngồi đâu thì ngồi như thế đấy ạ, - bà già khúm núm đáp, - con đã cố hết sức để làm cô ấy yên lòng; tự cộ ấy cũng có thể nói với ngài như vậy; nhưng không có cách gì an ủi được cô ta.

- Cô đứng lên, - *Người Vô Danh* đến bên Luxia nói với cô. Nhưng khi nghe tiếng đạp cửa, trông thấy cánh cửa mở ra,

con người ấy hiện lên và nói với cô, Luxia hồn xiêu phách lạc càng ngồi co rúm lại trong xó buồng, mặt úp vào hai bàn tay, không cử động, nhưng toàn thân run bần bật.

- Nào, đứng dậy, tôi có muốn làm hại cô đâu... Và tôi còn có thể giúp đỡ cô nữa, - vị lãnh chúa nhắc lại. - Đứng lên! - Ông gầm lên nói tiếp, tức giận vì đã hai lần ra lệnh mà không được.

Dường như sự khiếp sợ lại trả lại sức lực cho cô, vào lúc đau khổ đến cực điểm cô gái bật dậy quỳ trên hai đầu gối, và chắp tay như quỳ trước một tượng thánh, cô ngước nhìn mặt *Người Vô Danh*, rồi cụp ngay mắt xuống nói:

- Tôi đây, ông giết tôi đi.

- Tôi đã nói với cô là tôi không muốn làm hại cô, - *Người Vô Danh* đáp bằng một giọng dịu đi, chăm chú nhìn khuôn mặt rã rời vì buồn phiền và kinh hãi.

- Đừng sợ, đừng sợ, - bà già nói, - bởi vì ngài đã nói với em như thế, ngài đã nói là ngài không muốn làm hại em mà...

- Thế tại sao, - Luxia cãi lại bằng một giọng run lên vì sợ hãi, nhưng trong đó người ta vẫn cảm thấy như là thái độ cương quyết của một lòng phẫn nộ tuyệt vọng. - Tại sao lại bắt tôi chịu tất cả những cực hình của địa ngục? Tôi đây, tôi đây, tôi đã làm gì ông nào?

- Người ta đã ngược đãi cô chăng? Cô nói đi.

- Ồ, ngược đãi à! Họ đã cướp tôi đi, bằng sự lừa dối, bằng vũ lực. Tại sao vậy? Tại sao họ lại cướp tôi đi? Tại sao tôi lại ở đây? Tôi đang ở đâu thế này? Tôi là một đứa con gái khốn khổ; tôi đã làm gì ông nào? Lạy Chúa...

- Chúa, Chúa, *Người Vô Danh* ngắt lời, - lúc nào cũng Chúa; những kẻ không thể tự mình bảo vệ mình, những kẻ không có sức mạnh, bao giờ cũng đưa vị Chúa ấy ra, cứ như là

họ đã hỏi xin ý kiến vị Chúa ấy rồi. Cô muốn yêu sách gì với cái tiếng ấy? Muốn bắt ta phải...? - Và ông bỏ lửng câu nói.

- Trời ơi! Yêu sách! Tôi đây, một con bé khốn khổ, tôi còn có thể yêu sách gì, ngoài cái điều ông rủ lòng thương tôi? Chúa sẽ tha thứ cho biết bao tội lỗi chỉ vì một việc làm từ thiện! Ông hãy thả tôi ra vì lòng nhân từ, ông hãy thả tôi ra? Chẳng hay gì cái việc làm tình làm tội một con người đáng thương, khi người ta một ngày kia rồi cũng phải chết. Ôi! Ông là người nắm quyền hành trong tay, xin ông hãy hạ lệnh cho họ thả tôi ra. Họ đã dùng vũ lực bắt tôi đến đây. Ông hãy cho tôi cùng đi với người đàn bà này về ở đó có mẹ tôi. Ôi, lạy đức Thánh mẫu Đồng trinh, hãy để tôi về với mẹ tôi! Tôi tôi, xin ông rủ lòng thương, để tôi về với mẹ tôi! Có lẽ mẹ tôi cũng không ở xa đây. Tôi đã trông thấy những rặng núi quê tôi! Ông làm tôi đau khổ để làm gì? Hãy đưa tôi vào một nhà thờ. Tôi sẽ suốt đời cầu nguyện cho ông. Ông mất gì một tiếng nói? Ôi, đây này, tôi thấy rõ là ông đã bắt đầu mủi lòng rồi; ông nói lên một tiếng đi, ông nói lên một tiếng đi, ông nói lên. Chúa tha thứ cho biết bao tội lỗi chỉ vì một việc làm từ thiện!

"Ôi, tại sao đây không phải là con gái của một trong những thằng chó ấy đã phát vãng ta, - *Người Vô Danh* nghĩ, con gái của một trong những tên hèn nhát ấy đã muốn thấy ta chết. Nếu vậy thì bây giờ ta đã khoái trá được nghe những tiếng rên rỉ, nhưng trái lại..."

- Xin đừng xua đuổi trong lòng ông một ý định tốt đẹp, - Luxia sôi nổi nói tiếp, phấn khởi vì thoáng thấy vẻ ngập ngừng trên khuôn mặt và trong thái độ ông. - Nếu ông không ban cho tôi một ân huệ này, thì Chúa cũng sẽ ban cho tôi. Người sẽ cho tôi chết, và đối với tôi tất cả là xong, nhưng còn ông!... Rồi một ngày kia có lẽ cũng đến lượt ông... Nhưng

không, không; tôi sẽ luôn luôn cầu Chúa để người tránh cho ông mọi tai họa. Ông mất gì một tiếng nói? Giá như ông biết là tôi phải chịu đựng nỗi đau khổ như thế nào...!

- Thôi được, cô cứ yên lòng, - *Người Vô Danh* ngắt lời, với một vẻ dịu dàng khiến bà già ngơ ngác như từ trên trời rơi xuống. - Chẳng hay người ta đã hành hạ gì cô? Người ta có đã hăm dọa cô chăng?

- Ồ không! Tôi thấy ông có lòng tốt, và ông đã thương đến con bé khốn khổ là tôi đây. Nếu ông muốn ông đã có thể làm tôi phải khiếp sợ hơn tất cả những người khác, ông đã có thể bắt tôi phải chết, nhưng ngược lại ông đã giúp tôi nhẹ bớt nỗi đau lòng. Chúa sẽ đền đáp cho ông. Ông hãy làm nốt công việc từ thiện của ông đi, ông hãy thả tôi ra, thả tôi ra.

- Sáng mai...

- Ôi, xin ông thả tôi bây giờ, ngay lúc này...

- Sáng mai, tôi đã nói với cô như vậy, ta sẽ gặp nhau. Thôi nào, trong khi chờ đợi cô cứ yên lòng. Cô nghỉ đi. Cô hẳn cũng cần phải ăn rồi đấy. Họ sẽ mang lại cho cô một chút gì đó.

- Không, không, tôi chết ngay nếu có kẻ nào vào đây, tôi chết ngay. Ông hãy đưa tôi đến nhà thờ... Chúa sẽ đền đáp cho ông về việc này.

- Một người đàn bà sẽ mang đồ ăn đến cho cô, - *Người Vô Danh* nói; và nói xong, chính ông cũng kinh ngạc vì đã có một ý định như thế, và đã thấy cần phải nghĩ ra điều đó để làm yên lòng một cô gái yếu đuối.

- Còn bà, - ông quay sang bà già nói luôn, - bà hãy dỗ dành cô ấy ăn; bà cho cô ngủ trên giường này; và nếu cô muốn ngủ với bà, càng tốt; nếu không, bà có thể ngủ tạm một đêm dưới đất. Hãy an ủi cô ấy, ta dặn bà như vậy; cố làm cho cô ấy khuây khỏa. Và đừng để cô phải than phiền gì về bà đấy!

Nói xong ông đi nhanh ra cửa. Luxia đứng lên và chạy theo để định giữ ông lại và nhắc lại lời cầu khẩn của mình; nhưng ông đã đi khuất.

- Ôi, sao mà tôi khốn khổ thế này. Đóng ngay, đóng ngay cửa lại, - và sau khi đã nghe hai cánh cửa khép lại và then cài lạch cạch, cô lại đến ngồi thu mình trong góc phòng. - Ôi, sao mà tôi khốn khổ thế này! - cố lại nức nở lên. - Tôi biết cầu xin ai bây giờ? Tôi đang ở đâu đây? Bà hãy cho tôi biết, bà già nhân đức, cho tôi biết vị lãnh chúa ấy là ai... cái người đã nói chuyện với tôi ấy?

- Là ai, hử? Là ai à? Cô muốn tôi nói với cô điều ấy. Thế thì đợi đấy! Bởi vì ông ta che chở cô, cô đâm ra kiêu ngạo, và cô muốn được thỏa mãn, còn tôi thì giơ đầu chịu báng. Đã vậy cô đi mà hỏi ông ta. Nếu tôi dại dột chiều ý cô cả trong việc này, người ta sẽ không nói với tôi những lời đẹp như đã nói với cô đâu. Tôi là một mụ già, một mụ già, - bà lầm bầm nói tiếp. - Thật đáng ghét những đứa con gái trẻ được người ta thích nhìn thấy chúng khóc, thích nhìn thấy chúng cười, và chúng bao giờ cũng phải cả".

Nhưng, nghe Luxia nức nở, bà lại nhớ đến những mệnh lệnh đe dọa của ông chủ, bà cúi xuống cô gái đáng thương đang ngồi bó gối ở xó buồng và dịu dàng nói tiếp:

- Thôi nào, già có nói xấu gì em đâu: em vui lên. Em đừng hỏi những điều mà già không thể nói với em. Còn những chuyện khác thì em cứ yên lòng. A, giá như em rõ là biết bao người sẽ rất sung sướng nếu được nghe ông nói với họ như đã nói với em. Em vui lên, vì người ta sắp dọn cho em ăn rồi; và già hiểu... theo cách ông đã nói với em như thế thì có nhiều điều hay đấy. Rồi em lên giường nằm và... già hi vọng là em cũng để cho già một góc nho nhỏ nữa chứ nhỉ, - bà nói thêm bằng một giọng cố nén vẻ hằn học.

- Tôi không muốn ăn, tôi không muốn ngủ. Hãy để tôi yên: bà đừng gần tôi! Bà cũng đừng bỏ tôi đi!

- Không, không đâu, - bà già nói, lùi xa ra và ngồi lên một chiếc ghế cũ, tại đây bà lườm cô gái bằng cặp mắt vừa sợ hãi vừa oán hận. Rồi bà nhìn cái giường của bà, tức tối vì có thể bị đuổi khỏi giường này suốt đêm và bà làu bàu vì lạnh. Nhưng bà lại tươi tỉnh nghĩ đến bữa ăn tối, với hi vọng cũng có phần mình trong đó.

Luxia không để ý thấy trời lạnh, không cảm thấy đói, và dường như bị choáng, ngay cả với những nỗi đau khổ, kinh hãi của mình cô cũng chỉ có một cảm giác mơ hồ, như những hình ảnh trong cơn sốt mê sảng.

Cô rùng mình khi nghe tiếng gõ cửa; ngẩng khuôn mặt tái đi vì khiếp sợ, cô kêu lên:

- Ai đấy? Ai? Không ai được vào đâu!

- Cố gì đâu, có gì đâu: tin mừng, - bà già nói, - Mụ Macta mang đồ ăn đến đấy mà.

- Đóng cửa lại, đóng cửa lại! - Luxia kêu lên.

- Vâng, đóng ngay, đóng ngay lập tức, - bà già đáp; rồi, sau khi nhận cái giỏ từ tay mụ Macta, bà đuổi mụ ra, lại đóng cửa, và đặt giỏ thức ăn lên bàn ở giữa phòng. Rồi bà khẩn khoản mời Luxia đến thưởng thức những thức ăn ngon ấy. Bà dùng những lời bà cho là công hiệu nhất để khêu gợi sự thèm ăn của cô bé đáng thương, bà reo lên ca ngợi những món ăn sơn hào hải vị: - Những miếng ngon thế này, những người như già đây mà được nếm thì nhớ suốt đời! Lại cả thứ rượu ông chủ vẫn uống với bạn bè nữa chứ... rượu này thì chỉ khi nào có khách đến thăm... và khi các quan lớn muốn vui chơi với nhau! Chà! - Và bà chép miệng thèm thuồng. Nhưng nhận thấy tất cả những sự cám dỗ ấy chẳng ăn thua gì, bà nói: - Chính cô

không muốn đấy nhé. Ngày mai đừng có đi nói với ông ấy là tôi không dỗ dành cô. Còn tôi thì tôi ăn đây; vẫn còn khối, khi nào cô biết điều và muốn nghe lời thì đến mà ăn.

Nói xong bà hục đầu vào ăn ngấu nghiến. Khi đã no nê, bà đứng lên, đến góc phòng và cúi xuống Luxia, bà lại mời cô ăn để còn đi ngủ.

- Không, không, tôi không muốn gì hết, - cô gái đáp, giọng thều thào và như ngái ngủ. Rồi cô kiên quyết hơn, nói tiếp: - Cửa đóng chưa? Đóng chắc chưa? - Và sau khi đưa mắt nhìn khắp phòng, cô đứng lên, hai tay quờ quạng đằng trước, bước dò dẫm đi ra phía đó.

- Bà già chạy đến cửa trước cô, cầm lấy then cửa lắc mạnh và nói:

- Em nghe thấy chưa, trông thấy chưa: đóng chắc chưa nào? Bây giờ thì em bằng lòng rồi nhé?

- Ôi, bằng lòng! Tôi bằng lòng ở đây! - Luxia nói, quay lại cái xó của mình. - Nhưng Chúa cũng biết là tôi ở đây cơ mà!

- Em lên giường đi, làm gì mà nằm cuộn tròn như một con chó vậy? Khi người ta có quyền được hưởng tiện nghi, ai lại từ chối bao giờ?

- Không, không: cứ để tôi yên.

- Tự em đấy nhé. Đây này, già nhường cho em chỗ tốt: già nằm ở mép giường; chính vì em mà già sẵn lòng chịu cực. Nếu em muốn nằm giường, em cũng tự biết phải làm thế nào. Đừng quên là già đã mời mọc em nhiều rồi đấy. - Nói xong, bà cứ để nguyên quần áo như thế lăn ra giường. Căn phòng chìm trong yên lặng.

Luxia ngồi thu mình trong xó buồng, đầu gối gập lại, hai tay tì lên đầu gối, mặt úp vào hai bàn tay. Cô không ngủ mà cũng không thức, những ý nghĩ, những hình ảnh tưởng tượng,

những nỗi khiếp sợ cứ vùn vụt nối tiếp nhau hỗn độn trong đầu cô. Có khi có ý thức hơn, và nhớ lại rành mạch hơn những điều khủng khiếp mà cô đã trông thấy và đã phải chịu đựng trong ngày hôm ấy, cô đau đớn hình dung lại cái thực tại mù mịt đáng sợ bao bọc quanh mình. Có khi tâm trí cô, chìm vào một vùng còn tối tăm hơn nữa, vật vã chống lại những bóng ma sinh ra từ trong sự mơ hồ và khiếp hãi. Cô chìm đắm mãi trong nỗi lo âu ấy; sau cùng, mệt mỏi và chán chường hơn bao giờ hết; cô duỗi tay, duỗi đôi chân tê dại, vươn mình và nằm vật ra, thiếp đi một lúc.

Nhưng bỗng nhiên cô tỉnh giấc, như đáp lại một tiếng gọi từ bên trong, và cô cảm thấy cần phải tỉnh hẳn, để tập trung tư tưởng và biết cô đang ở đâu, bằng cách nào, và tại sao lại ở đây. Cô lắng nghe có tiếng động: đó là tiếng ngáy chậm rãi và khàn khàn của bà già; cô mở to mắt và nhìn thấy một đốm lửa lù mù ẩn hiện; đó là ngọn bấc đèn đang lụi hắt ra một ánh sáng chập chờn run rẩy, như con sóng vỗ bờ rồi lại nhả ra trên bãi biển. Và ánh sáng ấy chưa kịp soi tỏ hình thù và màu sắc mọi vật thì đã biến ngay chỉ phơi bày trước mặt một chuỗi hình ảnh rời rạc và hỗn độn. Nhưng chẳng bao lâu những ấn tượng mới nhất trở lại trong trí cô và giúp cô phân biệt được những vật chỉ hiện ra mập mờ trước các giác quan. Đã hoàn toàn tỉnh hẳn, cô gái đáng thương nhận ra cái nhà ngục của mình: Tất cả những gì nhớ lại về cái ngày ghê gớm vừa qua và tất cả những hình ảnh khủng khiếp của tương lai cũng làm cô kinh hãi: ngay cả sự yên tĩnh mới này tiếp theo bao nhiêu biến động, cái lối nghỉ ngơi này đối với cô cũng là duyên cơ mới để khiếp sợ; và nỗi kinh hoàng ám ảnh cô đến nỗi cô chỉ muốn chết.

Nhưng vào lúc ấy cô nhớ là ít ra mình còn có thể cầu

Chúa, và cùng với ý nghĩ ấy cô cảm thấy trong lòng nảy sinh một hi vọng bất ngờ. Cô lại lấy tràng hạt ra và bắt đầu cầu kinh; và cùng với lời cầu nguyện thốt ra từ đôi môi run rẩy của cô, một niềm tin vô hạn tràn ngập trong lòng. Bỗng nhiên một ý nghĩ khác chợt đến với cô: lời cầu nguyện của cô sẽ dễ được chấp nhận và chắc chắn được thỏa mãn hơn nếu như trong cảnh đau buồn hiện nay cô lại có cả đồ cúng lễ. Cô nhớ lại xem trước đây và hiện nay mình có gì quý nhất không: bởi vì lúc này tâm trí cô không còn cảm thấy điều gì khác hơn là sợ hãi, và không còn ước nguyện nào khác hơn là được tự do; cô nhớ lại vật quý nhất của mình và lập tức quyết định hi sinh nó. Cô đứng dậy, quỳ xuống, và chắp hai tay trước ngực, với chuỗi tràng hạt từ hai bàn tay rủ xuống, cô ngước mắt lên trời nói:

- Ôi Đức mẹ vô cùng sáng láng! Biết bao lần con đã nhờ cậy Người và biết bao lần Người đã an ủi con! Người đã chịu bao nỗi khổ đau để bây giờ được vinh hiển đến thế và Người đã ban biết bao phép màu cho những kẻ cùng khổ đáng thương, xin Người hãy giúp con! Người hãy cứu con qua khỏi tai nạn này, đưa con bình an vô sự trở về với mẹ con, ôi người mẹ của Chúa; và con xin thề nguyện trước Người sẽ ở vậy làm nữ đồng trinh, mãi mãi từ bỏ chàng trai đáng thương của con, để con suốt đời chỉ thuộc về Người.

Sau khi đã thốt lên những lời đó, cô cúi đầu và khoác tràng hạt lên cổ như để tỏ ý cúng dâng thân mình và đồng thời xem như là lá bùa hộ mệnh, như binh giáp của đội quân mới trong đó cô vừa gia nhập. Cô lại ngồi xuống đất và cảm thấy trong tâm hồn mình đã có phần yên tĩnh, với một niềm tin vô hạn.

Cô nhớ đến hai chữ *Sáng mai* mà cái người xa lạ đầy

quyền lực ấy đã nhắc lại, và cô cảm thấy đó là lời hứa cứu cô thoát nạn. Giác quan cô, mệt mỏi sau một trận đấu rất căng thẳng, dần dần dịu đi trong những ý nghĩ khuây khỏa ấy; cuối cùng khi trời gần sáng thì Luxia với tên người bảo trợ tắt dần trên môi, đắm chìm trong giấc ngủ nồng nàn.

Nhưng cũng trong lâu đài này có một người khác muốn ngủ như thế mà không được. Từ buổi Luxia đi ra hoặc gần như chạy trốn, sau khi đã ra lệnh mang bữa ăn tối đến cho cô gái và đi kiểm tra thường lệ vài trạm gác, với hình ảnh cô gái ấy luôn luôn sừng sững trước mắt cùng với những lời nói ấy văng vẳng bên tai. Người Vô Danh về ẩn trong phòng, vội vã đóng cửa giam mình trong đó, dường như ông phải trốn tránh một đạo quân thù; và sau khi cởi áo quần cũng vội vàng như thế, ông lên giường nằm. Nhưng hình ảnh cô gái ấy, hiển hiện hơn bao giờ hết, dường như nói với ông: ông không ngủ được đâu.

"Sao ta lại có cái thói hiếu kì ngu xuẩn của đàn bà, - ông nghĩ, đi xem mặt nó làm gì? Cái thằng súc sinh Nibiô ấy thế mà nói đúng, người ta không còn là đàn ông nữa thật vậy, người ta không còn là đàn ông nữa!.. Ta ư...? ta đây, ta không còn là đàn ông nữa? Cái gì đã xảy ra? Điều quái quỷ gì đã đến với ta? có gì mới nhỉ? Chẳng lẽ lâu nay ta không biết là đàn bà vẫn rên rỉ? Và ngay cả bọn đàn ông cũng có khi rên rỉ khi chúng không nổi loạn được. Quái quỷ! Chẳng lẽ ta chưa bao giờ nghe đàn bà khóc lóc?".

Và đến đây, chẳng phải vất vả gì lắm để lục tìm trong ký ức, hình ảnh cô gái này tự bản thân nó nhắc ông nhớ lại nhiều trường hợp trong đó những lời cầu xin và than khóc đều không mảy may làm ông do dự trong những quyết định của mình. Nhưng những kỉ niệm ấy không hề trả lại cho ông

thái độ kiên quyết mà ông đang thiếu để thực hiện công việc này, không hề giập tắt trong tâm hồn ông lòng thương hại khó chịu ấy, mà ngược lại còn khơi lên một nỗi khiếp sợ, một khát vọng kì lạ muốn ăn năn hối hận. Thành thử ông thấy dường như nhẹ nhõm trong người khi trở lại với hình ảnh ban đầu của Luxia, mà trước đó ông đã phải cố giữ vững lòng quả cảm để chống lại.

"Cô ta còn sống, - ông nghĩ, - và cô ta ở đây; ta vẫn còn thời gian; ta có thể nói với cô ấy: cô đi đi, mừng nhé, ta có thể thấy cô ấy đổi sắc mặt, ta cũng có thể nói với cô ấy: xin lỗi, xin lỗi. Ta mà xin lỗi? Xin lỗi một con đàn bà? Chính ta...! Chà, vậy mà thế đấy! Nếu một lời xin lỗi như thế có thể giúp ta khuây khỏa, giải thoát cho ta một chút khỏi con quỷ trong người thì ta sẽ nói ngay: phải! Ta cảm thấy rõ là ta sẽ nói ngay. Ta đã đến nước này rồi! Ta không còn là một thằng đàn ông nữa, ta không còn là một thằng đàn ông nữa... Thôi nào! - Ông nói tiếp, giận dữ trở mình trên cái giường bỗng nhiên cứng ghê gớm, dưới tấm chăn nặng kinh khủng. - Thôi nào! Đó chẳng qua là những điều ngu xuẩn từng đến với ta nhiều lần trước kia. Lần này rồi cũng qua thôi".

Và để làm cho nó qua đi, ông cố tìm một việc gì quan trọng, một trong những việc vẫn thường thu hút toàn bộ tâm trí ông, để chỉ hoàn toàn nghĩ về nó: nhưng ông chẳng tìm thấy việc gì cả. Tất cả đối với ông hình như đã thay đổi: những gì trước kia kích thích lòng ham muốn của ông nhất bây giờ chẳng còn gì đáng ham muốn nữa; dục vọng như một con ngựa bỗng nhiên trở nên bất kham vì một cái bóng làm nó sợ, cứ ì ra không chịu tiến lên. Khi nghĩ đến những việc ông mới bắt đầu tiến hành, đáng lẽ hào hứng vì thấy chúng đang trên đà thắng lợi, đáng lẽ nổi giận vì những trở lực (bởi vì sự giận dữ lúc này

đối với ông cũng có vẻ dễ chịu) ông cảm thấy buồn, gần như sợ hãi, trước những gì ông đã làm. Thời gian đứng sừng sững trước mắt ông trống rỗng không một dự định nào, không một công việc nào, không một ước muốn nào, chỉ đầy những kỉ niệm không chịu nổi: tất cả mọi giờ giấc đối với ông đều giống như cái giờ đang trôi đi vô cùng chậm chạp này và đang đè nặng lên đầu ông. Ông duyệt lại trong ký ức tất cả những tên cướp của mình, và chẳng thiết sai khiến một tên nào trong bọn chúng; và thậm chí chỉ nghĩ đến việc lại nhìn thấy mặt chúng, lại sống giữa bọn chúng, ông đã cảm thấy nặng nề thấy kinh tởm và bối rối. Và nếu ông muốn tìm ra một việc gì để đến mai làm, ông không tránh khỏi lại quay về với ý nghĩ là ngày mai sẽ trả lại tự do cho cô gái đáng thương.

"Ta sẽ thả, phải; trời vừa sáng là ta sẽ đến ngay buồng cô ta và nói: cô đi đi, đi đi. Ta sẽ cho người đưa cô đi chứ? Thế còn Đôn Rôđrigô?... Đôn Rôđrigô là kẻ nào vậy?"

Giống như một người bị cấp trên bất chợt hỏi một câu hỏi bất ngờ và hiểm hóc, Người Vô Danh nghĩ ngay đến cách trả lời câu hỏi mà ông tự đặt ra cho mình, hoặc đúng hơn, một con người mới xuất hiện trong ông đặt ra, con người này đột nhiên lớn lên ghê gớm, đứng sừng sững như để phán xử con người trước. Thế là ông tìm xem vì lí do gì mà gần như chưa cần đợi hỏi đến ông đã có thể cam kết nhận cái việc làm khổ một người con gái đáng thương không hề quen biết, mà ông không hề thù hằn cũng không khiếp sợ, chỉ để chiều lòng cái thằng cha ấy; nhưng vì không thể tìm thấy những lí do chính đáng để biện bạch cho sự việc này, ông cũng không biết tự giải thích thế nào cho bản thân mình vì sao ông đã lao vào việc ấy. Quyết định đó là một cái hứng nhất thời của tâm hồn hơn là một hành động có tính toán, nó tuân theo những tình cảm

quen thuộc cũ, là hậu quả của hàng nghìn sự việc trước. Và con người đau khổ khi tự tra xét bản thân mình. Để hiểu ra một sự việc thôi, phải dấn sâu vào xem xét lại toàn bộ cuộc đời. Ngược dòng quá khứ, từ năm này sang năm khác, từ trận đấu này đến trận đấu kia, từ vụ giết người này đến vụ giết người nọ, từ tội ác này đến tội ác khác, mỗi một việc làm lại hiện ra trước tâm hồn tự giác và mới mẻ của ông, tách khỏi những tình cảm đã sui khiến ông làm những việc ấy; nó xuất hiện lại dưới một vẻ ghê tởm mà những tình cảm khi ấy đã ngăn không cho ông nhìn thấy. Những việc làm đó đều là của ông tất cả, chúng chính là bản thân ông: cái ý nghĩ khủng khiếp này, nảy ra từ mỗi hình ảnh được xem xét lại và gắn chặt với tất cả những hình ảnh ấy, lớn lên mãi đến mức tuyệt vọng. Ông tức giận nhổm dậy, ngồi trên giường, giận dữ với tay lên tường bên cạnh giường, nắm lấy khẩu súng lục, tháo xuống, và... vào lúc sắp kết liễu cuộc đời đã trở thành không chịu nổi tư tưởng ông, thình lình bị xâm chiếm bởi một nỗi sợ nãi, lo lắng dường như con sót lại, phóng theo dòng thời gian vẫn tiếp tục sau khi ông chết. Ông run sợ hình dung ra cái thây mình méo mó, bất động phó mặc cho một tên hèn hạ nhất trong đám người còn sống; sự kinh ngạc sự hỗn loạn trong lâu đài ngày hôm sau, tất cả nháo nhào lên; bản thân ông không có sức, không có tiếng nói, quẳng vào xó xỉnh nào không biết. Ông hình dùng ra những câu chuyện họ sẽ bàn tán ở đây, ở quanh vùng này, ở những nơi xa, và sự vui sướng của những kẻ thù của ông. Bản thân bóng tối và cảnh tịch mịch càng khiến ông thấy cái chết có vẻ buồn thảm hơn và đáng sợ hơn; ông có cảm giác nếu như giữa ban ngày ngoài trời rộng, trước mắt mọi người, ông sẽ không ngần ngại lao xuống một dòng sông và biến đi luôn. Đắm chìm trong sự suy

tưởng vật vã đó, ông kéo cò súng lên rồi lại hạ xuống bằng một cử động co giật của ngón tay cái. Trong khi một ý nghĩ khác vụt qua đầu ông như tia chớp. "Nếu cuộc sống ở thế giới bên kia mà người ta đã nói với ta khi ta còn nhỏ, và bây giờ cũng vẫn luôn nói đến như một điều chắc chắn, nếu cuộc sống ấy không có mà chỉ là sự bịa đặt của những thầy tu, thì ta sẽ làm gì? Việc gì mà chết? Cần gì, phải, cần gì đến cái việc ta làm đây? Một sự điên rồ... nhưng nếu cuộc sống vẫn có thật thì sao...!"

Trước một nghi vấn như thế, trước một nguy cơ như thế, ông cảm thấy một nỗi tuyệt vọng ảm đạm hơn, nặng nề hơn, mà ngay cả cái chết cũng không thể giúp người ta giải thoát. Ông buông khẩu súng, và cứ ngồi như vậy, tay ôm đầu, hàm răng lập cập, toàn thân run lên. Bỗng nhiên ông chợt nhớ những lời ông đã nghe nói đi nói lại mấy giờ trước đây: "Chúa tha thứ cho biết bao tội lỗi vì một việc làm từ thiện!" Và những lời ấy trở lại trong trí ông không phải với giọng cầu xin nhẫn nhục như chúng đã được thốt lên, mà bằng một giọng quyền uy hé mở cả một hi vọng xa xôi. Trong giây lát ông cảm thấy nhẹ nhõm: ông buông tay khỏi thái dương, và với một thái độ bình tĩnh hơn, ông chăm chú nghĩ đến con người đã nói với ông những lời ấy; và ông nhìn thấy cô, không phải như một tù nhân không phải như người cầu xin, mà trong tư thế của một người ban phát những ân huệ và những lời an ủi.

Ông nóng lòng đợi trời sáng để tha cô ngay, để được nghe từ miệng cô những lời khác đem lại sự khuaya khỏa và niềm vui sống: ông tưởng tượng chính ông dẫn cô về với mẹ cô. "Nhưng sau đó thì sao? ta sẽ làm gì trong cả ngày còn lại? Ngày kia ta làm gì? Hôm sau nữa làm gì? rồi đến đêm? Mười hai giờ qua là lại đến đêm! Ôi, đêm tối! Không, không ta

không muốn đêm tối!". Rồi lại rơi vào sự trống rỗng đau đớn của tương lai, ông không biết dùng thời gian vào việc gì, không biết làm thế nào qua được những ngày và đêm sắp tới. Khi thì ông định bỏ lâu đài đi đến những miền xa lạ, ở đó không ai biết ông dù chỉ biết qua tên thôi; nhưng ông cảm thấy ông sẽ không thể đi đâu khỏi bản thân mình, ông vẫn luôn luôn cùng sống với chính mình; khi thì ông nhen nhúm cái hi vọng mơ hồ tìm lại thấy nghị lực cũ, những ham muốn cũ, và quên đi những gì chẳng qua chỉ là một cơn mê sảng nhất thời; thì ông sợ trời sáng sẽ phơi ra trước mắt mọi người con người ông thay đổi thảm hại đến thế, khi thì ông khao khát mong trời sáng, dường như nó sẽ chiếu rọi cả ánh sáng vào những ý nghĩ của ông.

Và kìa, đúng lúc trời hửng sáng, khi Luxia vừa thiếp đi được một lát, còn ông thì vẫn ngồi im không động đậy, ông nghe vẳng đến tai như có một tiếng rập rờn trong không khí, mơ hồ, nhưng vang lên một âm điệu gì vui vẻ. Lắng tai nghe, ông nhận ra một hồi chuông ngày hội phía xa xa, và phút chốc sau, ông nghe thấy cả tiếng vọng của núi từng đợt giội lại và hòa vào với những hòa âm ấy.

Một lúc sau, ông nghe thấy những tiếng chuông khác gần hơn, cũng là một hồi chuông ngày hội, rồi lại hồi chuông ngày hội nữa. "Cuộc vui chơi gì thế này? Những người ấy, họ có chuyện gì vui thú mà ăn mừng thế không biết?" Ông nhảy khỏi chiếc giường đau khổ, vẫn trong bộ quần áo ngủ, ông chạy đến mở cửa sổ và nhìn ra ngoài. Những quả núi bị sương mù che khuất một nửa; bầu rời không chỉ nhiều mây, mà là cả một đám mây lớn màu tro; nhưng dưới làn ánh sáng đang lan dần và sáng mãi ra, ông nhìn rõ trên con đường dưới thung lũng những người đang đi, những người khác đang ra khỏi

nhà, và tất cả cũng hướng về một phía lối vào thung lũng, bên phải lâu đài, tất cả đều mặc áo quần ngày hội và nhộn nhịp khác thường.

"Họ có chuyện quái gì vậy? Còn có gì vui trong cái xó khốn kiếp này? Cả lũ súc sinh ấy đi đâu?" Và ông gọi một tên *lâu la* tin cẩn đang ngủ ở buồng bên, hỏi hắn về nguyên nhân của tất cả sự náo nhiệt. Tên này cũng chẳng biết gì hơn ông, đáp lại là hắn sẽ đi hỏi ngay. Vị lãnh chúa đứng tì tay bên cửa sổ, chăm chú ngắm nhìn cảnh tượng sôi nổi ấy. Đàn ông, đàn bà, trẻ con đi từng tốp, từng cặp, từng người riêng lẻ; có người bắt kịp một người đằng trước bèn đi luôn với anh ta; một người khác vừa ra khỏi nhà nhập bọn nay với người đầu tiên anh gặp, và họ cùng đi với nhau, như những bạn bè trong một cuộc hành trình đã hẹn. Cử chỉ họ biểu lộ rõ ràng sự vội vã và niềm vui chung; và âm thanh của những tiếng chuông xa gần ấy vang lên, nếu không đồng điệu thì cũng thành một hợp âm có thể nói dường như là tiếng nói của những cử chỉ kia là sự bổ sung cho những lời nói không thể vọng lên đến tận trên này. Ông nhìn, nhìn mãi;và trong lòng ông rạo rực muốn biết cái gì đã có thể truyền một niềm phấn khởi chung cho biết bao con người khác nhau như vậy.

Chương hai mươi hai

Một lúc sau, tên *lâu la* đến nói với ông là hôm trước, đức Hồng y giáo chủ Fêđêrigô Bôrômêô tổng giám mục Milăng đã tới +++ và sẽ ở lại đó cả ngày hôm nay; và tin ấy truyền đi ngay buổi chiều trong các làng xung quanh đã khiến tất cả mọi người háo hức muốn đến xem mặt ngài; và người ta rung chuông để tỏ nỗi vui mừng hơn là để báo tin cho mọi người. Vị lãnh chúa, còn lại một mình, càng trầm ngâm nhìn xuống thung lũng. "Vì một người! Tất cả vội vã, tất cả vui mừng đi xem một con người! Vậy mà mỗi người trong bọn họ chắc hẳn đều có một con quỷ làm khổ họ. Nhưng không ai, không ai có con quỷ như của ta; có lẽ không ai đã phải qua một đêm như ta! Thế thì người này có cái gì mà khiến cho bao người vui mừng đến thế! Vài đồng xu phân phát hú họa cho bất cứ ai... nhưng có phải tất cả đều đến xin bố thí đâu. Chà, hay là vì mấy cử chỉ ban phước, mấy lời nói... ôi, giá như ông ấy cũng có cả cho ta những lời an ủi, giá như...! Tại sao cả ta nữa, ta không đến đó? Tại sao không?... Ta sẽ đến, ta sẽ đến, và ta muốn nói chuyện với ông ấy; nói chuyện giữa hai người với nhau thôi. Ta sẽ nói gì với ông ấy đây? Chà, thế này, thế này... ta sẽ xem con người ấy tự ông ta biết nói gì cái đã!".

Sau khi đã quyết định một cách mơ hồ như thế, ông vội mặc quần áo, bận ra ngoài một áo khoác ngắn kiểu y phục quân nhân; ông cầm khẩu súng lục trên giường đeo vào một bên thắt lưng; bên kia đeo một súng lục khác lấy trên tường xuống; vẫn ở thắt lưng, ông đeo một dao găm; và ông tháo trên tường khẩu cac-bin cũng nổi tiếng như ông, khoác chéo qua vai; ông lấy mũ, ra khỏi phòng và trước hết đến phòng Luxia ở. Ông để khẩu cac-bin bên ngoài, trong một góc ngay sát cửa, và vừa gõ cửa vừa gọi. Bà già nhảy khỏi giường chạy ra mở cửa. Vị lãnh chúa bước vào và liếc nhìn căn phòng, trông thấy Luxia ngồi bó gối im lặng trong một xó.

- Cô ấy ngủ à? - Ông khẽ hỏi bà già. - Sao lại ngủ ở đây? Có phải lệnh ta đấy không, mụ già khốn khiếp?

- Con đã làm đủ mọi cách, - bà già đáp, - nhưng cô ta chẳng thèm ăn cũng chẳng muốn đi đâu khỏi cái xó ấy...

- Để cô ta ngủ yên; và liệu hồn đừng có quấy rầy cô ấy; và bao giờ cô tỉnh dậy... Macta sẽ đến ở buồng bên kia, cô cần gì cứ bảo mụ ấy đi lấy về. Bao giờ cô tỉnh dậy... Bà nói với cô ấy là ta... là ông chủ có việc đi một lúc, ông ấy sẽ về và ông ấy... ông ấy sẽ làm tất cả những gì cô muốn.

Bà già ngây người sửng sốt, nghĩ bụng: "Cái con bé này có phải là một công chúa không đấy?".

Vị lãnh chúa đi ra, lại cầm khẩu cac-bin, ra lệnh cho Macta ngồi đợi ở phòng bên, ra lệnh cho tên *lâu la* đầu tiên ông gặp phải canh gác không cho ai ngoài mụ Macta được đặt chân vào phòng Luxia, rồi ông ra khỏi lâu đài, và rảo bước xuống núi.

Bản thảo không nói rõ khoảng cách từ lâu đài đến làng có đức Hồng y giáo chủ; nhưng theo những sự kiện mà chúng tôi sắp kể ra đây, thì có lẽ khảng cách ấy cũng không hơn quãng

đường một cuộc dạo chơi dài. Không phải vì thấy những người ở thung lũng và thậm chí ở những nơi xa nữa đổ xô tới mà ta suy ra khoảng cách ấy; bởi vì trong những hồi kí thời ấy, ta bắt gặp những đoạn kể lại dân chúng kéo đi hàng đàn từ xa hai mươi dặm và hơn nữa để được nhìn thấy Fêđêrigô.

Những tên *lâu la* ông gặp trên đường xuống núi kính cẩn đứng lại khi vị lãnh chúa của chúng đi qua, đợi ông ban một lệnh gì, hoặc đem chúng đi theo trong một cuộc xuất kích nào; và chúng sững sờ chẳng hiểu ra sao khi trông thấy vẻ mặt ông và những cái nhìn của ông đáp lại lời chào cung kính của chúng.

Khi ông tới đường cái, mọi người vô cùng ngạc nhiên nhìn thấy ông không có tùy tùng. Tuy nhiên mỗi người đều kính cẩn ngả mũ chào và né rộng ra nhường chỗ cho ông chẳng khác gì có cả một đoàn tùy tùng theo sau. Tới làng, ông thấy một đám đông lớn; nhưng tên ông đã lập tức truyền đi từ miệng này sang miệng khác và đám đông rẽ ra. Ông lại gần một người và hỏi thăm đức Hồng y giáo chủ ở đâu.

- Ở nhà ông linh mục, - người kia nghiêng mình đáp, và chỉ cho ông ngôi nhà ấy.

Vị lãnh chúa đến đó, bước vào một sân hẹp tại đây tụ tập nhiều giáo sĩ, tất cả đều nhìn ông với vẻ chăm chú đầy ngạc nhiên và nghi ngại. Ngay trước mặt, ông trông thấy một cái cửa mở toang dẫn vào một phòng khách nhỏ bé tại đây tập trung nhiều giáo sĩ khác. Ông tháo khẩu cac-bin dựa vào tường ở một góc sân; rồi ông bước vào phòng khách nhỏ, và tại đây nữa lại những cái liếc nhìn, những tiếng xì xào, tên ông được người ta nhắc đi nhắc lại, rồi im lặng. Quay lại một giáo sĩ, ông hỏi thăm đức Hồng y giáo chủ ở đâu và nói là ông muốn được nói chuyện với ngài.

- Tôi không phải người vùng này, - vị giáo sĩ đáp, và sau khi liếc nhìn quanh mình, ông gọi thầy tư tế, thầy này ngồi ở góc phòng khách đúng lúc ấy đang thì thầm với một người bạn: "Thằng cha ấy kia à? Một thằng cha khét tiếng đấy! Hắn đến đây làm gì? Các ngài hãy coi chừng hắn!". Tuy vậy, nghe tiếng gọi ấy vang lên giữa sự im lặng của mọi người, thầy phải đến; thầy cúi chào *Người Vô Danh*, nghe lời yêu cầu của ông, và với vẻ tò mò lo ngại ngước mắt nhìn lên bộ mặt khét tiếng ấy rồi lại cúi xuống ngay, thầy ngập ngừng một lát, rồi nói, hoặc đúng hơn ấp úng:

- Tôi không biết Đức cha tối vinh hiển... lúc này đây... ngài có nhà... ngài có mặt hay không... và ngài có thể... thôi được, để tôi đi xem.

Và thầy miễn cưỡng đưa tin ấy sang phòng bên tại đây có đức Hồng y giáo chủ.

Kể đến chỗ này trong câu chuyện của chúng tôi, chúng tôi không thể không dừng lại một chút, như người đi đường mỏi mệt và buồn chán vì đã đi quá lâu qua một khoảng đất cằn cỗi và hoang dã liền dừng chân bớt chút thời giờ ngồi dưới bóng một thân cây đẹp, trên cỏ, bên dòng suối mát. Chúng ta vừa gặp một con người mà tên tuổi và kỷ niệm về con người ấy mỗi lần nhắc đến đều khiến ta say mê và làm nảy sinh trong tâm hồn ta một niềm tôn kính êm đềm, một mối thiện cảm khoan khoái; và tình cảm ấy càng mạnh mẽ biết bao chính lúc này đây, sau bao nhiêu hình ảnh đau đớn, sau khi phải chứng kiến bao nhiêu câu chuyện xấu xa làm ta chán nản! Nhất thiết chúng tôi thế nào cũng phải để vài trang viết về con người ấy: những ai không thích các trang này mà vẫn muốn tiếp tục theo dõi câu chuyện chỉ việc nhảy thẳng xuống chương sau.

Fêđêrigô Bôrômêô, sinh năm 1564, thuộc số những người

hiếm hoi của tất cả mọi thời đại đã đem tài năng xuất chúng, tất cả những phương tiện của một tài sản lớn, tất cả lợi thế của một địa vị đặc quyền, và nghị lực bền bỉ của mình, để tìm kiếm và thực hành việc thiện. Cuộc đời ông như một dòng suối vọt ra trong vắt từ tảng đá, không bao giờ ứ đọng hoặc vẩn đục, chảy rất lâu qua nhiều khoảng đất khác nhau mà vẫn trong suốt như thế đổ vào sông. Sống trên nhung lụa mà ngay từ bé ông đã thiết tha với những lời dạy hy sinh và nhẫn nhục, với những châm ngôn về sự hư vô của những khoái lạc, sự phi lý của thói kiêu ngạo, về phẩm giá chân chính và những lợi ích thật sự của con người, những điều này, dù có thấm sâu vào mọi tâm hồn hay không, vẫn được truyền tụng từ thế hệ này qua thế hệ khác trong chương trình giáo dục sơ đẳng nhất của giáo lý. Cậu bé thiết tha, tôi nhắc lại, với những lời giáo huấn và những châm ngôn ấy, cậu rất coi trọng và cố làm theo chúng, thấy chúng quả là đúng; do đó cậu thấy không thể có chân lý trong những lời nói và những châm ngôn ngược lại, cả chúng cũng được truyền tụng từ thế hệ này qua thế hệ khác với một lòng tin cũng vững chắc như thế, và đôi khi lại cùng do những miệng ấy truyền đi; và cậu quyết định lấy những tư tưởng nào là chân lý làm quy tắc cho mọi hành động và suy nghĩ của mình. Tin chắc rằng cuộc đời không phải sinh ra để làm gánh nặng cho nhiều người và ngày hội cho một vài người, mà là công việc cho tất cả mọi người trong đó mỗi người sẽ phải báo cáo việc mình làm, ngay từ nhỏ cậu đã bắt đầu suy nghĩ làm sao cho cuộc đời mình có thể có ích và thiêng liêng.

Năm 1580, cậu biểu lộ quyết tâm dấn mình vào sự nghiệp tôn giáo, và cậu khoác áo thầy tu từ tay người anh họ Caclô[1]

---

[1] Đây chỉ Thánh Saclơ Bôrômêô, mà sau này sẽ nói đến trong vụ dịch hạch.

lúc này đã nổi tiếng trong nhân dân là một bậc thánh. Ít lâu sau cậu vào học trường trung học do người anh lập ra ở Pavi và hiện nay vẫn mang tên gia tộc ấy; tại đây, trong khi chuyên cần làm những công việc quy định, cậu còn tự nguyện đảm nhiệm hai việc khác nữa: dạy giáo lý cơ đốc cho những người dân dốt nát nhất và nghèo khổ nhất, và đi thăm hỏi, phục vụ, an ủi, cứu giúp những người đau ốm. Cậu sử dụng uy tín sẵn có của cậu ở vùng này để lôi kéo bạn bè giúp cậu trong những việc làm từ thiện; trong tất cả những việc gì ngay thật và có lợi cho người khác cậu đều gương mẫu đứng ở hàng đầu, vị trí đứng đầu ấy có lẽ chỉ do những phẩm chất cá nhân của cậu cũng đủ mang lại, cho dù cậu có đứng hàng cuối sau tất cả mọi người về địa vị xã hội. Còn về những lợi thế loại khác mà địa vị cậu hẳn có thể đem lại cho cậu, chẳng những cậu không tìm kiếm mà còn tìm mọi cách tránh nó: cậu muốn có những bữa ăn nghèo khổ hơn là giản dị; và tất cả trong lối sống và trong phong thái của cậu đều như thế. Và cậu không thấy cần phải thay đổi gì về cách sống ấy, mặc cho một số người thân thích la ó đến thế nào đi nữa, họ than phiền rằng cậu làm ô uế thanh danh gia tộc họ. Cậu cũng phải tiến hành một cuộc đấu tranh khác chống lại lại thầy giáo trong trường học, họ ngấm ngầm hoặc giả vờ vô tình tìm cách đặt trước mặt cậu, lên người cậu, hoặc xung quanh cậu một vật hoặc một đồ trang sức nào đó sang trọng hơn, để phân biệt cậu với những kẻ khác, và để cậu xuất hiện như một ông hoàng địa phương; có lẽ họ tưởng như thế sẽ được lòng cậu sau này; hoặc có lẽ họ bị thúc đẩy bởi cái đầu óc nô lệ thích vênh vang hãnh diện nhờ vinh quang người khác; hoặc giả đây là những người khôn ngoan lảng tránh cả đức hạnh lẫn thói xấu và luôn mồm thuyết giáo rằng sự hoàn thiện nằm trong đạo trung dung; và

cái đạo trung dung ấy được họ ấn định đúng ở chỗ họ thành đạt và ở đó họ đang cảm thấy dễ chịu. Fêđêrigô không những không chạy theo những sự cám dỗ ấy, mà còn trách móc những người đã làm như thế. Và điều đó khi cậu mới đang ở giữa tuổi dậy thì và tuổi thanh niên.

Thuở sinh thời đức Hồng y giáo chủ Caclô, người anh họ lớn hơn cậu hai mươi sáu tuổi, đứng trước con người đường bệ, uy nghiêm, hiện thân sống của phẩm chất thần thánh và luôn khẳng định phẩm chất ấy trong mọi việc làm của mình, đứng trước con người mà uy tín chỉ có tăng lên mỗi lúc người ta cần đến ông, do lòng tôn kính công nhiên và bộc trực của những người đến với ông, dù họ là ai và có bao nhiêu người đi nữa, đứng trước một đấng bề trên như thế em bé và cậu thiếu niên Fêđêrigô có cố khuôn cách sống và cách suy nghĩ của mình theo gương ông thì điều đó cũng chẳng có gì lạ; nhưng cái điều đáng chú ý hơn nhiều, là sau khi đức Hồng y giáo chủ qua đời mà không ai có thể để ý thấy rằng Fêđêrigô khi đó hai mươi tuổi đã không còn người hướng dẫn và chỉ bảo bên mình nữa.

Danh tiếng không ngừng tăng mãi của Fêđêrigô về tài năng, sự am hiểu giáo lý và lòng sùng đạo, các quan hệ họ hàng và sự bảo trợ của nhiều vị Hồng y giáo chủ có thế lực, uy tín gia đình, ngay cả cái tên ông do gắn liền với Caclô khiến mọi người đều nghĩ đến một cái gì thần thánh và vĩ đại, tất cả những gì ắt phải và tất cả những gì có thể đưa một người đến những chức vụ cao trong giáo hội đều tập trung đầy hứa hẹn ở ông. Nhưng từ trong thâm tâm vốn tin chắc là không một người nào tự nhận công giáo mà lại có thể phủ nhận, ít nhất trên lời nói, rằng địa vị cao của một người đứng trên những người khác chỉ là chân chính khi địa vị ấy dùng để phục vụ cho những người này, Fêđêrigô sợ chức vị và cố lẩn tránh nó;

tất nhiên không phải để tránh phục vụ người khác, bởi vì ít có cuộc đời nào được hiến dâng cho sự nghiệp phục vụ này như cuộc đời ông; mà bởi vì ông tự thấy vừa chưa đủ xứng đáng, vừa chưa đủ năng lực để làm tròn một nhiệm vụ cao cả và trọng đại đến thế. Cho nên, năm 1595, khi giáo hoàng Clêmăng VIII đề nghị ông làm tổng giám mục Milăng, ông vô cùng bối rối và từ chối ngay không do dự. Ông chỉ nhượng bộ sau này do nghiêm lệnh của giáo hoàng.

Những hành động phô trương như thế ai cũng biết là chẳng khó khăn gì, chẳng hiếm hoi gì; và thói đạo đức giả chẳng cần phải suy nghĩ bao nhiêu cũng vẫn làm những việc ấy còn thói nhạo báng thì tha hồ giễu cợt. Nhưng phải chăng vì thế mà những việc làm ấy không còn là biểu hiện hồn nhiên của đức hạnh và sự anh minh? Cuộc đời là hòn đá thử vàng của lời nói: và những lời nói biểu thị tình cảm ấy, cho dù đã qua miệng tất cả những kẻ bịp bợm và kẻ nhạo báng trên thế gian này, vẫn cứ luôn luôn tốt đẹp nếu trước và sau những lời nói ấy là một cuộc đời chí công vô tư và tận tụy hy sinh.

Trở thành tổng giám mục, Fêđêrigô biểu lộ một thói quen kỳ dị và kiên định, chỉ sử dụng cho ông cái phần tối tiểu cần thiết trong tài sản, trong thời giờ, trong mọi sự chăm lo của ông, nói tóm lại trong tất cả những gì ông có. Ông cũng nói, như tất cả mọi người thường nói, rằng những thu nhập của giáo hội là tài sản của người nghèo; nhưng ta xét đoán cách hiểu của ông về một châm ngôn như thế theo việc làm sau đây. Ông muốn người ta lượng tính số tiền chi phí cho cuộc sống của bản thân ông và những người hầu của ông; khi người ta nói với ông số tiền chi phí cho cuộc sống của bản thân ông và những người hầu của ông; khi người ta nói với ông số tiền đó vào khoảng sáu êquy (vào thời ấy người ta gọi êquy là đồng

tiền vàng và sau này, vẫn giữ nguyên trọng lượng và định lượng hợp chất như thế, được gọi là xêcanh), ông bèn ra lệnh hàng năm chuyển số tiền ấy từ quỹ riêng của ông sang quỹ cung dưỡng các giám mục, bởi vì ông tự thấy mình, đã giàu có lắm rồi, không được phép sống bằng tài sản ấy của giáo hội. Sau đó ông tiêu pha dè sẻn và chi li đối với bản thân mình, đến nỗi ông không bao giờ vứt bỏ một bộ quần áo khi nó chưa hoàn toàn cũ nát; tuy vậy, như những nhà văn đương thời đã ghi lại, ông vẫn thống nhất sự giản dị với sự trong sạch: đó quả là hai thói quen đặc biệt giữa cái thời buổi bẩn thỉu và xa hoa ấy. Cũng theo tinh thần đó, để khỏi mảy may lãng phí những thức ăn thừa trong bữa ăn đạm bạc của ông, ông gửi những thứ đó cho một nhà tế bần; và theo lệnh ông, một nhà tế bần hàng ngày đến nhà ăn của ông để thu nhặt những gì còn lại của bữa ăn. Những sự chăm lo như thế có lẽ có thể khiến ta quan niệm là một thứ đạo đức tủn mủn, keo kiệt, hiển cận, và một đầu óc ngập trong chi tiết thiếu tầm nhìn xa trông rộng, nếu như ngày nay chúng ta không còn cái thư viện Ambroadơ(1) ấy do Fêđêrigô lập kế hoạch với một quy mô táo bạo và cho xây dựng với những chi phí rất tốn kém hoàn toàn do ông gánh chịu; để mở mang thư viện có nhiều sách và bản thảo, ngoài số sách của ông thu thập lâu nay với rất nhiều công phu và tiền của và bây giờ đem biếu lại thư viện, ông cử tám người, trong số những người có học thức nhất và thành thạo nhất mà ông có thể tìm thấy được, đi kiếm sách ở Ý, Pháp, Tây Ban Nha, Đức, miền Flăng-đrơ, Hi Lạp, Libăng, Giê-ru-xa-lem. Bằng cách ấy ông đã thu thập được vào khoảng ba vạn cuốn sách in và mười bốn nghìn bản thảo.

---

(1) Thư viện nổi tiếng của Milăng, mang tên Thánh Ambroadơ được xem là người bảo trợ của Thành phố.

Gắn vào thư viện, ông thành lập một tập đoàn những nhà bác học (họ có chín người, do ông cung dưỡng cho tới khi ông qua đời: về sau, những lợi tức bình thường không đủ để chi phí, số người rút xuống còn hai); nhiệm vụ của họ là tiến hành những công trình nghiên cứu khác nhau về thần học, sử học, văn học, về những vật cổ tôn giáo và các ngôn ngữ Phương Đông, mỗi người đều bắt buộc phải công bố một công trình nghiên cứu nào đó về đề tài mình chịu trách nhiệm. Ông cũng gắn vào với thư viện một học viện mà ông gọi là học viện tam-ngữ, để nghiên cứu các ngôn ngữ Hi Lạp, Latinh và Ý; một nhà trường cho học sinh học những bộ môn và những ngôn ngữ này để về sau đi dạy những thứ đó; cuối cùng ông cũng sát nhập vào đây một nhà in cho các ngôn ngữ Phương Đông, nghĩa là tiếng Do Thái, tiếng Khanđê, tiếng Arập, tiếng Ba Tư, tiếng Ácmêni, một phòng trưng bày tranh, một phòng trưng bày tượng, và một trường học dạy ba nghệ thuật tạo hình chủ yếu.

Ông biết tìm được thầy giáo giỏi cho các trường học ấy; đối với những công việc nghiên cứu khác, ta đã thấy ông vất vả như thế nào để thu thập sách và bản thảo; tất nhiên việc khó hơn là tìm ra những bộ chữ in của các ngôn ngữ ấykhi ấy còn rất ít được nghiên cứu ở Châu Âu hơn bây giờ; và khó hơn nữa là tìm cho được những con người. Chỉ cần nói rằng trong số nhiều nhà bác học thì tám người đã được ông tuyển trong những học sinh trẻ của chủng viện; qua đó ta có thể thấy ông đánh giá trình độ học vấn và các nhà bác học thời ấy như thế nào: sự đánh giá này phù hợp với cách đánh giá hình như được hậu thế sau này truyền lại, bằng cách bỏ rơi họ trong quên lãng.

Trong những quy tắc ông định ra để sử dụng và quản lý

thư viện thể hiện mối quan tâm thường trực làm sao cho nó có ích, ý muốn này chẳng những tốt đẹp tự bản thân nó, mà còn chứng tỏ trên nhiều điểm một sự khôn ngoan và tinh tế vượt xa những tư tưởng và tập quán thông thường thời ấy. Ông chỉ thị cho người thủ thư phải giữ liên hệ thường xuyên với những bậc thông thái nhất Châu Âu để nhận của họ những nhận xét về tình trạng các khoa học và những lời chỉ bảo về các cuốn sách hay nhất xuất bản trong mọi lĩnh vực, và đi kiếm những cuốn sách ấy về; ông chỉ thị cho anh ta giới thiệu với các nhà nghiên cứu những cuốn sách mà họ không biết và có thể có ích cho họ; ông ra lệnh phải làm sao cho tất cả mọi người, là dân thành phố hay nơi khác đến, được hưởng tất cả mọi sự thuận tiện và tất cả thời gian rảnh rỗi cần thiết để sử dụng sách theo nhu cầu của họ. Ngày nay chắc hẳn ai cũng thấy điều đó là hoàn toàn tự nhiên và gắn liền với sự thành lập một thư viện, nhưng vào thời ấy không phải như vậy. Trong một cuốn sử về thư viện Ambroadơ do một ông Piêcpaclô Bôxca nào đó viết (với những câu văn và lối nói kiểu cách của thế kỷ ấy), ông là người giữ thư viện ở đây sau khi Fêđêrigô qua đời, được nêu bật lên, như một điều kỳ dị, rằng trong một thư viện do tư nhân lập ra hầu như hoàn toàn bằng phí tổn của riêng mình mà sách lại được trưng bày trước mắt công chúng, đưa cho bất cứ ai hỏi mượn, và người đọc lại có cả bàn ghế, giấy, bút và mực để ghi chép khi cần thiết; trong khi ấy thì ở những thư viện công cộng nổi tiếng khác của nước Ý, sách chẳng những không được trưng bày, mà còn bị giam chặt trong các tủ và chúng chỉ ra khỏi tủ ấy nhờ hảo tâm của những người giữ thư viện, khi họ hứng lên muốn phô trương chúng ra một lúc; còn nói chi đến việc tạo ra phương tiện nghiên cứu thoải mái cho người đọc sách, họ thậm chí chẳng thèm nghĩ tới điều đó:

thành thử bổ sung sách vào những thư viện ấy cũng chẳng khác gì thu hồi sách để công chúng mất quyền sử dụng: một trong những phương thức canh tác, trước khi đã có và bây giờ vẫn còn có nhiều, chỉ làm cho đất thêm cằn cỗi.

Xin đừng hỏi những tác dụng của công trình này của Hồng y giáo chủ Bôrômêô đối với nền văn hóa chung như thế nào; có lẽ cũng dễ dàng chứng minh trong hai câu, theo kiểu người ta vẫn thường chứng minh như vậy, rằng những tác dụng ấy thật kỳ diệu hoặc chúng không có gì cả; cố tìm ra và giải thích xem những tác dụng ấy thật sự như thế nào có lẽ là một việc làm nặng nề, ít bổ ích, và không thích hợp. Nhưng các bạn thử nghĩ xem phải có một tấm lòng cao cả, một trí tuệ sáng suốt, một thiện ý, một khát vọng không nguôi vì sự hoàn thiện của con người biết chừng nào ở con người đã mưu đồ một sự nghiệp như thế, và mưu đồ nó với quy mô như thế, và thực hiện nó giữa sự ngu dốt dày đặc, sự trì trệ, sự ác cảm chung đối với mọi việc làm chăm lo học vấn, và do đó giữa những điều ong tiếng ve "Để làm gì?", "Không còn việc gì có ích hơn hay sao?", "Khéo vẽ trò!", "Chỉ còn thiếu có nước ấy nữa thôi!", và những ý kiến khác đại loại như thế, chúng chắc chắn còn nhiều hơn cả những đồng êquy ông đã bỏ ra cho sự nghiệp này; số êquy ấy lên tới mười vạn năm nghìn, phần lớn là tài sản riêng của ông.

Để nói một người như thế là con người vô cùng nhân đức và hào phóng, có lẽ cũng chẳng cần phải biết thêm rằng ông đã tiêu nhiều khoản tiền khác cấp cứu cho những người túng thiếu; và có thể có người còn cho rằng những khoản chi tiêu loại ấy - còn tôi thì sẵn sàng nói gần như tất cả các khoản chi tiêu là của làm phúc tốt nhất và có ích nhất. Nhưng Fêđêrigô xem việc làm phúc theo đúng nghĩa đen mới là bổn phận hàng

đầu của mình; và ở đây, cũng như ở mọi trường hợp khác, lời nói của ông luôn đi đôi với việc làm. Cuộc đời ông là cả một chuỗi dài liên tục những sự làm phúc cho người nghèo; và về nạn đói mà chúng tôi đã nói đến, chẳng bao lâu chúng tôi sẽ có dịp nhắc lại một số sự việc cho thấy trong những cử chỉ hào phóng ông cũng biết tỏ ra khôn ngoan và tinh tế như thế nào. Trong nhiều dẫn chứng độc đáo mà những người viết tiểu sử ông đã thuật lại về đức tính đặc biệt ấy, chúng tôi sẽ chỉ kể ra đây có một. Được biết một nhà quý tộc dùng thủ đoạn và những cách đối xử tàn tệ để ép con gái mình đi tu trong khi cô muốn lấy chồng, ông cho gọi người cha tới, và sau khi đã khiến ông ta phải thú nhận lý do hành hạ con gái là vì thiếu bốn nghìn êquy cần thiết, theo ông ta nói, để gả chồng tử tế cho con, Fêđêrigô bèn cho cô ta bốn nghìn êquy làm của hồi môn. Có thể có người sẽ cho rằng đó là một sự hào phóng quá đáng, thiếu suy nghĩ, quá chiều theo những thói đỏng đảnh ngu ngốc của một tên ngạo mạn; rằng bốn nghìn êquy ấy có thể được sử dụng tốt hơn gấp trăm lần. Với những người này chúng tôi chẳng có gì để cãi lại trừ một điều là kể ra cũng đáng mong ước được thường thấy những sự thái quá của một đức tính ít chịu ép theo dư luận thống trị (mà mỗi thời đều có) và độc lập đối với xu hướng chung đến nỗi, như trong trường hợp này, đức tính ấy thúc đẩy một người cho đi bốn nghìn êquy, để một cô gái khỏi bị cưỡng bức làm tu sĩ.

Tấm lòng nhân đức vô tận của con người này không chỉ thể hiện ở những của cho, mà cả trong toàn bộ cách cư xử của ông. Vốn dễ gần với tất cả mọi người, ông tự thấy càng phải biểu lộ đặc biệt hơn với những kẻ mà người ta gọi là thân phận thấp hèn một bộ mặt tươi cười, một vẻ ân cần nhã nhặn, nhất là vì họ ít có dịp được thấy những cái đó trên đời. Và cả ở

đây nữa ông phải đấu tranh chống những kẻ nhiệt thành bảo vệ châm ngôn *ne quid nimis*[1], họ muốn ở bất cứ việc gì cũng thu hẹp hành động của ông trong những giới hạn nhất định, nghĩa là trong những giới hạn của họ. Trong lần đến thăm một thôn xóm hẻo lánh miền núi. Fêđêrigô khuyên bảo một số em nhỏ nghèo khổ, vừa âu yếm vuốt ve vừa hỏi han các em, thì một trong những người ấy dè chừng ông là phải cẩn thận hơn khi vuốt ve những đứa trẻ đó, vì chúng bẩn đến phát tởm: dường như con người tốt bụng này cho rằng Fêđêrigô không đủ trí khôn để tự mình phát hiện ra điều ấy, hoặc không đủ sáng suốt để tìm được một cách xử sự khôn ngoan như vậy. Thế đấy, trong những hoàn cảnh và những thời kỳ nào đó, điều bất hạnh của những người quyền cao chức trọng là ở chỗ người chỉ cho họ lỗi lầm thì quá hiếm, mà những kẻ cả gan trách móc họ về điều hay họ làm thì lại đầy dãy. Nhưng vị giám mục nhân từ đáp lại, không phải không với chút bất bình: "Đó là những linh hồn giao cho ta chăn dắt, có lẽ họ chẳng bao giờ còn được thấy mặt ta nữa, vậy mà ông không muốn ta âu yếm họ hay sao?".

Tuy vậy người ta rất ít khi thấy ông nổi nóng; người ta khâm phục ông vì thái độ dịu dàng; vì tính điềm tĩnh không gì lay chuyển mà người ta có thể cho là do một tính cách may mắn khác thường, nhưng thật ra là kết quả của sự cố gắng thường xuyên để kiềm chế một tính khí sôi nổi và dễ nóng. Nếu đôi khi ông tỏ ra nghiêm khắc và thậm chí gay gắt, thì đó là với những tu sĩ dưới quyền ông mà ông phát hiện ra đã phạm tội tham lam và trễ nải, hoặc những khuyết điểm nào khác đặc biệt trái với sứ mạng cao quý của họ. Còn về tất cả

---

[1] Không có gì quá (tiếng Latinh).

những gì liên quan đến lợi ích hoặc vinh quang trần thế của ông, ông không bao giờ biểu lộ một dấu hiệu nhỏ của sự vui mừng, nuối tiếc, sốt sắng, hay dằn vặt: điều đáng phục nếu những tình cảm ấy không hề xáo động tâm hồn ông, và càng đáng phục hơn nếu chúng vẫn có trong tâm hồn đó. Ông tham dự nhiều hội đồng tuyển cử giáo hoàng, và không những ông nổi tiếng là không bao giờ cầu mong chức vị ấy mà kẻ hám danh vô cùng thèm khát còn người thành kính thì hết sức kinh sợ; mà có hôm một trong những bạn đồng sự của ông, một người rất có thế lực, đến đề nghị với ông lá phiếu của mình và của phe mình (cái từ ngữ không hay nhưng đó là từ ngữ người ta vẫn dùng), Fêđêrigô dứt khoát từ chối lời đề nghị ấy đến nỗi người bạn đồng sự kia phải thay đổi ý kiến và tiến cử người khác. Cũng chính lòng khiêm tốn này, thái độ ghê tởm mọi sự thống trị này biểu lộ cả trong những hoàn cảnh bình thường nhất của đời sống. Chu đáo, không mệt mỏi trong việc tổ chức và điều khiển khi ông thấy là bổn phận mình phải làm, ông luôn luôn tránh nhúng tay vào việc của người khác; và ngay cả khi người ta nhờ ông can thiệp, ông vẫn cố tránh bằng mọi cách có thể tránh được: sự thận trọng và giữ gìn hiếm thấy, như ai cũng biết, ở những người nhiệt tình với việc thiện như Fêđêrigô.

Nếu chúng tôi muốn thả mình theo niềm vui thu thập những nét đặc sắc của tính cách ông, thì chắc chắn đó sẽ là một tập hợp độc đáo những phẩm chất bề ngoài như trái ngược nhau và chắc hẳn rất khó cùng thấy hợp nhất trong một con người. Nhưng chúng tôi xin lưu ý một nét kì lạ khác của cuộc đời cao đẹp này: cho dù ông có bận rộn đến đâu, do vai trò chỉ huy của ông, do những chức trách của ông, do công việc dạy học, những buổi tiếp kiến, những cuộc đi thăm các giáo

khu, những cuộc viễn du, những cuộc tranh nghị, cuộc đời ông chẳng những vẫn có chỗ dành cho học vấn, mà học vấn chiếm ở đây một vị trí lớn đến nỗi có lẽ chẳng thua gì một học giả chuyên nghiệp. Thật vậy, trong nhiều phẩm chất khác nhau của ông được người ta ca ngợi, Fêđêrigô nổi tiếng giữa người đương thời là một con người thông thái.

Tuy nhiên chúng tôi không được phép giấu giếm rằng ông chủ trương với một niềm tin vững chắc và trên hành động thì thực hiện hết sức kiên trì những quan niệm mà ngày nay đối với mọi người có vẻ kỳ dị hơn là thiếu cơ sở; tôi muốn nói kỳ dị ngay cả với những người có lẽ rất muốn xem chúng là đúng đắn. Nếu muốn bảo vệ ông trên vấn đề này, người ta hẳn sẽ đưa ra lời bào chữa hết sức thông thường rằng đó là sai lầm của thời đại ông hơn là của bản thân ông: lời bào chữa có thể có giá trị, và thậm chí giá trị khá lớn, khi người ta rút ra từ sự xem xét riêng biệt các sự kiện; nhưng nó hoàn toàn vô nghĩa khi người ta áp dụng một cách trừu tượng và mù quáng, như vẫn thường làm xưa nay. Cho nên, không muốn giải quyết các vấn đề phức tạp bằng những công thức đơn giản, cũng không muốn kéo đoạn này quá dài, chúng tôi thậm chí không trình bày những quan niệm ấy mà chỉ nhân đây nhận xét là chúng tôi không có ý cho rằng con người này, nhìn chung tuyệt vời đến thế, lại cũng tuyệt vời trên tất cả mọi mặt, và do đó để không có vẻ gì là chúng tôi đã muốn viết một bài điếu văn.

Chúng tôi hẳn cũng sẽ không xúc phạm bạn đọc nếu phỏng đoán rằng một bạn nào đó có thể hỏi con người này đã để lại bằng chứng gì về bao nhiêu tài năng và học vấn của mình. Tất nhiên có chứ! Những tác phẩm ông để lại gần đến trăm cuốn, quan trọng và không quan trọng, tiếng Latinh và tiếng Ý, đã in và bản thảo được lưu trữ trong thư viện do ông

lập ra: những luận văn về đạo đức, những bài giảng đạo, những công trình nghiên cứu về lịch sử, về thời cổ đại tôn giáo và thế tục, về văn học, nghệ thuật và về các vấn đề khác.

- Vậy làm thế nào, - vẫn vị độc giả ấy sẽ nói, - bấy nhiêu công trình lại bị quên lãng hoặc ít ra cũng chẳng mấy người biết đến và tra cứu? Làm thế nào mà, với bấy nhiêu tài năng, học vấn, lịch lãm về con người và sự vật, bấy nhiêu suy tư, bấy nhiêu lòng say mê cái thiện và cái đẹp, sự trong sáng của tâm hồn và bấy nhiêu phẩm chất khác từng làm nên những nhà trước tác lớn, mà con người này trong hàng trăm tác phẩm không còn để lại một có thể được xem là xuất sắc bởi ngay cả những người không hoàn toàn tán thành nó, và nhan đề sách được biết đến bởi ngay cả những người không đọc nó? Làm thế nào mà toàn bộ những tác phẩm ấy không đem lại được cho tên tuổi ông, ít nhất do số lượng của chúng, một tiếng tăm văn học nào đó đối với hậu thế?

Câu hỏi chắc chắn là hợp lý, và cũng là một trong những vấn đề lý thú nhất; bởi vì nguyên nhân của hiện tượng này có thể tìm thấy trong việc quan sát nhiều sự kiện chung: và nếu ta tìm thấy những nguyên nhân ấy, chúng có thể dẫn đến việc giải thích nhiều hiện tượng khác cùng loại. Nhưng những nguyên nhân ấy khá nhiều và trình bày ra thật dài dòng: và rồi, liệu chúng có hợp sở thích các bạn không? Liệu chúng có làm các bạn phải bĩu môi không? Cho nên chúng tôi thấy nên bắt vào dòng tự sự câu chuyện của chúng tôi, và đáng lẽ nói dông dài nữa về con người này, dưới sự hướng dẫn của vị tác giả vô danh ta nên nhìn ông trong hành động thì hơn.

Chương hai mươi ba

Trong khi đợi đến giờ đi nhà thờ làm lễ thánh, Hồng y giáo chủ Fêđêrigô ngồi đọc sách, như ông vẫn thường làm trong mọi lúc rỗi rãi, thì thầy tư tế phụ lễ bước vào với vẻ mặt vô cùng bối rối.

- Một cuộc viếng thăm kỳ lạ, quả thật là kỳ lạ, kính thưa Đức cha!

- Ai vậy? - Hồng y giáo chủ hỏi.

- Không ai khác mà chính là ông lãnh chúa... - thầy tư tế đáp, và dằn giọng từng âm tiết với vẻ rất diễn cảm, ông đọc cái tên mà chúng tôi không thể viết ra đây với bạn đọc. Rồi ông nói thêm: - Ông ta đang ở ngoài kia, đích thân ông ta, và ông không đòi hỏi gì hơn là được đưa đến yết kiến Đức Giáo chủ.

- Ông ta! - Hồng y giáo chủ nói, khuôn mặt bừng lên, gấp sách đứng dậy. - Thế thì mời ông ta vào! Mời ông ta vào ngay!

- Nhưng mà... - thầy tư tế lúng túng, đứng im không nhúc nhích, - Đức cha hẳn phải biết con người ấy là ai, tên tướng cướp này, nhân vật khét tiếng này...

- Vậy đó chẳng phải là điều may mắn thật sự cho một giáo chủ hay sao, nếu có người như vậy muốn đến gặp mình?

- Nhưng mà... - thầy tư tế nằn nì, - chúng con không dám nói điều này điều nọ, sợ Đức cha ngài sẽ cho là chuyện bịa đặt: tuy vậy, khi có dịp, con cũng thấy bổn phận của chúng con là...; thưa Đức cha, lòng nhiệt thành gây ra những kẻ thù; và chúng con biết đích xác có nhiều tên cướp đã dám khoe rằng sớm muộn có ngày...

- Thế họ đã làm gì rồi? - Hồng y giáo chủ ngắt lời.

- Con muốn nói tên này đích thực là một tên chuyên gây tội ác, một tên cố cùng liều thân vẫn giao du với những tên cố cùng liều thân hung dữ nhất, và có thể là hắn được phái đến...

- Ôi, cái thứ kỷ luật gì, - Fêđêrigô tủm tỉm cười lại ngắt lời, - mà quân lính lại đi dọa dẫm cho vị tướng run sợ như vậy? Rồi, trở nên nghiêm trang và trầm ngâm, ông nói tiếp: - Đức Caclô chẳng bao giờ bàn cãi xem ngài có nên tiếp một người như thế hay không, mà ngài sẽ đến tìm ông ta. Thầy cho ông ấy vào ngay đi: ông ấy đợi lâu quá rồi.

Thầy tư tế đi ra, nghĩ bụng: "Chịu thôi; tất cả những ông thánh ấy đều bướng bỉnh cả".

Thầy mở cửa, bước vào căn phòng trong đó có vị lãnh chúa và các tu sĩ, trông thấy các tu sĩ ngồi sát vào nhau ở một bên đang xì xào liếc nhìn vị lãnh chúa ngồi một mình ở góc phòng. Thầy đi đến gặp ông, và cố liếc nhìn mặt ông cho kỹ, thầy tự hỏi dưới cái áo dài kia hắn có thể che giấu những thứ vũ khí quái quỷ gì, và quả thật, trước khi đưa hắn vào, ít ra thầy có nên đề nghị với hắn... nhưng thầy không dám quyết định. Thầy đến bên ông và nói:

- Đức giáo chủ đang đợi ngài. Xin ngài đi với tôi.

Và thầy tiến lên trước ông, đi giữa đám người không đông lắm đứng rẽ ra hai bên, liếc nhìn sang phải và sang trái như muốn nói: - Biết làm sao được? Chẳng lẽ cả các vị nữa, các vị

cũng không biết là đức giáo chủ bao giờ cũng chỉ làm theo ý mình thôi hay sao?

Người Vô Danh vừa được đưa vào thì Fêđêrigô bước tới đón ông ngay, với dáng vẻ ân cần, khuôn mặt thanh thản, và đôi tay mở rộng, như đi đến với một người mình hằng mong được gặp, và ngài làm hiệu ngay cho thầy tư tế đi ra: thầy tuân lệnh.

Hai người ngồi một lúc không nói gì, phân vân lưỡng lự, nhưng mỗi người với những lý do khác nhau. *Người Vô Danh*, dường như bị thúc đẩy tới đây bởi một cơn sốt kỳ lạ hơn là một ý định rõ ràng, cũng ngồi đó, như miễn cưỡng, bị giằng xé bởi hai tình cảm trái ngược, một bên là niềm mong ước và hy vọng mơ hồ được tìm thấy sự giải thoát cho nỗi đau khổ trong lòng, và bên kia là sự bực tức và nhục nhã phải đến đây như một tên khốn kiếp đến sám hối, quy phục, thú tội và van xin một người khác: và ông không tìm được ra lời, và có thể nói ông cũng chẳng tìm lời nữa. Tuy vậy, khi ngước mắt nhìn vào mặt con người này, ông cảm thấy ngày càng bị xâm chiếm bởi một lòng kính trọng uy nghiêm mà hiền dịu nó làm tăng niềm tin cậy, làm nguôi cơn giận hờn, và, chẳng hề xúc phạm lòng tự hào của ông, nó làm tê liệt lòng tự hào ấy, và có thể nói nó bắt ông phải im lặng.

Dung mạo Fêđêrigô quả thật chứng tỏ một con người ưu tú làm cho người ta yêu quý. Phong thái ông đĩnh đạc tự nhiên, và uy nghi mà không có vẻ gì cố ý. Năm tháng không làm ông còng lưng xuống hay uể oải, mắt ông nghiêm nghị mà linh lợi, vầng trán trong sáng và trầm tư; mặt dầu tóc bạc, da xanh và tất cả dấu vết của những sự trai giới, suy tưởng, mệt nhọc, một vẻ trong trắng tinh khiết vẫn ngời trên khuôn mặt ông: tất cả mọi nét của khuôn mặt ấy cho thấy trước đây nó đã

thật sự là đẹp theo đúng nghĩa của từ này, thói quen của những suy nghĩ cao cả và nhân từ, sự thanh thản nội tâm của một cuộc đời đã sống nhiều, tình yêu con người, nỗi vui bất tuyệt của một lòng tin khôn tả đã thay thế sắc đẹp ấy bằng một sắc đẹp khác mà tôi xin được gọi là sắc đẹp của tuổi già, càng được tôn lên nữa bởi vẻ giản dị lộng lẫy của tấm áo choàng đỏ thắm.

Đức Hồng y giáo chủ cũng chăm chú nhìn *Người Vô Danh* một lúc bằng cái nhìn sắc sảo đã quen đọc trên nét mặt mọi người những suy nghĩ của họ; và dưới vẻ ủ rũ và bối rối kia, ông cảm thấy hình như đã dần dần khám phá ra một cái gì đó phù hợp với hy vọng của mình khi mới nghe báo tin về cuộc đến thăm này.

- Ồ! - Ông sôi nổi nói, - Làn gió quý hóa nào đưa ngài lại thăm tôi vậy! Và tôi phải biết ơn ngài biết bao vì ngài đã có một quyết định hay đến thế, mặc dầu quyết định ấy đối với tôi cũng ít nhiều như một lời trách móc!

- Một lời trách móc! - Vị lãnh chúa ngạc nhiên kêu lên nhưng cũng hởi lòng vì những lời lẽ và thái độ ấy, và mãn nguyện vì Hồng y giáo chủ đã phá làn băng giá và khai mào câu chuyện.

- Tất nhiên, đối với tôi đó là một lời trách móc, - ông lại nói tiếp, - vì đã để ngài đi trước tôi; thế mà lẽ ra tôi đã phải nhiều lần đến thăm ngài từ lâu rồi.

- Ngài, ngài đến thăm tôi! Ngài biết tôi là ai không? Họ đã nói rõ tên tôi với ngài chưa?

- Thế nỗi vui mừng tôi cảm thấy và chắc hẳn ngài trông thấy trên nét mặt tôi đây, ngài tưởng đó là do tôi được báo tin, được trông thấy một người xa lạ hay sao? Chính ngài là nguyên nhân của nỗi vui mừng ấy; ngài, tôi nhắc lại, là người

mà lẽ ra tôi đã phải đến thăm rồi; ngài, mà ít nhất tôi cũng đã hết lòng yêu mến và thương xót, và đã cầu nguyện cho ngài biết bao lần; ngài, trong tất cả những đứa con của tôi, mà tuy vậy tôi đều chân thành yêu mến hết thảy, là người con mà có lẽ tôi mong muốn tiếp đón và ôm chặt trong vòng tay hơn ai hết, nếu như tôi có thể hy vọng điều đó. Nhưng chỉ có Chúa biết làm nên những điều kỳ diệu và bù lại cho sự yếu đuối, chậm chạp của những kẻ tôi tớ khốn khổ của Người.

Người Vô Danh sững sờ trước những lời nói nhiệt tình đến thế, những lời đáp thật rành rọt cho những điều ông chưa nói ra, và thậm chí ông còn chưa hẳn định nói ra; cảm động, mà như choáng váng, ông im lặng.

- Thế nào? - Fêđêrigô lại nói tiếp càng ân cần hơn. - Ngài có tin vui muốn cho tôi biết mà để tôi khát khao chờ mãi thế ư?

- Tôi mà có tin vui? Tôi có địa ngục trong lòng đây; vậy mà tôi lại có tin vui báo với ngài? Chính ngài nói đi, nếu ngài biết, cái tin vui mà ngài chờ đợi ở một người như tôi là cái gì vậy.

- Là tin chúa đã cảm động lòng ngài và muốn ngài đi theo Người, - Hồng y giáo chủ điềm tĩnh đáp.

- Chúa! Chúa! Chúa! Ví phỏng tôi trông thấy Chúa! Ví phỏng tôi cảm thấy Chúa! Thế vị Chúa ấy ở đâu?

- Ngài muốn hỏi tôi điều ấy? Chính ngài? Vậy còn ai gần Chúa hơn ngài nữa? Chẳng phải ngài vẫn cảm thấy Chúa trong lòng đấy thôi, Người làm cho ngài khổ cực, lo lắng, không để ngài yên, và đồng thời Người lôi cuốn ngài theo Người, cho ngài một tia hy vọng được yên tĩnh, được an ủi, và đó sẽ là niềm an ủi trọn vẹn, vô tận, một khi ngài đã nhận ra Người, thú tội với Người, cầu nguyện Người.

- Ôi, quả đúng như vậy. Có cái gì trong người đang hành

hạ tôi, cắn rứt tôi! Nhưng còn Chúa! Nếu có Chúa, vị chúa ấy, nếu Chúa đúng như người ta nói, thì chúa sẽ làm gì tôi?

Những lời ấy được nói ra trong cơn tuyệt vọng; nhưng Fêđêrigô, bằng một giọng trang nghiêm như được Chúa hiền từ mách bảo, đáp lại:

- Chúa có thể làm gì ngài ư? Chúa có thể làm những gì Chúa muốn làm. Đó là dấu hiệu của sức mạnh và lòng nhân đức của Người: Chúa muốn ngài đem lại cho Người một vinh quang mà không ai khác có thể đem lại được. Dù cho người đời đã từ lâu nguyền rủa ngài, hàng nghìn hàng nghìn tiếng nói căm ghét những việc làm của ngài... - (*Người Vô Danh* rùng mình và sửng sốt trong giây lát vì được nghe một tiếng nói khác thường đến thế, và càng sửng sốt hơn thấy mình không nổi giận mà thậm chí còn như nhẹ nhõm trong người) - nhưng chẳng lẽ - Fêđêrigô nói tiếp - vinh quang của Chúa là ở đó hay sao? Đó là những tiếng nói khiếp sợ, những tiếng nói vụ lợi, có lẽ cũng có những tiếng nói của công lý, nhưng một thứ công lý quá dễ dàng, quá đương nhiên! Có thể trong đó, than ôi, có cả những tiếng nói thèm khát cái quyền lực khốn khổ của ngài, cái sự vững vàng đáng buồn của ngài bấy lâu nay. Nhưng khi ngài đã tự vươn lên để lên án cuộc đời ngài, để tự kết tội mình, thì khi đó, chính là ngài làm vẻ vang cho Chúa! Vậy mà ngài còn hỏi Chúa có thể làm gì ngài ư? Tôi là cái gì, tôi, con người khốn khổ, mà có thể nói với ngài ngay từ bây giờ là ngài có thể giúp gì cho một đấng tối cao như thế? Chúa có thể dùng vào việc gì cái ý chí mãnh liệt này, cái tính cách kiên cường không gì lay chuyển này, khi Người đã làm cho nó cháy bùng lên ngọn lửa yêu thương, hy vọng và hối hận? Ngài là ai, hỡi con người đáng thương, mà lại cho rằng ngài có thể nghĩ ra và phạm những tội ác ghê gớm mà không bị trừng phạt, và Chúa

không thể đưa ngài trở lại đường ngay lẽ phải? Chúa có thể làm gì ngài ư? Tha thứ cho ngài chứ sao? Cứu vớt ngài chứ sao? Thực hiện ở ngài sự nghiệp cứu thế chứ sao? Chẳng lẽ đó không phải là những điều đẹp đẽ xứng đáng với Người? Ôi, ngài thử nghĩ xem! Nếu như tôi đây, con người bé nhỏ đáng thương, tôi, con người khốn khổ, mà tuy vậy rất đỗi tự mãn về mình, tôi đúng là tôi như thế, nếu trong lúc này tôi nóng lòng mong muốn ngài được cứu vớt đến mức sẵn lòng hiến dâng cho sự cứu vớt ấy những ngày ít ỏi còn lại của đời tôi (Chúa chứng giám cho tôi); thì ngài thử nghĩ xem! Lòng từ thiện Người đã truyền cho tôi một lòng từ thiện tuy không hoàn hảo nhưng nhiệt tình đến thế hẳn phải lớn lao và sâu sắc biết chừng nào; ngài thử nghĩ xem Người đã ra lệnh và đã truyền cho tôi một lòng yêu thương nồng cháy đối với ngài thì Người phải yêu quý ngài biết chừng nào, Người kỳ vọng ở ngài biết chừng nào!

Cùng với những lời nói thốt ra ở miệng ông, từ vẻ mặt đến cái nhìn, nhất cử nhất động đều bày tỏ ý nghĩa của những lời nói ấy. Khuôn mặt người nghe ông, từ chỗ bồn chồn và bối rối, thoạt đầu tỏ ra kinh ngạc và chăm chú, về sau biểu lộ nỗi xúc động sâu sắc hơn và đỡ lo âu hơn; đôi mắt ông ta, từ thuở nhỏ đã không còn biết nước mắt là gì, mọng lên; khi Hồng y giáo chủ dứt lời, ông đưa hai tay ôm mặt òa khóc, những giọt nước mắt cũng là lời đáp cuối cùng và rõ nhất của ông.

- Chúa vĩ đại và nhân từ! - Fêđêrigô kêu lên, giơ tay và ngước mắt lên trời. - Chẳng hay con đã làm gì, con, đứa tôi tớ vô dụng, kẻ chăn dắt ươn lười, để được Người gọi đến cho dự bữa tiệc thánh sủng này, để được Người ban cho vinh dự chứng kiến một điều kỳ diệu vui mừng đến thế! - Nói xong, ông chìa tay ra để nắm lấy tay *Người Vô Danh*.

- Không! - Ông ta kêu lên. - Không! Ngài hãy tránh ra,

tránh xa tôi ra: đừng làm bẩn bàn tay trong trắng và nhân đức của ngài. Ngài không biết được cái bàn tay mà ngài muốn nắm lấy này đã làm những gì đâu.

- Mặc tôi, - Fêđêrigô nói, trìu mến và mạnh mẽ nắm lấy bàn tay *Người Vô Danh*, - cứ để tôi siết chặt bàn tay này, bàn tay sẽ sửa chữa biết bao lỗi lầm, ban phát biết bao ân đức, cứu giúp biết bao người đau khổ, và sẽ chìa ra không vũ khí, hiền lành, khiêm nhường với biết bao kẻ thù.

- Trời ơi, quá lắm! - *Người Vô Danh* nức nở. - Cứ mặc tôi, thưa cha, - thưa cha Fêđêrigô nhân đức, cứ mặc tôi. Một đám đông đang chen chúc đợi ngài; biết bao linh hồn hiền từ, biết bao con người trong trắng, biết bao người từ xa tới để được nhìn thấy ngài một lần, để được nghe ngài nói; vậy mà ngài cứ ngồi trò chuyện... với ai đây!

- Hãy để chín mươi chín con chiên đấy, - Hồng y giáo chủ đáp, - chúng đang gặm cỏ yên lành trên núi, giờ đây tôi muốn ở lại với con chiên lạc đường. Những linh hồn ấy có lẽ bây giờ đang rất vui mừng hơn là thấy mặt viên giám mục khốn khổ này. Có lẽ khi thực hiện ở ngài phép màu của lòng trắc ẩn, Chúa đã truyền cho những linh hồn ấy một niềm vui mà họ còn chưa cảm thấy được nguyên nhân. Những người ấy có lẽ đang gắn bó với chúng ta mà họ không biết: có lẽ đức Thánh-Thần đang nhen lên trong lòng họ một nhiệt tình làm việc thiện chưa xác định, một lời cầu nguyện mà người chấp thuận để cho ngài, một hành động ân xá mà ngài là đối tượng mà họ còn chưa biết.

Nói xong, Hồng y giáo chủ ôm choàng lấy *Người Vô Danh*, ông ta cố tránh ra và cưỡng lại một chút, cuối cùng nhượng bộ, như chịu khuất phục trước nhiệt tình sôi nổi của tấm lòng nhân hậu ấy, và ông cũng ôm lấy Hồng y giáo chủ,

để mặc cho khuôn mặt run rẩy và mếu máo của mình gục trên vai ngài. Những giọt lệ nóng bỏng của ông rơi lên tấm áo choàng đỏ thắm không một vết nhơ của Fêđêrigô; và những bàn tay trong trắng của giáo chủ âu yếm riết lấy thân hình ấy, ép chặt cái áo dài quen mang những vũ khí của sự cường bạo và phản bội.

Người Vô Danh cố gỡ ra khỏi vòng tay của giáo chủ, rồi lại lấy tay che mắt, ngẩng mặt kêu lên:

- Chúa thật vĩ đại! Chúa thật nhân từ! Bây giờ con đã tự biết mình, con hiểu con là ai; những việc làm bất công của con đang bày ra trước mắt con; con ghê tởm bản thân mình ấy vậy mà...! Ấy vậy mà con cảm thấy một sự nhẹ nhõm, một niềm vui, phải, một niềm vui như con chưa từng thấy trong cả cuộc đời khủng khiếp của con!

- Đó là niềm vui ban đầu, - Fêđêrigô nói, - mà Chúa ban cho ngài để kéo ngài về với Chúa, để khích lệ ngài bước hẳn vào cuộc đời mới ở đó ngài sẽ có biết bao điều phải phá bỏ, bao điều phải sửa chữa, bao điều phải khóc thương!

- Khốn khổ thân tôi! - Vị lãnh chúa kêu lên. - Biết bao điều tôi chỉ còn có thể than khóc thôi! Nhưng dẫu sao cũng có những việc chỉ mới bắt đầu, mà ít nhất tôi cũng có thể chặn đứng nó lại: có một việc tôi có thể đập tan ngay bây giờ, phá bỏ và sửa chữa.

Fêđêrigô lắng tai nghe; và *Người Vô Danh* kể lại vắn tắt, nhưng với lời lẽ kinh tởm còn nặng hơn cả những lời bản thân chúng tôi đã dùng, câu chuyện ức hiếp Luxia, những nỗi khiếp sợ và đau khổ của cô gái đáng thương, cách cô van xin ông như thế nào, những lời cầu khẩn của cô đã khiến chính ông phải bối rối thế nào, và hiện nay cô đang còn ở trong lâu đài của ông...

- Chà, thế thì ta phải làm ngay! Fêđêrigô kêu lên, thương xót và lo lắng. - Hạnh phúc cho ngài biết bao! Đây chính là một bảo đảm của sự ân xá của Chúa! Chúa lấy ngài làm công cụ cứu vớt cô gái mà ngài đã muốn làm hại. Cầu Chúa ban phước cho ngài! Chúa đã ban phước cho ngài rồi! Ngài có biết cô gái khốn khổ của chúng ta người đâu không?

Vị lãnh chúa nói tên làng quê của Luxia.

- Chỗ ấy không xa đây, - Hồng y giáo chủ nói, - nhờ trời; và có lẽ... - Nói vậy rồi ngài bước nhanh đến bên bàn và rung chuông. Lập tức thầy tư tế phụ lễ bước vào với vẻ lo ngại, và trước hết thầy nhìn *Người Vô Danh*; và trông thấy khuôn mặt mếu máo, đôi mắt đỏ mọng của ông, thầy lại nhìn sang Hồng y giáo chủ; và, phát hiện ra trên khuôn mặt giáo chủ, dưới vẻ trang nghiêm không thay đổi của ngài, có gì như một niềm vui trọng thể và sự sốt sắng gần như nôn nóng, thầy hẳn sẽ đứng ngây người ra mãi, mồm há hốc, nếu Hồng y giáo chủ không đánh thức thầy bừng tỉnh khỏi sự chiêm ngưỡng ấy bằng cách hỏi thầy có biết trong số những linh mục tập họp tại đây có ai ở +++ không.

- Dạ thưa Đức cha, ông ta có đây ạ, - thầy tư tế đáp.

- Thầy gọi ông đến đây ngay, - Fêđêrigô nói, - và cùng với ông ta cả ông linh mục ở nhà thờ này nữa.

Thầy tư tế đi ra, và bước vào căn phòng có các linh mục tụ tập: tất cả mọi con mắt đổ dồn vào thầy. Miệng vẫn mở to, vẻ ngây ngất còn đọng trên khuôn mặt, thầy huơ tay lên trời nói:

- Các ngài ơi! Các ngài! *Haec mutatio dexterae Excelsi*[1] - Và thầy đứng lặng một lúc không nói gì. Rồi lấy lại giọng nói

---

[1] Những thay đổi nhờ con đường chính trị của đấng tối cao là như vậy! (tiếng Latinh).

làm việc, thầy tiếp tục: - Đức ngài hỏi ông linh mục xứ này và ông linh mục ở +++.

Người thứ nhất được gọi đến tiến lên ngay, đồng thời ở giữa đám đông cất lên một tiếng nói ề à với giọng ngạc nhiên:

- Tôi ư?

- Có phải ông là linh mục xứ +++? - Thầy tư tế hỏi lại.

- Đúng vậy, nhưng mà...

- Đức ngài hỏi ông.

- Tôi? - Tiếng nói ấy còn hỏi lại lần nữa, và cái từ đơn âm ấy muốn nói rõ rằng: "Tôi thì có việc gì trong đó?".

Nhưng lần này, cùng với tiếng nói là cả con người tiến lên, đích thị Đôn Aphôndiô, bước đi ngượng ngập, vẻ mặt không ra ngạc nhiên không ra bực bội. Thầy tư tế hất tay ra hiệu cho ông như muốn nói: "Nào, theo tôi, có gì mà khó khăn thế?" Rồi thầy đi trước hai linh mục, tiến đến cửa, mở cửa và đưa họ vào.

Hồng y giáo chủ đã buông tay *Người Vô Danh* và trong khi chờ đợi, ngài đã cùng quyết định với ông ta mọi việc phải làm; ngài ngồi cách ra một chút và ra hiệu gọi ông linh mục địa phương lại. Ngài nói vắn tắt cho ông hiểu vấn đề và hỏi ông liệu có thể tìm ngay một người đàn bà hiền hậu vui lòng đi với một cái kiệu đến lâu đài đón Luxia về: một người đàn bà tốt bụng và khôn ngoan, biết cách tháo vát trong một nhiệm vụ mới mẻ như thế này, biết dùng những cử chỉ đúng mực nhất và tìm ra những lời thích hợp nhất để khích lệ và làm yên lòng cô gái đáng thương ấy, bởi vì sau bao nỗi lo âu, và trong tâm trạng hoảng loạn hiện nay, thì ngay cả việc thả ra cũng có thể lại càng làm cô thêm hốt hoảng. Ông linh mục nghĩ một lát rồi thưa là có người như thế, và đi ra. Hồng y giáo chủ lại ra hiệu gọi thầy tư tế đến, hạ lệnh cho thầy chuẩn bị ngay cái kiệu và những người khiêng kiệu và cho thắng yên cương vào hai con

la. Thầy tư tế đến lượt mình cũng đi ra, Hồng y giáo chủ quay sang phía Đôn Apbôndiô.

Ông ta lúc này đứng gần ngài; để cách xa vị lãnh chúa, và trong khi chờ đợi cứ liếc nhìn người này rồi lại người kia mà vẫn không ngừng suy nghĩ nát óc để đoán xem tất cả cái trò này có thể có ý nghĩa thế nào; ông tiến lại gần hơn nữa, cúi chào và nói:

- Người ta báo với con là Đức cha cho gọi con, nhưng con cho là họ đã lầm.

- Họ không lầm đâu, - Fêđêrigô đáp. - Ta cho ông biết một tin mừng, và một nhiệm vụ rất đáng phấn khởi và vui thích. Một trong những giáo dân của ông mà ông hẳn đã khóc vì tưởng chết rồi, Luxia Monđenla, lại tìm thấy, cô đang ở gần đây, trong một nhà ông bạn quý của ta đây. Ông sẽ đi ngay bây giờ với ông ấy, và với một bà mà ông linh mục ở đây đã đi tìm, ta nhắc lại là ông sẽ đi đón cô gái ấy, một giáo dân của ông, và đưa cô ta về đây.

Đôn Apbôndiô cố sức che giấu nỗi phiền muộn, và hơn thế, nỗi lo âu và cay đắng mà một lời đề nghị như thế, hoặc đúng hơn, một mệnh lệnh như thế gây ra cho ông; và vì không kịp có thời giờ để thay đổi và xóa tan cái vẻ nhăn nhó đã hiện ra trên nét mặt, ông che giấu nó bằng cách cúi gằm xuống tỏ ý phục tùng. Và ông chỉ ngẩng đầu lên để lại cúi chào thật cung kính *Người - Vô Danh,* đồng thời liếc nhìn ông ta bằng một cái nhìn thật tội nghiệp như muốn nói: "Tôi ở trong tay ngài, xin ngài rủ lòng nhân đức: *parcere subjectis*"[1].

Sau đó Hồng y giáo chủ hỏi ông xem Luxia có họ hàng thân thuộc gì không?

---

[1] Hãy khoan dung cho những kẻ tùy thuộc ở ngài (tiếng Latinh).

- Kể về họ hàng gần nhất, mà cô ta có thể cùng sống được và đã cùng sống, thì chỉ có mẹ thôi, - Đôn Aphôndiô đáp.

- Bà mẹ ấy đang ở trong làng chứ?

- Thưa đức cha, vâng ạ.

- Bởi vì cô gái đáng thương này, - Fêđêrigô lại nói, - không thể về nhà ngay, cho nên thật là một niềm an ủi lớn cho cô nếu được gặp mẹ: bởi vậy, nếu khi ta đi nhà thờ mà ông linh mục xứ này còn chưa trở lại, ông hãy giúp ta nói với ông ấy đi kiếm một cái xe và con ngựa và cho một người cẩn thận đi tìm người đàn bà ấy đưa về đây.

- Vậy nếu chính con đi thì sao? - Đôn Aphôndiô nói.

- Không, không: với ông, thì ta đã yêu cầu ông việc khác rồi, - Hồng y giáo chủ đáp.

- Cho con đi, - Đôn Aphôndiô đáp, để chuẩn bị tư tưởng cho bà mẹ đáng thương ấy. Đó là một người đàn bà rất đa cảm: và phải có người quen, biết cách đối xử với bà ấy, để khỏi gây cho bà nhiều đau khổ hơn là sự tốt lành.

- Chính vì thế mà ta yêu cầu ông dặn ông linh mục ở đây chọn cho được một người khôn ngoan: còn ông, chỗ khác cần ông hơn, - Hồng y giáo chủ đáp.

Và có lẽ ngài muốn nói: "Cô gái đáng thương này hiện nay cần hơn hết được thấy ngay một khuôn mặt quen thuộc, một người tin cậy trong tòa lâu đài ấy, sau bao nhiêu giờ phút sống trong lo sợ và trong một tương lai mù mịt thật khủng khiếp. Nhưng đó không phải lý do có thể công khai nói ra trước mặt một người thứ ba.

Tuy vậy Hồng y giáo chủ cũng lấy làm lạ tại sao Aphôndiô không đoán ra điều đó, và thậm chí tự ông ta không có được suy nghĩ ấy; và lời đề nghị, lời van nài của Đôn Aphôndiô đối với ngài có vẻ lạc lõng đến nỗi ngài nghĩ rằng chắc phải có

chuyện gì ẩn đằng sau. Ngài nhìn thẳng vào mặt ông linh mục và dễ dàng nhận thấy nỗi sợ hãi phải cùng đi với con người khủng khiếp này, phải vào lâu đài ông ta, dù chỉ trong một thời gian ngắn. Cho nên muốn đánh tan những nỗi lo sợ ấy, và thấy không tiện gọi riêng linh mục ra một bên và bí mật thì thầm với ông ta, trong khi người bạn mới của ngài vẫn đang ở đó cùng với họ, ngài nghĩ rằng cách tốt nhất là làm cái việc mà đằng nào ngài cũng làm dù không có lý do này, tức là chính ngài nói chuyện với *Người Vô Danh*; được nghe những lời đáp lại của ông, Đôn Aphôndiô cuối cùng hẳn sẽ hiểu đó không phải là con người để người ta phải sợ nữa.

Vậy là Hồng y giáo chủ đến bên *Người Vô Danh*, và với vẻ suồng sã tự nhiên mà ta thấy ở một tình thân mới mẻ và nồng nhiệt cũng như ở một tình bạn thắm thiết lâu ngày, giáo chủ nói với ông:

- Xin ngài đừng tưởng tôi đã bằng lòng với cuộc đến thăm hôm nay. Ngài sẽ trở lại, phải không nào, cùng với vị linh mục hiền lành này?

- Tôi trở lại chứ? - *Người Vô Danh* đáp. - Ngay cả khi đức cha không muốn tôi đến, tôi cũng cứ lì ra đứng trước cửa đức cha, như một kẻ hành khất. Tôi cần nói chuyện với đức cha! Tôi cần được nghe đức cha nói, được thấy mặt đức cha! Tôi cần có đức cha!

Fêđêrigô cầm bàn tay ông, siết chặt bàn tay ấy và nói:

- Vậy thế nào ngài cũng ở lại cùng ăn bữa trưa với chúng tôi. Tôi sẽ đợi ngài. Bây giờ tôi đi với dân chúng cầu nguyện và tạ ơn Chúa; còn ngài, ngài đi hái những thành quả đầu tiên của lòng từ thiện.

Trước những sự thổ lộ tình cảm ấy, Đôn Aphôndiô như một đứa bé nhát sợ trông thấy người ta bình tĩnh vuốt ve một

con chó lớn xù lông, mắt đỏ ngầu, nổi tiếng là chó dữ làm bao người phải khiếp sợ, nhưng cậu lại nghe chủ nó nói đây là con vật to xác mà hiền, không có con nào hiền hơn thế: cậu bé nhìn người chủ, không cãi cũng không tin; cậu nhìn con chó và không dám lại gần sợ con vật to lớn hiền lành nhe răng ra với cậu, dù chỉ để mừng đón, cậu cũng không dám lảng đi sợ lộ ra là thằng hèn nhát, và tự nhủ: "Ôi, giá như ta có thể về nhà!".

Lúc đi ra, Hồng y giáo chủ vẫn cầm tay *Người Vô Danh* và dắt ông cùng đi với mình, ngài lại ngạc nhiên trông thấy con người tội nghiệp tụt lại sau, bực bội, không bằng lòng, vô tình bĩu môi bĩu mỏ. Ngài nghĩ ông này có lẽ đau lòng vì cho rằng mình không được chú ý và như bị bỏ quên trong một xó, nhất là khi so sánh với tên tội phạm được đón tiếp nồng hậu và ân cần chiều chuộng: cho nên ngài vừa đi vừa quay lại phía ông, rồi đứng lại một lát, ngài nở nụ cười âu yếm nói với ông:

- Ông linh mục này, ông luôn luôn cùng với tôi ở trong nhà Cha nhân từ của chúng ta, nhưng còn ông này... ông ta *Perierat et inventus est*[1].

- Ôi, con sung sướng biết bao! - Đôn Aphôndiô nói, cung kính cúi chào cả hai người.

Đức tổng giám mục tiến lên, đẩy cửa, ngay tức khắc cánh cửa được mở toang ra phía ngoài bởi hai người hầu đứng hai bên, và cái đôi kỳ lạ hiện ra trước những con mắt chằm chằm của các tu sĩ tụ tập trong căn phòng. Trên hai khuôn mặt ấy in đậm nỗi xúc động khác nhau, nhưng đều sâu sắc như nhau: một vẻ âu yếm tạ ơn, một niềm vui khiêm nhường trên dung mạo đáng kính của Fêđêrigô; và trên nét mặt *Người Vô Danh* một vẻ bối rối được niềm an ủi làm khuây dịu bớt đi, một sự

---

[1] Bị lạc và lại tìm thấy (tiếng Latinh).

ngượng ngùng mới, một vẻ trang trọng, tuy vậy vẫn để lộ ra sức mạnh của cái tính khí man rợ và nóng nảy ấy. Về sau, người ta nói rằng một số người chứng kiến cảnh tượng đó đã nhắc lại đoạn văn này của Ixai[1]: *Con sói và con cừu non sẽ cùng đến một cánh đồng cỏ, con sư tử và con bò sẽ cùng ăn rơm với nhau*. Đi sau cùng là Đôn Aphôndiô, chẳng ai để ý đến ông ta.

Khi họ đến giữa phòng, người hầu phòng của Hồng y giáo chủ bước vào theo cửa khác và đến bên ngài, nói là bác đã thi hành những lệnh do thầy tư tế truyền lại; cái kiệu và hai con la đã sẵn sàng, chỉ còn đợi người đàn bà ông linh mục dẫn tới. Hồng y giáo chủ dặn bác là khi nào ông đến, bác nói ông gặp ngay Đôn Aphôndiô, rồi tất cả dưới quyền điều khiển của Đôn Aphôndiô và *Người Vô Danh*. Giáo chủ lại siết chặt tay *Người Vô Danh* lần nữa để cáo biệt ông và nói: "Tôi đợi ngài". Rồi ngài quay lại chào Đôn Aphôndiô, và đi đến nhà thờ. Các tu sĩ đi theo ngài gần thành một đám rước. Chỉ còn lại hai người bạn đường trong căn phòng.

Người Vô Danh trầm ngâm tư lự, nóng lòng đợi giờ phút giải thoát nàng Luxia của ông khỏi những đau khổ và khỏi nhà tù: nàng bây giờ là của ông, theo một nghĩa khác hẳn cái nghĩa ngày hôm trước; và khuôn mặt ông biểu lộ một xúc động căng thẳng, có thể dễ thành ghê sợ dưới con mắt nghi ngại của Đôn Apbôndiô. Ông ta liếc nhìn ông, có lẽ ông ta cũng muốn khơi mào một câu chuyện thân tình, nhưng lại nghĩ: "Ta phải nói gì với hắn đây? Chẳng lẽ ta còn phải nói với hắn: xin chúc mừng ông? Chúc mừng ông cái gì? Về việc sau khi đã làm con quỷ cho đến tận bây giờ, cuối cùng ông đã quyết định trở

---

[1] *Isaie*: Nhà tiên tri Do Thái.

thành người lương thiện như mọi người khác chăng? Lời chúc mừng hay hớm thật! Chà, chà, chà! Dù ta khua môi múa mép thế nào, những lời chúc mừng ấy cũng không thể nói điều gì khác. Và rồi, có thật hắn đã trở thành người lương thiện chưa? như thế đấy, dùng một cái! Những kiểm huênh hoang bịp bợm ấy, trên đời này người ta đã làm khối ra rồi, và vì đủ mọi lí do! Ta làm sao biết được, đã bao lần...? Vậy mà trong khi chờ đợi hai năm rõ mười ta phải cùng đi với hắn! đến cái lâu đài ghê gớm ấy! Ôi, chuyện quái quỷ! Chuyện quái quỷ! Chuyện quái quỷ! Giá như họ nói ta biết việc này từ sáng nay! Chà, ta mà ra khỏi vụ này nguyên lành, thì thưa bà Pecpêchuya, bà sẽ biết tay tôi, vì bà đã thúc ép tôi đến đây, phải rời khỏi ngôi nhà của tôi, mà không có việc gì cần thiết: và bà nói là tất cả mọi linh mục các xứ chung quanh đều tới, và thậm chí từ xa hơn nữa, họ không được tới sau cùng và thế này và thế nọ, và đủ mọi điều để đẩy tôi vào một việc như thế này đây! Ôi cái thân tôi thật khốn khổ! Tuy vậy cũng phải nói cái gì với con người này chứ".

Cứ nghĩ mãi rồi ông cũng tìm ra câu nói mà ông có thể nói được: "Tôi chưa bao giờ dám chờ mong hạnh phúc được đánh bạn với một con người đáng kính đến thế" và ông sắp mở miệng thì bác hầu phòng bước vào cùng ông linh mục địa phương, ông này báo là bà đi đón đã sẵn sàng trong kiệu. Rồi ông quay sang Đôn Apbôndiô để nghe truyền đạt lệnh khác của Hồng y giáo chủ. Đôn Apbôndiô cố thực hiện chu đáo trong tâm trạng bối rối; rồi ông đến bên bác hầu phòng nói:

- Ít ra bác cũng cho tôi con vật nào lành lành một tí; bởi vì, nói thật tình, tôi cưỡi ngựa kém lắm.

- Cha yên tâm, - bác hầu phòng đáp với vẻ hơi giễu cợt, - đây là con la của thầy thư lại, một văn nhân mà.

- Tốt... Đôn Apbôndiô đáp, trong bụng nghĩ thầm: "Cầu trời cho mọi sự tốt lành".

Vị lãnh chúa vừa được tin báo vội đi ngay: ra đến cửa, ông mới nhận thấy Đôn Apbôndiô còn ở lại phía sau. Ông đứng lại đợi ngài linh mục và khi ông này vội vã đi tới với vẻ như muốn xin lỗi, ông nghiêng mình chào, nhường linh mục đi trước, với một thái độ lịch thiệp và kính cẩn, khiến vị linh mục khổ sở cũng có chút hởi lòng hởi dạ. Nhưng vị linh mục vừa bước ra sân đã chứng kiến một sự việc khác làm mất ngay cái chút hài lòng ấy: ông trông thấy *Người Vô Danh* tiến đến góc sân lấy khẩu cac-bin, một tay cầm nòng súng, tay kia nắm dây súng, và bằng một cử động lanh lẹn, như đang thao diễn, ông khoác chéo lên vai.

"Ái chà chà! - Đôn Apbôndiô nghĩ. - Hắn định làm gì với cái khí cụ này; Chiếc áo khổ hạnh[1] đẹp đẽ thật, khuôn phép may ho thật đối với một người mới cải tà quy chính! Ngộ nhỡ bắn lại nảy ra cái trò ngông cuồng gì? Ôi, cuộc viễn chinh mới gian nan làm sao!"

Nếu vị lãnh chúa mà nghi ngờ những ý nghĩ nảy ra trong đầu ông bạn đồng hành thì ta khó nói được ông sẽ làm gì để làm yên lòng ông bạn; nhưng ông chẳng hề có chút nào nghi ngờ như vậy. Về phía mình Đôn Apbôndiô rất chú ý để không làm một cử chỉ nhỏ có thể lộ ra là "Tôi không tin ông". Tới cổng ra đường, họ trông thấy hai con la đã thắng yên cương. *Người Vô Danh* nhảy lên con la do một giám mã dắt đến mời ông.

- Con vật này không giở chứng chứ? - Đôn Apbôndiô vừa

---

[1] Dịch chữ cilice: chiếc áo vải thô cứng mặc sát mình của các tu sĩ, ẩn sĩ, xem như một cách hành xác, khổ hạnh.

hỏi bác hầu phòng vừa đặt xuống bàn chân mà ông đã giơ lên định xỏ vào bàn đạp.

- Cha cứ yên tâm mà cưỡi, một con cừu non đấy.

Đôn Apbôndiô bám vào yên trèo lên, được bác hầu phòng đỡ dưới, cuối cùng cũng ngồi chễm chệ trên lưng la.

Cái kiệu đặt trên hai con la trước họ vài bước bắt đầu lên đường theo tiếng hét của người dắt la, và tốp người ấy ra đi.

Họ phải đi qua trước ngôi nhà thờ đông nghịt người, qua một quảng trường nhỏ cũng đầy kín những người vùng này và nơi khác đến sau không vào được nhà thờ. Cái tin trọng đại đã truyền đi, và trước sự xuất hiện của đoàn người, của con người mấy giờ trước còn bị người ta khiếp sợ và căm ghét nhưng bây giờ đã khiến mọi người phải vui mừng kinh ngạc, từ trong đám đông nổi lên một tiếng rì rầm tán thưởng, gần như những tiếng hoan hô, vừa tránh ra nhường lối, người ta vừa chen nhau để được nhìn tận mặt ông. Cái kiệu đi qua, rồi đến người *Người Vô Danh;* trước cánh cửa mở rộng của nhà thờ, ông ngả mũ và cúi rạp cái đầu khủng khiếp xuống tận bờm con la, trong khi hàng trăm tiếng xì xào nổi lên: "Cầu chúa ban phước cho ông ta!" Đôn Apbôndiô cũng ngả mũ, cúi chào, khấn trời phù hộ; nhưng khi nghe giọng hát rì rầm trang nghiêm của các bạn đồng sự, ông cảm thấy một niềm khao khát, một mối thương cảm buồn rầu, một nỗi ưu phiền sâu sắc đến nỗi ông khó cầm được nước mắt.

Khi họ đã qua hết nhà cửa trong làng và ra đến giữa đồng, trên con đường quanh co có khi vắng tanh vắng ngắt, tâm trí Đôn Apbôndiô càng bị bao phủ bởi một tấm màn tối đen hơn nữa. Ông chỉ còn biết gửi cái nhìn tin cậy vào một người duy nhất là bác dẫn kiệu, bác đã làm việc cho Hồng y giáo chủ thì

chắc hẳn phải là người tốt; hơn nữa bác cũng không có vẻ là đứa nhát gan.

Thỉnh thoảng họ gặp những người đi đường, có khi từng đoàn, vội vã đến xem mặt đức Hồng y giáo chủ. Đó thật là một niềm an ủi cho Đôn Apbôndiô; nhưng niềm an ủi ấy cũng chỉ thoáng qua, vì họ đang đi tới cái thung lũng khủng khiếp ở đó chỉ còn gặp những thủ hạ của *Người Vô Danh,* và những thủ hạ mới ghê gớm làm sao! Hơn bao giờ hết ông muốn bắt chuyện với ông bạn kia, vừa để dò xét thêm để gây thiện cảm; nhưng khi thấy ông ta chỉ cứ trầm ngâm tư lự, ông cụt hứng không muốn bắt chuyện nữa. Ông đành phải trò chuyện với bản thân mình và đây là một phần câu chuyện mà con người đáng thương ấy tự nói với mình trong cuộc hành trình này: một phần thôi, vì nếu phải viết tất cả thì có lẽ cũng đủ thành cuốn sách.

"Thật kì lạ là những ông thánh, cũng hệt những thằng vô lại, bao giờ cũng cứ như có thủy ngân ở trong người; bản thân luôn luôn quay cuồng còn chưa vừa lòng, mà nếu có thể thì có ả họ kéo cả loài người cùng nhảy múa luôn với họ; và tại sao chính những tay hiếu động nhất cứ phải tìm đến ta, là người ẳng đi tìm ai, và nắm tóc ta lôi vào việc của họ. Ta, vốn nằng đòi hỏi gì hơn là được sống yên ổn! Cái thằng vô lại, thằng điên rồi Đôn Rôđrigô ấy! Hắn còn thiếu thứ gì để là người sướng nhất trần đời, chỉ cần hắn có lấy một chút lương tri? Giàu có này, trẻ tuổi này, được kính nể này, được săn đón này, nhưng sướng quá hóa buồn tình và hắn cứ phải đi tìm những tai ương, cho hắn và cho người khác. Hắn có thể sống yên lành được lắm chứ: vậy mà không! Đức ông lại cứ muốn hành hạ đàn bà con gái: cái trò ngu xuẩn nhất, bất nghĩa nhất, điên dại nhất trên đời. Hắn lẽ ra có thể ngồi xe ngựa lên

thiên đường, nhưng lại cứ thích nhảy lò cò đến với quỷ. Còn thằng cha này nữa... - Đến đây ông nhìn *Người Vô Danh,* như sợ ông ta nghe thấy những ý nghĩ của mình, - thằng cha này, sau khi đã đảo lộn tùng phèo cả thế giới bằng những tội ác của hắn, vậy là giờ đây lại đảo lộn cả thế giới bằng sự cải hóa của hắn... nếu quả nhiên đó là sự thật. Trong khi chờ cho rõ ràng, chính ta phải làm vật thí nghiệm của cái chuyện cải hóa ấy!... Biết làm sao: khi họ đã sinh ra với cái chứng rồ dại trong người, thì họ cứ phải náo động lên. Chẳng lẽ muốn suốt đời làm người lương thiện, như tôi đây chẳng hạn, lại khó khăn đến thế kia ư? Không đâu, thưa ông; vậy mà các ông cứ phải đánh người, giết người, làm đủ trò ngỗ ngược... Ôi, khốn khổ thân tôi!... Và rồi cái gì họ cũng đưa ra giữa trời, ngay cả việc sám hối. Việc sám hối, khi người ta muốn, người ta có thể làm tại nhà mình, nhẹ nhàng, không phô trương ầm ĩ, không làm phiền mọi người. Nhưng Đức cha ngay lập tức dang rộng cánh tay ra, và ông bạn quý của tôi, và ông bạn yêu quý của tôi; và ngài tin ngay tất cả mọi lời cái người ấy nói với ngài, dường như ngài đã được trông thấy hắn làm nên những điều kì diệu và lập tức ngài hạ ngay quyết định, và ngài lao vào quyết định ấy cuống quýt cả lên, chỗ này nhanh lên, chỗ kia nhanh lên; ở ta, người ta gọi như thế là hấp tấp. Và chẳng có chút bảo đảm nào, ngài đặt luôn vào tay hắn một ông linh mục khốn khổ! như thế người ta gọi là đem mạng người ra chơi ấp ngửa. Một giáo chủ bậc thánh như ngài đáng lẽ phải chăm nom những linh mục của mình như giữ gìn con người của mắt. Một tí chút điềm tĩnh, một tí chút khôn ngoan, một tí chút nhân từ, theo ta thì cái đó có thể hợp với phẩm chất thần thánh... Và nếu như tất cả những trò này chỉ là bề ngoài? Lòng người nham hiểm ai đo cho tường? Và nhất là những người như thằng cha

ấy? Thế mà ta lại phải cùng đi với hắn, vào chính quyền hắn! Có thể trong chuyện này có âm mưu quái quỷ gì đây: ôi, khốn khổ thân tôi! Đừng nghĩ đến là hơn. Còn vụ rắc rối về con bé Luxia ấy là thế nào? Liệu có chuyện thông đồng với thằng Đôn Rôđrigô không? Những quân gớm thật! Nhưng ít ra rồi vấn đề cũng sẽ rõ. Nhưng làm thế nào con bé lại rơi vào nanh vuốt thằng cha kia? Ai mà biết được? Tất cả những cái đó là chuyện kín giữa hắn với đức giáo chủ, còn với ta, mà họ bắt phải đi lóc cóc thế này, thì họ chẳng nói gì cả. Ta đây, ta chẳng thiết dò xét công việc người khác làm gì; nhưng khi chính cái mạng mình bị đe dọa, thì dẫu sao người ta cũng có quyền được biết chứ. Nếu quả thật là đi đón cô gái đáng thương ấy, thì gắng lên nào! mặc dầu hắn rất có thể tự mình đưa cô ấy đi cùng với hắn. Thế nhưng nếu như hắn đã cải tà quy chính tốt đến thế, nếu như hắn đã trở thành ông thánh thật sự, thì hắn còn cần đến ta làm gì nữa? Ôi, thật rắc rối! Thôi được, cứ cho là trời sắp đặt như vậy: ta phải làm một việc khổ sai, thôi thì cố lên! Cũng mừng cho con bé Luxia đáng thương ấy: nó hẳn là tai qua nạn khỏi; Chúa biết nó đã đau khổ thế nào và ta thương hại nó; nhưng nó sinh ra trên đời là để ta phải chết... Ví thử ít ra ta có thể đọc được trong trái tim con người kia, biết được hắn nghĩ gì. Ai biết hắn thế nào? Hắn kia, ai chẳng bảo là Thánh Angtoan giữa sa mạc; nhưng sau đó thì lại đúng là Hôlôphec đích thân[1]. Ôi cái thân tôi sao mà khốn khổ, sao mà khốn khổ! Rốt cuộc thì rồi trời phải phù hộ ta, vì ta dính vào tất cả chuyện này có phải vì thói ngông cuồng của mình đâu".

Quả thật người ta trông thấy, nếu có nói như vậy lướt trên

---

[1] Angtoan: vị tu sĩ ẩn cư, "người cha của giới tu hành" (251-356). Hôlôphec: vị tướng lĩnh hung dữ của hoàng đế Havukhôđônôxo (Kinh Thánh).

khuôn mặt *Người Vô Danh* những ý nghĩ của ông, cũng như trong cơn giông bão những đám mây chạy qua mặt trời làm hiện lên lần lượt khi thì bầu ánh sáng chói lòa, khi thì bóng tối lạnh lẽo. Tâm hồn ông, còn đang say sưa với những lời nói dịu dàng của Fêđêrigô, và như được hồi sinh, được trẻ lại vì được đời mới, vươn lên những tư tưởng từ bi, tha thứ và yêu thương; rồi ông lại rơi xuống gánh nặng quá khứ khủng khiếp của mình. Ông cố lục lại ký ức xem những tội ác nào có thể sửa chữa, tội ác nào có thể ngăn lại nửa chừng, phương sách nào hiệu nghiệm nhất và chắc chắn nhất để gỡ ra được từng ấy đầu mối, và làm gì với từng ấy kẻ đồng lõa; chỉ nghĩ đến cũng đã rối lên rồi. Ngay trong việc này là việc dễ nhất và gần đến lúc hoàn thành nhất, ông cũng bắt tay vào với một tâm trạng bồn chồn lo lắng, khi nghĩ đến tất cả những gì cô gái đáng thương phải chịu trong thời gian ấy, và chính ông, tay đang nóng lòng muốn thả cô ra, lại là người đã bắt cô phải đau khổ. Đến mỗi ngã ba đường, bác dẫn kiệu quay đầu lại để hỏi xem phải đi lối nào; *Người Vô Danh* giơ tay chỉ cho bác, và đồng thời ra hiệu để bác đi nhanh lên.

Họ vào thung lũng. Giờ đây ông Đôn Apbôndiô khốn khổ ấy ở trong tâm trạng như thế nào! Lọt vào giữa cái thung lũng trứ danh này, mà ông đã được nghe kể biết bao chuyện kinh khủng! Nhìn thấy những con người này bằng xương bằng thịt, tinh hoa của những tên *lâu la* nước Ý, những con người không biết sợ và không biết thương hại, và cứ mỗi quãng đường ngoặt lại gặp một hai tên! Chúng cúi chào với vẻ phục tùng trước vị lãnh chúa; nhưng những bộ mặt sạm nắng của chúng mới gớm làm sao! Những hàng ria mép lởm chởm! Những cái nhìn khủng khiếp đối với Đôn Apbôndiô dường như muốn nói: "Ta sẽ thanh toán tên tu sĩ này chứ?". Đến nỗi, khi sự kinh

khủng của ông lên tới cực điểm, ông đã phải nghĩ: "Chà, giá như ta cứ làm lễ cưới cho họ! Thì bây giờ đã chẳng có chuyện gì tệ hại cho ta nữa". Trong khi ấy, họ tiến lên theo con đường nhỏ đầy đá dọc bên dòng suối chảy xiết: bên kia là cảnh những khối đá khắc nghiệt, ảm đạm, vắng vẻ, bên này là một cư dân đáng sợ đến nỗi bất cứ chốn sa mạc nào cũng có vẻ đáng ao ước: Đăngtơ có lẽ cũng không thể cảm thấy kinh tởm hơn khi đứng giữ Malêbongiơ[1].

Họ đi qua quán *Đêm bất hạnh*; lũ lâu la đứng ở cửa cúi chào vị lãnh chúa, liếc nhìn người bạn đồng hành của ông và cái kiệu. Bọn chúng ngơ ngác chẳng hiểu ra sao: ngay việc ra đi một mình của *Người Vô Danh* sáng nay cũng đã có gì khác thường; việc quay về của ông cũng khác thường không kém. Phải chăng đó là một con mồi mang về? Nhưng làm thế nào mà mình ông cũng bắt được nó? Và tại sao có cái kiệu lạ kia? Và bộ đồng phục gia nô kia có thể là của nhà quan nào? Chúng giương mắt ra nhìn: nhưng không tên nào nhúc nhích vì ông chủ đã đưa mắt ra hiệu cho chúng.

Họ trèo lên dốc. Họ đã ở trên cao. Lũ *lâu la* ở sân bãi và cổng đứng dẹp sang bên nhường lối: *Người Vô Danh* ra hiệu cho chúng cứ đứng im đó; ông thúc la vượt lên trước kiệu; ông cũng ra hiệu cho người dẫn kiệu và Đôn Apbôndiô đi theo: ông vào một sân thứ nhất, rồi sân thứ hai, đi đến một cửa nhỏ, bằng một cử chỉ ngăn lại tên *lâu la* đang chạy tới để giữ bàn đạp cho ông, và nói với hắn:

- Mi cứ đứng đây và không được cho ai tới.

---

[1] Một nt những nơi khủng khiếp nhất của Địa ngục trong *Hài kịch thần tiên* của Đăngtơ, tại đây bị hành hình những giáo hoàng và giáo sĩ buôn thần bán thánh, những kẻ phá hoại hòa bình "gieo mối bất hòa" những kẻ ăn hối lộ, những tên đạo đức giả.

Ông xuống la, buộc vội con vật vào chấn song cửa sổ, đi đến cái kiệu, lại gần người đàn bà lúc này đã kéo màn nhìn ra, và khẽ nói với bà:

- Bà dỗ dành cô ấy ngay, nói ngay cho cô ấy hiểu là có được tự do, trong những bàn tay bè bạn. Chúa sẽ thưởng công cho bà.

Sau đó ông ra hiệu cho bác dẫn kiệu mở cánh cửa kiệu; rồi ông đến bên Đôn Apbôndiô, và với vẻ hiền dịu mà vị linh mục chưa từng thấy ở ông và cũng không bao giờ nghĩ là có thể có được, trên mặt rạng rỡ niềm vui về việc thiện mà cuối cùng ông sắp hoàn thành, ông nói với linh mục cũng vẫn với giọng nhẹ nhàng ấy:

- Thưa linh mục, tôi không xin cha thứ lỗi vì sự phiền nhiễu tôi đã gây ra với cha: cha làm việc ấy vì một người nào đó sẽ trả công rộng rãi cho cha và vì cô gái này, một con chiên của chúa.

Nói xong, một tay ông nắm hàm thiếc, còn tay kia giữ bàn đạp để giúp Đôn Apbôndiô xuống la.

Vẻ mặt ấy, những lời nói ấy, thái độ ấy đã trả lại sự sống cho vị tu sĩ. Ông thở phào ra một hơi thở mà suốt một giờ nay cứ nghẹn lại trong ngực không thoát ra được; ông cúi xuống *Người Vô Danh*, và đáp lại bằng một giọng rất khẽ: "Ấy chết! Ngài cứ mặc tôi, mặc tôi...!" và cố sức từ trên lưng la tụt xuống. *Người Vô Danh* cũng buộc con la này lại và sau khi nói với bác dẫn kiệu đợi họ ở đó, ông lấy chìa khóa trong túi, mở đi trước để dẫn họ đến cầu thang nhỏ; và cả ba cùng im lặng trèo lên.

Chương hai mươi bốn

Luxia đã thức dậy được một lúc và cô phải cố sức để tỉnh lại hoàn toàn, để phân biệt những ảo ảnh hỗn độn của giấc ngủ với những hồi ức và hình ảnh của một thực tại giống hệt cơn ác mộng của con bệnh. Bà già đến bên cô ngay và nói với cô bằng một giọng cố làm cho dịu giọng:

- A! Em cũng ngủ được ư? Đáng lẽ em có thể ngủ trên giường; già đã bao lần nói với em như vậy từ đêm qua rồi cơ mà.

Và vì không được đáp lại, bà nói tiếp, vẫn với giọng cầu khẩn bực tức:

- Rốt cuộc thì em cũng phải đi ăn chứ: em phải biết điều một chút. Úi chà! Sao mà trông em xấu xí thế! Em cần phải ăn đi. Kẻo đến khi về, ông ấy lại trách già.

- Không, không; tôi muốn đi khỏi đây, tôi muốn về với mẹ tôi. Ông chủ của bà đã hứa với tôi rồi, đã nói: sáng mai. Ông chủ của bà đâu?

- Ông đi rồi. Ông đã nói với già là sẽ về sớm và sẽ làm tất cả những gì em muốn.

- Ông đã nói thế ư? Có phải ông nói thế không? Thế thì tôi muốn về với mẹ tôi về ngay bây giờ, ngay bây giờ.

Vừa lúc ấy, người ta nghe tiếng bước chân ở buồng bên, rồi một tiếng gõ cửa. Bà già chạy tới hỏi:

- Ai đấy?

- Mở cửa, - tiếng nói quen thuộc đáp lại rất khẽ.

Bà già rút then; *Người Vô Danh,* đẩy nhẹ hai cánh cửa, mở ra một lối đi hẹp: ông hạ lệnh bà già đi ra và mời ngay Đôn Apbôndiô cùng người đàn bà hiền hậu vào phòng. Rồi ông khép cửa, đứng ngoài. Và sai bà già đến một chỗ thật xa trong lâu đài; với bà gác phòng Luxia, ông cũng sai đi như thế.

Tất cả cảnh bận rộn ấy, cái giờ phút chờ đợi ấy, sự xuất hiện những người mới lạ càng làm Luxia thêm lo sợ, bởi vì, dù cho tình trạng hiện tại của cô quả là không chịu nổi tất cả mọi thay đổi cũng cứ gây cho cô những nghi ngờ mới và những nỗi sợ mới.

Cô nhìn, và trông thấy một tu sĩ và một người đàn bà, do đó cũng yên lòng một chút. Cô nhìn chăm chú hơn: ông ấy đấy ư, có phải ông ta không? Cô nhận ra Đôn Apbôndiô cà cứ nhìn ông chằm chằm như bị bùa mê. Người đàn bà lại gần, cúi xuống cô, nhìn cô triu mến, cầm hai bàn tay cô như để vuốt ve đồng thời để đỡ cô đứng dậy:

- Ôi, cô bé đáng thương của bác! Lại đây, lại đây với bác nào.

- Bà là ai? - Luxia hỏi người đàn bà; nhưng không đợi trả lời, cô quay lại phía Đôn Apbôndiô đã dừng lại cách hai bước với một vẻ mặt cũng đầy thương xót; cô lại nhìn ông chằm chằm và kêu lên:

- Kìa cha! Cha đấy ư? Cha linh mục đấy ư? Chúng ta đang ở đâu đây?... Ôi, khốn khổ thân tôi! Tôi mất trí rồi!

- Không, không, - Đôn Apbôndiô đáp, - chính thật ta đây, con đừng sợ. Con thấy không, chúng ta đến đây đưa con đi. Ta đúng thật là linh mục của con, ta chủ tâm đến đây, lại đi ngựa nữa...

Dường như ngay một lúc lấy lại tất cả sức lực của mình, Luxia đứng phắt dậy, rồi vẫn nhìn chằm chằm vào hai khuôn mặt ấy, cô nói:

- Vậy ra mọi người đây là do đức Thánh mẫu phái đến.

- Bác cho là đúng thế, - người đàn bà nói.

- Vậy ta có thể đi, ta có thể đi thật chứ? - Luxia lại nói, hạ thấp giọng và đưa mắt nhìn rụt rè và sợ sệt. - Nhưng còn tất cả những người kia...? - cô nói. Còn ông lãnh chúa ấy!... Con người ấy...! Phải, ông đã hứa với tôi...

- Cả đích thân ông ta cũng ở đây, ông chủ tâm cùng đến với chúng tôi, - Đôn Apbôndiô nói, - ông ấy đang đợi ngoài cửa. Thôi nhanh lên nào, ta đừng bắt một người như ông phải đợi mãi.

Vừa lúc ấy, cái người vừa được nói đến đẩy cửa hiện ra; Luxia vừa mới đây còn mong ước được gặp ông, và thậm chí vì không có hi vọng nào khác nên chỉ còn mong ước được gặp ông, bây giờ, sau khi đã trông thấy những bộ mặt bè bạn và nghe những giọng nói bè bạn, không thể ghìm được một cử chỉ ghê tởm đột ngột; cô rùng mình, nén thở, nép người vào bà đi đón, giấu mặt vào bộ ngực bà. Khi nhìn thấy khuôn mặt mà tối hôm trước ông không thể nhìn kĩ, cái khuôn mặt vì đau khổ kéo dài và nhịn đói càng thêm xanh xanh hơn, u uất hơn, lo sợ hơn, *Người Vô Danh* đứng sững lại, gần như ở ngay ngưỡng cửa; rồi, trông thấy cử chỉ khiếp hãi ấy, ông cúi đầu, đứng một lúc nữa không cử động và im lặng; và sau đó, dường như đáp lại câu hỏi mà cô gái đáng thương không nói ra, ông kêu lên:

- Đúng đấy, xin cô tha thứ cho tôi!

- Ông ấy đến thả em ra; đây không phải là con người như trước nữa; ông đã là người tốt rồi, em nghe thấy không, ông ấy xin lỗi em đấy! - Người đàn bà hiền hậu thì thào bên tai Luxia.

- Còn nói đến thế nào nữa? Thôi, con ngẩng đầu lên, đừng làm như trẻ con ấy, để chúng ta còn đi nhanh lên chứ, - Đôn Apbôndiô nói với cô.

Luxia ngẩng đầu lên, nhìn *Người Vô Danh*, và trông thấy vầng trán kia cúi xuống, đôi mắt kia ngượng ngùng bối rối, lòng cô tràn ngập một tình cảm biết ơn lẫn thương xót, cô nói:

- Ôi, vị lãnh chúa yêu quý của tôi! Cầu Chúa ban thưởng cho ngài vì tấm lòng từ bi của ngài!

- Còn với cô, cầu Chúa ban cho cô gấp trăm lần ân đức mà những lời của cô đã đem lại cho tôi!

Nói xong, ông quay mình, đi ra cửa và ra khỏi phòng đầu tiên. Luxia, tươi tỉnh như sống lại, theo sau ông với bà đi đón, bà đưa tay dìu cô, Đôn Apbôndiô đi sau cùng. Họ xuống thang gác, đi đến cửa ra sân, *Người Vô Danh* mở toang cửa, đến bên chiếc kiệu, mở cửa ra và, với một vẻ nhã nhặn gần như e lệ (hai điều mới ở ông) ông đỡ lấy cánh tay Luxia dìu cô lên kiệu rồi ông giúp bà đi đón. Sau đó, ông tháo con la của Đôn Apbôndiô và cũng giúp linh mục lên yên.

- Ôi, vinh dự cho tôi quá! - Linh mục nói, và ông trèo lên la nhanh nhẹn hơn lần đầu tiên nhiều. Đoàn người lên đường, sau khi *Người Vô Danh* cũng đã lên ngựa. Đầu ông ngẩng cao, cái nhìn của ông đã lấy lại vẻ quyền uy thường ngày. Những tên lâu la ông gặp trông rõ mặt ông những dấu vết của một sự suy nghĩ căng thẳng, một nỗi lo lắng khác thường, nhưng chúng không hiểu và không thể hiểu gì hơn. Ở lâu đài, người ta còn chưa biết gì về sự thay đổi lớn lao của con người này; và chắc chắn không một tên nào trong bọn chúng lại có thể phỏng đoán được điều ấy.

Người đàn bà hiền hậu đã buông ngay tấm màn kiệu xuống, rồi bà âu yếm cầm tay Luxia và bắt đầu an ủi cô, với

những lời lẽ dịu dàng tỏ lòng thương xót và chúc mừng cô. Nhận thấy không chỉ nỗi mệt mỏi do tất cả những đau buồn cô phải chịu mà cả tình trạng mơ hồ và khó hiểu của những sự kiện cũng ngăn trở cô gái đáng thương không được hưởng trọn vẹn niềm vui giải phóng, bà bèn nói với cô những điều bà có thể thấy là tốt nhất để những ý nghĩ rối bời của cô gái được sáng tỏ và làm cô yên tâm. Bà nói với cô cái làng họ đang tới.

- Thứ ư? - Luxia nói, cô biết làng này cũng ở gần làng cô. Ôi, Đức Mẹ Đồng Trinh chí thánh, con cám ơn Người, mẹ ơi! Mẹ ơi!

- Chúng tôi sẽ cho người đi tìm bà ngay, - người đàn bà hiền hậu nói, bà không biết đó là việc đã làm rồi.

- Vâng, vâng, cầu Chúa ban thưởng cho các người... Thế còn bà, bà là ai? Làm thế nào bà lại đến...

- Ông linh mục của bác cử bác đến, - bà ta nói, - bởi vì vị lãnh chúa này, Chúa đã làm động lòng ông (cầu Chúa ban phước lành cho ông!) ông đến làng bác để thưa chuyện với Đức Hồng y giáo chủ (bởi vì người đến thăm chúng tôi, bậc thánh nhân ấy) ông hối hận về những tội lỗi ghê gớm của mình, ông muốn làm lại cuộc đời, và ông nói với Đức Hồng y giáo chủ là ông đã sai cướp một cô gái vô tội đáng thương (chính là em), do đồng tình với một kẻ khác không biết sợ Chúa; nhưng ông linh mục không nói với bác người đó là ai.

Luxia ngước mặt lên trời:

- Em biết người ấy, thế nào mà em chẳng biết người ấy, - người đàn bà hiền hậu nói tiếp, - tóm lại, vậy là đức Hồng y giáo chủ cho rằng vì đây là một cô gái cho nên phải có một bà cùng đi với cô, ngài đã bảo ông linh mục đi tìm một bà già, và ông linh mục, với tấm lòng tốt, đã đến nhà bác...

- Ôi! Cầu Chúa ban thưởng cho lòng nhân từ của bà!

- Nhưng em biết thế nào nữa không, cô bé đáng thương của bác? Ông linh mục đã dặn bác phải làm em phấn khởi, phải nói sao cho em yên lòng ngay, và cho em thấy Chúa đã cứu thoát em thần kì như thế nào...

- Dạ vâng! Đó quả là một phép màu nhờ sự bênh vực của đức Thánh mẫu.

- Vậy em đừng sợ nữa, và phải tha thứ cho người đã làm em khổ, và vui mừng vì Chúa đã rủ lòng từ bi đối với ông, chẳng những thế còn phải cầu nguyện cho ông nữa; vì đó không chỉ là công trạng của em đâu mà tâm hồn em cũng sẽ được thanh thản hơn.

Luxia đáp lại bằng một cái nhìn tỏ rõ sự đồng tình chẳng khác gì cô nói ra lời, và với vẻ dịu dàng mà không lời nào có thể diễn tả được.

- Cô gái ngoan lắm! - người đàn bà nói tiếp - và vì ông linh mục của em cũng có mặt trong lòng bác (bởi vì cơ man và linh mục từ khắp các vùng xung quanh tới, đến mức có thể tổ chức bốn buổi thánh lễ trọng thể có ca hát), đức Hồng y giáo chủ đã nảy ra ý nghĩ cử cả ông ấy cùng đi với bác; nhưng ông cũng chẳng giúp được bao nhiêu, bác đã nghe nói đó là con người vô tích sự; trong dịp này, bác tận mắt thấy rõ chẳng ai vụng về hơn ông ta!

- Thế còn... Luxia hỏi, - còn cái ông đã trở thành người tốt ấy... là ai vậy?

- Thế nào! Em không biết ông ấy ư? - bà ta nói và gọi tên ông ta.

- Ôi, lạy Chúa từ bi! - Luxia kêu lên. Cái tên ấy đã bao lần cô nghe người ta kinh hãi nhắc đến qua nhiều chuyện trong đó nó luôn giữ vai trò con quỷ trong những truyện cổ tích khác! Vậy mà giờ đây, khi nghĩ rằng mình đã từng nằm dưới quyền

lực ghê gớm của ông ta, rồi lại được ông ân cần che chở, khi nghĩ đến một tai họa thật là khủng khiếp và một sự giải phóng quá bất ngờ, khi nghĩ đến con người có bộ mặt mà cô đã nhìn thấy thoạt đầu hung dữ, rồi cảm động, rồi nhẫn nhục, cô ngây người và chỉ thỉnh thoảng lại nói: "Ôi, lạy Chúa từ bi!".

- Phải, đó quả là một lòng từ bi vĩ đại! - Người đàn bà hiền hậu nói. - Biết bao người được thở phào nhẹ nhõm. Khi ta nghĩ đến tất cả những người mà ông bắt phải sống trong nỗi khiếp sợ, nhưng bây giờ thì, như ông linh mục đã nói với bác... vả chăng chỉ cần nhìn mặt ông cũng biết: đúng là một ông thánh! Hơn nữa ta có thể thấy ngay điều đó ở những việc làm của ông.

Nói rằng người đàn bà hiền hậu này không có ý tò mò muốn biết tỉ mỉ hơn câu chuyện phiêu lưu mà bà cũng có phần trong đó thì không đúng. Nhưng ta phải nói, để ngợi khen bà, rằng do lòng thương xót và kính trọng đối với Luxia, do cảm thấy trong chừng mực nhất định tính chất quan trọng và vinh dự của công việc mình được giao phó, bà thậm chí không nghĩ đến việc đặt với cô một câu hỏi nào sỗ sàng hoặc vô ích; tất cả mọi lời của bà trong cuộc hành trình này chỉ để ân cần an ủi cô gái đáng thương.

- Có Trời biết em đã nhịn ăn từ bao giờ!

- Em cũng chẳng nhớ nữa... từ lâu rồi.

- Cô bé đáng thương! Em cần ăn để lấy sức.

- Vâng, - Luxia khẽ đáp.

- Đến nhà bác, nhờ trời, ta sẽ kiếm được chút gì đó ngay. Em chịu khó, chẳng còn xa nữa đâu.

Rồi Luxia như mệt thiếp đi, uể oải ngả mình vào sâu trong kiệu, và người đàn bà hiền hậu để cô ngủ yên.

Đối với Đôn Apbôndiô, lượt về này chắc hẳn không đến nỗi

lo sợ như lượt đi; nhưng đó cũng chẳng phải một cuộc dạo chơi vui thú gì. Khi nỗi kinh hãi của ông đã nguội đi, thoạt đầu ông thấy nhẹ hẳn người, nhưng chẳng bao lâu lại nảy ra trăm mối tơ vò khác; cũng như khi một cây đại thụ đã bị nhổ đi, người ta thấy miếng đất gần như trơ trụi một thời gian, nhưng rồi lại phủ kín cỏ dại. Ông trở nên nhạy cảm hơn với mọi vật chung quanh; và chỉ trong hiện tại cũng như trong tương lai, ông chỉ có quá nhiều duyên cớ để lo lắng. Giờ đây hơn một lượt đi nhiều, ông cảm thấy sự bất tiện của cái phương tiện vận chuyển mà ông không quen lắm; và nhất là lúc đầu cuộc hành trình khi đi từ lâu đài xuống thung lũng.

Bác dẫn kiệu, được *Người Vô Danh* ra hiệu khích lệ, thúc la đi khá nhanh; hai con vật kia, cũng với bước đi ấy, theo sát phía sau; thành thử ở một vài quãng đường dốc hơn, ông Đôn Apbôndiô khốn khổ như bị một đòn bẩy hất lên từ phía sau, đâm bổ về đằng trước, và để giữ mình khỏi ngã, ông phải chống tay vào cái mỏn yên; vậy mà ông không dám đề nghị đi chậm lại, hơn nữa có lẽ ông cũng muốn ra khỏi nơi này càng sớm càng tốt. Đã thế, khi con đường leo lên một đỉnh cao nhô ra, lên một mỏm núi, thì con la, như tất cả mọi con la khác, có vẻ trêu ngươi cứ luôn luôn đi về bên quang đãng và đặt chân đúng trên bờ miệng; và Đôn Apbôndiô trông thấy dưới chân mình một vách đá gần như thẳng đứng mà ông tưởng chừng một vực thẳm.

"Cả mày nữa, - ông nói thầm trong bụng với con la, - mày cũng có cái thói khốn kiếp cứ thích tìm đến những nơi nguy hiểm khi trên đường đi vẫn còn khối chỗ!", và ông kéo dây cương về phía kia, nhưng vô hiệu. Đến nỗi quá bực tức và sợ hãi, theo thói quen của mình, cuối cùng ông đành để cho ý muốn kẻ khác dẫn mình đi. Lũ lâu la không làm ông sợ lắm

như trước nữa, vì bây giờ ông đã biết rõ hơn những ý nghĩ của ông chủ chúng. "Thế nhưng, - tuy vậy ông vẫn nghĩ, - nếu cái tin về sự cải hóa lớn lao ấy lan truyền khắp thung lũng, trong khi vẫn còn đang ở đây, thì ai biết được lũ người kia sẽ đón nhận cái tin ấy như thế nào! Ai biết chuyện gì có thể xảy ra! Ví thử chúng lại tưởng chính ta đã đến làm nhà truyền giáo! Ôi tai họa! Chúng sẽ hành hạ ta mất!" Vẻ mặt quàu quạu của *Người Vô Danh* không làm cho ông lo ngại. "Để giữ lũ đầu trâu mặt ngựa này trong khuôn phép, - ông nghĩ, - ít ra cũng phải có bộ mặt như thế; ta cũng hiểu điều đó chứ; nhưng tại sao cứ phải chính là ta ở giữa đăm người này!".

Cuối cùng họ xuống tới chân dốc, và rồi cũng ra khỏi thung lũng. Vầng trán *Người Vô Danh* giãn ra. Đôn Apbôndiô cũng có bộ mặt hồn nhiên hơn, không rụt đầu xuống hai vai nữa, ruỗi tay chân, ngồi thẳng vững vàng hơn, do đó, mà có một dáng bộ khác hẳn, ông thở sâu hơn và, đầu óc thoải mái hơn, ông bắt đầu xét đến những mối nguy xa xôi khác.

"Cái thằng Đôn Rôđrigô súc sinh ấy sẽ nói gì? Bị một vố mất mặt như vậy, vừa thất vọng vừa làm trò cười thử xem hắn phải ngậm đắng nuốt cay biết chừng nào. Thế là bây giờ hắn gõ vào ta, vì ta đã dính dáng vào cái chuyện rắc rối này. Nếu hắn đã dám phái hai con quỷ ấy đến làm tội ta như thế giữa đường, thì ai biết bây giờ hắn sẽ làm gì! Hắn không thể gây sự với Đức cha là người có thế lực hơn hắn; với Đức cha hắn phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Thế thì cái cơn giận sôi lên trong người hắn, hắn sẽ trút xuống một người nào đó. Những loại việc này thường kết thúc thế nào? Đòn đánh bao giờ cũng giáng xuống dưới, những kẻ yếu bao giờ cũng có lỗi. Luxia, tất nhiên, sẽ được Đức cha che chở; anh chàng trẻ tuổi đáng thương và hết sức không may kia cũng đã ở ngoài tầm tay của

hắn và có phận riêng của anh rồi: ấy thế là bây giờ đến lượt ta. Thật tai ác nếu sau bao nhiêu khốn đốn và lo lắng, mà chẳng được lợi lộc gì, chính ta lại phải giơ đầu chịu báng. Đức Hồng y giáo chủ sẽ làm gì để che chở ta, sau khi đẩy ta vào cảnh ngộ éo le như thế? Liệu Đức cha có thể bảo đảm với ta là tên khốn kiếp ấy sẽ không hành hạ ta khổ sở hơn lần đầu? Vả chăng Đức cha còn phải bận rộn biết bao công việc! Phải lo lắng biết bao điều! Con người ta làm thế nào nghĩ đến tất cả mọi chuyện được? Thế là có khi người ta làm cho tình hình càng rối lên hơn trước. Những người làm việc thiện thường làm nó trên đại thể: khi nó đã cảm thấy một sự hài lòng nào đó, họ cho là đủ rồi, và không muốn chịu khó theo dõi mọi hậu quả của công việc; nhưng những kẻ thích làm việc ác thì chúng để vào đó nhiều công sức hơn, và chúng theo dõi sự việc đến cùng, không lúc nào lơi lỏng, vì chúng cứ phải canh cánh về cái ung nhọt của chúng. Chẳng lẽ ta lại phải đi nói rằng ta đến đây lo nghiêm lệnh của Đức cha hồng y, chứ không phải tự ý ta? Như thế hóa ra ta có vẻ muốn đứng về phía bất công. Ôi, lạy Chúa! Ta mà lại đứng về phía bất công! Đi theo nó sung sướng gì không biết! Thôi, tốt nhất là kể lại câu chuyện thật đúng với Pecpêchuya; rồi cứ để mụ đi rêu rao khắp nơi cho mọi người rõ. Chỉ cần Đức Hồng y đừng hứng chí lên đem việc này bêu riếu trước công chúng và lôi kéo cả ta vào đó! Dù thế nào đi nữa thì ngay khi về đến nơi, nếu Đức cha đã ra khỏi nhà thờ, ta sẽ chạy tới cáo từ ngài; nếu ngài chưa ra, ta để lại lời tạ tội và ta chuồn thẳng về nhà. Luxia được che chở chu đáo lắm rồi; cô ta chẳng cần gì đến ta nữa; và sau bao nhiêu phiền muộn, ta cũng có quyền tính đến chuyện nghỉ ngơi một chút chứ. Vả chăng... cũng chẳng nên để Đức cha nảy ra tính hiếu kì muốn biết tất cả đầu đuôi câu

chuyện, rồi ta lại phải báo cáo cái vụ đám cưới ấy! Thật chỉ còn thiếu có nước ấy nữa thôi. Nhưng ngộ nhỡ Cha cũng đến thăm cả xứ đạo của ta thì sao!... Ôi! Muốn ra sao thì ra, không việc gì phải lo trước; ta cũng đủ sự buồn phiền rồi. Hãy biết lúc này ta ẩn kín trong nhà cái đã. Chừng nào Đức cha còn ở quanh đây, thằng Đôn Riđrigô còn chưa dám giở trò gì. Nhưng rồi... nhưng rồi! Ôi, ta cảm thấy những năm tháng cuối cùng của đời ta rồi sẽ không yên!".

Đoàn người về đến nơi khi buổi lễ ở nhà thờ chưa xong; họ đi giữa đám đông, vẫn đám đông ấy lần này cũng lại xúc động chẳng kém gì lần trước; rồi họ chia tay. Hai người cưỡi ngựa rẽ về phía quảng trường nhỏ bên cạnh, cuối quảng trường là nhà linh mục, còn cái kiệu đi thẳng đến nhà người đàn bà hiền hậu.

Đôn Apbôndiô thực hiện điều ông đã dự định: vừa xuống khỏi lưng la, ông rối rít chúc mừng Người Vô Danh, và nhờ chuyển hộ lời tạ tội đến Đức cha, vì ông phải về thẳng xứ đạo có việc gấp. Ông đi tìm cái vật mà ông gọi là con ngựa của ông, tức là cái gậy ông đã để lại ở góc phòng khách, rồi ông lên đường. Người Vô Danh ngồi lại đợi Hồng y giáo chủ ở nhà thờ về.

Người đàn bà hiền hậu, sau khi mời Luxia ngồi ở một chỗ tốt nhất trong nhà bếp, tất tả chạy đi sửa soạn một thứ gì để cô ăn cho hồi sức, với vẻ mộc mạc thân tình bà gạt đi những lời cám ơn và xin lỗi mà cô gái luôn miệng nói với bà.

Tay bà thoăn thoắt tiếp những nhánh củi khô vào dưới một cái nồi trong đó một con gà thiến béo ngậy nổi lềnh bềnh, bà thúc lửa, và khi nồi canh gà sôi sùng sục, bà xúc đầy một đĩa đựng sẵn những lát bánh mì, và cuối cùng bà đã có thể đưa mời Luxia. Trông thấy cô bé tội nghiệp hồi sức sau mỗi

thìa canh, bà sung sướng tự bằng lòng và dóng dả khoe là bà thịt con gà vào một ngày mà, như bà nói, ngọn lửa luôn cháy trong lò. - "Tất cả mọi người bây giờ đều nghĩ cách làm những món ăn đạm bạc, - bà nói thêm, - trừ những người nghèo, những anh nghèo xơ nghèo xác đến cả bánh đậu tằm và cháo mì đen cũng khó lòng kiếm nổi; thế nhưng hôm nay họ đều hi vọng nhận được thứ gì đó của một vị lãnh chúa rất đỗi nhân từ. Chúng tôi, nhờ trời, chúng tôi không phải trong tình cảnh ấy. Với nghề của ông nó nhà tôi, lại thêm một ít thu hoạch trên đất đai trồng trọt, chúng tôi cũng sống được. Cho nên em có thể cứ ăn thoải mái không phải lo nghĩ gì cả; chẳng mấy chốc con gà thiến ninh nhừ, em có thể lại sức hơn chút nữa". - Nói xong bà quay ra sửa soạn bữa ăn và bày bàn.

Luxia sau khi đã ít nhiều được hồi sức và đầu óc dần dần trở lại thư thái, giờ đây do thói quen, do bản năng ưa sạch sẽ và đoan trang, sửa lại cách ăn mặc có phần xộc xệch của mình; cô chải chuốt và tết lại những bím tóc xổ ra và rối bù, quấn lại ngay ngắn chiếc khăn quàng trên ngực và quanh cổ. Và thế là ngón tay cô đụng vào chuỗi trạng hạt mà đêm trước cô đã đeo ở đó. Cô đưa mắt nhìn chuỗi tràng hạt và tâm trí cô bỗng bàng hoàng, bối rối; ký ức về lời thề nguyện, cho đến nay bị át đi và nén xuống bởi bao nhiêu cảm giác trước mắt, bỗng nổi lên trong cô thật rõ ràng. Thế là tất cả sức mạnh tâm hồn của cô vừa hồi phục đã bị tiêu tan ngay tức khắc: và ví thử tâm hồn lâu nay không được rèn đúc trong một cuộc sống trong trắng, nhẫn nhục và tin tưởng, thì nỗi kinh hoàng cô cảm thấy lúc này hẳn đã trở thành tuyệt vọng. Sau những ý nghĩ quay cuồng không lời nào tả xiết ấy, những tiếng nói đầu tiên hiện lên trong trí cô là: "Ôi! Tôi đã làm gì để phải khốn khổ thế này!".

Nhưng cô chưa kịp suy nghĩ về những tiếng ấy thì đã cảm thấy kinh hãi chúng. Cô nhớ lại tất cả những hoàn cảnh làm cô tới thề nguyện. Nỗi lo sợ không chịu nổi, không còn chút hi vọng gì thoát nạn, sự nhiệt thành của lời cầu nguyện, ý thức đầy đủ khi hứa hẹn. Và sau khi đã nhận được ân sủng, cô thấy sự hối tiếc lời hứa hẹn của mình có vẻ như một thói vô ơn phạm thánh, một sự lừa đảo đối với Chúa và Đức Thánh Mẫu; cô thấy dường như một sự phản phúc như thế sẽ đưa đến cho cô những tai họa mới khủng khiếp hơn nữa, và lần này thì ngay cả lời cầu nguyện cũng chẳng thể đem lại chút hi vọng nào; và cô vội vàng từ bỏ ngay sự hối hận chốc lát của mình. Cô sùng kính tháo chuỗi trạng hạt ở cổ ra, và cầm nó trong bàn tay run rẩy, cô xác nhận cô nhắc lại lời thề nguyền, đồng thời cất lên lời cầu khẩn vô cùng đau buồn để cầu xin Chúa ban cho cô sức mạnh thực hiện lời thề nguyện ấy, và tránh cho cô những ý nghĩ và những cơ hội nào có thể nếu không phải là lay chuyển nổi tấm lòng cô thì ít ra cũng xúc động cô quá mạnh. Sự xa cách của Renđô không hi vọng gì trở lại, sự xa cách ấy cho đến nay đối với cô thật đau đớn, thì giờ đây cô lại thấy dường như đó là sự an bài của Thượng đế, để dắt dẫn cả hai sự kiện cùng song song hướng vào một đích: và cô cố gắng tìm trong sự kiện này cái lí do để bằng lòng với sự kiện kia. Sau đó, cô lại hình dung cũng đức Thượng đế ấy để hoàn thành công việc này, sẽ tìm cách cho cả Rendô cũng cam chịu và không nghĩ đến cô nữa... Nhưng ý nghĩ ấy vừa nảy ra đã khiến đầu có cô rối loạn lên. Cô bé Luxia đáng thương, cảm thấy trái tim mình chỉ thiếu chút nữa là lại muốn hối hận, vội quay về với sự cầu nguyện, với những lời xác nhận, với cuộc chiến đấu từ đó cô đứng dậy, nếu cho phép tôi dùng hình ảnh này, như kẻ chiến thắng mỏi mệt và đầy thương

tích đứng dậy từ trên mình kẻ thù bị đánh ngã, tôi không nói là đã bị giết chết.

Bỗng nhiên người ta nghe thấy tiếng chân người và tiếng cười nói ồn ào vui vẻ. Đó là gia đình nhỏ bé này ở nhà thờ về. Hai cô bé gái kháu khỉnh và một cậu con trai nhảy chân sáo vào nhà: chúng đứng lại một lúc tò mò nhìn Luxia, rồi chạy đến vây quanh mẹ: chúng tíu tít hỏi mẹ tên cô khách lạ, rồi như thế nào, rồi tại sao; chúng muốn kể lại những chuyện là chúng đã trông thấy. Với tất cả những câu hỏi ấy, người đàn bà hiền hậu chỉ đáp lại bằng một tiếng: "Suỵt! Suỵt!" rồi ông chủ nhà bước vào, bước chân điềm đạm hơn, nhưng vẻ sốt sắng thân tình hiện rõ nét mặt. Chúng tôi chưa kịp giới thiệu đây là bác thợ may của cả làng này và vùng lân cận; một người có chữ nghĩa, đã thực hiện sự nhiều lần đọc cuốn *leggendario dé Santi*[1] cuốn *Guerrin meschino* và cuốn Reali đi Francia[2] và nổi tiếng trong vùng là một người tài giỏi và hiểu biết, tuy vậy ông khiêm tốn từ chối lời khen đó, chỉ tự bằng lòng nói rằng ông đã chọn lầm nghề, và giả sử ông được học hành thay vào chỗ bao nhiêu kẻ khác, thì...! Đồng thời đó lại là con người tốt bụng nhất trên đời. Ông cũng có mặt khi bà vợ được ông linh mục mời đi làm công việc nhân đức ấy và không những ông đã tán thành mà còn khuyến khích bà, một khi đã là điều cần thiết. Và giờ đây, khi mà cuộc lễ ở nhà thờ tất cả không khí trọng thể, đám người đông nghịt và nhất là bài thuyết giáo của đức Hồng y giáo chủ, như người ta nói, đã kích

---

[1] "Truyện truyền kì về các thánh": sưu tập tiểu sử các thánh do giám mục ở Giênơ Giắccơ đơ Vôragin viết vào thế kỉ XIII.

[2] *Guerrin meschino* (Ông Gherin đáng thương), *Reali di rancia* (những ông hoàng nước Pháp): Những tác phẩm Ý, do Andrêa đa Bacbêrinô viết vào thế kỉ XV, phỏng theo những tiểu thuyết hiệp sĩ cổ của Pháp. Những tác phẩm này hết sức phổ biến ở Ý, gần như đến cả ngày nay.

động tất cả những tình cảm tốt đẹp của ông, thì ông trở về nhà bồn chồn lo lắng muốn biết sự thể đã xảy ra như thế nào và thấy cô gái vô tội đáng thương đã được cứu về.

- Chúng tôi đây, - bà vợ hiền hậu chỉ Luxia nói với ông ngay khi ông vừa bước vào nhà, cô đỏ mặt đứng dậy, miệng lúng búng mấy lời xin lỗi. Nhưng ông tiến lại, ngắt lời cô bằng tiếng reo lên niềm nở:

- Cô đến quý hóa quá, quý hóa quá! Cô là ân huệ của Chúa ban cho gia đình chúng tôi đấy. Tôi thật vui lòng được thấy cô ở đây! Tôi tin chắc thế nào cô cũng được đưa về bình yên vô sự, vì tôi chưa bao giờ thấy Chúa đã ban ra một phép màu nào mà lại không hoàn thành tốt đẹp; dẫu sao tôi rất vui lòng được thấy cô ở đây. Tội nghiệp cô gái! Tuy vậy, được hưởng phép màu không phải chuyện bình thường đây!

Ta cũng chớ nên tưởng ông là người duy nhất gọi sự kiện này như vậy vì ông đã đọc cuốn "Truyện truyền kì về các thánh": trong khắp làng và khắp các vùng xung quanh, chừng nào còn nhớ tới sự kiện này thì cũng không ai gọi nó bằng tên nào khác. Và quả thật, với tất cả những gì người ta thêu dệt quanh câu chuyện thì không có từ nào có thể thích hợp với nó hơn thế được.

Rồi nhẹ nhàng đến bên bà vợ đang ngồi lấy nồi treo ở trên móc sắt xuống, ông khẽ nói với bà:

- Ổn cả chứ?

- Rất tốt: rồi tôi sẽ kể hết với mình.

- Được, được, nhưng cứ từ từ thôi.

Bà chủ nhà bày biện thức ăn ra rồi mời Luxia, dẫn cô đến bàn, chỉ chỗ cho cô ngồi; bà cắt một cánh gà thiến đặt vào đĩa cô, rồi cả hai vợ chồng cùng ngồi và tranh nhau mời mọc cô bạn mỏi mệt và e thẹn. Bác thợ may vừa ăn được vài miếng đã

bắt đầu làm một bài diễn văn sôi nổi, thỉnh thoảng lại bị lũ trẻ ngắt lời, chúng ngồi ăn quanh bàn và quả thật chúng đã thấy quá nhiều chuyện lạ đến nỗi không thể im mãi đóng vai người nghe được. Ông miêu tả quang cảnh trọng thể của buổi lễ, rồi bắt đầu nói đến câu chuyện hối cải kì diệu. Nhưng sự việc để lại cho ông ấn tượng sâu sắc nhất mà ông thường trở lại luôn, là bài thuyết giáo của Hồng y giáo chủ.

- Một vị giáo chủ quyền thế như ngài, - ông nói, - vậy mà đứng trước bàn thờ chỉ như một linh mục bình thường...

- Còn cái gì bằng vàng ở trên đầu ông ấy nữa... - Một cô bé gái láu táu nói.

- Câm mồm. Cứ nghĩ mà xem, đây nhé, một vị giáo chủ quan trọng đến thế, một người thông thái đến thế, theo người ta nói thì đã đọc tất cả các sách có trên đời, cái điều ấy không một người nào khác ngay cả ở Mi-lăng có thể làm được; cứ nghĩ mà xem, vậy mà ngài đã biết cách giảng giải mọi điều thế nào mà ai ai cũng hiểu được...

- Cả con nữa, con cũng hiểu, - một bé gái ba hoa khác nói chen vào.

- Câm mồm! Mày thì hiểu cái gì, hả?

- Con hiểu là ông ấy giảng kinh thánh hộ ông linh mục.

- Câm mồm. Tôi không nói những người đã hiểu biết ít nhiều, những người ấy tất nhiên họ phải hiểu; mà ngay cả những kẻ cứng đầu nhất, những kẻ ngu tối nhất cũng chăm chú theo dõi bài nói chuyện của ngài. Bây giờ các người có thể đến hỏi họ có nhắc lại được những lời nói của ngài không, chà, thế thì họ không thể nói lấy một lời, nhưng cái tình cảm ấy thì họ đã có trong lòng rồi. Và mặc dầu ngài không bao giờ nói tên vị lãnh chúa ấy ra, người ta vẫn hiểu rõ ngài muốn nói đến ông ta! Vả chăng, muốn hiểu thì chỉ

cần nhìn đôi mắt ngài đẫm lệ, và thế là tất cả mọi người cùng bắt đầu khóc theo...

- Đúng thế thật, - cậu bé nói chen vào, - nhưng tại sao mọi người lại khóc cả như thế, như trẻ con ấy?

- Câm mồm. Ấy vậy mà trong vùng này không thiếu gì những trái tim sắt đá. Và ngài đã nói cho ta hiểu rõ là mặc dầu có nạn đói, ta vẫn phải cảm tạ Chúa và cứ yên lòng: làm những gì ta có thể làm được, xoay sở, giúp đỡ lẫn nhau, và cứ yên lòng. Bởi vì đau khổ và nghèo đói không phải là bất hạnh; mà làm điều ác mới là bất hạnh. Và đó không phải chỉ là những lời đẹp đẽ mà thôi; vì ta biết chính ngài cũng sống như một người nghèo khó, và ngài lấy phần bánh của mình đem cho những kẻ đói, trong khi ngài có thể sống sang trọng hơn bất kì ai. Chà! Chính vì thế mà người ta sẵn lòng nghe ngài nói chuyện; ngài không phải như bao nhiêu kẻ khác; hãy làm điều tôi nói, nhưng đừng làm điều tôi làm. Và rồi ngài lại nói cho ta hiểu rõ là ngay cả những người không phải những kẻ quyền thế nếu như họ thừa thãi, họ cũng phải chia sẻ cho những người thiếu thốn.

Đến đây ông tự cắt ngang bài diễn văn của mình như sực nghĩ đến điều gì. Ông lưỡng lự một lúc, rồi ông trút tất cả thức ăn trên bàn vào đầy một đĩa, đặt thêm cái bánh mì lên đó, để đĩa vào trong một cái khăn ăn, cầm túm lấy bốn góc khăn và nói đứa con gái lớn: "Con cầm lấy". Ông đặt vào bàn tay kia của nó một chai rượu nhỏ và nói thêm.

- Con sang nhà cô Maria góa chồng bên cạnh, gửi cô tất cả những thứ này, và nói là để cô liên hoan một chút với các cháu. Nhưng nói cho lễ phép, hiểu chưa: không được có vẻ gì là bố thí. Và nếu con có gặp ai ngoài đường thì đừng nói gì cả, và cẩn thận kẻo đánh vỡ đấy.

Đôi mắt Luxia mọng lên và cô cảm thấy một niềm thương mến khuây khỏa trong lòng; những lời ấy, cũng như tất cả những gì cô đã được nghe, an ủi cô hơn cả một bài diễn văn định trước. Tâm trí cô, được hấp dẫn theo sự miêu tả đó, theo cảnh tượng của buổi lễ trọng thể đó, theo tấm lòng thành tín và sự thán phục đó, tràn ngập niềm say mê của chính người kể chuyện, thoát ra khỏi những ý nghĩ đau lòng của bản thân cô; và ngay cả khi cô trở lại với những ý nghĩ ấy, cô cảm thấy mình có sức mạnh hơn để đương đầu với chúng. Đến cả ý nghĩ về sự hi sinh to lớn của cô, trong khi không mất vị cay đắng của nó, cũng mang một niềm vui khắc khổ và cao cả.

Một lúc sau ông linh mục đã bước vào, nói là ông được Hồng y giáo chủ phái đến để hỏi thăm tin tức Luxia, báo cô biết là đức ngài muốn gặp cô trong ngày hôm nay, và để thay mặt ngài cám ơn bác thợ may và vợ bác. Cả ba người, cảm động và bối rối, không biết nói thế nào để đáp lại tấm lòng nhân đức của một con người cao quý như thế.

- Còn mẹ cô vẫn chưa tới hay sao? - Ông linh mục nói với Luxia.

- Mẹ ơi! - Cô kêu lên.

Và khi ông linh mục nói là ông đã cho người đi tìm mẹ cô theo lệnh đức giám mục, cô đưa vạt áo lên che mắt khóc nức nở, và ông linh mục về đã lâu mà cô còn khóc mãi. Rồi khi nỗi bàng hoàng do cái tin ấy gây nên đã bắt đầu nhường chỗ cho những ý nghĩ bình tĩnh hơn, cô gái đáng thương nhớ lại rằng cái niềm vui gặp mẹ mà lát nữa cô sẽ được hưởng, cái niềm vui mà chỉ mấy giờ trước cô không hi vọng gì có được, thì chính cô đã cầu xin nó rõ ràng trong những giờ phút khủng khiếp ấy, và gần như đặt thành điều kiện cho lời thề nguyền của mình. "Cho con trở về bình an vô sự bên mẹ con", cô đã nói như vậy;

và giờ đây những lời ấy lại trở về rành rọt trong ký ức cô. Điều đó càng khiến cô quyết tâm giữ vững lời hứa của mình hơn bao giờ hết và cô lại trách mình lần nữa, chua xót hơn, về cái câu "khốn khổ thân tôi!" mà cô đã không thể tự ngăn mình nghĩ thầm trong bụng trong cái khoảnh khắc đầu tiên ấy.

Vào lúc người ta nói đến bà, thì bà Anhedơ quả thật đã không còn ở xa nữa. Ta có thể dễ dàng hình dung người đàn bà đáng thương ở trong tâm trạng như thế nào khi nhận được lời mời bất ngờ đến thế và khi biết tin, tất nhiên không đầy đủ và mơ hồ, về một tai họa có thể nói là đã qua, nhưng thật khủng khiếp, về một sự việc ghê gớm mà người đưa tin không biết kể lại chi tiết cũng không biết giải thích thế nào; còn bà thì cũng không có cơ sở để giải thích nó theo những điều bản thân bà biết.

Sau khi đã vò đầu bứt tóc và luôn miệng kêu lên: "Ôi, lạy Chúa! Ôi, lạy đức thánh Mẫu!" sau khi đã hỏi người đưa tin nhiều câu hỏi mà bác không biết trả lời thế nào, bà vội vã bước lên xe ngựa, dọc đường tiếp tục thốt lên những lời kêu than và đặt ra những câu hỏi mà vẫn chẳng biết được gì. Nhưng đến một nơi nọ bỗng gặp Đôn Apbôndiô đang chống gậy chậm chạp đi trên đường. Cả hai người cùng reo lên một tiếng "Ồ!", ông ta dừng chân, bà bảo xe đỗ lại và bước xuống; và họ kéo nhau ra một nơi trong khóm dẻ bên đường. Đôn Apbôndiô kể với bà những gì ông đã biết và đã buộc phải thấy. Câu chuyện chưa thật rõ ràng; nhưng ít ra bà Anhedơ cũng biết chắc Luxia quả thật đang bình yên vô sự, và bà thở phào nhẹ nhõm.

Sau đó, Đôn Apbôndiô muốn khơi mào một câu chuyện khác và cho bà những lời khuyên dài dòng về thái độ đối với đức tổng giám mục nếu ngài, điều này có thể lắm, muốn nói

chuyện với bà và con gái bà, và ông nhấn mạnh trên hết là không nói gì đến đám cưới cả... Nhưng bà Anhedơ, thấy rõ con người hèn nhát này chỉ nói có lợi ích cá nhân mình thôi, đã từ giã ông không hứa hẹn gì, và thậm chí cũng không quyết định gì, vì bà còn nhiều chuyện khác trong đầu. Và bà lại lên đường.

Cuối cùng xe đến nơi và đỗ lại trước nhà bác thợ may. Luxia vội vã đứng lên; bà Anhedơ xuống xe, chạy vào nhà: và kìa, hai mẹ con ôm chầm lấy nhau. Bác thợ may gái, người duy nhất có mặt lúc ấy, khích lệ cả hai người, an ủi họ, cùng hân hoan với họ, rồi luôn luôn giữ ý tứ, bà để cho hai mẹ con ở lại với nhau, nói là còn đi dọn giường chiếu cho họ, việc này đối với bà chẳng có gì phiền phức, mà vô luận thế nào cả hai vợ chồng bà thà ngủ dưới đất còn hơn để họ đi tìm chỗ trọ nơi khác.

Sau những cái phút thổ lộ tâm tình ban đầu, hết ôm ấp rồi lại khóc lóc, bà Anhedơ muốn biết những chuyện rủi ro của Luxia, và cô bắt đầu kể với bà câu chuyện đau đớn ấy. Nhưng, như bạn đọc đã thấy, đây là câu chuyện không ai biết đầy đủ; ngay cả với Luxia cũng có những chỗ mù mờ, hoàn toàn không giải thích nổi. Và nhất là sự trùng hợp không tránh khỏi nào đã đưa cái xe ghê gớm có mặt trên đường đúng lúc Luxia đi qua do một ngẫu nhiên kì lạ: về điểm này bà mẹ và cô con gái đặt ra đến trăm điều phỏng đoán mà không điều nào đúng, thậm chí không tới gần được sự thật.

Còn về kẻ chủ mưu của những độc kế ấy, cả hai mẹ con đều không thể không cho rằng đó là Đôn Rôđrigô.

- Ôi, cái tâm hồn đen tối làm sao! Ôi, tên quỷ sứ! - Bà Anhedơ kêu lên. - Nhưng rồi có ngày nó phải đền tội. Chúa sẽ trừng phạt nó đích đáng; và khi ấy cả nó cũng phải thấy rằng...

- Không, không, mẹ ơi! - Luxia ngắt lời. Mẹ đừng cầu cho ông ta phải khổ, đừng cầu cái đó cho ai cả! Nếu như mẹ biết phải khổ là thế nào! Nếu như mẹ đã khổ rồi! Không, không! Ta nên cầu Chúa và đức Thánh mẫu ban phước cho ông thì hơn; cầu Chúa cảm động lòng ông, như Người đã làm đối với vị lãnh chúa đáng thương kia là người còn tệ hại hơn cả ông nữa, mà bây giờ đã là một bậc thánh.

Nỗi kinh hãi mà Luxia cảm thấy khi phải trở lại những kỉ niệm nóng hổi và quá ác nghiệt đã nhiều lần khiến cô phải nghẹn lời: nhiều lần cô nói là không còn lòng dạ nào kể tiếp, và cô chỉ tiếp tục câu chuyện một cách khó nhọc, sau khi đã khóc mãi. Nhưng một tình cảm khác hẳn lại khiến cô ngập ngừng khi đến một điểm nào đó trong câu chuyện: đến lời thề nguyền của cô. Cô sợ bị mẹ kết tội là thiếu thận trọng và hấp tấp; sợ bà cứ đưa ra theo ý mình, như trong việc hôn lễ, một quy tắc về lương tâm quá rộng rãi rồi ép cô phải chấp nhận; hoặc cô sợ bà mẹ đáng thương lại đi thổ lộ điều đó với một người nào, dù chỉ để hỏi xin ý kiến và những lời khuyên bảo và do đó làm toang chuyện ra và Luxia chỉ nghĩ đến điều ấy đã thấy đỏ mặt lên rồi; và cô cũng cảm thấy có phần ngượng ngùng ngay cả trước mặt mẹ cô, với một nỗi ghê tởm không giải thích nổi nếu phải đề cập đến chuyện này, tất cả những điều đó khiến cô giấu biệt cái sự tình quan trọng ấy, dự định sẽ thổ lộ trước hết với cha Crixtôphôrô. Nhưng cô ngạc nhiên xiết bao khi hỏi đến tin tức ông cô được biết ông không còn ở đó nữa, ông đã được cử đến một miền rất xa, một miền không biết có tên gọi là gì...!

- Còn Rendô... - bà Anhedơ nói.

- Anh ấy vẫn bình yên, phải không mẹ? - Luxia lo lắng hỏi.

- Phải, chắc thế, vì tất cả mọi người đều nói vậy, người ta

biết chắc là anh đã trốn trên đất Becgam, nhưng thật đích xác ở chỗ nào thì không ai biết: cho đến nay anh vẫn chưa nhấn tin về. Có lẽ vì chưa tìm được dịp.

- Ôi, nếu anh được yên lành, xin tạ ơn Chúa. - Luxia nói, và cố lái sang hướng khác, thì vừa lúc ấy câu chuyện bị ngắt quãng bởi sự xuất hiện bất ngờ của đức hồng y giáo của tổng giám mục.

Đức giáo chủ ở nhà thờ về được *Người Vô Danh* cho biết Luxia đã tới nơi và bình yên vô sự, ngài kéo ông vào bàn ăn với mình, đặt ông ngồi bên phải mình giữa những vị linh mục đang ngắm nhìn không biết chán mắt con người mà thái độ đã trở nên rất đỗi hiền từ, nhưng không yếu đuối, rất đỗi khiêm nhường, nhưng không tự hạ mình, và họ so sánh ông với quan niệm họ đã có từ lâu về con người ấy.

Ăn xong, Đức giáo chủ và ông khách lại cùng rút về với nhau. Sau một cuộc trò chuyện kéo dài hơn buổi tiên nhiều, *Người Vô Danh* trở về lâu đài, vẫn trên con la ông đã đi ban sáng; và đức giáo chủ cho gọi ông linh mục đến, nói với ông là ngài muốn được dẫn đến nhà Luxia ở.

- Ồ! Thưa Đức cha, - ông linh mục đáp, - xin Đức cha đừng bận tâm. Con sẽ cho ngay người đi gọi cô gái đến đây, và bà mẹ nếu bà đã tới và cả ông bà chủ nhà nếu Đức cha muốn gặp họ, và tất cả những người nào mà Đức cha muốn gặp.

- Ta muốn tự mình đến thăm nom, - Fêđêrigô khăng khăng đáp.

- Đức cha chẳng nên bận tâm làm gì: con cho người đi tìm họ ngay bây giờ: đó chỉ là việc trong giây lát thôi mà, - ông linh mục cố nài, như một người vụng về tốt bụng (vả chăng ông là người hiền lành), nhưng ông không hiểu rằng Hồng y giáo chủ, qua cuộc đến thăm này, muốn đem lại vinh dự cho

những con người đau khổ và vô tội, cho những người hiếu khách, và cho cả bản thân chức phận của ngài. Nhưng đấng bề trên đã nhắc lại ý muốn của mình, kẻ dưới chỉ còn biết cúi đầu và ra đi.

Khi người ta trông thấy hai người hiện ra trên đường phố, tất cả mọi người đi đường cùng đổ xô lại; và trong nháy mắt người từ bốn phía chạy tới, kẻ nào nhanh chân thì đi bên cạnh họ, còn những người khác lộn xộn kéo theo sau. Ông linh mục chỉ còn biết nói: "Kìa, đi về đằng sau, các ông bà tránh ra, ô này, hay chưa!". Fêđêrigô nói với ông: "Cứ mặc họ", và ngài tiến lên, khi thì giơ tay ban phước cho mọi người, khi thì hạ thấp xuống vuốt ve những đứa trẻ đến quấn dưới chân ngài.

Cứ như thế họ đi tới nơi, và bước vào nhà: đám người chen chúc nhau đứng ở bên ngoài. Nhưng trong đám đông có cả bác thợ may, bác đã đi theo cùng với mọi người, mắt nhìn chằm chằm và miệng há hốc, mà không biết mình đi đâu. Khi trông thấy cái đích bất ngờ của cuộc diễu hành, bác vội lách lên, các bạn thử tưởng tượng bác làm ầm ĩ biết chừng nào, luôn miệng la hét: "Tránh ra, để người nào có phận sự thì người ta đi chứ", và bác bước vào nhà.

Bà Anhedơ và Luxia nghe thấy tiếng ồn ào ngày càng lớn dần ở ngoài phố. Trong khi họ đang nghĩ xem có thể là chuyện gì, thì cánh cửa mở toang, và con người bận áo đỏ thắm hiện ra cùng với ông linh mục.

- Có phải cô gái ấy đấy không? - Hồng y giáo chủ hỏi linh mục; và được biết đúng là như vậy, ngài tiến đến Luxia, cô đứng đó cùng với mẹ, cả hai ngây người ra không biết nói gì, ngạc nhiên và e sợ. Nhưng giọng nói, vẻ mặt, thái độ và nhất là những lời của Fêđêrigô đã nhanh chóng làm họ yên lòng.

- Cô gái đáng thương, - Hồng y giáo chủ bắt đầu nói, -

Chúa đã muốn con phải chịu một thử thách lớn; nhưng người cũng đã cho con thấy là người vẫn hằng trông đến con, người không quên con. Người đã cứu thoát con: và Người đã mượn con để thực hiện một sự nghiệp vĩ đại, để thể hiện lòng từ bi vĩ đại với một con người, và đồng thời làm cho nhiều người khác đỡ đau khổ.

Lúc ấy, bà chủ nhà bước vào phòng: nghe tiếng ồn ào, bà cũng ra đứng trước cửa sổ, và trông thấy con người đi vào nhà mình, bà vội vã sửa lại áo quần thật chỉnh tề và chạy xuống thang gác. Gần như cùng một lúc, bác thợ may bước vào từ một cửa khác. Trông thấy giáo chủ đang dở nói chuyện, cả hai cùng lui vào một góc phòng và cung kính đứng tại đó. Hồng y giáo chủ chào họ một cách lịch thiệp, rồi ngài tiếp tục nói chuyện với hai người đàn bà, giữa những lời an ủi ngài xen vào một câu hỏi để tìm trong những câu trả lời của họ một cơ hội có thể giúp đỡ cô gái đã phải chịu quá nhiều đau khổ.

- Giá như tất cả mọi linh mục đều được như Đức cha, họ đứng về phía những người nghèo khổ hơn chút nữa, chứ đừng đẩy người ta vào tai nạn, chỉ cốt yên thân mình, - bà Anhedơ nói, được khích lệ bởi thái độ hết sức thân mật và ân cần của Fêđêrigô, và tức tối khi nghĩ rằng cái ông Đôn Apbôndiô kia, sau khi đã luôn luôn bỏ mặt người khác, lại còn định ngăn cấm người ta không được thổ lỗ nỗi niềm một chút, không được than phiền với đấng bề trên của ông, khi người ta có dịp làm việc ấy nhờ một sự tình cờ thật hiếm hoi.

- Bà nói hết ý nghĩ của bà đi, - Hồng y giáo chủ nói, - bà cứ nói thật thoải mái.

- Con muốn nói là, giả sử ông linh mục của chúng con làm tròn bổn phận của mình, thì sự tình đã không xảy ra như thế này.

Nhưng khi Hồng y giáo chủ giục bà trình bày rõ hơn, thì bà Anhedơ bắt đầu thấy lúng túng vì buộc phải kể lại một câu chuyện trong đó bản thân bà cũng đóng một vai trò mà bà không muốn cho người khác biết, nhất là với một người như thế này. Tuy vậy bà cũng tìm được cách dàn xếp câu chuyện bằng cách cắt xén đi một chút: bà nói đến cuộc hẹn lễ đã ước hẹn, sự từ chối của Đôn Apbôndiô, không quên cái cớ thoái thác của ông ta đổ cho các "*đấng bề trên*" (chà, bà Anhedơ!), và từ đó nhảy ngay sang vụ mưu hại của Đôn Rôđrigô và làm thế nào mà nhờ được báo trước, hai mẹ con bà đã có thể trốn thoát.

- Thưa vâng, - bà nói thêm để kết luận, - tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa. Ngược lại, giá như ông linh mục cứ nói thẳng mọi điều với chúng con, và cứ cho những đứa trẻ đáng thương cưới nhau đi, thì tất cả chúng con đã bí mật kéo nhau đi ngay lập ức, đi thật xa, ở một nơi mà có lẽ chính ông cũng không thể iết được. Thành thử ta để mất thời gian, vì sự việc đã xảy ra ıhư vậy đấy.

- Ông linh mục sẽ phải trần tình với tôi sự việc này, - Hồng y giáo chủ nói.

- Không đâu thưa Đức cha, không đâu thưa Đức cha, - bà Anhedơ vội nói ngay, - không phải nói con vì mục đích ấy: xin đừng quở mắng ông, việc gì xong thì cũng đã xong rồi; hơn nữa làm như vậy chẳng lợi gì; bản tính con người ông vốn thế; nếu lại có dịp khác, chắc ông cũng làm như vậy thôi.

Nhưng Luxia, không hài lòng lắm về cách kể lại câu chuyện như thế, nói thêm:

- Cả chúng con nữa, chúng con cũng đã làm bậy; rõ ràng ý Chúa không muốn cho việc này thành công.

- Chẳng hay các con đã có thể làm gì sai trái, con gái đáng thương của ta? - Fêđêrigô hỏi.

Mặc dầu những cái lườm nguýt mà bà mẹ cố biểu lộ với cô một cách kín đáo, Luxia kể lại mưu đồ tiến hành ở nhà Đôn Apbôndiô và kết luận:

- Chúng con đã làm bậy, và Chúa đã trừng phạt chúng con.

- Các con hãy nhận từ tay Người những đau khổ mà các con đã phải chịu và đừng lo lắng gì cả, - Fêđêrigô nói, - bởi vì ai có thể có lí do để vui mừng và hi vọng, nếu không phải là con người đã đau khổ mà vẫn tự biết buộc tội bản thân mình?

Sau đó ngài hỏi người chồng chưa cưới ở đâu, và được bà Anhedơ cho biết (Luxia nín lặng, cúi đầu nhìn xuống) là anh đã chạy trốn khỏi quê hương, ngài cảm thấy và biểu lộ sự ngạc nhiên và không hài lòng; và ngài muốn biết tại sao.

Bà Anhedơ cố kể thật rõ đôi điều ít ỏi mà bà biết được về câu chuyện của Rendô.

- Ta đã nghe nói đến chàng trẻ tuổi này, - Hồng y giáo chủ nói, - nhưng cái người đã nhúng vào một việc như vậy làm thế nào có thể là chống chưa cưới của một cô gái như thế này?

- Anh ấy là một chàng trai ngay thật, - Luxia đỏ mặt nói, nhưng với giọng chắc chắn.

- Đó là một chàng trai trẻ tuổi hiền lành, và thậm chí quá hiền, - bà Anhedơ nói thêm, - về điều này Đức cha có thể hỏi bất kì ai, ngay cả ông linh mục. Ai biết được họ mưu mô những gì ở đằng ấy, ai biết cái quỷ kế của họ thế nào? Khi người ta nghèo khổ, thì cũng chẳng khó gì để người ta bị xem là một tên vô lại.

- Chao ôi, quả có thế, - Hồng y giáo chủ nói. - Thế nào ta cũng tìm hiểu về anh ta. - Và sau khi đã hỏi tên họ chàng trẻ tuổi, ngài ghi vào một cuốn sổ tay. Rồi ngài nói thêm là ngài định trong vài ngày nữa sẽ tới làng họ, và khi ấy Luxia có thể về làng không việc gì phải sợ, và trong khi chờ đợi, đích thân

ngài sẽ tìm cho cô một nơi sống yên ổn, cho đến khi tất cả mọi việc đã được thu xếp đâu vào đấy.

Sau đó ngài quay sang với những người chủ nhà, họ vội tiến lên ngay. Ngài nhắc lại những lời cảm tạ mà trước kia ngài đã nhờ ông linh mục truyền đạt, và hỏi xem họ có bằng lòng cho những vị khách này, mà Chúa đã gửi đến cho họ, ở lại trong mấy ngày gần đây.

- Ồ! Tất nhiên, thưa Đức cha, - bà vợ đáp, với giọng nói và vẻ mặt muốn nói rất nhiều hơn những gì mà câu trả lời hơi khô khan và cộc lốc vì bẽn lẽn ấy có thể nói được. Nhưng ông chồng, rất phấn khởi vì sự có mặt của một vị khách cao quý như thế và háo hức muốn tỏ ra hãnh diện trong một cơ hội quan trọng thế này, hồi hộp ngẫm nghĩ một câu trả lời thật văn hoa. Bác nhăn trán, mắt đảo đi đảo lại, mím môi, căng hết trí óc, tìm tòi, lục lọi, cảm thấy trong đầu quay cuồng những ý nghĩ dở dang và những câu nói nửa chừng: nhưng thời gian gấp gáp, Hồng y giáo chủ đã ra hiệu tỏ ra là ngài hiểu sự im lặng của bác; thế là con người đáng thương mở miệng nói: "Đức cha thử nghĩ xem!" và bác không thể tìm ra cái gì khác nữa. Điều đó không những khiến bác cảm thấy nhục nhã ngay túc ấy, mà về sau trở thành một kỉ niệm nặng nề cứ nghĩ đến ại làm bác mất vui với niềm vinh dự lớn mà bác đã được ưởng. Và biết bao lần, cứ nghĩ lại và tự đặt mình vào hoàn cảnh bấy giờ, trong đầu bác lại ùn ùn kéo đến, như muốn trêu ngươi, những câu nói mà câu nào cũng hay hơn nhiều cái câu lố bịch *Đức cha thử nghĩ xem* ấy. Nhưng, như một tục ngữ xem đã nói, khi việc xong rồi đầu óc sao mà sáng thế.

Hồng y giáo chủ ra đi và nói: "Cầu chúa ban phước lành cho nhà ta!"

Rồi chiều hôm ấy ngài hỏi ông linh mục làm sao có thể đền

bù thích đáng cho bác chủ nhà, xem ra cũng chẳng giàu có gì, về lòng hiếu khách tốn kém của bác, nhất là trong thời buổi khó khăn này. Ông linh mục đáp là quả thật, cả thu nhập, cả thu nhập về nghề nghiệp của bác thợ may lẫn hoa lợi trên vài miếng đất nhỏ của bác đều không đủ, trong một năm như năm nay, cho phép bác hào phóng với người khác; nhưng vì những năm trước dành dụm được, cho nên bác là một trong những người khá giả nhất trong vùng và có thể tiêu xài khoản phụ mà không túng bấn lắm, và chắc chắn bác vui lòng làm việc đó; vả chăng cũng không có cách gì bắt bác phải nhận bất cứ điều khoản tiền thù lao nào dù nhỏ nhất.

- Bác ta chắc hẳn, - Hồng y giáo chủ nói. - Có những con nợ không trả được nợ.

- Thưa Đức cha, hẳn vậy: những người nghèo ấy trả nợ bằng phần dư thừa trong thu hoạch mùa màng của họ: năm ngoái họ chẳng có thừa, còn năm nay tất cả đều không đủ ăn.

- Nếu vậy, - Fêđêrigô nói, - chính ta nhận trả tất cả những món nợ đó: ông làm ơn giúp ta đi hỏi sổ nợ của bác và thanh toán những món nợ ấy cho ta.

- Cái đó thành một khoản tiền khá lớn.

- Càng hay: và đáng tiếc là có nhiều người còn túng thiếu hơn nữa mà không vay nợ được, vì không ai cho họ vay.

- Than ôi đúng vậy! Ta làm những gì ta có thể làm được, nhưng làm sao thỏa mãn được tất cả trong thời buổi như thế này?

- Thế thì ông hãy nói bác ta may mặc cho những người ấy tính vào chi phí của ta, và ông trả bác kha khá vào. Quả thật, trong cái năm như năm nay, tất cả những chi phí nào không để mua bánh mì đối với ta đều có vẻ như của ăn cắp, nhưng đây là trường hợp đặc biệt.

Tuy vậy chúng tôi không muốn kết thúc câu chuyện hôm nay mà không kể lại vắn tắt *Người Vô Danh* đã kết thúc ngày đó như thế nào.

Lần này thì tin tức về sự hối cải của ông đã về trước ông trong thung lũng; nó lập tức được truyền đi trong đó và gây nên khắp nơi một nỗi sửng sốt, lo lắng, ngại ngùng và những tiếng xì xào. Gặp bất cứ tên lâu la hoặc tôi tớ nào (thì cũng thế cả) ông lại ra hiệu cho chúng đi theo, và cứ thế tiếp mãi theo bước chân ông tiến dần lên. Tất cả đi sau ông, ruột gan rối bời một nỗi lo mới nhưng vẫn giữ vẻ phục tùng thường ngày: và đám người theo sau ông càng đi càng đông cho tới lâu đài.

Ông ra hiệu cho những tên đứng ở cổng đi theo ông cùng với những tên khác. Ông bước vào cái sân đầu tiên, tiến đến giữa sân, và tại đây, vẫn trên mình ngựa, ông thét lên một tiếng vang lanh lảnh: đó là hiệu lệnh quen thuộc mà tất cả mọi thuộc hạ của ông nghe thấy đều chạy tới. Trong chốc lát, những người trong lâu đài nghe tiếng thét ấy kéo đến nhập bọn với những kẻ đã tập họp ở đây, và tất cả cùng nhìn ông chủ của chúng.

- Các con vào đợi ta trong phòng đại sảnh, - ông nói với chúng; và từ trên lưng la, ông nhìn theo bước chúng đi. Rồi ông xuống la, tự mình dắt nó đến chuồng ngựa và đi đến nơi người ta đang đợi ông. Sự xuất hiện của ông giập tắt ngay những tiếng xì xào: tất cả ngồi nép vào một phía, để lại cho ông một khoảng trống khá lớn trong phòng. Họ có thể vào khoảng ba chục người.

Người Vô Danh giơ tay, như để duy trì sự im lặng đột ngột này, ông ngẩng đầu, cái đầu cao vượt trên tất cả mọi đầu khác, và nói:

- Tất cả các con hãy nghe đây, và đừng ai nói gì nếu không

được ta hỏi đến. Hỡi các con! Con đường chúng ta đã đi bấy lâu nay là con đường dẫn đến đáy sâu của địa ngục. Không phải ta muốn trách móc các con, ta đây là kẻ dẫn đầu tất cả, kẻ tồi tệ hơn tất cả; nhưng các con hãy nghe những điều ta cần nói với các con. Chúa từ bi đã kêu gọi ta làm lại cuộc đời; và ta sẽ làm lại cuộc đời rồi: mong sao Chúa cũng làm như vậy với tất cả các con. Vậy các con hãy biết và hãy tin chắc rằng ta đã nhất quyết thà chết còn hơn là điều gì chống lại luật lệ thiêng liêng của Người. Ta miễn cho mỗi người trong các con việc thi hành những mệnh lệnh tội ác của ta; các con hãy hiểu cho ta và thậm chí ta ra lệnh cho các con không được thi hành bất cứ mệnh lệnh nào của ta đã ban ra trước kia. Và các con cũng đã tin chắc rằng từ nay không ai ở dưới sự bảo trợ của ta, còn làm việc với ta mà lại có thể phạm tội ác được. Những ai muốn ở lại với điều kiện ấy thì ta xem như con cái của ta, và ta tự thấy sung sướng khi được nhịn ăn để lấy miếng bánh mì cuối cùng còn lại trong nhà ta làm dịu cơn đói cho người cuối cùng trong các con. Những ai không muốn, ta sẽ trả họ tiền công xứng đáng, và thêm một quà tặng: họ có thể ra đi, nhưng đừng bao giờ đặt chân đến đây nữa trừ phi để làm lại cuộc đời: nếu vì mục đích này thì ta sẽ dang rộng tay đón họ. Các con suy nghĩ đêm nay: sáng mai ta sẽ gọi các con tới, từng người một, để nghe các con trả lời; khi ấy ta sẽ cho các con những lệnh mới. Bây giờ giải tán ai về trị vì người ấy. Và cầu Chúa. Người đã biểu lộ bao lòng từ bi với ta, sẽ truyền cho các con những ý nghĩ tốt đẹp.

Ông dừng lại ở đây, và tất cả im phăng phắc. Những ý nghĩ quay cuồng trong những cái đầu đen tối ấy, dù có hỗn tạp và xáo động bao nhiêu chúng cũng không để lộ ra ngoài. Chúng đã quen xem tiếng nói của ông chủ là sự biểu thị một ý

muốn không được phép cưỡng lại: và tiếng nói ấy, khi cho chúng biết ý muốn không được phép cưỡng lại: và tiếng nói ấy, khi báo cho chúng biết ý muốn của ông đã thay đổi, không hề có dấu hiệu gì tỏ ra đã yếu đi. Thậm chí không tên nào dám nghĩ rằng vì ông chủ của chúng đã hối cải mà chúng có lợi thế hơn ông, và có thể cãi lại ông như với một người bình thường. Chúng xem ông như một ông thánh, nhưng một trong những ông thánh được người ta mô tả với cái đầu ngẩng cao và thanh gươm cầm tay. Ngoài lòng kinh sợ, đối với ông chúng còn cảm thấy (nhất là đối với những tên sinh ra trong địa hạt của ông, và chúng là đa số) một tình yêu mến của bề tôi đối với lãnh chúa; tất cả bọn chúng còn gắn bó với ông bởi lòng cảm phục, và trước mặt ông chúng cảm thấy, tôi có thể nói không ngần ngại, một sự rụt rè nào đó mà ngay cả những kẻ cục cằn và hung bạo nhất cũng cảm thấy trước một người mà chúng đã thừa nhận là hơn hẳn mình. Vả chăng những điều chúng vừa nghe được ở miệng ông có thể chối tai chúng, nhưng đó là những lời nói phải và cũng không hoàn toàn xa lạ với tâm hồn chúng; nếu chế giễu những điều đó hàng nghìn lần thì không phải vì chúng không tin ở những điều ấy, mà chính là để lấy việc giễu cợt ngăn ngừa nỗi sợ hãi có thể xâm chiếm tâm hồn chúng nếu chúng suy nghĩ nghiêm chỉnh. Và giờ đây, khi được thấy tác động của nỗi sợ ấy đối với một tâm hồn như tâm hồn ông chủ chúng, tất cả không trừ một ai đều ít nhiều bị lây truyền nỗi sợ ấy, ít nhất trong một thời gian. Ngoài ra, những tên trong bọn chúng sáng nay đi ra ngoài thung lũng được biết trước tiên tin tức trọng đại này cũng đồng thời đã trông thấy và thậm chí đã kể lại với bạn bè niềm vui mừng và phấn khởi của nhân dân, lòng yêu mến và kính trọng đối với *Người Vô Danh* thay cho lòng căm thù và khiếp

sợ trước kia. Thành ra, ở con người mà có thể nói là chúng vẫn luôn nhìn từ dưới lên trên, ngay cả khi chúng tao nên phần lớn sức mạnh của ông, thì giờ đây chúng nhìn thấy một điều kì diệu, một thần tượng của quần chúng; chúng nhìn thấy ông đứng cao trên mọi người, quả thật cao một cách khác hẳn trước kia, nhưng cao không kém, luôn luôn ở ngoài đám đông, luôn luôn là chủ trương.

Vậy là chúng choáng váng, không tin lẫn nhau, và mỗi người không tin ở bản thân mình. Người này phiền muộn, nghĩ xem có thể đi đâu tìm chốn nương thân và việc làm: kẻ kia tự hỏi liệu mình có thể thích nghi với cuộc đời lương thiện được không: thậm chí một số người, cảm động vì những lời nói của *Người Vô Danh*, tự nhủ sẵn sàng đi theo ông; có những kẻ chưa biết quyết định thế nào định bụng cứ hứa hẹn hão huyền, và tạm thời lúc này hãy biết ăn miếng bánh mì, tặng phẩm của một tấm lòng thành và rất hiếm hoi khi ấy, và như vậy tranh thủ thời gian để cân nhắc.

Không ai hé răng nói một lời. Và đến cuối bài nói chuyện, khi *Người Vô Danh* lại giơ bàn tay quyền uy lên ra hiệu cho chúng giải tán, thì tất cả bọn chúng lẩn đi, lặng lẽ như một đàn cừu. Ông ra sau chúng và thoạt tiên đứng giữa sân, trong bóng chiều chạng vạng ông quan sát xem chúng giải tán như thế nào, mỗi tên có trở về vị trí của mình không. Rồi ông lên gác lấy đèn lại đi tuần tra qua các sân, các hành lang, các căn phòng, kiểm tra tất cả mọi lối vào, và khi thấy tất cả đều yên ổn, cuối cùng ông đi ngủ. Phải, đi ngủ bởi vì ông buồn ngủ.

Chưa bao giờ trên vai ông chất đầy những công việc rối bời mà lại khẩn cấp như bây giờ, mặc dầu xưa nay ông vẫn luôn luôn tìm kiếm chúng; ấy thế mà ông vẫn buồn ngủ. Những cắn dứt của lương tâm đã không cho ông ngủ đêm trước chẳng hề

nguôi đi, mà ngược lại tiếng nói của lương tâm càng rất cao hơn, nghiêm khắc và dõng dạc hơn; ấy thế mà ông vẫn buồn ngủ. Cái trật tự ấy, cái cách chỉ huy ấy đã được ông thiết lập trong lâu đài từ bao năm nay, với bao công phu, bằng cách kết hợp thật độc đáo sự táo bạo và sự kiên trì, thì bản thân ông vừa phá hủy nó qua vài lời nói; sự phục tùng vô hạn độ của những thuộc hạ của ông luôn sẵn sàng làm tất cả, lòng trung thành kẻ cướp của chúng mà đã từ lâu ông quen dùng làm chỗ dựa cho mình, thì bản thân ông đã làm nó lung lay; những phương sách mà ông vẫn sử dụng bị ông làm rối tung lên, bản thân ông đã gieo rắc sự hỗn loạn và không tin tưởng trong nhà này; ấy thế mà ông vẫn buồn ngủ.

Vậy là ông lên phòng mình, đến gần cái giường mà đêm trước ông thấy đầy những chông gai, và quỳ xuống bên giường với ý định cầu nguyện. Quả thật từ một góc sâu kín nào đó rong ký ức, ông tìm thấy những bài kinh nguyện mà ông đã ược học từ thuở ấu thơ. Ông bắt đầu đọc kinh và những lời ấy, đã từ lâu lắm nằm xếp xó với nhau, lần lượt hiện lên tiếng ày sau tiếng khác như một cuộn chỉ được người ta gỡ ra. Và điều đó đem lại cho ông những cảm giác lẫn lộn khó tả: một vị ngọt ngào nào đó được trở về với những thói quen của tuổi thơ ngây, nỗi đau xót cháy lòng khi nghĩ đến cái vực sâu do chính mình đào ra giữa thời gian ấy và thời hiện tại; một khát vọng cháy bỏng muốn lấy công chuộc tội để có một lương tâm mới, có một trạng thái gần với sự trong trắng mà ông không thể trở lại được nữa; một lòng biết ơn và tin tưởng ở Chúa từ bi có thể đưa ông đến trạng thái đó và đã cho ông thấy biết bao dấu hiệu rằng Người muốn như vậy. Thế là ông đứng dậy, lên giường nằm, và ngủ thiếp đi ngay.

Ngày hôm ấy kết thúc như vậy, cái ngày nổi tiếng vào thời

vị tác giả vô danh của chúng ta viết thiên truyện này; và nếu không có thì giờ đây có lẽ ta chẳng biết gì về ngày ấy, ít nhất cũng không biết được những chi tiết của nó, bởi vì Ripamôngti và Rivôla, mà ta đã trích dẫn, chỉ bằng lòng nói rằng viên bạo chúa nổi tiếng ấy, sau một cuộc gặp gỡ với Fêđêrigô, đã làm lại cuộc đời một cách kì diệu, và mãi mãi. Nhưng có bao nhiêu người được đọc sách của hai tác giả này? Còn ít hơn cả những người đã đọc cuốn sách của chúng tôi. Và ai biết được trong thung lũng ấy, nếu như có người nào muốn đi tìm và có tài tìm đến được thung lũng này, có còn lưu lại một truyền thuyết mờ nhạt và mơ hồ vào sự kiện này không? Từ bấy đến nay bao nhiêu biến thiên của cuộc đời dâu bể đã diễn ra rồi!

Chương hai mươi lăm

Ngày hôm sau, trong làng của Luxia và trong khắp vùng Leccô, người ta chỉ nói đến cô, đến *Người Vô Danh* đến đức tổng giám mục, và đến một nhân vật khác xưa nay vốn rất thích được người ta nhắc đến tên mình nhưng trong trường hợp này hẳn không muốn thế chút nào: chúng tôi muốn nói đến Đôn Rôđrigô.

Tất nhiên trước đó lâu rồi người ta đã nói đến những thành tích của ông ta; nhưng chỉ với những câu nói nửa chừng và một giọng bí mật: phải là hai người thân nhau lắm mới dám thổ lộ với nhau về một vấn đề như thế. Hơn nữa họ cũng không đặt vào đấy tất cả nhiệt tình mà họ có thể nói: bởi vì nói chung, khi người ta không thể tự do, mà không sợ có nguy hiểm gì lớn, bộc lộ nỗi bất bình của mình, thì chẳng những người ta bộc lộ nó ít hơn hoặc thậm chí hoàn toàn giữ kín nó trong người, mà trên thực tế ngay cả những tình cảm ấy cũng yếu đi nhiều. Giờ đây, ai còn có thể nén mình không hỏi han và bàn tán về một sự kiện vang dội khắp nơi như thế, trong đó người ta đã thấy bàn tay của Thượng đế và hai nhân vật trọng yếu cùng đóng một vai trò đẹp đẽ như vậy? Một người kết hợp lòng yêu công lí thật dũng cảm với một uy quyền lừng lẫy;

người kia dường như là hiện thân của thói bạo ngược bị đánh gục, và toàn đội *lâu la* của ông đã bị đẩy đến tình trạng có thể nói là hạ vũ khí và phải cầu xin hòa bình. So sánh với những nhân vật như thế thì lãnh chúa Đôn Rôđrigô trở nên nhỏ bé hẳn đi. Giờ đây tất cả đã hiểu thế nào là hành hạ một con người vô tội để làm ngục người ta, đeo đuổi người ta với một thói ngoan cố trơ tráo, một bạo lực hung ác, những thủ đoạn ghê tởm. Nhân dịp này, người ta cũng kiểm lại nhiều kì tích khác của vị lãnh chúa ấy, và vấn đề tất cả những kì tích ấy mỗi người đều nói lên ý nghĩ của mình, hăng hái vì thấy mình cũng nhất trí với tất cả mọi người. Đó là một tiếng rì rầm, một sự xôn xao chung, nhưng không đến tai con người ấy vì có bọn *lâu la* vây quanh nó.

Lòng căm ghét của quần chúng phần lớn cũng chĩa vào cả bạn bè và tay sai của hắn. Người ta không quên nguyền rủa ông thị trưởng luôn luôn làm ngơ như không biết gì hết về những việc làm của tên bạo chúa ấy; nhưng chỉ nguyền rủa sau lưng thôi, vì nếu ông ta không có lũ lâu la thì đã có bầy lính cảnh sát. Còn với vị tiến sĩ Adecca Gacbugli, vốn chỉ có những lời ba hoa và những mánh khóe, cùng những tay sai nhỏ bé khác đại loại như thế, người ta không phải giữ gìn ý tứ gì cho lắm: người ta chỉ trỏ, người ta lườm nguýt chúng; đến nỗi trong một thời gian chúng cũng tự thấy không nên ló mặt ra đường.

Đôn Rôđrigô, choáng váng trước cái tin sét đánh thật bất ngờ và khác xa với những tin tức hắn chờ đợi từng ngày từng giờ, ở lì trong lâu đài suốt hai ngày tức tối và phiền muộn, một mình giữa bầy lâu la; ngày thứ ba, hắn đi Milăng.

Giá như không có gì khác ngoài những tiếng xì xào ấy của dân chúng thì có lẽ, vì sự việc đã đi xa đến thế hắn sẽ cố tình ở

lại đương đầu với họ, và thậm chí tìm cơ hội trừng trị một trong những kẻ táo gan nhất để răn đe tất cả. Nhưng cái điều khiến hắn buộc lòng phải bỏ đi, đó là tin báo chắc chắn Hồng y giáo chủ cũng sẽ đến vùng này. Ngài bá tước bác hắn, về tất cả chuyện này chỉ biết qua những gì Attiliô đã nói với ngài, chắc hẳn sẽ muốn rằng trong một trường hợp như thế Đôn Rôđrigô sẽ long trọng ra mắt trước công chúng và được Hồng y giáo chủ dành cho sự đón tiếp đặc biệt nhất. Bây giờ thì ta đã thấy Rôđrigô chọn con đường nào. Bác hắn đã muốn thế, và hẳn sẽ đòi nghe báo cáo tỉ mỉ về việc này; bởi vì đó là dịp quan trọng để chứng tỏ dòng họ một quan chức cao cấp bậc nhất được trọng vọng như thế nào. Để thoát khỏi tình thế khó xử ấy, một buổi sáng Đôn Rôđrigô dậy sớm từ trước lúc mặt trời mọc, ngồi xe cùng với Gridô và bố trí những tên lâu la khác bên ngoài, trước mặt và sau lưng, sau khi ra lệnh cho những tên tay sai còn lại tìm đến với hắn này, hắn ra đi như một kẻ chạy trốn và nếu các bạn cho phép chúng tôi đề cao nhân vật lên bằng một so sánh nổi tiếng nào đó), hắn ra đi như Catilina trốn khỏi La Mã[1] giận sùi bọt mép, và thề sẽ nhanh chóng trở lại, trong một hoàn cảnh khác hẳn, để trả thù.

Trong khi ấy thì Hồng y giáo chủ đi thăm các xứ đạo khắp vùng Leccô, ở lại mỗi nơi một ngày. Vào các ngày ngài phải tới xứ đạo của Luxia, phần đông dân chúng đổ ra đường đón ngài. Ở lối vào làng, ngay cạnh ngôi nhà nhỏ của hai mẹ con Luxia, có dựng một cổng chào bằng những cột đứng và đóng ngang, lợp rạ và rêu, được trang trí những cành giả điệp và ôrô xanh rờn nổi lên những quả đỏ chói; mặt trước nhà thờ trang hoàng

---

[1] Catilina (108-82 trước CN): chính khách thời cổ La Mã. Trong cơn khủng hoảng của nền cộng hòa La Mã, ông muốn nắm chính quyền và thiết lập chế độ độc tài, nhưng âm mưu vỡ lở phải chạy trốn khỏi La Mã.

bằng những tấm thảm; từ mỗi cửa sổ buông xuống những tấm chăn và vải trải giường giăng ra, và cả tã lót trẻ con, thay cho những tràng hoa; tóm lại, tất cả những vật dụng hiếm hoi và cần thiết có thể ít nhiều tượng trưng cho sự dư dật.

Vào khoảng mười giờ đêm, giờ đón Hồng y giáo chủ tất cả những người nào còn ở nhà, phần lớn là người già, đàn bà và trẻ con, đến lượt họ cũng ra đường đi đón ngài, họ đi nối đuôi nhau hoặc thành từng tốp, dẫn đầu là Đôn Apbôndiô, ủ rũ giữa một không khí tưng bừng ngày hội, vì tiếng ồn ào làm ông choáng váng và vì đám đông chen chúc xô đẩy quanh ông, như ông luôn miệng nói, làm ông chóng mặt, và cũng vì ông cứ thấp thỏm trong lòng chỉ sợ các bà có thể ba hoa tán chuyện và ông sẽ phải trình bày câu chuyện đám cưới ra đây.

Và kia, đức Hồng y giáo chủ xuất hiện, hoặc nói đúng hơn, đó là đám đông vây quanh kiệu và đoàn tùy tùng của ngài; bởi vì từ tất cả đám đông ấy, người ta khó khăn lắm cũng không thể nhận thấy được cái gì khác ngoài một dấu hiệu ở cao trên đầu tất cả mọi người: ngọn cây thánh giá cầm trong tay thầy tư tế cưỡi la. Những người cùng đi với Apbôndiô vội vàng xô nhau bám theo đám đông kia. Còn ông, sau khi nói đi nói lại ba bốn lần: "Từ từ thôi! Đi vào hàng! Các người làm gì thế này?" bèn bực mình quay lại, vẫn luôn miệng làu bàu: "Cứ như cái chợ, quả thật là cứ như cái chợ", rồi ông vào nhà thờ còn vắng tanh vắng ngắt, và ngồi đợi.

Hồng y giáo chủ tiến lên, lấy tay làm dấu ban phước cho mọi người và đón nhận những lời chúc tụng từ miệng tất cả mọi người, mà đoàn tùy tùng của ngài vả lắm mới ngăn lại được một chút. Là đồng hương của Luxia, tất cả những người ở đây hẳn muốn dành cho đức Tổng giám mục một cuộc đón tiếp thật khác thường; nhưng điều đó không dễ, bởi vì thông

thường ở bất cứ nơi nào ngài tới, tất cả mọi người đều đem hết tình cảm nồng nhiệt nhất của mình ra đón tiếp ngài. Ngay từ khi ngài mới bắt đầu nhận chức giám mục, trong buổi đầu long trọng bước vào nhà thờ, sự chen chúc và nhiệt tình của dân chúng xúm quanh ngài đã đến mức mà người ta có thể lo cho tính mạng của ngài; và một vài nhà quý phái đứng gần ngài nhất đã phải rút gươm ra khỏi vỏ để dọa và đẩy lùi đám đông. Bởi vì phong tục thời ấy buông tuồng và thô bạo đến nỗi thậm chí để bày tỏ lòng yêu mến một giám mục trong nhà thờ cũng như để làm dịu bớt những sự biểu lộ tình cảm ấy gần như phải đi đến chuyện chết người. Và ngay cả sự hộ vệ ấy có lẽ không đủ nếu quan chủ lễ và những người giúp việc ông, Clêrixi và Picôdi, hai linh mục trẻ vừa khỏe mạnh vừa cương quyết, nhấc bổng ngài lên trên cánh tay họ và kiệu ngài từ cửa vào đến tận bàn thờ chính. Từ đó trở đi, trong rất nhiều cuộc đi thăm của giám mục đến các xứ ạo cái lúc ngài mới bước chân vào nhà thờ luôn luôn có thể, xin nói thật chứ không đùa, kể vào hàng những nỗi gian lao của giám mục, và đôi khi là những nguy hiểm mà ngài phải ấn thân vào.

Cuối cùng ngài cũng vào được trong nhà thờ này, đi đến bàn thờ, đứng cầu nguyện tại đây một lúc rồi, theo thường lệ, nói một bài thuyết giáo ngắn với những người dự lễ, về tình thương yêu của ngài đối với họ, về lòng mong ước của ngài muốn cứu vớt họ, và về những việc phải làm để chuẩn bị cho buổi lễ hôm sau. Sau đó ngài lui về nhà linh mục, và giữa nhiều câu chuyện khác, ngài hỏi Đôn Apbôndiô những điều cần biết về Rendô. Linh mục nói đó là một chàng trai hơi sôi nổi, hơi bướng bỉnh, hơi nóng nảy, nhưng trước những câu hỏi sát sao hơn và rõ ràng hơn ông phải trả lời đó là một chàng

trai ngay thật và chính ông, cũng chẳng hơn gì người khác, không thể hiểu được làm thế nào mà anh có thể phạm phải ở Milăng tất cả những trò quái quỷ như người ta đã nói.

- Còn cô gái kia, - Hồng y giáo chủ lại nói, - ông cũng cho rằng bây giờ cô có thể yên ổn về nhà được chứ?

- Lúc này thì được, - Đôn Apbôndiô đáp, - cô ta có thể về nhà và ở đó tùy ý cô. Con nói lúc này nhưng... - ông thở dài nói tiếp, - Đức cha cứ phải luôn luôn ở đây hoặc ít ra không ở xa quá thì mới được.

- Chúa luôn luôn ở bên ta, Hồng y giáo chủ nói, - vả lại chính ta sẽ trực tiếp thu xếp cho cô một nơi ở chắc chắn, - và ngài ra lệnh ngay để sáng sớm hôm sau một cái kiệu có người hộ tống được phái đi đón hai người đàn bà về.

Đôn Apbôndiô ra khỏi đây rất hài lòng vì Hồng y giáo chủ đã nói chuyện với ông về đôi thanh niên mà không hỏi gì đến việc ông từ chối không chịu làm lễ cưới cho họ. "Như thế là Đức cha chẳng biết gì cả, - ông nghĩ bụng. Bà Anhedơ không nói gì; quả là kì lạ! Tất nhiên Đức cha còn gặp bà ta, nhưng ta sẽ lại dặn dò bà nữa, phải, ta sẽ lại dặn dò bà". Con người khốn khổ không biết rằng nếu Fêđêrigô không đả động gì đến chuyện ấy, đó chính là vì ngài muốn nói chuyện ấy với ông thật cặn kẽ, vào lúc thư thả hơn; và trước khi xử trí thích đáng, cũng muốn nghe những lí lẽ của ông nữa.

Nhưng mối lo lắng của đức Tổng giám mục nhân từ để thu xếp cho Luxia một nơi ở chắc chắn thật là thừa: từ khi ngài chia tay với cô đã xảy ra những chuyện mà chúng tôi cần phải kể ra đây.

Trong mấy ngày sống ở ngôi nhà nhỏ hiếu khách của bác thợ may, hai mẹ con Luxia đã lấy lại phần nào nhịp sống bình thường trước kia. Luxia đã xin ngay việc làm; và cũng như ở

tu viện, cô ngồi khâu suốt ngày, ẩn trong căn buồng nhỏ, xa con mắt mọi người. Bà Anhedơ thỉnh thoảng có ra ngoài, và làm việc chút ít cùng với con gái. Nhưng câu chuyện của họ hàng càng đằm thắm bao nhiêu thì lại càng buồn bã bấy nhiêu cả hai đều chuẩn bị đón nhận một cuộc chia li, bởi vì con cừu không thể trở về sống ngay gần hang sói; và cuộc chia li này đến bao giờ mới chấm dứt, và sẽ chấm dứt như thế nào? Tương lai u ám, đầy trắc trở: nhất là đối với một trong hai người. Tuy vậy bà Anhedơ về phần bà có những phỏng đoán lạc quan hơn: rốt cuộc, nếu chẳng có điều gì bất hạnh xảy ra với Rendô thì sớm muộn thế nào anh cũng nhắn tin về; và nếu anh đã kiếm được việc làm và chỗ ở, và giữ lời hẹn ước thủy chung (mà điều này thì làm sao có thể nghi ngờ được?) thì vì lẽ gì ta không cùng đến ở với anh? Bà nói đi nói lại những tia hi vọng của bà với con gái, còn về cô thì thật khó nói là cô cảm thấy đau đớn hơn khi nghe những điều hi vọng ấy hay là lúng túng hơn vì phải trả lời.

Điều bí mật lớn của cô, cô vẫn giữ kín trong người; và nếu cô thật đau lòng vì cứ phải giấu giếm quanh co làm cho một bà mẹ hiền như thế phải buồn phiền, thì cô dường như bị ngăn giữ không cưỡng nổi bởi sự hổ thẹn và những nỗi lo sợ khác mà ta đã nói, và cô cứ nín lặng để lần lữa ngày này qua ngày khác. Những dự định của cô khác hẳn mẹ, hoặc nói đúng hơn, cô chẳng có dự định gì: cô đã phó mặc cho thượng đế. Vậy là cô cố tránh chuyện ấy hoặc lái nó sang hướng khác: hoặc cô nói một cách chung chung rằng cô không còn hi vọng hoặc mong ước nào khác ở trên đời ngoài mong ước sớm được chung sống với mẹ; thường thường những giọt nước mắt của cô đến đúng lúc để ngắt lời cô.

- Con có biết tại sao con lại nhìn sự việc như thế không? -

Bà Anhedơ nói - bởi vì con đã đau khổ quá nhiều và con thấy việc này hình như không thể biến chuyển tốt đẹp được. Nhưng con hãy tin vào Chúa, và nếu như... Con hãy để lòng mình hé lên một chút tia sáng, chỉ đúng một tia hi vọng nhỏ nhoi thôi; và khi ấy con thử nói với mẹ xem có thật con không nghĩ gì cả nữa hay không - Luxia ôm lấy mẹ và khóc.

Ngoài ra, một tình bạn thắm thiết đã chớm nở giữa họ và các vị chủ nhà của họ: tình bạn ấy có thể nảy ra từ đâu, nếu không phải giữa những người làm ơn và những kẻ chịu ơn, khi cả hai bên đều là những con người nhân hậu? Đặc biệt bà Anhedơ thường nói chuyện lâu với bà chủ nhà. Và bác thợ may cũng góp vào những câu chuyện và những lời bàn luận về đạo đức để làm cho đầu có họ đỡ căng thẳng; và nhất là vào bữa ăn chiều, bao giờ bác cũng có một chuyện hay vào đó kể về Bôvô Đantôna và những người cha của sa mạc[1].

Gần làng có một cặp vợ chồng quý tộc đang về nghỉ trong thái ấp của mình: Đôn Ferantơ và Đônna Praxet: như thường lệ, ngòi bút vị tác giả vô danh lại dành sự chú ý đặc biệt cho dòng họ này, Đônna Praxet là một vị phu nhân đã luống tuổi rất ham thích làm việc thiện: chắc chắn đó là việc cao quý nhất trong những việc mà người ta có thể làm, nhưng than ôi, người ta cũng có thể làm hỏng nó như tất cả mọi việc khác. Để làm việc thiện, ta cần phải biết nó; và, cũng như mọi điều khác, ta chỉ có thể biết nó qua những dục vọng của ta, những cách xét đoán của ta và trong khuôn khổ những quan niệm của ta; mà những quan niệm này thì lại rất hay tùy tiện.

Đối với những quan niệm, Đônna Praxet có thái độ như

---

[1] Bôvô Đantôna: trường ca hiệp sĩ thế kỉ XIV. Những người cha cả sa mạc: truyện truyền kì về các thánh.

người ta nói, cần phải có đối với bạn bè: bà không có nhiều quan niệm; nhưng bà lại hết sức gắn bó với chúng. Trong số quan niệm vốn đã ít ỏi đó, thật không may lại có nhiều quan niệm quái gở, mà những quan niệm này lại chính là những quan niệm yêu quý nhất của bà. Cho nên thường xảy ra tình hình hoặc bà tưởng là tốt cái điều thật ra không tốt, hoặc bà sử dụng những phương pháp vốn đặt ra để đưa đến một kết quả ngược lại, hoặc thậm chí bà xem là hợp pháp những phương pháp hoàn toàn không hợp pháp chút nào, do cái quan niệm hỗn độn mà người nào đã làm quá bổn phận của mình thì cũng có thể làm quá những gì mình có quyền làm. Nhiều khi trong một sự việc bà không nhìn thấy những điều có thật, hoặc lại nhìn thấy những điều không có, và nhiều chuyện khác nữa tương tự có thể xảy ra và vẫn xảy ra với tất cả mọi người, kể cả những người ưu tú nhất; nhưng những sai lầm này diễn ra quá nhiều ở Đônna Praxet, và nhiều lần chúng lại còn diễn ra tất cả cùng một lúc.

Khi nghe kể lại quãng đời gian truân của Luxia, và nghe tất cả những gì người ta nói về cô gái ấy, bà nảy ra ý hiếu kì muốn gặp cô. Bà cho mang một xe ngựa cùng bác đánh xe già đi tìm bà mẹ và cô con gái. Luxia tỏ vẻ khó chịu, và xin bác thợ may, mà họ nhờ chuyển lời mời, kiếm cách chối từ hộ. Giá như đó là những kẻ tiện dân muốn biết mặt cô gái đã được hưởng phép màu của Chúa, thì bác thợ may sẵn sàng giúp cô ngay; nhưng trong trường hợp này, bác thấy sự từ chối có vẻ như một điều xấc xược. Bác nhăn nhó, bác than vãn, bác nói hết lời: rằng người ta không xử sự như vậy, rằng đây là một đại gia đình và người ta không thể từ chối những người quyền quý, rằng đây có khi lại và vận may của họ, rằng ngoài tất cả mọi điều khác, phu nhân Đônna Praxet còn là một bậc thánh;

tóm lại, bác nói ngon nói ngọt đến nỗi Luxia phải xiêu lòng. hơn nữa mỗi lí do bác đưa ra bà Anhedơ lại hùa theo: "Rất đúng, rất đúng".

Khi trình diện trước bà lớn, họ được bà đón tiếp vô cùng niềm nở với biết bao lời chúc mừng; bà hỏi han, bà khuyên nhủ, tất cả với một vẻ bề trên dường như bẩm sinh ở bà nhưng được sửa lại bởi biết bao cử chỉ khiêm tốn, được dịu đi nhờ biết bao sự vồn vã được tôn theo tình cảm cao quý, khiến bà Anhedơ gần như ngay tức khắc còn Luxia thì chốc lát sau bắt đầu cảm thấy nhẹ nhõm được trút bỏ thái độ kính cẩn nặng nề do dáng vẻ của bà lớn này thoạt đầu gây cho họ, và thậm chí họ còn thấy bà có phần dễ mến. Tóm lại, Đônna Parxet, được biết Hồng y giáo chủ đang tìm một chốn nương thân cho Luxia, liền sốt sắng muốn giúp đỡ và đồng thời đi trước thiện ý đó, đề nghị được đón nhận cô gái vào nhà này; tại đây cô không phải giao hẳn một công việc riêng nào cả, mà có thể tùy ý giúp đỡ các người đàn bà khác trong công việc của họ. Và bà nói thêm là chính bà sẽ đích thân thưa lại chuyện này với Đức cha.

Ngoài lợi ích hiển nhiên và trực tiếp trong một việc thiện như thế, Đônna Praxet còn nhìn thấy và dự định một lợi ích khác, còn quan trọng hơn nữa, theo bà nghĩ: đó là uốn nắn lại một tâm hồn, đưa một người lầm đường lạc lối vào con đường thẳng. Bởi vì, ngay lần đầu nghe nói đến Luxia, bà đã tin rằng một cô gái có thể hứa hôn với một kẻ xấu, một tên phiến loạn, tóm lại một gã bất lương, thì không thể trong trắng và tất phải có khuyết điểm nào đó mà cô ta che giấu. Hãy nói với tôi anh đánh bạn với ai, tôi sẽ nói anh là người thế nào. Cuộc đến thăm của Luxia càng khiến bà xác nhận ý nghĩ đó, mặc dầu về bản chất cô có vẻ con nhà tử tế, nhưng vẫn có nhiều

điều cần xem xét. Cái đầu nhỏ bé cúi gằm xuống kia, cái cằm cứ như đóng đinh vào ngực kia, cái cách không trả lời hoặc trả lời rất vắn tắt như bị ép buộc kia, tất cả cái đó có thể là sự thẹn thùng, nhưng chắc chắn cũng chứng tỏ một con người rất bướng bỉnh: chẳng cần là thầy tướng cũng có thể đoán được cái đầu nhỏ bé kia chỉ thích làm theo ý mình. Và đôi má chốc chốc lại ửng đỏ, những cái thở dài nén xuống... đã thế lại thêm đôi mắt to chẳng vừa ý Đônna Praxet chút nào. Bà tin chắc, cứ như bà được biết từ một nguồn đáng tin cậy, rằng tất cả những tai nạn của Luxia là sự trừng phạt của trời do tình bạn của cô với thằng vô lại, và là sự cảnh cáo để cô phải vĩnh viễn xa lìa hắn; sự việc đã vậy, thì bà phải góp sức vào để đạt được mục đích cao cả ấy. Bởi vì, như bà thường nói với mọi người và với bản thân mình, tất cả mọi cố gắng của bà đều nhằm để thực hiện ý trời; nhưng bà lại thường phạm sai lầm nghiêm trọng lấy đầu óc riêng tư của mình làm ý trời. Tuy vậy bà cẩn thận không để lộ một chút dấu hiệu gì của cái ý định thứ hai ấy. Một trong những châm ngôn của bà là muốn làm việc thiện cho mọi người được kết quả thì điều đầu tiên, trong phần lớn trường hợp là đừng để lộ cho họ thấy ý định của mình.

Bà mẹ và cô con gái nhìn nhau. Trong nỗi đau đớn của sự chia lìa không tránh khỏi, cả hai cùng thấy đề nghị này có thể chấp nhận, ít ra là vì biệt thự không ở xa làng họ lắm, điều đó, cho phép họ, giả sử tình thế có xấu đi chăng nữa, vẫn có thể đến ở gần nhau và thậm chí cùng ở với nhau, khi phu nhân sẽ lại về nghỉ ở thái ấp năm sau. Sau khi nhận rõ sự đồng tình trong ánh mắt nhau, cả hai cùng quay lại thưa với bà Đônna Praxet, bày tỏ những lời cảm ơn và ưng thuận. Phu nhân cũng lại biểu lộ với họ những ân cần và những lời

hứa hẹn, và nói với họ là bà sẽ gửi ngay một bức thư trình Đức Hồng y.

Khi mẹ con Luxia đi rồi, bà nói với Đôn Feratô thảo bức thư, ông vốn là một học giả, như chúng ta sẽ nói kĩ hơn sau này, thường làm thư ký cho bà trong những trường hợp quan trọng. Vì đây chính là một trường hợp như thế, Đôn Feratô huy động tất cả sự hiểu biết của mình, và khi giao bản thảo cho vợ, ông hết lời dặn dò bà về phép chính tả: đây là một trong nhiều môn ông đã nghiên cứu về một trong rất ít sự việc mà ông có quyền điều khiển trong nhà này. Đônna Praxet nắn nót chép lại bức thư và cho người mang đến nhà bác thợ may. Việc này xảy ra vài ba ngày trước khi Hồng y giáo chủ cho người mang kiệu đến đưa hai mẹ con Luxia về làng.

Tới nơi, Anhedơ và Luxia xuống kiệu vào nhà linh mục, tại đây đang có mặt Hồng y giáo chủ. Lệnh đã ban ra từ trước là khi họ tới phải đưa họ vào ngay. Thầy tư tế, là người đầu tiên thấy họ, chấp hành mệnh lệnh và chỉ giữa họ chốc lát vừa đủ để dặn dò đôi điều, rất nhanh, về nghi lễ phải giữ đối với Đức cha và về những chức tước của ngài mà họ phải gọi, đó là việc thầy vẫn thường làm, mỗi khi thầy có thể làm giấu đức Hồng y giáo chủ. Một nỗi đau khổ thường xuyên của con người đáng thương này là cứ phải nhìn thấy cái cảnh thiếu tôn ti trật tự chung quanh Đức cha. "Tất cả những điều đó, - thầy nói với các bạn đồng sự khác, - là do con người toàn phước này quá tốt, quá giản dị". Và thầy kể rằng thậm chí chính tại thầy đã nhiều lần nghe được có những kẻ đáp lại ngài: "Vâng, thưa *ông*, không đâu *ông* ạ"[1]

---

[1] *Ông*: tạm dịch chữ *messer*, theo chú thích của cuốn sách là một cách xưng hô thời đó chỉ dùng với những linh mục và những người có chưcác vị thấp trong giáo hội.

Hồng y giáo chủ lúc này đang nói chuyện với Đôn Apbôndiô về công việc của xứ đạo ông; thành thử ông linh mục cũng không có cách nào để dặn dò hai người đàn bà như ông mong muốn. Ông chỉ có thể, khi đi qua bên họ, lúc ông đi ra còn họ đi vào, đưa mắt ra hiệu là ông hài lòng về họ và họ phải tiếp tục giữ mồm giữ miệng như những người đàn bà thật ý tứ.

Sau những lời chào đón đầu tiên của giáo chủ và những vái chào cung kính đầu tiên của hai mẹ con mới đến, bà Anhedơ lấy bức thư từ trong lần áo ngực trình Hồng y giáo chủ và nói:

- Đây là của phu nhân Đônna Praxet, thưa Đức cha, phu nhận nói là bà rất quen biết Đức cha; lẽ tự nhiên là tất cả các bậc đại quý tộc đều phải quen biết nhau. Đức cha cứ đọc xong rồi khắc biết là chuyện gì.

- Tốt, - Fêđêrigô nói, sau khi đã đọc xong và đã nắm được ý nghĩa dưới những lời lẽ hoa văn của Đônna Praxet. Ngài biết khá rõ nhà này để có thể chắc chắn rằng Luxia được mời đến là do thiện ý, và tại đây cô sẽ được bảo vệ khỏi những âm mưu và bạo lực của kẻ đeo đuổi cô. Còn như ngài nghĩ thế nào về đầu óc của Đônna Praxet thì ta không được biết rõ ràng. Có lẽ dây không phải là con người ngài muốn chọn trong việc này nhưng, như chúng tôi đã nói hoặc đã gợi ý cho thấy ở chỗ khác, ngài không có thói quen phá bỏ những gì người khác đã làm để làm lại tốt hơn.

- Các con hãy gắng chịu cuộc chia li này, tình hình không ổn định này một lần nữa, - ngài nói thêm - các con hãy giữ lòng tin: chuyện này sẽ qua nhanh, và Chúa sẽ đưa mọi việc đến cái đích mà dường như Người đã nắm trước; nhưng các con hãy tin chắc rằng Chúa chỉ muốn những điều gì tốt đẹp nhất cho các con.

Ngài dặn riêng Luxia một vài lời khuyên thân tình nữa và khích lệ hai người, rồi ngài cầu phúc cho họ và để họ đi.

Vừa ra đến ngoài, họ lập tức bị bao vây bởi đám đông bạn bè xúm xít lại, bởi cả làng, nếu có thể nói như vậy, đang đợi họ và đưa họ về nhà như một cuộc khải hoàn. Các bà các cô tranh nhau chúc mừng họ, ái ngại cho họ, hỏi thăm họ; và tất cả cùng thở than luyến tiếc khi được biết ngày hôm sau Luxia đã phải đi rồi. Những người đàn ông thì tranh nhau giúp đỡ họ; mỗi người đều muốn đêm nay được đứng gác trước cửa ngôi nhà nhỏ bé của họ. Về điều này, vị tác giả vô danh của chúng ta tự thấy cần sáng tác ra một tục ngữ: Anh muốn được nhiều người giúp đỡ anh ư? Hãy làm sao để không cần đến sự giúp đỡ ấy.

Tất cả sự đón tiếp ấy làm Luxia ngượng ngùng và choáng váng; nhưng bà Anhedơ chưa có gì phải bối rối vì một chút như thế. Tuy vậy, thật ra điều đó chỉ có tác dụng tốt đối với Luxia, làm cô khuây khỏa đôi chút khỏi những ý nghĩ và kỉ niệm mà ngay giữa tất cả sự ồn ào này vẫn cứ bừng dậy trong lòng cô, ở nơi kia, trên bậc cửa này, trong những căn phòng này, khi nhìn thấy mỗi đồ vật quen thuộc.

Nghe tiếng chuông báo buổi lễ sắp bắt đầu, tất cả cùng đi đến nhà thờ, và đối với hai người dàn bà của chúng ta lại là một cuộc khải hoàn khác nữa.

Buổi lễ xong, Đôn Apbôndiô, sau khi đã chạy đi xem mụ Pecpêchuya chuẩn bị bữa ăn chu đáo chưa, được Hồng y giáo chủ gọi đến. Ông tới ngay gặp vị thượng khách, ngài để ông lại gần rồi bắt đầu:

- Ông linh mục này, - và những lời ấy được nói bằng cách nào đó để người ta phải hiểu là chúng mở đầu cho một cuộc đàm thoại dài và quan trọng, - ông linh mục này, tại sao ông

đã không làm lễ cưới cho cô Luxia đáng thương ấy với người chồng chưa cưới của cô?

"Mẹ con nhà này đã trút hết bầu tâm sự sáng nay rồi đây", Đôn Apbôndiô nghĩ bụng và ấp úng đáp:

- Đức cha chắc hẳn cũng nghe nói đến những vụ lộn xộn đã xảy ra trong việc này, nó rắc rối đến nỗi thậm chí hôm nay ta vẫn chưa thể nhìn rõ chuyện, và Đức cha cũng có thể xét đoán qua tình hình là nếu cô gái này ở đây, sau bao nhiêu tai nạn, thì cứ như nhờ được phép màu, còn chàng trai sau nhiều tai nạn khác hiện vẫn không biết ở nơi nào.

- Ta hỏi, - Hồng y giáo chủ nói, - có thật trước khi xảy ra tất cả những sự kiện ấy ông đã từ chối không chịu làm lễ cưới vào ngày đã định như người ta đã đề nghị với ông không. Và vì với lí do gì?

- Quả thật... nếu như Đức cha bề trên biết... con đã phải nhận những lệnh truyền... những mệnh lệnh khủng khiếp đến như thế nào cấm con không được hỏi... - và ông ngừng lại, không nói hết câu, với cái vẻ cung kính gợi ý rằng muốn biết thêm nữa là thóc mách.

- Nhưng! - Hồng y giáo chủ nói, với một giọng nói và vẻ mặt nghiêm trang ít thấy ở ngài. - Đây là Đức giáo chủ của ông, vì bổn phận và cũng để biện bạch cho ông, muốn biết từ miệng ông xem tại sao ông đã không làm cái việc mà theo lệ thường ông có nhiệm vụ phải làm.

- Thưa Đức cha, - Đôn Apbôndiô nói, hết sức khúm núm, - tất nhiên con không muốn nói rằng... nhưng con thấy vì cái việc rối như mớ bòng bong này đã quá lâu và không phương cứu chữa cho nên có khuấy nó lên cũng chẳng được gì... Tuy nhiên, tuy nhiên.. con biết Đức cha không muốn làm hại một linh mục khốn khổ của người. Bởi vì như Đức cha thấy đấy,

thưa Đức cha, Đức cha không thể có mặt khắp nơi, còn con thì ở đây bị bỏ mặc cho... Tuy vậy nếu Đức cha ra lệnh, thì con sẽ nói, con sẽ nói hết.

- Ông nói đi: ta không mong muốn gì hơn được thấy ông vô tội.

Thế là Đôn Apbôndiô bắt đầu kể lại câu chuyện đau buồn của mình; nhưng ông giấu biệt cái tên chính trong chuyện bằng "một lãnh chúa đầy quyền thế", cố gắng khôn ngoan hết sức trong chừng mực một hoàn cảnh khó khăn như vậy có thể cho phép.

- Ông không còn lí do nào khác nữa chứ? - Hồng y giáo chủ hỏi khi Đôn Apbôndiô đã nói xong.

- Chẳng lẽ con trần tình như thế còn chưa đủ hay sao, - Đôn Apbôndiô đáp, - Người ta đã lấy án tử hình để ra lệnh cho con không được làm lễ cưới.

- Và ông cho rằng đó là lí do đầy đủ để miễn cho ông việc thi hành một bổn phận đã rõ ràng?

- Bổn phận của con, con vẫn luôn luôn cố gắng làm tròn, cho dù người đó có gây cho con những nỗi buồn phiền rất lớn, nhưng đây là vấn đề tính mạng của con người...

- Vậy khi ông trình diện trước Giáo hội, - Fêđêrigô với một giọng càng uy nghiêm hơn nữa, - để đảm nhận chức vụ này, thì Giáo hội có hứa đảm bảo tính mạng cho ông không? Giáo hội có nói với ông rằng những bổn phận gắn liền với những chức vụ này sẽ không vấp phải trở lực nào và tránh thoát được mọi nguy hiểm hay không? Phải chăng Giáo hội đã nói với ông rằng nguy hiểm bắt đầu ở đâu thì nghĩa vụ dừng ở đó? Lẽ nào Giáo hội đã không nói với ông chính cái điều ngược lại? Lẽ nào Giáo hội đã không báo trước với ông là giáo hội sẽ cử ông như con cừu đến giữa bày sói? Phải chăng ông không biết có những loại người bạo ngược có thể không thích những điều ông sẽ

được lệnh làm? Con người đã ban cho ta đạo lí và tấm gương, mà noi gương Người, chúng ta để cho người ta gọi mình, và chính chúng ta tự gọi mình là kẻ chăn dắt, khi Người xuống trần để thi hành chức vụ này, phải chăng người cũng đặt điều kiện là tính mạng phải an toàn? Và để cứu mạng sống, hoặc nói đúng hơn để giữ nó thêm vài ngày nữa trên trần thế, bằng cách giày đạp lên cả lòng nhân đức và nghĩa vụ, thì cần gì đến lễ xức dầu thánh, phép đặt tay và ân sủng của chức quyền linh mục? Để rèn cái tính ấy, để dạy thứ đạo lí ấy, thì cuộc đời thế tục là đủ rồi. Ta nói gì đây? Ôi ô nhục! Ngay cả cuộc đời thế tục cũng gạt bỏ cái thứ đạo lí ấy: cuộc đời thế tục cũng lập ra những luật lệ của nó quy định cả cái ác và cái thiện; nó cũng có giáo lí của nó, một giáo lí của thói kiêu ngạo và hằn thù; và nó không cho phép người ta nói rằng lòng yêu cuộc sống là cái cớ để vi phạm những giới điều của giáo lí ấy. Nó không cho phép, và mọi người phải phục tùng nó. Còn chúng ta đây thì sao? Những đứa con có trách nhiệm báo trước ngày cứu thế; Giáo hội sẽ ra sao nếu cái luận điệu của ông cũng là luận điệu của tất cả các bạn đồng sự của ông? Vị trí của Giáo hội ở đâu, nếu Giáo hội trình diện trong cuộc đời thế tục với những thứ đạo lí như thế?

Đôn Apbôndiô cúi gằm mặt xuống: đầu có ông bị ép giữa những lí lẽ ấy như con gà con nằm giữa móng vuốt con diều hâu xách nó lên một tầng không xa lạ, trong bầu không khí nó chưa bao giờ được thở. Tự thấy cũng phải đáp lại một điều gì đó, ông nói với vẻ phục tùng miễn cưỡng:

- Thưa Đức cha, chắc là con có lỗi. Khi mà tính mạng đã không đáng kể gì, thì con chẳng có gì nói nữa, nhưng khi ta có việc với một loại người nào đó, những người có thế lực lại không muốn nghe lẽ phải, con không biết nếu mình làm bộ

ngang tàng thì được cái gì. Vị lãnh chúa này là một trong những con người mà ta không thể thắng được, cũng không thể nói lời hơn lẽ thiệt với họ được.

- Vậy ra ông không biết rằng đối với chúng ta thì chịu đau khổ vì chính nghĩa là chiến thắng đấy hay sao? Và nếu đã không biết điều đó, thì ông thuyết giáo cái gì? Ông dạy dỗ người ta cái gì? Cái tin lành[1] mà ông báo cho những người nghèo khổ biết là tin gì vậy? Có ai đòi hỏi ông phải chiến thắng sức mạnh bằng sức mạnh đâu? Tất nhiên một ngày kia người ta sẽ không hỏi ông có biết kéo những kẻ quyền thế với bổn phận của họ không, bởi vì ông không hề được giao nhiệm vụ và cả phương tiện để làm việc ấy. Nhưng người ta sẽ hỏi ông có sử dụng những phương tiện có trong tay ông để làm những điều đã được quy định cho ông không, cho dù những kẻ ấy đã dám táo tợn ngăn cản ông làm điều đó.

"Ngay cả những ông thánh ấy cũng kì quặc thật? - Lúc này Đôn Apbôndiô thầm nghĩ. - Thật ra, nguồn gốc sâu xa của chuyện ngày là ngài quan tâm đến cuộc tình duyên của đôi trai gái là hơn tính mạng một linh mục khốn khổ". Còn về phía ông, Đôn Apbôndiô hẳn rất vui lòng nếu cuộc trò chuyện chấm dứt ở đây; nhưng ông thấy Hồng y giáo chủ, cứ mỗi lần ngừng lời, lại có thái độ của người đang chờ đợi một lời đáp lại, một sự thú nhận, một lời biện bạch, tóm lại là một cái gì đó.

- Con nhắc lại, thưa Đức cha. - Ông bèn đáp, - Chắc hẳn con có lỗi... Về lòng can đảm, không ai có thể tự ban cho mình được.

- Thế thì tại sao, ta có thể nói với ông thế này, ông lại dấn

---

[1] Ám chỉ nghĩa đúng từng chữ của từ "evangile" (sách Phúc âm) có nghĩa là: tin lành.

thân vào một chức phận nó đòi hỏi ông phải luôn luôn đấu tranh với những dục vọng của cuộc đời? Nhưng làm thế nào, ta nói thế này thì hơn, làm thế nào ông lại quên rằng: nếu trong chức phận ấy, dù ông đã được đặt vào đó bằng cách nào đi nữa ông cần có lòng can đảm để làm tròn bổn phận của mình, thì đã có Người cũng ban lòng can đảm ấy cho ông nếu như ông hỏi đến Người? Ông tưởng rằng hàng triệu người tuân giáo tất cả sinh ra đã có lòng can đảm? Và họ không biết quý cuộc đời họ chăng? Biết bao chàng trai trẻ mới bắt đầu nếm mùi cuộc sống, biết bao người già vẫn thường tiếc cho cuộc đời mình sắp đến lúc chấm dứt, biết bao cô gái, biết bao người vợ biết bao bà mẹ? Tất cả họ đều can đảm, bởi vì lòng can đảm cần cho họ và bởi vì họ có lòng tin. Đã biết chỗ yếu của mình và bổn phận của mình, ông có nghĩ đến việc chuẩn bị đón nhận những hoàn cảnh khó khăn mà mình có thể rơi vào, và quả thật ông đã rơi vào rồi không? Ôi! Nếu trong bao năm làm nhiệm vụ người chăn dắt, ông biết thương yêu đàn cừu của ông (và làm sao ông lại không thương yêu họ được), nếu ông đã hiến cho họ tất cả tấm lòng ông, sự chăm sóc của ông, những niềm vui lớn nhất của ông, thì ông không thể nào thiếu lòng can đảm vào lúc cần có: tình yêu không biết sợ. Thế thì, nếu ông yêu thương họ, những con người mà ông đã được giao phó để săn sóc phần hồn, những con người mà ông gọi là con, thì khi ông thấy hai người trong số đó bị đe dọa cùng với ông, chà, chắc chắn là nếu sự yếu đuối của xác thịt đã khiến ông run sợ cho bản thân mình thế nào thì lòng từ bi cũng khiến ông run sợ cho họ như thế. Ông đáng lẽ phải tự thấy xấu hổ vì đã có nỗi sợ đầu tiên ấy, vì nó là kết quả của sự hèn yếu của ông; ông đáng lẽ phải cầu xin sức mạnh để chiến thắng nỗi sợ ấy, để xua đuổi, gạt bỏ nó, vì đó là một sự cám dỗ;

nhưng còn nỗi sợ thần thánh và cao cả vì người khác, vì các con ông, nỗi sợ này đáng lẽ ông đã phải nghe theo nó, nỗi sợ này đáng lẽ không để được ông yên, đáng lẽ nó thúc đẩy ông, bắt ông phải nghĩ, phải làm với tất cả sức mình để gạt bỏ cái tai nạn đang treo trên đầu họ... Nỗi sợ ấy, tình yêu ấy đã gợi ý cho ông được cái gì? Ông đã làm gì cho họ? Ông đã suy nghĩ những gì?

Và ngài im lặng, qua thái độ cho thấy là ngài đang đợi câu trả lời.

Chương hai mươi sáu

Trước một câu hỏi như thế, Đôn Apbôndiô, mặc dầu đã khôn ngoan trả lời đôi điều vào những câu hỏi không thật xác định, cũng không nói được nửa lời. Nói cho đúng thì ngay cả chúng tôi, ngồi trước bản thảo này với cây bút trong tay, mặc dầu chúng tôi chỉ phải vật lộn với những câu văn và không còn sợ gì khác ngoài lời phê bình của bạn đọc, ngay cả chúng tôi xin nhắc lại, chúng tôi cũng cảm thấy phần nào sượng sùng khi phải tiếp tục cuộc đàm thoại này? Chúng tôi thấy hơi kì cục cái việc phô trương một cách dễ dãi biết bao lời giáo huấn đẹp đẽ về sức mạnh tâm hồn và lòng từ thiện, về sự quan tâm tích cực đến người khác, về tinh thần hi sinh không bờ bến bản thân mình. Nhưng khi nghĩ rằng điều đó được nói ra ở một người mà lời nói đi đôi với việc làm, chúng tôi lại mạnh dạn tiếp tục.

- Ông không trả lời ư?- Hồng y giáo chủ lại nói. - Ôi, ví thử về phần ông, ông đã làm những gì mà lòng từ bi và nghĩa vụ đòi hỏi, cho dù sau đó có thể xảy ra chuyện gì với ông đi nữa, thì bây giờ ông không thiếu những lời đáp lại. Nào, tự ông hãy thử xem ông đã làm gì. Ông đã phục tùng sự bất công, không đếm xỉa đến những gì phải làm theo nghĩa vụ. Ông đã phục

tùng nó răm rắp: nó đã đến gặp ông để tuyên bố với ông ý muốn của nó: nhưng nó lại muốn giấu mình với những người có thể tự vệ chống lại nó và cảnh giác đề phòng nó; nó sợ tai tiếng và muốn bí mật, để tha hồ suy tính những mưu ma chước quỷ và những hành vi bạo ngược. Nó đã ra lệnh cho ông vi phạm nghĩa vụ và bắt ông phải im hơi lặng tiếng: và thế là ông vi phạm nghĩa vụ và im thin thít. Bây giờ ta hỏi ông, hỏi chính ông, ông có còn làm điều gì khác nữa không: ông hãy cho ta biết có phải ông đã kiếm cớ chối từ để không nói ra nguyên do thật của việc chối từ? - Đến đây, ngài dừng lại một chút và lại đợi trả lời.

"Lại một chuyện nữa do mấy con mụ béo bép xép đã mách lẻo với ngài", - Đôn Apbôndiô nghĩ; nhưng vì ông ta có vẻ không có điều gì muốn nói, Hồng y giáo chủ lại tiếp tục.

- Nếu quả thật ông đã nói với những đứa con đáng thương kia những điều không có, để giam hãm họ trong sự dốt nát, sự ngu tối, như sự bất công mong muốn... Thế thì ta phải tin rằng ông làm việc ấy thật: thế thì ta chỉ còn biết hổ thẹn cùng ông, và hi vọng ông sẽ cùng ta hối hận về chuyện đó. Ông đã thấy sự lo sợ cho một cuộc sống rồi, phải chấm dứt đã dẫn ông đến đâu chứ (lạy Chúa từ bi! Vậy mà vừa rồi ông còn nêu sự lo sợ ấy lên làm cớ biện bạch cho mình!). Nó đã dẫn ông đến... ông cứ tha hồ bác bỏ những lời của ta nếu ông thấy không đúng và hãy nhận lấy như một sự sỉ nhục bổ ích nếu nó đúng... Cái sự lo sợ ấy đã dẫn ông ấy chỗ đánh lừa kẻ yếu, nói dối những đứa con ông.

"Có thế mà hóa ra to chuyện", - Đôn Apbôndiô lại nghĩ bụng, - "với con quỷ kia", - ông nghĩ tới *Người Vô Danh,* - "thì người ta ôm chầm lấy; còn với ta chỉ vì một lời nói dối cỏn con không với mục đích nào khác để cứu mạng mình thì người ta

làm ầm lên như thế. Nhưng đây là bề trên của ta; bao giờ họ chẳng phải. Cái số ta nó thế, cứ phải chịu cho tất cả mọi người làm tình làm tội, thậm chí cả các vị thánh". Và ông nói to:

- Con có lỗi, con hiểu là con đã có lỗi, nhưng con phải làm gì trong một hoàn cảnh khó khăn đến thế?

- Ông lại còn hỏi nữa ư? Ta chẳng đã nói với ông rồi đó sao? Và ta có cần phải nói điều ấy với ông không? Thương yêu, con ạ, thương yêu và cầu nguyện. Lúc ấy, ông sẽ cảm thấy rằng kẻ bất công có thể đe dọa có thể dở vũ lực, nhưng không thể ra lệnh. Ông sẽ đoàn tụ lại theo luật của Chúa những gì mà con người muốn chia lìa; ông sẽ ban cho những kẻ vô tội đáng thương kia cái nghi lễ mà họ có quyền đòi hỏi ở ông: còn hậu quả thì Chúa sẽ chịu trách nhiệm, vì ông đã đi theo con đường của Chúa; nhưng vì ông đã đi theo con đường khác, chính ông phải gánh lấy hậu quả, và hậu quả ghê gớm biết chừng nào! Nhưng ông có dám chắc rằng ông đã thật sự vô kế khả thi không? Có dám chắc rằng cho dù có muốn nhìn khắp quanh mình, muốn suy nghĩ, muốn tìm tòi cũng không thể có lối thoát nào không? Giờ đây ông hẳn biết là đôi trai gái khốn khổ của ông một khi đã cưới nhau sẽ tự nghĩ lấy cách thoát thân, họ sẵn sàng trốn đi xa cho khuất mắt con người quyền thế ấy, và họ đã trù tính cả nơi ẩn náu của họ rồi. Nhưng cho dù không có điều đó, thì có lúc nào ông nghĩ rằng dẫu sao ông cũng còn một đấng bề trên không? Và đấng bề trên ấy làm sao có thể có quyền trách mắng ông không làm tròn nhiệm vụ, nếu như ông ta không nhận lấy trách nhiệm giúp ông làm tròn nhiệm vụ ấy? Tại sao ông không nghĩ đến việc báo cho đức giám mục của ông biết cái trở ngại do một kẻ cường bạo đê hèn đã ngăn cản của ông thi hành chức phận mình?

"Đúng là mụ Pecpêchuya", Đôn Apbôndiô bực tức nghĩ,

giữa tất cả những lời giảng giải ấy ông vẫn luôn luôn nhìn thấy trước mắt mình, rõ ràng hơn tất cả, hình ảnh hai tên *lâu la* nọ, và luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng Đôn Rôđrigô vẫn còn sống và khỏe như vâm, và một ngày nào đó hắn sẽ trở về hiển hách, đắc thắng, và nhất là giận dữ. Và mặc dầu chức vị của người ngồi trước mặt ông, cùng vẻ mặt và lời nói của ngài khiến ông phải bối rối và ít nhiều sợ hãi, tuy vậy cái sợ ấy cũng không hoàn toàn chi phối ông và không ngăn được ông nghĩ khác đi: bởi vì trong ý nghĩ ấy có một điều là rốt cuộc thì Hồng y giáo chủ cũng không dùng đến súng, gươm hay bọn lâu la.

- Làm thế nào mà ông không nghĩ rằng, - Hồng y giáo chủ nói tiếp, - nếu như không còn nơi ẩn náu nào khác cho những kẻ vô tội bị hành hạ ấy thì đã có ta, ta đây, ta sẵn sàng đón nhận họ, bảo đảm an toàn cho họ, nếu như ông gửi họ đến cho ta, nếu như ông gửi những kẻ khốn khổ bị ruồng bỏ đến cho một giám mục xem như đó là tài sản của ngài, và một phần quý báu ta không nói của gánh nặng mà của những của cải của ngài? Còn ông, thì ta sẽ phải vì ông mà lo lắng; ta không thể ngủ yên chừng nào chưa thật chắc chắn rằng không kẻ nào dám đụng đến ông. Chẳng lẽ ta không biết hoặc làm thế nào, hoặc gửi ông đến đâu, để bảo đảm cuộc sống an toàn cho ông? Mà cái người hết sức táo tợn kia, ông tưởng hắn không phải nhụt bớt đi hay sao, khi hắn biết là những mưu mô của hắn đã thành tai tiếng ra cả ngoài vùng này, và đã đến tai ta, và ta đã để tâm, và ta đã nhất quyết bảo vệ ông bằng tất cả mọi phương tiện ta có? Chẳng lẽ ông không biết rằng nếu một người rất hay hứa hẹn quá mức hắn có thể làm được, thì cũng thường khi những sự đe dọa của hắn có vẻ ghê gớm hơn khả năng thực hiện thật sự của hắn? Chẳng lẽ ông không biết rằng

sự bất công không chỉ dựa vào sức mạnh của bản thân nó, mà còn dựa vào sự dễ tin và khiếp sợ của những kẻ khác?

"Thật đúng hệt những lí lẽ của mụ Pecpêchuya" Đôn Apbôndiô lại nghĩ, mà không thấy rằng sự nhất trí ấy giữa mụ hầu của ông với Fêđêrigô Bôrômêô về những gì đáng lẽ ông có thể làm và phải làm chính là một sự kết tội chẳng nhẹ nhàng chút nào đối với ông.

- Nhưng mà ông, - Hồng y giáo chủ kết luận, - ông chỉ nhìn thấy, ông chỉ muốn nhìn thấy cái tai nạn nhất thời của ông thôi; trách gì đối với ông nó có vẻ to lớn đến nỗi để cố tránh nó ông xem thường tất cả mọi cái khác?

- Đó là vì chính con đã trông thấy chúng, trông thấy những bộ mặt ấy, - Đôn Apbôndiô buột miệng nói, - chính con đã nghe những lời nói của chúng. Đức cha nói với chúng, nhưng Đức cha cứ thử đặt mình vào địa vị một linh mục khốn khổ và ở trong tình cảnh như thế xem...

Ông chưa kịp nói hết những lời ấy đã vội cắn răng lại; ông tự thấy đã để sự bực tức kéo mình đi quá xa, và nghĩ bụng: "Bây giờ thì sấm sét đổ xuống đầu ta". Nhưng khi ngước con mắt e sợ lên, ông hết sức ngạc nhiên nhìn khuôn mặt của con người ấy mà ông không bao giờ có thể đoán nổi và hiểu nổi, khuôn mặt đang từ vẻ trang nghiêm đầy quyền uy và trách móc chuyển sang một vẻ trang nghiêm buồn bã và tư lự.

- Sự thật quả là như thế! - Fêđêrigô nói, - cái địa vị đáng thương, cái địa vị khủng khiếp của chúng ta là như vậy. Chúng ta phải đòi hỏi nghiêm khắc ở người khác những điều mà có lẽ bản thân chúng ta không sẵn sàng làm: chúng ta phải phán xét, sửa chữa trách mắng, và có trời biết bản thân chúng ta trong trường hợp ấy sẽ làm gì, và ta đã từng làm gì trong những trường hợp tương tự! Nhưng khốn nạn cho tôi.

Nếu tôi phải lấy sự yếu đuối của mình làm giới hạn cho bổn phận người khác, làm khuôn phép cho những lời dạy bảo của tôi! Thế nhưng nhất định là, đồng thời với giáo lí, tôi phải nêu gương cho mọi người, và không thể làm nhà đạo đức sách vở bắt người khác è cổ ra vác những gánh nặng họ không vác nổi, còn bản thân mình thì không thèm đụng đến một ngón tay. Thế thì, hỡi con ta, hỡi người anh em của ta, bởi vì sai lầm của những kẻ cầm quyền thường được người khác biết rõ hơn là bản thân họ tự biết mình, cho nên nếu ông biết là ta đã chút nào sao lãng trách nhiệm vì nhát sợ, hoặc vì lí do nào đó, thì ông cứ nói thẳng với ta, sửa chữa cho ta; để làm sao ở điểm nào ta không nêu giương được thì thay vào đó cũng phải thú lỗi. Ông cứ thẳng thắn trách ta về những sự yếu đuối của ta đi; như thế những lời từ miệng ta nói ra sẽ có sức nặng hơn, bởi vì ông sẽ cảm thấy rõ hơn rằng đó không phải là lời của ta, mà là lời của Người có thể ban cho ông và cho ta sức mạnh cần thiết để thực hiện điều mà những lời ấy phóng truyền.

"Ôi! Thật là một bậc thánh nhân! Nhưng ngài tự dằn vặt mới đau khổ làm sao! - Đôn Apbôndiô nghĩ. - Ngay cả đối với bản thân mình ngài cũng cứ phải đào xới, khuấy động, chỉ trích, tra xét như một quan tòa; ngay cả với bản thân mình". Rồi ông nói to lên:

- Ôi! Đức cha nói đùa đấy ạ? Còn ai không biết lòng can đảm và nhiệt tình không gì lay chuyển nổi của Đức cha? - Và ông nghĩ thầm trong bụng: "Phải và còn quá nữa là đằng khác".

- Ta không yêu cầu ông một lời khen làm ta phải run lên, - Fêđêrigô nói, - bởi vì Chúa biết những lỗi lầm của ta, và tự bản thân ta biết những lỗi lầm ấy cũng đủ làm ta phải xấu hổ rồi. Nhưng ta hằng muốn và giờ đây ta những muốn chúng ta cùng quy phục trước Người, để cùng đặt niềm hi vọng ở người.

Vì tình thương yêu đối với ông, ta muốn ông phải hiểu rằng hành vi của ông trước đây đối lập biết chừng nào, và lời nói của ông giờ đây vẫn còn đối lập biết chừng nào với phép tắc mà chính ông thuyết giáo và căn cứ theo phép tắc ấy mà ông sẽ bị xét xử.

- Thế bao nhiêu tội lỗi đổ lên đầu con ạ, - Đôn Apbôndiô nói, - nhưng chẳng lẽ những người kia đến báo cáo việc này với Đức cha đã không nói là họ tìm cách lừa gạt để chui vào nhà con, để bất thình lình bắt gặp con, và để làm lễ cưới trái phép?

- Họ đã nói với ta, con ạ; nhưng cái điều khiến ta buồn phiền, khiến ta đau khổ là ông vẫn còn muốn bào chữa cho mình; ông vẫn còn tưởng đến việc bào chữa cho mình bằng cách kết tội người khác; và ông lấy cớ kết tội ở cái điều đáng lẽ phải là một phần sự sám hối của ông. Vậy ai đã đặt họ, ta không nói trước sự cần thiết, nhưng trước sự cám dỗ đi làm cái việc họ đã làm? Họ đi tìm con đường trái phép ấy làm gì, nếu con đường hợp pháp đã mở ra cho họ? Và liệu họ có nghĩ đến việc lừa gạt ông linh mục của họ không, nếu ông đã đón nhận họ trong vòng tay của mình, đã giúp đỡ, đã khuyên bảo họ? Chẳng lẽ họ đi bắt chộp ông ta khi ông ta không trốn họ? Vậy mà bây giờ chính ông lại muốn kết tội họ? Và ông còn bất bình vì nỗi, sau bao nhiêu tai nạn, - ta nói sao nhỉ, - Chính là ngay giữa cơn hoạn nạn, họ đã nói đôi lời để thổ lộ nỗi lòng với người chăn dắt họ, với người chăn dắt ông? Kẻ bị ức hiếp phải kêu cứu, kẻ khổ cực phải than phiền cái đó dù người đời có thấy là đáng ghét thì cuộc đời vẫn như vậy. Nhưng còn chúng ta thì sao? Nếu họ im lặng thì ông được lợi gì? Ông sẽ được gì nếu vụ kiện của họ được trình đầy đủ trước sự phán xử của Chúa? Đối với ông đây chẳng phải là lí do nữa để thương yêu những người ấy hay sao (và ông đã có bao nhiêu lí do để

thương yêu họ rồi), vì họ đã cho ông cơ hội để nghe tiếng nói chân thành của đức giáo chủ của ông, vì họ đã cho ông một phương tiện để biết rõ hơn và chuộc lại phần nào món nợ to lớn mà ông đã mất với họ? Ôi! Ví thử như họ đã khiêu khích ông, nhục mạ ông, hành hạ ông, thì ta vẫn sẽ bảo ông (và ta có cần phải bảo ông điều đó không?) rằng chính vì thế mà ông cứ phải thương yêu họ. Ông hãy thương yêu vì họ đã đau khổ, vì họ đang đau khổ, vì họ là người của ông, vì họ yếu đuối, vì ông cần được xá tội và để nhận được xá tội ấy thì ông thử nghĩ xem, lời cầu nguyện của họ có thể có sức mạnh biết chừng nào.

Đôn Apbôndiô im lặng; nhưng đó không phải là sự im lặng miễn cưỡng và sốt ruột như trước: ông im lặng bởi vì ông cần suy nghĩ hơn là nói. Những lời ông được nghe là kết quả bất ngờ, là sự vận dụng mới của một đạo lí tuy vậy đã có từ lâu trong lòng ông mà ông không phản đối. Nỗi khổ của người khác, mà xưa nay ông không thông cảm được vì quá sợ hãi cho nỗi khổ của bản thân mình, giờ đây gây cho ông một xúc động hoàn toàn mới mẻ. Và nếu như ông không cảm thấy đầy đủ tất cả sự hối hận mà bài thuyết pháp muốn đem lại (bởi vì nỗi sợ kia vẫn còn canh cánh với vai trò làm thầy cãi cho ông) thì tuy vậy ông cũng đã cảm thấy hối hận; ông cảm thấy không vừa lòng với bản thân mình, thương xót người khác, trong ông lẫn lộn cả tình thương yêu và sự ngượng ngùng. Ông cũng giống như, nếu chúng tôi được phép so sánh, ngòi bấc làm dẹt của một cây nến, khi đưa vào ngọn lửa của một bó đuốc lớn nó bắt đầu bốc khói, tóe tia lửa và kêu lách tách, và chỉ có thế thôi; nhưng cuối cùng nó cũng bén lửa và dù thế nào thì cũng là bốc cháy. Ông hẳn sẽ công khai thú nhận lỗi lầm của mình, ông hẳn sẽ khóc lóc, nếu như không còn lớn vởn cái ý nghĩ về Đôn Rôđrigô; nhưng dẫu sao sự xúc động của ông vẫn đủ để Hồng y

giáo chủ có thể nhận thấy rằng những lời nói của ngài không phải là vô ích.

- Giờ đây, - giáo chủ nói tiếp, - một người đã chạy trốn khỏi nhà mình, người kia cũng sắp bỏ nhà ra đi, cả hai đều có những duyên cớ nghiêm trọng để phải sống xa nhà, không chút hi vọng đến ngày nào có thể sum họp tại đây, và chỉ còn biết trông chờ ở Chúa sẽ cho họ sum họp nơi khác: giờ đây, khốn thay, họ không cần đến ông nữa: và khốn thay, ông không còn cơ hội giúp đỡ họ, và tầm mắt có hạn của chúng ta cũng không thấy được một cơ hội nào về sau này. Nhưng biết đâu Chúa từ bi chẳng đang chuẩn bị cho ông một cơ hội như thế? Chà, ông đừng lỡ cơ hội ấy! Ông hãy tìm kiếm nó, hãy chăm chú theo dõi nó, hãy cầu Chúa để Người ban nó cho ông.

- Con sẽ không bỏ lỡ cơ hội ấy, thưa Đức cha, nhất định con không bỏ lỡ cơ hội ấy, Đôn Apbôndiô đáp, với một giọng lúc này quả thật xuất phát tự đáy lòng.

- Phải lắm, hỡi con, phải lắm! - Fêđêrigô kêu lên: và với vẻ nghiêm trang đầy tình âu yếm, ngài kết luận: - Có Chúa biết có lẽ tôi muốn nói với ông một câu chuyện hoàn toàn khác hẳn. Cả hai chúng ta đều đã sống nhiều rồi: Chúa hiểu cho tôi khổ tâm biết chừng nào vì đã buộc phải đem lời trách móc làm cho mái đầu bạc của ông phải buồn phiền, và lẽ ra tôi muốn chúng mình cùng an ủi về những mối lo chung, về những nỗi phiền muộn của mỗi người, cùng nói chuyện đền niềm hi vọng cực lạc mà giờ đây chúng mình cũng đã gần đạt tới. Cầu trời cho những lời mà tuy vậy tôi đã buộc phải nói với ông đều có lợi cho cả ông và cả tôi. Ông hãy làm sao để đến ngày phán xét cuối cùng tôi không phải báo cáo trước Chúa rằng tôi đã giữ ông trong một chức vụ mà ông đã làm hỏng một cách thảm hại đến thế. Ta hãy chuộc lại thời gian đã mất: sắp tới nửa đêm

rồi, Chúa không cho trì hoãn, hãy giữ những ngọn đèn của chúng ta cháy sáng. Ta hãy trình lên Chúa những trái tim khổ hạnh và trống rỗng của chúng ta, để Người vui lòng lấp đầy những trái tim ấy bằng một lòng từ bi có thể đền bù lại quá khứ, bảo đảm cho tương lai, lòng từ bi biết sợ hãi và hi vọng, than khóc và vui mừng một cách anh minh; lòng từ bi trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng trở thành đức tính mà chúng ta cần có.

Nói xong ngài đứng lên, và Đôn Apbôndiô đã theo sau ngài.

Đến đây vị tác giả vô danh của chúng ta cho biết đó không phải là cuộc trò chuyện duy nhất của hai người, và Luxia cũng không phải là đề tài duy nhất trong những lần trò chuyện của họ; nhưng ông chỉ hạn chế trong cuộc trò chuyện này để không đi xa đề tài chính của câu chuyện. Và cũng vì lí do ấy, ông sẽ không ghi lại những điều đáng chú ý khác nữa mà ngài đã dẹp yên, những mối thù lâu đời giữa người này người nọ, gia đình này gia đình kia, giữa cả làng này với làng khác mà ngài đã có thể giập tắt hoặc (chao ôi, đây lại là điều thường thấy nhất) chỉ có thể làm nguôi đi, một kẻ cường đạo hoặc một tên bạo chúa nhỏ mà ngài đã cảm hóa được suốt đời hoặc trong thời gian; tất cả những điều vẫn thường ít nhiều xảy ra ở mỗi nơi trong giáo phận mà con người tuyệt vời này lưu lại một đôi ngày.

Tiếp đó vị tác giả của chúng ta cho biết là sáng hôm sau bà Đônna Praxet đến, như đã hẹn ước, để tìm Luxia và chào Hồng y giáo chủ, ngài tỏ lời khen ngợi cô gái và nhiệt tình giới thiệu cô với phu nhân. Luxia từ giã mẹ, các bạn có thể tưởng tượng với biết bao nước mắt, và ra khỏi ngôi ngà nhỏ bé của mình. Cô lại từ biệt làng quê lần thứ hai với nỗi cay đắng gấp đôi mà người ta cảm thấy khi rời bỏ nơi duy nhất thân yêu của

mình và từ nay không thể là của mình nữa. Nhưng những lời giã biệt của cô với mẹ không phải là lời cuối cùng, phu nhân Đônna Praxet đã nói là phu nhân còn bà Anhedơ lại hẹn với con gái sẽ đến thăm cô để cùng chia tay với cô một lần nữa đau đớn hơn.

Hồng y giáo chủ đang chuẩn bị tiếp tục cuộc kinh lí của mình, thì ông linh mục xứ đạo nơi có lâu đài *Người Vô Danh* đến xin yết kiến ngài. Vừa được đưa vào, ông trình ngay giáo chủ một túi bạc và một bức thư của vị lãnh chúa ấy, trong thư vị lãnh chúa có nhờ giáo chủ nói với bà mẹ Luxia nhận cho một trăm đồng ê-quy vàng, làm của hồi môn cho con gái hoặc để dùng vào bất cứ việc gì mà họ thấy tốt nhất. Ông cũng nhờ giáo chủ nói với họ rằng nếu sau này bất cứ lúc nào họ thấy ông có thể giúp họ một việc gì - cô gái đáng thương vốn đã biết quá rõ nơi ở - thì đó sẽ là một hạnh phúc lớn đối với ông, nhưng trong những điều mà ông ao ước nhất.

Hồng y giáo chủ cho gọi ngay bà Anhedơ tới, chuyển lại lời đề nghị của *Người Vô Danh*, mà bà nghe với biết bao vui thích và kinh ngạc; và bác cầm cuộn tiền ngài đưa cho bà, chẳng hề khách sáo.

- Cầu Chúa đền ơn cho ông ta, cho vị lãnh chúa ấy, - bà nói, - xin Đức cha chuyển giúp con vô vàn lần cám ơn ông. Và Đức cha đừng nói gì với ai cả, vì chúng con đang ở trong một làng... con xin lỗi, Đức cha cũng thấy đấy, con biết rõ là một người như Đức cha sẽ không bàn tán những chuyện như thế này, nhưng... Đức cha hiểu cho con.

Bà lẳng lặng trở về nhà, đóng cửa buồng lại, cởi cuộn tiền, và mặc dầu đã biết trước rồi, bà vẫn say sưa ngắm đống tiền ấy tất cả là của bà, tất cả những đồng tiền vàng mà có lẽ chưa bao giờ bà được nhìn thấy nhiều hơn một đồng ngay trong một

lúc, hơn nữa cũng ít khi được thấy. Bà đếm tiền, rồi xếp đồng này trên đồng kia, nhưng bà chật vật không giữ được chúng thành cột, vì chốc chốc cuộn tiền lại đổ ra tung tóe và những đồng tiền tuột khỏi những ngón tay vụng về của bà; cuối cùng bà cũng cố xếp lại được, bọc cuộn tiền trong một mảnh vải, làm thành một gói, một thứ thỏi tròn quấn dây chằng chịt, rồi bà giấu nó trong một góc dưới nệm rơm của bà. Trong suốt thời gian còn lại ngày hôm ấy, đầu có bà chỉ quẩn quanh với những mơ tưởng, những dự định tương lại, và nóng lòng chờ đợi ngày hôm sau. Nằm trên giường, bà trằn trọc mãi không ngủ được, chỉ nghĩ đến một trăm đồng tiền vàng đang để bên dưới mình; vừa ngủ thiếp đi, bà lại mơ thấy nó. Rạng sáng bà thức dậy và đến ngay thái ấp Luxia ở.

Về phía mình, mặc dầu Luxia vẫn không hề giảm bớt nỗi ghê tởm phải nói đến lời thề nguyền cua mình, nhưng cô quyết tâm sẽ có sức thổ lộ điều ấy với mẹ trong lần trò chuyện này, có thể xem là lần cuối không biết bao giờ gặp lại.

Khi chỉ còn hai người với nhau, bà Anhedơ khai mào ngay với một vẻ sôi nổi, nhưng hạ thấp giọng, có người nào đứng đấy mà không muốn cho nghe thấy:

- Mẹ có chuyện này quan trọng muốn nói với con - và bà kể lại với cô món lợi trời cho thật là bất ngờ.

- Cầu Chúa ban phước cho vị lãnh chúa ấy, - Luxia nói, - bây giờ thì mẹ sống đàng hoàng rồi, thậm chí còn có thể làm phúc cho người khác nữa.

- Con nói sao? - Bà Anhedơ đáp, - con không thấy tất cả những gì chúng ta có thể làm được với chừng này tiền ư? Con nghe đây: mẹ chỉ còn có con, có hai con, mẹ có thể nói như vậy; bởi vì từ khi Rendô bắt đầu ngỏ lời với con, mẹ vẫn luôn luôn xem nó như con trai của mẹ. Chỉ cốt sao cho nó đừng mang tai

mắc họa, bởi vì chẳng bao giờ thấy nó nhắn tin gì về cả. Nhưng sao! Chẳng lẽ mọi chuyện trên đời đều hỏng cả? Không, chúng ta hi vọng không phải thế. Với mẹ, mẹ chỉ muốn được gửi nắm xương tàn nơi quê cha đất tổ, nhưng bây giờ khi con không thể ở đó được nữa, vì cái thằng kẻ cướp kia, mà thậm chí chỉ cần nghĩ đến cái người ấy ở gần mẹ, thì chính làng quê mình của mẹ cũng lại thành đáng ghét: nhưng với hai con thì mẹ có thể ở bất cứ nơi nào. Từ buổi hoạn nạn của chúng ta, mẹ đã sẵn sàng đi theo các con đến tận cùng trời cuối đất, và trước sau lòng mẹ vẫn không thay đổi. Nhưng làm gì được nếu không có tiền? Bây giờ thì con hiểu rồi chứ? Mấy đồng tiền ít ỏi của chàng trai đáng thương kia nhịn ăn nhịn mặc để dành, bọn sai nha đã ập đến và vơ vét sạch sành sanh; nhưng để bù lại, chính là Chúa đã ban phúc cho ta. Vậy thời, bao giờ Rendô tìm được cách báo tin về là nó còn sống, ở đâu, và định làm gì, thì chính mẹ sẽ đến tìm con ở Milăng: phải, chính mẹ, mẹ sẽ đến tìm con. Trước kia, việc này đối với mẹ có lẽ chẳng kém gì một quốc gia đại sự, nhưng hoạn nạn làm người ta tinh khôn lên; mẹ đã đến tận Mônda, và mẹ biết thế nào là đi xa. Mẹ sẽ đem theo một người chắc chắn, một người thân thích, chẳng hạn cậu Alexiô ở Magianicô: bởi vì, nói thật ra, trong làng ta không có người nào chắc chắn; mẹ sẽ cùng đi với cậu, và tất nhiên là chúng ta chịu mọi chi phí, và... con hiểu chứ?

Nhưng thấy Luxia đáng lẽ tươi tỉnh lên lại tỏ ra buồn bã và chỉ biểu lộ một vẻ âu yếm u sầu, bà ngừng lời và hỏi:

- Kìa, con làm sao thế? Con không đồng ý như vậy à?

- Ôi mẹ đáng thương của con! - Luxia kêu lên, ôm cầm lấy bà Anhedơ và giấu mặt mình trong ngực mẹ.

- Cái gì thế này? - Bà Anhedơ lại lo ngại hỏi.

- Lẽ ra con phải nói với mẹ từ trước, - Luxia ngẩng mặt lên và chùi nước mắt đáp, - nhưng không bao giờ con đủ can đảm cả: xin mẹ thương con.

- Thế thì nói đi.

- Con không thể làm vợ chàng trai đáng thương ấy nữa.

- Thế nào? Sao thế?

Luxia đầu gục xuống, giọng nghẹn ngào, những giọt nước mắt âm thầm nhỏ xuống như khi người ta kể lại một điều gì dù đau đớn đến mấy cũng không thể thay đổi được nữa, thổ lộ với mẹ việc thề nguyền; đồng thời cô chắp tay xin lỗi mẹ lần nữa vì đã không nói từ trước, và xin mẹ đừng kể chuyện này với bất cứ ai, và giúp cô giữ lời thề nguyền của mình.

Bà Anhedơ sửng sốt đến bàng hoàng. Bà muốn giận dỗi vì con gái lâu nay kín tiếng với bà, nhưng sự kiện nghiêm trọng này đã át nỗi phiền muộn riêng của bà; bà muốn nói: con đã làm cái trò gì vậy? Nhưng bà thấy làm thế có vẻ như oán cả trời: hơn nữa Luxia bắt đầu tả lại một cách xúc động hơn bao giờ hết tình cảnh cô đêm ấy, nỗi tuyệt vọng sâu sắc khi cô tuyên bố lời thề nguyền của mình thật rõ ràng và long trọng và sự giải phóng hết sức bất ngờ của cô diễn ra sau đó. Trong khi cô nói, bà Anhedơ nhớ lại trường hợp này trường hợp nọ bà đã nghe kể nhiều lần, và bản thân bà cũng đã kể cho con gái, về những hình phạt thật kì lạ và khủng khiếp đối với những kẻ phản bội lời thề. Cho nên bà dường như chết điếng đi một lúc, rồi nói với cô:

- Thế bây giờ con định làm gì?

- Bây giờ, - Luxia đáp, - Chúa lo cho con, Chúa và Đức Mẹ. Con đã phó mặc cho Người: cho đến nay Người đã không bỏ con: bây giờ Người cũng sẽ không bỏ con... Ân huệ mà con cầu xin ở Chúa, ân huệ duy nhất sau sự cứu vớt linh hồn con, đó là

Người cho con trở về với mẹ: và Người sẽ ban cho con ân huệ ấy, phải, Người sẽ ban cho con. Mới hôm nào... trong chiếc xe ấy, ôi, Đức mẹ Đồng Trinh chí thánh!... Những con người ấy... có ai ngờ họ lại dẫn con đến một người chỉ ngày hôm sau đã đưa con về với mẹ?

- Vậy mà mày không nói ngay cho mẹ mày biết! - bà Anhedơ nói với một chút hờn giận được dịu đi vì tình âu yếm và tình thương xót.

- Xin mẹ thương con: con không đủ can đảm... vả chăng làm đau lòng mẹ sớm hơn một chút thì được gì?

- Còn Rendô thì sao? - Bà Anhedơ lắc đầu nói.

- Ôi! - Luxia rùng mình kêu lên, - con không dám nghĩ đến chàng trai đáng thương ấy nữa. Rõ ràng chúng con không có duyên nợ với nhau... Mẹ xem, quả thật cứ như là Chúa đã muốn chúng con phải xa nhau vậy. Mà biết đâu chẳng... Ồ, không, không; Chúa sẽ tránh mọi tai họa cho anh, và Người sẽ cho anh sung sướng hơn nữa dù không lấy được con.

- Nhưng tuy vậy, - bà mẹ lại nói, - nếu con không tự trói buộc mình mãi mãi và nếu không có tai họa gì đến với Rendô, thì với số tiền này, mẹ sẽ có cách dàn xếp tất cả.

- Nhưng số tiền này, - Luxia cãi lại, - liệu có đến tay ta không, nếu con không trải qua cái đêm hôm ấy? Chính là Chúa đã muốn mọi việc như vậy: ý Người đã định rồi, - và lời nói của cô tắt đi trong tiếng khóc nức nở.

Trước cái lí bất ngờ ấy, bà Anhedơ ngồi tư lự. Sau một lúc, Luxia cố nén những tiếng nức nở của mình nói tiếp:

- Bây giờ thì sự đã rồi, đành phải vui lòng chịu vậy, còn mẹ, mẹ đáng thương của con, mẹ có thể giúp con, trước hết cầu Chúa cho đứa con gái khốn khổ của mẹ, và rồi... phải làm sao cho chàng trai tội nghiệp kia biết chuyện này. Mẹ hãy quan

tâm đến điều ấy, làm phúc giúp con: bởi vì em có thể lo toan việc ấy được. Khi mẹ biết anh ấy ở đâu, mẹ hãy nhờ người viết thư cho anh, mẹ kiếm một người... thì chính cậu em họ Alexiô của mẹ, cậu là người cẩn thận và nhân đức, xưa nay vẫn tốt với ta và cậu sẽ không nói với ai: mẹ hãy nhờ cậu viết đúng như mọi sự xảy ra, con đã rơi vào tình cảnh thế nào, và mẹ nói với anh là Chúa đã muốn thế, và anh hãy lấy lại sự thanh thản trong lòng, và không bao giờ, không bao giờ con có thể thuộc về một ai cả. Và phải viết sao cho anh hiểu đến đầu đến đũa, giải thích cho anh rõ là con đã hứa rồi, con đã thực sự thề nguyền rồi. Khi anh biết là con đã hứa với Đức mẹ... bao giờ anh chẳng có lòng sợ Chúa. Còn mẹ, ngay khi được tin anh mẹ hãy viết thư cho con, mẹ cho con biết anh mạnh khỏe, và rồi... và rồi mẹ đừng cho con biết gì nữa.

Bà Anhedơ, lòng dạ bùi ngùi, cam đoan với con gái là mọi việc sẽ được làm đúng như ý muốn của cô.

- Con muốn nói với mẹ điều này nữa, - cô lại nói, - chàng trai đáng thương ấy, nếu không mắc vào cái vạ đã gắn bó với con thì chắc sẽ không xảy ra cho anh những sự gì như đã xảy ra. Anh bây giờ như một người tị nạn, người ta đã làm mất công ăn việc làm của anh, họ đã cướp hết tài sản, tiền của dành dụm của anh, con người khốn khổ, và vì sao thì mẹ biết rồi... còn chúng ta, chúng ta có bao nhiêu là tiền bạc này là của Chúa cho ta, và quả thật mẹ vẫn xem chàng trai đáng thương ấy như... phải, như là con mẹ, thì mẹ ơi! Mẹ hãy chia cho anh ấy một phần; bởi vì nhất định Chúa không bỏ chúng ta đâu. Mẹ xem có dịp nào chắc chắn thì gửi tiền cho anh ấy, vì Chúa biết anh cần tiền như thế nào!

- Chà, chà, con nghĩ gì vậy? - Bà Anhedơ đáp, - nhất định mẹ phải gửi tiền cho nó chứ. Thằng bé tội nghiệp! Con tưởng

mẹ hài lòng lắm với số tiền này đấy ư? Phải, phải... mẹ quả thật rất hài lòng vì được tới đây... Tóm lại, mẹ sẽ gửi tiền cho nó, cho cái thằng Rendô khốn khổ ấy! Nhưng còn nó nữa... mẹ biết mẹ nói gì; tất nhiên đồng tiền làm vui lòng kẻ nào cần tiền, nhưng không phải số tiền này làm nó béo lên đâu.

Luxia cám ơn mẹ vì bà đã nhanh chóng và hào phóng đáp ứng ước muốn của cô, và cô bày tỏ lòng biết ơn ấy nồng nhiệt đến nỗi chỉ nhìn qua người ta cũng hiểu cô vẫn chăm lo đến lợi ích của Renđô có lẽ còn hơn chính bản thân cô nghĩ.

- Nhưng nếu không có con, thì một người đàn bà bất hạnh như mẹ đây, mẹ sẽ làm gì? - Bà Anhedơ nói, mắt cũng đẫm lệ.

- Thế còn con không có mẹ thì sao, mẹ đáng thương của con? Lại ở với những người xa lạ? Và ở tận đâu đâu, trong cái thành phố Milăng ấy...! Nhưng Chúa ở bên ta, và Người sẽ cho chúng ta sum họp lại. Tám chín tháng nữa ta lại gặp nhau; và trong thời gian ấy, và thậm chí còn hi vọng sớm hơn, Người sẽ thu xếp cho mẹ con mình đoàn tụ. Ta cứ phó mặc cho Người. Con cũng sẽ luôn luôn cầu xin ân huệ ấy với Đức Mẹ. Ví thử con còn vật gì nữa để kính dâng Đức Mẹ, con hiến dâng ngay, nhưng Đức Mẹ vô cùng từ bi sẽ ban cho con ân huệ ấy mà không đòi hỏi gì ở con cả.

Sau nhiều lần thổ lộ với nhau những lời than thở và hi vọng, nuối tiếc và nhẫn nhục, sau bao lời căn dặn và hứa hẹn sẽ không nói gì với ai, sau bao nhiêu nước mắt và những vòng tay xiết chặt mãi không rời, cuối cùng hai mẹ con bà Anhedơ chia tay, hẹn gặp lại vào mùa thu sang năm là chậm nhất; dường như điều đó chỉ phụ thuộc ở họ thôi, và tuy vậy xưa nay người ta cũng vẫn thường làm trong những hoàn cảnh như thế.

Nhưng biết bao ngày tháng trôi qua mà bà Anhedơ chẳng

được tin tức gì của Rendô. Không một lá thư, không một lời nhắn: bà hỏi thăm khắp làng và những vùng xunh quanh cũng chẳng ai biết gì hơn bà.

Tuy vậy bà không phải là người duy nhất mất công tìm kiếm như thế: Hồng y giáo chủ Fêđêrigô không hứa hão với họ khi nói là ngài sẽ hỏi thăm tin tức chàng trẻ tuổi, và quả thật ngài đã viết thư ngay đi các nơi. Về Milăng sau chuyến đi kinh lí, ngài nhận được thư phúc đáp nói rằng người ta không thể tìm biết được gì về anh chàng đã nói, rằng quả thật anh ta có lưu lại một thời gian ở nhà một người bà con trong làng nọ, tại đây anh đã hết sức im hơi lặng tiếng; nhưng rồi một buổi sáng anh bỗng nhiên biến mất, và chính người bà con ấy cũng không biết anh ra sao, chỉ có thể nhắc lại vài tin đồn vu vơ, trái ngược với nhau do mọi người bàn tán về anh: chàng trẻ tuổi có lẽ đã đăng lính sang Phương Đông, hình như anh đã sang Đức, hoặc đã chết khi lội qua một con sông. Cuối thư nói thêm là họ nhất định sẽ tiếp tục tìm kiếm, và nếu biết được điều gì cụ thể hơn thì họ sẽ báo ngay với Đức cha vô cùng đáng kính.

Về sau, những tin đồn ấy và những tin khác cũng truyền đến cả vùng Leccô, và do đó đến tai bà Anhedơ. Người đàn bà đáng thương cố sức làm sáng tỏ xem tin nào có thể là đúng, cố truy tìm đến tận ngọn nguồn, nhưng bà chẳng bao giờ thấy gì khác ngoài những cái *người ta nói rằng* ấy mà ngay cả ở thời buổi bây giờ vẫn có nhiều người dựa vào để chứng thực biết bao điều. Đôi khi, có người vừa kể với bà một chuyện thì một người khác đến ngay và nói đó là chuyện bịa, nhưng người này lại kể thay vào đó một chuyện khác, cũng lạ lùng và hung dữ như thế. Tất cả những cái đó chỉ là những lời đơm đặt: sự thật là thế này.

Ngài thống đốc Milăng, khâm sai toàn quyền của nhà vua tại Ý, Đôn Gôndalô Fecnande dơ Coocđôva, đã kịch liệt phản đối ông công sứ của Vơnidơ tại Milăng về chuyện một tên cướp, một đứa gian phi, một kẻ cầm đầu những vụ cướp phá và giết người, tên Lôrendô Tơramaghinô trứ danh ấy, ngay khi đã nằm trong tay sở cảnh sát còn kích động một đám bạo loạn để tự đánh tháo, một kẻ như vậy mà hình như lại được đón nhận trên lãnh thổ Becgan. Ông công sứ đáp lại là ông không biết chuyện này và ông sẽ viết thư về hỏi Vơnidơ để có thể trình lại với đại nhân mọi sự giải thích cần thiết về chuyện đó.

Ở Vơnidơ người ta có một nguyên tắc là giúp đỡ và khuyến khích ý thích của những người thợ dệt lụa Milăng an cư lạc nghiệp trên lãnh thổ Becgam, và do đó làm sao để họ thấy được ở đây nhiều món lợi và trước hết món lợi mà không có nó thì tất cả mọi món lợi khác đều vô nghĩ, là sự an toàn. Nhưng vì khi hai ông lớn kiện nhau thì người thứ ba thế nào cũng đục nước béo cò[1], cho nên không biết ai đã bí mật báo cho Bortôlô biết là Rendô ở làng này không lợi và anh nên chuyển đến một xưởng khác thì hơn, đồng thời đổi tên đi một thời gian. Bortôlô thoáng nghe hiểu ngay, không hỏi gì thêm, vội nói hết mọi điều với cậu em họ, cùng đi với anh trong một chuyến xe ngựa nhỏ, dẫn anh đến một xưởng kéo sợi khác ở cách đó chừng mười lăm dặm và giới thiệu anh dưới cái tên Antôniô Rivonta với ông chủ cũng là người Milăng và là chỗ quen biết từ lâu. Mặc dầu thời buổi đói kém, ông chủ cũng không để phải nói nhiều mà thu nhận ngay một người thợ được giới thiệu với ông là ngay thật và thành thạo, do một người trung thực và am

---

[1] Câu tục ngữ Ý mà tác giả đổi nghĩa đi ở đây là "Hai người kiện nhau, thì người thứ ba được lợi (Fro due litiganti il terzo gode).

hiểu việc tiến cử. Qua thử thách về sau, ông càng hài lòng vì đã được một người làm như thế: chỉ có điều thoạt đầu, ông thấy chàng trẻ tuổi hình như hơi đãng trí, vì khi người ta gọi là Antôniô, thường thường anh không đáp lại.

Ít lâu sau, ông quản hạt Becgam nhận được từ Vơnidơ một mệnh lệnh, viết trong một giọng văn khá bình thản, đòi phải điều tra và cho biết trong hạt này, và nhất là trong cái làng tên như thế, có một người tên như thế hay không. Ông quản hạt cho tìm kiếm, tỏ ra đã hiểu những gì người ta mong muốn ở đây, rồi đáp lại là không có, lời phúc đáp ấy được chuyển đến ông công sứ ở Milăng và từ đó chuyển tới Gôndelô Fecnađe đơ Cordôva.

Không thiếu những kẻ tò mò muốn được Bortôlô cho biết tại sao anh chàng trẻ tuổi ấy không ở đây nữa, và anh đã đi đâu. Với câu hỏi thứ nhất, Bortôlô đáp: "Anh ta biến đi rồi chứ sao?. Và để thoát khỏi những anh chàng dai như đỉa, mà không gợi lên những mối ngờ vực có thể đoán ra sự thật, bác thấy nên làm quà cho họ khi thì tin này khi thì tin khác trong những tin mà chúng tôi đã kể trên kia: tuy vậy bác cũng nói đó là những điều không chắc chắn mà chính anh cũng chỉ nghe người ta nói lại, không có chút chứng cớ nào.

Đến khi người ta hỏi bác để tìm hiểu cho Hồng ý giáo chủ, mà không nói tên ngài, lại tỏ vẻ quan trọng và bí mật, chỉ hé cho thấy là họ thay mặt một nhân vật đặc biệt có thế lực, thì Bortôlô càng nghi ngại hơn nữa, vì đây là một nhân vật đặc biệt có thế lực, cho nên bác cung cấp cùng một lúc tất cả những tin tức mà bác tùy theo hoàn cảnh đã thêu dệt dần dần từng cái một, như ta đã thấy.

Tuy vậy, xin các bạn đừng cho rằng một vị lãnh chúa tầm cỡ như Đôn Gôndalô lại thật sự để bụng tức giận một anh thợ

kéo sợi miền núi nghèo khổ, rằng vị lãnh chúa ấy, có lẽ được báo cho biết về thái độ bất kính và những lời lẽ láo xược của anh đối với nhà vua Mo bị xích cổ, đã muốn trừng trị anh ta: hoặc các bạn cũng đừng cho rằng ngài thấy anh nguy hiểm đến nỗi phải truy nã cả khi anh chạy trốn, không cho anh sống ngay cả ở nơi xa, như viện nguyên lão La Mã đã làm đối với Anniban[1]. Đôn Gôndalô có quá nhiều chuyện trong đầu, và quá nhiều chuyện lớn, làm sao có thể quan tâm như vậy đến những việc làm và cử chỉ của Rendô; và nếu ngài có vẻ bận tâm đến, thì đó là do một sự ngẫu hợp kì lạ của các sự tình nó khiến cho chàng trai khốn khổ, dầu không muốn và cũng không bao giờ biết được, bị ràng buộc bởi một sợi dây vô cùng mỏng manh và như là vô hình với những chuyện quá nhiều và quá lớn ấy.

---

[1] Anniban (Annibal): một viên tướng Cac-ta-giơ nổi tiếng (khoảng 247-183 trước CN).

- Cactagiơ (Carthage) là một đô thị ở châu Phi do những người Phênixiêng lập nên, địch thủ của La Mã. - Ông đã chiến thắng La Mã nhiều trận, nhưng sau bị bại phải chạy trốn khỏi Cactagiơ sang Tiểu Á. Viện nguyên lão La Mã vẫn xem ông là kẻ thù nguy hiểm, đòi các nước ông đến ẩn trốn nộp ông cho mình, khiến Anniban phải uống thuốc độc tự vẫn.

Chương hai mươi bảy

Đã nhiều lần chúng tôi có dịp nói đến cuộc chiến tranh nổ ra khi ấy về việc kế thừa tài sản của công tước Vanhxăng Gôngdagơ thứ hai kể theo tên gọi. Nhưng điều ấy đã luôn luôn đến với chúng tôi vào lúc rất vội vàng: đến nỗi chúng tôi chỉ có thể ám chỉ khi tiện thể nói qua. Nhưng bây giờ, để hiểu câu chuyện của chúng tôi, cần phải có vài khái niệm chi tiết hơn về vấn đề đó. Những điều này không lạ gì với người hiểu biết lịch sự; nhưng vì, tự biết việc làm của mình, chúng tôi phải cho rằng tác phẩm này sẽ chỉ có thể được đọc bởi những người không am hiểu, cho nên cũng không thừa nếu chúng tôi nói đến tạm đủ để cung cấp một ý niệm sơ lược về những sự kiện ấy cho những người mà điều này có thể có ích.

Chúng tôi đã nói là sau khi vị công tước ấy mất đi, người thừa kế gần nhất của ngài theo trật tự kế thừa, Saclơ Gôngdagơ, trưởng một ngành thứ đã di cư sang Pháp; tại đây ông có những công quốc Nêve và Rêten, đã được quyền làm chủ miền Măngtu; và, bây giờ chúng tôi nói thêm, ông được quyền làm chủ cả miền Môngfera[1] vì chính là trong lúc vội

---

[1] Măngtu: một miền trong xứ Lômbacđi.
Fôngfera: một miền trong xứ Piêmông ở Bắc Ý giáp giới;
Lômbacdi, tại Môngfera có thành phố Cadan.

vàng ngòi bút chúng tôi đã bỏ qua mất cái tên này. Triều đình Madrit, vẫn muốn bằng bất cứ giá nào (điều này chúng tôi đã nói) trục xuất vị hoàng thân mới khỏi hai lãnh địa ấy, nhưng để làm việc này phải có lí do (bởi vì những cuộc chiến tranh không có lí do sẽ là phi nghĩa) bèn tuyên bố ủng hộ một vị Gôngdagơ khác, Ferantơ, hoàng thân xứ Goaxtala, tự cho mình có quyền được hưởng miền Măngtu; đồng thời ủng hộ Sachlơ Emmanuen đệ nhất, công tước miền Xavoa[1] và Macgơrit Gôngdagơ, quả phụ công tước phu nhân miền Loren[2], tự cho mình có quyền được hưởng miền Môngfera. Đôn Gôndalô, thuộc dòng họ vị tướng lĩnh vĩ đại[3] và mang tên ngài, đã từng xông pha trận mạc ở Glăngđrơ và bây giờ khao khát mở một cuộc chiến tranh ở Ý, có lẽ là người hăng máu nhất muốn làm nổ ra cuộc chiến tranh này; trong khi chờ đợi ông tự giải thích ý định và đón trước mệnh lệnh của chính phủ mình, bèn kí với công tước Xavoa một hiệp ước để xâm lược và phân chia miền Môngfera; sau đó ông đã dễ dàng xin được ngài bá tước - công tước phê chuẩn hiệp ước này, bằng cách thuyết phục chính ngài tin là rất dễ lấy Cadan, một địa điểm được bảo vệ chắc chắn nhất của phần đất sẽ chia cho nhà vua Tây Ban Nha theo hiệp ước đó. Tuy vậy ông cũng cam kết, nhân danh nhà vua Tây Ban Nha, rằng ông chỉ muốn chiếm đóng miền này với tư cách là một vật kí thác, trong khi chờ đợi quyết định của hoàng đế. Còn hoàng đế thì, một phần do xúi bẩy bên ngoài, một phần vì lí do riêng của ngài, trong khi

---

Nêve và Rêten là những miền đất Pháp.

[1] Xavoa: một tỉnh cũ của nước Ý, ở Bắc Ý, sáp nhập vào nước Pháp từ năm 1860 (Savoie).

[2] Loren: một miền ở phía đông nước Pháp (Lorraine).

[3] Gônxavơ ở Coocđu (Coocdu là một đô thị Tây Ban Nha) được mệnh danh là vị tướng lĩnh vĩ đại.

chưa ngã ngũ đã từ chối không ban thái ấp cho vị công tước mới, và ra lệnh cho ông phải tạm thời giao cho ngài giữ những lãnh địa đang tranh chấp, để sau này bản thân ngài sẽ chuyển lại cho người nào có quyền được hưởng, sau khi đã nghe rõ cả đôi bên tranh kiện. Một mệnh lệnh như thế hẳn là công tước Nêve chẳng muốn phục tùng.

Ông cũng có những bạn bè có thế lực. Hồng y giáo chủ Risơliơ, Viện nguyên lão Vơnidơ, và đức Giáo hoàng khi ấy là Uôcbanh VIII như chúng tôi đã nói, nhưng người thứ nhất lúc này đang lao vào cuộc vây hãm La Rôsen[1] và cuộc chiến tranh chống nước Anh, lại vấp phải sự phản đối của phe cánh thái hậu Mari đơ Mêđixi, bà thái hậu này vì những lí do riêng của mình vẫn thù địch với dòng họ Nêve, cho nên ông chỉ có thể ban cho công tước Nêve những niềm hi vọng. Những người Vơnidơ thì không muốn nhúc nhích, và thậm chí cũng không muốn tuyên bố rõ ràng ý kiến của mình, chừng nào một đội quân Pháp còn chưa đánh xuống nước Ý; và, trong khi ngấm ngầm giúp đỡ công tước theo khả năng của họ, đối với triều đình Mađrit và viên thống đốc Milăng họ chỉ biết đưa ra những lời phản đối, kiến nghị, khuyên can, khi hòa bình khi đe dọa tùy theo hoàn cảnh. Đức giáo hoàng có nhờ cậy bạn bè của mình giúp đỡ công tước, nói giùm ông với địch thủ của ông, chuẩn bị những dự án hòa giải, nhưng ngài không muốn nghe nói đến đưa quân đội ra chiến trận.

Như thế, hai đồng minh phe tấn công có thể càng yên trí hơn để bắt đầu cuộc chiến tranh đã dự định. Công tước Xavoa, về phía mình, tiến vào miền Môngfera; Đôn Gôndalô vội vã

---

[1] La Rôsen: một hải cảng nước Pháp, xưa là một trung tâm của những tín đồ đạo Tin Lành, bị những đội quân Thiên Chúa giáo vây hãm và chiếm cứ vào những năm 1573 và 1627-1628.

đưa quân đến vây hãm Cadan; nhưng cuộc hành binh này đã không đem lại cho ông tất cả sự hài lòng như ông chờ đợi: bởi vì ta không nên cho rằng trong chiến tranh tất cả đều tươi đẹp. Triều đình đã không giúp đỡ ông đầy đủ như ông mong muốn, thậm chí còn để ông phải thiếu những phương tiện cần thiết nhất; còn về phía bạn đồng minh, ông ta đã giúp đỡ ông quá sốt sắng: tôi muốn nói là sau khi đã nhận phần mình ông lại còn gặm dần phần đất dành cho nhà vua Tây Ban Nha. Điều đó khiến cho Đôn Gôndalô tức điên lên; nhưng vì ông sợ nếu ho he điều gì thì Saclơ - Emmanyen, vừa nhanh nhảu trong mưu mô và dễ thay đổi trong liên minh lại vừa dũng mãnh trong chiến trận, sẽ trở mặt đi với nước Pháp, cho nên ông buộc phải nhắm mắt làm ngơ và ngậm đắng nuốt cay im thin thít. Hơn nữa, cuộc vây hãm không thành công, kéo dài và thậm chí có khi phải lui quân, một phần vì thái độ kiên cường cảnh giác, và tinh thần quyết chiến của những người bị vây hãm, một phần vì bản thân ông có ít người và, theo ý kiến một số nhà sử học, ông đã phạm phải nhiều điều dại dột. Về điểm này, chúng tôi xin miễn bàn xem sự thật thế nào, và thậm chí chúng tôi sẵn sàng, nếu quả nhiên đúng thế, thấy điều đó rất hay, vì trong cuộc chinh chiến này sẽ bớt đi một ít người bị giết, bị tan xương nát thịt hoặc bị què quặt, và *ceteris paribut*[1], sẽ bớt đi một ít thiệt hại cho những ngôi nhà của thành phố Cadan. Chính trong tình hình ấy Đôn Gôndalô nhận được tin về cuộc nổi loạn ở Milăng và đích thân đến đó.

Tại đây, trong bản báo cáo trình ông, người ta nhắc đến cả vụ chạy trốn phản nghịch nổi tiếng của Rendô, và những sự việc có thật hoặc được phỏng đoán là nguyên nhân của việc bắt

---

[1] Mọi sự ở chỗ khác cũng ngang như thế (tiếng La tinh).

anh: và người ta cũng nói thêm là anh chàng này đã ẩn trốn trên lãnh thổ Bacgam. Điều ấy gợi sự chú ý của Đôn Gôdanlô. Từ một phía khác ông được báo cho biết là ở Vơnidơ người ta vênh vang lên mặt khi được tin cuộc bạo loạn ở Milăng thoạt đầu người ta đã tưởng ông buộc phải rút lui bỏ cuộc vây hãm Cadan, và người ta vẫn cứ cho rằng sự kiện này phải làm ông bối rối lắm và lo ngại lắm, nhất là ngay sau đó tiếp luôn đến cái tin mà các ngài ở Vơnidơ hằng mong ước còn ông thì rất lo sợ, là cuộc đầu hàng của La Rôsen. Bị xúc phạm ghê gớm, với tư cách một con người cũng như một chính khách, do dư luận của các ngài ấy có thể đánh giá về ông, ông cố tìm cơ hội để thuyết phục cho họ thấy qua bằng chứng cụ thể là ông vẫn chưa hề giảm sút sự kiên định trước đây của mình; bởi vì nếu chỉ nói bằng lời rành rọt; tôi không sợ, thì cũng như chẳng nói gì cả. Có một cách thuận tiện là làm mình làm mẩy, than phiền, yêu sách, và bởi vậy, khi viên công sứ của Vơnidơ đến thăm ông và đồng thời để cố dò xét trên nét mặt và thái độ xem ông đang nghĩ gì (xin bạn đọc chú ý tất cả mọi chi tiết: bởi vì đó là chính sách của cái đô thị Vơnidơ ranh vặt cổ lỗ ấy), Đôn Gôndalô, sau khi đã nói đến cuộc bạo loạn mà không nhấn mạnh gì cho lắm, và với tư thế một người đã thu xếp ổn thỏa tất cả, mới phản đối kịch liệt về vụ Rendô như bạn đọc đã biết; và bạn đọc cũng biết cả những hậu quả tiếp theo như thế nào. Sau đó ông chẳng còn bận tâm gì đến một việc vặt vãnh như thế nữa, đối với ông việc ấy thế là xong; và sau này, khá lâu sau này, khi lời phúc đáp từ Vơnidơ đến với ông ở trại đóng quân trước Cadan, nơi ông đã trở lại và tâm trí đang rối bời bao nhiêu việc, ông ngẩng mặt lên và lúc lắc đầu như một con tằm tìm lá; ông ngồi đấy một lúc, để khôi phục lại trong trí nhớ sự kiện ấy, bây giờ chỉ còn là một cái bóng; ông đã nhớ ra sự

việc, có một ý niệm thoáng qua và mơ hồ về tên tội phạm này, rồi ông bận việc khác và không nghĩ đến chuyện ấy nữa.

Nhưng Rendô, dù mới chỉ thoáng thấy chuyện không hay, vẫn phải phỏng đoán cái gì khác hẳn một sự hờ hững hiền lành như thế, cho nên trong một thời gian dài anh không có ý nghĩ hoặc đúng hơn mối lo nào khác là mai danh ẩn tích. Khỏi phải nói anh rất nóng lòng muốn nhắn tin mình cho hai mẹ con Luxia và nhận được tin họ; nhưng việc ấy vấp phải hai khó khăn lớn. Khó khăn thứ nhất là anh phải phó thác công việc của mình cho một người viết hộ, bởi vì anh chàng khốn khổ không biết viết, và thậm chí không biết đọc, theo nghĩa đầy đủ của từ này. Nếu như, khi bị ngài tiến sĩ Adecca Gacbugli hỏi đến vấn đề này, như bạn đọc có lẽ vẫn còn nhớ, anh đã trả lời là có biết, thì đó không phải là để khoe khoang, hoặc như người thường nói, để làm ra vẻ ta đây; quả thật anh cũng đọc được chữ in, vừa đọc vừa dò dẫm; nhưng còn việc viết thì lại là chuyện khác hẳn. Vậy là anh buộc phải để cho một người thứ ba biết công việc của anh, biết một bí mật được che giấu thật kĩ; và vào thời ấy, thật không dễ tìm thấy một người biết viết mà lại có thể tin cậy được, nhất là ở trong một làng không có người quen cũ. Khó khăn nữa là tìm được người đưa thư, một người đưa đúng về phía đó, sẵn sàng đảm nhận lá thư, và chịu khó đưa lá thư ấy đến tay người nhận; tất cả những điều đó muốn được tập trung trong một người duy nhất thì lại càng khó.

Cuối cùng, cứ tìm mãi rồi anh cũng thấy một người có thể viết giúp anh. Nhưng không biết những người đàn bà có còn ở Mônda không hay đã đi đâu anh thấy nên đặt lá thư gửi bà Anhedơ vào trong một lá thư khác gửi cha Crixtôfôrô. Chính người viết thư đảm nhận việc chuyển thư tới đích; ông đưa nó

cho một người có việc phải đi qua một nơi gần Fexcarênicô; người này gửi lá thư lại một hàng quán bên đường ở gần nhất, sau khi đã dặn dò thật chu đáo; vì lá thư gửi tu viện, cho nên nó đã tới; nhưng về sau ra sao thì chẳng bao giờ có ai biết được.

Rendô không thấy thư trả lời bèn nhờ người viết hộ bức thư khác gần giống như trước, và đặt nó vào trong thư gửi một người bạn hoặc họ hàng ở Leccô. Anh cố tìm một người đưa thư khác, anh tìm được, và lần này lá thư tới tay người nhận. Bà Anhedơ vội chạy tới Magianicô, nhờ cậu em họ Alexiô đọc và giải thích bức thư; bà cùng với cậu thảo thư và Alexiô viết ngay; người ta tìm cách gửi được lá thư tới tay Antôniô Rivonta, tận nhà anh ở; nhưng tất cả những điều ấy không phải diễn ra nhanh như chúng tôi kể bây giờ. Rendô đã nhận được thư trả lời và lại có thể viết thư nữa. Tóm lại, giữa hai người đã có sự trao đổi thư từ chậm chạp và không đều, thế nhưng, mặc dầu những trắc trở và ngừng trệ, vẫn không phải là không liên tục.

Nhưng để có một khái niệm về việc trao đổi thư từ ấy, cần phải biết một chút những chuyện đó hồi ấy diễn ra như thế nào, và ngay cả bây giờ chúng vẫn còn diễn ra như thế nào, bởi vì về điểm đặc biệt này, tôi cho rằng cũng chưa có gì thay đổi lớn.

Người nông dân không biết viết mà cần viết thư thì tìm đến một người biết viết, anh cố chọn trong những người cùng địa vị với anh, vì với người khác anh không nhờ hoặc không tin tưởng. Anh nói cho ông ta biết tương đối rõ ràng và mạch lạc về những sự việc đã xảy ra, và anh trình bày với ông cũng theo cách như thế về những gì cần viết lên giấy. Người biết chữ có phần hiểu đúng có phần hiểu sai đi, cho vài lời khuyên, đề nghị vài chỗ sửa đổi, và nói: cứ để mặc tôi, rồi ông cầm bút, và cố gắng diễn đạt dưới một hình thức văn chương những tư

tưởng của người khác, sửa đổi những tư tưởng ấy, tô điểm chúng, cường điệu hoặc nói nhẹ đi, vứt bỏ hẳn đôi điều, theo cái cách ông cho là phù hợp nhất: bởi vì, tất nhiên, cái người biết hơn người khác không muốn làm một công cụ vật chất trong tay họ, và khi ông đã nhúng tay vào việc người khác thì ông cũng muốn điều khiển một chút những việc ấy theo cách của ông. Đã thế, người biết chữ này không phải bao giờ cũng diễn đạt được tất cả những gì ông ta muốn; có khi ông lại nói ra một điều khác hẳn: chuyện ấy cũng vẫn xảy ra với cả chúng ta là những người viết để in. Khi bức thư đã được thảo ra và như vậy đến tay người nhận, mà người này cũng chẳng biết chữ nghĩa gì cho lắm anh ta đưa đến một học giả khác cũng tầm cỡ như thể để ông đọc và giải thích cho anh. Họ bắt đầu bàn cãi về cách hiểu; bởi vì người nhận thư, dựa trên sự hiểu biết những sự việc đã xảy ra, cho rằng một số lời trong thư muốn nói điều này, còn người đọc thì căn cứ vào kinh nghiệm của ông về việc viết thư lại cho rằng chúng muốn nói một điều khác. Cuối cùng, cái người không biết chữ phải chịu người biết chữ và nhờ ông viết thư trả lời: bức thư này, viết ra theo cách như bức thư nhận được, đến lượt nó lại là đối tượng của một sự thuyết trình tương tự. Và nếu, và thêm vào đó, vấn đề trong thư lại hơi tế nhị, nếu người ta nói đến những việc kín không muốn cho người thứ ba hiểu được trong trường hợp bức thư bị lạc, nếu vì nỗi lo sợ ấy người ta không muốn nói mọi điều ra thật rõ ràng, thế thì, cho dù việc trao đổi thư từ cuối cùng hiểu nhau cũng như hai nhà triết học kinh viện ngày xưa hiểu nhau khi họ tranh luận về cái hoàn chỉnh[1]: Chúng

[1] Cái hoàn chỉnh (entéléchie): một thuật ngữ khó hiểu của nhà triết học Arixtôt, để chỉ thực tại đã đạt tới tình trạng hoàn thiện của nó (do từ Hi Lạp entelekheia có nghĩa là sự hoàn thiện).

tôi nói thế để không mượn cách so sánh trong thời đại hiện nay, tránh cho chúng tôi khỏi nguy cơ gặp phải những điều phiền phức..

Vậy mà trường hợp hai người trao đổi thư từ của chúng ta lại đúng là trường hợp chúng tôi vừa nói. Bức thư đầu tiên kí tên Rendô viết đủ mọi điều. Trước hết, ngoài việc kể lại cuộc chạy trốn của anh, súc tích hơn nhiều nhưng cũng rối rắm hơn so với câu chuyện mà các bạn đã đọc, trong thư còn những tin tức về tình hình anh hiện nay; về vấn đề này, cả bà Anhedơ lẫn người giải thích cho bà đều không thể có một ý niệm rõ ràng và đầy đủ: đây là một tin mật báo, một sự đổi tên, anh đang an toàn, nhưng phải giấu mình: tất cả những điều ấy bản thân nó đã không quen thuộc gì mấy với đầu óc họ, lại còn được viết trong thư bằng những lời lẽ bí ẩn. Sau đó là những câu thăm hỏi lo sợ và hồi hộp về những chuyện rủi ro của Luxia, với những lời bóng gió khó hiểu và buồn rầu về những tin đồn đã đến tận tai Rendô. Cuối cùng là những hi vọng mơ hồ và xa xôi, những dự định cho tương lai và, trong thời gian trước mắt, những hứa hẹn và cầu xin giữ vững lời thề ước, không nản lòng và vui lên chờ đợi những ngày tốt đẹp hơn.

Một thời gian sau bà Anhedơ tìm được một đường dây chắc chắn để gửi đến cho Rendô bức thư trả lời, và cả năm mươi đồng ê-quy của Luxia dành cho anh. Trông thấy tất cả đống vàng ấy, Rendô không biết nghĩ sao; vô cùng ngạc nhiên và lo lắng, không thể nào vui được, anh chạy đi tìm bác thư ký của mình để nhờ bác giải thích lá thư và tìm hiểu một điều bí hiểm kì lạ đến thế.

Trong thư, người thư ký của bà Anhedơ, sau vài lời than phiền về bức thư của Rendô không được rõ ràng cho lắm, chuyển sang kể lại cũng chỉ đại khái với mức rõ ràng như thế

câu chuyện khủng khiếp về con người ấy mà Rendô cũng đã biết (theo như bác nói) và đến đây bác giải thích nguồn gốc năm mươi ê-quy; rồi bác nói đến lời thề nguyền nhưng bằng những lời quanh co bóng gió, đồng thời thêm vào những lời lẽ trực tiếp hơn và rõ ràng hơn khuyên anh hãy giữ lòng thanh thản và đừng nghĩ gì đến chuyện này nữa.

Rendô suýt nữa thì gây sự với người giải thích lá thư cho mình; anh run lên vì phẫn uất, bừng bừng nổi giận, vừa do những gì anh đã hiểu vừa do những gì anh không hiểu được. Anh bắt đọc lại bức thư ba bốn lần khi thì anh tưởng đã hiểu rõ hơn, khi thì những điều ban đầu hình như đã rõ bỗng trở nên khó hiểu. Và trong cơn cuồng loạn sục sôi, anh muốn bác thư ký lấy ngay bút viết thư đáp lại. Sau khi bày tỏ, trong những lời mạnh nhất mà anh có thể nghĩ được, lòng thương xót và nỗi lo sợ của mình trước cơn hoạn nạn của Luxia, anh tiếp tục đọc cho bác viết: - Bác hãy viết rằng tôi không muốn giữ lòng thanh thản và tôi sẽ không bao giờ giữ được lòng thanh thản; rằng đó không phải là những lời khuyên cho một thằng con trai như tôi; rằng số tiền này tôi sẽ không đụng tới: rằng tôi sẽ để nó sang một bên, và tôi giữ lại làm của hồi môn cho cô con gái; rằng cô gái phải là của tôi rằng tôi không muốn biết gì cả về lời thề nguyền; và tôi vẫn luôn luôn nghe nói là Đức Mẹ chỉ bận tâm giúp đỡ những người cực khổ và ban ân cho họ, chứ tôi chưa bao giờ nghe nói Đức Mẹ muốn làm đau lòng mọi người hoặc làm cho người ta phụ bạc lời hẹn ước, và không thể như thế được; rằng với số tiền này, chúng ta có thể đến sinh cơ lập nghiệp ở đây, và nếu hiện nay tôi còn đang bị khó khăn một chút thì đó cũng chỉ là cơn giông tố sẽ qua mau thôi,- và những điều khác nữa tương tự.

Bà Anhedơ nhận được thư và nhờ người viết thư đáp lại,

và việc trao đổi thư từ cứ tiếp tục theo cách như chúng tôi đã nói.

Khi bà đã có thể báo cho Luxia biết, không hiểu bằng cách nào, rằng con người mà cô nghĩ tới vẫn khỏe mạnh và anh đã biết được tin tức về họ. Luxia thấy nhẹ hẳn người và không còn ước mong gì khác là anh quên cô đi; hoặc, nói đúng hơn, là anh cố quên cô đi. Về phía mình, mỗi ngày cô cũng quyết tâm đến trăm lần để quên anh đi, và cô dùng đủ mọi cách để thực hiện quyết tâm ấy. Cô miệt mài làm việc, cố làm sao để công việc thu hút toàn bộ tâm trí mình; khi hình ảnh Rendô hiện lên trước mắt, cô lập tức bắt đầu đọc hoặc hát thầm những bài kinh cầu nguyện. Nhưng cái hình ảnh ấy, dường như nó cũng ranh ma láu lỉnh, thường không bao giờ trình diện công khai; nó lén lút theo sau những hình ảnh khác, thành thử khi người ta nhận ra nó thì nó đã xuất hiện một thời gian rồi. Ý nghĩ của Luxia thường hướng về mẹ. Làm sao khác được. Thế là anh chàng Rendô tưởng tượng kia nhẹ nhàng lén đến thành người thứ ba, như anh Rendô thật đã bao lần vẫn làm như vậy. Anh ta cũng len lỏi như vậy vào với tất cả mọi người, ở tất cả mọi nơi, trong mỗi kỉ niệm của quá khứ. Và nếu cô gái đáng thương đôi khi thả mình theo những mộng tưởng về tương lai, thì cả ở đây anh cũng hiện ra, dù chỉ để nói: tôi đây, dù thế nào tôi cũng không có mặt trong tương lai của cô đâu. Tuy vậy, nếu ý muốn không nghĩ đến anh chỉ là một cố gắng tuyệt vọng, thì cô cũng đã có thể đến mức nào đó nghĩ đến anh ít hơn, và ít mãnh liệt hơn là trái tim cô mong muốn. Cô hẳn đã thành công hơn, nếu như chỉ có mình cô muốn thế. Nhưng còn bà Đônna Praxet, về phía mình luôn bận tâm xua đuổi được chàng trẻ tuổi ra khỏi tâm trí Luxia, bà thấy không có cách nào tốt hơn là năng nói đến anh ta với cô gái.

- Thế nào? - bà nói với cô. - Ta không nghĩ đến anh chàng ấy nữa chứ?

- Con không nghĩ đến ai cả, - Luxia đáp.

Đônna Praxet không hài lòng về một câu trả lời như thế; bà tuyên bố là cần có những việc làm chứ không phải lời nói; bà kể tràng giang đại hải về cái thói của những cô gái - theo bà nói - khi họ đã ôm ấp một phần tử xấu nào đó trong tim (mà bao giờ họ cũng cứ ngả theo phía ấy), thì họ sẽ không rời anh ta ra nữa. Nếu chẳng may một đám tử tế, hiểu biết, một người hiền lành, một người nết na không thành duyên số với họ, thì họ khuây khỏa rất mau; nhưng nếu là một thằng vô lại, thì vết thương lòng không sao lành được. - Thế là bắt đầu một bài diễn văn bêu dương anh chàng khốn khổ vắng mặt, cái tên tướng cướp đến Milăng để cướp của giết người; và bà còn muốn ép Luxia phải thú nhận những việc xấu xa mà anh ta chắc hẳn đã làm ngay tại quê hương mình.

Với một giọng run lên vì xấu hổ, vì đau đớn, vì tất cả sự phẫn nộ mà tâm hồn hiền dịu và địa vị hèn kém của cô có thể cho phép, Luxia quả quyết xác nhận là ở quê làng chàng trai đáng thương này chưa bao giờ phải để người ta nói đến mình, nếu không phải là để nói tốt cho anh; cô rất muốn, theo như cô nói, một người nào cùng quê có mặt ngay tại đây để cô nhờ chứng thực lời nói của mình. Ngay cả về những chuyện của anh ở Milăng mà cô không hiểu biết gì cho lắm, cô cũng cứ bảo vệ anh, chính là do tất cả những gì cô đã biết về anh và về hạnh kiểm anh từ nhỏ. Nếu cô bảo vệ anh, hoặc có ý định bảo vệ anh, đó chẳng qua hoàn toàn về nghĩa vụ nhân từ, vì lòng yêu chân lí và, để nói đúng cái từ mà cô đã dùng để bày tỏ tình cảm của mình, vì anh là một người đồng loại của cô. Nhưng bà Đônna Praxet lại từ những lời biện hộ ấy rút ra những bằng

chứng mới để thuyết phục Luxia thấy rằng trái tim cô vẫn còn say đắm mê mệt con người này. Và quả thật, trong những lúc ấy, tôi cũng không thể nói rõ tình hình diễn ra thế nào.

Bức chân dung tồi tệ mà bà phu nhân già vẽ ra về chàng trai đáng thương đánh thực dậy trong tâm trí cô gái, do sự đối lập, cái quan niệm của cô đã hình thành về anh sau bao năm quen biết, khiến nó lại càng mãnh liệt và rõ ràng hơn bao giờ hết; những kỉ niệm cố nén xuống cứ bùng lên; thái độ ghê tởm và khinh miệt càng nhắc nhở với cô những lí do trước kia khiến cô quý trọng anh lòng căm ghét mù quáng và quyết liệt càng gọi lên lòng thương xót mãnh liệt hơn; và cùng với những tình cảm ấy, ai có thể nói được một tình cảm khác, vốn len vào hết sức dễ dàng theo sau những tình cảm ấy trong tâm hồn con người, sẽ có thể chiếm vị trí như thế nào? Và người ta có thể hình dung tình cảm ấy có khả năng làm những gì trong một tâm hồn mà người ta cố đuổi nó ra khỏi nơi đó bằng sự cưỡng bức. Dù sao đi nữa thì cuộc trò chuyện về phía Luxia không bao giờ có thể kéo dài, vì những lời nói của cô đã nhanh chóng chuyển thành nước mắt.

Giá như Đônna Praxet bị đẩy đến chỗ đối xử với cô như thế do một mối căm thù lâu đời nào đối với cô, thì có lẽ những giọt nước mắt ấy đã làm bà cảm động và thôi đi; nhưng bà đã nói vì lợi ích của Luxia, cho nên bà cứ tiếp tục không nao núng: cũng như những lời rên rỉ, những tiếng khóc van xin có thể đôi khi chặn đứng vũ khí kẻ thù, nhưng không ngăn được con dao mổ của nhà giải phẫu. Sau khi đã làm tròn bổn phận của mình như thế, bà chuyển từ những lời nói nặng và quở trách sang những lời khích lệ và khuyên nhủ, thậm chí điểm thêm đôi lời khen ngợi, để điều hòa vị chua cay với vị ngọt ngào và dễ đạt mục đích hơn bằng cách tác động đến tâm hồn

từ mọi phía. Tất nhiên những cuộc tranh luận ấy (mà đoạn mở đầu, đoạn giữa và đoạn kết hầu như bao giờ cũng đại khái như nhau) không để lại trong tấm lòng nhân hậu của Luxia chẳng những oán hận thực sự đối với bà thuyết giáo cay nghiệp, vả chăng trên tất cả mọi phương diện khác bà đều cư xử với cô hết sức dịu dàng; bởi vì bà hành động như thế cũng là do thiện ý. Nhưng điều đó gây nên một sự xáo động trong lòng cô gái, khơi dậy biết bao suy nghĩ và tình cảm, khiến cô phải mất nhiều thời gian và rất khó khăn mới trở về được sự yên tĩnh tương đối của cô trước đó.

May mắn lắm thay, cô không phải là người duy nhất được hưởng việc thiện của bà Đônna Praxet, cho nên những lời mắng mỏ ấy cũng không thể diễn ra thường xuyên như thế. Ngoài những người làm của bà, mà tất cả bọn họ đều ít nhiều cần được uốn nắn và chỉ bảo; ngoài tất cả những cơ hội khác để bà làm ơn vì từ tâm cho những người mà đối với họ bà không hề có trách nhiệm gì, những cơ hội mà bà tìm kiếm nếu chúng không tự dẫn đến; ngoài tất cả những cái đó bà còn có năm cô con gái. Không cô nào ở với bà, nhưng các cô khiến bà phải lo nghĩ hơn là nếu các cô ở ngay đây. Ba cô đi tu và hai cô đã lấy chồng; và bà Đônna Praxet tự nhiên có ba tu viện và hai gia đình dưới sự trông nom cao cả của mình; một sự nghiệp to lớn và phức tạp, và càng khó nhọc vì hai chàng rể, được những ông bố, bà mẹ và anh em họ hàng ủng hộ, và ba nữ tu viện trưởng được những bậc quyền quý khác và nhiều nữ tu sĩ che chở, đã không muốn chấp nhận sự trông nom ấy. Đó là một chiến tranh, ngấm ngầm, hiền lành đến mức nào đó, nhưng mãnh liệt và liên tục: ở mỗi nơi trong những nơi ấy, người ta cứ phải luôn luôn để tâm làm sao thoát khỏi những săn sóc ân cần của bà, không phải nghe những lời khuyên của

bà, lẩn tránh những sự thăm hỏi của bà, làm sao để bà không biết được càng ít chừng nào hay chừng ấy, tất cả mọi việc làm ở nơi này.

Tôi không nói đến những sự phản đối, những khó khăn bà vấp phải khi muốn dúng tay vào những việc khác còn xa lạ với bà hơn: ai cũng biết là thường thường người ta phải làm việc thiện cho mọi người bất chấp ý muốn của họ. Nhưng ở nơi mà nhiệt tình của bà có thể tha hồ phát huy hết mức, đó là tại nhà bà: tại đây tất cả mọi người đều phải phục tùng quyền lực của bà trên tất cả mọi phương diện và để làm tất cả mọi việc, trừ Đôn Ferantơ, với ông mọi việc diễn ra theo một cách hoàn toàn riêng biệt.

Là một người có học, ông không muốn ra lệnh cũng không muốn phục tùng. Đối với tất cả mọi việc trong nhà này bà vợ ông làm chủ, thế là phải lắm; nhưng bản thân ông mà bảo ở dưới quyền bà thì không. Và nếu có khi nào bà nhờ ông và ông tiện dịp đem cây bút ra giúp bà, thì đó là do ý thích của ông; vả chăng, ngay cả trong việc này ông cũng biết chối từ, khi ông không đồng ý nói với bà về những điều bà muốn bắt ông viết. "Thì bà lo liệu đi, - trong những trường hợp ấy ông nói, - bà làm lấy đi, nếu bà thấy việc này đã quá rõ ràng". Sau một thời gian nào đó cố lay chuyển sức ỳ của ông và bắt ông hành động mà chẳng được kết quả gì, Đônna Praxet cuối cùng đành chỉ biết càu nhàu, bảo ông là lười nhác, là ương ngạnh, là anh học giả, cách gọi này đồng thời với sự tức tối cũng mang cả một thái độ tự đắc nào đó của bà.

Đôn Feratơ ngồi hàng giờ trong thư phòng của mình, tại đây ông có một bộ sách lớn gần ba trăm cuốn: tất cả đều là sách chọn lọc, những tác phẩm nổi tiếng nhất, khảo cứu những vấn đề khác nhau trong đó ông ít nhiều thông thạo. Về

khoa chiêm tinh học ông nổi tiếng một cách chính đáng là hiểu biết hơn một người nghiệp dư trong lĩnh vực này; bởi vì ông không những chỉ nắm được các tri thức đại cương và các thuật ngữ thông thường về những tác động, những diện mạo, những sự giao hội, ông còn biết nói chuyện bất cứ lúc nào, chẳng khác từ trên một diễn đàn, về mười hai cung của bầu trời, về những vòng tròn lớn, những độ sáng hoặc tối, điểm trung thiên và những độ lệch, những chuyển động đi qua và chuyển động xoay quanh, nói tóm lại về những nguyên lí xác thực nhất và những nguyên lí huyền bí nhất của khoa học này. Và đã gần hai mươi năm nay ông ủng hộ, trong những cuộc tranh luận kéo dài và thường xuyên, phép phân thiên[1] của Cacdan chống lại một nhà bác học khác đã kịch liệt bảo về phép phân thiên của Ancabixiu[2], hoàn toàn vì ngoan cố theo như Đôn Ferantơ nói; ông sẵn sàng thừa nhận sự tài giỏi của người xưa, nhưng cũng không thể chịu được cái thói không muốn đánh giá xứng đáng những người thời nay khi họ đã rõ ràng có lí. Ông cũng biết cách, và không phải ở mức bình thường, lịch sử và khoa học; ông biết, khi cần, dẫn ra những điều tiên đoán nổi tiếng nhất đã được kiểm nghiệm, và biện luận một cách tinh tế và uyên bác về những điều tiên đoán nổi tiếng khác đã không được thực hiện, để chứng minh rằng đó không phải là lỗi của khoa học, mà lỗi của những kẻ đã không biết áp dụng nó.

---

[1] Phép phân thiên: domification. Trong chiêm tinh học domifier có nghĩa là chia bầu trời làm mười hai phần, hoặc cung, để lập một số tử vi.

[2] Giêrôlatô Cacđanô (1501-1576) (tiếng Pháp là Jérôme Cardan): nhà toán học, triết học và thầy thuốc người Ý. Hệ thống triết học tự nhiên của ông chứa đựng, cùng với những yếu tố chiêm tinh thuật và ma thuật, một số tư tưởng khoa học tự nhiên. Hệ thống đó được trình bày chủ yếu trong cuốn sách của Cacdan "về sự tinh tế của các sự vật" (Desebtilitate rerum).
Ancabixiut: nhà chiêm tinh học Ả Rập ở giữa thế kỉ X.

Về triết học cổ đại, ông biết tất cả những gì cần phải biết, và hàng ngày ông vẫn nghiên cứu thế, bằng cách đọc Điêgien Laecxơ[1]. Tuy vậy vì người ta không thể theo tất cả các hệ thống cùng một lúc, dù chúng hay đến mấy, và nếu muốn là nhà triết học thì phải chọn lấy một tác giả, cho nên Đôn Ferantơ đã chọn Arixtôt, theo ông, là người trung cổ cũng không kìm lại là một nhà triết học bậc thầy. Ông có nhiều trước tác khác nhau của những môn đệ đương thời thông thái nhất và sắc sảo nhất của ông thầy ấy; còn với những người phản đối Arixtôt thì ông không bao giờ đọc họ, để khỏi mất thời gian, theo ông nói, cũng không mua tác phẩm của họ để khỏi phí tiền. Tuy vậy, ông đặt cách dành một chỗ trong tủ sách của ông cho hai mươi hai cuốn sách nổi tiếng De subtillitate[2] và cho vài tác phẩm khác của Cacdan chống những người theo Arixtôt[3], do kính trọng công lao của nhà bác học này trong chiêm tinh học; ông nói rằng con người đã viết luận văn *De restitutione temporum et motuum caelestium*[4] và cuốn sách *Dusdecim geniturarum*[5] đáng được lắng nghe, ngay cả khi ông lầm lẫn: rằng khuyết điểm lớn nhất của con người này đã có quá nhiều tài năng, và không ai có thể nói được ông sẽ đi tới đâu, ngay cả trong triết học, nếu như ông cứ luôn luôn theo con đường dúng. Vả

---

[1] Nhà triết học cổ Hi Lạp thế kỉ II sau Công nguyên tác giả công trình sưu tập "Cuộc đời và học thuyết của những người danh tiếng trong triết học".

[2] Về sự tinh tế.

[3] Những người theo Arixtôt: dịch chữ péripatéticiens: những người theo triết học Arixtôt. Đó là tên gọi thời trung cổ để chỉ những người theo một thứ triết học Arixtôt đã bị các nhà kinh viện và các người bảo vệ giáo hội sửa lại và xuyên tạc, tước bỏ những yếu tố duy vật trong triết học này.

[4] Những đính chính trong sự tính toán các màu và các chuyển động của các vì tinh tú (tiếng La tinh).

[5] Cuốn sách về mười hai nguồn phát sinh (tiếng La tinh).

chăng, mặc dầu theo xét đoán của những người hiểu biết thì Đôn Ferantơ nổi tiếng là một nhà pêripatêxiêng[1] thực thụ, nhưng ông vẫn cho rằng kiến thức của ông trên lĩnh vực này chưa đủ; đã nhiều lần ông khẳng định rất khiêm tốn rằng bản thể những khái niệm phổ biến, linh hồn của thế giới, và bản chất của sự vật không phải là những khái niệm rõ ràng như người ta tưởng.

Đối với các khoa học tự nhiên[2] ông xem như một trò tiêu khiển hơn là việc học tập; ngay cả những công trình của Arixtôt trên lĩnh vực này, cũng như những công trình của Plin[3], ông cũng chỉ đọc qua chứ không phải là nghiên cứu; tuy vậy, nhờ sự đọc ấy và nhờ những tri thức tình cờ thu lượm được trong những luận văn về triết học đại cương, và sau khi đã đọc lướt qua *Ma thuật tự nhiên* của Poocta[4], bà cuốn sử *lapidum, animalium, plantarum*[5] của Cacdan, cuốn khảo luận về những cây, cỏ và động vật của Anbe đại nhân[6] và một vài công trình khác không quan trọng bằng, ông cũng biết, khi có dịp, trò chuyện và biện luận về những tính năng kì lạ nhất và những đặc điểm khác thường nhất của một số lớn những thứ cỏ dùng làm thuốc; miêu tả chính xác những hình dáng và

---

(1) péripatéticien: xem chú thích ở trang trước.

(2) Đây chính là nói về "triết học tự nhiên" ; trước khi có khoa học tự nhiên hiện đại, tự nhiên được nghiên cứu bởi một ngành đặc biệt của triết học, trong đó có sự đấu tranh giữa hai khuynh hướng duy tâm và duy vật.

(3) 37 cuốn sách lịch sử tự nhiên của nhà bác học cổ La Mã Plin (23-79).

(4) Giôvan Battixta Poocta (1530-1615): nhà vật lí học và triết học tự nhiên người Ý, tác giả cuốn "Ma thuật tự nhiên" (Magia naturale).

(5) Ba cuốn sách lịch sử về những loại đá, những động vật, những thực vật.

(6) Albert le grand (Anbe đại nhân): Anbe Bonstet ()1193-1280: nhà thần học và triết học kinh viện người Đức một trong những nhà tư tưởng của chế độ phong kiến (danh hiệu "đại nhân" do những nhà thần học Cơ đốc giáo gọi ông).

tập quán của những thủy quái đầu người mình cá của con phượng hoàng kì diệu; giải thích tại sao con hỏa xà[1] có thể nằm lửa mà không bị cháy; tại sao một con cá nhỏ như con rêmora lại có đủ sức mạnh và nhanh nhẹn để chặn đứng biển cả bất cứ một tàu biển lớn nào; làm thế nào những giọt sương lại trở thành những viên ngọc trong lòng những vỏ sò; con kì nhông[2] làm thế nào tự nuôi sống được bằng khí trời; nước đá làm thế nào cứng dần lại qua các thế kỉ tạo thành pha lê; và nhiều bí mật kì lạ khác nữa của tự nhiên.

Đối với những bí mật của ma thuật và phép phù thủy ông càng nghiên cứu sâu hơn, bởi vì, theo vị tác giả vô danh của chúng ta, đây là một khoa học được chứng thịnh hành và cần thiết hơn nhiều, những sự kiện trong đó có tầm quan trọng hơn nhiều và dễ chứng nghiệm hơn. Khỏi phải nói rằng trong việc nghiên cứu một khoa học như thế, ông không bao giờ có mục đích nào khác là nâng cao học vấn của mình và hiểu biết kĩ càng những thủ đoạn xấu xa nhất của bọn phù thủy, để có thể đề phòng và giữ mình chống lại bọn chúng. Người hướng đạo chủ yếu của ông trong lĩnh vực này là Mactin Đenriô[3] vĩ đại (con người của khoa học), và ông đã có thể nói chuyện *ex professo*[4] về bùa yêu, bùa mê, bùa gây oán thù, và rất nhiều chủng loại khác nhau của ba thứ bùa chủ yếu đó mà đến ngày nay, vẫn theo vị tác giả vô danh của chúng ta, người còn thấy đem ra sử dụng quá nhiều hàng ngày với những hậu quả thật đáng buồn. Khiến thức của Đôn Ferantơ về lịch sử, nhất là

---

(1) Salamandre: một loại động vật thuộc loài vừa ở dưới nước vừa ở trên cạn (batraciens), một thời gian dài được xem là không cháy được.

(2) Caméléon.

(3) Mactin Đenriô: nhà thần học tu sĩ dòng Gia tô, tác giả "Những nghiên cứu về ma thuật" (1600).

(4) Hết sức thành thạo (tiếng La tinh)

lịch sử thế giới, cũng rộng và chắc chắn; ở đây những tác giả ông đọc là Tarcanhôta, Đonxơ, Bugati, Campane, Guadô[1], tóm lại là những tác giả nổi tiếng nhất.

Nhưng lịch sử là gì, Đôn Ferantơ thường nói, nếu không có chính trị? Đó là một người dẫn đường cứ đi, đi mãi, không có ai đằng sau để ông ta chỉ đường, và do đó chỉ đi uổng công thôi; cũng vậy chính trị không lịch sử là một người chỉ biết đi mà không có ai dẫn đường. Cho nên trong tủ sách của ông có một ngăn riêng dành cho các nhà trước tác chính trị. Tại đây giữa nhiều tác giả không quan trọng lắm và ít được biết đến, người ta thấy Bôđanh, Cavancanti, Xanxôvinô Paruta, Bôcalini[2]. Tuy vậy có hai cuốn sách mà Đôn Ferantơ đặt lên trên, và trên cao hơn nhiều, tất cả các sách khác trong lĩnh vực này; hai cuốn sách mà đến lúc nào đó ông quen gọi là hai cuốn đứng đầu, mà không bao giờ có thể quyết định được vị trí thứ nhất phải về cuốn nào: một cuốn là *Hoàng đế* và *Những bài luận thuyết* của vị tể tướng nổi tiếng của Florenxơ[3]; một

---

[1] Tarcanhôta, Đonxơ, Bugati, v.v.. các nhà sử học Ý thế kỉ XVI. Nổi tiếng nhất trong số đó là Lôđôvicô Đonxơ, tác giả "tiểu sử Saclơ V" dịch giả của nhiều nhà sử học và nhà thơ cổ đại.

[2] Giăng Bôđanh (sinh khoảng 1530-1596): nhà hoạt động xã hội, nhà luật học và kí giả người Pháp, tác giả luận văn "bàn về nhà nước" (1576) viết để bảo vệ nền quân chủ chuyên chế thời Phục hưng.

Paolô Partuta (1540-1598) nhà sử học và chính khách Vơnidơ tác giả "lịch sử Vơnidơ" và "đàm thoại về chính trị" ca ngợi nước cộng hòa Vơnidơ.

Tơraianô Bôcalini (1556-1613): nhà kí giả và nhà văn trào phúng Ý nổi tiếng đấu tranh chống sự độc đoán của những người cầm quyền phong kiến và quyền Bá chủ Tây Ban Nha. Bị giết bởi tòa án giáo hộ. Những tác phẩm chính của ông: "Những tin tức từ Pacnaxơ" (1612-1613), "Hòn đá thử vàng của chính trị" (1614).

[3] Chữ Maliaven (1469-1527), một chính khác, nhà trước tác và nhà sử học Ý. Ông giữ chức vụ bí thư của Hội đồng Mười người, một tổ chức điều khiển các công việc ngoại giao và quân sự của nước cộng hòa Florenxơ. Trong những tác phẩm của mình, Mokiaven là nhà lí thuyết của chế độ quân chủ chuyên chế và chống lại địa vị bá chủ của giáo hội cơ đốc ở Ý.

kẻ tráo trở, tất nhiên, Đôn Ferantơ nói, nhưng là một trí tuệ sâu sắc; một cuốn nữa là *Ý nghĩa của nhà nước* của con người nổi tiếng không kém Giôvanni Bôtêrô[1], một nhà quân sự, tất nhiên, Đôn Ferantơ lại nói, mà sắc sảo. Nhưng trước thời kì diễn ra câu chuyện này của chúng tôi ít lâu, đã ra đời cuốn sách định đoạt vấn đề địa vị đứng đầu ấy, vượt xa cả những tác phẩm của hai nhà "cự phách" kia, như Đôn Ferantơ nói; cuốn sách trong đó chứa đựng và như là kết tinh tất cả những sự tinh quái của con người, để biết mà tránh nó, và tất cả những đức tính để có thể ứng dụng nó; cuốn sách nhỏ, để có thể ứng dụng nó; cuốn sách nhỏ, mà lời lời châu ngọc, nói tóm lại đó là cuốn Statista regnante[2] của Đôn Valêrianô Caxtigliôn[3], của con người nổi tiếng hơn tất cả mọi người ấy, mà các học giả lớn nhất cũng đua nhau ca ngợi, mà những nhân vật có thế lực nhất cũng phải tranh giành: con người mà đức Giáo hoàng Uocbanh VIII, như mọi người đều biết, khen ngợi bằng những lời đẹp đẽ nhất; mà Hồng y giáo chủ Boreghendơ và vị phó vương ở Napmơ Đôn Pierơ đơ Tôlet khẩn khoản yêu cầu, người thứ nhất nhờ viết tiểu sử Giáo hoàng Pôn V, người thứ hai nhờ ghi chép những cuộc chiến tranh của nhà vua Tây Ban Nha ở Ý, nhưng cả hai người đều uổng công vô ích; con người mà nhà vua Pháp Lui XIII, theo lời khuyên của Hồng y giáo chủ Risơliơ, bổ nhiệm làm sử quan của mình; mà công tước Saclơ Emmanuen xứ Xavoa cũng giao

---

[1] Guovanni Bêtêrô (khoảng 1533-1617) nhà trước tác của thời kì phản cải cách tôn giáo. Trong *ý nghĩa của Nhà nước* (1589) ông chống Makiaven, ông đặt những lợi ích có tính chất chủ nghĩ thế giới của giáo hội lên trên quyền lợi của dân tộc của nhân dân Ý.

[2] Người cầm quyền chấp hành.

[3] Vêlêrianô Caxtigliôn (1593-1668), tác giả luận văn "Người cầm quyền chấp chính" (1626) viết trên cơ sở tác phẩm "ý nghĩa của Nhà nước của Bôtêrô".

phó cho chức vụ ấy; cuối cùng, để khỏi phải kể ra nhiều chức tước vẻ vang khác nữa, con người mà nữ công tước Crixehin, ái nữ của nhà vua Pháp Hăngri IV, hết lời tán dương trong một bằng khen trong đó, cùng với nhiều danh vị khác, bà quả quyết với ông rằng "từ nay ngài đã đạt được ở Ý danh tiếng là nhà trước tác số một của thế kỉ chúng ta".

Nhưng nếu trong tất cả những khoa học mà chúng tôi đã nói đến, Đôn Ferantơ có thể được xem là người hiểu biết, thì có một khoa học trong đó xứng đáng nhận danh hiệu giáo sư: khoa học về hiệp sĩ đạo: không những ông chỉ bàn luận về nó như một bậc thầy mà thường thường, khi người ta nhờ ông giải quyết một vấn đề danh dự nào đó, ông luôn luôn cho một giải pháp. Trong tủ sách của ông, và ta có thể nói là ở vị trí thứ nhất, có các tác phẩm của những nhà trước tác nổi tiếng nhất trong lĩnh vực này: Pari den Pôdô Faoxtô da Lônggianô, Urêa, Mudiô, Rômêi, Anbegatô, cuốn *Foocnô primô* và cuốn *Foocmô xecônội dungô* của Tooquatô Taxô; cũng của tác giả này ông luôn luôn có sẵn và có thể khi cần đọc thuộc lòng tất cả các đoạn nào trong *Jerudalem được giải phóng* cũng như *Jêrudalem bị chinh phục* có thể làm mẫu mực trong hiệp sĩ đạo[1]. Nhưng vị tác giả trên tất cả các tác giả, theo ý ông, là Franxexcô Biragô nổi tiếng của chúng ta, với tác giải này ông đã thậm chí nhiều lần cùng phối hợp để quyết định những phán xét về các vấn đề danh dự; và Briragô về phía mình, cũng nói về Đôn Ferantơ với những lời biểu lộ một sự kính trọng đặc

---

[1] Toocquatô Taxô (1544-1595): nhà thơ Ý danh tiếng của hậu kì phục hưng, tác giả thiên trường ca hiệp sĩ nổi tiếng Jêrudalem được giải phóng. Taxô cũng sáng tác nhiều tác phẩm đối thoại bàn luận các vấn đề đạo đức và đạo đức học. "Jerudalem bị chinh phục" là tác phẩm cải tác "Jêrudalem được giải phóng" do Taxô viết về cuối đời mình khi giới phản động Thiên chúa giáo mạnh lên.

biệt. Ngay khi vừa ra đời cuốn Điscorơi covallereschi[1] của nhà văn lừng lẫy này, Đôn Ferantơ tuyên bố không do dự là tác phẩm ấy sẽ làm tiêu ma uy tín của Ollevanô[2] và sẽ cùng với những tác phẩm cao quý khác gần gụi với nó trở thành gần như bộ luật có uy tín hàng đầu đối với hậu thế: điều tiên đoán ấy, vị tác giả vô danh nói, mọi người đều có thể công nhận là đúng đắn.

Từ đó, vị tác giả vô danh chuyển sang văn học; nhưng chúng tôi bắt đầu nghi ngờ không biết bạn đọc có thật ham thích theo dõi ông trong cuộc điểm duyệt này, và thậm chí chúng tôi đã sợ mang tiếng về phần chúng tôi là kẻ sao chép nô lệ, và cùng chia sẻ với vị tác giả vô danh đáng kính của chúng tôi cái tiếng là kẻ quấy rầy, vì đã quá nhu nhược bám gót chân ông đến tận đây, trong một vấn đề xa lạ với câu chuyện chính của chúng tôi, và trên vấn đề này có lẽ ông chỉ déo dài ra đến thế để phô trương sự hiểu biết của mình, để tỏ ra là ông đứng ngang tầm thời đại. Tuy vậy chúng tôi cứ để nguyên những gì đã viết ra, để không bỏ phí công lao động của chúng tôi, và chúng tôi sẽ bỏ qua những gì còn lại để tiếp tục lên đường: hơn nữa, chúng ta còn một đoạn đường khá dài phải đi mà không gặp một nhân vật nào của chúng ta, và một đoạn đường dài hơn nữa trước khi gặp lại những nhân vật mà số phận của họ chắc chắn được bạn đọc quan tâm hơn cả, nếu như dẫu sao bạn đọc vẫn quan tâm đến một cái gì đó trong tất cả câu chuyện sau này.

Cho đến mùa thu năm sau 1629, tất cả các nhân vật của chúng ta, hoặc tự mình hoặc bị ép buộc, gần như vẫn ở trong

---

[1] Đàm thoại về giới hiệp sĩ.

[2] Olêvanô: tác giả cuốn khảo luận về "Các vấn đề danh dự" xuất bản năm 1605 và được tái bản nhiều lần vào thế kỷ XVII.

tình trạng khi ta từ giã họ, không có điều gì hoặc xảy đến với họ, hoặc do họ có thể làm mà đáng để thuật lại. Đã tới mùa thu bà Anhedơ và Luxia tưởng được sum họp với nhau, nhưng một biến cố xã hội lớn đã đảo lộn kế hoạch ấy và đây chắc chắn là một trong những hậu quả nhỏ nhất của biến cố này. Nhiều biến cố lớn khác nữa tiếp theo, nhưng không đem lại một thay đổi gì đáng kể trong số phận các nhân vật của chúng ta. Cuối cùng, những sự kiện mới, rộng lớn hơn, dữ dội hơn, quan trọng hơn, đã đụng tới họ, tới những kẻ hèn mọn nhất trong số họ, những kẻ đứng ở bậc thang cuối cùng của xã hội: như một cơn bão lớn gầm rú lao đi, quật gẫy và nhổ bật cây cối, tốc mái nhà, gác chuông, đạp đổ tường, và vung vãi khắp nơi những mảnh đổ nát, bốc lên cả những cành nhỏ lấp dưới cỏ, xộc vào mọi xó xỉnh lùa ra những chiếc lá khô nhẹ mà một cơn gió yếu hơn đã thổi vào đó, và cuốn chúng đi trong cơn lốc quay cuồng.

Chương hai mươi tám

Sau cuộc bạo loạn ngày lễ Thánh Mactanh và ngày hôm sau, hình như sự sung túc đã trở lại Milăng như có phép thần. Bánh mì bán tha hồ ở khắp các cửa hiệu; giá rẻ như vào những năm được mùa nhất; và cả bột mì cũng vậy. Những kẻ đã qua hai ngày gào thét và làm bậy ấy giờ đây (trừ một số ít đã bị bắt) có cái mà khoe khoang: và xin các bạn đừng tưởng họ chịu nín tiếng ngay khi vừa mới qua cơn sợ hãi đầu tiên do những cuộc bắt bớ. Trên các quảng trường, ở các góc phố, trong các quán rượu, người ta không giấu giếm niềm vui sướng của mình, người ta chức mừng nhau, người ta xì xào to nhỏ khoe với nhau là đã tìm ra cách làm hạ giá bánh mì. Tuy vậy giữa ngày hội ấy và giữa niềm hân hoan ấy vẫn có (và làm sao có thể khác được) một nỗi lo lắng nào đó, một linh cảm rằng tình hình này không thể lâu bền được. Người ta bao vây nhà các ông chủ hiệu bánh mì và các nhà buôn bột mì, như người ta đã làm trong thời kì sung túc giả mạo và nhất thời trước đây do cái giá bánh mì đầu tiên của Antôniô Fere đem lại. Tất cả đổ xô đi mua không dè dặt; người nào có chút tiền để dành liền chuyển thành bánh mì và bột mì: thùng lớn thùng nhỏ, nồi niêu xoong chảo, tất cả đều trở thành kho

chứa. Như thế, khi ra sức lợi dụng giá rẻ hiện tại, không những họ ngăn cản không cho tình hình này kéo dài, điều đó đã rõ ràng không thể được rồi, mà họ còn luôn luôn làm cho tình hình ấy khó mà tiếp tục dù trong thời gian ngắn. Và đây, ngày 15 tháng mười một, Antôniô Fere *theo lệnh tướng công*, công bố một pháp lệnh cấm bất cứ người nào có hạt mì hoặc bột mì trong nhà, mua những thứ đó dù với số lượng nhỏ nhất, và cấm tất cả mọi người mua quá hai ngày bánh mì, *trái lệnh sẽ bị đóng tiền phạt và nhục hình thei sự xử lí của Tướng công*; người ta đốc thúc tất cả những người có phận sự, và bất cứ người nào khác, phải tố giác những kẻ vi phạm pháp lệnh; người ta ra lệnh cho các quan tòa phải khám xét những nhà họ được báo; nhưng đồng thời người ta truyền lệnh cho các ông chủ hiệu bánh mì phải giữ cho cửa hiệu của họ luôn luôn đầy bánh, *trái lệnh sẽ bị hình phạt năm năm khổ sai hoặc hơn nữa, theo sự xử lí của Tướng công*. Người nào tưởng tượng được một pháp lệnh như vậy có thể thực hiện ra sao, thì người đó phải có một trí tưởng tượng thật mãnh liệt; và giả sử tất cả các pháp lệnh ấy được chấp hành thì Công quốc Milăng chắc chắn phải có nhiều người ở ngoài biển[1] ít nhất cũng bằng nước Anh ngày nay.

Dù thế nào đi nữa, khi ra lệnh cho các chủ hiệu bánh mì phải làm ra nhiều bánh, thì cũng phải làm sao cho họ có đủ nguyên liệu để làm. Người ta đã nghĩ ra (bao giờ cũng vậy, vào thời đói kém người ta lại bắt đầu nghiên cứu những cách chuyển thành bánh mì các thực phẩm mà người ta thường tiêu thụ dưới hình thức khác), tôi nói lại, người ta đã nghĩ ra cách đưa gạo vào trong thành phần bánh mì, thành một thứ

---

[1] Tức là bị đầy đi khổ sai.

gọi là bánh mì độn. Ngày 23 tháng 11 được ban bố một pháp lệnh trưng thu một nửa số gạo chưa xay giã của mỗi người trước kia và hiện nay (vùng này gọi là gạo thô) để đặt dưới quyền sử dụng của quan tổng lí lương thực và mười hai ủy viên của hội đồng lương thực; những người cứ giữ gạo ấy không được phép các quan chức sẽ bị tịch thu và nộp tiền phạt ba ê-quy mỗi thùng, biện pháp đó, như mọi người thấy, là hoàn toàn thích đáng.

Nhưng lấy gạo thì phải trả tiền, và theo một giá hoàn toàn không tương xứng với giá bánh mì. Trách nhiệm bù đắp phần chênh lệch khổng lồ ấy thành phố phải chịu; nhưng Hội đồng các đêcuriông, đã nhận trách nhiệm này, ngay ngày hôm ấy 23 tháng 11 thảo luận và đề đạt lên quan thống đốc để ngài biết rằng họ không có khả năng chịu đựng lâu dài một gánh nặng như thế. Và quan thống đốc, bằng pháp lệnh ngày 7 tháng chạp, ấn định giá gạo này là mười hai lia[1] một thùng; kẻ nào đòi giá cao hơn, cũng như kẻ nào từ chối không chịu bán, sẽ bị tịch thu gạo và nộp tiền phạt bằng giá số gạo đó, và chịu một số hình phạt lớn hơn nữa bằng tiền và thậm chí nhục hình, cho đến án khổ sai, theo sự xử lí của tướng công, tùy theo thực chất mỗi trường hợp và địa vị các phạm nhân.

Gạo xay rồi được định giá từ trước cuộc bạo loạn; cũng vậy, có lẽ biểu giá, hoặc nếu dùng cái từ hết sức nổi tiếng trong những cuốn biên niên sử thời nay, giá tối đa, của lúa mì và những thứ ngũ cốc khác loại thấp hơn, đã được ấn định trong những pháp lệnh khác, mà chúng tôi không có dịp trông thấy.

Bánh mì và bột mì đã được giữ giá hạ như thế ở Milăng.

---

[1] Đồng tiền Ý.

Kết quả là người ở nông thôn kéo ra hàng đàn để mua. Đôn Gôdalô, để khắc phục sự tai hại ấy, theo như ông gọi, bằng một pháp lệnh khác kí ngày 15 tháng chạp cấm việc đưa bánh mì ra khỏi thành phố với một số lượng trị giá hai mươi xu, ai trái lệnh sẽ bị tịch thu bánh mì và phải nộp hai mươi lăm ê-quy tiền phạt, và trong trường hợp không có tiền nộp thì phải chịu hình phạt kéo dây hai lần bêu riếu trước công chúng và những hình phạt nặng nề hơn nữa, như thường lệ, theo sự xử lí của Tướng công. Ngày 22 cùng tháng ấy (người ta không biết vì sao lại chậm đến thế) ngài ban bố một lệnh tương tự cho bột mì và các loại ngũ cốc.

Quần chúng đã muốn làm nảy ra sự sung túc bằng cướp bóc và đốt phá; chính phủ thì muốn duy trì nó bằng hình phạt khổ sai và treo dây. Các phương pháp có giá trị như nhau; nhưng chúng có thể phải làm gì với cái mục đích mà chúng theo đuổi, thì bạn đọc thấy rõ rồi; còn giá trị thực tế của chúng để đạt mục đích ấy có thể như thế nào thì chẳng bao lâu bạn đọc sẽ thấy. Ta cũng dễ thấy và nhận xét này không phải vô ích là tuy vậy vẫn có mối liên hệ chặt chẽ và tất yếu giữa các biện pháp kì lạ đến thế, mỗi biện pháp sau là hậu quả không tránh khỏi của biện pháp trước, và toàn bộ các biện pháp là hậu quả của biện pháp ban đầu đã quy định giá bánh mì quá xa với giá thật sự, nghĩa là với cái giá đáng lẽ phải là kết quả tự nhiên của mối quan hệ giữa cầu và cung. Đối với quần chúng một phương sách như thế luôn có vẻ, và luôn luôn phải có vẻ vừa phù hợp với lẽ công bằng vừa đơn giản và dễ thực hiện: vậy thời hoàn toàn tự nhiên là trong những nỗi lo lắng và cực khổ của thời buổi đói kém, họ ao ước nó, họ cầu xin nó, và nếu có thể thì họ bắt buộc nó. Sau đó, khi những hậu quả đã lộ ra, những người có trách nhiệm phải

cố khắc phục từng hậu quả một bằng một đạo luật ngăn cấm mọi người không được làm cái điều mà họ bị đẩy tới phải làm do đạo luật trước. Tiện đây cho phép tôi đưa ra một sự so sánh đặc sắc. Tại một nước và vào một thời đại gần gũi với chúng ta, cái thời đại rực rỡ nhất và đáng chú ý nhất của lịch sử hiện đại[1], trong những hoàn cảnh tương tự người ta đã dùng đến những phương sách tương tự (có lẽ ta cũng có thể nói về thực chất vẫn là những phương sách ấy, chỉ khác ở quy mô, và diễn ra gần như theo cùng một trình tự), và như vậy mặc dầu thời đại đã đổi thay nhiều và mặc dầu sự phát triển tri thức mạnh mẽ ở Âu Châu, và ở các nước này có lẽ còn phát triển mạnh hơn nơi khác; và như vậy chủ yếu là vì quần chúng nhân dân đông đảo, chưa tiếp thu được những tri thức ấy, đã có thể trong một thời gian dài buộc mọi người phải theo quan điểm của mình và, như người ta nói ở nước đó, cưỡng bức bàn tay người làm luật.

Như thế, để trở về với câu chuyện của chúng ta, cuộc bạo loạn rốt cuộc đã có hai kết quả chính: một sự phung phí và mất mát thực sự về lương thực ngay giữa cuộc bạo loạn; và, chừng nào vẫn còn cái giá đó, một sự tiêu sài rộng rãi, thiếu suy nghĩ, vô độ, làm hao tổn số ít lúa mì đáng lẽ phải cho phép cầm cự đến mùa thu hoạch mới. Thêm vào những hậu quả chung ấy, phải kể đến việc treo cổ bốn người khốn khổ bị xem là những thủ lĩnh của cuộc bạo loạn: hai người ở trước cửa "Hiệu bánh mì chống nạng", và hai người ở đầu dãy phố có nhà viên tổng lí lương thực.

Vả lại, những ghi chép lịch sử thời ấy được viết một cách

---

[1] Đây là hiển nhiên là nói đến nước Pháp, cuộc Cách mạng Pháp, và *đạo luật về giá tối đa.*

hỗn độn đến nỗi trong những ghi chép ấy người ta thậm chí không thấy được làm thế nào và đến khi nào thì cách quy định giá cả độc đoán này chấm dứt. Nếu như vì thiếu tài liệu chính xác mà được phép đưa ra những giả thiết, thì chúng tôi muốn cho rằng nó đã được bãi bỏ ít lâu trước hoặc sau ngày 24 tháng chạp là ngày hành hình bốn nạn nhân nói trên. Còn về những pháp lệnh, thì sau cái cuối cùng đã kể trên kí ngày 22 cùng tháng ấy, chúng tôi không thấy pháp lệnh nào khác nữa về vấn đề lương thực, hoặc giả vì chúng đã bị mất hay lọt ra ngoài phạm vi tìm kiếm của chúng tôi, hoặc giả vì chính phủ, đã thất vọng nếu không phải đã rút được một bài học từ những biện pháp vô hiệu quả của mình và chán nản vì những sự kiện xảy ra, đã để mặc cho những pháp lệnh ấy trôi đi theo chiều hướng riêng của chúng.

Tuy nhiên, trong những truyện kể của nhiều sử gia (họ có khuynh hướng miêu tả những biến cố lớn hơn là ghi chép những nguyên nhân và quá trình phát triển của chúng), chúng tôi thấy một bức tranh của đất nước và nhất là của thành phố, vào cuối mùa đông và vào mùa xuân, khi cái nguyên nhân của tai họa, tức là sự mất cân đối giữa số lương thực hiện có và nhu cầu, chẳng những đã không được khắc phục lại còn gay gắt thêm do những biện pháp đã tạm thời trì hoãn những tác động của nó; và tình hình ấy thậm chí cũng không thể bổ cứu bằng việc đưa từ ngoài vào một khối lượng ngũ cốc đầy đủ, việc này bị cản trở bởi sự thiếu thốn các phương tiện công cộng và tư nhân, bởi cảnh đói kém ở những vùng chung quanh, bởi sự nghèo nàn, chậm chạp và những trắc trở của thương nghiệp, và bởi chính những đạo luật nhằm tạo ra và duy trì những giá hạ. Và thế là, tôi nhắc lại, nguyên nhân thật sự của nạn đói, hoặc nói đúng hơn bản thân nạn đói

bột phát ra với tất cả sức tàn phá dữ dội của nó. Và cảnh tượng đau lòng ấy diễn ra trước mắt ta như thế này.

Cứ mỗi bước đi lại thấy những quán làng đóng cửa; các xí nghiệp phần lớn vắng ngắt, trên đường phố là nơi diễn ra những cảnh nghèo khó không bút nào tả xiết và những nỗi đau khổ không bao giờ hết. Những người ăn mày chuyên nghiệp, bây giờ thành ra thiểu số, hòa lẫn, tan biến trong một đám đông mới những kẻ nghèo đói có khi buộc phải tranh giành của bố thí cho mình. Những cậu bé phục việc, những nhân viên các cửa hàng bị chủ sa thải, do thu hoạch hàng ngày của họ bị giảm sút hoặc mất hẳn, phải sống chật vật bằng tiền để dành và tiền vốn của họ; ngay cả những nhà công nghệ vì công việc đình đốn mà phải vỡ nợ và phá sản; những người thợ, và thậm chí những thợ cả, của mọi nghề nghiệp và mọi công nghệ, từ những công nghệ thông thường nhất và thiết yếu nhất đến những ngành mĩ nghệ xa xỉ phẩm tinh vi nhất, đi lang thang từ cửa này đến cửa khác, phố này sang phố kia, đứng tựa ở các góc phố, ngồi xổm trên các vỉa hè, bên những ngôi nhà và những nhà thờ để ăn xin một cách thảm thương; hoặc là, do dự giữa nhu cầu thúc bách và nỗi nhục mà họ còn chưa vượt qua được, hốc hác, kiệt sức, run cầm cập vì rét và đói trong những áo quần cũ mong manh nhưng vẫn còn giữ lại, ở nhiều người dấu vết một cuộc sống dư dật trước; và trong cảnh ngồi không và hèn hạ hiện nay, họ vẫn để lộ ra tôi không biết dấu hiệu gì đó của một con người hoạt động và có phẩm giá như xưa kia. Lẫn vào đám đông đáng thương ấy, và họ không phải là một bộ phận nhỏ, có những người đầy tớ bị chủ sa thải, vì những ông chủ của họ hoặc từ mức sống bình thường sa vào cảnh túng thiếu, hoặc rất giầu có đi nữa cũng không thể giữ mãi cảnh sống sang trọng quen thuộc trong

hoàn cảnh này. Và cùng với những con người cơ nhỡ khác nhau ấy là bao nhiêu người khác nữa vẫn quen sống nhờ thu hoạch của những người này: trẻ con, đàn bà, cụ già, hoặc bám quanh những người đã từng là chỗ dựa của họ hoặc tan tác khắp nơi để xin ăn.

Lại có cả những người mà người ta nhận ra qua chỏm tóc bù sù, qua những áo quần rách rưới mà sặc sỡ, hoặc thậm chí qua cái vẻ đặc biệt trong dáng đi và cử chỉ của họ, qua những dấu về mà bao thói quen đã in trên mặt họ, và vì những thói quen ấy càng khác thường cho nên những dấu vết này càng nổi lên rõ nét - đó là không ít những đứa trong bọn *lâu la* do tai họa chung đã bị mất phần bánh mì tội lỗi của chúng, và giờ đây phải đi cầu xin bánh mì ấy ở những người từ thiện. Bị cái đói giày vò, chỉ còn cạnh tranh với người khác bằng những lời cầu khẩn, sợ hãi, mệt mỏi, chúng lê chân qua các phố nơi chúng đã bao lần nghênh ngang dạo bước con mắt soi mói và dữ tợn, trong bộ đồng phục gia nô sang trọng và kì quái, với những cái lông to cắm trên mũ, đeo những vũ khí đắt tiền, khắp người trưng diện và sức nước hoa; thế mà giờ đây chúng chúm núm chìa ra cái bàn tay mà chúng đã bao lần láo xược giơ lên để hăm dọa, hoặc để đánh những đòn hiểm độc.

Những cảnh tượng ghê gớm nhất và cũng đáng thương nhất là cảnh những người nông dân hoặc đi lẻ loi, hoặc đi từng tốp hay cả gia đình; chồng, vợ, con nhỏ bồng bế trên tay hoặc dịu sau lưng còn tay kia thì dắt díu những đứa khác, theo sau có ông bà già. Một số người đã chạy trốn một cách tuyệt vọng khỏi ngôi nhà của họ bị xâm chiếm và cướp phá bởi đám quân lính ô hợp đóng tại nơi đó hoặc hành quân qua đó; và trong số họ có những người, như để gợi thêm lòng thương xót, và để nổi bật lên trong cảnh khốn cùng, phơi ra những vết tím bầm

hoặc những cái sẹo do những đòn mà họ phải chịu khi bảo vệ chút lương thực ít ỏi cuối cùng của họ, hoặc khi chống cự lại những thói hung bạo điên cuồng. Những người khác tránh được cái tai họa đặc biệt này thì cũng bị xua đuổi khỏi nhà bởi tai họa mà không một nơi nào trong nước thoát khỏi: nạn mất mùa, và gánh nặng thuế khóa đã trở nên cùng cực hơn bao giờ hết để thỏa mãn cái mà người ta gọi là nhu cầu chiến tranh, những người ấy đã đến hoặc đang kéo đến thành phố, như đến một pháo đài cổ và thành trì cuối cùng của sự giàu sang và lòng nhân từ thành kính. Người ta có thể phân biệt những người mới đến không chỉ ở dáng đi ngập ngừng và cái vẻ lạc lõng của họ, và nhất là ở sự ngạc nhiên và bực dọc của họ, và bực dọc của họ vì thấy biết bao người đổ xô tới tranh giành nhau trong cảnh nghèo đói, ở nơi mà họ đã tưởng khi họ xuất hiện sẽ gọi được tình thương xót đặc biệt hơn, sẽ thu hút được sự chú ý và giúp đỡ của mọi người. Những người khác, lâu nay vẫn sống lang thang và sống trên đường phố, chỉ sống vất vưởng nhờ của bố thí hoặc sự cứu tế nào đó đến với họ dường như ngẫu nhiên, do tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa của cải và nhu cầu, họ mang trên nét mặt và cử chỉ một vẻ kinh hãi sâu sắc hơn và gần gũi hơn với sự tuyệt vọng. Giữa những áo quần khác nhau (đối với những người ít ra còn có thể nói là có mặc áo quần) và những hình dáng bên ngoài khác nhau của họ, người ta nhận ra bộ mặt nhợt nhạt của những người miền xuôi, nước da rám nắng của những người trung du và miền đồi, sắc da đỏ sạm của những người miền núi. Nhưng ở tất cả vẫn là một vẻ mệt lả, phờ phạc vì cực khổ, đâu đâu cũng vẫn là những hốc mắt trũng sâu, những cái nhìn đờ đẫn, những mái tóc bù sù, những bộ râu dài và rậm; những thân hình cao lớn và thoáng hiện ra trong lao động giờ đây gầy mòn

vì đói ăn; một làn da răn rúm trên những cánh tay khô héo, những cẳng chân khẳng khiu và những bộ ngực lép kẹp mà người ta trông thấy qua những áo quần rách rưới xộc xệch. Và, khác với cảnh sức mạnh bị đánh quỵ nhưng không kém đau lòng, là cảnh đàn bà và trẻ em do bản chất yếu ớt của cơ thể càng lộ rõ hơn sự tiều tụy, sự kiệt sức hoàn toàn.

Đây đó ở các phố, dưới chân tường, các ngôi nhà người ta thấy những đống rơm nhỏ bị xéo nát có lẫn những mảnh giẻ bẩn thỉu. Vậy mà cái thứ rác rưởi ấy lại chính là món quà tặng biểu hiện sự quan tâm của những tấm lòng từ thiện; đó là cái ổ được người ta sắp sẵn để một số người trong số những kẻ khốn cùng ấy đêm đến có chỗ ngả lưng. Ngay giữa ban ngày, thỉnh thoảng cũng đến đây nằm nghỉ những người quá mệt và quá đói không còn sức nhấc chân lên được nữa. Đôi khi trên cái giường thảm thương này có một thây người, có khi người ta trông thấy một người nào đó bỗng ngã lăn đùng ra như một mảnh giẻ, và để lại xác trên mặt đường.

Bên một số giường như thế, người ta cũng trông thấy một người qua đường hoặc một người láng giềng nào đó bỗng nhiên tràn ngập lòng thương xót đến nghiêng mình tưởng niệm. Ở một vài nơi khác việc cứu trợ được tổ chức từ sớm hơn và có sự lo xa hơn, do một bàn tay không thiếu phương tiện và vẫn quen ban pháp rộng rãi những ân huệ của mình: đó là bàn tay của đức ngài Fêđêrigô nhân từ. Ngài đã chọn sáu tu sĩ giàu lòng nhân đức và chịu thương chịu khó, lại có cơ thể mạnh khỏe; ngài chia họ làm ba nhóm, hai người chịu trách nhiệm đi khắp một phần ba thành phố, đi theo họ có những phu nhân mang đồ ăn, cả những thứ thuốc bổ tinh chất lại sức mau hơn, và quần áo. Mỗi buổi sáng, ba nhóm lên đường theo các hướng khác nhau, đến bên những người họ thấy bỏ nằm

dưới đất, và mang lại cho mỗi người một sự giúp đỡ tùy theo nhu cầu của từng người. Một số người đã hấp hối không còn ăn được nữa, nhận được những lời an ủi cuối cùng của các giáo sĩ. Với những người đó hoặc cho xúp, trứng, bánh mì, rượu vang; với những người khác đã lả đi vì phải nhịn đói lâu ngày, họ đưa ra nước hầm thịt, nước hoa quả, rượu bổ, sau khi đã làm cho những người ấy hồi tỉnh bằng rượu mạnh. Đồng thời, họ phân phát quần áo cho những người mà cơ thể trần trụi đã lộ ra đến mức khiếm nhã và đau lòng nhất.

Và sự giúp đỡ của họ không dừng lại ở đó: vị giáo chủ nhân đức đã muốn rằng ít ra ở nơi nào sự giúp đỡ ấy có thể vươn tới, thì nó cũng đem lại một sự cứu trợ có hiệu quả, chứ không phải nhất thời. Với những người nghèo khổ mà sự chi viện đầu tiên này có thể giúp cho đủ sức đứng dậy và bước đi, họ được tặng một ít tiền, để những người ấy không vì nhu cầu cuộc sống sau này và thiếu sự giúp đỡ mà nhanh chóng lại rơi vào tình trạng cũ; với những người khác, họ tìm cách gửi gắm cho ăn ở nhờ một trong những nhà gần nhất. Những nhà khá giả phần lớn nhận nuôi những người này làm phúc, do sự nhờ cậy của Hồng y giáo chủ; với những người giàu lòng tốt nhưng không có tiền của thì các giáo sĩ yêu cầu nhận cho ở trọ; họ định giá và trả ngay một khoản tiền tạm ứng. Sau đó họ báo cho các linh mục biết địa chỉ những người ở nhờ, để các linh mục đến thăm, và bản thân họ cũng trở lại thăm hỏi.

Chẳng cần phải nói là Fêđêrigô không chỉ hạn chế sự quan tâm của mình ở việc an ủi những nỗi khổ cùng cực ấy và ngài không đợi chúng đạt đến mức ấy, mối động lòng, tìm lòng nhân ái đằm thắm và bao la này cảm nhận tất cả nỗi khổ, chăm lo tất cả, đến ngay nơi nào đã không thể phòng ngừa trước, và sử dụng tất cả mọi hình thức để những nhu cầu rất

khác nhau đòi hỏi. Thật vậy, tập trung tất cả tiền bạc của mình, tiết kiệm ngặt nghèo hơn nữa những khoản tiêu dùng cho bản thân, rút trong những số tiền để dành cho các việc thiện khác mà tầm quan trọng bây giờ trở thành hết sức thứ yếu, ngài đã tìm mọi cách để có tiền và sử dụng toàn bộ số tiền ấy cho việc cứu đói. Ngài đã mua nhiều ngũ cốc và gửi một phần lớn số ngũ cốc ấy cho những nơi thiếu đói, nhất trong giáo hạt của ngài; và bởi vì sự cứu giúp còn xa mới đáp ứng được nhu cầu, ngài cũng gửi cả muối, "với thứ muối ấy, - Ripamôngti nói với chúng ta khi kể lại chuyện này[1] - cỏ ngoài đồng và cỏ cây cũng biến thành thức ăn". Ngài cũng phân phát cả hạt mì và tiền cho các linh mục trong thành phố; bản thân ngài đi từ khu phố này đến khu phố khác ban phát cho bố thí; ngài âm thầm cứu giúp nhiều gia đình nghèo; trong dinh thự tổng giám mục của ngài, như một nhà văn đương thời, vị thầy thuốc Alêchxađrơ Tađinô, chứng thực trong một thiên kí sự[2] mà sau này chúng tôi sẽ có nhiều dịp viện dẫn, mỗi buổi sáng người ta phát chẩn hai nghìn bát cháo.

Nhưng tất cả những việc thiện ấy, mà chắc chắn chúng ta có thể đánh giá là vĩ đại nếu ta xét đó chỉ là sự nghiệp của một người sử dụng những của cải mình thôi (bởi vì Fêđêrigô một mực từ chối không chịu làm người phân phát những ân huệ của người khác), thêm vào đó những sự cứu tế của nhiều tư nhân khác nữa, dẫu chẳng được dồi dào như thế nhưng

---

[1] Historriae Patriae (lịch sử nước nhà), Decadis V, Lib, V, tr, 386 (chú thích của tác giả).

[2] Ragguaglio dell' Origine et giornali successier delle gran peste contagiosa, venefica et malefica, seguita malla citta di Milano, etc. Milano, 1648, p. 10 (Kí sự về căn nguyên và những tàn phá hàng ngày của nạn dịch hạch truyền nhiễm, độc hại, xảy ra ở thành phố Milăng v.v... Milăng, 1648, tr 10) (Chú thích của tác giả).

cũng không phải là ít ỏi, và cuối cùng phải kể những khoản trợ cấp của Hội đồng các Đêcuriông giao cho tòa án lương thực phân phối: tất cả những cái đó cộng lại vẫn còn quá ít so với nhu cầu. Trong khi một số dân miền núi sắp chết đói được kéo dài cuộc sống nhờ lòng nhân đức của Hồng y giáo chủ, thì những người khác bị đẩy tới chỗ cùng cực của sự thiếu thốn; và những người đầu tiên, một khi sự cứu giúp có hạn ấy đã kiệt quệ, cũng lại rơi vào tình trạng như thế. Ở chỗ khác, những cảnh cực khổ khác, không phải là bị quên nhưng tạm gác lại vì công việc từ thiện buộc phải lựa chọn, đã trở thành trầm trọng đến mức chết người; chỗ nào cũng có người chết và từ khắp nơi người ta đổ dồn về thành phố. Tại đây, hai nghìn người đói có phần mạnh khỏe và nhanh nhảu hơn đã có thể thắng những kẻ cạnh tranh với mình và len lên trước nhận một bát cháo, vừa đủ để không chết ngay ngày hôm ấy; nhưng hàng nghìn người khác tụt lại sau thèm khát số phận những kẻ sung sướng hơn mình, nếu ta có thể gọi họ như vậy, mà những người ấy lại thường có cả vợ con và bố mẹ. Và trong khi ở một số nơi trong thành phố có những kẻ nghèo khổ cùng cực nhất được nâng dậy trên mặt đường, cho ăn uống hồi sức đưa về nuôi một thời gian nào đó, thì ở hàng trăm nơi khác những người khác ngã xuống vì kiệt sức và thậm chí thở hơi cuối cùng, không được một sự giúp đỡ hoặc một lời an ủi.

Suốt ngày người ta nghe thấy trong các phố những tiếng van xin ồn ào hỗn độn, còn ban đêm là những tiếng rền rĩ lầm rầm không ngớt thỉnh thoảng đột nhiên bị ngắt bởi những tiếng khóc ré lên, những lời kêu van khẩn thiết hơn chấm dứt bằng những tiếng thét chói tai.

Một điều kì lạ là trong cảnh khốn khổ đến cùng cực như

thế, giữa bao lời than thở đắng cay đến thế, mà không bao giờ thấy một mưu toan bạo động, một tiếng thét nổi loạn: ít ra lịch sử cũng không để lại một dấu vết nào về chuyện đó. Mà tuy vậy, giữa những người đã sống và chết trong hoàn cảnh ấy không thiếu những kẻ đã được rèn luyện ở trường học hoàn toàn không phải là trường học nhẫn nhục; trong số đó chính là có hàng trăm kẻ đã làm náo loạn trong ngày lễ thánh Mactanh. Và ta không thể cho rằng đó là do tấm gương của bốn người khốn khổ đã thế mạng cho tất cả đủ để ngăn giữ họ lại: cái hồi ức, chứ không phải sự có mặt, của những cực hình có thể có hiệu lực gì đối với đầu óc một đám người lang thang và tụ tập đang thấy mình bị đày đọa vào một cực hình chậm chạp và cũng đã phải chịu đựng cái cực hình ấy rồi? Nhưng con người nói chung vốn sinh ra như vậy chúng ta nổi khùng lên, bất bình và giận dữ, chống lại những tai họa có hạn, và chúng ta lặng lẽ nai lưng ra gánh chịu những tai họa cùng cực; một nỗi khổ mà thoạt đầu ta nói là không thể chịu đựng nổi, nhưng ta lại chịu đựng khi nó đã phát triển đến mức tột cùng, và như thế không phải vì nhẫn nhục mà do ta đã tê dại đi.

Cái khoảng trống mà Thần Chết tạo ra hàng ngày trong đám quần chúng đáng thương ấy thì cũng hàng ngày được lấp quá thừa: đó là một dòng người liên tục chảy đến, thoạt đầu từ các làng chung quanh, rồi từ khắp miền này, rồi từ những thành phố khác của Công quốc, và cuối cùng thậm chí từ những thành phố của các công quốc khác nữa. Và đồng thời, ngay cả từ Milăng hàng ngày có những cư dân vốn ở đó từ trước cũng ra đi: một số người để khỏi phải nhìn thấy bao cảnh đau thương như thế những người khác thì dọ thấy chỗ của họ nếu có thể, nói như vậy, bị chiếm bởi nhiều kẻ cạnh

tranh mới trong nghề hành khất, họ ra đi với một mưu toan tuyệt vọng cuối cùng để cầu xin sự cứu tế ở nơi khác, ở bất cứ đâu, miễn là đám người không chen chúc nhau đến thế và, sự cạnh tranh của những kẻ hành khất khác đỡ kịch liệt hơn. Trong những cuộc hành trình ngược chiều nhau của họ, hai dòng người hành hương ấy gặp nhau, cảnh tượng khủng khiếp cho cả đôi bên, cái tiền vị đau đớn, điềm gở báo trước những gì đang đợi cả bên này và bên kia ở cuối cuộc hành trình. Nhưng tất cả vẫn tiếp tục con đường của họ, nếu chẳng còn chút hi vọng nào thay đổi số phận của mình thì ít ra cũng khỏi phải quay về với những ngày ghê tởm khỏi phải nhìn lại những nơi đã đẩy họ đến cảnh tuyệt vọng. Rồi đôi khi một người nào đó trong số họ, sức tàn lực kiệt, ngã xuống mặt đường và chết tại đó; cảnh tượng còn thê thảm hơn đối với những bạn đồng hành cùng khốn của anh ta, gây nên nỗi kinh sợ và có thể cả sự trách móc đối với những khách qua đường khác. "Chính tôi nhìn thấy, - Ripamôngti viết, - trên con đường dọc theo dãy tường thành vòng quanh thành phố cái thây một người đàn bà... từ miệng chị ta còn những dúm cỏ đang nhá dở và môi chị ta còn co quắp như trong một cố gắng điên dại... Chị có một tay nải nhỏ trên vai, và một đứa hài nhi địu bằng tã lót trên ngực đang khóc đòi bú mẹ... Những người qua đường động lòng thương xót nhặt đứa bé đáng thương lên và mang nó đi, làm nhiệm vụ thay mẹ nó.

Cảnh đối lập giữa những đồ trang sức và những áo quần rách rưới, giữa những vật xa xỉ và sự cùng khốn lúc này đã hoàn toàn mất hẳn. Hầu như khắp nơi chỉ thấy những áo quần rách rưới và sự khốn cùng; và nếu có cái gì nổi khác lên, thì đó cũng chỉ là một bề ngoài tầm thường xoàng xĩnh. Người ta thấy những nhà quý tộc đi đường với bộ áo quần giản dị và

bình thường, hoặc thậm chí cũ kĩ và tồi tàn; người này do những nguyên nhân cũng của sự cùng khốn đã thay đổi số phận họ đến mức ấy, hoặc đã đánh một đòn cuối cùng vào tài sản vốn đã lung lay của họ; người kia thì sợ sự xa hoa của họ sẽ khiêu khích nỗi tuyệt vọng chung, hoặc vì họ xấu hổ không muốn lăng nhục tai họa của tất cả mọi người. Những bạo chúa, mà người ta căm thù và kính nể, đã quen dạo chơi thành phố với một đoàn lâu la theo hầu, bây giờ gần như chỉ đi một mình, đầu cúi gằm, với bộ mặt như muốn cầu xin sự yên lành. Những nhà quý tộc khác, ngay cạnh trong thời thịnh vượng đã có những tình cảm nhân đạo hơn và một thái độ nhũn nhặn hơn, chính họ bây giờ cũng có vẻ bối rối, sững sờ và như là u uất vì cứ phải luôn luôn nhìn mãi cái cảnh khốn khổ không những vượt quá tất cả mọi khả năng cứu tế, mà hầu như có thể nói đến tình thương cũng hoàn toàn bất lực. Con người có chút của bố thí cũng vẫn phải làm một việc lựa chọn đáng buồn giữa hai cái đói, giữa hai đòi hỏi thúc bách. Một bàn tay từ bi vừa mới đưa tới gần bàn tay một người khốn khổ thì lập tức khắp chung quanh xảy ra một cuộc tranh chấp giữa những người khốn khổ khác; những kẻ còn sức hơn cả tiến lên để van xin khẩn thiết hơn, trong khi những người kiệt sức nhất, ông bà già và trẻ con, chìa những bàn tay xương xẩu ra, và những bà mẹ giơ lên cho thấy từ xa những đứa con đang khóc, học qua quít trong những cái tã rách nát đã xỉu đi vì kiệt sức trong bàn tay mẹ.

Mùa đông và mùa xuân đã qua đi như thế: từ ít lâu nay tòa án y tế đã báo cho tòa án lương thực biết những nguy cơ truyềm nhiễm đang đe dọa do sự tập trung quá nhiều người cùng khổ trong khắp cả thành phố, và đề nghị thu nhặt những người hành khất đưa về các nhà tế bần. Trong khi người ta

thảo luận đề nghị ấy, chấp nhận nó, tìm những phương tiện, phương pháp và địa điểm thích hợp để thực hiện nó, thì số xác người cứ nhiều mãi lên trong các phố, và tất cả những nỗi khổ cực khác cũng lớn lên theo. Ở tòa án lương thực, người ta đề nghị một biện pháp dễ nhất và nhanh nhất là tập trung tất cả những người hành khất, khỏe mạnh và ốm đau, vào một nơi duy nhất, vào trại phòng dịch. Tại đây họ sẽ được nuôi nấng và chăm sóc bằng tiền công quỹ. Điều này đã được quyết định, bất chấp ý kiến ngược lại của tòa án y tế phản đối là một sự tập trung nhiều người đến thế chỉ có thể làm cho mối nguy mà người ta muốn phòng ngừa càng lớn hơn.

Trại phòng dịch Milăng (phòng khi cuốn truyện này có thể rơi vào tay một người nào không biết nơi ấy hoặc tự mắt nhìn, hoặc qua miêu tả) là một khu đất bốn bề quây kín, gần như vuông vắn, ở ngoài thành phố, bên trái Cửa đông, ngăn cách với dãy tường thành bằng một cái hào, một con đường vòng quanh, và một con mương vây bọc lấy khu đất kín. Hai bề lớn nhất dài chừng năm trăm bước; những bề khác có lẽ ngắn hơn mười lăm bước. Ở vành ngoài, tất cả bốn bề đều chia thành những căn phòng nhỏ một tầng; bên trong dọc theo ba bề là một dãy hành lang có mái vòm và được chống đỡ bằng những cột nhỏ mảnh khảnh.

Tất cả có khoảng hai trăm tám mươi tám gian: ngày nay, một nửa lớn được mở ra ngay giữa mặt trước, và một cửa khóa, nhỏ hơn, ở góc của cạnh chạy dọc đường cái, đã xóa đi không biết bao nhiêu gian. Vào thời xảy ra câu chuyện này của chúng tôi chỉ có hai cửa vào một ở giữa cạnh trông sang bức tường thành của thành phố, một ở cạnh đối diện. Ở giữa khoảng đất bên trong vào thời ấy và bây giờ vẫn có một nhà thờ nhỏ hình bát giác.

Mục đích ban đầu của toàn bộ cơ ngơi này, bắt đầu xây dựng vào năm 1489 bằng tiền quyên góp của một tư nhân, rồi tiếp tục bằng công quỹ và tiền quyên góp của những nhà bằng tâm hằng sản khác, như cái tên của nó đã nói, là để thu nhận, khi hữu sự, những người mắc bệnh dịch hạch; một thứ bệnh đã từ lâu trước thời kì này và rất lâu nữa sau đó, vẫn thường có thói quen nổ ra hai, bốn, sáu hoặc tám lần trong một thế kỉ, khi ở nước này khi ở nước khác tại Châu Âu, có khi hoành hành trên một phần lớn lục địa. Vào thời chúng ta đang nói đây, trại phòng dịch chỉ dùng làm kho chứa những hàng hóa phải cách li kiểm dịch.

Vậy là, để giải tỏa nó người ta không phải tuân thủ nghiêm ngặt gì cho lắm những quy tắc vệ sinh, và sau khi đã "tẩy uế" và làm những thao tác quen thuộc đã định, người ta tức tốc chuyển đi ngay toàn bộ hàng hóa. Người ta rải rơm trong khắp các phòng, người ta tích trữ lương thực với tất cả khả năng cho phép, cả về chất lượng và số lượng, và bằng một sắc lệnh đặc biệt người ta mời tất cả những kẻ hành khất đến đây ở.

Nhiều người tự nguyện đến, tất cả những kẻ ốm đau nằm trong các phố và trên các quảng trường đều được chở tới đây. Trong vài ngày đã có tới trên ba ngàn người. Nhưng số đông hơn vẫn còn ở bên ngoài, hoặc vì mỗi người đều đợi cho những kẻ khác ra đi để còn lại ít hơn và được hưởng nhiều hơn những của bố thí của thành phố; hoặc vì có lẽ họ cũng cảm thấy nỗi ghê tởm tự nhiên trước cảnh giam cầm, hoặc đó là lòng ngờ vực của những người nghèo đối với tất cả những gì mà những kẻ nắm giữ của cải và quyền hành đề ra với họ (lòng ngờ vực luôn luôn tỉ lệ thuận với sự dốt nát của cả người cảm thấy nó và người gây ra nó, với số lượng những

người nghèo khổ, và với tính chất vô lí của các đạo luật); hoặc vì họ biết cái ơn huệ người ta ban cho họ thật ra là cái gì; cuối cùng, hoặc vì tất cả những lí do ấy cộng lại: chỉ biết rằng phần lớn chẳng đếm xỉa gì đến lời mời, cứ tiếp tục cuộc sống vất vưởng trong các phố.

Thấy tình hình như vậy, người ta cho rằng nên chuyển từ sự mời mọc sang sự ép buộc. Người ta cho các đội lính cảnh sát đi tuần tra, để xua những kẻ hành khất về trại phòng dịch, và những kẻ nào kháng cự thì bị trói điệu về; cứ mỗi kẻ hành khất đưa về thì họ được thưởng mười xu: quả thật, ngay trong cảnh túng bấn nhất, tiền công quỹ cũng không bao giờ thiếu để làm những việc vô nghĩa lí. Mặt khác, theo những sự phỏng đoán, và thậm chí sự mong muốn, của tòa án lương thực, thì một số kẻ hành khất đã rời bỏ thành phố để đi sống hoặc chết nơi khác, nhưng ít ra cũng trong cảnh tự do; mặc dầu vậy, cuộc săn đuổi vẫn quyết liệt đến nỗi chỉ trong một thời gian ngắn số người vào trại phòng dịch, tự nguyện hay bị ép, đã lên tới một vạn.

Tất nhiên ta phải cho rằng đàn bà và trẻ em được thu xếp ở những khu riêng, nhưng các hồi kí thời ấy không nói gì về điều nay cả. Còn nội quy và những biện pháp giữ gìn trật tự thì chắc hẳn là không thiếu; nhưng mỗi người chúng ta thử hình dung xem người ta có thể thiết lập và duy trì được cái trật tự gì, nhất là vào một thời kì như thế và trong những hoàn cảnh như thế, với một sự tập trung những con người khác nhau đông đến thế, trong đó những người tình nguyện ở lẫn với những người bị ép buộc; những người mà việc ăn xin là một nhu cầu cấp bách, một nỗi đau đớn và nhục nhã, ở lẫn với những kẻ hành khất chuyên nghiệp, những người đã sống cuộc đời ngay thẳng làm việc trên

những cánh đồng và trong các xưởng thợ ở lẫn với những kẻ bê tha trên các quảng trường, trong các quán rượu, trong những lâu đài bạo chúa, đã quen với những thói ăn không rồi, lừa đảo, càn rỡ và bạo ngược.

Còn như tất cả bọn họ đã được ăn và ở như thế nào, thì cho dù không có những tài liệu chính xác về vấn đề này ta vẫn có thể hình dung ra nó một cách đáng buồn; nhưng chúng tôi đã có tài liệu chính xác. Họ ngủ chồng chất hai mươi hoặc ba mươi người trong mỗi căn buồng nhỏ, hoặc ngồi xổm ở những hành lang phủ ít rơm ủng và thối, hoặc thậm chí ngủ ngay trên mặt đất: bởi vì mặc dầu người ta đã nghiêm lệnh là rơm phải tươi, có đủ, và thay luôn, nhưng trên thực tế vẫn chỉ là rơm nát, thiếu, và không được thay. Người ta cũng đã ra lệnh phải cung cấp bánh mì loại tốt: thì làm gì có nhà chức trách nào ra lệnh chế tạo và phân phối những hành hóa xấu đâu? Và cái mà người ta đã không thể có trong những hoàn cảnh bình thường, thậm chí để cung cấp cho một số người ít hơn, thì làm sao có được trong hoàn cảnh ấy, và cho nhiều người đến thế? Vậy là có dư luận, như các hồi kí viết, cho rằng người ta đã trộn vào bánh mì của trại phòng dịch những chất khó tiêu và không có giá trị dinh dưỡng: và chao ôi, người ta có lí do để tin rằng đó không phải là một lời than phiền vu vơ. Thậm chí nước cũng hiếm, tôi muốn nói thứ nước lưu thông và trong lành: cái giếng công cộng ở đây chính là con mương vòng quanh bức tường vây kín trại phòng dịch, mà nước ở đây thì cạn, gần như nước tù, thậm chí có những quãng ngầu bùn, do sự sử dụng và sự tiếp xúc của quá nhiều những con người thuộc loại như thế.

Thêm vào tất cả những nguyên nhân tử vong ấy, càng có hiệu lực khi tác động lên những cơ thể bệnh tật hoặc ốm yếu,

là một thời tiết rất xấu: tiếp theo những cơn mưa dai dẳng là hạn hán còn dai dẳng hơn rồi một cái nóng nung người đến quá sớm. Thêm vào những đau khổ là ý thức về bản thân những đau khổ ấy, là sự buồn phiền và bực bội vì bị giam cầm, sự hồi tưởng những thói quen trước kia, nỗi đau bị mất người thân, nỗi tiếc thương và lo lắng cho những người thân vắng mặt, sự xúc phạm nhau và ghê tởm lẫn nhau, và nhiều dục vọng khác mà người ta đã đem tới đây hoặc mới phát sinh tại đây và là nguyên nhân sinh ra nỗi chán chường và giận dữ; và cả sự khiếp sợ trước cái chết và cảnh chết chóc liên miên, sự chết chóc này đã thành thường xuyên do biết nguyên nhân, và rồi bản thân nó lại trở thành một nguyên nhân mới và mạnh mẽ của cái chết. Vậy thời chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu số người chết cứ tăng mãi lên và cái chết hoành hành trong khu quây kín này đến mức nó đã có vẻ và nhiều người thì đã gọi hẳn nó là bệnh dịch hạch.

Phải chăng chính sự tập trung tất cả những nguyên nhân ngày càng trầm trọng ấy chỉ càng thúc đẩy hoạt động của một thứ bệnh có tính chất đơn thuần là bệnh dịch? Hoặc, giả như điều đó vẫn dường như xảy ra trong những nạn đói, kể cả những nạn đói không nặng nề và kéo dài như nạn đói này, có một bệnh truyện nhiễm vào đó đã tìm thấy, trong những cơ thể gày mòn vì ốm yếu sẵn vì những sự thiếu thốn, vì ăn uống tồi tàn, vì những cơn trái gió trở trời, vì bẩn thỉu, vì bao nỗi khổ cực và vì tinh thần suy sụp, có thể nói là một khí hậu thích hợp và một môi trường riêng của nó, nói tóm lại những điều kiện cần thiết cho nó nảy sinh, phát triển và lan truyền (nếu như cho phép một kẻ dốt nát được đánh liều đưa ra cách giải thích ấy, căn cứ theo giả thiết được một số nhà bác học đề ra và gần đây được một người vừa thận trọng vừa tài giỏi nhắc

lại, với nhiều lí lẽ và có rào đón cẩn thận[1]? Sau nữa có nên cho rằng tác nhân truyền bệnh đã nổ ra trước hết ngay trong trại phòng dịch, hình như theo ý kiến của các thầy thuốc bên Sở Y tế, nếu ta tin vào một tài liệu ghi chép mơ hồ và không chính xác? Hoặc giả bệnh dịch đã phát sinh và ngấm ngầm từ trước) có lẽ điều này có lí hơn cả, nếu ta để ý là bệnh này đã có từ lâu và phổ biến biết chừng nào, và tỉ lệ tử vong của nó cao biết chừng nào, và khi nhập vào đám đông thường trực này, nó đã lan truyền với một tốc độ mới và khủng khiếp? Cho dù trong các giả thiết ấy cái nào đúng sự thật, thì số người chết hàng ngày trong trại phòng dịch, chỉ sau một thời gian ngắn, đã vượt quá một trăm.

Trong khi ở nơi này tất cả những kẻ sống sót đều chìm đắm trong sự u mê, lo lắng, khiếp sợ, trong những lời rên rỉ và những cơn run rẩy, thì tại tòa án lương thực tràn ngập một nỗi hổ thẹn, lúng túng, hoang mang. Người ta bàn cãi, người ta thuận theo ý kiến tòa án y tế, và người ta không thấy cách nào hơn là phá bỏ những gì người ta đã làm một cách long trọng đến thế, tốn kém đến thế và bằng biết bao sự phiền nhiễu. Người ta mở cửa trại phòng dịch, người ta phóng thích tất cả những kẻ nghèo khổ còn lành mạnh trong đó, và họ lao ra ngoài với một niềm vui điên dại. Thành phố lại vang lên những lời rên rỉ xưa kia của họ, nhưng yếu ớt hơn, và thưa thớt hơn; người ta lại trông thấy đám người ấy ít hơn và đáng thương hơn, theo lời Ripamôngti, nếu người ta nghĩ đến cải cách đã dùng để làm cho đám người này vơi hẳn

---

[1] Del morbo petecchiale... e deghi altri contagi in generale opera del dott. E. Enrico Acerbi, Cap. III - 1 và 2 (chú thích của tác giả).
Mandôni viện dẫn tác phẩm về bệnh dịch hạch của một thầy thuốc ở Milăng Erricô Axecbi (1736-1827).

đi như thế. Những kẻ đau ốm thì được chuyển sang *Santa Maria della Stella* khi ấy là một viện tế bần; và phần lớn chết ở đó.

Trong khi ấy thì những cánh đồng lúa mì bắt đầu chín vàng. Những kẻ hành khất từ nông thôn ra đi lại trở về, mỗi người một phía, với mùa màng hằng ao ước. Giáo chủ Fêđêrigô nhân đức tiễn đưa họ bằng một cố gắng cuối cùng và một sáng kiến mới của lòng từ thiện của ngài: với mỗi người nông dân đến trình diện ở dinh tổng giám mục, ngài lại cấp cho một đồng tiền và một cái liềm để gặt.

Với mùa gặt, cuối cùng nạn đói cũng chấm dứt: số người chết, vì bệnh dịch hoặc vì bệnh truyền nhiễm, mỗi ngày một giảm bớt, nhưng vẫn còn kéo dài đến tận mùa thu. Nó đã gần dứt hẳn, thì lại xuất hiện một tai họa mới.

Trong quãng thời gian ấy đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, thuộc loại đáng được người ta đặc biệt gọi là sự kiện lịch sử. Hồng y giáo chủ Risolio, sau khi đã chiếm La Rôsen như ta biết, và kí vội một hòa ước với nhà vua Anh, liền đề nghị với Hội đồng hoàng gia Pháp giúp đỡ một cách có hiệu quả cho công tước Nêve và lời nói đầy sức nặng của ông đã khiến nhà vua quyết định đích thân chỉ huy cuộc viễn chinh. Trong khi bên này đang tiến hành những việc chuẩn bị, thì bá tước Naxao, khâm sai của hoàng đế, đến Măngtu ra lệnh cho vị công tước mới phải giao nộp các lãnh địa của mình cho Fecđinăng, nếu không hoàng đế sẽ phái quân đến chiếm. Vị công tước, cả trong những hoàn cảnh tuyệt vọng hơn cũng không thể chấp nhận một điều kiện nặng nề và đáng nghi ngại đến thế, giờ đây càng chống lại vì đã được khích lệ bởi sự giúp đỡ sắp tới của nước Pháp. Tuy vậy ông vẫn chối từ trong những lời lẽ thật loanh quanh và rườm rà, và đề nghị một sự

thần phục có tính chất bề ngoài hơn, đỡ thiệt hại hơn. Quan khâm sai đi, tuyên bố là sẽ dùng vũ lực.

Đến tháng ba, Hồng y giáo chủ Risơliơ quả thật tiến xuống nước Ý, cùng với nhà vua dẫn đầu một đạo quân, ông yêu cầu công tước Xavoa cho đi nhờ qua công quốc. Những cuộc thương lượng được tiến hành, chẳng đem lại kết quả gì; sau một trận đánh mà phần thắng về người Pháp, họ lại tiếp tục thương lượng và ký kết một hiệp ước theo đó vị công tước, cùng với nhiều điều khoản khác, thỏa thuận một điều đòi Gônđalô đi Coocđôva rút bỏ cuộc vây hãm Cadan, và cam kết rằng, nếu Coocđôva từ chối, ông sẽ liên minh với người Pháp để xâm chiếm công quốc Milăng. Đôn Gônđalô cho rằng mình rút ra được với điều kiện như thế đã là tốt lắm, liền bỏ cuộc vây hãm Cadan, thế là một đội quân Pháp vào ngay đó để củng cố đồn trại.

Chính là nhân dịp này Akilini[1] viết gửi vua Lui bài ca khúc nổi tiếng của mình:

Hãy cháy bùng lên, ôi những ngọn lửa, để rèn binh khí...

Và một bài khác nữa, trong đó là thơ cổ vũ đức vua ra đi ngay giải phóng đất thánh. Nhưng số phận các nhà thơ là không bao giờ được người ta nghe ý kiến của mình; và nếu các bạn thấy trong lịch sử những sự kiện phù hợp với một số lời gợi ý nào đó của họ, các bạn có thể dám nói rằng đó là những điều đã được quyết định từ trước. Hồng y giáo chủ Risơliơ, ngược lại, đã quyết định ngay về Pháp vì những công việc đối với ngài có vẻ khẩn cấp hơn. Girôlamô

---

[1] Akilini Klaođiô (1574-1640): nhà thơ ý, đại biểu của phong cách cung đình - quý tộc văn hoa cầu kỳ. Ông đặc biệt ca ngợi Lui XIII và Hồng y giáo chủ Risơliơ.

Xôrandô, sứ giả của Vơnidơ, tha hồ đưa ra những lý do để đả phá quyết định ấy; nhà vua và Hồng y giáo chủ, chẳng thèm nghe bài văn xuôi của ông hơn những câu thơ của Akilini, quay về cùng với đại quân, chỉ để lại sáu nghìn người ở Xuxa, để chặn đường quân địch và xem như đó là một bảo đảm cho hiệp ước.

Trong khi đạo quân ấy đi về hướng này, thì đạo quân của Fecđinăng tiến lên theo hướng khác. Nó đã tràn vào miền Gridông và miền Vantơlin; nó chuẩn bị tiến xuống lãnh địa Milăng. Ngoài những tổn hại mà một cuộc hành binh như thế có thể gây ra, tòa án Y tế đã được báo cáo rõ ràng là bệnh dịch hạch đang âm ỉ trong đạo quân này, bởi vì trong quân đội luôn luôn vẫn có một vết tích nào đó của bệnh dịch ấy, theo lời Vacsi, khi nói về bệnh dịch mà quân đội này một thế kỉ trước đây đã đem vào Florenxơ Alêchxăngđrơ Tađinô, một trong những thành viên của tòa án Y tế (họ có tất cả sáu người không kể ngài chánh án: bốn vị pháp quan và hai thầy thuốc) theo như chính ông kể lại với chúng ta trong cuốn kí sự đã dẫn ra trên kia, được tòa án giao cho nhiệm vụ trình bày với quan thống đốc về nguy cơ khủng khiếp đang đe dọa xứ này nếu đạo quân ấy kéo qua để đến vây hãm Măngtu, như tin đồn đã truyền đi. Xét theo toàn bộ thái độ của Đôn Gôndalô thì hình như ông ta, đang khao khát tạo cho mình một vị trí trong lịch sử, và quả thật lịch sử cũng không thể không để ý đến ông. Thế nhưng (như điều này thường hay xảy ra với ông). Lịch sử đã không biết đến hoặc đã bỏ quên không ghi lại cái việc làm đáng ghi nhớ nhất của ông, là câu trả lời của ông đáp lại Tađinô về vấn đề này. Ông đáp lại rằng trong việc ông không biết làm thế nào cả: rằng những lí do về lợi ích và danh tiếng của bản thân ông, những lí do đã

thúc đẩy đạo quân này xuất trận, còn quan trọng hơn cả mối nguy mà người ta báo cáo với ông? Rằng dẫu sao người ta cũng chỉ còn cách cố hết sức phòng ngừa nguy cơ ấy và trông đợi ở mệnh trời. Nhiều người từ khắp nơi chạy tới cũng nhập vào, đã thế những người lính kèn tôn trọng nghi thức lại cứ gân cổ lên thổi không ngớt suốt từ dinh thống đốc đến cổng thành. Trong một vụ án mà sau này người ta mở ra để xét xử vụ huyên náo ấy, một trong những người lính kèn, khi bị người ta quở trách là đã để cho tiếng kèn của mình làm tăng thêm cảnh huyên náo, anh ta đáp lại như sau: "Thưa quý ông đáng kính, đó là nghề nghiệp của chúng tôi; và nếu tướng công không muốn chúng tôi thổi kèn, thì ngài phải ra lệnh cho chúng tôi im đi chứ!". Nhưng Đôn Gôndalô, hoặc vì không muốn có cử chỉ gì có thể biểu lộ sự sợ hãi của mình, hoặc vì ông sợ làm như thế càng kích động đám quần chúng táo tợn thêm, hoặc cuối cùng vì quả thật ông cũng hơi bị điếc tai, cho nên không ra lệnh gì cả. Đám quần chúng, mà đội vệ binh cố đẩy lùi lại không được chạy trước, chạy quanh và chạy sau xe la hét: "Nạn đói cút đi, tên hút máu người nghèo cút đi!", và còn thậm tệ hơn nữa. Khi tới gần cổng thành đám người ấy thậm chí còn ném gạch, đá, lõi bắp cải, đủ thứ đồ vứt đi, tóm lại những đạn dược thường dùng trong những cuộc chinh chiến như thế này. Một phần đám đông chạy trên tường thành và từ đó ném loạt đạn cuối cùng xuống đoàn xe đi ra. Rồi đám người giải tán ngay sau đó.

Người ta cử hầu tước Ambrocdơ Xpinôla đến thay Gôndalô, con người này đã lừng danh trong những cuộc chiến tranh ở Flăngđrơ, và vinh quang quân sự ấy của ông vẫn còn lưu mãi đến bây giờ.

Trong khi ấy thì quân đội Đức, dưới sự chỉ huy tối cao của

bá tước Rambandô đơ Conlantô, một viên Condôchie[1] khác người Ý không nổi tiếng bằng nhưng cũng không phải tầm thường, đã được lệnh cuối cùng hành binh đánh Măngtu. Đến tháng chín, ông tiến quân vào Công quốc Milăng.

Quân đội thời ấy phần lớn còn gần những tên lính đánh thuê do những viên Côndôchie chuyên nghiệp tuyển mộ, theo yêu cầu của hoàng thân này hay hoàng thân khác, có khi thậm chí do chính họ bỏ tiền ra tổ chức, để rồi sau đó họ tự bán mình cùng quân đội của họ. Những con ngựa ấy bị quyến rũ theo cái nghề này chủ yếu không phải bởi tiền lương mà bởi hi vọng được cướp bóc và bởi đủ mọi thứ hấp dẫn của lối sống phóng túng. Ở đây không có một kỉ luật nào nhất định và chung cho tất cả; và cũng không dễ gì hòa hợp được một kỉ luật như thế với quyền hành có phần độc lập của những viên *côndôchie* khác nhau. Vả chăng những viên *côndôchie* này cũng không ngặt nghèo gì lắm về mặt kĩ luật, và hơn nữa ta cũng không thể hình dung họ làm thế nào thiết lập và duy trì được kỉ luật cho dù họ có muốn như thế; bởi vì những tên lính loại này hẳn sẽ nổi loạn chống lại những viên *côndôchie* có tinh thần cải cách muốn trừ bỏ sự cướp phá; hoặc ít ra chúng cũng sẽ bỏ lại ông ta một mình giữ lấy lá cờ của ông Mặt khác, những hoàng thân khi họ thuê, nếu có thể nói như vậy, những lũ người này, họ quan tâm làm sao các nhiều người để bảo đảm những cuộc chinh chiến của họ hơn là cân đối số lượng binh lính theo khả năng trả lương thường khá eo hẹp của họ. Cho nên tiền lương thường được trả muộn, trả dần, trả lắt nhắt, và những kẻ cướp bóc ở những miền họ hành quân qua được mặc nhiên xem là một khoản phụ cấp

---

[1] Côndôchie (Condottiere): Viên chỉ huy những đội lính đánh thuê người Ý.

lương bổng. Câu châm ngôn này của Vanlensten[1] cũng gần nổi tiếng bằng tên tuổi ông: nuôi một đạo quân mười vạn người, ông nói, còn dễ hơn nuôi một đạo quân một vạn hai nghìn người. Và cái đạo quân mà chúng tôi đang nói đây phần lớn gồm những người, dưới sự chỉ huy của ông, đã tàn phá nước Đức, trong một cuộc chiến tranh nổi tiếng hơn hết do bản thân cuộc chiến tranh và do những hậu quả của nó, và sau này được mang tên gọi, do thời gian của nó, là cuộc chiến tranh ba mươi năm: vào lúc này nó đang ở năm thứ mười một. Thậm chí Vanlensten có cả một trung đoàn riêng của mình, do một sĩ quan của ông chỉ huy; phần lớn những viên *côndôchie* khác đã chỉ huy dưới quyền ông, và trong đó có nhiều kẻ bốn năm sau sẽ góp phần vào cái kết cục thảm hại của cuộc đời ông mà mọi người đều biết.

Đạo quân gồm hai vạn tám nghìn lính bộ binh và bảy nghìn lính kỵ binh, từ phía Vantơlin tiến xuống để vào lãnh địa Măngtu, nó phải theo suốt dòng sông Ada tại quãng con sông tạo thành hai nhánh của hồ, rồi đi theo con sông cho tới chỗ hợp lưu của nó với sông Pô, sau đó đạo quân vẫn còn phải đi dọc bờ sông Pô khá lâu nữa: tất cả tám ngày hành quân trong công quốc Milăng.

Một phần lớn dân cư trốn lên núi, mang theo những gì quý

---

[1] Wallenstein (1583-1643): viên tướng Đức, trong cuộc chiến tranh Ba mươi năm là tướng tài nhất của hoàng đế Đức Ferdinand, II. Đạo quân của Vanlensten phần lớn được nuôi bằng của cải cướp bóc của dân trong vùng chiếm đóng. Về sau Vanlensten có tham vọng tách riêng cho mình một vương quốc độc lập, bị hoàng đế kết tội phản nghịch, và cũng ngay năm ấy (1634) bị các sĩ quan của mình giết chết.
Chiến tranh Ba mươi năm là một cuộc chiến tranh tôn giáo và chính trị kéo dài ba mươi năm từ 1618 đến 1648, trong đó tham gia nhiều nước châu Âu như Đức, Pháp, Đan Mạch, Thụy Điển...

nhất, xua súc vật đi trước; những người khác ở lại, hoặc vì không muốn bỏ rơi mấy người đau ốm, hoặc để giữ khỏi bị đốt, hoặc để trông coi những đồ vật quý mà họ đã cất giấu hoặc chôn đi; cuối cùng có những người ở lại vì họ chẳng có gì sợ mất, hoặc thậm chí vì họ tính chuyện kiếm chác ít nhiều.

Khi đội kị binh đầu tiên đến nơi trú quân, nó lập tức tản ngay vào trong làng và những làng lân cận và chỉ còn biết ra công cướp phá: tất cả những gì có thể tiêu thụ ngay tại chỗ hoặc mang đi được đều mất sạch; những thứ còn lại thì bị phá phách hoặc hủy hoại; đồ đạc thành củi đun, nhà ở thành chuồng ngựa; chưa kể những đòn đánh đập, những thương tật, những vụ hiếp dâm. Tất cả những mưu mẹo, những sự khôn ngoan để cố cứu lấy tài sản của mình hầu hết đều tỏ ra vô ích và có khi còn gây nên những thiệt hại nặng hơn. Lũ lính tráng, loại người lắm mưu nhiều kế hơn dân thường, ngay cả trong cái kiểu chiến tranh này, sục sạo khắp mọi xó xỉnh trong các nhà để cướp bóc, phá đổ các bức tường, tiêu hủy tất cả; chúng dễ dàng nhận ra những chỗ đất mới đào trong các vườn rau; chúng vào tận trong núi để ăn trộm gia súc, và được mấy thằng vô lại địa phương dẫn đường, chúng xộc vào tận các hang núi đi tìm một người dân giàu có nào đó ẩn núp ở đấy, lôi ông ta về tận nhà để tra khảo, dọa nạt, đánh đập, bắt ông phải khai ra nơi cất giấu của cải.

Cuối cùng chúng ra đi, chúng đi hẳn; người ta nghe thấy từ xa vẳng lại tiếng kèn trống yếu dần; thế là người ta được sống vài giờ yên tĩnh đầy lo sợ, rồi một nhịp trống khốn kiếp, một tiếng kèn khốn khiếp lại vang lên báo hiệu một đội kị binh khác tới. Những tên này, thấy không còn gì để cướp nữa, chỉ càng phá hủy điên cuồng hơn những gì còn lại, đốt những thùng rỗng đã bị những tên đầu tiên nốc hết

rượu, những cánh cửa các buồng trong đó không còn gì, và thậm chí đốt cả những ngôi nhà; và tất nhiên, chúng hành hạ con người còn hung bạo hơn nữa. Cứ thế, càng này càng tệ trong suốt hai mươi ngày, bởi vì đạo quân có hai mươi đội kị binh.

Côlicô là vùng đầu tiên của công quốc bị những tên quỷ sứ ấy xâm lăng; sau đó chúng lao sang Benlanô từ đây chúng ùa vào khắp vùng Vanxatxina để rồi từ đó tràn sang địa hạt Leccô.

Chương hai mươi chín

Tại đây, giữa những con người đáng thương sống trong sự hãi hùng, chúng ta lại thấy những người quen cũ. Ai chưa trông thấy Đôn Apbôndiô vào cái hôm người ta nghe tin cùng một lúc nào quân lính đã tới, nào nó đã tới gần, nào những hành vi ghê gớm của nó, thì người ấy chưa thể biết rõ thế nào là sự bối rối và khiếp sợ. Chúng đến nơi rồi; chúng đông những ba, bốn, năm vạn người; chúng là những con quỷ, những thằng Ariêng[1], những tên phản Chúa; chúng đã cướp sạch ở Cooctênuôva; chúng đã đốt nhà ở Primaluna; chúng tàn phá Intơrôbiô, Paxtunô, và đó là những tin đồn từ miệng này sang miệng khác; người ta chạy ngược chạy xuôi, người ta giữ nhau lại, hỏi nhau nháo nhác, không biết nên trốn đi hay ở lại, còn đám phụ nữ thì túm năm tụm ba, vò đầu bứt tóc. Đôn Apbôndiô, quyết tâm hơn tất cả và trước tất cả mọi người trong ý đồ chạy trốn, tuy vậy vẫn thấy ở mỗi con đường chạy và mỗi nơi ẩn náu những trở ngại không thể vượt qua và những nguy nan khủng khiếp. "Làm thế nào bây giờ? - Ông kêu lên. - Đi đâu?".

---

[1] Ariêng (ariens): tín đồ theo tà giáo của Arius (một tu sĩ thế kỉ IV) phủ nhận giáo lí Đức Chúa trời ba ngôi.

Lên núi thì chẳng những đường khó đi mà còn không chắc chắn; người ta đã kháo nhau là những tên lính Đức trèo núi như những con mèo khi chúng hé thấy một chút dấu vết, một chút hy vọng kiếm chác được cái gì trên đó. Hồ thì gió to, sóng dữ; đã thế, phần lớn những người chèo đò sợ bị bắt phải chở binh lính hoặc đồ đạc đã trốn sang bờ bên kia cùng với thuyền của họ. Những cái thuyền hiếm hoi còn lại rồi cũng chở đầy người đi nốt; và người ta nói là vì chở quá nặng và gặp giông bão, chúng luôn luôn có thể bị đắm bất cứ lúc nào. Muốn đi xa hẳn ra ngoài con đường qua lại của quân đội, cũng không thể tìm thấy một cái xe, một con ngựa hoặc bất cứ một phương tiện vận chuyển nào; đi bộ thì Đôn Apbôndiô không đủ sức đi xa, và ông sợ bị bắt dọc đường. Địa phận Becgam không xa lắm và đôi chân ông có lẽ cũng có thể đưa ông thẳng một mạch đến đó; nhưng mọi người đều biết là đội kị binh Cappenletti[1] đã được cấp tốc phái đến Becgam để trấn giữ dọc biên thùy không cho lính Đức tràn sang; và đó cũng là những con quỷ bằng xương bằng thịt, không hơn không kém những tên lính Đức, chúng cũng gây ra đủ tai họa mà chúng có thể gây được.

Con người đáng thương chạy khắp nhà, cuống cuồng, hoảng hốt; lúc nào ông cũng bám theo sau Pecpêchuya, để cố bàn tính với mụ một con đường thoát. Nhưng Pecpêchuya bận rộn thu nhặt những của đáng giá trong nhà để cất giấu lên gác xép hoặc trong mọi xó xỉnh, chỉ vội vàng chạy đi, hổn hển, lo lắng, tay mang tay vác, và đáp: "Con xong bây giờ đây, để con cất dọn những thứ này vào nơi chắc chắn đã, rồi sau mọi người làm gì thì ta cứ theo thế mà làm". Đôn Apbôndiô muốn

---

[1] Cappenteletti (Cappelletti): nghĩa là "Những cái mũ nhỏ". Người ta gọi những người lính Anbani phục vụ cho nước cộng hòa Vơnidơ khi ấy như vậy, do kiểu mũ đặc biệt của họ.

giữ mụ lại, để cùng bàn với mụ nên chọn cách nào khả dĩ thoát thân: nhưng mụ cuống quýt với biết bao việc phải làm, bản thân đã sợ lại thêm bực mình vì ông chủ nhát gan, trong tình cảnh ấy mụ tỏ ra tính hơn bao giờ hết.

- Người khác xoay xở được thì ta cũng xoay xở được. Xin cha thứ lỗi, thật cha chỉ làm rối thêm. Cha tưởng những người khác không phải lo cái mạng họ hay sao? Và lũ lính kia chỉ đến đây đánh nhau với cha thôi ư? Những lúc này cha nên đỡ con một tay thì hơn là cứ quẩn ở chân con để rên rỉ và làm vướng con như vậy. - Mụ xua ông đi bằng những lời đáp lại như thế, vì mụ đã có ý định, khi nào hoàn thành chu đáo cái công việc bê bối này, sẽ dắt tay ông như một đứa bé để lôi ông đến một nơi nào đó trên núi. Bị bỏ mặc một thân một mình như vậy, ông đến bên cửa sổ, nhìn ra, lắng tai nghe và khi thấy ai đi qua ông lại gọi to bằng một giọng vừa van xin vừa trách móc:

- Xin bác làm phúc thương đến vị linh mục khốn khổ của bác tìm cho ông ta một con ngựa, một con la, một con lừa gì đó. Chẳng lẽ không ai muốn giúp tôi nữa hay sao! Ôi, người đâu mà lạ vậy! Ít ra cũng đợi tôi cùng đi với chứ; đợi cho đủ mười lăm, hai mươi người rồi đưa tôi đi theo, đừng bỏ rơi tôi. Chẳng lẽ các con bỏ mặc cha rơi vào tay bọn chó ấy hay sao? Chẳng lẽ các con không biết bọn chúng phần lớn là những tên mưu đồ của Lute[1] và đối với chúng thì giết một linh mục là một việc làm vẻ vang lắm hay sao? Chẳng lẽ các con muốn bỏ mặc ta ở đây để chịu cực hình? Ôi, người đâu mà lạ vậy! Ôi, người đâu mà lạ vậy!

Nhưng ông nói tất cả những điều ấy với ai? Với những

---

[1] Luther (1483-1546): Người Đức, đề xướng phong trào cải cách tôn giáo.

người đàn ông đi qua, lưng còng xuống dưới sức nặng những đồ đạc nghèo nàn của họ, đầu óc còn luẩn quẩn về tất cả những thứ phải để lại nhà, xua lũ bò gầy đi trước, dắt đàn con nít theo sau, cả lũ con này cũng phải chất lên ngựa tất cả những gì sức chúng có thể mang vác được, còn các bà vợ thì bồng bế trên tay những đứa chưa biết đi. Một số người cắm cổ đi không đáp lại, thậm chí không thèm ngẩng đầu lên. Cũng có người nói:

- Này, thưa ông! Ông có thể làm gì được thì ông làm đi; ông còn may là không có gánh nặng gia đình; ông hãy tự lo lấy thân mình, liệu mà xoay xở.

- Ôi, khốn khổ thân tôi! - Đôn Apbôndiô kêu lên. - Ôi, người đâu mà tàn nhẫn! Những trái tim sắt đá! Lòng từ bi đâu cả rồi, ra cũng chỉ nghĩ đến mình, và chẳng còn ai muốn nghĩ đến tôi nữa. - Rồi ông quay đi tìm Pecpêchuya.

- A, cha đây rồi! - Mụ nói với ông, - tiền bạc cha để đâu?

- Ta dùng tiền làm gì bây giờ?

- Cha đưa đây cho con, để con đem chôn trong vườn cùng với những bộ đồ ăn.

- Nhưng...

- Nhưng có nhưng gì cả: cha đưa đây cho con, cha chỉ giữ lại một ít phòng khi bất trắc; còn lại cứ mặc con.

Đôn Apbôndiô nghe theo, đến bên hòm, lấy ra kho bạc nhỏ của mình và giao cho Pêcpêchuya, mụ nói:

- Con sẽ chôn nó trong vườn dưới gốc cây vả. - Và đi luôn.

Một lát sau mụ quay lại, với một giỏ đựng đầy lương thực và một cái gùi nhỏ; mụ xếp vội xuống dưới đáy gùi một ít quần áo của mụ và của ông chủ, miệng nói:

- Còn cuốn sách kinh thì ít ra cha cũng mang lấy chứ?

- Nhưng ta đi đâu?

- Thế còn tất cả những người khác họ đi đâu?

Trước hết, ta ra ngoài đường, rồi ở đấy nghe ngóng và cùng liệu với nhau xem phải làm gì.

Vừa lúc ấy bà Anhedơ bước vào, một cái gùi nhỏ trên lưng, với vẻ một người đến để nghị một điều gì quan trọng.

Bà Anhedơ cũng đã quyết định không ngồi chờ những ông khách loại ấy tới thăm, bà chỉ còn một mình ở nhà, và vẫn còn một ít trong số tiền vàng của *Người Vô Danh* gửi biếu, nhưng bà cũng mất một thời gian phân vân không biết nên đến ẩn náu nơi nào. Bà lo lắng và trù trừ chủ yếu là vì những đồng ê-quy còn lại, những đồng ê-quy đã từng đỡ đần cho bà biết bao nhiêu trong những ngày đói kém: quả thật bà có nghe nói ở những vùng bị chiếm đóng, những người có của ở trong một tình trạng đáng sợ hơn, vì họ phải chịu đựng cả những thói bạo ngược của bọn lính nước ngoài lẫn những hành vi độc ác của người địa phương. Tất nhiên, ngoài Đôn Apbôndiô, bà không hở môi cho ai biết cái số tiền, như người ta nói, từ trên trời rơi xuống với bà; và thỉnh thoảng bà đến nhà ông đổi một đồng ê-quy, luôn luôn để lại cho ông một chút tiền lẻ để giúp đỡ những người nghèo khổ hơn bà. Nhưng cái người đã có tiền của cất giấu, nhất là với những người không quen tiêu nhiều tiền, thì cứ luôn luôn canh cánh bên lòng một mối nghi ngại những người khác ngờ vực mình. Thế nhưng, khi cố cất giấu nơi này nơi khác những thứ không đem theo được, và khi nghĩ đến những đồng ê-quy trong túi khâu dưới lần áo ngực, bà nhớ lại lúc *Người Vô Danh* gửi cho bà những đồng tiền này ông đã ngỏ ý luôn sẵn sàng giúp đỡ bà; bà nhớ lại tất cả những gì bà đã được nghe kể về tòa lâu đài của ông ở một nơi hiểm yếu đến nỗi chỉ có chim có thể lên tới được bất chấp ý muốn ông chủ lâu đài; và bà quyết định đi cầu xin một chốn nương thân trên

đó. Bà nghĩ cách làm thế nào để vị lãnh chúa ấy nhận ra mình, và thế là bà nhớ ngay đến Đôn Apbôndiô. Ông linh mục này, từ sau cuộc trò chuyện đáng ghi nhớ với đức tổng giám mục, vẫn luôn luôn niềm nở với bà và lại càng thân mật với bà khi ông có thể thân mật như thế mà không sợ ai làm hại; hơn nữa đôi trẻ cũng đã ở xa rồi; tình hình đó tự nhiên loại trừ cái khả năng người ta yêu cầu ông làm một việc gì sẽ đặt lòng hảo tâm ấy trước một thử thách gay go. Bà Anhedơ cho rằng giữa muôn cảnh hỗn loạn này, con người đáng thương kia chắc hẳn còn bối rối và kinh hoảng hơn cả bà nữa và quyết định của bà có thể cũng rất hợp với ông; và thế là bà đến đề nghị điều ấy với ông. Vì Pêcpêchuya còn đang ở đó cho nên bà đề nghị luôn với cả hai người.

- Bà thấy thế nào, bà Pecpêchuya? - Đôn Apbôndiô hỏi.

- Con cho rằng đây là sự gợi ý của trời, và ta phải lên đường ngay không chậm trễ.

- Nhưng rồi...

- Nhưng rồi, nhưng rồi, khi nào ta đến đó, ta sẽ rất vừa lòng được ở đó. Vị lãnh chúa này, bây giờ ai cũng biết là ông chỉ mong muốn giúp ích cho đồng loại; và chính ông cũng sẽ rất vui lòng cho ta đến ở nhờ. Nơi ấy, chốn biên thùy, ở cao tít như trên chín tầng mây, bọn lính chắc chắn chẳng mò đến làm gì. Và rồi, và rồi, ở đó ta cũng kiếm được cái gì ăn nữa chứ; bởi vì nếu ta trốn lên núi, thì khi chút lương thực này đã cạn, - vừa nói mụ vừa xếp nó vào gùi, đặt lên trên quần áo, - ta sẽ khốn đốn to.

- Vị lãnh chúa ấy đã hối cải rồi nhỉ, ông ta đã thực sự hối cải rồi phải không?

- Còn phải nghi ngờ gì nữa, mọi người đều biết như vậy, và chính cha cũng đã thấy đấy.

- Nhưng nếu chúng ta lại đi chui đầu vào rọ thì sao?

- Rọ nào? Với tất cả những cái "nếu" và cái "nhưng" của cha, xin cha thứ lỗi, ta sẽ chẳng bao giờ làm nên trò trống gì. Được rồi, bà Anhedơ này! Bà có sáng kiến hay đấy. - Mụ đặt cái gùi lên bàn, luồn tay vào quai gùi và đeo lên lưng.

- Liệu ta có thể, - Đôn Apbôndiô nói, - tìm một người đàn ông nào cùng đi với ta không, để hộ vệ vị linh mục của họ? Nếu ta đụng phải một thằng kẻ cướp nào, cái bọn ấy bây giờ nhan nhản khắp nơi, thì thử hỏi các bà giúp được gì cho tôi nào?

- Lại trò gì nữa thế, chỉ mất thời giờ! - Pecpêchuya kêu lên. - Cha đã đi tìm cái người đàn ông ấy của cha, trong lúc người nào cũng có khối việc phải lo toan. Thôi nào! Cha đi lấy sách kinh và mũ của cha đi, rồi ta lên đường.

Đôn Apbôndiô đi một lát rồi quay lại, cuốn sách kinh cắp nách, mũ đội trên đầu và gậy cầm tay. Ba người ra khỏi nhà theo một cửa ngách trông ra quảng trường. Pecpêchuya đóng cửa, cho khỏi tắc trách hơn là tin tưởng ở cái khóa và ở những cánh cửa này, rồi đút chìa khóa vào trong túi. Khi đi qua quảng trường, Đôn Apbôndiô đưa mắt nhìn ngôi nhà thờ và lẩm bẩm:

- Dân chúng hãy giữ lấy ngôi nhà này, bởi vì chính nó phục vụ cho họ. Nếu mỗi người còn chút lòng yêu thương ngôi nhà thờ của mình, thì họ hãy nghĩ đến nó, bằng không thì cũng mặc nó.

Họ đi qua các cánh đồng, không ai nói gì, mỗi người đều đắm chìm trong suy tưởng và nhìn khắp quanh mình, nhất là Đôn Apbôndiô, để xem có bộ mặt khả nghi nào hiện ra không, có thấy chuyện gì khác thường không. Họ chẳng gặp ai cả; mọi người hoặc ở lại giữ nhà, gói ghém và cất giấu của cải, hoặc đi theo những con đường dẫn thẳng lên núi.

Sau khi đã thở dài không biết bao nhiêu lần và tốt ra mấy

tiếng kêu than, Đôn Apbôndiô bắt đầu làu bàu luôn miệng. Ông oán trách vị công tước Nêve đáng lẽ cứ ở yên bên Pháp mà hưởng sung sướng, làm ông hoàng, lại còn muốn làm công tước ở Măngtu bất chấp dư luận bàn dân thiên hạ; ông oán trách hoàng đế lẽ ra cũng phải biết nghĩ đến người khác, cho qua chuyện đi và đừng bắt ne bắt nét như thế: bởi vì rốt cuộc thì bao giờ ngài chẳng vẫn là hoàng đế, cho dù ông A hay ông B làm công tước ở Măngtu. Ông oán trách nhất là quan thống đốc, chính ông ta có thể làm tất cả để tránh mối họa ấy cho đất nước, nhưng cũng chính ông ta đã đi rước nó về: mà như vậy cũng chỉ để thỏa mãn cái thú gây chiến tranh.

- Cần phải mời các ngài ấy đến đây, - ông nói, - để nhìn thấy một chút, nếm thử một chút xem cái thú ấy nó như thế nào. Lúc ấy họ mới mở mắt ra! Nhưng bây giờ thì những người mang tai họa lại là những kẻ chẳng có tội tình gì.

- Mặc xác các ngài ấy, có phải họ sẽ đến giúp chúng ta đâu, - Pecpêchuya nói. - Xin cha thứ lỗi, cha cứ hay có những chuyện dài dòng chẳng đi đến đâu cả. Cái việc làm con lo lắng hơn...

- Việc gì vậy?

Trên đoạn đường ngắn ngủi này, đầu óc Pecpêchuya đã có thể thảnh thơi nghĩ đến tất cả những gì mụ đã cất giấu vội vàng, và mụ bắt đầu tự trách mình đã bỏ quên vật này, đã sắp đặt không cẩn thận vật kia; chỗ này mụ đã để lại một dấu vết có thể lộ cho bọn ăn cắp thấy, chỗ kia...

- Thế đấy! - Đôn Apbôndiô nói, lúc này ông đã khá yên trí về tính mạng mình để có thể lo lắng đến những của cải bỏ đi. - Chà, thế đấy! Bà làm ăn như thế đấy! Đầu óc bà để đâu?

- Thế nào! - Pêcpêchuya kêu lên, đứng sững lại lúc, hai nắm tay chống lên háng, trong tư thế mà cái gùi có thể cho

phép mụ đứng được. - Thế nào! Bây giờ cha sắp sửa quở trách tôi, trong khi chính cha đã làm đầu óc tôi rối tinh lên, mà lẽ ra cha phải giúp đỡ và động viên tôi mới đúng! Có lẽ tôi lo nghĩ đến những đồ đạc nhà này còn hơn cả đồ đạc của riêng tôi; tôi chẳng có ai đỡ đần một tay: một mình tôi phải lo hết chuyện này chuyện nọ; nếu có xảy ra điều gì, tôi cũng chẳng chịu trách nhiệm đâu: tôi đã làm bổn phận của tôi, và thậm chí còn làm quá bổn phận tôi nữa.

Bà Anhedơ cắt ngang cuộc tranh cãi ấy và cũng kể lại những nỗi đau khổ của mình: bà phiền muộn chủ yếu không phải vì cảnh khó nhọc và những thiệt hại bà sẽ phải chịu, mà chính vì bà thấy niềm hi vọng sắp được ôm ấp Luxia yêu quý của bà phải tiêu tan; bởi vì, nếu bạn đọc còn nhớ, họ đã hẹn gặp nhau đúng vào mùa thu này: và ta khó có thể cho rằng bà Đônna Praxet lại muốn về nghỉ ở vùng này trong tình hình hiện nay; ví thử bà ta đang ở đó thì bà cũng sẽ ra đi, như tất cả những ông chủ khác về quê nghỉ hè đều làm như thế cả.

Cảnh tượng những nơi họ đi qua lại càng khêu gợi những ý nghĩ của bà Anhedơ, khiến bà càng đau lòng hơn. Khi đã ra khỏi những đường mòn, họ bước lên đường cái, chính là con đường đã đưa người dàn bà đáng thương dẫn con gái về nhà trong một thời gian vô cùng ngắn ngủi, sau những ngày cô ở nhà bác thợ may. Và xóm làng đã hiện ra trước mắt kia rồi.

- Chúng ta đến thăm những con người nhân đức ấy một lát đi, - bà Anhedơ nói.

- Và nhân thể nghỉ ngơi một chút: bởi vì tôi đã bắt đầu sụn lưng với cái gùi này rồi? Và cũng phải ăn một miếng gì chứ, - Pecpêchuya nói.

- Với điều kiện không được rề rà, chúng ta không phải đang đi du lịch đâu, - Đôn Apbôndiô quyết định.

Người ta niềm nở đón tiếp họ, việc đến thăm của họ khiến ông bà chủ nhà rất vui, vì đây là dịp để những người này nhớ lại một việc thiện của mình. Hãy đem lại điều tốt lành cho thật nhiều người mà anh có thể giúp được, - đến đây vị tác giả của chúng ta nói, - thì anh sẽ càng có nhiều dịp gặp gỡ những khuôn mặt đem niềm vui đến cho anh.

Bà Anhedơ nước mắt giàn giụa ôm chầm lấy người đàn bà tốt bụng, và điều đó cũng khiến bà vơi đi được bao nỗi u uất trong lòng: bà vừa nức nở vừa đáp lại những lời thăm hỏi của vợ chồng bà chủ nhà về tin tức Luxia.

- Cô ta sung sướng hơn chúng tôi, - Đôn Apbôndiô nói, - Cô ta đang ở Miăng, rất yêu ổn, xa tất cả những trò ma quỷ này.

- Vị linh mục và các bác đi lánh nạn đấy ạ? - Bác thợ may nói.

- Tất nhiên rồi, - cả ông chủ và người hầu cùng đáp.

- Thật tội nghiệp.

- Chúng tôi đi đến lâu đài, - Đôn Apbôndiô nói.,

- Phải lắm, ở đấy các vị sẽ được yên ổn như trong nhà thờ.

- Thế còn ở đây, bác không sợ ư? - Đôn Apbôndiô hỏi.

- Thưa cha, tình hình thế này: những thứ người ta lấy chắc hẳn chẳng đến đây tìm kiếm những cuộc chiêu đãi thực sự (như chính cha cũng biết người ta vẫn nói như vậy theo phép lịch thiệp): nhờ trời chúng tôi ở quá xa đường đi của chúng. Giỏi lắm thì chúng cũng có thể xộc tới đôi lần, mong sao đừng có chuyện ấy: nhưng dù thế nào đi nữa chúng tôi cũng vẫn có thời giờ; chúng tôi có thể nghe ngóng tin tức của những làng không may bị chúng đóng quân.

Mọi người quyết định nghĩ lại một chút để lấy sức; và vì đã tới giờ ăn trưa, bác thợ may nói với họ:

- Thưa vị linh mục và các bác, bữa ăn đạm bạc của tôi hẳn

phải được vinh dự đón tiếp các vị: các vị cứ tự nhiên cho: đây là tất cả lòng thành của chúng tôi mời các vị.

Pecpêchuya nói là mụ cũng mang theo thức ăn để khỏi phải nhịn đói. Sau vài câu làm khách của cả đôi bên, họ thỏa thuận với nhau cùng dọn thức ăn ra và ăn chung.

Những đứa bé, vui như dự hội, cứ quấn lấy bà Anhedơ bà bạn cũ của chúng.

- Mau lên, mau lên, - bác thợ may ra lệnh cho một bé gái, (cái đứa đã mang thức ăn đến cho thím Mari góa chồng, nhưng không biết bạn đọc có còn nhớ sự việc này không?) đi bóc vỏ mấy hạt dẻ đầu mùa mới hái để ở góc nhà, rồi đem đi nướng.

- Còn con, - bác nói với một cậu bé, - con ra vườn rung cây đào cho rụng mấy quả mang vào đây. Mang tất, nhớ chưa! Còn con, - bác nói với một cậu bé khác, - Con trèo lên cây và hái mấy quả chín nhất. Việc này thì các anh quen quá đi rồi chứ gì!

Về phần bác, bác đi mở một thùng rượu nhỏ, còn vợ bác thì lấy một ít khăn ăn, Pecpêchuya giở thức ăn ra; họ bày bàn ăn: một khăn bàn, và một đã dành ở chỗ ngồi danh dự cho Đôn Apbôndiô, cùng bộ đồ ăn mà Pecpêchuya mang theo trong gùi. Họ ngồi vào bàn và ăn uống, nếu không phải là vui vẻ thì ít ra cũng không đến nỗi buồn tẻ như bất cứ người nào trong nhóm lữ hành trông đợi ở ngày hôm ấy.

- Thưa cha, cha nghĩ thế nào về cuộc biến loạn này? - Bác thợ may nói, - tôi có cảm giác như đang đọc lịch sử về cuộc xâm lược của quân Mo ở Pháp.

- Tôi biết nói sao đây? Cũng phải để cái xâm lược ấy nó giáng xuống đầu tôi đã!

- Tuy vậy cha cũng đã chọn được một chốn nương thân chắc chắn, - ông chủ nhà lại nói, - có ai đi lên đó mà không

phải do tự nguyện? Và cha sẽ có khối bầu bạn ở đấy; bởi vì người ta đồn là đã có nhiều người trốn lên trên ấy và vẫn có người đến liên tục.

- Tôi muốn hi vọng, - Đôn Apbôndiô nói, - là chúng tôi đã được ân cần tiếp. Tôi biết vị lãnh chúa tốt bụng ấy, và đã có lần tôi được vinh dự đi với ông, ông ta lịch sự hết mức.

- Còn với tôi, - bà Anhedơ nói, - ông ấy đã nhắn qua đức cha Hồng y là nếu tôi cần gì, tôi chỉ việc đến gặp ông.

- Quả thật là một sự cải hóa kì diệu! - Đôn Apbôndiô lại nói, - và ông ta vẫn kiên trì, phải không nào? Ông ta vẫn kiên trì chứ?

Bác thợ may bèn say sưa kể lể về cuộc sống chí thánh của *Người Vô Danh* và thuật lại ông ta từ chỗ là tai họa cho cả vùng này đã trở thành gương mẫu và ân nhân của mọi người như thế nào.

- Thế còn những người ông ấy vẫn dùng lâu nay thì sao?... Tất cả cái đám thủ hạ ấy?... - Đôn Apbôndiô lại nói, - ông đã nhiều lần nghe nói đến những người này, nhưng vẫn chẳng bao giờ thật yên tâm.

- Phần lớn đã cho đi nơi khác, - bác thợ may đáp, - và những người còn lại thì đã thay đổi cách sống rồi chứ sao! Tóm lại tòa lâu đài ấy đã trở thành một miền Têbait (những nơi như thế cha còn lạ gì nữa).

Rồi bác chuyển sang nói với bà Anhedơ về cuộc đến thăm của Hồng y giáo chủ.

- Một bậc vĩ nhân! - Bác nói, - một bậc vĩ nhân! Thật đáng tiếc là ngài đã qua đây nhanh quá, thậm chí tôi cũng chẳng còn kịp đến bày tỏ lòng tôn kính với ngài nữa. Giả sử tôi được nói chuyện với ngài một lần nữa, nói chuyện thoải mái hơn một chút, thì sung sướng biết bao!

Khi họ rời bàn ăn, bác chỉ cho bà Anhedơ thấy một bức ảnh Hồng y giáo chủ in bằng bản khắc, mà bác treo lên một cánh cửa, để tỏ lòng tôn kính con người cao quý, và cũng để có thể nói với tất cả những ai đến nhà bác là bức chân dung không giống; bởi vì chính bác, bác đã được nhìn thật gần, và tha hồ ngắm nghía đích thân Hồng y giáo chủ, ngay trong căn phòng này.

- Chính là họ muốn vẽ ngài đấy ư, - bà Anhedơ nói. - Áo quần thì giống, nhưng...

- Có phải bức vẽ không giống không nào? - Bác thợ may nói, - bao giờ tôi chẳng nói vậy: chúng ta đây, họ không thể lừa chúng ta được đâu phải không? Nhưng ít ra họ cũng đã viết tên ngài bên dưới: dẫu sao cũng là một vật kỉ niệm.

Đôn Apbôndiô tỏ ra vội đi; bác thợ may nhận tìm một xe ngựa để đưa họ đến tận chân dốc lên lâu đài. Bác đi ngay và chỉ một nhoáng đã trở về nói là cái xe đang tới; rồi bác quay sang nói với Đôn Apbôndiô:

- Thưa Cha, nếu nhớ ra cha có muốn đem lên trên đó vài quyển sách thì để qua ngày đoạn tháng, thì tôi tuy nghèo khổ cũng có thể làm cha vừa lòng, vì tôi cũng có chút ham thích đọc sách. Không phải những cuốn sách xứng đáng với cha, không phải bằng tiếng Latinh, nhưng dẫu sao...

- Cám ơn, cám ơn lắm lắm, - Đôn Apbôndiô đáp, - thời buổi bây giờ người ta chỉ có vừa đủ đầu óc để lo nghĩ những cái gì thật là bắt buộc thôi.

Trong khi họ nói đi nói lại với nhau qua những câu "cám ơn lắm lắm" và "có gì đâu", những tiếng chào tiễn biệt và những lời chúc tụng, những sự mời mọc và hứa hẹn đến lần trở về sẽ ghé vào thăm, thì xe ngựa đã tới trước cổng nhà. Họ xếp gùi vào xe, rồi trèo lên, và tiếp tục nốt nửa cuối cuộc hành trình, có phần thung dung hơn là yên tâm hơn trước.

Bác thợ may đã kể với Đôn Apbôndiô đúng sự thật về *Người Vô Danh*. Từ ngày chúng ta chia tay với ông, ông vẫn luôn luôn tiếp tục làm theo kế hoạch ông tự vạch ra cho mình: đền bù những thiệt hại, hòa giải với mọi người, giúp đỡ người nghèo, tóm lại làm tất cả những việc thiện mà ông có thể làm được. Lòng dũng cảm của ông đã biểu lộ xưa kia để tấn công và tự vệ thì bây giờ ông cũng vẫn biểu lộ, mà không phải để tấn công cũng không phải để tự vệ. Ông luôn luôn đi một mình và không vũ khí, sẵn sàng đón nhận tất cả những gì có thể xảy đến với mình sau khi đã làm bao việc tàn bạo, và tin chắc rằng nếu dùng vũ lực để tự bảo vệ mình, bảo vệ một kẻ đang mang biết bao món nợ với biết bao người, là phạm phải một điều tàn bạo mới; ông tin chắc rằng mọi tai họa gây ra cho ông sẽ là sự xúc phạm đối với Chúa, nhưng là sự trừng phạt công bằng đối với bản thân ông; và ông ít có quyền hơn bất cứ người nào khác trừng trị sự xúc phạm ấy. Tuy vậy ông cũng vẫn bất khả xâm phạm chẳng kém gì khi ông còn giữ biết bao cánh tay cùng với cánh tay mình có vũ khí để bảo đảm an toàn cho mình. Ký ức về thói hung ác trước kia của ông chắc hẳn phải kích động bao ý muốn báo thù, còn tính nhu mì của ông hiện nay khiến cho việc báo thù ấy thật dễ dàng, thế nhưng, trái lại, chính vì thế mà mọi người càng cảm phục ông và lòng cảm phục ấy là lá bùa hộ mệnh chủ yếu của ông. Ông là con người mà không ai có thể chế ngự và chỉ tự mình chế ngự mình.

Những mối hiềm thù cay độc xưa kia, do thái độ khinh thị của ông và nỗi khiếp sợ ông gây cho mọi người, bây giờ tiêu tan trước vẻ khiêm nhường mới ấy. Những kẻ bị xúc phạm đã được thỏa mãn, ngoài sự mong đợi, và chẳng phải nguy hiểm gì, một sự thỏa mãn mà có lẽ họ chẳng hi vọng gì có được bằng sự trả thù thành công nhất: đó là sự thỏa mãn được thấy một

con người như thế phải ăn năn hối lỗi và có thể nói là cùng thông cảm với lòng căm phẫn của chính họ. Nhiều người, trong bao nhiêu năm ròng không có nỗi ưu phiền nào nhức nhối và cay đắng hơn là tự thấy mình không bao giờ có thể mạnh hơn ông trong bất cứ hoàn cảnh nào để bắt ông phải đền tội về một vụ lăng nhục ghê gớm nào đó, thì những người ấy giờ đây gặp ông đi một mình, không vũ khí và tỏ ra sẵn sàng từ chối mọi sự kháng cự, thì lại cảm thấy không có yêu cầu nào khác là tỏ lòng kính trọng ông. Trong sự hạ mình tự nguyện ấy, nét mặt và phong thái ông, ngoài ý muốn của mình, mang một vẻ vô cùng cao quý, bởi vì trong phong thái ấy người ta còn thấy rõ hơn trước kia sự khinh thường bất cứ nguy hiểm nào. Những mối hận thù, ngay cả những mối hận thù dữ tợn nhất và quyết liệt nhất, cũng cảm thấy như bị thúc thủ và kìm giữ trước niềm kính trọng chung bao bọc con người hối lỗi và nhân đức này. Niềm kính trọng ấy lớn đến mức thường thường ông khó lẩn tránh được những biểu lộ tình cảm của mọi người, và ông phải cố giữ không quá để lộ trên nét mặt và cử chỉ sự cắn rứt trong lòng, cố giữ không nhún mình quá, để khỏi phải được ca ngợi quá. Ông đã chọn trong nhà thờ chỗ ngồi cuối cùng, và ông không phải lo có người nào muốn đến tranh chỗ ấy với ông: như thế cũng chẳng khác gì tranh cướp một chỗ ngồi danh dự. Xúc phạm một con người như thế, hoặc thậm chí không thể hiện đầy đủ lòng kính trọng ông, không những có thể bị xem như một sự láo xược và hèn hạ, mà hơn thế nữa, là một tội phạm thánh thật sự: và ngay cả những kẻ bị thúc thủ trước dư luận ấy của mọi người cũng không thể không ít nhiều tán thành dư luận ấy.

Tất cả những lí do đó, và những lí do khác nữa, cũng tránh cho ông những sự trừng trị của chính quyền và thậm

chí bảo đảm cho ông về phía này một sự an toàn mà chính ông cũng không ngờ tới. Địa vị xã hội và họ hàng thân thích ông, bấy lâu nay vẫn ít nhiều che chở ông, giờ đây lại càng có tác dụng vì cái tên xưa kia nổi tiếng là kinh tởm ấy bây giờ lại nổi tiếng về những lời ca ngợi hạnh kiểm gương mẫu và sự hối cải vẻ vang. Các quan chức và các nhân vật cao cấp trong nước cũng công khai tỏ ý vui mừng về sự hối cải này như dân chúng; và nếu trừng trị cái người đã được ngợi khen đến thế thì thật kì lạ!

Hơn nữa, một chính quyền cứ phải bận bịu về công cuộc bình định liên miên và thường không thành công chống lại những cuộc nổi loạn sôi sục và liên tiếp nổ ra, thì đã có thể cảm thấy khá thỏa mãn khi thoát được bọn phiến loạn khó trị nhất và đáng lo ngại nhất: đã thế sự cải hóa này lại kéo theo nhiều biến đổi mà các nhà cầm quyền không quen nhận được và thậm chí không quen đòi hỏi. Làm tình làm tội một bậc thánh nhân vị tất là cách tốt đẹp để xóa cái nhục vì không trấn áp nổi lên một tên tội phạm: và nếu như trừng phạt ông thì tấm gương ấy chỉ có thể có tác dụng làm cho những người như ông không muốn trở thành vô hại nữa. Và chắc hẳn vai trò của Hồng y giáo chủ Fêđêrigô trong việc người được cải hóa, cũng như một cái mộc thiêng liêng che đỡ cho ông. Và trong tình hình sự vật và quan niệm lúc này, trong quan hệ đặc biệt giữa thế lực tôn giáo và chính quyền thế tục vẫn thường hay xung đột thậm chí vẫn luôn luôn xen lẫn vào sự thù địch của họ những việc làm công nhận nhau, và những lời cam kết tôn trọng nhau, lại cũng thường đồng lòng với nhau đi đến mục đích chung mà không bao giờ ký kết hòa ước, thế thì trong những điều kiện ấy, trên phương diện nào đó ta có thể cho rằng sự hòa giải của *Người Vô Danh* với thế lực thứ

nhất cũng kéo theo cả sự lãng quên, nếu không phải là đại xá, của thế lực thứ hai, vả chăng thế lực tôn giáo cũng chỉ cố đạt tới cái hiệu quả mà cả chính quyền thế tục cũng mong muốn như thế.

Như vậy, con người ấy, đáng lẽ khi ngã xuống sẽ có biết bao kẻ quyền thế cũng như người dân thường lăn xả vào để giày đạp lên ông, thì bây giờ vì ông tự nguyện nằm xuống ông lại được tất cả mọi người kiêng nể và nhiều người quý trọng.

Quả thật cũng có nhiều kẻ không thích thú gì cái chuyện cải hóa làm sôi nổi dư luận này: biết bao tên ác ôn đánh thuê, biết bao kẻ kéo bè kết cánh để gây tội ác bây giờ mất một sức mạnh lớn mà chúng quen lấy làm chỗ dựa, và đùng một cái chúng thấy những âm mưu đã ngấm ngầm chuẩn bị từ lâu bỗng tan vỡ, có lẽ đúng vào lúc chúng đang trông chờ tin thắng lợi. Nhưng chúng ta cũng đã thấy tất cả những tình cảm khác nhau mà việc cải hóa gây nên trong những thủ hạ lúc ấy đang ở với ông và được nghe từ chính miệng ông tuyên bố sự cải hóa: sửng sốt, đau đớn, chán chường, tức giận, có một chút gì của tất cả những cái đó, nhưng không bao giờ có sự khinh thị hoặc hằn thù. Cũng vì những nguyên nhân ấy mà những tên cướp ông bố trí rải rác ở các trạm khác nhau, và cả những kẻ tòng phạm cao cấp hơn, cũng có những tình cảm như thế, khi biết cái tin khủng khiếp này. Cái người bị thù oán hơn cả, theo như Ripamôngti thuật lại trong một đoạn văn trích dẫn chỗ khác, lại chính là giáo chủ Fêđêrigô. Chúng xem nào như một kẻ chõ vào công việc của chúng để làm hỏng việc; còn *Người Vô Danh* chỉ muốn cứu vớt linh hồn mình thì không ai có quyền phàn nàn về ông được.

Dần dần về sau, phần lớn những tên kẻ cướp trong lâu đài không thể thích nghi với kỉ luật mới và cũng không thấy tình

hình có chút hi vọng gì thay đổi, bèn bỏ đi. Chúng đi tìm một ông chủ khác, có lẽ ngay trong số bạn bè cũ của con người chúng vừa rời bỏ; hoặc giả chúng đăng lính vào một đơn vị nào đó của Tây Ban Nha hoặc Măngtu hoặc của một bên nào khác trong những bên đang tham chiến; một số đi làm cướp đường, lao vào những cuộc xô xát cướp phá; một số khác đành phải làm những tên kẻ cướp tự do. Và tất cả những tên khác, ở các vùng khác nhau, trước kia đã từng dưới quyền ông chắc hẳn cũng làm như vậy. Còn những người đã có thể làm quen với cách sống mới hoặc đã tự nguyện chấp nhận nó. Phần lớn là dân bản địa ở thung lũng, thì quay về với đồng ruộng của họ hoặc với nghề họ đã học từ thời trẻ và sau đó bỏ không làm; những người không phải vùng này thì ở lại lâu đài làm kẻ hầu người hạ: tất cả những người nói trên, có thể nói là được rửa tội lại cùng với ông chủ họ, cũng sống như ông, không làm hại ai và cũng chẳng ai làm hại họ, họ trở nên hiền lành và được kính nể.

Nhưng khi những bầy lính Đức tới, một số dân tị nạn ở những làng bị chiếm đóng hoặc bị đe dọa chạy lên lâu đài xin ở nhờ, thì *Người Vô Danh*, rất hài lòng vì thành lũy của mình được những người yếu đuối tìm đến làm nơi ẩn náu, mà lâu nay họ chỉ nhìn từ xa như nhìn một con quái vật khổng lồ, đã tiếp đón những người tị nạn ấy vì biết ơn nhiều hơn vì lòng tốt bình thường. Ông cho loan báo đi khắp nơi cái tin lâu đài ông mở cửa cho bất cứ người nào muốn đến trú ẩn, và ông nghĩ ngay đến việc phòng thủ không chỉ lâu đài mà tất cả thung lũng, phòng khi bọn lính Đức hoặc bọn *cappenletti* có muốn thử đến đây tác quái. Ông tập hợp những người hầu còn lại, không nhiều lắm nhưng có giá trị, như những câu thơ của Toocti[1],

[1] Giôvanni Torti (1774-1852) nhà thơ Milăng.

ông nói chuyện với họ về dịp may hiếm có mà Chúa ban cho họ cũng như ông để cứu giúp những người đồng loại mà trước kia họ vẫn thường áp bức và làm khiếp sợ; và với giọng chỉ huy thường có, biểu lộ niềm tin chắc chắn được phục tùng, ông cho họ biết đại khái những việc phải làm, và nhất là ông căn dặn họ phải cư xử như thế nào để những người đến nương náu trên này chỉ thấy ở họ những người bạn và ở những người bảo vệ mình. Sau đó cho lấy từ gác xép xuống những súng ống, gươm dao và dáo mác vẫn chất đống ở đó từ lâu và phân phát vũ khí cho họ. Ông báo cho nông dân và tá điền của mình ở thung lũng biết để những ai tình nguyện thì đến lâu đài mang theo vũ khí của mình, và người nào không có vũ khí sẽ được ông cấp cho. Ông chọn một số người làm sĩ quan chỉ huy; ông đặt trạm gác ở những lối vào thung lũng trên con đường dốc lên lâu đài và ở cổng lâu đài; ông ấn định giờ giấc và quy chế đổi gác, như trong một trại lính, hoặc như người ta vẫn làm bình thường trước kia ngay tại lâu đài, trong thời kì cuộc sống tội lỗi của nó.

Trên gác xép, có những vũ khí để riêng ra một góc chỉ mình ông sử dụng: khẩu cacbin nổi tiếng của ông, những súng hỏa mai, kiếm, đại đao, súng lục, dao phay, dao găm, đặt dưới đất hoặc dựng bên tường. Không một người hầu nào đụng đến những vũ khí ấy: họ cho rằng họ phải hỏi ông chủ xem ông muốn người ta mang đến cho ông những vũ khí nào.

- Không cần gì hết, - ông đáp; và, hoặc vì đã có lời nguyền, hoặc đơn giản chỉ vì ông quyết định như thế, ông vẫn luôn luôn không vũ trang, đứng đầu doanh trại ấy.

Đồng thời ông huy động những người đàn ông và phụ nữ khác là người làm của ông hoặc dưới quyền ông để chuẩn bị trong lâu đài chỗ ở cho càng nhiều người càng tốt, kê giường

xếp ổ rơm, trong những buồng lớn buồng nhỏ đã biến thành các phòng ngủ. Và ông ra lệnh tích trữ lương thực thật dồi dào để nuôi bằng tiền của ông những người khách mà Chúa sẽ gửi cho ông và con số quả thật tăng lên hàng ngày. Tuy vậy bản thân ông không bao giờ ngơi việc; ra vào lâu đài, lên xuống dốc núi, đi khắp thung lũng để đặt các trạm gác, củng cố, thăm nom những trạm ấy, để gặp mọi người và cho mọi người gặp mình, để sắp đặt và duy trì trật tự bằng lời nói, bằng con mắt, bằng sự có mặt của mình. Tại nhà ông hoặc trên các nẻo đường. Ông đón tiếp những người mới đến; và tất cả những người đã biết ông từ trước hoặc mới biết ông lần đầu đều nhìn ông bằng những con mắt cảm phục, quên đi trong giây lát những tai họa và những nỗi sợ đã đưa họ lên đây; và họ còn quay đầu nhìn ông mãi, khi ông đã chia tay với họ đi tiếp công việc của mình.

Chương ba mươi

Mặc dầu dòng người lớn nhất đổ về thung lũng không phải ở phía ba người tị nạn của chúng ta đang đi tới đó, mà ở lối vào thung lũng phía bên kia, tuy vậy họ đã bắt đầu thấy những người bạn đường cùng chung hoạn nạn không ngừng đổ ra đường cái, từ những con đường tắt và đường mòn. Trong những cảnh ngộ như thế này, tất cả những người ta gặp đều như bạn bè quen biết cả. Mỗi lần xe ngựa bắt kịp vài người đi bộ, họ tíu tít thăm hỏi lẫn nhau. Có kẻ, như ba người bạn của chúng ta đây, đã chạy trốn không đợi quân lính đến; có kẻ đã nghe thấy tiếng kèn trống của chúng; một số người đã trông thấy chúng, và miêu tả chúng như những người khiếp đảm thường miêu tả.

- Nhờ trời chúng ta hãy còn gặp may, - hai người đàn bà nói, - thôi thì đồ đạc muốn ra sao thì ra, ít nhất cái thân được yên lành đã.

Nhưng Đôn Apbôndiô không thấy có gì đáng vui mừng cho lắm ở đây; và thậm chí đám đông này, và dòng người đổ về thung lũng ở phía bên kia còn đông hơn nữa theo như người ta nói đã bắt đầu khiến ông lo ngại.

- Ồ, chuyện đến hay! - Ông làu bàu với những người đàn

bàn, khi xung quanh không có ai. - Chuyện đến hay! Chẳng lẽ các bà không hiểu tụ tập đông người đến thế ở một nơi là cố tình lôi kéo quân lính đến? Người nào cũng cất giấu hết đồ đạc hoặc mang đi? Chẳng còn gì ở nhà: chúng sẽ cho là ở trên kia phải có những kho tàng. Chắc chắn chúng sẽ đến. Thật khốn khổ thân tôi! Tôi lao đầu đi đâu thế này!

- Ồ! Chúng còn khối việc phải làm hơn là trèo lên trên kia, - Pecpêchuya nói, - chúng cũng phải tiếp tục hành quân chứ. hơn nữa, con vẫn thường nghe nói là trong hoạn nạn có đông người vẫn hơn.

- Đông người? Đông người? - Đôn Apbôndiô cãi lại. - Cái bà khốn khổ! Chẳng lẽ bà không biết là mỗi tên lính Đức có thể nuốt sống một trăm người ở đây hay sao? Và rồi, nếu chúng muốn giở trò, mà ta lại lọt vào giữa nơi chiến trận, thì thật sung sướng nhỉ? Khốn nạn cái thân tôi! Thà trèo lên núi còn hơn. Tại sao họ cứ muốn tụ tập tất cả vào một nơi thế này?... Thật là một lũ khiêu khích! Rồi ông làu bàu khẽ hơn. - Tất cả đến đây: cứ kéo nhau đi, kéo nhau đi, kéo nhau đi... người nọ sau người kia, như những con cừu rồ dại.

- Nếu nghĩ thế, - bà Anhedơ nói, - thì họ cũng có thể nói về ta như vậy được.

- Bà im đi một chút, - Đôn Apbôndiô nói, - chuyện dông dài chẳng được gì đâu. Việc đã rồi mà: chúng ta đã tới đây, thì phải ở lại đây. Về sau ra sao là do ý Chúa: cầu trời phù hộ chúng ta.

Nhưng ông càng thất vọng hơn nữa, khi trông thấy ở đầu đường vào thung lũng một trạm gác uy nghiêm với những người có vũ trang, người này ở cửa một ngôi nhà, người kia trong những căn phòng tầng dưới: thật đúng là một doanh trại. Ông liếc nhìn họ: không phải những bộ mặt ông đã thấy trong

chuyến đi đau đớn trước hoặc nếu có đôi bộ mặt cũ nào thì cũng đã thay đổi hẳn; nhưng dẫu sao, cảnh tượng ấy đối với ông cũng không lấy gì làm dễ chịu cho lắm. "Ôi, khốn nạn thân tôi! - Ông nghĩ. - Họ giở những trò điên rồi thế này đây. Tất nhiên không thể nào khác được: với một người như thế lẽ ra ta đã phải thấy trước điều này. Nhưng hắn muốn làm gì? Hắn muốn đánh nhau? Hắn muốn làm vua? Ôi, khốn nạn thân tôi! Trong tình hình người ta chỉ muốn chui xuống đất ẩn mình, con người này lại cứ tìm mọi cách chơi trội, để làm người khác phải chú ý; quả thật cứ như hắn muốn vời chúng đến!".

- Thưa Cha, bây giờ hẳn cha thấy rõ, - Pecpêchuya nói với ông, - có hay không những con người dũng cảm biết cách bảo vệ chúng ta. Bọn lính cứ tới đi: ở đây người ta không như những anh chàng nhát gan ở chỗ ta chỉ được cái bộ đánh bài chuồn là giỏi.

- Thôi nào! Đôn Apbôndiô đáp khẽ nhưng giận dữ. - Bà im đi! Bà không biết nói gì đâu. Bà hãy cầu trời cho quân lính vội đi qua, hoặc chúng không biết những gì đang làm ở đây, không thấy người ta đang biến nơi này thành một pháo đài. Chẳng lẽ bà không biết cái nghề của quân lính là đi chiếm các pháo đài hay sao? Họ chỉ cần có thế: đối với họ, xông lên tập kích cũng chẳng khác gì đi ăn cưới: bởi vì tất cả những gì chúng vớ được đều là của chúng, còn người thì chúng cho một nhát gươm. Ôi, khốn nạn thân tôi! Nhưng dẫu sao ta sẽ xem có cách gì ẩn nấp trong những tảng đá trên kia không. Họ có đánh nhau thì cũng chừa ra, chà, không, hoặc sẽ không đụng gì đến ta cả!

- Được bảo vệ và giúp đỡ mà cha cũng còn sợ... - Pecpêchuya lại nói, - nhưng Đôn Apbôndiô cắt ngang lời mụ, vẫn với giọng thì thầm:

- Bà im đi! Và liệu đấy, đừng kể với ai những lời chúng ta vừa nói. Bà nên nhớ là ở đây lúc nào cũng phải giữ vẻ mặt tươi cười và tán thành tất cả những gì ta trông thấy.

Ở quán "Đê bất hạnh" họ gặp một đơn vị vũ trang khác, Đôn Apbôndiô ngả mũ cúi chào kính cẩn, mà trong bụng vẫn tự nhủ thầm: "Chao ôi, chao ôi: ta rơi đúng vào một doanh trại thực sự!". Chiếc xe ngựa dừng lại ở đây: họ xuống xe, Đôn Apbôndiô vội trả tiền cho xe về; rồi ông lặng lẽ trèo lên dốc với hai người đàn bà cùng đi. Cảnh tượng nơi này gợi cho ông nhớ lại những nỗi lo âu lần trước hòa lẫn với những lo âu hiện nay. Bà Anhedơ, vốn chưa bao giờ nhìn thấy nơi này nhưng vẫn tạo ra một hình ảnh tưởng tượng về nơi ấy, nó cứ hiện về trong trí mỗi lần bà nghĩ tới chuyến đi khủng khiếp của Luxia, bây giờ thấy nó thật sự bà cảm thấy trong lòng như có một nỗi đau mới nhức nhói hơn phải nhớ lại những kỉ niệm ác nghiệt ấy!

- Chao ôi, thưa cha! - Bà kêu lên. - Thật khổ tâm khi nghĩ rằng con bé Luxia tội nghiệp của tôi đã phải đi trên con đường này!.

- Bà có im đi không? Cái bà này mới dại chứ! - Đôn Apbôndiô thét vào tai bà. - Những chuyện ấy có phải để nói ở đây đâu? Bà không biết là chúng ta đang ở nhà ông ấy hay sao? May mà không có ai nghe thấy; nhưng nếu bà cứ nói cái giọng ấy...

- Ồ! - Bà Anhedơ nói, - bây giờ ông ta đã là một ông thánh rồi...

- Im đi, - Đôn Apbôndiô bác lại, - bà cứ tưởng người ta có thể tha hồ nói với các ông thánh tất cả những gì xảy ra trong đầu người ta hay sao? Bà nên nghĩ đến việc cảm tạ ông về những ơn huệ ông đã giúp bà thì hơn.

- Ồ! Về cuộc ấy thì tôi đã nghĩ đến rồi: có lẽ cha tưởng tôi không biết đường ăn ở một chút hay sao?

- Đường ăn ở, đó là đừng nói điều gì có thể làm mếch lòng, nhất là với người quen nghe những điều như thế. Và cả hai bà đều phải đinh ninh rằng đây không phải là nơi kể lể những chuyện con cà con kê và nói tất cả những gì nảy ra trong đầu óc mình. Đây là một lãnh chúa, các bà biết rồi chứ gì: các bà hãy xem tất cả những người ở quanh ta, và họ đến đây thôi thì đủ mọi thứ người; vậy các bà hãy cố khôn ngoan hơn một chút, nói năng phải cân nhắc, và nhất là đừng nói quá nhiều, chỉ nói khi cần thiết, vì cứ ngậm miệng lại thì không bao giờ lầm cả.

- Cha chỉ làm rối thêm với tất cả những... - Pecpêchuya cãi lại. Nhưng Đôn Apbôndiô đã nhanh chóng hạ thấp giọng ngắt lời: "Suỵt!" và vội vàng ngả mũ cúi rạp xuống chào: khi nhìn lên cao ông đã trông thấy *Người Vô Danh* đi xuống phía họ. Vị lãnh chúa này cũng trông thấy và nhận ra Đôn Apbôndiô, và rảo bước đến đón ông:

- Thưa cha, - ông nói khi đã tới gần, - tôi rất muốn dâng cha ngôi nhà của tôi trong hoàn cảnh tốt đẹp hơn, nhưng dẫu sao tôi cũng rất vui lòng nếu có thể giúp cha một việc gì.

- Tin cậy ở tấm lòng đại từ bi của Đức Ông, - Đôn Apbôndiô đáp, - tôi đánh liều tới đây quấy rầy đức ông trong cái hoàn cảnh đáng buồn này; và, như Đức Ông cũng thấy đấy, tôi đã mạn phép đưa cả bạn bè tới đây. Đây là bà quản gia của tôi...

- Xin chúc mừng bà, - *Người Vô Danh* nói.

- Và đây, - Đôn Apbôndiô nói tiếp, - một người đàn bà đã từng chịu ơn Đức Ông: bà mẹ của cái cô... cái cô...

- Luxia, - bà Anhedơ nói.

- Luxia! - *Người Vô Danh* reo lên, quay lại phía bà

Anhedơ cúi đầu chào, - Có gì đâu là ân với huệ! Lạy Chúa lòng lành! Chính bà đến đây... đến nhà tôi... đến cái nhà này, là làm ơn cho tôi đấy. Xin chúc mừng bà. Bà đã mang tới đây ân huệ của Chúa.

- Ôi! Ngài dạy quá lời, - bà Anhedơ nói, - tôi đến làm phiền ngài. Và hơn nữa, - bà tiến lại gần ông nói tiếp, - tôi cũng phải cám ơn ngài...

Người Vô Danh ngắt lời và ân cần hỏi han tin tức Luxia; nghe xong ông quay trở lại đưa các vị khách mới lên lâu đài, mặc cho tất cả những lời từ chối khách sáo của họ. Bà Anhedơ đưa mắt nháy linh mục một cái như muốn nói: thử xem ông có cần xen vào giữa hai chúng tôi để lên giọng chỉ bảo không nào.

- Bọn chúng đã tới xứ đạo của cha rồi ư? - *Người Vô Danh* hỏi linh mục.

- Thưa không ạ, những con quỷ ấy, tôi không muốn ngồi lợi chúng đến, - Đôn Apbôndiô đáp. - Có trời biết liệu tôi có thể yên lành thoát khỏi tay chúng mà đến quấy rầy Đức Ông không.

- Thế thì xin cha cứ yên tâm, - *Người Vô Danh* lại nói, - bởi vì bây giờ thì cha được an toàn rồi. Ở đây trên cao, chúng sẽ không tới; và nếu chúng muốn thử chơi chúng tôi cũng sẵn sàng đón tiếp chúng.

- Mong sao chúng không tới, - Đôn Apbôndiô nói. - Và tôi nghe đồn, - ông nói tiếp, đưa tay chỉ rặng núi ôm lấy thung lũng phía trước mặt, - tôi nghe đồn ở bên kia cũng có một toán đang lượn đi lượn lại, nhưng... nhưng...

- Đúng đấy, - *Người Vô Danh* đáp, - nhưng cha không phải sợ gì cả, chúng tôi cũng đã chuẩn bị sẵn sàng cả với bọn này rồi.

"Giữa hai làm đạn, - Đôn Apbôndiô nghĩ bụng, - đúng là

giữa hai làn đạn. Ta để họ lôi đi đâu thế này? Và để hai mụ đàn bà lôi đi! Còn thằng cha kia thì vùng vẫy ở đây như cá bơi trong nước! Ôi, trên đời này thật có lắm thứ người!".

Khi họ đã vào trong lâu đài, vị lãnh chúa cho dẫn bà Anhedơ và Pecpêchuya vào một căn phòng trong khu dành riêng cho phụ nữ, khu này chiếm ba cạnh của cái sân thứ hai, ở phần sau tòa nhà, xây trên một bờ đá nhô ra lẻ loi và dựng đứng trên một vực sâu. Đàn ông ở những dãy nhà cánh phải và cánh trái một cái sân khác và dãy nhà trông ra bãi phẳng trước lâu đài. Tòa nhà ở giữa, ngăn cách hai sân và nối hai sân là một hành lang rộng trông ngay ra cổng chính, dành một phần để chứa lương thực, và cũng dùng làm kho cất đồ đạc mà những người tị nạn muốn giữ được nguyên lành. Trong khi nam giới có vài căn phòng dành cho những tu sĩ có thể tới lâu đài. *Người Vô Danh* đích thân dẫn Đôn Apbôndiô tới đó, và vị linh mục là người đầu tiên khai mạc nơi này.

Những người tị nạn của chúng ta sống chừng hăm ba hăm bốn ngày trong lâu đài, giữa một cảnh náo động liên miên và số người không ngừng tăng lên mãi nhất là vào những người đầu; nhưng không có gì lạ xảy ra với họ. Có lẽ không ngày nào không có lệnh báo động. Khi thì có tin bọn lính Đức đến phía này; khi thì người ta trông thấy bọn *Cappenletti* đến phía kia. Mỗi lần có tin cấp báo, *Người Vô Danh* phái người đi trinh sát và, nếu cần, ông lấy những người ông vẫn giữ bên mình để sẵn sàng làm việc này, cùng với họ ra khỏi thung lũng, đi đến nơi đang bị đe dọa. Và thật kì lạ cái cảnh một đoàn người vũ trang từ đầu đến chân bước đi trong đội ngũ chỉnh tề như một đội quân, dưới sự chỉ huy của một người không vũ khí. Trong phần lớn trường hợp, đó chỉ là những kẻ cắp vặt và những tên cướp lẻ tẻ chúng vội vàng cuốn xéo trước khi bị tóm cổ. Nhưng

một hôm, trong khi săn đuổi mấy tên trong bọn ấy, để bảo cho chúng biết đừng có lởn vởn đến nơi này nữa. *Người Vô Danh* được tin một làng nhỏ bên cạnh bị xâm chiếm và cướp phá. Đó là những tên lính Đức ở nhiều đơn vị khách nhau tụt lại sau để cướp bóc, chúng tụ tập nhau vào tấn công bất ngờ vào những làng sát nơi chúng đóng quân; chúng cướp sạch của dân và hành hạ họ đủ điều *Người Vô Danh* nói vài lời ngắn gọn với người của mình và dẫn họ đến cái hang ấy.

Họ ập tới bất ngờ. Những tên ăn cướp đã tưởng chỉ có việc vơ vét chiến lợi phẩm, khi thấy xuất hiện một đội quân chỉnh về và sẵn sàng chiến đấu liền bỏ dở cuộc cướp bóc và cắm đầu chạy tán loạn rút về nơi chúng xuất phát. *Người Vô Danh* rượt theo chúng một quãng rồi dừng lại, đợi một lúc xem có gì mới xảy ra không, rồi cuối cùng quay về. Thật khó mà tả xiết những lời chào mừng về cầu phúc của dân làng vừa được cứu thoát biểu lộ với đội quân nhỏ và vị chỉ huy của họ khi họ lại về qua làng ấy.

Trong lâu đài, giữa đám đông tập hợp một cách ngẫu nhiên những người có địa vị xã hội, lối sống, giới tính và tuổi tác khác nhau, mà không xảy ra một sự lộn xộn nào đáng kể. *Người Vô Danh* đã bố trí gác ở nhiều điểm khác nhau để trông nom làm sao khỏi xảy ra chuyện gì đáng tiếc; và họ làm việc ấy với tất cả nhiệt tình của những người ra sức làm tròn nhiệm vụ được giao phó.

Ngoài ra, mời các tu sĩ và những người có uy tín hơn cả trong đám người tị nạn đi thăm khắp lâu đài và cả họ nữa cũng giám sát một thể. Bản thân ông cố gắng đi kiểm tra càng nhiều càng tốt và có mặt khắp nơi; nhưng ngay cả khi ông vắng mặt, nếu có người nào muốn lợi dụng sự vắng mặt của ông thì chỉ cần nghĩ rằng mình đang ở nhà một con người

như thế cũng đủ ngăn mình lại. Vả chăng, tất cả ở đây đều là những người lánh nạn, và tất nhiên muốn được yên ổn. Những nỗi lo lắng về nhà cửa hoặc tài sản của họ ở một số người có cả nỗi lo lắng cho bạn bè thân thích đang trong cơn nguy biến, những tin tức từ bên ngoài đang trong cơn nguy biến, những tin tức từ bên ngoài đưa vào; tất cả những cái đó làm cho người ta nặng trĩu lo âu và đồng thời càng muốn được yên ổn hơn.

Tuy nhiên cũng có những người vô tư, những người cương nghị hơn và dũng cảm hơn cố tìm cách làm sao sống được những ngày này cho vui vẻ. Họ đã bỏ nhà ra đi vì không đủ sức bảo vệ nó, nhưng họ không thích thú gì cái việc ngồi than thở khóc lóc, vì như vậy nào có được gì, họ cũng chẳng muốn hình dung ra những cảnh thiệt hại mà chính mắt họ rồi cũng sẽ có dịp trông thấy. Có những gia đình trọn vẹn cùng ra đi với nhau, hoặc gặp lại nhau trên đời này, có những tình bạn mới nảy nở, và đám đông chia thành từng nhóm theo tình hình và tập quán. Những kẻ sẵn tiền và không muốn lạm dụng lòng hiếu khách thì xuống ăn dưới thung lũng, tại đây nhân dịp này các quán hàng mọc lên như nấm: có những quán người ta chỉ vừa ăn vừa than thở và không nói gì ngoài cảnh hoạn nạn; trong những quán khác, người ta chỉ nhắc tới tai họa để bảo nhau không nên nghĩ đến làm gì. Với những người không có khẳng năng hoặc không muốn chi tiêu như thế, lâu đài phân phát cho họ bánh mì, canh xúp và rượu vang, ngoài ra có mấy bàn ăn dọn ra hàng ngày cho những người được chính ông chủ thết đãi; và những người bạn của chúng ta nằm trong số đó.

Bà Anhedơ và Pecpêchuya không muốn được nuôi không, đã xin làm những việc mà một công cuộc từ thiện chiến lớn lao

như thế đòi hỏi; và những việc ấy choán hết của họ một phần khá lớn thời gian trong ngày, thời gian còn lại họ trò chuyện với những bạn bè mới làm quen hoặc với cha Đôn Apbôndiô đáng thương. Vị linh mục này không có việc gì làm, nhưng ông cũng chẳng vì thế mà buồn chán, vì nỗi sợ hãi luôn luôn là người bạn đường của ông. Cái sợ rõ ràng về một cuộc tấn công thì có lẽ không còn nữa, dẫu sao đó cũng không phải là nỗi sợ day dứt ông hơn cả, bởi vì ông chỉ cần suy nghĩ một chút cũng thấy ngay là nó thiếu căn cứ. Nhưng khi ông nghĩ rằng khắp vùng chung quanh bị tràn ngập tứ bề lũ lính tráng ô hợp, khi ông nhìn thấy những vũ khí và những con người vũ trang đi lại suốt ngày, ở một tòa lâu đài và lại là tòa lâu đài như thế này, khi nghĩ đến bao nhiêu điều có thể xảy tới bất cứ lúc nào trong hoàn cảnh này, thì trong ông lại nảy ra một nỗi sợ mơ hồ và liên miên, chưa kể nỗi phiền muộn khi ông nghĩ đến căn nhà khốn khổ của mình.

Trong suốt thời gian ở đây, ông không bao giờ đi xa lâu đài đến một tầm súng, và không bao giờ đặt chân tới con đường xuống núi: cuộc dạo chơi duy nhất của ông là ra tới bãi phẳng trước lâu đài và đi quanh quẩn bên ngoài, nhìn xuống bên dưới dọc theo những tảng đá và khe hẻm để xem có lối nào có thể len lách được, con đường mòn nào có thể theo đó tìm nơi ẩn náu khi có báo nguy. Với tất cả những người cùng trong cơn hoạn nạn chạy lên đây, ông kính cẩn chào hỏi, nhưng rất ít giao du với họ: như chúng tôi đã nói, ông thường hay trò chuyện hơn cả với hai bà cùng đi, chính họ là những người để ông thổ lộ tâm tình, mặc dầu đôi khi ông có thể bị mụ Pecpêchuya la rầy và cả bà Anhedơ cũng làm ông ngượng mặt.

Trong bữa ăn, mà tuy vậy ông ít ngồi nán lại, và càng ít nói hơn, ông nghe những tin tức về cuộc tiến quân khủng

khiếp truyền đi hàng ngày do sự đồn đại từ làng nọ sang làng kia, và từ miệng này qua miệng khác, hoặc được thuật lại bởi chính những người thoạt đầu muốn ở lại nhà nhưng đến phút cuối cùng phải bỏ ra đi không cứu vãn được gì, và thậm chí có khi còn bị đánh đập thảm hại; và mỗi ngày lại có thêm câu chuyện về một vài tai họa mới nào đó. Có những tay kể chuyện nhà nghề đi lượm lặt tỉ mỉ tất cả mọi tin đồn, sàng lọc lại để rồi cung cấp cho người khác cái phần tinh túy nhất. Những cuộc tranh luận nổ ra quanh vấn đề những trung đoàn nào là trung đoàn hung dữ nhất, và quân tệ hại nhất là bọn bộ binh hay kị binh; người nào biết thì đua nhau nhắc lại tên một số *condôchie*[1] nào đó, người ta kể lại những chiến công trước đây của họ, người ta xác định những trạm nghỉ và những chặng đường hành quân; ngày hôm ấy trung đoàn chiếm đóng những làng nào, ngày mai nó sẽ tràn sang những làng nào tại đây một trung đoàn khác đã tới phá phách khủng bố trước rồi. Người ta đặc biệt kháo nhau để đếm từng trung đoàn lần lượt đi qua cầu Leccô, vì những trung đoàn ấy đã có thể được xem như đi hẳn và ra khỏi đất nước. Người ta đã thấy qua đây kị binh của Vanlensten, bộ binh của Mêrốt, kị binh của Anhan, bộ binh của Brăngdơbua, rồi kị binh của Môntêcucôki, rồi kị binh của Ferari; tiếp đó qua đây có Antơringơ, Fuyaxtenbe, Côlôrêđô, rồi quân Crốat, rồi Toocquatô Cônti, và nhiều đội quân khác nữa; sau cùng, nhờ trời, Galaxô là đơn vị cuối cùng qua nốt. Đội kị binh bay của Vơnidơ đã đi xa hẳn, và tất cả đất nước hoàn toàn giải phóng. Những người dân các làng bị chiếm đóng đầu tiên và cũng được giải phóng đầu tiên đã rời khỏi lâu đài, và mỗi ngày lại có thêm người ra đi: cũng như

---

[1] Xem chú thích ở trang 611.

sau một trận bão mùa thu, người ta thấy những con chim bay ra từ khắp mọi chỗ trong vòm lá rậm rạp của cái cây đại thụ nơi chúng đã đến ẩn náu.

Ba nhân vật của chúng ta hầu như là những người cuối cùng ra đi; và đó là lí do ý muốn của Đôn Apbôndiô ông sợ nếu trở về quá sớm có thể còn gặp những tên lính Đức tan rã tụt lại sau quân đội. Pecpêchuya tha hồ nói rằng ta càng chậm thì càng tạo cơ hội cho những phần tử xấu trong làng lẻn vào nhà lấy cắp những đồ còn lại; khi cần giữ mạng mình bao giờ ông cũng là người thắng thế, trừ phi một tình thế nước sôi lửa bỏng làm cho ông hoàn toàn mất trí.

Đến ngày họ lên đường, *Người Vô Danh* cho chuẩn bị ở quán *Đêm bất hạnh* chiếc xe ngựa trong đó đã để sẵn ở một bọc hành trang tặng bà Anhedơ. Và ông mời bà ra một nơi, bắt bà nhận cả một món tiền nhỏ để sửa chữa ngôi nhà bị thiệt hại của bà, mặc dầu bà cứ đập tay vào ngực nhắc đi nhắc lại với ông rằng số tiền ông cho lần trước vẫn còn đây.

- Bao giờ bà gặp cô Luxia hiền hậu, đáng thương của bà, - cuối cùng ông nói với bà Anhedơ, - tôi tin chắc rằng cô vẫn cầu nguyện cho tôi, vì tôi đã làm cô phải khổ quá nhiều: nhờ bà nói giùm với cô là tôi cám ơn cô, và tôi tin rằng Thượng đế sẽ biến những lời cầu nguyện của cô thành bấy nhiêu lời ban phước cho bản thân cô.

Sau đó ông muốn được tiễn ba vị khách đến tận xe. Bạn đọc có thể hình dung những lời cảm tạ nồng nàn và thật khúm núm của Đôn Apbôndiô, và tất cả những lời chúc tụng của Pecpêchuya. Họ lên đường, dừng lại một lúc như đã hẹn ở nhà bác thợ may, vội đến nỗi không kịp ngồi, tại đây họ nghe kể nhiều chuyện về cuộc hành quân của quân lính, chuyện thông thường về những cảnh cướp bóc, tàn phá, những việc làm kinh

tởm; nhưng may mắn làm sao, bọn lính Đức không ló mặt đến vùng này.

- Chà, thưa cha! - Bác thợ may nói, đưa tay đỡ Đôn Apbôndiô lên xe, - có khối chuyện để in sách về những sự kiện sôi nổi này!

Sau một đoạn đường ngắn, các lữ khách của chúng ta bắt đầu được nhìn tận mắt một phần những gì họ đã nghe nói đến bao lần: những ruộng nho tan hoang không phải như sau vụ thu hoạch nho, mà như bởi một cơn mưa đá kèm theo cơn bão cùng ra sức hoành hành: những dây nho trụi lá và vung vãi trên đất, những cái cọc bị nhổ, mặt ruộng hằn vết giầy đinh và rắc đầy những mảnh gỗ, những cành khô, lá rụng; những thân cây bị đánh gẫy và cụt ngọn; những hàng rào bị phá thủng khắp mọi chỗ, những phiên giậu bị dỡ đi. Trong các làng xóm, những cánh cửa bị phá vỡ, giấy dán các cửa sổ bị xé rách, những mảnh vụn đủ loại và những giẻ rách chất đống hoặc tung tóe trên đường phố, một bầu không khí nặng nề, và mùi hôi thối còn nặng hơn bốc lên từ các căn nhà những người dân bận rộn quét rác ra ngoài, chữa lại các cửa, hoặc có những người chỉ đứng túm năm tụm ba than vãn với nhau; khi chiếc xe ngựa đi qua, nhiều bàn tay thò vào các cửa xe ở cả hai bên để xin tiền.

Với những hình ảnh ấy, khi thì bày ra trước mắt, khi thì biểu hiện trong tâm trí, và trong nỗi chờ đợi cũng thấy những cảnh như thế ở làng mình, cuối cùng họ về tới làng; và quả thật họ đã thấy những gì họ chờ đợi.

Bà Anhedơ đặt bọc hành lí vào góc cái sân nhỏ là nơi sạch sẽ nhất trong nhà; rồi bà bắt tay vào quét dọn, thu nhặt, và sắp đặt vài thứ đồ đạc còn lại; bà cho gọi thợ mộc, thợ khóa đến sửa lại những chỗ bị hư hỏng nhiều nhất; rồi, ngồi nhìn

từng chiếc quần áo trong gói hành trang của *Người Vô Danh* tặng bà, và đếm những đồng ê-quy mới, bà nghĩ bụng: "thế là ta lại bình yên vô sự; đội ơn Chúa và Đức Mẹ, và đội ơn cả vị lãnh chúa nhân đức ấy: quả thật ta đã bình yên vô sự".

Về phần Đôn Apbôndiô và Pecpêchuya, họ vào nhà không cần chìa khóa; mỗi bước đi trong phòng ngoài họ lại ngửi thấy một mùi hôi thối ngày càng nồng nặc, một bầu không khí độc hại khiến bước chân họ phải ngập ngừng; họ vừa bịt mũi vừa đi đến cửa bếp, họ nhón chân bước vào, tìm những chỗ hở để đi, hết sức tránh những rác rưởi phủ kín mặt đất; rồi họ liếc nhìn quanh mình. Không còn cái gì lành lặn: tất cả chỉ là những mẩu thừa, mẩu vụn, trong khắp mọi xó xỉnh: những đám đông bầy gà của Pecpêchuya, những mảnh áo quần rách, những tờ lịch của Đôn Apbôndiô, những mảnh nồi niêu bát đĩa bị đập vỡ: tất cả chất đống hoặc vung vãi khắp nơi. Chỉ riêng trong nhà bếp, người ta đã có thể trông thấy tất cả những dấu vết của một cuộc tàn phá lớn kết hợp lại với nhau, như một nhà văn có tài tập hợp rất nhiều hàm ý ngay một câu văn. Tại đây có một đống củi cháy dở đã tắt gồm đủ mọi thứ, trước kia là một tay tì của ghế bành, một chân bàn, một cánh cửa tủ, một bộ thang giường, một thanh ván cong của cái thùng nhỏ đựng thứ rượu vang vẫn bồi bổ sức lực cho Đôn Apbôndiô. Còn lại chỉ là tro tàn than lụi: và bằng chính những cục than ấy, bọn phá hoại, để tiêu khiển, đã nghệch ngoạc lên tường những hình thù gớm ghiếc, và với những chiếc mũ trùm, những chỏm đầu cạo trọc và những yếm cổ rõ là rộng, chúng khéo léo biến những hình thù ấy thành những tu sĩ, cố làm cho những hình tu sĩ ấy thành ghê tởm và lố bịch: trong những thứ chuyên môn này, quả thật những nhà nghệ sĩ ấy không kém cỏi chút nào.

- Hừ, đồ chó má! - Pecpêchuya kêu lên.

- Chà quân ăn cướp! - Đôn Apbôndiô kêu lên; và dường như lẩn trốn, họ vội qua một cửa khác ra vườn. Họ hít thở làn không khí trong lành và đi thẳng đến cây vả; nhưng ngay từ xa họ đã trông thấy đất xới lộn kên và bất giác cùng kêu lên một tiếng; thật vậy, đáng lẽ là đống của chôn giấu, họ chỉ thấy một cái hố toang hoác. Thế là sinh chuyện rắc rối; Đôn Apbôndiô bắt đầu quở mắng Pecpêchuya không chịu cất giấu tiền nong cho cẩn thận: các bạn thử nghĩ xem bà ta có chịu lép vế không sau khi cả hai đã cùng hét toáng lên, dang tay ra và chỉ vào cái hố, họ càu nhàu rồi cùng quay về nhà. Và khắp nơi, như ta có thể đoán được, họ đều thấy đại khái như thế cả. Họ phải hết sức vất vả để cọ rửa tẩy uế ngôi nhà, nhất là trong những ngày này thật khó tìm được người giúp đỡ; họ phải sống như cắm trại không biết bao nhiêu thời gian, cố thu xếp việc ăn ở sao cho tốt nhất, hoặc đỡ tệ nhất, và chữa chạy sắm sửa dần những cánh cửa, đồ đạc bày biện trong nhà, dụng cụ gia đình, bằng tiền của bà Anhedơ cho vay.

Đã thế, tai họa này lại là đầu mối sinh ra những chuyện cãi cọ khác thật bực mình; bởi vì mụ Pecpêchuya do cứ chất vấn, hỏi han, rình mò, dò xét mãi cuối cùng biết chắc chắn là những đồ đạc và dụng cụ của ông chủ mình, cứ tưởng đã bị quân lính mang đi hoặc phá hủy, thật ra lại nằm hết sức lành lặn ở nhà một số dân làng; và mụ dằn vặt ông chủ muốn ông phải lên tiếng đòi lại tài sản. Như thế là đụng vào một số điểm yếu làm Đôn Apbôndiô khó chịu hơn cả, bởi vì đồ đạc của ông nằm trong tay bọn vô lại, tức là loại người mà ông không muốn dính dáng đến chuyện gì hết.

- Nhưng nếu tôi không muốn biết gì về tất cả những thứ ấy thì sao! - Ông nói. - Bao nhiêu lần tôi đã phải nhắc đi nhắc

lại với bà rằng cái gì đã mất thì cũng mất rồi? Chẳng lẽ tôi còn phải bị đem ra hành hình vì nhà tôi đã bị cướp nữa hay sao?

- Thế đấy, - Pecpêchuya đáp, - cha thì có lẽ đến cả mắt mình cũng để người ta móc đi luôn! Ăn cắp của người khác là một tội lỗi, nhưng với cha, thì không ăn cắp của cha mới là tội lỗi.

- Chà chà, ai cho phép bà ăn nói bậy bạ như thế nhỉ? - Đôn Apbôndiô đáp lại. - Bà có im đi không?

Pecpêchuya nín lặng, nhưng không chịu im nay, và bất cứ chuyện gì cũng có thể là cái cớ để mụ nói lại. Đến nỗi con người khốn khổ không còn dám than phiền mỗi khi ông thấy mình thiếu một thứ gì đúng vào lúc ông cần đến; bởi vì đã nhiều lần ông phải nghe nói: - Cha đi mà tìm ở nhà cái thằng ấy thằng nọ, chính nó có, và có lẽ nó không dám giữ đến bây giờ nếu nó không gặp phải một người khờ khạo như cha.

Một điều nữa còn khiến ông lo ngại hơn, là tin đồn có những tên lính lẻ tẻ vẫn tiếp tục qua đây hàng ngày, đúng như ông đã dự kiến. Cho nên ông luôn luôn sống trong nỗi lo sợ phải nhìn thấy một vài tên trong bọn chúng, hoặc thậm chí cả một toán lính, xuất hiện trước cửa nhà ông, cái cửa này ông đã vội vàng cho chữa ngay đầu tiên, và lúc nào cũng đóng cẩn thận; nhưng ơn chúa chuyện ấy không xảy ra. Những nỗi sợ hãi của ông chưa kịp tan đi thì một nỗi sợ mới đã ập tới:

Nhưng đến đây chúng ta hãy tạm gác con người khốn khổ sang một bên: bởi vì vấn đề hoàn toàn không còn là những nỗi lo sợ riêng của ông, hoặc những nỗi cơ cực của một vài làng, và thậm chí cũng không phải một tai họa nhất thời.

Chương ba mươi mốt

Bệnh dịch hạch, mà tòa án Y tế lo ngại có thể xâm nhập vào miền Milăng cùng với những toán quân Đức quả thật đã vào đây, như mọi người đều biết; và người ta còn biết là nó không dừng lại ở đó, mà lan rộng và làm giảm dân số một phần khá lớn nước Ý. Theo dòng tự sự của câu chuyện chúng tôi, bây giờ chúng tôi sẽ kể lại những sự kiện chính của tai biến này; trong miền Milăng tất nhiên, và thậm chí hầu như chỉ trong thành phố Milăng thôi: bởi vì những hồi kí thời ấy hầu như chỉ nói đến thành phố, như điều ấy vẫn thường xảy ra gần ở mọi nơi và mọi lúc, vì những lí do hay và dở. Và trong chuyện này, mục đích của chúng tôi, nói cho đúng, không chỉ là miêu tả tình thế trong đó các nhân vật của chúng tôi hoạt động, mà đồng thời còn cho bạn đọc biết, càng ngắn gọn càng tốt và với mức độ tùy thuộc ở khả năng chúng tôi, một chương của lịch sử dân tộc ta, cái chương chỉ mới nổi tiếng chứ chưa từng được hiểu biết thực sự.

Trong nhiều thiên kí sự thời ấy, không một thiên nào tự bản thân nó đủ cho ta một cái nhìn nhiều rõ ràng và hoàn chỉnh, hoặc thậm chí có thể giúp ta hình thành một khái niệm về biến cố này. Trong mỗi thiên kí sự ấy, không loại trừ cả

thiên kí sự của Ripamôngti[1] mặc dầu hơn hẳn tất cả các kí sự khác về số lượng và sự lựa chọn các sự kiện và nhất là về cách quan sát sự kiện, người ta bỏ qua những sự kiện quan trọng được thuật lại trong những kí sự khác; trong tất cả các kí sự đều có những sai lầm về tư liệu mà người ta có thể nhận ra và đính chính nhờ những bản tường thuật khác, hoặc nhờ những văn kiện hiếm hoi của chính quyền đã in hoặc viết tay còn lại đến nay; và thường khi trong một kí sự ta bắt gặp những nguyên nhân còn một kí sự khác thì lại cho thấy hậu quả của chúng nhưng là những hậu quả biệt lập và như từ trên trời rơi xuống. Hơn nữa trong tất cả các kí sự tràn ngập một sự lẫn lộn kì lạ về những thời điểm và sự việc; đó là một mớ hỗn tập, dường như gặp chăng hay chớ, không có lấy một chút bố cục trong toàn thể cũng như về chi tiết: vả chăng đó là một trong những đặc điểm thông thường nhất và rõ ràng nhất của những cuốn sách thời ấy, nhất là những sách viết bằng ngôn ngữ phổ thông[2], ít ra là ở nước Ý; các nhà bác học hẳn biết những nước còn lại ở Âu Châu có như thế không, về phần chúng tôi, chúng tôi cho rằng có lẽ cũng vậy thôi.

Không một nhà văn nào của thời đại sau tự đặt cho mình nhiệm vụ xem xét và đối chiếu những hồi kí ấy để từ đó rút ra một chuỗi liên kết các sự kiện, một lịch sử của nạn dịch hạch này. Đến nỗi quan niệm thông thường của người ta về nạn dịch hạch ấy tất nhiên chỉ có thể rất mơ hồ và có phần nào

---

[1] *Zosephi Ripamontii canonici seolensis chromistal urbis Meliolani. Dem peste quae juit anno , Libri V. Meliolani, apud Malatestas.* (Chú thích của tác giả) (Giôdêphi Ripamôngti - tu sĩ, nhà chép sử của thành phố Milăng. Sách "Về bệnh dịch hạch xảy ra năm)", năm tập - Milăng, 1640, tại Malatexta).

[2] Chỉ tiếng Ý, được gọi như vậy một thời gian dài, so với ngôn ngữ "cao quý" là tiếng Latinh.

hỗn độn: một khái niệm lờ mờ về những tai họa lớn và những sai lầm nghiêm trọng (thật ra có cả hai thứ, và chúng vượt ra ngoài khả năng tưởng tượng của con người), một khái niệm hình thành từ những phán đoán hơn là những sự kiện, và từ một vài sự kiện rời rạc, thường bị cô lập khỏi những hoàn cảnh riêng tiểu biểu nhất của chúng, không phân biệt ngày tháng, nghĩa là không hiểu biết gì về nguyên nhân và kết quả, về sự diễn biến các sự kiện và quá trình phát triển của những sự kiện ấy. Về phần chúng tôi, ít ra đã bỏ nhiều công phu nghiên cứu và đối chiếu tất cả các kí sự đã in, nhiều kí sự viết tay và cả nhiều tài liệu (so với số ít còn lại) mà người ta gọi là chính thức, chúng tôi đã cố viết ra, dẫu chưa phải cái mà người ta có thể mong muốn, thì cũng là một cái gì chưa làm bao giờ. Chúng tôi không có ý định sao chép lại tất cả những biến cố ít nhiều đáng ghi nhớ. Chúng tôi càng ít có tham vọng làm cho việc đọc những thiên kí sự gốc trở thành vô ích đối với những người muốn hình thành một khái niệm đầy đủ hơn về sự kiện này; chúng tôi cảm thấy quá rõ tất cả sức mạnh sinh động, độc đáo và có thể nói là không thể truyền lại được trong những tác phẩm ấy, dù chúng đã được quan niệm, và viết ra như thế nào. Chúng tôi chỉ cố gắng làm sáng tỏ và xác minh những sự kiện thông thường nhất và quan trọng nhất, sắp xếp lại theo thứ tự diễn biến thực của chúng, theo như lẽ phải và ngay cả tính chất của chúng đòi hỏi, khảo sát ảnh hưởng qua lại của chúng, và do đó, tạm thời trong khi chờ đợi người khác làm tốt hơn cung cấp những điều ghi chép ngắn gọn nhưng chân thực và mạch lạc về tai họa ấy.

Vậy thời, suối dải lãnh thổ có quân đội đi qua, người ta đã thấy lác đác những xác chết trong các nhà và trên mặt đường. Ít lâu sau, ở làng này làng nọ có những người, và cả những

gia đình trọn vẹn, mắc bệnh rồi chết vì những cơn đau dữ dội và kì lạ, với những triệu chứng mà phần lớn những người đang sống không biết. Những triệu chứng ấy chỉ không mới lạ đối với một số rất ít người: những người có thể còn nhớ lại bệnh dịch hạch năm ba mươi năm về trước cũng đã tàn phá một phần khá lớn nước Ý, nhất là miền Milăng, tại đây vào thời ấy và cả cho đến bây giờ vẫn gọi nó là bệnh dịch hạch thánh Saclơ. Sức mạnh của lòng nhân đức là như vậy! Giữa những kỉ niệm vô cùng nặng nề và hết sức khác nhau mà một tai họa chung có thể để lại, lòng nhân đức có thể đề lên hàng đầu kỉ niệm về một con người, bởi vì nó đã truyền cho người ấy những tình cảm và những việc làm còn đáng ghi nhớ hơn cả những nỗi bất hạnh kia; nó có thể khắc sâu kỉ niệm ấy vào trong mọi tâm trí, như một sự tổng kết tất cả những nỗi đau khổ đó, bởi vì lòng nhân đức đã thúc giục và lôi cuốn con người này vào giữa những nỗi đau khổ như một người dẫn đường. Một cứu tinh, một tấm gương, một nạn nhân tình nguyện; từ một tai họa chung, lòng nhân đức đã có thể tạo ra cho người ấy những gì mà một chiến công hiển hách tạo ra cho người khác, và mượn ngay tên ông để gọi biến cố này, như người ta thường làm đối với một chiến thắng lẫy lừng hoặc một phát minh.

Bác sĩ trưởng Lôđôvicô Xettala không những đã thấy bệnh dịch hạch ấy mà còn là một trong những người tích cực nhất và dũng cảm nhất đương đầu với nó và (mặc dầu khi ấy ông còn rất trẻ) là một trong những người điều trị bệnh ấy giỏi nhất. Bởi vì ông rất lo ngại một bệnh dịch mới và luôn luôn đề phòng, thăm dò tin tức, cho nên đến ngày 20 tháng 10, ông báo cáo trước tòa án Y tế là ở thị trấn Chiuxô (thị trấn cuối cùng của hạt Leccô và giáp với hạt Becgam bệnh truyện

nhiễm chắc chắn đã nổ ra. Tuy vậy người ta không có một quyết định nào về vấn đề này, như bộ sưu tập của Tađinô đã chứng tỏ.

Nhưng chẳng bao lâu những báo cáo tương tự từ Leccô và Benlanô đưa về. Tòa án bèn ra một quyết định hạn chế trong việc phái đi một ủy viên, ông này dọc đường phải lấy ở hạt Côm một thầy thuốc để cùng với ông đến thăm những nơi đã chỉ định. Cả hai người "Vì ngu dốt hoặc vì một lí do nào khác, đã tin theo một lão thợ cạo già ngu ngốc ở Benlanô cho rằng thứ bệnh ấy không phải là bệnh dịch hạch"[1], mà ở một số nơi thì đó là ảnh hưởng thông thường của những nơi đầm lầy bốc lên về mùa thu, còn ở nơi khác đó là hậu quả của những nỗi khổ cực và những sự hành hạ phải chịu đựng trong thời gian quân Đức xâm lược. Một sự quả quyết như thế được báo cáo về tòa án, và có vẻ đã khiến cho họ hoàn toàn yên tâm.

Nhưng vì một loạt tin tức khác về nạn tử vong liên tiếp từ khắp nơi báo về, người ta phái hai đại biểu đi xem xét để quyết định những biện pháp cần thiết: Tađinô mà ta đã nói tới, và một viên thanh tra của tòa án. Khi những người này tới nơi, bệnh đã lan tràn đến nỗi những bằng chứng của bệnh dịch hạch tự nó hiện lên rành rành chẳng cần phải tìm kiếm. Họ đi khắp hạt Leccoo, vùng Vanxatxilna, dọc bờ hồ Côm những huyện tên là Môntơ đi Briana và Giêra Đada, ở đâu họ cũng thấy những làng có lối vào bị chắn, những làng khác thì hoang vắng, và những người dân lẩn trốn, dựng lều giữa đồng hoặc tan tác khắp nơi; "và tất cả bọn họ đều có vẻ, - Tađinô nói, - như những sinh vật man rợ, trong tay cầm cây bạc hà, cây vân hương, cây mê diệt, hoặc thậm chí một lọ dấm".

---

[1] Tađinô, sách trên, tr.24 (chú thích của tác giả).

Họ điều tra số người chết, con số thật khủng khiếp; họ đến thăm những bệnh nhân và những xác người, và ở đâu họ cũng thấy những dấu hiệu ghê tởm và kinh khủng của bệnh dịch hạch. Họ vội chuyển ngay bằng thư những tin dữ ấy về tòa án Y tế và tòa án này, ngay khi nhận được tin (đó là ngày 30 tháng mười) "đã chuẩn bị, - vẫn theo lời Tađinô nói với chúng ta, - đặt ra những giấy thông hành để ngăn không cho những người ở các vùng có bệnh truyền nhiễm vào thành phố, và trong khi chờ đợi thảo xong pháp lệnh", tòa án ban bố trước một số lệnh vắn tắt theo hướng này cho những người làm việc trong ngành thuế quan.

Trong khi ấy các đại biểu vội vã thi hành những biện pháp mà họ cho là tốt nhất, rồi họ trở về với niềm tin buồn bã là những biện pháp ấy sẽ không đủ để ngăn chặn và chữa chạy một bệnh đã phát triển tới mức trầm trọng và lan rộng đến thế.

Về tới nhà ngày 14 tháng 11, sau khi đã báo cáo miệng, rồi báo cáo viết, với tòa án, họ được tòa án ủy nhiệm đến gặp quan thống đốc và trình bày tình hình với ngài. Họ đến đó, rồi về báo cáo rằng quan thống đốc rất bực mình được biết những tin này tỏ ra hết sức đau lòng, nhưng những nỗi lo lắng về chiến tranh còn cấp bách hơn: *Sed belli graviora esse curas*". Đó là điều Ripamôngti kể lại với chúng ta, ông đã nghiên cứu các sổ sách của Sở Y tế và đã trò chuyện với Tađinô là người được đặc biệt giao cho nhiệm vụ này: đó là câu trả lời thứ hai, nếu bạn đọc còn nhớ, để đáp lại cũng vẫn yêu cầu ấy, và đáp lại cũng với kết quả như thế. Vài ngày sau, ngày 18 tháng 11, quan thống đốc ban hành một sắc lệnh tổ chức những cuộc vui chơi công cộng chào mừng sự sinh hạ hoàng tử Saclơ, con đầu lòng của nhà vua Philip IV, không hề lo ngại cũng chẳng hề

quan tâm đến mối nguy hiểm có thể sinh ra do sự tập trung đông người trong hoàn cảnh như thế: mọi sự chẳng khác gì trong những ngày bình thường, cứ như người ta chưa hề nói gì với ngài cả.

Con người ấy, như chúng tôi đã nói, chính là ngài Anbroadơ Xpinôla nổi tiếng, được cử đến chấn chỉnh tình hình chiến sự, sửa chữa những sai lầm của Đôn Gôndalô, và luôn thể cai trị công quốc Milăng. Và chúng tôi cũng luôn thể nhắc lại ở đây là mấy tháng sau ngày qua đời, trong cuộc chiến tranh mà ngài quan tâm đến thế; và ngài chết, không phải vì bị thương nơi chiến trận, mà trên giường bệnh, phiền muộn và khổ sở vì những lời trách móc, những sự bất công, những sự ghét bỏ đủ loại từ phía những kẻ mà ngài phục vụ. Lịch sử đã xót thương số phận ngài và lên án sự bội bạc mà ngài phải chịu; lịch sử đã dày công mô tả những thành tích quân sự và chính trị của ngài, đã ca ngợi tầm nhìn xa, sự linh lợi, tính kiên định của ngài: kể ra lịch sử cũng nên tìm xem ngài đã có thể làm gì với tất cả những đức tính ấy, khi bệnh dịch hạch đe dọa, và tàn phá một đám dân cư được giao cho ngài trông nom, hoặc nói đúng hơn, phó mặc trong tay ngài.

Nhưng cái điều có thể giảm bớt nỗi ngạc nhiên của chúng ta trước thái độ của ngài mà không phải nhẹ đi chút nào sự chê trách mà ngài đáng phải chịu, cái điều lại trở thành một đề tài ngạc nhiên mới đối với chúng ta, đó là thái độ của bản thân dân chúng, hoặc nói đúng hơn là cái bộ phận dân chúng còn chưa bị lây bệnh và có đầy đủ lí do để lo sợ nó. Trước những tin dữ truyền đến từ những vùng bị nhiễm độc thảm thương đến thế, và tạo thành một vành bán nguyệt chung quanh thành phố ở nhiều chỗ chỉ cách chừng mười tám hoặc hai mươi dặm, ai chẳng cho rằng sẽ diễn ra một cảnh náo

động toàn thành, một nỗi mong muốn tìm mọi cách đề phòng dù tốt hay xấu, hoặc ít ra là một nỗi lo âu cho dù vô hiệu? Ấy vậy mà nếu các hồi kí thời ấy có nhất trí với nhau ở một điểm nào, thì đó là để chứng thực rằng tình hình không có chút nào như vậy. Cảnh thiếu thốn của năm trước, những sự bạo ngược của quân lính ô hợp, nỗi đau buồn chung, tất cả những điều đó dường như quá đủ để cắt nghĩa nạn tử vong: trên các quảng trường, trong các cửa hàng, trong mọi nhà, kẻ nào dám hở môi nói đến mối nguy hiểm đang đe dọa, kẻ nào bàn đến nạn dịch hạch, kẻ đó sẽ được đón nhận ngay bởi những lời giễu cợt hoài nghi, bởi một vẻ khinh bỉ phẫn nộ. Và sự hoài nghi ấy, hoặc đúng hơn thói ngoan cố mù quáng ấy cũng ngự trị cả ở Viện Nguyên lão, ở Hội đồng các Đêcuriông, ở tất cả mọi cơ quan nhà nước.

Tôi đọc được những ghi chép nói rằng Hồng y giáo chủ Fêđêrigô, ngay khi người ta vừa mới biết những trường hợp đầu tiên của bệnh này, đã chỉ thị trong thư luân lưu của ngài gửi các linh mục là, cùng với nhiều việc khác, phải thường xuyên chỉ bảo cho dân chúng biết rằng việc phát hiện tất cả những ca bệnh tương tự và giao nộp những áo quần đã nhiễm độc hoặc khả nghi một việc quan trọng và bắt buộc phải chấp hành nghiêm ngặt[1]: và điều đó cũng có thể được kể trong những việc đặc biệt đáng ca tụng của ngài.

Tòa án Y tế yêu cầu, van xin sự cộng tác của các nhà chức trách, nhưng chỉ nhận được rất ít hoặc chẳng được gì. Và ngay trong tòa án, sự sốt sắng cũng còn xa mới đáp ứng được nhu

---

[1] *Vita di Federigo Borromeo, compilata da Francesco Rivola Milan, 1666, tr. 582* (chú thích của tác giả).
("Cuộc đời của Fêđêrigô Bôrômêô do Franxexcô Rivola soạn thảo" - Milăng, 1666, tr 182").

cầu khẩn thiết: như Tađinô đã nhiều lần khẳng định, và như toàn bộ thiên kí sự của ông toát ra còn rõ hơn nữa, chính là có hai thầy thuốc, tin chắc ở tình trạng trầm trọng và cấp bách của mối nguy hiểm, đã thúc giục nghiệp đoàn mình, và nghiệp đoàn này sau đó đã phải thúc giục các nhà chức trách.

Chúng ta đã thấy khi mới được tin báo về bệnh dịch hạch, tòa án tỏ ra thờ ơ như thế nào chẳng những trong công việc mà ngay cả trong sự tìm hiểu tình hình. Và đây một thí dụ khác nữa về sự chậm chạp không kém kì lạ, nếu tuy vậy nó không phải là kết quả không tránh khỏi do những trở lực từ các quan chức cấp trên. Pháp lệnh về giấy thông hành, đã quyết định ngày 30 tháng 10, chỉ đến ngày 23 tháng sau mới thảo xong và ngày 29 mới ban hành. Bệnh dịch hạch đã vào Milăng rồi.

Tađinô và Rapamôngti muốn giữ lại tên người đầu tiên đem bệnh dịch hạch vào đây, cùng với những chi tiết khác về con người và trường hợp của người đó: thật vậy, khi người ta khảo sát lúc khởi thủy của một làn sóng tử vong vô cùng rộng lớn, trong đó không đặt vấn đề phân biệt các nạn nhân bằng tên của họ, mà may mắn người ta chỉ có thể đại khái hình dung ra họ bằng con số hàng nghìn, thì tự nhiên nảy ra lòng hiếu kì nào đó muốn biết những cái tên đầu tiên đã có thể được ghi nhớ và lưu lại: dường như sự phân biệt ấy, địa vị thượng đẳng trong sự hủy diệt ấy đã khiến cho người ta nhìn thấy ở những cái tên đó và những hoàn cảnh riêng biệt liên quan đến chúng - những hoàn cảnh này ở chỗ khác thì chẳng ai buồn để ý - một cái gì đó nguy hại và đáng ghi nhớ.

Hai nhà viết sử ấy nói rằng đó là một người lính Ý phục vụ trong quân ngũ Tây Ban Nha; ngoài ra họ không nhất trí với nhau ngay cả về tên người. Theo Tađinô đó là một anh

chàng Fietơrô Antôniô Lôvatô nào đấy đóng tại hạt Leccô; theo Ripamôngti thì là một chàng Pie Paolô Lôcati nào đấy đóng ở Chiavenna. Họ cũng không nhất trí với nhau cả về ngày anh ta vào Milăng, người thứ nhất xác định là ngày 22 tháng 10 người thứ hai cũng là ngày 22 của tháng sau đó; và người ta không thể quyết định đó là ngày nào, vì cả hai ngày ấy đều mâu thuẫn với những ngày tháng khác đáng tin cậy hơn nhiều. Vậy mà Ripamôngti, viết theo lệnh của Hội đồng các Đêcuriông, chắc hẳn phải có nhiều phương tiện thu thập những tài liệu cần thiết còn Tadinô, do chức vụ của ông, có thể hiểu biết một sự kiện loại này rõ hơn ai hết. Vả chăng, từ sự đối chiếu với các ngày tháng khác, như chúng tôi đã nói, đối với chúng tôi có vẻ chính xác hơn, có thể rút ra kết luận là sự kiện này xảy ra trước khi ban hành pháp lệnh về giấy thông hành; và nếu bõ công thì người ta cũng có thể chứng minh, hoặc gần như thế, rằng chắc chắn đó là vào những ngày đầu của chính tháng này, nhưng chắc là bạn đọc miễn cho chúng tôi việc ấy.

Dù thế nào đi nữa, anh lính bộ binh khốn khổ gieo rắc tai họa ấy cũng đã vào thành phố với một học tưởng những áo quần mua lại hoặc ăn cắp của bọn lính Đức; anh dừng chân tại nhà một người họ hàng ở ngoại ô Cửa đông, gần tu viện dòng đạo hành khất. Vừa tới nơi, anh lăn ra ốm; anh được khiêng đến nhà thương, tại đây một cái hạch phát hiện dưới nách khiến những người săn sóc anh nghi ngờ anh mắc cái bệnh thật ra đúng như thế. Đến ngày thứ tư thì anh chết.

Tòa án Y tế ra lệnh cách li và cấm những người trong gia đình không được ra khỏi nhà. Áo quần anh và giường anh nằm ở nhà thương đem đốt hết. Hai y tá săn sóc anh và một tu sĩ đã đứng bên giường cầu nguyện cho anh vài ngày sau cũng

ốm, cả ba đều mắc bệnh dịch hạch. Trong trường hợp này, do người ta đã biết nghi ngờ căn bệnh ngay từ đầu, cho nên sự truyền nhiễm không lan xa hơn nữa.

Nhưng anh lính đã để lại bên ngoài nhà thương những mầm bệnh nhanh chóng phát triển. Người đầu tiên mắc bệnh là ông chủ căn nhà người lính ấy ở, tên là Caclô Côlonnna, một người chơi đàn huýt. Thế là tất cả những người ở nhà này, theo lệnh tòa án Y tế, được đưa vào trại phòng dịch, tại đây phần lớn trong số họ bị mắc bệnh, và ít ngày sau một vài người chết với những triệu trứng rõ ràng là của bệnh dịch hạch. Trong thành phố ngoài những mầm bệnh của những người ấy đã gieo rắc qua áo quần, đồ đạc của họ do những họ hàng thân thích, những người cùng thuê nhà và những người săn sóc họ đã lấy cắp trong đống đồ tịch thu đem đốt theo lệnh tòa án, lại còn những mầm đưa vào thành phố do sự thiếu hoàn thiện của những pháp lệnh và việc thi hành pháp lệnh trễ nải, do những thủ đoạn khôn khéo lẩn tránh pháp lệnh: cho nên những mầm bệnh ấy cứ ấp ủ, từ từ lan đi trong những ngày cuối năm và những tháng đầu tiên của năm 1630. Thỉnh thoảng, ở khu này khu khác lại có người mắc bệnh hoặc chết vì bệnh ấy: và chính vì những những trường hợp hiếm hoi như thế, cho nên chúng khiến người ta không nghĩ tới được sự thật chúng càng củng cố trong dân chúng các niềm tin ngu xuẩn và tai hại là không có bệnh dịch hạch, và thậm chí chưa hề lúc nào có bệnh dịch hạch. Và ngay cả nhiều thầy thuốc cũng phụ họa với tiếng nói của dân chúng (trong trường hợp nữa, liệu tiếng nói ấy có phải là tiếng nói của Chúa không?) giễu cợt những lời đoán gở, những lời cảnh cáo đe dọa của một số ít những bạn đồng nghiệp của họ; và họ luôn luôn có sẵn những tên bệnh thông thường để gọi mỗi ca bệnh dịch hạch họ có thể

được mời đến điều trị; bất kể những triệu chứng, bất kể những dấu hiệu hiện ra như thế nào.

Những trường hợp ấy nếu có báo về tới Sở y tế thì thường là quá muộn và không rõ ràng. Nỗi sợ chế độ cách li kiểm dịch và sợ trại phòng dịch khiến cho những người ấy trở nên khôn khéo hơn: con bệnh không bị tố giác, người ta đút lót những đám phu ma và những viên giám thị của họ; thậm chí người ta còn mua được bằng tiền những chứng chỉ giả của một số công chức cấp dưới tòa án được cử đến khám nghiệm thây người chết.

Nhưng vì mỗi khi tòa án phát hiện ra trường hợp nào thì bao giờ cũng hạ lệnh đốt đồ đạc, niêm phong nhà cửa, đưa các gia đình vào trại phòng dịch, cho nên ta cũng dễ hiểu là việc ấy hẳn phải gây nên một cơn giận dữ và những lời ta thán như thế nào trong quần chúng, "trong các nhà quý tộc, các thương nhân, và trong dân thường", như Tadinô nói; bởi vì tất cả những người ấy đều tin rằng đây là những sự phiền hà vô cớ và vô ích. Nỗi căm ghét chủ yếu chĩa vào hai thầy thuốc, Tadinô và Nguyên lão nghị viên Xattala, con trai của bác sĩ trưởng: đến nỗi họ cứ đi qua các quảng trường là phải nghe những lời chửi rủa tới tấp, có khi còn bị ném đá, và tình cảnh những con người này suốt mấy tháng ròng thật là kì lạ và đáng được nhắc tới: trông thấy một tai họa khủng khiếp tới gần, cố tìm mọi cách trừ diệt nó, vấp phải những trở lực ở nơi họ tìm kiếm sự giúp đỡ thiện ý, và đồng thời là mục tiêu của những tiếng kêu la hằn học, và bị đối xử như những kẻ thù của tổ quốc: "pro patriae hostibus"[1] như Rapamôngti nói.

Lòng căm ghét ấy cũng mở rộng một phần tới cả những

---

[1] Tiếng Latinh trong nguyên bản, có nghĩa là "kẻ thù của tổ quốc".

thầy thuốc khác cũng tin chắc như họ là có bệnh truyền nhiễm thật, khuyên mọi người nên có biện pháp để phòng và cố truyền cho người khác niềm xác tín đau đớn của mình. Những kẻ dè dặt nhất thì họ là cả tin và ngoan cố; còn với tất cả những người khác thì đây là một sự lừa dối rõ ràng; một âm mưu có tổ chức để kiếm chác trên sự khiếp sợ chung của mọi người.

Bác sĩ trưởng Lôđôvicô Xettala, khi ấy đã gần tám mươi tuổi, từng là giáo sư y học ở trường đại học tổng hợp Pari, rồi giáo sư môn triết học đạo đức ở Milăng tác giả nhiều công trình có tiếng thời ấy, nổi tiếng vì được những trường đại học tổng hợp khác ở Ingonxtat, ở Pidơ, ở Bôlônhơ, ở Pađu mời đến giảng dạy, và cũng nổi tiếng vì đã từ chối tất cả những lời mời ấy, chắc chắn là một trong những người đương thời được kính trọng nhất. Cùng với thanh danh khoa học ngài lại có cả thanh danh về cuộc sống của mình, và người ta cảm phục ngài, người ta yêu quý ngài vì tấm lòng nhân đức bao la của ngài khi chữa bệnh và cứu giúp cho những người nghèo. Vậy mà, cái điều làm chúng ta buồn phiền và làm vẩn đục lòng quý trọng của chúng ta đối với công lao của ngài, nhưng cũng là điều khi ấy chắc chắn phải làm cho lòng quý trọng này càng rộng rãi hơn và càng mãnh liệt hơn, đó là con người đáng thương nọ đã tán thành những thiên kiến phổ biến nhất và tai hại nhất của những người cùng thời; ngài tiến bộ hơn họ, nhưng không tách khỏi đám đông, đó là điều gây nên những chuyện buồn phiền và thường hay làm tiêu ma một uy tín đã giành được bằng cách khác. Và tuy vậy uy tín rất lớn của ngài trong trường hợp này chẳng những đã không thể mạnh hơn dư luận của những kẻ mà các nhà thơ gọi là phu tục tử còn những ông chủ gánh hát thì gọi là công chúng đáng khinh; mà thậm

chí nó còn bất lực không làm sao cho ngài tránh khỏi lòng thù oán và những sự nhục mạ của cái bộ phận quần chúng thường hay chuyển nhanh nhất và dễ nhất từ những lời phán xét sang những cách tỏ bày thái độ và những việc làm.

Một hôm, khi ngài đi kiệu đến thăm bệnh nhân, một đám người bắt đầu xúm lại quanh ngài, la hét rằng chính ngài là người cầm đầu những kẻ muốn có bệnh dịch hạch bằng mọi cách; rằng chính ngài đã gieo rắc nỗi kinh hoàng trong thành phố, với cái vẻ quàu quạu và bộ râu rậm rạp của ngài: tất cả là để kiếm việc làm cho thầy thuốc. Đám đông tăng dần, và cơn giận dữ của họ cũng tăng theo: những người phu kiệu thấy chuyện chẳng lành, liền đưa ông chủ của họ vào náu trong một nhà quen, may mắn thay cũng ở gần đấy. Và như vậy chỉ vì ngài đã từng có cái nhìn sáng suốt, đã từng nói lên sự thật, đã muốn cứu hàng nhìn và hàng nghìn người khỏi bệnh dịch hạch. Nhưng lần khác, do một lời khuyên tệ hại, ngài đã góp phần để người ta tra khảo, tìm kẹp và đốt bỏng một người đàn bà đáng thương bị xem là một mụ phù thủy, với cái cớ là ông chủ bà này bị những cơn đau bụng kì lạ, và một ông chủ khác trước nữa của bà thì yêu bà đến chết mê chết mệt[1] , lần ấy hẳn ngài lại nhận được của mình, và cái điều cứ nghĩ mà khủng khiếp, một danh hiệu mới được quần chúng thừa nhận.

Nhưng vào cuối tháng ba, thoạt đầu ở khu ngoại ô Cửa đông, rồi sau đó ở tất cả mọi khu trong thành phố, những ca bệnh, những trường hợp tử vong bắt đầu nhiều hơn, kèm theo những hiện tượng kì lạ: co giật, tim đập liên hồi, ngủ lịm, mê sảng, cùng với những dấu hiệu đặc trưng tai hại là những vết

---

[1] *"Storia di Milano" du Comte Pietro Verri. Milan 1825.* Tom 4, p. 155 (chú thích của tác giả) ("lịch sử Milăng", của bá tước Pietơrô Veri Milăng 1825, tập 4, tra 155).

bầm máu và những cái hạch. Thường thường cái chết đến nhanh và kịch liệt, đôi khi đột ngột, không có triệu chứng gì báo trước. Những thầy thuốc cho đến lúc này vẫn phản đối ý kiến cho rằng có bệnh dịch, bây giờ không muốn thừa nhận cái điều họ đã chế giễu, và tuy vậy vẫn phải đặt một cái tên gọi thuộc về chủng loại cho căn bệnh mới, lúc này đã quá phổ biến và quá rõ ràng đến mức không thể không gọi tên, bèn tìm ra cái tên gọi là bệnh sốt ác tính, bệnh sốt dịch hạch; một sự dàn xếp thảm hại và thậm chí một trò gian lận trên chữ nghĩa mà gây thiệt hại nghiêm trọng không kém vì trong khi có vẻ thừa nhận sự thật, họ vẫn còn ngăn cản không cho người ta tin rằng cái điều quan trọng nhất phải tin, phải thấy, đó là bệnh này truyền đi do sự tiếp xúc với người bệnh.

Các nhà cầm quyền, như bừng tỉnh sau một giấc ngủ say, bắt đầu nghe một cách chăm chú hơn những thông báo và những đề nghị của Tòa án Y tế, và bắt đầu cho thực thi những pháp lệnh, những sự tịch biên, những chế độ cách li kiểm dịch cho tòa án này quy định. Tòa án cũng liên tục xin tiền để đáp ứng những khoản chi tiêu hàng ngày không ngừng tăng lên của trại phòng dịch và của nhiều công cụ khác nữa. Và nó yêu cầu các vị đêcuriông cấp cho những khoản chi phí ấy trong khi chờ đợi người ta quyết định (điều này, theo tôi, sẽ không bao giờ có được trên thực tế) xem những khoản chi tiêu như thế thuộc về phần thành phố hay là ngân khố hoàng gia phải chịu. Cũng các vị đêcuriông ấy khi thì bị ngài đại pháp quan hỏi đến theo lệnh của chính quan thống đốc lúc này đã lại đem quân lần nữa đi vây hãm cái thành phố Cadan khốn khổ; khi thì bị Viện Nguyên Lão thúc giục phải nghĩ cách tiếp tế cho thành phố trước khi mà chẳng may bệnh truyền nhiễm lan rộng và mọi đường liên lạc với các vùng khác đều bị cấm; rồi

Viện nguyên Lão lại yêu cầu họ bảo đảm sinh sống cho một số lớn dân cư không còn công ăn việc làm. Các vị đêcuriông cố xoay tiền bằng những công trái và thuế má. Số tiền thu được như vậy, họ trích một ít cho Sở Y tế và một ít cho những người nghèo, họ mua một ít lúa mì, tóm lại họ đáp ứng được một phần nhu cầu. Nhưng những mối lo âu lớn vẫn còn chưa tới.

Ở trại phòng dịch, số dân ngày nào cũng bị bệnh dịch làm chết hàng loạt mà vẫn không ngừng tăng lên hàng ngày, một nhiệm vụ khó khăn khác đặt ra là bảo đảm dịch vụ và kỉ luật, chấp hành các bệnh cách li, tóm lại là duy trì, hoặc đúng hơn thiết lập chế độ do tòa án Y tế quy định: bởi vì ngay từ đầu sự hỗn loạn của nhiều kẻ bị giam, cũng như do sự trễ nải vì dung túng của nhân viên làm việc. Tòa án và các vị đêcuriông, không còn biết xoay xở cách nào, bèn nảy ra ý nghĩ nhờ cậy các thầy tu dòng đạo hành khất, và cầu khẩn cha Đặc sứ của tỉnh là người thay thế Đức cha đầu tỉnh mới qua đời trước đó ít lâu, để cha làm ơn cử cho hai tu sĩ có khả năng cai trị cái vương quốc của sự tuyệt vọng này. Cha đặc sứ đề cử cha Felich Caxtati đứng ra cai quản, một người đứng tuổi, rất nổi tiếng là nhân từ, siêng năng, dịu dàng, đồng thời cương nghị ấy rất xứng đáng như sau này ta sẽ thấy; còn đồng sự và phụ tá của ngài là cha Misen Pôđôbônenli còn trẻ, nhưng đường bệ và nghiêm nghị cả về tính tình và diện mạo. Họ được đón nhận với một niềm vui lớn, và ngày 30 tháng 3, họ vào trại phòng dịch.

Vị chánh án tòa án Y tế đưa họ đi một vòng khắp trại, như để nắm tình hình; rồi ông tập hợp những người hầu và những nhân viên các cấp, ông tuyên bố trước mặt họ rằng cha Felich là người phụ trách trại và ngài có quyền hành tối cao về mọi mặt ở đây. Về sau, do số người bất hạnh phải đưa vào trại tăng

lên nhiều tu sĩ dòng đạo hành khất khác được cử tới thêm: họ làm tổng quản trị, cha rửa tội, quản lí y tá, đầu bếp, người coi kho quần áo, thợ giặt, tóm lại tất cả những gì cần phải làm. Cha Felich, lúc nào cũng bận rộn và lúc nào cũng ân cần đêm ngày đi khắp các hành lang, các căn phòng, khu nhà rộng bên trong, khi thì chống gậy, khi thì chỉ mặc một áo lót mình vải thô làm áo giáp: cha đem đến khắp nơi niềm phấn khởi và trật tự, dẹp yên các đám cãi cọ, thỏa mãn các lời than phiền, khi đe dọa, lúc trừng phạt, khi la mắng, lúc ai ủi, khi lau khô các giọt nước mắt, lúc lại tự để mình rơi lệ. Bị mắc bệnh dịch hạch ngay từ đầu, cha chữa khỏi, rồi lại bắt tay vào việc như trước với một lòng hăng hái mới. Nhiều bạn đồng sự của cha đã bỏ mình tại đây và tất cả đều vui vẻ hi sinh.

Một nền chuyên chính như thế quả thật là một phương sách kì lạ; kì lạ như cái tai họa này, kì lạ như cái thời đại ấy. Và thậm chí nếu chúng ta không biết gì hơn về điều đó, thì để xét đoán, để có khái niệm về một xã hội còn thật thô sơ và kém tổ chức, chỉ cần thấy những người có trách nhiệm về một việc quản lí quan trọng như thế mà lại không biết xoay xở cách nào hơn là giao lại nó cho người khác, và chỉ tìm giao lại nó cho những người, do sự đào tạo của họ, là người xa lạ nhất với công việc này. Nhưng khi ta thấy những người ấy đã làm tròn nhiệm vụ một cách vẻ vang, thì đó cũng là một dẫn chứng khá hùng hồn về sức mạnh và sự tài giỏi mà lòng nhân từ có thể biểu hiện ở bất cứ thời đại nào và trong bất cứ tình hình nào. Một điều đẹp không kém là họ đã gánh lấy trách nhiệm ấy chỉ vì không ai muốn nhận, không có mục đích nào khác ngoài việc phục vụ, và không có hi vọng nào khác trên đời này ngoài hi vọng về một cái chết đáng được mong ước mà không có ai mong muốn cả; Một điều rất đẹp nữa là người ta đã mời

họ nhận nhiệm vụ ấy chỉ vì nó khó khăn và nguy hiểm, và vì người ta cho rằng chắc hẳn họ phải có nghị lực và gan dạ hết sức cần thiết và hết sức hiếm hoi trong những lúc này. Cho nên sự nghiệp và lòng dũng cảm của những thầy tu ấy đáng được nhắc tới với niềm khâm phục và mến yêu với lòng biết ơn và sự hợp quần muốn người ta biểu lộ trước những công trạng lớn của con người đối với con người, nhất là đối với những người làm việc ấy không phải để được đền ơn trả nghĩa. "Bởi vì nếu những tu sĩ ấy không ở đó, - Tadinô nói, - thì chắc chắn tất cả những thành phố đã bị hủy diệt; bởi vì thật là một điều kì diệu tất cả những gì các tu sĩ ấy đã làm được trong một thời gian ngắn như thế vì lợi ích chung, mà hầu như không nhận được của thành phố một sự giúp đỡ nào, hoặc chỉ nhận được rất ít, để có thể nuôi dưỡng hàng nghìn và hàng nghìn người nghèo khổ trong trại phòng dịch, nhờ ở tài năng và sự khôn khéo của mình". Số người đưa vào trại phòng dịch trong bảy tháng dưới quyền điều khiển của cha Felich là vào khoảng năm vạn, theo Rapamôngti, nhà viết sử ấy nói rất đúng rằng lẽ ra ông đã phải nói cả đến một con người như thế, nếu như thay cho sự miêu tả những cảnh khốn cùng của một thành phố ông phải kể lại những gì có thể làm vẻ vang cho thành phố đó.

Cả trong dân chúng, thái độ ngoan cố không chịu thừa nhận bệnh dịch hạch, cũng bắt đầu nhượng bộ, theo lẽ tự nhiên, và mất dần cùng với sự lan truyền của bệnh và lan truyền bằng sự tiếp xúc và giao thiệp giữa người này và người nọ, nhất là khi bệnh ấy không còn hạn chế trong những người nghèo mà bắt đầu tấn công cả vào những nhân vật có danh tiếng. Trong số đó, một trong những người nổi tiếng nhất thời ấy, và cho đến bây giờ vẫn còn xứng đáng được đặc biệt nhắc

tới, là bác sĩ trưởng Xettala. Cuối cùng người ta có thừa nhận là ông già đáng thương nói đúng không? Ai mà biết được! Ông mắc bệnh dịch hạch, cùng với vợ ông, hai con ông và bảy người làm của ông. Ông sống sót cùng với một người con trai; còn lại tất cả đều chết hết. "Những trường hợp như vậy, - Tađinh nói, - xảy ra trong thành phố, trong các gia đình quý tộc buộc giai cấp quý tộc và dân chúng phải suy nghĩ, và những thầy thuốc không tin cũng như đám bình dân dốt nát và liều lĩnh bắt đầu bặm môi, cắn răng và chau mày".

Nhưng sự ngoan cố, dù đã bị đánh bại, có khi vẫn còn cố giở những trò quỷ quyệt, và có thể nó là những sự trả thù, đến mức ta phải tiếc rằng nó đã không chịu cố thủ đến cùng chống lại lẽ phải và sự thật hiển nhiên: trường hợp này chính là như vậy. Những kẻ đã từ rất lâu khăng khăng chối cãi rằng ở bên họ, trong đám họ, vẫn ủ ấp một mầm bệnh có thể truyền đi bằng những con đường tự nhiên và tàn phá dữ dội, bây giờ không còn phủ nhận được sự truyền bệnh ấy, và không muốn thừa nhận nguyên nhân truyền bệnh là những con đường tự nhiên kia (vì như thế cũng chẳng khác gì đồng thời thú nhận sai lầm nghiêm trọng và tội lỗi lớn của họ) bèn sẵn sàng muốn tìm thấy một nguyên nhân nào khác, và chấp ngay là đúng bất cứ nguyên nhân nào được đưa ra trước tiên với họ. Không may lại sẵn có một nguyên nhân trong những quan niệm và những phong tục phổ biến thời ấy, không chỉ ở đây, mà ở khắp Châu Âu; những bùa mê, những phép chài, những câu thần chú để gieo rắc bệnh dịch hạch, cùng với những thuốc độc truyền nhiễm và những pháp thuật. Cũng chính điều này hoặc những điều tương tự đã từng được người ta dựa vào để giả định và tin theo trong nhiều nạn dịch hạch khác, nhất là ở Milăng nửa thế kỉ trước. Cần nói thêm rằng vào cuối năm

trước một công văn do nhà vua Philip IV kí và gửi tới ông thống đốc đã báo cho ông biết là ở Madrit vừa trốn thoát bốn người Pháp bị truy nã vì tình nghi về tội lưu hành những thuốc cao độc truyền bệnh dịch hạch; và nhà vua yêu cầu ông đề phòng họ có thể đến Milăng. Ngài thống đốc đã truyền đạt công văn ấy cho Viện Nguyên Lão và tòa án Y tế; và hình như lúc đó người ta không để ý đến công văn ấy cho lắm. Nhưng khi bệnh dịch hạch đã bùng ra và được xác định, thì sự hồi tưởng lại lời cảnh cáo ấy có thể dùng để xác nhận những nghi vấn mơ hồ về một âm mưu tội lỗi. Thậm chí nó có thể là nguyên nhân làm nảy sinh những nghi vấn ấy.

Nhưng hai sự kiện xảy ra, một do nỗi sợ mù quáng và quá hốt hoảng, một do ác ý, đã biến những nghi vấn mơ hồ về một vụ mưu hại có thể có thành những nghi ngờ rõ rệt hơn và đối với nhiều người thì họ tin chắc là có một vụ mưu hại cụ thể, một âm mưu thật sự. Tối hôm 17 tháng 5, một số người hình như trông thấy trong nhà thờ có những kẻ bôi một thứ nước gì đó lên bức vách ghét bằng ván gỗ, ngăn khu nam giới và khu nữ giới, ngay đêm ấy họ bèn cho khiêng ra khỏi nhà thờ bức vách cùng một số ghế dài kê sát đó; và họ cứ làm như vậy mặc dầu vị chánh án tòa án Y tế, vội vã cùng bốn nhân viên giúp việc tới kiểm tra, đã khám xét bức vách, các ghế gài, các bình nước thánh mà không thấy gì có thể chứng thực mối nghi ngờ lẩn thẩn về một vụ đầu độc; nhưng để chiều theo những sự huyền tưởng của người khác, và để thêm cẩn thận hơn là vì cần thiết, ngài đã quyết định, tôi nhắc lại, là chỉ cần rửa bức vách là đủ. Cái khối gỗ chất đống lên ấy gây một nỗi khủng khiếp cho đám đông, đối với họ bất cứ vật gì cũng rất dễ trở thành bằng chứng cụ thể. Người ta đồn và nói chung người ta tin là trong nhà thờ tất cả các ghế dài, các bức tường, cho đến

các dây chuông đều bị "bôi". Và không chỉ lúc ấy người ta mới nói kể lại sự kiện này (và một số hồi kí mà nhiều năm sau mới viết) đều nói đến nó với một niềm tin vững chắc như sau; và có lẽ chúng tôi đã buộc lòng phải phỏng đoán câu chuyện thật về sự kiện ấy nếu người ta không thấy câu chuyện ấy trong một bức thư của tòa án Y tế gửi quan thống đốc được cất giữ tại sở lưu trữ tên là Xan Fêđen, chúng tôi đã lấy bức thư sỡ lưu trữ và đã trích dẫn những lời in nghiêng bên trên.

Sáng hôm sau, một cảnh tượng mới kì lạ hơn có ý nghĩa hơn đập vào mắt và vào tâm trí người dân Milăng. Ở khắp nơi trong thành phố, trên từng quãng rất dài, cửa và tường các nhà được bôi lên không biết một chất gì vàng ệch, trắng nhợt, hình như được phết bằng bột biển. Phải chăng người ta đã làm việc này vì cái ý thích ngu xuẩn muốn gieo rắc một nỗi kinh hoàng lớn hơn và rộng hơn, hay với ý định tội lỗi hơn để tăng thêm sự hỗn loạn trong dân chúng, hay với ý định nào khác? Sự việc đã được xác nhận ở mức chúng tôi thấy có lẽ nên xem đó là hành động của một ít người đúng hơn là một cơn mê hoảng của quần chúng: vả chăng những việc làm loại này không phải lần đầu, cũng không phải lần cuối. Ripamôngti, thường hay chế giễu cái chuyện "bôi thuốc độc" này và càng hay ái ngại cho sự nhẹ dạ của quần chúng, đến đây khẳng định là chính ông đã trông thấy cảnh bôi bẩn ấy và miêu tả nó[1]. Trong bức thư đã nói trên, các ủy viên của tòa án Y tế kể lại sự việc cùng với những lời như thế. Họ nói đến những cuộc

---

[1] ..."cả chúng tôi cũng đã đi xem. Những vết bẩn tung tóe không đều nhau nơi này nơi nọ, dường như có ai đã vẩy lên tường một chất lỏng dẫm trong bọt biển, hoặc đã ép miếng bọt biển vào tường; đây là các cánh cửa và cổng nhà cũng bị bôi bẩn theo cách vẩy lên như thế" (Ripamôngti, tr 75) (chú thích của tác giả).

khám xét, những thí nghiệm tiến hành với chất ấy trên những con chó, mà không thấy kết quả độc hại gì; họ nói thêm rằng theo ý họ việc làm táo tợn này là do sự láo xược hơn là do một ý định phạm tội: sự xét đoán chứng tỏ cho đến lúc này họ có đầu óc bình tĩnh đủ để không thấy cái không có. Những hồi kí đương thời khác, khi kể lại sự việc này cũng nói rằng thoạt đầu dư luận nhiều người coi đó là một trò hề, một lỗi bông phèng kì cục, không một hồi kí nào nói ai chối cãi điều đó, và nếu như có người chối cãi thì chắc chắn những hồi kí ấy cũng sẽ nói tới, cho dù để đánh giá việc chối cãi này là quái gở. Tôi nghĩ rất cần thuật lại và tập hợp tất cả những chi tiết ấy, một phần còn ít người biết, một phần hoàn toàn chưa ai biết, liên quan tới một cơn mê sảng nổi tiếng; bởi vì trong những sai lầm, và nhất là sai lầm của số đông, điều thú vị nhất và bổ ích nhất đáng quan sát, theo tôi, chính là con đường lan truyền của những sai lầm, những hình thức biểu hiện bên ngoài và những cách thức của chúng đã có thể thâm nhập vào mọi đầu óc và chiếm lĩnh hoàn toàn những đầu óc ấy.

Thành phố, vốn đã xôn xao từ trước, giờ đây hoàn toàn náo động lên vì sự kiện này: các chủ nhà lấy rơm đốt những chỗ bị bôi bẩn; khách qua đường dừng chân, nhìn ngắm, rùng mình kinh tởm. Những người lạ, bị tình nghi chỉ vì lí do duy nhất là người nơi khác tới, vào thời ấy dễ nhận ra do quần áo của họ, bị dân chúng giữ lại ở các phố và đưa về tòa án. Người ta tra hỏi, người ta khám xét những người bị bắt giữ, và cả những người bắt giữ họ, và những người làm chứng, mà không thấy ai có tội tình gì: các bậc hiểu biết vẫn còn có thể nghi ngờ, khám xét, đề phòng. Tòa án Y tế ban bố một pháp lệnh trong đó hứa tặng thưởng và không trừng phạt người nào cho biết thủ phạm hoặc những thủ phạm của sự việc này. *Dẫu sao*

không thể chấp nhận - các ngài ấy nói trong bức thư đã kể trên đề ngày 21 tháng 5, nhưng rõ ràng là viết ngày 19 là ngày ghi chép trên lệnh in, - *rằng tội lỗi này bằng cách nào đó cứ để vậy không bị trừng phạt, nhất là trong một thời kì hết sức nguy hiểm và đáng lo ngại đến thế, cho nên chúng tôi, để an ủi và làm yên lòng nhân dân của chúng ta, và để thu lượm một tang chứng nào đó về sự việc, ngày hôm nay ban bố pháp lệnh này* v.v... Tuy vậy bản thân pháp lệnh không có một lời nào ít nhiều rõ ràng nói tới điều phỏng đoán hợp lí và làm yên lòng mà họ đã trình bày với quan thống đốc: sự im lặng vừa chứng tỏ một định kiến khủng khiếp trong dân chúng, vừa bộc lộ về phía ho một sự nhân nhượng càng đáng trách khi nó càng có thể có hại.

Trong khi tòa án còn đang đi tìm thủ phạm, thì nhiều người, như tình hình vẫn thường xảy ra, đã tìm thấy nó. Trong số những người cho rằng đây là một vụ "bôi" thuốc độc, người thì nghĩ đó là sự trả thù của Đôn Gôndalô Fecnăngđe đơ Coocđôva vì những sự nhục mạ ông phải chịu khi ra đi, kẻ thì thấy ở đây một thủ đoạn mới lạ của Hồng y giáo chủ Risơliơ để làm Milăng không còn dân rồi chiếm lấy thành phố không khó khăn gì; những người khác nữa, không biết tại sao, lại nghĩ thủ phạm vụ này là bá tước đơ Côntađô, hoặc Valensten, hoặc một nhà quý tộc này hay nhà quý tộc nọ ở Milăng. Như chúng tôi đã nói, cũng không thiếu những kẻ chỉ hoàn toàn xem đây là một trò đùa ngu xuẩn, và họ gán việc ấy cho đám học trò, đám thị dân, hoặc những sĩ quan đã phát chán lên vì cuộc vây hãm Cadan. Về sau không ai nhận thấy, như người ta đã lo sợ, một sự nhiễm độc lan rộng, một cuộc sát hại toàn dân nào, có lẽ vì thế mà nỗi kinh hoàng ban đầu này lắng xuống và câu chuyện bị quên đi, hoặc hình như thế.

Và lại cũng có một số người vẫn còn chưa tin rằng ở đấy có bệnh dịch hạch thật sự. Và bởi vì ở trại phòng dịch cũng như trong thành phố có những người khỏi bệnh, cho nên "người ta nói" (những lí lẽ cuối cùng của một quan niệm đã bị sự thật hiển nhiên bác bỏ bao giờ cũng nên biết) "người ta nói, trong dân chúng và ngay cả trong nhiều thầy thuốc thiếu công tâm rằng đây không phải là bệnh dịch hạch thật sự, nếu không tất cả đã chết hết vì bệnh ấy rồi"[1]. Để đánh tan mọi nghi ngờ, tòa án Y tế đã tìm ra mưu kế cần thiết, một cách nói mà chỉ thời ấy có thể yêu cầu hoặc gợi ý. Vào một trong những ngày hội của Lễ đức Chúa Thánh Thần hiện xuống, người dân Milăng có tục đến nghĩa địa Xan Grôgôriô, bên ngoài Cửa đông, để cầu hồn cho những người chết bệnh dịch hạch năm kia được chôn cất tại đây; việc làm sùng đạo ấy thành một dịp vui chơi và ngắm cảnh, và mỗi người đến đây đều diện áo quần sang trọng nhất. Ngày hôm ấy, cùng với nhiều người chết khác, có cả một gia đình chết hết về bệnh dịch hạch. Vào giờ tụ tập đông nhiều nhất, cảnh dập dìu xe cộ, người đi ngựa và khách bộ hành, những xác chết của gia đình này, theo lệnh tòa án y tế, được đưa ra nghĩa địa nằm trên một cái xe, cởi trần để đám đông có thể tận mắt nhìn thấy trên mình họ những vết rõ ràng của bệnh dịch hạch. Khắp nơi cái xe đi qua, một tiếng kêu tinh tởm và khủng khiếp thét lên, để lại sau đó một tiếng rì rầm khác của đám đông đang chờ xe tới. Người ta tin ở bệnh dịch hạch hơn: vả lại tự bản thân nó, mỗi ngày nó lại khiến người ta phải tin thêm ở sự tồn tại của nó; và chính cuộc tụ tập đông nhiều này cũng góp phần không nhỏ làm cho nó lây lan.

---

[1] Tađinô, tr. 93 (chú thích của tác giả)

Vậy là thoạt đầu không có bệnh dịch hạch, tuyệt đối không, bằng bất cứ giá nào cũng không: thậm chí còn cấm không được nói đến cái từ ấy. Rồi người ta nói: cũng cơn sốt dịch hạch: chấp nhận khái niệm dịch hạch bằng lối nói quanh co của một tính từ. Sau đó: đây không phải một bệnh dịch hạch thật sự, nghĩa là: bệnh dịch hạch, vâng, nhưng theo một nghĩa nào đó không phải là bệnh dịch hạch chính cống, nhưng một cái gì đó mà người ta không thể tìm được tên gọi khác. Cuối cùng, đó là bệnh dịch hạch, không nghi ngờ gì nữa và không thể chối cãi được; nhưng người ta đã lại gắn nó với một khái niệm khác, khái niệm đầu độc và yêu thuật nó thay đổi và làm biết chất khái niệm biểu thị bởi cái từ mà người ta không còn có thể bác lại được nữa.

Tôi cho rằng chẳng cần phải thông thạo gì lắm trong lịch sử các khái niệm và từ ngữ mới biết là có nhiều khái niệm và từ ngữ thuộc loại ấy và tầm quan trọng ấy, lại phải trả một giá đắt như vậy để có thể được sáng tỏ, và có khả năng kết hợp với những cách hiểu phụ thuộc loại như thế. Tuy vậy, trên việc lớn cũng như việc nhỏ, phần nhiều người ta vẫn có thể tránh được con đường dài và khúc khuỷu bằng cách áp dụng phương pháp đã đề ra và từ lâu lắm, tức là quan sát, nghe ngóng, so sánh, và suy nghĩ, trước khi nói.

Nhưng nói, chỉ nói thôi, dễ hơn biết chừng nào so với tất cả mọi việc khác cộng lại, đến nỗi cả chúng ta nữa, tôi muốn nói những con người nói chung, về mặt này cũng đáng được đối xử với một lượng khoan dung nào đó.

Chương ba mươi hai

Vì càng ngày càng khó đáp ứng được những đòi hỏi gay gắt của tình hình, ngày mồng 4 tháng 5 Hội đồng các đêcuriông đã quyết định cầu xin sự giúp đỡ của quan thống đốc. Ngày 22, hai ủy viên của Hội đồng được cử đến doanh trại đóng quân để trình bày với ngài tình cảnh khó khăn thiếu thốn của thành phố, những món chi tiêu khổng lồ, những ngân quỹ rỗng, những khoản thu nhập sẽ có sau này mà đã quen cầm cố trước, thuế má thất thu vì cảnh nghèo đói chung do nhiều nguyên nhân và nhất là do những tàn phá của chiến tranh; những ủy viên ấy phải nhấn mạnh để quan thống đốc thấy là căn cứ vào những đạo luật và tập quán vẫn đang được tuân thủ và vào một chiếu chỉ đặc biệt của Hoàng thượng Saclơ V, những khoản chi tiêu về bệnh dịch hạch phải do quốc khố gánh chịu; nhắc nhở với ngài là trong nạn dịch hạch năm 1576 quan thống đốc hầu tước Aiamôntê, chẳng những đã đình chỉ việc thu tất cả các khoản thuế của ngân khố hoàng gia, mà còn trích ở chính ngân khố này một số tiền phụ cấp bốn vạn ê-quy cho thành phố; cuối cùng họ phải xin với quan thống đốc bốn điều: đình chỉ việc thu thuế, như người ta đã làm xưa kia: ngân khố hoàng gia cấp cho tiền; quan thống đốc

trình Hoàng thượng rõ những cảnh khổ của thành phố và của tỉnh ngài miễn cho nghĩa vụ phải chứa những đạo quân mới ở một xứ sở đã bị tàn phá bởi những đạo quân mà nó đã phải chứa trước kia.

Trong thư đáp lại, quan thống đốc gửi lời chia buồn và những lời khuyến dụ mới: ngài nói rằng ngài lấy làm tiếc không thể có mặt trong thành phố để cố gắng úy lạo nhân dân ở đây; rằng ngài hi vọng là sự mẫn cán của các vị đây sẽ bù đắp cho tất cả; rằng lúc này không phải là lúc dè sẻn chi tiêu và phải biết tìm phương tính kế thu xếp mọi việc cho ổn thỏa. Còn về những yêu cầu đề ra với ngài, ngài đáp: *proveeré en el mejor modo que el tiempo y necesi dades presentes permitieren*[1]. Và bên dưới, một nét chữ loằng ngoằng chắc hẳn có nghĩa là Ambroadơ Xpinôla, cũng rõ ràng như những lời hứa hẹn của ngài. Đại pháp quan Fere viết thư cho ngài nói là bức thư phúc đáp của ngài đã được các vị đêcuriông đọc "với một nỗi buồn phiền lớn. Còn những chuyến đi đi lại lại khác nữa, những yêu cầu và những lời phúc đáp khác nữa, nhưng tôi không thấy người ta đạt được điều gì rõ rệt hơn. Ít lâu sau, giữa lúc nạn dịch hạch hoành hành dữ dội nhất, quan thống đốc có công văn đóng quốc ấn trao lại quyền hành cho Fere, vì bản thân ngài, như ngài viết, còn phải chăm lo việc chiến tranh. Nhân đây nói luôn cuộc chiến tranh này, sau khi đã cướp đi, chưa kể binh lính, ít nhất là một triệu người chết dịch ở Lômbacđi, Vênêxi, Piêmông, Tôxcan và một phần Rômanhơ; sau khi đã phá tan hoang, như ta thấy, những vùng nó tràn qua (và ta có thể hình dung những gì xảy ra ở nơi diễn ra chiến trận); sau khi đã chiếm đoạt và cướp phá khốc liệt

---

[1] Tôi sẽ cố đáp ứng một cách tốt nhất, trong chừng mực mà thời điểm và hoàn cảnh hiện tại cho phép. (Tiếng Tây Ban Nha).

miền Măngtu, cuộc chiến tranh ấy kết bằng sự thừa nhận của tất cả mọi người đối với ngài công tước mới, mặc dầu nó nổ ra là để trục xuất vị công tước ấy. Tuy nhiên cũng phải nó là vị công tước này phải nhượng cho công tước miền Xavoa một phần đất Môngfera có thu nhập mười lăm nghìn ê-quy, và nhượng cho Ferntơ công tước miền Goaxtala những địa hạt khác có thu nhập sáu nghìn ê-quy; một hiệp ước riêng rẽ khác, tối mật, cũng được kí kết, theo đó cũng vị công tước Xavoa này nhượng lại miền Pinherôn cho nước Pháp; hiệp ước này thi hành ít lâu sau, dưới những cớ khác, và bằng đủ mọi thủ đoạn quỷ quyệt.

Cùng với quyết định trên, các vị đêcuriông còn thông qua một quyết định khác nữa: đề nghị đức Hồng y giáo chủ tổng giám mục cho tổ chức một đám rước trọng thể, rước di hài thánh Saclơ diễu qua thành phố.

Vị giáo chủ nhân đức từ chối, vì nhiều lí do. Ngài không ưa cái thói tin tưởng vào một phương pháp tùy tiện, ngài sợ nếu cuộc rước sách không đem lại tác dụng gì, đó chính là điều ngài e ngại, thì lòng tin có thể chuyển thành mối tức giận[1]. Hơn nữa ngài sợ *nhỡ ra vẫn có bọn bôi trát*[2] *thật*, thì đám rước sẽ là một dịp quá thuận tiện để chúng gây tội ác; và nếu

---

[1] "Memoria delle cose notabili successe in Milano fntorno al mal contagioso l'anno 1630, etc". Raccolte da D. Pio la Croce Milan 1750 ("Bị vong lục về những việc đáng chú ý xảy ra ở Milăng có liên quan đến bệnh truyền nhiễm năm 1630" do cha Piô La Croxê thu thập, Milăng 1730). Hồi kí này rõ ràng được rút ra từ bản viết tay của một số tác giả đã sống vào thời có nạn dịch hạch, cho dù đó không chỉ đơn giản là sự ấn hành bản viết tay kia, mà đúng hơn là một công trình biên tập mới. (Chú thích của tác giả).

[2] dịch chữ untori: chỉ những kẻ chuyên đi đầu độc mà người ta phỏng đoán, những kẻ bị kết tội gieo rắc bệnh dịch hạch bằng cách bôi (oindre), bằng cách trát lên tường lên cửa, lên mọi đồ đạc những chất độc. Từ này (untori) phát sinh từ động từ *ungere* có nghĩa là bôi, trát.

như người không có bọn chúng, thì sự tụ tập đông người đến thế chỉ có thể khiến bệnh truyền nhiễm dễ lan rộng hơn: *mối nguy hiểm thực tế hơn nhiều*[1]. Bởi vì nỗi sợ những chuyện "bôi" thoạt đầu đã nguôi đi, bây giờ lại bùng dậy, phổ biến hơn là dữ dội hơn trước.

Người ta lại trông thấy, hoặc lần này người ta tưởng như trông thấy những bức tường, những cánh cửa các dinh thự công cộng, những cổng vào các nhà, những vồ gõ cửa bị "bôi" thuốc. Tin đồn về những sự phát hiện như vậy truyền đi từ miệng này sang miệng khác; và, như tình hình vẫn thường xảy ra hơn bao giờ hết với những đầu óc đang sẵn thiên kiến nghe nói cũng tức là trông thấy. Những đầu óc ngày càng đau đớn vì cái tai họa trước mắt, tức giận vì mối nguy dai dẳng càng sẵn sàng tin theo những chuyện hồ đồ ấy: bởi vì lòng căm giận vốn khao khát trừng phạt, va như một người hiểu biết[3] đã nhận xét tinh tế về vấn đề này, nó thích đổ những tai họa cho lòng gian ác của con người để nó có thể trả thù hơn là thừa nhận một nguyên nhân mà người ta chỉ còn có yên bề cam chịu. Một thứ thuốc độc tinh xảo, tác động ngay tức khắc, có sức ngấm rất mạnh, đó là những lời quá đủ để cắt nghĩa sức công phá dữ dội của chứng bệnh và tất cả những sự biến lạ lùng nhất và phi thường nhất của nó. Thứ thuốc độc ấy, theo người ta nói, gồm những cóc, rắn, rãi và mủ những con bệnh dịch hạch, và những gì gì khiếp hơn nữa, nói tóm lại tất cả những thứ tởm lợm và ghê gớm mà trí tưởng tượng man rợ và thác loạn có thể nghĩ ra được. Rồi người ta thêm vào đó những

---

[1] Ripamôngti, tr, 185 (chú thích của tác giả).

[3] P.Verri: "Osservazioni sulla tortura: scrittori italiani d'economia folitica: rarte moderna, tom 17, page 203 (Chú thích của tác giả). Đây chỉ nhà sử học phê bình văn học, và nhà khai sáng Ý Pietơrô Veri (1728-1797).

bùa phép với những bùa phép này thì tất cả đều có thể làm được mọi sức kháng cự đều mất hiệu lực, mọi trở ngại đều bị khắc phục. Tác dụng của lần "bôi" đầu tiên chưa thấy rõ ngày là bởi lẽ mưu toan của những kẻ đầu độc mới vào nghề đã thất bại; bây giờ tài nghệ của chúng hoàn thiện hơn và quỷ kế của chúng cũng quyết liệt hơn. Từ nay người nào còn khăng khăng cho là một trò đùa, người nào phủ nhận những sức mạnh của một âm mưu thì người đó sẽ bị coi là một kẻ mù quáng, một kẻ ngoan cố; và may mắn cho anh là nếu anh không bị nghi ngờ là một người muốn đánh lạc sự chú ý của công chúng trước sự thật, một kẻ tòng phạm, một bôi trát. Cái từ này đã nhanh chóng trở thành thông dụng, trang nghiêm, đáng sợ. Người ta tin là có những tên bôi trát thật đến mức gần như nhất thiết phải tìm ra bằng được: tất cả mọi con mắt đều để ý dò xét; nhất cử nhất động đều có thể gợi lên những nghi ngờ và sự nghi ngờ dễ thành niềm xác tín, và niềm xác tín dễ thành cơn giận dữ.

Để làm bằng chứng, Ripamôngti đưa ra hai sự kiện có lưu ý rõ rằng không phải ông chọn những sự kiện tàn khốc nhất trong các sự kiện xảy ra hàng ngày, mà chỉ vì ông đã không may phải chứng kiến cả sự kiện này và sự kiện kia.

Trong nhà thờ Xanh Xangtoan, vào một ngày không biết là lễ gì một cụ già trên tám mươi tuổi, sau khi đã quỳ một lúc để cầu nguyện, muốn ngồi lên ghế. Trước khi ngồi, cụ lấy chiếc áo khoác ngoài phủi bụi trên ghế dài. "Lão già kia bôi lên ghế!" - vài người đàn bà trông thấy cử chỉ ấy đồng thanh kêu lên. Những người có mặt trong nhà thờ (trong nhà thờ đấy!) vội vàng lao tới cụ già. Họ nắm mái tóc bạc phơ của cụ, họ đấm đá cụ túi bụi; cụ bị người này kéo, kẻ kia đẩy quẳng ra ngoài nhà thờ; nếu người ta chưa kết liễu đời cụ đó là để kéo lê

cụ đi trong tình trạng ấy, dở sống dở chết, đưa vào nhà tù, đến trước các quan tòa, đến nơi tra tấn. "Chính mắt tôi trông thấy cụ khi người ta kéo lê cụ đi như thế, - Ripamôngti nói, - và tôi không biết gì hơn nữa: tôi cho rằng cụ khó lòng sống sót được thêm lấy vài giờ".

Một trường hợp khác (xảy ra ngày hôm sau) cũng kì lạ chẳng kém gì, những dẫu sao cũng không đến nỗi khốc hại như thế. Ba người Pháp trẻ tuổi, một nhà văn, một họa sĩ, một nhà tiểu công nghệ đến thăm nước Ý để nghiên cứu những vật cổ và nhân dịp kiếm ít tiền, đã lại gần tôi không biết là một bộ phận nào đó bên ngoài nhà thờ, và đang chăm chú ngắm nhìn. Một người đi qua trông thấy họ và đứng lại; anh ta chỉ cho một người thứ hai thấy, rồi cho những người qua đường khác nữa, và một nhóm người xúm lại theo dõi miết những người trẻ tuổi kia, mà áo quần, bộ tóc, xắc du lịch cho thấy là người nước ngoài, và tệ hơn nữa, lại là người Pháp. Như để tin chắc là đá hoa thật, họ giơ tay sờ vào bức tường. Thế là đủ, người ta vây quanh họ, túm lấy họ, vừa đánh đập túi bụi vừa lôi họ đến nhà tù. May làm sao tòa án không ở xa nhà thờ cho lắm; và cũng may hơn nữa, họ được xác nhận là vô tội và được thả ra.

Những chuyện như thế không phải chỉ xảy ra trong thành phố; sự cuồng loạn đã lan truyền như một bệnh dịch. Khách bộ hành mà những người nông dân gặp thấy ở xa đường cái, hoặc đi trên đường cái thơ thẩn nhìn bên nọ ngó bên kia, hoặc ngồi xuống đất để nghỉ chân; người lạ mặt mà người thấy có gì khác thường, khả nghi trong bộ mặt hoặc áo quần, đó là những tên *bôi trát*: vừa nghe tin báo của bất luận người nào, vừa nghe tiếng kêu của một đứa bé, người ta nổi ngay chuông báo động, người ta chạy tới. Những kẻ xấu hổ bị ném đá tới tấp, hoặc nếu họ bị bắt thì đám đông giận dữ lôi họ vào tù.

Vẫn là Ripamôngti kể với chúng ta như vậy, và nhà tù, cho đến một thời gian nào đó, đã là một nơi tị nạn.

Nhưng các vị đêcuriông, không nản lòng trước sự từ chối của Hồng y giáo chủ, càng kiên trì vật nài hơn, với sự ủng hộ mạnh mẽ của quần chúng tha thiết thỉnh cầu. Fêđêrigô còn cưỡng lại một thời gian nữa, cố thuyết phục họ: đó là tất cả những gì mà lương tri một con người có thể làm để chống lại sức mạnh của những tư tưởng đương thời và chống lại áp lực của số đông. Trong tình hình dư luận lúc bấy giờ, khi quan niệm về mối nguy hiểm còn mơ hồ, chưa thắng thế và còn rất xa mới được rõ ràng như quan niệm của chúng ta ngày nay, ta cũng dể hiểu làm thế nào mà ngay trong tâm trí Hồng y giáo chủ, những lí lẽ đúng đắn ngài đưa ra lại bị những lí lẽ sai lầm của người khác đánh đổ. Còn như muốn biết trong sự ưng thuận mà cuối cùng ngài phải nhượng bộ có chen vào ít nhiều biểu hiện yếu đuối của ý chí không, cái đó còn là những bí ẩn của lòng người. Lẽ cố nhiên, nếu trong vài trường hợp dường như người ta có thể đổ hết sai lầm cho ý chí và biện hộ cho lương tâm, thì đó là trường hợp một số ít người (và ngài chắc chắn ở trong số đó) đã suốt đời tỏ ra chỉ hoàn toàn nghe theo lương tâm mình, không để ý gì đến những lợi ích trần thế bị bất kể loại nào. Vậy là ngài nhượng bộ trước sự van nài khẩn thiết đó, bằng lòng để người ta tổ chức đám rước, và hơn nữa, theo nguyện vọng tha thiết chung, bằng lòng để chiếc hòm đựng hài cốt Thánh Saclơ sau đó được bày suốt tám ngày trên bàn thờ chính của họ.

Tôi không thấy ở đâu nói là tòa án Y tế hoặc những quan chức khác có điều gì phàn nàn hoặc chống lại quyết định ấy bằng cách này hay cách khác. Tòa án chỉ cho thi hành vài biện pháp đề phòng, những biện pháp ấy không loại trừ được mối

nguy hiểm mà chỉ chứng tỏ là người ta sợ nó. Họ quy định những luật lệ nghiêm ngặt hơn cho những người dân bên ngoài vào thành phố; và để bảo đảm chấp hành những luật lệ ấy, họ ra lệnh đóng các cổng thành. Cũng vậy, để cố hết sức không cho những người đã lây bệnh hoặc bị nghi là mắc bệnh tập họp đông, họ ra lệnh niêm phong các nhà bị cách li phòng dịch: những nhà này, nếu như đối với một sự kiện như thế, ta có thể tin ở lời khẳng định bình thường của một nhà văn, họ là một nhà văn thời ấy, thì có vào thời ấy, thì có vào khoảng năm trăm[1].

Ba ngày chuẩn bị đã trôi qua. Đến ngày đã định, 11 tháng 6, từ sáng sớm đám rước ra khỏi nhà thờ. Đi đầu là một hàng dài những người dân thường, phần lớn là đàn bà, khuôn mặt che những tấm mạng rộng, nhiều người chân đất và mặc quần áo vải thô. Sau đó đến các phường hội, cờ xí dẫn đầu, các hội từ thiện, với áo quần các kiểu và màu sắc khác nhau rồi đến những dòng đạo, rồi những thầy tu không thụ giới; tất cả đeo huy hiệu chức vị của họ và tay cầm một cây nến hoặc một bó đuốc nhỏ. Ở giữa, trong ánh sáng của nhiều ngọn đuốc hơn, trong tiếng hát ồn ào to hơn, dưới một tán che tráng lệ, chiếc hòm đựng thánh cốt tiến lên, có bốn thầy tu bận áo lễ lộng lẫy nhất khiêng thỉnh thoảng lại đổi phiên. Qua hòm pha lê, người ta trông thấy cái thi thể đáng kính bận áo quần giáo chủ sang trọng với chiếc mũ giáo chủ đội đầu; trên khuôn mặt đã bị méo mó và biến dạng của ngài, người ta vẫn còn có thể nhận ra vài dấu vết của khuôn mặt cũ hệt như các bức chân dung thường miêu tả và như ký ức một số người đã được trông

---

[1] "Allegiamento dello Stato di Milano, etc", far C. G Cavatio della Somaglia. Milan, 1653, p. 482 (Tình trạng quốc gia Milăng v.v..." sáng tác của C.G.Cavaxiô denla Xômaglia. Milăng, 1653, tr. 482) (Chú thích của tác giả).

thấy ngài và tôn kính ngài vào thuở sinh thời. Đi ngay sau thi hài vị giáo chủ ấy (Ripamôngti nói vậy, và phần lớn đoạn miêu tả này là chúng tôi mượn của ông), và gần gụi với ngài về công đức, về dòng họ, về chức vị cao quý cũng như về phẩm giá của bản thân mình, là tổng giám mục Fêđêrigô. Theo sau ngài là bộ phận còn lại của giới tăng lữ; rồi đến các quan chức trong y phục đại lễ, rồi đến các nhà quý tộc, người thì trang phục lộng lẫy như để long trọng bày tỏ sự tham gia của họ vào buổi lễ, kẻ thì bận đồ tang để tỏ lòng sám hối, hoặc đi chân đất và khoác áo choàng có mũ trùm đầu phủ xuống mặt, và tất cả đều cầm đuốc. Đi sau cùng đoàn diễu hành là một đám đông dân chúng đủ mọi hạng người.

Trên đường đi, tất cả các phố xá đều trang hoàng như ngày hội; những người giàu có phô ra tất cả những gì quý giá nhất của họ; mặt trước các nhà nghèo được tô điểm nhờ những nhà láng giềng khá giả hoặc do chi phí của công quỹ; những cành cây xanh treo trên tường chỗ này làm đồ trang trí, chỗ kia phủ những đồ trang trí khác; khắp nơi treo những bức tranh, những bản khắc chữ, những biểu ngữ; trên các bệ cửa sổ người ta bày biện những chiếc bình, những đồ cổ và quý đủ loại; và chỗ nào cũng đèn nến sáng trưng. Ở nhiều cửa sổ những con bệnh bị cách li đứng nhìn đám rước và gửi theo những lời cầu nguyện. Các phố khác im lặng và vắng ngắt; chỉ có vài người, vẫn đứng bên cửa sổ, lắng tai nghe tiếng rì rầm đang chuyển động; một số người khác, trong đó có cả những nữ tu sĩ, trèo lên các mái nhà, để cố nhìn thấy từ xa chiếc hòm đựng thánh cốt, đoàn người diễu hành, và nói chung một cái gì đó.

Đám rước đi qua tất cả các khu trong thành phố; đến mỗi ngã tư, hoặc cũng là những quảng trường nhỏ, ở cuối những

phố chính đổ ra các vùng ngoại ô, và thời ấy mang một tên cổ là Carôbiô, cái tên mà ngày nay chỉ còn giữ lại một ngã tư thôi, người ta dừng lại đặt hòm đựng thánh cốt bên cây thập tự do Thánh Saclơ dựng lên ở mỗi ngã tư trong thời kì nạn dịch hạch lần trước, và cho đến ngày nay số cây thập tự ấy vẫn còn đứng đó. Thành ra quá trưa lâu lắm người ta mới trở lại về nhà thờ.

Và thế là, ngày hôm sau, trong khi mọi đầu óc còn đang chan chứa mối hi vọng ngông cuồng, và thậm chí ở nhiều người là lòng cuồng tín cho rằng cuộc rước chắc hẳn phải chặn đứng bệnh dịch hạch lại, thì số người chết cứ tăng lên vùn vụt, ở mọi tầng lớp xã hội và mọi nơi trong thành phố với một quy mô, một bước nhảy vọt đột ngột đến nỗi ai cũng có thể nhìn thấy nguyên nhân hoặc cơ hội của tình hình ấy ở ngay bản thân cuộc rước. Nhưng than ôi, sức mạnh kì lạ và đau buồn của cái thành kiến chung của mọi người. Phần lớn mọi người gán cái hậu quả ấy không phải cho việc tụ tập đông người đến thế, trong thời gian lâu đến thế, hoặc cho vô vàn những sự tiếp xúc ngẫu nhiên, mà cho hoàn cảnh dễ dàng của bọn *bôi trát* để thực hiện trên quy mô lớn mưu đồ tội lỗi của chúng. Người ta nói là chúng trà trộn vào đám đông và bôi thuốc truyền bệnh cho càng nhiều người càng tốt.

Nhưng vì điều đó hình như chưa phải là một cách đầy đủ và thích đáng để giải thích nạn tử vong rộng lớn trong tất cả mọi tầng lớp xã hội; và vì, theo như người ta có thể thấy, đến cả những con mắt đa nghi và hết sức chăm chú, mà tuy vậy rất mù mờ, cũng không thể tìm thấy bất kể những thứ "thuốc bôi", những vết bẩn nào trên các bức tường đặt ở đâu khác, cho nên để giải thích sự kiện ấy người ta nhờ đến một điều bịa đặt khác đã có từ lâu và được khoa học Âu Châu thời đó thừa

nhận, là những thứ bột độc có bùa phép. người ta nói là những thứ bột như thế được rắc khắp dọc đường, và nhất là ở những nơi đám rước dừng lại, đã dính vào những vạt áo dài quét đất và nhiều hơn nữa vào các bàn chân, vì ngày hôm ấy nhiều người đi chân đất. "Như thế", - một nhà văn đương thời nói[1], - "Chính ngày tổ chức đám rước đã chứng kiến cuộc xung đột giữa lòng sùng đạo và thói vô đạo, thói gian giảo và lòng ngay thật, sự tổn thất và thành quả thu hoạch được". Và đúng hơn, đó chính là trí tuệ đáng thương của con người xung đột với những ma quỷ do chính nó tạo ra.

Từ hôm ấy, chứng bệnh càng ngày càng lan ra dữ dội: chẳng mấy chốc có thể nói không còn nhà nào không mắc bệnh; trong thời gian ngắn số dân ở trại phòng dịch, theo lời Xômaglia một tác giả đã dẫn trên, từ hai nghìn lên tới mười hai nghìn: về sau, theo hầu hết các nhà kí sự, thậm chí nó lên tới mười sáu nghìn. Ngày mồng 4 tháng 7, như tôi được thấy trong một bức thư khác của các ủy viên tòa án Y tế gửi quan thống đốc, hàng ngày có trên năm trăm người chết. Về sau, vào cao điểm của bệnh dịch, con số này, theo sự đánh giá được nhiều người thật thà nhất, lên tới một nghìn hai trăm hoặc một nghìn năm trăm, và thậm chí vượt quá ba nghìn năm trăm, nếu ta tin lời Tadinô. Ông ta cũng khẳng định rằng "theo những sự điều tra được tiến hành", thì sau nạn dịch hạch người ta thấy dân số Milăng giảm xuống còn có hơn sáu vạn bốn nghìn người một chút, thế mà trước kia nó vượt quá hai mươi lăm vạn người. Theo Ripamôngti thì dân số Milăng trước kia chỉ có hai mươi vạn người, còn về số người chết, ông nói là theo các sổ hộ tịch, nó lên tới mười bốn vạn chưa kể những

---

[1] Agostino Lampugrano: "La pestilenza seguita in Milano l'anno 1634, tr, 44 (Chú thích của tác giả).

người mà người ta không tính được. Các tác giả khác cho những con số thấp hơn hoặc cao hơn, nhưng vẫn còn vu vơ lắm.

Bây giờ ta có thể hình dung các vị đêcuriông phải ở trong tình trạng lo lắng đến như thế nào, những người mang nặng trên vai trách nhiệm đáp ứng mọi nhu cầu xã hội, cứu vãn tất cả những gì có thể cứu vãn được trong một thảm họa như thế. Mỗi ngày lại phải thay đổi, mỗi ngày lại phải thăm thêm số nhân viên phục vụ công cộng đủ loại: những phu dọn dẹp[1], những báo hiệu viên, những viên cẩm. Những người thứ nhất được giao cho những công việc nặng nhọc nhất và nguy hiểm nhất: thu dọn thây người chết ở các nhà, các đường phố, ở trại phòng dịch, chở trên xe đến huyệt để chôn cất, khiêng hoặc dẫn những bệnh nhân vào trại phòng dịch và săn sóc họ, đốt, tây uế những đồ đạc ô nhiễm và khả nghi. Cái tên *monatto,* theo Ripamôngti, là từ tiếng Hi Lạp *monos*[2] mà ra; theo Gaxpa Bugtti (trong một bài miêu tả nạn dịch hạch lần trước), nó do tiếng La tinh monere[3]) nhưng đồng thời ông cũng nghi ngờ rất có cơ sở rằng nó là một từ Đức, bởi vì những người ấy phần lớn được mộ ở Thụy Sĩ và tại miền Gridông. Và thật ra cũng không phải vô lí nếu cho rằng đây là chữ viết tắt của từ monathlich (hàng tháng), bởi vì do chưa nhất định về thời hạn cần thiết đến họ, chắc hẳn người ta chỉ mướn họ từng tháng một. Nhiệm vụ đặc biệt của những báo hiệu viên là đi trước xe và lắc chuông để báo cho mọi người đi đường tránh ra. Những viên cẩm tất cả các loại người này theo lệnh trực tiếp của tòa án Y tế. Cần phải trông nom cho trại phòng dịch luôn luôn có đủ thầy thuốc, nhà phẫu thuật, thuốc men, lương thực, và tất

---

[1] dịch chữ *mônattô* trong nguyên bản.

[2] Nghĩ là "một".

[3] Nghĩa là "khuyên bảo".

cả mọi dụng cụ y tế: cần phải tìm ra và chuẩn bị những chỗ ở mới cho bệnh nhân ngày ngày đưa tới. Đối với những bệnh nhân này người ta dựng tạm lên những túp lều gỗ lợp rơm rạ ở bên trong trại phòng dịch: người ta xây một trại phòng dịch mới toàn là lều quán, được vây kín bởi một hàng rào đơn giản bằng ván gỗ, có thể chứa được bốn nghìn người. Và vì như vậy còn chưa đủ, người ta quyết định xây thêm hai trại phòng dịch nữa, đã bắt đầu rồi nhưng bỏ dở vì thiếu đủ mọi phương tiện. Bởi vì phương tiện, nhân công và nhuệ khí cứ giảm dần ngược với nhu cầu cứ tăng lên mãi.

Và không chỉ có sự thực hiện luôn luôn chậm chạp so với những kế hoạch và mệnh lệnh; không chỉ có tình trạng, chao ôi, nhiều điều ai cũng phải thừa nhận là cần thiết mà chỉ được thỏa mãn rất ít, ngay cả trên lời nói; mà tình trạng bất lực và tuyệt vọng đã đến mức người ta hoàn toàn bó tay trước những nhu cầu thiết yếu, ngay cả những nhu cầu đau lòng nhất và bức bách nhất. Chính vì thế mà người ta để chết nhiều trẻ em không ai trông nom khi mẹ chúng đã qua đời vì bệnh dịch hạch: tòa án ί tế đề nghị lập một viện tế bần cho những trẻ em này và những sản phụ nghèo túng, yêu cầu người ta phải làm một cái gì đó cho họ nhưng không nhận được gì. "Kể ra người ta cũng phải thông cảm, - Tadinô nói, - với các vị đêcuriông của thành phố đang nặng trĩu lo, phiền não và khốn khổ bởi đám quân ô hợp chẳng còn chút kỉ luật nào và chẳng biết kiêng nể gì ai; họ càng khốn khổ hơn nữa ở cái Công quốc vô phúc này, vì người ta không thể nhận được của ngài thống đốc dù là sự giúp đỡ hay lương thực, không được gì cả ngoài câu trả lời là người ta đang trong thời chiến và phải cấp dưỡng đầy đủ cho quân lính"[1].

---

[1] trang 127 (chú thích của tác giả).

Đánh thành Canda là việc hệ trọng biết bao! Vinh quang của một chiến thắng có vẻ rực rỡ biết bao, bất kể vì nguyên do và mục đích nào mà người ta chiến đấu!

Cũng vậy, khi xác chết đã ứ đầy một cái huyệt lớn nhưng duy nhất đào bên cạnh trại phòng dịch, và còn nhiều xác chết không nơi chôn cất không chỉ ở đây mà trong khắp thành phố, và vì những xác chết ấy mỗi ngày một nhiều hơn, các nhà cầm quyền, sau khi đã tìm không ra nhân công để làm cái việc đáng buồn này, đành phải tuyên bố là họ không còn biết xoay xở ra sao nữa. Và nếu như không có một sự cứu viện đặc biệt, thì người ta không biết họ làm thế nào thoát ra được cảnh bế tắc đó. Trong cơn tuyệt vọng, mắt đẫm lệ, ngài chánh án tòa án Y tế cho mời hai thầy tu dũng cảm quản lí trại phòng dịch đến. Và cha Misen cam kết trong vòng bốn ngày sẽ dọn hết xác chết trong thành phố, và trong vòng tám ngày sẽ đào xong những hố không chỉ đủ cho nhu cầu trước mắt, mà còn đáp ứng được cả tình hình mà người ta dự đoán có thể tồi tệ hơn nữa sau này. Cùng với một tu sĩ của mình vài viên chức của tòa án do ngài chánh án giao cha điều khiển, cha ra ngoài thành phố đi tìm những người nông dân; và một phần nhờ uy quyền tòa án, một phần nhờ uy tín bộ áo thầy tu và những lời nói của mình, cha tập hợp được chừng hai trăm người, cho họ đào ba cái huyệt thật lớn; rồi cha phái những phu dọn dẹp ở trại phòng dịch đi thu nhặt các xác chết. Thành ra đến ngày ấn định lời hứa của cha đã được thực hiện.

Có lần trại phòng dịch không có thầy thuốc. Người ta phải hứa hẹn trả lương hậu và ban cho mọi chức tước và cũng rất khó khăn và chỉ sau một thời gian mới tìm được thầy thuốc, nhưng quá ít so với nhu cầu. Nhiều phen sắp cạn hết lương thực tới mức có thể sợ phải chết đói. Nhiều lần, khi người ta

đã không còn biết vắt óc moi đâu ra mọi thứ cần thiết, thì những khoản trợ cấp dồi dào đến kịp thời, món quà không ngờ của những cá nhân từ thiện: bởi vì, giữa nỗi kinh hoàng chung và sự thờ ơ với số phận người khác do cứ phải luôn luôn lo sợ cho bản thân mình, vẫn có những tấm lòng từ thiện rộng mở; với một số người thì chính vì mọi niềm vui trần thế không còn nữa mà lòng từ thiện ấy trỗi dậy trong họ. Cũng vậy, trong khi hàng ngũ những người có trách nhiệm trông nom mọi công việc bị thưa đi vì có người chết và những kẻ bỏ trốn, vẫn có những người khỏe mạnh, kiên nghị và dũng cảm đứng ở cương vị của mình; và có cả những người khác, do tình thương thúc đẩy, đã mạnh dạn gánh lấy những công việc vốn không phải do chức vụ họ đòi hỏi.

Chính là những tu sĩ đã nổi bật lên trên hết vì lòng trung thành triệt để hơn, nhạy bén hơn và bền vững hơn đối với những nghĩa vụ nặng nề trong lúc này. Ở các trại dịch phòng dịch hoặc trong thành phố, không khi nào thiếu sự giúp đỡ của họ: ở đâu có người đau khổ, ở đó họ có mặt; người ta luôn luôn thấy họ ở lẫn, hòa vào với bệnh nhân, với những người hấp hối, trong khi chính họ đang mắc bệnh và có khi đang hấp hối; cùng với sự nâng đỡ phần hồn, họ cố hết sức giúp đỡ cả phần xác, sẵn sàng làm bất cứ việc gì do hoàn cảnh đặt ra. Chỉ riêng trong thành phố đã có trên sáu mươi linh mục chết bệnh dịch hạch, vào khoảng tám phần chín tổng số linh mục của thành phố.

Fêđêrigô, đúng như người ta mong đợi ở ngài, là một tấm gương khích lệ tất cả mọi người. Sau khi đã thấy quanh mình chết gần hết những người làm việc trong giáo hạt tổng giám mục, và bị các họ hàng, quan chức cao cấp, và cả những vương hầu các miền chung quanh thúc ép ngài xa lánh nơi nguy

hiểm, lui về ẩn náu ở một biệt thự nào đó, ngài khước từ lời khuyên ấy và chống lại những sự nài ép cũng kiên quyết như khi ngài viết thư cho các linh mục trong giáo hạt của mình: "Các ông hãy sẵn sàng từ bỏ cuộc sống phù sinh này còn hơn bỏ mặc những kẻ chính là thân thích của chúng ta, con cái chúng ta; với tình thương các ông hãy tiến lên đương đầu với bệnh dịch hạch như đón nhận một phần thưởng, như đón nhận một cuộc đời mới, mỗi khi có một linh hồn phải giành giật về với Chúa[1]". Ngài không coi thường bất cứ sự thận trọng nào khi chúng không ngăn cản ngài làm tròn bổn phận về vấn đề này thậm chí ngài còn đưa ra những chỉ thị và quy tắc cho giới tăng lữ của mình); đồng thời ngài không kể gì đến nguy hiểm và thậm chí hình như không nhận thấy nó mỗi khi phải xông lên làm việc thiện. Không kể những tu sĩ là người mà ngài luôn luôn theo sát để khen ngợi và hướng dẫn lòng nhiệt thành của họ, để thúc đẩy những người thờ ơ với phận sự, để cử họ đến những vị trí khác thay cho người đã chết, ngài còn muốn rằng tất cả những ai có thể cần đến sự giúp đỡ của ngài đều luôn luôn được tự do tìm đến bên ngoài. Ngài đến thăm các trại phòng dịch để an ủi những bệnh nhân và động viên những người săn sóc họ, ngài đi khắp thành phố, giúp đỡ các gia đình đáng thương bị nhốt trong nhà họ, dừng chân trước cửa và dưới cửa sổ để nghe những tiếng khóc than của họ và đáp lại bằng những lời an ủi và khích lệ. Nói tóm lại, ngài lao vào bệnh dịch hạch, ngài sống giữa bệnh dịch hạch, bản thân ngài lấy làm kinh ngạc thấy mình rốt cuộc thoát ra bình yên vô sự.

Như thế, trong những tai họa chung và trong những thời

---

[1] Ripamôngti, trang 164, (chú thích của tác giả)

kì dài khi trật tự bình thường của sự vật bị đảo lộn, người ta luôn luôn nhận thấy đức tính con người được tăng lên và đề cao đến chỗ tuyệt vời của nó; nhưng than ôi, đồng thời người ta cũng luôn luôn nhận thấy thói gian tà tăng lên còn phổ biến hơn nhiều. Điều này cũng đã được mọi người chú ý. Những tên cướp mà bệnh dịch hạch chừa ra và không làm cho sợ hãi đã tìm thấy trong cảnh hỗn loạn chung, trong sự lơi lỏng của mọi cơ quan nhà nước một cơ hội mới để ra sức hoạt động, và đồng thời một sự bảo đảm mới để không bị trừng phạt; đã thế chính việc thi hành công vụ lại phần lớn chuyển vào tay những kẻ tồi tệ nhất trong bọn chúng.

Để gánh vác công việc của các *phu dọn dẹp* và các báo hiệu viên, thường thường người ta chỉ kiếm được những người mà ở họ sự hấp dẫn của việc cướp bóc và lối sống phóng túng mạnh hơn nỗi sợ bị lây bệnh, mạnh hơn mọi nỗi kinh tởm tự nhiên. Người ta khép họ vào những kỉ luật rất chặt chẽ, người ta đe dọa họ bằng những hình phạt rất nặng nề, người ta sử dụng vào những vị trí cố định, có những viên cẩm giám sát họ; bao trùm lên tất cả các loại người kể trên, như chúng tôi đã nói, có những đại diện của các quan chức và các nhà quý tộc ở mỗi khu, được giao đầy đủ quyền lực để thi hành những biện pháp cấp bách mỗi khi cần phải giữ trật tự. Tổ chức ấy đã hoạt động và đạt được mục đích của nó đến một lúc nào đấy, nhưng vì số người chết, người bỏ trốn hoặc những kẻ rối trí cứ mỗi ngày một tăng lên mãi, cho nên những loại người ấy đã đi đến mức gần như bất cần mọi sự giám sát và nhất là những *phu dọn dẹp*, thì tự cho mình có quyền hành độc đoán trên mọi việc. Chúng xông vào các nhà như những ông chủ, như những kẻ thù, và chưa nói những chuyện cướp bóc và cách đối xử của chúng đối với những kẻ bất hạnh mắc bệnh dịch hạch rơi vào

tay chúng, chúng còn đặt bàn tay nhiễm độc và tội lỗi lên những người khỏe mạnh, lên những trẻ em, những ông bố bà mẹ, những người vợ, những người chồng, dọa dẫm lôi họ vào trại phòng dịch nếu họ không nộp tiền chuộc hoặc nếu không có ai nộp tiền cho họ. Nhiều lần khác chúng bắt trả công và không chịu khiêng những thây người đã thối rữa đi nếu người ta không nộp cho chúng một số tiền nhất định. Người ta đồn (và trong khi có cả sự cả tin của người này và tính độc ác của người kia, thì tin hay không tin cũng đều là hú họa cả) người ta đồn, và cả Tadinô cũng khẳng định như vậy[1] là các *phu dọn dẹp* và các báo hiệu viên cố tình để rơi những đồ vật bị ô nhiễm từ xe bò của chúng để cho bệnh dịch hạch cứ lây lan đi và được duy trì mãi, bệnh này đã trở thành một nguồn lợi của chúng, vương quốc của chúng, ngày hội thật sự của chúng. Có những kẻ đốn mạt khác mạo nhận là *phu dọn dẹp* buộc một cái nhạc vào chân, theo quy định đối với bọn này để người ta nhận ra chúng và để báo hiệu chúng tới gần; rồi chúng đi vào các nhà bỏ ngỏ và trống trơn không người ở, hoặc chỉ còn lại vài con bệnh, vài người hấp hối, những tên lưu manh xông vào cướp bóc không chút sợ sệt; một số nhà khác bị lính cảnh sát đột nhập, và họ cũng làm những điều như vậy và thậm chí còn tệ hơn thế nữa.

Cùng với thói gian ác, chứng điên rồ cũng tăng lên: do sự kinh hoàng và bối rối của mọi người, tất cả những sai lầm đã ít nhiều ngự trị lâu nay bây giờ mang một sức mạnh phi thường, một sức tác động nhanh hơn và rộng hơn. Và tất cả những sai lầm ấy đều góp phần tăng cường và phổ biến nỗi khiếp sợ đặc biệt đối với những "thuốc bôi", nỗi khiếp sợ này,

---

[1] trang 102 (chú thích của tác giả).

xét trên những hậu quả cũng như những biểu hiện của nó, như ta đã thấy, thường cũng là một thói gian ác khác. Hình ảnh mối nguy hiểm tưởng tượng ấy ám ảnh và hành hạ mọi tâm trí còn hơn cả mối nguy hiểm thật sự đang tồn tại. "Và trong khi những xác chết nằm rải rác hoặc chất thành đống, - Ripamôngti nói, - vẫn còn sờ sờ trước mắt, còn nằm dưới chân mọi người, biến cả thành phố dường như thành một nấm mồ bao la và độc nhất, lại có cái gì đó đáng buồn hơn là khốc hại hơn trong sự hằn học của người nọ đối với người kia, trong những sự nghi ngờ nhau nổ ra khủng khiếp. Người ta không chỉ ngờ vực láng giềng, bè bạn, khách khứa của mình: mà ngay cả những tên gọi vốn là những quan hệ yêu thương của con người, những tên gọi vợ chồng, cha con, anh em chị em, cũng là những đối tượng khiếp sợ, và cái điều nói ra thật khủng khiếp, bữa ăn gia đình, giường ngủ của vợ chồng cũng bị kinh sợ như những cái bẫy che giấu thuốc độc".

Quy mô vô cùng rộng lớn mà người ta gán cho âm mưu này và tính chất kì lạ của nó đã làm rối loạn tất cả mọi suy xét, phá hủy tất cả mọi cơ sở để tin cậy lẫn nhau. Thoạt đầu người ta chỉ cho rằng lòng hám danh và hám lợi là động cơ thúc đẩy những tên *bôi trát* mà người ta giả định ấy; về sau, người ta tưởng tượng ra và tin là trong việc "bôi" này có một khoái lạc mà quỷ nào đó nó như một sự cám dỗ mạnh hơn ý chí. Cơn mê sảng của những bệnh nhân tự kết tội mình về những gì họ đã lo sợ ở người khác được xem như những điều phát giác, và có thể nói là nó khiến người ta tin rằng bất cứ điều gì ở bất cứ người nào cũng có thể tin là sự thật. Còn hơn cả lời nói, một số biểu hiện trực quan phải khiến mọi người kinh ngạc, khi những bệnh nhân dịch hạch, trong cơn mê sảng, đã chính mình làm những việc mà họ cho rằng bọn *bôi*

trát đã làm: điều đó rất có thể xảy ra, và nó giúp ta giải thích tình trạng chung cũng như những điều khẳng định của nhiều nhà trước tác. Vì thế cho nên trong thời kì buồn thảm kéo dài của những vụ án về yêu thuật, những lời thú nhận của các bị cáo, không phải lúc nào cũng do bị cưỡng bức mà khai ra, đã góp phần không ít để tạo ra và duy trì dư luận đang thịnh hành về phép yêu thuật này: bởi vì, khi một dư luận được thịnh hành trong một thời gian dài trên hầu khắp thế giới, rốt cuộc nó cũng sẽ thể hiện ra bằng mọi cách, nó sẽ cố tìm mọi lối thoát và sẽ ra sức thuyết phục với mọi mức độ khác nhau; và thật khó có tình hình khi tất cả mọi người hoặc rất nhiều người cùng tin vào sự tồn tại của một điều kì lạ, mà không xuất hiện một kẻ nào tự cho là chính mình đã làm cái việc kì lạ ấy.

Trong số những câu chuyện tưởng tượng ra do cơn mê sảng về những "thuốc bôi" ấy, có một chuyện đáng được kể, vì sự tin cậy nó đã giành được, và vì tính phổ cập rộng rãi trong suốt quá trình lan truyền của nó. Người ta kể, không phải bao giờ cũng theo một cách như nhau (đó sẽ là một sự ưu đãi quá đặc biệt đối với những chuyện bịa đặt), người ta kể đại khái là một người nào đó, vào một ngày nào đó, đã trông thấy xuất hiện ở quảng trường nhà thờ một cái xe thắng sáu con ngựa, trong xe cùng với những người khác một đức ông lớn bộ mặt cau có tức giận, mắt long lên sòng sọc, tóc dựng đứng, bĩu môi đe dọa. Trong khi người chứng kiến đang chăm chú nhìn, thì cái xe dừng lại; bác đánh xe mời ông lên và ông không biết làm thế nào chối từ cho được. Chiếc xe chạy quanh co một hồi rồi đỗ trước cửa một lâu đài nào đó, ông đã vào đây cùng với một người khác và đã thấy một cảnh hỗn độn những sự vật hấp dẫn và kinh tởm những bãi hoang và những khu vườn,

những hang động và những căn phòng, trong đó có những con ma đang ngồi họp bàn với nhau. Cuối cùng người ta cho ông xem những két bạc lớn và bảo ông muốn lấy bao nhiêu tùy thích, nhưng với điều kiện là ông nhận một bình nhỏ đựng thuốc bôi và đem "bôi" thuốc đó trong thành phố. Nhưng vì ông không nhận cho nên trong nháy mắt ông lại thấy mình trở về đúng cái nơi ông đã lên xe. Câu chuyện này rất được tin trong dân chúng nhưng một số người có uy tín, theo Ripamôngti, đã không chế giễu đầy đủ như lẽ ra họ phải làm[1], cho nên câu chuyện ấy đã lưu hành trong khắp nước Ý và thậm chí cả ngoài nước Ý. Ở Đức, người ta lấy nó làm đề tài cho một bức tranh khắc; đức tuyển đế tổng giám mục[2] ở Maienxơ viết thư cho Hồng y giáo chủ Fêđêrigô hỏi ý ngài nên xem những sự việc kì diệu mà người ta đồn là xảy ra ở Milăng như thế nào; thư phúc đáp nói rằng đó là những chuyện hoang đường.

Những chuyện hoang đường của các nhà khoa học cũng có giá trị như thế, nếu như không phải cùng bản chất; và ảnh hưởng của chúng không kém tai hại. Phần lớn những nhà khoa học này nhìn thấy cái điềm báo trước và đồng thời lí do của những tai họa trong sự xuất hiện của sao chổi vào năm 1628, và sự giao hội của sao Thổ và sao Mộc, "sự giao hội nói trên, - Tadinô viết, - nghiêng vào năm 1630 này, và điều đó rõ ràng đến nỗi ai cũng có thể hiểu được nó. *Mortales parat morbos, miranda videntur*"[3]. Lời tiên đoán này được rút ra,

---

(1) "De peste..." v.v... trang 77 (chú thích của tác giả).

(2) l'électeur archevêque. *Tuyển đế* (électer) là một hoàng thân hoặc giám mục có đặc quyền tham gia tuyển cử hoàng đế nước Đức., Mayence: một thành phố Đức.

(3) Nó chuẩn bị những chứng bệnh hiểm nghèo, và người ta sẽ thấy những điều kì lạ (tiếng La tinh).

theo người ta nói, từ một cuối sách nhan đề *Specchio degli almanacchi* perfetti[1] in ở Turanh[2] năm 1623, được truyền tụng ở mọi cửa miệng. Một ngôi sao chổi khác, xuất hiện vào tháng sáu đúng năm có nạn dịch hạch, được xem là một điềm mới, và thậm chí một bằng chứng rõ ràng của những chuyện "bôi". Họ tìm kiếm trong sách vở (và khốn thay, họ lại thấy) khá nhiều dẫn chứng về bệnh dịch hạch làm bằng tay, như họ nói: họ viện dẫn Titơ Livơ, Taxitơ, Điông, ai nữa chỉ, Hôme, và Ovit, và nhiều nhà văn cổ đại khác nữa đã thuật lại hoặc nhắc đến những sự kiện tương tự. Và trong số nhà văn đương thời, họ còn tìm được nhiều người hơn nữa. Họ kể ra hàng trăm tác giả khác đã chuyên nghiên cứu, hoặc nhân tiện nói tới những thuốc độc, bùa phép, thuốc bôi, thuốc bột: Xêdanpinô[3], Cacdan, Grêvinô[4], Xaliô, Parêô, Senkiô, Dakia, và cuối cùng cái ông Đenriô tai hại, ông này, nếu như danh tiếng các tác giả phụ thuộc vào lợi ích hoặc tác hại do tác phẩm của họ gây ra, hẳn sẽ là một trong những tác giả nổi tiếng nhất; cái ông Đenriô ấy mà những buổi thức đêm làm mất mạng nhiều người hơn cả những cuộc chinh chiến của những quân xâm lược; cái ông Đenriô ấy, mà cuốn Disquisizioni magiche[5] (bản tóm tắt của tất cả những gì người ta đã mơ tưởng về vấn đề này cho đến thời ông), khi đã trở thành văn bản có uy tín nhất và không thể bác bỏ được, trong hơn một thế kỉ đã là phép tắc về sự cổ vũ mạnh mẽ cho những vụ giết người hợp pháp, khủng khiếp, không ngừng.

---

(1) Cái gương nói lên những lời tiên tri hoàn hảo (tiếng La tinh).
(2) Một thành phố nước Ý.
(3) Xêdanpinô Anđrêa (1524-1603): nhà khoa học tự nhiên, thầy thuốc và nhà triết học Ý.
(4) Grêvinô Iacôpô (1539-1570): thầy thuốc, nhà thơ, và nhà viết kịch Ý. Tác giả cuốn "bàn về những chất độc".
(5) Nghiên cứu về ma thuật.

Trong những điều bịa đặt của kẻ bình dân, những người có học lấy ra cái gì có thể phù hợp với quan niệm của họ; trong những điều bịa đặt của những người có học, kẻ bình dân lấy ra cái gì họ có thể hiểu được và hiểu theo cách của họ; và tất cả tạo thành đống khổng lồ và hỗn loạn những sự rồ dại của tập thể.

Những cái điều đáng ngạc nhiên hơn cả là ta thấy những thầy thuốc, tôi muốn nói những người ngay từ đầu đã tin là có bệnh dịch hạch, và nhất là Tadinô, người đã dự đoán bệnh này, đã thấy nó đến và có thể nói đã chăm chú theo dõi từng bước phát triển của nó đã nói và đã tuyên truyền rằng đây chính là bệnh dịch hạch, và người ta mắc bệnh ấy do tiếp xúc với nhau, có thể bị lây bệnh; thế đó, thật ngạc nhiên khi thấy con người này rút ra từ chính những kết quả ấy một bằng chứng để khẳng định rằng những "thuốc bôi" độc và nguy hại là có thật; cái người đã nên lên, nhân trường hợp Caclô Côlonna, người thứ hai chết bệnh dịch hạch ở Milăng, rằng mê sảng là một triệu chứng kèm theo bệnh này, lại cũng chính là người sau đó không ngần ngại đưa ra một sự kiện thuộc loại như sau làm bằng chứng cho những chuyện "bôi" và cho âm mưu ma quỷ: hai người làm chứng khai rằng họ được nghe một người bạn mắc bệnh kể lại là một đêm trước có những người vào phòng ông ta, hứa giúp ông khỏi bệnh và cho ông tiền nếu ông chịu đi *bôi* các nhà chung quanh, nhưng ông từ chối thì họ ra đi, để lại một con chó sói dưới gậm giường và ba con mèo to trên giường, "những con vật này cứ ở đó cho tới khi trời sáng"[1].

Nếu cách suy luận như thế chỉ là việc làm của một người,

---

[1] trang 123, 124 (chú thích của tác giả).

thì ta có thể nói đây là một chứng điên rồ cá biệt, hoặc đúng hơn, điều đó hoàn toàn không đáng để ta nói tới; nhưng vì đây là việc làm của số đông và thậm chí của hầu hết mọi người, cho nên đó là vấn đề lịch sử trí tuệ nhân loại, và điều đó cho ta thấy cơ hội để quan sát xem một chuỗi tư tưởng đúng đắn và hợp lí bị đảo lộn như thế nào bởi một chuỗi tư tưởng khác đối lập hẳn với nó. Hơn nữa, cái ông Tadinô ấy lại là một trong những người nổi tiếng nhất ở Milăng thời đó đặt; và ta biết điều ấy không phải do tự họ nói ra, bởi vì không ai có gan bày tỏ công khai một ý kiến đối lập với dư luận chung đến thế, nhưng chúng ta biết điều ấy do những nhà trước tác đã chế giễu ý kiến đó, đã vạch ra hoặc bác bỏ nó, cho là định kiến của một số người, là một sai lầm mà người ta không dám công khai bảo vệ, nhưng dẫu sao nó vẫn cứ tồn tại. Chúng ta cũng biết điều ấy nhờ những người biết nó qua sự lưu truyền. "tôi đã gặp những con người khôn ngoan ở Milăng. - Ông Muratôni ngay thẳng nói trong tác phẩm đã dẫn trên, - họ còn giữ của tổ tiên những tài liệu đáng tin cậy, và họ không tin lắm ở sự tồn tại thật sự của những thuốc bôi có chất độc ấy". Ta thấy chân lí vẫn ngấm ngầm bộc lộ, trong câu chuyện tâm sự gia đình: đó là lương tri, nhưng nó phải ẩn giấu đi, vì sợ ý kiến chung của mọi người.

Các nhà chức trách, mà số người mỗi ngày một giảm đi, nhưng lại càng thêm lầm lạc hơn và rối trí hơn, đã sử dụng toàn bộ, nếu ta có thể nói như vậy, chút ít quyết tâm mà họ có thể có để đi tìm kiếm những tên *bôi trát* ấy. Trong những tài liệu thời kì dịch hạch còn giữ lại ở sở lưu trữ mà chúng tôi đã nói trên có một bức (tài liệu duy nhất về sự kiện này) trong đó ngài đại pháp quan báo cáo với quan thống đốc, một cách rất nghiêm chỉnh và rất cấp bách, về một tin tức ông được báo là ở

một trang trại nông thôn thuộc hai anh em nhà quý tộc ở Milăng - Girôlamô và Giuliô Môngti, người ta chế tạo thuốc độc nhiều đến nỗi phải sử dụng bốn mươi người *en este exercicis*[1], với sự giúp đỡ của bốn nhà quý tộc ở Brexia đưa từ Vênêxi tới những chất liệu cần thiết *para la fabrica del veneno*[2]. Ông nói thêm là bản thân ông đã hết sức bí mật thi hành những biện pháp cần thiết để phái tới đó ông thị trưởng Milăng và viên kiểm tra của tòa án Y tế cùng với ba mươi lính kị binh; nhưng khốn nỗi một trong hai anh em nhà ấy được báo kịp thời, và có lẽ do chính viên kiểm tra là bạn của ông ta báo, đã xóa sạch mọi dấu vết của tội ác; còn viên kiểm tra này thì tìm mọi cớ thoái thác để không đi tới đó; nhưng mặc dầu vậy, ông thị trưởng cùng quân lính vẫn đến nơi ấy *a reconnocer la casa, y a ver si hallara algunos vestigios*[3], để tiến hành điều tra và bắt giữ tất cả những người nào có thể bị tình nghi là có tội.

Công cuộc điều tra chắc hẳn không đi đến đâu, vì những tác phẩm thời ấy nói đến mối ngờ vực hai nhà quý tộc này đã không đưa ra được sự kiện nào. Nhưng khốn thay, trong một trường hợp khác người ta cho rằng đã tìm ra những kẻ thủ phạm. Những vụ án tiếp theo chắc chắn không phải những vụ án đầu tiên thuộc loại này, và thậm chí người ta cũng không thể xem chúng là hiện tượng hiếm có trong lịch sử luật học. Bởi vì, không nói làm gì đến thời cổ đại, mà chỉ nói những thời kì gần với câu chuyện của chúng ta nhất thì ở Palecmơ năm 1626, ở Giơnevơ năm 1530, rồi 1545, rồi lại 1574, ở Cadan miền Môngfera năm 1536, ở Pađu năm 1555, ở Turanh năm

---

(1) Vào việc này, (tiếng Tây Ban Nha).

(2) Để chế tạo thuốc độc (tiếng Tây Ban Nha).

(3) Để dò xét ngôi nhà và xem có còn lại vết tích gì không (tiếng Tây Ban Nha).

1566, rồi lại cũng vào năm 1630 này, có những vụ án và những bản án, phần lớn với những hình phạt tàn khốc nhất trừng trị một kẻ hoặc nhiều kẻ đáng thương bị kết tội đã di truyền gieo rắc bệnh dịch hạch bằng những thuốc bột, thuốc bôi, bùa phép, hoặc bằng tất cả những cách đó cộng lại. Nhưng vụ án về sự việc mà người ta gọi là những chuyện "bôi" ở Milăng chính là vụ án nổi tiếng nhất, và có lẽ cũng là vụ án dễ nghiên cứu nhất, vì nó để lại cho chúng ta những tài liệu chi tiết và xác thực hơn cả. Và mặc dầu một nhà văn[1] mà chúng tôi vừa mới ca ngợi trên kia đã nghiên cứu vụ án này, nhưng vì ông tự đặt cho mình mục đích từ đó rút ra những bằng chứng cho một vấn đề quan trọng hơn, hoặc chắc hẳn có tầm quan trọng trực tiếp hơn, chứ chủ yếu không phải là viết lịch sử thật sự của vụ án ấy, cho nên chúng tôi thấy câu chuyện này có thể làm đề tài cho một công trình mới. Nhưng người ta không thể khảo sát một câu chuyện trong vài câu, và đây không phải là chỗ thuật lại câu chuyện ấy thật tường tận như nó đáng được thuật lại. Hơn nữa, nếu như bạn đọc dừng lại với những biến cố ấy thì rồi chắc chắn sẽ chẳng còn quan tâm muốn biết kết cục cuốn chuyện của chúng tôi nữa. Cho nên, để dành câu chuyện và sự khảo sát các nhân vật của vụ án này cho một tác phẩm khác, chúng tôi rốt cuộc lại quay về với những nhân vật của chúng tôi, để từ đây cho đến phần chót cuốn truyện sẽ không rời họ nữa.

---

[1] P. Verri, trong tác phẩm đã dẫn ra ở chương này.

Chương ba mươi ba

Một đêm vào cuối tháng tám, giữa thời kì bệnh dịch hạch phát triển tới mức cao nhất, Đôn Rôđirgô về nhà ở Milăng, cùng đi với hắn có tên thủ hạ tâm phúc Gridô, một trong số ba hoặc bốn tên sống sót trong đoàn tùy tùng. Hắn trở về sau cuộc họp bàn với những người vẫn thường cùng hắn miệt mài trong cuộc truy hoan để xua đuổi nỗi buồn thời đại: mỗi lần lại có thêm người mới và bớt đi những người cũ. Ngày hôm ấy, Đôn Rôđrigô là một trong những người vui nhất; với nhiều trò khác, hắn đã làm cho cả hội phải cười nôn ruột vì một bài điếu văn đặc sắc khóc bá tước Attiliô vừa bị bệnh dịch hạch cướp đi hai ngày trước.

Nhưng trên đường về hắn cảm thấy khó chịu, mệt rã rời, chân lẩy bẩy, hơi thở nặng nề, và trong người nóng rực, hắn muốn đổ tại rượu, tại thức đêm, tại thời tiết. Suốt dọc đường hắn không mở miệng. Vừa tới nhà, câu đầu tiên của hắn là ra lệnh cho Gridô thắp đèn để đưa hắn vào buồng. Ở trong buồng Gridô quan sát bộ mặt ông chủ đã biến sắc, đỏ bừng như lửa, hai con mắt lồi lên và lóng lánh một cách kì lạ; và y đứng cách xa ra: bởi vì trong trường hợp này, bất cứ tên vô lại nào cũng học được cách nhìn của người thầy thuốc.

- Ta vẫn khỏe, - Đôn Rôđrigô nói, qua thái độ của Gridô, hắn thấy được cái ý nghĩ lóe lên trong đầu hắn. - Ta rất khỏe; nhưng ta đã uống rượu, có lẽ uống hơi nhiều quá. Cái rượu vang trắng và ngọt nó thế đây!... Nhưng ngủ một giấc thật say là xong hết. Ta đang buồn ngủ díp mắt lại đấy... Cất cho ta cái đèn kia đi, nó chói mắt ta... nó làm ta khó chịu quá.

- Cái thứ rượu ngọt nó lại càng thấm mạnh, - Gridô nói, - vẫn luôn luôn đứng cách xa ra. - Nhưng ngài lên giường ngay đi, giấc ngủ sẽ giúp ngài khỏe lại.

- Ngươi nói đúng: nếu như ta ngủ được... Vả chăng, ta cảm thấy trong người rất khỏe. Tuy vậy ngươi cũng cứ để cái chuông nhỏ lại đây gần ta: nhỡ ra đêm nay ta có việc gì cần gọi.. và để ý đấy, nhớ chưa, phòng khi ngươi nghe thấy tiếng chuông réo! Nhưng ta cũng chẳng cần gì đâu... Mang ngay cho ta cái đèn khốn khiếp kia đi, - hắn lại nói, và Gridô thi hành mệnh lệnh, vẫn cố hết sức tránh lại gần hắn. - Mẹ kiếp! Không biết tại sao cái đèn làm ta khó chịu thế!

Gridô cầm lấy cây đèn, và sau khi đã chúc ông chủ ngủ ngon, hắn vội vã đi ra, còn Đôn Rôđrigô chui vào chăn.

Nhưng cái chăn đối với hắn có vẻ nặng như một trái núi. Hắn tung chăn ra, và nằm co quắp để cố ngủ, bởi vì quả thật hắn buồn ngủ đến chết được. Nhưng hắn vừa chợp mắt thì đã giật mình tỉnh dậy, như có ai trêu trọc lay đột ngột: hắn cảm thấy trong người càng nóng hơn, và càng bực dọc hơn. Hắn nghĩ đến tháng tám, đến rượu vang trắng, đến cuộc truy hoan: hắn rất muốn có thể đổ tội cho những thứ đó; nhưng thay cho những ý nghĩ ấy bây giờ cũng có một ý nghĩ trong lúc này luôn luôn gắn liền với tất cả mọi ý nghĩ khác, có thể nói nó thấm vào tất cả mọi giác quan, nó len lỏi vào trong tất cả mọi câu chuyện của buổi tối chè chén say sưa ấy, bởi vì nó ra mà giễu

cợt còn dễ hơn là lờ đi không đả động đến nó: đó là bệnh dịch hạch.

Trằn trọc một hồi lâu rồi cuối cùng hắn cũng ngủ thiếp đi, và bắt đầu những cơn mộng mị khủng khiếp nhất và kì quặc nhất trên đời. Và từ giấc mơ này đến giấc mơ khác, hắn bỗng thấy mình ở trong một nhà thờ, ở trong cùng, tít trong cùng giữa đám đông người; và hắn ở đó mà không biết mình đã tới bằng cách nào và làm thế nào lại nảy ra ý nghĩ tới đó, nhất là trong hoàn cảnh này; và tất cả những điều ấy khiến hắn nổi giận. Hắn nhìn những người xung quanh; chỉ thấy những bộ mặt vàng vọt, hốc hác, với những con mắt đờ đẫn, những cặp môi trễ xuống, tất cả bọn họ mặc những chiếc áo quần kì dị rách tả tơi, qua chỗ rách để lộ những vết bầm và những cái hạch. "Tránh ra, quân khốn kiếp!" hắn thét lên nhìn ra cái cửa ở xa, rất xa, vẻ mặt hầm hầm đe dọa, nhưng vẫn không nhúc nhích, và thậm chí còn co rúm người lại để khỏi đụng vào những thân hình ghê tởm kia đã xúm xít quanh hắn. Nhưng không một kẻ nào trong lũ người cuồng dại ấy tỏ ra là muốn tránh ra, và thậm chí họ dường như không nghe thấy tiếng thét của hắn; ngược lại họ còn đứng sát vào hơn nữa. Đặc biệt hắn thấy như có một người trong bọn họ lấy cùi tay, hoặc cái gì khác, thúc vào phía bên trái giữa tim và nách, là hắn cảm thấy ở nơi đó một cơn đau nhói đè nặng lên người. Và nếu hắn vặn mình để cố tránh cơn đau ấy, thì lập tức một cái gì khác đè lên đúng chỗ đó. Hắn đưa tay lên, nhưng không thấy thanh kiếm của mình đâu, ngược lại còn cảm thấy đau nhức hơn nữa. Run rẩy, hổn hển, hắn muốn thét to hơn, thì vừa lúc đó hắn trông thấy tất cả các bộ mặt ấy cùng quay về một phía. Hắn cũng nhìn theo, và trông thấy một giảng đàn; bên trên bao lơn của giảng đàn, hắn thấy nhô lên một vật lồi,

nhẵn và lấp lánh rồi một cái đầu trọc nổi lên và hiện ra rõ ràng hơn, rồi hai con mắt, một khuôn mặt, một thầy tu đứng cao bao lơn tới thắt lưng: cha Crixtôfôrô. Sau khi đã đưa đôi mắt nảy lửa nhìn khắp cử tọa, ông ta dường như nhìn chằm chằm vào mặt Đôn Rôđrigô; và đồng thời ông giơ tay lên hệt như trong tư thế của ông ta ở Đôn Rôđrigô cũng vội vàng giơ tay, dường như để cố lao lên và nắm lấy cánh tay dang dang ra trên không; một tiếng kêu ùng ục trong cổ họng hắn cuối cùng bật ra thành tiếng thét to, và hắn tỉnh giấc.

Hắn buông thõng cánh tay đã giơ lên thật, hắn phải cố sức một chút mới thật hồi tỉnh và mở mắt bình thường, bởi vì ánh sáng ban ngày đã trưa cũng làm hắn mệt chẳng kém gì ngọn đèn đêm trước. Hắn nhận ra cái giường của mình, căn phòng của mình; hắn hiểu rằng tất cả những chuyện ấy chỉ là một giấc mộng: nhà thờ, dân chúng, thầy tu, tất cả đã biến hết. Tất cả trừ một thứ, là chỗ đau ở sườn bên trái. Đồng thời hắn cảm thấy tim đập dữ dội, khó nhọc, trong tai có tiếng vo vo, tiếng rít liên hồi, người nóng nực, tất cả chân tay nặng nề hơn so với lúc hắn nằm ngủ. Hắn ngập ngừng một lúc trong khi nhìn vào chỗ đau của mình; cuối cùng hắn đã tìm ra nó, liếc nhìn sợ sệt, và trông thấy một cái hạch ghê tởm tím ngắt.

Con người ấy biết mình sẽ chết: nỗi khủng khiếp của cái chết giày vò hắn, và có lẽ nỗi khiếp sợ phải làm mồi cho bọn *phu dọn* dẹp, để chúng khiêng đi, vứt vào trại phòng dịch còn ghê gớm hơn nữa. Và trong khi hắn cố tìm cách trách cái số phận ghê gớm ấy, những ý nghĩ cứ quay cuồng mù mịt trong đầu, hắn cảm thấy cái giờ phút mất trí đang tới gần, cái giờ phút mình chỉ còn vừa đủ một chút tri giác để mà tuyệt vọng. Hắn vồ lấy cái chuông và lắc mạnh. Gridô, trong tư thế sẵn sàng, xuất hiện ngay tức khắc. Hắn dừng cách xa giường một

quãng, chăm chú nhìn ông chủ và tin chắc, ở cái điều y đã nghi ngờ tối hôm trước.

- Gridô! - Đôn Rôđrigô nói, cố nhỏm dậy và ngồi lên. - Ngươi bao giờ cũng vẫn là tôi tớ trung thành của ta.

- Thưa ngài, vâng ạ.

- Ta vẫn luôn luôn đối xử tốt với ngươi.

- Dạ, nhờ lòng tốt của ngài.

- Ta có thể tin cậy ở ngươi...!

- Chứ còn sao nữa ạ!

- Ta thấy khó ở trong mình, Gridô ạ.

- Con cũng nhận thấy thế.

- Nếu ta khỏi, ta còn có thể làm ơn cho ngươi được nhiều hơn trước.

Gridô không đáp, còn chờ xem ông ta muốn giở trò gì với cái màn giáo đầu ấy.

- Ta không muốn tin cậy ở ai ngoài ngươi ra, - Đôn Rôđrigô nói tiếp, - ngươi giúp ta một việc Gridô nhé.

- Xin tuân lệnh ngài, - tên này nói, đáp lại yêu cầu không bình thường ấy bằng câu nói khuôn sáo bình thường.

- Ngươi biết thầy thuốc phẫu thuật Siôđô ở đâu chứ?

- Dạ, biết rất rõ.

- Đó là một người tử tế, và nếu ta trả công kha khá thì ông sẽ không khai báo con bệnh của mình. Ngươi đi gọi ông ấy đến, nói với ông ấy rằng ta sẽ trả ông bốn, sáu ê-quy mỗi lần thăm bệnh, và thậm chí hơn nữa, nếu ông đòi hơn, nhưng ông phải đến ngay. Và ngươi làm mọi việc cẩn thận đấy, đừng để ai biết.

- Ngài nghĩ phải lắm ạ, - Gridô nói, - con đi đây và sẽ trở về ngay.

- Nghe đây đã, Gridô: trước hết hãy cho ta một ngụm nước. Ta cảm thấy như cháy cả cổ họng không sao chịu nổi.

- Không, thưa ngài, - Gridô đáp, - chưa có ý kiến của thầy thuốc, thì chưa làm gì được. Ngài cứ yên tâm: trong nháy mắt con đã đến nhà ông Siôđô ngay thôi.

Nói xong, gã đi ra và đóng cửa lại.

Đôn Rôđrigô lại rúc vào trong chăn, tưởng tượng đi theo gã đến nhà thầy thuốc phẫu thuật, đếm bước chân gã, hắn tính toán thời gian cần thiết để đi về. Thỉnh thoảng hắn lại liếc nhìn cái hạch; nhưng kinh tởm vội quay đầu đi. Một lúc sau hắn bắt đầu lo lắng nghe xem thầy thuốc phẫu thuật đã tới chưa; và sự cố gắng để chú ý theo dõi khiến hắn tạm quên cảm giác đau đớn và giữ cho những suy nghĩ của mình được phần nào rành rọt.

Bỗng nhiên hắn nghe thấy một tiếng chuông xa xa nhưng hình như từ một căn phòng trong nhà vẳng tới, chứ không phải từ ngoài phố. Hắn chăm chú nghe: tiếng chuông to dần, gấp gáp hơn, và đồng thời hắn nghe thấy có tiếng bước chân: một mối nghi ngờ khủng khiếp thoáng qua trong óc hắn. Hắn ngồi lên giường, chăm chú lắng tai hơn nữa, và nghe thấy một tiếng gì không rõ trong buồng bên cạnh, dường như người ta cẩn thận đặt một vật nặng xuống đất. Hắn đưa chân ra khỏi giường, như để đứng lên, nhìn ra cánh cửa, thấy cảnh cửa mở, rồi hai cái áo đỏ cũ bẩn xuất hiện và tiến lên, hai bộ mặt quỷ sứ, tóm lại là hai tên *phu dọn dẹp* và hắn thấy đằng sau một cánh cửa hé mở lấp ló cái mặt tên Grïdô đang đứng rình hắn.

- Chà, tên phản bội đê tiện!... Cút ngay, đồ súc sinh Biôndinô! Caclôttô! Đến cứu ta! Họ giết ta! - Đôn Rôđrigô hét lên; hắn luồn một tay xuống dưới gối để tìm khẩu súng lục; hắn nắm lấy nó và lôi ra: nhưng vừa nghe tiếng hét đầu tiên

của hắn, những tên *phu dọn dẹp* đã lao tới bên giường. Tên nhanh nhất đã xông vào làm hắn không kịp trở tay; chúng giật lấy khẩu súng lục vứt ra xa, ẩy Đôn Rôđrigô ngã xuống giường, và vừa giữ chịt hắn lại và nhăn mặt hét với một giọng giận dữ và giễu cợt:

- Hừ, quân khốn kiếp! Dám chống lại các ông *phu dọn dẹp*! Dám chống lại các viên chức của tòa án! Dám chống lại những người làm công việc từ thiện.

- Giữ chặt lấy nó, cho đến khi ta xách cổ nó đi, - tên kia nói, tiến đến bên một cái tủ. Vừa lúc đó Gridô bước vào cùng với tên này phá khóa.

- Tên hung đồ! - Đôn Rôđrigô gào lên, nhìn Gridô qua tên phu dọn dẹp đang giữ hắn, và giãy giụa trong những cánh tay lực lượng. - Hãy để tao giết chết thằng đốn mạt kia, - tiếp đó hắn nói với bọn *phu dọn dẹp*, - rồi chúng mày muốn làm gì tao thì làm.

Rồi hắn lại lấy hết hơi sức gào lên gọi những tên đầy tớ khác, nhưng vô ích vì tên Gridô đê tiện đã tống họ đi xa, theo một mệnh lệnh mạo nhận là của ông chủ, trước khi nó đi mời bọn *phu dọn dẹp* đến để tiến hành vụ cướp phá này để cùng chia phần với chúng.

- Thôi nào, có im đi không, - tên đao phủ đang giữ chặt Rôđrigô xuống giường và nói với con người khốn khổ ấy. Rồi quay mặt về phía hai tên kia đang thu nhặt chiến lợi phẩm, hắn kêu lên.

- Này, liệu mà làm ăn cho thật thà đấy!

- Mày đấy à, Mày! - Đôn Rôđrigô gầm lên với Gridô, hắn thấy gã đang mải mê phá khóa, lấy tiền của, đồ đạc, rồi chia phần. - Mày! Đợi đấy...! Chà, thằng quỷ sứ! Tao còn có thể khỏi bệnh được cho mà xem! Tao khỏi được cho mà xem!

Gridô không nói gì, và thậm chí cố hết sức để không quay mình về phía đang thốt ra những lời nói ấy.

- Giữ chặt lấy nó, - tên *phu dọn dẹp* kia nói. - Nó không còn biết gì nữa rồi.

Giờ thì quả đúng là như vậy. Sau khi đã thét to lên một tiếng, sau một cố gắng mãnh liệt cuối cùng để vùng lên, hắn đột nhiên ngã xuống, kiệt sức và đờ đẫn; tuy vậy hắn vẫn còn nhìn, như ngây như dại, và thỉnh thoảng lại giãy giụa hoặc rên rỉ.

Bọn *phu dọn dẹp* túm lấy hắn, đứa nắm chân, đứa nắm vai, lôi hắn đặt lên cái cáng chúng đã để lại ở buồng bên cạnh; rồi một tên quay trở lại lấy chiến lợi phẩm; cuối cùng, nhấc cái gánh nặng khốn nạn của mình lên, chúng khiêng hắn đi.

Gridô ngồi lại để lựa nhanh những gì có thể còn có lợi cho hắn hơn cả, gói tất cả vào một bọc, và ra đi. Tất nhiên hắn đã cẩn thận không bao giờ đụng vào người bọn *phu dọn dẹp* và không để chúng đụng vào người mình. Nhưng khi vội vàng lục lọi lần cuối, hắn đã quơ cả áo quần của chủ hắn ở gần giường, và đã rũ nó ra mà không để ý, để xem trong đó có tiền không. Tuy vậy hắn cũng có dịp nghĩ tới điều đó ngày hôm sau, khi ngồi trong một quán rượu giữa lúc đang chè chén say sưa, hắn bỗng rùng mình, hoa mắt, cảm thấy kiệt sức, và ngã lăn ra. Bị bè bạn bỏ rơi, hắn sa vào tay bọn *phu dọn dẹp*, bọn này lột tất cả những gì hắn có và quẳng hắn lên một chiếc xe bò; trên xe hắn thở hơi cuối cùng, ngay từ trước khi đến trại phòng dịch nơi ông chủ hắn đã được khiêng tới.

Bây giờ chúng tôi bỏ mặc con người này lại trong những ngày đau khổ của hắn ta ở trại phòng dịch, vì chúng tôi phải đi tìm một nhân vật khác mà câu chuyện có lẽ chẳng bao giờ dính dáng với câu chuyện của hắn, nếu như Đôn Rôđrigô hoàn

toàn không muốn thế; và thậm chí ta có thể nói chắc chắn là cả hai bên đều sẽ không có chuyện gì: tôi muốn nói đến Randô mà chúng ta đã để lại trong xưởng kéo sợi mới của anh, dưới cái tên Antôniô Rivonta.

Anh đã ở đây chừng năm sáu tháng; sau đó, khi những quan hệ hữu hảo giữa nước Cộng hòa Vơnidơ và nhà vua Tây Ban Nha bị cắt đứt, thì anh chẳng còn sợ gì những sự truy nã và quấy rầy từ phía biên giới Milăng đến với anh nữa. Cho nên Booctôlô vội vàng đi tìm anh để đưa anh về với mình, vì bác rất quý anh, một chàng trai thông minh và thợ giỏi như Rendô ở trong xưởng rất được việc cho người quản lí mà vẫn không thể nghĩ đến chuyện tranh giành chức vị với ông, vì khốn thay anh không có may mắn biết cầm bút. Lí do ấy đã ít nhiều góp phần vào việc quyết định của người anh họ, chúng tôi thấy cần phải nêu lên điều đó. Có lẽ các bạn muốn có một bác Booctôlô lí tưởng hơn chẳng? Tôi biết nói thế nào với các bạn đây: các bạn cứ tự mình tạo ra cái bác Booctôlô lí tưởng ấy. Còn bác Booctôlô này, bác ta vốn là như vậy.

Sau đó Rendô đã ở lại làm việc với bác. Nhiều lần, nhất là sau khi nhận được một trong những bức thư hay ho ấy của bà Anhedơ, anh đã có ý định đi lính và thôi hết mọi điều; mà cơ hội thì chẳng thiếu gì; đúng lúc này nước Cộng hòa đang cần mộ quân. Ý định ấy có khi càng cám dỗ Rendô mạnh mẽ vì người ta đã nói cả đến việc xâm chiếm lãnh địa Milăng; và tất nhiên anh thấy cũng khá kì lạ khi trở về nhà với tư cách một kẻ chiến thắng, gặp lại Luxia và tha hồ phân trần với cô. Nhưng Booctôlô luôn luôn biết dùng cách khéo léo để can ngăn anh bỏ ý định ấy.

- Nếu họ cần đi tới đó, - bác nói với anh, - không có chú, họ cũng đi tới được, và chú có thể đến sau, tùy ý chú; nếu họ bị

đánh vỡ mặt trở về, thì chú cứ ở nhà có phải hơn không? Không thiếu gì những kẻ cùng đường, sẵn sàng đi, không thiếu gì những kẻ như thế. Nhưng trước khi họ có thể đặt chân tới đó...! Về phần tôi, trong việc này tôi không tin: những anh chàng ấy cứ việc sủa đi, nhưng rồi ra sao? Quốc gia Milăng không phải là một miếng gì để người ta có thể nuốt dễ thế. Đây là nước Tây Ban Nha, chú em ạ: chú biết thế nào là nước Tây Ban Nha chứ? Xanh Mác mạnh ở ngay tại nhà mình, nhưng thế chưa phải đã xong. Chú cứ kiên tâm: chú ở đây không hợp hay sao?... Tôi biết chú muốn nói gì rồi; nhưng nếu ý trời đã định là việc của chú thành, thì chú cứ tin rằng nếu ta không làm những chuyện rồ dại, nó sẽ còn thành công hơn nữa. Một vị thánh nào đó sẽ phù hộ chú. Chú nghĩ tới, cái việc ấy không phải là nghề của chú đâu. Chú tưởng bỏ việc kéo sợi đi giết người là hay lắm sao? Cái nghề này phải có những kẻ sinh ra cốt để làm việc ấy.

Nhiều lần khác Rendô đã định cải trang và mang tên giả lén lút trở về nhà. Nhưng mỗi lần như vậy Booctôlô cũng lại biết căn ngăn anh bỏ ý định này, với những lí lẽ mà ta cũng dễ đoán.

Rồi bệnh dịch hạch nổ ra ở miền Milăng, và như chúng tôi đã nói, ngay gần biên giới Becgam, nó nhanh chóng tràn qua biên giới, và... các bạn đừng sợ, tôi không kể với các bạn câu chuyện bệnh dịch hạch này đâu: với những ai muốn biết câu chuyện ấy, tôi xin nói là nó có tồn tại, được viết ra theo lệnh chính phủ bởi một ông Lôrendô Ghiracđenli nào đó: một cuốn sách tuy vậy cũng hiếm và rất ít người biết đến, mặc dầu nó chứa đựng có lẽ nhiều điều hơn tất cả những trang miêu tả nổi tiếng nhất về bệnh dịch hạch; nhưng sự nổi tiếng của những cuốn sách phụ thuộc vào biết bao điều kiện! Cái điều tôi muốn

nói, là cả Rendô cũng mắc bệnh dịch hạch, và anh tự chữa khỏi, nghĩa là anh chẳng sao cả; anh đã kề bên cái chết, anh thể trạng khỏe mạnh của anh đã thắng sức mạnh của bệnh tật: qua vài ngày là anh đã ở ngoài vòng nguy hiểm. Cùng với cuộc sống anh cảm thấy sống lại trong anh mạnh mẽ hơn bao giờ hết những kỉ niệm, những ham muốn, những hi vọng, những dự định tương lai: nghĩa là anh lại nghĩ đến Luxia hơn bao giờ hết. Bây giờ nàng ra sao, trong cái thời buổi mà sự sống gần như là một ngoại lệ đối với con người? Ở gần nàng đến thế mà sao không biết tin gì về nàng cả? Và có trời biết còn phải sống bao lâu nữa trong tâm trạng thấp thỏm này? Và ngay cả khi tin tức đã rõ ràng, mọi nguy hiểm đã qua, và anh biết được Luxia còn sống, thì vẫn còn cái điều bí ẩn kia, cái bí ẩn về lời thề nguyện. "Chính ta sẽ đi, phải, ta sẽ đi để biết rõ tất cả những chuyện ấy cùng một lúc, - anh nghĩ bụng, ngay từ khi sức khỏe chưa hồi phục hẳn. - Miễn là nàng còn sống! Còn như tìm nàng thì ta đây, ta sẽ tìm được, chính nàng sẽ cho ta biết dù chỉ một lần câu chuyện thề nguyền ấy là thế nào, ta sẽ nói cho nàng thấy là điều đó không thể được, ta sẽ đem nàng đi với ta, nàng và cả mẹ Anhedơ đáng thương (nếu mẹ còn sống) mẹ bao giờ cũng muốn cho ta gặp điều tốt lành, và chắc chắn bây giờ mẹ vẫn còn nghĩ thế. Còn cái lệnh bắt? Chà, bây giờ thì những ai sống sót cũng còn phải nghĩ đến việc khác. Thậm chí người ta những kẻ chắc hẳn đang mang án trên đầu vẫn đi đi lại lại hoàn toàn bình yên vô sự ngay cả ở đây... Chẳng lẽ chỉ những tên cướp mới được cấp giấy thông hành đặc biệt thôi hay sao? Và tất cả mọi người đều nói là ở Milăng còn hỗn loạn hơn nữa. Nếu ta bỏ lỡ một dịp tốt đến thế (bệnh dịch hạch đấy!) Các bạn thử xem cái bản năng kì quặc muốn vơ về tất cả và làm cho tất cả phụ thuộc vào mình có khi

khiến ta ăn nói như thế nào!) thì ta sẽ không thể tìm thấy một dịp nào như vậy nữa!"

Cần phải hi vọng nhiều, anh bạn Rendô thân mến ạ!

Ngay khi đã có thể lê bước, anh đi tìm Booctôlô, cho đến lúc này bác vẫn tránh được bệnh dịch hạch và luôn luôn giữ mình cẩn thận. Rendô không vào nhà, mà đứng ngoài phố gọi và mời bác ra cửa sổ.

- A! - Booctôlô nói với anh. - Chú thoát nạn rồi hả? May cho chú lắm!

- Em còn đi chưa vững, như anh thấy đấy, nhưng bây giờ thì em thoát nạn rồi.

- Chà! Tôi muốn được như chú. Xưa kia, khi người ta nói: "Tôi khỏe", dường như nói thế là đủ hết rồi; nhưng bây giờ cái đó chưa nghĩa lí gì. Phải làm sao để có thể nói được: "tôi đã khá hơn", phải đó mới thật là một lời nói tốt đẹp!

Sau những lời chào hỏi thân tình và chúc mừng ông anh họ. Rendô cho bác biết quyết định của mình.

- Phần chú thì chú nên đi, và cầu trời phù hộ chú! - Bác đáp. - Cố tránh cảnh sát, cũng như phần tôi, tôi cố tránh bệnh dịch hạch; và nếu như Chúa muốn cho cả hai ta cùng được bình yên vô sự, thì chúng ta sẽ lại gặp nhau.

- Ồ, nhất định em sẽ quay lại. Giá như em có thể không phải quay lại một mình! Dẫu sao em cũng hi vọng.

- Chú hãy cố gắng đừng trở lại một mình, bởi vì, nhờ trời, sẽ có đủ công ăn việc làm cho tất cả mọi người, và chúng ta sẽ cùng vui sống với nhau. Chỉ cần chú lại tìm gặp tôi, và cái bệnh dịch hạch quái ác này chấm dứt!

- Anh em mình sẽ lại gặp nhau! Nhất định anh em mình sẽ lại gặp nhau!

- Tôi cũng nhắc lại lần nữa với chú: cầu trời phù hộ cho chú!

Trong mấy ngày, Rendô rèn luyện thân thể, để thử sức mình, và cũng để lấy sức; và khi vừa cảm thấy có thể lên đường là anh chuẩn bị đi ngay. Anh đeo dưới lần áo cái thắt lưng đựng năm mươi ê-quy mà anh không bao giờ đụng đến, và những không bao giờ nói với ai ngay cả với Booctôlô, anh cũng đem theo một ít tiền nữa mà anh đã tiêu pha dè sẻn để dành ngày này qua ngày khác; anh cắp dưới nách gói áo quần, bỏ vào túi giấy chứng nhận làm việc tốt mà anh đã phòng xa xin ông chủ thứ hai cấp cho, dưới cái tên Antôniô Rivonta; anh đút trong túi quần một con dao to, vì đó là thứ vũ khí tối thiểu mà một người lương thiện có thể được mang trong thời buổi này; và anh lên đường vào cuối tháng tám, ba ngày sau khi Đôn Rôđrigô được khiêng vào trại phòng dịch. Anh đi theo đường Lecco, vì không muốn đi hú họa đến Milăng mà trước hết muốn về làng, tại đây anh hi vọng gặp bà Anhedơ còn sống, và hỏi bà ít nhất vài điều trong bao nhiêu điều anh nóng lòng muốn biết.

Một số ít người chữa khỏi bệnh dịch hạch đã thật sự tạo thành giữa đám dân cư còn lại một tầng lớp có đặc quyền đặc lợi. Phần lớn những người khác đều ốm yếu hoặc đã chết; còn những người cho đến nay chưa lây bệnh thì sống trong nỗi sợ thường xuyên, đi đứng dè dặt, thận trọng, bước đi đều đều, vẻ mặt nghi ngại, vừa vội vã lại vừa ngập ngừng: bởi vì tất cả đều có thể là vũ khí chết người chĩa vào họ. Những kẻ đã khỏi bệnh, trái lại, gần như hoàn toàn yên trí về trường hợp của mình (bởi vì mắc bệnh dịch hạch hai lần là chuyện hiếm, hoặc đúng hơn, là chuyện phi thường), họ dạo chơi giữa bầu không khí nhiễm bệnh với vẻ mạnh bạo và quả quyết; họ cũng như những hiệp sĩ thời trung cổ, bọc sắt khắp người ở bất cứ chỗ nào có thể bọc được và cưỡi trên những con chiến mã cũng

được trang bị binh giáp như thế tới mức tối đa, rồi đi lang thang khắp nơi (từ đó sinh ra cái danh hiệu nổi tiếng là hiệp sĩ lãng du), phiêu lưu giữa một đám người đi bộ thảm hại ở thành thị và nông thôn chỉ có trên mình những áo quần rách rưới để đỡ đòn. Chà, cái nghề khôn ngoan và có lợi. Cái nghề thật sự xứng đáng chiếm vị trí hàng đầu trong một luận văn về kinh tế chính trị học!

Rendô trở về nhà chính là với sự vững tâm như thế, tuy vậy cũng bị giảm bớt do những nỗi lo lắng mà bạn đọc đã biết, và đau buồn trước cảnh tượng thường gặp, day dứt suy nghĩ về tai họa chung. Anh đi dưới một bầu trời tươi đẹp nhưng chỉ gặp, sau những quãng đường dài vắng ngắt và buồn thảm, những cái bóng hiếm hoi đi lang thang đúng hơn là những người sống hoặc những xác chết mà người ta trở đến huyệt, những đám ma không tang lễ, không kèn trống, và không cả người đưa.

Vào quãng giữa trưa, anh nghỉ chân ở một khu rừng nhỏ để ăn uống với những thức ăn mang theo. Hoa quả thì suốt dọc đường luôn luôn sẵn, và thậm chí có quá nhiều so với sự cần thiết: vả, đào, mận, táo, tha hồ muốn ăn bao nhiêu thì ăn; anh chỉ việc bước vào một cánh đồng để hái, hoặc để nhặt dưới gốc cây nhiều đến nỗi tưởng như sau một trận mưa đá. Bởi vì năm nay đặc biệt được mùa, nhất là về hoa quả, và hầu như chẳng có ai trông nom: thậm chí những chùm nho có thể nói là che lấp lá, và mặc cho bất kì ai đến lấy cũng được.

Về chiều anh nhìn thấy làng quê. Trước cảnh ấy, mặc dầu đã được chuẩn bị trước, anh cảm thấy đau nhói trong lòng; đồng thời tâm hồn anh tràn ngập biết bao kỉ niệm và linh cảm đau buồn: anh cảm thấy như còn văng vẳng bên tai những hồi chuông báo động ghê rợn đã tống tiễn anh, đuổi theo anh, khi

anh chạy trốn khỏi nơi này: và đồng thời anh cũng nghe thấy, nếu có thể nói như vậy, sự im lặng của cái chết đang ngự trị tại đây. Anh càng xúc động hơn nữa khi đi tới quảng trường nhỏ trước nhà thờ; và anh chờ đợi sẽ gặp cái điều tệ hại hơn ở cuối đoạn đường đi: bởi vì nơi anh dự định dừng chân, đó là ngôi nhà xưa kia anh vẫn quen gọi là nhà Luxia. Bây giờ, nó chỉ có thể cùng lắm là nhà bà Anhedơ; và cái ân huệ duy nhất anh hi vọng được trời ban là thấy bà ở đó, còn sống và khỏe mạnh. Và anh dự định sẽ xin trú chân ở ngôi nhà này vì anh lo ngại rằng nhà anh chắc hẳn đã thành cái ổ của chuột và chồn.

Không muốn để mọi người thấy mình, anh đi theo con đường mòn bên ngoài làng, chính con đường anh đã cùng bà còn ra đi đêm ấy để bắt chộp ông linh mục. Vào quãng giữa đường sẽ đến chỗ một bên là ruộng nho và bên kia là căn nhà nhỏ của Rendô; thành ra khi đi qua anh sẽ có thể rẽ vào thăm chốc lát cả ruộng nho và cả căn nhà, để ngó qua một chút xem tài sản mình ra sao.

Vừa đi qua vừa nhìn trước mặt, nửa mong muốn nửa e ngại bắt gặp một người nào đó; và quả thật đi được vài bước anh trông thấy một người mặc áo cánh, ngồi dưới đất, tựa lưng vào một hàng rào cây hoa nhài, với thái độ của một kẻ mất trí; qua cái vẻ ấy, rồi qua bộ mặt, dường như anh nhận ra anh chàng Giecvaxô ngớ ngẩn đáng thương, người làm chứng thứ hai trong cuộc xuất kích rủi ro đêm nào. Nhưng tới gần anh buộc phải tin chắc rằng trái lại đó chính là Tôniô, anh Tôniô tính anh linh lợi, đã dẫn cậu em cùng đi với mình. Bệnh dịch hạch, trong khi tước đi của anh ta cả sức mạnh cơ thể lẫn sức mạnh tinh thần, đã phát triển trên khuôn mặt và trong mỗi cử chỉ của anh những nét giống cậu em ngu dại vẫn được ẩn giấu lâu nay.

- Kìa Tôniô! - Rendô kêu lên, đứng lại trước mặt anh. - Anh đấy ư?

Tôniô ngước mắt, đầu không động đậy.

- Tôniô, anh không nhận ra tôi sao?

- Nó bám vào ai thì người ấy bị, - Tôniô đáp, rồi há hốc mồm.

- Anh mắc bệnh rồi hả? Anh Tôniô tội nghiệp của tôi; mà anh không nhận ra tôi nữă?

- Nó bám vào ai thì người ấy bị, - anh chàng lại nói, với một nụ cười đần độn.

Thấy rõ không thể hỏi gì được ở anh ta, Rendô đi tiếp, càng buồn rầu hơn nữa. Nhưng kìa ở góc phố hiện ra và tiến lên một bóng đen, mà anh nhận ra ngay là Đôn Apbôndiô. Ông lê bước chậm chạp, nửa như cầm gậy nửa như tì lên gậy; và ông càng đến gần, thì qua bộ mặt xanh xao ốm yếu cũng như mỗi cử chỉ của ông, người ta càng có thể thấy rõ chính ông cũng phải đã trải qua cơn sóng gió. Ông giương mắt nhìn. Có phải anh ta đấy không? Hay là không phải? Ông thấy y phục anh này có gì là lạ, mà cái lạ đó lại chính là y phục Becgam.

- Chính anh ta rồi, không còn nghi ngờ gì nữa! - Ông nghĩ bụng, và giơ hai tay lên trời với một cử chỉ ngạc nhiên và khó chịu, cái gậy trong tay phải cứ thế giơ lên không; và người ta trông thấy những cánh tay gày gò thảm hại của ông lủng lẳng trong những ống tay áo xưa kia rất khít. Rendô rảo bước đi tới gặp ông, và kính cẩn cúi chào: bởi vì, mặc dầu họ đã chia tay nhau trong những điều kiện mà ta đã biết, dẫu sao đó vẫn là ông linh mục của anh.

- Anh cũng ở đây ư? - Đôn Apbôndiô lêu lên.

- Tôi ở đây, như cha thấy đấy. Cha có biết tin gì về Luxia không?

- Tôi làm sao biết được? Không ai biết gì về cô ta cả. Cô

ấy ở Milăng, nếu tuy vậy cô còn sống trên cõi đời này. Nhưng anh...

- Còn bà Anhedơ, bà còn sống chứ?

- Có thể; nhưng ai mà biết được? Bà ta không ở đây. Nhưng...

- Bà ấy ở đâu ạ?

- Bà đến vùng Vanxatxina, ở nhà người họ hàng ở Paxturô, mà anh đã đã biết đấy thôi; vì người ta đồn là nơi đó bệnh dịch hạch không hoành hành ghê gớm như ở đây. Nhưng anh...

- Thế mới khổ cho tôi. Còn cha Crixtôfôrô?

- Cha đã đi lâu lắm. Nhưng...

- Điều đó thì tôi biết; người ta đã viết thư nói với tôi; tôi chỉ hỏi xem may ra cha đã trở lại đây rồi chăng.

- Ồ, chưa đâu! Không thấy ai nói gì đến chuyện ấy cả. Nhưng anh...

- Điều này cũng thật buồn cho tôi quá.

- Nhưng anh, tôi hỏi anh, lạy Chúa, anh đến đây làm gì? Anh không biết chuyện rắc rối về cái lệnh truy nã ấy hay sao...

- Cái đó với tôi có gì quan trọng? Họ còn khối việc phải lo. Tôi cũng muốn đến đây, ít ra một lần, xem công việc của tôi ra sao. Như thế quả thật người ta không biết...?

- Anh còn muốn thấy gì nữa? Ở đây bây giờ không còn ai hết, không còn gì hết. Và với cái lệnh truy nã ấy, tôi nhắc lại, mà còn đến đây, ngay giữa làng này, dấn thân vào miệng hùm, như vậy có khôn ngoan không? Anh hãy nghe lời khuyên của một ông già buộc phải hiểu biết lẽ phải hơn anh, và chỉ lo lắng cho anh mà nói; anh hãy cột chắc dây giầy vào, và khi còn chưa ai nhìn thấy, anh hãy quay lại cái nơi từ đó anh đến; và đừng đợi đến khi người ta thấy anh để rồi phải vắt chân lên cổ mà chạy. Anh tưởng tượng không khí ở đây dễ thở lắm sao?

Chẳng lẽ anh không biết họ đã tới đây tìm anh, họ đã lục soát khắp mọi xó xỉnh, và đã bới lộn lên hết....

- Tôi thừa biết điều đó, chà, quân khốn kiếp!

- Nhưng thế thì...

- Thì tôi đã nói với cha là cái đó tôi bất cần! Thế còn người kia, hắn ta còn sống không, hắn có ở đây không?

- Tôi đã nói với anh là không còn ai hết; tôi đã nói anh đừng nghĩ đến điều gì ở đây hết; tôi đã nói với anh là...

- Tôi hỏi cha, cái người ấy, hắn có ở đây không?

- Ôi, lạy Chúa! Anh ăn nói đúng mực một chút. Lẽ nào sau tất cả những chuyện rắc rối ấy, ngọn lửa trong người anh vẫn còn bừng bừng như thế hay sao?

- Hắn có ở đây, hay không có ở đây?

- Thôi được, ông ta không ở đây. Nhưng đó là do bệch dịch hạch, con ạ, bệnh dịch hạch đấy! Còn ai có thể nghĩ đến chuyện đi rong chơi trong lúc này?

- Ví thử trên đời này không có gì khác ngoài bệnh dịch hạch... Còn tôi thì thế này: tôi đã mắc nó và tôi không sợ gì nữa.

- Thế thì sao! Thế thì sao! Chẳng lẽ đó không phải là một sự cảnh cáo ư? Khi người ta đã thoát khỏi một tai họa như thế, tôi nghĩ rằng người ta phải tạ ơn Chúa và...

- Tôi vẫn hết lòng tạ ơn Chúa.

- Và đừng đi tìm những tại họa khác nữa, tôi nói vậy đó Anh hãy nghe tôi...

- Thưa ngài linh mục, nếu tôi không nhầm thì cả ông cũng đã mặc bệnh ấy rồi.

- Tôi đã bị đấy! Cái bệnh quỷ quyệt, ghê tởm: thật nhờ có phép màu mà tôi hãy còn đây; chỉ cần nói nó đã đẩy tôi vào tình trạng như anh trông thấy. Quả thật bây giờ tôi cần một

chút yên tĩnh để hồi sức; tóm lại, tôi đã bắt đầu khá hơn một chút... Lạy Chúa, anh đến đây làm gì? Anh về đi...

- Ông thì chỉ có mỗi cái câu *Anh về đi* ấy thôi. Nếu muốn về, thà cứ yên thân tại chỗ còn hơn. Ông chỉ biết nói: anh đến đây làm gì? Anh đến đây làm gì? Ồ, cái câu hay thật! Tôi cũng về đấy thôi, phải, tôi về nhà mình.

- Về nhà anh...

- Ông nói cho tôi biết: ở đây chết có nhiều không?

- Chà, chà! - Đôn Apbôndiô kêu lên; và bắt đầu từ Pecpêchuya, ông kể ra một dãy tên người và cả từng gia đình trọn vẹn, Rendô, than ôi, cũng đã chờ đợi một điều như thế; nhưng khi nghe biết bao tên người quen, biết bao bè bạn, họ hàng, anh đau xót cúi đầu, chốc chốc lại kêu lên: - Tội nghiệp ông ấy! Tội nghiệp bà ấy! Tội nghiệp cho họ!

- Anh thấy chưa! - Đôn Apbôndiô nói tiếp, - và chưa hết đâu. Nếu những người còn sống sót không có một chút lương tri, và không xua đuổi tất cả mọi ý nghĩ điên rồ khỏi đầu họ, thì chỉ còn cách đợi ngày tận số thôi.

- Ông yên tâm: tôi không định ở lại đây đâu.

- Chà! Nhờ trời, rốt cuộc anh cũng đã hiểu ra rồi! Và tất nhiên, anh sẽ trở về Becgam nhỉ?

- Ông không phải lo chuyện ấy.

- Sao! Anh không định làm điều gì dại dột tệ hơn cái điều anh vừa làm chứ?

- Ông không phải lo chuyện ấy, tôi đã nói mà. Đó là việc của tôi. Tôi không còn là đứa bé, tôi biết nghĩ. Tôi hi vọng dù xảy ra chuyện gì, ông cũng không nói với ai là đã gặp tôi. Ông là linh mục, tôi là con chiên của ông, ông không phản tôi chứ.

- Ta hiểu, - Đôn Apbôndiô nói, cay đắng thở dài, - ta hiểu.

Anh muốn làm hại anh, và làm hại luôn cả ta. Bấy nhiêu nỗi niềm anh phải chịu, anh thấy còn chưa đủ; bấy nhiêu nỗi niềm chính ta đây phải chịu, anh cũng thấy chưa đủ. Ta hiểu, ta hiểu. - Và cứ lầm bầm trong miệng những tiếng cuối cùng ấy, ông đi tiếp con đường của mình.

Rendô đứng đó, buồn rầu và bực mình, tự hỏi không biết mình có thể dừng chân ở đâu. Trong bảng liệt kê những người chết mà Đôn Apbôndiô đã kể với anh, có một gia đình nông dân bị bệnh dịch cướp đi hết trừ một thanh niên trạc tuổi Rendô và là bạn anh từ nhỏ. Nhà anh ta ở hơi cách xa làng một chút. Anh định đi tới đó.

Dọc đường, anh đi qua trước mặt ruộng nho của mình; và chỉ nhìn phía ngoài anh đã có thể phán đoán ngay chắc chắn nó phải ở trong tình trạng như thế nào. Trên tường không thấy nhô lên một đầu cành, một ngọn lá nào của cây anh đã để lại; tất cả những gì anh trông thấy chỉ là những thứ mọc lên khi anh vắng mặt. Anh cúi mình qua cửa giậu (cái cửa giậu thậm chí không còn cả chốt nữa), và liếc nhìn chung quanh. Ruộng nho thảm hại! Suốt hai mùa đông liền, dân làng đã đến kiếm củi "trong miếng đất của chàng trai đáng thương ấy", như họ nói. Các cây nho, cây dâu và đủ các loại cây ăn quả khác, tất cả đã bị nhổ bừa bãi hoặc chặt tận gốc. Tuy vậy người ta vẫn còn thấy những vết tích của việc canh tác trước: những cành nho non thành hàng đứt đoạn tuy nhiên cũng đánh dấu những luống bị tàn phá; đây đó những chồi và mầm cây dâu, cây vả, cây đào, cây anh đào, cây mận; nhưng chúng mọc thưa thớt và bị lấn át bởi một thế hệ mới nhiều thứ cây khác nhau và rậm rạp mọc lên không cần bàn tay của con người. Đó là một loạt hỗn độn những cây gai, cây dương xỉ, cỏ lồng vực, cỏ gấu, lúa mạch dại, cây mào gà xanh, cây bồ công

anh, cây chua me dại, cây điểu kê, và những cây khác đại khái như thế mà người nông dân ở bất cứ nơi nào cũng xếp theo cách của họ vào một loại lớn mà họ gọi là cỏ dại, hoặc một cái gì tương tự. Đó là một mớ nhằng nhịt những thân cây cố vượt nhau để vươn cao, hoặc để bò lên phía trước, tóm lại để cố giành chỗ cho mình trên tất cả mọi hướng; một đám lẫn lộn những lá, hoa, quả đủ mọi màu sắc, đủ mọi hình thù, đủ mọi kích thước: gié nhỏ, hoa chùm, cụm, bó, củ, màu trắng, đỏ, vàng, xanh. Trong đám cây cối hỗn độn ấy có những cây cao hơn và rực rỡ hơn nhưng không phải vì thế mà có giá trị hơn, ít ra là đối với phần lớn những cây ấy; cây nho Mỹ vượt lên trên tất cả mọi cây khác với những cành lòa xòa đo đỏ, với những lá to xanh sẫm lộng lẫy, đôi lá có đường viền đỏ tía với những chùm nho uốn cong, bên dưới là những quả tim tím, cao hơn là quả đỏ thẳm rồi quả xanh, và trên cùng là những bông hao nhỏ trắng nhạt; cây độc ngư thảo với những lá to nhiều tuyết nhung ở sát đất và thân cây dựng thẳng, có nhiều gié dài rải rác, gié lấm chấm những bông hoa vàng thắm li ti; những cây cúc gai mà cành, lá, và các đài hoa đều tua tủa những gai từ đó nhô ra những chùm hoa nhỏ trắng hay đỏ tía, hoặc gió cuốn bay ra những lông tơ nhẹ trắng như bạc. Chỗ này, những bụi bìm bìm bò và quấn vào những chồi mới mọc của một cây dâu, che kín những chồi ấy bằng những cái lá đung đưa, và từ ngọn cây buông xuống bông hoa hình chuông trắng và mềm mại; chỗ kia một cây bí dại với những quả đỏ tươi quấn vào những dây non của một cây nho; cây nho này, sau khi tìm không được một chỗ dựa vững chắc hơn, đến lượt nó lại bám những tua cuốn của mình vào cây bí dại; và cùng hòa trộn những tấm thân yếu ớt và những chùm lá gần giống nhau, chúng kéo nhau xuống dưới đất, như điều đó thường

xảy ra với những kẻ yếu phải trông cậy vào nhau làm chỗ dựa. Những cây gai dại tràn ngập khắp nơi: chúng bò từ cây này sang cây khác, leo lên, leo xuống, gập cành lại hoặc dang cành ra thả sức; và chúng bò ngang qua cả bậc cửa, dường như quyết ngăn không cho chính ông chủ bước vào.

Nhưng ông chủ ấy cũng chẳng thiết vào một vườn nho như thế; và có lẽ thời gian anh đứng nhìn nó còn ít hơn thời gian chúng tôi dùng để vẽ bức kí họa nhỏ bé này. Anh đi tiếp: nhà anh không còn xa nữa. Anh xuyên qua vườn rau, bước chân ngập tới đầu gối trong đám cỏ dại đã phủ kín vườn rau, cũng như ở ruộng nho. Anh bước chân lên ngưỡng cửa của một trong hai phòng tầng dưới: tiếng bước chân và sự xuất hiện của anh gây ra một cảnh náo động, một cuộc chạy trốn tứ tung của những con chuột to sù chúng vội rúc vào những đống rác phủ khắp nền nhà: đó là di tích những giường nằm của bọn lính Đức. Anh liếc nhìn các bức tường; tróc lở, bẩn thỉu, ám khói. Anh ngước nhìn lên trần: đầy mạng nhện. Không còn gì khác. Anh cũng ra khỏi nơi này, hai tay ôm đầu: anh trở lại theo con đường mòn mà anh mới vạch ra trong cỏ trước đó mấy phút. Đi được vài bước, anh rẽ trái theo một con đường nhỏ khác ra cánh đồng: và cứ thế đi giữa đồng không mông quạnh không một bóng người, anh tới gần căn nhà nhỏ nơi anh định dừng chân.

Trời sẩm tối. Người bạn của anh đang ngồi ở ngưỡng cửa trên chiếc ghế gỗ dài nhỏ, tay khoanh trước ngực, mắt ngước lên trời, như một người đờ đẫn vì đau khổ và trở thành man rợ trong cuộc sống cô đơn. Nghe có tiếng bước chân, anh ta quay mình lại xem là ai, và theo sự nhận biết của anh trong bóng tối nhập nhoạng giữa những cành lá, anh ngồi thẳng dậy và giơ hai tay lên nói to:

- Chẳng lẽ chỉ có mình tôi hay sao? Hôm qua tôi đã chẳng làm cật lực rồi đấy thôi? Xin để tôi yên một chút, đó cũng là ông làm phúc cho tôi đấy.

Rendô, không hiểu những lời ấy muốn nói gì, đáp lại bằng cách gọi tên anh ta,

- Rendô!... - Anh ta nửa như reo lên, nửa như muốn hỏi.

- Rendô đây, - Rndô nói, và họ chạy lại với nhau.

- Đúng cậu thật rồi! - Anh bạn nói, khi họ đã ở bên nhau. - Trời ơi, được gặp cậu mừng biết mấy! Ai mà ngờ được! Tớ cứ tưởng cậu là thằng phu đào huyệt Paolinô, ngày nào nó cũng đến làm khổ tớ, bắt tớ đi chôn người chết. Cậu có biết bây giờ tớ chỉ còn có một mình? Một mình? Một thân một mình, như một ẩn sĩ!

- Chao ôi, mình biết rồi, - Rendô nói. Và vừa tíu tít chào mừng và thăm hỏi nhau, họ vừa đi với nhau vào nhà. Tại đây, vẫn nói luôn miệng, anh bạn bắt tay vào chuẩn bị để đón tiếp Rendô với tất cả khả năng mà một cuộc tiếp đãi bất ngờ và trong thời buổi như thế này cho phép. Anh đặt nước lên bếp và bắt đầu nấu cháo bột ngô; nhưng sau đó anh chuyển cái muôi cho Rendô quấy cháo; và anh vừa đi vừa nói: - Tớ chỉ còn độc một mình; phải, còn độc một mình!

Anh trở lại với một xô sữa nhỏ, một miếng thịt muối, hai mẩu phó mát dê, mấy quả vả và quả đào; và sau khi đã bày tất cả ra và đổ cháo đặc lên một tấm ván, họ cùng ngồi vào bàn, cám ơn lẫn nhau, người này vì được bạn đến thăm, người kia vì được bạn đón tiếp. Sau một thời gian xa cách gần hai năm, họ bỗng cảm thấy vô cùng thân thiết với nhau, hơn cả thời kì họ gần như gặp nhau hàng ngày; bởi vì cả hai người, đến đây thảo viết đều đã trải qua những thử thách khiến người ta thấy tình bạn có thể là nguồn an ủi như thế nào cho

tâm hồn, tình bạn của ta trao cho người khác cũng như tình bạn của người khác gửi gắm cho ta.

Tất nhiên, đối với Rendô không ai có thể thay thế bà Anhedơ, hoặc an ủi anh nguôi được nỗi buồn vắng bà, không những vì anh có một tình thân từ lâu và hết sức đặc biệt đối với bà, mà còn vì trong tất cả những điều anh muốn làm sáng tỏ hơn nữa, có một điều chỉ bà mới có thể giải đáp được. Anh do dự một lúc, không biết nên tiếp tục cuộc hành trình của mình hay đi tìm bà Anhedơ trước đã, vì từ đây đi đến chỗ bà cũng rất gần; nhưng vì cân nhắc rằng bà Anhedơ chắc cũng không biết gì về sức khỏe của bà Luxia, anh lại ngả theo dự định ban đầu của mình: đi thẳng đến nơi giải thoát mối ngờ vực này, thấy được quyết định của Luxia, rồi sau đó báo lại cho bà mẹ rõ những gì anh mới biết. Nhưng ngay cả bạn anh cũng đã cho anh biết nhiều điều trước kia anh không rõ; và anh có thể sáng tỏ nhiều điểm bí mật về chuyện rủi ro của Luxia, về sự truy nã đối với bản thân anh, về tình hình vì sao Đôn Rôđrigô phải cụp đuôi chuồn thẳng và không còn ló mặt ở vùng này; tóm lại về tất cả cái mớ sự kiện chằng chịt ấy. Anh cũng biết (và điều này đối với Rendô cũng rất quan trọng) tên họ thật của Đôn Ferantơ: bởi vì mặc dầu bà Anhedơ đã dặn người viết thư nói rõ tên họ ấy, nhưng có trời biết cái tên ấy đã được viết như thế nào, rồi đến nhà thuyết minh ở Becgam, khi đọc thư cho anh, đã biến nó thành một từ mà nếu Rendô đến Milăng với cái tên ấy ở miệng để hỏi thăm nhà ông ta, thì có lẽ anh không thể tìm thấy người nào có thể đoán ra anh muốn nói đến ai. Thế nhưng đó lại là đầu mối duy nhất anh có trong tay để đi tìm Luxia. Còn đối với các nhà chức trách, anh có thể càng tin chắc đó là một mối nguy khá xa xôi để không phải lo lắng gì cho lắm: ông thị trưởng đã chết bệnh dịch hạch, và ai

biết đến khi nào mới cử được người khác thay; phần lớn lính cảnh sát cũng đã qua đời, và những người còn lại có biết bao điều phải nghĩ hơn là những chuyện cũ rích này.

Anh cũng kể lại với bạn những cuộc phiêu lưu của mình, và để đáp lại anh được nghe đủ mọi chuyện về cuộc hành quân qua vùng này của quân lính, về bệnh dịch hạch, về những tên *bôi trát*, về những điều kì lạ.

- Thật là những chuyện khủng khiếp, - anh bạn vừa nói vừa đưa Rendô vào một buồng mà những người ở đó đã chết vì bệnh dịch, - những chuyện không bao giờ có thể ngờ tới được, những chuyện làm ta mất vui đến suốt đời; nhưng tuy vậy anh em nói được với nhau thế này cũng nhẹ người đi.

Trời vừa sáng, cả hai đã ở trong nhà bếp; Rendô bận y phục đi đường, thắt lưng ẩn trong lần áo chẽ và con dao giắt tai quần. Để đi nhanh hơn, anh gửi tay nải lại nhờ bạn giữ hộ.

- Nếu mọi việc tốt đẹp, - anh nói với bạn, - nếu mình tìm thấy cô ta còn sống, nếu như... nói tóm lại... thì mình sẽ lại qua đây, và mình sẽ phi ngay đến Paxturô để báo tin mừng cho bà Anhedơ đáng thương ấy và rồi... và rồi... Nhưng nếu chẳng may, do một tai họa mà Chúa muốn chúng mình phải chịu... Thế thì, mình cũng không biết mình sẽ làm gì, sẽ đi đâu; nhưng chắc chắn là người ta sẽ không thấy mình ở đây nữa.

Khi nói những lời ấy, đứng trên ngưỡng cửa và ngẩng đầu lên, anh mủi lòng và phiền muộn nhìn buổi bình minh trên làng quê mà đã từ lâu lắm anh không được thấy. Bạn anh, như lệ thường, an ủi anh giữ vững niềm hi vọng, và đòi anh phải mang theo chút gì đó để ăn. Rồi bạn tiễn anh một đoạn đường, trước khi chia tay lại một lần nữa chúc anh mọi điều may mắn.

Rendô thảnh thơi bước, vì anh chỉ cần ngày hôm ấy tới gần Milăng để hôm sau vào thành phố sớm và bắt đầu ngay

việc tìm kiếm. Cuộc hành trình của anh trôi chảy, và không có gì có thể làm Rendô lãng quên được những ý nghĩ của mình trừ cái cảnh tượng khốn cùng và buồn thảm ở đâu cũng vậy. Cũng như hôm trước, khi cần anh lại dừng chân ở một cánh rừng nhỏ để ăn uống chút ít và nghỉ ngơi. Khi ngang qua Mônda, trước một ngôi hàng mở cửa có bánh mì bày tủ kính, anh hỏi mua hai cái, để phòng xa, nhỡ khi cần, khỏi phải thiếu cái ăn. Người chủ hiệu cấm anh vào, và chìa ra cái xẻng nhỏ trên có đặt một bát nước pha dấm, bảo anh bỏ tiền vào đó; tiền trả xong, ông đưa anh bằng một thứ que cặp, hai cái bánh mì lần lượt từng cái một: Rendô bỏ vào mỗi bên túi một chiếc.

Về chiều anh tới Grecô, mà cũng không biết tên nó nữa; nhưng do anh còn nhớ lờ mờ về những địa điểm trong lần đi trước và do ước tính quãng đường đã đi từ Mônda, anh cho rằng chắc hẳn không còn xa thành phố, nên rời bỏ đường cái để đi xuyên qua cánh đồng tìm một trang trại nhỏ nào đó ngủ nhờ; bởi vì anh không muốn phải chuốc lấy những sự phiền nhiễu khi vào quán trọ. Anh tìm được một nói tốt hơn dự định: anh trông tháy một lỗ hổng ở hàng rào bao quanh sân một trại vắt sữa, và vào đó cầu may. Trong sân không một bóng người: ở góc sân anh trông thấy một nhà kho lớn chất đầy cỏ khô, và một cái thang dựng đứng dựa vào đống cỏ; anh liếc nhìn chung quanh, rồi đánh liều trèo lên. Anh thu xếp chỗ ngủ và quả thật ngủ thiếp ngay một mạch đến sáng. Thế là, bò lổm ngổm trên mép cái giường rộng lớn ấy, anh thò đầu ra và không thấy ai, lại tụt xuống chỗ anh đã trèo lên, chui vào theo lối cũ, và dấn mình vào những con đường mòn lấy nhà thờ Milăng làm đích và sau một đoạn đường rất ngắn anh đã tới chân dãy tường thành của Milăng, giữa Cửa đông và Cửa Mới, ở ngay gần Cửa Mới.

Chương ba mươi tư

Còn về cách vào thành phố, Rendô đã nói lờ mờ rằng có những lệnh rất nghiêm không cho vào lọt bất cứ người nào không có giấy thông hành của tòa án Y tế: nhưng ngược lại người ta có thể vào rất dễ dàng, chỉ cần biết xoay xở một chút và nắm đúng thời cơ. Tình hình quả thật là như vậy: và chưa nói đến những nguyên nhân chung khiến bất cứ lệnh nào ở thời buổi này cũng không được chấp hành nghiêm chỉnh; chưa nói đến những nguyên nhân riêng khiến việc thi hành lệnh này trở nên khó khăn đến thế, Milăng từ nay đã ở trong tình trạng mà người ta không thấy cái gì có thể phòng giữ nó được nữa, vả chăng cũng chẳng cần phòng ngừa cái gì cả; và kẻ nào đến đây chính là tỏ ra ít quan tâm đến sức khỏe bản thân mình hơn là nguy hiểm cho sức khỏe dân thành phố.

Dựa vào những tin tức ấy, Rendô dự định thử vào bất cứ cổng thành nào mà anh gặp phải; và nếu có trở ngại gì, anh sẽ đi vòng phía ngoài bức tường thành cho đến khi tìm thấy một cổng khác vào dễ hơn. Và có trời biết anh tưởng tượng là Milăng phải có biết bao nhiêu cổng thành!

Thế là, đi đến chân tường thành, anh đứng lại nhìn quanh mình, như một người không biết phải đi hướng nào, và có vẻ

chờ đợi từ khắp nơi một dấu tích, hoặc một lời chỉ bảo. Nhưng bên phải cũng như bên trái anh chỉ thấy hai dải đường quanh co vù, ngay trước mặt anh, một khúc tường thành; không nơi nào có chút dấu hiệu nhỏ của sự sống. Nhưng ở một chỗ nào đó trên nóc dãy tường thành bốc lên một cột khói đen và đặc, vừa lên cao vừa tản ra, thành những làn khói rộng trước khi tan vào trong bầu không khí xám xịt và im lìm. Đó là những quần áo, giường chiếu và các thứ đồ dùng gia đình mà người ta đem đốt; và những ngọn lửa thê thảm như ngọn lửa ấy không ngừng bốc lên không phải chỉ ở nơi này, mà ở khắp nơi trên dãy tường thành.

Trời u ám, không khí nặng nề, màn mây bao la che phủ bầu trời, một thứ sương mù dày đặc, đều đều, dường như không cho mặt trời ló ra và cũng không báo hiệu cơn mưa. Chung quanh là ánh đồng bỏ hang tứng quãng và cằn cỗi. Khắp nơi màu xanh đã úa, trên những chiếc lá héo rụng xuống không có một giọt sương. Đã thế, cảnh vắng vẻ, hiu quạnh ấy ngay sát một thành phố lớn càng chất thêm vào tâm trí vốn đã bồn chồn lo ngại của Rendô một nỗi kinh hoàng mới và khiến những ý nghĩ của anh càng rầu rĩ hơn.

Sau khi đứng đó một lúc, anh đi hú họa theo con đường bên phải, không biết rằng mình đang đến Cổng Mới, cổng này tuy ở gần đó nhưng anh không thấy được vì có một pháo đài che khuất. Đi được vài bước, anh bắt đầu nghe thấy tiếng chuông leng keng, có lúc im bặt, rồi thỉnh thoảng lại tiếp tục rộ lên, và có vài tiếng người. Anh đi tiếp, và sau khi lượn quanh pháo đài, vật đầu tiên anh nhìn thấy là một cái chòi gỗ, và trên ngưỡng cửa một người lính gác uể oải đừng tì lên khẩu súng hỏa mai, vẻ mệt nhọc; phía sau có một hàng rào và đằng sau hàng rào là một cổng thành, đó là hai vạt tường nhô ra,

bên trên có mái hiên che cánh cổng; cánh cổng mở toang, và cả thanh chắn của hàng rào cũng mở toang. Nhưng ở ngay lối vào, dưới đất có một vật chướng ngại thảm thương: một cái cáng, trên đó hai tên *phu dọn dẹp* đặt một con người xấu số để mang đi. Đó là viên đội trưởng đội lính thương chính vừa mắc bệnh dịch hạch. Rendô dừng lại, đợi cho công việc xong xuôi; khi đội áp giải đã đi và vì không ai ra đóng lại thanh chắn, anh cho rằng thời cơ đã đến, và vội tiến lên, nhưng người lính gác gọi giật giọng: "này anh kia!" - Rendô đứng sững lại và vừa nháy mắt với người lính gác, vừa rút trong túi ra một đồng nửa đuca và giơ lên với người lính từ xa. Người lính này, hoặc vì đã mắc bệnh dịch hạch rồi, hoặc vì nỗi sợ bệnh dịch yếu hơn lòng ham muốn những đồng nửa đuca, ra hiệu cho Rendô ném đồng tiền cho anh ta; và khi đã thấy đồng tiền bay đến chân mình, anh ta lầm bầm: "Đi nhanh lên!" Rendô không để nói đến lần thứ hai: anh vượt qua hàng rào, rồi qua cổng thành và tiến lên mà không ai trông thấy hoặc để ý đến anh. Nhưng anh vừa đi được chừng bốn mươi bước thì lại nghe thấy tiếng gọi: "Này anh kia!" của người lính thuế quan khác ở đằng sau anh. Lần này, anh giả vờ không nghe thấy và rảo bước, thậm chí chẳng thèm quay đầu lại "Này anh kai!" người lính thuế quan lại gọi lần nữa, nhưng với một giọng biểu lộ sự bực tức hơn là ý định bắt phải theo mình; và, vì người ta không tuân theo anh ta, anh ta nhún vai và trở vào trong chòi, dường như đối với anh cái việc đừng đến quá gần những người qua đường còn quan trọng hơn là tra hỏi công việc của họ.

Cái phố mà Rendô đi theo, vào thời ấy cũng như bây giờ, dẫn thẳng đến con kênh tên gọi *Navigliô:* hai bên đường phố có những bờ dậu hoặc bức tường của các khu vườn, có những nhà thờ: những tu viện, và một ít nhà ở. Ở cuối phố, và ở giữa

phố dọc theo bờ kênh có dựng một cái cột với cây thánh giá gọi là thánh giá Xanh Ôxep. Rendô nhìn mãi đằng trước cũng chẳng thấy gì khác ngoài cây thánh giá ấy. Đi đến ngã tư vào quãng giữa phố và nhìn khắp hai bên, anh trông thấy bên phải, trong cái phố gọi là Đại lộ Xanh - Têredơ một người đang đi thẳng đến anh. "rốt cuộc cũng có một tín đồ của Chúa!" anh nghĩ bụng: và anh rẽ ngay về phía đó để nhờ người kia chỉ đường. Người này cũng đã trông thấy người lạ đang lại gần, và ông nhìn thẳng vào mặt anh từ xa với cái nhìn nghi ngại; ông càng nghi ngại hơn khi thấy anh chàng đáng lẽ cứ đi thẳng đường lại tiến về phía ông. Còn cách người kia không xa, Rendô ngả mũ, với thái độ lễ phép vốn có của người dân miền núi; và, cầm mũ bên trái, anh bất giác đút tay kia và trong lòng mũ, và tiến thẳng đến người lạ mặt. Nhưng người này, mắt trợn trừng, lùi lại một bước, vung cái gậy có nhiều mấu lên chĩa mũi nhọn bọc sắt vào giữa người Rendô, và thét lên:

- Cút đi! Cút đi!

- Ồ, ồ! - Chàng trẻ tuổi đến lượt mình cũng kêu lên; anh lại chụp mũ lên đầu và như anh nói sau này khi kể lại câu chuyện, vì không muốn gây sự vào lúc ấy, anh quay lưng lại với con người kì quặc kia và lại tiếp tục con đường của mình, hoặc nói đúng hơn, con đường mà anh đã dấn thân vào.

Người kia cũng tiếp tục con đường của ông ta, ông sợ run lên, và chốc chốc quay đầu lại. Về đến nhà, ông kể rằng một tên *bôi trát* đã lại gần ông, với cái vẻ nhũn nhặn và hết sức dịu dàng nhưng với bộ mặt tên bịp bợm đê tiện, trong tay cầm một hộp nhỏ thuốc bôi hoặc một ông bột mì gì đó trong mũ (trong hai thứ đó ông cũng không biết thật đúng là cái gì) rắp tâm chơi xỏ ông nếu ông không biết đường bắt nó đứng ra xa. "Nó mà tiến thêm bước nữa, - ông nói tiếp, - tôi sẽ xiên cho nó

một phát thủng ruột, cái thằng gian ác ấy! Điều tai hại là chúng tôi ở một nơi vắng quá, bởi vì nếu chúng tôi ở ngay giữa Milăng thì tôi sẽ kêu mọi người đến và tóm cổ nó ngay. Chắc chắn người ta tìm thấy cái thứ thuốc ác độc ấy trong mũ nó. Nhưng chỉ có mình tôi với nó, tôi đành chỉ dọa dẫm mà không dám liều mạng; bởi vì ném một ít bột thì thật mau lắm, mà loại người ấy chúng khôn khéo khác thường; hơn nữa, chúng lại có ma quỷ giúp sức. Bây giờ thì thằng cha ấy hẳn đang lảng vảng trong thành phố Milăng: ai biết nó đang gây ra cuộc tàn sát nào ở đó!" Và chừng nào ông còn sống nghĩa là trong nhiều năm ròng, mỗi lần nói đến bọn *bôi trát* ông nhắc lại câu chuyện này và nói thêm: "Những ai còn cho rằng cái đó không có thật, xin họ đừng đến kể lại điều ấy với tôi; có được tận mắt nhìn thấy thì hẵng nói!".

Rendô, chẳng hề ngờ rằng mình vừa may mắn thoát nạn, và bối rối vì giận dữ hơn là vì sợ hãi, vừa đi vừa nghĩ đến cuộc đón tiếp ấy, và đã ít nhiều đoán ra cái điều mà người lạ mặt nghĩ về anh; anh phải kết luận rằng người kia hẳn là rồ dại.

Tới cầu, anh rẽ ngay sang trái không do dự, vào phố Xanh Mac, vì anh cho rằng - và dù điều đó hoàn toàn hợp lí - phố này hẳn dẫn đến trung tâm thành phố.

Vừa đi anh vừa nhìn sang phải và sang trái, để cổ phát hiện một bóng người nào đây; nhưng anh chỉ thấy một xác chết đã thối rữa trong một cái hào nhỏ ngăn cách mấy ngôi nhà ở đó với đường phố (vào lúc ấy, những ngôi nhà này càng ít hơn nữa). Anh vừa đến đây thì nghe tiếng gọi: "Này! Anh kia!" Nhìn về phía gọi, anh thấy ngay gần anh, trên ban công một ngôi nhà nhỏ, một người đàn bà khốn khổ với một bầy trẻ lít nhít vây bọc chung quang. Vừa tiếp tục gọi, và vừa vẫy tay ra hiệu. Anh chạy lại; khi anh tới gần, người đàn bà nói:

- Này, anh bạn trẻ! Vì những người thân thương đã qua đời của anh, anh làm ơn giúp tôi đi báo với ông cẩm rằng họ đã bỏ quên chúng tôi ở đây. Họ đã nhốt chúng tôi trong nhà như những người bị tình nghi, và họ đóng chặt cửa, như anh thấy đấy; và từ sáng hôm qua chẳng ai mang gì đến cho chúng tôi ăn cả. Chúng tôi đã đứng đây bao nhiêu tiếng đồng hồ mà chẳng thấy một tín đồ công giáo nào để làm phúc giúp tôi: còn những đứa trẻ vô tội đáng thương này thì sắp chết đói.

- Trời, chết đói! - Rendô kêu lên; anh thọc tay vào túi lấy ra hai chiếc bánh mì và nói: - Đây, đây, thả cái gì xuống đây cho tôi đặt hai chiếc bánh này vào.

- Cầu Chúa đền ơn cho anh! Anh đợi một lát nhé, - người đàn bà nói; bà đi kiếm một cái giỏ, một sợi dây, và ròng xuống.

Trong khi ấy Rendô nhớ lại những chiếc bánh mì anh đã thấy bên cây thánh giá buổi đầu đến Milăng, và anh nghĩ: "Chẳng qua là sự hoàn lại, và có lẽ còn hơn là ta trả lại cho người chủ thật sự của chúng, bởi vì đây mới thật là một việc làm từ thiện".

- Còn về ông cẩm mà bà nói đó, thưa bà - anh vừa đặt bánh mì vào trong giỏ vừa nói, - tôi không thể giúp gì bà được, bởi vì, nói thật tình, tôi không phải là người ở đây và chẳng biết gì về thành phố này cả. Nhưng nếu tôi gặp người nào đó có vẻ tử tế và có lòng thương người để nói được chuyện này thì tôi sẽ nói ngay.

Người đàn bà cầu xin anh làm như thế, và nói với anh tên phố bà ở, để anh có thể chỉ cho người ta đến.

- Cả bà nữa, Rendô lại nói, - tôi nghĩ rằng bà cũng có thể giúp tôi một việc, một việc làm từ thiện thật sự, mà chẳng khó khăn gì. Bà có thể chỉ cho tôi biết một gia đình quý tộc, một đại gia ở đây, ở Milăng gia đình +++ ở đâu không?

- Tôi biết có một gia đình tên như thế, - người đàn bà nói, - nhưng ở đâu thì tôi không biết. Anh cứ đi nữa, chắc thế nào cũng gặp một người nào đó chỉ cho anh. Và đừng quên nói cả đến chúng tôi nữa đấy.

- Bà cứ yên tâm - Rendô nói và bước đi.

Càng đi anh càng nghe thấy to dần và vọng gần lại một tiếng động mà anh đã bắt đầu nghe thấy trong khi dừng chân nói chuyện; tiếng bánh xe lăn và ngựa chạy, tiếng chuông leng keng, và thỉnh thoảng tiếng roi vụt đen đét, với những tiếng hò hét kèm theo. Anh nhìn phía trước chẳng thấy gì cả. Khi đến cuối phố và trước mặt anh là quảng trường Xanh Mác, vật đầu tiên đập vào mắt anh là một khí cụ làm bằng hai cột gỗ đứng, một sợi dây và những cái ròng rọc; anh nhận ra ngay (vì đây là một vật thông thường thời ấy) cái khí cụ tra tấn ghê tởm. Nó không chỉ dựng lên ở nơi này, mà trên tất cả các quảng trường và những thành phố rộng nhất, để những vị đại biểu của khu phố, nắm trong tay những quyền hành độc đoán nhất và chuyên quyền nhất về mặt này có thể cho tra tấn ngay lập tức tại đây bất cứ ai đối với họ có vẻ đáng phải chịu hình phạt ấy: là là những con bệnh đã bị giam nhốt mà còn đi ra khỏi nhà, dù là những thuộc viên không làm phận sự của mình, hoặc bất cứ ai khác. Đó là một trong những biên pháp cực đoan và vô hiệu, vào thời ấy rất sẵn, và nhất là trong lúc này.

Thế nhưng, trong khi Rendô ngắm nhìn cái khí cụ tra tấn ấy, tự hỏi không biết tại sao nó lại có thể được dựng lên ở nơi này, thì anh nghe thấy tiếng động càng tới gần hơn và trông thấy từ phía góc nhà thờ xuất hiện một người vừa đi vừa lắc chuông: đó là một báo hiệu và đằng sau anh ta hai con ngựa tiến lên một cách khó nhọc, vươn dài cổ; và xoạc cẳng ra; rồi

đến một xe chất thây người chết do những con ngựa kéo; và sau đó một xe nữa, rồi lại hai xe nữa. Những tên *phu dọn dẹp* đi hai bên thúc ngựa bằng roi, bằng gậy và bằng lời chửi rủa. Những thây người này, phần lớn trần truồng, một vái cái bọc qua quýt trong những mảnh giẻ rách được chất đống lên, chằng chịt như những con rắn xoắn vào nhau từ từ gỡ những vòng cuốn của chúng dưới ảnh hưởng của hơi ấm mùa xuân; bởi vì, mỗi khi xe vấp phải cái gì và xóc mạnh, người ta lại thấy những đống xác thảm thương ấy rung lên và thay hình đổi dạng một cách kinh tởm, và những cái đầu lắc lư, những mớ tóc trinh nữ xổ tung, những cánh tay rời nhau ra và đập vào bánh xe, như để phô bày cho những con mắt khiếp sợ thấy rằng một cảnh tượng như thế vẫn còn có thể trở nên đau lòng hơn và tục tĩu một cách ghê gớm hơn.

Chàng trẻ tuổi đứng lại ở góc quảng trường, bên lan can của dòng kênh, và cầu nguyện cho những người chết không quen biết ấy. Một ý nghĩ khủng khiếp vụt qua đầu anh như một tia chớp: "Có thể ở đó, cùng với những kẻ khác, nằm bên dưới kia... Ôi, lạy Chúa? Xin Người đừng để cho điều đó thành sự thật. Xin Người hãy làm sao để con đừng nghĩ đến một điều như thế nữa!".

Khi đám tang đã đi qua, Rendô lại lên đường, vượt qua quảng trường, ngoặt sang bên trái đi dọc bờ kênh, chỉ vì một lẽ là đám tang đã đi về phía đằng kia. Đi được vài bước giữa mặt bên của nhà thờ và dòng kênh anh trông thấy cầu *Macxenlinô* phía bên phải; anh đi theo lối đó và tới *Boocgô Nuôvô*. Và nhìn về đằng trước, luôn luôn với ý định tìm một người nào đó chỉ đường cho mình, anh trông thấy ở cuối phố một tu sĩ bận áo chẽn ngắn, gậy cầm tay, đứng trước một cánh cửa hé mở, đầu cúi xuống và áp tai vào khe cửa; một lát sau anh trông thấy

ông giơ tay lên để cầu phúc. Anh cho rằng, và quả đúng thế, chắc hẳn ông vừa rửa tội xong cho một người nào đó, và anh tự nhủ: "Đây chính là người mà ta cần. Nếu như một tu sĩ trong khi thi hành nhiệm vụ tu sĩ của mình mà không có chút lòng nhân đức, chút tình yêu thương và thái độ ân cần, thì ta có thể nói trên đời này chẳng còn gì nữa".

Trong khi ấy vị tu sĩ, rời khỏi cánh cửa, đi về phía Rendô, luôn luôn rất thận trọng đi ở giữa đường. Khi ông tới gần, Rendô ngả mũ và ra hiệu là anh muốn nói với ông, đồng thời đứng lại để làm cho ông hiểu là anh sẽ không đến gần hơn nữa. Vị tu sĩ cũng đứng lại và tỏ ra sẵn sàng nghe, trong khi cứ ấn đầu gậy xuống đất, trước mặt ông, như để tạo thành một hàng rào Rendô bày tỏ yêu cầu của mình, vị tu sĩ đáp ứng ngay, chẳng những nói tên cái phố có ngôi nhà mà còn vạch cả đường đi khi ông thấy anh chàng khốn khổ cần biết; nghĩa là ông chỉ cho anh thấy, bằng những "sang phải" và "sang trái" những nhà thờ và những cây thánh giá, anh còn phải đi sáu hoặc tám phố nữa mới đến nơi.

- Cầu Chúa giữ gìn sức khỏe cho Cha, bây giờ, và mãi mãi, Rendô nói. Và khi vị tu sĩ sắp đi, anh nói với thêm: - Xin Cha làm phúc cho một việc này nữa. Và anh kể với ông trường hợp người đàn bà đáng thương bị bỏ quên. Vị tu sĩ cảm ơn anh đã cho ông cơ hội làm một việc thiện cần thiết như thế; ông còn nói là ông sẽ đi báo cho người nào đó cần biết việc này, rồi ông đi xa.

Rendô cũng ra đi, và vừa đi anh vừa cố lẩm bẩm trong bụng cuộc hành trình của anh để khỏi phải hỏi lại ở mỗi ngả đường. Nhưng các bạn khó mà hình dung được công việc này vất vả cho anh biết chừng nào, và không chỉ vì tự bản thân việc ấy khó, mà vì một mối lo lắng mới đã choán hết tâm hồn

anh. Cái tên phố ấy, cái chặng đường đã vạch ra ấy khiến anh vô cùng bối rối. Đó là tin tức mà anh đã mong muốn và hỏi thăm, và anh không thể bỏ qua; và anh không thể bỏ qua; và người ta đã không nói gì thêm với anh, điều đó có thể xem như một điềm gở; nhưng biết làm sao? Vậy là anh đã có khái niệm rõ ràng hơn một chút về cái đích đang tới gần nó sẽ giải thoát cho anh khỏi mối hồ nghi lớn, anh sẽ đến ngôi nhà tại đó anh có thể nghe nói: cô ta đã chết rồi; ý nghĩ ấy khiến anh bàng hoàng đến nỗi lúc này anh chỉ muốn lại không biết gì cả và lại trở về lúc mới bắt đầu cuộc hành trình mà giờ đây anh đã gần tới đích. Tuy vậy anh vẫn lấy hết sức lực và tự nghĩ: "Sao! Nếu bây giờ ta lại bắt đầu làm đứa bé thì rồi sẽ ra sao?" tự động viên mình được chăng hay chớ như vậy, anh lại đi tiếp con đường của mình và dấn sâu vào bên trong thành phố.

Thành phố mới khiếp làm sao! Và nó đã trở thành cái gì vậy, ngay cả so sánh với một năm trước đây khi nó bị nạn đói tàn phá!

Vậy mà Rendô đúng là phải đi qua một trong những khu phố sầu thảm nhất và tan hoang nhất; cái ngã tư đường phố tên là Carôbiô đơ Poocta Nuôva (Vào thời ấy ở giữa ngã tư có một cây thánh giá, và trước mặt cây thánh giá, bên cạnh cái nơi hiện nay là nhà thờ Xanh Frăngxoa đơ Pôn, có một nhà thờ cổ cung kính biến cho nữ thánh Anaxtadi). Ở những nơi này sự truyền nhiễm và mùi hôi thối của những xác chết vô thừa nhận ghê gớm đến nỗi một số ít người sống sót đã buộc phải rời chỗ ở, thành thử cùng với nỗi buồn mà cảnh tượng hoang vắng ấy của khu phố gợi lên trong lòng khách qua đường lại thêm nỗi kinh hãi và ghê tởm do những dấu vết và di tích của những người dân đã mất đi còn để lại. Rendô rảo bước, tự động viên rằng cái đích của anh còn xa, và hi vọng là

trước khi tới đó cảnh tượng này ít ra cũng có phần thay đổi; và quả thật, một lát sau, anh đến một nơi còn có thể gọi được là thành phố của những người sống; nhưng cái thành phố gì vậy, và những người sống gì vậy! Nỗi nghi ngờ và khiếp sợ đã khiến cho tất cả mọi cửa trông ra đường đều đóng lại, và nếu người ta thấy cũng cánh cửa mở toang thì đó là những nhà không có người ở hoặc đã bị cướp phá; một số cửa được đóng chặt và niêm phong: bên trong có người chết hoặc con bệnh dịch hạch; những cửa khác được đánh dấu một chữ thập vạch bằng than, để chỉ cho những phu dọn dẹp biết có xác người phải lấy đi; tất cả những cái đó có tính chất ngẫu nhiêu nhiều hơn tùy theo tòa án Y tế hoặc một viên chức khác trong thành này muốn thi hành phận sự hay muốn nhũng nhiễu. Khắp nơi người ta chỉ thấy những mảnh giẻ rách và, ghê tởm hơn nữa, những mẩu băng đầy mủ những cái giường hôi thối, những tấm vải trải giường vứt qua cửa sổ; đôi khi có những xác chết, những người chết đột ngột ngoài đường và bỏ mặc cho tới khi nào một cái xe qua đó chở đi, hoặc những cái xác lăn từ trên xe xuống, hoặc thậm chí ném qua cửa sổ; cái tai họa dai dẳng và ác liệt đã phát triển biết chừng nào thói man rợ trong những tâm hồn và bóp nghẹt tất cả mọi tình thương và mọi sự kính trọng đối với con người! Khắp nơi đã ngừng bặt tiếng ồn ào của các cửa hiệu, tiếng lọc cọc của xe cộ, tiếng rao của những người bán hàng, tiếng trò chuyện của khách qua đường; và sự yên lặng ấy của cái chết chỉ đôi khi bị phá vỡ bởi tiếng ầm ầm của những xe tang, tiếng van xin của những người ăn mày, tiếng rên rỉ của những bệnh nhân, tiếng gào rú của những kẻ mê hoảng, tiếng la hét của bọn phu dọn dẹp. Sáng sớm, trưa và chiều một tiếng chuông nhà thờ loan báo những buổi cầu kinh theo lệnh đức tổng giám mục: những

tiếng chuông các nhà thờ khác đáp lại; và bây giờ người ta có thể trông thấy những người ra đứng bên cửa sổ để cùng cầu nguyện; người ta có thể nghe thấy những giọng nói rì rầm và những tiếng rên rỉ, mặc dầu buồn thảm nhưng trong đó vẫn cảm thấy có một niềm an ủi.

Giữa hai phần ba dân số đã chết; phần lớn những người khác đang mắc bệnh hoặc đã rời bỏ thành phố; hầu như không có ai từ bên ngoài tới, và trong số những người đi đường ít ỏi tình cờ gặp được sau một cuộc đi bộ dài trên đường phố, thật khó có thể thấy một người nào không có vẻ gì kì dị, đủ để chứng tỏ là mọi vật đã bị biến đổi thật thê thảm. Ta có thể thấy những người quyền cao chức trọng ra đường không có áo khoác ngoài, bộ phận chủ yếu của áo quần thường phục thời đó; những giáo sĩ không bận áo chùng và thậm chí những thầy tu mặc áo chẽn ngắn.

Nói chung người ta đã bỏ hết mọi thứ quần áo nào có thể phấp phới chạm vào một vật gì đó, hoặc giả (đây là điều người ta sợ nhất) tạo cơ hội cho bọn *bôi trát* hành động. Ngoài nỗi lo lắng chỉ mặc những áo quần càng gọn và chật càng tốt, người nào trông cũng cẩu thả và lôi thôi lếch thếch; những người vẫn để râu bây giờ dài hơn bình thường, những người vẫn cạo râu bây giờ để mặc cho râu mọc; tóc tai cũng dài rậm và rối bù, không chỉ do sự trễ nải đẻ ra từ một nỗi tuyệt vọng kéo dài, mà còn vì những người thợ cạo đã trở thành khả nghi, từ khi một người trong số đó bị bắt và bị kết án là một tên *bôi trát* sừng sỏ: Giangiacômô Mora, cái tên trong một thời gian dài đã nổi tiếng trong thành phố vì nhơ nhuốc, mà lẽ ra nó đáng được hưởng một tiếng tăm rộng hơn và lâu dài hơn về lòng thương hại. Phần lớn mọi người có gậy trong tay, một số người thậm chí cầm súng lục, để đe dọa kẻ nào muốn đến quá

gần; trong tay kia họ cầm những viên thuốc, hoặc những cục kim khí hoặc cục gỗ có lỗ thủng đựng những miếng bọt biển thấm đẫm giấm thuốc; và thỉnh thoảng họ đưa những thứ ấy lên mũi ngửi, hoặc họ giữ nó thường xuyên sát dưới mũi. Một số người đeo ở cổ một cái lọ nhỏ đựng một ít thủy ngân, họ tin rằng thứ kim khí này có đặc tính hấp thụ và giữ lại tất cả mọi hơi độc truyền bệnh; và họ cẩn thận thay thủy ngân mới đều đặn. Các nhà quý tộc không những ra đường không có đoàn tùy tùng thường lệ, mà người ta có thể thấy họ với cái giỏ trong tay đi mua lấy đồ ăn thức uống. Thậm chí bạn bè gặp nhau ngoài phố cũng chỉ chào nhau từ xa, làm hiệu với nhau vội vàng lặng lẽ. Mỗi người đi đường phải cố gắng lắm để tránh những đồ vật kinh tởm hoặc nguy hiểm chết người rải rác trên mặt đất hoặc thậm chí có những chỗ phủ kín mặt đất. Người nào cũng cố đi giữa mặt đường, vì sợ những đồ vật bẩn thỉu khác, hoặc những vật còn khủng khiếp hơn nữa ném qua cửa sổ, vì sợ những thứ bột độc, theo người ta đồn, thường vứt từ gác cao xuống người đi đường, vì sợ những bức tường có thể "bị bôi". Như thế sự ngu dốt vừa liều lĩnh vừa thận trọng một cách vô nghĩa, luôn luôn gây ra những mối lo âu mới và những nỗi sợ hãi giả tạo để thay thế những nỗi sợ hợp lí hãi giả tạo, để thay thế những nỗi sợ hợp lí và lành mạnh mà nó đã gạt bỏ ngay từ đầu.

Đó là những gì đỡ kinh tởm nhất và đỡ thảm hại nhất mà người ta có thể thấy quanh mình, ở những người khỏe mạnh và khá giả: bởi vì, sau biết bao hình ảnh đau khổ và khi nghĩ đến nỗi đau khổ còn nặng nề hơn nữa mà chúng tôi sẽ phải dẫn bạn đọc đi vào, chúng tôi sẽ không dừng lại bây giờ để miêu tả cảnh tượng những người mắc bệnh dịch hạch lê bước hoặc nằm sóng soài trong các phố, những kẻ nghèo khó, những

trẻ em, những phụ nữ. Cảnh tượng ấy đã đến mức mà Rendô khi ngắm nhìn nó có thể gần như tìm thấy ngay trong nỗi tuyệt vọng của mình một niềm an ủi nào đó trước cái sự kiện mà chúng ta ngày nay từ một khoảng cách nhìn vào càng xúc động mãnh liệt hơn: tôi muốn nói là khi nghĩ đến, khi nhìn thấy những người sống sót chỉ còn lại ít ỏi biết chừng nào.

Giữa cảnh sầu thảm ấy, Rendô đã đi qua và một phần lớn cuộc hành trình của mình, thì khi còn cách khá xa một phố mà anh phải rẽ vào, anh nghe thấy từ nơi ấy vẳng đến một tiếng ồn ào hỗn độn trong đó người ta nhận ra tiếng chuông khủng khiếp quen thuộc.

Tới góc phố này, một trong những phố rộng nhất anh trông thấy bốn chiếc xe xác đổ ở giữa đường; và cảnh náo nhiệt ở đây cũng giống như ở chợ lúa mì, khi người ta chạy đi chạy lại chất các bao lên và đổ các bao xuống: đó là những tên *phu dọn dẹp*, đứa thì chạy vào nhà, đứa thì trong nhà ra với gánh nặng trên vai và đặt nó lên một trong những chiếc xe; một số tên bận đồng phục đỏ. Một số không có dấu hiệu đặc biệt ấy lại có dấu hiệu khác còn ghê tởm hơn nữa, làm bằng những chùm lông và những cái ngù sặc sỡ mà những tên khốn kiếp ấy đeo trên người như để tỏ sự vui vẻ giữa cảnh tang tóc chung. Từ cửa sổ này đến cửa sổ khác vang ra tiếng gọi thê thảm: "Lại đây, các bác *phu dọn dẹp*!". Và càng thê thảm hơn nữa, một tiếng nói thô lỗ từ cái đám lúc nhúc đáng buồn ấy đáp lại: "Đến ngay đây, đợi một lát!" hoặc giả đó là những người ở trong nhà càu nhàu giục làm nhanh, và bọn *phu dọn dẹp* đáp lại bằng những lời chửi rủa.

Khi vào đến trong phố, Rendô rảo bước, cố gắng chỉ nhìn những vật chướng ngại ấy vừa đủ cần thiết để tránh đi; nhưng bỗng nhiêu con mắt anh gặp một cảnh tượng vô cùng

đáng thương đến nỗi nó buộc anh phải chú ý và bất giác đứng lại.

Từ trên ngưỡng cửa của một ngôi nhà, một người đàn bà bước xuống tiến tiến đến đoàn xe, một người đàn bà còn trẻ, khuôn mặt lộ một vẻ đẹp dường như qua màn sương che phủ, mờ mờ, mà một nỗi đau khổ lớn lao cùng sự mệt mỏi đến kiệt sức không hề làm phai nhạt: cái vẻ đẹp vừa dịu dàng vừa uy nghiêm sáng ngời trong dòng máu Lôbacđi. Dáng đi của bà mệt nhọc mà không thất thểu; đôi mắt bà khô nhưng vẫn còn hằn bao ngấn lệ đã tuôn trào; trong nỗi đau buồn của bà có một vẻ điềm tĩnh sâu sắc có chứng tỏ tâm hồn này bà hiểu hết nỗi khổ bao la cùng cực của mình. Nhưng không phải chỉ có vẻ mặt của bà làm xao xuyến trong ta một tình thương khác thường đối với bà, và làm sống lại tình cảm ấy lúc này đã phai nhạt và gần như tắt hẳn trong các tấm lòng. Bà bế trên tay em gái chừng chín tuổi, đã chết nhưng ăn mặc đẹp đẽ với mái tóc rẽ đường ngôi thẳng, bận áo dài trắng muốt dường như bà mẹ trang điểm cho em đi dự hội, một phần thưởng đã hứa hẹn với em từ lâu. Bà không bồng em nằm mà bế em ngồi trên tay bà, ngực em tựa vào ngựa bà, dường như còn sống, nhưng một bàn tay nhỏ trắng bợt đã buông thõng một bên với vẻ nặng nề không sức sống, và đầu em ngả lên vai mẹ đờ ra hơn cả trọng giấc ngủ: nói là mẹ em bởi vì, cho dù những nét mặc giống nhau chưa đủ chứng thực điều đó, thì một trong hai khuôn mặt còn thể hiện tình cảm cũng đã nói rõ điều này.

Một tên *phu dọn dẹp* nom thật kinh tởm lại gần để lấy đứa bé khỏi vòng tay người mẹ, nhưng với một vẻ kính trọng khác thường, một sự ngập ngừng không chủ ý. Người thiếu phụ lùi lại và nói, mà không tỏ ra phẫn nộ hoặc khinh bỉ:

- Không! Lúc này đừng động vào cháu. Chính tôi phải đặt

cháu lên xe. Đây, bác cầm lấy, - nói vậy rồi bà xòe bàn tay, chO thấy một ví tiền và bỏ vào bàn tay tên *phu dọn dẹp* đang chìa ra. Rồi bà nói tiếp: - Bác hãy hứa với tôi không lấy đi một sợi chỉ nào cháu mang trên người, không cho phép ai làm như vậy, và cứ để như thế này chôn cất cháu.

Tên *phu dọn dẹp* đặt một bàn tay lên ngực rồi, hết sức cẩn thận và trở thành gần như khúm núm, dưới ảnh hưởng của thứ tình cảm mới dường như đã chinh phục hắn hơn là do món tiền thưởng bất ngờ, hắn vội dẹp một chỗ nhỏ trên xe cho em bé đã chết. Bà mẹ hôn lên trán con, đặt em xuống như nằm trên giường, sang sửa cho em, phủ lên em khăn niệm trắng và nói với em những lời cuối cùng:

- Vĩnh biệt, Xêxilia! Con hãy yên nghỉ! Tối nay cả mẹ và em cũng sẽ đi, để mãi mãi được cùng ở với con. Bây giờ thì con hãy cầu nguyện cho mẹ và em; còn mẹ, mẹ sẽ cầu nguyện cho con và cho mọi người khác. - Rồi bà lại quay sang nói với tên *phu dọn dẹp*: - Còn bác, nếu tối nay bác lại qua đây thì bác lên gác đem cả tôi đi, và không chỉ một mình tôi đâu.

Nói xong, bà quay vào nhà, và một lúc sau bà lại hiện ra bên cửa sổ, bế trên tay một bé gái khác nhỏ hơn, còn sống, nhưng với tất cả những dấu hiệu của cái chết trên mặt. Bà đứng đó ngắm nhìn cảnh tang lễ thật không xứng đáng với đứa con gái lớn của bà cho tới khi nào chiếc xe chuyển bánh và đứng mãi chừng nào bà còn có thể nhìn thấy cái xe; rồi bà vào khuất trong nhà. Và bà có thể làm gì khác nếu không phải là đặt đứa con gái độc nhất còn lại của bà lên giường, và nằm bên con, để cùng chết với con? Cũng như bông hoa đã nở đầy đặn trên cành cùng rơi xuống, với nụ cười xanh, khi lưỡi hái phạt qua tất cả đám cỏ trên cánh đồng.

- Ôi, lạy Chúa - Rendô kêu lên. - Xin Chúa hãy chấp nhận

lời cầu nguyện của bà ấy! Xin chúa hãy thu nhận bà ấy về với Chúa, cả hai mẹ con bà ấy: họ đã khổ nhiều rồi! Họ đã khổ nhiều rồi!

Hồi tỉnh sau mối cảm kích khác thường ấy, và trong khi cố nhớ lại hành trình của mình xem đến cái phố đầu tiên kia đã phải rẽ chưa, và rẽ sang phải hay sang trái, anh bỗng nghe thấy từ chính phố ấy vẳng đến một tiếng ồn ào mới, khác lạ, nghe hỗn độn những tiếng thét hách dịch, những lời rên rỉ yếu ớt của phụ nữ khóc lóc và trẻ em nức nở.

Anh đi tiếp, cùng với nỗi lo lắng buồn bã và rầu rĩ ấy trong lòng. Đến ngã tư, anh trông thấy ở một phía có một đám đông hỗn loạn tiến lên, và anh đứng lại, để đám người ấy đi qua. Đó là những bệnh nhân đang được dẫn đến trại phòng dịch: một số người bị đẩy đi bằng vũ lực, cố kháng cự lại mà không được, gào lên rằng họ muốn chết ở trên giường của họ, và đáp lại những tiếng chửi bới và những mệnh lệnh của bọn *phu dọn dẹp* áp giải họ bằng những lời nguyền rủa vô hiệu; một số người khác lặng lẽ đi, không biểu lộ sự đau khổ hoặc bất cứ tình cảm nào như những người mất trí; những người đàn bà với những hài nhi ẵm ngửa trên tay; những đứa trẻ khiếp sợ vì những tiếng la hét, những mệnh lệnh, vì cả cái đám người ấy hơn là vì ý nghĩ mơ hồ về cái chết, và chúng gào thét lên đòi những cánh tay thân thuộc của mẹ, đòi về nhà. Nhưng than ôi, có lẽ mẹ chúng, mà chúng tưởng là ngủ say trên giường, chính là đang lăn lóc trên đó, do một cơn bệnh dịch hạch đột ngột; và bà nằm đấy hôn mê, để rồi đưa lên xe chở đến trại phòng dịch, hoặc đến thẳng huyệt nếu xe tới muộn. Có lẽ - ôi nỗi đau khổ đáng để ta nhỏ những giọt nước mắt còn xót xa hơn nữa - bà mẹ, bị chính nỗi đau đớn của mình giày vò, đã quên hết cho đến cả những đứa con mình, và chỉ còn

một ý nghĩ: được chết yên lành. Tuy vậy, trong cảnh rối loạn như thế, người ta vẫn thấy những tấm gương của lòng quả cảm và tình thương người: những ông bố, bà mẹ, những anh em những đứa con, những cặp vợ chồng dìu đỡ người thân của mình, và vừa đi theo vừa nói những lời khích lệ; và không chỉ người lớn, mà cả những cậu bé, cô bé dắt những đứa em nhỏ hơn và dặn dò các em với tất cả sự khôn ngoan tà tình thương yêu săn sóc của người lớn, rằng chúng phải biết nghe lời và quả quyết với chúng là chúng đang đến một nơi mà chúng sẽ được trông nom chu đáo và chữa cho khỏi bệnh.

Giữa những cảnh buồn thảm và cảm động ấy, có một điều xúc động người khách lữ hành của chúng ta hơn nữa khiến anh vô cùng lo lắng. Ngôi nhà của Đôn Ferantơ hẳn ở gần ngay đây, và ai biết có thể trong đám người kia. Nhưng khi tất cả đoàn người đã đi qua và mối nghi ngờ ấy không được chứng thực, anh quay sang một tên *phu dọn dẹp* đi sau, và hỏi hắn dãy phố và ngôi nhà của Đôn Ferantơ ở đâu. "Cút xéo ngay, thằng quê mùa!" tất cả câu trả lời anh nhận được là như thế. Anh cũng chẳng bận tâm đáp lại một cách thích đáng, nhưng khi trông thấy, cách hai bước, một viên cẩm đi sau cùng còn đôi chút dáng vẻ một tín đồ của Chúa, anh lại hỏi ông câu hỏi ấy. Viên cẩm giơ gậy chỉ về phía ông vừa từ đó tới và nói với anh: "Đến phố đầu tiên rẽ phải, ngôi nhà cuối cùng ở bên trái".

Rendô đi về phía ấy với một nỗi lo âu mới càng bồn chồn day dứt. Đây, anh đã đi vào phố: anh phân biệt ngay ngôi nhà này với những nhà khác thấp hơn và bình dị hơn; anh lại gần cánh cửa đóng, đặt bàn tay lên chiếc búa gõ cửa, cầm lấy nó do dự một lúc, dường như anh sắp rút từ một hòm phiếu ra cái lá phiếu sẽ định đoạt cuộc sống hay cái chết của anh. Cuối cùng anh giơ búa lên và nện một cú quyết định.

Một lúc sau, cửa sổ mở, một người đàn bà ló ra, nhìn xem là ai, với vẻ sợ sệt như muốn nói: bọn phu dọn dẹp đấy ư? Quân du thủ du thực? Các ông cẩm? Bọn bôi trát? Lũ ma quỷ?

- Dạ thưa bà! - Rendô nhìn lên nói, với một giọng không vững dạ cho lắm. - Có phải ở đây có một cô hầu gái trẻ người nông thôn, tên là Luxia không ạ?

- Nó không còn ở đây nữa; anh đi đi! - Người đàn bà đáp, lăm le chực đóng cửa.

- Xin bà làm ơn cho hỏi một chút! Thế ra cô ta không ở đây nữa? Vậy cô ấy đi đâu?

- Đến trại phòng dịch, và một lần nữa bà ta lại muốn đóng cửa.

- Xin bà thư cho một lát, vì lòng kính Chúa! Cô ta mắc bệnh dịch hạch à?

- Phải. Lạ lắm hả? Anh đi đi.

- Ôi, khốn khổ thân tôi! Xin bà đợi một chút: cô ấy ốm nặng lắm không? Từ bao lâu rồi?

Nhưng trong khi nói như thế thì cửa sổ đóng thật sự.

- Dạ, thưa bà! Thưa bà! Một câu thôi, xin bà làm phúc! Vì những người thân đáng thương của bà đã qua đời! Tôi không hỏi thêm điều gì nữa đâu. Bà ơi!

Nhưng cứ như là anh nói với cái tường vậy.

Đau đớn vì tin ấy, và tức giận vì thái độ của người đàn bà, Rendô lại cầm lấy búa cửa, và tì lên cánh cửa, anh nắm chặt lấy búa và xoay xoay nó trong tay, giơ lên toan đập một lần nữa vì không còn cách nào khác, rồi cứ giữ nó lửng lơ như thế. Trong cơn kích động ấy, anh quay đầu lại để xem xung quanh có người láng giềng nào có thể hỏi được tin tức gì rõ ràng hơn, một dấu tích nào đó, một tia sáng nào đó. Nhưng cái người đầu tiên, cái người duy nhất anh trông thấy là một người đàn

bà khác, đứng cách anh chừng hai mươi bước; mặt mụ biểu lộ sự sợ hãi, sự căm ghét, sự nóng ruột và sự độc ác, và mụ vừa nhìn anh chằm chằm bằng những con mắt long lên vừa nhìn đi đâu xa, miệng há ra như để lấy hơi sức gào lên nhưng lại nín thở, và giơ cao hai cánh tay gầy guộc, khi xòe ra khi nắm lại những bàn tay răn reo, và cong mình như để cố bắt một vật gì đó. Ta có thể đoán là mụ muốn gọi người đến, nhưng làm sao để một kẻ nào đó không nhận thấy. Khi bốn mặt họ nhìn nhau người đàn bà càng hiện ra gớm guốc hơn, và rùng mình như một người bị chộp bắt quả tang.

- Cái đồ quái quỷ gì thế...? - Rendô cũng lại giơ hai tay về phía người đàn bà; nhưng mụ này, sau khi đã không còn hi vọng bắt anh bất ngờ, liền bật lên cái tiếng kêu mà mụ nín mãi cho đến lúc này:

- Bắt lấy thằng *bôi trát*! Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Bắt lấy thằng *bôi trát*!

- Ai? Tao à? Chà, con mụ phù thủy! Con mụ nói láo! Câm ngay! - Rendô thét; và anh lao tới mụ để dọa cho mụ này sợ hơn và im đi. Nhưng anh nhận thấy ngay là anh nên nghĩ đến chính mình thì hơn. Nghe tiếng kêu của mụ già, dân chúng từ bốn phía kéo tới; không đông như trong những trường hợp tương tự ba tháng trước đây, nhưng cũng thừa đủ để muốn làm gì thì làm đối với một người đơn độc. Đồng thời cửa sổ lại mở, và mụ đàn bà cục cằn ban nãy lần này nghiêng hẳn người ra ngoài và cũng kêu lên:

- Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Đây hẳn là một trong những thằng kẻ cướp vẫn lảng vảng để bôi vào cửa những nhà tử tế.

Rendô không đứng đó để mơ mộng; anh thấy ngay là nên chạy thoát khỏi đám người này còn hơn đứng đó mà giải thích lí do này nọ. Liếc nhìn sang phải và sang trái, anh tìm xem

phía nào ít người nhất và lao nhanh về phía ấy. Anh ẩy mạnh một người ngáng đường; bằng một cú đấm nảy lửa vào giữa ngực, anh đánh bật lại tám chín bước một người khác đang xô tới, và chạy lao lên, nắm chặt nắm tay gân guốc, sẵn sàng tặng cho bất cứ kẻ nào đến cản đường. Trước mặt anh không có người; nhưng phía sau anh nghe thấy tiếng châm rầm rập, và to hơn cả tiếng chân ấy là những tiếng thét căm thù: "Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Bắt lấy thằng *bôi trát*!" Anh tự hỏi không biết bao giờ họ mới chịu dừng lại và không thấy chỗ nào có thể ẩn nấp được. Cơn giận của anh đã thành điên dại, nỗi lo sợ chuyển thành tuyệt vọng, thế là, không tự chủ được nữa, anh đặt bàn tay lên chuôi dao, rút dao khỏi vỏ đứng sững lại, quay ngắt về phía sau, bộ mặt dữ tợn nhất và hung ác nhất mà cả đời anh chưa bao giờ biểu lộ, và cánh tay dang ra, vung lưỡi dao sáng loáng lên trời:

- Thằng nào có gan thì cứ tiến lên, đồ khốn khiếp! Tao sẽ bôi thật sự bằng cái này!

Nhưng anh hết sức kinh ngạc và cũng có chút thở phào nhẹ nhõm, trông thấy những người đang đuổi anh đã dừng lại và cứ đứng đó, ngập ngừng; trong khi vẫn tiếp tục gào thét, họ vung tay như những thằng điên, có vẻ hướng về những người đang tiến từ xa ở đằng sau anh. Anh quay mình lại và trông thấy (cái mà cơn hoảng loạn của anh không cho anh thấy một phút trước đây) một chiếc xe đang tiến đến và thậm chí cả một dãy xe tang quen thuộc, với đoàn áp tải thường lệ của chúng; rồi ở phía sau một quãng, một tốp người khác có lẽ cũng muốn đuổi bắt thằng *bôi trát* và chẹt nó lại giữa hai đám người, nhưng cũng bị vật chướng ngại này ngăn lại. Tự thấy mình bị kẹp giữa hai làn đạn như thế, anh bỗng nảy ra ý nghĩ rằng cái mà họ khiếp sợ có thể lại là cứu tinh của anh; anh cho rằng

mình chẳng còn thì giờ đâu mà kén chọn. Liền đút dao vào vỏ, dịch sang bên đường, cắm đầu chạy đến đoàn xe, vượt qua cái đầu tiên và trông thấy một chỗ trống trên chiếc xe thứ hai. Anh nhằm vào đó nhảy phốc lên, và thế là anh đã đứng bằng một chân phải trên xe, chân trái đung đưa trong không khí, và hai cánh tay giơ lên.

- Khá lắm, khá lắm! - Bọn *phu dọn dẹp* đồng thanh reo lên; một số tên đi bộ theo đoàn xe, một số khác ngồi lên xe và có cả những tên, để nói đúng sự việc trong tất cả sự kinh tởm của nó, ngồi trên những xác chết, say sưa uống trong một bình rượu lớn mà chúng truyền tay nhau. - Khá lắm! Một cú nhảy tuyệt đẹp!

- Đằng ấy đã đến nhờ sự che chở của các *phu dọn dẹp*! Cũng chẳng khác gì đằng ấy đã ở trong nhà thờ vậy, - một trong những tên ngồi trên chiếc xe mà Rendô vừa nhảy lên nói.

Khi đoàn xe tới gần, phần lớn những kẻ thù của anh vội quay ra chuồn thẳng mà vẫn không ngừng la hét; "tóm cổ lấy nó! Bắt lấy nó! Bắt lấy thằng *bôi trát*!" Một số người rút lui chậm hơn, chốc chốc đứng lại và quay mình về phía Rendô với những nét mặt dữ tợn và cử chỉ hăm dọa; còn Rendô đứng trên xe đáp lại họ bằng những nắm đấm vung lên trời.

- Để đấy cho tao, - một tên *phu dọn dẹp* nói anh; và giật đứt một mảnh vải ghê tởm ở một thây người, hắn nhanh chóng thắt nút miếng vải và cầm một đầu giơ lên như một cái ná chĩa về những kẻ bướng bỉnh kia, vừa làm bộ ném miếng vải vào họ vừa hét lên: - Đợi đấy, quân khốn kiếp! - Cử chỉ ấy khiến họ khiếp sợ chạy dạt đi tấtt cả; và Rendô chỉ còn nhìn thấy ở những kẻ thù của anh những tấm lưng và những gót chân loang loáng trên không, như những chiếc đùi nện của một máy nện dạ.

Trong đám *phu dọn dẹp* vang lên một tiếng hò la đắc

thắng, một trận cười giòn giã, một tiếng "hù!" kéo dài để tống tiễn đám người trốn chạy.

- A ha "đằng ấy thấy chúng tớ cũng biết bảo vệ những người tử tế đấy chứ! - Tên phu dọn dẹp nói với Rendô. - Một người của bọn tớ còn hơn một trăm tên nhát gan ấy!

- Quả thật, tôi có thể nói là tôi đã được các anh cứu sống, - Rendô đáp, - và tôi hết lòng cám ơn các anh.

- Cám ơn cái gì? - Một tên *phu dọn dẹp* nói. - Mày xứng đáng với điều đó: xem chừng mày cũng là một chàng trai tử tế. Mày "bôi" cái lũ súc sinh ấy là phải lắm, bôi chúng đi, diệt chúng đi, cái bọn ấy đáng giá gì đâu, trừ phi chúng đã toi mạng; để đền ơn chúng tao về cuộc sống mà chúng tao phải chịu, bọn chúng nguyền rủa chúng tao và rêu rao rằng một khi bệnh dịch hạch chấm dứt, bọn chúng sẽ treo cổ chúng tao lên tất cả. Nhưng chính bọn chúng sẽ về trầu trời trước cả bệnh dịch hạch, và sẽ chỉ có những *phu dọn dẹp* còn lại, để ăn mừng chiến thắng và sống phè phỡn ở Milăng.

- Dịch hạch muôn năm! Lũ súc sinh chết đi! - Một tên khác kêu lên; và cùng với lời chúc tụng hay ho ấy, hắn đưa lên miệng bình rượu giữ bằng cả hai tay vì xe xóc, tớp một ngụm đầy, rồi chìa bình rượu cho Rendô nói: - Uống đi chúc mừng sức khỏe chúng tao.

- Tôi thành tâm chúc mừng sức khỏe tất cả các anh, - Rendô nói, - nhưng tôi không khát, và quả thật tôi không muốn uống lúc này.

- Theo tớ nhìn, thì đằng ấy bị một phen sợ hết hồn, - tên *phu dọn dẹp* nói. - Tớ thấy đằng ấy có vẻ một thằng khốn khổ: với cái mặt như đằng ấy thì đi *bôi trát* sao được!

- Thằng nào xoay được cánh nào thì cứ xoay, - một tên khác nói.

- Đưa bình rượu đây cho tao, - một tên đi bộ bên cạnh xe nói, - vì tao cũng muốn uống một hụm nữa chúc sức khỏe ông chủ của nó đang có mặt ở đây trong hội này... đó, đó, đúng trong chiếc xe lộng lẫy này đấy.

Và, với một nụ cười dữ tợn và một cái nhếch mép nham hiểm, hắn trỏ cái xe đằng trước chiếc xe Rendô ngồi. Rồi hắn lên mặt nghiêm chỉnh khiến hắn càng có vẻ hung dữ và kinh tởm hơn và cúi rạp xuống chào về phía đó, hắn nói tiếp:

- Thưa ông chủ yêu quý của tôi, chẳng hay ngài có cho phép một tên *phu dọn dẹp* nhỏ bé đáng thương không ra gì được nếm thứ rượu vang trong hầm rượu của ngài không? Ngài thấy chưa: đời là thế! Chính chúng tôi lại đặt ngài lên chiếc xe này và đưa ngài về nghỉ ở thái ấp. Vả chăng rượu hủy hoại những bậc sang trọng các ngài nhanh lắm; bọn *phu dọn dẹp* khốn khổ chúng tôi có dạ dầy khỏe hơn.

Và giữa tiếng cười của các bạn, hắn cầm bình rượu giơ lên; nhưng trước khi uống hắn quay sang Rendô nhìn anh chằm chằm và nói với anh bằng một giọng thương hại khinh bỉ.

- Chắc hẳn con quỷ kí hợp đồng với mày còn sữa lắm, vì giả sử chúng tao ở đó cứu mày, thì nó sẽ giúp mày hay ra trò.

Và được những tiếng cười giòn giã nữa hưởng ứng, hắn dính chặt bình rượu vào môi.

- Còn chúng tao nữa chứ? Còn chúng tao nữa chứ? - Nhiều tiếng hét nhao nhao lên trên chiếc xe đằng trước. Thằng kẻ cướp, sau khi đã uống chán chê, chìa cả hai tay đưa bình rượu lớn cho những tên *phu dọn dẹp* khác, bọn này cứ thế chuyền nhau uống. Khi bình rượu đã cạn, tên uống sau cùng nắm lấy cổ bình, múa tít quanh nhiều hô: "Dịch hạch muôn năm!" và quăng cái bình vỡ tan trên mặt đường. Rồi hắn cất giọng hát một trong những bài hát bẩn thỉu của bọn chúng, và tất cả

những giọng khác lập tức hát theo. Bản đồng ca rùng rợn ấy hòa với tiếng chuông leng keng, tiếng xe cót két, tiếng vó ngựa lóc cóc vang lên trong sự im lặng trống trải của các phố, vọng vào bên trong các ngôi nhà, làm nhức nhối trong lòng một số ít người còn ở đó.

Nhưng có cái gì mà đôi khi ta vẫn có thể quen chịu được? Có cái gì mà trong một số trường hợp nào đó lại không thể làm vui lòng ta? Mối nguy hiểm vừa qua đã khiến Rendô thừa sức chịu đựng được cảnh bầu bạn với những người chết ấy và những người sống ấy; và bây giờ thứ nhạc này gần như dễ chịu với tai anh, vì nó giúp anh thoát khỏi sự lúng túng phải tham dự vào một cuộc trò chuyện như vậy. Hãy còn đang thở dốc ra và hết sức kích động, anh vô cùng cám ơn Thượng đế đã đưa anh thoát khỏi một tình cảnh hiểm nguy đến thế mà không bị thiệt hại gì và cũng không làm ai phải thiệt hại; bây giờ thì anh lại cầu xin Thượng đế giải thoát anh khỏi những người đã cứu mạng anh. Ngồi trong một xó, Rendô rình mò, nhìn bọn *phù dọn dẹp*, rồi nhìn đường phố, để nắm thời cơ có thể lặng lẽ tụt xuống khỏi xe, mà không gây ra điều gì để chung làm ầm lên hoặc sinh chuyện om sòm khiến người đi đường có thể nghi ngờ.

Bỗng nhiên, ở một chỗ ngoặt, anh cảm thấy nhớ ra nơi này: anh nhìn kĩ hơn và tin chắc mình nhớ đúng. Các bạn có biết anh ở đâu không? Ở Đại Lộ Cửa đông, ngay trong cái phố mà cách đây gần hai mươi tháng anh đã từ đó vào thành phố thật bình tĩnh và ra đi thật hấp tấp. Anh nhớ ngay là phố này dẫn thẳng đến trại phòng dịch; và cái việc rơi vào giữa con đường đúng mà không phải tìm kiếm cũng không phải hỏi ai đối với anh như là một đặc ân của Thượng đế và một điềm lành cho sau này. Vừa lúc ấy một viên cẩm đến trước đoàn xe,

thét bọn *phu dọn dẹp* dừng lại, và những tiếng hét chuyển thành những lời cãi lộn ầm ĩ. Một tên *phu dọn dẹp* ngồi cùng xe với Rendô nhảy xuống. Rendô nói với tên kia:

- Cám ơn lòng tốt của các anh: cầu Chúa đền bù cho các anh, - và anh cũng nhảy xuống phía bên này.

- Đi đi, thằng nhỏ *bôi trát* tội nghiệp, - tên này đáp. - Cái thớ chú mình thì làm giảm dân số Milăng thế nào được.

May mà không có ai nghe thấy lời hắn nói. Đoàn xe dừng lại ở hè bên trái đại lộ; Rendô vội sang hè bên phải, đi sát tường, và rảo bước về phía cầu.

Anh qua cầu, đi tiếp theo đường phố ngoại ô, nhận ra viện dòng đạo hành khất. Đến sát bên cổng, anh trông thấy một góc trại phòng dịch, vượt qua bức rào chắn đường, và trước mắt anh là cảnh tượng bên ngoài bức tường trại phòng dịch. Những cái anh nhìn thấy chỉ có thể cho anh một khái niệm thu nhỏ về tất cả những gì còn lại, mà đã là một cảnh khủng khiếp vô cùng rộng lớn và đủ màu đủ vẻ.

Dọc theo hai dãy tường mà đứng từ đây có thể nhìn thấy được, lúc nhúc những người. Chỗ này những con bệnh lũ lượt từng đoàn kéo vào trại phòng dịch; những con bệnh khác ngồi hoặc nằm trên bờ hào dọc tòa nhà, hoặc vì họ không còn đủ sức để vào tận bên trong, hoặc vì từ trong ấy thất vọng bỏ ra, họ cũng không còn đủ sức đi tiếp nữa. Chỗ kia, những kẻ khốn khổ đi lang thang tản mát khắp nơi, như u mê; và nhiều người đã thật sự hoàn toàn mất trí. Một người trong số đó phấn khích lên kể lại những cơn mơ sảng của mình với một kẻ khốn khổ bị bệnh quật ngã đang nằm sóng xượt; một người khác hoảng loạn vật vã; một người khác nữa nhìn quanh mình với vẻ đùa nghịch, dường như anh ta đang xem một buổi biểu diễn vui vẻ. Nhưng cái biểu hiện kì lạ nhất và ầm ĩ nhất của nỗi

vui vẻ lạ lùng ấy là một tiếng hát oang oang không ngưng được cất lên, nó có vẻ không phải từ đám người thảm hại kia phát ra, mà vẫn át tất cả những tiếng nói khác: đó là một trong những bản tình ca thôn dã rất vui vẻ và nhí nhảnh mà người ta gọi là vilanen[1] và nếu đưa mắt tìm xem tiếng hát ấy từ đâu ra, để biết được kẻ nào đã có thể phởn chí đến thế trong cái thời buổi và ở một nơi như thế này, ta sẽ thấy một con người khốn khổ thản nhiên ngồi dưới đáy hào, ngẩng đầu lên gân cổ hát.

Rendô mới đi được vài bước dọc theo phía nam tòa nhà, thì anh nghe thấy trong đám đông một tiếng ồn ào khác thường, và những tiếng kêu lên từ xa: "Coi chừng! Giữ lấy nó!" Anh kiễng chân lên, và trông thấy một con ngựa gầy yếu đang phi nước đại, bị một người cưỡi ngựa còn kì lạ hơn nữa thúc vào sườn: đó là một kẻ mê hoảng, trông thấy con vật đã tháo dây và không ai canh giữ ở bên chiếc xe xác, liền vội nhảy lên, và cứ lấy nắm tay đấm vào cổ ngựa và gót chân thúc vào bụng ngựa, anh ta phóng ngựa lao đi như điên; và lũ *phu dọn dẹp* gào thét đuổi theo sau anh ta; tất cả bị bao phủ trong đám bụi mù và khuất dần phía xa xa.

Như thế chàng trẻ tuổi, choáng váng và mỏi mệt vì phải nhìn thấy biết bao cảnh khổ cực, đi tới ngưỡng cửa cái nói mà có lẽ những sự khổ cực tập trung nhiều hơn những nỗi khổ rải rác suốt dọc đường anh đã đi qua.

Anh vượt qua ngưỡng cửa đó, đi vào dưới cổng vòm và đứng một lúc, đờ đẫn, giữa hành lang.

---

[1] Villanelle: một loạn dân ca thôn dã có thể biểu diễn bằng múa và hát.

Chương ba mươi lăm

Bạn đọc hãy hình dung trại phòng dịch rào kín với một vạn sáu nghìn con bệnh dịch hạch bên trong; tất cả cái khoảng không gian bề bộn ấy, chỗ này là lều và quán, chỗ kia là xe hoặc; hai dãy hành lang có mái che dài vô tận, hun hút, chật ních những con bệnh nằm lẫn lộn với xác chết trên những ổ rơm hoặc ngay trên rợm rạ; và trên khắp cái giường bệnh mênh mông ấy là một đống người lúc nhúc và ồn ào như biển động Khắp nơi những người mới khỏi bệnh, những kẻ mê hoảng, những hộ lí đi đi về về, đứng lại hoặc chạy đi, cúi xuống hoặc đứng lên. Đó là cảnh tượng đập ngay vào mắt Rendô khiến anh đứng sững sờ tại chỗ, ủ rũ và đau buồn. Tất nhiên chúng tôi không có ý định miêu tả cảnh tượng này hết sức chi tiết và hẳn bạn đọc cũng không muốn thế. Chúng tôi đành chỉ để theo dõi chàng trẻ tuổi trong cuộc hành trình đau khổ của anh và chỉ dừng lại cùng với anh, và trong tất cả những điều anh thấy chúng tôi sẽ chỉ nói vừa đủ cần thiết để kể lại những việc làm của anh ở trại phòng dịch và những gì xảy đến với anh.

Từ cái cửa nơi anh đứng lại cho tới ngôi nhà thờ nhỏ ở giữa trại, và từ đó cho tới cửa đối diện có một lối đi để trống, không lều quán và cũng chẳng có công trình xây dựng cố định nào

khác; để ý nhìn kĩ hơn, Rendô thấy ở lối đi ấy diễn ra một cảnh hỗn độn của những xe cộ và những người dọn dẹp đường sá; có những thầy tu dòng đạo hành khất và những người không tôn giáo đang điều khiển công việc, họ xua đuổi những người không có việc gì ở đấy. Sợ rằng chính mình cũng bị xua đi như thế, anh không do dự lẻn vào giữa những túp lều, về phía anh đang đứng, tức là phía bên phải.

Anh tiến lên, bước chân tiện đâu đặt đấy, từ túp lều này đến túp lều khác, liếc nhìn từng cái một và quan sát những chiếc giường lộ thiên đặt ở ngoài, nhìn kĩ những bộ mặt lả đi vì đau đớn, co quắp bởi những cơn đau quằn quại hoặc đờ ra như chết, cố tìm trong đó khuôn mặt mà anh sợ phải tìm thấy. Nhưng anh đã đi một quãng khá dài và ngắm đi ngắm lại như thế nhiều lần một cách đau lòng mà chẳng thấy một phụ nữ nào: cho nên anh nghĩ rằng họ phải ở một nơi riêng biệt. Và anh đã không nhầm: nhưng không gì có thể chỉ cho anh thấy, hoặc khiến anh có thể đoán ra chỗ nào. Thỉnh thoảng anh gặp những nhân viên làm việc rất khác nhau về vẻ mặt, cử chỉ và y phục cũng như về động cơ đã đem lại cho những con người ấy một sức sống như nhau để làm tròn những công việc như thế: người thì vì mọi tình thương đã nguội tàn trong lòng họ, kẻ thì do một tình thương siêu phàm đã thôi thúc họ. Nhưng Rendô không dám hỏi bất cứ một ai trong đám người này, vì sợ nhỡ ra lại sinh chuyện khó khăn; và anh quyết định cứ tiếp tục đi mãi cho đến khi tìm ra khu nhà ở của phụ nữ. Vừa đi anh vừa chăm chú quan sát quanh anh, mặc dầu thỉnh thoảng anh buộc phải ngoảnh đi chỗ khác với đôi mắt buồn rầu và như đã lóa đi trước bao cảnh khổ cực. Nhưng biết nhìn đâu, cho con mắt nghỉ ngơi ở chỗ nào, nếu không phải ở những cảnh khổ khác?

Đến cả không khí và bầu trời cũng làm tăng thêm sự khủng khiếp của cảnh tượng này: nếu như nó vẫn còn làm tăng thêm được. Sương mù dày đặc dần, và chất thành những đám mây lớn mỗi lúc một tối sầm lại, khiến ta có thể tưởng như sắp đến một đêm giông tố nếu ta không thấy lóe ra, giữa bầu trời mù mịt một vừng thái dương nhợt nhạt tỏa ánh sáng mờ đục ra xung quanh, và trút xuống một khí nóng u uất nặng nề. Thỉnh thoảng, giữa tiếng rì rầm kéo dài của đám người hỗn độn ấy, người ta nghe thấy một tiếng sấm ù ù, như ngắt từng cơn và không rõ; cho dù lắng tai nghe, ta cũng không thể phân biệt được tiếng sấm từ đâu đến, và ta có thể cho rằng đó là tiếng một đoàn xe rầm rập từ xa đột nhiên dừng lại. Trên những cánh đồng xung quanh, cây cối im phăng phắc, không một con chim nhỏ đến đậu hoặc từ đó bay đi; chỉ có đàn én hiện ra trên mái nhà trại phòng dịch, xòe cánh lướt xuống, dường như muốn bay là là mặt đất, nhưng khiếp sợ trước tất cả đám người nhung nhúc ấy, chúng vội tung cánh bay đi. Nếu vào một thời tiết như thế này, trong một đoàn lữ khách sẽ không ai muốn phá tan sự im lặng; người đi săn thì bước đi trầm ngâm, mắt nhìn xuống đất; và cô thôn nữ đang cuốc đất trên đồng ngừng hát lúc nào không biết. Một thời tiết báo trước cơn bão, trong đó thiên nhiên, bề ngoài có vẻ lặng yên nhưng bên trong đang rung chuyển, dường như đè lên tất cả mọi sinh vật và khiến cho mọi việc làm, sự nghỉ ngơi, và ngay cả bản thân sự sống cũng trở thành một cái gì nặng nề và khó nhọc. Nhưng ở nơi này dành cho cảnh đau khổ và cái chết, người ta thấy con người đã phải vật lộn với bệnh tật còn bị quỵ xuống dưới sự đày ải mới; người ta thấy hàng trăm và hàng trăm con người bệnh trạng nặng gấp lên, và cuộc đấu tranh cuối cùng của họ cũng hiểm nghèo hơn,

những cơn đau của họ kịch liệt hơn, những tiếng rên rỉ của họ nghẹn ngào hơn: có lẽ chưa khi nào cái nơi cùng khốn này lại sống một giờ ác liệt đến như thế.

Chàng trẻ tuổi đã quanh đi quanh lại khá lâu mà không kết quả trong chốn mê cung của những lều quán ấy, thì bỗng nhiên, giữa những tiếng rên rỉ khác nhau và tiếng rì rầm hỗn độn, anh bắt đầu phân biệt một hợp âm lạ lùng của tiếng trẻ khóc lẫn tiếng dê kêu. Anh tới ngay trước mặt một hàng rào ghép bằng những tấm ván nứt nẻ và long lở: cái tiếng khác thường chính là từ trong đó vẳng ra. Anh ghé mắt nhòm qua một khe rộng giữa hai tấm ván, trông thấy một khu rào kín đầy những túp lều rải rác, và trong những túp lều ấy, cũng như trên cái bãi nhỏ bỏ trống, là một trạm xá với những hài nhi đặt nằm trên những chiếc nệm nhỏ, trên những cái gối, những tấm vải trải giường giăng ra hoặc những ổ rơm lót trong nôi; xung quanh chúng tíu tít những chị vú nuôi và những người đàn bà hác; và cái điều thu hút sự chú ý hơn hết, đó là những con dê cái, đứng lẫn với những người đàn bà ấy và trở thành những con vật đắc lực cho họ: một hài nhi viện, theo như địa điểm và thời gian cho phép dựng lên. Thật kì lạ, tôi nhắc lại, cái cảnh tượng một số trong những con vật ấy đứng yên lặng bên trên những hài nhi và cho chúng bú; lại có những con khác nghe tiếng khóc oa oa chạy đến, nhưng được thúc đẩy bởi tình mẫu tử, đứng lại bên đứa nhỏ, và vừa kêu be be vừa cố xoay xở đặt mình bên trên đứa bé, như để yêu cầu người ta đến giúp cho cả hai.

Đó là những chị vú nuôi ngồi bồng những hài nhi đang ngậm vú; một số người biểu lộ tình âu yếm đến mức người ta có thể tự hỏi không biết họ đến đây là vì đồng lương hay, đúng hơn, vì một tình thương tự giác sẵn sàng đến với những ai

thiếu thốn và đau khổ. Một người trong số đó, vô cùng tủi cực, buông rời khỏi bầu vú cạn sữa của mình đứa con nhỏ đáng thương khóc ré lên và buồn bã đi tìm con vật có thể thay thế chị. Một người khác trìu mến nhìn đứa nhỏ đang ngậm vú mình ngủ và, sau khi khẽ hôn bé, chị đi vào túp lều đặt nó lên nệm. Còn người thứ ba đưa vú mình cho con người khác bú, không phải với vẻ dửng dưng, mà với tất cả sự ân cần, rồi chằm chằm nhìn lên trời; chị nghĩ đến cái gì, trong dáng điệu ấy, với cái nhìn ấy, nếu không phải đến một đứa con của chị có lẽ mới đây thôi còn bú bầu sẽ chị và có lẽ đã chết bên bầu sữa ấy? Nhiều người đàn bà khác có tuổi hơn thì làm những công việc khác. Một bà nghe tiếng khóc của một đứa nhỏ chạy đến, bế nó lên và mang nó tới bên một con dê cái đang gặm một đống cỏ tươi, chìa đứa nhỏ vào đầu vú con dê, vừa mắng mỏ vừa vuốt ve con vật thiếu kinh nghiệm để nó nhẹ nhàng làm cái việc người ta yêu cầu nó. Có bà vội đến bế một đứa nhỏ đáng thương mà một con dê, vì mải cho đứa khác bú đã để một châm giẫm phải; một bác khác bồng đứa nhỏ đi đi lại lại hát một bài hát ru con, khi thì cố hát ru nó ngủ, khi thì cố nựng cho nó nín và gọi nó bằng cái tên mà chính bà đã đặt cho nó Vừa lúc ấy một vị tu sĩ dòng đạo hành khất có bộ râu bạc trắng đi đến, bế hai đứa nhỏ đang khóc thét lên mỗi đứa một bên tay, mà ông vừa nhặt được bên những người mẹ của chúng mới qua đời; một bà chạy tới đón nhận chúng, và đưa mắt tìm xem trong đám những chị vú nuôi và đàn dê cái ai có thể thay thế ngay cho mẹ chúng.

Đã nhiều lần chàng trẻ tuổi, nóng ruột với ý định đầu tiên và mãnh liệt nhất của mình, đã rời khỏi khe ván để ra đi; nhưng rồi anh lại ghé mắt vào nhìn một lúc nữa.

Cuối cùng anh đứng lên, đi men theo hàng rào, cho đến

khi một dãy lều áp sát hàng rào buộc anh phải rẽ ngang. Anh bèn đi dọc theo những túp lều, với ý định tìm lại hàng rào và đi theo nó đến cùng, để xem sau đó là cái gì. Và thế là, trong khi anh nhìn trước mặt để tìm đường, và một sự xuất hiện bất ngờ, thoáng qua chốc lát đập vào mắt anh, khiến anh boàng hoàng. Anh trông thấy, cách mình chừng một trăm bước và vụt biến ngay giữa những lều quán, một tu sĩ dòng đạo hạnh khất, nhưng một tu sĩ mà ngay từ xưa và chỉ thoáng qua anh đã nhận ra dáng dấp; hình dạng của Crixtôfôrô.

Các bạn thử tưởng tượng trong tâm trạng hồi hộp và nóng ruột như thế nào anh lao về phía đó, và bắt đầu đi loanh quanh để tìm kiếm, đằng trước, đằng sau, bên trong, bên ngoài, trong khắp cả chốn mê cung ấy, cha đến khi anh vui mừng khôn xiết trông thấy chính hình dạng đó, chính vị tu sĩ đó, ở gần anh, đang đi xa dần với cái bát lớn trong tay, tiến đến một túp lều; rồi anh trông thấy ông ngồi trên bậc cửa túp lều này, làm dấu thánh giá trên cái bát đặt trên đùi, nhìn xem xung quanh như một con người luôn luôn phải cảnh giác đề phòng, và bắt đầu ăn. Đúng là cha Crixtôfôrô rồi.

Từ khi chúng ta trông thấy ông đến nay, chỉ cần vài lời là đủ kể lại câu chuyện của ông. Ông chưa bao giờ rời chân khỏi Rimini và thậm chí cũng không nghĩ đến điều ấy, nếu như bệnh dịch hạch vừa nổ ra ở Milăng không cho ông cơ hội, mà ông hằng mong ước, hiến mình cho đồng loại. Ông đề nghị, ông tha thiết cầu xin được phái đến đó để giúp đỡ và phục vụ những người mắc dịch hạch. Viên bá tước bác của Đôn Rôđrigô đã chết; vả chăng người ta cần đến những y tá hơn là những nhà chính trị: cho nên ước muốn của ông được chấp thuận không khó khăn gì. Ông đến ngay Milăng, và vào trại phòng dịch. Ông đã ở đây được chừng ba tháng.

Nhưng niềm vui của Rendô khi gặp lại vị tưu sĩ nhân đức của mình không phải không có phút giây vẩn đục. Khi nhìn kĩ để tin chắc đúng là ông thật, anh đồng thời cũng phải thấy ông thay đổi quá nhiều. Cái cách đứng ngồi khó nhọc, khuôn mặt xanh xạo hốc hác của ông, tất cả để lộ ra một cơ thể kiệt quệ, ốm yếu, tàn tạ, mà chỉ còn một nỗ lực tinh thần duy nhất luôn luôn phải giúp ông chống đỡ.

Cả ông nữa cũng chăm chú nhìn chàng trẻ tuổi đang tiến đến phía ông, tuy nhiên anh không dám nói, chỉ cố làm sao để ông chú ý đến và nhận ra mình.

- Ô kìa! Cha Crixtôfôrô! - Cuối cùng anh cũng nói, khi đã tới khá gần để có thể nói khẽ mà cha vẫn nghe được.

- Con ở đây ư? - Vị tu sĩ nói, đặt bát xuống đất và đứng lên.

- Sức khỏe của cha thế nào, thưa cha? Sức khỏe của cha thế nào?

- Khá hơn so với nhiều người khốn khổ mà con thấy ở đây, - vị tu sĩ đáp và giọng ông yếu ớt, khàn khàn, thay đổi như hầu hết cơ thể ông. Chỉ có đôi mắt là vẫn như trước, thậm chí còn có gì đó tinh anh hơn và rực sáng hơn; dường như lòng nhân đức đã trở thành tuyệt đỉnh vào lúc kết thúc sự nghiệp của ông và vui mừng cảm thấy đang xích gần lại với ngọn nguồn của nó, đã đem lại cho đôi mắt ấy một ngọn lửa rực sáng hơn là và trong trẻo hơn cái ngọn lửa đang dần dần bị dập tắt trong ông do sự tàn tạ của cơ thể.

- Thế còn con, - ông nói tiếp - con làm thế nào mà lại ở đây? Con đến đây liều mình với bệnh dịch hạch làm gì?

- Con đã mắc bệnh ấy rồi, nhờ trời. Con đến... để tìm Luxia.

- Luxia? Luxia ở đây ư?

- Cô ấy ở đây; ít ra con cũng hi vọng cô ấy vẫn còn ở đây.

- Cô ấy là vợ con à?

- Ồ, thưa cha kính yêu. Không, cô ấy không phải là vợ con. Cha không biết gì về tất cả những chuyện đã xảy ra ư?

- Không, con ạ: từ khi Chúa bắt ta phải xa các con, ta chẳng còn biết gì hơn nữa; nhưng bây giờ Chúa đã phái con đến gặp ta, ta không thể giấu con là ta rất muốn biết tất cả những điều đó. Nhưng... cái việc truy nã con thế nào?

- Vậy là cha đã biết họ làm gì con rồi?

- Nhưng còn con, con đã đi làm gì?

- Thưa cha thế này: nếu con muốn nói rằng con đã xử sự khôn ngoan trong cái ngày hôm ấy ở Milăng thì có lẽ là con nói dối; nhưng còn những hành động xấu xa thì con không làm đâu.

- Ta tin con, và thật ra ta đã tin như thế từ trước.

- Vậy bây giờ con có thể nói hết với cha.

- Khoan đã, - vị tu sĩ nói; ông ta ra khỏi túp lều vài bước và gọi: - Cha Víchto!

Chẳng mấy chốc một thầy tu trẻ dòng đạo hành khất chạy lại, ông nói với thầy tu ấy:

- Cha Vichto, tôi vào trong này một lát, cha làm phúc trông nom hộ tôi những con người đáng thương của chúng ta; nhưng nếu có ai hỏi tôi thì cha cứ gọi tôi. Nhất là bệnh nhân mà cha cũng biết đây! Nếu anh ta có chút dấu hiệu nào hồi tỉnh, cha làm ơn báo tôi ngay.

- Cha cứ yên tân, - thầy tu trẻ đáp; và ông già quay sang nói với Rendô:

- Ta vào đây. Nhưng mà... - ông đứng lại nói thêm, - ta thấy con có vẻ đói lả ra rồi, chắc hẳn con cần ăn lắm.

- Dạ đúng thế, - Rendô nói, - bây giờ cha nhắc đến, con mới nhớ là con chưa ăn gì cả.

- Đợi nhé, - vị tu sĩ nói; ông lấy một bát to khác đến bên chảo múc đầy bát, trở lại đưa thìa cho Rendô, để anh ngồi trên một nệm rơm vốn là giường ngủ của ông; rồi ông đi đến thùng rượu ở góc lều rót đầy cốc đặt lên một cái bàn nhỏ trước mặt khách; cuối cùng ông lại lấy cái bát ô tô của ông và ngồi bên chàng trẻ tuổi.

- Ồ, cha Crixtôfôrô, Rendô nói. - Có phải phận sự của cha là làm những việc như vừa rồi đâu? Cha bao giờ cũng cứ như thế. Con thành thật cám ơn cha tự đáy lòng.

- Việc gì phải cám ơn ta, - vị tu sĩ nói, đó là tài sản của những nghèo khổ thôi; mà lúc này là một người nghèo khổ. Bây giờ con hãy nói ta nghe những gì ta chưa biết về cô bé Luxia đáng thương ấy; và nói nhanh lên, vì ta có ít thời gian và nhiều việc phải làm, như con thấy đấy.

Rendô vừa ăn vừa kể lại câu chuyện Luxia: cô đã được thu nhận vào tu viện Môda như thế nào, cô đã bị cướp đi như thế nào... Cứ nghĩ đến bao nỗi đau khổ và tai nạn tầy đình như thế, cứ nghĩ rằng chính mình đã gửi gắm cô gái vô tội đáng thương đến đó, vị tu sĩ nhân đức lại nghẹn ngào, nhưng lập tức ông thở phào nhẹ nhõm khi biết cô đã được cứu thoát một cách kì diệu như thế nào, rồi được trả về với mẹ cô, và được mẹ cô đến ở nhà bà Đônna Praxet.

- Bây giờ con xin nói đến chuyện con. - Rendô nói tiếp; và anh kể lại vắn tắt cái ngày hôm ấy ở Milăng, cuộc trốn tránh của anh, và anh đã phải luôn luôn sống xa quê hương như thế nào cho đến cái ngày tất cả đảo lộn hết và anh đánh liều trở về làng; anh đã không tìm thấy bà Anhedơ ở đó như thế nào và ở Milăng anh đã biết tin Luxia vào trại phòng dịch như thế nào.

- Và bây giờ con ở đây, - anh kết luận, - con ở đây để tìm cô

ấy, để xem cô ấy còn sống không và cô ấy... có còn muốn lấy con nữa không... bởi vì... đã có lần.

- Thế nhưng, - vị tu sĩ hỏi, - con có được tin gì về cái nơi người ta đưa cô ấy đến, và con có biết cô ta đến đây khi nào không?

- Con không biết gì hết, thưa cha kính yêu, không biết gì hết ngoài một điều là, cô ấy ở đây, nếu như tất nhiên, cô ấy vẫn còn sống, cầu trời như vậy!

- Chao ôi, chàng trai đáng thương của ta! Nhưng cho đến nay con đã tìm kiếm ra sao rồi?

- Con đã sục sạo khắp nơi; nhưng tựu trung, có thể nói là cho đến nay con chỉ thấy toàn đàn ông. Con cho rằng chắc hẳn phụ nữ phải ở một nơi riêng biệt, nhưng con chưa bao giờ tới đó được: nếu đúng như vậy, xin cha chỉ cho con.

- Con của ta, chẳng lẽ con không biết là người ta cấm những đàn ông không có việc gì thì không được vào nơi ấy hay sao?

- Chà, nếu con cứ vào thì con có làm sao?

- Phép tắc đặt ra đúng và thiêng liêng, con yêu quý của ta ạ: và nếu do những tai họa quá nhiều và quá nặng nề mà nó không được tuân thủ thuật nghiêm ngặt thì đấy có phải là lí do để một người lương thiện vi phạm nó không?

- Nhưng, thưa cha Crixtôfôrô! - Rendô nói. - Luxia phải là vợ con; cha biết chúng con đã phải chia lìa nhau trong hoàn cảnh như thế nào; đã hai mươi tháng trời con đau khổ và chờ đợi; con đã đến tận đây, liều mình xông pha, hết nguy nan này đến nguy nan khác, thế mà bây giờ...

- Ta không biết nói với con thế nào, - vị tu sĩ nói, đáp lại những suy nghĩ của mình hơn là những lời của chàng trẻ tuổi. - Ý định của con thì tốt; và mong sao tất cả những người được tự do lui tới nơi này đều cư xử như ta có thể tin chắc là con sẽ

cư xử. Chúa nhất định ban phước cho con về lòng kiên định đi tìm một người mà Chúa đã ban cho con, Chúa nghiêm khắc hơn con người, nhưng cũng rộng lượng, Chúa chắc chắn sẽ tha thứ cho những gì có thể là không chính đáng cho lắm trong cách của con đi tìm cô gái ấy. Chỉ có điều con hãy nhớ rằng cả hai ta rồi sẽ phải trả lời về hành vi của con ở nơi này, có lẽ không phải với những con người, nhưng chắc chắn là với Chúa. Con lại đây.

Nói xong ông đứng lên, và Rendô cũng đứng lên theo; trong khi nghe vị tu sĩ, chàng trẻ tuổi tự nhủ sẽ không nói đến lời thề nguyền ghê gớm của Luxia, như anh đã có ý định, ngay từ đầu. "Nếu cha biết cả điều này, - anh nghĩ, - chắc chắn cha sẽ gây cho ta nhiều khó khăn khắc nữa. Hoặc là ta tìm thấy nàng, và ta vẫn còn thời gian để nói với điều đó; hoặc là... thế thì sao còn nói làm gì nữa?

Vị tu sĩ dẫn Rendô ra khỏi túp lều, nó ở về phía bắc, rồi lại nói:

- Con nghe đây: cha Fêlich của chúng ta, người phụ trách trại phòng dịch ở đây, hôm nay đưa một số người mới khỏi bệnh ra ngoài, để họ phải qua thời gian cách li kiểm dịch ở nơi khác. Con có trông thấy nhà thờ ở giữa trại kia không? - Và giơ bàn tay gầy guộc run rẩy, ông trở về phía bên trái, cái móc tròn của nhà thờ nhỏ nhô lên trong bầu không khí vẩn đục bên trên những túp lều thảm hại; và ông nói tiếp: - Hiện giờ họ phải tập hợp chung quanh nhà thờ, để đi ra thành đoàn theo cái cổng mà từ đó con đã vào.

- A! Vậy ra vì thế mà người ta dọn đường đấy.

- Đúng vậy; và chắc hẳn con cũng đã nghe thấy tiếng chuông nhà thờ chứ?

- Con đã nghe thấy một lần.

- Đó là tiếng chuông thứ hai: đến tiếng chuông thứ ba họ sẽ tập hợp đông đủ: cha Fêlich sẽ nói với họ vài lời, rồi cùng đi với họ. Còn con, đến tiếng chuông thứ ba, con cố làm sao có mặt ở đó, con hãy đứng sau đám người ấy, ở một bên đường, từ đó con có thể nhìn họ đi qua mà không làm phiền ai và không bị người ta để ý; và con hãy nhìn, nhìn cho kĩ... xem cô ta có ở đó không. Nếu Chúa không muốn cô ta ở đó, thì con nhìn khu nhà kia. - Và ông lại giơ tay chỉ khu nhà ở đằng trước mặt họ, - khi nhà ấy và một phần khoảnh đất đằng trước là dành cho phụ nữ. Con sẽ thấy một hàng rào bằng ván ngăn nó với khu của chúng ta đây; nhưng hàng rào có những chỗ có lỗ thủng, khiến con vào chẳng khó khăn gì. Một khi đã ở trong đó rồi, nếu con không làm gì để người ta phải ngờ vực, thì chắc hẳn sẽ không ai nói gì con đâu. Nhưng nếu con gặp trở ngại gì, thì cứ nói là cha Crixtôfôrô ở đây biết con và bảo lãnh cho con. Con đi tìm cô ấy đi, đi tìm cô ấy đi, với lòng tin tưởng và... nhẫn nhục. Bởi vì con nên nhớ rằng con đến tìm ở đây không phải một điều gì dễ thấy: con đi tìm một người còn sống trong trại tập trung bệnh nhân dịch hạch! Con có biết đã bao lần ta phải nhìn đám dân đáng thương này thay đổi trước mắt ta không! Ta đã thấy người ta chở đi biết bao người! Và rất ít người có thể tự mình ra khỏi nơi đây! Con đi đi và hãy sẵn sàng đón nhận mọi hi sinh...

- Vâng, con hiểu lắm, - Rendô ngắt lời, đôi mắt đục ngầu và mặt biến sắc, - con hiểu! Con sẽ đến đó: con sẽ nhìn kĩ, con sẽ tìm từ nơi này đến nơi khác, trong khắp trại phòng dịch, tìm ngược tìm xuôi... và nếu con trong tìm thấy cô ấy...!

- Nếu con không tìm thấy cô ấy thì sao? - Vị tu sĩ nghiêm nghị nói, chăm chú nhìn anh với cái nhìn như thể cảnh cáo.

Nhưng Rendô, mà cơn giận dữ do hoài nghi kết quả cuộc tìm kiếm đã khiến anh nổi khùng lên, nhắc lại và nói tiếp:

- Nếu con không tìm thấy cô ấy, con sẽ cố tìm thấy một kẻ khác. Hoặc ở Milăng, hoặc trong tòa án lâu đài khốn kiếp của hắn, hoặc tận chân trời góc bể, hoặc ở ngay hang quỷ, và con sẽ tìm ra cái thằng kẻ cướp ấy đã chia lìa chúng con; cái thằng vô lại ấy nếu không có nó thì Luxia đã là vợ con từ hai mươi tháng nay rồi; và nếu số phận chúng còn phải chết, ít ra chúng con cũng cùng chết với nhau. Nếu nó còn sống, cái thằng ấy, con sẽ tìm thấy nó...

- Rendô! - Vị tu sĩ nói, nắm lấy cánh tay anh và nhìn anh càng nghiêm nghị hơn nữa.

- Và nếu con tìm thấy nó, - Rendô nói tiếp, cơn giận đã khiến anh hoàn toàn mất trí, - nếu bệnh dịch hạch chưa trừng trị nó... Đã qua rồi cái thời một tên hèn nhát, được lũ *lâu la* bao bọc, có thể đẩy đọa người ta tới chỗ cùng đường tuyệt vọng và giễu cợt người ta: bây giờ là lúc mọi người có thể mặt đối mặt gặp nhau: và... sự trừng trị ấy, chính con sẽ đảm nhiệm!

- Kẻ khốn khổ! - Cha Crixtôfôrô kêu lên, bằng một giọng đã lấy lại tất cả sức mạnh xưa kia và tất cả đó âm vang của nó. - Kẻ khốn khổ! - Và đầu ông đang gục xuống ngực ngẩng lên; đôi má ông lại đỏ bừng màu sắc xưa kia; và đôi mắt nảy lửa của ông có cái gì thật ghê sợ. - Hãy nhìn đây, kẻ khốn khổ! - Và trong khi một bàn tay ông riết chặt cánh tay Rendô ông huơ bàn tay kia trước mặt mình, cố chỉ ra khắp chốn xa xa cái cảnh tượng đau lòng đang vây bọc lấy họ. - Hãy nhìn ai là Người trừng phạt! Ai là Người phán xử còn bản thân mình thì không bị phán xử! Ai là người đánh đòn và tha thứ! Còn ngươi, con giun đất, ngươi muốn thi hành công lí! Vậy chính ngươi, ngươi có biết công lí là gì không? Đi, đi kẻ khốn khổ, đi ngay! Còn ta, ta đã hi vọng... Phải, ta đã hi vọng là trước khi

ta qua đời, Chúa sẽ ban cho ta niềm an ủi được biết tin Luxia đáng thương của ta còn sống, có thể ta còn được gặp cô bé nữa, và được nghe cô hứa sẽ cất lời cầu nguyện trước nấm mồ ta yên nghỉ. Đi đi, ngươi lấy mất niềm hi vọng của ta. Chúa không để lại cô ta trên trái đất này cho ngươi đâu; còn ngươi, chắc chắn ngươi cũng không dám cả gan tự thấy mình xứng đáng để Chúa nghĩ đến việc an ủi ngươi. Chúa hẳn sẽ nghĩ đến cô, bởi vì cô là một trong những tâm hồn đáng được hưởng những niềm an ủi vĩnh hằng. Đi đi! Ta không còn thời giờ nghe ngươi nói nữa.

Nói vậy rồi ông ấy cánh tay Rendô và đi đến một túp lều bệnh nhân.

- Cha ơi! - Rendô vừa nói vừa đi theo ông với một vẻ cầu khẩn. - Chẳng lẽ cha lại đuổi con đi như thế hay sao?

- Thế nào! - Vị tu sĩ dòng đạo hành khất nói tiếp với một giọng không kém phần nghiêm khắc. - Ngươi còn dám đòi hỏi ta lấy cắp thời giờ của những người khổ cực này đang đợi ta nói với họ về sự xá tội của Chúa, để nghe những tiếng kêu điên dại, những ý định trả thù của của ngươi? Ta đã lắng nghe ngươi khi ngươi cầu xin sự an ủi và giúp đỡ; ta đã; mang việc thiện giúp ngươi để đáp lại việc thiện; nhưng bây giờ ngươi ôm ấp ý muốn trả thù trong lòng: ngươi còn muốn gì ở ta nữa? Đi đi. Ở đây ta đã thấy qua đời những người bị lăng nhục mà đã biết tha thứ cho kẻ lăng nhục mình, và những kẻ lăng nhục người khác nhưng vì đau khổ vì không được tự hạ mình trước con người họ đã lăng nhục: ta đã khóc cho tất cả những con người ấy: nhưng với ngươi, thì ta phải làm gì?

- Ôi, con tha thứ cho ông ta! Con tha thứ cho ông ta thật mà, con tha thứ cho ông ta mãi mãi!- chàng trẻ tuổi kêu lên.

- Rendô! - vị tu sĩ nghiêm nghị hơn và bình tĩnh hơn nói

với anh. - Con hãy ngẫm nghĩ về điều đó! và con nói ta hay con đã tha thứ cho ông ta bao nhiêu lần?

Và, sau một lúc không được trả lời, ông bỗng cúi đầu, và bằng một giọng khàn, chậm rãi và nói tiếp:

- Con có biết vì sao ta mặc chiếc áo này không?

Rendô ngập ngừng.

- Con biết chứ!- ông già lại nói.

- Vâng, con biết, - Rendô đáp.

- Cả ta đây, ta cũng đã căm thù: ta đây, ta đã trách con vì một ý nghĩ, vì một lời nói, thì chính ta đối với cái người mà ta ghét cay ghét đắng, mà ta căm thù khôn nguôi, ta đã giết hắn.

- Vâng, nhưng đó là một tên bạo ngược, một trong những kẻ...

- Im ngay!- Vị tu sĩ ngắt lời. - Con tưởng rằng nếu con có một lí do chính đáng nào có thể biện bạch cho mình, ta đã không tìm ra nó từ ba mươi năm nay hay sao? Chà, giá mà giờ đây ta có thể truyền vào lòng con cái tình cảm mà sau đó ta luôn luôn có, và bây giờ vẫn đang có, đối với con người ta đã thù ghét! Giá mà ta có thể! Ta ư? Không, nhưng Chúa thù có thể: hãy để Chúa làm điều đó!... Con nghe đây, Rendô: Chúa yêu con hơn cả con yêu bản thân mình. Con đã có thể tính việc trả thù, nhưng Chúa đã có đủ sức mạnh và tình thương ngăn con làm việc ấy. Chúa khiến con thực hiện sự ân xá của Chúa mà một kẻ khác, than ôi, đã hoàn toàn không xứng đáng với sự ân xá ấy. Con biết đấy chính con đã nhiều lần nói rằng Chúa có thể chặn bàn tay một tên bạo Chúal nhưng con nên biết Chúa cũng có thể chặn bàn tay một kẻ có đầu óc trả thù. Và chẳng lẽ vì con nghèo khổ, vì con bị lăng nhục, mà con cho rằng Chúa không thể bảo vệ một người mà Chúa đã tạo ra theo hình của mình để chống lại con hay sao? Con tưởng là

Chúa cứ để con muốn làm gì thì làm ư? Không! Nhưng con có biết con có thể làm gì được không? Con có thể căm thù và tự hủy hoại mình; khi nuôi dưỡng tình cảm ấy, con có thể bị khước từ tất cả mọi phước lành. Bởi vì, cho dù tình cảnh con thế nào, số phận con ra sao, con hãy tin chắc rằng tất cả sẽ là sự trừng phạt đối với con chừng nào con chưa tha thứ tới mức không bao giờ còn có thể nói được nữa: tôi tha thứ cho ông ấy.

- Vâng, vâng, - Rendô vô cùng cảm động và bối rối nói. - Con hiểu là con chưa bao giờ thật sự tha thứ cho ông ta: con hiểu là con đã nói như một con vật chứ không phải như một tín đồ của Chúa: và bây giờ, với ân huệ của Chúa, vâng, con xin hết lòng tha thứ cho ông ta.

- Vậy nếu con thấy ông ấy?

- Con sẽ cầu Chúa ban cho con lòng nhẫn nhục, và với ông ấy thì Chúa sẽ xúc động lòng ông.

- Thế con có nhớ là Chúa không chỉ dạy chúng ta tha thứ cho kẻ thù của chúng ta, mà còn phải thương yêu họ? Con có nhớ là Chúa đã thương yêu kẻ thù của mình đến nỗi chết vì họ không?

- Thế thì, con lại đây với ta. Con đã nói: "Con sẽ tìm thấy hắn". Lại đây, và con sẽ thấy con có thể thù hằn ai, con có thể ước mong điều ác và muốn làm điều ác đối với ai, và con muốn làm chủ cuộc đời của ai.

Rồi nắm lấy bàn tay Rendô và siết chặt bàn tay ấy với sức lực của một chàng trai khỏe mạnh, ông lại bước đi. Rendô, không dám hỏi gì thêm, đi theo ông.

Đi được vài bước vị tu sĩ dừng lại trước cửa một túp lều, nhìn thẳng vào giữa mặt Rendô với một vẻ vừa nghiêm nghị vừa âu yếm rồi dẫn anh vào bên trong.

Điều đầu tiên người ta trông thấy khi bước vào là một

bệnh nhân ngồi trên đống rơm ở cuối lều; một bệnh nhân mà bệnh trạng không có vẻ nặng mà thậm chí dường như gần khỏi. Trông thấy vị tu sĩ, anh ta lắc đầu như muốn nói: không. Vị tu sĩ cúi đầu với một vẻ buồn rầu và nhẫn nhục. Nhưng Rendô, tò mò và lo lắng đưa mắt nhìn khắp phòng, trông thấy ba bốn bệnh nhân khác, và anh để ý một người nằm riêng trên một cái đệm, ông ta quấn mình trong một tấm vải trải giường và phủ một áo choàng quý tộc thay chăn: anh chăm chú nhìn người ấy, nhận ra Đôn Rôdrigô, và lùi lại một bước; nhưng vị tu sĩ, siết chặt tay anh hơn nữa bằng bàn tay vẫn nắm lấy anh, dẫn anh đến chân giường bệnh và dang tay kia chỉ vào con người đang nằm trên đó.

Con người khốn khổ nằm bất động, mắt mở thao láo nhưng không nhìn gì cả; bộ mặt xanh nhạt và lấm chấm những vết đen; cặp môi đen và phù lên; người ta tưởng như bộ mặt một tử thi nếu một cơn co giật dữ dội không chứng tỏ nó còn sức sống dai dẳng. Ngực hắn chốc chốc phồng lên trong hơi thở hổn hển; bàn tay phải thò ra ngoài áo choàng, ép chặt lấy ngực chỗ gần tim, những ngón tay co quắp cong lên, xám ngắt và đen ở đầu ngón.

- Con xem! Vị tu sĩ nói, bằng một giọng khẽ và trầm. - Cơ thể đây là sự trừng phạt, cũng có thể đây là sự khoan hồng. Tình cảm con bây giờ đối với người đã xúc phạm con như thế nào, thì Chúa, mà tuy vậy con cũng đã xúc phạm, sẽ biểu lộ chính tình cảm ấy đối với con vào ngày cuối cùng của con. Con cầu chúc cho ông ấy đi, và con sẽ được ban phúc. Từ bốn ngày nay ông ấy ở đây trong tình trạng như con thấy, không còn dấu hiệu gì của tri giác. Có lẽ Chúa cũng sẵn lòng ban cho ông ta một giờ sám hối; nhưng Chúa muốn chính con cầu Chúa điều đó; có lẽ Chúa muốn con cầu Chúa điều đó cùng với

Luxia; có lẽ Chúa chỉ dành sự ân xá cho lời cầu nguyện của con thôi, lời cầu nguyện của một tấm lòng đau khổ và nhẫn nhục. Có lẽ sự cứu vớt con người này và sự cứu vớt bản thân con lúc này phụ thuộc vào con, vào tấm lòng khoan dung, tấm lòng trắc ẩn của con... vào tình thương yêu của con!

Ông nín lặng và, cúi đầu trên hai bàn tay chắp lại, ông cầu nguyện; Rendô làm theo.

Họ cầu nguyện như thế trong giây lát thì một hồi chuông vang lên. Với một cử chỉ giống nhau cả hai cùng đứng lên và đi ra. Họ không hỏi han, không hứa hẹn gì với nhau: vẻ mặt họ đã nói thay cho họ.

- Bây giờ thì con đi đi, - vị tu sĩ nói, - con đi đi, sẵn sàng để nhận một ân huệ hoặc chịu hi sinh; và để ngợi ca Chúa, dù kết quả tìm kiếm của con ra sao. Và dù thế nào cũng cũng đến báo cho ta biết; chúng ta sẽ cùng ngợi ca Chúa.

Thế là, không nói gì thêm, họ chia tay nhau; người thì trở về nơi cũ của mình, kẻ thì đi đến ngôi nhà thờ nhỏ chỉ còn cách chừng trăm bước chân.

Chương ba mươi sáu

Mấy ngày trước đây, ai mà có thể nói được với Rendô rằng vào lúc anh dốc nhiều tâm lực nhất ra tìm kiếm, khi sắp bắt đầu những giây phút nghiêm trọng nhất và quyết định nhất đối với anh, thì lòng anh lại bị chia sẻ giữa Luxia và Đôn Rôđrigô? Thế mà như vậy đấy hình ảnh con người này cứ xen vào tất cả những hình ảnh thân yêu hay khủng khiếp mà niềm hi vọng hay nỗi sợ hãi lần lượt gợi lên trong trí anh trong lúc anh bước đi. Những lời anh đã nghe ở chân giường bệnh ấy cứ len vào giữa những tiếng "có" và "không" đang quay cuồng trong đầu óc anh; và anh không thể nói xong một lời cầu nguyện cho cuộc thử thách lớn của mình được thành công tốt đẹp mà không gắn liền vào đó một lời cầu nguyện khác, mà anh vừa mới bắt đầu ở nơi ấy thì bị tiếng chuông ngắt đứt.

Ngôi nhà thờ nhỏ bất giác được cất lên, cao chừng mấy bậc, giữa trại phòng dịch, trong kiến truc ban đầu của nó trông ra tứ phía, không có gì chống đỡ ngoài những trụ và cột: một tòa nhà có thể nói là thông thống, mỗi mặt ngoài là một vòm cuốn giữa hai cột; bên trong, một hành lang bao quanh cái nơi mà người ta có thể gọi đích thực là nhà thờ, nhà thờ này chỉ gồm có tám vòm cuốn nhỏ tương ứng với tám vòm

cuốn của những mặt ngoài, và một nóc tròn ở bên trong; thành ra bàn thờ dựng ngay ở giữa có thể được trông thấy từ tất cả cửa sổ các phòng, của khu nhà vây quanh và gần như từ tất cả mọi điểm trong trại phòng dịch. Ngày nay, khi mà ngôi nhà này được dùng vào một công việc khác hẳn, những khoảng trống của các mặt ngoài được bịt tường kín; nhưng bộ khung cũ vẫn còn nguyên cho thấy rõ tình trạng kiến trúc xưa kia và mục đích ban đầu của nó.

Rendô vừa mới đi được mấy bước thì trông thấy cha Fêlich thấp thoáng trong hành lang nhà thờ và hiện ra dưới vòm cuốn ở giữa, phía trông ra thành phố; chính tại đằng trước nói này tốp người đã tập hợp trên sân bãi và lối đi chính giữa; qua dáng điệu của cha, anh nhận thấy ngay là cha đã bắt đầu thuyết giáo.

Anh đi quanh theo những con đường nhỏ để tới cuối hàng người nghe nói chuyện như người ta đã gợi ý cho anh. Đừng ở đó mà không để ai chú ý đến mình, anh đưa mắt nhìn khắp đám người; nhưng anh chỉ thấy một khối những cái đầu san sát nhau như những viên đá lát tường. Ở giữa, một số đầu phủ khăn choàng hoặc mạng che; anh nhìn chăm chú hơn về phía ấy, nhưng vì cũng không phát hiện được gì anh lại ngước mắt nhìn lên cái điểm đang thu hút tất cả mọi con mắt đổ dồn vào đó. Anh xúc động trong lòng tràn ngập niềm tôn kính khi trông thấy người thuyết giáo, và với tất cả sự chăm chú có thể có của mình, anh lắng nghe một phần bài nói chuyện trọng thể ấy.

- Chúng ta hãy nghĩ đến hàng nghìn và hàng nghìn con người đã ra khỏi nơi này, - và ông giơ một ngón tay lên quá vai chỉ về phía sau mình cái cửa trông ra nghĩa địa Xan Grêgôriô, nơi ấy lúc này có thể nói chỉ là một cái huyệt bao la duy nhất.

- Chúng ta hãy nhìn quanh ta hàng nghìn và hàng nghìn con người đang còn ở đây mà không biết được, tha ôi, rồi họ sẽ phải ra đi theo lối nào: chúng ta hãy nhìn lại ngay bản thân ta, thật quá ít ỏi được ra khỏi đây bình yên vô sự. Cảm tạ Chúa vô vàn! Cảm tạ vì sự công bằng của Chúa, cảm tạ và tình thương của Chúa, cảm tạ khi ta chết, cảm tạ khi ta khỏi! Cảm tại vì sự lựa chọn này của Chúa đã nhằm đúng chúng ta! Ôi, tại sao Chúa đã muốn lựa chọn như thế, hỡi các con, nếu không phải để giữ lại cho mình một nhóm người đã trở nên tốt hơn vì đau buồn nhiệt thành hơn vì biết ơn? Nếu không phải là để chúng ta giờ đây cảm thấy rõ rệt hơn cuộc sống là một tặng phẩm của Chúa, để chúng ta sẽ đánh giá nó xứng đáng như một vật của Chúa ban cho chúng ta và để chúng ta dùng nó vào những việc có thể kính dâng Người? Nếu không phải là để cho kỉ niệm về những nỗi đau khổ của chúng ta sẽ khiến chúng ta thương xót và sẵn sàng giúp đỡ đồng loại của chúng ta? Lúc này thì chúng ta hãy làm sao để cho những người mà cùng với họ chúng ta đã đau khổ, hi vọng và sợ hãi, trong số đó chúng ta đang để lại những họ hàng bè bạn của chúng ta, và rốt cuộc cũng đều là anh em ta cả; chúng ta hãy làm sao để cho những người rồi sẽ thấy chúng ta đi qua cũng cảm thấy được an ủi khi nghĩ rằng dẫu sao vẫn có những người còn sống ra khỏi nơi này, và được cảm hóa bởi thái độ của chúng ta. Chúng ta đừng biểu lộ với họ một niềm vui ồn ào, một niềm vui trần thế vì đã thoát chết, trong khi họ đang còn phải vật lộn với cái chết. Mong sao để họ thấy ta ra đi với lời cảm tạ Chúa và cầu nguyện cho họ; và để họ có thể nói rằng: cho dù không còn ở đây nữa những người này cũng vẫn nhớ đến chúng tôi và vẫn tiếp tục cầu nguyện cho những người khốn khổ chúng tôi. Ta hãy bắt đầu, ngay từ cuộc hành trình này,

ngay từ những bước đầu tiên mà ta sắp đi này, một cuộc sống đầy lòng từ thiện. Những người đã lấy lại sức mạnh cũ hãy đưa cánh tay thân ái cho những người yếu hơn; các bạn trẻ hãy dìu những cụ già, những người đã mất con hãy nhìn xung quanh mình biết bao trẻ em không còn bố mẹ! Hãy là cha mẹ cho chúng! Vì tấm lòng từ thiện ấy, trong khi chuộc lại lỗi lầm của các bạn, cũng sẽ làm dịu cả những đau khổ của các bạn.

Đến đây những tiếng rên rỉ và nức nở vẫn rì rầm vẳng lên từ đám người đứng nghe bỗng im bặt, khi người ta trông thấy nhà thuyết giáo quấn một sợi dây quanh cổ và quỳ xuống: và tất cả im phăng phắc, đợi nghe những điều cha sắp nói.

- Về phần tôi, - ông nói, - và về phần tất cả các bạn tôi, chúng tôi chưa có công trạng gì mà đã được gọi đến nhận cái đặc ân lớn phục vụ Chúa Cứu thế qua các bạn; tôi khiêm nhường xin lỗi các bạn nếu chúng tôi đã không làm tròn một cách xứng đáng chức vụ cao cả ấy. Nếu sự lười nhác, sự bướng bỉnh của xác thịt đã khiến chúng tôi ít quan tâm hơn đến những nhu cầu của các bạn, đáp ứng chậm trễ hơn những lời gọi của các bạn; nếu một sự nóng nảy không đúng đắn, một nỗi ghê tởm tội lỗi đã khiến chúng tôi đôi khi xuất hiện trước mắt các bạn với một bộ mặt bực dọc và khắc nghiệt; nếu đôi khi cái ý nghĩ tồi tàn cho rằng các bạn phải cần đến chúng tôi đã đẩy chúng tôi tới chỗ đối xử với các bạn với tất cả sự khiêm nhường thích đáng, nếu sức khỏe ốm yếu của chúng tôi đã khiến chúng tôi buông thả mình theo một hành động nào đó có thể gây phẫn nộ cho các bạn; thì các bạn hãy tha thứ cho chúng tôi! Cầu Chúa cũng xóa nợ cho các bạn như thế và ban phước lành cho các bạn!

Và sau khi làm một dấu thánh giá lớn về phía cử tọa, ông đứng lên.

Nếu chúng tôi không thể thuật lại những lời thật đúng, ít nhất chúng tôi cũng đã trình bày được ý nghĩa và vấn đề của chúng; nhưng giọng điệu của người nói những lời ấy thì không thể nào miêu tả được. Đó là giọng của một người đã gọi việc phục vụ những bệnh nhân dịch hạch là một đặc ân lớn, bởi vì ông quan niệm việc ấy đúng là như thế; một người tự kết tội mình đã không đáp ứng một cách xứng đáng công việc ấy, bởi vì tình cảm ông đúng là như vậy; một người cầu xin sự khoan hồng bởi vì ông thật sự thấy mình cần được tha lỗi. Thế nhưng những người chỉ nhìn thấy quanh mình những tu sĩ dòng đạo hành khất hoàn toàn bận rộn về việc phục vụ họ, những người đã nhìn thấy biết bao tu sĩ như thế qua đời và bản thân vị tu sĩ đang nói tha cho tất cả kia vẫn luôn luôn là người đầu tiên chỉ huy mọi việc, trừ khi chính ông cũng sắp chết; các bạn thử tưởng tượng những con người ấy đáp lại những lời nói bằng những tiếng nức nở khóc than như thế nào. Sau đó vị tu sĩ đáng kính cầm lấy cây thánh giá lớn dựa bên cột và dựng nó lên trước mặt mình, ông để đôi dép bên bờ hành lang ngoài và đi qua giữa đám người kính cẩn giãn ra tiến lên đứng đầu đoàn diễu hành.

Rendô, nước mắt đầm đìa dường như chính anh là một trong những người được cầu xin sự thứ lỗi kì lạ ấy, cũng lui ra và đến bên một cái lều; và anh đứng đó khuất nửa giờ chờ đợi, thu mình lại và đầu ló ra, đôi mắt mở to và trống ngực đập thình thình, nhưng đồng thời với một niềm tin mới đặc biệt, theo tôi, do được cảm kích vì bài thuyết giáo và do cảnh tượng của sự cảm kích chung truyền cho anh.

Và đây cha Fêlich tới gần, chân đất, sợi dây trên cổ, giơ cao cây thánh giá dài và nặng; khuôn mặt xanh xao hốc hác của ông biểu lộ đồng thời cả sự hối hận và lòng dũng cảm; ông

bước đi chậm rãi và quả quyết như một người chỉ lo làm sao nương nhẹ đi hơi sức mong manh của người khác; và tất cả chứng tỏ ông là một người mà những nỗi khó nhọc và khổ cực càng tăng lên thì chỉ càng có thêm sức mạnh để chịu đựng và vô vàn nỗi khó nhọc gắn liền với trách nhiệm của mình. Đi ngay sau ông là những đứa trẻ hơi lớn một chút, hầu hết chân đất, rất ít em được ăn mặc đầy đủ, nhiều em chỉ phong phanh chiếc áo cánh. Rồi đến những phụ nữ, hầu hết tay dắt một bé gái, và thay phiên nhau hát bài "môdôre" và những giọng hát yếu ớt ấy, những khuôn mặt xanh xao và tiều tụy ấy tự nó cũng khiến cho kẻ nào chỉ đứng xem như một khán giả bình thường cũng phải động lòng thương xót.

Rendô chăm chú nhìn, từ hàng này qua hàng khác, từ khuôn mặt nọ đến khuôn mặt kia, không bỏ sót một khuôn mặt nào; bởi vì đoàn diễu hành đi khá chậm khiến anh có thể tha hồ làm việc đó. Đoàn người đi, đi mãi, và anh không lúc nào rời mắt, mà chỉ mất công vô ích; thỉnh thoảng anh liếc rất nhanh xuống những hàng cuối: chỉ còn vài hàng nữa, và đây hàng cuối cùng, họ đã đi qua tất cả : chỗ nào cũng chỉ thấy những bộ mặt không quen biết. Hai tay buông thõng, đầu ngoẹo xuống một bên vai, anh đưa mắt dõi theo đoàn phụ nữ, trong khi những hàng đàn ông đang diễu qua trước mặt anh. Anh lại bắt đầu chú ý, một niềm hi vọng mới lại trỗi dậy trong khi anh trông thấy, theo sau những hàng đàn ông, xuất hiện những chiếc xe trên đó có bệnh nhân mới khỏi nhưng còn chưa đủ sức đi được. Ở đây phụ nữ đến sau cùng; và đoàn xe đi chậm đến nỗi Rendô cũng có thể quan sát tất cả những phụ nữ ấy không sót một người nào. Nhưng sao? Anh nhìn kĩ xe thứ nhất, xe thứ hai, xe thứ ba, và cứ thế luôn luôn với một kết quả như nhau, cho đến khi chiếc xe cuối cùng chỉ còn một tu sĩ

dòng đạo hành khất theo sau, với vẻ mặt nghiêm trang, gậy trong tay, như người điều khiển đoàn xe diễu hành. Đó là cha Misen, như chúng tôi đã nói, được cử đến giúp cha Fêlich quản lí trại phòng dịch.

Thế là hi vọng tha thiết ấy hoàn toàn tan vỡ; và cùng với nó chẳng những mất luôn cả niềm an ủi nó đem lại cho anh, mà như sự tình thường ấy, nó còn đẩy con người vào một tình trạng tồi tệ hơn trước. Bây giờ khả năng tốt nhất đối với anh là tìm thấy Luxia mắc bệnh. Nhưng mặc dầu một nỗi sợ ngày càng lớn tiếp ngay theo niềm hi vọng mới này, chàng trai khốn khổ vẫn cố thu hết nghị lực bám chặt lấy sợi dây thảm hại và mong manh ấy; anh trở lại con đường cũ và đi về nơi đoàn người đó đi tới.

Khi tới chân nhà thờ, anh đến quỳ xuống ở bậc dưới cùng; và tại đây anh cất lời cầu nguyện Chúa, hoặc nói đúng hơn, đó là một mớ hỗn độn những lời nói đầu Ngô mình Sở; những câu dở dang, những lời ta thán, cầu xin, than thở và hứa hẹn: cái đó không phải để nói với con người, bởi vì họ không đủ sáng suốt để hiểu, cũng không đủ kiên nhẫn để nghe, bởi vì họ không có đủ lòng cao cả để cảm thông với những lời như thế mà không khinh miệt.

Anh đứng lên, anh đã có phần nào mạnh mẽ hơn, đi quanh nhà thờ, tới con đường bên kia mà trước đó anh chưa nhìn thấy con đường thông ra cổng trại. Đi vài bước nữa anh trông thấy hàng rào mà vị tu sĩ đã nỗi với anh, bị đứt từng đoạn, đúng như vị tu sĩ miêu tả, anh đi vào qua một trong những chỗ hở ấy, và tới khu nhà phụ nữ.

Chưa kịp đi thêm bước nào anh đã trông thấy dưới đất một cái chông nhỏ, thuộc loại chuông mà những *phu dọn dẹp* vẫn đeo ở chân; anh chợt nảy ra ý nghĩ là cái dụng cụ ấy có

thể dùng làm một thứ giấy thông hành cho anh ở nơi này; anh nhặt lên, nhìn quanh xem có ai trông thấy không, và buộc nó vào chân như những *phu dọn dẹp* thường làm. Và anh tiến hành ngay cuộc tìm kiếm chỉ riêng với số lượng đối tượng phải quan sát cũng đã khó nhọc kinh khủng cho dù những đối tượng quan sát ấy thuộc một loại khác hẳn. Anh bắt đầu đưa mắt nhìn và thậm chí ngắm kĩ những nỗi khổ cực mới, vừa có phần rất giống vừa có phần rất khác những nỗi khổ cực anh đã thấy; bởi vì mặc dầu anh cùng chung một tai họa, có thể nói là ở đây người ta đau khổ một cách khác, người ta kiệt sức, người ta rên rỉ một cách khác, người ta chịu đựng đau khổ, thương nhau và giúp đỡ nhau một cách khác; và người ngắm nhìn họ cũng cảm thấy một lòng thương xót khác và một nỗi ghê sợ khác.

Anh đã đi không biết bao nhiêu đoạn đường không kết quả và cũng không xảy ra chuyện gì, thì bỗng nghe thấy sau lưng mình tiếng gọi "này!" dường như để gọi anh. Anh quay lại và trông thấy không xa lắm một viên cẩm đang giơ tay ra hiệu là ông gọi anh thật và kêu lên: "Đằng kia kìa, trong những phòng ấy đang cần người giúp đỡ; ở đây quét dọn xong rồi".

Rendô hiểu ngay người ta tưởng nhầm anh là ai, và cái chuông nhỏ chính là nguyên nhân của sự nhầm lẫn ấy; anh tự trách mình ngu xuẩn chỉ nghĩ đến những điều phiền phức mà cái dấu hiệu này có thể tránh cho anh, mà quên đi những điều phiền phức khác nó có thể gây ra; nhưng đồng thời anh cũng nghĩ cách thoát ngay khỏi viên cẩm ấy. Anh vội gật đầu như để nói rằng anh đã hiểu và tuân theo; và anh lẩn vào giữa hai túp lều khuất mắt ông ta.

Khi thấy mình đã đi khá xa, anh cũng nghĩ đến việc thoát khỏi cái vật đã là nguyên nhân của sự hiểu lầm tai hại ấy; và

để làm việc ấy mà không ai thấy, anh ẩn vào chỗ hẻm ngăn cách hai túp lều có thể nói là quay lưng vào nhau. Anh cúi xuống tháo cái chuông nhỏ, và trong khi áp mình vào vách rạ của một túp lều, thì một tiếng nói vẳng đến tai anh... Trời ơi! Có thể như vậy ư? Tất cả con người anh đặt vào đôi tai này, anh nín thở... Phải! Phải! Đúng là giọng nói ấy...

- Sợ gì nào? - Giọng nói dịu dàng ấy cất lên, - ta đã trải qua nhiều tai họa còn hơn cả cơn giông bão. Người đã gìn giữ ta đến tận lúc này thì bây giờ cũng không bỏ ta đâu.

Không phải cái sợ bị lộ đã ngăn Rendô thốt lên một tiếng kêu: đó chỉ vì anh không còn sức. Đầu gối anh khuỵu xuống, mắt anh mờ đi, nhưng chỉ trong chốc lát; giây phút sau anh đã đứng dậy, tỉnh táo, mạnh mẽ hơn trước; với ba bước nhảy anh đã đi vòng túp lều, đứng ở ngưỡng cửa, trông thấy người con gái vừa nói, cô đang đứng cúi xuống một cái giường nhỏ. Nghe tiếng động cô quay mình lại, nhìn, không tin ở mắt mình, tưởng như đang chiêm bao, nhìn chăm chú hơn nữa và kêu lên:

- Ôi, lạy Chúa từ bi!

- Luxia! Anh lại tìm thấy em rồi! Anh đang tìm thấy em đây! Có thật em đó không! Em còn sống! - Rendô kêu lên tiến đến, toàn thân run rẩy.

- Ôi, lạy Chúa từ bi! - Luxia nhắc lại, còn run rẩy hơn nữa. - Anh đấy ư? Chuyện gì thế này? Anh làm sao tới đây được? Anh đến làm gì? Chung quanh toàn bệnh dịch hạch!

- Anh đã bị bệnh rồi. Còn em?...

- Chà, em cũng thế... Còn mẹ em thế nào?...

- Anh không gặp mẹ, vì mẹ ở Paxturô: nhưng anh cho rằng mẹ vẫn khỏe. Còn em... Em còn xanh quá! Nom em yếu quá! Nhưng em khỏi rồi chứ, khỏi hẳn rồi chứ?

- Chúa vẫn còn muốn để em sống trên đời. Chà Rendô! Anh đến đây làm gì?

- Làm gì? - Rendô kêu lên, càng tiến lại gần cô hơn nữa. - Em còn hỏi anh đến đây làm gì? Vì cớ gì anh phải đến đây? Chẳng lẽ anh phải nói với em điều đó nữa hay sao? Vậy anh có thể nghĩ đến ai? Phải chăng anh không tên là Rendô nữa? Còn em, em không phải là Luxia nữa?

- Ôi, anh nói gì thế? Anh nói gì thế? Hay là mẹ em chưa viết thư cho anh...

- Viết rồi, chao ôi, mẹ viết cho anh rồi. Quả là những câu chuyện hay ho báo cho một kẻ khốn khổ bị hành hạ, phiêu bạt, một chàng trai ít ra cũng không làm gì để em phải phiền lòng!

- Nhưng mà, anh Rendô! Anh Rendô! Nếu như anh đã biết rồi... thì anh còn đến làm gì nữa? Anh đến làm gì?

- Đến làm gì? Ôi Luxia! Em hỏi anh: đến làm gì? Sau bao lời thề non hẹn biển! Chẳng lẽ chúng mình không còn là chúng mình như xưa nữa? Em không còn nhớ gì nữa ư? Chúng ta còn thiếu gì?

- Ôi, lạy Chúa! - Luxia đau đớn kêu lên, chắp tay và ngước mắt lên trời. - Tại sao Chúa đã không ban cho con một ân huệ gọi con về với Chúa...! Ôi, Rendô! Anh làm gì thế? Giữa lúc em đã bắt đầu hi vọng rằng... với thời gian... em có thể quên đi...

- Hi vọng đẹp đẽ quá! Những điều hay ho nói thẳng vào mặt tôi thế đây!

- Chà, anh làm gì thế! Và ở một nơi như thế này! Giữa tất cả những nỗi khổ cực này, giữa tất cả những cảnh tượng này! Ở cái nơi mà người ta chỉ, có chết, anh đã có thể...!

- Với những người chết, ta phải cầu Chúa cho họ và hi vọng họ sẽ được an nghỉ nơi cực lạc; nhưng thật không công

bằng nếu ngay cả vì thế mà những người sống cũng buộc phải sống tuyệt vọng...

- Nhưng mà, anh Rendô! Anh Rendô! Anh không chịu suy nghĩ xem anh nói gì à. Một lời hứa với đức Mẹ!... Một lời thề nguyền!

- Còn anh thì anh nói với em rằng đó là những lời hứa hẹn không có giá trị gì cả.

- Ôi, lạy Chúa! Anh nói gì vậy? Anh đã ở đâu trong suốt thời gian ấy? Anh đã đánh bạn với những ai? Anh ăn nói làm sao thế?

- Anh ăn nói như một tín đồ ngoan đạo của Chúa; và đối với Đức Mẹ, anh còn kính trọng hơn em; vì anh tin rằng Đức Mẹ không nhận những lời hứa làm hại người đồng loại của mình. Ví thử chính Đức Mẹ tự nói ra, chà, lúc ấy hãy hay! Nhưng đây là chuyện gì? Một ý nghĩ của riêng em. Em có biết em phải hứa gì với Đức Mẹ không? Em hãy hứa với Đức Mẹ là đứa con gái đầu lòng của chúng ta, sẽ đặt tên nó là Maria: cái đó thì anh sẵn sàng cùng em hứa ngay: đó là những điều làm vinh dự cho Đức Mẹ hơn nhiều, đó là những sự sùng kính có ý nghĩa hơn, và không làm hại ai cả.

- Không, anh đừng nói thế; anh không biết anh đang nói gì đâu; anh không biết thế nào là dâng một lời thề nguyền, anh không ở trong tình cảnh em khi ấy, anh không phải trải qua những cơn thử thách ấy. Anh đi đi, anh đi đi, vì lòng kính Chúa!

Và cô vội vã tránh xa anh, quay trở lại bên giường.

- Luxia! Rendô đứng không nhúc nhích nói, - ít ra em cũng cho anh biết không có lí do này thì... em vẫn một lòng với anh chứ?

- Con người vô tình! - Luxia quay lại đáp, cố nén những

giọt lệ muốn trào ra, - nếu như anh làm cho em phải nói lên những lời vô ích, những lời khiến em đau lòng, những lời có lẽ là tội lỗi, thì anh bằng lòng lắm hay sao? Anh đi đi, chao ôi, anh đi đi! Anh quên em đi! Rõ ràng cái số chúng ta không được chung sống với nhau! Chúng ta sẽ gặp nhau trên kia; vả chăng chúng ta cũng chẳng còn ở lâu trên đời này nữa. Anh đi đi, cố nói cho mẹ em biết là em đã khỏi bệnh, và cả ở đây Chúa cũng vẫn luôn luôn giúp đỡ em, và em đã tìm thấy một tấm lòng tốt, người đàn bà hiền hậu kia, đối với em cũng như mẹ vậy; anh nói với mẹ em là em hi vọng mẹ sẽ tránh được bệnh này, và hai mẹ con em sẽ gặp nhau, vào lúc nào và như thế nào là tùy theo ý Chúa. Anh đi đi, vì lòng kính chúa, và đừng nghĩ đến em nữa... chỉ trừ khi nào anh cầu Chúa.

Và, dường như cô không còn gì để nói nữa không muốn nghe gì thêm nữa, dường như cô muốn thoát cơn tai biến, cô lại càng lui về gần chiếc giường có người đàn bà mà cô vừa nói tới.

- Em nghe đây, Luxia, em nghe đây! - Rendô nói, mà tuy vậy vẫn không tiến lại gần cô thêm một chút nào.

- Không, không; anh đi đi, anh làm phúc đi đi!

- Em nghe đây: cha Crixtôfôrô.

- Cái gì?

- Cha ở đây.

- Ở đây ư? Ở đâu? Anh làm thế nào biết được?

- Anh vừa nói chuyện với cha xong; anh đã ngồi khá lâu với cha; và theo anh thì một bậc tu sĩ như cha...

- Cha ở đây! Tất nhiên là để săn sóc những con bệnh đáng thương. Nhưng còn cha? Cha có mắc bệnh dịch hạch không?

- Chao ôi, Luxia! Anh sợ, anh sợ lắm... - và trong khi Rendô ngập ngừng không muốn nói lên cái tiếng quá đau đớn

đối với anh, và chắc hẳn cũng đau đớn với cả Luxia nữa, cô lại dời khỏi chiếc giường và đến gần anh, - anh sợ bây giờ cha mắc bệnh rồi!

- Ôi, bậc thánh nhân đáng thương! Mà em nói gì nhỉ, cha là người đáng thương ư? Chính chúng ta mới là những kẻ đáng thương. Sức khỏe cha thế nào? Cha có ốm không? Cha có được người ta trông nom không?

- Cha vẫn đứng, đi lại bình thường, trông nom mọi người; nhưng nếu em thấy cha, thấy nước da của cha, em mới hiểu cha đã yếu biết dường nào! Sau khi đã nhìn thấy hàng bao nhiêu con người như thế, chao ôi, người ta không thể nào nhầm lẫn được!

- Ôi, khốn khổ cho chúng ta! Có thật cha ở đây không?

- Thật chứ, và thậm chí gần ngay đây thôi; không xa gì hơn từ nhà em đến nhà anh... nếu em còn nhớ...!

- Ôi, Đức Mẹ Chí Tôn!

- Thôi, được rồi, anh nói thêm chúng nữa. Và em thử nghĩ xem cha đã nói gì với anh về như thế nào! Cha đã nói với anh những điều... Và giá như em biết cha đưa anh xem cái gì nhỉ? Rồi anh sẽ nói với em điều đó; nhưng anh muốn trước hết kể với em những điều cha nói với anh ngay từ đầu, từ chính miệng cha nói ra. Cha nói với anh rằng đến tìm em như thế là phải, một chàng trai cư xử như vậy là rất hợp lòng chúa, và chúa sẽ giúp anh tìm thấy em; và quả thật Chúa đã làm đúng như thế; nhưng cha là một bậc thánh kia mà. Cho nên, em thấy đấy!

- Nhưng nếu cha đã nói như vậy, đó là vì cha không biết...

- Cha làm sao biết được cái việc em tự ý làm không ai chỉ bảo và không hỏi ý kiến ai cả. Một người nhân hậu, một người hiểu biết lẽ phải như cha chẳng bao giờ có những ý

nghĩ như thế được. Còn sự việc mà cha cho anh xem là như thế này!

Và anh kể lại cuộc đến thăm túp lều ấy: mặc dầu mọi giác quan và tâm hồn Luxia trong những ngày này đã phải làm quen với những xúc động mãnh liệt nhất, cô vẫn cảm thấy vô cùng ghê rợn và thương xót.

- Và cả ở đấy nữa, - Rendô nói tiếp, - cha cũng nói như một vị thánh; cha nói rằng có lẽ Chúa đã quyết định xá tội cho con người bất hạnh này... (giờ đây quả thật anh không thể gọi ông ta bằng tên gọi nào khác), rằng chúa đang chờ lúc nào thuận tiện đem ông ta đi; nhưng Chúa muốn chúng mình cùng cầu nguyện cho ông ta... cùng cầu nguyện với nhau, em hiểu chưa?

- Vâng, vâng; chúng ta sẽ cầu nguyện cho ông ấy mỗi người ở nơi nào Chúa sắp đặt: tự Chúa sẽ biết hợp nhất những lời cầu nguyện lại với nhau.

- Nhưng nếu anh nhắc lại với em chính những lời cha nói...

- Nhưng mà, anh Rendô, cha không biết...

- Nhưng lẽ nào em không hiểu rằng khi một vị thánh nói, đó là Chúa phán truyền qua miệng ông? Và ông hẳn sẽ không nói như thế nếu quả thật không hoàn toàn phải như thế... Lại còn linh hồn con người bất hạnh kia? Anh đây, tất nhiên, anh đã cầu nguyện và anh sẽ cầu nguyện cho ông ta: anh đã cầu nguyện bằng tất cả lòng mình, chẳng khác gì đó là một người anh em ruột thịt của anh vậy. Nhưng con người bất hạnh sẽ ra sao, ở thế giới bên kia, nếu tại nơi trần thế này sự việc chưa được thu xếp, và điều ác mộng làm chưa được giải tội? Còn như, nếu em nghe theo lẽ phải, thì tất cả lại như xưa: cái gì xảy ra cũng đã qua rồi, ông ta cũng đã chịu sự trừng phạt trên cõi đời này...

- Không đâu, anh Rendô, không đâu. Chúa không muốn ta

làm điều xấu để rồi Người phải rủ lòng từ bi. Cứ để mặc Người quyết định; về phần mình, bổn phận của chúng ta là cầu Chúa. Ví thử em đã chết đêm ấy, chẳng lẽ Chúa không thể tha thứ cho ông ta hay sao? Và nếu như giờ đây em không chết, nếu em đã được thả ra...

- Thế còn mẹ em, bà Anhedơ tội nghiệp, mẹ vẫn luôn luôn yêu quý anh, vẫn nóng lòng được thấy chúng mình thành vợ thành chồng, chẳng lẽ mẹ cũng không nói với em đó là một ý nghĩ điên rồ hay sao? Đã bao lần mẹ giúp em hiểu ra lẽ phải vì có những việc mẹ nhìn đúng hơn em...

- Ôi mẹ em! Anh muốn mẹ khuyên em nuốt lời thề nguyền ư? Kìa, anh Rendô! Anh không còn là anh nữa rồi!

- Vậy em muốn anh nói với em thế nào? Những người phụ nữ như em không thể biết được những chuyện này đâu. Cha Crixtôfôrô đã dặn anh nếu tìm thấy em thì quay lại nói cho cha biết. Anh đi đây: chúng mình sẽ nghe lời cha những điều cha nói...

- Phải, phải, anh đi gặp bậc thánh nhân ấy đi; anh nói với cha rằng em cầu nguyện cho cha, và xin cha cầu nguyện cho em. vì em cần lắm đến lời cầu nguyện của cha! Nhưng, vì lòng yêu kính Chúa, vì sự cứu vớt linh hồn anh, anh đừng trở lại đây nữa để làm em đau lòng, để dụ dỗ em. Cha Crixtôfôrô sẽ biết cách giải thích cho anh hiểu ra mọi lẽ, khiến anh tỉnh ngộ, cha sẽ giúp anh lấy lại sự thanh thản trong lòng.

- Sự thanh thản trong lòng! Ôi em hãy gạt bỏ cái ý nghĩ ấy đi. Phải, em đã nhờ viết trong thư gửi anh cái lời tồi tệ ấy; còn anh, anh biết tất cả những gì cái lời ấy đã làm anh đau khổ; thế mà bây giờ em còn nỡ lòng nào nói lại với anh cái lời ấy. Về phần anh, trái lại, anh tuyên bố dứt khoát với em rằng anh sẽ không bao giờ để lòng thanh thản được. Em muốn quên anh,

còn anh thì không muốn quên em. Và anh báo trước cho em biết là nếu em làm anh mất trí, thì anh không lấy lại được trí khôn nữa đâu. Nghề nghiệp vứt đi, tư cách con người cũng vứt đi. Em muốn đày đọa anh phải điên dại suốt đời; thì anh sẽ sống như một kẻ điên dại... Còn con người bất hạnh kia! Chúa hiểu anh đã tha thứ cho ông với tất cả tấm lòng mình, nhưng còn em... Vậy là em muốn anh cứ suốt đời phải đeo đẳng cái ý nghĩ giá như không có ông ta?... Luxia! Em bảo anh quên em đi: ước gì anh quên được em! Nhưng anh biết làm sao được? Em tưởng trong suốt thời gian ấy anh có thể nghĩ đến ai?.. Và sau biết bao chuyện xảy ra! Sau bao lời hẹn ước! Còn anh, anh đã làm gì em sau khi chúng mình chia tay nhau? Có phải vì anh đã đau khổ cho nên bây giờ em đối xử với anh như thế chăng? Có phải vì anh đã mang tai mang họa? Có phải vì người đời đã hành hạ anh? Có phải vì anh đã sống bao ngày buồn thảm xa nhà và xa em? Có phải vì ngay khi cơ hội vừa tới, anh đã vội vã đi tìm em?

Khi những tiếng nức nở đã có thể cho phép cô thốt lên lời, Luxia kêu lên, hai tay chắp lại và đôi mắt đẫm lệ ngước lên trời:

- Ôi Đức Mẹ Chí Tôn, xin Người phù hộ con! Người biết là từ đêm ấy, con chưa bao giờ phải sống một giây phút nào như thế này. Người đã cứu vớt con khi ấy; giờ đây xin Người cũng lại cứu vớt con!

- Ồ, Luxia. em cầu cứu Đức Mẹ là phải: nhưng tại sao em cứ muốn tin rằng Đức Mẹ nhân từ như thế, người mẹ của tình thương, lại có thể bằng lòng làm khổ chúng ta... ít nhất cũng làm khổ anh... vì một lời buột miệng vào cái lúc chính em cũng không biết em nói gì nữa? Vậy em có thể tin rằng Đức Mẹ đã cứu giúp em khi ấy, để rồi sau đó bỏ mặc chúng ta

trong đau khổ hay sao? Còn nếu như đó chỉ là một sự thoái thác, nếu em đã đi đến ghét bỏ anh... thì em cứ nói với anh đi... nói thẳng ra đi.

- Xin anh làm phúc, anh Rendô, xin anh làm phúc, vì những người thân đã qua đời của anh, anh thôi đi, anh thôi đi cho. Anh đừng làm em nát lòng nát ruột. Bây giờ không phải lúc. Anh đến gặp cha Crixtôfôrô đi, hãy cầu xin cha che chở cho em và anh đừng trở lại đây nữa, đừng trở lại đây nữa!

- Anh đi đây, nhưng em đừng nghĩ là anh không muốn trở lại! Anh sẽ trở lại, cho dù ở tận chân trời góc biển, nhất định anh trở lại!

Và anh đi khuất.

Luxia ngồi xuống hoặc đúng hơn là buông mình xuống đất, bên chiếc giường và gục đầu vào giường, cô lại khóc nức nở. Người đàn bà, từ nãy chỉ biết nhìn và nghe mà không nói một lời, hỏi cô xem việc xuất hiện ấy, cuộc tranh luận ấy, những giọt nước mắt ấy là nghĩa thế nào. Nhưng có lẽ, về phía bạn đọc cũng tự hỏi người đàn bà ấy là ai; và để thỏa mãn các bạn ở đoạn này chỉ vài lời là đủ. Đó là một bà thương giả khá giả, trạc ba mươi tuổi. Trong vòng vài ngày, bà đã trông thấy chồng và tất cả con cái qua đời ngay trong nhà; ít lâu sau cả bà cũng mắc bệnh dịch hạch và được chở đến trại phòng dịch, đặt trong túp lều nhỏ bé này đúng vào lúc Luxia, sau khi đã vượt qua cơn bệnh hiểm nghèo nhất trong trạng thái hôn mê, và sau nhiều lần thay đổi người đồng bệnh, đã bắt đầu hồi phục và tỉnh táo vì cô gần như mất trí ngay từ buổi đầu mắc bệnh, khi còn ở trong nhà Đôn Ferantơ. Túp lều chỉ chứa được hai người: và giữa hai người đàn bà ấy, cùng mang bệnh, vô thừa nhận, hãi hùng, cô độc giữa biết bao con người, đã nhanh chóng nảy nở mối tình

thân thiết, thương yêu, mà cho dù sống với nhau lâu ngày cũng không thể đằm thắm được như thế. Chẳng bao lâu Luxia đã có thể giúp đỡ được người đàn bà kia, lúc này bệnh tình vô cùng nguy ngập. Giờ đây khi người đàn bà ấy đã thoát nạn, họ trở thành đôi bạn, động viên nhau và thay phiên túc trực bên nhau; họ đã hẹn chỉ ra khỏi trại phòng dịch cùng với nhau, và khi ra rồi sẽ không rời nhau nữa. Bà thương gia đã ủy thác cho người em là một viên cẩm của tòa án Y tế trông nom hộ ngôi nhà, cửa hàng và tiền của; tất cả đều nguyên vẹn, và bây giờ bà sắp trở thành bà chủ cô độc và phiền muộn của một tài sản quá lớn để sống đàng hoàng, và bà muốn giữ Luxia ở lại với bà, như con gái hoặc như em gái bà. Các bạn thử tưởng tượng.Luxia đã nhận lời đề nghị ấy với lòng biết ơn bà và biết ơn Chúa biết chừng nào, nhưng cũng chỉ mãi đến khi có tin mẹ và được biết, như cô hằng mong đợi, rằng mẹ cũng bằng lòng. Hơn nữa, với tính dè dặt thường ngày của mình, cô chưa bao giờ nói gì về chuyện hứa hôn cũng như về những cuộc phiêu lưu khác của cô. Nhưng giờ đây, khi tình cảm sôi sục trong lòng, cô cũng có nhu cầu giãi bày tâm sự chẳng kém gì bà kia muốn nghe cô. Và siết chặt trong tay mình bàn tay phải của bà thương gia, cô bắt đầu thỏa mãn ngay câu hỏi của bà chẳng hề giữ ý, chỉ có những tiếng nức nở làm cô nghẹn lại.

Trong khi ấy, Rendô rảo bước đến khi nhà ở của vị tu sĩ nhân đức. Anh vừa đi vừa để ý nhưng vẫn có vài đoạn đường phải cãi lộn, cuối cùng anh cũng tới nơi. Anh tìm thấy túp lều, nhưng không thấy vị tu sĩ ở đó; anh đi quanh quanh tìm kiếm cuối cùng thấy ông trong một túp lều khác; ông đang cúi sát đất an ủi linh hồn một bệnh nhân hấp hối. Anh đứng lại, im lặng chờ đợi. Một lát sau, anh trông thấy ông vuốt mắt cho kẻ

bất hạnh kia, rồi quỳ xuống, cầu nguyện một lúc và lại đứng lên. Anh bèn tiến đến gặp ông.

- Kìa! - Vị tu sĩ nói khi trông thấy anh đi tới; - thế nào?

- Cô ấy ở đằng kia; con đã tìm thấy cô ấy rồi.

- Bệnh tình thế nào?

- Cô ấy đã khỏi bệnh, hoặc ít ra cũng đã đứng dậy được.

- Đội ơn chúa!

- Nhưng mà... Rendô nói, khi đã tới khá gần để có thể thì thầm, - có một chuyện rắc rối khác.

- Chuyện gì vậy?

- Con muốn nói là... Cha cũng biết rõ cô ấy đáng thương ấy tốt như thế nào; nhưng có khi cô ấy cũng hơi bướng bỉnh giữ ý kiến của mình. Sau bao lời hẹn ước, sau bao nhiêu sự việc mà chính cha cũng biết, bây giờ cô ấy lại nói là không thể lấy con được nữa, bởi vì, con biết gì đâu, cô ấy nói là trong cái đêm vô cùng khủng khiếp đầu óc cô ấy quay cuồng và cô đã, như người ta nói, hiến mình cho Đức Mẹ. Cái đó thật vô nghĩa, phải không ạ? Đó là những điều hay đối với người nào hiểu biết và vững tin ở việc mình làm, còn với kẻ bình dân chúng con, cũng không thật biết phải làm những việc ấy ra sao... thì đó là những chuyện vô nghĩa, phải không ạ?

- Con nói ta hay: cô ấy ở xa đây lắm không?

- Ồ không ạ, chỉ quá nhà thờ độ vài bước thôi.

- Đợi ta ở đây một lát, - vị tu sĩ nói, - rồi chúng ta cùng đi với nhau.

- Cha muốn nói là cha sẽ giảng giải cho cô ấy hiểu...

- Ta chưa biết gì cả, con ạ: ta cần phải nghe cô ấy nói đã.

- Con hiểu, - Rendô nói, và anh đứng đó đầu cúi xuống, tay khoanh trước ngực, ngẫm nghĩ về tình cảnh mơ hồ của mình

vẫn chưa sáng sủa gì hơn. Vị tu sĩ lại đi tìm cha Vichto, lại xin ông thay hộ mình, rồi rẽ vào lều, trở ra với cái giỏ cầm tay, quay lại với Rendô và nói: - Ta đi thôi. - Cha đi trước, tiến đến túp lều mà mới đây họ đã cùng nhau bước vào. Lần này cha vào một mình và một lát sau trở ra nói: - Chưa có gì khác cả! Ta cứ cầu nguyện, cứ cầu nguyện. - Rồi ông nói tiếp. - Nào, bây giờ con dẫn ta đi.

Không nói gì thêm, họ lẳng lặng lên đường.

Bầu trời mỗi lúc một tối sầm và bây giờ thì rõ ràng báo trước cơn bão sắp nổ ra. Những tia chớp nhằng nhịt phá vỡ bóng tối ngày càng dày đặc và chiếu một ánh sáng lờ mờ nhoang nhoáng lên những mái nhà vô tận và những vòm cuốn của các hành lang, trên nóc tròn của ngôi nhà thờ nhỏ và những mái lều thấp lụp sụp; và những tiếng sấm đột nhiên gầm lên, rền vang từ góc trời này đến góc trời nọ. Chàng trẻ tuổi đi trước, chăm chú nhận đường, ruột gan như lửa đốt muốn tới ngay, nhưng vẫn chậm bước lại cho vừa sức người bạn đồng hành; còn ông, kiệt sức vì vất vả, đi một cách khó nhọc, thỉnh thoảng lại ngước lên trời bộ mặt ốm yếu như để dễ thở hơn.

Khi Rendô trông thấy túp lều, anh dừng chân, quay lại và run run nói:

- Ở đây ạ.

Hai người bước vào...

- Họ đến kìa! - Bà thương gia nằm trong giường kêu lên. Luxia quay lại, vội vã đứng dậy, đi ra đón ông già và reo lên.

- Có phải cha đấy không? Trời ơi, cha Crixtôfôrô.

- Thế nào, Luxia! Chúa đã giải thoát con khỏi bao nhiêu tai họa! Con hẳn phải bằng lòng lắm vì đã luôn luôn trông cậy ở Người.

- Dạ, đúng thế! Nhưng còn cha thì sao? Ôi, lạy Chúa, cha thay đổi nhiều quá! Sức khỏe cha thế nào? Cha nói đi: sức khỏe cha thế nào?

- Như Chúa muốn và, đội ơn Chúa, như cả ta cũng muốn nữa, - vị tu sĩ nói, vẻ mặt thanh thản. Và, gọi riêng cô vào một góc lều, ông nói tiếp: - Con nghe đây: ta chỉ có thể ở được vài phút. Con có sẵn lòng tin cậy ở ta như trước kia không?

- Ôi, cha chẳng vẫn luôn luôn là cha của con đó sao?

- Thế thì, con gái của ta, lời thề nguyền mà Rendô đã kể với ta là cái gì vậy?

- Đó là lời thề nguyền của con với Đức Mẹ... ôi, trong một tình cảnh vô cùng buồn thảm! ... Nguyện rằng con không lấy chồng nữa.

- Cô bé tội nghiệp! Vậy lúc ấy con có nghĩ rằng con đang bị rằng buộc bởi một lời hẹn ước không?

- Vì đây là việc của Chúa và Đức Mẹ... cho nên con đã không nghĩ tới điều đó.

- Con ạ, Chúa nhận những hi sinh, những lễ vật, khi ta làm việc đó với những thứ gì là của ta. Chúa muốn tấm lòng của ta, ý nguyện của ta, nhưng con không thể dâng Chúa ý nguyện của một người khác mà cùng với họ con đã có lời giao ước.

- Con đã làm bậy rồi ư?

- Không đâu, con gái đáng thương của ta, con đừng nghĩ thế: thậm chí ta còn tin rằng Đức Mẹ Đồng Trinh sẽ vui lòng đón nhận ý muốn nảy ra từ tấm lòng đau buồn của con và sẽ dâng ý muốn ấy lên Chúa cho con. Nhưng con hãy nói ta hay: con có bao giờ hỏi ý kiến ai về việc này không?

- Con không cho rằng đó là một lỗi lầm phải xưng tội: còn đôi điều tốt đẹp mà ta có thể làm được thì ai cũng biết là chẳng nên kể lại làm gì.

- Con không có lí do nào khác để phải phụ lời thề với Rendô chứ?

- Về điều này... đối với con... còn có lí do nào khác nữa...? Thật ra con không thể nói rằng... - Luxia đáp với vẻ ngập ngừng chứng tỏ một cái gì khác hẳn sự phân vân trong tư tưởng; và khuôn mặt còn xanh xao vì bệnh tật của cô bỗng nhiên ửng lên một màu hồng rất thắm.

- Con có tin rằng. - Ông già lại nói, đầu cúi xuống, - Chúa đã ban cho Giáo hội của Người quyền hành được xóa bỏ và giữ lại, tùy theo điều đó có thể đem lại lợi ích nào lớn nhất, những món nợ và những nghĩa vụ mà mọi người đã nhận với Chúa không?

- Dạ có, con có tin.

- Vậy con hãy biết rằng các tu sĩ chúng tôi được đặt ra trên đời này để săn sóc những linh hồn, chúng tôi được tự do sử dụng những quyền hành rộng rãi nhất của giáo hội cho tất cả những người nào cần đến chúng tôi, và do đó ta có quyền, nếu con yêu cầu ta làm, giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào mà con có thể bị ràng buộc do lời thề nguyền của con.

- Nhưng nếu nuốt lời, và ân hận về một lời hứa với Đức Mẹ, thì đó chẳng phải là một tội lỗi hay sao? Bởi vì khi ấy con đã hứa với tất cả lòng thành của mình... - Luxia nói, bàng hoàng xúc động bởi một cảm giác mà ta phải gọi đúng là một niềm hi vọng, đối lập với nó, là nỗi khiếp sợ cũ trở lại càng tăng lên do tất cả những ý nghĩ từng ám ảnh tâm hồn cô lâu nay.

- Sao lại là tội lỗi hở con? - Vị tu sĩ nói. - Chẳng lẽ tội lỗi nhờ cậy giáo hội, và cầu xin người thừa hành của Giáo hội để ông sử dụng quyền lực ông nhận của giáo hội và giáo hội nhận của Chúa? Ta đã chứng kiến cả hai con gắn bó với nhau như

thế nào; và quả thật nếu có khi nào ta thấy hai con người được Chúa tác thành, thì đó chính là các con; cho nên ta không thấy vì lí do gì Chúa lại muốn chia lìa các con cả. Và ta cảm tạ Chúa đã ban cho ta, mặc dầu ta không xứng đáng, cái quyền được nói thay mặt Chúa và trả lại cho con lời nguyện của con. Và nếu con yêu cầu ta tuyên bố cho con được giải thoát khỏi lời nguyện ấy, ta sẽ không ngần ngại, và thậm chí còn mong muốn con yêu cầu như thế.

- Thế thì...! Đã như thế thì... con cầu xin được như vậy, - Luxia nói, vẻ mặt cô giờ đây chỉ còn bối rối vì e thẹn.

Vị tu sĩ ra hiệu cho chàng trẻ tuổi đến, anh đang đứng ở một góc xa nhất, để hết tâm trí theo dõi (vì đó là tất cả những gì anh có thể làm được cuộc đối thoại mà anh hết sức quan tâm; và khi anh đã lại gần, vị tu sĩ cất cao giọng nói với Luxia):

- Với quyền lực nhận được của giáo hội, ta tuyên bố lời nguyện trinh tiết của con đã được giải trừ, ta hủy bỏ những gì thiếu chín chắn có thể có trong việc này, và giải thoát con khỏi mọi trách nhiệm mà con có thể bị ràng buộc do lời nguyện ấy.

Bạn đọc thử tưởng tượng những lời ấy vang lên bên tai Rendô một âm thanh như thế nào. Anh đưa mắt nồng nàn cảm tạ người đã nói lên những lời ấy, và cũng đi tìm ngay ánh mắt của Luxia, nhưng vô hiệu.

- Con hãy vững tin và yên lòng trở về với những ý nghĩ xưa kia, - vị tu sĩ dòng đạo hành khất tiếp tục nói với Luxia. - Con lại cầu xin Chúa những ân huệ mà con hằng cầu xin Người, để trở thành một người vợ đức hạnh; và con hãy tin rằng Chúa sẽ ban cho con ân huệ dồi dào hơn nữa, sau bao nhiêu đau khổ. Còn con, - ông quay sang nói với Rendô, - con ạ con hãy nhớ rằng Giáo hội trả lại cho con người bạn trăm năm này không phải để cho con một niềm an ủi tạm thời và trần

tục, niềm an ủi này cho dù viên mãn và không gợn chút ưu phiền thì vẫn phải chấm dứt trong nỗi đau lớn, vào lúc các con sẽ phải xa lìa nhau; nhưng Giáo hội làm việc ấy là để đưa cả hai con lên con đường của niềm an ủi vô tận. Các con hãy yêu nhau như hai người bạn đường, với ý nghĩ rồi có lúc phải xa nhau và với hi vọng lại xum họp cùng nhau mãi mãi. Các con hãy cảm tạ thượng đế đã dắt các con tới chặng đường này, không phải giữa những lạc thú náo nhiệt nhất thời, mà cùng với những đau khổ và cảnh khốn cùng để chuẩn bị đưa các con tới một niềm hoan lạc êm đềm và thanh thản. Nếu Chúa ban cho các con những đứa con, các con hãy quyết tâm nuôi dạy chúng vì Chúa, truyền cho chúng lòng kính Chúa và yêu thương tất cả mọi người, và như vậy thì tất cả mọi điều khác ở chúng đều tốt đẹp. Luxia! Anh ấy đã nói với con, - và ông chỉ Rendô, rằng anh đã thấy ai ở đây chưa?

- Dạ, thưa cha, anh ấy nói với con rồi.

- Các con sẽ cầu nguyện cho ông ta. Cầu nguyện không mệt mỏi. Và các con sẽ cầu nguyện cho cả ta nữa!... Hỡi các con! Ta muốn các con giữ một kỉ niệm về kẻ tu sĩ đáng thương này. - Và ông lấy trong giỏ một cái hộp mình gỗ thường, nhưng trau chuốt rất cẩn thận với tài nghệ đặc biệt của những tu sĩ dòng đạo hành khất, và ông nói tiếp: - Trong này có mẩu bánh mì... chiếc bánh mì đầu tiên mà ta đã hỏi xin làm phúc; chiếc bánh mì các con đã nghe nói! Ta để lại cho các con: các con hay gìn giữ nó, hãy đưa nó cho con cái để chúng thấy. Chúng sẽ bước vào một thế giới đau thương và những thời kì đau buồn giữa những kẻ kiêu ngạo và những kẻ khiêu khích; các con hãy dặn chúng luôn luôn và luôn luôn tha thứ! Tha thứ cho tất cả! Và cả chúng nữa cũng cầu nguyện cho nhà tu hành đáng thương này.

Ông đưa cái hộp cho Luxia, cô kính cẩn đỡ lấy, như một thành tích. Rồi bằng một giọng bình thản hơn, ông lại nói:

- Bây giờ con nói ta hay: con có chỗ nào nương tựa ở đây, ở Milăng không? Ra khỏi nơi này, con định trú ngụ ở đâu? Và ai sẽ đưa con đến nhà mẹ con, mà nhờ ơn Chúa chắc hẳn vẫn mạnh khỏe?

- Người đàn bà nhân từ kia hiện giờ thay cho mẹ con: cả hai chúng con sẽ cùng ra khỏi nơi này với nhau và sau đó, bà sẽ lo liệu tất cả.

- Cầu Chúa phù hộ bà, - vị tu sĩ tiến đến bên giường nói.

- Con cũng xin cám ơn cha, - bà quả phụ nói, - vì niềm an ủi mà cha đã đem lại cho những đứa trẻ đáng thương này. Quả thật, con đã dự định giữ cô Luxia đáng yêu này với con mãi mãi, hiện giờ thì con giữ cô ấy, rồi chính con sẽ đưa cô về làng và trao trả cho mẹ cô, và - bà hạ thấp giọng nói thêm, - con cũng muốn chính mình chuẩn bị cho con bé một khoản hồi môn. Con có quá nhiều tiền của, mà chẳng còn ai để cùng hưởng với mình cả!

- Như thế, - vị tu sĩ đáp, bà có thể dâng Chúa một lễ vật lớn và làm ơn cho đồng loại. Tôi không phải giới thiệu với bà cô gái này, tôi thấy cô ấy đã như con gái của bà rồi. Chúng ta chỉ còn ngợi ca Chúa ngay trong cảnh hoạn nạn đã thể hiện tấm lòng của người cha, và khi cho bà và cô ấy gặp nhau chính là Chúa đã bộc lộ rõ ràng tình thương yêu của Chúa với cả hai người. Thôi ta đi đi, - ông quay sang nói tiếp với Rendô và cầm tay anh. - Cả hai ta chẳng còn việc gì ở đây nữa và thậm chí ta ở lại đây quá lâu rồi. Ta đi đi.

- Cha ơi! - Luxia nói, - con còn gặp cha chứ? Con khỏi rồi, mà con chẳng làm được gì tốt đẹp trên đời này, còn cha thì!...

- Đã từ lâu, - ông già đáp với một giọng nghiêm trang và

dịu dàng, - ta cầu xin Chúa một ân huệ thật lớn; kết liễu cuộc đời ta vì công việc phụng sự đồng loại. Nếu Chúa muốn ban cho ta ân huệ đó bây giờ, thì ta yêu cầu tất cả những người nào lo lắng cho ta hãy giúp ta cảm tạ Chúa. Thôi nào, con có nhắn Rendô điều gì với mẹ con thì nhắn đi.

- Anh hãy kể lại với mẹ những gì anh đã thấy, - Luxia nói với chồng chưa cưới, - anh hãy kể rằng em đã tìm thấy ở đây một bà mẹ thứ hai, rằng em sẽ cùng bà đến gặp mẹ vào lúc sớm nhất em đến được, và em hi vọng gặp mẹ mạnh khỏe.

- Nếu em cần tiền, - Rendô nói, - anh có đây tất cả những đồng ê-quy mà em đã gửi cho anh, và...

- Không, không - bà quả phụ ngắt lời, - tôi cũng thừa tiền đây rồi.

- Thôi đi đi, - vị tu sĩ nhắc lại.

- Tạm biệt Luxia!... Và tạm biệt cả bà nữa, bà mẹ nhân hậu, - Rendô nói, không biết diễn đạt thế nào tình cảm của mình.

- Biết đâu Chúa chẳng sẽ ban cho ta ân huệ được gặp lại nhau tất cả! - Luxia kêu lên.

- Cầu Chúa mãi mãi ở với các con và phù hộ các con, cha Crixtôfôrô nói với hai người đàn bà; và ông ra khỏi lều với Rendô.

Trời gần tối, và cơn bão dường như luôn sẵn sàng muốn nổ ra. Vị tu sĩ dòng đạo hành khất lại mời chàng trẻ tuổi tạm trú đêm nay trong lều ông.

- Ta không sẵn thời giờ tiếp chuyện con, nhưng ít ra con cũng có nơi trú ẩn.

Tuy vậy Rendô nóng lòng muốn đi; và anh chẳng thiết gì nán lại lâu hơn nữa ở một nơi như thế này, khi anh đã không thể nhân đó gặp gỡ Luxia, và thậm chí cũng không thể cùng ngồi một lúc với vị tu sĩ nhân đức. Còn về giờ giấc và thời tiết,

thì ta có thể nói ngày hay đêm, mưa hay nắng, gió nam hay gió bấc vào lúc này đối với anh cũng như nhau cả. Cho nên anh cảm tạ vị tu sĩ, nói là anh muốn đi tìm bà Anhedơ càng sớm càng tốt.

Khi họ tới lối đi chính, vị tu sĩ siết chặt tay anh và nói với anh:

- Nếu con tìm thấy bà Anhedơ hiền từ ấy (cầu Trời được như vậy!) con hãy cho ta gửi lời chào đến bà; và với bà cũng như với tất cả những ai còn sống, nếu tuy vậy họ vẫn nhớ tới thầy tu Crixôfôrô, con hãy nói họ cầu nguyện cho ông ta. Cầu Chúa ở bên con và phù hợp con mãi mãi.

- Ôi, cha yêu quý!... Chúng ta còn gặp nhau nữa chứ? Ta lại gặp nhau chứ?

- Ở trên kia, ta hi vọng.

Nói xong ông chia tay với Rendô, còn anh nhìn theo mãi cho tới khi ông đi khuất, rồi anh rảo bước ra cổng, liếc mắt sang phải và sang trái gửi những cái nhìn cuối cùng đầy thương xót đến nơi đầy đau khổ này.

Trong trại phòng dịch có sự náo động khác thường: khắp nơi các phu dọn dẹp chạy ngược chạy xuôi, người ta chuyển đồ đạc, sửa chữa lều quán, dìu những người mới khỏi bệnh vào bên trong và dưới các hành lang để đưa họ đi trú ẩn tránh cơn bão đang ập tới.

Chương ba mươi bảy

Quả thật, khi Rendô vừa bước qua ngưỡng cửa trại phòng dịch và rẽ sang phải, để tìm lại con đường nhỏ sáng nay đã dẫn anh tới dãy tường thành, thì trời bắt đầu trút mưa xuống, như một cơn mưa đá, những giọt nước to lác đác và mạnh chúng đập chúng xuống và bắn trở lại trên mặt đường khô trắng, làm bốc lên một làn mưa bụi mỏng; chẳng mấy chốc những giọt mưa ấy mau hơn, và anh chưa kịp tới con đường nhỏ thì trời đã đổ mưa như thác. Rendô, chẳng hề lo ngại, bì bõm dưới trời mưa, sung sướng được giải nồng, giữa những tiếng rì rào, xào xạc của cỏ và lá đang run rẩy, ướt đầm đìa xanh rờn và óng ánh hơn. Anh hít thở căng lồng ngực, và sự thay đổi lớn ấy của tạo vật càng khiến anh cảm thấy thấm thía và mãnh liệt hơn sự thay đổi đã diễn ra trong số phận anh.

Nhưng cảm giác ấy hẳn còn trong sáng và đầy đủ hơn biết bao nếu như Rendô có thể đoán ra những gì người ta trông thấy vài ngày sau đó: trận mưa này đã cuốn trôi bệnh dịch: sau cơn bão, trại phòng dịch nếu không trả về cho cuộc sống tất cả những người còn sống trong trại, thì ít ra nó cũng không chôn vùi thêm những người khác; một tuần sau những cánh

cửa các ngôi nhà và cửa hiệu lại mở ra, người ta hầu như không nói gì đến chế độ cách li kiểm dịch nữa, và bệnh dịch hạch chỉ còn rớt lại vài dấu vết rải rác đó đây: những di chứng không tránh khỏi còn kéo dài một thời gian nào đó, sau một tai họa lớn đến thế!

Vậy là chàng lữ khách của chúng ta khoan khái bước đi, cũng chẳng tính xem đêm nay mình sẽ ngủ ở đâu, ngủ như thế nào và vào lúc nào, và thậm chí cũng chẳng nghĩ đến việc dừng chân, chỉ lo lắng một điều là tiến bước lên, mau chóng về tới làng, gặp được ai đó để trò chuyện, để kể lại chuyện mình, và nhất là lại vội vã lên đường đi Paxturô để tìm bà Anhedơ. Anh bước đi, vẫn còn bàng hoàng vì những sự việc ngày hôm ấy; nhưng giữa bao nỗi khổ cực, kinh hãi và nguy hiểm vẫn luôn luôn nổi lên cái ý nghĩ nhỏ nhoi này: ta đã tìm thấy nàng, nàng đã khỏi bệnh, nàng thuộc về ta! Thế là anh nhảy lên vì vui sướng, rũ nước mưa trên người bắn tung tóe, như một con chó xù từ trong nước chui ra; có khi anh chỉ cần xoa xoa bàn tay, và thế là lại tiến lên phấn chấn hơn. Khi nhìn lại con đường đã đi, có thể nói dường như anh thu nhặt ở đó những ý nghĩ mà anh đã để lại đây sáng nay và ngày hôm trước, khi tới Milăng; và anh đặc biệt vui thích nhớ lại chính những ý nghĩ màu khi ấy anh đã cố xua đuổi hơn cả, những sự hồ nghi, những khó khăn làm thế nào tìm được nàng, và tìm thấy nàng còn sống, giữa bao nhiêu người chết và người hấp hối! "Thế mà ta lại tìm thấy nàng còn sống!" Anh kết luận.

Anh lại nghĩ đến những cảnh ngộ khủng khiếp nhất trong ngày hôm ấy: anh nhìn thấy mình cầm chiếc búa gõ cửa trong tay: nàng có ở đây không, hay là không có? Rồi cái câu trả lời không vui vẻ gì cho lắm, mà thậm chí anh chưa kịp hiểu đầu đuôi ra sao, thì cái bọn vô lại ấy, cái bọn điên rồ hung dữ ấy đã

xông vào! Rồi cái trại phòng dịch, thật là cả một đại dương! Đi mà tìm cô ta trong đó xem nào! Ấy thế mà anh tìm thấy! Anh lại nhìn thấy mình vào lúc kết thúc cuộc diễu hành của những người mới khỏi bệnh: cái giờ phút khủng khiếp làm sao! Nỗi đau đứt ruột vì không thấy nàng ở đó! Nhưng bây giờ cái đó chẳng nghĩa lí gì nữa. Rồi khu nhà phụ nữ! Và ở đó, đằng sau túp lều kia, khi anh ít chờ đợi nhất, thì bỗng vang lên tiếng nói ấy, tiếng nói của nàng, chính nàng! Và anh được gặp nàng, được thấy nàng đứng vững! Nhưng sao? Lại vẫn còn sự ràng buộc của lời thề nguyện, khó gỡ hơn bao giờ hết. Nhưng cả trở ngại này rồi cũng vượt qua. Và lòng căm thù Đôn Rôđrigô khôn nguôn trong anh nó giày vò anh, làm anh đau đớn thêm mọi khổ cực và đầu độc mọi niềm vui của anh, cả nó cũng mất hẳn. Đến nỗi ta thật khó tưởng tượng một niềm vui nào mãnh liệt hơn ví thử không còn sự mơ hồ về số phận bà Anhedơ, mối linh cảm đau buồn về cha Crixtôfôrô và tâm trạng thấy mình đang còn sống giữa nạn dịch hạch.

Anh tới Xenxtô vào buổi chiều; trời mưa như không muốn dứt. Nhưng cảm thấy sảng khoái hơn bao giờ hết, và biết tất cả những khó khăn tìm kiếm chỗ trọ, nhất là với thân hình ướt sũng như thế này, anh cũng không nghĩ đến việc ấy làm gì nữa. Điều duy nhất làm anh phải lo nghĩ là cơn đói ngấu giày vò anh; bởi vì một nỗi vui như anh cảm thấy lúc này hẳn sẽ làm anh tiến hóa được rất nhiều thứ khác hơn là bát cháo nhỏ bé của vị tu sĩ dòng đạo hành khất. Anh nhìn xem quanh đây có cửa hiệu bánh mì nào không: anh trông thấy một hiệu và nhận lấy hai chiếc bánh mì ở đầu cái cặp với tất cả những nghi thức như lần trước. Anh bỏ một chiếc bánh mì vào túi, miệng gặm chiếc kia, và lại thiếp đi.

Khi anh đi qua Mônda thì trời đã tối mịt: mặc dầu vậy

anh vẫn tìm thấy cổng thành dẫn anh tới con đường đúng, điều đó thật ra là một thành tích không nhỏ, bởi vì các bạn thử tưởng tượng xem con đường ấy đã lâm vào một tình trạng như thế nào, và mỗi lúc nó một biến đổi ra sao. Vốn trũng xuống giữa hai bờ dốc như một lòng sông (những con đường ở đây đều thế cả, như chúng tôi hẳn đã nói ở chỗ khác), vào lúc này người ta chắc sẽ cho là một con sông, nếu không thì cũng là một con kênh thật sự; và thỉnh thoảng lại có những cái hố mà khó nhọc lắm mới rút được chân ra, chứ chưa nói gì đến giầy dép. Nhưng Rendô vẫn ra thoát với sức mình cho phép, không một cử chỉ nóng nảy, không một lời càu nhàu, chẳng hề hối tiếc đã dấn mình vào đó; anh nghĩ rằng mỗi bước chân cho dù nó có thể bắt anh phải trả giá thế nào, cũng đưa anh đi xa hơn, và mưa sẽ tạnh khi nào Chúa muốn và bình minh rồi sẽ đến, và con đường anh đang đi trong lúc này rồi cũng sẽ đi qua.

Và thậm chí tôi dám nói rằng anh chỉ nghĩ đến điều đó khi anh hoàn toàn không thể làm khác được. Đó chỉ là những sự giải trí; hoạt động thu hút tất cả tâm trí anh lúc này là sống lại câu chuyện những năm tháng đâu buồn anh vừa trải qua: biết bao khó khăn, biết bao trắc trở, biết bao giờ phút hầu như tuyệt vọng và xem như mất hết; rồi anh đối lập quá khứ ấy với một tương lai khác hẳn: gặp lại Luxia, lễ thành hôn, tổ chức đời sống gia đình, câu chuyện họ sẽ kể với nhau về những bước đường sóng gió đã qua, và tất cả cuộc sống của họ.

Anh làm thế nào ở những quãng có hai con đường giao nhau? Có phải sự hiểu biết mơ hồ của anh về vùng này, trong bóng đêm nhập nhoạng ấy, đã giúp anh luôn luôn đi đúng đường, hay đó là anh đoán mò điều đó tôi không thể nói các bạn được: bởi vì bản thân anh, thường vẫn kể lại chuyện mình

rất chi tiết và cũng hơi dài dòng nữa là đằng khác (và tất cả cho phép ta tin rằng vị tác giả vô danh đã nghe anh kể chuyện đó nhiều lần), bản thân anh, khi đến chỗ này, cũng nói là về cái đêm anh không nhớ gì hơn một giấc chiêm bao. Chỉ biết rằng gần hết đêm thì anh tới bờ sông Ađa.

Trời vẫn mưa dai dẳng, nhưng đến lúc nào đó thì trận mưa như trút nước chuyển thành cơn mưa bình thường, rồi thành làn mưa bụt hết sức mỏng, lặng lẽ và đều đều: những đám mây, cao và không dày như trước, dăng một tấm màn rộng khắp bầu trời nhưng nhẹ và trong suốt; trong ánh sáng rạng đông, Rendô có thể trông thấy một vùng khắp xung quanh. Trong bức tranh toàn cảnh ấy có làng anh, và cảm xúc của anh khi nhìn thấy làng mình thật không bút nào tả xiết. Tất cả những gì tôi có thể nói với các bạn, đó là những quả núi kia, ngọn Rêxêgôn gần gụi kia, và miền Lecco, tất cả đã trở thành như tài sản của anh. Anh cũng liếc nhìn lên người mình, và thấy mình cũng hơi kì dị, hoặc đúng ra là, để nói đúng sự thật, anh tự thấy mình hệt như anh cảm thấy mình phải như thế: toàn bộ quần áo ướt sũng dính vào người, từ đầu xuống khắp thân mình chẳng khác gì một cái máng nước; và từ thân mình đến gót chân chỉ toàn bùn là bùn: và những chỗ bùn không trát vào thì cũng bắn đầy bùn. Và giá sử anh được ngắm toàn thân mình trong gương, với vành mũ ướt nhũn sệ xuống, với mái tóc xõa ra dính vào mặt, thì anh hẳn còn ngạc nhiên hơn nữa. Còn mệt nhọc thì có lẽ anh cũng mệt nhưng không nhận thấy: và bầu không khí trong lành buổi sáng sau một đêm mát mẻ và một trận tắm nhẹ nhàng ấy chỉ càng khiến anh thêm hăng hái muốn đi nhanh hơn.

Và đây anh đã tới Rexcat; anh đi đoạn đường cuối cùng này dọc sông Ađa, không quên gửi một cái nhìn buồn bã về

Pexcarêmicô; anh qua cầu; theo những lối mòn và băng qua cánh đồng, trong chốc lát anh đã tới nhà bạn anh. Anh bạn, vừa ngủ dậy và đang đứng trên bậc cửa ngắm trời ngắm đất, ngước mắt nhìn cái thân hình ướt sũng trát đầy bùn ấy, và ta cứ nói thẳng ra là bẩn thỉu đến phát tởm, nhưng dáng đi hết sức linh lợi và nhanh nhẹn: trong đời anh chưa từng thấy người nào ở trong tình trạng thảm hại như vậy mà lại khoái trá đến thế.

- Ái chà! - Anh nói, - về rồi đấy hả? Mưa gió thế này cũng về? Tình hình thế nào?

- Cô ấy còn sống, - Rendô reo lên, - cô ấy còn sống, còn sống!

- Mạnh khỏe chứ?

- Khỏi bệnh rồi, thế lại càng hay. Suốt đời mình phải cảm tạ Chúa và Đức Mẹ. Nhưng biết bao chuyện kì lạ, biết bao điều khủng khiếp: rồi mình sẽ kể hết với cậu.

- Nhưng hình thù cậu trông đã hay chưa kìa!

- Mình đẹp lắm hả?

- Nói thật tình, cậu có thể vắt nước ở quần áo bên trên để rửa phần dưới được đấy. Nhưng đợi đấy, đợi đấy, mình đi nhóm lửa cho cậu ngay đây.

- Chuyện ấy thì tớ không chê. Cậu biết mình bị mưa ở đâu không? Ngay cổng trại phòng dịch. Nhưng không sao! Ông trời cứ làm cái việc của ông ấy, còn mình cứ làm việc của mình.

Anh bạn đi và quay lại với hai ôm cành khô: anh đặt một ôm xuống đất, một ôm lên bếp và với ít than bồng còn lại từ đêm trước, anh nhanh chóng nhóm lửa cháy bùng bùng. Trong khi ấy Rendô cởi mũ và sau khi đã giũ mũ hai ba lượt, anh quẳng nó ra đất; rồi phải khó khăn lắm anh mới cởi được chiếc áo chẽn; anh rút dao trong túi quần ra, cái vỏ dao mềm nhũn như bị ngâm trong nước giặt. Anh đặt con dao lên chiếc ghế dài và nói:

- Cả nó nữa, hình thù nó cũng ngộ thật; và đó là do mưa đấy, chỉ do mưa đấy thôi! Đội ơn Chúa vô vàn!... Mình chỉ suýt nữa thì... Rồi mình sẽ kể với cậu sau. - Và anh xoa xoa tay. - Bây giờ cậu làm ơn giúp mình một việc này nữa, - anh nói thêm. - Cái gói nhỏ mình gửi ở buồng cậu ấy, cậu lấy ra đây bộ quần áo của mình vì đợi đến khi nào mới khô được những thứ trên người mình đây!

Khi trở lại với gói đồ, anh bạn nói:

- Theo mình thì cậu hẳn phải đói rồi: đồ uống thì chắc dọc đường không thiếu, nhưng còn đồ ăn...

- Mình mua được hai chiếc bánh mì tối hôm qua, nhưng nói thật tình, cái đó cũng chỉ được qua loa dăm miếng.

- Để tớ lo cho, - anh bạn nói; anh đổ nước vào nồi, treo lên cái móc trên bếp, và nói thêm: - Mình đi vắt sữa; khi nào mang sữa về, nước đã sẵn sàng, ta sẽ làm một nồi *pôlenta* thật tuyệt. Còn cậu, trong khi chờ đợi, cậu cứ việc nghỉ ngơi thoải mái.

Rendô, còn lại một mình, không dễ gì cởi được nốt áo quần của anh, nó cứ như dính chặt vào da; anh lau mình, lại mặc áo quần chỉnh tề. Bạn anh quay lại, đến bên nồi, và Rendô ngồi xuống, đợi bữa ăn dọn ra.

- Bây giờ mình mới thấm mệt, - anh nói. - Nhưng chặng đường mới khiếp chứ! Chà, tuy vậy cũng chẳng sao. Mình đủ chuyện kể với cậu suốt ngày. Thành phố Milăng trong tình trạng như thế nào! Cái đó phải nhìn tận mắt! Phải sờ tận tay! Để rồi sau đó, chính mình cũng ghê tởm cả bản thân mình. Mình hầu như có thể nói là cuộc tắm rửa nhỏ này đến với mình thật đúng lúc cần thiết! Rồi những gì các ông lớn ở đấy định chơi mình! Mình sẽ nói với cậu. Nhưng giá như cậu được thấy trại phòng dịch nhỉ! Tưởng chừng lạc trong một biển khổ. Rồi mình cũng sẽ kể hết với cậu... Và cô ấy còn sống, và cô ấy

sẽ tới đây, và cô ấy sẽ là vợ mình; và cậu, cậu sẽ là người làm chứng của chúng mình, và, dịch hạch hay không dịch hạch, ta cũng vui vẻ với nhau ít nhất lấy vài giờ cái đã.

Tuy nhiên, anh cũng giữ lời hứa để cả ngày kể lại những chuyện ấy: hơn nữa, vì trời mưa phùn lai rai không ngớt, bạn anh ở nhà suốt ngày, hoặc ngồi bên anh hoặc bận bịu với thùng lớn thùng nhỏ và những việc linh tinh khác để chuẩn bị vụ thu hoạch nho: và Rendô không quên giúp bạn một tay, bởi vì, như anh nói, anh thuộc loại người không còn mệt hơn làm việc. Tuy vậy anh không thể ngăn mình dạo bước một vòng đến nhà bà Anhedơ, để nhìn lên cửa sổ, và cả ở đây nữa, để xoa tay vui sướng. Anh trở về không ai để ý, và đi ngủ ngay.

Anh thức dậy trước lúc rạng đông và nhận thấy trời chưa đẹp nhưng ít ra mưa cũng đã tạnh, bèn lên đường đi Raxturô.

Anh đến đó còn sớm, vì anh cũng vội vàng muốn chóng tới đích có lẽ chẳng kém gì bạn đọc. Anh hỏi thăm tin tức bà Anhedơ, được biết bà mạnh khoẻ, và người ta chỉ cho anh một ngôi nhà nhỏ hẻo lánh là nơi bà ở. Anh đến đó, gọi bà từ ngoài đường, nghe tiếng anh bà lao ra cửa sổ, và trong khi bà há miệng định thốt lên không biết là lời nói gì hay âm thanh gì, thì Rendô đã nói trước:

- Luxia khỏi bệnh rồi; con đã gặp cô ấy hôm kia; con có chuyện muốn nói với mẹ lắm!

Ngạc nhiên trước sự xuất hiện ấy, mừng rỡ vì cái tin ấy, và nóng lòng muốn biết thêm, bà Anhedơ reo lên, hỏi anh tíu tít; thế là, quên bẵng mọi sự đề phòng vẫn áp dụng lâu nay, bà nói:

- Để mẹ ra mở cửa cho anh.

- Mẹ khoan đã: thế còn bệnh dịch hạch? - Rendô nói. - Con thấy hình như mẹ chưa bị bệnh?

- Mẹ ấy à, chưa, còn anh?

- Con bị rồi, nhưng còn mẹ, mẹ phải cẩn thận. Con từ Milăng đến và, rồi đây con sẽ nói với mẹ, con đã thật sự bị chìm đến tận cổ trong bầu không khí truyền bệnh ấy. Quả thật bây giờ thì con đã thay đổi từ đầu đến chân; nhưng đó là một vật nhơ bẩn nó có thể bám chặt vào người ta như một thứ bùa ngải. Và vì Chúa đã giữ gìn cho mẹ đến lúc này, con muốn mẹ cẩn thận chừng nào cái tai họa ấy còn chưa qua khỏi: bởi vì mẹ là mẹ của chúng con: và con muốn mấy mẹ con mình chung sống với nhau lâu dài và vui vẻ, để bù lại tất cả những đau khổ ta đã phải chịu, ít nhất là con đã phải chịu.

- Nhưng... - bà Anhedơ toan nói.

- Chà! - Rendô ngắt lời, - không có "nhưng" gì cả: con biết con nói gì; rồi mẹ sẽ thấy, mẹ sẽ thấy không có "nhưng" gì nữa. Ta đi ra một nơi nào đó ngoài trời để có thể nói chuyện thoải mái và không nguy hiểm, rồi mẹ sẽ biết hết.

Bà Anhedơ chỉ cho anh mảnh vườn sau nhà và nói thêm:

- Anh vào đó đi, anh sẽ thấy hai chiếc ghế dài đối diện nhau, cứ như cố tình đặt bên nhau. Mẹ đến ngay đây.

Rendô đến ngồi trên một chiếc ghế dài và lát sau bà Anhedơ đến ngồi trên ghế kia: và tôi dám chắc rằng giả sử bạn đọc, vốn đã biết mọi chuyện xảy ra cho đến lúc này, mà là người thứ ba có mặt ở đó, được tận mắt mình trông thấy cuộc trò chuyện vô cùng sôi nổi ấy, tận tai mình nghe thấy tất cả những điều họ kể với nhau, những lời căn vặn và giải thích, những lời cảm thán, thở than, reo mừng, rồi Đôn Rôđrigô, rồi cha Crixtôfôrô, và tất cả mọi chuyện khác, và những bức tranh về tương lai, cũng rõ ràng và xác thực chẳng kém gì những bức tranh quá khứ, thì tôi dám chắc rằng, tôi nhắc lại, bạn đọc sẽ vô cùng thích thú chẳng buồn rời chân nữa. Nhưng

tôi cũng nghĩ rằng bạn đọc vị tất đã quan tâm muốn thấy cuộc trò chuyện ấy trên mặt giấy, với những lời câm lặng những chữ viết bằng mực, mà không thấy trong đó một sự kiện nào mới và bạn đọc thích tự mình tưởng tượng ra cuộc trò chuyện ấy hơn.

Kết luận là họ sẽ cùng nhau tất cả đến xứ Becgam tại đây Rendô đã thu xếp công việc làm ăn của mình ổn thỏa: bao giờ điều ấy thực hiện thì chưa thể quyết định, cái đó phụ thuộc vào bệnh dịch hạch và nhiều hoàn cảnh khác: ngay khi tai nạn qua khỏi, bà Anhedơ sẽ về nhà đợi Luxia ở đó, hoặc Luxia sẽ đợi bà ở đó: từ nay đến khi ấy, Rendô cũng có vài chuyến nữa đến Taxturô để thăm hỏi mẹ và để nói bà rõ tất cả những chuyện gì có thể xảy ra.

Trước khi đi, anh cũng lấy tiền ra biếu bà Anhedơ và nói:

- Mẹ xem, con vẫn giữ đủ cả đây, những đồng ê-quy đẹp đẽ ấy: cả con cũng đã có lời thề nguyền không đụng đến nó chừng nào sự việc còn chưa sáng tỏ. Bây giờ, nếu mẹ cần tiền, mẹ đưa cho con một cái bát chậu đựng nước pha dấm, và con sẽ thả vào trong đó năm mươi đồng ê-quy mới tinh.

- Không, không, - bà Anhedơ nói, - mẹ vẫn còn nhiều tiền mà chẳng tiêu gì đến: tiền của các con, các con cứ giữ lấy, xây dựng gia đình rồi sẽ cần đến nó.

Rendô trở về làng, thêm phấn khởi được thấy một người vô cùng thân thiết với mình bình an vô sự. Anh ở nhà bạn anh ngày hôm ấy và cả đêm, rồi hôm sau lại lên đường, nhưng theo hướng khác, đến quê nuôi của anh.

Anh thấy Booctôlô cũng mạnh khỏe, và đỡ sợ đau ốm hơn trước: bởi vì trong mấy ngày nay tình hình ở đây cũng nhanh chóng chuyển biến rất tốt. Hiếm có những người bây giờ mới mắc bệnh: và căn bệnh cũng không như trước: không còn

những vết bầm xám ngắt và những triệu chứng dữ dội, mà là những cơn sốt nhẹ, phần lớn là sốt cách nhật, và cùng lắm là một cái hạch nhỏ nhợt nhạt nào đó, mà người ta chữa như một cái nhọt bình thường. Quang cảnh khắp vùng đã bắt đầu thay đổi: những người sống sót bắt đầu ra khỏi nhà, kiểm xem ai mất ai còn, trao đổi với nhau những lời chia buồn và những lời chúc mừng. Người ta đã bàn chuyện khôi phục lại công việc: các ông chủ đã nghĩ đến việc tìm thợ và đặt cọc trước để chắc chắn các thợ; nhất là những ngành mà ngay trước nạn dịch hạch cũng không có nhiều thợ, như ngành dệt lụa. Rendô chẳng hề làm cao hứa với ông anh họ, với chút dè dặt là còn phải được giấy phép cần thiết, sẽ lại tiếp tục công việc của mình khi nào anh trở lại cùng với người thân để sinh cơ lập nghiệp tại đây. Còn trong lúc này thì anh lo toan những sự chuẩn bị cần thiết nhất: anh kiếm một cái nhà lớn hơn, việc này chao ôi, đã trở nên rất dễ và không tốn kém bao nhiêu; rồi anh sắm bàn ghế giường tủ và mọi dụng cụ gia đình, lần này tiêu pha lạm vào kho bạc của anh nhưng cũng chưa làm nó phải thậm hụt to, vì người bán hàng nhiều hơn người mua hàng, và mọi thứ đều rẻ.

Sau không biết bao nhiêu ngày, anh trở lại quê làng và nhận thấy tình hình ở đây thay đổi còn tốt đẹp hơn nữa. Anh vội đến ngay Raxturô, thấy bà Anhedơ hoàn toàn yên tâm và sẵn sàng về nhà bất cứ lúc nào, thành ra chính anh lại đưa bà về làng: và chúng tôi sẽ không nói những tình cảm và câu chuyện của họ khi cùng nhau thấy lại những nơi này.

Bà Anhedơ thấy tất vẫn trong tình trạng như khi bà ra đi. Cho nên, bà không thể không nói rằng, lần này, vì đây là nhà của hai mẹ con một người đàn bà góa đáng thương, đó là những thiên thần đã canh giữ cho bà. - "Còn lần trước, - bà nói

thêm, - người ta có thể tưởng như Chúa nhìn đi nơi khác và không nghĩ đến chúng tôi, vì Chúa đã để họ cướp đi cái tài sản khốn khó của chúng tôi, nhưng mà đây, Chúa đã chứng tỏ điều ngược lại, vì chúa đã gửi đến cho tôi từ một phía khác những đồng ê-quy thật đẹp nhờ đó tôi có thể đi sắm lại được tất cả. Tôi nói tất cả, nhưng cũng không đúng hẳn như vậy, vì bộ trang phục về nhà chồng của Luxia mới tinh bị bọn lính cướp đi cùng mọi thứ khác đến nay vẫn còn thiếu: nhưng kìa, nó lại đến với chúng tôi từ một phía khác. Khi tôi ra sức chuẩn bị cho con gái bộ trang phục ấy, ai mà nói trước được với tôi: Bà tưởng bà làm cho Luxia đấy hả: chà người đàn bà tội nghiệp! Bà không biết bà làm cho ai đâu, cái vải này, những áo quần này, ai biết rồi lũ súc sinh nào sẽ mặc: còn bộ trang phục về nhà chồng cho Luxia bộ đồ cô sẽ dùng thật sự, thì một tấm lòng vàng sẽ lo cho nó, mà tấm lòng này thì thậm chí bà cũng không biết là có trên đời nữa".

Ý nghĩ đầu tiên của bà Anhedơ là lo thu xếp trong ngôi nhà nhỏ bé của mình một chỗ ở thật chỉnh tề để đón tấm lòng vàng ấy: rồi bà đi kiếm tơ về quay tơ và công việc ấy giúp bà khuây khỏa trong nỗi mong chờ.

Về phía mình, Rendô cũng chẳng ăn không ngồi rồi trong những ngày này tự nó đã quá dài: may sao anh biết hai nghề; và anh lại xoay sang nghề nông. Khi thì anh giúp đỡ anh bạn chủ nhà của mình, ông chủ ấy rất may có được một người lao động thạo như giúp việc cho mình, trong cái thời buổi khó khăn này; khi thì anh trồng trọt, hoặc, nói đúng hơn, vỡ hoang mảnh vườn của bà Anhedơ hoàn toàn bỏ phế trong thời gian bà vắng mặt. Còn chính mảnh vườn của anh thì anh chẳng hề đụng đến, anh nói là nói rối như mớ bòng bong, và phải có hơn hai cánh tay mới đủ sức chỉnh đốn nó đâu vào đấy. Và thậm

chí anh cũng chẳng thèm đặt chân tới đó, cũng như không đặt chân về nhà anh: anh rất đau lòng nếu phải trông thấy cảnh tàn phá ấy, và anh đã quyết định sẽ bán tất cả nhà cửa vườn tược với bất cứ giá nào, và dùng số tiền bán được vào cuộc sống của mình ở quê hương mới.

Nếu những ai còn sống sót nhìn nhau như những người chết đi sống lại, thì Rendô, đối với dân làng có thể nói là chết đi sống lại hai lần; ai gặp anh cũng niềm nở chúc mừng, người nào cũng muốn được nghe chính anh kể chuyện mình. Nhưng có lẽ các bạn sẽ hỏi: vậy cái lệnh truy nã thế nào? Việc ấy rất ổn: bản thân anh hầu như không nghĩ gì đến nó nữa, cho rằng lẽ ra có thể thi hành lệnh ấy thì về phía họ cũng không nghĩ đến nó nữa: và anh đã không nhầm, và như thế không chỉ vì nạn dịch hạch đã làm người ta quên đi biết bao điều; mà như ta cũng có thể thấy ở nhiều lúc khác nhau của câu chuyện này, vào thời ấy rất thường thấy những sắc lệnh, có tính chất chung cũng như riêng, chĩa vào các cá nhân, nằm trong tình trạng vô tác dụng nếu chúng không đạt được hiệu quả ngay từ đầu - trừ phi một mối thù riêng của kẻ quyền thế giữ cho những sắc lệnh ấy có hiệu lực và được thi hành; cũng chẳng khác gì những viên đạn từ nòng súng bắn ra, khi đã bắn trượt thì cứ nằm mãi dưới đất, ở đó chúng chẳng làm phiền ai cả. Đó là hậu quả logich của cái cách quá dễ dãi khi tạo ra những sắc lệnh như thế. Hoạt động của con người có hạn; và tất cả những gì quá nhiều trong việc ra lệnh thì phải ít đi trong việc thực hiện. Vải đã dùng để may áo rồi không thể may túi nữa.

Và nếu có ai cũng muốn biết quan hệ của Rendô với Đôn Apbôndiô, trong giai đoạn chờ đợi này như thế nào, thì tôi xin thưa là họ lảng tránh nhau: Đôn Apbôndiô, vì sợ phải nghe bên tai mình một điều gì liên quan đến lễ cưới, và chỉ nghĩ tới

điều đó, ông đã thấy hiện lên trước mắt một tên Đôn Rôđrigô với lũ *lâu la* của hắn, và bên kia là đức Hồng y giáo chủ nói những lời răn bảo của người: Rendô, vì anh đã định chỉ nói chuyện ấy với ông vào lúc kết hôn, anh không muốn nhỡ ra có thể làm ông bực tức quá sớm, và làm nảy ra (ai mà học được chữ ngờ?) một khó khăn nào đó, làm rối việc lên vì những điều vô ích. Khi Đôn Apbôndiô muốn nói, ông nói với bà Anhedơ. "Bà có cho rằng cô bé sắp tới không?" ông hỏi. "Tôi hi vọng rằng có". Bà đáp. Và nhiều khi cái người đã trả lời lại chính mình sau đó cũng đặt đúng câu hỏi ấy. Và bằng những trò giả dối đáng buồn như thế họ cố cho qua thời giờ và thời gian càng trôi đi bao nhiêu thì đối với ai họ lại càng có vẻ dài hơn bấy nhiêu.

Đối với bạn đọc, chúng tôi sẽ làm cho tất cả quãng thời gian này qua đi trong khoảnh khắc, bằng cách nói vắn tắt rằng vài ngày sau khi Rendô tới thăm trại phòng dịch, Luxia ra khỏi đó cùng với bà quả phụ; rằng, vì người ta đã quy định một chế độ cách li kiểm dịch chung, họ cùng qua thời gian cách li kiểm dịch ấy với nhau ở nhà bà quả phụ này; rằng họ dùng một phần thời gian ấy để chuẩn bị bộ trang phục về nhà chồng của Luxia, và Luxa, sau đôi chút khách khí, cũng phải chính mình bắt tay vào làm; rằng khi thời gian cách li kiểm dịch vừa xong, bà quả phụ ủy thác nhà bà cửa và tài sản cho cậu em là viên cẩm; rồi họ chuẩn bị chuyến đi xa. Chúng tôi thậm chí có thể nói thêm luôn: họ lên đường, họ tới với tất cả những gì tiếp theo; nhưng mặc dầu chúng tôi rất mong muốn đáp ứng sự nóng vội của bạn đọc, có ba điều trong khoảng thời gian này chúng tôi không muốn bỏ qua; và ít nhất đối với hai điều trong đó, chúng tôi nghĩ rằng chính bạn đọc cũng sẽ cho là chúng tôi sai lầm nếu bỏ qua chúng.

Điều thứ nhất là khi Luxia lại kể với bà quả phụ những chuyện rủi ro của mình một cách tỉ mỉ và mạch lạc hơn, điều mà cô không thể làm được trong cơn xúc động của lần tâm sự đầu tiên, và khi cô kể rõ ràng hơn đến bà *Xinhora* là người đã cho cô lánh nạn trong tu viện Mônda, thì cô được bà quả phụ cho biết những điều giúp cô hiểu rõ nhiều sự bí mật đồng thời làm cô vô cùng ngạc nhiên, đau đớn và kinh sợ. Thật vậy, bà quả phụ cho biết là con người bất hạnh kia, bị nghi ngờ phạm những tội ác tày đình, đã bị chuyển đến một tu viện ở Milăng theo lệnh đức Hồng y giáo chủ; tại đây, sau một thời gian dài khăng khăng chối cãi, bà đã hối hận và thừa nhận tội lỗi; và cuộc sống hiện nay của bà là một nhục hình tự nguyện đến mức không ai có thể thấy nhục hình nào nghiêm khắc hơn, trừ bản thân cái chết. Những ai muốn biết câu chuyện thảm thương này tỉ mỉ hơn chút nữa có thể tìm thấy nó trong cuốn sách và ở những đoạn mà chúng tôi đã dẫn ra trên kia, nhân nói đến nhân vật này[1].

Điều thứ hai là khi Luxia hỏi thăm tất cả những tu sĩ dòng đạo hành khất mà cô có thể gặp trong trại phòng dịch về tin tức cha Crixtôfôrô, cô đau đớn hơn là ngạc nhiên được biết cha đã qua đời vì bệnh dịch hạch.

Cuối cùng, trước khi ra đi, Luxia cũng muốn biết đôi điều về những người chủ cũ của mình, để làm tròn bổn phận đối với họ, như cô nói, nếu ít ra một người trong số họ còn sống. Bà quả phụ đưa cô đến nhà Đôn Fenrantơ, tại đây họ được biết là cả hai đã qua đời. Đối với Đônna Praxet, khi người ta nói bà đã mất, thì đó là người ta nói hết rồi; còn với Đôn Ferantơ, vì đây là một nhà bác học, vị tác giả vô danh thấy cần nói dài

---

[1] Ripamôngti - "Lịch sử nước nhà" bộ V, cuốn VI, chương III.

hơn một chút; và chúng tôi xin gánh chịu mọi trách nhiệm về việc chép lại gần như nguyên vẹn tất cả những gì ông đã viết về vấn đề này.

Vậy là ông cho biết rằng khi mới có tiếng đồn về bệnh dịch hạch, Đôn Ferantơ là một trong những người bác bỏ nó dứt khoát nhất, và ông kiên trì chủ trương quan niệm ấy đến cùng. Không phải bằng những tiếng hò hét như đám dân chúng, mà bằng những lập luận mà ít ra không ai có thể chê trách là thiếu liên hệ lô gích.

- *In rerum natura*[1] - ông nói, - chỉ có hai loại sự vật: những thực thể và những ngẫu nhiên: và nếu tôi chứng minh rằng sự truyền nhiễm không thể là cái này cũng không thể là cái kia, thì tức là tôi chứng minh rằng nó không tồn tại, nó là một điều ảo tưởng. Và tôi xin chứng minh điều đó. Những thực thể có thể là thực thể tinh thần hoặc thực thể vật chất. Nếu xem sự truyền nhiễm là một thực thể tinh thần, thì đó là một ý kiến không ai tán thành được; cho nên không cần nói đến làm gì. Những thực thể vật chất có thể là thực thể đơn hoặc thực thể phức hợp. Vậy mà sự truyền nhiễm không phải là một thực thể đơn: vài lời đủ chứng minh điều đó. Nó không phải là một thực thể bằng khí trời, bởi vì nếu nó là như thế, thì đang lẽ truyền từ vậy này sang vật khác, nó đã bay ngay về với môi trường của nó rồi. Nó không mình một tính chất với nước, bởi vì như thế nó đã làm ướt mọi vật và đã bị gió làm khô đi. Nó không cùng một tính chất với lửa, bởi vì như thế nó đã đốt cháy. Nó không cùng một tính chất với đất, bởi vì như thế người ta đã trông thấy nó.

- Nhưng nó cũng không phải là một thực thể phức hợp, bởi

---

[1] Trong vũ trụ (tiếng La tinh).

vì như thế thì dẫu sao nó cũng phải được cảm thấy qua tri giác và xúc giác; mà cái sự truyền nhiễm ấy thì ai đã nhìn thấy nó? Ai đã sờ thấy nó? Vậy chỉ còn phải xem nó có phải là một tính ngẫu nhiên không. Điều này còn tệ hơn. Những ông thầy thuốc ấy nói với chúng ta rằng nó truyền từ cơ thể này sang cơ thể khác; đó là đề tài ưa thích nhất của họ, là cái cớ họ viện ra để quy định biết bao điều hết sức ngu xuẩn. Thế nhưng, nếu cho rằng sự truyền nhiễm là một tính ngẫu nhiên, thì nó sẽ phải là một tính ngẫu nhiên được truyền đi: đó là hai tiếng không đi đôi với nhau được bởi vì, trong toàn bộ triết học, không có điều gì rõ ràng hơn, sáng sủa hơn điều này: một tính ngẫu nhiêu không thể từ một vật này truyền sang vật khác. Nhưng nếu như để tránh cái Xinla ấy, họ đi đến chỗ nói rằng đó là một tính ngẫu nhiên được sinh ra, thì họ lại rơi vào Sarip[1]; bởi vì nếu có được sinh ra thì nó không truyền đi, không lam rộng như họ vẫn luôn miệng nhắc đi nhắc lại.

Một khi những nguyên tắc ấy đã được xác lập rồi, thì việc gì phải ra rả nói với chúng ta về những vết bầm máu, những nốt phát ban, những mụn nhọt độc...?

- Toàn là những trò lừa gạt trẻ con, - một trong những người yêu thích của ông một hôm kêu lên.

- Không, không, - Đôn Ferantơ bác lại, - tôi không nói thế: khoa học là khoa học; chỉ có điều phải biết sử dụng nó. Những vết bầm máu, những nốt phát ban, những mụn nhọt độc, những tuyến mang tai, những hạch tím, những nhọt đen, tất cả đều là những từ đáng trân trọng, có nghĩa rõ ràng chính xác của chúng, nhưng tôi nói là chúng không liên quan gì tới

---

[1] Sarip (Charybde): chỗ xoáy nước bên đảo Xixin, gần tảng đá ngầm Xinla (Scylla). Thành ngữ "rơi từ Sarip đến Sinla" có nghĩa là tránh khó khăn, nguy hiểm này thì lại rơi vào khó khăn, nguy hiểm khác.

vấn đề của chúng ta. Những sự vật ấy có thể có, và thậm chí chúng đang tồn tại, điều đó có ai dám chối cãi? Tất cả vấn đề là xem chúng ở đâu ra.

Chính là từ đây bắt đầu những khó khăn, ngay cả đối với Đôn Ferantơ. Chừng nào ông chỉ mới làm cái việc đánh đổ ý kiến về sự truyền nhiễm, ông gặp khắp nói những người nghe chăm chú và sẵn sàng ủng hộ ông: bởi vì thật khó mà nói được uy tín một nhà bác học chuyên nghiệp có thể lớn đến chừng nào khi ông muốn chứng minh với mọi người những điều mà họ cũng đã tin rồi. Nhưng khi ông muốn phân biệt rành rọt, và muốn chứng minh rằng sai lầm của những thầy thuốc ấy không phải ở chỗ khẳng định sự tồn tại của một chứng bệnh khủng khiếp và phổ biến, mà ở chỗ xác định những nguyên nhân của chứng bệnh ấy, thế thì (tôi nói thời kì đầu, khi người ta không muốn nghe nói đến bệnh dịch hạch) ông không còn gặp những cái tai chăm chú nữa, mà chỉ thấy những miệng lưỡi phỉ báng và ngạo ngược; thế là ông không thể thuyết lí tràng giang đại hải được nữa, mà chỉ có thể trình bày học thuyết của mình qua từng mẩu từng đoạn.

- Cái nguyên nhân thật ư, nó có quá đi chứ, - ông nói, - và họ buộc phải thừa nhận nó, ngay cả những kẻ sau này chủ trương có một nguyên nhân khác, hão huyền như thế... Họ thử phủ nhận sự giao hội tai hại của sao Thổ với sao Mộc xem có được không nào! Và đã bao giờ người ta nghe nói những cảm ứng được lan truyền đi không...? Các ngài ấy có lẽ muốn phủ nhận cả những cảm ứng nữa chắc? Họ phủ nhận cả sự tồn tại của những tinh tú nữa chắc? Hay là họ muốn cho rằng những tinh tú ở trên cao kia vô tác dụng, như những đầu đinh ghim cắm vào một súp sợi?... Nhưng cái điều tôi không thể hiểu được, đó là ý kiến các ông thầy thuốc; thừa nhận rằng chúng

ta nằm trong một sự giao hội độc hại đến thế, rồi đến nói với chúng ta, với một sự thật trơ tráo: đừng đụng vào cái này, đừng dụng vào cái kia, rồi anh sẽ được an toàn! Cứ làm như nếu tránh sự tiếp xúc vật chất với những vật dưới đất, người ta có thể ngăn được hiệu lực tiềm ẩn của những thiên thể! Rồi bỏ ra bao nhiêu công sức đi đốt giẻ rách! những con người đáng thương! Liệu các anh có đốt được sao Mộc không? Có đốt được sao Thổ không?

His fretus[1] nghĩa là dựa trên những lí lẽ khôn ngoan ấy, ông không áp dụng một biện pháp đề phòng nào đối với bệnh dịch hạch; ông mắc bệnh, và chết trên giường bệnh, như một anh hùng của Mêtaxtadiô[2] trong lòng oán trách các vì tinh tú.

Còn tủ sách nổi tiếng của ông thì sao? Có lẽ bây giờ nó vẫn còn vung vãi trong các quầy hàng sách cũ.

---

[1] Dựa trên điều đó (tiếng La tinh).

[2] Pietơrô Môtaxtadiô ()1698-1782; nhà thơ Ý, tác giả nhiều tác phẩm kịch viết về đề tài lịch sử.

Chương ba mươi tám

Một buổi chiều bà Anhedơ nghe tiếng một chiếc xe đỗ trước cửa, "Đúng con bé đây rồi!". Quả thật chính là cô, cùng với bà quả phụ tốt bụng. Bạn đọc có thể tưởng tượng cuộc đón tiếp cảm động biết chừng nào.

Sáng hôm sau Rendô đến rất sớm, anh không biết gì cả và chỉ tới để thổ lộ đôi điều với bà Anhedơ về sự chậm trễ kéo dài của Luxia. Những cử chỉ, lời nói của anh khi đứng trước nàng, chúng tôi cũng để bạn đọc tự hình dung lấy. Còn về sự tiếp đón của Luxia, trái lại chúng tôi sẽ có vài lời miêu tả.

- Chào anh. Anh mạnh khỏe không? - Cô nói, mắt nhìn xuống đất không hề bối rối. Và xin các bạn đừng tưởng Rendô thấy cuộc tiếp đón ấy quá khô khan, khiến anh phật ý. Anh thấy như thế là rất tốt: cũng như giữa những người lịch sự với nhau người ta biết nên tiếp nhận và nên bỏ qua cái gì ở những câu chúc mừng, anh cũng hiểu rõ là những lời ấy không diễn đạt tất cả nội tâm Luxia. Vả lại cũng dễ nhận thấy cô có hai cách diễn đạt: một cách cho Rendô, và một cách khác cho tất cả mọi người cô có thể quen biết.

- Anh cứ nhìn thấy em là anh khỏe - chàng trẻ tuổi đáp lại

theo một công thức cũ, nhưng chính là anh đã có thể tự nghĩ ra câu ấy lúc này.

- Tội nghiệp cha Crixtôfôrô của chúng ta...! - Luxia nói. Anh cầu nguyện cho linh hồn cha đi; mặc dầu ta có thể tin chắc là vào giờ này cha cũng đang cầu nguyện cho chúng mình ở trên kia.

- Chao ôi, anh đang chờ đợi tin này, - Rendô nói.

Và đó không phải là đề tài buồn bã duy nhất của họ trong cuộc trò chuyện. Nhưng dù họ nói đến cái gì, câu chuyện đối với họ cũng cứ có vẻ thú vị. Cũng như những con ngựa bất kham giở trò bướng bỉnh đứng ỳ ra, giơ chân này rồi lại giơ chân kia để vẫn giẫm chân tại chỗ, và làm đủ vành đủ vẻ trong khi tiến lên một bước, nhưng rồi bỗng nhiên bắt đầu chạy và phi như gió cuốn, thời gian lúc này đối với Rendô cũng hệt như vậy: trước kia những phút đối với anh tưởng như những giờ, và bây giờ những giờ lại tưởng như những phút.

Trong cuộc xum họp của họ, bà quả phụ chẳng những không thừa, mà bà còn thực hiện vai trò của mình rất giỏi; và chắc hẳn trước đây khi Rendô trông thấy bà trên giường bệnh, anh không thể tưởng tượng là bà lại cởi mở và vui tính đến thế. Tất nhiên, trại phòng dịch và chốn thôn quê, cái chết và lễ cưới, đó không phải là một. Bà đã kết bạn với bà Anhedơ, còn trong thái độ đối với Luxia, thật là vui thích được thấy bà vừa âu yếm vừa đùa nghịch, trêu trọc cô một cách tế nhị, không quá trớn nhưng khả dĩ khiến cô phải biểu lộ tất cả niềm vui rạo rực trong lòng.

Cuối cùng Rendô nói là anh đến nhà Đôn Apbôndiô để ước định với ông về lễ cưới. Anh đến đó, và nói với ông bằng một giọng nửa chế giễu, nửa kính trọng:

- Thưa cha, cái bệnh đau đầu theo cha nói, đã khiến cha

không thể làm lễ cưới cho chúng con đã hết chưa? Bây giờ thì tổ chức được rồi: vợ chưa cưới của con hiện ở đây, và con đến để cha cho biết lúc nào cha thấy thuận tiện. Nhưng lần này thì xin cha làm gấp cho.

Đôn Apbôndiô không nói là không, nhưng ông bắt đầu tỏ vẻ ngập ngừng, viện cớ thoái thác, nói bóng gió điều này điều nọ: thế tại sao cứ phải để người ta chú ý đến mình như thế và loan báo om xòm tên tuổi của mình lên, trong khi đang có lệnh bắt mình? Và chẳng lẽ đám cưới không tổ chức được ở nơi khác cũng với kể quả tốt đẹp như thế hay sao? Vả thế này và thế nọ.

- Con hiểu, - Rendô nói, - bệnh đau đầu của cha còn chưa hết hẳn. Nhưng cha hãy nghe đây, nghe đây. - Và anh bắt đầu tả lại anh đã trông thấy tên Đôn Rôđrigô khốn khổ ấy trong tình trạng như thế nào, và vào giờ này thì chắc chắn hắn đã toi mạng rồi. - Chúng ta hi vọng, - anh kết luận, - Chúa sẽ mở lượng khoan hồng đối với ông ta.

- Cái đó chẳng dính dáng gì đến chuyện này cả, - Đôn Apbôndiô nói, - tôi có nói với anh là không đâu? Tôi không hề nói là không: tôi nói... tôi nói và vì những lí do xác đáng. Vả lại, anh thấy đó, chừng nào người ta vẫn còn một chút hơi thở để sống... Anh xem tôi đây này: tôi có khác gì một cái bình đã rạn nứt: tôi cũng gần với thế giới bên kia hơn thế giới này, nhưng tôi vẫn sống sờ sờ ra đó: và... nếu không có tai họa nào khác đến với tôi... tóm lại, tôi có thể hi vọng còn sống một thời gian nữa. Vả chăng, anh xem có một số tính khí con người nào đó... Nhưng mình, tôi nói lại, cái đó không dính dáng gì đến chuyện này cả.

Sau khi đã nói đi nói lại những lời không thuyết phục được gì hơn, Rendô chào ông, trở về nhà thuật lại cuộc đàm thoại với ba người phụ nữ, và anh kết luận:

- Tôi bỏ đi, vì đã chán ngấy đến tận cổ và sợ không còn giữ được kiên nhẫn, rồi thiếu tôn trọng ông ta. Có lúc ta phải cho rằng đây vẫn hệt con người cũ: vẫn cái kiểu lên mặt như thế, vẫn những luận điệu ấy; tôi dám chắc nếu câu chuyện kéo dài thêm chút nữa, ông sẽ xùy ra với tôi mấy tiếng La tinh. Tôi thấy cái việc này còn rề rà đấy: thà ta cứ thực hiện thẳng thừng cái điều ông ta nói và đi làm lễ cưới ở nơi nào sẽ đến sinh sống.

- Cậu có biết chúng tôi định làm thế nào không? - Bà quả phụ nói. - Tôi đề nghị để cánh phụ nữ chúng tôi thử một lần nữa xem chúng tôi có thành công hơn không. Tiện thể tôi cũng muốn được biết con người này, và xem ông ta có thật như cậu nói không. Sau bữa trưa ta sẽ đến, để khỏi lại quấy rầy ông ta quá vội. Còn bây giờ, thưa chàng rể tương lai, cậu hãy đưa chúng tôi đi dạo một lát, cả hai chúng tôi, trong khi bà Anhedơ bận việc ở nhà; tôi thì cũng như mẹ của Luxia ấy mà. Và quả thật tôi rất muốn được ngắm kĩ hơn một chút những trái núi kia, cái hồ kia mà tôi đã nghe biết bao lần; tôi chỉ mới được thấy một chút những cảnh ấy mà đã cảm thấy nó đẹp tuyệt trần.

Rendô trước hết dẫn họ đến nhà vị gia chủ của mình, tại lây họ được đón tiếp tưng bừng như ngày hội: họ hẹn với vị ;ia chủ là không chỉ hôm nay, mà bất cứ ngày nào thu xếp lược, họ sẽ mời anh đến ăn trưa với họ.

Sau cuộc dạo chơi và ăn trưa xong, Rendô ra đi mà không nói anh đi đâu. Các bà phụ nữ ngồi lại một lát trò chuyện và thống nhất với nhau cách thuyết phục Đôn Apbôndiô, và cuối cùng họ ra đi mở đợt công kích.

"Chà, bây giờ đến cánh đàn bà đây", ông linh mục nghĩ bụng: nhưng ông làm ra bộ vững vàng và nồng nhiệt chúc

mừng Luxia, chào hỏi bà Anhedơ, chúc tụng bà lạ mặt. Ông mời họ ngồi, rồi bắt đầu nói ngay đến bệnh dịch hạch: ông muốn nghe Luxia kể lại cô đã trải qua tất cả những tai họa của mình như thế nào; nhân nói đến trại phòng dịch, người đàn bà đã kết bạn với Luxia tại đó được dịp góp chuyện; rồi như sự thường tình, Đôn Apbôndiô cũng kể lại những bước đường gian truân của bản thân mình, rồi ông nói lên niềm vui lớn được thấy cả bà Anhedơ cũng thoát nạn.

Câu chuyện xem ra có vẻ dễnh dàng: ngay từ phút đầu, hai người đàn bà nhiều tuổi nhất đã rình cơ hội bắt vào vấn đề chủ yếu: cuối cùng không biết người nào trong hai người đã mở đột phá khẩu. Nhưng làm chi được? Đôn Apbôndiô vẫn giữ thái độ làm thinh. Ông ta không bảo là không; nhưng rốt cuộc vẫn lại những lối nói quanh co, rối rắm, nhảy từ chuyện này qua chuyện khác.

- Có lẽ cần phải, - ông nói, - làm sao hủy bỏ được cái lệnh bắt khốn kiếp ấy. Thưa bà, bà là người Milăng bà hẳn ít nhiều cũng biết những việc ấy làm như thế nào, thế nào bà chẳng có người bảo trợ vững vàng, một nhà quý tộc có thế lực nào đó: bởi vì với những cách ấy người ta có thể chữa lành bất cứ vết thương nào. Và, nếu ta lại muốn đi con đường ngắn nhất mà không dây vào lắm chuyện như thế, bởi vì đôi nam nữ thanh niên ấy và bà Anhedơ đã có ý định tới một miền khác ở (về điều này tôi chẳng hề phản đối: quê hương là nơi nào người ta sống hạnh phúc) thế thì, theo tôi, ta có thể làm tất cả mọi việc ở đằng ấy, ở nơi không có lệnh bắt nào cả. Tôi có thể cam đoan với các bà rằng tôi rất nóng chờ đợi cuộc hôn nhân này, nhưng tôi muốn nó diễn ra tốt đẹp, bình yên. Tôi nói thật: ở đây, với cái lệnh bắt luôn luôn có hiệu lực ấy, tôi không thể yên lòng đứng trước bàn thờ Chúa đọc cái tên Lôrendô Tơranmaglinô:

tôi rất muốn điều lành cho các bạn và tôi sợ phải giúp các bạn một việc xấu xa đó các bà cứ thử nghĩ mà xem.

Đến đây, cả bà Anhedơ cũng nhà bà quả phụ đều lên tiếng bác bỏ những lí lẽ ấy; nhưng Đôn Apbôndiô lại đưa chúng ra dưới một hình thức khác: câu chuyện đang cứ loanh quanh như vậy, thì bỗng Rendô bước vào, với dáng đi quả quyết vẻ mặt muốn báo một tin gì đó. Anh nói:

- Đức hầu tước (+++) đã tới.

- Thế là cái gì? Ngài đã tới đâu? - Đôn Apbôndiô đứng lên hỏi.

Ngài đã tới lâu đài của ngài, tức là lâu đài của Đôn Riđrigô, vì đức hầu tước là người thừa kế qua tín thác, như người ta nói; thế là không còn nghi ngờ gì nữa. Về phần tôi, tôi rất hài lòng nếu có thể biết được là con người bất hạnh ấy đã qua đời êm đẹp. Dù sao đi nữa, từ trước tới nay tôi đã đọc cho ông ta những lời paternoster, bây giờ thì sẽ đọc cho ông những lời *de profundis*[1]. Còn đức hầu tước ấy thì là một người rất tốt.

- Tất nhiên rồi, - Đôn Apbôndiô nói, - tôi thường được nghe nói về ngài như một nhà quý tộc ưu tú, một con người dòng dõi cựu gia. Nhưng có đúng thật là...?.

- Vậy cha tin bác giữ kho đồ thánh của cha không?

- Thì sao?

- Bởi vì bác đã tự mắt mình trông thấy ngài. Còn tôi, tôi chỉ mới đến vùng lân cận, và nói thật tình, tôi đến đó chỉ vì tôi nghĩ bụng người dân vùng này chắc phải biết một điều gì đó.

---

[1] De profundis (tiếng La tinh, có nghĩa là từ đáy sâu vực thẳm) những lời đầu của một thánh ca, mà người ta thường đọc khi cầu nguyện cho người chết. Patermoster (tiếng La tinh, có nghĩa là "cha của chúng ta") là lời cầu nguyện cho người sống.

Và nhiều người đã cho tôi biết tin ấy. Sau đó tôi đã gặp Ambrôgiô vừa từ trên đó xuống và bác đã trông thấy ngài, tôi nhắc lại, cư xử như người chủ của lâu đài. Cha có muốn nghe Ambrôgiô không? Tôi đã cố ý dặn bác đợi ngoài kia.

- Nào thì nghe, - Đôn Apbôndiô nói.

Rendô gọi bác giữ kho đồ thánh vào. Bác xác nhận sự việc trên tất cả mọi điểm, nói thêm một số chi tiết khác, đánh tan hết mọi nghi ngờ, rồi ra đi.

- A! Vậy là hắn chết rồi! Hắn đã từ bỏ cõi đời này thật rồi! - Đôn Apbôndiô kêu lên. - Các con thấy chưa, đối với những kẻ nào đó cuối cùng trời vẫn có mắt. Các con có biết đó là một sự kiện lớn lắm, một niềm an ủi lớn lắm cho cái vùng bất hạnh này không! Bởi vì ở đây, người ta không thể sống được nữa với con người ấy! Bệnh dịch hạch này là một tai họa lớn, nhưng nó cũng là một cái chổi khỏe: nó quét đi, các con ạ, một số phần tử nào đó mà có lẽ chẳng bao giờ chúng ta có thể thoát khỏi: chúng khỏe mạnh, tươi tốt thịnh vượng, đến mức người ta có thể nói là cái người sau này phải làm lễ an táng chúng thì bây giờ còn ở trong chúng viện học bài La tinh vỡ lòng *rosa* hoa hồng. Vậy mà trong nháy mắt chúng biến sạch, hàng trăm tên một lúc. Chúng ta không còn thấy Đôn Rôđrigô quanh quẩn ở đây nữa, với những quân cướp của giết người theo hầu hắn, với cái vẻ dương dương tự đắc, với cái mặt vênh lên như đã nuốt cả một cọc vào người, với cái cách nhìn mọi người cứ như tất cả chúng ta sống trên đời chỉ là nhờ hắn cho phép. Bây giờ hắn không còn nữa, nhưng chúng ta thì vẫn sống. Hắn sẽ không còn phái những sứ bộ của hắn tới gặp những người lương thiện. Hắn đã làm cho tất cả chúng ta mất ăn mất ngủ, các con thấy không: giờ đây ta có thể nói thẳng ra điều đó.

- Tôi đã tha thứ cho ông ta bằng tất cả tấm lòng mình, - Rendô nói.

- Anh làm bổn phận của anh, - Đôn Apbôndiô đáp; - nhưng ta cũng có thể tạ ơn Thượng đế đã giải thoát ta khỏi tay hắn. Bây giờ, để trở về với công việc của chúng ta, tôi nhắc lại: anh cứ làm như anh thấy cần làm. Nếu anh muốn chính tôi làm lễ cưới cho anh, tôi sẵn sàng; nếu anh thấy làm theo cách khác thuận tiện hơn thì anh cứ làm. Còn về cái lệnh bắt, tự tôi cũng thấy rõ vì bây giờ không còn ai dò la anh và muốn làm hại anh nữa, cho nên đó không phải là điều khiến ta lo ngại cho lắm: hơn nữa, trong khi đó lại có sắc lệnh ân xá nhân dịp sinh ra Hoàng Tử vô cùng Sáng láng. Và rồi bệnh dịch hạch! Bệnh dịch hạch! Nó đã xóa đi biết bao điều! Cho nên, nếu anh muốn... hôm nay là thứ năm... Chủ nhật, tôi sẽ yết hôn cho anh ở nhà thờ; bởi vì lần yết hôn trước không hể nữa, nó qua lâu quá rồi: rồi sau đó tôi rất sung sướng được chính mình làm lễ cưới cho anh.

- Cha cũng thừa biết là chúng tôi đến chính vì việc đó, - Rendô nói.

- Rất tốt; tôi xin sẵn sàng phục vụ anh: và tôi cũng báo ngay cho Đức ngài Cao cả biết.

- Chẳng hay Đức ngài Ca cả ấy là ai vậy? - Bà Anhedơ hỏi.

- Đức ngài Cao cả, - Đôn Apbôndiô đáp, - là đức Hồng y giáo chủ tổng giám mục của chúng ta, mà Chúa giữ cho được sống lâu dài.

- Ồ, về điều đó thì xin cha thứ lỗi cho tôi, - bà Anhedơ đáp lại, - bởi vì, mặc dầu tôi nói là một mụ nghèo hèn dốt nát; tôi có thể cam đoan với cha rằng người ta không gọi ngài như thế. Bởi vì, khi chúng tôi đến hầu chuyện ngài lần thứ hai, chẳng khác gì tôi nói với cha lúc này đây, một người trong số những

vị giáo sĩ đã gọi tôi ra một nơi và bảo ban tôi cách cư xử với ngài phải thế nào, và dặn tôi phải thưa với ngài là đại nhân Vinh hiển, và Đức ông.

- Còn bây giờ, nếu phải dạy bảo bà lần nữa, vị giáo sĩ ấy hẳn sẽ dặn bà phải thưa với ngài là Đức ngài Cao cả, bà hiểu chưa? Bởi vì Đức giáo hoàng, mà Chúa cũng giữ cho được sống lâu dài, đã hạ lệnh từ tháng sau ban danh vị ấy cho các Hồng y giáo chủ. Thế bà có biết tại sao Đức giáo hoàng đã phải ra quyết định ấy không? Bởi vì cái danh vị tối vinh hiển ấy vốn chỉ dành cho các Hồng y giáo chủ và một số hoàng thân nào đó, thì bây giờ chính các bà cũng thấy nó đã trở thành cái gì và người ta đã dùng nó để gọi biết bao người, và những người này được gọi như thế cũng sung sướng tận hưởng danh vị ấy! Vậy Đức giáo hoàng phải làm sao bây giờ? Phải bỏ danh vị ấy ở tất cả mọi người ư? Thế thì có thể sinh ra những sự kháng nghị những đơn thỉnh cầu, những nỗi bất bình, những điều hờn giận; và hơn nữa, tình hình rồi cũng lại như trước. Vậy là ngài đã tìm ra một mưu chước tuyệt diệu. Dần dần về sau người ta bắt đầu gọi những vị giám mục là Đức Ngài Cao cả, rồi những tu viện trưởng cũng muốn danh vị ấy, rồi những cha xứ nữa: bởi vì bản tính con người ta là như thế, bao giờ cũng muốn leo cao; rồi đến những thầy cả hầu đức giám mục...

- Rồi đến những linh mục, - bà quả phụ nói.

- Không, không, - Đôn Apbôndiô cãi lại, - nhưng linh mục thì cứ thế mà đi kéo xe bò: các bà đừng sợ người ta tạo cho các linh mục những thói xấu: người ta sẽ gọi họ là Ông Cha đạo cho đến ngày tận thế. Nhưng tôi cũng chẳng hề ngạc nhiên chút nào nếu những nhà quý tộc, vốn đã quen được nghe người ta gọi là tối vinh hiển và được đặt ngang hàng với các Hồng y giáo chủ, đến một ngày đẹp giời nào đó cũng muốn

được gọi là Đức ngài cao cả. Và nếu họ muốn, rồi các bà xem, họ sẽ tìm được những người để gọi họ như thế. Và thế là Đức giáo hoàng của thời ấy sẽ lại tìm ra cái gì khác cho những Hồng y giáo chủ. Nhưng ta hãy trở về với công việc của ta: chủ nhật tôi sẽ yết hôn cho anh ở nhà thờ; còn trong khi chờ đợi các người có biết tôi đã nghĩ đến việc gì để giúp đỡ các người được tốt hơn không? Trong thời gian này, chúng tôi sẽ xin miễn trừ cho hai trường hợp yết hôn khác. Ở văn phòng đức giám mục đằng ấy hẳn phải bận rộn lắm để giải quyết những vụ miễn - trừ, nếu tình hình mọi nơi cũng như ở đây. Đến chủ nhật này tôi sẽ có một... hai... ba đám yết hôn, chưa kể các người; và có thể còn thêm nữa. Và rồi các người sẽ thấy những gì xảy ra sau này: sẽ không còn ai sống trơ trọi nữa đâu. Mụ Pecppechuya chết đi, lúc này thật là một điều đột ngột: đây chính là thời cơ cho cả mụ cũng tìm được người muốn lấy mình. Và ở Milăng, thưa bà, tôi nghĩ rằng chắc cũng vậy thôi.

- Chứ sao nữa! Cha cứ hình dung là chỉ riêng ở xứ đạo tôi, chủ nhật trước đã có năm mươi đám yết hôn.

- Thì tôi đã nói với bà rồi: nhân loại không muốn hết người đâu. Thế còn bà, thưa bà, chẳng phải mấy anh chàng đã bắt đầu quẩn bên chân bà đó sao?

- Không, không: tôi không nghĩ đến chuyện ấy, và tôi không muốn nghĩ đến chuyện ấy.

- Thôi đi nào, chẳng lẽ bà muốn là người duy nhất ở ngoài lề chăng. Ngay cả bà Anhedơ đây, bà thấy không ngay cả bà Anhedơ...

- Ồ, Cha đang nổi hứng bông phèng đấy ư? - Bà Anhedơ nói.

- Tất nhiên, tôi đang muốn bông phèng đây: và tôi thấy hình như rốt cuộc cũng đến lúc bông phèng được rồi. Chúng ta đã sống những thời buổi khó khăn, phải không các bạn trẻ?

Những thời buổi hết sức khó khăn. Những ngày ít ỏi của chúng ta còn lại trên cõi đời này, ta có thể hi vọng nó sẽ tốt đẹp hơn một chút. Chà, các bạn dẫu sao vẫn còn may mắn: nếu không có tai họa nào khác, các bạn còn một quãng thời gian dài phía trước để lại những nỗi buồn phiền đã qua của các bạn: còn tôi, trái lại, tôi đã gần đất xa trời và... quân ăn cướp có thể chết đi, bệnh dịch hạch có thể chữa khỏi, nhưng với tuổi tác thì không có phương thuốc nào cả; và, như người ta nói *Seneclus ipsa est morbus*[1].

- Bây giờ, - Rendô nói, - cha có thể tha hồ nói tiếng La tinh, con bất cần.

- Chà, anh vẫn còn thù tiếng La tinh: được, được, rồi thế nào ta cũng cho anh thấy: khi nào anh đến trước mặt ta cùng với cô bé kia, chính là để nghe nói vài ba chữ La tinh, ta sẽ nói với anh: anh không thích tiếng La tinh hả? Thế thì anh cứ việc về đi. Anh vui lòng chứ?

- Không! Con biết con nói gì mà, - Rendô cãi lại, - không phải cái tiếng La tinh ấy làm con sợ: cái tiếng La ti0nh ấy là một thứ tiếng La tinh ngay thật, chí thánh, như tiếng La tinh trong lễ mixa vậy: cả cha nữa, trong lễ ấy, cha cũng phải đọc những gì được viết trong cuốn sách của cha chứ. Con muốn nói cái thứ tiếng La tinh lừa bịp, không phải tiếng La tinh của nhà thờ, nó xen vào giữa một đoạn nói chuyện để lừa dối người ta. Chẳng hạn, bây giờ ta đã ở đây và mọi việc xong xuôi cả rồi con mới nói, cái tiếng La tinh mà cha đã đưa ra với con chính tại chỗ này, ở ngay cái góc cha đang ngồi kia, để khiến con hiểu rằng cha không thể làm lễ cưới cho chúng con, mà phải có những thứ gì gì nữa con làm sao biết được? Thế thì bây giờ cha

---

[1] Bản thân tuổi già là một bệnh tật (Xixêrông - tiếng La tinh).

thử dịch nó ra một chút thành tiếng Ý thông thường cho con nghe xem nào.

- Thôi im đi, anh chàng cợt nhả, im đi: đừng khuấy chuyện cũ lên nữa, bởi vì giá như bây giờ chúng ta phải tính sổ, thì chưa biết ai còn phải nợ ai đấy. Ta đã bỏ qua tất cả rồi: đừng nhắc đến nữa. Nhưng các con cũng đã chơi ta một vố ra trò. Về phần anh, điều đó chẳng làm ta ngạc nhiên vì anh là một tên ma mãnh, nhưng ta muốn nói cái con người rất đỗi hiền lành kia, cái cô gái ngây thơ kia mà người ta tưởng như có thể ban cho những quà của Chúa mà không phải ân hận, và chỉ cần có chút nghi ngại cô cũng đã coi như phạm tội. Nhưng ta biết rõ kẻ nào đã xúi giục cô bé, ta biết, ta biết.

Khi nói vậy, ông chỉ vào bà Anhedơ bằng ngón tay mà ông vừa mới trỏ vào Luxia: và thật khó có bút nào tả được ông đã nói những lời trách móc ấy với vẻ hiền từ và thân ái như thế nào. Cái tin này đã đem lại cho ông một vẻ thung dung, ông trở nên thích nói, một điều khác thường đã từ lâu không thấy ở ông, và chúng tôi hẳn còn lâu mới tới được đoạn kết nếu chúng tôi muốn thuật lại cả cái chuỗi những câu chuyện ông nói dông dài bằng cách ngăn lại nhiều lần các vị khách đã muốn ra về, lại còn giữ chân họ thêm chút nữa trên bậc cửa, vẫn luôn miệng nói với họ bằng cái giọng bông phèng đùa cợt ấy.

Ngày hôm sau ông đón tiếp một cuộc viếng thăm vì càng bất ngờ nên càng thú vị: đức hầu tước mà ta đã nói, một người giữa tuổi tráng niên và tuổi già, mà vẻ ngoài dường như xác nhận mọi tiếng đồn về ngài; cởi mở, lịch thiệp, điềm tĩnh, khiêm nhường, đĩnh đạc với một vẻ gì đó nói lên một nỗi buồn nhẫn nhục.

- Tôi đến, - ngài nói, - chuyển cho ông những lời chào hỏi của đức Hồng y giáo chủ tổng giám mục.

- Ôi, thật quý hóa biết bao về phía ngài cũng như về phía đức Hồng y giáo chủ.

- Khi tôi từ biệt con người vô song mà tôi đã được vinh dự kết thân, ngài có nói với tôi về hai người trẻ tuổi ở xứ đạo này, họ đã đính hôn với nhau và đã phải chịu nhiều nỗi đắng cay vì cái ông Đôn Rôđrigô bất hạnh nọ. Đức ông muốn biết tin về họ. Họ còn sống không? Và công việc của họ đã thu xếp xong chưa?

- Ổn cả rồi. Và thậm chí tôi đã toan viết thư báo tin ấy với đức cha Chí thánh; nhưng bây giờ tôi đã có vinh hạnh...

- Họ có ở đây không?

- Ở đây; và chỉ trong thời gian ngắn nhất họ sẽ nên vợ nên chồng.

- Về phần tôi, tôi xin ông làm ơn cho biết liệu tôi có thể giúp họ được chút gì không, và cũng chỉ giáo cho cả cách nào thuận tiện nhất. Trong tai họa này tôi đã bị mất đứa con duy nhất của tôi và cả mẹ chúng, và tôi đã được thừa hưởng ba gia tài lớn. Ngay cả trước kia, tôi cũng đã sống thừa thãi: cho nên ông cũng thấy là nếu ông giúp tôi cơ hội sử dụng một phần những gia tài ấy, và nhất là trong trường hợp như trường hợp này, thì quả thật ông làm ơn cho tôi đấy!

- Cầu trời phù hộ ngài! Chà, tại sao tất cả bọn họ đều không như ngài, những...? Nhưng thay mặt những đứa trẻ ấy tôi xin hết lòng cám ơn ngài. Và bởi vì đại nhân tối vinh hiển đã khích lệ tôi, tất nhiên, tôi cũng có một phương sách có thể gợi ý với ngài, mà có lẽ ngài cũng ưng. Vậy xin ngài biết cho là những kẻ hiền lành này đã quyết định đi sinh cơ lập nghiệp nơi khác và bán lại chút tài sản mà họ đã có được ở đây: chàng trẻ tuổi có một ruộng nho bé nhỏ nhưng đã hoàn toàn bỏ hoang, giá trị thật sự tính được chỉ là miếng đất thôi: thêm

vào đó anh ta có một căn nhà nhỏ, và có vợ chưa cưới của anh có một căn nhà nữa: hai cái ổ chuột, có thể nói được như vậy. Một vị quý tộc như ngài không thể biết được những chuyện gì xảy ra với những kẻ nghèo khó khi họ muốn bán tài sản. Cái tài sản ấy cuối cùng bao giờ cũng rơi vào tay một tên quỷ quyệt nào đó, nó có lẽ đã nhòm ngó mấy mẩu đất ấy từ lâu, nhưng khi biết người kia cần bán thì nó rút lui và làm ra vẻ chê bai; và thế là phải chạy theo nó và bán cho nó với giá rẻ mạt, nhất là trong những trường hợp như trường hợp này. Đức hầu tước hẳn đã thấy tôi muốn nói gì rồi. Ơn đức tốt nhất mà đại nhân tối vinh hiển có thể ban cho những con người này là giúp họ thoát cảnh khó khăn bằng cách mua lại chút tài sản nhỏ bé của họ. Nói thật tình, ý kiến của tôi góp với ngài không phải là vô tư đâu, vì tôi muốn có được trong xứ đạo của tôi một thân chủ như đức hầu tước. Nhưng xin đại nhân cứ quyết định điều gì ngài thấy là tốt nhất; về phần tôi, tôi nói vậy là để tuân lệnh ngài thôi.

Đức hầu tước nhiệt liệt khen ngợi đề nghị ấy, cám ơn Đôn Apbôndiô, và mời ông làm trọng tài giá cả và định giá thật cao; và ngài khiến ông phải vô cùng sửng sốt khi đề nghị với ông cùng đến ngay nhà cô vợ chưa cưới, tại đây anh chồng chưa cưới chắc hẳn cũng có mặt.

Dọc đường, Đôn Apbôndiô, mặt mày rạng rỡ như các bạn có thể hình dung, nảy ra một ý kiến khác thường, và ông đề nghị.

- Đức ngài đã sẵn lòng ra ơn cho những con người này thì có thể còn một việc khác nữa nên giúp họ. Anh chàng trẻ tuổi đang có lệnh bắt, một thứ bản án vắng mặt, vì một hành động dại dột nào đó anh ta đã phạm phải ở Milăng, cách đây hai năm, vào cái ngày đại náo loạn mà anh đã rơi vào đó không có mưu đồ gì, chỉ vì không biết, như con chuột rơi vào bẫy; ngài

thấy đó, không có gì nghiêm trọng: những trò trẻ con, những việc khờ khạo; bởi vì đây không phải là một chàng trai có thể thật sự làm điều gì xấu xa: và tôi có thể nói với ngài điều đó, vì tôi đã làm lễ rửa tội cho anh ta và anh đã lớn lên dưới mắt tôi: vả chăng nếu đại nhân muốn tiêu khiển một chút thử nghe những câu chuyện thật thà như đếm của những con người khốn khổ ấy, ngài có thể bảo anh ta kể lại chính câu chuyện của anh, và ngài sẽ thấy. Còn bây giờ, vì đây là chuyện cũ rồi, cho nên chẳng còn ai sinh sự với anh ấy nữa, và, như tôi đã nói với ngài, anh ta đã có ý định đi sinh cơ lập nghiệp khỏi Công quốc này; nhưng dần dà sau này, hoặc là anh ta trở lại đây, hoặc vì lí do nào khác ai mà biết được, ngài hẳn biết rõ hơn tôi là giá như không có tên anh ghi trong những quyển sổ ấy thì vẫn hơn. Đức hầu tước chắc chắn có đầy đủ thế lực ở Milăng, cái lẽ đương nhiên là như thế, do chỗ ngài là một nhà đại quý tộc và một đại nhân... không, không ngài cứ để tôi nói; vì sự thật vẫn là sự thật. Một câu nói giúp, một lời nho nhỏ của một người như ngài, thật quá đủ để có được sự tha bổng.

- Không ai có lý do gì khác để gây chuyện với chàng trai này nữa chứ?

- Không, không, tôi không thấy như thế. Hồi đầu xung quanh câu chuyện này người ta làm ầm ĩ lên; nhưng bây giờ, theo tôi chỉ còn là một thủ tục nhỏ thôi.

- Nếu đã vậy thì việc cũng dễ, và tôi sẵn sàng đảm nhận cho.

- Vậy mà ngài vẫn không muốn người ta gọi ngài là một con người cao cả. Tôi gọi thế đấy, và tôi muốn gọi thế; và tôi còn gọi thế mặc dầu trái ý ngài. Và cha dù tôi có im đi thì cũng thế thôi, vì tất cả mọi người đều nói vậy; mà *vox populi vox dei*[1].

---

[1] Tiếng nói của nhân dân là tiếng nói của Chúa (tiếng La tinh).

Họ gặp đủ cả ba người đàn bà và Rendô. Các bạn có thể tưởng tượng sự ngạc nhiên của những người này như thế nào: tôi nghĩ rằng ngay cả những bức tường trần trụi và xù xì kia, những khung cửa sổ, những chiếc ghế dài và bộ đồ bát đĩa cũng sửng sốt vì được tiếp đón trong nhà chúng một vị khách đặc biệt đến thế.

Đức hầu tước tự mình khai mào câu chuyện, nói đến Hồng y giáo chủ và nhiều chuyện khác, với một vẻ cởi mở thân tình, nhưng cũng rất ý tứ và tế nhị. Rồi ngài đi tới một đề nghị mà vì nó ngài đến đây. Đôn Apbôndiô, được ngài mời để định giá, bèn lên tiếng; sau vài lời khách khí và xin lỗi, nói rằng đây không phải nghề mình, rằng ông chỉ có thể nói mò, và ông làm việc này hoàn toàn chỉ vì tuân lệnh đức hầu tước mà ông hết lòng tin cậy; ông đọc lên một con số mà theo ông đã là quá quắt. Người mua nói rằng, về phần ngài, ngài thì hoàn toàn hài lòng; và làm ra vẻ như không nghe rõ ngài nhắc lại một con số gấp đôi; sau đó ngài không muốn có sự sửa đổi nào hết, cắt đứt và chấm dứt cuộc trò chuyện, mời tất cả mọi người vào hôm sau ngày lễ cưới đến ăn trưa ở lâu đài ngài, tại đây có thể tiến hành việc kí kết văn tự theo thể thức quy định.

"Chà! - Đôn Apbôndiô sau đó nghĩ bụng về nhà, - ví thử bệnh dịch hạch luôn luôn thu xếp mọi việc như thế này thì thật là một tội lỗi nếu nói xấu nó; chỉ thiếu chút nữa thì có lẽ người ta cầu mong cho mỗi thế hệ có được một lần dịch hạch; và người ta có thể kế kết xin nhận nó về, nhưng với điều kiện được khỏi bệnh, tất nhiên!"

Giấy phép kết hôn đã tới, lệnh xóa án đã tới, và cả ngày vui lớn cũng đã tới: hai kẻ đính hôn, hoàn toàn vững tâm và đắc thắng, đi đến chính ngôi nhà thờ này tại đây từ chính miệng Đôn Apbôndiô tuyên bố ra, họ nên vợ nên chồng. Một

thắng lợi khác, còn đặc biệt hơn nhiều, vì việc họ đến thăm tòa lâu đài nổi tiếng; và tôi xin nhường các bạn hình dung tất cả những gì chắc phải xáo động trong đầu óc họ khi họ leo cái dốc ấy, đi qua cái cổng ấy, và tất những gì trắc ẩn họ phải nói lên, mỗi người theo tính cách của mình. Tôi chỉ xin lưu ý rằng giữa niềm vui chung của họ, người này người nọ đều nhiều lần nói là lẽ ra phải có mặt cha Crixtôfôrô đáng thương thì ngày vui mới hoàn toàn. "Nhưng về phần cha, - sau đó họ lại nói, - giờ đây chắc chắn là cha sung sướng hơn chúng ta".

Đức hầu tước chiêu đãi họ một bữa linh đình, dẫn họ vào một căn phòng tráng lệ, mời đôi tân lang ngồi vào bàn, cùng với bà Anhedơ và bà thương gia; và trước khi rút lui để đi ăn nơi khác với Đôn Apbôndiô ngài muốn ngồi nán lại một chút để tiếp chuyện các vị khách và thậm chí giúp vào việc phục vụ họ. Tôi cho rằng chẳng ai muốn nói cứ dọn thẳng ra một bàn ăn huy nhất lại đơn giản hơn. Tôi đã giới thiệu với các bạn vị hầu tước này là một người tốt bụng, nhưng không phải một người lập dị, như ngày nay ta thường nói; tôi đã nói với các bạn rằng ông khiêm nhường, nhưng không phải một sự khiêm nhường phi thường. Ông có đủ sức tự đặt mình xuống dưới những con người hiền lành này, nhưng không đủ sức cùng ngồi ngang hàng với họ.

Sau khi hai bữa ăn đã xong, một luật gia thảo bản văn tự, nhưng phải là tiến sĩ Adecca Gacbugli. Vị tiến sĩ này, tôi muốn nói hài cốt ông, đã nằm và đang còn nằm ở Canterenli. Với những người không ở vùng này, tôi thấy cũng cần giải thích một chút.

Vào khoảng nửa dặm phía trên Leccô, và gần như ngay cạnh một làng khác tên là làng Caxtenlô, có một nơi gọi là Canterenli, tại đây hai con đường giao nhau; ở một ngã tư

đường ngày nay người ta trông thấy một ụ đất cao, một thứ gò nhân tạo, bên trên cắm cây thập ác: cái gò ấy chính là một đống lớn những thây người chết vì bệnh dịch hạch này. Quả thật, lời tương truyền chỉ nói: những người chết bệnh dịch hạch; nhưng chắc hẳn là bệnh dịch hạch này, vì đó là nạn dịch hạch cuối cùng làm chết nhiều người nhất còn lưu lại trong ký ức người ta đến nay. Và các bạn biết là những lời tương truyền, nếu ta không giúp thêm cho chúng, thì tự bản thân chúng bao giờ cũng nói quá ít.

Lượt về không có gì đáng nêu lên, trừ một điều là Rendô hơi vướng víu vì sức nặng của đống bạc anh mang theo. Nhưng nhân vật của chúng ta, như các bạn biết, đã từng chịu đựng biết bao gánh nặng khác. Đấy là tôi chưa nói đầu óc anh đang phải làm việc, một công việc chẳng nhẹ nhàng gì, để suy nghĩ xem có cách nào tốt nhất làm cho những đồng tiền ấy sinh sôi nảy nở. Cứ xem những dự định xảy ra trong đầu anh, những suy nghĩ của anh, tất cả những gì anh tưởng tượng ra; cứ nghe những lí lẽ *ủng hộ* và *phản đối* nông nghiệp hay công nghiệp, người ta tưởng như được dự cuộc gặp mặt của hai Viện hàn lâm thế kỉtc. Nhưng đối với anh sự bối rối thực tế hơn nhiều, bởi vì, khi anh chỉ có một mình, người ta không thể nói với anh: anh cần gì phải lựa cọn? Anh cứ theo cả hai cách, chẳng việc gì phải lo nghĩ, hai cách thật ra cũng là một, đó là hai sự vật cùng đi với nhau như hai chân: đi cả hai chân vẫn hơn là đi một.

Những người bạn của chúng ta chỉ còn việc sửa soạn hành lí và lên đường: gia đình Toramaglinô đi đến quê hương mới của mình, bà quả phụ Milăng. Những giọt lệ, những lời cảm tạ, những lời hẹn hò đến thăm nhau tưởng chừng không bao giờ cạn. Cuộc chia tay của Rendô và gia đình với người bạn và

cũng là chủ nhà của anh cũng không kém phần cảm động (chỉ nước mắt là không có thôi); và các bạn đừng tưởng từ buổi từ biệt Đôn Apbôndiô diễn ra lạnh nhạt. Những con người nhân hậu này vẫn luôn luôn giữ một tình cảm quyến luyến và tôn kính nào đó với ông linh mục của mình; và ông linh mục ấy thật ra luôn luôn mong muốn điều tốt lành cho họ. Chẳng qua những chuyện khốn kiếp đã đến làm vẩn đục tình thương yêu.

Chắc hẳn các bạn sẽ hỏi không biết họ có cảm thấy đau lòng khi phải xa lìa quê hương và núi non của mình như thế: tất nhiên, bởi vì sự đau lòng thì có thể nói ở đâu mà người ta chẳng cảm thấy ít nhiều. Tuy vậy ta phải tin rằng nỗi đau này không lớn lắm, vì họ lẽ ra có thể tránh được nó và ở lại nhà họ, khi mà giờ đây hai trở lực lớn, Đôn Rôđrigô và cái lệnh bắt, đã không còn nữa. Nhưng từ ít lâu nay họ đã quen nhìn miền đất họ sẽ đến như là quê hương của họ. Rendô đã làm cho hai người đàn bà yêu thích miền đất ấy, bằng cách tán dương những cảnh làm ăn dễ dãi mà những người thợ tìm thấy được ở đó, và đủ mọi điều về cuộc sống tốt đẹp ở nơi ấy. Hơn nữa tất cả những người này đều đã trải qua những giờ phút thật cay đắng ở cái miền họ sắp bỏ lại đằng sau; và rốt cuộc thì những kỉ niệm đau buồn bao giờ cũng khiến ta khó chịu với những nơi nào khêu gợi lên kỉ niệm ấy. Và nếu những nơi ấy lại là nơi chôn rau cắt rốn của ta, thì có lẽ trong những kỉ niệm như thế còn có một cái gì chua xót và nhức nhối hơn. Ngay cả đứa hài nhi, bản thảo của chúng ta viết, sung sướng nằm trong lòng người nhũ mẫu, khao khát và tin cậy tìm bầu sữa đã triu mến nuôi nó cho đến lúc này; nhưng nếu người nhũ mẫu, muốn đứa trẻ cai sữa, xát ngải cứu vào bầu vú ấy, thì đứa trẻ nhả ra, rồi lại bập vào cố thử lần nữa, nhưng cuối cùng rời bầu vú ra với tiếng khóc, tất nhiên, nhưng nó vẫn rời bầu vú ra.

Bây giờ các bạn sẽ nói ra sao khi được biết rằng ngay khi mới đến quê hương mới và ổn định xong nơi ăn chốn ở, Rendô đã thấy có những điều khó chịu dường như sẵn sàng chờ đón anh? Đó là những chuyện vặt vãnh; nhưng chỉ cần một chút vặt vãnh ấy cũng đủ khuấy đục hạnh phúc! Nói vắn tắt thì sự việc xảy ra với anh như thế này.

Tất cả những gì người ta đồn đại về Luxia ở xứ này từ rất lâu trước khi cô tới; những điều người ta biết về chuyện Rendô đã phải đau khổ vì cô mà vẫn luôn luôn chung thủy và không bao giờ nghiêng ngả, có lẽ đôi lời của một người bạn quá thiên vị với anh, tất cả những cái đó đã làm nảy ra lòng hiếu kì muốn xem mặt cô vợ trẻ, và người ta đã mang sẵn một ý niệm nào đó về sắc đẹp của cô. Thế nhưng các bạn cũng biết thế nào là sự chờ đợi nó kích thích trí tưởng tượng nó tin tưởng, nó quả quyết, thế rồi khi đụng vào thực tế thì nó sinh ra khó tính, chê bai: nó không bao giờ vừa lòng bởi vì thật ra nó cũng không biết nó muốn cái gì; và nó thẳng tay bắt phải trả giá cho mối thiện cảm mà nó đã ban phát không với lí do nào cả. Khi người ta trông thấy cô Luxia nổi tiếng ấy, nhiều người có lẽ lâu nay vẫn tưởng tóc cô thật sự bằng vàng, và đôi má cô thật sự như những bông hồng, con mắt nào của cô cũng đẹp như nhau, và những gì gì nữa, thì chính những người ấy bắt đầu nhún vai, bĩu môi và nói; "Sao? Có thế thôi ư? Sau bao thời gian chờ đợi và bao lời bàn ra tán vào, người ta tưởng được thấy một cái gì khá hơn kia. Nhưng rốt cuộc thì đó là cái gì? Một ả nông dân như bao nhiêu ả khác. Các thứ này mà ngay cả loại khá hơn có hàng đống khắp nơi". Sau đó họ mới bắt bẻ từng chân tơ kẻ tóc, mỗi người nhận thấy ở cô một tí vết, và thậm chí một số người nói trắng ra là cô xấu.

Nhưng vì không ai nói thẳng những điều ấy vào mặt

Rendô, cho nên rốt cuộc cũng không có tai họa gì lớn xảy ra. Điều tai hại sinh ra từ một số người thuật lại chuyện ấy với anh; và Rendô, biết làm sao được?, bị chạm vào chỗ đau lòng nhất. Anh bắt đầu ngẫm nghĩ về chuyện này, oán trách mãi những người đã nói chuyện ấy với anh, và oán trách cả bản thân mình còn nhiều hơn nữa. "Thì việc gì đến các anh? Ai bảo các anh chờ đợi? Phải chăng tôi đã có lúc nào đến nói chuyện với các anh? Nói với các anh rằng cô ấy đẹp? Và khi chính các anh gợi chuyện ra, tôi đã trả lời các anh điều gì khác, nếu không phải đó là một cô gái hiền hậu? Phải, đó là một cô nông dân! Phải chăng tôi đã nói với các anh là một nàng công chúa? Các anh không ưa cô ấy? Thì các anh chỉ việc đừng nhìn cô ấy nữa. Các anh cũng có những bà vợ đẹp đấy: cứ việc mà nhìn các bà ấy đi".

Và các bạn thử xem có khi một sự dại dột đủ quyết định cảnh ngộ con người đến suốt đời như thế nào. Giả sử Rendô phải sống suốt đời ở vùng này, như ý định ban đầu của anh, thì có lẽ cuộc đời ấy cũng không vui lắm. Anh không tử tế cho lắm với mọi người, vì mỗi người đều có thể là một trong số những người chỉ trích Luxia. Không phải anh hành động đúng như một con người vô lễ, nhưng các bạn cũng biết tất cả những gì người ta có thể làm mà không vi phạm quy tắc xã giao: người ta có thể làm người khác ức hộc máu lên được. Mỗi lời nói của anh đều có một chút gì xỏ xiên châm chọc; cả anh nữa cũng tìm thấy trong mọi việc một điều gì đó để chỉ trích, đến mức nếu tới hai ngày liền, anh nói ngay: "Tất nhiên, ở một cái miền như miền này!" Tôi có thể nói với bạn rằng nhiều người đã thù ghét anh; và dần dà từ chuyện này đến chuyện khác, anh đi đến chỗ có thể nói là gây sự với hầu hết mọi người dân vùng này, mà có lẽ bản thân anh cũng không thể

biết cái nguyên nhân ban đầu của một tai họa lớn đến thế.

Nhưng dường như bệnh dịch hạch đảm nhiệm sửa lại tất cả những việc làm ngang trái của anh. Nó đã cướp đi ông chủ một xưởng kéo sợi khác ở ngay gần cổng thành Becgam; và người thừa kế, một thanh niên trác táng không thấy điều gì vui thú trong cái cơ ngơi này, đã quyết định và gần như nôn nóng muốn bán ngay, và thậm chí với nửa giá, nhưng anh ta đòi những đồng ê-quy xỉa luôn trước mặt, để có thể tiêu ngay vào những việc không sinh lợi gì cả. Chuyện đến tai Booctôlô, bác vội tới xem; bác thương lượng: những điều kiện có lợi đến thế thật chưa từng mong đợi; nhưng yêu cầu trả ngay tiền mặt làm hỏng hết mọi việc, vì tiền dành dụm của bác trong nhiều năm nay còn xa mới tới được số tiền này. Bác hẹn người kia chờ đợi vội trở về nhà, kể lại công việc với cậu em họ, và đề nghị anh chung với bác một nửa. Một đề nghị tốt đẹp đến thế thanh toán ngay mọi sự lưỡng lự về kinh tế của Rendô, anh ngả luôn về ngành công nghệ và nhận lời. Họ cùng đi tới đó, và kí giao kèo. Rồi khi những người chủ mới đã dọn đến nhà họ, Luxia vốn chẳng hề được chờ đợi một chút nào ở nơi này, không những không phải là đối tượng bị đả kích, mà ta có thể nói là cô được lòng mọi người; Rendô được biết có nhiều người thậm chí đã nói:

- Anh đã trông thấy cái *cô quê mùa* xinh đẹp ấy mới đến chỗ ta chưa?

Và ngay cả sự khó chịu mà Rendô cảm thấy ở nơi trước cũng trở thành một bài học bổ ích cho anh. Cho đến lúc này anh hơn bộp chộp trong những lời phán xét, và sẵn sàng tự cho phép mình chỉ trích vợ người cũng như mọi chuyện khác. Bây giờ anh nhận thấy người nói là một đằng mà người nghe lại là một đằng khác và anh dần dần học được thói quen

lắng nghe trong lòng những tiếng nói của mình trước khi thốt lên lời.

Tuy vậy, xin các bạn chớ tưởng ngay cả ở nơi mới này anh không bao giờ có đôi điều buồn phiền nào. Con người ta (vị tác giả vô danh nói: và các bạn đã có kinh nghiệm biết ông có sự ham thích hơn kì dị đối với những so sánh; nhưng các bạn có thể bỏ qua cho ông lần nữa, vì đây là lần so sánh cuối cùng), con người ta từ khi ra đời như một bệnh nhân nằm trên một giường bệnh ít nhiều bất tiện, và anh ta nhìn quanh mình thấy những giường khác đàng hoàng, khá hơn nhiều, rất phẳng; và anh tưởng tượng nằm trên những giường ấy hẳn tốt lắm. Nhưng nếu anh đổi được giường, thì chỉ vừa mới nằm giường mới, đặt mình lên đó, anh đã bắt đầu cảm thấy chỗ này một đầu nhọn đâm vào anh, chỗ kia gồ lên cộm lưng anh; và tóm lại thì anh vẫn ở trong tình cảnh đại khái như trước. Bởi thế cho nên, vị tác giả vô danh của chúng ta nói thêm, có lẽ người ta nên nghĩ nhiều đến chuyện làm việc cho tốt hơn là chuyện sung sướng; và chính vì thế mà cuối cùng người ta lại được sung sướng hơn. Sự so sánh hơi thiếu tự nhiên và phảng phất cái giọng người viết ở thế kỉ XVII; nhưng thật ra thì ông nói đúng. Vả chăng, ông nói tiếp, những nỗi ưu phiền thuộc loại chúng tôi đã kể và ở mức trầm trọng như thế không còn nữa ở những con người hiền lành của chúng ta; từ đây họ sống một cuộc đời êm đềm nhất, hạnh phúc nhất và đáng mong ước nhất; cho nên, giá như tôi phải kể lại với các bạn cuộc đời ấy, thì có lẽ các bạn buồn chết đi được.

Công việc làm ăn chạy rất tốt; ban đầu nó hơi bị trắc trở vì thiếu thợ và vì những yêu sách quá đáng của những thợ hiếm hoi còn lại. Người ta ban bố những pháp lệnh hạn định tiền lương của thợ; mặc dầu sự giúp đỡ ấy của chính quyền, tình

hình vẫn trở lại như cũ, bởi vì sớm muộn nó cũng phải trở lại như thế. Từ Vonidơ đưa tới một pháp lệnh khác có phần hợp lí hơn: miễn trừ trong mười năm mọi thứ thuế tài sản và đảm phụ cá nhân cho những người ngoại bang tới sinh cơ lập nghiệp trong quốc gia này: một món lợi lớn bất ngờ cho những người bạn của chúng ta.

Lấy nhau gần một năm trời, đôi vợ chồng sinh được một đứa con xinh xắn: và dường như bà mụ cố tình cho Rendô cơ hội thực hiện lời hứa cao cả của anh, đó là một bé gái: và các bạn hẳn cho rằng người ta đặt tên bé là Maria. Rồi, với thời gian, ra đời không biết bao nhiêu bé nữa cả trai lẫn gái: và bà Anhedơ tha hồ bận rộn chăn dắt hết cháu này đến cháu khác, mắng chúng là đồ nghịch như quỷ đồng thời đặt lên má chúng những cái hôn hằn lên một vệt trắng khá lâu trên má. Và tất cả đều là những đứa trẻ có thiên tư. Rendô muốn tất cả các con được học đọc và viết, anh nói rằng khi mà cái khoa học tinh quái ấy đã tồn tại trên đời thì bọn chúng ít ra cũng phải lợi dụng nó.

Thú vị nhất là được nghe anh kể lại những cuộc phiêu lưu của mình: bao giờ anh cũng kết thúc bằng cách nói lên những điều quan trọng anh học được để xử sự tốt hơn sau này. "Tôi đã học được, - anh nói, - là không được nhúng tay vào những dám hỗn loạn: tôi đã học được không đứng lên tuyên truyền ở quảng trường: tôi đã học được không chè chén quá say sưa: tôi đã học được không cầm chiếc búa cửa trong tay khi chung quanh có những người nóng đầu: và tôi đã học được không buộc cái chuông nhỏ vào chân khi chưa nghĩ đến những hậu quả có thể từ đó sinh ra" - Và hàng trăm điều tương tự.

Tuy vậy Luxia, dù không thấy cái đạo lí ấy tự bản thân nó là sai lầm, cũng không hài lòng chút nào: cô mơ hồ cảm thấy

nó còn thiếu một cái gì. Cứ nghe nhắc đi nhắc lại mãi một giọng điệu ấy, và cứ ngẫm nghĩ mãi về nó, một hôm cô nói với nhà đạo đức học của mình:

- Thế còn em, theo anh thì em học được cái gì? Em không đi tìm tai họa: tự chúng đến tìm em. Miễn là anh không muốn nói, - cô nói thêm với một nụ cười rất đỗi dịu dàng, - rằng sai lầm của em là đã yêu anh và hứa hôn với anh.

Ngay lúc ấy Rendô cảm thấy lúng túng. Sau khi đã tranh cãi và cùng thảo luận thật lâu với chúng, họ đi đến kết luận rằng quả thật các tai họa thường tới vì người ta tạo ra lí do tồn tại của chúng; rằng cách cư xử khôn ngoan nhất và vô tội nhất cũng không đủ để thoát khỏi chúng; và khi chúng tới, dù đó là do lỗi của ta hay không, thì lòng tin ở Chúa cũng làm chúng nhẹ đi và khiến chúng trở thành có ích cho một cuộc sống tốt đẹp hơn. Kết luận ấy, mặc dầu do những kẻ nghèo hèn tìm ra, chúng tôi thấy đúng đắn đến nỗi đã có ý định đặt nó ra ở đây, làm lời kết thúc câu chuyện này.

Và nếu câu chuyện cũng ít nhiều vừa ý các bạn, các bạn hãy hài lòng về người đã viết ra nó, và cũng hài lòng chút ít về cả người đã soạn lại nó. Nhưng nếu ngược lại chúng tôi chỉ làm các bạn buồn chán, thì xin các bạn tin chắc rằng không phải chúng tôi đã cố tình làm như vậy.

HẾT

MỤC LỤC

- *Lời giới thiệu* 5

Chương một 13
Chương hai 38
Chương ba 57
Chương bốn 79
Chương năm 99
Chương sáu 121
Chương bảy 141
Chương tám 166
Chương chín 194
Chương mười 221
Chương mười một 251
Chương mười hai 276
Chương mười ba 296
Chương mười bốn 316
Chương mười lăm 339
Chương mười sáu 362
Chương mười bảy 383
Chương mười tám 405

Chương mười chín 426
Chương hai mươi 417
Chương hai mươi mốt 466
Chương hai mươi hai 486
Chương hai mươi ba 503
Chương hai mươi bốn 528
Chương hai mươi lăm 562
Chương hai mươi sáu 582
Chương hai mươi bảy 603
Chương hai mươi tám 627
Chương hai mươi chín 657
Chương ba mươi 677
Chương ba mươi mốt 693
Chương ba mươi hai 718
Chương ba mươi ba 744
Chương ba mươi tư 770
Chương ba mươi lăm 797
Chương ba mươi sáu 815
Chương ba mươi bảy 842
Chương ba mươi tám 861

NHỮNG KẺ ĐÍNH HÔN

ALEXANĐRÔ MANZÔNI

NGUYỄN DUY LẬP *dịch và giới thiệu*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel & Fax: 8222135
E-mail: nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN PHAN HÁCH

Biên tập: LÊ MINH KHUÊ
Trình bày: PHƯỢNG NHI
Vẽ bìa: PHẠM TUẤN
Sửa bản in: MINH THƯ

In 700 cuốn khổ 14,5x20,5cm tại Xí nghiệp in Khí tượng Thủy văn
Giấy đăng kí KHXB số 64/407/XB-QLXB ngày 21/4/2003
In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2003

888

Phú Hà
Đóng sổ sách - Photocopy
E5 Bách Khoa - Tạ Quang Bửu
ĐT: (04) 8682342

45 000

ALEXANĐRÔ MANZÔNI

NHỮNG KẺ ĐÍNH HÔN

DUY LẬP dịch

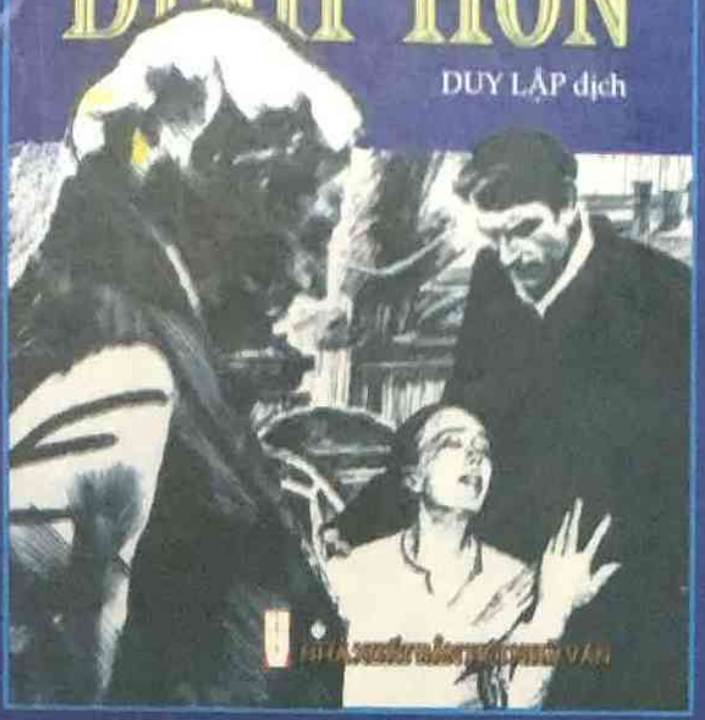

Giá : 88 000 đ